

BẠN CÓ THỂ HIỂU ĐƯỢC KINH THÁNH!

*Phao-lô bị Tù Đày nhưng Tin Lành
Không bị Xiềng Xích
Những Thư Tín trong Tù
(Cô-lô-se, Ê-phê-sô và Phi-lê-môn
Và sau đó, Thư Phi-líp)*

*BOB UTLEY
GIÁO SƯ CHUYÊN NGÀNH GIẢI KINH
(CHÚ GIẢI KINH THÁNH)*

CHUỖI BÀI HỌC HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU GIẢI KINH TÂN ƯỚC, TẬP 2

MARSHALL, TEXAS: BIBLE LESSONS INTERNATIONAL 2001

MỤC LỤC

Lời của tác giả: Tập tài liệu giải kinh này có thể giúp ích gì cho bạn?	i
Hướng dẫn cách đọc Kinh thánh hiệu quả: xác nhận chân lý một cách cá nhân	iii
Những chữ viết tắt dùng trong tập giải kinh này	x
Giải kinh:	
Giới thiệu sách Cô-lô-se	1
Cô-lô-se 1	9
Cô-lô-se 2	42
Cô-lô-se 3	60
Cô-lô-se 4	77
Giới thiệu sách Ê-phê-sô	88
Ê-phê-sô 1	96
Ê-phê-sô 2	124
Ê-phê-sô 3	149
Ê-phê-sô 4	163
Ê-phê-sô 5	183
Ê-phê-sô 6	199
Giới thiệu Phi-lê-môn	215
Phi-lê-môn 1	218
Giới thiệu sách Phi-líp	228
Phi-líp 1	233
Phi-líp 2	255
Phi-líp 3	271
Phi-líp 4	283
Phụ lục 1 Các định nghĩa ngắn gọn về cấu trúc ngữ pháp Hy-lạp.....	294
Phụ lục 2 Phê bình văn bản	302
Phụ lục 3 Từ điển thuật ngữ	305
Phụ lục 4 Lập trường tín lý	314

MỤC LỤC CÁC CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT.

SAI PHÁI (APOSTELLŌ), Cô-lô-se 1:1	10
ĐÁNG MÊ-SI, Cô-lô-se 1:1	11
CÁC THÁNH ĐỒ (<i>hagios</i>), Cô-lô-se 1:2	13
ĐỨC TIN, TIN, TIN CẬY (<i>PISTIS</i> [danh từ], <i>PISTEUŌ</i> , [động từ], <i>PISTOS</i> [tính từ]), Cô-lô-se 1:2	14
ĐỨC CHÚA CHA, Cô-lô-se 1:2	15
CÁC DANH XUNG CỦA ĐÁNG THÁNH, Cô-lô-se 1:3	16
SỰ TRÔNG CẬY (HY VỌNG) (<i>elpis</i>), Cô-lô-se 1:5	20
CÁCH PHAO-LÔ SỬ DỤNG CHỮ <i>KOSMOS</i> (THẾ GIAN), Cô-lô-se 1:6	21
GIA SẢN CỦA TÍN ĐỒ, Cô-lô-se 1:12	25
CON ĐỨC CHÚA TRỜI, Cô-lô-se 1:13	26
GIÁ CHUỘC, SỰ CỨU CHUỘC, Cô-lô-se 1:14	27
“CON ĐÀU LÒNG,” Cô-lô-se 1:15	30
<i>ARCHĒ</i> , Cô-lô-se 1:16	31
HỘI THÁNH (<i>EKKLESIA</i>), Cô-lô-se 1:18	31
SỰ HÒA BÌNH (nhiều nghĩa khác nhau), Cô-lô-se 1:20	33
XÁC THỊT (<i>sarx</i>), Cô-lô-se 1:22	34
KHÔNG THỂ CHÊ TRÁCH, VÔ TỘI, KHÔNG MẶC CẢM TỘI LỖI, KHÔNG THỂ SỈ NHỤC, Cô-lô-se 1:22	35
CHÚA GIÊ-SU VÀ THÁNH LINH, Cô-lô-se 1:26	39
TÂM LÒNG, Cô-lô-se 2:2	43
CHIẾN TRANH TRÊN TRỜI, Cô-lô-se 2:15	51
SỰ DẠN DĨ (<i>PARRHĒSIA</i>), Cô-lô-se 2:15	51
CÁC CƠ ĐỐC NHÂN CÓ NÊN ĐOÁN XÉT LẤN NHAU, Cô-lô-se 2:16	52
HỦY PHÁ, LÀM HOANG TÀN, HƯ HỎNG (<i>PHTHEIRŌ</i>), Cô-lô-se 2:22	56
QUYỀN TỰ DO VÀ TÌNH THẦN TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ-ĐỐC-NHÂN, Cô-lô-se 2:23	57
ĐỨC CHÚA TRỜI ĐƯỢC MÔ TẢ NHƯ CON NGƯỜI (ngôn ngữ tu từ nhân hình), Cô-lô-se 3:1	62
CÁC THUẬT NGỮ TRONG TÂN ƯỚC VỀ SỰ TÁI LÂM CỦA ĐÁNG CHRIST., Cô-lô-se 3:4	63
CÁC THÓI XẤU VÀ NÉT TỐT TRONG TÂN ƯỚC, Cô-lô-se 3:5	65
LỜI NÓI CON NGƯỜI, Cô-lô-se 3:8	67
ĐỔI MỚI (<i>ANAKAINŌSIS</i>), Cô-lô-se 3:10	68
TỆ PHÂN BIỆT CHỨNG TỘI, Cô-lô-se 3:11	68
SỰ RỘNG RÃI /CHÂN THÀNH (<i>HAPLOTES</i>), Cô-lô-se 3:22	76
TẠ ƠN, Cô-lô-se 4:2	78
SỰ CẦU THAY, Cô-lô-se 4:3	81

CÁCH SỬ DỤNG TỪ “CÁNH CỬA” TRONG TÂN ƯỚC, Cô-lô-se 4:3	83
NHỮNG DANH XŨNG CỰU ƯỚC DÀNH CHO ĐÁNG SẼ ĐẾN, Ê-phê-sô 1:1	98
SỰ NÊN THÁNH, Ê-phê-sô 1:1	99
BA NGÔI ĐỨC CHÚA TRỜI, Ê-phê-sô 1:3.....	101
SỰ THÁNH KHIẾT, Ê-phê-sô 1:4	103
THUYẾT TIỀN ĐỊNH (CALVINISM) VỚI Ý CHÍ TỰ DO CON NGƯỜI (ARMINIANISM), Ê-phê-sô 1:5	105
THÌ CỦA CÁC ĐỘNG TỪ HY LẠP DỪNG CHO SỰ CỨU RỖI, Ê-phê-sô 1:7	110
ĐẦY TRÀN, GIA TĂNG (<i>perisseuō</i>), Ê-phê-sô 1:8:	111
Ý MUỐN (<i>thelēma</i>) CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI, Ê-phê-sô 1:9	112
SỰ LỰA CHỌN/TIỀN ĐỊNH VÀ SỰ CẢN THIẾT CÂN BẰNG THẦN HỌC, Ê-phê-sô 1:11	114
‘LỄ THẬT’ TRONG THƯ TÍN PHAO LÔ, Ê-phê-sô 1:13	115
ẤN, Ê-phê-sô 1:13	116
NGÔI VỊ CỦA ĐỨC THÁNH LINH, Ê-phê-sô 1:14	116
CÁCH DÙNG TỪ GHÉP ‘HUPER’ CỦA PHAO LÔ, Ê-phê-sô 1:19	119
ĐỜI NÀY VÀ ĐỜI SẮP ĐẾN, Ê-phê-sô 1:21	121
HIỆN THÂN CỦA ĐIỀU ÁC, Ê-phê-sô 2:2	127
TRỊ VỊ TRONG VƯƠNG QUỐC ĐỨC CHÚA TRỜI, Ê-phê-sô 2:6	130
TIN, TIN CÂY, NIỀM TIN VÀ SỰ TRUNG TÍN TRONG CỰU ƯỚC. (ἰσχυς), Ê-phê-sô 2:8	132
BẰNG CHỨNG TRONG TÂN ƯỚC VỀ SỰ CỨU CHUỘC CỦA MỘT NGƯỜI, Ê-phê-sô 2:8	135
SỰ KHOE MÌNH, Ê-phê-sô 2:9	135
GIAO ƯỚC, Ê-phê-sô 2:12.....	138
SỰ LÀM RA HƯ KHÔNG VÀ TRỐNG RỖNG (<i>katargeō</i>), Ê-phê-sô 2:15.....	140
LUẬT PHÁP MÔI-SE VÀ CƠ ĐỐC NHÂN, Ê-phê-sô 2:15.....	141
TIỀN TRI TRONG TÂN ƯỚC, Ê-phê-sô 2:20	144
VIÊN ĐÁ GÓC NHÀ, Ê-phê-sô 2:20	146
GÂY DỰNG, Ê-phê-sô 2:21-22.....	147
CHƯƠNG TRÌNH CỨU CHUỘC CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI, “ĐIỀU HUYỀN NHIỆM”, Ê-phê-sô 3:3	151
KẾ HOẠCH CỨU CHUỘC ĐỜI ĐỜI CỦA YHWH (ĐỨC GIÊ-HÔ-VA), Ê-phê-sô 3:6	153
SỰ HOẠN NẠN, Ê-phê-sô 3:13	157
SỰ NGỢI KHEN, CẦU NGUYỆN VÀ CẢM TẠ ĐỨC CHÚA TRỜI CỦA PHAO-LÔ, Ê-phê-sô 3:20	160
ĐỜI ĐỜI (THÀNH NGỮ HY LẠP), Ê-phê-sô 3:21	161
CHỮ ‘AMEN’, Ê-phê-sô 3:21	161
ĐƯỢC KÊU GỌI, Ê-phê-sô 4:1	165
THUYẾT ĐỘC THẦN, Ê-phê-sô 4:6	167

CÁC TẦNG TRỜI, Ê-phê-sô 4:10	169
SỰ CÔNG BÌNH, Ê-phê-sô 4:24	175
SỰ GIÀU CÓ, Ê-phê-sô 4:28.....	179
NƯỚC ĐỨC CHÚA TRỜI, Ê-phê-sô 5:5	186
SỰ ĐẦU PHỤC (<i>HYPOTASSŌ</i>), Ê-phê-sô 5:21	191
PHỤ NỮ TRONG KINH THÁNH, Ê-phê-sô 5:21	191
ĐẦU (<i>KEPHALĒ</i>), Ê-phê-sô 5:23	195
PHAO LÔ KHUYÊN VỀ NÔ LỆ, Ê-phê-sô 6:5.....	202
HÃY MẠNH MẼ, Ê-phê-sô 6:10.....	205
ĐÚNG VỮNG (<i>HISTĒMI</i>), Ê-phê-sô 6:11.....	205
CÁC THIÊN SỨ TRONG GIÁO HUẤN CỦA PHAO-LÔ, Ê-phê-sô 6:12.....	207
CÁC THIÊN SỨ VÀ CÁC QUỶ, Ê-phê-sô 6:12.....	207
LỜI CẦU NGUYỆN HIỆU QUẢ, Ê-phê-sô 6:19.....	212
<i>KOINŌNIA</i> (SỰ THÔNG CÔNG), Phi-lê-môn 1:6	221
CÁC THÁNH ĐỒ, Phi-lê-môn 1:7	222
SỰ BỀN ĐỖ, Phi-líp 1:9-11	239
KHÔNG THỂ CHÊ TRÁCH, VÔ TỘI, KHÔNG MẶC CẢM TỘI LỖI, KHÔNG THỂ SỈ NHỤC, Phi-líp 1:10.....	242
LÍNH CANH CÔNG ĐƯỜNG, Phi-líp 1:12	245
NGƯỜI CHẾT Ở ĐÂU?, Phi-líp 1:23.....	249
SỰ THÔNG CÔNG (<i>KOINŌNIA</i>), Phi-líp 2:1	257
SỰ XUNG NHẬN, XUNG TỘI, Phi-líp 2:11	262
CHỮ “THỬ NGHIỆM” TRONG TIẾNG HY LẠP VÀ NHỮNG TỪ CÓ NGHĨA TƯƠNG TỰ, Phi-líp 2:22.....	268
NHỮNG NGƯỜI PHA-RI-SI, Phi-líp 3:6	273
HÌNH THÁI (<i>TUPOS</i>), Phi-líp 3:17.....	280
<i>MARANATHA</i> , Phi-líp 4:5	286
HỘI THÁNH (<i>ekklesia</i>), Phi-líp 4:15.....	291

LỜI CỦA TÁC GIẢ: TẬP TÀI LIỆU GIẢI KINH NÀY CÓ THỂ GIÚP ÍCH GÌ CHO BẠN?

Sự giải nghĩa Kinh thánh là một tiến trình mang tính thuộc linh và lý trí nhằm hiểu được các trước giả ngày xưa được linh cảm với mục đích giúp chúng ta hiểu và áp dụng được sứ điệp của Đức Chúa Trời trong thời đại ngày nay.

Tiến trình mang tính thuộc linh là quan trọng nhưng khó có thể định nghĩa. Nó gồm có sự đầu phục và mở lòng ra trước mặt Chúa. Cần phải có một sự khao khát (1) chính Chúa, (2) được biết Ngài và (3) khao khát được phục vụ Ngài. Tiến trình này cần có sự cầu nguyện, xưng tội và sự bằng lòng thay đổi lối sống của mình. Mặc dù biết rằng Đức Thánh Linh đóng vai trò quan trọng trong tiến trình giải nghĩa, nhưng thật khó hiểu là tại sao cũng là các Cơ-độc nhân chân thật, yêu mến Chúa, nhưng họ lại hiểu Kinh thánh một cách khác nhau.

Tiến trình mang tính lý trí thì dễ diễn tả hơn. Chúng ta phải nhất quán và công bằng đối với mọi bản văn và không được để cho những thành kiến cá nhân hay giáo phái chi phối mình. Chúng ta đều ít nhiều bị ảnh hưởng bởi quá khứ của mình. Không ai là người giải nghĩa Kinh thánh hoàn toàn khách quan và trung dung. Tập tài liệu giải kinh này cung cấp một tiến trình theo lý trí một cách cẩn thận gồm ba nguyên tắc giải nghĩa để giúp chúng ta vượt qua các thành kiến của mình.

Nguyên tắc thứ nhất

Nguyên tắc thứ nhất là để ý đến bối cảnh lịch sử khi sách được viết ra và các dịp tiện mang tính lịch sử đặc biệt liên quan đến tác giả. Tác giả nguyên thủy có một mục đích, một sứ điệp muốn truyền đạt. Bản văn không thể có ý nghĩa mà nó chưa bao giờ có đối với tác giả nguyên thủy, từ ngày xưa được thần cảm. Ý định của tác giả đó – chứ không phải nhu cầu thuộc về lịch sử, cảm xúc, văn hóa, cá nhân và giáo phái- chính là chìa khóa. Việc áp dụng là người anh chị em đi chung với việc giải thích, nhưng sự giải nghĩa thích hợp phải luôn luôn đi trước việc áp dụng. Cần phải nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại rằng mỗi bản Kinh văn đều chỉ có một ý nghĩa và chỉ một mà thôi. Ý nghĩa này là ý nghĩa mà tác giả nguyên thủy đã có ý định truyền đạt cho thời đại của họ dưới sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh. Ý nghĩa duy nhất này có thể có nhiều áp dụng khác nhau cho các văn hóa và tình huống khác nhau. Những áp dụng này phải được nối kết với lẽ thật trọng tâm theo tác giả nguyên thủy. Vì vậy, tập tài liệu này được thiết kế bằng cách cung cấp phần giới thiệu cho mỗi sách trong Kinh thánh.

Nguyên tắc thứ hai

Nguyên tắc thứ hai là xác định các đơn vị ngữ văn. Mỗi sách trong Kinh thánh là một văn bản hợp nhất. Người giải nghĩa không có quyền lấy riêng ra chỉ một khía cạnh của lẽ thật bằng cách bỏ qua các khía cạnh khác. Vì vậy, chúng ta phải cố gắng tìm hiểu mục đích của Toàn sách trước khi phân tích các đơn vị ngữ văn riêng lẻ. Các đơn vị riêng lẻ- đoạn, phân đoạn, hay câu- không thể mang ý nghĩa mà tổng thể của sách đó không có. Việc giải nghĩa phải đi từ phương pháp suy diễn từ tổng thể đến phương pháp quy nạp của từng phần. Do đó, tập tài liệu hướng dẫn này được thiết kế bằng cách giúp người học phân tích cấu trúc của mỗi đơn vị ngữ văn theo từng phân đoạn. Mặc dù các phân đoạn và chia đoạn không được thần cảm nhưng nó giúp chúng ta xác định được các ý tưởng theo từng đơn vị.

Giải nghĩa theo cấp độ từng phân đoạn- không phải từng câu, từng vế, từng cụm từ, hay từng chữ- là chìa khóa để lần theo ý nghĩa mà tác giả Kinh thánh đã định. Các phân đoạn dựa vào một chủ đề hợp nhất, thường gọi là chủ đề hay câu chủ đề. Từng chữ, vế, cụm từ và câu trong các phân đoạn này bằng cách nào đó liên hệ với chủ đề hợp nhất này. Chúng giới hạn chủ đề bàn đến, mở rộng nó, giải thích thêm hoặc chất vấn nó. Chìa khóa thật

sự để đi đến cách giải nghĩa đúng đắn là theo sát ý tưởng của tác giả nguyên thủy trên cơ sở từng phân đoạn một thông qua các đơn vị ngữ văn cấu thành nên Toàn bộ sách. Tập tài liệu hướng dẫn này được thiết kế nhằm giúp người học có thể làm được điều này qua việc đối chiếu các bản dịch Anh ngữ hiện đại. Các bản dịch này được chọn ra bởi vì chúng có những lý thuyết khác nhau về cách dịch:

- A. Bản Hy Lạp của Hội Kinh thánh Liên hiệp (United Bible Society) là bản hiệu đính lần thứ tư (Thánh Kinh Liên hiệp UBS⁴). Bản dịch này được chia đoạn bởi các học giả phê bình bản văn hiện đại.
- B. Bản King Gia-cơ mới (NKJV) là bản dịch sát nghĩa theo từng chữ dựa trên bản thảo truyền thống gọi là bản tiêu chuẩn (the Textus Receptus). Các phân đoạn của nó dài hơn so với các bản dịch khác. Các đơn vị dài hơn này giúp người học thấy được các chủ đề mang tính hợp nhất.
- C. Bản hiệu đính tiêu chuẩn (the New Revised Standard Version) là bản dịch theo từng chữ có bổ sung. Nó nằm ở điểm giữa so với hai bản hiện đại sẽ trình bày sau đây. Cách phân chia đoạn của nó giúp góp phần xác định được các chủ đề.
- D. Bản tiếng Anh ngày nay (the Today's English Version) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển được xuất bản bởi Hội Kinh thánh Liên Hiệp (the United Bible Society). Nó cố gắng dịch sao cho người đọc và nói tiếng Anh ngày nay có thể hiểu được bản văn tiếng Hy Lạp. Đặc biệt trong các sách Phúc âm, thông thường nó chia đoạn theo người nói chứ không phải theo chủ đề, cũng giống như bản NICAU Nếu dùng để giải nghĩa, nó không có lợi. Để ý thấy thật thú vị khi cả hai bản dịch Thánh Kinh Liên hiệp UBS⁴ và TEV đều được xuất bản bởi một cơ quan nhưng cách chia đoạn của nó lại khác nhau.
- E. Bản Giê-ru-sa-lem Bible (JB) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển dựa trên bản dịch tiếng Pháp của Công giáo. Nó giúp ích rất nhiều cho việc đối chiếu các cách phân đoạn từ quan điểm của Âu châu.
- F. Bản in sử dụng trong tập sách này là bản NASB được cập nhật năm 1995, là một bản dịch sát theo từng chữ. Các chú giải từng câu đều theo cách chia đoạn của bản dịch này.

Nguyên tắc thứ ba

Nguyên tắc thứ ba là đọc Kinh thánh qua nhiều bản dịch khác nhau để nắm được tầm ý nghĩa rộng nhất (thuộc lĩnh vực ngữ nghĩa) mà từng chữ hoặc từng cụm từ có thể có. Thông thường một chữ hay một cụm từ tiếng Hy Lạp có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Các bản dịch này cho thấy được những chọn lựa này và giúp xác định và giải thích một số khác biệt trong các bản thảo tiếng Hy Lạp. Những điều này không ảnh hưởng đến tín lý nhưng nó giúp chúng ta trở về với nguyên bản viết bởi các tác giả từ xưa được thần cảm.

Tập tài liệu này cung cấp cho người học một cách tiện lợi để kiểm tra các giải nghĩa của họ. Nó không nhằm đưa ra cách giải nghĩa cuối cùng, nhưng chỉ nhằm cung cấp thông tin và gợi suy nghĩ. Thông thường, các cách giải nghĩa khác giúp chúng ta không quá địa phương cục bộ, quá giáo điều, hay theo tinh thần hệ phái quá mức. Người giải nghĩa cần có một phạm vi giải nghĩa rộng đủ để nhìn nhận sự không rõ ràng mà các bản cổ có thể có. Thật là một cú sốc khi thấy trong vòng các Cơ-đốc nhân không có sự đồng ý với nhau trong khi họ đều cho rằng Kinh thánh là nguồn của lẽ thật.

Các nguyên tắc này đã giúp tôi vượt qua được khá nhiều điều kiện lịch sử quá khứ của cá nhân tôi vì nó đã buộc tôi phải trấn trở với bản văn cổ. Tôi hy vọng nó cũng sẽ là một điều phước hạnh cho quý vị.

Bob Utley

*Trường đại học East Texas Baptist
Ngày 27 tháng 6 năm 1996*

HƯỚNG DẪN THÓI QUEN ĐỌC KINH THÁNH HIỆU QUẢ: CUỘC TÌM KIẾM LỄ THẬT KIẾM CHỨNG ĐƯỢC CỦA CÁ NHÂN

Chúng ta có thể biết lễ thật được không? Nó ở đâu? Làm thế nào để xác minh nó một cách hợp lý? Có một thẩm quyền tối hậu hay không? Có những giá trị tuyệt đối hướng dẫn đời sống chúng ta, thế giới chúng ta đang sống hay không? Có ý nghĩa cho cuộc đời này không? Tại sao chúng ta lại ở trên thế giới này? Rồi chúng ta đi đâu? Những câu hỏi này- những câu hỏi mà mọi người có lý trí đều phải suy nghĩ đến- đã ám ảnh các nhà trí thức của nhân loại ngay từ buổi ban đầu (Truyền đạo 1:13-18; 3:9-11). Tôi nhớ lại cuộc tìm kiếm của cá nhân tôi về một trung tâm kết nối tất cả mọi sự cho cuộc đời tôi. Tôi tin Chúa khi còn rất nhỏ, nhờ vào sự làm chứng của những người có vai vế trong gia đình tôi. Khi tôi lớn lên, những câu hỏi về chính tôi và thế giới xung quanh tôi cũng lớn dần. Những câu hỏi xưa cũ trong văn hóa và tôn giáo không đem lại ý nghĩa gì đối với những kinh nghiệm cuộc sống tôi biết đến hoặc từng đối diện. Có lúc tôi cảm thấy rối bời, tìm kiếm, ngóng trông và cảm thấy vô vọng trước một thế giới quá khắc khổ, lạnh nhạt mà tôi đang sống.

Nhiều người tuyên bố có câu trả lời cho những câu hỏi trên, nhưng sau khi tự nghiên cứu và suy nghĩ lại, tôi thấy những câu trả lời của họ dựa vào (1) các triết lý sống cá nhân, (2) các huyền thoại xa xưa, (3) những kinh nghiệm cá nhân, hay là (4) các ý nghĩ ảnh hưởng bởi tâm lý. Tôi cần một mức độ có thể kiểm chứng được, tôi cần bằng chứng, cần lý luận để có thể đặt lên nó Toàn bộ thế giới quan của tôi, một trung tâm kết nối tất cả, một lễ sống cho cuộc đời.

Tôi tìm thấy những điều này qua việc học Kinh thánh. Tôi bắt đầu tìm kiếm những bằng chứng về sự đáng tin cậy của nó và tôi đã tìm thấy nó trong (1) sự đáng tin cậy về lịch sử của Kinh thánh xác nhận bởi khảo cổ học, (2) sự chính xác của những lời tiên tri trong Cựu ước, (3) sự thống nhất của Toàn bộ sứ điệp Thánh Kinh qua hơn 1.600 năm hình thành và (4) những lời làm chứng cá nhân của những con người mà cuộc đời đã được thay đổi vĩnh viễn bởi tiếp xúc với Kinh thánh. Cơ-đốc giáo, một hệ thống hợp nhất trong đức tin và niềm tin, có khả năng đối diện với các câu hỏi hóc búa nhất về cuộc sống của con người. Điều này không những đem lại cho tôi một bộ khung lý trí, nhưng phương diện thực nghiệm của đức tin theo Kinh thánh cũng đã đem lại cho tôi niềm vui và sự vững vàng không lay động trong cảm xúc.

Tôi nghĩ tôi đã tìm thấy được cái trung tâm kết nối mọi sự của đời tôi- Đấng Christ, như đã trình bày trong Kinh thánh. Đó là một kinh nghiệm nóng nảy, một sự giãn xả cảm xúc. Tuy vậy, tôi vẫn còn nhớ đã bị sốc và đau khi tôi bắt đầu thấy ra có quá nhiều sự giải thích cho chỉ một cuốn Kinh thánh này, có khi ngay cả trong cùng một hội thánh hay cùng một trường phái. Việc xác minh sự thần cảm và đáng tin cậy của Kinh thánh không phải là hết, đó chỉ là sự bắt đầu. Làm thế nào để tôi xác minh hay bác bỏ những sự giải nghĩa khác nhau và kinh chống nhau về những phân đoạn khó trong Kinh thánh bởi những người tuyên bố tin vào thẩm quyền và tính đáng tin cậy của nó?

Nhiệm vụ này trở thành mục tiêu của đời tôi và cũng là hành trình đức tin của tôi. Tôi biết rằng đức tin nơi Đấng Christ đã đem lại cho tôi niềm vui và sự bình an không kể xiết. Tâm trí tôi mong tìm thấy được các giá trị tuyệt đối giữa một thế giới theo chủ thuyết tương đối và chủ nghĩa giáo điều trong các hệ thống tôn giáo kinh chống nhau cũng như những sự kiên cố về hệ phái của mình. Khi tôi đi tìm một phương pháp thích hợp để giải nghĩa các thể loại văn chương xa xưa, tôi ngạc nhiên phát hiện ra những thành kiến của riêng tôi xuất phát từ quá khứ của mình, từ văn hóa, hệ phái và kinh nghiệm riêng của tôi. Tôi đã từng đọc Kinh thánh để củng cố quan điểm riêng của tôi. Tôi đã từng lấy nó làm cơ sở cho những giáo điều để tấn công người khác trong khi tự trấn an mình về những sự bất an và thiếu hụt của chính mình. Rất đau đớn khi tôi nhận ra những điều này!

Mặc dù tôi không bao giờ có thể hoàn toàn khách quan, nhưng tôi có thể trở nên một người đọc Kinh thánh đúng nghĩa hơn. Tôi có thể hạn chế những thành kiến của mình bằng việc xác định được chúng và công nhận sự hiện diện của chúng. Tôi chưa thể hoàn toàn dứt khỏi những điều này, nhưng tôi đã đối diện với những khiếm khuyết của mình. Người giải nghĩa thường là kẻ thù số một trong nỗ lực đọc Kinh thánh hiệu quả!

Tôi sẽ liệt kê ra một số giả định khi tôi tiếp cận việc học Kinh thánh, để anh chị em, người đọc, có thể cùng kiểm điểm theo với tôi:

I. Các giả định

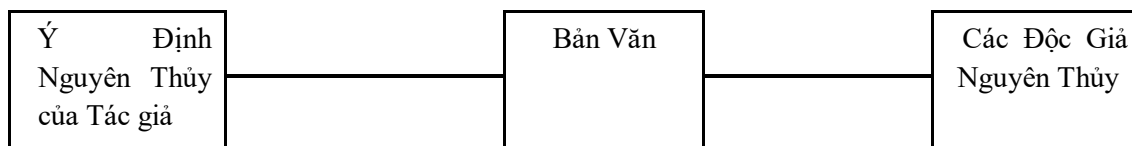
- A. Tôi tin Kinh thánh là sự tự mặc khải duy nhất từ một Đức Chúa Trời chân thật. Vì vậy, nó phải được giải nghĩa trong ánh sáng của ý định từ tác giả nguyên thủy thông qua các trước giả loài người trong bối cảnh lịch sử cụ thể.
- B. Tôi tin Kinh thánh được viết ra cho người bình dân- cho tất cả mọi người! Đức Chúa Trời đã tự hạ xuống để có thể trò chuyện với chúng ta một cách rõ ràng qua một bối cảnh lịch sử và văn hóa nhất định. Chúa không giấu giếm lẽ thật- Ngài muốn chúng ta hiểu biết lẽ thật! Vì vậy, Kinh thánh phải được giải nghĩa trong sự soi sáng của thời kỳ Kinh thánh, chứ không phải của chúng ta. Kinh thánh không nên có những ý nghĩa mà nó chưa từng bao giờ có đối với những người ngày xưa đã đọc hoặc nghe nó lần đầu tiên. Nó có thể dễ hiểu đối với một trí óc con người trung bình và nó sử dụng các loại truyền thông hoặc kỹ thuật bình thường của con người.
- C. Tôi tin Kinh thánh có một sứ điệp và mục đích thống nhất. Nó không tự mâu thuẫn, mặc dù nó có những đoạn khó hiểu hoặc nghịch lý. Vì vậy, người giải nghĩa số một của Kinh thánh là chính Kinh thánh.
- D. Tôi tin mỗi phân đoạn (ngoại trừ các lời tiên tri) có một và chỉ một ý nghĩa mà thôi dựa vào ý định của tác giả nguyên thủy được thần cảm. Mặc dù chúng ta không bao giờ chắc chắn rằng chúng ta biết được đích xác ý định của tác giả, nhưng có nhiều dấu hiệu chỉ về hướng đó:
 1. Thể loại văn chương được chọn để diễn tả sứ điệp đó
 2. Bối cảnh lịch sử hoặc/và trường hợp cụ thể khiến viết lên một cuốn sách nào đó
 3. Bối cảnh ngữ văn của Toàn sách cũng như từng đơn vị ngữ văn một
 4. Cách sắp xếp bản văn của những đơn vị ngữ văn khi nó cùng liên hệ đến một sứ điệp tổng thể
 5. Các đặc điểm văn phạm cụ thể dùng để chuyển tải sứ điệp
 6. Những từ ngữ dùng để trình bày sứ điệp

Việc nghiên cứu từng khía cạnh như thế này trở thành đối tượng của việc nghiên cứu từng phân đoạn của chúng ta. Trước khi tôi giải thích phương pháp đọc Kinh thánh hiệu quả, tôi xin phác họa một vài phương pháp không thích hợp đang được sử dụng ngày nay dẫn đến tính muôn màu muôn vẻ trong cách giải nghĩa, là điều rất lại cần phải tránh:

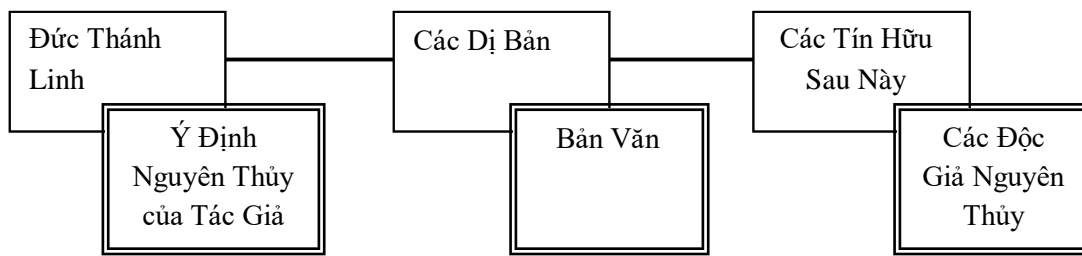
II. Các phương pháp không thích hợp

- A. Lờ đi bối cảnh ngữ văn của các sách trong Kinh thánh và sử dụng các câu, cụm từ, hoặc ngay cả từng từ ngữ riêng lẻ và kể nó là các lời tuyên bố của lẽ thật nhưng không liên hệ đến ý định hoặc bối cảnh rộng hơn của tác giả. Cách này thường được gọi là “dò bản văn” (proof-texting).
- B. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của các sách này bằng cách thay thế nó bằng một bối cảnh lịch sử khác không có hoặc chỉ có rất ít hậu thuẫn từ bản văn.
- C. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của các sách này và đọc nó như một tờ báo địa phương buổi sáng viết cho các Cơ-đốc nhân ngày nay.
- D. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của sách này bằng cách ngụ ngôn hóa bản văn thành một sứ điệp thuộc về triết lý hay thần học hoàn toàn không liên hệ đến những thánh giả ban đầu cũng như ý định nguyên thủy của tác giả.
- E. Làm ngơ sứ điệp nguyên thủy bằng cách thay thế nó bằng một hệ thống thần học riêng của mình, một giáo lý được ưa chuộng, hay một vấn đề đương thời không liên hệ đến mục đích và sứ điệp của tác giả nguyên thủy. Hiện tượng này thường theo sau việc lấy việc đọc Kinh thánh để thiết lập thẩm quyền cho mình. Người ta thường gọi nó là “theo phản ứng của độc giả” (lỗi giải nghĩa “bản văn có ý nghĩa gì đối với tôi”).

Ít nhất có ba yếu tố liên hệ với nhau trong bất cứ một thông tin viết tay nào của con người:



Trong quá khứ có nhiều phương pháp đọc khác nhau tập trung vào chỉ một trong các yếu tố này. Nhưng để thật sự công nhận tính thần cảm đặc biệt của Kinh thánh, biểu đồ được bổ sung sau đây có thể thích hợp hơn:



Thật sự ba yếu tố này cần phải có trong quá trình giải nghĩa. Để kiểm chứng lại tiến trình giải nghĩa này, tôi tập trung vào hai yếu tố đầu: ý định nguyên thủy của tác giả và bản văn. Tôi thật sự có phản ứng với những cách giải nghĩa kiểu lạm dụng mà tôi thường bắt gặp: (1) ngụ ngôn hóa hay thuộc linh hóa các bản văn và (2) kiểu giải nghĩa “theo phản ứng độc giả” (bản văn này có ý nghĩa gì đối với tôi). Sự lạm dụng có thể xảy ra ở cả hai chạng. Chúng ta phải kiểm tra động cơ, thành kiến, phương pháp và cách áp dụng của mình. Nhưng làm thế nào để kiểm tra nếu không có một giới hạn này, một tiêu chuẩn nào, một đường ranh nào cho việc giải nghĩa? Ý định của tác giả và cấu trúc bản văn cung cấp cho tôi một số tiêu chuẩn để giới hạn phạm vi giải nghĩa hợp lý của bản văn.

III. Các phương pháp khả dĩ dẫn đến việc đọc Kinh thánh có hiệu quả

Tại đây tôi không bàn đến các phương pháp khác nhau để giải nghĩa từng thể loại văn chương nhưng chỉ đưa ra các nguyên tắc giải kinh tổng quát thích hợp cho tất cả các thể loại văn bản. Một cuốn sách rất tốt giúp ích cho việc tiếp cận các thể loại văn chương khác nhau là cuốn *How to Read the Bible for All Its Worth*, của Gordon Fee và Douglas Stuart, xuất bản bởi nhà xuất bản Zondervan.

Phương pháp của tôi tập trung đầu tiên vào người đọc, là người để cho Đức Thánh Linh soi sáng lẽ thật Kinh thánh qua bốn chu kỳ đọc cá nhân. Điều này làm cho Đức Thánh Linh, bản văn và người đọc trở nên yếu tố chính, không phải là yếu tố phụ. Điều này cũng bảo vệ người đọc khỏi những ảnh hưởng thái quá từ các nhà giải kinh. Tôi đã từng nghe nhiều người nói: “Kinh thánh làm cho tôi hiểu các sách giải kinh nhiều hơn.” Đây không phải là câu nói hạ thấp giá trị của các phương tiện trợ giúp cho việc nghiên cứu, nhưng đúng hơn là lời khản nài sử dụng nó một cách đúng thời điểm.

Chúng ta phải có khả năng hỗ trợ những giải nghĩa của mình từ chính bản văn. Năm phương diện sau đây cung cấp ít nhất một sự kiểm chứng có giới hạn:

1. Tác giả
 - a. Bối cảnh lịch sử
 - b. Bối cảnh văn chương
2. sự lựa chọn hình thức văn chương
 - a. Cấu trúc ngữ pháp
 - b. Cách dùng từ ngày nay
 - c. Thể loại văn chương
3. sự hiểu biết của chúng ta về
 - a. Các phân đoạn song song có liên quan
 - b. Mối liên hệ giữa các giáo lý thần học (ngịch lý)

Chúng ta cần có khả năng đưa ra lý lẽ và lập luận ủng hộ cho cách giải thích của mình. Kinh thánh là nguồn duy nhất của chúng ta trên phương diện đức tin và thực hành. Đáng buồn thay, nhiều Cơ-đốc nhân thường bắt đồng những điều Kinh thánh dạy hay xác nhận.

Bốn chu kỳ đọc Kinh thánh được thiết kế nhằm cung cấp một số ý cho việc giải nghĩa như sau :

- A. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ nhất
 1. Đọc qua hết sách trong một lần đọc. Đọc lại lần nữa từ một bản dịch khác, hy vọng đây là một bản dịch theo một triết lý khác
 - a. Dịch sát từng chữ (bản NKJV, NASB, NRSV)
 - b. Dịch tương đương, uyển chuyển (TEV, JB)
 - c. Dịch theo lối diễn ý (Living Bible, Amplified Bible, Bản Diễn Ý)
 2. Tìm mục đích trọng tâm của Toàn bộ sách. Xác định chủ đề chính.
 3. Tách (nếu có thể) các đơn vị ngữ văn ra, từng chương, từng đoạn, hay từng câu là những đơn vị phản ánh rõ ràng trọng tâm hay chủ đề chính này.
 4. Xác định thể loại văn chương chủ yếu

- a. Các sách Cựu Ước
 - (1) Văn tường thuật Hy bá lai
 - (2) Văn thơ Hy bá lai (các văn chương khôn ngoan, thi thiên)
 - (3) Lời tiên tri Hy bá lai (văn xuôi, văn vắn)
 - (4) Các luật lệ
 - b. Các sách Tân Ước
 - (1) Văn tường thuật (Các sách Phúc âm, Công Vụ)
 - (2) Các ví dụ (Các sách Phúc âm)
 - (3) Thư tín
 - (4) Khải thị
- B. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ hai
1. Đọc Toàn bộ sách một lần nữa, cố gắng xác định các chủ đề hay vấn đề chính
 2. Lập dàn ý các chủ đề chính và ghi lại một số nội dung chính trong một câu ngắn gọn
 3. Kiểm tra lại câu chủ đề và dàn ý tổng quát trong các sách nghiên cứu khác
- C. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ ba
1. Đọc Toàn bộ sách một lần nữa, cố gắng xác định bối cảnh lịch sử và các dịp tiện đặc biệt làm lý do để viết sách này
 2. Liệt kê ra các mục thuộc về lịch sử trong sách đang đọc
 - a. Tác giả
 - b. Thời điểm
 - c. Người nhận
 - d. Lý do cụ thể viết sách này
 - e. Các bối cảnh văn hóa liên hệ đến mục đích của việc viết sách này
 - f. Các đối chiếu trong lịch sử liên quan đến con người và các sự kiện
 3. Mở rộng dàn ý bằng cách viết lại thành đoạn văn hoàn chỉnh cho phần đoạn Kinh thánh mà anh chị em sẽ giải nghĩa. Luôn luôn xác định và lập dàn ý cho các đơn vị ngữ văn. Nó có thể là vài chương hay vài phần đoạn. Cách này giúp anh chị em theo dõi được lập luận và cách trình bày văn bản của tác giả nguyên thủy.
 4. Kiểm tra lại bối cảnh lịch sử từ các sách nghiên cứu khác
- D. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ tư
1. Đọc lại đơn vị ngữ văn đang nghiên cứu từ nhiều bản dịch khác
 - a. Dịch sát từng chữ (bản NKJV, NASB, NRSV)
 - b. Dịch tương đương, uyển chuyển (TEV, JB)
 - c. Dịch theo lối diễn ý (Living Bible, Amplified Bible, Bản Diễn Ý)
 2. Tìm kiếm các cấu trúc ngữ pháp và văn chương
 - a. Các cụm từ lặp đi lặp lại, Êphêsô 1:6, 12, 13
 - b. Các cấu trúc ngữ pháp lặp đi lặp lại, Rôma 8:31
 - c. Các khái niệm tương phản
 3. Liệt kê những mục sau đây
 - a. Các từ ngữ quan trọng
 - b. Các từ ngữ bất thường
 - c. Các cấu trúc ngữ pháp quan trọng
 - d. Các từ ngữ, về câu, hay câu văn khó hiểu
 4. Tìm các phần đoạn song song tương đương
 - a. Tra xem phần đoạn Kinh thánh dạy rõ ràng nhất về chủ đề anh chị em đang nghiên cứu
 - (1) Các sách “thần học hệ thống”
 - (2) Các Kinh thánh đối chiếu
 - (3) Kinh thánh phù dẫn
 - b. Tìm một cặp nghịch lý (paradoxical pair) trong chủ đề anh chị em nghiên cứu. Nhiều lẽ thật Kinh thánh được trình bày theo các cặp biện chứng (dialectical pairs); các mâu thuẫn trong các hệ phái thường đến từ cách dò bản văn (proof-texting) chỉ phân nửa vấn đề được trình bày trong Kinh thánh. Vì Toàn bộ Kinh thánh đều được linh cảm, chúng ta phải tìm kiếm sự điệp trọn vẹn của nó để cung cấp một sự cân bằng về Kinh thánh trong cách giải nghĩa của mình.
 - c. Tìm xem các phần đoạn tương đương trong cùng một sách, cùng một tác giả, hay cùng một thể loại văn chương; Kinh thánh tự nó là người giải nghĩa số một bởi vì nó có một tác giả duy nhất

đó là chính Đức Thánh Linh.

5. Dùng sách nghiên cứu kiểm tra lại quan sát của anh chị em về bối cảnh lịch sử và các dịp tiện
 - a. Các Kinh thánh có phần nghiên cứu
 - b. Các tự điển bách khoa Kinh thánh, cẩm nang Kinh thánh hay tự điển Kinh thánh
 - c. Các sách nhập môn Kinh thánh
 - d. Các sách giải kinh (trong tiến trình nghiên cứu của anh chị em đến thời điểm này, anh chị em nên cho phép cộng đồng đức tin thời quá khứ và hiện tại, tham gia vào việc trợ giúp và chỉnh sửa công trình nghiên cứu cá nhân của anh chị em).

IV. Phần Áp Dụng Sau Khi Giải Nghĩa

Tại đây chúng ta xoay qua phần áp dụng. Anh chị em đã dành thì giờ để tìm hiểu bản văn trong bối cảnh nguyên thủy của nó; bây giờ anh chị em phải áp dụng nó trong cuộc sống của anh chị em, văn hóa của anh chị em. Tôi định nghĩa thẩm quyền của Kinh thánh là “nhận biết điều mà tác giả nguyên thủy muốn nói cho thời của ông và áp dụng lẽ thật đó cho thời chúng ta.”

Phần áp dụng phải theo sau phần giải nghĩa ý định nguyên thủy của tác giả cả xét về thời điểm lẫn cách lập luận. Chúng ta không thể áp dụng một phân đoạn Kinh thánh cho thời của chúng ta ngày nay khi chúng ta chưa hiểu nó nói gì cho thời đại của nó! Một phân đoạn Kinh thánh không thể có ý nghĩa mà nó chưa bao giờ có từ trước!

Dàn ý chi tiết của anh chị em và phân dàn ý viết thành đoạn (chu kỳ đọc thứ ba) sẽ là người dẫn đường cho anh chị em. Phần áp dụng phải được rút ra từ cấp phân đoạn chứ không phải từ từng chữ riêng lẻ. Từ ngữ chỉ có nghĩa trong bối cảnh riêng của nó mà thôi. Người được linh cảm duy nhất trong tiến trình giải nghĩa là chính tác giả nguyên thủy. Chúng ta chỉ theo sự dẫn đường của người này dưới sự soi sáng của Đức Thánh Linh. Nhưng sự soi sáng không phải là linh cảm. Để có thể nói, “Đức Chúa Trời có phán như vậy,” chúng ta phải buộc mình theo ý định của tác giả nguyên thủy. Phần áp dụng phải liên hệ cụ thể đến ý tưởng chung của Toàn bộ sách, của từng đơn vị ngữ văn và từng ý tưởng phá triển ở cấp phân đoạn.

Đừng để các vấn đề của thời đại chúng ta xen vào giải nghĩa Kinh thánh; hãy để tự Kinh thánh nói! Điều này đòi hỏi chúng ta phải rút ra các nguyên tắc từ bản văn. Nếu bản văn hỗ trợ cho nguyên tắc đó, thì điều đó là hợp lý. Thật không hay chút nào vì nhiều khi các nguyên tắc của chúng ta chỉ là ‘của chúng ta,’ mà không phải là của Kinh thánh.

Khi áp dụng Kinh thánh, cần phải nhớ rằng một và chỉ một ý nghĩa duy nhất tương ứng với một phân đoạn Kinh thánh cụ thể (trừ các lời tiên tri). Ý nghĩa nó liên hệ đến ý định của tác giả nguyên thủy khi người này đề cập đến một vấn nạn hay một nhu cầu của thời đại ông ta. Nhiều áp dụng có thể được rút ra từ một ý nghĩa này. Phần áp dụng sẽ dựa vào nhu cầu của người nhận nhưng phải liên hệ đến ý nghĩa của tác giả nguyên thủy.

V. Yếu Tố Thuộc Linh Của Việc Giải Nghĩa

Những phần trước cho đến giờ, tôi bàn đến tiến trình lô-gích trong việc giải nghĩa và áp dụng Kinh thánh. Bây giờ tôi sẽ đề cập ngắn gọn đến phương diện thuộc linh của việc giải nghĩa Kinh thánh. Những mục kiểm tra sau đây đã giúp ích cho tôi:

- A. Cầu xin sự giúp đỡ của Đức Thánh Linh (xem I Cô-rinh-tô 1:26-2:16).
- B. Cầu xin Chúa tha tội và tẩy rửa những tội lỗi biết được (I Giăng 1:9).
- C. Cầu xin sự khao khát biết Chúa càng hơn (Thi thiên 19:7-14; 42:1 và tiếp theo; 119: 1 và tiếp theo).
- D. Áp dụng những ý tưởng sâu sắc vào cuộc sống của anh chị em ngay lập tức
- E. Luôn khiêm nhường và chịu học hỏi

Khó mà giữ được sự quân bình giữa tiến trình lô-gích và sự hướng dẫn thuộc linh của Đức Thánh Linh.

Những câu nói sau đây đã giúp tôi giữ được sự quân bình này:

- A. Trích từ sách *Scripture Twisting*, của Gia-cơ Sire, trang 17-18:
“Sự soi sáng đến với trí óc của dân sự Đức Chúa Trời- nó không chỉ đến với những người được tuyển lựa thuộc linh. Không có thành phần bậc thầy trong Cơ-đốc giáo theo Kinh thánh, không có những người đặc biệt được soi sáng, không có những người mà tất cả các sự giải thích hợp lý phải thông qua họ. Và vì vậy, mặc dù Đức Thánh Linh ban các ân tứ đặc biệt về sự khôn ngoan, tri thức và phân biệt thuộc linh cho một số người, Ngài không giao cho các Cơ-đốc nhân tài năng này quyền làm những người duy nhất có thẩm quyền giải nghĩa lời của Ngài. Điều này hoàn toàn tùy thuộc vào dân sự của Ngài muốn học, muốn

xem xét và phân biệt các vấn đề chiếu theo Kinh thánh là quyền sách đứng làm thẩm quyền ngay cả đối với những người Chúa cho có những khả năng đặc biệt. Tóm lại, giả định mà tôi muốn nêu ra trong Toàn bộ tập sách này là Kinh thánh là mặc khải thật của Đức Chúa Trời cho Toàn thể nhân loại, Kinh thánh là thẩm quyền tuyệt đối của chúng ta trên tất cả các vấn đề mà nó nói đến và nó không phải là một điều gì đó hoàn toàn huyền bí nhưng những người bình dân ở mọi văn hóa đều có thể hiểu được.”

B. Trích từ *Protestant Biblical Interpretation*, của Bernard Ramm, khi nói về Kierkegaard, trang 75:

Theo Kierkegaard việc nghiên cứu Kinh thánh trên phương diện ngữ pháp, từ vựng và lịch sử là điều cần thiết nhưng đó chỉ là mở đầu cho việc thật sự đọc Kinh thánh. “Để đọc Kinh thánh như là lời Đức Chúa Trời một người phải đọc nó với tấm lòng nơi cửa miệng, với sự hớn hở trông mong, trong cuộc đối thoại với Đức Chúa Trời. Đọc Kinh thánh một cách vô ý, cầu thả, theo kiểu học giả hay nhà nghề thì không phải là đọc lời Đức Chúa Trời. Khi một người đọc lời Chúa như đọc bức thư tình, người đó đang đọc lời Đức Chúa Trời.”

C. Trích từ *The Relevance of the Bible*, của H.H. Rowley, trang 19:

“Không có một sự hiểu biết Kinh thánh đơn thuần theo trí thức nào, cho dù có đầy đủ đến đâu, có thể sở hữu được tất cả các châu báu của nó. Nó không khinh thường những sự hiểu biết này, vì đây là điều cần để có thể hiểu một cách hoàn chỉnh. Nhưng nó phải dẫn đến sự hiểu biết thuộc linh của các châu báu thuộc linh trong sách đó nếu nó muốn trở nên hoàn chỉnh. Và để có thể hiểu các vấn đề thuộc linh như vậy, thì điều gì đó cao hơn sự nhạy bén về trí thức là cần thiết. Các vấn đề thuộc linh được nhận biết theo cách thuộc linh và mỗi người học Kinh thánh đều cần có thái độ đón nhận thuộc linh, một sự ham thích tìm thấy Chúa dẫn đến việc người đó tự đầu phục Ngài, nếu người đó muốn vượt qua tầm nghiên cứu theo tính chất khoa học của mình để đi đến một sự thừa hưởng giàu có hơn về điều cao quý nhất trong tất cả các sách này.”

VI. Phương Pháp Sử Dụng Trong Tập Sách Đây

Tập Hướng Dẫn Nghiên Cứu Giải Kinh được thiết kế nhằm giúp anh chị em trong quá trình giải nghĩa Kinh thánh qua các cách sau:

- A. Một dàn ý lịch sử ngắn được giới thiệu ở mỗi sách. Sau khi anh chị em đã thực hiện “chu kỳ đọc thứ ba” anh chị em nên kiểm tra lại thông tin này.
- B. Các nhận xét sâu sắc về bối cảnh được trình bày ở đầu mỗi chương. Điều này giúp anh chị em thấy các đơn vị ngữ văn nối kết nhau như thế nào.
- C. Ở đầu mỗi chương hay ở các đơn vị ngữ văn chính, các phần chia đoạn và tiêu đề được trình bày từ nhiều bản dịch khác nhau:

1. Bản United Bible Society, bản Hy Lạp, hiệu đính lần thứ tư (Thánh Kinh Liên hội UBS⁴)
2. Bản New American Standard Bible, cập nhật năm 1995 (NASB)
3. Bản New King Gia-cơ Version (NKJV)
4. Bản New Revised Standard Version (NRSV)
5. Bản Today’s English Version (TEV)
6. Bản the New Giê-ru-sa-lem Bible (NJB)

Các cách chia đoạn không được linh cảm. Chúng phải được xác nhận từ bối cảnh của nó. Bằng cách đối chiếu các bản dịch hiện đại từ các lý thuyết dịch và quan điểm thần học khác nhau, chúng ta có thể phân tích được cấu trúc ý tưởng giả định là đúng từ tác giả nguyên thủy. Mỗi phân đoạn có một lẽ thật chính. Điều này còn được gọi là “câu chủ đề” hay “ý tưởng trọng tâm của bản văn.” Ý tưởng hợp nhất này là chìa khóa dẫn đến sự giải nghĩa hợp lý về mặt lịch sử và văn phạm. Không một người nào nên giải nghĩa, giảng hay dạy dựa trên một đơn vị ít hơn là một phân đoạn! Cũng nên nhớ rằng mỗi phân đoạn đều liên hệ đến các phân đoạn xung quanh nó. Điều này giải thích tại sao việc lập dàn ý ở cấp độ phân đoạn

cho Toàn bộ sách là quan trọng. Chúng ta phải có khả năng theo dõi được sự phát triển ý tưởng một cách lôgic về một chủ đề do tác giả nguyên thủy được sự linh cảm trình bày.

- D. Các chú thích của Bob đi theo phương pháp giải nghĩa theo từng câu. Điều này buộc chúng ta phải đi theo ý tưởng của tác giả nguyên thủy. Các chú thích này cung cấp thông tin thuộc về các lãnh vực sau:
 1. Bối cảnh ngữ văn
 2. Các nhận xét sâu sắc về lịch sử và văn hóa

3. Các thông tin ngữ pháp
 4. Các nghiên cứu theo từ
 5. Các đoạn Kinh thánh tương ứng
- E. Ở một số chỗ trong tập giải nghĩa này, phần bản văn in theo bản New American Standard Version (cập nhật năm 1995) sẽ được bổ sung bằng các bản dịch hiện đại khác:
1. Bản Kinh James mới (NKJV) là bản dịch dựa trên bản thảo truyền thống gọi là bản tiêu chuẩn (the Textus Receptus).
 2. Bản hiệu đính tiêu chuẩn (the New Revised Standard Version) là bản dịch theo từng chữ được xuất bản bởi National Council of Churches of the Revised Standard Version.
 3. Bản tiếng Anh ngày nay (the Today's English Version) là một bản dịch tương đương và uyên chuyên xuất bản bởi American Bible Society.
 4. Bản Giê-ru-sa-lem Bible (JB) là một bản dịch tiếng Anh dựa trên bản dịch tiếng Pháp của Công giáo.
- F. Đối với những người không biết tiếng Hy Lạp, việc đối chiếu các bản dịch Anh ngữ giúp xác định được một số vấn đề trong bản văn:
1. Các dị bản
 2. Cách sử dụng từ
 3. Các bản văn và cấu trúc ngữ pháp khó
 4. Các bản văn không rõ ý
 5. Ở cuối mỗi chương đều có các câu hỏi thảo luận liên quan đến vấn đề, được cung cấp để hướng đến một số vấn đề giải thích chính trong đoạn đó.

NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT DÙNG TRONG TẬP GIẢI KINH NÀY

AB	<i>Anchor Bible Commentaries</i> , ed. William Foxwell Albright and David Noel Freedman
ABD	<i>Anchor Bible Dictionary</i> (6 vols.), ed. David Noel Freedman
AKOT	<i>Analytical Key to the Old Testament</i> , John Giô-sép Owens
ANET	<i>Ancient Near Eastern Texts</i> , James B. Pritchard
BDB	<i>A Hebrew and English Lexicon of the Old Testament</i> , F. Brown, S. R. Driver and C. A. Briggs
BHS	<i>Bblia Hebraica Stuttgartensia</i> , GBS, 1997
DSS	<i>Dead Sea Scrolls</i>
IDB	<i>The Interpreter's Dictionary of the Bible</i> (4 vols.), ed. George A. Buttrick
ISBE	<i>International Standard Bible Encyclopedia</i> (5 vols.), ed. James Orr
JB	<i>Jerusalem Bible</i>
JPSOA	<i>The Holy Scriptures According to the Masoretic Text: A New Translation</i> (The Jewish Publication Society of America)
KB	<i>The Hebrew and Aramaic Lexicon of the Old Testament</i> , Ludwig Koehler and Walter Baumgartner
LAM	<i>The Holy Bible From Ancient Eastern Manuscripts</i> (the Peshitta), George M. Lamsa
LXX	<i>Septuagint</i> (Greek-English) by Zondervan, 1970
MOF	<i>A New Translation of the Bible</i> by James Moffatt
MT	<i>Masoretic Hebrew Text</i>
NAB	New American Bible Text
NASB	<i>New American Standard Bible</i>
NEB	<i>New English Bible</i>
NET	<i>NET Bible: New English Translation</i> , Second Beta Edition
NRSV	<i>New Revised Standard Bible</i>
NIDOTTE	<i>New International Dictionary of Old Testament Theology and Exegesis</i> (5 vols.), ed. Willem A. VanGemeren
NIV	<i>New International Version</i>
NJB	<i>New Jerusalem Bible</i>
OTPG	<i>Old Testament Passing Guide</i> , Todd S. Beall, William A. Banks and Colin Smith
REB	<i>Revised English Bible</i>

RSV	<i>Revised Standard Version</i>
SEPT	<i>The Septuagint</i> (Greek-English), Zondervan, 1970
TEV	<i>Today's English Version</i> from United Bible Societies
YLT	<i>Young's Literal Translation of the Holy Bible</i> , Robert Young
ZPBE	<i>Zondervan Pictorial Bible Encyclopedia</i> (5 vols.), ed. Merrill C. Tenney

DẪN NHẬP VÀO SÁCH CÔ-LÔ-SE

NHỮNG THÔNG ĐIỆP MỞ ĐẦU

- A. Tạ ơn Chúa vì những tà giáo tại Cô-lô-se; bởi vì chúng mà Phao-lô đã viết lá thư quyền năng này. Hãy nhớ điều đó để hiểu sách này, chúng ta cần phải liên hệ nó với bối cảnh lịch sử. Những lá thư của Phao-lô được gọi là "những tài liệu theo hoàn cảnh" bởi vì ông đã đề cập đến những nan đề mang tính chất địa phương với những lễ thật phức âm mang tính toàn cầu. Tà giáo tại Cô-lô-se là một sự pha trộn bất thường của triết học Hy Lạp (Trí Huệ Giáo) và Do Thái Giáo.
- B. Địa vị Chúa hoàn vũ của Chúa Jesus (hoặc đặt trong một cách khác, Chúa Jesus là Đấng sáng tạo, cứu chuộc, và là Chúa của muôn loài và những hàm ý của nó cho đời sống Cơ Đốc) chính là chủ đề trung tâm (Cô-lô-se 1:15-17). Thần Học Đấng Christ của sách này không thể nào vượt trội hơn được nữa! Sách Cô-lô-se hình thành dàn ý căn bản cho sách Ê-phê-sô. Phao-lô biết rằng tà giáo sẽ lan rộng ra khắp Tiểu Á. Người Cô-lô-se tán công những sự dạy dỗ sai trật trong khi Ê-phê-sô phát triển những chủ đề trung tâm để chuẩn bị cho những hội thánh khác về tà giáo sẽ đến. Sự nhấn mạnh của sách Cô-lô-se mang đặc tính của Thần Học Đấng Christ trong khi sự nhấn mạnh của sách Ê-phê-sô chính là sự hiệp một của muôn vật trong Đấng Christ, Đấng là Chúa của muôn loài.
- C. Phao-lô bác bỏ chủ nghĩa luật pháp, cả Do Thái và Hy Lạp, bằng những thuật ngữ rất mạnh mẽ (Cô-lô-se 2:6-23). Khi xem lá thư này là một kiểu mẫu, một sự tự hỏi rằng Phao-lô sẽ nhắc đến những tà giáo hiện nay như thế nào. Chắc chắn ông sẽ chiến đấu cùng với chúng!

THÀNH PHỐ CÔ-LÔ-SE

- A. Nguồn gốc của thành phố Cô-lô-se là một phần của vương quốc Pergamum trong khu vực Phrygia. Vào năm 133 T.C nó được trao cho viện nguyên lão Rô-ma.
- B. Cô-lô-se đã là một trung tâm thương mại lớn từ trước thời của Phao-lô (theo quyển *Histories* V I:30 của Heroditus và quyển *Anabasis* 1:2:6 của Xenophon).
1. Thung lũng mà thành phố Cô-lô-se tọa lạc nằm ở khu vực dẫn đầu về sản xuất len, đặc biệt là len màu đen, và len nhuộm, màu đỏ tía và đỏ tươi của thế giới Địa Trung Hải cổ đại. Đất từ dung nham núi lửa cung cấp một vùng đồng cỏ tuyệt hảo và nguồn nước từ đá vôi càng hỗ trợ thêm cho tiến trình nhuộm (theo Strabo, 13:4:14).
 2. Những hoạt động địa chất núi lửa (theo Strabo, 12:8:6) đã gây nên sự hủy diệt trên thành phố một vài lần xuyên suốt trên lịch sử của nó; lần muộn nhất vào khoảng năm 60 S.C (theo Tacitus) hoặc 64 S.C (theo Eusebius).
- C. Thành Cô-lô-se nằm bên Sông Lycus, một nhánh của Sông Maeander vốn chảy qua thành Ê-phê-sô, cách khoảng 100 dặm về hạ lưu. Trong cùng một thung lũng này có một vài thành phố nhỏ nơi mà Ê-pháp-ra đã mở ra các hội thánh: Hi-ê-ra-bô-li (cách khoảng 6 dặm) và Lao-đi-xê (cách khoảng 10 dặm, Cô-lô-se 1:2; 2:1; 4:13, 15-16) và Cô-lô-se.
- D. Sau khi người La Mã xây dựng tuyến đường chính đông tây của họ, *Via Ignatia*, vốn đi vòng qua Cô-lô-se, nó khiến cho thành phố suy yếu đến mức gần như không còn gì (Strabo). Đây cũng là điều đã xảy ra với Petra tại khu vực Trans-Jordan ở Palestine.
- E. Thành phố được hình thành với phần lớn Người Ngoại (không phải Do Thái) (người Phrygia và những người định cư Hy Lạp), nhưng ở đó cũng có vô số người Do Thái. Josephus cho chúng ta biết Antiochus I (223-187 b.c.) đã di chuyển 2,000 người Do Thái từ Ba-by-lôn đến Cô-lô-se. Những ghi chép lại cho biết rằng vào khoảng năm 76 SC có khoảng 11,000 người nam Do Thái đã sống ở khu vực mà thành phố Cô-lô-se là thủ phủ.

TÁC GIẢ

- A. Có hai người gửi lá thư, Phao-lô và Ti-mô-thê (Cô-lô-se 1:1). Tuy nhiên, tác giả chính là Phao-lô; Ti-mô-thê đã gửi lời chào của ông như là người đồng công cùng với Phao-lô và có lẽ cũng là người ghi chép của ông (*amanuensus*).
- B. Nền phê bình văn học cổ đại đều đồng lòng xác nhận rằng Sứ Đồ Phao-lô chính là tác giả:
1. Marcion (người đến từ Rô-ma vào khoảng năm 140 SC), nhà đấu tranh những tà giáo Cựu Ước, đã thêm sách này vào trong tuyển tập những tác phẩm của Phao-lô của ông.
 2. Nó được liệt kê cùng với những lá thư của Phao-lô trong Bộ Kinh Điển Muratorian (một danh sách những sách Kinh điển từ Rô-ma trong khoảng những năm 180-200 SC)
 3. Một vài giáo phụ hội thánh đầu tiên đã trích dẫn từ nó và nhận diện Phao-lô chính là tác giả
 - a. Irenaeus (đã viết vào khoảng năm 177-190 SC)
 - b. Clement of Alexandria (đã sống vào khoảng những năm 160-216 SC)

MỐI LIÊN HỆ VỀ MẶT VĂN HỌC GIỮA SÁCH CÔ-LÔ-SE VÀ Ê-PHÊ-SÔ

- A. Mối liên hệ về mặt lịch sử giữa hai lá thư được viết trong tù này đi theo trình tự này
1. Ê-pháp-ra (Cô-lô-se 1:7; 4:12; Phi-lê-môn 1:23) đã quay trở lại tin Chúa trong suốt Chiến Dịch Truyền Giảng của Phao-lô tại Ê-phê-sô (Công Vụ 19).
 - a. Ê-pháp-ra đã đem nền tảng đức tin mới của ông về khu vực quê hương của ông, khu vực Thung Lũng Sông Lycus (Cô-lô-se 4:12).
 - b. Ê-pháp-ra đã mở ra ba hội thánh: Hi-ê-ra-bô-li, Lao-đi-xê (Cô-lô-se 4:13), và Cô-lô-se.
 - c. Ê-pháp-ra đã nhờ Phao-lô tư vấn về cách chiến đấu với sự hòa trộn của Cơ Đốc Giáo, Do Thái Giáo và tư tưởng Hy Lạp, vốn là những tà giáo đang được rao giảng. Phao-lô đã bị tù (Cô-lô-se 4:3,18) tại Rô-ma (vào những năm đầu của thập kỷ 60).
 2. Các giáo sư giả đã dựa vào những tư tưởng siêu hình Hy Lạp
 - a. Linh và vật chất là cùng-tồn tại đời đời
 - b. Linh (Thần) là tốt
 - c. Vật chất (Thế giới Tạo vật) là xấu xa
 - d. Một chuỗi của những *aeons* (các cấp bậc thiên sứ), đặc biệt trong những tác phẩm của trường phái Thần Học Tà giáo Valentinus, vốn hiện hữu giữa một Thần tối cao tốt lành và một thần thấp kém hơn là thần đã tạo dựng nên vật chất
 - e. Sự cứu chuộc dựa trên kiến thức về những mật khẩu bí mật vốn giúp ddwox con người trong tiến trình xuyên qua những cấp bậc thiên sứ (*aeons*) này để tiến đến với Thần tối cao tốt lành
- B. Mối liên hệ văn học giữa hai lá thư của Phao-lô
1. Phao-lô nghe về tà giáo từ những hội thánh này vốn là những hội thánh mà ông chưa bao giờ đến thăm cách cá nhân (theo Cô-lô-se 1:7- 8).
 2. Phao-lô viết một lá thư công kích cứng rắn với những câu ngắn, đầy cảm xúc, hướng trực tiếp vào những giáo sư giả. Chủ đề trung tâm chính là thẩm quyền Chúa hoàn vũ của Chúa Jesus. Lá thư này được biết với tên gọi là lá thư của Phao-lô gửi cho người Cô-lô-se.
 3. Có lẽ, rất sớm sau khi viết Cô-lô-se, với thời gian có trong tù, ông đã phát triển những chủ đề ấy trong lá thư mà chúng ta đã biết với tên gọi là Ê-phê-sô. Ông biết rằng nỗ lực để hòa nhập những tư tưởng Hy Lạp và phúc âm với mục đích khiến Cơ Đốc Giáo "phù hợp" với văn hóa Hy Lạp sẽ lan rộng ra đến với tất cả các hội thánh mới tại khu vực Tiểu Á. Ê-phê-sô có đặc điểm với những câu dài và những ý tưởng thần học đã được phát triển (Cô-lô-se 1:3-14, 15-23; 2:1-10, 14-18, 19-22; 3:1-12, 14-19; 4:11- 16; 6:13-20). Thư ấy đã lấy Cô-lô-se như một điểm khởi đầu và rút ra những ngụ ý thần học của thư ấy. Chủ đề trung tâm chính là sự hiệp một của mọi điều trong Đấng Christ, vốn là một sự tương phản với những *aeons* (những cấp bậc thiên sứ) của Trí Huệ Giáo thời kỳ chớm nở.
- C. Cấu trúc văn học và thần học liên quan
1. Cấu trúc căn bản
 - a. Chúng đều có những cách mở đầu rất giống nhau
 - b. Chúng đều có những phần tín lý liên hệ trước tiên với Đấng Christ
 - c. Mỗi sách đều có một phần áp dụng vốn nhấn mạnh vào đời sống Cơ Đốc sử dụng cùng những phạm trù,

từ ngữ, và cụm từ

d. Chúng đều có những câu kết thúc mang tính nhận diện rõ rệt. Trong bản tiếng Hy Lạp, chúng chia sẻ với nhau 29 từ liên tục; sách Cô-lô-se chỉ thêm vào hai từ ("và những nô lệ đồng công"). Hãy đối chiếu Ê-phê-sô 6:21- 22 với Cô-lô-se 4:7-9.

2. Chính xác từng từ hay các cụm từ ngắn

Ê-phê-sô 1:1c và Cô-lô-se 1:2a	"trung tín"
Ê-phê-sô 1:4 và Cô-lô-se 1:22	"thánh khiết và không chỗ trách được"
Ê-phê-sô 1:7 và Cô-lô-se 1:14	"sự cứu chuộc. . . sự tha thứ"
Ê-phê-sô 1:10 và Cô-lô-se 1:20	"mọi sự. . . trên trời. . . dưới đất"
Ê-phê-sô 1:15 và Cô-lô-se 1:3-4	"đã nghe. . . tình yêu thương dành cho mọi thánh đồ"
Ê-phê-sô 1:18 và Cô-lô-se 1:27	"sự giàu có vinh hiển "
Ê-phê-sô 1:27 và Cô-lô-se 1:18	"đầu. . . hội thánh"
Ê-phê-sô 2:1 và Cô-lô-se 1:13	"anh em đã chết"
Ê-phê-sô 2:16 và Cô-lô-se 1:20	"làm hòa thuận. . . thập tự giá"
Ê-phê-sô 3:2 và Cô-lô-se 1:25	"việc quản trị"
Ê-phê-sô 3:3 và Cô-lô-se 1:26,27	"điều mâu nhiệm"
Ê-phê-sô 4:3 và Cô-lô-se 3:14	"sự hiệp một"
Ê-phê-sô 4:15 và Cô-lô-se 2:19	"đầu" và "tăng trưởng"
Ê-phê-sô 4:24 và Cô-lô-se 3:10, 12,14	"mặc lấy. . ."
Ê-phê-sô 4:31 và Cô-lô-se 3:8	"phẫn nộ" "tức giận" "hiểm độc" "lãng mạ"
Ê-phê-sô 5:3 và Cô-lô-se 3:5	"gian dâm" "bất khiết" "tham lam"
Ê-phê-sô 5:5 và Cô-lô-se 3:5	"thờ hình tượng" (tham lam)
Ê-phê-sô 5:6 và Cô-lô-se 3:6	"sự phẫn nộ của Đức Chúa Trời"
Ê-phê-sô 5:16 và Cô-lô-se 4:5	"hãy tận dụng thời giờ"

3. Chính xác từng cụm từ hay từng câu

Ê-phê-sô 1:1a và Cô-lô-se 1:1a
Ê-phê-sô 1:1b và Cô-lô-se 1:2a
Ê-phê-sô 1:2a và Cô-lô-se 1:2b
Ê-phê-sô 1:13 và Cô-lô-se 1:5
Ê-phê-sô 2:1 và Cô-lô-se 2:13
Ê-phê-sô 2:5b và Cô-lô-se 2:13c
Ê-phê-sô 4:1b và Cô-lô-se 1:10a
Ê-phê-sô 6:21,22 và Cô-lô-se 4:7-9 (29 từ liên tục ngoại trừ từ " <i>kai syndoulos</i> " trong Cô-lô-se)

4. Những cụm từ và những câu giống nhau

Ê-phê-sô 1:21 và Cô-lô-se 1:16
Ê-phê-sô 2:1 và Cô-lô-se 1:13
Ê-phê-sô 2:16 và Cô-lô-se 1:20
Ê-phê-sô 3:7a và Cô-lô-se 1:23d, 25a
Ê-phê-sô 3:8 và Cô-lô-se 1:27
Ê-phê-sô 4:2 và Cô-lô-se 3:12
Ê-phê-sô 4:29 và Cô-lô-se 3:8; 4:6
Ê-phê-sô 5:15 và Cô-lô-se 4:5
Ê-phê-sô 5:19,20 và Cô-lô-se 3:16

5. Những khái niệm tương đồng về mặt thần học

Ê-phê-sô 1:3 và Cô-lô-se 1:3	một lời cầu nguyện tạ ơn
Ê-phê-sô 2:1,12 và Cô-lô-se 1:21	xa lạ khỏi Đức Chúa Trời
Ê-phê-sô 2:15 và Cô-lô-se 2:14	thù nghịch với luật pháp
Ê-phê-sô 4:1 và Col 1:10	bước đi cách xứng đáng
Ê-phê-sô 4:15 và Cô-lô-se 2:19	sự tăng trưởng thân thể của Christ hướng đến sự trưởng thành từ đầu

Ê-phê-sô 4:19 và Cô-lô-se 3:5	sự bất khiết về mặt tình dục
Ê-phê-sô 4:22,31 và Cô-lô-se 3:8	"loại bỏ" tội lỗi
Ê-phê-sô 4:32 và Cô-lô-se 3:12-13	Sự tử tế của các Cơ Đốc Nhân với nhau
Ê-phê-sô 5:4 và Cô-lô-se 3:8	Lời nói Cơ Đốc
Ê-phê-sô 5:18 và Cô-lô-se 3:16	Đầy dẫy Thánh Linh= lời của Đấng Christ
Ê-phê-sô 5:20 và Cô-lô-se 3:17	Tạ ơn Chúa trong mọi sự
Ê-phê-sô 5:22 và Cô-lô-se 3:18	Những người vợ hãy thuận phục chồng
Ê-phê-sô 5:25 và Cô-lô-se 3:19	Những người chồng hãy yêu vợ
Ê-phê-sô 6:1 và Cô-lô-se 3:20	Con cái hãy vâng lời cha mẹ
Ê-phê-sô 6:4 và Cô-lô-se 3:21	Các bậc làm cha đừng chọc giận con cái
Ê-phê-sô 6:5 và Cô-lô-se 3:22	Tôi tớ hãy vâng phục chủ
Ê-phê-sô 6:9 và Cô-lô-se 4:1	Chủ và tôi tớ
Ê-phê-sô 6:18 và Cô-lô-se 4:2-4	Lời nhờ cậy cầu nguyện của Phao-lô

6. Những thuật ngữ và cụm từ được sử dụng cả trong hai sách Cô-lô-se và Ê-phê-sô mà không tìm thấy trong những sách khác của Phao-lô

a. "đầy dẫy (đầy trọn)" (vốn là một từ Trí Huệ Giáo dùng cho các cấp bậc thiên sứ)

Ê-phê-sô 1:23	"sự đầy trọn của Đấng đổ đầy mọi sự "
Ê-phê-sô 3:19	"đổ đầy cho mọi sự tòng sự đầy trọn của Đức Chúa Trời "
Ê-phê-sô 4:13	"đến sự đầy trọn của Đấng Christ"
Cô-lô-se 1:19	"cho tất cả mọi sự sự đầy trọn ở trong Ngài "
Cô-lô-se 2:9	"để trong Ngài mọi sự đầy trọn của Đấng Thánh ngự trong "

b. Đấng Christ là "Đầu" của hội thánh

Ê-phê-sô 4:15; 5:23 và Cô-lô-se 1:18; 2:19

c. "xa lạ"

Ê-phê-sô 2:12; 4:18 và Cô-lô-se 1:21

d. "chước (tận dụng) thì giờ "

Ê-phê-sô 5:16 và Cô-lô-se 4:5

e. "đâm rễ"

Ê-phê-sô 3:17 và Cô-lô-se 1:5

f. "lời của chân lý, tin lành "

Ê-phê-sô 1:13 và Cô-lô-se 1:5

g. "chịu đựng"

Ê-phê-sô 4:2 và Cô-lô-se 3:13

h. Những cụm từ và thuật ngữ ít dùng ("gắn chặt với nhau," "cung cấp (xếp đặt)") Ê-phê-sô 4:16 và Cô-lô-se 2:19

D. Tóm lại

1. Hơn một phần ba những từ trong Cô-lô-se cũng xuất hiện trong Ê-phê-sô. Có khoảng 75 trong 155 câu trong Ê-phê-sô có một câu song hành trong Cô-lô-se. Cả hai đều công bố về tác quyền của Phao-lô trong tù.
2. Cả hai đều được mang đến bởi một người bạn của Phao-lô là Ty-chi-cơ.
3. Cả hai đều được gửi đến cùng một khu vực (Tiểu Á).
4. Cả hai đều trình bày về cùng một chủ đề Thần Học Đấng Christ.
5. Cả hai đều nhấn mạnh rằng Đấng Christ là Đầu của hội thánh.
6. Cả hai đều khích lệ lối sống Cơ Đốc.

E. Những Điểm Chính về Sự Khác Biệt

1. Hội Thánh luôn luôn mang tính địa phương trong Cô-lô-se nhưng lại mang tính toàn cầu trong Ê-phê-sô. Điều này có thể có nguyên nhân bởi bản chất phổ quát của thư Ê-phê-sô.
2. Tà giáo, vốn là một điểm nổi bật trong lá thư Cô-lô-se, đã ẩn đi trong Ê-phê-sô. Tuy nhiên, cả hai lá thư đều sử dụng những thuật ngữ Trí Huệ Giáo ("khôn ngoan," "tri thức," "đầy trọn," "sự màu nhiệm," "những nguyên lý cơ bản và quyền năng" và "sự quản trị").

3. Sự Tái Lâm mang tính chất ngay lập tức trong Cô-lô-se nhưng bị trì hoãn trong Ê-phê-sô. Hội thánh đã và đang được kêu gọi để phục vụ trong một thế giới sa ngã (Cô-lô-se 2:7; 3:21; 4:13).
4. Một vài thuật ngữ mang đặc trưng của Phao-lô được sử dụng một cách khác nhau. Một ví dụ đó chính là từ "sự màu nhiệm." Trong Cô-lô-se sự màu nhiệm chính là Đấng Christ (Cô-lô-se 1:26-27; 2:2; 4:3), nhưng trong Ê-phê-sô (Ê-phê-sô 1:9; 5:32) nó chính là điều được ẩn giấu trước đây của Đức Chúa Trời, nhưng giờ đây được bày tỏ, kế hoạch cho sự hiệp một của Người Ngoại và Người Do Thái.
5. Ê-phê-sô có một vài ngụ ý gián tiếp đến Cựu Ước (Ê-phê-sô 1:22 – Thi Thiên 8; Ê-phê-sô 2:17— Ê-sai 57:19) (Ê-phê-sô 2:20 – Thi Thiên 118:22) (Ê-phê-sô 4:8 – Thi Thiên 68:18) (Ê-phê-sô 4:26 – Thi Thiên 4:4) Ê-phê-sô 5:15 – Ê-sai 26:19, 51:17, 52:1, 60:1) (Ê-phê-sô 5:31 -- Sáng 2:24) (Ê-phê-sô 6:2-3 – Xuất 20:12) (Ê-phê-sô 6:14 – Ê-sai 11:5, 59:17) (Ê-phê-sô 6:15 – Ê-sai 52:7) nhưng chỉ có một hoặc hai lần trong Cô-lô-se, Cô-lô-se 2:3 – Ê-sai 11:2, và có lẽ là Cô-lô-se 2:22 – Ê-sai 29:13.

F. Mặc dù rất tương tự về cách dùng từ, cụm từ, và thường cả dàn ý, nhưng những lá thư cũng bao gồm những khái niệm độc nhất:

1. Phước hạnh của ân điển từ Đức Chúa Trời Ba Ngôi, Ê-phê-sô 1:3-14
2. Phần Kinh Thánh về ân điển, Ê-phê-sô 2:1-10
3. Sự hợp nhất của Người Do Thái và Dân Ngoại trở thành một thân thể mới, Ê-phê-sô 2:11-3:13
4. Sự hiệp một và ban ân tứ của thân thể của Đấng Christ, Ê-phê-sô 4:1-16
5. "Đấng Christ và hội thánh" như khuôn mẫu cho "chồng và vợ," Ê-phê-sô 5:22-33
6. Phần Kinh Thánh về chiến trận thuộc linh, Ê-phê-sô 6:10-18
7. Phần Kinh Thánh về Thần Học Đấng Christ, Cô-lô-se 1:13-18
8. Những nghi lễ và lề luật tôn giáo loài người, Cô-lô-se 2:16-23
9. Chủ đề về ý nghĩa của muôn vật trong Đấng Christ trong Cô-lô-se so với chủ đề về sự hiệp một của mọi sự trong Đấng Christ trong Ê-phê-sô.

G. Tóm lại, có vẻ tốt nhất khi đi theo A. T. Robertson và F. F. Bruce trong sự khẳng định rằng Phao-lô đã viết cả hai lá thư trong khoảng cách rất gần nhau và đã phát triển những ý tưởng trong Cô-lô-se trở thành một sự trình bày theo cấu trúc lễ thật, trong Ê-phê-sô.

THỜI ĐIỂM VIẾT SÁCH

- A. Thời điểm viết sách Cô-lô-se được liên kết với một trong những lần bị tù của Phao-lô (tại Ê-phê-sô, Phi-líp, Sê-sa-rê, hoặc Rô-ma). Một lần bị tù ở Rô-ma có vẻ phù hợp nhất với những sự kiện trong Công Vụ.
- B. Một khi Rô-ma được cho là địa điểm của sự tù đầy, thì một câu hỏi được đẩy lên-vào thời điểm nào? Công Vụ chép lại rằng Phao-lô đã bị tù đầy vào những năm đầu của thập niên 60. Tuy nhiên, ông đã được thả ra và viết những thư tín Chấn bày (1 & 2 Ti-mô-thê và Tít) và sau đó đã bị tái bắt giam và bị giết trước ngày 9 tháng 6 năm 68 SC (ngày hoàng đế Nê-rô tự sát), có lẽ vào năm 67 SC.
- C. Sự phỏng đoán học thuật tốt nhất cho thời điểm viết sách Cô-lô-se (cũng như Ê-phê-sô và Phi-lê-môn) chính là lần bị tù thứ nhất của Phao-lô, vào những năm đầu của thập niên 60. (Phi-líp là lá thư cuối cùng trong những thư tín trong tù, có lẽ được viết gần về giữa những năm 60.)
- D. Ty-chi-cơ, cùng với Ô-nê-sim, có lẽ đã mang những lá thư gửi cho người Cô-lô-se, Ê-phê-sô, và Phi-lê-môn đến Tiểu Á. Sau đó, có lẽ một vài năm sau, Êp-ba-phô-đích, đã hồi phục từ sự bệnh tật thân thể, đã mang lá thư gửi cho người Phi-líp về hội thánh nhà của ông.
- E. Có lẽ trình tự của những tác phẩm của Phao-lô tương tự với F. F. Bruce và Murry Harris với một sự điều chỉnh cho phù hợp nhỏ.

	<u>Sách</u>	<u>Thời điểm viết</u>	<u>Địa điểm Viết trong Liên Hệ với Công Vụ</u>	
1	Ga-la-ti	48	An-ti-ốt xứ Sy-ri	Công Vụ 14:28; 15:2
2	1 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rinh-tô	Công Vụ 18:5

3	2 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rinh-tô	
4	1 Cô-rinh-tô	55	Ê-phê-sô	Công Vụ 19:20
5	2 Cô-rinh-tô	56	Ma-xê-đoan	Công Vụ 20:2
6	Rô-ma	57	Cô-rinh-tô	Công Vụ 20:3 7-10
7-10	Những Thư Tín Trong Tủ			
	Cô-lô-se	đầu thập kỷ 60	Rô-ma	
	Phi-lê-môn	đầu thập kỷ 60	Rô-ma	
	Ê-phê-sô	đầu 60	Rô-ma	
	Phi-líp	cuối 62-63	Rô-ma	Công Vụ 28:30-31
11-13	Chuyên Truyền Giáo Thứ Tư		Ê-phê-sô (?)	
	1 Ti-mô-thê	63 (hoặc muộn hơn 63 nhưng trước 64 SC)	Ma-xê-đoan	
	Tít			
	2 Ti-mô-thê	68	Rô-ma	

ĐỘC GIẢ VÀ HOÀN CẢNH

A. Hội thánh có lẽ đã được mở ra bởi Ê-pháp-ra (Cô-lô-se 1:7,8; 2:1; 4:12-13), là người có lẽ đã trở lại tin Chúa bởi Phao-lô tại Ê-phê-sô (Cô-lô-se 1:7-8 và đối chiếu với Cô-lô-se 2:1). Hội thánh này có lẽ có thành phần phần lớn là những Người Ngoại (Cô-lô-se 1:21; 3:7). Ê-pháp-ra đến với Phao-lô trong tù để báo cáo lại một nan đề với những giáo sư giả là những kẻ đã giảng dạy về một sự pha trộn Đức Tin Cơ Đốc với triết học Hy Lạp vốn được gọi với tên Trí Huệ Giáo (Cô-lô-se 2:8) và chủ nghĩa luật pháp Do Thái (những nhân tố Do Thái Giáo, theo Cô-lô-se 2:11, 16, 17; 3:11; sự thờ phượng các thiên sứ, Cô-lô-se 1:16; 2:15, 18 và chủ nghĩa kiêng khem khổ hạnh, Cô-lô-se 2:20-23). Có một cộng đồng rất lớn người Do Thái tại Cô-lô-se sau đó đã trở nên rất Hy Lạp. Cốt lõi của nan đề xoay xung quanh con người và chức vụ của Đấng Christ. Trí Huệ giáo chối bỏ rằng Chúa Jesus đã thực sự là một con người nhưng lại khẳng định rằng Ngài thật sự mang thần tính trọn vẹn bởi vì tư tưởng nhị nguyên đối kháng vĩnh hằng giữa vật chất và linh của họ. Họ đã khẳng định Thần Tính của Ngài nhưng chối bỏ nhân tính của Ngài. Họ cũng chối bỏ sự trung bảo siêu việt của Ngài. Đối với họ có nhiều cấp bậc thiên sứ (*aeons*) ở giữa một vị thần tối cao tốt lành và nhân loại; và Chúa Jesus, ngay cả khi là Đấng Chí Cao, thì cũng chỉ là một trong số các vị thần. Họ cũng có khuynh hướng ngã về những người ưu tú về mặt trí tuệ (Cô-lô-se 3:11, 14, 16, 17) và nhấn mạnh về một kiến thức bí mật độc chiếm (chỉ dành riêng) đặc biệt (Cô-lô-se 2:15, 18, 19) như là con đường dẫn đến Đức Chúa Trời thay vì sự dâng sinh tế chuộc tội, thay thế của Chúa Jesus và một đáp ứng đức tin ăn năn của con người đối với sự mời gọi miễn phí đến với sự tha thứ của Ngài.

B. Bởi vì không khí thần học, triết học này, sách Cô-lô-se nhấn mạnh

1. Sự độc nhất của thân vị của Đấng Christ và công việc cứu rỗi đã hoàn tất của Ngài.
2. Sự sở hữu, cai trị, và ý nghĩa trên muôn vật của Chúa Jesus người Na-xa-rét – sự giáng sinh của Ngài, những sự giảng dạy của Ngài, đời sống Ngài, sự chết của Ngài, sự phục sinh của Ngài và sự thắng thiên của Ngài! Ngài là Chúa của muôn vật!

MỤC ĐÍCH VIẾT SÁCH

Mục đích của Phao-lô là để bác bỏ tà giáo tại Cô-lô-se. Để thực hiện mục tiêu đó, ông đã tôn cao Đấng Christ chính là

1. Chính là hình ảnh của Đức Chúa Trời (Cô-lô-se 1:15) Đấng Sáng Tạo (Cô-lô-se 1:16)
2. Đấng đã có từ trước, giữ vững muôn vật (Cô-lô-se 1:17)
3. Đầu của hội thánh (Cô-lô-se 1:18)
4. Đấng sống lại trước nhất (Cô-lô-se 1:18)
5. Sự đầy trọn của Đấng Thánh trong hình thể thân thể (Cô-lô-se 1:19, 2:9)
6. Đấng phục hòa giữa Đức Chúa Trời và con người (Cô-lô-se 1:20-22)

Vì thế, Đấng Christ đã hoàn toàn xứng đáng. Phao-lô sử dụng danh hiệu "Đấng Christ" 25 lần trong sách ngắn

này! Các tín đồ "đã được ban sự đầy trọn trong Đấng Christ" (Cô-lô-se 2:10). Tà giáo tại Cô-lô-se đã hoàn toàn không xứng đáng để đem lại sự cứu rỗi thuộc linh. Nó chỉ là một triết lý trống rỗng và lừa gạt (Cô-lô-se 2:8), không hề có bất kỳ khả năng ngăn cản bản chất tội lỗi xưa cũ (Cô-lô-se 2:23).

Một chủ đề thường xuyên trong Cô-lô-se chính là một sự thích đáng hoàn toàn của Đấng Christ trong sự tương phản với sự trống rỗng của triết lý chẳng qua chi của con người. Sự thích đáng này được bày tỏ trong địa vị Chúa muôn loài của Chúa Jesus. Ngài chính là chủ tể, Đấng sáng tạo và toàn năng trên muôn vật, hữu hình và vô hình (Cô-lô-se 1:15-18).

DÀN Ý

- A. Những sự mở đầu truyền thống của Phao-lô
 - 1. Sự nhận diện danh tính với người gửi, Cô-lô-se 1:1
 - 2. Sự nhận diện danh tính với người nhận, Cô-lô-se 1:2a
 - 3. Những sự chào thăm, Cô-lô-se 1:2b
- B. Thâm Quyền Tối Cao Siêu Việt của Đấng Christ (các chủ đề 1-10 được lấy từ dàn ý từ những đoạn văn trong Kinh Thánh của bản NKJV)
 - 1. Đức tin trong Đấng Christ, Cô-lô-se 1:3-8
 - 2. Sự Siêu Việt của Đấng Christ, Cô-lô-se 1:9-18
 - 3. Sự phục hòa trong Đấng Christ, Cô-lô-se 1:19-23
 - 4. Chức vụ hy sinh cho Đấng Christ, Cô-lô-se 1:24-29
 - 5. Không phải triết lý, nhưng Đấng Christ, Cô-lô-se 2:1-10
 - 6. Không phải giáo điều, luật pháp, nhưng Đấng Christ, Cô-lô-se 2:11-23
 - 7. Không phải ham muốn nhục dục, nhưng Đấng Christ, Cô-lô-se 3:1-11
 - 8. Hãy mặc lấy Đấng Christ, Cô-lô-se 3:12-17
 - 9. Hãy để Đấng Christ đem ảnh hưởng đến gia đình của anh em, Cô-lô-se 3:19-4:1
 - 10. Hãy để Đấng Christ ảnh hưởng trên đời sống hàng ngày của anh em, Cô-lô-se 4:2-6
- C. Những sứ giả của Phao-lô, Cô-lô-se 4:7-9
- D. Những người bạn của Phao-lô gửi lời chào thăm của họ, Cô-lô-se 4:10-14
- E. Phao-lô gửi lời chào thăm, Cô-lô-se 4:15-17
- F. Sự kết thúc lá thư của Phao-lô bởi chính tay ông viết, Cô-lô-se 4:18

TRÍ HUỆ GIÁO

- A. Hầu hết sự hiểu biết của chúng ta về tà giáo này đều đến từ những tác phẩm Trí Huệ của thế kỷ thứ hai. Tuy vậy, những ý tưởng chớm lên đã hiện diện từ thế kỷ thứ nhất (Những Cuộn Biển Chết (Dead Sea Scrolls)).
- B. Nan đề tại Cô-lô-se chính là một sự lai tạp của Đức Tin Cơ Đốc, Trí Huệ Giáo Chớm Nở, và chủ nghĩa luật lệ Do Thái Giáo.
- C. Một vài người đề cập đến những giáo lý của Trí Huệ Giáo Valentinian và Cerinthian trong thế kỷ thứ hai:
 - 1. Vật chất và linh đều cùng tồn tại vĩnh hằng (trong một tư tưởng nhị nguyên bản thể học). Vật chất là xấu, linh là tốt. Thần, vốn là linh, không thể liên quan một cách trực tiếp với việc tạo nên vật chất xấu xa.
 - 2. Có những sự phát xuất (*aeons* hoặc những cấp bậc thiên sứ) giữa Thần và vật chất. Vị thần cuối cùng và thấp kém nhất chính là YHWH của Cựu Ước là Đấng đã dựng nên vũ trụ (*kosmos*).
 - 3. Chúa Jesus cũng là một sự phát xuất giống như YHWH nhưng cao hơn trong thang xếp hạng, gần hơn với chân Thần. Một vài người đặt ngài ở cấp bậc cao nhất nhưng vẫn thấp hơn Thần (Chúa) và chắc chắn không phải là một thần nhập thể (Giăng 1:14). Bởi vì vật chất là xấu xa, Chúa Jesus không

thể có một thân thể và vẫn là thần. Ngài chỉ xuất hiện như con người, nhưng vẫn là một linh (1 Giăng 1:1-3; 4:1-6).

4. Sự cứu rỗi đạt được qua đức tin nơi Chúa Jesus cộng với kiến thức đặc biệt, vốn chỉ có thể biết được bởi những người cụ thể của nhóm. Kiến thức (những mật khẩu) rất cần thiết để vượt qua những lãnh giới trên trời. Chủ nghĩa luật pháp Do Thái cũng được đòi hỏi để vươn đến với Thần (Chúa).

D. Những giáo sư giả Trí Huệ Giáo chủ trương hai hệ thống luân lý, đạo đức trái ngược nhau:

1. Đối với một số người, đời sống hoàn toàn không liên quan gì đến sự cứu rỗi. Vì đối với họ, sự cứu rỗi và tình trạng thuộc linh được bọc trong những kiến thức bí mật (những mật khẩu) xuyên qua những lãnh giới thiên sứ (*aeons*).
2. Với những người khác, đời sống là then chốt cho sự cứu rỗi. Trong sách này, những giáo sư giả nhấn mạnh một lối sống kiêng khem khổ hạnh như một bằng chứng đích thực của tình trạng thuộc linh thật sự (Cô-lô-se 2:16-23).

E. Một vài nguồn tư liệu hay:

The Gnostic Religion bởi Hans Jonas, xuất bản bởi Beacon Press

The Gnostic Scriptures bởi Bentley Layton, Anchor Bible Reference Library

The Dictionary of New Testament Background, IVP, "Trí Huệ Giáo" ở trang 414-417

CHU KỲ ĐỌC THỨ NHẤT (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Vì vậy, hãy đọc cả sách trong một lần đọc. Hãy đưa ra các chủ đề trung tâm của cả sách bằng cách diễn đạt của chính bạn (chu kỳ đọc #1).

1. Chủ đề của cả sách
2. Thể loại văn học (thể loại)

CHU KỲ ĐỌC THỨ HAI (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Vì vậy, hãy đọc cả sách lần thứ hai trong một lần đọc. Hãy đưa ra dàn ý các chủ đề chính (đọc chu kỳ #2) và mô tả chủ đề trong một câu duy nhất.

1. Chủ đề của đơn vị văn học thứ nhất
2. Chủ đề của đơn vị văn học thứ hai
3. Chủ đề của đơn vị văn học thứ ba
4. Chủ đề của đơn vị văn học thứ bốn
5. v.v...

CÔ-LÔ-SE 1

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI*

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Lời Chào Thăm	Lời Chào Hỏi	Lời Chào Thăm	Lời Chào Thăm	Người Nhận
1:1-2	1:1 1:2a 1:2b	1:1 1:2a 1:2b	1:1 1:2a 1:2b	1:1-2
Phao-lô Tạ Ôn Chúa vì Người Cô-lô-se	Đức Tin của Họ trong Đấng Christ	Lời Tạ Ôn và Cầu Thay	Lời Cầu Nguyện và Tạ Ôn	Lời Cầu Nguyện và Tạ Ôn
1:3-8	1:3-8	1:3-8	1:3-8	1:3-8
Thân Vị và Chức Vụ của Đấng Christ	Sự Siêu Việt của Đấng Christ			
1:9-20	1:9-18	1:9-14	1:9-14	1:9-12 1:13-14
		Thẩm Quyền Tối Cao của Đấng Christ	Thân Vị và Chức Vụ của Đấng Christ	Đấng Christ chính là Đầu của Toàn Bộ Cõi Tạo Vật
	Được Phục Hòa Trong Đấng Christ 1:19-23	1:15-20	1:15-20	1:15-20
1:21-23		1:21-23	1:21-23	Người Cô-lô-se được Dụ Phận Trong Sự Cứu Rỗi 1:21-23
Chức Vụ của Phao-lô Trong Hội Thánh	Chức Vụ Hy Sinh Cho Đấng Christ	Lợi Ích của Phao-lô ở Người Cô-lô-se	Chức Vụ Của Phao-lô Là Tôi Tớ của Hội Thánh	Công Khó của Phao-lô Trong Chức Vụ dành cho Người Ngoại
		(1:24-2:7)	(1:24-2:5)	
1:24-2:5	1:24-29	1:24-2:5	1:24-2:3	1:24-29

* Mặc dù không được thần cảm, những chỗ chia phân chia đoạn chính là chia khóa để hiểu được và dõi theo ý định của tác giả nguyên thủy. Mỗi bản dịch hiện đại đã chia và tổng hợp lại những chỗ chia phân đoạn. . Mỗi phân đoạn có một ý chính, lẽ thật và ý tưởng trung tâm. Mỗi bản dịch lồng ý tưởng đó theo cách riêng biệt của chính bản dịch đó. Khi bạn đọc phần Kinh Thánh, hãy tự hỏi chính mình rằng bản dịch nào phù hợp với cách hiểu của bạn về chủ đề và những chỗ chia câu.

* Trong mỗi đoạn, bạn phải đọc Kinh Thánh trước và cố gắng xác định các chủ đề (các phân đoạn). Sau đó, hãy so sánh cách hiểu của bạn với các bản dịch hiện đại. Chỉ khi chúng ta hiểu được ý định của tác giả nguyên thủy bằng cách dõi theo lập luận và cách trình bày của họ ở mức độ phân đoạn, chúng ta mới có thể hiểu được Kinh Thánh. Chỉ có một mình tác giả nguyên thủy được thần cảm-những người đọc không có bất cứ thẩm quyền nào để thay đổi hoặc bổ sung cho sứ điệp. Những người đọc Kinh Thánh có trách nhiệm phải áp dụng những lẽ thật được thần cảm đó mỗi một ngày và cả cuộc đời của họ.

Chú ý rằng tất cả những thuật ngữ và chữ viết tắt đều được giải thích đầy đủ trong những tài liệu sau: Những Thuật

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010 (NASB (UPDATED)): CÔ-LÔ-SE 1:1-2

¹ Phao-lô, theo ý muốn của Đức Chúa Trời làm sứ đồ của Đấng Christ Jêsus, cùng Ti-mô-thê là anh em, ² kính gửi các thánh đồ và anh em trung tín trong Đấng Christ tại Cô-lô-se: Cầu xin Đức Chúa Trời, Cha chúng ta, ban ân điển và bình an cho anh em.

1:1 "Phao-lô" Sau-lơ người Tạt-sơ lần đầu tiên được gọi là Phao-lô trong Công Vụ 13:9. Có khả năng rằng hầu hết người Do Thái của "sự tản lạc" (Người Do Thái sống ngoài khu vực Palestine) đều có một tên Hê-bơ-rơ và một tên tiếng Hy Lạp. Nếu vậy, thì cha mẹ của Sau-lơ đã đặt tên này cho ông, thế nhưng tại sao, khi đó (tên) "Phao-lô đột ngột xuất hiện trong Công Vụ 13? Có lẽ bởi

1. Những người khác bắt đầu gọi ông bằng tên này
2. Ông bắt đầu nhắc đến mình bằng từ "nhỏ bé" hoặc "nhỏ nhất "

Tên Hy Lạp *Paulos* có nghĩa là "nhỏ bé." Một vài giả thuyết đã được phát triển về nguồn gốc của tên trong tiếng Hy Lạp của ông.

1. Truyền thống từ Hội Thánh trong thế kỷ thứ hai cho rằng Phao-lô thấp, mập mạp, chân khuynh, lông mày rậm rạp và có đôi mắt lồi ra có lẽ chính là nguồn gốc của tên này của ông, có nguồn gốc từ một sách không kinh điển từ Tê-sa-lô-ni-ca có tên là *Paul and Thekla*
2. Những đoạn Kinh Thánh mà ở đó Phao-lô gọi chính mình là "người nhỏ bé nhất giữa vòng các sứ đồ" bởi ông đã bắt bớ Hội Thánh như được chép trong Công 9:1-2 (cũng như trong 1 Cô-rinh-tô 15:9; Ê-phe-sô 3:8; 1 Ti-mô-thê 1:15)

Một vài người đã xem sự "nhỏ bé nhất" ấy như là nguồn gốc của danh xưng tự chọn này. Tuy nhiên, trong một sách khác là sách Ga-la-ti, mà trong sách ấy ông nhấn mạnh tính độc lập và bình đẳng với Nhóm Mười Hai Sứ Đồ Giê-ru-sa-lem, thì có vẻ không giống như vậy (2 Cô-rinh-tô 11:5; 12:11; 15:10).

▣ **"một sứ đồ"** Từ này có nguồn gốc từ từ Hy Lạp "sai đi" (*apostellō*). Chúa Jesus đã chọn mười hai người nam cùng với Ngài trong một nghĩa đặc biệt và gọi họ là "Các Sứ Đồ" (Lu-ca 6:13). Từ này thường được dùng cho Chúa Jesus được sai đi bởi Cha (Ma-thi-ơ 10:40; 15:24; Mác 9:37; Lu-ca 9:48; Giăng 4:34; 5:24, 30, 36, 37, 38; 6:29, 38, 39, 40, 57; 7:29; 8:42; 10:36; 11:42; 17:3, 8, 18, 21, 23, 25; 20:21). Trong những nguồn tài liệu Do Thái, một sứ đồ là một người được sai đi như một người đại diện chính thức cho một người khác, tương tự như "đại sứ" (2 Cô-rinh-tô 5:20).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SAI PHÁI (APOSTELLŌ)

Đây là từ vựng khá phổ thông trong tiếng Hy-lạp "sai đi" (tức là *apostellō*). Nó có vài ứng dụng thần học:

1. Các thầy Ra-bi định nghĩa một đại diện chính thức như đại sứ quán trong tiếng Việt. (xem 2 Cô rin

tô 5:20)

2. Các Phúc Âm sử dụng từ này cho Chúa Giê-su được Cha sai phái. Trong Giảng, tính thuộc Đấng Mê-si-a có phần nổi bật hơn (xem Ma-thi-ơ. 10:40; 15:24; Mác 9:37; Lu-ca 9:48 và đặc biệt Giảng 4:34; 5:24,30,36,37,38; 6:29,38,39,40,57; 7:29; 8:42; 10:36; 11:42; 17:3,8,18,21,23,25; 20:21 [cả từ "apostellō" và từ đồng nghĩa *pempō* được dùng trong câu 21]). Nói về Chúa Giê-su sai phái Cơ-đốc nhân (xem. Giảng 17:18; 20:21).
3. Tân Ước dùng ám chỉ các môn đồ
 - a. 12 môn đồ đầu tiên (ví dụ, Mác 6:30; Lu-ca 6:13; Công vụ 1:2,26)
 - b. nhóm đặc biệt gồm những trợ lý, cộng tác viên của các sứ đồ
 - (1) Ba-na-ba (xem Công vụ 14:4,14)
 - (2) An-rô-ni-cơ (KJV, Giu-ni-a, xem Rô-ma 16:7)
 - (3) A-pô-lô (xem 1 Cô-rin-tô 4:6-9)
 - (4) Gia-cơ em trai của Chúa Giê-su (xem Ga-la-ti 1:19)
 - (5) Sin-vanh và Ti-mô-thê (xem 1 Thê-sa-lô-ni-ca 2:6)
 - (6) có thể thêm Tít (xem 2 Cô-rin-tô 8:23)
 - (7) có thể thêm Ép-pa-phô-đích (xem Phi-líp 2:25)
 - c. một ân tứ (sứ đồ) luôn có trong hội thánh. (xem 1 Cô-rin-tô 12:28-29; Ê-phê-sô 4:11)
4. Phao-lô sử dụng thuật ngữ này cho bản thân mình trong tất cả các thư tín, khẳng định quyền hạn Chúa ban với tư cách đại diện cho Đấng Christ. (xem. Rô-ma 1:1; 1 Cô-rin-tô 1:1; 2 Cô-rin-tô 1:1; Ga-la-ti 1:1; Ê-phê-sô 1:1; Cô-lô-se. 1:1; 1 Tim. 1:1; 2 Tim. 1:1; Tít 1:1).
5. Nan đề chúng ta đối diện như là những tín đồ hiện đại rằng Tân Ước chưa bao giờ định nghĩa rằng những ân tứ tiếp diễn này liên hệ với điều gì và nó được nhận diện như thế nào trong các tín đồ. Rõ ràng một sự phân biệt giữa nhóm Mười Hai (Sứ Đồ) nguyên thủy (#3a) và sự sử dụng từ này sau đó (#3b). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự thần cảm và Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Soi Sáng. Nếu những "sứ đồ" hiện đại không được thần cảm để viết vượt ra ngoài Kinh Thánh (bộ Kinh Điển đã đóng lại, Giu-đe câu 3; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Bộ Kinh Điển Kinh Thánh), và những gì họ làm là khác nhau trong sự khác biệt giữa những tiên tri và những giáo sĩ Tân Ước (Ê-phê-sô 4:11)? Đây là những khả năng tôi đưa ra
 - a. Những hội thánh giáo sĩ được bắt đầu tại những khu vực chưa được truyền giáo (được sử dụng giống như trong *Didache*)
 - b. Những lãnh đạo của những mục sư trong những vùng hoặc hệ phái đã được rao truyền tin lành
 - c. ?

Tôi thích điều #1.

▣ "**Đấng Christ**" Cụm từ này là một cụm từ tương đương Hy Lạp với thuật ngữ Hê-bơ-rơ "*messiah*," vốn có nghĩa là "người được xức dầu." Nó ngụ ý về "một người được gọi và trang bị bởi Đức Chúa Trời cho một nhiệm vụ đặc biệt." Trong Cựu Ước ba nhóm lãnh đạo: những thầy tế lễ, các vị vua, và những nhà tiên tri, được xức dầu. Chúa Jesus đã ứng nghiệm cả ba chức vụ được xức dầu kể trên (Hê-bơ-rơ 1:2-3).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐÁNG MÊ-SI

Thật khó để dịch thuật ngữ này bởi vì cách sử dụng khác nhau liên hệ với thuật ngữ "Đấng Mê-si" hoặc "người được xức dầu" (BDB 603, KB 645). Thuật ngữ được sử dụng cho một sự xức dầu đặc biệt trên một người để chỉ đến sự kêu gọi và trang bị của Đức Chúa Trời cho một nhiệm vụ lãnh đạo được bổ nhiệm.

1. Được sử dụng cho các vị vua Do Thái (1 Sa-mu-ên. 2:10; 12:3; 24:6,10; 2 Sa-mu-ên. 19:21; 23:1; Thi 89:51; 132:10,17; Ca Thương 4:20; Ha-ba-cúc 3:13; "Vương Tử Được Xức Dầu" trong Đa-ni-ên 9:25)
2. Được sử dụng cho những thầy tế lễ Do Thái ("những thầy tế lễ được xức dầu," Xuất 29:7; Lev. 4:3,5,16; 6:15; 7:36; 8:12; và có lẽ cả trong Thi 84:9-10; và 133:2)
3. Được sử dụng cho các Tổ Phụ, và các vị tiên tri (Sáng 26:7; 1 Sứ Ký 16:22; Thi 105:15, vốn chỉ đến cộng đồng dân sự giao ước; có lẽ trong Ha-ba-cúc 3:13)

4. Được dùng cho các tiên tri (1 Các Vua 19:16; có lẽ cả trong 1 Sứ Ký 29:22)
5. Được dùng cho Si-ru (Ê-sai 45:1)
6. #1 và #2 được kết hợp trong Thi 110 và trong Xa-cha-ri 4
7. Được dùng cho Đấng Đặc Biệt sẽ đến của Đức Chúa Trời, Vị Vua từ Dòng Dõi Đa-vít sẽ đem đến kỷ nguyên mới của sự công chính
 - a. Thuộc nhà Giu-đa (Sáng 49:10)
 - b. Thuộc dòng dõi của Giê-se (2 Sa-mu-ên 7)
 - c. Tể trị trên toàn cầu (Thi 2; Ê-sai 9:6; 11:1-5; Mi-chê 5:1-4 và sau đó)
 - d. Chức vụ cho những người thiếu thốn (Ê-sai 61:1-3)

Cá nhân tôi được thu hút bởi sự định danh của "một người được xúc dầu" với Chúa Jesus người Na-xa-rét (Giăng 1:41; 4:25) bởi vì

1. Sự giới thiệu về một Vương Quốc đời đời trong Đa-ni-ên 2 xuyên suốt qua bốn đế chế
2. Sự giới thiệu về "con người" trong Đa-ni-ên 7:13 sẽ mang đến một vương quốc đời đời
3. Những mệnh đề cứu chuộc trong Đa-ni-ên 9:24, vốn chỉ đến một điểm tột bậc của lịch sử nhân loại sa ngã
4. Cách sử dụng sách Đa-ni-ên của Chúa Jesus trong Tân Ước (24:15; Mark 13:14)

Phải thừa nhận rằng đây là một danh xưng hiếm trong Cựu Ước, chỉ duy nhất trong Đa-ni-ên 9:25. Cũng phải xem xét rằng Chúa Jesus không tương thích với sự mô tả chung Cựu Ước về Đấng Mê-si.

1. Không phải là một lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên
2. Không chính thức được xúc dầu bởi một thầy tế lễ
3. Không chỉ là Đấng giải cứu chi của Y-sơ-ra-ên
4. Không chỉ là "con người," nhưng là "Con Đức Chúa Trời" đầy kinh ngạc

▣ **"Jesus"** Tên Hê-bơ-rơ này có nghĩa là "YHWH (GIÊ-HÔ-VA) cứu giúp," "YHWH (GIÊ-HÔ-VA) là sự cứu rỗi," "YHWH mang sự cứu rỗi." Từ này cũng chính là cùng một tên với tên Cựu Ước "Giô-suê." "Jesus" có nguồn gốc từ từ Hê-bơ-rơ dùng cho sự cứu rỗi, "hosea," là hậu tố với danh xưng giao ước dùng cho Đức Chúa Trời, "YHWH" (Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Các Danh Xưng dùng cho Đấng Thánh tại Cô-lô-se 1:3). Nó đã là danh xưng được định danh bởi chính Đức Chúa Trời bởi một thiên sứ của Chúa (Ma-thi-ơ 1:21).

▣ **"theo ý muốn của Đức Chúa Trời"** Cùng một cách giới thiệu này được sử dụng trong 1 Cô-rinh-tô 1:1; 2 Cô-rinh-tô 1:1; Ê-phê-sô 1:1 và 2 Ti-mô-thê 1:1. Phao-lô đã được thuyết phục rằng Chúa chọn ông để trở nên một Sứ Đồ. Nghĩa đặc biệt của sự kêu gọi này bắt đầu từ sự cải đạo biến đổi trên đường đến Đa-mách của ông (theo Công Vụ 9:1-22; 23:3-16; 26:9-18). Cụm từ mở đầu này nhấn mạnh sự biết rõ của Phao-lô về thẩm quyền được trao bởi Đức Chúa Trời của ông. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Ý muốn của Đức Chúa Trời tại Ê-phê-sô 1:9.

▣ **"Ti-mô-thê là anh em (chúng ta)"** tên của Ti-mô-thê có nghĩa là "được làm vinh hiển bởi Đức Chúa Trời" hoặc "người được vinh danh của Đức Chúa Trời." Ông có mẹ là người Do Thái (Công Vụ 16:1; 2 Ti-mô-thê 1:5) và cha là người Hy Lạp (Công Vụ 16:1). Ông trở lại đạo trong chuyến hành trình truyền giáo thứ nhất của Phao-lô đến Đet-bơ/ Lít-tơ (Công Vụ 16:1). Phao-lô mời ông gia nhập nhóm truyền giáo trong chuyến hành trình truyền giáo thứ hai, có lẽ để thay thế cho Giăng Mác (theo Công Vụ 15:36-41). Phao-lô đã cắt bì cho ông với mục đích tạo điều kiện thuận tiện cho chức vụ của ông giữa vòng người Do (Công Vụ 16:3). Ông trở nên người đại diện, người môn đồ và giải quyết những vướng mắc trong công việc của Phao-lô (Công Vụ 16:1-17:14; 18:5-19:22; 20:4; Rô-ma 16:21; 1 Cô-rinh-tô 4:17; 16:10; 2 Cô-rinh-tô 1:1, 19; Phil 1:2; 2:19; Gal. 1:1; Phi-lê-môn, Cô-lô-se 1:4; và 1,2 Ti-mô-thê).

Ông được nhắc đến cũng với Phao-lô trong một vài thư khác nhau (2 Cô-rinh-tô 1:1; Phi-líp 1:1; 1 Tê-sa 1:1; 2 Tê-sa 1:1 và Phi-lê-môn). Điều này không hàm ý về sự đồng tác giả, nhưng về sự hiện diện và chào thăm của Ti-mô-thê. Ti-mô-thê có thể làm công việc của một người thư ký của Phao-lô, cũng giống như là Si-la và Ty-chi-cơ cũng đã làm.

1:2 " các thánh đồ " "Các thánh đồ" (*hagioi*) về mặt thần học liên hệ với thuật ngữ Cựu Ước "thánh" (*kadosh*), vốn ngụ ý "được biệt riêng ra cho sự phục vụ Đức Chúa Trời" (1 Cô-rinh-tô 1:2; 2 Cô-rinh-tô 1:1; Rô-ma 1:1; Ê-phê-sô 1:1; Phi-líp 1:1). Nó ở thể số nhiều trong Tân Ước ngoại trừ một lần trong Phi-líp 4:21; và ngay cả ở đó, nó cũng được sử dụng trong văn mạch chỉ tập thể. Được cứu chính là sự trở nên một phần của cộng đồng giao ước của đức tin, của gia đình của các tín hữu, vốn chúng ta có trách nhiệm để phục vụ (1 Cô-rinh-tô 12:7).

Dân sự của Đức Chúa Trời thánh khiết bởi sự thánh khiết của Chúa Jesus được gán cho chúng ta (Rô-ma 4 và

2 Cô-rinh-tô 5:21). Ấy chính ý muốn của Đức Chúa Trời rằng họ sẽ sống những đời sống thánh khiết (Cô-lô-se 1:22; 3:12; Ê-phê-sô 1:4; 2:10; 4:1; 5:27; 1 Pet. 1:16). Các thánh đồ đều được xưng là thánh khiết (sự nên thánh về mặt địa vị) và được kêu gọi cho một lối sống của sự thánh khiết (sự nên thánh theo tiến trình). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự nên thánh tại Ê-phê-sô 1:1.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC THÁNH ĐỒ (*hagios*)

Thuật ngữ *Hagios* tiếng Hy-lạp tương tự như thuật ngữ *Kadosh* tiếng Hê-bơ-rơ, (noun, BDB 871;, BDB 872, KB 1066-1067; xem Chủ Đề Đặc Biệt: Thánh khiết.), mang ý nghĩa một vật, một thứ, một người được biệt riêng để phục vụ Đức Chúa Trời. Tiếng Anh là "sacred" và tiếng Việt là "thánh". I-sơ-ra-en là dân tộc thánh của Đức Giê-hô-va. (theo 1 Phi ê rơ 2:9, dẫn chứng từ Xuất Hành 19:6). Bản thân Đức Giê-hô-va cũng được biệt thánh, tách biệt khỏi nhân loại bởi bản thể thần linh, vĩnh cửu, vô tạo và bản tính thánh khiết của Ngài. Ngài là tiêu chuẩn của mọi tiêu chuẩn, nhờ Ngài mà mọi sự được đong lường và phán xét. Đức Chúa Trời siêu phàm, thiêng liêng.

Đức Chúa Trời tạo dựng con người với mục đích thông công. Nhưng tội lỗi trở nên hàng rào ngăn cách giữa Đấng Thánh và phàm nhân. Đức Chúa Trời chọn sự phục hồi tạo hóa, bởi vậy Ngài gọi con dân của Ngài nên thánh. (theo Lê vi ký 11:44; 19:2; 20:7,26; 21:8). Bằng mối liên hệ bởi đức tin với Đức Giê-hô-va, dân tuyên thuộc linh trở nên thánh khiết qua giao ước và qua nếp sống. (xem Chủ Đề Đặc Biệt: sự Nên Thánh, theo Ma thi ơ 5:48; Ê-phê-sô 4:1,17; 5:2-3,15; 1 Phi ê rơ 1:15).

Nếp sống thánh khiết có thể thực hiện bởi tín đồ được tha thứ (1) qua sự sống Chúa Giê-su và (2) công tác Đức Thánh Linh trong tâm lòng và tâm trí. Điều này có vẻ là một nghịch lý:

1. Trở nên thánh khiết bởi sự công chính của Đấng Christ. (tức là Rô ma 4)
2. Được gọi là thánh khiết bởi sự hiện diện của Đức Thánh Linh, Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Nên Thánh.

Tín đồ trở nên thánh đồ bởi

1. Ý chỉ của Đấng Thánh (Đức Chúa Cha theo Giăng 6:29,40; 1 Phi ê rơ 1:15-16)
2. Công tác của Chúa Giê-su theo 2 Cô rin tô 5:21; 1 Phi ê rơ 1:18-21)
3. Sự ngự trị trong lòng của Đức Thánh Linh, (theo Rô ma 8:9-11,27)

Tân Ước luôn nói về thánh đồ trong số nhiều. (trừ một trường hợp trong Phi-líp 4:21). Được cứu là được tham gia vào gia đình thuộc linh, trở nên chi thể của thân thể, một khối của tòa nhà. Đức tin theo Kinh Thánh bắt đầu bởi cá nhân, nhưng phát triển trong cộng đồng. Mỗi chúng ta đều có ân tứ, 1 Cô rin tô 12:1, để xây dựng Hội Thánh lành mạnh, trưởng thành, là thân thể Đấng Christ, theo 1 Cô rin tô 12:7. Chúng ta được cứu để phục vụ. Thánh khiết là thuộc tính của gia đình thiên thượng.

Thánh đồ là danh hiệu nói về bản chất của tín đồ, (theo Công vụ 9:13,32,41; 26:10; Rô ma 1:7; 1 Cô rin tô 1:2; 2 Cô rin tô 1:1; Ê-phê-sô 1:1; Phi-líp 1:1; Col. 1:2), đồng thời là cách bày tỏ việc họ được biệt riêng để phục vụ người khác, (theo Rô ma 12:13; 16:2; Ê-phê-sô 1:15; Col. 1:4; 1 Tim. 5:10; Hê-bơ-rơ 6:10). Phao-lô tiếp nhận quà tặng từ tín đồ ngoại bang cho hội thánh mẹ ở Giê-ru-sa-lem (theo Rô ma 15:25-26; 1 Cô rin tô 16:1; 2 Cô rin tô 8:4; 9:1).

▣ **"anh em trung tín "** Trong một sách được viết để chiến đấu với một nhóm tà giáo của những giáo sư giả, tiêu chuẩn này thật đáng chú ý! Phao-lô tin rằng hội thánh vẫn cứ tiếp tục trung tín với phúc âm của Đức Chúa Jesus Christ, đã được trao cho Phao-lô, trao cho Ê-pháp-ra, và trao cho họ!

Những từ, "đức tin," "tin cậy" và "tin" đều có cùng gốc từ Hy Lạp *pistis* (danh từ) và *pisteuō* (động từ). Từ này trước tiên nhấn mạnh vào sự đáng tin cậy của Đức Chúa Trời, chứ không phải sự nhiệt thành hoặc chân thật của sự đáp ứng của con người. Các tín đồ phải nhận và tin cậy nơi đặc tính đáng tin cậy và những lời hứa đời đời của Ngài. Điều then chốt chính là đối tượng của đức tin của tín đồ, chứ không phải là sự mạnh mẽ của đức tin đó (Ma-thi-ơ 17:20; Lu-ca 17:6). Cơ Đốc Giáo chính là một sự đáp ứng ăn năn/ đức tin khởi hoạt được đi theo bởi một lối sống trung tín. Đức tin theo Kinh Thánh chính là một chuỗi của sự lựa chọn-ăn năn, đức tin, vâng phục và kiên trì của con người. Sự thành tín của Đức Chúa Trời lại được sản sinh trong con cái của Ngài. Hình ảnh của Đức Chúa Trời (Sáng 1:26-27) được phục hồi và mỗi tương giao mật thiết một lần nữa lại có thể thực hiện được!

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỨC TIN, TIN, TIN CẬY (*PISTIS* [danh từ], *PISTEUŌ*, [động từ], *PISTOS* [tính từ])

- A. Đây là chữ rất quan trọng của Kinh Thánh (xem Hê-bơ-rơ 11:1,6). Nó là chủ đề cho những bài giảng lúc ban đầu của Đức Chúa Giê-xu (xem Mác 1:15). Có ít nhất hai đòi hỏi của giao ước mới: sự ăn năn và đức tin (xem 1:15; Công-vụ 3:16,19; 20:21).
- B. Từ nguyên (nguồn gốc của từ ngữ)
1. Chữ “đức tin” trong Cựu ước có nghĩa là trung thành, trung thực hay là đáng tin cậy là sự mô tả bản tính của Đức Chúa Trời, chứ không phải con người chúng ta.
 2. Nó phát xuất từ chữ Do thái (*emun, emunah*) có nghĩa là “chắc chắn” hay là “ổn định”. Đức tin cứu rỗi là
 - a. Một Đấng để tiếp nhận (đức tin, sự tin cậy cá nhân, xem mục E. phần 1. dưới đây)
 - b. Tin cậy vào những lẽ thật về Đấng ấy (phần Lời Chúa, trong mục E. phần 5. dưới đây)
 - c. Sống một đời sống giống như Đấng ấy (Sự trở nên giống như Đấng Christ)
- C. Cách sử dụng trong Cựu ước
- Cần phải nhấn mạnh rằng đức tin của Áp-ra-ham không đặt nơi Đấng Mê-si sẽ đến trong tương lai, nhưng là nơi những lời hứa của Đức Chúa Trời rằng ông sẽ có một đứa con và dòng dõi (xem Sáng-thể Ký 12:2; 15:2-5; 17:4-8; 18:14). Áp-ra-ham đáp ứng với lời hứa này bằng cách tin cậy nơi Đức Chúa Trời. Ông vẫn có những nghi vấn và trở ngại về lời hứa này, phải chờ đợi mười ba năm để hoàn thành. Đức tin của ông không trọn vẹn, tuy vậy vẫn được Đức Chúa Trời chấp nhận. Đức Chúa Trời sẵn sàng đồng công với con người sa ngã đáp ứng với Ngài và những lời hứa của Ngài bởi đức tin, ngay cả khi đức tin chỉ bằng hột cải (xem Ma-thi-ơ 17:20) hoặc đức tin pha lẫn (Mác 9:22-24)
- D. Cách sử dụng trong Tân ước
- Chữ “tin” phát xuất từ chữ Hy Lạp (*pisteuō*) được dịch là “tin”, “đức tin” hay là “tin cậy”. Ví dụ, dạng danh từ không xuất hiện trong Phúc âm Giăng, nhưng dạng động từ lại được thường sử dụng. Trong Giăng 2:23-25 có sự mơ hồ về tính chân thật của đám đông xác nhận Giê-xu người Na-xa-rét là đấng Mê-si. Những ví dụ khác về cách sử dụng chữ “tin hời hợt” là Giăng 8:31-59 và Công-vụ 8:13,18-24. Đức tin chân thật theo như Kinh Thánh thì nhiều hơn chỉ là đáp ứng ban đầu. Nó cần phải được tiếp tục bằng một quá trình môn đệ hóa sau đó (xem Ma-thi-ơ 13:20-22,31-32).
- E. Cách sử dụng như là GIỚI TỪ (PREPOSITIONS)
1. *eis* có nghĩa là “vào trong”. Cấu trúc độc đáo này nhấn mạnh những tín hữu đặt sự tin cậy/đức tin trong Đức Chúa Giê-xu
 - a. vào trong danh Ngài (Giăng 1:12; 2:23; 3:18; I Giăng 5:13)
 - b. vào trong Ngài (Giăng 2:11; 3:15,18; 4:39; 6:40; 7:5,31,39,48; 8:30; 9:36; 10:42; 11:45,48; 17:37,42; Ma-thi-ơ 18:6; Công-vụ 10:43; Phi-líp 1:29; I Phi-e-rơ 1:8)
 - c. vào trong Ta (Giăng 6:35; 7:38; 11:25,26; 12:44,46; 14:1,12; 16:9; 17:20)
 - d. vào trong Đức Chúa Con (Giăng 3:36; 9:35; I Giăng 5:10)
 - e. vào trong Đức Chúa Giê-xu (Giăng 12:11; Công-vụ 19:4; Ga-la-ti 2:16)
 - f. vào trong Sự sáng (Giăng 12:36)
 - g. vào trong Đức Chúa Trời (Giăng 14:1)
 2. *en* có nghĩa là “trong” giống như tại Giăng 3:15; Mác 1:15; Công-vụ 5:14
 3. *epi* có nghĩa là “trong” hay là ở trên, giống như tại Ma-thi-ơ 27:42; Công-vụ 9:42; 11:17; 16:31; 22:19; Rô-ma 4:5,24; 9:33; 10:11; I Ti-mô-thê 1:16; I Phi-e-rơ 2:6
 4. dạng TẶNG CÁCH không có GIỚI TỪ (DATIVE CASE with no PREPOSITION) giống như trong Ga-la-ti 3:6; Công-vụ 18:8; 27:25; I Giăng 3:23; 5:10
 5. *hoti*, có nghĩa là “tin rằng”, cho biết điều tin cậy.
 - a. Đức Chúa Giê-xu là Đấng Thánh của Đức Chúa Trời (Giăng 6:69)
 - b. Đức Chúa Giê-xu là Ta Là (Giăng 8:24)
 - c. Đức Chúa Giê-xu ở trong Đức Chúa Cha và Đức Chúa Cha ở trong Ngài (Giăng 10:38)
 - d. Đức Chúa Giê-xu là Đấng Mê-si (Giăng 11:27; 20:31)
 - e. Đức Chúa Giê-xu Con của Đức Chúa Trời (Giăng 11:27; 20:31)

- f. Đức Chúa Giê-xu được Đức Chúa Cha sai đến (Giăng 11:42; 17:8,21)
- g. Đức Chúa Giê-xu là một với Đức Chúa Cha (Giăng 14:10-11)
- h. Đức Chúa Giê-xu đến từ Đức Chúa Cha (Giăng 16:27,30)
- i. Đức Chúa Giê-xu xác nhận chính Ngài trong danh hiệu giao ước của Đức Chúa Cha, "Ta Là" (Giăng 8:24; 13:19)
- j. Chúng ta sẽ sống với Ngài (Rô-ma 6:8)
- k. Đức Chúa Giê-xu đã chết và đã sống lại (I Tê-sa-lô-ni-ca 4:14)

▣ " **trong Đấng Christ** " Đây là một cấu trúc ngữ pháp được gọi là một cách vị trí (locative) (chỉ về khu vực). Đây là cách yêu thích của Phao-lô để mô tả về những Cơ Đốc Nhân. Là những tín đồ chúng ta sống, dịch chuyển và có thân vị trong Ngài. (Công Vụ 17:28)! Ngài chính là nguồn gốc và cội nguồn của tất cả mọi phước hạnh thuộc. Phao-lô sử dụng cụm từ này 64 lần ("trong Đấng Christ," "trong Ngài," "trong Con yêu dấu"). Hãy xem bài viết đầy đủ tại Ê-phê-sô 1:4.

▣ " **ân điển và bình an cho anh em** " Cách chào hỏi thông thường trong những lá thư Hy Lạp chính là từ "chào thăm" (*charein*, Công Vụ 15:23; 23:36; Gia-cơ 1:1). Phao-lô đã thay đổi một cách đặc trưng từ này thành một từ phát âm tương tự nhưng là thuật ngữ Cơ Đốc, ân điển, (*charis*). Nhiều người cho rằng Phao-lô đã bằng cách nào đó kết hợp cách chào hỏi Hy Lạp và cách chào hỏi Hê-bơ-rơ, bình an (*shalom*). Mặc dầu đây là một thuyết khá hấp dẫn, nó có vẻ nói quá nhiều vào cụm từ dẫn nhập đặc trưng này của Phao-lô (Rô-ma 1:7; 1 Cô-rinh-tô 1:3; 2 Cô-rinh-tô 1:2; Phi-líp 1:2; và Phi-lê-môn 3).

"Ân điển" là một từ đặc biệt vốn mô tả đặc tính yêu thương, thương xót của Đức Chúa Trời. Con người trở nên công chính trước mặt Đức Chúa Trời bởi vì Ngài là Đấng như thế nào, chứ không phải bởi vì họ là ai. Ấy đó chính là sự nhân từ, rộng rãi, yêu thương, tha thứ của Đức Chúa Trời, sự chậm nóng giận, đầy dẫy lòng thương xót vốn hình thành nên niềm hy vọng duy nhất cho nhân loại (Xuất 34:6- 7; Nê-hê-mi 9:17; Thi Thiên 103:8-14; Giô-ên 2:13; Mi-chê 6:18-20)! Cơ Đốc Giáo đặt nền tảng trên đặc tính không đòi hỏi của Đức Chúa Trời (Ma-la-chi 3:6; Gia-cơ 1:17), công việc được hoàn tất của Đức Chúa Jesus Christ (Mác 10:45; 2 Cô-rinh-tô 5:21) và chức vụ của Đức Thánh Linh (Giăng 14:25-26; 16:7-15).

"Bình an" là kết quả của sự hiểu biết về đặc tính của Đức Chúa Trời và những lời hứa của phúc âm (Giăng 14:27; 16:33). Bình an chính là một niềm vui nội tại và sự vững vàng ngăn cách khỏi những hoàn cảnh, những sự dạy dỗ sai trật đem lại sự hủy phá và sự bất bớ (Phi-líp 4:7; Col. 3:15).

▣ " **Đức Chúa Trời, Cha chúng ta** " Cách đọc này được thấy trong những thảo bản Ông-xi-an cổ (tiếng Hy Lạp được viết theo kiểu chữ nêm) B, D, K, L, những bản dịch cổ Vulgate, Peshitta và Coptic và những bản tiếng Hy Lạp được sử dụng bởi Origen và Chrysostom. Những thảo bản K, A, C, G thêm vào "và Đức Chúa Jesus Christ chúng ta." Cụm từ này cũng hiện diện trong Cô-lô-se 1:3. Nó chính là cách dùng từ thông thường của Phao-lô trong những bài cầu nguyện mở đầu (Rô-ma 1:7; 1 Cô-rinh-tô 1:3; 2 Cô-rinh-tô 1:2; Gal. 1:3; Ê-phê-sô 1:2; Phi-líp 1:2; 2 Tê-sa 1:2; 1 Ti-mô-thê 1:2; 2 Ti-mô-thê 1:2 và Tít 1:4). UBS⁴ cho cách đọc ngắn hơn một đánh giá điểm "A" (chắc chắn).

"Cha" không được dùng trong nghĩa về mặt dòng dõi giới tính hay trình tự theo thời gian, nhưng là mối liên hệ gia đình mật thiết. Đức Chúa Trời chọn những thuật ngữ gia đình để bày tỏ về chính mình Ngài cho nhân loại (Ô-sê 2-3, nơi Đức Chúa Trời được bày tỏ như một người tình đầy nhiệt thành, chung thủy, và đoạn 11 nơi Ngài được bày tỏ như một bậc cha mẹ yêu thương).

Sự mặc khải của Đấng Thánh không phải là một sự Tác Động Khởi Thủy hay Căn Nguyên Ban Đầu (First Cause) của triết học Hy Lạp, nhưng chính là Cha của Đức Chúa Jesus Christ. Kinh Thánh không phải là một loại triết học luận giải bởi con người nhưng là một sự khải tỏ, một sự mặc khải không thể được khám phá bởi sự phân tích của con người.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỨC CHÚA CHA

Cụm Ước giới thiệu một hình ảnh quen thuộc gắn gũi của Đức Chúa Trời đó là hình ảnh người Cha:

1. quốc gia Do Thái thường được gọi là 'con' của Đức Giê-hô-va (Ô-sê 11:1; Ma-la-chi 3:17);
2. ngay cả trước đó trong sách Phục truyền Luật lệ ký hình ảnh Đức Chúa Trời là Cha cũng đã được sử dụng (1:31);

3. trong Phục truyền đoạn 32 Y-sơ-ra-ên được gọi là “con cái của Ngài” và Chúa được gọi là “Cha của các người”;
4. hình ảnh này cũng được nêu trong Thi thiên 103: 13 và phát triển thêm trong Thi thiên 68:5 (cha của kẻ mồ côi); và
5. hình ảnh này cũng rất thông dụng trong các sách tiên tri (Ê-sai 1:2; 63:8; Y-sơ-ra-ên là con trai, và Đức Chúa Trời là Cha, 63:16; 64:8; Giê-rê-mi 3:4, 19; 31:9).

Chúa Jêsus sử dụng tiếng A-ram, có nghĩa là trong nhiều chỗ khi chữ “Cha” xuất hiện trong tiếng Hy Lạp, *Pater*, thì nó diễn tả chữ *Abba* trong tiếng A-ram (14:36). Những từ ngữ như “Ba” hay “Cha” cho thấy sự thân mật của Chúa Jêsus với Cha; Việc Chúa bày tỏ sự thân mật này cho các môn đồ thấy khuyến khích chúng ta cũng nên có mối liên hệ mật thiết với Đức Chúa Cha. Từ “Cha” chỉ được dùng cho Đức Giê-hô-va trong Cựu ước, nhưng Chúa Jêsus dùng nó rất thường và dùng ở nhiều nơi. Khái niệm này là một sự mặc khải quan trọng cho mối liên hệ mới của chúng ta với Đức Chúa Trời qua Chúa Jêsus Christ (Ma-thi-ơ 6:9).

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010 (NASB (UPDATED)): CÔ-LÔ-SE 1:3-8

³ Khi cầu nguyện cho anh em, chúng tôi luôn cảm tạ Đức Chúa Trời, Cha của Chúa chúng ta là Đức Chúa Jêsus Christ. ⁴ Vì chúng tôi đã nghe về đức tin của anh em trong Đấng Christ Jêsus và lòng yêu thương của anh em đối với tất cả các thánh đồ, ⁵ bởi niềm hi vọng đã dành sẵn cho anh em ở trên trời, điều mà trước kia anh em đã nghe trong lời chân lý, là Tin Lành đã đến với anh em. ⁶ Tin Lành này đang kết quả và phát triển trên khắp thế giới cũng như giữa anh em, từ ngày anh em đã nghe và hiểu ân điển thực sự của Đức Chúa Trời. ⁷ Anh em đã học điều đó nơi Ê-pháp-ra, bạn đồng lao quý mến của chúng tôi. Anh ấy là người thay mặt anh em làm người phục vụ trung thành của Đấng Christ, ⁸ và là người đã tỏ cho chúng tôi biết lòng yêu thương của anh em trong Thánh Linh.

1:3-8 Những câu 3-8 chính là một câu trong tiếng Hy Lạp vốn có nghĩa rằng chúng là một lời cầu nguyện được duy trì một cách liên tục của lời tạ ơn về đức tin của hội thánh trong Đấng Christ. Những lời cầu nguyện tạ ơn mở đầu về người nhận rất phổ biến trong các lá thư Hy Lạp. Trong thư của Phao-lô có hai lời cầu nguyện mở đầu (Col. 1:3-8 and Col. 1:9-14).

1:3 "cảm tạ" "Sự tạ ơn" là một chủ đề quán xuyên (thường xuyên) trong lá thư này (Cô-lô-se 1:12; 2:7; 3:15; 4:2), cũng như "sự vui mừng" trong thư gửi cho người Phi-líp. Cần nhớ rằng Phao-lô đã bị bỏ tù tại Rô-ma và hội thánh tại Cô-lô-se đã trải qua những giai đoạn khó khăn. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự tạ ơn trong Cô-lô-se 4:2.

▣ **"Đức Chúa Trời, Cha của Chúa chúng ta là Đức Chúa Jêsus Christ"** Hãy chú ý Đức Chúa Trời Ba Ngôi trong Cô-lô-se 1:3 và 8. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-phê-sô 1:3.

▣ **"Chúa"** Thuật ngữ "chúa" (*kurios*) có thể được dùng trong nghĩa chung hoặc nghĩa thần học đặc biệt. Nó có thể có nghĩa "quý ông," "quý ngài" (Giăng 4:11,15,19,49; 5:7; 12:21; 20:15), "chủ nhân," "chủ sở hữu," "chồng," hoặc "Đấng Thần-nhân trọn vẹn" (ví dụ, Giăng 4:1; 6:34,68; 11:2,3,12,21,27,34,39). Những ví dụ rõ về hai cả cách sử dụng trong cùng một văn mạch chính là Giăng 9:36 và 9:38.

Cách sử dụng Cựu Ước của từ này (*adon*) xuất phát từ sự ngăn ngại việc đọc danh xưng giao ước được dùng cho Đức Chúa Trời, YHWH (GIÊ-HÔ-VA), xuất phát từ động từ Hê-bơ-rơ "là" (Xuất 3:14). Họ sợ hãi sự phá vỡ điều răn vốn nói rằng, "Ngươi chớ lấy danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi mà làm chơi" (Xuất 20:7, Phục Truyền 5:11). Họ nghĩ rằng nếu như họ không đọc nó lên, họ sẽ không lấy nó ra làm chơi được. Do vậy họ thay thế nó bởi từ Hê-bơ-rơ, *adon*, vốn có nghĩa tương tự với từ Hy Lạp, *Kurios* (Chúa).

Những tác giả Tân Ước sử dụng từ này để mô tả về Thần Tính đầy đủ của Đấng Christ. Cụm từ "Jesus là Chúa" là một sự tuyên xưng công khai của đức tin và cách thức thánh của hội thánh đầu tiên (Rô-ma 10:9-13; 1 Cô-rinh-tô 12:3; Phi-líp 2:11).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC DANH XUNG CỦA Đấng THÁNH

A. *El* (BDB 42, KB 48)

1. Ý nghĩa nguyên gốc của thuật ngữ cổ mang tính chung loại về Đấng Thánh thì chưa được xác định rõ ràng, mặc dù có nhiều học giả tin rằng nó đến một từ gốc ngôn ngữ Akkadian, “trở nên mạnh mẽ” hoặc “trở nên quyền lực” (Sáng 17:1; Dân Số 23:19; Phục 7:21; Thi 50:1).
2. Trong hệ thống đa thần của người Ca-na-an vị thần tối cao của họ là *El* (các văn bản Ras Shamra)
3. Trong Kinh Thánh *El* không thường được ghép với các thuật ngữ khác. Có những sự kết hợp trở thành một cách để bày tỏ về đặc tính Đức Chúa Trời.
 - a. *El-Elyon* (“Đức Chúa Trời tối cao”), Sáng 14:18-22; Phục 32:8; Ê-sai 14:14
 - b. *El-Roi* (“Đức Chúa Trời hay đoán xem” hoặc “Đức Chúa Trời bày tỏ về Ngài”), Sáng 16:13
 - c. *El-Shaddai* (“Đức Chúa Trời toàn năng” hoặc “Đức Chúa Trời đầy sự thương xót” hoặc “Đức Chúa Trời của ngọn núi cao”), Sáng 17:1; 35:11; 43:14; 49:25; Xuất 6:3
 - d. *El-Olam* (“Đức Chúa Trời Hằng-hữu”), Sáng 21:33. Đây là thuật ngữ liên hệ với lời hứa của Đức Chúa Trời với Đa-vít, II Sa 7:13, 16
 - e. *El-Berit* (“Đức Chúa Trời của Sự Giao Ước”) Các Quan Xét 9:46
4. *El* ngang hàng với
 - a. Giê-hô-va trong Thi 85:8; Ê-sai 42:5
 - b. *Elohim* trong Sáng 46:3; Gióp 5:8, “Ta là *El*, *Elohim* của cha ngươi”
 - c. *Shaddai* trong Sáng 49:25
 - d. “kỵ tà (ghen ty)” trong Xuất 34:14; Phục 4:24; 5:9; 6:15
 - e. “thương xót” trong Phục 4:31; Nê-hê-mi 9:31; “thành tín” trong Phục 7:9; 32:4
 - f. “rất lớn và đáng sợ” trong Phục 7:21; 10:17; Nê-hê-mi 1:5; 9:32; Đa-ni-ên 9:4
 - g. “thông biết mọi điều” trong I Sa 2:3
 - h. “đòn lủy vững chắc” trong II Sa 22:33
 - i. “báo thù cho tôi” trong II Sa 22:48
 - j. “Đấng Thánh” trong Ê-sai 5:16
 - k. “quyền năng” trong Ê-sai 10:21
 - l. “sự cứu rỗi tôi” trong Ê-sai 12:2
 - m. “Đấng vĩ đại và quyền năng (vạn quân)” trong Giê 32:18
 - n. “hay báo trả” trong Giê 51:56
5. Một sự kết hợp của tất cả những danh xưng chính trong cựu ước được tìm thấy trong Giô-suê 22:22 (*El*, *Elohim*, *Giê-hô-va*, được lặp lại)

B. *Elyon* (BDB 751, KB 832)

1. Thuật ngữ này căn bản có nghĩa là “tối cao,” “được tôn trọng” hoặc “được tôn cao” (Sáng 40:17; I Các vua. 9:8; II Các vua 18:17; Nê. 3:25; Giê 20:2; 36:10; Thi 18:13).
2. Nó được sử dụng cho một ý nghĩa song song với một vài tên/ danh xưng khác của Đức Chúa Trời.
 - a. *Elohim* - Thi 47:1-2; 73:11; 107:11
 - b. *Giê-hô-va* - Sáng 14:22; II Sa 22:14
 - c. *El-Shaddai* - Thi 91:1,9
 - d. *El* - Dân số Ký 24:16
 - e. *Elah* - Được sử dụng thường xuyên trong Đa-ni-ên 2-6 và Ê-xơ-ra 4-7, được nối với *illair* (từ tiếng A-ram cho “Đức Chúa Trời chí cao”) trong Đa-ni-ên 3:26; 4:2; 5:18,21
3. Thường được sử dụng bởi người không phải là người Y-sơ-ra-ên.
 - a. Mên-chi-xê-đéc, Sáng 14:18-22

- b. Ba-la-am, Dân Số Ký 24:15
- c. Môi-se , nói với các dân tộc trong Phục 32:8
- d. Phúc âm của Lu-ca trong Tân Ước, được viết cho người ngoại bang, cũng sử dụng từ tương đương trong tiếng Hy Lạp *Hupsistos* (1:32,35,76; 6:35; 8:28; Công vụ 7:48; 16:17)

C. *Elohim* (SỐ NHIỀU), *Eloah* (SỐ ÍT), được sử dụng nguyên thủy trong thơ ca

1. Thuật ngữ này không được tìm thấy ở ngoài Cựu Ước.
2. Từ này có thể gọi danh xưng của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên hoặc Đức Chúa Trời của các dân tộc (Xuất 12:12; 20:3). Gia đình Áp-ra-ham đã là những người đa thần. (Giô-suê 24:2).
3. Nó có thể liên hệ đến các quan xét Do Thái (Xuất 21:6; Thi 82:6).
4. Thuật ngữ *elohim* cũng được sử dụng cho những thực thể thuộc linh khác (những thiên sứ, ma quỷ) Như trong Phục 32:8 (Bản Bảy Mươi); Thi 8:5; Gióp 1:6; 38:7. Nó có thể cũng liên hệ đến những quan xét là con người (Ví dụ: Xuất 21:6; Thi 82:6)
5. Trong Kinh Thánh, nó là tên/ danh xưng đầu tiên cho Đấng Thánh (Sáng 1:1). Nó được sử dụng ngoại trừ Sáng 2:4, nơi mà nó được sử dụng kết hợp với Giê-hô-va . Về căn bản, nó liên hệ về thần học với Đức Chúa Trời chính là Đấng sáng tạo, Đấng duy trì và chu cấp cho mọi sự sống trên hành tinh này.(Thi 104).

Nó ở thể khuyết danh cùng với *El* (Phục 32:15-19). Nó cũng có thể hiện diện song song với Giê-hô-va như trong Thi 14 (*elohim*) thì giống một cách chính xác với Thi 53 (Giê-hô-va), ngoại trừ việc thay đổi những tên của Đấng Thánh.

6. Mặc dù ở SỐ NHIỀU và được sử dụng cho các thần khác, thuật ngữ này thường được xác định cho Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, nhưng thường nó ở thể ĐỘNG TỪ SỐ ÍT ĐỂ chỉ rõ lối sử dụng độc thần.
7. Thuật ngữ này được tìm thấy ra từ lời của những người không phải là người Y-sơ-ra-ên như là tên của Đấng Thánh.
 - a. Mên-chi-xê-đéc, Sáng 14:18-22
 - b. Ba-la-am, Dân 24:2
 - c. Môi-se, khi phán với các dân tộc, Phục 32:8
8. Điều lạ ở đây rằng một tên rất phổ biến của Đức Chúa Trời độc thần của Y-sơ-ra-ên lại ở SỐ NHIỀU! Mặc dù, không có sự chắc chắn hoàn toàn, nhưng có những giả thuyết sau đây:
 - a. Tiếng Hê-bơ-rơ có nhiều thể SỐ NHIỀU, thường được sử dụng dành cho sự nhấn mạnh. Liên quan chặt chẽ đến điều này chính là chức năng ngữ pháp Hê-bơ-rơ sau này được gọi là “số nhiều của Đấng Vĩ Đại” nơi mà SỐ NHIỀU được sử dụng để nhấn mạnh một khái niệm.
 - b. Điều này cũng có thể nhắc đến một hội đồng thiên sứ, là những thực thể mà Chúa gặp gỡ họ trên thiên đàng và thi hành những mệnh lệnh của Ngài (1 Các Vua. 22:19-23; Gióp 1:6; Thi 82:1; 89:5,7.
 - c. Nó cũng có thể phản ánh sự mặc khải trong Tân Ước về Một Đức Chúa Trời trong ba thân vị. Trong Sáng 1:1 Đức Chúa Trời sáng tạo; Sáng 1:2 Đức Thánh Linh vận hành và trong Tân Ước, Chúa Giê-xu là Đấng thi hành của Đức Chúa Cha trong sự sáng tạo (Giăng 1:3,10; Rô-ma. 11:36; I Cô-rinh-tô. 8:6; Cô-lô-se. 1:15; Hê-bơ-rơ 1:2; 2:10).

D. YHWH (BDB 217, KB 394)

1. Đây là tên bày tỏ Đấng Thánh như là một Đức Chúa Trời thiết lập giao ước; Đức Chúa Trời là Đấng Cứu Rỗi, Đấng Cứu Chuộc! Con người phá vỡ giao ước, nhưng Đức Chúa Trời thành tín với lời Ngài, với lời hứa và giao ước của Ngài(Thi 103).

Tên này là tên đầu tiên được nhắc đến trong sự kết hợp với *Elohim* trong Sáng 2:4. Có hai lần nhắc đến về sự sáng tạo trong Sáng 1-2, nhưng có hai sự nhấn mạnh khác nhau: (1) Chúa là Đấng sáng tạo của cả vũ trụ (vật chất) và (2) Chúa là Đấng sáng tạo cụ thể của loài người. Sáng 2:4 bắt đầu với sự mặc khải đặc biệt về vị trí vinh dự và mục đích của loài người, cũng

như là nạn đề về tội lỗi và sự phản nghịch với liên hệ với vị trí đặc biệt đó của họ.

2. Trong Sáng 4: 26 có nói rằng “người ta bắt đầu cầu khẩn danh Đức Giê-hô-va.” (YHWH). Tuy nhiên, Xuất. 6:3 ngụ ý rằng trong giao ước sớm loài người (Các tổ phụ và gia đình của họ) đã biết duy Chúa là Đức Chúa Trời toàn năng (*El-Shaddai*). Tên YHWH được giải thích một lần duy nhất trong Xuất. 3:13-16, đặc biệt là câu 14. Tuy nhiên, những sách của Môi-se thường giải nghĩa những thuật ngữ bởi những từ ngữ thông thường chứ không phải những từ cổ (ví dụ: Sáng 17:5; 27:36; 29:13-35). Đã có những giả thuyết được trình bày về ý nghĩa của tên này (được lấy trong tập 2 trang 409-411):
 - a. từ một từ gốc tiếng Ả-rập, “bày tỏ một tình yêu nồng nhiệt”
 - b. từ một từ gốc tiếng Ả-rập “thôi” (YHWH(GIÊ HÔ-VA) như là một Đức Chúa Trời như con bão)
 - c. Từ một từ gốc Ugartic (Ca-na-an) “phán”
 - d. theo một phần khắc tiếng Phoenician, một PHÂN TỬ CHỈ NGUYÊN NHÂN có nghĩa “người duy trì,” hoặc “Đấng thiết lập”
 - e. từ từ tiếng Hê-bơ-rơ *Qal* được hình thành “Đấng Ta là,” hoặc “Đấng Hiện Hữu” (trong ý nghĩa tương lai, “Đấng Hằng Hữu”)
 - f. từ từ tiếng Hê-bơ-rơ *Hiphil* hình thành “Đấng khiến xảy ra”
 - g. từ động từ gốc Hê-bơ-rơ “sống” (Sáng 3:20), có nghĩa “Đấng Sống tự hữu, hằng hữu”
 - h. từ bối cảnh của Xuất 3:13-16, một hành động của thể a play on the THỂ CHỮA HOÀN THÀNH được sử dụng có nghĩa HOÀN THÀNH (THỂ HOÀN THÀNH) “Ta sẽ tiếp tục là Đấng ta Đã là trong quá khứ” hoặc “Ta sẽ tiếp tục là Đấng ta luôn luôn là” (trích trong quyển *Nhìn khái quát về các Cấu trúc cú pháp trong Cựu Ước (A Survey of Syntax in the Old Testament)* được viết bởi J. Wash Watts, trang 67)
Tên đầy đủ của YHWH(GIÊ HÔ-VA) thường được trình bày trong một tiếp vĩ ngữ hoặc cũng có thể trong thể nguyên gốc
 - (1) *Yah* (ví dụ Hallelu - yah)
 - (2) *Yahu* (Isaiah)
 - (3) *Yo* (tên, ví dụ: Joel)
3. Sau này, đối với Do Thái giáo, tên giao ước này trở nên vô cùng thánh khiết (Danh Thánh Thiên Chúa (tetragrammaton)) đến nỗi mà người Do Thái trở nên sợ hãi để nhắc đến e rằng học sẽ vi phạm mạng lệnh trong Xuất 20:7 và Phục 5:11; 6:13. Do vậy, họ thay thế bằng thuật ngữ Hê-bơ-rơ cho “chủ nhân” “chủ” “chồng” “chúa”—*adon* hoặc *adonai* (chúa của tôi). Khi họ đến với từ YHWH (GIÊ HÔ-VA) trong khi đọc Cựu Ước họ phát âm “chúa”. Đó là lý do tại sao tên YHWH (GIÊ HÔ-VA) được viết là CHÚA (LORD) trong các bản dịch tiếng Anh.
4. Cũng như cùng với *El*, YHWH thường được kết hợp với những thuật ngữ khác để nhấn mạnh những đặc điểm của Đức Chúa Trời Giao Ước của Y-sơ-ra-ên. Có nhiều cách kết hợp các thuật ngữ, đây là một vài ví dụ.
 - a. *YHWH - Yireh* (YHWH(GIÊ HÔ-VA) sẽ chu cấp), Sáng 22:14
 - b. *YHWH - Rophekha* (YHWH (GIÊ HÔ-VA) là Đấng Chữa lành người), Xuất 15:26
 - c. *YHWH - Nissi* (YHWH(GIÊ HÔ-VA) là cờ xí của tôi), Xuất 17:15
 - d. *YHWH - Meqaddishkem* (YHWH (GIÊ HÔ-VA) Đấng thánh hóa người), Xuất 31:13
 - e. *YHWH - Shalom* (YHWH(GIÊ HÔ-VA) là sự Bình an), Các quan xét 6:24
 - f. *YHWH - Sabaoth* (YHWH(GIÊ HÔ-VA) vạn quân), I Sam. 1:3,11; 4:4; 15:2; thường trong các sách tiên tri)
 - g. *YHWH - Ro'I* (YHWH (GIÊ HÔ-VA) là Đấng chặn giữ tôi), Thi 23:1
 - h. *YHWH - Sidqenu* (YHWH (GIÊ HÔ-VA) là sự công bình chúng ta), Giê-rê-mi 23:6

☐ " **cầu nguyện (luôn luôn, không thôi) cho anh em** " "luôn luôn" có thể liên hệ về mặt ngữ pháp với "cầu nguyện" (NASB, NKJV, NJB) hoặc "tạ ơn" (NRSV, TEV). Sự cầu nguyện và tạ ơn liên hệ không thể tách rời trong sự thực hành và thần học của Phao-lô. Phao-lô cầu nguyện cho họ (Cô-lô-se 1:9; Ê-phê-sô 1:16) yêu cầu họ cầu nguyện cho ông (Cô-lô-se 4:3; Ê-phê-sô 6:18; 1 Tê-sa 5:25). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: LỜI Cầu Nguyện Cầu Thay tại Cô-lô-se 4:3. Phao-lô đề cập đến vấn đề này một lần nữa tại Cô-lô-se 1:9. Tại đó có vẻ như hai lời cầu nguyện được đặt chung với nhau.

1:4 "vì chúng tôi đã nghe " Đại từ số nhiều chỉ về Phao-lô và nhóm sứ mạng của ông. Họ đã nghe về những vấn đề về những giáo sư giả và đức tin của các thánh đồ từ Ê-pháp-ra (Cô-lô-se 1:7,8) người đã mở ra hội thánh.

1:4-5 "đức tin . . . lòng yêu thương . . . niềm hy vọng" Đây là một bộ ba được yêu thích trong thần học của Phao-lô (Rô-ma 5:2-5; 1 Cô-rinh-tô 13:13; Gal. 5:5-6; 1 Tê-sa 1:3; 5:8). Nó mô tả sự tự tin mà các tín đồ có cả trong hiện tại (đức tin) và một sự hoàn tất trọn vẹn chắc chắn tương lai (hy vọng). Sự tự tin này được sống bày tỏ ra hằng ngày trong tình yêu thương.

1:4 "đức tin của anh em " Từ này (*pistis*) có thể có ba nghĩa rộng được phân biệt.

1. Bối cảnh Cựu Ước của nó có nghĩa "sự trung tín" hoặc "sự đáng tin cậy," vì vậy, nó được sử dụng cho những tín đồ sống đời sống tin kính.
2. Nó được sử dụng cho sự chấp nhận hoặc nhận lãnh của các tín đồ sự ban tặng sự tha thứ nhưng không (miễn phí) của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ.
3. Nó được sử dụng trong nghĩa chung của tín lý Cơ Đốc hoặc những lẽ thật về Jesus ("đức tin (đạo)," Công Vụ 6:7 và Giu-đe 1:3, 20).

Trong một vài phần Kinh Thánh, thật khó để phân biệt nghĩa rộng nào được ngụ ý. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Tin, Tin, Sự Tin Cây tại Cô-lô-se 1:2.

☐ "**trong Đấng Christ Jesus**" Giới từ được Phao-lô sử dụng thường xuyên cho đức tin chính là "vào trong (nơi)" (*eis*) Đấng Christ, vốn nói về Chính Ngài như là đối tượng của đức tin của một người, nhưng ở đây giới từ là "trong" (*en*) vốn chỉ về Chúa Jesus như một khu vực hiện hữu (Cô-lô-se 1:2; Công Vụ 17:28).

☐ "**lòng yêu thương của anh em đối với tất cả các thánh đồ** " Đức tin nơi Đức Chúa Trời được bày tỏ trong tình yêu đối với những người khác, đặc biệt trong gia đình đức tin (Ga-la-ti 6:10). Cách sử dụng từ "tất cả" là rất đáng chú ý trong một bối cảnh gây đổ bởi thuyết độc chiếm của những giáo sư giả. Các tín đồ cần phải phân biệt giữa những ai là những thánh đồ và những kẻ không phải! Để xem về "những thánh đồ" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Cô-lô-se 1:2.

1:5 "niềm hy vọng" Phao-lô sử dụng từ này với một vài nghĩa khác nhau nhưng có liên hệ với nhau. Thường nó là sự liên hệ với sự trọn vẹn của đức tin của các thánh đồ. Từ này có thể mô tả như sự sống đời đời, vinh hiển, sự cứu chuộc cuối cùng, Sự Tái Lâm, v.v... Sự hoàn thành trọn vẹn là chắc chắn, nhưng yếu tố thời gian là ở tương lai và không biết. Niềm hy vọng thường được liên hệ với "đức tin" và "tình yêu thương" (Rô-ma 5:2-5; 1 Cô-rinh-tô 13:13; Ga-la-ti 5:5-6; Ê-phê-sô 4:2-5; 1 Tê-sa 1:3; 5:8).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ TRÔNG CẬY(HY VỌNG) (*elpis*)

Phao-lô thường sử dụng chữ này theo nhiều ý khác biệt nhưng có liên hệ lẫn nhau. Nó thường liên kết với sự làm trọn đức tin của tín hữu (xem I Ti-mô-thê 1:1). Chữ này có thể dùng như sự vinh hiển, sự sống đời đời, sự cứu rỗi sau cùng, sự trở lại lần thứ hai, vân vân... Sự kết thúc chung cuộc là chắc chắn, nhưng yếu tố thời gian là ở tương lai và không biết rõ. Hy vọng thường đi cùng với "đức tin" và "tình yêu thương" (1 Cô-rinh-tô 13:13; 1 Tê-sa 1:3; 2 Tê-sa. 2:16). Một danh sách một phần của những gì mà Phao-lô đã sử dụng chính là:

1. Sự đến lần thứ hai (xem Ga-la-ti 5:5; Ê-phê-sô 1:18; 4:4; Tít 2:13)
2. Đức Chúa Giê-xu là nguồn hy vọng của chúng ta (xem I Ti-mô-thê 1:1)

3. Tín hữu sẽ phải trình diện trước Đức Chúa Trời (xem Cô-lô-se 1:22-23; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:19)
4. Hy vọng đặt nơi thiên đàng (xem Cô-lô-se 1:5)
5. Tin cậy nơi phúc âm (Cô-lô-se 1:23; I Tê-sa 2:19)
6. Sự cứu rỗi sau rốt (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 4:13)
7. Vinh quang của Đức Chúa Trời (xem Rô-ma 5:2; II Cô-rinh-tô 3:7-12; Cô-lô-se 1:27)
8. Sự cứu rỗi của người ngoại trong Đấng Christ (xem Cô-lô-se 1:27)
9. Sự bảo đảm cho ơn cứu rỗi (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 5:8-9)
10. Sự sống đời đời (xem Tít 1:2; 3:7)
11. Sự kết quả của đời sống Cơ Đốc trưởng thành (Rô-ma 5:2-5)
12. Sự cứu chuộc của tất cả tạo vật (xem Rô-ma 8:20-22)
13. Việc làm trọn của sự nhận làm con (xem Rô-ma 8:23-25)
14. Danh hiệu của Đức Chúa Trời (xem Rô-ma 15:13)
15. Sự khao khát của Phao-lô cho các tín đồ (2 Co 1:7)
16. Chỉ dẫn Cụ Ước cho những tín hữu Tân Ước (xem Rô-ma 15:4)

▣ " **đã dành (đặt) sẵn cho anh em ở trên trời** " Đây là một phép ẩn dụ chỉ về sự bảo vệ thiên thượng của một niềm hy vọng của những tín đồ (2 Ti-mô-thê 4:8; 1 Phi-e-rơ 1:4).

Những giáo sư giả không thể tác động trên sự cứu chuộc trọn vẹn của các thánh đồ (sự hy vọng).

▣ " **trước kia anh em đã nghe** " Đây là thể chỉ định chủ động thì bất định (aorist active indicative) của một từ ghép, "nghe" và trước kia." Câu này chỉ về sự rao giảng phúc âm của Ê-pháp-ra, mà qua đó người Cô-lô-se vốn đã đáp ứng cách cá nhân với đức tin. Các tín đồ cần phải nghe, đáp ứng, vâng lời và kiên trì đứng vững.

▣ " **trong lời chân lý, là Tin Lành** " Cụm từ này có thể được hiểu trong một vài cách.

1. Theo phương diện phương cách họ nghe về lẽ thật bởi những phương tiện của phúc âm
2. Theo cách đương thời họ đã được nghe về phúc âm
3. theo cách xác nhận như phương cách nhận diện về phúc âm như là lời chân lý

Chú ý cách phúc âm được mô tả trong Cô-lô-se 1:6 như là "ân điển của Đức Chúa Trời trong lẽ thật (ân điển thực sự của Đức Chúa Trời)." Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Lẽ Thật trong Những Tác Phẩm của Phao-lô tại Ê-phê-sô 1:13.

1:6 " trên khắp thế giới " Cụm từ này chỉ về thế giới Hy Lạp (Hy Lạp-La Mã). Đây là một sự đề cập nhấn mạnh phổ biến trong Tân Ước (cách nói ngoa dụ (cách nói so sánh phóng đại nhằm diễn đạt ý một cách mạnh mẽ)), vốn theo Ma-thi-ơ 28:18-20; Lu-ca 24:46-47; Công Vụ 1:8, (giờ đây) đã trở nên hiện thực.

Thuật ngữ Hy Lạp (*kosmos*) có một vài cách sử dụng. Nó có thể chỉ đến

1. hành tinh thực sự (trái đất)
2. nhân loại sống trên khắp bề mặt của hành tinh đó
3. những cấu trúc hành chính, hệ triết lý, những thể chế giáo dục và hệ thống tôn giáo của nhân loại sa ngã vốn cho phép họ có thể thực hiện chức năng trong sự độc lập với Đức Chúa Trời

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁCH PHAO-LÔ SỬ DỤNG CHỮ *KOSMOS* (THẾ GIÀN)

Phao-lô dùng chữ *kosmos* theo nhiều cách.

1. Tất cả trật tự được tạo dựng (xem Rô-ma 1:20; Ê-phê-sô 1:4; I Cô-rinh-tô 3:22; 8:4,5)
2. Hành tinh này (xem II Cô-rinh-tô 1:17; Ê-phê-sô 1:10; Cô-lô-se 1:20; I Ti-mô-thê 1:15; 3:16; 6:7) 3. Nhân loại (xem 1:27-28; 4:9,13; Rô-ma 3:6,19; 11:15; II Cô-rinh-tô 5:19; Cô-lô-se 1:6)
4. Nhân loại tổ chức và hành động tách biệt khỏi Đức Chúa Trời (xem 1:20-21; 2:12; 3:19; 11:32; Ga-la-ti 4:3; Ê-phê-sô 2:2,12; Phi-líp 2:15; Cô-lô-se 2:8,20-24). Điểm này rất giống với cách dùng của Giăng (I Giăng 2:15-17)
5. Cấu trúc của thế giới hiện tại (xem 7:29-31; Ga-la-ti 6:14 tương tự như Phi-líp 3:4-9, nơi đây Phao-lô mô tả những cấu trúc theo cách Do thái).

Có một vài cách dùng lại trùng lặp lẫn nhau và khó có thể phân loại rõ ràng cho từng cách sử dụng. Cũng giống như nhiều chữ trong tư tưởng của Phao-lô, chữ này cần phải được định nghĩa theo văn mạch cụ thể chứ không thể dựa vào định nghĩa sẵn có. Các thuật ngữ Phao-lô sử dụng rất là uyển chuyển (xem James Stewart's *A Man in Christ*). Phao-lô không có ý định xây dựng thần học hệ thống, ông chỉ rao giảng về Đấng Christ.

▣ " **đang kết quả và phát triển** " Cả hai từ đều là những phân từ (động tính từ) thì hiện tại (present participles). Từ đầu tiên ở thể trung cách (middle voice) và từ thứ hai ở thể bị động (passive) nhưng trong văn mạch này thì không có sự phân biệt thần học nào được ngụ ý, nhưng nó có minh họa cho sự cân bằng giao ước của những hành động con người và thiên thượng. Kết quả chính là dấu chỉ của sự tái sinh (Cô-lô-se 1:10; Ma-thi-ơ 13:1-23; Giăng 15:16; Ga-la-ti 5:22-23; Gia-cơ 2:14-26).

NASB	"hiểu"
NKJV	"biết"
NRSV	"thấu hiểu"
TEV	"tiến đến sự hiểu biết"
NJB	"nhận ra"

Đây là một thể chỉ định chủ động thì bất định được tăng cường (intensified Aorist active indicative form) của một thuật ngữ Hy Lạp *epignōskō* vốn ngụ ý "hiểu biết một cách hoàn toàn và đầy trải nghiệm." Người Cô-lô-se đã nhận biết phúc âm vốn cả là một thân vị và một lễ thật (kết hợp ý nghĩa của "nhận biết" trong tiếng Hê-bơ-ơ và Hy Lạp). Đây là sự phản ứng lại của Phao-lô đối với sự nhấn mạnh tà giáo trên tri thức của con người (Cô-lô-se 1:9, 10).

▣ " **ân điển của Đức Chúa Trời trong lễ thật (ân điển thực sự của Đức Chúa Trời) "** Cụm từ này chỉ về phúc âm của Đức Chúa Jesus Christ, vốn mô tả đầy đủ và cuối cùng bản chất và đặc điểm của Đấng Thánh cho nhân loại. Niềm hy vọng tối thượng trong đặc tính đầy thương xót và không đòi hỏi của Đức Chúa Trời (Ma-la-chi 3:6).

Từ Hy Lạp "ân điển" (*charis*) được sử dụng trong tiếng Hy Lạp Koine (trong khoảng những năm 200 TC (Trước Chúa- 200 SC (Sau Chúa)) và trong bản Bảy Mươi (Septuagint) (250- 100 TC.) trong một vài nghĩa khác – sự quyền rũ, sắc đẹp, sự duyên dáng, một sự chấp thuận, một lợi ích, một hành động của sự ân chuẩn, hoặc một sự chu cấp. Trong Tân Ước, nó trước tiên được sử dụng cho một tình yêu và sự thương xót không xứng đáng, không tương xứng của Đức Chúa Trời ba ngôi vốn ban sự công chính và phục hồi mối liên hệ với nhân loại sa ngã (Ê-phê-sô 4:4-7). Sự nhấn mạnh vốn luôn trên sự xứng đáng của Đấng ban cho (Chúa), chứ không phải kẻ nhận lãnh (nhân loại). Tất cả mọi điều cần, Đức Chúa Trời đều đã chu cấp! Tất cả mọi điều mà mỗi cá nhân cần phải làm là đáp ứng (Ê-phê-sô 2:8-9)!

Để xem về "lễ thật" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: "Lễ thật" trong Những Tác Phẩm của Phao-lô tại Ê-phê-sô 1:13.

1:7 "Ê-pháp-ra" (Cô-lô-se 4:12-13; Phi-lê-môn 23). Ông chính là người mở ra ba hội thánh (Cô-lô-se, Hi-ê-ra-bô-li, và Lao-đi-xê) nằm ở Trũng Sông Lycus (Lycus River Valley), và là người đại diện của Phao-lô (Cô-lô-se 1:7). Ông có lẽ chính là người đã được cải đạo trong thời gian Phao-lô sống ở Ê-phê-sô (Công Vụ 19:10). Tên của ông là thể viết tắt của Ép-ba-phô-đích (Epaphroditus) vốn có liên hệ nguồn gốc từ nguyên chỉ đến nữ thần Aphroditus. Một người nam khác có cùng tên này được nhắc đến trong Phi-líp 2:25; 4:18. Tuy nhiên, ông đến từ một khu vực địa lý khác.

NASB	"một tôi tớ trung tín của Đấng Christ đại diện cho chúng tôi "
NKJV, NRSV	"một nhân sự trung tín của Đấng Christ đại diện cho anh em "
TEV	"Một người làm việc trung tín của Đấng Christ thay mặt cho chúng tôi "
NJB	"Một người ủy quyền đáng tin cậy cho chúng tôi như tôi tớ của Đấng Christ "

Những bản thảo cổ tiếng Hy Lạp khác nhau về những đại từ. Một vài bản chép là "chúng tôi" và những bản khác chép là "anh em." "Chúng tôi" có vẻ tốt nhất về mặt văn bản bởi vì nó được thấy trong những thảo bản Hy Lạp cổ từ sớm P⁴⁶, κ^* , A, B, D*, F, và G. Nhưng những học giả từ United Bible Society cảm thấy "anh em" là nguyên gốc bởi vì vị trí của nó trong những cổ bản của các giáo phụ đầu tiên và những bản dịch từ sớm trong Latin, và Coptic (theo Bruce M. Metzger, *A Textual Commentary on the Greek New Testament*, ở trang 619-620).

1:8 "lòng yêu thương của anh em trong Thánh Linh" Cụm từ này, thật đáng ngạc nhiên, là phần duy nhất chỉ đến Đức Thánh Linh trong lá thư này, mặc dù Ngài chính là, có lẽ, được ngụ ý đến trong "sự đổ đầy" trong Cô-lô-se 1:9 và "ngự trong" trong Cô-lô-se 3:16. Mục tiêu của tình yêu gây dựng bởi Đức Thánh Linh có thể là

1. Những tín đồ khác
2. Phao-lô và nhóm sứ mạng của ông
3. Ê-pháp-ra
4. Tất cả những người ở trên và ngay cả người hư mất

BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐÍCH 2010 (NASB (UPDATED)): CÔ-LÔ-SE 1:9-14

⁹ Vì thế, từ ngày nghe được điều này, chúng tôi không ngừng cầu nguyện cho anh em, xin Đức Chúa Trời ban cho anh em sự hiểu biết tường tận về ý muốn của Ngài trong mọi sự khôn ngoan và thông hiểu thuộc linh ¹⁰ để sống một cách xứng đáng cho Chúa, đẹp lòng Ngài hoàn toàn, kết quả trong tất cả việc lành, và tăng trưởng trong sự hiểu biết Đức Chúa Trời. ¹¹ Nhờ quyền năng vinh quang của Ngài mà anh em được đầy năng lực để có thể kiên trì chịu đựng mọi sự một cách vui vẻ, ¹² và dâng lời cảm tạ Đức Chúa Cha, là Đấng đã làm cho anh em xứng đáng dự phần cơ nghiệp của các thánh đồ trong ánh sáng. ¹³ Ngài đã giải thoát chúng ta khỏi quyền lực của bóng tối, và đem chúng ta vào vương quốc của Con yêu dấu Ngài; ¹⁴ trong Con ấy, chúng ta được sự cứu chuộc là sự tha tội.

1:9-20 Đây là một câu trong tiếng Hy Lạp. Cô-lô-se 1:9-12 chính là lời cầu nguyện của Phao-lô cho những tín đồ ấy. Cô-lô-se 1:13-14 mô tả những gì Đức Chúa Cha đã làm cho các tín đồ thông qua Con Ngài. Những câu 15-18 có lẽ là một đoạn trích từ một bài thánh ca Cơ Đốc cổ xưa hoặc một tuyên ngôn tuyên xưng liên hệ đến chức vụ của Con (những bài thánh ca có khả năng khác, Phi-líp 2:6-11, 1 Ti-mô-thê 3:16, 2 Tim, 2:11-12). Đây là một trong những sự tuyên xưng mang tính thần học Đấng Christ vĩ đại nhất trong những tác phẩm của Phao-lô (so sánh với Phi-líp 2:6-11).

1:9 "nghe được điều này" Phao-lô đã không bắt đầu hội thánh này, nhưng ông biết những thành viên của hội thánh ấy cách cá nhân. Ông đã nghe về đức tin và tình yêu của họ từ người thành lập nên hội thánh, Ê-pháp-ra (Cô-lô-se 1:7-8).

▣ **"chúng tôi không ngừng cầu nguyện cho anh em"** Thể số nhiều chỉ về (1) chính bản thân Phao-lô (số nhiều về mặt biên tập) hoặc (2) Phao-lô và nhóm truyền giáo của ông. Các lãnh đạo phải thường xuyên gìn giữ bày của họ đến với Đức Chúa Trời. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Cầu Nguyện Cầu Thay tại Cô-lô-se 4:3.

▣ **"để anh em có thể được đổ đầy (xin Đức Chúa Trời ban cho anh em)"** Đây là một thể cầu khẩn thụ động thì bất định (aorist passive subjunctive). Các tín đồ không thể đổ đầy chính mình, nhưng họ phải cho phép và hợp tác với Đức Thánh Linh (Ê-phê-sô 5:18).

"được đổ đầy" chính là động từ chính của Cô-lô-se 1:9-12. Nó chính là một trong hai sự cầu xin Phao-lô đã đưa ra thay mặt cho những tín đồ Cô-lô-se. Điều còn lại chính là cho họ bước đi cách xứng (Cô-lô-se 1:10). Chú ý cách ông liên hệ những tri thức của Đức Chúa Trời với một đời sống giống Chúa (tin kính) (Ê-phê-sô 4:1,17; 5:2,15). Đức tin mà không có việc làm là đức tin chết (Gia-cơ 2:14-26).

▣ **"sự hiểu biết về ý muốn của Ngài"** Nội dung của sự hiểu biết này (*epignōskō*, một tri thức trải nghiệm, câu 6) chính là phúc âm. Phúc âm là (1) một nội dung của lẽ thật để tin vào; (2) một Đấng để nhận lãnh; và (3) một đời sống giống như Đấng đó để sống. Ý muốn của Chúa chính là mỗi người đáp ứng cách cá nhân với Đấng Christ (Giăng 6:29,40) Đấng chính là mục tiêu của mọi "sự khôn ngoan và hiểu biết thuộc linh."

Câu này là một sự chơi chữ trên thần học của những giáo sư giả. Đây là một sự khẳng định bởi (1) cách sử dụng của Phao-lô của từ "đổ đầy" (*plerōma*), một trong những từ yêu thích của Trí Huệ Giáo (tà giáo) dùng cho những sự bản thể phát xuất (các vị thần) giữa vị thần tối cao và những cấp bậc thiên sứ và (2) sự nhấn mạnh của họ về những tri thức bí (Cô-lô-se 2:3). Đối với Phao-lô, tất cả sự trọn vẹn và tri thức ở trong Đấng Christ, Đấng chính là sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời (*sophia*, Cô-lô-se 1:28; 2:3,23; 3:16; 4:5; Ê-phê-sô 1:8,17; 3:10) và sự hội tụ của mọi lẽ (*sunesis*, Cô-lô-se 2:2).

Hãy chú ý sự lặp lại ba tầng: "tri thức," "sự khôn ngoan," và "sự hiểu biết." Điều này phản ánh sự nhấn mạnh của những giáo sư giả về lẽ thật bí ẩn (Cô-lô-se 2:3). Đấng Christ chính là chân lý của Đức Chúa Trời (Giăng 14:6)!

1:10 "bước đi (sống) một cách xứng đáng cho Chúa" Đây là một nguyên mẫu chủ động thì bất định (aorist active infinitive). Nó được định nghĩa bởi bốn phân từ thì hiện tại (present participles) (Cô-lô-se 1:10-12) vốn

mô tả sự bước đi cách xứng đáng (Cô-lô-se 2:6; 3:7; 4:5; Ê-phê-sô 2:10; 4:1,17; 5:2,15; 1 Tê-sa 2:12; 4:1). Ý muốn của Đức Chúa Trời chính là con cái Ngài sẽ phản chiếu đặc tính của Ngài hằng ngày.

▣ " **kết quả trong tất cả việc lành** " Để xem về "kết quả" hãy xem ghi chú tại Cô-lô-se 1:6. Đây là từ đầu trong bốn phân từ thì hiện tại (Cô-lô-se 1:10-12) vốn mô tả những đời sống xứng đáng.

Ý muốn của Đức Chúa Trời chính là những tín đồ sẽ sống những đời sống giống Chúa (tin kính). Sự biến đổi đạo đức của các tín đồ chính là bằng chứng rằng những hình ảnh của Đức Chúa Trời đã được phục hồi! Nó phục vụ như một cây cầu cho việc truyền giáo. Nó mô tả những đặc tính của gia đình mới của các thánh đồ và chỉ về người cha thật của chúng ta là ai- Đức Chúa Trời.

Sự cứu chuộc theo Kinh Thánh chính là một món quà miễn phí, vốn phải kết quả trong một đời sống mới và khác hẳn (Ê-phê-sô 2:8-9, 10).

▣ " **tăng trưởng trong sự hiểu biết Đức Chúa Trời** " Đây là phân từ thì hiện tại (present participle) thứ hai. Đây là một từ ghép mạnh mẽ cho kiến thức trải nghiệm (*epignōskō*, Cô-lô-se 1:9,10; 3:10; Ê-phê-sô 1:17; 4:13). Các tín đồ cần tiếp tục nắm lấy ý nghĩa của phúc âm và tiếp tục sống bày tỏ những ý nghĩa của nó.

1:11 " Nhờ (mọi) quyền năng mà anh em được đầy năng lực " Đây là phân từ thì hiện tại (present participle) thứ ba có nghĩa "với mọi quyền năng đã được ban." Cũng giống như sự cứu chuộc, đời sống Cơ Đốc chính là một món quà siêu nhiên, không phải không được trợ giúp, hay là những nỗ lực hay cam kết đầy cố gắng (bởi sức riêng) của con người (Ga-la-ti 3:1-3). Các tín đồ cần phải nương cậy vào nơi Thánh Linh để sản sinh ra những đời sống tin kính, hiệu quả (Ê-phê-sô 5:18). Từ này luôn được dùng cho năng lực siêu nhiên (Ê-phê-sô 1:19; Phi-líp 4:13).

▣ " **(tùy theo ý muốn) vinh quang của Ngài** " Cụm từ này mô tả cách các tín đồ "được thêm sức với mọi quyền năng" như thế nào. Họ phải gieo vào Thánh Linh của Đức Chúa Trời, và năng lượng, quyền năng, sự vinh hiển là của Ngài!

▣ " **kiên trì chịu đựng** " một sự suy đoán có phải những từ này được sử dụng đồng nghĩa. Chúng có trọng điểm khác biệt nhẹ. Kiên trì (*hupomonē*) có nghĩa là sự chịu đựng và bền chí cách kiên nhẫn, trong khi chịu đựng (*makrothumia*) có nghĩa là sự chịu đựng cách kiên nhẫn trước điều ác hoặc sự bắt bớ. Chúng đều là những sự khuyên dạy thường xuyên từ Phao-lô (2 Cô-rinh-tô 6:4,6; 2 Ti-mô-thê 3:10). Các tín đồ chỉ có khả năng trong những điều này trong năng lực của Đức Chúa Trời mà thôi. Những thuật ngữ này thường được sử dụng để mô tả cách Đức Chúa Trời đối xử với nhân loại sa ngã (Rô-ma 2:4; 9:22; 1 Cô-rinh-tô 6:6) và cách mà nhân loại đã được chuộc vì thế nên đối xử với lẫn nhau (Ga-la-ti 5:22-23; Ê-phê-sô 4:2; Cô-lô-se 3:12).

▣ " **một cách vui vẻ** " Cụm từ này có thể liên hệ về mặt ngữ pháp với Cô-lô-se 1:11 (NKJV) hoặc Cô-lô-se 1:12 (NASB, NRSV, TEV, NJB).

1:12 " dâng lời cảm tạ " Từ này là từ cuối trong bốn phân từ thì hiện tại (present participles) trong Cô-lô-se 1:10-12 vốn mô tả cách bước đi xứng đáng như một sự tạ ơn kiên trì không dứt. Sự tạ ơn chính là đặc điểm của một đời sống được đầy đầy Đức Thánh Linh (Cô-lô-se 3:17; Ê-phê-sô 5:20; 1 Tê-sa 5:18).

▣ " **(đến) Đức Chúa Cha** " Các Cơ Đốc Nhân cần phải liên tục được nhắc nhở rằng Tân Ước tập chú vào chức vụ của Con không được làm giảm bớt sự ngợi khen Đức Chúa Cha của họ. Ngài chính là Đấng mà đặc tính và ân điển đã được bày tỏ ra trong Chúa Jesus. Ngài chính là Đấng đã sai và nâng đỡ, gìn giữ Con (Ê-phê-sô 1:3-14 và 15-23).

Có một vài sự khác biệt về thảo bản Hy Lạp ở cụm từ này. Tuy vậy, cách đọc này được ủng hộ bởi các bản thảo Hy Lạp P⁶¹, A, C, D, K, và P cũng như là bản dịch tiếng La-tinh Vulgate. UBS⁴ cho nó một sự đánh giá điểm "B" (gần chắc chắn). Những sự khác biệt này, thường đúng là không ảnh hưởng đến ý nghĩa, lẽ thật hoặc sự đáng tin cậy của văn bản. Những nhà chép Kinh Thánh trong thời kỳ đầu tiên cố gắng làm cho những phần Kinh Thánh họ chép trở nên rõ ràng hơn. Hãy xem Phụ Lục Hai.

NASB, NKJV	"đủ tiêu chuẩn"
NRSV	"làm cho có khả năng"
TEV	"đã làm cho anh em phù hợp"
NJB	"đã làm cho anh em có khả năng "

Từ này chỉ được sử dụng duy nhất ở đây và trong 2 Cô-rinh-tô 3:5-6 (tính từ được sử dụng ở đây được dùng 2 Cô-rinh-tô 2:16; 3:5 và 2 Ti-mô-thê 2:2). Đức Chúa Trời đã làm cho chúng ta đủ tiêu chuẩn (1) bằng cách công bố rằng chúng ta công chính trong Đấng Christ (xung công chính và sự nên thánh về mặt địa vị) Và (2) bằng cách gia tăng sự trở nên giống như Đấng Christ trong chúng ta (sự nên thánh theo tiến trình). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự nên thánh tại Ê-phê-sô 1:1.

▣ **"chúng ta"** Những phần Kinh Thánh cổ tiếng Hy Lạp chia ra một cách ngang bằng giữa "chúng ta" (NASB, NKJV) và "anh em" (NRSV, TEV, NJB). UBS⁴ đánh giá "anh em" một điểm "B" (gần như chắc chắn). Cụm từ "anh em" có thể được chép ở đây bởi một nhà chép Kinh để phù hợp với Cô-lô-se 1:13.

▣ **"dự phần cơ nghiệp"** Phần cơ nghiệp (thừa kế) nguyên văn là từ "(bất) thăm." Trong Cựu Ước Đức Chúa Trời hứa với Áp-ra-ham một vùng đất và một hậu tự (Sáng 12:12). Cựu Ước tập chú vào đất; Tân Ước tập chú vào hậu tự. Trong Cựu Ước, vùng đất Palestine được ban cho như là một phần cơ nghiệp chi tộc cho tất cả mọi con cái của Gia-cốp (Giô-suê 12-19) ngoại trừ chi phái Lê-vi, bởi vì họ phục vụ Chúa trong một nhiệm vụ đặc biệt (Dân Số 4:45). Đức Chúa Trời đã phán rằng chính Ngài là cơ nghiệp của họ (Dân Số 18:24). Trong một nghĩa thì toàn bộ tuyến dân Cựu Ước đều là những thầy tế lễ (Xuất 19:4-6). Họ là một vương quốc của những thầy tế lễ để mang cả thế giới đến với Chúa. Dân sự Tân Ước của Đức Chúa Trời được nhắc đến trong những thuật ngữ Cựu Ước như những thầy tế (1 Phi-e-rơ 2:5,9; Khải Huyền 1:6). Cũng như những người Lê-vi đã có Đức Chúa Trời chính là phần cơ nghiệp của họ, thì giờ đây là tất cả những tín đồ Tân Ước cũng như vậy (Công Vụ 20:32; Rô-ma 8:17; Ga-la-ti 4:7).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: GIA SẢN CỦA TÍN ĐỒ.

Trong Cựu Ước tất cả các chi phái ngoại trừ chi phái Lê-vi đều nhận được một vùng đất cơ nghiệp (Giô-suê 14-22). Chi phái Lê-vi, là chi phái của những thầy tế lễ, những người hầu việc trong đền thờ và những thầy giảng dạy địa phương, được xem như là có chính YHWH là cơ nghiệp của họ (Thi 16:5; 73:23-26; 119:57; 142:5; Ca Thương 3:24). Những tác giả Tân Ước thường lấy những quyền và đặc ân của người Lê-vi và áp dụng chúng cho tất cả các tín đồ. Đây chính là cách của họ để nhấn mạnh rằng những người theo Chúa Jesus chính là dân sự thật của Đức Chúa Trời và giờ đây mọi tín đồ đều được kêu gọi để phục vụ như những thầy tế lễ cho Đức Chúa Trời (1 Phi-e-rơ 2:5,9; Khải Huyền 1:6), như những sự khăng định Cựu Ước về toàn bộ Y-sơ-ra-ên (Xuất 19:4-6). Sự nhấn mạnh Tân Ước không phải trên cá nhân như một thầy tế lễ với những đặc ân cụ thể, nhưng trên lẽ thật rằng tất cả các tín đồ đều là những thầy tế lễ, vốn yêu cầu một thái độ tội tó tập thể (1 Cô-rinh-tô 12:7). Dân Sự Tân Ước của Đức Chúa Trời đã được trao nhiệm vụ Cựu Ước của sự truyền giáo ra toàn bộ thế giới (Sáng 12:3; Xuất 19:5b; Ma-thi-ơ 28:18-20; Lu-ca 24:46-47; Công Vụ 1:8; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Kế Hoạch Cứu Chuộc Đời Đời của YHWH (Đức Giê-hô-va).

Đây chính là khái niệm về Chúa Jesus như là Đấng sở hữu thế giới tạo hóa bởi vì Ngài chính là tác nhân của sự sáng tạo của Cha (Giăng 1:3,10; 1 Cô-rinh-tô 8:6; Cô-lô-se 1:16; Hê-bơ-rơ 1:2-3). Chúng ta là những kẻ đồng kế tự bởi vì Ngài chính là con thừa kế (Rô-ma 8:17; Ga-la-ti 4:7; Cô-lô-se 3:24). Kinh Thánh nói về sự thừa kế của các tín đồ (Công Vụ 20:32; 26:18; Ê-phê-sô 1:4; Cô-lô-se 1:12; 3:24) trên nhiều điều bởi vì mối liên hệ gia đình của họ với Chúa Jesus là Đấng kế tự trên mọi vật (Hê-bơ-rơ 1:2). Vì vậy, họ là những kẻ đồng kế tự (Rô-ma 8:17; Ga-la-ti 4:7) của

1. vương quốc, (theo Ma thi ơ 25:34, I Cô rin tô 6:9-10; 15:50)
2. sự sống đời đời, (theo Ma thi ơ 19:29)
3. hứa ngôn Đức Chúa Trời, (theo Hê-bơ-rơ 6:12)
4. sự bảo vệ của Đức Chúa Trời, (theo I Phi ê rơ 1:4; 5:9).

▣ **" của các thánh đồ "** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại câu 2.

▣ **" trong ánh sáng "** Cụm từ này cả là (1) một tuyên ngôn đạo đức (Giăng 3:19) hoặc là (2) một sự tuyên xưng về sự giống như Đấng Christ trong sự tương phản, trái ngược với ma quỷ (Ê-phê-sô 6:12; Công Vụ 26:18).

1:13-14 Những câu này thực hiện chức năng như một sự chuyển tiếp đến bản tín điều thần học Đấng Christ tuyệt vời Cô-lô-se 1:15-20. Nó mô tả những gì mà Đức Chúa Cha đã làm cho các tín đồ thông qua Con.

1:13 " Ngài đã giải thoát chúng ta " Đại từ nhân xưng chỉ về Đức Chúa Cha. Thể chỉ định trung cách (động từ trung gian) thì bất định (This aorist middle (deponent) indicative) được sử dụng trong nghĩa của sự giải cứu (NRSV, TEV, NJB).

☐ **" khỏi quyền lực của bóng tối "** Nguyên văn cụm từ này là "thảm quyền (*exousia*) của sự tối tăm " (Cô-lô-se 1:12; Lu-ca 22:53). NJB dịch là " sức mạnh cai trị của bóng tối." Sự sáng và sự tối tăm thường được sử dụng trong Do Thái Giáo và Những Cuộn Biển Chết để đại diện cho hai thế lực thuộc linh của sự tốt lành và tối tăm (Giăng 3:19-21). Phao-lô sử dụng từ này một vài lần trong Cô-lô-se (Cô-lô-se 1:13, 16; 2:10, 15).

☐ **" đem "** Từ này nguyên văn là "tái định cư" hay là "tái sắp xếp." Cả hai động từ trong câu này đều ở thì bất định. Đây là những điều mà Đức Chúa Trời đã hoàn thành cho các tín đồ.

☐ **" vương quốc "** Chúa Jesus sử dụng khái niệm này như một thực tế trong hiện tại đi cùng với một sự hoàn thành trọn vẹn trong tương lai. Văn mạch nhấn mạnh những gì các tín hữu vốn đã sở hữu trong Đấng Christ (Ê-phê-sô 2:5-6)! Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Vương Quốc Đức Chúa Trời tại Ê-phê-sô 5:5.

Phao-lô đã không dùng chính xác cụm từ của Chúa Jesus "Vương Quốc Đức Chúa Trời" thường xuyên, có lẽ bởi vì Người Ngoại sẽ khó để hiểu khái niệm Do Thái này.

☐ **" của Con yêu dấu Ngài "** Đức Chúa Cha đã ban danh xưng này cho Chúa tại khi Ngài chịu báp tem và hóa hình. (Ma-thi-ơ 3:17; 17:5). Chúa Jesus chính là con độc nhất (*monogenēs*, Giăng 1:18, 3:16, 18; 1 Giăng 4:9). Các tín đồ là những con cái qua Ngài.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CON ĐỨC CHÚA TRỜI

Đây là một trong những danh hiệu chính của Đức Chúa Giê-xu trong Tân-ước. Nó chắc chắn mang ý nghĩa thiêng liêng. Nó bao hàm ý nghĩa Đức Chúa Giê-xu là "Con" hay "Con Ta" và Đức Chúa Trời là Cha. Từ này xuất hiện 124 lần trong Tân-ước. Ngay cả danh hiệu tự xưng của Đức Chúa Giê-xu "Con Người" cũng có ý nghĩa linh thiêng rút ra từ Đa-ni-ên 7:13-14.

Trong Cựu-ước, từ "con trai" có thể chỉ bốn nhóm khác nhau:

- A. Thiên sứ (thường dùng SỐ NHIỀU, xem Sáng-thế Ký 6:2; Gióp 1:6; 2:1)
- B. Vua của Y-sơ-ra-ên (xem II Sa-mu-ên 7:14; Thi-thiên 2:7; 89:26-27)
- C. Cả quốc gia Do Thái (xem Xuất 4:22-23; Phục-truyền 14:1; Ô-sê 11:1; Ma-la-chi 2:10)
- D. Các quan xét của Y-sơ-ra-ên (Thi 82:6)

Ý nghĩa thứ hai trong nhóm này liên hệ đến Chúa Giê-xu. Như vậy "con Đa-vít" và "con Đức Chúa Trời đều liên hệ đến II Sam. 7; Thi 2 và 89. Trong Cựu-ước từ ngữ "con Đức Chúa Trời" không bao giờ được chỉ cụ thể đến Đấng Mết-si-a, trừ trường hợp vị vua trong thời cuối cùng (eschatological king) chức vụ được xúc dầu của Y-sơ-ra-ên. Tuy nhiên, trong Cuộn Biển Chết danh hiệu chỉ đến Đấng Mết-si-a là rất thông thường (xem cuốn *Dictionary of Jesus and the Gospels*, trang 770). Từ "Con Đức Chúa Trời" cũng là một danh hiệu của Đấng Mết-si-a trong các tập sách ngụ kinh của người Do thái (xem II Esdras 7:28; 13:32,37,52; 14:9 và I Hê-nóc 105:2).

Nền tảng Tân-ước của danh hiệu này khi chỉ đến Chúa Giê-xu được tóm tắt lại theo các mục sau:

1. Sự hiện hữu từ trước của Ngài (Giăng 1:1-18)
2. Sự sanh ra đặc biệt bởi nữ đồng trinh (Ma-thi-ơ 1:23; Lu-ca 1:31-35)
3. Báp-têm (Ma-thi-ơ 3:17; Mác 1:11; Lu-ca 3:22. Tiếng phán của Đức Chúa Trời từ trời đã kết hợp danh hiệu vua trong Thi thiên 2 với danh hiệu đầy tớ chịu khổ nạn trong Ê-sai 53).
4. Chịu ma quỷ cám dỗ (Ma-thi-ơ 4:1-11; Mác 1:12,13; Lu-ca 4:1-13. Ngài bị cám dỗ để sanh nghi ngờ về địa vị làm con của Ngài hay ít ra hoàn thành mục đích bằng một con đường khác hơn là thập tự giá).
5. Sự xác nhận danh hiệu của Ngài bởi những kẻ tuyên xưng không được chấp nhận
 - a. Ma quỷ (Mác 1 :23-25 ; Lu-ca 4 :31-37 ; Mác 3 :11-12)
 - b. Những kẻ không tin Chúa (Ma-thi-ơ 27 :43 ; Mác 14 :61 ; Giăng 19 :7)
6. Sự xác nhận danh hiệu của Ngài bởi các môn đồ

- a. Ma-thi-ơ 14 :33 ; 16 :16
- b. Giăng 1 :34, 49 ; 6 :69 ; 11 :27
- 7. Sự tự xác nhận của Ngài
 - a. Ma-thi-ơ 11 :25-27
 - b. Giăng 10 :36
- 8. Cách dùng hình ảnh quen thuộc của Chúa Giê-xu chỉ Đức Chúa Trời là Cha
 - a. Chúa dùng chữ ‘*abba*’ để chỉ Đức Chúa Trời
 - 1) Mác 14 :36
 - 2) Rô-ma 8 :15
 - 3) Ga-la-ti 4 :6
 - b. Chúa thường dùng chữ Cha (*pater*) để diễn tả mối liên hệ với Đấng Thần linh

Tóm lại, danh hiệu “Con Đức Chúa Trời” có ý nghĩa thần học lớn lao đối với những người am tường Cựu ước, các lời hứa và các cách chỉ định, nhưng những người viết Tân-ước có phần lúng túng về cách dùng của nó đối với người ngoại bởi vì theo cách hiểu thông thường của họ ‘các thần’ lấy phụ nữ rồi sanh con cháu là những ‘người tài giỏi’ hay ‘người không lồ.’

1:14 " trong Con ấy, chúng ta được " Đây là một thể chỉ định chủ động thì hiện tại (present active indicative). Trong Đấng Christ các tín đồ có và tiếp tục có những phúc hạnh mang tính cách gia đình của Đức Chúa Trời.

▣ **" sự cứu chuộc "** Từ này có thể là một sự ngụ ý chỉ đến thuật ngữ Cựu Ước (*paduh*, "giải thoát hoặc chuộc" and *gaal*, "đem sự tự do thông qua một đại diện của một người bà con [*go'el*]). Jesus đã chuộc mua chúng ta từ trong sự nô lệ (Ê-sai 53:11-12; Mác 10:45; Ê-phê-sô 1:7). Sự cứu chuộc chính là một thực tế trong hiện tại (Ê-phê-sô 1:7) và một sự hoàn tất trọn vẹn trong tương lai (Ê-phê-sô 4:30).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: GIÁ CHUỘC, SỰ CỨU CHUỘC

I. Cựu Ước

A. Có hai thuật ngữ về mặt pháp lý trong tiếng Hê-bơ-rơ để hiểu khái niệm này.

1. *Ga'al* (BDB 145 I, KB 169 I), có nghĩa “được tự do bởi giá chuộc đã trả” Một dạng đánh vần khác là ‘*go'el*’ thêm vô ý nghĩa “chuộc lại bởi người trung bảo”, thường là qua một thành viên gia đình (Người bà con có quyền chuộc lại sản nghiệp). Người này đứng ra chuộc lại tài sản, súc vật, ruộng đất đã mất (Lê vi Ký 25,27), (Ru-tơ 4:14; Isa. 29:22). Khái niệm này được mở rộng tới việc Đức Giê-hô-va chuộc lại dân Y-sơ-ra-ên từ Ai-cập. (Xuất 6:6; 15:13; Thi Thiên 74:2; 77:15; Giê-rê-mi 31:11). Ngài trở thành “Đấng Cứu Chuộc” (Gióp 19:25; Thi Thiên 19:14; 78:35; Châm 23:11; Ê-sai 41:14; 43:14; 44:6,24; 47:4; 48:17; 49:7,26; 54:5,8; 59:20; 60:16; 63:16; Giê-rê-mi 50:34).
2. *Padah* (BDB 804, KB 911), có ý nghĩa căn bản là “giải cứu”, “giải phóng”
 - a. sự cứu chuộc các con trưởng. (Xuất 13:13-15 và Dân Số Ký 18:15-17)
 - b. sự cứu chuộc thuộc thể khác sự cứu chuộc thuộc linh (Thi Thiên 49:7,8,15)
 - c. Đức Giê-hô-va sẽ cứu chuộc Y-sơ-ra-ên khỏi tội lỗi và phản loạn. (Thi Thiên 130:7-8)

B. Khái niệm cứu chuộc liên hệ tới vài điều sau:

1. Có nhu cầu giải cứu, như vòng nô-lệ, tù tội,
 - a. về mặt thuộc thể
 - b. về mặt xã hội,
 - c. về mặt thuộc linh. (Thi Thiên 130:8)
2. Một giá chuộc phải trả cho sự tự do, phóng thích, hồi phục.
 - a. của dân Y-sơ-ra-ên (Phục 7:8)
 - b. của từng cá nhân (Gióp 19:25-27; 33:28; Ê-sai 53)
3. Có người trung bảo. Trong ‘*ga'al*’ người này là người thuộc gia hay họ hàng (ví dụ, *go'el*, BDB 145).
4. Đức Giê-hô-va tự miêu tả với các thuật ngữ tương tự.

- a. Người Cha
- b. Người Chồng
- c. Người bà con có quyền chuộc lại, / Đấng Cứu Chuộc Báo Thù. Qua giá chuộc được trả, sự cứu chuộc được đảm bảo.

II. Tân Ước

A. Có vài thuật ngữ để hiểu khái niệm này

1. *Agorazō* (I Cô-rinh-tô 6:20; 7:23; II Phi-e-rơ 2:1; Khải Huyền 5:9; 14:34). thuật ngữ thương mại nói về trả giá để mua thứ gì đó. Chúng ta được mua lại bởi huyết, chúng không là chủ nhân của sự sống, chúng ta thuộc về Đấng Christ.
2. *Exagorazō* (Ga-la-ti 3:13; 4:5; Ê-phê-sô 5:16; Cô-lô-se 4:5). Đây cũng là thuật ngữ thương mại, ngụ ý chỉ Chúa Giê-su chết thay cho chúng ta. Ngài gánh chịu sự nguyên rủa của luật pháp. (Luật Môi-se, Ê-phê-sô 2:14-16; Cô-lô-se 2:14), mà tội nhân không thể thực hiện. Ngài gánh chịu sự rủa sả (Phục 21:23) cho tất cả chúng ta. (Mác 10:45; 2 Cô-rinh-tô 5:21)! Trong Chúa Giê-su, sự công nghĩa và tình thương của Đức Chúa Trời gặp gỡ, kết quả trong sự tha thứ, tiếp nhận và cửa mở vào thiên đàng. Nơi Đức Chúa Trời ngự.
3. *Luō*, "giải cứu, phóng thích"
 - a. *Lutron*, "một giá đã trả" (Ma-thi-ơ 20:28; Mác 10:45). Những thuật ngữ này được phát ra từ môi miệng của Chúa Giê-su về sứ mạng của Ngài trở nên Đấng Cứu Rỗi của nhân loại, qua trả giá cho món nợ tội lỗi mà Ngài không gây ra. (Giăng 1:29).
 - b. *Lutroō*, "phóng thích"
 - (1) cứu chuộc Y-sơ-ra-ên (Lu-ca 24:21)
 - (2) cứu chuộc và làm thánh một dân tuyển (Tít 2:14)
 - (3) trở nên sinh tể thay thế vô tội. (IPhi-e-rơ 1:18-19)
 - c. *Lutrōsis*, "sự cứu chuộc," "giải phóng," hay "giải cứu"
 - (1) Xa-cha-ri tiên tri Chúa Giê-su , Luca 1:68
 - (2) An-ne ca ngợi Đức Chúa Trời về Chúa Giê-su, Lu-ca 2:38
 - (3) Chúa Giê-su là sinh tể tốt hơn, Hê 9:12
4. *Apolytrōsis*
 - a. sự cứu chuộc ở thời điểm Tái Lâm (Công vụ 3:19-21)
 - (1) Lu-ca 21:28
 - (2) Rô-ma 8:23
 - (3) Ê-phê-sô 1:14; 4:30
 - (4) Hê-bơ-rơ 9:15
 - b. cứu chuộc trong sự chết của Đấng Christ
 - (1) Rô-ma 3:24
 - (2) 1 Cô-rinh-tô 1:30
 - (3) Ê-phê-sô 1:7
 - (4) Cô-lô-se 1:14
5. *Antilytron* (1 Ti. 2:6). Đây là câu quan trọng liên hệ tới sự chết chuộc tội trên Thập Tự giá. (tương tự câu Tít 2:14) Chúa Giê-su là Đấng Duy Nhất có thể chết thay cho loài người và trở nên Sinh Tể có thể chấp nhận cho Đức Chúa Trời (Giăng 1:29; 3:16-17; 4:42; 1 Ti-mô-thê. 2:4; 4:10; Tít 2:11; 2 Phi 3:9; 1 John 2:2; 4:14).

B. Quan điểm thần học của Tân Ước.

1. Nhân loại trong vòng nô lệ tội lỗi. (Giăng 8:34; Rô-ma 3:10-18,23; 6:23).
2. Vòng tội lỗi của nhân loại được bày tỏ trong luật Mô-sê (Ga-la-ti 3) và Bài Giảng Trên Núi. (Ma-thi-ơ 5-7). Công đức lại là án tử hình của nhân loại (Cô-lô-se 2:14
3. Chúa Giê-su là Con Chiên vô tội của Đức Chúa Trời. đã chết thay cho chúng ta (Mác 10:45; Giăng 1:29; 2 Cô-rinh-tô 5:21). Chúng ta được chuộc lại để phục vụ Đức Chúa Trời. (Rô ma 6).
4. Đức Giê-hô-va và Chúa Giê-su là “người bà con có quyền chuộc lại” của chúng ta, (một hình ảnh ẩn dụ về thành viên gia đình: Cha, chồng, con, anh em, họ hàng gần gũi)
5. Sự Cứu chuộc không phải là giá phải trả cho Sa-tan (theo thần học trung cổ), nhưng là sự

làm hòa với Đức Chúa Trời trong công nghĩa và yêu thương qua trung gian Chúa Giê-su. Hòa bình bắt đầu nơi Thập Tự Giá, sự bạo loạn được tha thứ, hình ảnh Đức Chúa Trời được hồi phục trong con người với sự thông công Thần – nhân mật thiết.

6. Vẫn còn sót lại khía cạnh sự cứu chuộc, (Rô ma 8:23; Ê-phê-sô . 1:14; 4:30), sẽ được ứng nghiệm bởi sự phục sinh của thân thể và mối tương giao mật thiết với Đức Chúa Trời Ba Ngôi.

☐ **"sự tha tội"** Có một vài thuật ngữ trong tiếng Hy Lạp cho "sự tha thứ." Từ này (*aphesis*) có nghĩa là "gửi đi," vốn là một sự ngụ ý chỉ đến nghi lễ trong ngày Đại Lễ Chuộc Tội (Lê-vi Ký 16). Con dê được thả ra mang đi theo cách biểu tượng hóa những tội lỗi của dân.

Chúng ta biết từ tác phẩm của Irenaeus *Heresies*, 1:21:2 rằng một số giáo sư Trí Huệ Giáo phân ra giữa sự chuộc tội và sự tha thứ tội lỗi bằng một khoảng thời gian và một yếu tố kỳ hạn. Phao-lô có thể đề cập đến sự sai trật này

Bản dịch King James Version thêm vào cụm từ "bởi huyết của Ngài," vốn bởi một nhà chép Kinh sau này từ phần Kinh Thánh song hành trong Ê-phê-sô 1:7.

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010 (NASB (UPDATED)): CÔ-LÔ-SE 1:15-20

¹⁵ Chính Ngài là hình ảnh của Đức Chúa Trời vô hình, là Đấng sinh ra trước tất cả mọi loài thọ tạo. ¹⁶ Vì trong Ngài mọi vật trên trời, dưới đất, vật thấy được hoặc vật không thấy được đều được tạo dựng. Hoặc ngôi vua, hoặc quyền thống trị, hoặc các lãnh tụ, hoặc giới cầm quyền đều được tạo dựng bởi Ngài và vì Ngài. ¹⁷ Ngài có trước muôn vật, và muôn vật được giữ vững trong Ngài. ¹⁸ Ngài là đầu của thân thể, tức là Hội Thánh. Ngài là khởi đầu, là Đấng sinh trước nhất từ những người chết, để trong mọi sự Ngài đều đứng đầu. ¹⁹ Vì Đức Chúa Trời đã vui lòng đặt để mọi sự viên mãn của mình ở trong Ngài, ²⁰ và nhờ Ngài mà hòa giải muôn vật với chính mình, bởi huyết Ngài trên thập tự giá đem bình an đến cho cả những vật dưới đất và những vật trên trời

1:15-20 Đây là một áng thơ tuyệt vời vốn phản chiếu một bài thánh ca hay bản tín điều của hội thánh đầu tiên. Nó nói về (1) thẩm quyền chủ tể toàn cõi vũ trụ của Chúa Jesus và (2) hành động cứu chuộc của. Cùng hai khía cạnh song hành như vậy được nhìn thấy trong Hê-bơ-rơ 1:2-3. Nó phản chiếu một vài thuật ngữ Trí Huệ Giáo, "con trưởng nam (sinh ra trước nhất)," "sự đầy trọn (viên mãn)," và khái niệm như các cấp bậc thiên sứ (aeons) của Cô-lô-se 1:16, cũng như nhân tính và sự chết thật sự của Chúa Jesus trong Cô-lô-se 1:20.

Chú ý từ "tất cả" được sử dụng bảy lần (Cô-lô-se 1:15,16 [hai lần],17 [hai lần],18,20). Chức vụ của Chúa Jesus bao trùm toàn bộ, tất cả mọi điều đã có, đều bắt nguồn từ Ngài.

1. Bởi Ngài tất cả muôn vật đều được tạo nên
2. Tất cả muôn vật đều đã được tạo nên qua Ngài
3. Ngài có trước tất cả muôn vật
4. Trong Ngài muôn vật được giữ vững
5. Chính Ngài sẽ đến để nhận chỗ trước hết trong muôn vật
6. Mọi sự đầy trọn (viên mãn) ở trong Ngài
7. Bởi Ngài để phục hòa muôn vật với Chính Ngài (đại từ nhân xưng Chính Ngài có lẽ để chỉ đến Đức Chúa Cha.)

Chú ý đại từ "Ngài" được mô tả thường xuyên với những giới từ khác nhau như thế nào.

1. "trong Ngài," Cô-lô-se 1:16,17,19
2. "bởi Ngài," Cô-lô-se 1:16,20
3. "đến với/đến trong Ngài," Cô-lô-se 1:16,20 (chú ý cùng một điều này trong Ê-phê-sô 1:3-14)

1:15 " Ngài là hình ảnh của Đức Chúa Trời vô hình " Cùng một từ (*eikōn*) được sử dụng cho Chúa Jesus trong Cô-lô-se 3:10 và 2 Cô-rinh-tô 4:4. Một sự mô tả thần học tương tự xảy ra trong Giăng 1:18; 14:9; Phi-líp 2:6; Hê-bơ-rơ 1:3. Câu Kinh Thánh trong Hê-bơ-rơ 1:3 có một thuật ngữ Hy Lạp mạnh hơn (*charakter*, vốn có nghĩa một Đấng đại diện hoàn toàn, Sáng 1:26-27; 5:1; 9:6; 1 Cô-rinh-tô 11:7; Gia-cơ 3:9). Nhìn thấy Chúa Jesus chính là nhìn thấy Đức Chúa Trời! Đức Chúa Trời vô hình đã trở nên có thể nhìn thấy! Đấng Thánh đã trở nên một con người (Giăng 14:9).

Chức vụ của Chúa Jesus chính là phục hồi hình ảnh của Đức Chúa Trời trong nhân loại. Trong một nghĩa, vườn Ê-đen đã được phục hồi qua Chúa Jesus, A-đam thứ hai (Rô-ma 5:12-21; 1 Cô-rinh-tô 15:20-28; Phi-líp

2:6). Cũng thậm chí có khả năng rằng thiên đàng sẽ là vườn Ê-đen được phục hồi:

1. Kinh Thánh bắt đầu với Đức Chúa Trời, nhân loại và các loài thú vật (Sáng 1-2) và sẽ kết thúc với Đức Chúa Trời và nhân loại trong một bối cảnh khu vườn (với những loài thú vật qua ngụ ý, Khải Huyền 21-22)
2. Lời tiên tri trong Ê-sai 11:6-9 mô tả trẻ em và các loài thú vật ở cùng với nhau trong thời đại mới
3. Giê-ru-sa-lem mới xuống từ trời trên đất được tái dựng (2 Phi-e-rơ 3:10-13; Khải Huyền 21:2)

▣ " **Đấng sinh ra trước tất cả** " Đây là một ẩn dụ Cựu Ước về sự vị trí độc nhất và được tôn cao của Chúa Jesus.

1. Các ra-bi cho rằng nó có nghĩa về sự siêu việt (Xuất 4:22)
2. Trong Cựu Ước nó được sử dụng cho người con trưởng nam như là người thừa kế và quản trị trên gia đình
3. trong Thi Thiên 89:27 nó được sử dụng trong nghĩa chỉ về Đấng Mê-si
4. trong Châm Ngôn 8:22 nó chỉ về Sự Khôn Ngoan như là sự tạo dựng đầu tiên của Đức Chúa Trời và là tác nhân của sự sáng tạo. Trong văn mạch những lựa chọn #1 và #2 kết hợp có vẻ tốt nhất

Cụm từ này không phải để hiểu là Chúa Jesus chính là tạo vật đầu (#4). Điều này đã được vận dụng bởi những giáo sư Trí Huệ giáo, những người đã dạy rằng Jesus chính là cấp bậc thiên sứ cao nhất kế cận với vị thần tối cao. Nó phải được giải nghĩa trong chính bối cảnh Cựu Ước Do Thái của nó. Chúa Jesus chính là con trai độc nhất của Đấng Thánh (Giăng 1:18; 3:16,18; 1 Giăng 4:9), nhưng Chúa Jesus đã luôn luôn là Đấng Thánh (Cô-lô-se 1:17; Giăng 1:1; 5:18; 10:30; 14:9; 20:28). Ngài trở thành con người trong đúng thời điểm, tại Bết-lê-hem, và bởi đó nhân loại sa ngã có thể thấu hiểu và nhận biết Đấng Thánh (Giăng 1:14,18).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CON ĐẦU LÒNG

Từ "con đầu lòng" (*prototokos*) này được sử dụng trong Kinh Thánh trong nhiều nghĩa khác nhau.

1. Nghĩa Cựu Ước của nó chỉ về
 - a. con đầu lòng thuộc về YHWH (BDB 114, KB 131, Xuất 13:2,12; 22:29; 34:19; Dân Số 3:13)
 - b. Sự ưu việt của con trưởng nam của gia đình (Phục 21:17; Thi 89:27; Lu-ca 2:7; Rô-ma 8:29; Hê-bơ-rơ 11:28)
2. Cách sử dụng của nó trong Cô-lô-se 1:15 nói về Chúa Jesus là đầu tiên của tạo hóa vốn có thể là một sự ngụ ý Cựu Ước chỉ đến Châm Ngôn 8:22-31, hoặc là sự giả tạo hóa của Đức Chúa Trời (Giăng 1:3; 1 Cô-rinh-tô 8:6; Cô-lô-se 1:15-16; Hê-bơ-rơ 1:2)
3. Cách sử dụng của nó trong Cô-lô-se 1:15,18; 1 Cô-rinh-tô 15:20,23; Khải Huyền 1:5 chỉ đến Chúa Jesus như là Đấng sanh đầu tiên từ cõi chết
4. Nó là một danh xưng Cựu Ước được sử dụng cho Đấng Mê-si (Thi 89:27; Hê-bơ-rơ 1:6; 12:23); nó cũng là một danh xưng vốn kết hợp nhiều khía cạnh của sự siêu việt và trung tâm của Chúa Jesus.

1:16 " (bởi) trong Ngài mọi vật ... đều được tạo dựng " Chúa Jesus chính là tác nhân của sự tạo hóa của Đức Chúa Trời, cả thấy được và vô hình, cả lãnh địa trần gian và thiên đàng (Giăng 1:3, 10; Rô-ma 11:36; 1 Cor, 8:6; Hê-bơ-rơ 1:2; 2:10). Điều này bác bỏ thế giới quan Trí Huệ Giáo về một mối liên hệ đối nghịch giữa thần linh (Đức Chúa Trời) và thế giới vật chất. Chính Chúa Jesus là Đấng đã phán đề cả vũ trụ trở nên hiện hữu (Sáng Thế Ký 1). Chính Chúa Jesus là Đấng đã dựng nên A-đam và hà hơi vào ông hơi thở sự sống (Sáng Thế Ký 2).

Động từ "tạo dựng" được sử dụng hai lần trong Cô-lô-se 1:16. Lần thứ nhất là thể chỉ định thụ động thì bất định (aorist passive indicative) và lần thứ hai tại cuối câu (trong tiếng Hy Lạp) là thể chỉ định thụ động thì hoàn thành (perfect passive indicative). Sự nhấn rằng Chúa Jesus chính là tác nhân của sự sáng tạo nhưng Đức Chúa Cha là nhân tố khởi nguyên. Sự sáng tạo đã ở trong (*en*) Chúa Jesus, bởi (*dia*) Chúa Jesus và cho (*eis*) Chúa Jesus!

▣ " **ngôi vua, hoặc quyền thống trị, hoặc các lãnh tụ, hoặc giới cầm quyền** " Trong một vài văn mạch những từ này có thể chỉ về những lãnh đạo chính quyền trên đất (Rô-ma 13), nhưng trong văn mạch Cô-lô-se chúng chỉ đến những cấp bậc thiên sứ của những giáo sư giả (*aeons*, Rô-ma 8:38; 1 Cô-rinh-tô 15:24; Ê-phê-sô 1:21; 3:10; 6:12; Cô-lô-se 1:16; 2:10,15; 1 Phi-e-rơ 3:22). Những người thời xưa xem thế giới không phải đơn thuần chỉ trên những mối quan hệ tác nhân và hệ quả vật lý, nhưng là cả một thế giới thuộc linh nữa. Chúng ta không thể có thế giới quan Kinh Thánh và chối bỏ thế giới thuộc linh. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Các Thiên Sứ trong các Tác Phẩm của Phao-lô tại Ê-phê-sô 6:12.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: *ARCHĒ*

Thuật ngữ Hy-lạp *archē* có nghĩa "khởi điểm" hoặc cội nguồn" của cái gì đó

1. bắt đầu trật tự tạo hóa, (theo Giăng 1:1; Hê-bơ-rơ 1:10)
2. bắt đầu Phúc Âm, (theo Mác 1:1; Phi-líp 4:15; 2 Thê sa lô ni ca 2:13; Hê-bơ-rơ 2:3; 1 Giăng 1:1)
3. nhân chứng đầu tiên, (theo Lu ca 1:2)
4. dấu hiệu, phép lạ đầu tiên, theo Giăng 2:11)
5. sơ đẳng, (theo Hê-bơ-rơ 5:12)
6. tin quyết ban đầu dựa theo Phúc Âm. (theo Hê-bơ-rơ 3:14)
7. đầu, khởi đầu, đứng đầu, Col. 1:18; Khải huyền 3:14 Thuật ngữ *archē* cũng được dùng nói về "thẩm quyền"
 1. quan chức
 - a. Lu ca 12:11
 - b. Lu ca 20:20
 - c. La-mã 13:3; Tích 3:1
 2. thứ bậc thiên sứ
 - a. La-mã 8:38
 - b. Cô-rin-tô 15:24
 - c. Ê-phê-sô 1:21; 3:10; 6:12
 - d. Col. 1:16; 2:10,15
 - e. Giu-đe 1:6

▣ " vì Ngài (cho Ngài) " Chúa Jesus đã không chỉ là sứ giả được ủy nhiệm của Đức Chúa Cha trong sự sáng tạo, nhưng còn là mục đích của sự sáng tạo (Rô-ma 11:36; Hê-bơ-rơ 2:10).

▣ 1:17 " Ngài có trước muôn vật " không hề có một thời điểm nào mà Chúa Jesus không hiện diện! Chúa Jesus chính là Đấng Thánh có trước vô cùng (Giăng 1:1-2; 8:58; 17:5, 24; 2 Cô-rinh-tô 8:9; Phi-líp 2:6-7; Cô-lô-se 1:17; Hê-bơ-rơ 10:5-7)! Hãy chú ý cách sử dụng nhấn mạnh của "Ngài" (*autos*) trong Cô-lô-se 1:17 và 18, "Ngài, Chính Ngài, đã có trước muôn vật " và "Ngài, Chính Ngài, chính là đầu của thân thể "!

NASB,NRSV,

NJB "trong Ngài muôn vật được giữ vững cùng nhau"

NKJV "trong Ngài muôn vật được bao gộp"

TEV "trong sự hiệp một với Ngài muôn vật có vị trí chính xác của chúng"

Đây là một thể chỉ định chủ động thì hoàn thành (perfect active indicative) của từ "*syn*" ghép với "đứng với" (*sunistēmi*) vốn hàm ý "tiếp tục," "đứng vững," hoặc "tồn tại."

Đây chính là tín lý của sự phù hộ (Hê-bơ-rơ 1:3) nó mang tính chất cá nhân! "Muôn vật" chỉ về thể giới tạo vật- vật chất và thuộc linh. Chúa Jesus chính là Đấng giữ vững cũng như là Đấng Sáng Tạo của muôn vật. Trong Cựu Ước những chức năng này mô tả công việc của *Elohim* (God).

1:18 " Ngài là đầu của thân thể, tức là Hội Thánh " Cũng như sự siêu việt của Chúa Jesus trong sự sáng tạo; thì Ngài cũng như vậy trong Hội Thánh. Từ này chỉ về hội thánh toàn cầu (Ê-phê-sô 1:22-23; 4:15; 5:23; Cô-lô-se 1:18; 2:9). Các tín đồ là cả những cá nhân (1 Cô-rinh-tô 6:19) và tập thể (1 Cô-rinh-tô 3:16) thân thể của Đấng Christ (đền thờ mới). Phao-lô thường nói về hội thánh như là thân thể của Đấng Christ (1 Cô-rinh-tô 12:12-27), nhưng chỉ trong sách Ê-phê-sô và Cô-lô-se nơi Chúa Jesus được nói là "Đầu" của thân thể đó. Trong thực tế Ngài là Đầu của muôn vật, ngay cả những chủ quyền và thể lực (Ê-phê-sô 1:22).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: HỘI THÁNH (*EKKLESIA*)

Thuật ngữ Hy-lạp *ekklesia*, là từ kép, được hợp lại từ 2 thành phần, , "ra khỏi" và "kêu gọi." Trong bối cảnh xã hội, có nghĩa là gọi công dân ra khỏi nhà để đi họp, xem Công vụ 19:32,39,41) và bởi Bản Bảy Mươi Septuagint dùng thuật ngữ 'tập hợp của dân Do-thái, từ thuật này mang ý nghĩa tôn giáo. Hội thánh

sơ khởi tiếp tục thờ phượng Đức Chúa Trời với tư cách dân tuyển trong Cựu-ước. Họ coi mình là những người I-sơ-ra-en mới, (theo Rô ma 2:28-29; Ga-la-ti 3:29; 6:16; 1 Phi-ê-rơ 2:5,9; Khải huyền 1:6), là sự ứng nghiệm về sứ mạng truyền giáo thế giới, (theo Sáng Thế Ký 3:15; 12:3; Xuất Hành 19:5-6; Ma-thi-ơ 28:18-20; Lu-ca 24:47; Công vụ 1:8; Xem chủ đề đặc biệt, Đức Giê-hô-va với chương trình cứu rỗi đời đời).

Thuật ngữ này có vài ý nghĩa trong Công Vụ và Phúc Âm:

1. Hợp mặt thành phố, Công vụ 19:32,39,41
2. Con dân của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ nói chung, Ma-thi-ơ 16:18 và Ephesians
3. Hội thánh địa phương bao gồm Tín Đồ Đấng Christ, Ma-thi-ơ 18:17; Công vụ 5:11 (hội thánh tại Giê-ru-sa-lem); Công vụ 13:1; Rô-ma 16:5; 1 Cor. 16:19; Col. 4:15; Phi-lê-môn câu 2
4. Dân I-sơ-ra-en nói chung, Công vụ 7:38, trong bài giảng của Ê-tiên
5. Dân của Chúa tại một vùng Công vụ 8:3; Ga-la-ti 1:2 (Giu-đê, Pa-lét-stin)

Hội thánh là một nhóm người hiệp lại, chứ không phải là một tòa nhà. Hội Thánh không có một tòa nhà qua hàng trăm năm, Gia-cơ là cuốn sớm nhất trong Tân Ước, nói về Hội Thánh với thuật ngữ "synagōgē" (nhà hội). Thuật ngữ này được dùng duy nhất trong Gia-cơ (theo Gia-cơ 2:2; 5:14).

▣ " **Ngài là khởi đầu** " Xem lướt qua điều này có vẻ giống một sự ngụ ý khác chỉ đến sự sáng tạo (Sáng 1:1), nhưng trong văn mạch đã thay đổi thành hội thánh. Trong văn mạch này từ "khởi đầu" có lẽ liên hệ với nghĩa Hy Lạp của sự khởi nguyên hay nguồn gốc. Chúa Jesus chính là Đầu hay nguồn cội của sự sống của tuyển dân mới của Đức Chúa Trời, người Do Thái và người Hy Lạp, nô lệ và người tự do (Cô-lô-se 3:11; Ga-la-ti 3:28). Ngài chính là một A-đam mới (Rô-ma 5:12-21). Đầu của một dòng dõi mới, những Cơ Đốc Nhân (Ê-phê-sô 2:11-3:13).

▣ " **Đấng sinh trước nhất từ những người chết** " Đoạn Kinh Thánh định nghĩa trên sự sống lại chính là 1 Cô-rinh-tô 15. Chúa Jesus ưu việt, "Đấng sinh trước nhất" (Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Cô-lô-se 1:15) trong sự sống lại cũng như Ngài ưu việt trong sự sáng tạo (Cô-lô-se 1:15; Rô-ma 1:4; Khải Huyền 1:5). Sự sống lại của Ngài chính là một lời hứa và dấu chỉ rằng mọi tín đồ sẽ sống lại.

Trong 1 Cô-rinh-tô 15:20 và 23 Chúa Jesus được gọi là "trái đầu mùa." Đây là một ẩn dụ đồng nghĩa Cựu Ước. Chúa Jesus chính là Đấng vượt trội trong tất cả mọi lĩnh vực. Ngài chính là "Đấng được sinh ra trước nhất" (Khải Huyền 1:5) và "bông trái đầu mùa."

▣ " **để trong mọi sự Ngài đều đứng đầu** " Mệnh đề tổng kết này tương tự với Ê-phê-sô 1:22-23. Đức Chúa Cha đã đặt Con cao nhất và vượt trội trong tất cả mọi điều (1 Cô-rinh-tô 15:27-28).

1:19 Câu này bắt đầu với "vì" (*hoti*, một mệnh đề mục đích). Nó đề cập ý muốn của Đức Chúa Trời cho Đấng Mê-si vốn là (1) sự đầy trọn của Đấng Thánh được khai tỏ trong Ngài (Cô-lô-se 1:19) và (2) sự phục hòa của muôn vật qua Ngài (Cô-lô-se 1:20).

NASB	"vì tất cả sự trọn vẹn ở trong Ngài "
NKJV	"rằng trong Ngài mọi sự trọn vẹn sẽ ở đó "
NRSV	"Vì trong Ngài mọi sự trọn vẹn của Đức Chúa Trời...ở đó "
TEV	"rằng Con sẽ mang trong chính Ngài bản chất trọn vẹn của Đức Chúa Trời "
NJB	"mọi sự trọn vẹn được tìm thấy trong Ngài"

Đây là một sự chơi chữ trên từ "trọn vẹn" (*plerōma*), vốn được sử dụng bởi các giáo sư giả đẽ mô tả về các cấp bậc thiên sứ giữa vị thần tốt lành tối cao và thế giới vật chất tội lỗi (Cô-lô-se 2:9; Ê-phê-sô 1:23; 3:19; 4:13). Đây chính là một sự tuyên bố sừng sốt để mô tả về một người thợ mộc từ Na-xa-rét là người đã bị tử hình vì sự mưu phản! Nhìn thấy Chúa Jesus chính là sự nhìn thấy Đức Chúa Trời!

1:20 " **và nhờ Ngài mà hòa giải** " Thuật ngữ này (Cô-lô-se 1:22) có nghĩa "biến đổi từ sự thù địch sang hòa bình " đặc biệt giữa những con người. Tội lỗi đã gây ra sự chia cắt giữa Đấng Tạo Hóa và thế giới tạo vật. Đức Chúa Trời đã hành động trong Đấng Christ để phục hồi mối liên hệ (Rô-ma 5:18-19). Đây chính là một từ ghép kép (*apokatallassō*) chỉ về sự nhấn mạnh thần học (Cô-lô-se 1:22). Phao-lô dùng cùng một từ trong Ê-phê-sô 2:16 và cùng một gốc từ trong 2 Cô-rinh-tô 5:18-20.

▣ " **muôn vật** " Từ này chỉ về muôn vật, thấy được và vô hình (theo Rô-ma 8:từ câu 18; 1 Cô-rinh-tô 15:27-28; Ê-phê-sô 1:22-23).

▣ " **với chính Ngài** " Cụm từ này có thể về mặt thần học chỉ về Cha hoặc Con. Văn mạch chính là sự hướng dẫn. Ở đây Đức Chúa Cha có vẻ phù hợp tốt nhất.

▣ " **bởi huyết Ngài trên thập tự giá đem bình an** " Điều này chỉ về sự chết sinh tể của Chúa Jesus (Rô-ma 5:9; Ê-phê-sô 1:7; 2:13,16). Sự phục hòa không thể thiếu đi một sự trả giá rất lớn! Sự nhân mạng có lẽ trên nhân tính của Ngài (huyết) cũng như sự chuộc tội thay thế của Ngài (sinh tể, Ê-sai 53; 2 Cô-rinh-tô 5:21). Những giáo sư giả sẽ khẳng định thần tính của Ngài nhưng chối bỏ nhân tính và sự chết của Ngài.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ HÒA BÌNH (nhiều nghĩa khác nhau)

Từ ngữ Hy Lạp này chỉ đến sự thiếu vắng của xung đột, nhưng trong bản LXX(Bản Bảy Mươi), nó trở thành cách chỉ về một sự bình an nội tại với Đức Chúa Trời và với một người xung quanh (Lu-ca 2:14; 10:6). Tân Ước, cũng như Cựu Ước, sử dụng nó như một lời chào, "Bình an đến với anh" (Lu-ca 10:5; Giăng 20:19,21,26; Rô-ma 1:7; Ga-la-ti 1:3) hoặc "tạm biệt, đi bình an" (Mác 5:34; Lu-ca 2:29; 7:50; 8:48; Gia-cơ 2:16)

Từ ngữ Hy Lạp này có nghĩa gốc là "hàn gắn lại một cái gì bị bể" (Giăng 14:27; 16:33; Phi-líp 4:7). Tân Ước nói đến sự bình an trong 3 cách sau:

1. khía cạnh khách quan của sự bình an chúng ta với Đức Chúa Trời qua Đấng Christ (Cô-lô-se 1:20);
2. khía cạnh chủ quan của con người chúng ta hòa thuận lại với Đức Chúa Trời (Giăng 14:27; 16:33; Phi-líp 4:7); và
3. Đức Chúa Trời đã hợp nhất cả người Do Thái và người ngoại trong một thân thể mới qua Đấng Christ (Ê-phê-sô 2:14-17; Cô-lô-se 3;15).

Các học giả Newman và Nida trong cuốn *A Translator's Handbook on Paul's Letter to the Romans*, trang 92, có một lời bình rất hay về "sự bình an."

"Trong cả Cựu ước và Tân ước chữ bình an có một tầm ý nghĩa khá rộng. Về căn bản, nó mô tả tình trạng mạnh khỏe, hạnh phúc của toàn bộ đời sống một con người; nó được người Do Thái làm câu chào nhau. Chữ này có một ý nghĩa sâu sắc đến nỗi nó có thể được người Do Thái dùng để chỉ sự cứu chuộc từ Đấng Mết-si-a. Bởi vậy, có nhiều lúc nó được dùng hầu như đồng nghĩa với từ dịch là "có một mối liên hệ đúng đắn (hòa thuận) với Đức Chúa Trời." Ở đây từ ngữ này được dùng để mô tả một mối liên hệ hài hòa giữa Đức Chúa Trời và con người dựa vào nền tảng Đức Chúa Trời đã đem con người hòa thuận lại với chính Ngài" (trang 92).

▣ " **thập tự giá (Ngài)** " Phục Truyền 21:23 khẳng định rằng ai bị treo trên cây gỗ sẽ phải chịu một sự rửa sả thiên thượng (Phi-líp 2:8). Nguyên gốc câu này chỉ về một sự xiên cọc bêu xác công khai trước công chúng sau khi chết mà không được chôn cất cách đàng hoàng. Tuy nhiên, trong thời của Chúa Jesus, các ra-bi Do Thái giải nghĩa nó chính là sự đóng đinh trên thập tự giá. Chúa Jesus đã gánh sự rửa sả của nhân loại tội lỗi, sự rửa sả của Giao Ước cũ trên chính Ngài (Cô-lô-se 2:14; Ga-la-ti 3:13; Phi. 2:8).

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): CÔ-LÔ-SE 1:21-23

²¹ Còn anh em ngày trước vốn xa cách Đức Chúa Trời, trở nên thù nghịch với Ngài bởi những ý tưởng và hành động xấu xa của anh em, ²² nhưng bây giờ Đức Chúa Trời đã hòa giải qua sự chết thân xác của Con Ngài, để trình diện anh em một cách thánh sạch, không tì vết, không chỗ chê trách được trước mặt Ngài; ²³ miễn là anh em tiếp tục đứng vững trong đức tin, không nao núng, không chuyển dời khỏi niềm hi vọng của Tin Lành mà anh em đã nghe, là Tin Lành đã được rao giảng cho mọi tạo vật dưới trời; và tôi, Phao-lô, đã trở nên người phục vụ Tin Lành ấy.

▣ " **cả những vật dưới đất và những vật trên trời** " Cụm từ này được định hướng đến những sự đối nghịch sai trật giữa "thần linh" (thiên đàng) và "thế giới vật chất" (đất, Cô-lô-se 1:16) (của những giáo sư giả).

1:21 "anh em" Từ này chỉ đến các tín đồ người ngoại. Chú ý ba đặc điểm đời sống xưa cũ của họ trong tôn giáo ngoại đạo vốn được mô tả trong câu này.

▣ **" ngày trước vốn xa cách (xa lạ) Đức Chúa Trời "** Đây là một Phân từ bị động thì hoàn thành (Perfect passive participle) của một từ ghép hiềm được dùng cho một người lạ hoặc người ngoại quốc vốn mô tả mối liên hệ của những Người Ngoại với Đức Chúa Trời. Sự mô tả thần học của sự xa cách này được thấy trong Ê-phê-sô 2:1,3,11-22. Sự mô tả về đạo đức được thấy trong Ê-phê-sô 4:18-19. Có khả năng rằng từ này được dùng cho các nô lệ trong nghĩa của "bị chuyển giao cho một người chủ khác." Nếu như vậy, thì, 1:13 chính là bối cảnh.

▣ **" trở nên thù nghịch... bởi những ý tưởng "** Nhân loại sa ngã đã có tư tưởng của sự độc lập tách rời (Rô-ma 1:28; 8:7; Gia-cơ 4:4; 1 Giăng 2:15-16). Nhân loại, không phải Đức Chúa Trời, trở nên sự đo lường của muôn vật (chủ nghĩa nhân bản vô thần).

NASB	" kết ước trong những hành vi xấu xa "
NKJV	"bởi những hành động gian ác"
NRSV	"thực hiện những hành vi xấu xa "
TEV	"những điều xấu xa anh em đã làm "
NJB	"hành vi xấu xa của anh em "

Các ra-bi khẳng định rằng những gì một người suy nghĩ, thì anh ta/ cô ta sẽ trở nên như vậy. Một tấm lòng/tâm trí xấu xa cuối cùng sẽ được phản ánh chính nó trong những hành động xấu xa hướng về Đức Chúa Trời và những người khác (Ga-la-ti 5:19-21; 2 Ti-mô-thê 3:2-5; Titus 3:3).

1:22 " nhưng bây giờ Đức Chúa Trời đã hòa giải (anh em) " "hòa giải" là động từ chính của Cô-lô-se 1:21-23. Hãy xem ghi chú tại Cô-lô-se 1:20. Thật là một sự thay đổi vĩ đại đã xảy ra bởi những sự hành động của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ hướng về những Người Ngoại sa ngã, xa lạ (Cô-lô-se 1:20)!

Lời hứa của Đức Chúa Trời trong Sáng 3:15 đã được ứng nghiệm. Lời hứa đã được hoàn thành cách hoàn toàn như một sự hành động của Đức Chúa Trời. Nhân loại sa ngã đã không có khả năng để quay lại với Đấng Tạo Hóa (Ê-sai 53:6, được trích trong 1 Phi-e-rơ 2:25; và Rô-ma 3:9-18 cho một chuỗi của những trích dẫn Cựu Ước). Tình yêu nào giống như vậy vốn đeo đuổi nhân loại tội lỗi, phản loạn xuyên suốt toàn cõi thời gian và đúng thời điểm đã ban Con Một của Ngài để chết thay cho chúng ta!

▣ **" qua sự chết thân xác "** Cụm từ này có thể liên hệ với sự cự tuyệt nhân tính của Chúa Jesus của những giáo sư giả (Cô-lô-se 1:20). Chúa Jesus đã là Đức Chúa Trời cách trọn vẹn và là con người cách trọn vẹn (1 Giăng 4:1-6). Ngài đã có một cơ thể xác thịt (Cô-lô-se 2:11). Ngài đã thực sự là một người trong chúng ta.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: XÁC THỊT (*sarx*)

Từ này được sử dụng hầu hết bởi Phao-lô trong Ga-la-ti và sự phát triển thần học của nó trong Rô-ma. Các học giả phân biệt về cách mô tả những nghĩa rộng của từ này. Chắc chắn một số có những ý nghĩa chồng lặp lên nhau. Liệt kê sau đây đơn giản chỉ là một cố gắng để ghi chú lại trường nghĩa rất rộng của từ này.

- Cơ thể con người, Giăng 1:14; Rô-ma 2:28; 1 Cô-rinh-tô 5:5; 7:28; 2 Cô-rinh-tô 4:11; 7:5; 12:7; Ga-la-ti 1:16; 2:16,20; 4:13; Phi-líp 1:22; Cô-lô-se 1:22,24; 2:5; 1 Tim. 3:16
- Con cháu, Giăng 3:6; Rô-ma 1:3; 4:1; 9:3,5,8; 11:14; 1 Cô-rinh-tô 10:18; Ga-la-ti 4:23,29
- Loài người, Rô-ma 3:20; 7:5; 8:7-8; 1 Cô-rinh-tô 1:29; 2 Cô-rinh-tô 10:3; Ga-la-ti 2:16; 5:24
- Lời nói con người, Giăng 8:15; 1 Cô-rinh-tô 1:26; 2 Cô-rinh-tô 1:12; 5:16; 10:2; Ga-la-ti 6:12
- Sự yếu đuối con người, Rô-ma 6:19; 7:18; 8:5-6,9; 2 Cô-rinh-tô 10:4; Ga-la-ti 3:3; 5:13,16,19-21; Cô-lô-se 2:18
- Sự thù nghịch của con người đối với Đức Chúa Trời, liên hệ với những hậu quả của Sự Sa Ngã, Rô-ma 7:14; 13:14; 1 Cô-rinh-tô 3:1,3; Ê-phê-sô 2:3; Cô-lô-se 2:18; 1 Phi-e-rơ 2:11; 1 Giăng 2:16

Cần phải nhấn mạnh rằng "xác thịt" không được xem là điều ác trong Tân Ước, giống như tư tưởng Hy Lạp của nó. Đối với các triết gia Hy Lạp, "xác thịt" chính là nguồn cội của những nan đề của loài người, sự chết giải phóng một người khỏi ảnh hưởng của nó. Nhưng ở trong Tân Ước, "xác thịt" chính là chiến trường

của sự chiến trận thuộc linh (Ê-phê-sô 6:10-18), nhưng nó mang tính trung lập. Một người có thể sử dụng thân thể cho mục đích tốt hoặc xấu.

☐ " **để trình diện anh em... trước mặt Ngài** " Câu này có thể chỉ đến (1) ngày của sự cứu rỗi; (2) thời điểm của sự chết của các tín đồ; hoặc (3) Ngày Phán Xét/ Sự Tái Lâm (Cô-lô-se 1:28; Ê-phê-sô 5:27).

☐ " **một cách thánh sạch, không tì vết, không chỗ chê trách được** " Ba tính từ này được dùng như những từ đồng nghĩa. Điều này mô tả về sự tinh sạch của các tín đồ trong Đấng Christ (Phi-líp 1:15). Họ không chỉ được tha thứ, họ còn được thay đổi cách hoàn toàn! Điều này rất giống với sự nhấn mạnh của Ê-phê-sô 1:4; 4:1; 5:27. Mục tiêu của sự xưng công chính không phải chỉ là thiên đàng khi chúng ta qua đời, nhưng là sự thánh khiết ngay bây giờ (Lê-vi Ký 19:2; Ma-thi-ơ 5:48)!

Sự nên thánh là một thực tế hiện tại cho các tín đồ như là một món quà từ Đấng Christ (cf. Công Vụ. 26:18; 1 Cô-rinh-tô 1:2,30; 6:11; Hê-bơ-rơ 10:10,14). Nó cũng là một đời sống tiến trình, sống giống như Đấng Christ (Ê-phê-sô 1:4; 2:10; 2 Ti-mô-thê 2:12; Gia-cơ 1:4; 2 Phi-e-rơ 3:14) và một mục tiêu lai thế học (2 Cô-rinh-tô 11:2; Ê-phê-sô 5:27; 1 Tê-sa 3:13; 5:23; 1 Giăng 3:2). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Thánh Khiết tại Ê-phê-sô 1:4.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: KHÔNG THỂ CHÊ TRÁCH, VÔ TỘI, KHÔNG MẶC CẢM TỘI LỖI, KHÔNG THỂ SỈ NHỤC

A. Lời mở đầu

1. Theo thần học, đây là tình trạng ban đầu của nhân loại. (tức là Sáng Thế Ký 1, the Garden of Eden).
2. Tội lỗi và phản loạn làm tiêu hao mối liên hệ tuyệt hảo ban đầu (tức là Sáng Thế Ký 3).
3. Con người, cả nam và nữ, đều mong ước được hồi phục mối liên hệ với Đức Chúa Trời, bởi họ được tạo dựng trong hình ảnh của Ngài. (tức là Sáng Thế Ký 1:26-27).
4. Đức Chúa Trời đối phó với nhân loại tội lỗi qua:
 - a. các lãnh đạo trung tín (tức là Abraham, Moses, Isaiah)
 - b. hệ thống dâng tế (tức là Leviticus 1-7)
 - c. tấm gương tin kính (tức là Noah, Gióp)
5. Đức Chúa Trời cung ứng Đấng Mê-si-a một cách tối hậu:
 - a. là sự mặc khải trọn vẹn về Ngài (xem Giăng 1:1-14; Col. 1:13-17; Hê-bơ-rơ 1:2-3)
 - b. một sự chết thay tuyệt hảo cho tội lỗi. (xem Mác 10:45; 2 Cô-rinh-tô 5:21)
6. Cơ-độc nhân được trở nên không thể chê trách.
 - a. về pháp lý nhận được sự công chính của Đấng Christ, (xem Rô-ma 4:3,6,8,11,22,23,24; Gia-cơ 2:23)
 - b. thánh hóa một cách tiệm tiến qua công tác của Đức Thánh Linh. (Giăng 16:8-11)
 - c. mục tiêu của Cơ-độc nhân là trở nên giống Đấng Christ, (xem Rô-ma 8:28-30; 2 Cô-rinh-tô 3:18; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4; 4:13; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 3:13; 4:3; 5:23; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:13; Tít 2:14; 1 Phi-e-rơ 1:15)), trong thực tế chính là sự hồi phục hình ảnh Đức Chúa Trời trong con người, đã mất bởi tội lỗi Adam và Ê-va.
7. Thiên đàng là sự hồi phục tuyệt hảo của mối liên hệ ban đầu ở vườn Ê-đen. Thiên đàng là Giê-ru-sa-lem mới giáng trần từ Đức Chúa Trời (xem Khải huyền 21:2) tới một Trần thế đã được thanh tẩy, (xem 2 Phi-e-rơ 3:10) Kinh Thánh bắt đầu và kết thúc bởi những chủ đề tương tự.
 - a. sự tương giao mật thiết với Đức Chúa Trời.
 - b. trong bối cảnh vườn (Sáng Thế Ký 1-2 và Khải Huyền 21-22)
 - c. với các tuyên bố tiến tri, với sự hiện diện của thú vật, (xem Ê-sai 11:6-9)

B. Cự Ước

1. Có rất nhiều thuật ngữ Hê-bơ-rơ về khái niệm tuyệt hảo, vô nhục, vô tội... khó có thể liệt kê và miêu tả hết các ý nghĩa liên hệ.
2. Các thuật ngữ chính mang khái niệm tuyệt hảo, vô nhục, vô tội (theo ông Robert B. Girdlestone, Synonyms of the Old Testament, trang. 94-99) là
 - a. *shalom* (BDB1022, KB 1532)

- b. *thamam* (BDB1070, KB 1743)
 - c. *calah* (BDB478, KB 476)
3. Bản Bảy Mươi (The Septuagint tức Kinh Thánh cho Hội Thánh nguyên thủy, Cựu Ước dịch ra tiếng Hy-lạp), dịch các từ thuật này giống như trong Tân Ước, xem phần C. dưới đây.
 4. Các thuật ngữ chìa khóa liên hệ tới hệ thống dăng tề là:
 - a. *amōmos* (BDB 1071, xem Xuất Hành 29:1; Lê vi ký 1:3,10; 3:1,6; Dân số ký 6:14)
 - b. *amiantos* và *aspilus* cũng có ý nghĩa thờ phượng
- C. Tân Ước
1. Hệ thống pháp lý
 - a. hệ thống pháp lý Hê-bơ-rơ với ý nghĩa thờ phượng được dịch bởi thuật ngữ *amōmos* (BDB 1071, xem Ê phê sô 5:27; Phi-líp 2:15; 1 Phi ê rơ 1:19)
 - b. Hệ thống pháp lý Hy-lạp (xem 1 Cô rin tô 1:8; Col. 1:22)
 2. Đấng Christ vô nhiễm, vô tội, không thể cáo trách (*amōmos*, xem Hê-bơ-rơ 9:14; 1 Phi ê rơ 1:19)
 3. Môn đồ Chúa Giê-su phải noi gương Ngài (*amōmos*, xem Ê phê sô 1:4; 5:27; Phi-líp 2:15; Col. 1:22; 2 Phi ê rơ 3:14; Giu đê 1:24; Khải huyền 14:5)
 4. Khái niệm này cũng áp dụng cho các lãnh đạo Hội Thánh.
 - a. *anegklētos*, "không bị tố cáo" (xem 1 Tim. 3:10; Tích 1:6-7)
 - b. *anepileptos*, "không thể bị phê phán" hoặc "không chỗ để lời phê phán bấu víu" (xem 1 Tim. 3:2; 5:7; 6:14; Tích 2:8)
 5. Khái niệm "không ô uế" (*amiantos*) được dùng cho
 - a. Đấng Christ (xem Hê-bơ-rơ 7:26)
 - b. gia sản Cơ-độc nhân (xem 1 Phi ê rơ 1:4)
 6. Khái niệm "toàn vẹn" hoặc "lành mạnh" (*holoklēria*) (xem Công vụ 3:16; 1 Thê sa lô ni ca 5:23; Gia-cơ 1:4)
 7. Khái niệm "không lỗi lầm," "vô tội không chỗ trách" *amemptos* (xem Lu ca 1:6; Phi-líp 2:15; 3:6; 1 Thê sa lô ni ca 2:10; 3:13; 5:23)
 8. Khái niệm không điều nào đáng trách *amōmētos* (xem 2 Phi ê rơ 3:14)
 9. Khái niệm không tì vết, không khiếm khuyết cũng được dùng trong các câu trên đây và 1 Tim. 6:14; Gia-cơ 1:27; 1 Phi ê rơ 1:19; 2 Phi ê rơ 3:14)
- D. Nhiều từ vựng Hê-bơ-rơ và Hy-lạp về khái niệm này cho thấy tầm quan trọng của nó. Đức Chúa Trời cung cấp nhu cầu công chính cho chúng ta qua Đấng Christ và kêu gọi chúng ta trở nên giống Ngài.

Về pháp lý tín đồ đã được tuyên bố là người "công chính, công nghĩa, vô tội" bởi công việc của Đấng Christ. Tiếp đó họ phải hành động theo phẩm chất họ nhận được: "Hãy bước đi trong ánh sáng vì Ngài là Ánh Sáng". (xem 1 Giăng 1:7). "Hãy bước đi xứng đáng với sự kêu gọi" (xem Ê phê sô 4:1,17; 5:2,15). Chúa Giê-su đã hồi phục hình ảnh Đức Chúa Trời trong con người, sự thông công thực có thể bắt đầu. Xin nhớ rằng Đức Chúa Trời muốn con dân Ngài phản chiếu thuộc tính Ngài, tương tự như Con Ngài, trong con mắt của thế gian. Chúng ta được kêu gọi tới sự thánh khiết không nhượng bộ. (xem Ma thi ơ 5:20,48; Ê phê sô 1:4; 1 Phi ê rơ 1:13-16). Sự thánh khiết của Đức Chúa Trời trong chúng ta không phải chỉ được công bố về pháp lý, nhưng phải trở nên bản ngã của chúng ta.

1:23 " miễn là anh em tiếp tục... trong đức tin " Đây là một câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence) vốn giả định là đúng từ quan điểm của tác giả hoặc phục vụ cho những mục tiêu về văn học của ông. Phao-lô giả định sự tiếp tục của họ, vốn là một bằng chứng của sự trở lại đạo thật sự của họ (1 Giăng 2:19; Khải Huyền 2:7,11,17,26; 3:5,12,21). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự kiên trì đứng vững tại Phi-líp 1:9.

Đức tin (một tặng cách (bổ ngữ gián tiếp) mà không có mạo từ (dative with no article)) chỉ cả về (1) sự tin cậy cách cá nhân nơi Đức Chúa Jesus, hoặc (2) sự trung tín với Đấng Christ; hoặc (3) tín lý Cơ Đốc (Công Vụ 6:7; 13:8; 14:22; Ga-la-ti 1:23; 6:10; Giu-đê 1:3,20, cũng như các Thư Tín Mục Vụ (Thư Tín Chấn Bầy). Sự trưởng thành Cơ Đốc liên quan với (1) một đức tin cá nhân; (2) một lối sống tin kính; và (3) sự chính xác tín lý. Trong bối cảnh của những sự dạy dỗ tà giáo, mỗi một điểm trên đều quan trọng cốt yếu!

▣ " **đứng vững** " Đây là một phân từ bị động thì hoàn thành (Perfect passive participle) (cung một thể động từ với "xa lạ" trong Cô-lô-se 1:21). "Họ đã được và sẽ tiếp tục được thiết lập vững vàng (ngụ ý, bởi Đức Chúa Trời)." Đây là một cấu trúc ẩn dụ cho một nền tảng chắc chắn (Cô-lô-se 2:7; Ma-thi-ơ 7:25; Ê-phê-sô 3:17). Nó có thể là cách chơi chữ trên vị trí địa lý của Cô-lô-se tại một khu vực bị động đất.

NASB	"và không đời đi khỏi "
NKJV	"và không bị đời đi "
NRSV	"không bị chuyên đời khỏi "
TEV	"và phải không được cho phép chính mình anh em bị rúng động khỏi "
NJB	"đừng bao cho phép anh em bị trôi dạt đi "

Từ này được dùng duy nhất ở đây trong Tân Ước. Nó là cách diễn tả tiêu cực của thông điệp tích cực trước đó. Nó có thể là thể bị động (Chúa gìn giữ chúng ta, NASB, NKJV) hoặc thể trung cách (các tín đồ phải rèn tập một cách chuyên cần, NRSV, TEV, NJB).

▣ " **niềm hi vọng của Tin Lành** " Phao-lô thường sử dụng từ này trong một vài nghĩa khác biệt nhưng liên quan đến nhau. Thường nó liên hệ đến sự hoàn thành trọn vẹn của đức tin của tín đồ. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Hy Vọng tại Cô-lô-se 1:5. Nó cũng có thể được mô tả như "sự vinh hiển," "sự sống đời đời," "sự cứu chuộc cuối cùng," "Sự Tái Lâm," v.v.... Sự hoàn thành trọn vẹn là chắc chắn, nhưng thời điểm thì không được biết.

▣ " **là Tin Lành đã được rao giảng cho mọi tạo vật dưới trời** " "Muôn vật" là một sự phóng đại thay cho Đế Chế Rô-ma (Cô-lô-se 1:6).

Hình thái ngữ pháp của từ này là một phân từ bị động thì bắt định (aorist passive participle). Tuy nhiên, nó không phù hợp với văn mạch. Nó phải được sử dụng trong nghĩa của một phân từ chủ động thì hiện tại (present active participle). Cần phải ghi nhớ rằng hình thái ngữ pháp phải phục dưới văn mạch văn học, cũng như những định nghĩa từ vựng của các từ. Văn mạch, chứ không phải là hình thái ngữ pháp, hoặc ý nghĩa của từ vựng, luôn luôn được ưu tiên một!

▣ " **người phục vụ** " Đây là một thuật ngữ chung của "tôi tớ" hoặc "sự phục vụ" (*diakonos*, Cô-lô-se 1:7, 23, 25; 4:7; Ê-phê-sô 3:7; 6:21). Chúa Jesus sử dụng từ này cho Chính Ngài trong Mác 10:45. Nó đã trở thành danh xưng cho những người phục vụ tại hội thánh địa phương- những chấp sự (Phi-líp 1:1).

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): CÔ-LÔ-SE 1:24-2:5

²⁴ Hiện nay tôi vui mừng trong sự gian khổ vì anh em, và cũng vì thân thể Ngài là Hội Thánh, mà đem thân xác mình hoàn tất phần còn lại trong sự thương khó của Đấng Christ. ²⁵ Tôi đã trở nên người phục vụ Hội Thánh, theo trách nhiệm mà Đức Chúa Trời đã ủy thác cho tôi để rao giảng lời Ngài cho anh em một cách đầy trọn; ²⁶ tức là sự mầu nhiệm đã được giấu kín trải qua các thời đại và các thế hệ, nhưng bây giờ được giải bày cho các thánh đồ của Ngài. ²⁷ Vì Đức Chúa Trời muốn họ bày tỏ sự phong phú và vinh quang của mầu nhiệm này giữa dân ngoại như thế nào, ấy là Đấng Christ ở trong anh em, là niềm hi vọng vinh quang. ²⁸ Chính Ngài là Đấng chúng tôi rao giảng. Chúng tôi dùng tất cả sự khôn ngoan để cảnh cáo mọi người, dạy dỗ mọi người, hầu trình diện mọi người cách toàn hảo trong Đấng Christ. ²⁹ Chính vì điều này mà tôi ra sức làm việc và chiến đấu với cả năng lực mà Ngài hành động một cách mạnh mẽ trong tôi. ^{2:1} Thật vậy, tôi muốn anh em biết tôi đã vì anh em, vì những người ở Lao-đi-xê và vì tất cả những người chưa thấy mặt tôi về phần xác mà chiến đấu cam go như thế nào, ² để lòng họ được khích lệ, hiệp nhất trong yêu thương, cũng như có được sự hiểu biết phong phú và chắc chắn để nhận biết sự mầu nhiệm của Đức Chúa Trời, tức là Đấng Christ; ³ trong Ngài ẩn chứa mọi kho tàng của sự khôn ngoan và tri thức. ⁴ Tôi nói điều này để không ai dùng lập luận hấp dẫn mà lừa dối anh em. ⁵ Vì dù thân tôi xa cách, nhưng tâm linh vẫn ở với anh em, vui mừng khi thấy anh em có trật tự và đức tin vững vàng trong Đấng Christ.

1:24 " **tôi vui mừng trong sự gian khổ vì anh em** " Phao-lô xem sự tù đầy của ông như là sự gây dựng cho hội thánh (Phi-líp 2:17 và 2 Cô-rinh-tô 1:5). Phao-lô xem đời sống ông như một của lễ dâng lên cho Chúa thay mặt cho hội thánh. Khía cạnh này của Tin Lành chúng ta không ưa thích (Ma-thi-ơ 5:10-12; Rô-ma 5:3; 8:17; 2 Cô-rinh-tô 4:7-11; 6:3-10; Phi-líp 1:29, 2:17; 2 Ti-mô-thê 3:12; Hê-bơ-rơ 5:8; 1 Phi-e-rơ 1:7-8; 4:12-16)! Cũng như

Chúa Jesus đã chịu khổ thay cho những người khác, thì những người đi theo Ngài cũng phải như vậy (2 Cô-rinh-tô 5:14-15; Ga-la-ti 2:20; 1 Giăng 3:16). Duy chỉ mình Đức Thánh Linh mới có thể biến sự chịu khổ thành sự vui mừng!

▣ " **thân xác mình** " Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Cô-lô-se 1:22.

▣ " **hoàn tất phần còn lại trong sự thương khó của Đấng Christ** " Động từ ghép kép nhấn mạnh (emphatic double compound verb) này (*anti, ana, plēroō*) được tìm thấy duy nhất ở đây trong Tân Ước. Những giới từ khẳng định mạnh mẽ "thay mặt cho" hoặc "và để đổ đầy hoàn toàn." Đây là một câu rất khó để dịch. Một vài giả thuyết về ý nghĩa của câu này là:

8. Sự chuộc tội của Đấng Christ là không đủ nếu thiếu đi hội thánh, ví dụ, Thuyết Công Giáo La Mã về những công trạng của các thánh
9. Những tín đồ, cũng như hội thánh, chia sẻ sự chịu khổ của Đấng Christ, (không phải theo cách thay thế), nhưng bằng cách thực hiện ý muốn của Đức Chúa Cha trong một thế giới sa ngã (Ma-thi-ơ 5:10-12; Mác 10:39; Giăng 16:từ câu 1trở đi; 2 Cô-rinh-tô 4:10; Ga-la-ti 2:20; Phi-líp 3:10)
- 10.Đấng Christ chịu khổ cùng với các tín đồ (Công Vụ 9:4-5; 2 Cô-rinh-tô 1:5; Ê-sai 63:9)
- 11.Sự chịu khổ là cần thiết cho sự trưởng thành (Hê-bơ-rơ 5:8)
- 12.Chúng ta cần phải hoàn thành "sự đau đớn khi sinh sô" cho thời đại mới (Mác13:8)
- 13.Phao-lô đang bác bỏ một câu gài bẫy Trứ Huệ Giáo

Từ dùng cho "thương khó (chịu khổ) " chưa bao giờ được sử dụng trong Tân Ước cho sự chết của Đấng Christ trên cây thập tự giá. Văn mạch của Cô-lô-se 1:13- 18 hoàn toàn bác bỏ lựa chọn #1! Tôi thích nhất #5!

▣ " **Hội Thánh** " *Ekklesia* đã hình thành từ hai từ Hy Lạp, "ra khỏi" và "kêu gọi." Nó được dùng trong tiếng Hy Lạp Koine để mô tả bất cứ hình thức hội họp nào, ví dụ như một buổi tụ họp của khu phố (Công Vụ 19:32). Hội thánh chọn từ này bởi cách nó được dùng trong bản Bảy Mươi (bản dịch tiếng Hy Lạp Ngũ Kinh, được viết sớm nhất khoảng năm 250 TC cho thư viện Alexandria, Ai Cập). Từ này được dịch từ thuật ngữ Hê-bơ-rơ *qahal* vốn được sử dụng trong cụm từ "hội chúng Y-sơ-ra-ên" (Dân Số 20:4). Các tác giả Tân Ước khẳng định rằng họ chính là "những người được gọi ra khỏi bởi Đấng Thánh " là những người trở nên Dân Sự của Đức Chúa Trời trong thời của họ. Họ nhìn thấy không có bất cứ sự chia rẽ triệt để nào giữa Dân Sự Cựu Ước của Đức Chúa Trời và chính họ, Dân Sự Tân Ước của Đức Chúa Trời. Các tín đồ cần phải khẳng định rằng Hội Thánh của Đức Chúa Jesus Christ, không phải Do Thái Giáo hiện đại, là dòng dõi thực sự của Kinh Thánh Cựu Ước.

Trong Ê-phê-sô, một lá thư được gửi rộng rãi, thuật ngữ "hội thánh" luôn có một ý nghĩa toàn cầu, nhưng trong Cô-lô-se nó có nghĩa khu vực. Hội thánh có nghĩa cả về mặt tập thể, chỉ về toàn bộ dân sự của Đức Chúa Trời, và cá thể, chỉ về một cộng đồng địa phương của các tín đồ. Trong văn mạch này Phao-lô rõ ràng đang chỉ đến khía cạnh toàn cầu của hội thánh. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Hội Thánh tại Cô-lô-se 1:18.

1:25 " Tôi đã trở nên người phục vụ " Phao-lô đang chỉ đến sự kêu gọi Sứ Đồ của ông để giảng dạy cho Người Ngoại (Công Vụ 9:15; 22:21; 26:17; Rô-ma 1:5; 11:13; 15:16; Ga-la-ti 1:16; 2:7; Ê-phê-sô 3:1-2, 8; 1 Ti-mô-thê 2:7; 2 Ti-mô-thê 4:17).

Tuy nhiên, Phao-lô xem sự kêu gọi và sự trang bị những ân tứ của ông như là một người phục vụ, một tôi tớ (nô lệ), một người quản trị! Trong Kinh Thánh sự lãnh đạo là sự phục vụ.

▣ " **theo trách nhiệm mà Đức Chúa Trời đã ủy thác cho tôi** " Các tín hữu đều là những người quản trị hoặc được ủy thác của phúc âm (1 Cô-rinh-tô 4:1-5; Ê-phê-sô 3:2,9; Tít 1:7; 1 Phi-e-rơ 4:10). Phao-lô sử dụng thuật ngữ này trong một vài nghĩa khác nhau.

1. Một sự ủy thác Sứ Đồ để rao truyền phúc âm (1 Cô-rinh-tô 9:17; Ê-phê-sô 3:2; Cô-lô-se 1:25)
2. Một kế hoạch đời đời của sự cứu chuộc (Ê-phê-sô 1:10, 3:9; 1 Cô-rinh-tô 4:1)
3. Sự huấn luyện trong kế hoạch cứu chuộc và lối sống đi cùng với nó (1 Ti-mô-thê 1:4)

NASB	"để tôi có thể thực hiện cách trọn vẹn việc rao giảng lời của Đức Chúa Trời"
NKJV	"để hoàn thành lời của Đức Chúa Trời"
NRSV	"để khiến lời của Đức Chúa Trời được biết một cách trọn vẹn"
TEV	"để công bố thông điệp của Ngài "
NJB	"để hoàn tất sứ điệp của Đức Chúa Trời "

Đây là cùng một từ gốc "đổ đầy" (*plēroō*) được sử dụng trong Cô-lô-se 1:24. Sự tù đầy và rao giảng của Phao-lô để hoàn thành mục đích của Đức Chúa Trời cho Người Ngoại (Công Vụ 9:15-16; 22:21; 26:17; Rô-ma 11:13;

15:16; Ga-la-ti 1:16; 2:7; Ê-phê-sô 3:2,8; 1 Ti-mô-thê 2:7; 2 Ti-mô-thê 4:17).

1:26 " sự mâu nhiệm " Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-phê-sô 3:3.

▣ **" được giấu kín trải qua các thời đại và các thế hệ "** Đây là một phân từ bị động thì hoàn thành (Perfect passive participle), nó đã bị và liên tục bị giấu kín bởi Đức Chúa Trời (hàm ý) trong quá khứ. Bí ẩn (sự mâu nhiệm) này đã được giữ bí mật khỏi (1) Người Ngoại, (2) Người Do Thái, và (3) thậm chí các thiên sứ (1 Phi-e-rơ 1:12). Các tiên tri đã có một cái nhìn thoáng qua về nó, nhưng chưa bao giờ biết lẽ thật này cách đầy đủ (Ê-bơ-rơ 1:1). Cụm từ "các thời đại và các thế hệ" đã được sử dụng bởi Trí Huệ giáo để chỉ đến các cấp bậc thiên sứ (*aeons*).

▣ **" nhưng bây giờ được giải bày cho các thánh đồ của Ngài "** Đây là một thể chỉ định thụ động thì bất định (aorist passive indicative) của một động từ vốn có nghĩa là "được bày tỏ cách rõ ràng" hoặc "mang ra ánh sáng" (Cô-lô-se 1:27; Rô-ma 3:21; 16:26). Rằng nó đã bị giấu kín và giờ đây được bày tỏ ra. Phúc âm là rõ ràng và cởi mở với tất cả mọi người, không phải chỉ với một số ít những người được chọn!! Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Các Thánh Đồ tại Cô-lô-se 1:2.

▣ **" sự phong phú và vinh quang "** Phao-lô thường sử dụng từ "sự giàu có (phong phú)" để mô tả về những lợi ích của phúc âm (Cô-lô-se 1:27; 2:2; Ê-phê-sô 1:7,18; 2:7; 3:8,16; Phi-líp 4:19).

▣ **" Đấng Christ ở trong anh em "** Có khả năng về mặt ngữ pháp rằng câu này có thể được dịch là "Đấng Christ ở giữa anh em," vốn chỉ đến sự mâu nhiệm (bí ẩn) của phúc âm và không phải sự ngự trong lòng của Đấng Christ. Cùng một giới từ Hy Lạp, *en*, được dịch là "giữa" trong cụm từ trước đó, "giữa Người Ngoại." Điều này có vẻ phù hợp nhất với văn mạch.

Có một dòng chảy giữa công việc giữa Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh. G. Campbell Morgan nói rằng danh tốt nhất cho Đức Thánh Linh là "Chúa Jesus khác." Phía dưới đây là một dàn ý so sánh về công việc và những danh xưng của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHÚA GIÊ-SU VÀ THÁNH LINH

Có một sự linh động giữa công tác của Đức Thánh Linh và công tác của Đức Chúa Con. Ông G. Campbell Morgan nói rằng danh hiệu thích hợp nhất cho Đức Thánh Linh là "một Đức Chúa Giê-xu khác." Sau đây là bảng liệt kê so sánh công việc và danh hiệu của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh.

1. Thánh Linh được gọi là "Thánh linh của Đức Chúa Giê-xu" hoặc những từ ngữ tương tự (Rô-ma 8:9; II Cô-rinh-tô 3:17; Ga-la-ti 4:6; I Phi-e-rơ 1:11).
2. Cả hai đều được gọi với cùng một từ ngữ:
 - a. "Lẽ thật"
 - 1) Đức Chúa Giê-xu (Giăng 14:6)
 - 2) Thánh Linh (Giăng 14:17; 16:13)
 - b. "Đấng biện hộ"
 - 1) Đức Chúa Giê-xu (I Giăng 2:1)
 - 2) Thánh Linh (Giăng 14:16,26; 15:26; 16:7)
 - c. "Đấng Thánh"
 - 1) Đức Chúa Giê-xu (Lu-ca 1:35; 14:26)
 - 2) Thánh Linh (Lu-ca 1:35)
3. Cả hai đều ngự trong những người tin Chúa
 - a. Đức Chúa Giê-xu (Ma-thi-ơ 28:20; Giăng 14:20,23; 15:4-5; Rô-ma 8:10; II Cô-rinh-tô 13:5; Ga-la-ti 2:20; Ê-phê-sô 3:17; Cô-lô-se 1:27)
 - b. Thánh Linh (Giăng 14:16-17; Rô-ma 8:9,11; I Cô-rinh-tô 3:16; 6:19; II Ti-mô-thê 1:14)
 - c. Và ngay cả Đức Chúa Cha (Giăng 14:23; II Cô-rinh-tô 6:16)
4. Trách nhiệm của Đức Thánh Linh là làm chứng về Chúa Giê-xu (Giăng 15:29; 16:13-15)

1:27 " sự phong phú và vinh quang của mâu nhiệm này giữa dân ngoại " Phao-lô đã sử dụng "sự giàu có (phong phú)" một vài lần để mô tả về những hành động và sự chu cấp đầy ân sủng của Đức Chúa Trời dành cho

nhân loại sa ngã (Cô-lô-se 1:27; 2:2; Rô-ma 2:4; 9:23; 11:33; 2 Cô-rinh-tô 8:2; Ê-phê-sô 1:7,18; 2:7; 3:16).

Đức Chúa Trời luôn luôn có một kế hoạch để hiệp một Người Do Thái và Người Ngoại trong sự cứu chuộc (Ê-phê-sô 2:11-3:13). Sự khởi đầu của kế hoạch cứu chuộc này có thể được thấy ở trong

1. Lời hứa của Đức Chúa Trời trong Sáng 3:15, vốn được áp dụng cho toàn bộ con cái của A-đam
2. Sự kêu gọi của Đức Chúa Trời dành cho Áp-ra-ham vốn để ban phước cho mọi dân tộc (Sáng 12:3)
3. Sự kêu gọi của Đức Chúa Trời một vương quốc thầy tế lễ để vươn đến toàn bộ thế giới (Xuất 19:5)
4. Ngay cả đền thờ Sa-lô-môn cũng đã có những ngụ ý dành cho Người Ngoại để ăn năn và tin nhận và trở thành một bộ phận (1 Các Vua 8:43, 60)
5. Vô số những trích dẫn khác trong các sách tiên tri (đặc biệt là Ê-sai) chỉ về một sự cai trị trên toàn cầu và mời gọi toàn bộ nhân loại

☐ " **niềm hi vọng vinh quang** " Cụm từ này chỉ về Ngày Phục Sinh khi mà toàn bộ các thánh đồ sẽ nhận lấy thân thể mới vinh hiển (1 Giăng 3:2). Sự tuyển lựa, sự xưng công chính, và sự nên thánh sẽ kết quả trong sự làm vinh hiển (Rô-ma 8:29-30). Hãy xem ghi chép đầy đủ về "vinh hiển" tại Ê-phê-sô 1:6.

1:28 " Ngài là Đấng chúng tôi rao giảng " Cơ Đốc Giáo trước tiên không phải là nền tảng thần học chính xác, những tiêu chuẩn đạo đức chuẩn mực, hay những nghi lễ tôn giáo, nhưng là một mối liên hệ cá nhân với Chúa Jesus. Một khi điều này được thiết lập, những khía cạnh khác đều có vị trí phù hợp của chúng (2 Ti-mô-thê 3:15,16-17).

☐ " **cảnh cáo, dạy dỗ** " Từ này được sử dụng cho "sự dạy dỗ con trẻ" trong Bản Bảy Mươi (Gióp 5:17). Trong Tân Ước nó được dùng cho các tín đồ khuyên bảo nhau (Công Vụ 20:31; Rô-ma 15:14). Nó thường mang nghĩa rộng tiêu cực của sự cảnh cáo về những hành vi không phù hợp với tiêu chuẩn Cơ Đốc (1 Tê-sa 5:14; 2 Tê-sa 3:15).

☐ " **mọi người** " Cụm từ này được dùng ba lần trong câu này để nhấn mạnh. Sự bao gồm này thật rất khác biệt với sự loại trừ độc chiếm của những giáo sư giả. Phúc âm là dành cho toàn bộ nhân loại (Giăng 3:16; 1 Ti-mô-thê 2:4; 2 Phi-e-rơ 3:9).

☐ " **dùng tất cả sự khôn ngoan** " Sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời thật khác biệt với sự chủ nghĩa loại trừ độc chiếm và sự kỳ bí của cái gọi là tri thức của những giáo sư giả.

☐ " **hầu trình diện mọi người** " Mục tiêu của Đức Chúa Trời cho hội thánh chính là mọi tín đồ trở nên trưởng thành trong Đấng Christ (Cô-lô-se 4:12; Ê-phê-sô 4:13; 1 Cô-rinh-tô 2:6; 14:20; Phi-líp 3:15). Không có một nhóm, cấp bậc, ân tứ, tri thức, đặc quyền đặc biệt nào trong thân thể của Đấng Christ, chỉ có những tôi tớ mà thôi!

NASB	"hoàn toàn"
NKJV, NJB	"hoàn hảo"
NRSV, TEV	"trưởng thành"

Đây là từ Hy Lạp *telos* (cũng thường xuyên được sử dụng trong văn học Trứ Huệ Giáo trong thế kỷ thứ hai), vốn có nghĩa là "được trang bị toàn vẹn cho một nhiệm vụ được giao" (Ê-phê-sô 4:12). Nó được sử dụng cho

1. Các chi bị gãy được chữa lành và trở nên hữu dụng một lần nữa
2. Các lưới đánh cá được sửa chữa và bởi đó có thể có khả năng để bắt cá
3. Những con tàu được căng thừng và buồm để ra khơi
4. Những con gà lớn đủ để mang ra chợ. Nó không có nghĩa ngụ ý về tình trạng không có tội, nhưng thực hiện chức năng chỉ về sự trưởng thành.

1:29 " tôi ra sức làm việc và chiến đấu " Cùng hai từ Hy Lạp mạnh mẽ được sử dụng cùng với nhau trong 1 Ti-mô-thê 4:10 để mô tả về chức vụ của Phao-lô

☐ " **chiến đấu cam go** " Đây là một Phân từ trung cách (trung gian) thì hiện tại (Present middle (deponent) participle). Nó cũng là một thuật ngữ ngành thể thao (1 Cô-rinh-tô 9:25; 1 Ti-mô-thê 6:12; 2 Ti-mô-thê 4:7) và một từ trong quân đội (Cô-lô-se 2:1; John 18:36). Chúng ta lấy từ tiếng Anh "agony (sự thống khổ)" từ từ gốc Hy Lạp này. Công việc trong hội thánh là không dễ dàng!

☐ " **năng lực mà Ngài hành động một cách mạnh mẽ trong tôi** " Đây là một phân từ trung cách thì hiện tại

(present middle participle). Đó chính là quyền năng của Đức Chúa Trời, chứ không phải của các tín đồ, để "mang năng lực" cho mọi chức vụ (1 Cô-rinh-tô 2; Ê-phê-sô 1:19; 3:7, 20; Phi-líp 3:21; 1 Ti-mô-thê 1:12) Danh từ và phân từ từ trong cùng một từ gốc tiếng Hy Lạp có nghĩa là "Năng lực của Ngài đem năng lực trên tôi."

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Tại sao Phao-lô lại sử dụng một phần dẫn nhập tiêu chuẩn trong những lá thư của ông? Phần mở đầu, dẫn nhập này khác biệt như thế nào?
2. Ai đã mở ra hội thánh này? Nguyên nhân Phao-lô viết lá thư này là gì?
3. Liệt kê ra những nguyên do cho việc Phao-lô dâng lời tạ ơn Chúa cho các thánh đồ ở đây.
4. Liệt kê ra ba khía cạnh của ý muốn của Đức Chúa Trời (1:9).
5. Liệt kê ra bốn yếu tố của lời cầu nguyện của Phao-lô vốn liên hệ với "những đòi sống xứng đáng" (1:10-12).
6. Liệt kê ra những điều Phao-lô bày tỏ về Chúa Jesus (1:15-19; 2:9-10).
7. Tại sao Phao-lô lại nhấn mạnh về sự chết của Chúa Jesus quá mãnh liệt như vậy?
8. Một người có thể sa ngã (đánh mất) khỏi tình trạng ân điển (1:23; 2:16-23)?
9. 1:24 có nghĩa là gì?
10. Hãy định nghĩa "sự mâu nhiệm."

CÔ-LÔ-SE 2

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Chức vụ của Phao-lô Đối Với Hội Thánh	Không phải Triết Lý, nhưng Đấng Christ	Lợi Ích của Phao-lô Tại Cô-lô-se	Công việc của Phao-lô là Tôn Tớ của Hội Thánh	Sự Quan Tâm của Phao- lô đối với Đức Tin của Người Cô-lô-se
(1:24-2:5)		(1:24-2:7)	(1:24-2:3)	
	2:1-10			2:1-3
			2:4-5	2:4-5
Sự Đầy Trộn của Đòi Sống trong Đấng Christ			Sự Đầy Trộn của Đòi Sống trong Đấng Christ	Sống Theo Đức Tin Thật trong Đấng Christ, không theo Các Sự Dạy Dễ Tà Giáo
2:6-15		Sự Cảnh Cáo chống lại Các Giáo Sư Giả	2:6-7	2:6-7
		2:8-15	2:8-10	2:8
				Duy Đấng Christ là Đầu Thật của Toàn Bộ Nhân Loại và các Thiên Sứ
				2:9-10
	Không Giáo Điều Luật Pháp Nhưng Đấng Christ			
	2:11-23		2:11-15	2:11-13
				2:14-15
				Lời Tuyên Bỏ Chống Lại Chủ Nghĩa Khô Hạnh Sai Trật Dựa Trên Những Nguyên Lý của Thế Gian Đây
2:16-19		2:16-19	2:16-19	2:16-19
Đòi Sống Mới Trong Đấng Christ			Chết Đi Và Sống Với Đấng Christ	
(2:20-3:17)				
2:20-3:4		2:20-23	2:20-3:4	2:20-23

CHU KỶ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh

sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa đề dôi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): CÔ-LÔ-SE 2:1-5

¹ **Thật vậy, tôi muốn anh em biết tôi đã vì anh em, vì những người ở Lao-đi-xê và vì tất cả những người chưa thấy mặt tôi về phần xác mà chiến đấu cam go như thế nào,** ² **để lòng họ được khích lệ, hiệp nhất trong yêu thương, cũng như có được sự hiểu biết phong phú và chắc chắn để nhận biết sự mầu nhiệm của Đức Chúa Trời, tức là Đấng Christ;** ³ **trong Ngài ẩn chứa mọi kho tàng của sự khôn ngoan và tri thức.** ⁴ **Tôi nói điều này để không ai dùng lập luận hấp dẫn mà lừa dối anh em.** ⁵ **Vì dù thân tôi xa cách, nhưng tâm linh vẫn ở với anh em, vui mừng khi thấy anh em có trật tự và đức tin vững vàng trong Đấng Christ.**

2:1 " chiến đấu cam go như thế nào " "tranh chiến (chiến đấu)" là một thuật ngữ trong ngành thể thao hoặc trong quân đội (Cô-lô-se 1:29; 4:12). Ở đây nó được dùng như là (1) một ẩn dụ cho sự cầu nguyện cầu thay hoặc (2) công việc của Phao-lô thay cho toàn bộ Người Ngoại.

▣ **"Lao-đi-xê"** Đây là một thành phố nằm gần đó, chỉ cách khoảng 10 dặm từ thành phố Cô-lô-se, trong cùng một thung lũng (Cô-lô-se 4:13, 15,16; Khải Huyền 3:14). Ê-pháp-ra có lẽ đã mở ra một hội thánh ở mỗi thành phố nằm trong Thung Lũng Sông Lycus (Lycus River Valley)- Cô-lô-se, Lao-đi-xê, và Hi-ê-ra-bô-li (Cô-lô-se 4:13). Lá thư này cần được đọc trong mỗi hội thánh này.

▣ **" tất cả những người chưa thấy mặt tôi "** Phao-lô không mở ra hội thánh này cũng như hai hội thánh còn lại trong Trũng Sông Lycus. Hội thánh này đã được mở ra bởi Ê-pháp-ra (Cô-lô-se 1:7). Nhưng Phao-lô chịu đau đớn trong sự cầu nguyện cho họ. Phao-lô yêu quý Hội Thánh, và tất cả những hội thánh (địa phương)!

2:2 " để lòng họ được khích lệ " Đây là một câu mục đích (purpose clause) với một thể cầu khẩn thụ động thì bất định (aorist passive subjunctive). Nó có cùng một gốc từ với "*paracletos*," vốn được dùng bởi Đức Thánh Linh trong Giăng 14:16,26; 15:26; 16:7 và bởi Chúa Jesus trong 1 Giăng 2:1. Nghĩa cơ bản của nó là "kêu gọi sát bên cho sự giúp đỡ và khích lệ." Nó là một ẩn dụ từ hệ thống luật pháp La Mã; ý tưởng của người luật sư biện hộ đến từ từ này.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TÂM LÒNG

Chữ *kardia* trong tiếng Hy Lạp được dùng trong bản Bảy Mươi và trong Tân ước diễn tả ý nghĩa chữ *leb* trong tiếng Hê-bơ-rơ. Nó được dùng trong một số cách sau đây (xin xem Bauer, Arndt, Gingrich and Danker, *A Greek-English Lexicon*, trang 403-404):

1. Trung tâm của một cuộc sống thuộc thể, hình ảnh về một con người (Công vụ 14:17; II Cô-rinh-tô 3:2-3; Gia-cơ 5:5)
2. Trung tâm của một cuộc sống thuộc linh (đạo đức)
 - a. Đức Chúa Trời nhìn biết tâm lòng (Lu-ca 16:15; Rô-ma 8:27; I Cô-rinh-tô 14:25; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:4; Khải huyền 2:23)
 - b. Để chỉ đời sống thuộc linh của con người (Ma-thi-ơ 15:18-19; 18:35; Rô-ma 6:17; I Ti-mô-thê 1:5; II Ti-mô-thê 2:22; I Phi-e-rơ 1:22)

3. Trung tâm của cuộc sống lý trí (tức là tri thức, Ma-thi-ơ 13:15; 24:48; Công vụ 7:23; 16:14; 28:27; Rô-ma 1:21; 10:6; 16:18; II Cô-rinh-tô 4:6; Ê-phê-sô 1:18; 4:18; Gia-cơ 1:26; II Phi-e-rơ 1:19; Khải huyền 18:7; tấm lòng đồng nghĩa với trí óc trong II Cô-rinh-tô 3:14-15 và Phi-líp 4:7)
4. Trung tâm của ý chí (Công vụ 5:4; 11:23; I Cô-rinh-tô 4:5; 7:37; II Cô-rinh-tô 9:7)
5. Trung tâm của tình cảm (Ma-thi-ơ 5:28; Công vụ 2:26,37; 7:54; 21:13; Rô-ma 1:24; II Cô-rinh-tô 2:4:7:3; Ê-phê-sô 6:22; Phi-líp 1:7)
6. Nơi đặc biệt để Đức Thánh Linh hành động (Rô-ma 5:5; II Cô-rinh-tô 1:22; Ga-la-ti 4:6 [Đấng Christ sống trong lòng của chúng ta, Ê-phê-sô 3:17])
7. Tấm lòng là cách nói tượng hình để chỉ toàn bộ một con người (Ma-thi-ơ 22:37, lấy từ Phục truyền 6:5). Những tư tưởng, động cơ, và hành động thuộc về tấm lòng bày tỏ rõ ràng loại người. Cựu ước có một số cách sử dụng ẩn tượng về từ ngữ này:
 - a. Sáng thế ký 6:6; 8:21, "Đức Chúa Trời buồn trong lòng" (cũng để ý xem Ô-sê 11:8-9)
 - b. Phục truyền 4:29; 6:5 "bằng cả tấm lòng, cả linh hồn"
 - c. Phục truyền 10:16, "tấm lòng không cắt bì" và Rô-ma 2:29
 - d. Ê-xê-chi-ên 18:31-32, "tấm lòng mới"
 - e. Ê-xê-chi-ên 36:26, "tấm lòng mới" so với "tấm lòng bằng đá"

▣ " **hiệp nhất** " Đây là một phân từ bị động thì bất định (aorist passive participle) của cấu trúc ghép *syn*. Nó được sử dụng trong Bản Bảy Mươi cho "sự hướng dẫn" (Ê-sai 40:13; 1 Cô-rinh-tô 2:16). Trong những tác phẩm của Phao-lô nó được sử dụng như một ẩn dụ từ sự tăng trưởng thể chất cơ thể thành một sự hiệp nhất trưởng thành (Cô-lô-se 2:19; Ê-phê-sô 4:16). Sự tăng trưởng và hiệp nhất này là có thể (những thể bị động (passive voices)) chỉ duy nhất ở trong Đấng Christ, trong Đức Thánh Linh và trong tình yêu thương. Sự hiệp một thật quá quan trọng trong một tình huống bị tấn công bởi tà giáo (Ê-phê-sô 4:1-6).

NASB	"mọi sự thịnh vượng "
NKJV, NRSV	"mọi sự giàu có "
TEV	"sự thịnh vượng đầy trọn "
NJB	"họ giàu có "

Phao-lô thường sử dụng từ "giàu có" để mô tả về tình yêu của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ (Rô-ma 2:4, 9:23; 11:12, 33; Ê-phê-sô 1:7, 18; 2:7; 3:8, 16; Phi-líp 4:19; Cô-lô-se 1:27; 2:2). Các tín đồ giàu có về mặt thuộc linh (Gia-cơ 1:9) bởi vì sự giàu có và rộng rãi của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ (2 Cô-rinh-tô 8:9; 9:15). Ở đây "của cải" ("mọi kho tàng," Cô-lô-se 2:3) chính là sự hiểu biết phúc âm của các tín đồ. Hãy dừng lại một giây phút và suy nghĩ về món quà của sự mặc khải!

▣ " **sự hiểu biết phong phú và chắc chắn** " Phao-lô tiếp tục sử dụng những từ ngữ và ý tưởng được sử dụng bởi những giáo sư giả Trí Huệ Giáo. Trong cụm từ này, "(sự đảm bảo) chắc chắn trọn vẹn" là một từ ghép của *plērōma*, vốn những tà giáo sử dụng để chỉ về các cấp bậc thiên sứ.

Từ "hiểu biết" (*sunesis*) cũng là một từ ghép *syn*. Nó được liên hệ với *plērōma* trong Cô-lô-se 1:9. Nguồn gốc từ nguyên học của nó là sự tràn đến của những dòng suy nghĩ. Những giáo sư giả này cố gắng để khiến Cơ Đốc Giáo trở nên hiểu được, phù hợp, và áp dụng được trong xã hội và văn hóa Hy Lạp. Cùng một động cơ này đã thúc đẩy những tà giáo hiện đại cưỡng ép phúc âm vào những hình thái suy nghĩ hoặc phạm trù tư tưởng hiện đại.

▣ " (sự) **nhận biết (thật)** " Một lần nữa từ này cần phải được xem xét chống lại nền tảng của sự nhấn mạnh và công bố của những giáo sư giả để "bí mật hóa" kiến thức tối thượng liên quan đến sự cứu rỗi. Đối với Phao-lô, "sự nhận biết thật" (*epignōskō*) chỉ được tìm thấy duy nhất trong phúc âm của Đấng Christ, chính là Đấng vốn là "sự mầu nhiệm của Đức Chúa Trời."

NASB,	"điều huyền nhiệm (mầu nhiệm)"
NKJV,	"một lẽ thật bí ẩn "
NRSV	"một lẽ thật bí ẩn giấu kín cho tất cả "
TEV	
NJB	

Đức Chúa Trời có một mục đích thống nhất cho kế hoạch cứu chuộc của nhân loại (Ê-phê-sô 2:11-3:13) mà vốn thậm chí có trước cả sự sa ngã (Sáng 3). Những gợi ý về kế hoạch này đã được bày tỏ trong Cựu Ước (Sáng 3:15; 12:3; Xuất 19:5-6 và những đoạn Kinh Thánh toàn cầu trong các sách tiên tri). Tuy nhiên, toàn bộ những chi tiết đã không được rõ ràng cho đến khi phúc âm của Đức Chúa Jesus Christ được mặc khải (1 Cô-rinh-tô 2:1-8). Với việc Chúa Jesus và Đức Thánh Linh đến nó bắt đầu trở nên rõ ràng. Phao-lô sử dụng từ "điều huyền nhiệm" để mô tả kế hoạch cứu chuộc tổng thể này (1 Cô-rinh-tô 4:2; Ê-phê-sô 6:19; Cô-lô-se 4:3; 1 Ti-mô-thê 3:9). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-phê-sô 3:3.

☐ "lòng" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Tâm lòng tại Cô-lô-se 2:1.

NASB	" rằng, Chính Đấng Christ "
NRSV	" rằng, chính mình Đấng Christ "
NKJV	" của cả Đức Chúa Cha và của Đấng Christ "
TEV	" chính là Đấng Christ "

Có một vài sự khác biệt về bản thảo Hy Lạp. Cấu trúc không thường xuyên của bản P⁴⁶, "của Đức Chúa Trời, của Đấng Christ," giải thích nguồn gốc của tất cả những sự khác biệt khác (Phụ Lục Hai, I. B. 1-6). Điều mầu nhiệm của Đức Chúa Trời chính là Đấng Christ-cuộc đời, những sự dạy dỗ, sự chịu khổ, sự chết, sự phục sinh, thăng thiên, và Sự Tái Lâm của Ngài! Điều huyền nhiệm của kế hoạch cứu chuộc đời đời, toàn nhân loại của Đức Chúa Cha đã được thực hiện đầy đủ bởi Đức Chúa Con nhập thể.

Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Điều Mầu Nhiệm trong Những Tác Phẩm của Phao-lô tại Ê-phê-sô 3:3.

2:3 " trong Ngài ẩn chứa mọi kho tàng của sự khôn ngoan và tri thức " Câu này bác bỏ sự nhấn mạnh của các giáo sư giả và mở rộng thân vị của Đấng Christ. Điều huyền nhiệm của Đức Chúa Trời (sự mặc khải) chính là một con người, kế hoạch của Đức Chúa Trời chính là một con người (NASB, NKJV, NRSV, TEV), và sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời chính là một con người, chứ không phải là kiến thức hoặc sự nỗ lực của con người.

Có khả năng về mặt ngữ pháp rằng cụm từ mở đầu này ở giống trung ("trong nó"), không phải thể giống đực ("trong người") và vì vậy, chỉ về điều huyền nhiệm (NJB).

2:4 " không ai dùng lập luận hấp dẫn mà lừa dối anh em " Đây là một mệnh đề mục đích (purpose clause) với một thể giả định (câu khấn) trung cách thì hiện tại (present middle (deponent) subjunctive). Động từ này được sử dụng trong hai cách: (1) để lừa dối hoặc khiến một người lầm lạc (Gia-cơ 1:22) và (2) để lý giải cách sai trật, lừa gạt hoặc bề cong (sự thật).

Sự lừa dối này được thực hiện bởi những phương cách của sự lý giải hùng biện, những lập luận khéo léo, có vẻ hợp lý, và/hoặc những bài thuyết trình thuyết phục. Những giáo sư giả luôn luôn là những người hợp lý, hấp dẫn, thuyết phục (thật khác với Phao-lô, 1 Cô-rinh-tô 2:1-5).

2:5 " Vì dù " Đây là một câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence) vốn giả định là đúng từ quan điểm của tác giả hoặc phục vụ cho mục đích văn học của ông. Phao-lô rõ ràng không ở cùng với ông về mặt thân thể, nhưng ông cầu nguyện cho họ và cảm nhận là một với họ.

☐ "**thân tôi xa cách "** cụm từ này nguyên văn là "vắng mặt trong xác thịt." Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Xác thịt (*sarx*) tại Cô-lô-se 1:22.

☐ "**tâm linh vẫn ở với anh em "** Tâm lòng và lời cầu nguyện của Phao-lô liên tục không ngừng ở với tiền đồn nhỏ bé, bị cô lập, bất bớ này của Vương Quốc của Đức Chúa Trời! Ở đây từ "tâm linh" chỉ về chính bản chất chân thật của con người. Cùng một cách bày tỏ này được sử dụng trong 1 Cô-rinh-tô 5:3.

NASB	" sự kỷ luật tốt đẹp. . .kiên định"
NKJV	" một trật tự tốt đẹp. . .chắc chắn"
NRSV	" đạo đức. . .vững vàng"
TEV	" sự vững vàng cương quyết mà bởi đó anh em đứng cùng nhau "
NJB	" trật tự tốt đẹp. . .vững vàng"

Những từ này là (1) những thuật ngữ quân sự cho sự tổ chức và sự vững vàng (Ê-phê-sô 6:10-17) hoặc (2) những thuật ngữ xây dựng cho một nền móng chắc chắn, vững vàng (2 Ti-mô-thê 2:14-19; 1 Phi-e-rơ 5:9).

Những từ này mô tả đức tin của những tín đồ Cô-lô-se ngay cả giữa sự tấn công và gây rối loạn của những giáo sư giả.

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): CÔ-LÔ-SE 2:6-7

⁶ Vậy, anh em đã tiếp nhận Đấng Christ Jêsus là Chúa thể nào thì hãy bước đi trong Ngài thể ấy; ⁷ hãy đắm rể, lập nền trong Ngài; hãy mạnh mẽ trong đức tin như anh em đã được dạy dỗ, và càng gia tăng trong sự cảm tạ

2:6 " anh em đã tiếp nhận Đấng Christ Jêsus thể nào " Động từ được sử dụng ở đây (*paralambanō*, thể chỉ định chủ động thì bất định (aorist active indicative)) có hai nghĩa rộng.

1. sự chào đón một người (Ma-thi-ơ 1:20; Giăng 1:11; 14:3)

2. Sự tiếp nhận một "truyền thống" (1 Cô-rinh-tô 11:23; 15:1,3; Ga-la-ti 1:9,12; Phi-líp 4:9; 1 Tê-sa 2:13; 4:1; 2 Tê-sa 3:6)

Người Cô-lô-se đã nghe nội dung của phúc âm thông qua sự rao giảng của Ê-pháp-ra; sau đó họ chào đón cách cá nhân Thân Vị của phúc âm (Giăng 1:12). Đức tin theo Kinh Thánh là một giao ước. Đức Chúa Trời đã thiết lập kế hoạch những công việc và thực hiện sự kết nối đầu tiên (Giăng 6:44,65), nhưng những cá nhân phải đáp ứng bởi sự ăn năn, đức tin, và sự kiên nhẫn đứng vững (Cô-lô-se 2:6)! Thông điệp của những giáo sư giả đã bẻ cong thần học của cả nội dung và Thân Vị của phúc âm.

▣ **" Đấng Christ Jêsus là Chúa "** "Chúa Jesus là Chúa" đã là sự công bố đức tin công khai tại lễ báp tem của hội thánh đầu tiên (Rô-ma 10:9-13; 1 Cô-rinh-tô 12:3; 2 Cô-rinh-tô 4:5; Phi-líp 2:11). Đây là một sự khẳng định rằng Chúa Jesus người Na-xa-rét chính là Đấng Mê-si của Cựu Ước và là Đấng Thánh nhập thể (Phi-líp 2:6-11).

▣ **" thì hãy bước đi trong Ngài thể ấy "** Đây chính là một thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative). Cơ Đốc Giáo không phải chỉ là một bảng giáo điều thần học; nó còn là một lối sống của đức tin ("bước đi" Cô-lô-se 1:10; Ê-phê-sô 4:1,17; 5:2,15). Sự cứu rỗi không phải là một sản phẩm các tín đồ sở hữu nhưng là một thân vị (Đấng) sở hữu họ! Phao-lô ở đây tập chú vào khía cạnh con người của đức tin Cơ Đốc cũng như Phúc Âm Giăng (Giăng 1:12; 3:16; 6:40; 11:25-26).

2:7 Câu này bao gồm bốn phân từ (được sử dụng như những thể mệnh lệnh vốn mô tả sự bước đi cách xứng đáng (Cô-lô-se 2:6):

1. **" hãy đắm rể "** Đây là một thể bị động thì hoàn thành (perfect passive) vốn là một tình trạng hoàn tất của sự khiến sinh ra bởi Đức Chúa Trời. Cách mô tả ẩn dụ trong nông nghiệp này là độc nhất trong Cô-lô-se và Ê-phê-sô (Cô-lô-se 3:17).

2. **" lập nền trong Ngài"** Đây là một thể bị động thì hiện tại (present passive) vốn là một tiến trình tiếp diễn được thực hiện bởi Đức Chúa Trời.

Phao-lô thường sử dụng ẩn dụ trong xây dựng này để mô tả về dân sự của Đức Chúa Trời (1 Cô-rinh-tô 3:5; Ê-phê-sô 2:20, 22). Nó có thể chỉ đến các thánh đồ như một đền thờ (cách cá nhân, 1 Cô-rinh-tô 6:19 và tập thể, 1 Cô-rinh-tô 3:16).

3. **" hãy mạnh mẽ trong đức tin "** Đây là một thể bị động thì hiện tại (present passive) khác vốn là một tiến trình tiếp diễn được sinh ra bởi Đức Chúa Trời. Danh từ ("sự xác quyết") được thấy trong Phi-líp 1:7; và Hê-bơ-rơ 6:16. Động từ của nó ngụ ý "xác nhận" (1 Cô-rinh-tô 1:6,8; 2 Cô-rinh-tô 1:21), "thêm năng lực," và "chứng nhận" thường là bởi lập luận (Rô-ma 15:8, 1 Cô-rinh-tô 1:8).

Cụm từ "trong đức tin anh em" có thể được hiểu như là (1) đức tin chủ định, tin cậy nơi Đấng Christ (2) đức tin chủ định, những tín lý về Đấng Christ (Giu-đe 3, 20).

4. **" gia tăng trong sự cảm tạ "** Đây là một thể chủ động thì hiện tại (present active) vốn là một tiến trình tiếp diễn được sản sinh bởi Đức Chúa Trời. Đời sống Cơ Đốc là một đời sống của sự tạ ơn Đức Chúa Trời về ân điển của Ngài trong Đấng Christ. Điều này được bày tỏ bằng sự vâng phục và kiên nhẫn chịu đựng cách vui mừng! Biết phúc âm chính là vui mừng hân hoan với một niềm vui không thể tả xiết (Cô-lô-se 1:12) và sống cách thích đáng (Cô-lô-se 1:10-11) với sự tạ ơn (Cô-lô-se 3:17). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đây đây (*Perisseuō*) tại Ê-phê-sô 1:8.

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): CÔ-LÔ-SE 2:8-15

⁸ Hãy thận trọng, đừng để ai giải bày anh em bằng triết học và lời giả dối rỗng tuếch theo truyền thống

của loài người, theo các thần linh của thế gian, mà không theo Đấng Christ.⁹ Vì sự đầy trọn của thần tính hiện diện trong thân thể hữu hình của Ngài¹⁰ nên anh em cũng nhận được sự đầy trọn trong Ngài, Đấng làm đầu mọi quyền thống trị và thế lực.¹¹ Trong Ngài, anh em cũng nhận cắt bì, không phải do tay con người thực hiện, nhưng là sự cắt bì bởi Đấng Christ, tức là sự lột bỏ bản tính xác thịt của chúng ta.¹² Anh em đã được chôn với Ngài trong báp-têm thì cũng được sống lại với Ngài bởi đức tin nơi quyền năng của Đức Chúa Trời, Đấng đã khiến Ngài sống lại từ cõi chết.¹³ Khi trước anh em đã chết bởi tội lỗi và xác thịt không cắt bì thì Đức Chúa Trời đã khiến anh em cùng sống với Đấng Christ, vì đã tha thứ mọi tội lỗi của chúng ta.¹⁴ Ngài đã hủy bỏ giấy nợ chống lại chúng ta với những luật lệ ràng buộc chúng ta. Ngài loại bỏ bằng cách đóng đinh nó vào thập tự giá.¹⁵ Ngài đã phế bỏ các quyền thống trị, các thế lực, dùng thập tự giá chiến thắng chúng, và bêu chúng ra giữa thiên hạ.

2:8-15 Đây là một câu dài, được trình bày cách liên tục trong tiếng Hy Lạp.

2:8

NASB, "hãy quan sát nó"
 NRSV, TEV "hãy cẩn thận"
 NKJV NJB "hãy chắc chắn"

Đây là một thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative). Các Cơ Đốc Nhân phải liên tục canh giữ, bảo vệ sự tự do của họ trong Đấng Christ khỏi những giáo sư giả trong lúc nâng đỡ, nhường nhịn những anh em yếu đuối hơn (Rô-ma 14:1-15:13; 1 Cô-rinh-tô 8; 10:23-33). Thường rất chỉ đề nói ra sự khác biệt giữa hai nhóm người này. Những giáo sư giả bề cong lẽ thật, trong khi những anh em yếu đuối biện hộ cho những sự lựa chọn, sự ưa thích cá nhân..

▣ " **dừng để ai gài bẫy** " Đây là một phân từ chủ động thì hiện tại (present active participle) phủ định. Thuật ngữ Hy Lạp mạnh mẽ này, được sử dụng duy nhất ở đây trong Tân Ước, có nghĩa là (1) bắt cóc, (2) dụ dỗ (2 Ti-mô-thê 3:6), hoặc (3) bắt làm nô lệ. Những giáo sư giả luôn muốn kiểm soát!

▣ " **bằng triết học** " Đây không phải là một sự định tội trên sự suy nghĩ theo lý trí của con người. Con người được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời và phải thờ phượng Ngài với toàn bộ cả con người họ, bao gồm tâm trí họ (Phục Truyền 6:5; Ma-thi-ơ 22:32; Mác 12:29-30; Lu-ca 10:27). Đây là sự chối bỏ loại triết học/ thần học mang tính chất suy đoán của các giáo sư giả (Cô-lô-se 2:23; 1 Cô-rinh-tô 1:26-2:8; Ê-phê-sô 4:13; 5:6; 1 Ti-mô-thê 6:20).

▣ " **lời giả dối rộng tuếch** " Từ này có thể được dịch là "gian manh, lừa dối, hoặc làm lú lẫn " (Ma-thi-ơ 13:22; Ê-phê-sô 4:22; 2 Tê-sa 2:10; Hê-bơ-rơ 3:13). Các giáo sư giả thường có vẻ chân thành, nhưng đầy dối trá!

▣ " **theo** " Đây là từ Hy Lạp *kata*. Nó được lặp lại ba lần để định nghĩa "triết học và sự lừa dối rộng tuếch":

1. **theo truyền thống của loài người** " Tín ngưỡng của con người thật quá mang tính chất văn hóa (của con người), không theo Kinh Thánh (Ê-sai 29:13; Cô-lô-se 2:23). Thường chúng ta truyền lại những gì chúng ta được nhận lãnh mà không hề kiểm tra lại với Kinh Thánh cho chính chúng ta!
2. " **không theo Đấng Christ** " Nó được đặt nền tảng trên sự suy luận, lý giải, kinh nghiệm và giả định của con người.
3. " **(các nguyên lý sơ đẳng) các thần linh của thế gian** " phần lớn các từ được phát triển từ một nghĩa đen, vật chất thành một sự mở rộng theo nghĩa bóng. Từ này (*stoicheia*) nguyên văn là một hàng, một chuỗi. Nó được phát triển thành một vài nghĩa rộng:
 - a. Những khối vật chất cơ bản dựng nên thế giới (không khí, nước, đất, và lửa, 2 Phi-e-rơ 3:10, 12).
 - b. Những sự dạy dỗ căn bản về một chủ đề (Hê-bơ-rơ 5:12; 6:1 cho Do Thái Giáo).
 - c. Những thẩm quyền thiên sứ phía sau những vật thể trên bầu trời (theo I Enoch 52:8-9; và những giáo phụ hội thánh đầu tiên; và Cô-lô-se 2:8, 20; 1 Cô-rinh-tô 15:24) hoặc những cấp bậc thiên sứ (*aeons*) của những giáo sư giả Trí Huệ Giáo (Cô-lô-se 2:10, 15; Ê-phê-sô 3:10).
 - d. Các thiên sứ thù địch với nhân loại là những kẻ đã cố gắng ngăn chặn việc ban Luật Pháp cho Môi-se (Công Vụ 7:38; Hê-bơ-rơ 2:2)

- e. Có lẽ cấu trúc không mang tính chất tập chú vào con người của thế giới sa ngã của chúng ta cho phép nhân loại xuất hiện cách độc lập khỏi Đức Chúa Trời (giáo dục, chính quyền, y học, tôn giáo,...) (Ga-la-ti 4:3, 8-9 và theo Hendrik Berkhof trong quyển *Christ and the Powers* xuất bản bởi Herald Press, trang 32).

▣ **"mà (hơn là) không theo Đấng Christ"** Đây là lần thứ ba sử dụng của từ *kata*. Nan đề ở đây với hệ thống triết học của thế gian chính là nó định nghĩa lẽ thật bởi một tiêu chuẩn khác với sự mặc khải của Đức Chúa Trời, phúc âm của Đức Chúa Jesus Christ. Nó là sự khám phá của con người, chứ không phải là một sự mặc khải thiên thượng.

2:9 " trong Ngài " Cụm từ này nằm trong một vị trí được nhấn mạnh. "Trong Ngài" chính là cụm từ then chốt của thần học của Phao-lô ("trong Đấng mà" Cô-lô-se 2:3; " trong Đấng Christ" Cô-lô-se 2:5; "trong Ngài" Cô-lô-se 2:6,9,10,11; "cùng với Ngài " Cô-lô-se 2:12, 13). Cũng hãy chú ý, Ê-phê-sô 1:3,4,7,9,10,12,13,14). Phao-lô quay lại với Thần Học Đấng Christ cũng như ông đã làm trong Cô-lô-se 1:15-20. Đây là một vấn đề chính yếu và vấn đề chính yếu chính là một thân vị (một Đấng, một con người)!

▣ **" sự đầy trọn của thần tính "** Khía cạnh kép này của bản tính của Đấng Christ đã bác bỏ các giáo sư giả, (Cô-lô-se 1:15- 20). Họ đồng ý rằng Ngài hoàn toàn là Đức Chúa Trời, nhưng chối bỏ rằng Ngài đã thực sự là một con người hoàn toàn (1 Giăng 1 và 4:1-3). Thuật ngữ "đầy trọn" (*plērōma*) đã là một từ Trí Huệ Giáo cho các cấp bậc thiên sứ (*aeons*) ở giữa một Đức Chúa Trời tối cao tốt lành và thế giới vật chất xấu xa (Giăng 1:16, Cô-lô-se 1:19, Ê-phê-sô 1:23, 3:19; 4:13).

Từ trừu tượng cho "thần tính" (*theotās*) chỉ được sử dụng duy nhất ở đây trong toàn bộ Tân Ước. Chúa Jesus là sự mặc khải trọn vẹn và đầy đủ của Đức Chúa Trời, chứ không phải là hệ thống cấp bậc thiên sứ (*aeons*) hoặc những tri thức bí mật của các giáo sư giả. Có khả năng rằng từ này cũng là một trong các thuật ngữ then chốt của các giáo sư Trí Huệ Giáo. Phao-lô thường dùng những thuật ngữ của họ để mô tả về Đấng Christ.

▣ **" hiện diện "** Đây là một thể chỉ định chủ động thì hiện tại (present active indicative). Một vài những giáo sư giả Trí Huệ Giáo tin rằng "linh Đấng Christ" đã ngự xuống trên Chúa Jesus chỉ trong một giai đoạn giới hạn mà thôi. Câu này khẳng định rằng hai bản chất của Chúa Jesus trong một sự hiệp nhất vĩnh viễn.

▣ **" thân thể hữu hình "** Đây đã là một lẽ thật mà Trí Huệ Giáo không thể nào khẳng định bởi vì tư tưởng nhị nguyên Hy Lạp giữa một thần tốt lành và thế giới vật chất xấu xa. Điều này là quan trọng then chốt trong Cơ Đốc Giáo (1 Giăng 4:1-3).

2:10 " anh em cũng nhận được sự đầy trọn " Đây là một phân từ bị động thì hoàn thành (Perfect passive participle) của *plerōma* (Cô-lô-se 2:9; Giăng 1:16; Ê-phê-sô 3:19). Cơ Đốc Giáo đã và sẽ tiếp tục được đổ đầy bởi Ngài và cho Ngài! Chúa Jesus đã khiến chúng ta trở nên trọn vẹn!

▣ **" Đấng làm đầu mọi quyền thống trị và thế lực "** Câu này chỉ về cách nhìn của những giáo sư giả Trí Huệ Giáo về sự cứu rỗi. Đối với họ sự cứu rỗi cốt lõi nằm ở tri thức bí mật (một dạng mật mã hoặc một danh xưng bí mật) vốn cho phép họ có thể dịch chuyển xuyên qua thế giới thiên sứ nằm giữa vật chất và tâm linh (thần linh), Cô-lô-se 1:16; 2:15; Ê-phê-sô 1:22-23; 3:10; 6:12). Phao-lô khẳng định rằng sự cứu rỗi nằm trong Đấng Christ. Ngài là đầu của mọi lãnh giới thiên sứ/ ma quỷ (Rô-ma 8:38-39)! Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Các Thiên Sứ trong các Tác Phẩm của Phao-lô tại Ê-phê-sô 6:12.

George Ladd trong quyển *A Theology of the New Testament*, có một đoạn viết khá thú vị về thuật ngữ này của Phao-lô:

"Một sự nghiên cứu về ngôn ngữ được Phao-lô sử dụng để định danh những linh thiên sứ gợi ý rằng Phao-lô sử dụng một cách cố ý một thuật ngữ mơ hồ và đa dạng. Điều này được xem cách đặc biệt trong sự đan xen giữa những thể số ít và số nhiều của một vài từ. Thật sự không thể nhóm được từ này vào trong một trật tự được xác định của những thực thể thiên sứ, cũng như không thể làm rõ ràng hoàn toàn nhiều từ khác mà Phao-lô định danh cách cố ý những cấp bậc hoặc những loại khác nhau của các thiên sứ. Có lẽ Phao-lô đã đối diện với những quan điểm đã phân biệt cách kỹ lưỡng cấp bậc của những thiên sứ, và ông đã cố ý định qua ngôn ngữ phức tạp cách cao độ của mình, vốn có thể dường như có thể gọi là mang tính hình bóng, để khẳng định rằng mọi quyền lực gian ác, dầu có là gì đi chăng nữa, dầu nó có mang tính thân vị hay không, đều đã bị khuất phục, lệ thuộc bởi sự chết và sự tôn cao của Đấng Christ và cuối cùng sẽ bị tiêu diệt bởi sự cai trị Mê-si của Ngài." (ở trang 402).

Để xem về "Thâm Quyền" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Cô-lô-se 1:16.

2:11 " anh em cũng nhận cắt bì " Phao-lô đang sử dụng dấu chỉ giao ước Cựu Ước (Sáng 12:8-14) trong một nghĩa thuộc linh (Phục Truyền 10:16; 30:6; Giê-rê-mi 4:4; Rô-ma 2:28-29; Phi-líp 3:3). Câu này bắt buộc phải là ngôn ngữ theo nghĩa bóng hoặc hơn nữa các giáo sư giả đã mang những khuynh hướng Do Thái Giáo. Có quá nhiều điều không được biết hoặc không chắc chắn về những nhóm tà giáo trong Tân Ước. Trong vài cách khác nhau, những giáo sư giả này là một sự kết hợp giữa Trí Huệ Giáo Hy Lạp và chủ nghĩa giáo điều luật pháp Do Thái Giáo (Cô-lô-se 2:11,16,18). Nhà giải kinh Lightfoot khẳng định rằng họ tương tự với những người với phái Essenes (một cộng đồng Cuộn Biển Chết (Dead Sea Scrolls community) vốn đã là một nhóm ly khai của những người Do Thái mang tính chất giáo phái thế kỷ thứ nhất sống trong sa mạc).

▣ **" cắt bì, không phải do tay con người thực hiện "** Đây là một cách sử dụng theo nghĩa bóng sự cắt bì như một dấu chỉ giao ước trong Cựu Ước. Sự cắt bì "mới" này là một tấm lòng mới và một mối liên hệ tươi mới với Đức Chúa Trời qua Đấng Christ (Rô-ma 2:28-29; Phi-líp 3:3). Ngay cả trong Cựu Ước khi một giao ước mới được thảo luận (Giê-rê-mi 31:31-34 và Ê-xê-chi-ên 36:22-38), việc cắt bì cũng chưa bao giờ thậm chí được đề cập, vốn được nhấn mạnh ít hơn rất nhiều.

▣ **" sự lột bỏ bản tính xác thịt "** Cụm từ này chỉ về bản tính sa ngã trước kia, chứ không phải cơ thể vật lý (Rô-ma 6:6; 7:24; Ga-la-ti 5:24; Cô-lô-se 3:5).

2:12 " đã được chôn với Ngài trong báp-têm " Đây là một phân từ bị động thì bất định (aorist passive participle) của một từ ghép *syn* vốn có nghĩa "cùng-được chôn." Đây là một ẩn dụ của phép báp tem như sự chìm ngập trong nước tương tự với việc mai táng (chôn) (Rô-ma 6:4). Là những tín đồ chia sẻ sự chịu khổ, sự chết, và sự chôn cất của Chúa Jesus, họ cũng sẽ chia sẻ sự phục sinh và vinh hiển của Ngài (Cô-lô-se 2:12b; Rô-ma 8:17; Ê-phê-sô 2:5-6).

Đối với Phao-lô phép báp tem cũng là một cách để nhấn mạnh về sự chết đi đời sống cũ (con người cũ) và sự tự do của đời sống mới (tạo vật mới, 2 Cô-rinh-tô 5:17; Ga-la-ti 6:15) để phục sự Đức Chúa Trời (Rô-ma 6:2-14; 1 Phi-e-rơ 2:24).

▣ **" thì cũng được sống lại với Ngài "** Đây là một từ ghép *syn* song hành với "được chôn" (Cô-lô-se 2:13; 3:1; Rô-ma 6:4-5; Ê-phê-sô 2:6). Sự chôn cất và phục sinh của các tín đồ được liên hệ với hai mặt của một sự kiện hoàn tất. Họ được "đồng-chôn" và "đồng-sống lại" trong Ê-phê-sô 2:5-6, cũng như, sử dụng những từ ghép *syn*, vốn có nghĩa "sự tham gia liên kết với."

▣ **" Đấng đã khiến Ngài sống lại từ cõi chết "** Chúa Jesus là trái đầu mùa của Sự Phục Sinh (1 Cô-rinh-tô 15:20,23). Đức Thánh Linh đã khiến Ngài sống lại cũng sẽ khiến các tín đồ sống lại (Rô-ma 8:10-11, 23).

Cụm từ này là một cơ hội tuyệt vời để chỉ ra rằng Tân Ước thường quy những công tác của sự cứu chuộc cho cả ba ngôi Đức Chúa Trời.

1. Đức Chúa Cha khiến Chúa Jesus sống lại (Công Vụ 2:24; 3:15; 4:10; 5:30; 10:40; 13:30,33,34,37; 17:31; Rô-ma 6:4,9)

2. Đức Chúa Con tự khiến Ngài sống lại (Giăng 2:19-22; 10:17-18)

3. Đức Chúa Thánh Linh khiến Chúa Jesus sống lại (Rô-ma 8:11)

Cùng một sự nhấn mạnh Ba Ngôi có thể được thấy trong Cô-lô-se 2:9-10.

2:13 " Khi trước anh em đã chết " Đây là một phân từ thì hiện tại (present participle) có nghĩa là "đã chết." Điều này phản ánh những hậu quả của Sự Sa Ngã-sự chết thuộc linh (Sáng 3; Rô-ma 5:12-21; Ê-phê-sô 2:1-3). Người Ngoại đã là những tội nhân bị cắt bỏ khỏi tuyến dân giao ước (Ê-phê-sô 2:11-12). Kinh Thánh phán về ba giai đoạn của sự chết.

1. Sự chết thuộc linh (Sáng Thế Ký 3; Ê-sai 59:2; Rô-ma 7:10-11; Ê-phê-sô 2:1; Gia-cơ 1:15)

2. Sự chết cơ thể (Sáng Thế Ký 5)

3. Sự chết đời đời, "sự chết thứ hai," "hồ lửa" (Khải Huyền 2:11; 20:6,14; 21:8)

▣ **" xác thịt không cắt bì "** Đây là một cách đề cập chỉ đến Người Ngoại (Cô-lô-se 2:11).

▣ **"Ngài (Đức Chúa Trời) "** Từ này chắc chắn phải chỉ đến Đức Chúa Cha. Nếu vậy, những đại từ nhân xưng xuyên suốt trong Cô-lô-se 2:15 chỉ đến Đức Chúa Cha.

▣ " **khiến anh em cùng sống với Đấng Christ (Ngài)** " Ở đây có ba từ ghép *syn* trong Cô-lô-se 2:12-13 (đồng chôn, Cô-lô-se 2:12; đồng sống lại, Cô-lô-se 2:12; và đồng sống, Cô-lô-se 2:13) vốn chỉ ra những gì đã xảy ra cho những tín đồ về mặt thuộc linh (những thì bất định). Điều này tương tự với Ê-phê-sô 2:5-6. Trong Ê-phê-sô Đức Chúa Trời đã hành động đại diện cho Chúa Jesus trong Ê-phê-sô 1:20 và Chúa Jesus đã hành động đại diện cho các tín đồ trong Ê-phê-sô 2:5-6.

▣ " **khiến anh em cùng sống với Đấng Christ** " Đây là một phân từ trung cách (trung gian) thì bất định (aorist (deponent) middle participle). "Được tha thứ" có cùng một gốc từ với "ân điển" (Rô-ma 5:15, 16; 6:23; 2 Cô-rinh-tô 1:11; Cô-lô-se 3:13; Ê-phê-sô 4:32). Chú ý Đức Chúa Trời đã tha thứ một cách miễn phí "mọi" tội lỗi qua Đấng Christ (ngoại trừ sự vô tín)!

2:14

NASB "đã hủy bỏ khế ước của sự nợ nần "

NKJV "đã xóa sạch văn bản được viết ra của những yêu cầu "

NRSV "xóa những sự ghi chép "

TEV "hủy bỏ những ghi chép bất lợi của những sự nợ nần của chúng ta "

NJB "Ngài đã xóa sạch những ghi chép của sự nợ nần của chúng ta đối với Luật Pháp "

Có lẽ loại ngôn ngữ được mã hóa này trong một cách nào đó liên quan đến các giáo sư giả tà giáo. Nó chỉ đến Giao Ước Môi-se. (Ê-phê-sô 2:15, vốn có thể được mô tả như là "làm theo và được sống" - "phạm tội và sẽ chết" (Phục Truyền 27:26; Ê-xê-chi-ên 18:4). Phao-lô dạy một cách rất rõ ràng về sự tội lỗi của toàn bộ nhân loại (Rô-ma 3:9,19,23; 11:32; Ga-la-ti 3:22). Vì vậy, Cựu Ước trở nên một án tử hình cho toàn bộ nhân loại!

Thuật ngữ "giấy (chứng nhận)" được sử dụng cho (1) một giấy nợ có dấu chứng nhận, (2) một lời thú tội có dấu chứng nhận, và (3) một sự buộc tội hợp pháp.

Cựu Ước là một sự rửa sả! Thuật ngữ Hy Lạp trở thành từ tiếng Anh là "autograph (bút tích)" (tự chính mình viết).

▣ " **Ngài loại bỏ** " Đây là một thể chỉ định chủ động thì hoàn thành (perfect active indicative). Cùng một động từ được sử dụng trong Giăng 1:29 và 1 Giăng 3:5 để chỉ đến sự loại bỏ tội lỗi. Chúa Jesus sống dưới và hoàn thành những yêu cầu của giao ước Môi-se. Ngài thực hiện những điều mà nhân loại tội lỗi, sa ngã không thể thực hiện. Sự chết của Ngài đã, vì vậy, không phải cho tội lỗi của bản thân, nhưng Ngài đã trở thành sinh tể hoàn hảo. (Lê-vi Ký 1-7) cho tội lỗi. Ngài đã trở nên bị "rửa sả" (Phục Truyền 21:23) để rồi nhân loại có thể được giải phóng khỏi sự rửa sả của Luật Pháp (Ga-la-ti 3:13)!

▣ " **đóng đinh nó vào thập tự giá** " Câu này chỉ cả về (1) một thông cáo công khai hoặc (2) những sự cáo buộc đặt trên một người bị đóng đinh. Thập tự giá (sự chết của Chúa Jesus) đã vượt qua sự thù nghịch của Luật Pháp (những sắc lệnh Cựu Ước, 2 Cô-rinh-tô 5:21).

2:15

NASB,NKJV,

NRSV "giải trừ vũ khí"

TEV "giải phóng"

NJB "tước bỏ"

Đây là một từ hiếm, một phân từ trung cách (trung gian) thì bất định (aorist middle (deponent) participle). Từ nguyên cơ bản của nó là cởi quần áo. Nó có vẻ có ý nghĩa là "tước bỏ khỏi." Nó chỉ về việc tước bỏ vũ khí khỏi những người lính đã chết (theo Arndt and Gingrich, *A Greek-English Lexicon of the New Testament and Other Early Christian Literature*, trang 82. Trong văn mạch này nó liên hệ với sự hủy diệt những quyền lực của các lãnh địa thuộc linh vốn thù địch với nhân loại của Đấng Thánh (Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con). Sự đắc thắng của tín đồ chính là của Đức Chúa Trời thông qua Đấng Christ và bởi Đức Thánh Linh.

Nếu đây là một động từ hiếm được giải nghĩa như thể trung cách và khi đó TEV diễn tả suy nghĩ "giải phóng chính mình người khỏi quyền năng của những quan trưởng thuộc linh." Nếu nó được giải nghĩa như thể chủ động khi đó "Ngài giải trừ vũ khí của những quan trưởng" (NASB, NKJV, NRSV).

▣ " **các quyền thống trị, các thế lực** " Những từ này được sử dụng bởi Trí Huệ Giáo (những giáo sư giả) cho các cấp bậc thiên sứ (*aeons*, Cô-lô-se 2:10; Ê-phê-sô 1:21, 3:10; 6:11-12; Rô-ma 8:38-39; 1 Cô-rinh-tô 15:24). Hãy xem những Chủ Đề Đặc Biệt tại Cô-lô-se 1:16 và Ê-phê-sô 6:12.

- NASB** "Ngài phơi bày chúng ta cách công khai, đã chiến thắng chúng bởi Ngài "
- NKJV** "Ngài đã phơi bày chúng một cách công khai, chiến thắng chúng trên nó "
- NRSV** "đã thực hiện một gương mẫu công khai của chúng, chiến thắng trên chúng qua nó "
- TEV** "Ngài đã bêu chúng ra công khai bằng cách dẫn chúng như những tù binh trong cuộc điều hành chiến thắng của mình."
- NJB** "và đã phô chúng ta nơi công cộng, phía sau Ngài trong cuộc điều hành chiến thắng của Ngài "

Bối cảnh lịch sử cho câu này chính là một cuộc điều hành chiến thắng đến Rô-ma cho những vị tướng chiến thắng (2 Cô-rinh-tô 2:14). Những tù binh phải điểu bước phía sau người trong xiềng xích. Bằng sự chết của Ngài trên thập tự giá và sự phục sinh của Ngài, Chúa Jesus đã vượt qua được (1) sự rửa sả của Luật Pháp và (2) những quyền lực thiên sứ thù nghịch.

Như sự rõ ràng của những bản dịch hiện đại rằng đại từ cuối câu có thể được hiểu trong hai cách liên hệ với nhau: (1) chỉ về Đấng Christ hoặc (2) chỉ về thập tự giá. Từ này là trung tính và phần lớn những bản dịch liên hệ nó với sự chiến thắng của Đấng Christ trên tội lỗi qua sự chết thể sinh tể của Ngài.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHIẾN TRẬN TRÊN TRỜI

Có nhiều cuộc tranh luận cho đến ngày hôm nay về chủ đề này. Dường như Chúa Giê-su cũng nói đến trong Lu-ca 10:18 và Giăng 12:31. Nhưng tìm cách biết được thời điểm xảy ra thật là một điều hết sức khó khăn. Có thể:

1. trước Sáng Thế 1:1 (trước tạo hóa)
2. giữa Sáng Thế 1:1 và 1:2 (thuyết ‘khoảng trống’ (gap theory))
3. trong Cựu Ước, sau Gióp 1-2 (Sa-tan ở trên trời)
4. trong Cựu Ước, sau 1 Các Vua 22:21 (Sa-tan trong hội đồng thiên sứ)
5. trong Cựu Ước, sau Xa-cha-ri 3 (Sa-tan ở trên trời)
6. trong Cựu Ước, như trong Ê-sai 14:12; Ê-xê-chiên 28:15 và ngụ kinh II Enoch 29:4-5 (ẩn dụ các vị vua đồng phương)
7. trong Tân Ước, sau khi Chúa Giê-su bị cám dỗ (xem Ma-thi-ơ 4)
8. trong Tân Ước, trong chuyến truyền giáo của 70 môn đồ. Sa-tan rớt xuống như sao sa, xem Lu-ca 10:18)
9. trong Tân Ước, sau khi Chúa Giê-su vào thành Giê-ru-sa-lem. kẻ cai trị thế gian bị truyết phế, (xem Giăng 12:31)
10. trong Tân Ước, sau khi Chúa Giê-su phục sinh và thăng thiên (xem Ê-phê-sô 4:8; Cô-lô-sê 2:15)
11. kỳ Tận Thế, (xem Khải Huyền 12:7, (Có thể Sa-tan xông vào Thiên Đàng tìm giết Con Trê)

Chúng ta nên nhận thấy đây là một chiến trận đời đời giữa Đức Chúa Trời và ma quỷ. Chiến trận này sẽ đi đến cực điểm với sự thất bại tuyệt đối của Con Rồng Đỏ. Ác Quỷ sẽ bị loại bỏ và giam lại, xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự sa xuống của Sa-tan và thiên sứ theo hắn, ở câu Khải Huyền 12:4

☐ " bêu chúng ra giữa thiên hạ (công chúng)" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây, đoạn thứ hai.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ DẠN DĨ (PARRHĒSIA)

Chữ Hy Lạp này là từ ghép giữa “tất cả” (*pan*) với “diễn thuyết” (*rhēsis*). Sự tự do và dạn dĩ rao giảng thường có nghĩa bao hàm của sự dạn dĩ trước sự chống đối hay là bắt bớ (xem Giăng 7:13; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:2).

Trong các tác phẩm của Giăng (xuất hiện 13 lần) chữ này thường có ẩn ý là một sự công bố công khai (xem Giăng 7:4, cũng như trong các thư tín của Phao-lô xem Cô-lô-sê 2:15). Tuy nhiên, đôi khi từ này chỉ có nghĩa đơn giản là “rõ ràng” (xem Giăng 10:24; 11:14; 16:25,29).

Trong sách Công-vụ, các Sứ đồ rao giảng sứ điệp về Đức Chúa Giê-xu trong cùng một cách thức như Đức Chúa Giê-xu đã nói về Đức Chúa Cha cùng với những kế hoạch và lời hứa của Ngài (xem Công-vụ 2:29; 4:13,29,31; 9:27-28; 13:46; 14:3; 18:26; 19:8; 26:26; 28:31). Phao-lô nhờ cầu thay cho ông để ông có thể dạn dĩ rao giảng Phúc âm (xem Ê-phê-sô 6:19; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:2) và sống Phúc âm (xem Phi-

líp 1:20).

Sự hy vọng về đời sau trong Đấng Christ của Phao-lô đem lại cho ông sự dạn dĩ và tự tin để rao giảng Phúc âm trong thời kỳ tội lỗi hiện nay (xem II Cô-rinh-tô 3:11-12). Ông cũng có sự tự tin rằng những người tin theo Đức Chúa Giê-xu sẽ hành động cách phải lẽ (xem II Cô-rinh-tô 7:4).

Còn có thêm một khía cạnh nữa của chữ này. Người Do thái sử dụng nó theo một ý đặc biệt chỉ sự dạn dĩ trong Đấng Christ để đến với Đức Chúa Trời và tương giao với Ngài (xem Hê-bơ-rơ 3:6; 4:16; 10:19,35). Những tín hữu đã được chấp nhận hoàn toàn và được mời gọi bước vào mối liên hệ mật thiết với Đức Chúa Cha qua Đức Chúa Con.

Sự dạn dĩ được sử dụng theo và cách trong Tân Ước:

1. Sự tin cậy, mạnh bạo, đảm bảo
 - a. từ con người, (cf. công vụ 2:29; 4:13,31; II Cô-rin-tô 3:12; Ê-phê-sô. 6:19)
 - b. từ Đức Chúa Trời (cf. I Giăng 2:28; 3:21; 4:12; 5:14; Hê-bơ-rơ. 3:6; 4:16; 10:19)
2. Nói không dấu diếm, nói đơn giản, nói dễ hiểu (cf. Mác 8:32; Giăng 7:4,13; 10:24; 11:14; 16:25; Công vụ 28:31)
3. Nói nơi công cộng (cf. John 7:26; 11:54; 18:20)
4. Giảng đạo mạnh mẽ mặc dầu hoàn cảnh khó khăn (Công vụ 18:26, 19:8, Ê-phê-sô 6:20, I thê-sa 2:2)

Ở trong văn cảnh này, sự dạn dĩ liên hệ tới sự tin cậy trong ngày cuối cùng, Tín đồ không lo sợ sự Tái Lâm, nhưng trông đợi với sự tin cậy và nhiệt tâm, bởi họ sẽ bền bỉ trong Đấng Christ và sống nếp sống giống như Ngài

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): CÔ-LÔ-SE 2:16-19

¹⁶ Vì thế, đừng để ai xét đoán anh em về đồ ăn, thức uống, về ngày lễ, ngày trăng mới, hoặc ngày sa-bát, ¹⁷ Những điều này chỉ là bóng của những gì sắp đến, còn hình thật là Đấng Christ. ¹⁸ Đừng để bị lừa mà mất phần thưởng bởi những kẻ cố làm bộ khiêm nhường và thờ lạy các thiên sứ. Họ dựa vào các sự hiện thấy đặc biệt, bởi tâm trí xác thịt mà kiêu ngạo vô có. ¹⁹ Họ không liên hệ chặt chẽ với Đầu để nhờ Ngài mà toàn thân được nuôi dưỡng, được kết hợp với nhau bởi những khớp xương, dây liên kết, và tăng trưởng theo ý muốn Đức Chúa Trời.

2:16-23 Những câu 16-23 là những sự định tội mạnh mẽ nhất trên chủ nghĩa luật pháp tôn giáo trong những tác phẩm của Phao-lô. Khi Phao-lô làm việc với những tín đồ "yêu đuối" ông rất hiền dịu (Rô-ma 14:1-15:13; I Cô-rinh-tô 8-10), nhưng khi ông đề cập đến những người chủ nghĩa luật pháp tự xưng công chính tôn giáo (những giáo sư giả) ông không thỏa hiệp. Sự tự xưng công chính này chính là điều đã mang đến sự định tội trên những người Pha-ri-si và những thầy thông giáo của Chúa Jesus. Phao-lô biết rõ về tôn giáo theo khuynh hướng thành tích. Sự gặp gỡ của ông với Chúa Jesus trên đường đến Đa-mách (Công Vụ 9) đã thay đổi tất cả!

Có hai loại giáo sư giả Trí Huệ Giáo: (1) sự cứu rỗi qua tri thức bí mật và, vì vậy, nó không quan trọng cách bạn sống như thế nào (những người theo khuynh hướng tự do phóng đảng vô luật pháp) và (2) sự cứu rỗi theo khuynh hướng tri thức bí mật công với một lối sống rất hạn chế gắt gao (những người theo chủ nghĩa luật pháp).

2:16

NASB	"đừng để bất cứ ai hành động như người phán xét anh em "
NKJV	"đừng để bất cứ ai phán xét anh em "
NRSV	"đừng để bất cứ ai định tội anh em "
TEV	"đừng để bất cứ ai đặt ra những luật lệ "
NJB	"đừng để bất cứ ai chỉ trích anh em "

Đây là một thể mệnh lệnh thì hiện tại (present imperative) với tiểu từ phủ định (the negative particle), vốn có nghĩa để chấm dứt một hành động đã trong một tiến trình. Câu này chỉ về (1) vấn đề thức ăn (1 Ti-mô-thê 4:3); (2) những ngày đặc biệt (Rô-ma 14:5; Ga-la-ti 4:10); hoặc (3) sự thờ phượng các cấp bậc thiên sứ (Cô-lô-se 2:8,20). Đây rõ ràng song hành với Cô-lô-se 2:16 ("hãy tự phán xét chính mình") và Cô-lô-se 2:18 (hãy tự mình là "người phân xử"). Hãy cẩn thận về chủ nghĩa luật pháp tôn giáo dù là mang khuynh hướng Do Thái, Hy Lạp hay hiện đại.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC CƠ ĐỐC NHÂN CÓ NÊN ĐOÁN XÉT LẦN NHAU

Sự Đoán Xét là chắc chắn (Ma-thi-ơ 12:36; Hê-bơ-rơ 9:27; 10:27; 2 Phi-e-rơ 2:4,9; 3:7).

A. Đáng Xét Đoán chính là

1. Chúa (Rô-ma 2:2-3; 14:10,12; 1 Phi-e-rơ 1:17; 2:23; Khải 20:11-15)
2. Đáng Christ (Giăng 9:39; Ma-thi-ơ 16:27; 25:31-46; Công Vụ 10:42; 17:31; 2 Cô-rinh-tô 5:10; 2 Ti-mô-thê 4:1)
3. Đức Chúa Cha bởi Đức Chúa Con (Giăng 5:22-27; Công Vụ 17:31; Rô-ma 2:16)

Sự Đoán Xét là một chủ đề không dễ nghe, nhưng là một chủ đề thường xuyên trong Kinh Thánh. Nó dựa trên nền tảng của một vài lẽ thật theo Kinh Thánh.

1. Đây là một nền tảng đạo đức toàn cầu được dựng nên bởi một Đức Chúa Trời luân lý (chúng ta gạt những gì chúng ta gieo, Ga-la-ti 6:7).
2. Nhân loại mang tính chất sa ngã; chúng ta đã phản nghịch.
3. Đây không phải là thế giới Chúa đã dự định nó trở nên như vậy.
4. Mọi tạo vật có ý thức (các thiên sứ và nhân loại) sẽ phải giải trình với Đấng Tạo Nên họ cho món quà của sự sống. Chúng ta là những kẻ quản trị.
5. Cõi đời đời sẽ được xác định vĩnh viễn bởi những hành động và sự lựa chọn chúng ta đã thực hiện trong đời này.

B. Các Cơ Đốc Nhân có nên đoán xét lẫn nhau? Chủ đề này cần phải được giải quyết theo hai cách? This issue must be dealt with in two ways.

1. Những tín hữu được can gián không đoán xét lẫn nhau (xem Ma-thi-ơ 7:1-5; Lu-ca 6:37,42; Rô-ma 2:1-11; Gia-cơ 4:11-12)
2. những tín hữu cũng được khuyên là phải đánh giá (nhận xét) những người lãnh đạo của họ (xem Ma-thi-ơ 7:6,15-16; I Cô-rinh-tô 14:29; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:21; I Ti-mô-thê 3:1-13; and I Giăng 4:1-6)

Một vài tiêu chuẩn đánh giá thích hợp, có ích lợi

1. Đánh giá cho mục đích công nhận (xem I Giăng 4:1 - "trắc nghiệm" hướng đến sự chấp thuận)
2. Sự đánh giá cần phải thực hiện trong tinh thần khiêm nhường và hòa nhã (xem Ga-la-ti 6:1)
3. Sự đánh giá không được tập trung vào những vấn đề sở thích cá nhân (xem Rô-ma 14:1-23; I Cô-rinh-tô 8:1-13; 10:23-33)
4. Sự đánh giá dùng để chọn ra những người lãnh đạo "không thể chê trách" trong vòng Hội thánh hay là cộng đồng (xem I Ti-mô-thê 3)

2:17

NASB,	"nhưng thể chất thuộc về Đấng Christ"
NRSV	"nhưng về thể chất thì thuộc về Đấng Christ"
NKJV	"thực chất thuộc về Đấng Christ"
TEV NJB	"thực chất chính là thân thể của Đấng Christ"

Có một sự tương phản giữa "bóng" (*skia*, Cô-lô-se 2:17a) và "hình thật" (*sōma*, nguyên văn "cơ thể," Cô-lô-se 2:17b). Các nghi lễ, sự sung bái tôn giáo và những ngày đặc biệt của sự thờ phượng không phải là xấu trong bản thân chúng ngoại trừ khi chúng bị biến thành những điều quan trọng tối cao. Đáng Christ, chứ không phải sự biểu hiện của con người trong bất kỳ lĩnh vực nào, chính là sự tập chú của phúc âm.

Phao-lô nhìn về chủ nghĩa nghi lễ tôn giáo và sự hình thức tôn giáo bị đòi hỏi của các giáo sư giả như một hình bóng đơn thuần của một hiện thực thuộc linh. Câu hỏi nghi vấn là điều được gọi là "thân thể của Christ" có nghĩa là gì? Có hai thuyết chính ở đây là: (1) Philo ở Alexandria và Josephus giải nghĩa "thân thể" trong nghĩa của "vật chất" (NASB, NKJV) hoặc "thực chất" (TEV), "sự thuộc linh thật sự trong Đấng Christ" hoặc (2) sự thuộc linh thật sự được bày tỏ ra trong Hội Thánh vốn chính là thân thể của Đấng Christ (NJB, Rô-ma 12:4-5; 1 Cô-rinh-tô 10:17; 12:12,27).

Tác giả của Hê-bơ-rơ cũng sử dụng từ "hình bóng" (*skia*, Cô-lô-se 2:17a) để so sánh giao ước Môi-se với giao ước mới trong Đấng Christ (Hê-bơ-rơ 8:5; 10:1).

2:18

NASB	"Đừng để bất cứ ai cứ lừa gạt giải thưởng của anh em"
NKJV	"Đừng để bất cứ ai lừa gạt giải thưởng của anh em"
NRSV	"Đừng để bất cứ ai truất đi tư cách anh em"

TEV "Đừng cho phép anh em bị định tội bởi bất cứ ai "
NJB "Đừng để bất kỳ ai lường gạt giải thưởng của anh em "

Đây là một thể mệnh lệnh thì hiện tại (present imperative) với một tiểu từ phủ định (negative particle), vốn có nghĩa chấm dứt một hành động đang diễn ra trong tiến trình. Từ này được sử dụng duy nhất ở đây trong Tân Ước. Nhưng đây là một ẩn dụ trong thể thao của Phao-lô dùng cho đời sống của Cơ Đốc Nhân (1 Cô-rinh-tô 9:24,27; Ga-la-ti 2:2; Phi-líp 3:14; 2 Ti-mô-thê 4:7). Những tín đồ không được cho phép những người giáo điều luật pháp hành động như những người phán xử để cướp đoạt khỏi họ sự tự do trong Đấng Christ (Rô-ma 14:1-15:13; 1 Cô-rinh-tô 10-12. Bản dịch Tân Ước Williams translation bắt lấy dòng ý tưởng thể thao, dịch cụm từ này là "lừa gạt anh em như trọng tài (người phán xử) "). "Giải thưởng" ở đây chính là sự tự do thật trong Đấng Christ (Ga-la-ti 2:4; 5:1,13; 1 Phi-e-rơ 2:16)! Sự tự do để phục vụ Đức Chúa Trời, không phải bản thân chính mình. Sự tự do khỏi những sợ hãi và kiêng kỵ trong quá khứ, tự do khỏi, chứ không phải tự do đến (Rô-ma 6)!

NASB "vui thích trong sự tự-hạ phẩm giá "
NKJV "tìm sự vui thích trong sự khiêm nhường giả tạo "
NRSV "khăng khăng tự hạ phẩm giá chính mình "
TEV "đeo bám sự khiêm nhường giả tạo "
NJB "là người lựa chọn để quỵ lụy các thiên sứ "

Cụm từ này liên hệ về mặt thần học với Cô-lô-se 2:23. Trong thế giới Hy-La chủ nghĩa kiêng khem khắc kỷ được xem như là sự sùng bái tôn giáo. Đây là một phần của sự hạ thấp Trí Huệ giáo đối với vật chất. Đối với họ, và suy nghĩ Hy Lạp nói chung, cơ thể là xấu xa. Vì vậy, chối bỏ cơ thể chính là một dấu hiệu của sự thuộc linh. Quan điểm này vẫn còn "sống" trong hội thánh!

Từ Hy Lạp này, được dịch bởi NASB là "sự tự hạ phẩm giá," có nghĩa là "sự bình thường," "lịch sự," "khiêm nhường" và nó không hề là một từ có nghĩa tiêu cực trong Tân Ước. Phao-lô sử dụng nó trong một nghĩa tích cực trong Công Vụ 20:19; Ê-phê-sô 4:2; Phi-líp 2:3; Cô-lô-se 3:12. Có một động cơ đã biến nó thành một sự chơi chữ thuộc linh!

☐ " và thờ lạy các thiên sứ " Cụm từ này rõ ràng chỉ đến các cấp bậc thiên sứ Trí Huệ Giáo (Cô-lô-se 2:8,10,15). Có lẽ rằng cụm từ này liên hệ với một sự ám ảnh thần học Do Thái về lãnh địa thiên sứ. Phong trào "Thời Đại Mới (New Age)" trong thời đại của chính chúng ta có vẻ bị hướng theo khuynh hướng này. Các thiên sứ chính là "những linh phục vụ" cho nhân loại đã được chuộc (Hê-bơ-rơ 2:14).

☐ "dựa (đứng trên chỗ)" Từ này được sử dụng như là sự khởi đầu bước vào những tôn giáo Huyền Bí (Mystery religions) (theo Moulton và Milligan, *The Vocabulary of the Greek New Testament*, trang 206). Nó chỉ về cái được gọi là sự mặc khải bí mật hay những mật khẩu của Trí Huệ Giáo vốn họ suy nghĩ mang sự cứu rỗi xuyên qua lãnh địa thiên sứ để vươn đến với sự hiện hiện của thần linh tối cao, thánh khiết.

☐ "(dựa) vào các sự hiện thấy đặc biệt " Câu này có lẽ chỉ đến sự công bố của các giáo sư giả về những sự mặc khải đặc biệt. Bản King James Version thêm vào một từ phủ định, làm cho câu này ngụ ý rằng họ đã chẳng thấy gì nhưng chỉ công bố là đã thấy. Điều này, có lẽ, là một sự thêm vào khi chép Kinh Thánh sau này vào những bản thảo 2^{\aleph} và D^2 . Những bản thảo Hy Lạp cổ xưa P^{46} , \aleph^* , A, B, và D^* không có từ phủ định. UBS4 đánh giá cách dùng từ ngắn hơn điểm "B" (gần như chắc chắn).

☐ " kiêu ngạo vô ích " Đây là một Phân từ bị động thì hiện tại (Present passive participle). Nguyên văn nó có nghĩa là "kiêu ngạo vô ích." Phao-lô sử dụng từ này thường xuyên trong lá thư thứ nhất gửi cho người Cô-rinh-tô (1 Cô-rinh-tô 4:6,18,19; 5:2; 8:1; 13:4). Nhân tố không được mô tả của thể bị động chính là tâm trí sa ngã của chúng ta. Những kẻ không tin và những giáo sư giả thường rất chân thành và nhiệt huyết.

☐ " bởi tâm trí xác thịt " Đối với Phao-lô có một phân biệt rõ ràng giữa tâm trí của nhân loại sa ngã và Cơ Đốc Nhân. Các tín đồ đã nhận lãnh tâm trí của Đấng Christ vốn ở trong sự mâu thuẫn với tâm trí của thể gian vốn vận hành và thực hiện chức năng trong sự cách lìa khỏi Đức Chúa Trời (Cô-lô-se 1:21; Rô-ma 7:22-23; 8:5-7; 11:34; 1 Cô-rinh-tô 2:16; Ê-phê-sô 2:3; 4:17-23). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Xác Thịt (*sarx*) tại Cô-lô-se 1:22.

Những người theo chủ nghĩa tôn giáo luật pháp cần phải bị chối bỏ bởi ba nguyên do.

1. Những suy nghĩ của họ đơn thuần là nông cạn về sự vật có thật (Cô-lô-se 2:17)
2. Những khả tượng của họ là sai trật bởi họ được hiểu biết bởi một tâm trí xác thịt (Cô-lô-se 2:18)
3. Họ đã không còn bám vào Đấng Christ (Cô-lô-se 2:19)

Những giáo sư giả vẫn còn ở với chúng ta! Hãy cẩn thận! Hãy lưu ý!

2:19 Phao-lô một lần nữa nhấn mạnh một lẽ thật cột trụ về con người sa ngã vốn cần một mối liên hệ với Đấng Christ (cách cá nhân) và cũng như với thân thể Ngài, là hội thánh (tập thể, Cô-lô-se 2:8; Ê-phê-sô 4:16). Chúng ta cần sự cứu chuộc khỏi tội lỗi và sự khôn ngoan từ Đức Chúa Trời để biết cách bước đi. Đấng Christ đã chu cấp cả hai!

NASB, NKJV,

NRSV

TEV

NJB

"không bám chặt nơi Đâu "

"ngừng bám chặt nơi Đấng Christ"

"không có mối liên hệ với Đâu "

Đây là một phân từ chủ động thì hiện tại phủ định (negated present active participle). Hàm ý rằng vào một thời điểm nào đó những giáo sư giả đã từng bám chặt nơi Đấng Christ. Câu này có thể được hiểu trong nhiều cách.

1. Họ giống như hai loại hạt giống trong Ân Dụ Người Gieo Giống (Ma-thi-ơ 13:20-23) vốn đã nảy mầm nhưng sa sút và không kết quả
2. Họ cũng giống như "những tín đồ" trong Giăng 8:31-59 là những người đã quay lưng chống lại Chúa Jesus
3. Giống như những thành viên hội thánh là những người đã rời bỏ trong 1 Giăng 2:18-19
4. Họ giống như những tín đồ ở hội thánh Ê-phê-sô là những người đã bỏ đi "tình yêu ban đầu " (Khải Huyền 2:4)

☐ **" Đâu "** Phao-lô thường dùng phép ẩn dụ so sánh tương đồng cho dân sự của Đức Chúa Trời như một cơ thể (Rô-ma 12:4; 1 Cô-rinh-tô 10:17; 12:12,14,20; Ê-phê-sô 4:4,16; Cô-lô-se 3:15), nhưng chỉ trong Ê-phê-sô (1:22; 4:15; 5:23) và Cô-lô-se (1:18; 2:19) rằng Đấng Christ được nhận diện cách đặc biệt như là "Đâu" (Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đâu tại Ê-phê-sô 5:23).

Cả câu này nói về Đấng Christ như là Đấng thiết lập, lãnh đạo và gìn giữ thiết yếu của Hội Thánh

BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): CÔ-LÔ-SE 2:20-3:4

²⁰ Nếu anh em đã chết với Đấng Christ, thoát khỏi các thần linh của thế gian, thì tại sao anh em lại vẫn sống như mình còn thuộc về thế gian? Tại sao vẫn thuận phục những luật lệ: ²¹ "Chớ lấy, chớ ném, chớ sờ" ²² khi mà tất cả những thứ ấy đều hư hoại nếu đã dùng đến? Chúng chỉ là những luật lệ và giáo huấn của loài người. ²³ Thật những điều ấy, bề ngoài có vẻ khôn ngoan vì thờ lạy theo ý mình, cùng với sự hạ mình và khắc khổ thân thể, nhưng chẳng có giá trị gì trong việc chế ngự dục vọng của xác thịt. ^{3:1} Vậy nếu anh em đã được sống lại với Đấng Christ, hãy tìm kiếm những điều ở trên trời, nơi Đấng Christ ngồi bên phải Đức Chúa Trời. ² Hãy chú tâm vào những điều ở trên trời, đừng chú tâm đến những điều ở dưới đất, ³ vì anh em đã chết, sự sống của mình đã giấu với Đấng Christ trong Đức Chúa Trời. ⁴ Khi nào Đấng Christ là sự sống của anh em hiện ra, lúc ấy anh em cũng sẽ hiện ra với Ngài trong vinh quang.

2:20 " Nếu " Đây là một câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence) vốn được giả định là đúng từ góc nhìn của tác giả hoặc để phục vụ cho những mục đích văn học của ông. Các tín đồ hiệp một trong Đấng Christ và phải bị chia cắt khỏi những quyền lực và hệ thống cơ cấu của thế giới sa ngã này.

☐ **" anh em đã chết "** Đây là một thể chỉ định chủ động thì bất định (aorist active indicative). Sự chết này được biểu tượng hóa trong phép báp-tem (Cô-lô-se 2:12; Rô-ma 6:4), và là một hình ảnh của sự chết đi của người tín đồ đối với đời sống xưa cũ và sự phục sinh trong sự sống mới của Đức Chúa Trời- sự sống đời đời. Phép báp tem, cũng giống như, chính là một dấu chỉ bề ngoài của một thực tại thuộc linh bên trong (Cô-lô-se 2:11, 13).

Sự chết đi hằng ngày với những tham vọng cá nhân và những ham muốn cá nhân chính là một điều bắt buộc cho một chức vụ hiệu quả (Rô-ma 6:7; 2 Cô-rinh-tô 5:14-15; 1 Giăng 3:16). Tuy nhiên, đây không phải là một sự giáo điều luật pháp của những luật lệ, nhưng là một sự tự do khỏi sự chuyên chế, độc đoán của bản chất sa ngã. Sự chết thuộc linh hằng ngày với bản ngã chính mình mang đến sự sống thật!

☐ **" với Đấng Christ "** Đây là một cách sử dụng khác của giới từ Hy Lạp *syn*, vốn có nghĩa tham gia liên kết với. Ba chức năng ngữ pháp là: (1) những từ ghép *syn*; (2) những thì bất định trong Cô-lô-se 2:11,12,13,15,20; và (3) câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence) trong Cô-lô-se 2:20 chỉ về những gì các tín hữu đã là trong Đấng Christ!

NASB	"với những nguyên lý sơ học của thế gian "
NKJV	"từ những nguyên tắc căn bản của thế gian "
NRSV	"với những thần linh sơ học của vũ trụ "
TEV	"khỏi những thần linh thống trị của vũ trụ "
NJB	"đổi với những nguyên tắc của thế giới này "

Từ này (*stoicheia*) được định nghĩa là

1. Những nguyên lý nền tảng (Hê-bơ-rơ 5:12. 6:1)
2. Những nhân tố cơ bản của vũ trụ, như đất, gió, nước và lửa (2 Phi-e-rơ 3:10, 12)
3. Những thần linh cơ bản (Ga-la-ti 4:3, 8-9; Cô-lô-se 2:8; Ê-phê-sô 6:10-12)
4. Những thiên thể trên bầu trời (*Enoch* 52:9-10 và những giáo phụ hội thánh đầu tiên là những người đã suy nghĩ rằng nó chỉ đến bảy lãnh địa hành tinh , theo quyển sách của Baur, Arnt, Ginrich, Danker A *Greek-English Lexicon of the New Testament*, ở trang 776)

Từ nguyên học cơ bản của nó là "một thứ gì đó trong một chuỗi " hoặc "hàng lối." Hãy xem ghi chú tại Cô-lô-se 2:8.

Phao-lô xem đời sống như là một sự chiến trận thuộc linh (Ê-phê-sô 2:2-3; 6:10-18). Con người đã bị vây hãm bởi điều ác ngay từ chính bên trong (một bản chất sa ngã, Sáng Thế Ký 3), bởi một hệ thống thế giới sa ngã (Sáng Thế Ký 3) và bởi thân vị của điều ác (Sa-tan, ma quỷ và *stoicheia*).

Theo James Stewart, *A Man in Christ*, đã có một bình luận thú vị:

"Tội lỗi không phải là một điều gì đó một người *làm*: nó là một thứ chiếm quyền sở hữu người đó, một thứ mà người đó đã là, một thứ đã biến anh ta thành một kẻ thù công khai của Đức Chúa Trời Đáng yêu người ấy. Nó đã mang đến những hình phạt bên ngoài: 'bất cứ điều gì một người gieo, đó cũng sẽ là thứ người gặt.' Nhưng còn kinh khủng vượt trội hơn rất nhiều so với những hậu quả bên trong của nó. Nó tra tấn lương tâm: 'Ôi, tôi thật là một con người khốn khổ!' Nó đày tinh thần vào trong một tình trạng nô lệ hèn hạ: 'điều lành tôi nên làm, tôi không làm, nhưng điều dữ tôi không nên làm, tôi lại làm.' Nó hủy diệt mối quan hệ với Đức Chúa Trời: con người đã từng là 'người xa lạ,' 'không có Chúa trong thế gian.' Nó làm cứng cõi tấm lòng, và làm mù lòa sự phán xét, và làm biến dạng ý tưởng đạo đức: 'Đức Chúa Trời đã phó họ cho một tâm trí đồi bại.' Chính mình nó hủy diệt sự sống: tiền công của tội lỗi là sự chết."

Cũng như vậy chính là sự đánh giá về sức nặng choáng ngợp của tội lỗi của vị sứ đồ. Và hơn tất cả, thậm chí nơi nào tội lỗi được xem như là một thế lực bên ngoài đợi chờ để lợi dụng bản chất của con người trong chính sự mong manh dễ vỡ của nó, nó cũng không cho phép bất cứ sự xóa nhòa một sự thật của sự chịu trách nhiệm giải trình cách cá nhân. Những quan trường và thâm quyền có thể rình rập, nhưng phương sách cuối cùng của con người chính là sự lựa chọn, là trách nhiệm của con người, là sự diệt vong của con người (ở trang 106-107).

Để xem về "thế gian" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Cách sử dụng của Phao-lô từ *Kosmos* tại Cô-lô-se 1:6.

☐ " **những luật lệ** " Từ này có cùng một gốc từ với Cô-lô-se 2:14. Đáng Christ không phóng thích các tín đồ khỏi Luật Môi-se để rồi tiếp tục bị mắc vào những luật lệ Trí Huệ Giáo hoặc bất cứ những yêu cầu bắt buộc nào của con người. Ôi, thật là một sự tự do các tín đồ đã có nơi Đáng Christ! Ôi, sự đau đớn của kẻ kiên định giáo điều luật pháp tôn giáo!

2:21 " Chớ lấy, chớ ném, chớ sờ " Chuỗi này không có động từ và không có những từ liên kết, vốn để làm cho nó trở nên nhân mạnh! Nó có lẽ là một câu khẩu hiệu của các giáo sư giả. Đây là một ví dụ của những luật lệ tôn giáo của con người, vốn không mang lại sự công chính thật. Con người luôn luôn có một khuynh hướng luật pháp, khắc kỷ (Ê-sai 29:13; Ma-thi-ơ 15:10-12; Mác 7:19; Rô-ma 14:17,21), nhưng nó chính là một tôn giáo trống rỗng của sự nỗ lực cá nhân, tự vinh danh cá nhân và thỏa mãn cá nhân (Cô-lô-se 2:22-23).

2:22 "(khi mà tất cả những thứ ấy đều hư hoại nếu đã dùng đến)" Trong Ma-thi-ơ 15:7-20 và Mác 7:6-23 Chúa Jesus đã thảo luận về cùng một loại nan đề liên hệ với những luật lệ về thức ăn trong Lê-vi Ký 11.

☐ " **hư hoại** " Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: HỦY PHÁ, LÀM HOANG TÀN, HƯ HỎNG (PHTHEIRŌ)

Ý nghĩa căn bản của động từ *phtheirō* có nghĩa Hủy phá, làm tan hoang, làm hư hỏng. Ví dụ như:

1. Tan hoang tài chính (thiệt hại, có thể trong II Cô-rinh-tô 7:2)
2. Hủy phá thuộc thể (xem I Cô-rinh-tô 3:17a)
3. Hư hỏng đạo đức (xem Rô-ma 1:23; 8:21; I Cô-rinh-tô 15:33,42,50; Ga-la-ti 6:8; Khải Huyền 19:2)
4. Cám dỗ tình dục (xem II Cô-rinh-tô 11:3)
5. Diệt vong đời đời (xem 2 Phi-e-rơ 2:12,19)
6. giáo huấn, hủ tục băng hoại của người (xem Cô-lô-se 2:22; I Cô-rinh-tô 3:17b)

Nhiều lúc thuật ngữ này được sử dụng trong ngữ cảnh phản diện, (negated opposite) (xem Rô-ma 1:23; I Cô-rinh-tô 9:25; 15:50,53). Xin để ý sự song hành giữa thân thể trần thế thuộc thể và thân thể thiên thượng đời đời.

1. hư hoại và không thể hư hoại I Cô-rinh-tô 15:42,50
2. ô nhục và vinh hiển I Cô-rinh-tô 15:43
3. yếu đuối và hùng mạnh I Cô-rinh-tô 15:43
4. cơ thể tự nhiên và cơ thể thuộc linh I Cô-rinh-tô 15:44
5. A-đam thứ nhất và A-đam cuối cùng, I Cô-rinh-tô 15:45
6. hình ảnh trần thế và hình ảnh thiên thượng, I Cô-rinh-tô 15:49

2:23 " bẻ ngoài có vẻ khôn ngoan vì thờ lạy theo ý mình, cùng với sự hạ mình và khắc khổ thân thể " Đây là một sự định tội của Chúa Jesus trên những Thầy Thông Giáo và Những Người Pha-ri-si (Ê-sai 29:13).

Phao-lô mô tả những sự thực hành tôn giáo của những giáo sư giả bởi ba từ:

- | | |
|----------------|---|
| 1. NASB | "tôn giáo tự xưng " |
| NKJV | "tôn giáo tự bắt mình-chịu đựng " |
| NRSV | "thần linh tự bắt mình-chịu đựng" |
| TEV | "sự thờ phượng ép buộc các thiên sứ" |
| NJB | "Sự bồi dưỡng ý chí " |

Từ này được dùng chỉ ở đây trong Tân Ước. Nó có thể đã được đặt nên bởi Phao-lô hoặc bởi những Cơ Đốc Nhân đầu tiên. Bản NASB có vẻ như đã nắm bắt được tinh thần cốt yếu của thuật ngữ, "tôn giáo tự xưng." TEV cho rằng nó phản ánh Cô-lô-se 2:18.

- | | |
|------------------|---|
| 2. NASB | "tự-hạ phẩm giá" |
| NKJV, TEV | "sự khiêm nhường giả tạo " |
| NRSV | "khiêm nhường" |
| NJB | (kết hợp những từ thứ hai và thứ ba) |

Cùng một từ Hy Lạp được sử dụng trong Cô-lô-se 2:18. Nguyên văn nó có nghĩa là "khiêm nhường," nhưng văn mạch nghiêng về cách dịch của bản NKJV và TEV.

- | | |
|-----------------------|---|
| 3. NASB, NRSV, | |
| TEV | "một sự đối đãi khắc nghiệt thân thể " |
| NKJV | "xao nhãng đối với thân thể " |
| NJB | "một sự hạ mình chối bỏ thân thể" |

Điều này phản ánh những góc nhìn tôn giáo khắc kỷ vốn chối bỏ những nhu cầu của cơ thể được bày tỏ hoặc những sự sùng bái tôn giáo cao độ. Những ví dụ là (1) chối bỏ thức ăn nuôi cơ thể; (2) chủ nghĩa chối bỏ lập gia đình; (3) thiếu thốn quần áo trong mùa đông, v.v... Tinh thần này đi theo quan điểm Hy Lạp rằng cơ thể (vật chất) là xấu xa.

CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: QUYỀN TỰ DO VÀ TINH THẦN TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ-ĐỐC-NHÂN

- A. Chương này tìm cách cân bằng nghịch lý về sự tự do và trách nhiệm của người Cơ-đốc. Đơn vị ngữ văn này xuyên suốt đến câu 15:13.
- B. Vấn đề còn đọng lại trong chương này có lẽ là sự căng thẳng giữa người ngoại và người Do thái tin Chúa trong Hội thánh Rô-ma (hay có thể là kinh nghiệm hiện tại của Phao-lô tại Cô-rinh-tô). Trước khi cải đạo, người Do thái có khuynh hướng tôn sùng luật pháp, còn người

ngoại có khuynh hướng vô luân. Nên nhớ rằng đoạn này viết cho những người theo Chúa chân thật, không viết cho những người tin Chúa theo xác thịt (I Cô-rinh-tô 3:1). Động cơ tối hậu là nhằm đề cập đến cả hai nhóm. Sự quá khích ở cả hai phía đều có thể gây ra sự nguy hiểm. Phần thảo luận này không phải cho phép xoi mói chỉ trích tính tôn sùng luật pháp hay gương cao ngạo cò tự do.

- C. Người tin Chúa nên cẩn thận không nên áp đặt thần học hay luân lý của mình làm tiêu chuẩn cho tất cả những người tin Chúa khác (II Cô-rinh-tô 10:12). Người tin Chúa phải bước đi trong ánh sáng họ có nhưng phải hiểu rằng thần học của họ không phải tự động trở thành thần học của Đức Chúa Trời. Họ vẫn còn bị ảnh hưởng bởi tội lỗi. Chúng ta phải khích lệ, khuyên khích và khuyên dạy nhau từ Kinh thánh, sự lý luận và kinh nghiệm, nhưng phải luôn làm điều này trong tình yêu thương. Một người càng biết nhiều, thì họ biết rằng họ biết được chẳng bao nhiêu (I Cô-rinh-tô 13:12).
- D. Thái độ và động cơ của một người trước mặt Đức Chúa Trời là chìa khóa thật để lượng giá hành động của họ. Người Cơ-đốc sẽ đứng trước mặt Đấng Christ để bị phán xét dựa trên cách họ đối xử lẫn nhau (câu 10, 12 và II Cô-rinh-tô 5:10).
- E. Martin Luther nói rằng, “Một người Cơ-đốc là người chủ tự do nhất về mọi mặt, không phải thuận phục một người nào hay một điều gì; một người Cơ-đốc là một đầy tớ đầy trọng trách, phải thuận phục mọi người.” Lễ thật Kinh thánh thường được trình bày dưới dạng một nghịch lý đầy tính giảng dạy.
- F. Chủ đề rất khó nhưng quan trọng này được trình bày trong toàn bộ đơn vị ngữ văn từ Rô-ma 14:1-15:13 và cũng có trong I Cô-rinh-tô 8:10 và Cô-lô-se 2:8-23.
- G. Tuy nhiên, cần phải nói rằng sự đa dạng trong vòng những người tin Chúa không phải là điều xấu. Mỗi người tin Chúa đều có những điểm mạnh và điểm yếu. Mỗi người phải bước đi trong ánh sáng đã có cho mình và phải luôn cởi mở đối với sự hướng dẫn của Thánh Linh và Kinh thánh để nhận thêm ánh sáng. Trong thời kỳ chúng ta nhìn sự việc ‘như trong một cái gương cách mập mờ này’ (I Cô-rinh-tô 13:8-13), mỗi người phải bước đi trong tình yêu thương (câu 15) và sự hòa bình (câu 17, 19) để cùng gây dựng lẫn nhau.
- H. Những tựa đề “người mạnh” và “kẻ yếu” mà Phao-lô đặt cho hai nhóm này làm cho họ có thành kiến đối với chúng ta. Đây rõ ràng không phải là chủ ý của Phao-lô. Cả hai nhóm này đều là những tín hữu thành thật. Chúng ta không tìm cách để thay đổi các Cơ-đốc nhân khác để giống như chúng ta. Chúng ta chấp nhận nhau trong Christ.
- I. Toàn bộ phần bàn luận này có thể được trình bày như sau:
 - 1. Tiếp nhận nhau bởi vì Đức Chúa Trời đã tiếp nhận chúng ta trong Đấng Christ (14:1, 3; 15:7);
 - 2. Đừng đoán xét nhau vì Đấng Christ là Chủ và là Quan xét duy nhất của chúng ta (14:3-12)
 - 3. Tình yêu thương quan trọng hơn sự tự do cá nhân (14:13-23);
 - 4. Theo gương Đấng Christ và từ bỏ quyền lợi của mình để gây dựng cho lợi ích chung (15:1-13).

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Hãy mô tả tín lý của những giáo sư giả. Tại sao chúng lại cực kỳ nguy hiểm?
2. Kẻ nào hoặc điều gì chính là những "nguyên lý cơ bản (thần linh của thế gian)" (*stoicheia*, trong 2:8,15)?
3. Đức Chúa Jesus là Đức Chúa Trời hay con người? Tại sao điều này lại cực kỳ quan trọng?

4. Chúa Jesus liên quan với những thế lực thiên sứ này như thế nào?
5. Tại sao tư tưởng khắc-kỷ luật pháp lại cực kỳ nguy hiểm (Cô-lô-se 2:16-23)?
6. Hãy liệt kê ra những từ Trí Huệ Giáo mà bạn tìm được trong phần này.

CÔ-LÔ-SE 3

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Đời sống mới trong Đấng Christ (2:20-3:4)	Không Phải Nhục Dục Xác Thịt Nhưng Đấng Christ 3:1-11	Đời sống Cơ Đốc Thật 3:1-4	Chết đi và sống lại cùng Đấng Christ (2:20-3:4) Đời sống Cựu Và Đời Sống Mới	Sự Hiệp Một Từ Bỏ Sự Sống Với Đấng Christ Được Vinh Hiển 3:1-4 Những Quy Luật chung của Hành Vi Cơ Đốc
3:5-11		3:5-11	3:5-7 3:8-11	11
	Đặc Tính của Con Người Mới			
3:12-17	3:12-17	3:12-17	3:12-17	3:12-15 3:16-17
Những Trách Nhiệm Xã Hội của Đời Sống Mới 3:18-19 (3:22-4:1)	Một gia đình Cơ Đốc 3:18-4:1	Những Bồn Phận Cơ Đốc 3:18-19 (3:18-4:6)	Những Mối Liên Hệ Cá Nhân Trong Đời Sống Mới 3:18 3:19 3:20 3:21	Những phẩm hạnh của gia đình và gia quyền 3:18-21
3:20-21		3:20-4:1	3:22-4:1	3:22-4:1

CHU KỶ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

- A. Cô-lô-se 3:1-4 chính là một nền tảng thần học cho đạo đức và lối sống Cơ Đốc. Các tín đồ cần phải sống bày tỏ đời sống thuộc linh tươi mới của họ trong Đấng Christ. Họ đã đồng chôn và đồng sống lại với Đấng Christ (Cô-lô-se 2:12-13; Rô-ma 6:3-11). Sự sống của Ngài tuôn chảy qua họ.
- B. Phao-lô liệt kê ra những điều cần phải từ bỏ (cắt bỏ đi, Cô-lô-se 3:8-9) và nhận lấy (mặc vào, Cô-lô-se 3:10) vốn hình thành một lời khuyên dạy quân bình hướng tới sự tin kính (trở nên giống Chúa.) Phao-lô thường liệt kê các danh sách của những tội lỗi (1 Cô-rinh-tô 6:9-10; Ga-la-ti 5:19- 21; Ê-phê-sô 5:3-5) và phạm hạnh (Ga-la-ti 5:22-23; Ê-phê-sô 5:18-20; Phi-líp 1:4-7; 1 Tê-sa 5:12-22). Trong nhiều cách khác nhau những danh sách này song hành với những danh sách đạo đức Hy Lạp trong thời của Phao-lô. Nhưng động cơ và động lực chính là Đấng Christ/Đức Thánh Linh, chứ không phải nỗ lực cá nhân. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Cô-lô-se 3:5.
- C. Phao-lô kêu gọi mạnh mẽ sự hiệp một bởi vì sự hiệp một của Ba Ngôi Đức Chúa Trời, được giải thích rõ ràng đầy đẹp đẽ trong Ê-phê-sô 4:1-10, song hành với Cô-lô-se 3:12-17. Cũng vậy, mạng lệnh đầy mạnh mẽ của cho mỗi tín đồ cần phải được đổ đầy với Đức Thánh Linh (Ê-phê-sô 5:18) là song hành trong Cô-lô-se 3:16. Sự song hành này không phải là song hành về từ ngữ, nhưng là dàn ý song hành. Cần nhớ rằng Cô-lô-se và Ê-phê-sô dựa trên gần như chính xác cùng một dàn ý.
- D. Sự khuyên dạy của Phao-lô trên gia đình (Cô-lô-se 3:18-14:1) bày tỏ cách mà đời sống mới của các tín hữu phải tác động trên mọi lĩnh vực của đời sống. Đức tin theo Kinh Thánh chính là một sự đột phá bước ngoặt với bản chất cũ (bản chất sa ngã). Bằng chứng của sự thay đổi chính là chúng ta không còn sống cho chính mình, nhưng là vì người khác (1 Giăng 3:16). Điều này thi đua với cuộc đời của Chúa Jesus. Sự định hướng hoàn toàn mới này chính là bằng chứng rằng chúng ta đã được cứu chuộc!

Đoạn 3 (3:18-4:1) là một đoạn Kinh Thánh xuyên suốt thống nhất (Ê-phê-sô 5:22-6:9).

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): CÔ-LÔ-SE 3:1-4 (Cách chia đoạn đầy đủ bao gồm cả 2:20-3:4)

...¹ **Vậy nếu anh em đã được sống lại với Đấng Christ, hãy tìm kiếm những điều ở trên trời, nơi Đấng Christ ngồi bên phải Đức Chúa Trời.** ² **Hãy chú tâm vào những điều ở trên trời, đừng chú tâm đến những điều ở dưới đất,** ³ **vì anh em đã chết, sự sống của mình đã giấu với Đấng Christ trong Đức Chúa Trời.** ⁴ **Khi nào Đấng Christ là sự sống của anh em hiện ra, lúc ấy anh em cũng sẽ hiện ra với Ngài trong vinh quang.**

3:1 " Vậy " Từ này liên hệ phần tín lý (đoạn 1-2) với phần áp dụng (đoạn 3-4). Đây là tiêu chuẩn định dạng văn học của những tác phẩm của Phao-lô (Rô-ma 12:1; Ê-phê-sô 4:1; Phi-líp 4:1).

▣ **" nếu "** Đây là một Câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence) vốn giả định là đúng từ quan điểm của tác giả hoặc để phục vụ cho những mục đích văn học của ông. Những tín đồ đã đồng sống lại với Đấng Christ.

▣ **" anh em đã được sống lại với Đấng Christ "** Đây là một từ ghép *syn*, "đồng-sống lại" (Cô-lô-se 2:12,13; Rô-ma 6:3-11; Ê-phê-sô 2:5-6). Các tín đồ giờ đây đã có được sự sống phục sinh, thì họ phải sống giống như sự sống đó! Câu 1-4 là nền tảng thần học cho những phạm hạnh và lối sống Cơ Đốc.

▣ **" hãy tìm kiếm những điều ở trên trời "** Câu này hoặc là một thể chỉ định chủ động thì hiện tại (present active indicative) hoặc thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative). Vì vậy, nó là một sự khuyên bảo hãy tiếp tục đeo đuổi những tư tưởng và những điều thuộc linh (Cô-lô-se 3:2; Phi-líp 2:1-2; 4:8).

Câu 1 và 2 song hành với nhau. Có lẽ cả hai đều là những thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative). Các tín đồ trở nên những gì họ suy nghĩ về. Những đôi mắt và đôi tai chính là cửa sổ đến linh hồn.

Một vài học giả suy nghĩ rằng văn mạch này chính là sự tương phản giữa chúng ta là ai trong Đấng Christ (thể chỉ định) và chúng ta phải trở nên như thế nào trong Đấng Christ (thể mệnh lệnh). Phao-lô thường sử dụng nét

đặc trưng ngữ pháp này.

▣ " **nơi Đấng Christ ngồi bên phải Đức Chúa Trời** " Đây là một cụm từ tu từ nhân hình (Thi Thiên 110:1), vốn Phao-lô rất hiếm khi sử dụng, để chỉ về địa vị và thẩm quyền của sự cao trọng của Đấng Christ (Lu-ca 22:69; Công Vụ 7:55; Rô-ma 8:34; Ê-phê-sô 1:20; Hê-bơ-rơ 1:3; 8:1; 10:12; 12:2; 1 Phi-e-rơ 3:22). Khi mô tả Đấng Christ ngồi bên tay hữu Đức Chúa Cha cũng là một cách chỉ về chức vụ của sự cầu thay cho các thánh đồ liên tục của Ngài (Rô-ma 8:34; Hê-bơ-rơ 7:25; 9:24; 1 Giăng 2:1). Nó là một ẩn dụ cho một căn phòng đặt ngai vàng của một vị vua cận đông. TÔI hy vọng khi bạn lên thiên đàng bạn sẽ không kỳ vọng được trông thấy "một người nam lớn tuổi, một người nam trẻ tuổi ngồi trên một chiếc ghế lớn với một chim bồ câu bay vòng quanh họ!" Kinh Thánh sử dụng những thuật ngữ cho loài người, những điều vật chất để mô tả về một Đức Chúa Trời đời đời, thuộc linh, thánh khiết. Tất cả những từ được sử dụng để mô tả Ngài đều là những phép tu từ ẩn dụ, so sánh tương đồng hoặc những sự phủ định; chúng là đúng nhưng không phải thấu đáo mọi phương diện.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỨC CHÚA TRỜI ĐƯỢC MÔ TẢ NHƯ CON NGƯỜI (ngôn ngữ tu từ nhân hình)

I. Đây là thể loại ngôn ngữ rất phổ biến trong Cựu Ước (một vài ví dụ)

A. Những phần cơ thể vật lý

1. mắt – Sáng 1:4,31; 6:8; Xuất 33:17; Dân Số 14:14; Phục 11:12; Xa-cha-ri 4:10
2. tay – Xuất 15:17; Dân Số Ký 11:23; Phục Truyền 2:15
3. cánh tay – Xuất 6:6; 15:16; Phục Truyền 4:34; 5:15; 26:8
4. tai – Dân Số Ký 11:18; I Sa-mu-ên 8:21; II Các Vua 19:16; Thi 5:1; 10:17; 18:6
5. mặt – Xuất 33:11; Dân Số Ký 6:25; 12:8; Phục Truyền 34:10
6. ngón tay – Xuất 8:19; 31:18; Phục Truyền 9:10; Thi 8:3
7. giọng – Sáng 3:8,10; Xuất 15:26; 19:19; Phục Truyền 26:17; 27:10
8. chân – Xuất 24:10; Ê-xê-chi-ên 43:
9. dạng người – Xuất 24:9-11; Thi 47; Ê-sai 6:1; Ê-xê-chi-ên. 1:26
10. Thiên sứ của Chúa – Sáng 16:7-13; 22:11-15; 31:11,13; 48:15-16; Xuất 3:4,13-21; 14:19; Các Quan Xét 2:1; 6:22-23; 13:3-22

B. hành động thuộc thể

1. phán, là phương tiện tạo hóa. – Sáng 1:3,6,9,11,14,20,24,26
2. đi (ví dụ, tiếng bước chân) – Sáng 3:8; Lê-vi Ký 26:12; Phục 23:14; Ha-ba-cúc 23:14
3. đóng cửa thuyền Nô-ê – Sáng 7:16
4. gửi mùi sinh tể – Sáng 8:21; Lê-vi Ký 26:31; A-mốt 5:21
5. đi xuống – Sáng 11:5; 18:21; Xuất 3:8; 19:11,18,20
6. chôn xác Môi-se – Phục 34:6

C. cảm xúc con người.

1. ân hận – Sáng 6:6,7; Xuất 32:14; Các Quan Xét 2:18; 1 Sa-mu-ên 15:29,35; A-mốt 7:3,6
2. nổi giận – Xuất 4:14; 15:7; Dân Số Ký 11:10; 12:9; 22:22; 25:3,4; 32:10,13,14; Phục 6:15; 7:4; 29:20
3. ghen – Xuất 20:5; 34:14; Phục 4:24; 5:9; 6:15; 32:16,21; Giô-suê 24:19
4. ghê tởm – Lê-vi Ký 20:23; 26:30; Phục 32:19

D. liên hệ gia đình

1. Cha

- a của Y-sơ-ra-ên – Xuất 4:22; Phục 14:1; Ê-sai 1:2; 63:16; 64:8; Giê-rê-mi 31:9; Ô-sê 11:1
 - b của vua – 2 Sa-mu-ên 7:11-16; Thi 2:7
 - c ẩn dụ về hành động của cha – Phục 1:31; 8:5; 32:6-14; Thi 27:10; Châm Ngôn 3:12; Giê-rê-mi 3:4,22; 31:20; Ô-sê 11:1-4; Ma-la-chi 3:17
2. cha mẹ – Ô-sê 11:1-4
 3. Mẹ – Ê-sai 49:15; 66:9-13 (tương đồng với một người mẹ cho con bú)
 4. Nhân tình – Ô-sê 1-3

II. Lý do sử dụng; loại ngôn ngữ "hình nhân"

A. Sự cần thiết mặc khải Đức Chúa Trời cho phàm nhân. Không có ngôn ngữ nào khác ngoài thuật ngữ của con người trong tình trạng hư vong. Hình ảnh giống đực của Đức Chúa Trời là một ví dụ về ngôn ngữ hình nhân, bởi sự thực Đức Chúa Trời là Thần Linh.!

B. Đức Chúa Trời vươn tới khía cạnh có ý nghĩa nhất của sự sống con người: Cha, mẹ, phụ huynh, tình nhân.

C. Mặc dầu sự cần thiết tùy từng thời điểm, Đức Chúa Trời luôn không muốn bị giới hạn trong bất cứ khuôn khổ vật chất hữu hình nào (Xuất Hành 20; Phục 5)

D. Ngôn ngữ hình nhân tối hậu là sự nhập thể của Chúa Giê-su. Đức Chúa Trời trở nên có hình và có thể rờ tới. (I Giăng 1:1-3), Sự điệp của Đức Chúa Trời trở nên Ngôi lời của Ngài. (Giăng 1:1-18).

III. Tham khảo thêm luận văn của ông G. B. Caird, *The Language and Imagery of the Bible*, chapter 10, "Anthropomorphism," in *The International Standard Bible Encyclopaedia*, pp. 152-154

3:2 "Hãy chú tâm vào những điều ở trên trời" Câu này song hành với Cô-lô-se 3:1 và nó là một thể chỉ định chủ động thì hiện tại (present active indicative) hoặc thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative). Có lẽ nó là một thể mệnh lệnh. Cơ Đốc Giáo là cả sự nhận biết và hành động (1 Phi-e-rơ 1:13-21)! Câu này song hành với Cô-lô-se 3:1.

▣ **"đừng chú tâm đến những điều ở dưới đất"** Cụm từ này định nghĩa sự tương phản có ý đồ của Phao-lô; các tín đồ cần phải suy nghĩ và sống trong Đức Thánh Linh, chứ không phải trong xác thịt (Rô-ma 8:1-17). Họ có một sự lựa chọn và phải đặt những sự ưu tiên trong lối sống của họ. Được cứu không tự nhiên sinh ra một đời sống tin kính, nhưng nó cần phải được hình thành.

Phao-lô sử dụng một sự tương phản nhị nguyên, nhưng không phải giữa linh và vật chất như Trí Huệ giáo; nhưng, sự tương phản của ông giữa thế gian (thời đại này) và Vương Quốc của Đức Chúa Trời (thời đại mới). Các tín đồ là công dân của cả hai lãnh địa.

Trí thức (thể giới quan) này mang lại niềm hy vọng, sự can đảm và bình an ở giữa những sự thử thách của cuộc sống (sự giảng dạy sai trật (tà giáo), sự chịu khổ, tù đầy, bắt bớ, v.v...).

3:3 "anh em đã chết" Đây là một ẩn dụ dựa trên phép báp tem để mô tả về một chỗ đứng mới trong Đấng Christ (Rô-ma 6:1-11; Cô-lô-se 2:11-12). Các tín đồ cần phải chết đi về tội lỗi và sống lại với Đức Chúa Trời! Họ được khuyên bảo cần phải nhận ra chỗ đứng mới của họ trong Đấng Christ (Cô-lô-se 3:5; Ê-phê-sô 2:5-6) và bắt chước theo Ngài (2 Cô-rinh-tô 5:14-15; Ga-la-ti 2:20; Ê-phê-sô 5:1-2; 1 Giăng 3:16).

▣ **"giấu"** Đây là một thể chỉ định thụ động thì hoàn thành (perfect passive indicative). Các tín đồ đã chết (trong Đấng Christ) và đã và sẽ tiếp tục được che giấu trong Đức Chúa Trời. Các tôn giáo huyền bí của thời kỳ Hy-La sử dụng từ này để chỉ đến những nghi lễ gia nhập. Khái niệm của sự ẩn giấu có thể liên hệ với (1) sự bảo vệ hoặc (2) vinh hiển được chia sẻ trọn vẹn của các thánh đồ với Đấng Christ vẫn chưa được nhìn thấy trước thế gian (Cô-lô-se 3:4).

3:4 "Đấng Christ là sự sống của anh em (của chúng ta)" Câu này phản ánh ý tưởng thần học của một "đời sống được hoán đổi" (Ga-la-ti 2:20; Phi-líp 1:21).

▣ **"hiện ra"** Từ này chỉ về Sự Tái Lâm (1 Giăng 3:2).

▣ **"lúc ấy anh em cũng sẽ hiện ra với Ngài trong vinh quang"** Các tín đồ đã chết cùng với Đấng Christ, đã đồng sống lại cùng Đấng Christ, và sẽ ở cùng với sự trở lại vinh hiển của Ngài (1 Tê-sa 4:13-18). Điều "được giấu" (Cô-lô-se 3:3) sẽ được bộc lộ ra (Cô-lô-se 3:4). Hãy xem bài viết về "vinh hiển" tại Ê-phê-sô 1:6 và Chủ đề Đặc Biệt dưới đây.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC THUẬT NGỮ TRONG TÂN ƯỚC VỀ SỰ TÁI LÂM CỦA ĐÁNG CHRIST.

Sự nhấn mạnh cánh chung (về thời tận thế) nói về một ngày đặc biệt không xa, khi con người sẽ phải gặp Đấng Cứu Rỗi và Đấng phán xét, Chúa Giê-su. Ngày ấy còn được gọi là: .

1. "Ngày của Chúa Giê-su Christ (cf. 1 Cô-rinh-tô 1:8)
2. "Ngày của Chúa" (cf. 1 Cô-rinh-tô 5:5; 1 Thess. 5:2; 2 Thess. 2:2)

3. "Ngày của Chúa Giê-su " (cf. 2 Cô-rin-tô 1:14; MS & has it in 1 Cô-rin-tô 5:5)
4. "Ngày của Giê-su Christ" (cf. Phi-líp 1:6)
5. "Ngày của Đấng Christ" (cf. Phi-líp 1:10; 2:16)
6. "Ngày của Ngài (Con Người)" (cf. Lu-ca 17:24)
7. "Ngày của Con Người được tỏ ra" (cf. Lu-ca 17:30)
8. "Sự Mặc Khải của Chúa Giê-su" (cf. 1 Cô-rin-tô 1:7)
9. "Khi Chúa Giê-su sẽ được tỏ ra từ Thiên Đàng" (cf. 2 Thess. 1:7)
10. "Trong sự hiện diện của Chúa Giê-su khi Ngài đến" (cf. 1 Thess. 2:19)

Có ít nhất bốn cách mà Tân-ước mô tả sự Tái Lâm của Chúa Giê-su .

1. *epiphaneia*, nói về sự chói ngời, theo không theo ý nghĩa từ ngữ, nhưng theo ý nghĩa thần học, liên hệ tới sự vinh hiển. In 2 Ti-mô-thê 1:10; Titus 2:11 and 3:4 nói về sự nhập thể và sự Tái Lâm. Thuật ngữ này được dùng trong 2 Thess. 2:8 trong đó chứa đựng tất cả ba thành phần của sự Tái Lâm: 1 Ti-mô-thê 6:14; 2 Ti-mô-thê 4:1,8; Titus 2:13.
2. *parousia*, Nói về sự hiện diện sự viếng thăm của một Quốc Vương, được sử dụng nhiều nhất trong Tân-ước (cf. Ma-thi-ơ. 24:3,27,37,39; 1 Cô-rin-tô 15:23; 1 Thess. 2:19; 3:13; 4:15; 5:23; 2 Thess. 2:1,8; Gia-cơ 5:7,8; 2 Phi-ê-rơ 1:16; 3:4,12; 1 Giăng 2:28).
3. *apokalupsis* (or *apocalypsis*), Sự khai huyền, một ý nghĩa khác của sự tỏ ra. Đây cũng là tên cuốn sách cuối cùng của Kinh Thánh. (cf. Lu-ca 17:30; 1 Cô-rin-tô 1:7; 2 Thess. 1:7; 1 Phi-ê-rơ 1:7; 4:13).
4. *phaneroō*, có nghĩa đem ra ánh sáng được dùng nhiều lần trong Tân-ước về sự mặc khải chân lý của Đức Chúa Trời, tương tự như *epiphaneia*, cũng nói về Sự Nhập thể (cf. 1 Phi-ê-rơ 1:20; 1 Giăng 1:2; 3:5,8; 4:9) và Sự Tái Lâm (cf. Ma-thi-ơ. 24:30; Cô-lô-sê 3:4; 1 Phi-ê-rơ 5:4; 1 Giăng 2:28; 3:2).
5. Một trong những thuật ngữ rất phổ biến là, *erchomai*, "đến" cũng ám chỉ về sự Tái Lâm của Đấng (cf. Ma-thi-ơ. 16:27-28; 23:39; 24:30; 25:31; Công-vụ 1:10-11; 1 Cô-rin-tô 11:26; Khải Huyền 1:7,8).
6. Cụm từ "Ngày của Chúa" (cf. 1 Thess. 5:2), là danh hiệu Ngày Phước Hạnh (Phục sinh) và Ngày Phán Xét của Đức Chúa Trời.
Cả Tân-ước được viết trong quan điểm của Cựu-ước, khẳng định:
 - a. Kỷ Nguyên Hiện Tại, Xâu Xa, và Chóng Nghịch.
 - b. Kỷ Nguyên Công Chính sẽ Đến
 - c. Một Kỷ Nguyên Thánh Linh được bắt đầu bởi công việc của Đấng Mê-si-a (Đấng Được Xức Dầu)

Giả thiết thần học của sự mặc khải từng bước cần có bởi các tác giả Tân-ước thay đổi chút ít về sự mong đợi của dân tộc Do-thái. Họ trông đợi một Đấng Mê-si-a mang tính chất anh hùng dân tộc, một tướng lãnh tài ba. Thay vào đó là hai sự 'đến' của Đấng Mê-si-a theo Tân-ước. Sự 'đến' Đầu tiên là Sự Nhập Thể của Vị Thần Đức, Sự Đầu Thai và Sinh Thành của Giê-su Na-xa-rét, không mang tính quân sự, hay phán xét, nhưng với tư cách 'người đầy tớ thương khó' theo Ê-sai 53; trong hình ảnh một người cười lừa, thay vì cười ngạo như tướng lãnh, theo Xa-cha-ri. 9:9. Sự đến đầu tiên mở đầu Kỷ Nguyên Đấng Mê-si-a, Nước Trời trên trần gian. (Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Nước Đức Chúa Trời. Trong một ý nghĩa: Nước Trời đã đến và trong ý nghĩa khác, Nước Trời còn xa. Đây là giai đoạn giằng co, chuyển tiếp giữa hai 'sự đến' của Đấng Mê-si-a, cũng là sự chông chéo giữa hai Kỷ Nguyên của người Do-thái. (Xem chủ đề Đặc Biệt Kỷ Nguyên Hiện Nay và Kỷ Nguyên sẽ đến). Giai đoạn chông chéo này không được thấy hoặc không rõ ràng từ Cựu-ước. Thực tế 'sự đến hai lần' nhấn mạnh sự cam kết cứu chuộc cả nhân loại của Đức Giê-hô-va, được thấy trong Ê-sai và Giôn-na (cf. Sáng. 3:15; 12:3; Xuất. 19:5).

Hội Thánh không phải chờ đợi sự ứng nghiệm tiên tri của Cựu-ước, bởi hầu hết các tiên tri ấy nói về 'sự đến' lần thứ nhất. (cf. *How to Read the Bible For All Its Worth*, trang 165-166). Các Tín Đồ Tân-ước trông chờ 'sự đến' vinh hiển của Vị Vua trên các vua và Chúa trên các chúa, sự ứng nghiệm Nước Trời dưới đất cũng như trên Thiên Đàng. (cf. Ma-thi-ơ. 6:10). Sự trình bày của Cựu-ước không phải không chính xác, nhưng không đầy đủ. Chúa sẽ đến như đã được tiên tri trong quyền năng và uy thế của Đức Giê-hô-va

Sự Tái Lâm không phải là thuật ngữ trong Kinh thánh, nhưng là khái niệm thần học trong quan điểm và khuôn khổ cả Tân-ước. Đức Chúa Trời sẽ giải thích rõ ràng, mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và nhân loại trong hình ảnh của Ngài sẽ được phục hồi, Sự dữ sẽ bị phán xét và loại bỏ. ý chỉ của Đức Chúa Trời không bao giờ thất bại.

Hội thánh đầu tiên thờ phượng cả hai ngày vào cả ngày Sa-bát và ngày đầu tiên của tuần lễ (Ngày Chúa Nhật, ngày Chúa sống lại). Nhà hội nhìn nhận sự tăng trưởng của phong trào Cơ Đốc bằng cách đưa mạng

lệnh cho các thành viên của họ chối bỏ Chúa Jesus chính là Đấng Mê-si (The Eighteen Benedictions). Tại thời điểm đó (70SC) các Cơ Đốc Nhân nhóm chỉ riêng vào ngày Chúa Nhật).

BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): CÔ-LÔ-SE 3:5-11

⁵ Vậy hãy giết chết những dục vọng trần tục như gian dâm, bất khiết, tình dục dâm dăng, ước muốn xấu xa và tham lam; vì tham lam là một hình thức thờ hình tượng; ⁶ bởi những điều này, cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời giáng trên những con không vâng phục. ⁷ Lúc trước, anh em đã từng sống trong những điều này và cư xử như vậy. ⁸ Nhưng bây giờ, hãy từ bỏ tất cả những điều ấy, tức là thịnh nộ, buồn giận, độc ác, phạm thượng, và lời nói tục tĩu từ miệng anh em. ⁹ Chớ nói dối nhau vì đã lột bỏ người cũ cùng các công việc của nó ¹⁰ mà mặc lấy người mới, là người đang được đổi mới trong nhận thức, theo hình ảnh Đấng tạo dựng người ấy. ¹¹ Tại đây không còn phân biệt người Hi Lạp hay người Do Thái, người nhận cắt bì hay không nhận cắt bì, người dã man, người Sy-the, người nô lệ hay tự do; nhưng Đấng Christ là tất cả và trong tất cả.

3:5

NASB "hãy xem những bộ phận của thân thể trên đất này của anh em như đã chết "
NKJV "làm cho chết những bộ phận của anh em thuộc về thể gian này "
NRSV "làm cho chết đi những gì trong anh em là trần tục "
TEV "anh em phải làm cho chết đi những sự tham muốn trần tục đang hành động trong anh em"
NJB "anh em phải giết đi mọi sự trong anh em là trần tục "

Đây là một aorist active imperative (thể mệnh lệnh chủ động thì bất định) vốn chỉ về sự khẩn cấp (Cô-lô-se 3:8,12). Nó bắt đầu một phần mới nhấn mạnh nhu cầu cho các tín đồ cần phải tước bỏ khỏi họ điều ác một lần và mãi mãi (Cô-lô-se 3:5-11). Phao-lô thường sử dụng trang phục như một ẩn dụ cho đời sống thuộc linh (Rô-ma 6:6,11; 8:13; Ê-phê-sô 4:22,24,25,31, có lẽ từ trong Xa-cha-ri 3). Các tín đồ cần phải chết đi chính mình, tội lỗi, và thể gian. Phần tiếp theo nhấn mạnh các Cơ Đốc Nhân cần phải mặc lấy những đức hạnh giống như Đấng Christ (Cô-lô-se 3:10-17).

Phao-lô thường mô tả những tội lỗi của đời sống cũ và con người cũ trong danh sách vốn tương tự trong nhiều cách với những danh sách về đạo đức (ví dụ như Stoics) trong thời của ông.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC THÓI XẤU VÀ NẾT TỐT TRONG TÂN ƯỚC

Bảng liệt kê những thói xấu và nét tốt thường thấy trong Tân ước. Những điều này thường phản ánh các thói nét của văn hóa (Hy Lạp) và Do thái. Danh sách những thói nét tương phản này được liệt kê sau đây:

	<u>Những thói xấu</u>	<u>Những nét tốt</u>
1. Phao lô	Rô-ma 1:28-32 Rô-ma 13:13 I Cô-rinh-tô 5:9-11 6:10 II Cô-rinh-tô 12:20 Ga-la-ti 5:19-21 Ê-phê-sô 4:25-32 5:3-5 --- Cô-lô-se 3:5,8 ITi-mô-thê 1:9-10 6:4-5 II Ti-mô-thê 2:22a, 23 Tít 1:7, 3:3	--- Rô-ma 2:9-21 --- I Cô-rinh-tô 6:6-9 II Cô-rinh-tô 6:4-10 Ga-la-ti 5:22-23 --- --- Phi-líp 4:8-9 Cô-lô-se 3:12-14 --- --- II Ti-mô-thê 2:22b,24 Tít 1:8-9; 3:1-2
2. Gia-cơ	Gia-cơ 3:15-16	Gia-cơ 3:17-18
3. Phi-e-rơ	I Phi-e-rơ 4:3 II Phi-e-rơ 1:9	I Phi-e-rơ 4:7-11 II Phi-e-rơ 1:5-8

☐ " **gian dâm, bất khiết** " Từ Hy Lạp đầu tiên này (*porneia*) có nguồn gốc có nghĩa là "mại dâm," nhưng nó trở nên được sử dụng cho sự đồi bại tình dục chung (1 Cô-rinh-tô 6:9). Chúng ta có từ tiếng Anh "pornography (khiêu dâm)" từ từ này. Từ thứ hai "bất khiết" (*akatharsia*) cũng là một từ chung cho sự đồi bại về mặt tình dục, mặc dù nó có nguồn gốc được sử dụng trong Cựu Ước trong nghĩa của sự không tinh sạch nghi lễ hoặc không tinh sạch đạo đức. Phao-lô có ý định sử dụng theo nghĩa rộng thứ hai.

☐ " **tình dục dâm dăng, ước muốn xấu xa và tham lam** " Có hai từ được sử dụng cùng nhau trong 1 Tê-sa 4:5 và được dịch là "những đam mê nhục dục." Từ đầu tiên, "khát vọng (cảm xúc mạnh mẽ)" (*pathos*), được dùng trong hai nghĩa khác nhau: (1) của sự đau khổ và (2) của khát khao tình dục.

Từ thứ hai, "khao khát tội lỗi" (*epithumia*), cũng được sử dụng trong hai nghĩa rất khác nhau, một sự khao khát mãnh liệt cho một thứ gì đó (1) tốt hoặc (2) xấu. Văn mạch phải xác định khía cạnh nào của trường nghĩa của từ được có ý định bởi tác giả.

Danh sách của những tội lỗi về tình dục có thể liên hệ đến các giáo sư giả. Các giáo sư giả Trí Huệ giáo có hai nhóm: (1) những người sống những đời sống kiêng khem khắc kỷ của sự tự hạ phẩm giá của mình và (2) những người xem cơ thể là không tương thích với đời sống thuộc linh và nuông chiều những khát vọng của cơ thể. Thường những sự lợi dụng về tình dục và tài chính mô tả, khắc họa về những giáo sư giả.

☐ " **tham lam** " Từ này thường được sử dụng trong sự ao ước, khát khao cho điều gì đó, nhưng trong văn mạch của sự lợi dụng tình dục, nó có thể có ý nghĩa về càng nhiều và nhiều hơn nữa lạc thú tình dục bằng bất kỳ giá nào! Một vài người xem những người khác chỉ như những đối tượng để thỏa mãn tình dục cá nhân mà thôi.

☐ " **là một hình thức thờ hình tượng** " Bất cứ thứ gì cai trị, kiểm soát hoặc đòi hỏi sự trung thành đều trở thành hình tượng thay thế Đức Chúa Trời. Đối với một số người, khoái lạc tình dục trở thành sự tập chú cho đời sống, suy nghĩ và kế hoạch của họ.

3:6 " cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời giáng trên " Trong nhiều cách câu này tương tự với sự thảo luận của Phao-lô trong Rô-ma 1:18-2:16. Cơn giận của Đức Chúa Trời được xem xét trong hai khung thời gian trong Kinh Thánh: (1) tội lỗi gây hậu quả trong sự hình phạt ngay bây giờ, trong đời (tạm) này (2) và Đức Chúa Trời sẽ đoán phạt toàn bộ nhân loại một ngày kia (lai thế học).

Có một sự khác biệt trong bản thảo tiếng Hy Lạp ở điểm này. Phần dài hơn, vốn bao gồm một thành ngữ Sê-mít "trên những con trai của sự không vâng phục," ở trong những thảo bản ông-xi-an MSS 8, A, C, D, F, G, H, K, L, và P. Nó bị bỏ qua trong bản MSS P⁴⁶ và B. Cách đọc dài hơn được thấy trong tất cả các bản thảo của Ê-phê-sô 5:6 vốn có thể là nguồn gốc của sự thêm vào này (hãy xem *A Textual Commentary On the Greek NT* được viết bởi Bruce M Metzger, ở trang 824).

3:7 " anh em đã từng sống trong những điều này " Bối cảnh của những tín đồ Cô-lô-se chính là ngoại giáo (Rô-ma 6:19; 1 Cô-rinh-tô 6:11; Tít 3:3). Những tín đồ này đã từng suy nghĩ và sống trong những loại tội lỗi này.

3:8 " Nhưng bây giờ " Hãy chú ý sự tương phản (giữa con người cũ và con người mới).

☐ " **hãy từ bỏ tất cả** " Đây là một thể mệnh lệnh trung cách thì bất định (aorist middle imperative) vốn chỉ về tính khẩn cấp. denotes urgency. Các tín đồ phải trở nên khác biệt. Phao-lô sử dụng trang phục như một ẩn dụ cho những lựa chọn lối sống của một người. Các tín đồ được khích lệ cởi bỏ đời sống cũ và đặt nó ra khỏi như một bộ trang phục (Cô-lô-se 3:8,9; Ê-phê-sô 4:22,25,31; Gia-cơ 1:21; 1 Phi-e-rơ 2:1). Họ cần phải mặc lấy Đấng Christ (Cô-lô-se 3:10,12,14; Ê-phê-sô 4:24; Rô-ma 13:14; Ga-la-ti 3:27). Những tín đồ này một lần đã bị kiểm soát và thống trị bởi những khát vọng xấu xa, nhưng giờ đây, qua Đấng Christ, họ có thể quay lưng lại với chúng (Rô-ma 5-6).

☐ " **thịnh nộ** " Từ này có nghĩa là một cơn giận sôi sục, liên tục, kéo dài (2 Cô-rinh-tô 12:20; Ga-la-ti 5:20; Ê-phê-sô 4:31).

☐ " **buồn giận** " Từ này có nghĩa là cơn giận bùng cháy hoặc bùng nổ cuồng bạo (2 Cô-rinh-tô 12:20; Ga-la-ti 5:20; Ê-phê-sô 4:31).

☐ " **độc ác** " Từ này có nghĩa là "những suy nghĩ xấu xa, hằn học " (Rô-ma 1:29; 1 Cô-rinh-tô 5:8; Ê-phê-sô

4:31). Nó ngụ ý về một sự khao khát làm hại người khác.

▣ " **phạm thượng, và lời nói tục tĩu** " Mọi người đang lắng nghe; lời nói của chúng ta phản ánh chúng ta là người như thế nào (Ma-thi-ơ 12:34-35; 15:11,18; Mác 7:20; Ê-phê-sô 4:29; 5:4; Gia-cơ 2:3-12).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: LỜI NÓI CON NGƯỜI

I. NHỮNG TƯ TƯỞNG MỞ ĐẦU TỪ SÁCH CHÂMNGÔN

- A. Lời nói là một phần trong hình ảnh của Đức Chúa Trời nơi con người (Bởi lời phán của Đức Chúa Trời mà tạo vật mới được hiện hữu, Đức Chúa Trời phán với con người là tạo vật của Ngài). Nó là một phần sống động trong tính cách con người của chúng ta.
- B. Ngôn ngữ con người cho phép chúng ta truyền thông với người khác về những cảm nhận từ cuộc sống. Do đó, nó bày tỏ con người thật của chúng ta (Châm ngôn 18:2; 4:23 [20-27]). Lời nói là sự trải nghiệm xác thực về một người (Châm-ngôn 23:7).
- C. Chúng ta là những tạo vật trong cộng đồng. Chúng ta chú tâm đến sự chấp nhận và công nhận. Chúng ta cần điều đó từ Đức Chúa Trời và từ con người. Ngôn từ có sức mạnh đáp ứng những nhu cầu đó trong cả sự tích cực (Châm-ngôn 17:10) và tiêu cực (Châm-ngôn 12:18).
- D. Có sự mạnh mẽ khác thường trong lời nói của con người (Châm-ngôn 18:20-21)—mạnh mẽ để chúc phước và chữa lành (Châm-ngôn 10:11,21) và mạnh mẽ để rửa sả và hủy diệt (Châm-ngôn 11:9).
- E. Chúng ta gặt lấy điều chúng ta gieo (Châm-ngôn 12:14).

II. NHỮNG NGUYÊN TẮC VỀ LỜI NÓI TỪ CHÂMNGÔN

- A. Sự tiêu cực và tiềm năng hủy diệt trong lời nói con người
 - 1. Lời của người độc ác (1:11-19; 10:6; 11:9,11; 12:2-6)
 - 2. Lời của kẻ tà tâm (5:2-5; 6:24-35; 7:5ff; 9:13-18; 22:14)
 - 3. Lời của kẻ dối trá (6:12-15,19; 10:18; 12:17-19,22; 14:5,25; 17:4; 19:5,9,28; 21:28; 24:28; 25:18; 26:23-28)
 - 4. Lời của kẻ ngu đại (10:10,14; 14:3; 15:14; 18:6-8)
 - 5. Lời của kẻ chứng dối (6:19; 12:17; 19:5,9,28; 21:28; 24:28; 25:18)
 - 6. Lời của kẻ ngồi lê đôi mách (6:14,19; 11:13; 16:27-28; 20:19; 25:23; 26:20)
 - 7. Lời mau nói (6:1-5; 12:18; 20:25; 29:20)
 - 8. Lời nịnh bợ (29:5)
 - 9. Nhiều lời (10:14,19,23; 11:13; 13:3,16; 14:23; 15:2; 17:27-28; 18:2; 21:23; 29:20)
 - 10. Lời xuyên tạc (17:20; 19:1)
- B. Sự tích cực, năng lực nâng đỡ, chữa lành trong lời nói của con người
 - 1. Lời của người công chính (10:11,20-21,31-32; 12:14; 13:2; 15:23; 16:13; 18:20)
 - 2. Lời của người sáng suốt (10:13; 11:12)
 - 3. Lời hiểu biết (15:1,4,7,8; 20:15)
 - 4. Lời chữa lành (15:4)
 - 5. Câu trả lời nhã nhặn (15:1,4,18,23; 16:1; 25:15)
 - 6. Câu trả lời vừa ý (12:25; 15:26,30; 16:24)
 - 7. Lời của luật pháp (22:17-21)

III. KHUÔN MẪU CỤU ƯỚC TIẾP TỤC TRONG TÂN ƯỚC

- A. Ngôn ngữ con người cho phép chúng ta truyền thông với người khác về những cảm nhận từ cuộc sống. Do đó, nó bày tỏ con người thật của chúng ta (Ma-thi-ơ 15:1-20; Mác 7:2-23).
- B. Chúng ta là những tạo vật sống tập thể. Chúng ta chú tâm tới sự chấp nhận và công nhận. Chúng ta cần điều đó từ Đức Chúa Trời và từ con người. Ngôn từ có sức mạnh đáp ứng những nhu cầu đó trong cả sự tích cực (II Ti-mô-thê 3:15-17) và tiêu cực (Gia-cơ 3:2-12).
- C. Có sự mạnh mẽ khác thường trong lời nói của con người (Châm-ngôn 18:20-21)—mạnh mẽ để chúc phước (Ê-phê-sô 4:29) và mạnh mẽ để rửa sả (Gia-cơ 3:9). Chúng ta chịu trách nhiệm về những điều chúng ta nói (Gia-cơ 3:2-12).

D. Chúng ta sẽ bị phán xét bởi những lời nói cũng như những việc làm của mình (Ma-thi-ơ 12:33-37; Lu-ca 6:39-45). Chúng ta gặt lấy điều chúng ta gieo (Ga-la-ti 6:7).

3:9 " Chớ nói dối " Đây là một thể mệnh lệnh trung cách (trung gian) thì hiện tại (present middle (deponent) imperative) với tiểu từ phủ định (negative particle) vốn có nghĩa chấm dứt một hành động đang trong tiến trình. Câu tiếng Hy Lạp kéo dài từ Cô-lô-se 3:9 sang Cô-lô-se 3:11. Lời nói Cơ Đốc cần phải đúng đắn, chân thật, gây dựng và được nói trong sự yêu thương (Ê-phê-sô 4:15).

3:10 " người mới, là người đang được đổi mới " Đây là một phân từ bị động thì hiện tại (Present passive participle) với thân vị tác động ngụ ý là Đức Chúa Trời hoặc Đức Thánh Linh. Đời sống Cơ Đốc đồng thời là một tình trạng (Ê-phê-sô 2:5,8) và một quá trình tăng trưởng (1 Cô-rinh-tô 1:18). Mục tiêu của nó là sự trở nên giống như Đấng Christ (Rô-ma 8:29; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4), được phục hồi trở lại với hình ảnh của Đức Chúa Trời. Sự "làm mới" này (2 Cô-rinh-tô 4:16 và danh từ trong Rô-ma 12:2 và Tít 3:5) chính là một công tác của Đức Chúa Trời rằng mỗi tín đồ cần phải cho phép, và phải hợp tác với Đức Chúa Trời để thực hiện nó trong họ (giống như "đổ đầy" Đức Thánh Linh, cũng là một phân từ bị động thì hiện tại (Present passive participle) trong Ê-phê-sô 5:18).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỔI MỚI (*ANAKAINŌSIS*)

Thuật ngữ Hy-lạp trong nhiều dạng khác nhau (*anakainoō, anakainizō*) có hai hàm ý chính:

1. "khiến điều gì đó trở nên mới và khác (tức là tốt hơn)" – Rô-ma 12:2; Col. 3:10
2. "khiến một sự thay đổi so với tình trạng trước" – II Cô-rinh-tô 4:16; Hê-bơ-rơ 6:4-6 (trích trong Louw và Nida's *Greek-English Lexicon*, vol. 1, trang 157, 594)

Moulton và Milligan, *The Vocabulary of the Greek Testament*, cho rằng thuật ngữ này (tức là *anakkainōsis*) không thể có trong văn chương Hy-lạp trước thời Phao-lô. Có thể ông đã tự nghĩ ra nó. (p. 34).

Frank Stagg, *New Testament Theology*, bình luận một cách thú vị như sau:

"Sự tái tạo và sự đổi mới duy nhất thuộc về Đức Chúa Trời. *Anakkainōsis*, thuật ngữ cho "đổi mới" là danh từ hành động và được dùng trong Tân Ước cùng với động từ để miêu tả sự đổi mới liên tục, như trong câu Rô-ma 12:2, 'hãy được biến đổi theo sự đổi mới trong tâm trí mình' và 2 Corinthians 4:16, 'con người bên trong vẫn mỗi ngày một đổi mới.' Colossians 3:10 miêu tả con người mới 'mặc lấy con người mới, là con người được dựng nên mới trong nhận thức theo hình ảnh của Đấng dựng nên mình' Như vậy 'con người mới', 'sự sống mới', 'tái tạo', 'đổi mới' đều mang ý nghĩa Đức Chúa Trời hành động như Đấng Ban Cho và Bảo trì sự sống đời đời. (p. 118).

☐ **" trong nhận thức (thật) "** Cụm từ này nguyên văn là "trong sự hiểu biết đầy đủ" (*epignōsin*). Trong sự phân biệt tương phản với kiến thức sai trật của Trí Huệ Giáo.

3:11 Câu này diễn tả cùng một lẽ thật với Rô-ma 3:22,29; 10:12; 1 Cô-rinh-tô 12:13; Ga-la-ti 3:28 và Ê-phê-sô 2:11-22. Mọi rào cản và sự phân biệt của con người đều bị loại bỏ bởi phúc âm. Nó không loại bỏ phân biệt Kinh Thánh, ví dụ, mối liên hệ giữa chồng và vợ (Ê-phê-sô 5:21-31) hoặc người giàu và người nghèo (Gia-cơ 1:9-10), nhưng nó loại bỏ mọi sự bất bình đẳng!

☐ **" người dã man, người Sy-the "** Cụm từ này chỉ về Người Ngoại có học thức và không có học thức. referred to cultured and uncultured Người Ngoại. Từ tượng thanh "người man rợ (barbarian)" có nguồn gốc đề cập về cách mà người Đế Chế Hy Lạp nghe những bộ tộc Châu Âu nói thứ tiếng mà họ gọi nó là "bar bar bar." Xã hội Hy Lạp xem những người Sy-the là nhóm đối tượng chưa được khai hóa và man rợ nhất.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TỆ PHÂN BIỆT CHỦNG TỘC

I. Giới thiệu

- A. Đây là một biểu lộ phổ biến của nhân loại sa ngã trong mọi xã hội. Đây là cái tôi ích kỷ của con người, đàn áp người khác để tôn cao mình lên. Ở nhiều phương diện, phân biệt chủng tộc là một hiện tượng hiện đại, trong khi tinh thần chủ nghĩa dân tộc (hay chủ nghĩa bộ tộc) là dạng thể hiện xa xưa hơn.
- B. Chủ nghĩa dân tộc bắt đầu tại tháp Ba-bêl (Sáng-thế-ký 11) và bắt nguồn từ ba con trai của Nô-ê nơi mà các chủng tộc phát triển (Sáng-thế-ký 10). Tuy nhiên, điều hiển nhiên từ Kinh thánh cho thấy con người từ chung một nguồn gốc (tức là A-đam và Ê-va, tạo vật đặc biệt của Đức Chúa Trời, Sáng-thế-ký 1-3; Công-vụ 17:24-26).
- C. Phân biệt chủng tộc chỉ là một trong vô số nhiều thành kiến như
 - 1. hợm hĩnh kiến thức;
 - 2. khoe khoang tình trạng xã hội-kinh tế;
 - 3. tính theo luật pháp tôn giáo tự xưng công bình;
 - 4. những liên kết chính trị theo tín lý.

II. Tư liệu Kinh thánh

A. Cựu ước

- 1. Sáng-thế-ký 1:27 - Con người, người nam, người nữ được tạo dựng trong ảnh tượng giống Chúa, là điều làm cho họ đặc biệt. Điều đó cũng cho thấy giá trị và phẩm cách cá nhân của con người (Giăng 3:16).
- 2. Sáng-thế-ký 1:11-25 - Cụm từ “tùy theo loại...” được lặp đi lặp lại 10 lần. Điều này được sử dụng để hậu thuẫn cho sự phân chia chủng tộc. Tuy nhiên, trong ngữ cảnh này rõ ràng điều này chỉ các thú vật và cây cỏ chứ không nói đến con người.
- 3. Sáng-thế-ký 9:18-27 - Phân đoạn này được dùng để ủng hộ sự đàn áp chủng tộc. Phải nhớ rằng Đức Chúa Trời không nguyên rủa Canaan. Cha của anh là Nô-ê, đã nguyên rủa anh sau khi tỉnh dậy từ cơn say. Kinh thánh chưa bao giờ ghi rằng Đức Chúa Trời xác nhận lời nguyên rủa/thề nguyên này. Ngay cả nếu Chúa có làm điều đó, thì cũng không ảnh hưởng gì đến chủng tộc da màu. Canaan là tổ của những người sống ở vùng Pa-lét-tin và theo những bức tường chạm trổ của người Ê-díp-tô cho thấy họ không phải là người da đen.
- 4. Dân 12:1 – Môi-se cưới một người vợ da đen
- 5. Giô-suê 9:23 - Câu này dùng để chứng minh rằng chủng tộc này sẽ làm nô lệ cho chủng tộc kia. Tuy nhiên, người Ga-ba-ôn có cùng nguồn gốc với người Do thái.
- 6. Ê-xơ-ra 9-10 và Nê-hê-mi 13 - Những đoạn này thường được dùng trong ý nghĩa chủng tộc, nhưng ngữ cảnh này cho thấy các hôn nhân này bị nguyên rủa, không phải bởi vì khác chủng tộc (họ cùng là con cái của con trai Nô-ê, Sáng-thế-ký 10), nhưng vì lý do tôn giáo.

B. Tân ước

1. Các sách Phúc âm

- a. Chúa Jêsus sử dụng vấn đề thù hận giữa dân Do thái và Sa-ma-ri một vài lần, cho thấy vấn đề thù hận chủng tộc là không xứng hiệp.
 - 1) Câu chuyện Người Sa-ma-ri nhân lành (Lu-ca 10:25-37)
 - 2) Người đàn bà bên giếng (Giăng 4:4)
 - 3) Người cùi biết ơn (Lu-ca 17:7-19)
- b. Phúc âm dành cho tất cả mọi người
 - 1) Giăng 3:16
 - 2) Lu-ca 24:46-47
 - 3) Hê-bơ-rơ 2:9
 - 4) Khải huyền 14:6
- c. Vương quốc của Chúa bao gồm toàn thể nhân loại
 - 1) Lu-ca 13:29
 - 2) Khải huyền 5

2. Công-vụ

- a. Công-vụ 10 là phân đoạn nền tảng về tình yêu hoàn vũ của Đức Chúa Trời và sứ điệp hoàn vũ của Phúc âm.
- b. Phi-e-rơ bị công kích vì hành động của ông trong Công-vụ 11 và vấn đề này không được giải quyết mãi cho đến Giáo hội nghị tại Giê-ru-sa-lem trong Công-vụ 15. Sự giằng co giữa những người Do thái thế kỷ thứ nhất và người ngoại tin đạo rất lớn.

3. Phao lô

- a. Không có một rào cản nào trong Đấng Christ
 - 1) Ga-la-ti 3:26-28
 - 2) Ê-phê-sô 2:11-22
 - 3) Cô-lô-se 3:11
- b. Đức Chúa Trời không vị nê ai
 - 1) Rô-ma 2:11
 - 2) Ê-phê-sô 6:9
- 4. Phi-e-rơ và Gia-cơ
 - a. Đức Chúa Trời không vị nê ai, I Phi-e-rơ 1:17
 - b. Bởi vì Chúa không thiên vị, con dân Chúa cũng phải nên như vậy, Gia-cơ 2:1
- 5. Giảng

Một trong những câu nói mạnh mẽ nhất về trách nhiệm của các tín nhân là trong I Giăng 4:20

III. Kết luận

- A. Phân biệt chủng tộc hay các loại thành kiến, đều hoàn toàn không xứng hiệp với con cái Chúa. Sau đây là câu trích từ Henlee Barnette, người đã phát biểu tại một diễn đàn ở Glorieta, New Mexico trong Hội đồng Đời sống Cơ Đốc Nhân (Christian Life Commission) năm 1964: “Phân biệt chủng tộc là tà giáo, bởi vì nó không đúng với Kinh thánh, không phải là tính cách Cơ đốc nhân, đừng nói chi đến việc nó trái với khoa học.”
- B. Vấn đề này cho các Cơ đốc nhân dịp tiện bày tỏ tình yêu giống Đấng Christ, sự tha thứ và cảm thông cho một thế giới hư mất. Sự khước từ của Cơ đốc nhân trong lãnh vực này cho thấy sự không trưởng thành và là dịp cho ma quỷ ngăn cản bước tiến trong đức tin của các tín nhân, sự xác tín, và sự trưởng thành. Nó cũng có thể làm rào cản cho những người hư mất không thể đến với Đấng Christ được.
- C. Tôi phải làm gì? (Phần này trích từ truyền đơn của Christian Life Commission có tựa là “Liên hệ Chủng tộc”

TRÊN PHƯƠNG DIỆN CÁ NHÂN

- Tự nhận trách nhiệm giải quyết vấn đề liên quan đến chủng tộc
- Qua sự cầu nguyện, học Kinh thánh, và thông công với những người khác chủng tộc, cố gắng loại bỏ khỏi đời sống những thành kiến về chủng tộc
- Bày tỏ niềm tin của bạn về vấn đề chủng tộc, đặc biệt là ở những nơi mà những người khích động sự hiềm thù chủng tộc không bị chất vấn.

TRONG CUỘC SỐNG GIA ĐÌNH

- Nhận ra tầm quan trọng của ảnh hưởng gia đình trong sự hình thành những thái độ về chủng tộc khác
- Tìm cách phát triển cách nhìn Cơ đốc bằng việc nói về những điều con cái hay cha mẹ nghe biết về vấn đề chủng tộc ở bên ngoài
- Cha mẹ nên cẩn thận làm gương một tín đồ Cơ đốc khi tiếp xúc với những người khác chủng tộc
- Tìm dịp làm thân với những người khác chủng tộc

TRONG HỘI THÁNH

- Bằng cách nghe giảng dạy về các lẽ thật Kinh thánh về vấn đề chủng tộc, Hội thánh được khích lệ sống làm gương cho cả cộng đồng.
- Cần bảo đảm rằng sự thờ phượng, thông công, phục vụ trong nhà thờ được mở ra cho tất cả mọi người, ngay cả những Hội thánh thời Tân ước cũng không thấy những rào cản chủng tộc nào (Ê-phê-sô 2:11-22; Ga-la-ti 3:26-29).

TRONG CUỘC SỐNG THƯỜNG NGÀY

- Giúp vượt qua tất cả những phân biệt chủng tộc trong thế giới doanh nghiệp
- Làm việc qua các tổ chức cộng đồng đủ loại để bảo đảm quyền lợi và cơ hội công bằng cho mọi người, nên nhớ mục tiêu tấn công là vấn đề chủng tộc chứ không phải con người. Mục tiêu là cổ vũ sự hiểu biết chứ không phải sự cay cú.
- Nếu thấy thích hợp, hãy thành lập một ủy ban đặc biệt gồm những công dân có quan tâm với mục đích mở ra những phương tiện truyền thông trong cộng đồng để giáo dục quần chúng và có những hành động cụ thể để cải tiến vấn đề phân biệt chủng tộc.
- Ủng hộ các hiến pháp và những nhà lập hiến muốn thông qua luật cải tiến sự công bằng chủng tộc và chống lại những người khai thác sự thành kiến này cho những lợi ích chính trị.

- Khen ngợi các nhân viên thi hành công vụ khi thi hành luật mà không có sự phân biệt
- Tránh bạo động, đề xướng sự tôn trọng luật, làm mọi việc có thể làm được như một công dân Cơ Đốc để bảo đảm những cấu trúc luật pháp không trở thành công cụ trong tay những người muốn đẩy mạnh sự phân biệt chủng tộc.
- Làm gương về tinh thần và tâm trí của Đấng Christ trong mọi giao tiếp với con người.

☐ " **Đấng Christ là tất cả và trong tất cả** " Chúa Jesus đang san bằng những ảnh hưởng và địa phận. Trong Ngài mọi sự phân biệt của con người đều bị loại bỏ trong tình yêu của Đức Chúa Trời! Tất cả đều có thể đến, tất cả đều được chào đón, tất cả đều trở nên gia đình (Ga-la-ti 3:28). Sự cứu rỗi trong Đấng Christ chính là sự đảo ngược Sự Sa Ngã (Cô-lô-se 3:10, "hình ảnh") và Tháp Ba-bêl (Sáng Thế Ký 10-11, sự chia rẽ của con người).

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): CÔ-LÔ-SE 3:12-17

¹² Anh em là những người được tuyển chọn của Đức Chúa Trời, là người thánh và rất yêu dấu. Vậy, hãy mặc lấy lòng thương xót, nhân từ, khiêm nhường, mềm mại, nhịn nhục. ¹³ Nếu một người trong anh em có điều gì phàn nàn với người khác thì hãy nhường nhịn nhau và tha thứ nhau; như Chúa đã tha thứ anh em thể nào thì anh em cũng phải tha thứ thể ấy. ¹⁴ Nhưng trên hết những điều này, phải mặc lấy tình yêu thương, vì là dây liên kết của sự toàn hảo. ¹⁵ Hãy để sự bình an của Đấng Christ ngự trị lòng anh em, là bình an mà anh em đã được gọi đến trong một thân thể, và hãy tỏ lòng biết ơn. ¹⁶ Cũng hãy để lời của Đấng Christ sống sung mãn trong lòng anh em; hãy dùng tất cả sự khôn ngoan để dạy và khuyên bảo nhau, dùng thi thiên, thánh ca, linh khúc để hát cho Đức Chúa Trời với lòng biết ơn. ¹⁷ Bất cứ điều gì anh em nói hay làm, hãy thực hiện mọi sự trong danh Chúa là Đức Chúa Jêsus, nhờ Ngài mà tạ ơn Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Cha

3:12 " được tuyển chọn của Đức Chúa Trời, là người thánh và rất yêu dấu " Những từ này được sử dụng để mô tả về Y-sơ-ra-ên (Xuất 19:5-6; Phục Truyền 4:37; 7:7,8; 10:15), nhưng giờ đây chúng mô tả về hội thánh (Ga-la-ti 6:16; 1 Phi-e-rơ 2:5,9; Khải Huyền 1:6). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Thánh Khiết tại Ê-phê-sô 1:4.

Hãy chú ý rằng mục tiêu của Dân Sự của Đức Chúa Trời chính là sự thánh khiết bởi sự tuyển chọn (Ê-phê-sô 1:4), chứ không phải một vị trí đặc quyền. Y-sơ-ra-ên được chọn như một công cụ để vươn đến toàn bộ nhân loại được dựng nên trong hình ảnh của Đức Chúa Trời. Y-sơ-ra-ên đã đánh mất nhiệm vụ truyền giáo của nó (Sáng 12:3; Xuất 19:5). Hội thánh rõ ràng đã được trao nhiệm vụ này (Ma-thi-ơ 28:19- 20; Lu-ca 24:46-47; Công Vụ 1:8). Các tín đồ được kêu gọi trở nên thánh khiết và trở thành những chứng nhân. Hãy xem Những Ý Tưởng theo Văn Mạch tại Ê-phê-sô 1:1-23, phần C.

Cũng hãy chú ý sự tuyển lựa không thể bị tách rời khỏi trách nhiệm phải hành động của một tín đồ. Sự toàn năng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người đều hiệp nhất trong một khái niệm của "giao ước." Đức Chúa Trời khởi hoạt và đặt ra điều kiện, nhưng con người phải đáp ứng và tiếp tục đáp ứng!

☐ " **mặc lấy** " Đây là một Thể mệnh lệnh trung cách thì bất định (aorist middle imperative) vốn chỉ về tính khẩn cấp. Đây là một sự tiếp tục sử dụng trang phục như là một ẩn dụ và sự ủy thác cho đời sống Cơ Đốc (Cô-lô-se 3:8,10; Ê-phê-sô 4:22,24,25). Thậm chí có khả năng đây là một thuật ngữ của phép báp tem (Ga-la-ti 3:27). Trong văn mạch này, bắt đầu với "cởi bỏ" (Cô-lô-se 3:8-10), song hành với Ga-la-ti 5:19-21 ("những hành động của xác thịt") và 5:22-25 ("bông trái của Thánh Linh"). Sự sống đời đời có những đặc điểm có thể quan sát được!

NASB	" một tấm lòng thương xót "
NKJV	" sự thương xót dịu dàng "
NRSV, TEV	" sự trắc ẩn "
NJB	" động lòng trắc ẩn "

Cụm từ này nguyên văn là "động lòng thương xót " (2 Cô-rinh-tô 6:12; Phi-líp 1:8; 2:1; Phi-lê-môn 7,12,20). Những người cổ xưa tin rằng chỗ của những cảm xúc nằm ở phần khoang bụng dưới (bụng (lòng)).

☐ " **nhân từ** " Từ này nên là sự đáp ứng của Cơ Đốc Nhân đối với những người khác (Rô-ma 2:4; 9:23; 11:22; 2 Cô-rinh-tô 6:6; Ga-la-ti 5:22; Ê-phê-sô 4:32; Cô-lô-se 3:12; Tít 3:4).

☐ " **khiêm nhường** " Đây là một đức hạnh Cơ Đốc độc nhất (Ê-phê-sô 4:2; Phi-líp 2:3). Stoics xem sự nhu mì (khiêm nhường) như là sự yếu đuối và không liệt kê nó vào danh sách của những phẩm hạnh của họ. Chỉ có hai người trong Kinh Thánh được gọi là người khiêm nhường, Môi-se (Dân Số 12:3) và Chúa Jesus (Ma-thi-ơ 11:29;

Phi-líp 2:8). Đặc điểm này chính là ý muốn của Đức Chúa Trời cho tất cả tín đồ (Ma-thi-ơ 18:4; 23:12; Gia-cơ 4:6,10; 1 Phi-e-rơ 5:5,6). Từ này được sử dụng trong nghĩa tiêu cực trong Cô-lô-se 2:18,23.

▣ " **mềm mại** " Từ này có nguồn gốc chỉ đến những gia súc được thuần hóa (ngựa, lạc đà, lừa) vốn sức lực của chúng đã được chuyển hóa phục vụ cho mục đích của chủ. Đức Chúa Trời không muốn bẻ gãy chúng ta, nhưng hướng những sự ban cho của Ngài cho vinh hiển của Ngài. Phao-lô thường sử dụng ẩn dụ này cho đời sống Cơ Đốc (1 Cô-rinh-tô 4:21; 2 Cô-rinh-tô 10:1; Ga-la-ti 5:23; 6:1; Ê-phê-sô 4:2; Cô-lô-se 3:12; 1 Ti-mô-thê 6:11; 2 Ti-mô-thê 2:25).

▣ " **nhịn nhục (kiên nhẫn)** " Từ này thường được sử dụng cho sự kiên nhẫn của Đức Chúa Trời với dân sự của Ngài (Rô-ma 2:4; 9:22; Tít 3:2, 1 Phi-e-rơ 3:20) hoặc sự kiên nhẫn của Chúa Jesus (1 Ti-mô-thê 1:16; 2 Phi-e-rơ 3:15). Nó được sử dụng để khuyên dạy các tín đồ trong cách cư xử của họ lẫn nhau (1 Cô-rinh-tô 13:4; Ga-la-ti 5:22; Ê-phê-sô 4:2; 2 Ti-mô-thê 4:2).

3:13

NASB, NKJV	"chịu đựng lẫn nhau "
NRSV, NJB	"chịu đựng lẫn nhau"
TEV	"khoan dung lẫn nhau"

Đây là một phân từ trung cách thì hiện tại (present middle participle) (được sử dụng như một thể mệnh lệnh), vốn ngụ ý một sự nguyện ý không trả thù (Ê-phê-sô 4:2; Phi-líp 2:3-4).

▣ " **tha thứ nhau** " Đây là một Phân từ trung cách (trung gian) thì hiện tại (Present middle (deponent) participle). Nó từ cùng một gốc từ Hy Lạp với từ ân điển, "tha thứ một cách nhưng không." Một dấu hiệu của tín đồ được tha thứ chính là họ tha thứ cho người khác (Ma-thi-ơ 5:7; 6:15; 18:22-35; Mark 11:25; Lu-ca 6:36-38; Ê-phê-sô 4:32; Gia-cơ 2:13; 5:9). Sự tha thứ người khác không phải là nền tảng của sự tha thứ, nhưng nó là bông trái.

▣ " **ai có điều gì phàn nàn** " Đây là một câu điều kiện bậc ba (third class conditional sentence), vốn có nghĩa một hành động có khả năng trong tương lai. Sẽ có những sự phàn nàn! Các Cơ Đốc Nhân sẽ có những sự xung đột với các Cơ Đốc Nhân khác, nhưng thập tự giá của Chúa Jesus nên đặt một dấu chấm dứt cho những điều đó (Rô-ma 14:1-15:13).

▣ " **như Chúa đã tha thứ anh em thế nào** " Đây chính là nền tảng của những hành động của tín đồ với những người khác (Ê-phê-sô 4:32; Rô-ma 15:7).

Có một sự khác biệt về bản thảo Hy Lạp giữa "Chúa," "Đấng Christ," "Đức Chúa Trời" và "Đức Chúa Trời trong Đấng Christ." "Chúa" được thấy trong những bản thảo Hy Lạp cổ P⁴⁶, A, B, D^{*}, và có lẽ là nguyên gốc.

3:14 " mặc lấy tình yêu thương, vì là dây liên kết của sự toàn hảo (dây liên kết hoàn hảo của sự hiệp một)"
Tình yêu, vốn sản sinh trong sự hiệp một, chính là dấu hiệu phân biệt của Cơ Đốc Nhân (Ê-phê-sô 4:2-3; 1 Cô-rinh-tô, 13; Ga-la-ti 5:22).

3:15 " hãy để lời của Đấng Christ " Từ này nguyên gốc có nghĩa là " term originally meant "bó lại với nhau vốn đã bị gãy" (Giăng 14:27; 16:33; Phi-líp 4:7). Có ba cách Tân Ước nói về hòa bình.

1. Về khía cạnh đối tượng (tín lý) của sự hòa bình với Đức Chúa Trời qua Christ (Cô-lô-se 1:20)
2. Về sự thuận phục (trải nghiệm) của việc trở nên đúng đắn với (Giăng 14:27; 16:33; Phi-líp 4:7)
3. Về việc hiệp một những người Do Thái và Người Ngoại tin Chúa thành một dân mới (thân thể) qua Đấng Christ của Đức Chúa Trời vốn là một sự mầu nhiệm của Đức Chúa Trời (Ê-phê-sô 2:14-17; Cô-lô-se 3:15)

Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự hòa bình tại Cô-lô-se 1:20.

▣ " **ngự trị** " Đây là một Thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative). Trong sự tương phản với những giáo sư giả hành động như những người phán xử (trọng tài) trong Cô-lô-se 2:18, Đấng Christ chính là quan án, Đấng hướng dẫn và Đấng phán xử duy nhất của chúng ta.

▣ " **lòng. .những tấm lòng (anh em)** " Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Tấm lòng tại Cô-lô-se 2:2.

▣ " **anh em đã được gọi** " Đức Chúa Trời luôn luôn bắt đầu trong sự kêu gọi, tuyển lựa và đeo đuổi các tín đồ

đến với Ngài (Cô-lô-se 3:12; Giăng 6:44, 65; Ê-phê-sô 1:4-5,11). Từ "kêu gọi" (*kaleō*) được sử dụng trong một vài ý nghĩa thần học.

1. Những tội nhân được kêu gọi bởi Đức Chúa Trời thông qua Đấng Christ đến sự cứu rỗi
2. Những tội nhân kêu cầu danh Chúa để được cứu (Rô-ma 10:9-13)
3. Những tín đồ được kêu gọi để sống đời sống giống như Đấng Christ (Ê-phê-sô 4:1)
4. Những tín đồ được kêu gọi cho những nhiệm vụ trong chức vụ (1 Cô-rinh-tô 12:4-7) Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-phê-sô 4:1.

▣ " **trong một thân thể** " Cụm từ này nói về sự hiệp một giữa sự đa dạng khác biệt (Cô-lô-se 1:18,24; Ê-phê-sô 4:4-6)! Chú ý rằng sự nhấn mạnh không phải trên sự tuyển lựa cá nhân, nhưng sự tuyển lựa tập thể. Sự cứu rỗi mang tính tập thể, không chỉ cá nhân.

Trong sự phản ứng lại việc lạm dụng quyền lực của Hội Thánh La Mã, Những Người Cải Chánh Kháng Cách (Tin Lành) nhấn mạnh những quyền và nghĩa vụ của những cá nhân trước Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, công thức của họ trở nên quá so với Kinh Thánh. Kinh Thánh không dạy "chức thầy tế lễ của tín đồ," nhưng "chức thầy tế lễ của các tín đồ." Nó không phải là một tín lý khi nhấn mạnh sự tự do của cá nhân, nhưng là (1) trách nhiệm về sự sống-(của) thân thể của mỗi tín đồ (1 Cô-rinh-tô 12:7) và (2) Đại Mạng Lệnh Cơ Đốc (Ma-thi-ơ 28:18-20; Lu-ca 24:46-47; Công Vụ 1:8).

▣ " **với lòng biết ơn** " Đây là một Thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative), "hãy luôn luôn biết ơn." Sự biết ơn là một dấu hiệu của sự trưởng thành Cơ Đốc, của một đời sống được đổ đầy Đức Thánh Linh (Cô-lô-se 3:17; Ê-phê-sô 5:20; 1 Tê-sa 5:18). Nó không phải một sự buông xuôi cho định mệnh (Hội Giáo), nhưng một thế giới quan theo Kinh Thánh rằng Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta và cho chúng ta ngay cả giữa những sự khó khăn và những hoàn cảnh của thế giới sa ngã này!

3:16 " để lời của Đấng Christ sống sung mãn trong lòng anh em " Đây là một thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại ngôi thứ hai số nhiều (present active imperative second person plural). "Lời của Christ" có thể chỉ về (1) phúc âm; (2) Sự hiện diện cá nhân của Ngài; hoặc (3) Đức Thánh Linh. Hãy lưu ý rằng sự ngự trong không phải tự nhiên xảy ra (không phải cá nhân cũng như tập thể). Các tín đồ cần phải hợp tác với đời sống Cơ Đốc cũng như cách họ đã làm trong sự cứu rỗi.

Có một sự khác biệt về bản thảo tiếng Hy Lạp ở đây vốn tương tự với Cô-lô-se 3:13 và 15. Những người chép Kinh đã hợp nhất những sự diễn đạt của Phao-lô. Cụm từ "lời của Đấng Christ," là một cách diễn đạt độc nhất chỉ được thấy ở đây duy nhất trong cả Tân Ước. Vì vậy, nó được đổi thành "lời của Đức Chúa Trời" (MSS A, C*) hoặc "lời của Chúa" (MS x*). Cho đến nay, những bản thảo Hy Lạp tốt nhất, P⁴⁶, 2^x, B, C², D, F, G, và những bản dịch cổ xưa nhất chép là "lời của Đấng Christ."

Dàn ý của Ê-phê-sô và Cô-lô-se rất giống nhau. Câu song hành với câu này trong Ê-phê-sô là 5:18! Đời sống được đổ đầy Thánh Linh chính là sự trở nên giống như Đấng Christ mỗi ngày hoặc sự cho phép lời của Đấng Christ và tâm trí của Đấng Christ hướng dẫn trong tất cả mọi lĩnh vực, đặc biệt những mối liên hệ lẫn nhau.

Có một sự mơ hồ về nghĩa trong câu này liên quan với giới từ Hy Lạp "trong" (*en*). Nó cũng có thể được dịch là "giữa." "Trong" vốn có sự tập chú cá nhân, trong khi "giữa" là sự tập chú về tập thể (Cô-lô-se 1:27).

▣ " **dùng tất cả sự khôn ngoan** " Đây là một sự chơi chữ trên sự tập chú thái quá của các giáo sư giả về tri thức con người. Lời của Đấng Christ (đời sống được đổ đầy Đức Thánh Linh) chính là sự khôn ngoan thật. Sự khôn ngoan là một thân vị (Châm 8:22-31) và một lối sống, không phải là một lễ thật hoặc những tín điều bị cô lập.

▣ " **dùng thi thiên** " Những bản dịch NKJV và NASB ngụ ý " sự dạy dỗ với những bài hát," nhưng bản NRSV và NJB ngụ ý "những giáo sư với những bài hát trong tâm lòng của họ." Bản TEV ngụ ý sự thờ phượng Chúa với những bài hát.

Sự tranh luận hiện đại về những lựa chọn âm nhạc trong thờ phượng có thể được đề cập đến bởi câu này (và Ê-phê-sô 5:19) trong một vài thể loại âm nhạc khác nhau được đề cập: (1) những bài thi thiên; (2) những bài thánh ca; và (3) những bài hát thuộc linh. Mặc dù chúng ta không thể xác định mọi thể loại nhưng rõ ràng rằng hội thánh đầu tiên sử dụng nhiều hình thức âm nhạc khác nhau. Chìa khóa then chốt ở đây chính là tâm lòng của người thờ phượng, chứ không phải là hình thức của âm nhạc (Cô-lô-se 3:17).

3:16-17 Có một sự song hành thần học và cấu trúc giữa Ê-phê-sô 5:18-21 và Cô-lô-se 3:16-17. Trong Ê-phê-sô có một thể mệnh lệnh bị động thì hiện tại (present passive imperative), "tùng được đổ đầy," trong khi trong Cô-lô-se đây là một thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative), "hãy để lời của Đấng Christ ngự

trong chính anh em." Cũng trong Ê-phê-sô thể mệnh lệnh được theo sau bởi năm phân từ thì hiện tại (present participle) vốn mô tả về đời sống được đổ đầy Đức Thánh Linh.

- (1) Cô-lô-se 3:19, nói với nhau bằng những bài thi thiên, thánh ca, và bài hát thiêng liêng (thể chủ động thì hiện tại)
- (2) Cô-lô-se 3:19, hát (thể chủ động thì hiện tại)
- (3) Cô-lô-se 3:19, sáng tác giai điệu (thể chủ động thì hiện tại)
- (4) Cô-lô-se 3:20, luôn luôn tạ ơn (thể chủ động thì hiện tại)
- (5) Cô-lô-se 3:21, thuận phục lẫn nhau (thể chủ động thì trung cách).

Trong Cô-lô-se một vài phân từ giống nhau cũng xuất hiện.

- (1) Cô-lô-se 3:16, dạy dỗ (thể chủ động thì hiện tại)
- (2) Cô-lô-se 3:16, khuyên bảo bằng những bài thi thiên, thánh ca, và bài hát thuộc linh (thể chủ động thì hiện tại)
- (3) Cô-lô-se 3:16, hát (thể chủ động thì hiện tại)
- (4) Cô-lô-se 3:17, tạ ơn "như hướng đến với Chúa." Các thánh đồ không chỉ sống cho chính mình họ (Cô-lô-se 3:23; Rô-ma 14:7-9; 1 Cô-rinh-tô 10:31; 2 Cô-rinh-tô 5:15; Ê-phê-sô 6:7; 1 Phi-e-rơ 4:11). Lễ thật này có thể cách mạng hóa hội thánh hiện đại, tây phương, tập chú vào cá nhân.

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010 (NASB (UPDATED)): CÔ-LÔ-SE 3:18-21

¹⁸ Hỡi những người làm vợ, hãy thuận phục chồng mình, như thể mới thích hợp là người ở trong Chúa. ¹⁹ Hỡi những người làm chồng, hãy yêu vợ mình, đừng cay nghiệt với nàng. ²⁰ Hỡi những người làm con, hãy vâng phục cha mẹ trong mọi sự, vì điều này đẹp lòng Chúa. ²¹ Hỡi những người làm cha, đừng chọc giận con cái mình, e chúng nản lòng chẳng.

3:18 " Hỡi những người làm vợ, hãy thuận phục chồng mình " Đây là một thể mệnh lệnh trung cách thì hiện tại (present middle imperative). Khi lời của Đấng Christ (đời sống được đổ đầy bởi Đức Thánh Linh, Ê-phê-sô 5:18) ngự trong một tín đồ nó sẽ tác động đến mọi lĩnh vực trong đời sống! Những câu Kinh Thánh song hành chính là Ê-phê-sô 5:21-22; Tít 2:5; 1 Phi-e-rơ 3:1, nhưng cần nhớ rằng Cô-lô-se được viết trước tiên. Ê-phê-sô mô tả một nguyên tắc rộng khắp của sự thuận phục cho tất cả mọi tín đồ trong Ê-phê-sô 5:21 (phân từ trung cách thì hiện tại (present middle participle)) và sử dụng gia đình Cơ Đốc trong một ví dụ ba-lớp trong gia đình về việc đời sống "được đổ đầy bởi Đức Thánh Linh" hành động như thế nào trong đời sống hằng ngày: (1) chồng-vợ, 5:22-31; (2) cha mẹ-con cái, 6:1-4 và (3) chủ-tớ, 6:5-9. Cuộc thảo luận ấy có vẻ tiêu cực đối với chúng ta ngày hôm nay, nhưng trong ngày đó nó thực sự là tích cực một cách đáng chú ý. Ba nhóm người có sự kiểm soát hoàn toàn về mặt văn hóa (chồng, cha mẹ, và chủ nô lệ) đều được khuyên răn cách bình đẳng cùng với những người không hề có quyền hoặc sức mạnh dân sự (vợ, con cái, và nô lệ). Nhiệm vụ không tập chú vào chính mình này chính là một ví dụ của sự đảo ngược của Sự Sa Ngã. Thật là một sự khác biệt mà Đấng Christ đã thực hiện. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự thuận phục (*hypotassō*) trong Ê-phê-sô 5:21.

3:18-19 Trong văn mạch này và những phần Kinh Thánh song hành của nó, sự thuận phục giữa những đôi vợ chồng đã cưới, chứ không phải giữa nam và nữ nói chung. Nguyên tắc của sự làm đầu của người nam được đề cập xuyên suốt trong Kinh Thánh, kể từ Sáng Thế Ký 3 trở đi. Tuy nhiên, sự làm đầu của người nam Cơ Đốc được mô tả bởi, và được ra mạng lệnh (thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative)) chính là, tình yêu hy sinh, tự bỏ-chính mình, giống như Đấng Christ (Ê-phê-sô 5:25, 28-29). Sự làm đầu trong Tân Ước chính là tinh thần tôi tớ (Ma-thi-ơ 20:25-27; 23:11) với Đấng Christ như khuôn mẫu.

Trong thời đại của chúng ta "sự đầu phục" là một từ tiêu cực, mang thành kiến giới tính. Nguyên gốc nó là một từ trong quân đội vốn liên hệ với sự vâng lời dựa trên sự trói buộc của mạng lệnh. Trong Tân Ước, tuy nhiên, nó thường được sử dụng cho thái độ của Chúa Jesus đối với cha mẹ trên đất của Ngài (Lu-ca 2:51) và Cha thiên thượng của Ngài (1 Cô-rinh-tô 15:28). Phao-lô yêu thích từ này và đã sử dụng nó 23 lần. Ê-phê-sô 5:21 chỉ ra nó là nguyên tắc thuộc linh toàn cầu liên hệ với một đời sống được đổ đầy Đức Thánh Linh. Sự thuận phục chống lại văn hóa của chúng ta, một tâm trí tây phương, tập chú vào bản thân. Sự ích kỷ đã quá ăn sâu, thâm căn cố đế (Rô-ma 12:10; Ga-la-ti 5:13; Phi-líp 2:3; 1 Giăng 4:11)! Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự thuận phục tại Ê-phê-sô 5:21.

▣ **" như thể mới thích hợp là người ở trong Chúa "** Phần Kinh Thánh song hành trong Ê-phê-sô chép là "như là cho Chúa." Bản TEV dịch cụm từ này là "bởi vì đó là những gì anh em phải làm như là những Cơ Đốc Nhân" (Cô-lô-se 3:20). Các tín đồ cần phải đối xử lẫn nhau trong cách yêu thương, thuận phục không phải bởi vì họ

xứng đáng, nhưng bởi vì họ là những Cơ Đốc Nhân (Cô-lô-se 3:23-23). Thánh Linh cho phép nhân loại sa ngã có thể tái đổi hướng sự tập chú vào chính mình trở nên sự tập chú vào người khác, giống như Chúa Jesus đã làm (2 Cô-rinh-tô 5:14-15; 1 Giăng 3:16).

3:19

NASB	"và đừng trở nên cay đắng với họ"
NKJV	"và đừng cay đắng hướng về họ "
NRSV	"đừng bao giờ đối xử với họ cách khắc nghiệt "
TEV	"và đừng bao giờ khắc nghiệt với họ "
NJB	"và đừng gay gắt với họ "

Đây là một thể mệnh lệnh trung cách thì hiện tại (present middle imperative) với một tiểu từ phủ định (negative particle), vốn thường có nghĩa chấm dứt một hành động trong tiến trình. "Anh em, chính anh em, hãy chấm dứt việc trở nên cay đắng." Không có bất kỳ phần Kinh Thánh song hành trực tiếp nào trong Ê-phê-sô 5, nhưng Cô-lô-se 3:28-29 bày tỏ cùng một lẽ thật trong nghĩa tích cực. Trong văn mạch Kinh Thánh của "một thị" (Sáng Thế Ký 2) những hôn nhân mà người chồng đối với vợ mình trong những cách yêu thương, họ đã chúc phước cho chính mình và v.v... Yêu thương người phối ngẫu của một người, trong một nghĩa, chính là yêu thương chính mình. Trong gia đình Cơ Đốc, tình yêu của chúng ta dành cho gia đình phản chiếu tình yêu của chúng ta dành cho Đức Chúa Trời và nó chính là một sự làm chứng đầy mạnh mẽ đối với một thế gian bối rối và đầy tổn thương.

3:20 " Hỡi những người làm con, hãy vâng phục " Đây là một thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative), "hãy tiếp tục vâng phục." Trong Ê-phê-sô 6:1- 4, nhiệm vụ này được mở rộng để liên hệ với Xuất 20:12 và Phục Truyền 5:16, "Hãy vâng phục cha mẹ mình." Trong văn mạch này, "vì đó chính là điều đẹp lòng Chúa " liên hệ với mạng lệnh dành cho những con cái Cơ Đốc.

Chú ý rằng con cái được ra lệnh phải vâng lời, nhưng những người vợ được ra lệnh phải vâng phục. Trong cả hai trường hợp, gia đình Cơ Đốc đều được đề cập. Một vấn đề chính thật khó để san bằng giữa điều này với thời kỳ của chúng ta là "Con cái ở độ tuổi nào?" Trong nền văn hóa Do Thái một bé trai trở nên có trách nhiệm trước Luật Pháp và có thể lập gia đình vào độ tuổi mười ba, một bé gái vào độ tuổi mười hai. Trong văn hóa La Mã, một bé trai trở thành người nam vào độ tuổi mười bốn và văn hóa Hy Lạp vào độ tuổi mười tám.

3:21 " Hỡi những người làm cha, đừng chọc giận con cái mình " Đây là một thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative) với một tiểu từ phủ định (negative particle) vốn có nghĩa chấm dứt một hành động trong tiến trình, "hãy chấm dứt việc chọc giận con cái mình." Trách nhiệm tương hỗ qua lại là rõ ràng (Ê-phê-sô 6:4).

Luôn có một rào cản mang tính thể hệ. Các Cơ Đốc Nhân (cả cha mẹ và con cái) cần phải xử lý những mối quan hệ cách khác nhau bởi vì sự kết ước tối thượng của họ với Đấng Christ. Sự dạy dỗ của Phao-lô về những mối liên hệ thích đáng trong gia đình là khác biệt triệt để với quy phạm văn hóa trong thời của ông. Phao-lô trực tiếp đề cập đến những người với quyền lực và thẩm quyền văn hóa (chồng, cha mẹ, và chủ nô lệ) và khuyên dạy họ phải đối xử những người dưới họ (vợ, con cái và những gia nhân) với phẩm hạnh và tình yêu Cơ Đốc (rất giống với sách Phi-lê-môn). Những tín đồ là những người quản trị của Đức Chúa Trời, chứ không phải là những chủ nhân! Cách chúng ta đối xử với người khác có ý nghĩa bày tỏ về thời kỳ mới với một thế giới hư mất.

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): CÔ-LÔ-SE 3:22-4:1

²² Hỡi những nô lệ, hãy vâng phục chủ về phần xác trong mọi sự, không chỉ vâng phục trước mặt, như kẻ cố làm đẹp lòng người, nhưng vì kính sợ Chúa, vâng phục với lòng chân thành. ²³ Khi làm bất cứ việc gì, hãy hết lòng mà làm, như làm cho Chúa chứ không phải làm cho người ta, ²⁴ vì biết rằng anh em sẽ nhận được cơ nghiệp từ Chúa làm phần thưởng. Anh em đang phục vụ Đấng Christ là Chúa. ²⁵ Ai làm điều sai trái sẽ phải bị báo trả tùy theo điều sai trái mình đã làm, không thiên vị ai cả. ^{4:1} Hỡi những người làm chủ, hãy đối xử phải lẽ và công bằng với các nô lệ mình, vì biết rằng anh em cũng có một Chủ ở trên trời.

3:22 "hững nô lệ, hãy vâng phục...trong mọi sự" Không nên có sự chia đoạn tại Cô-lô-se 3:22. Đây là một thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative), "Hãy tiếp tục vâng phục." Đây là một ví dụ thứ ba từ trong một gia đình Cơ Đốc (Ê-phê-sô 6:5-9). Trong thời đại của chúng ta điều này có thể liên hệ (áp dụng vào) với những người thuê lao động và người làm thuê Cơ Đốc. Trong Ê-phê-sô, và có lẽ cả ở đây trong Cô-lô-se, nó chỉ về cả người chủ đã được cứu và chủ bị hư mất.

Cá nhân tôi không tin "trong mọi sự" ở đây chỉ về tội lỗi hoặc điều ác (Công Vụ 5:29). Đây là một mệnh đề

chung khuyên dạy về sự vâng phục, chứ không phải là một chứng chỉ cho các tín đồ để tham dự vào những điều bị loại ra bởi Kinh Thánh. Đây cũng đúng với những người vợ (Cô-lô-se 3:18; Ê-phê-sô 5:22). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Khuyên Dạy của Phao-lô dành cho Những Nô Lệ tại Ê-phê-sô 6:5.

▣ " với lòng chân thành " Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ RỘNG RÃI/CHÂN THÀNH (HAPLOTES)

Thuật ngữ này (*haplotēs*) có hai ý nghĩa, “rộng rãi” hay “chân thật.” Nó là một hình ảnh liên hệ đến tầm nhìn. Trong Cựu ước, con mắt được dùng như một hình ảnh tượng trưng cho động cơ trong hai cách khác nhau:

1. con mắt gian ác (keo kiệt, Phục truyền 15:9 và Thi thiên 23:6),
2. con mắt nhân lành (rộng rãi, Châm ngôn 22:9).

Chúa Jê-sus cũng sử dụng cách dùng này (Ma-thi-ơ 6:22-23; 20:15). Phao-lô dùng hình ảnh này trong hai ý nghĩa:

1. “chân chất, chân thật, trong trắng” (II Cô-rinh-tô 1:12; 11:3; Ê-phê-sô 6:5; Cô-lô-se 3:22) và
2. “phóng khoáng” (Rô-ma 12:8; II Cô-rinh-tô 8:2; 9:11, 13).

3:23 Phục vụ Chúa chính là động cơ cho toàn bộ mọi Cơ Đốc Nhân trong mọi hoạt động của họ (Cô-lô-se 3:17; Ê-phê-sô 6:7; 1 Cô-rinh-tô 10:31)! Các tín đồ cần phải mỗi ngày, qua đời sống làm chứng về quyền năng cứu chuộc của Đức Chúa Trời!

3:24 Trong thời cổ đại những người nô lệ không có quyền thừa kế. Nhưng giờ đây, trong Đấng Christ, họ đã có! Đức Chúa Trời sẽ ban thưởng cho những ai yêu mến, thờ phượng và phục vụ Ngài (Cô-lô-se 3:23; Ê-phê-sô 6:8).

3:25 Sự đoán phạt thiên thượng sẽ được thực thi mà không hề có sự thiên vị (Phục Truyền 10:17; Công Vụ 10:34; Rô-ma 2:11; Ê-phê-sô 2:9; 6:9; 1 Phi-e-rơ 1:17). Nguyên tắc này được bày tỏ rõ ràng trong Ga-la-ti 6:7. Ngay cả những tín đồ cũng sẽ phải giải trình với Đức Chúa Trời, không phải về tội lỗi, nhưng về sự quản trị (2 Cô-rinh-tô 5:10). Tội lỗi có những hậu quả ngay tức thì và trong cõi đời đời!

4:1 Câu này chỉ về trách nhiệm tương hỗ lẫn nhau (Cô-lô-se 3:19, 21). Không giống như Ê-phê-sô, câu Kinh Thánh này phán với những chủ nô lệ Cơ Đốc (như Phi-lê-môn). The NIV Study Bible (ở trang 1817) thêm vào một phần bình luận thú vị: "Lý do vì sao Phao-lô viết nhiều hơn về nô lệ và chủ hơn là vợ, chồng, con cái, và cha mẹ có lẽ rằng bởi vì người nô lệ Ô-nê-sim (Cô-lô-se 4:9) sẽ sắp đi cùng Ty-chi-cơ để trao lá thư cho người Cô-lô-se và lá thư cho Phi-lê-môn, chủ nhân của Ô-nê-sim, là người cũng sống tại Cô-lô-se."

Văn mạch câu này nên đi cùng với đoạn 3. Nó kết luận những ví dụ trong gia đình của Phao-lô về một đời sống giống như Đấng Christ. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Những sự Khuyên Dạy của Phao-lô dành cho Những Nô Lệ tại Ê-phê-sô 6:5.

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Chúng ta đã chết đi cùng với Đấng Christ như thế nào? Điều này có ý nghĩa như thế nào trong đời sống hằng ngày của chúng ta?
2. Tại sao những câu 11 và 17 lại quá quan trọng trong đức tin Cơ Đốc?
3. Hãy định nghĩa "sự vâng phục." Nó có nói về sự thấp kém hơn hay không? Tại sao hoặc tại sao không?
4. Tại sao gia đình Cơ Đốc được sử dụng như một ví dụ về sự vâng phục tương hỗ lẫn nhau?

CÔ-LÔ-SE 4

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NRSV	NRSV	TEV	NJB
Những sự Khích Lệ	Những Ân Huệ Cơ Đốc	Những Trách Nhiệm Cơ Đốc (3:18-4:6)	Những Sự Hướng Dẫn	Tinh Thần Sứ Đồ
4:2-6	4:2-6	4:2-4 4:5-6	4:2-4 4:5-6	4:2-4 4:5-6
Những Lời Chào Thăm Cuối	Những Lời Chào Thăm Cuối	Phản Kết	Những Lời Chào Thăm Cuối	Những Tin Tức Cá Nhân
4:7-9	4:7-15	4:7-9	4:7-9	4:7-9
4:10-27		4:10-17	4:10-11 4:12-14 4:15-17	Sự Chào Thăm và Những Lời Chúc Cuối 4:10-14 4:15-17
4:18	Những Lời Khích Lệ và Chúc Phước Cuối 4:16-18	4:18	4:18a 4:18b	4:18

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): CÔ-LÔ-SE 4:2-4

² Hãy thành tâm cầu nguyện, phải tỉnh thức trong lúc cầu nguyện và tạ ơn. ³ Cũng hãy cầu nguyện cho chúng tôi, xin Đức Chúa Trời mở cửa cho chúng tôi rao giảng lời Ngài, công bố sự mầu nhiệm của Đấng Christ. Chính vì sự mầu nhiệm đó mà tôi bị xiềng xích. ⁴ Cũng xin cầu nguyện để tôi có thể bày tỏ rõ ràng điều tôi phải nói.

4:2

NASB, NRSV "hiên dâng chính anh em để cầu nguyện "
NKJV "tiếp tục khẩn thiết trong sự cầu nguyện "
TEV "chuyên tâm trong sự cầu nguyện "
NJB "hãy kiên trì trong lời cầu nguyện của anh em "

Đây là một thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative), "tiếp tục tận hiến chính anh em trong sự cầu nguyện." Sự cầu nguyện không phải là một điều được lựa chọn.

Cầu nguyện là quan trọng thiết yếu cho một đời sống và chức vụ Cơ Đốc (Ê-phê-sô 6:18-19; Rô-ma 12:2; Phi-líp 4:6; 1 Tê-sa 5:17). Nếu Chúa Jesus, Đức Chúa Trời nhập thể làm người, đã được mô tả bằng cả sự cầu nguyện công khai và cá nhân, thì các tín đồ còn cần cầu nguyện cho phúc âm, cho chính họ, và cho lẫn nhau đến nhường nào? Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Lời Cầu Nguyện Hiệu Quả tại Ê-phê-sô 6:19.

NASB,NRSV,
TEV "hãy giữ sự cảnh giác "
NKJV "hãy thận trọng"
NJB "hãy tỉnh thức "

Đây là một phân từ chủ động thì hiện tại (present active participle) thực hiện chức năng như một thể mệnh lệnh. Lời cầu nguyện cần được lên kế hoạch, sự kiên trì, và sự cảnh giác. Nó cản trở thành một lối sống, chứ không phải là một sự kiện.

☐ **"tạ ơn"** Chú ý ba khía cạnh của sự cầu nguyện trong Cô-lô-se 4:2. Cũng, hãy ghi nhớ Phao-lô đã bị tù đày, nhưng lá thư này nhấn mạnh "sự tạ ơn" (Cô-lô-se 1:3,12; 2:7; 3:15-17; 4:2). Lẽ thật theo Kinh Thánh (thế giới quan) đã biến đổi cách triệt để quan điểm của một người về cuộc sống (Rô-ma 8:31-39). Sự tạ ơn chính là một đặc điểm của một đời sống được đổ đầy bởi Đức Thánh Linh (Ê-phê-sô 5:20; 1 Tê-sa 5:18).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TẠ ƠN

I. Giới thiệu

A. Đây là thái độ thích hợp của tín hữu hướng về Đức Chúa Trời:

1. Đây là nguồn gốc của sự ca ngợi Đức Chúa Trời qua Đấng Christ của chúng ta.
 - a. II Cô-rinh-tô 2:14
 - b. II Cô-rinh-tô 9:15
 - c. Cô-lô-se 3:17
2. Đây là động cơ để hầu việc đúng đắn, I Cô-rinh-tô 1:4
3. Đây là chủ đề tiếp tục trên thiên đàng
 - a. Khải Huyền 4:9
 - b. Khải Huyền 7:12
 - c. Khải Huyền 11:17
4. Đây là chủ đề tiếp tục của các tín hữu
 - a. Cô-lô-se 2:7
 - b. Cô-lô-se 3:17
 - c. Cô-lô-se 4:2

II. Tài liệu Kinh Thánh

A. Cựu Ước

1. Hai từ chính:
 - a. *yadah*, có nghĩa là ca ngợi
 - b. *todah*, có nghĩa là tạ ơn. Chữ này thường được dùng chỉ sự dâng hiến của lễ (xem II Sứ ký 29:31; 33:16)
2. Đa-vít đã chỉ định những người Lê-vi tuyền chọn để ca ngợi và cảm tạ Đức Chúa Trời. Điều này được tiếp tục duy trì bởi Sa-lô-môn, Ê-xê-chia, và Nê-hê-mi:
 - a. I Sứ ký 16:4,7,41
 - b. I Sứ ký 23:30

- c. I Sứ ký 25:3
 - d. II Sứ ký 5:13
 - e. II Sứ ký 7:6
 - f. II Sứ ký 31:2
 - g. Nê-hê-mi 11:12
 - h. Nê-hê-mi 12:24,27,31,38,46
3. Thi-thiên là bộ sưu tập những lời ca ngợi và cảm tạ của Y-sơ-ra-ên:
- a. Tạ ơn Đức Giê-hô-va về sự thành tín theo giao ước của Ngài
 - (1) Thi-thiên 107:8 [chữ *hesed*]
 - (2) Thi-thiên 103:1ff
 - (3) Thi-thiên 138:2 [chữ *hesed*]
 - b. Tạ ơn là một phần trong nghi lễ tại Đền thờ
 - (1) Thi-thiên 95:2
 - (2) Thi-thiên 100:4
 - c. Sự tạ ơn được kèm theo với của lễ
 - (1) Thi-thiên 26:7
 - (2) Thi-thiên 122:4
 - d. Tạ ơn về những việc làm của Đức Giê-hô-va
 - (1) Giải cứu khỏi kẻ thù
 - (a) Thi-thiên 7:17
 - (b) Thi-thiên 18:49
 - (c) Thi-thiên 28:7
 - (d) Thi-thiên 35:18
 - (e) Thi-thiên 44:8
 - (f) Thi-thiên 54:6
 - (g) Thi-thiên 79:13
 - (h) Thi-thiên 118:1,21,29
 - (i) Thi-thiên 138:1
 - (2) Giải cứu khỏi ngục tù (theo nghĩa hình bóng), Thi-thiên 142:7
 - (3) Giải cứu khỏi cái chết
 - (a) Thi-thiên 30:4,12
 - (b) Thi-thiên 86:12-13
 - (c) Ê-sai 38:18-19
 - (4) Ngài hạ kẻ gian ác xuống và tôn cao người công chính
 - (a) Thi-thiên 52:9
 - (b) Thi-thiên 75:1
 - (c) Thi-thiên 92:1
 - (d) Thi-thiên 140:13
 - (5) Ngài tha thứ
 - (a) Thi-thiên 30:4
 - (b) Ê-sai 12:1
 - (6) Ngài tiếp trợ cho dân sự Ngài
 - (a) Thi-thiên 106:1ff
 - (b) Thi-thiên 111:1
 - (c) Thi-thiên 136:1,26
 - (d) Thi-thiên 145:10
 - (e) Giê-rê-mi 33:11

B. Tân Ước

- 1. Những chữ chính được dùng để cảm tạ, tạ ơn (theo một số trích dẫn)
 - a. *eucharisteō* (xem I Cô-rinh-tô 1:4,14; 10:30; 11:24; 14:17,18; Cô-lô-se 1:3,12; 3:17)
 - b. *eucharistos* (xem Cô-lô-se 3:15)
 - c. *eucharistia* (xem I Cô-rinh-tô 14:16; II Cô-rinh-tô 4:15; 9:11,12; Cô-lô-se 2:7; 4:2)
 - d. *charis* (xem I Cô-rinh-tô 15:57; II Cô-rinh-tô 2:14; 8:16; 9:15; I Phi-e-rơ 2:19)
- 2. Gương mẫu của Đức Chúa Giê-xu
 - a. Ngài tạ ơn về thức ăn:

- (1) Lu-ca 22:17,19 (I Cô-rinh-tô 11:24)
- (2) Giăng 6:11,23
- b. Ngài cảm tạ cho lời cầu xin được trả lời, Giăng 11:41
- 3. Những gương mẫu khác về sự tạ ơn
 - a. Vì Đấng Christ là quà tặng từ Đức Chúa Trời, II Cô-rinh-tô 9:15
 - b. Về thức ăn
 - (1) Công-vụ 27:35
 - (2) Rô-ma 14:6
 - (3) I Cô-rinh-tô 10:30; 11:24
 - (4) I Ti-mô-thê 4:3-4
 - c. Về sự chữa lành, Lu-ca 17:16
 - d. Về sự bình an, Công-vụ 24:2-3
 - e. Được giải cứu khỏi nguy hiểm
 - (1) Công-vụ 27:35
 - (2) Công-vụ 28:15
 - f. Trong mọi hoàn cảnh, Phi-líp 4:6
 - g. Cho mọi người, đặc biệt là các trưởng lão, I Ti-mô-thê 2:1
- 4. Những khía cạnh khác của sự tạ ơn
 - a. Nó là ý muốn của Đức Chúa Trời dành cho mọi tín hữu, I Tê-sa-lô-ni-ca 5:18
 - b. Nó là dấu hiệu của đời sống được đầy đầy Đức Thánh Linh, Ê-phê-sô 5:20
 - c. Bỏ qua sự tạ ơn là tội
 - (1) Lu-ca 17:16
 - (2) Rô-ma 1:21
 - d. Nó là thuốc giải độc dành cho tội lỗi, Ê-phê-sô 5:4
- 5. Sự tạ ơn của Phao-lô
 - a. Lời tạ ơn Chúa về phước lành trên Hội thánh
 - (1) Về sự công bố Phúc âm
 - (a) Rô-ma 1:8
 - (b) Cô-lô-se 1:3-4
 - (c) Ê-phê-sô 1:15-16
 - (d) I Tê-sa-lô-ni-ca 1:2
 - (2) Về sự ban phát ân điển
 - (a) I Cô-rinh-tô 1:4
 - (b) II Cô-rinh-tô 1:11; 4:15
 - (3) Về sự tiếp nhận Phúc âm, I Tê-sa-lô-ni-ca 2:13
 - (4) Về mối thông công trong việc truyền bá Phúc âm, Phi-líp 1:3-5
 - (5) Về sự tăng trưởng trong ân điển, II Tê-sa-lô-ni-ca 1:3
 - (6) Về sự hiểu biết việc được lựa chọn, II Tê-sa-lô-ni-ca 2:13
 - (7) Về những phước lành thiêng liêng, Cô-lô-se 1:12; 3:15
 - (8) Về việc tự nguyện ban cho, II Cô-rinh-tô 9:11-12
 - (9) Về niềm vui với những tín hữu mới, I Tê-sa-lô-ni-ca 3:9
 - b. Lời tạ ơn cá nhân
 - (1) Được là một tín hữu, Cô-lô-se 1:12
 - (2) Được giải cứu khỏi xiềng xích của tội lỗi, Rô-ma 7:25; II Cô-rinh-tô 2:14
 - (3) Về công lao hy sinh của những tín hữu khác, Rô-ma 16:4; II Cô-rinh-tô 8:16
 - (4) Về một số việc không xảy ra, I Cô-rinh-tô 1:14
 - (5) Về ân tứ thiêng liêng cá nhân, I Cô-rinh-tô 14:18
 - (6) Về sự tăng trưởng tâm linh của những bạn hữu, Phi-lê-môn 4-5
 - (7) Về sức mạnh thuộc thể để hầu việc, I Ti-mô-thê 1:12

III. Kết luận

- A. Tạ ơn là sự đáp ứng chính đáng của chúng ta với Đức Chúa Trời khi chúng ta được cứu. Nó bày tỏ ra không chỉ bằng lời nói nhưng còn qua lối sống cảm tạ.
- B. Tạ ơn trong mọi sự là mục đích của đời sống trưởng thành trong sự chăm sóc của Đức Chúa Trời (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 5:13-18).

C. Tạ ơn là chủ đề lặp đi lặp lại trong cả Cựu Ước và Tân Ước. Nó có phải là chủ đích đời sống bạn không?

4:3 " (đồng thời) cũng hãy cầu nguyện cho chúng tôi " Phao-lô cần lời cầu nguyện cầu thay. Trong Cô-lô-se 4:3, 4 (Ê-phê-sô 6:19-20), ông đã cầu nguyện cho ba điều liên hệ với sự rao giảng phúc âm.

1. Cánh cửa được mở ra để rao giảng (phúc âm) (Công Vụ 14:27; 1 Cô-rinh-tô 16:9; 2 Cô-rinh-tô 2:12; Khải Huyền 3:8)
2. Đủ khả năng để giải thích về sự mâu nhiệm của phúc âm
3. Đủ khả năng để nói về phúc âm một cách rõ ràng

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CẦU THAY

I. Giới thiệu

- A. Sự cầu nguyện là quan trọng vì Đức Chúa Giê-su đã làm gương
 1. Lời cầu nguyện riêng, Mác 1:35; Lu-ca 3:21; 6:12; 9:29; 22:29-46
 2. Đẹp sạch đền thờ, Ma-thi-ơ 21:13; Mác 11:17; Lu-ca 19:46
 3. Lời cầu nguyện mẫu, Ma-thi-ơ 6:5-13; Lu-ca 11:2-4
- B. Cầu nguyện là thực hiện hành động thấy được về niềm tin chúng ta nơi một Đức Chúa Trời hay chăm sóc, quan tâm đến cá nhân, Đấng đang hiện diện, sẵn sàng và có thể hành động thay cho chúng ta và những người khác
- C. Đức Chúa Trời đích thân tự giới hạn chính Ngài để đáp lại lời cầu nguyện của con cái Ngài trong nhiều lãnh vực (Gia-cơ 4:2)
- D. Mục đích chính yếu của sự cầu nguyện là tương giao và dành thì giờ với Ba Ngôi Đức Chúa Trời.
- E. Tầm bao quát của sự cầu nguyện là bất cứ điều gì, bất cứ ai có liên quan đến người tin Chúa. Chúng ta có thể cầu nguyện một lần, rồi tin, hay là cầu nguyện nhiều lần lặp đi lặp lại khi tư tưởng và sự lo âu lại đến.
- F. Sự cầu nguyện bao gồm một số yếu tố sau:
 1. Ngợi khen và chúc tụng Ba Ngôi Đức Chúa Trời
 2. Cảm tạ Chúa về sự hiện diện, mối tương giao và sự chu cấp của Ngài
 3. Xưng tội, trong quá khứ và hiện tại
 4. Cầu xin những nhu cầu hay những mong ước chúng ta cảm biết được
 5. Cầu thay dâng lên những nhu cầu của người khác trước mặt Cha
- G. Sự cầu thay là một huyền nhiệm. Đức Chúa Trời yêu thương người mà chúng ta cầu thay còn hơn cả chúng ta, thế nhưng sự cầu thay của chúng ta lại thường đem đến sự thay đổi, sự đáp ứng, hay nhu cầu không những trong chính chúng ta, mà cũng đem đến trong họ nữa.

II. Các dữ liệu trong Kinh thánh

A. Cựu ước

1. Những ví dụ về sự cầu thay:

- a. Áp-ra-ham nài xin cho Sô-đôm, Sáng-thế-ký 18:22 và tiếp sau
- b. Môi-se cầu nguyện cho dân Y-sơ-ra-ên
 - (1) Xuất Ê-díp-tô ký 5:22-23
 - (2) Xuất Ê-díp-tô ký 32:9-14, 31-35
 - (3) Xuất Ê-díp-tô ký 33:12-16
 - (4) Xuất Ê-díp-tô ký 34:9
 - (5) Phục truyền 9:18, 25 -29
- c. Sa-mu-ên cầu nguyện cho Y-sơ-ra-ên:
 - (1) I Sa-mu-ên 7:5-6, 8-9
 - (2) I Sa-mu-ên 12:16-23
 - (3) I Sa-mu-ên 15:11
- d. Đa-vít cầu nguyện cho con, II Sa-mu-ên 12:16-18

2. Đức Chúa Trời tìm kiếm những người cầu thay, Ê-sai 59:16

3. Tội lỗi biết được nhưng không xưng ra hay thái độ không ăn năn ảnh hưởng đến sự cầu nguyện

- a. Thi thiên 66:1
- b. Châm ngôn 28:9
- c. Ê-sai 59:1-2; 64:7

B. Tân ước

1. Công tác cầu thay của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh:

a. Đức Chúa Giê-su

- (1) Rô-ma 8:34
- (2) Hê-bơ-rơ 7:25
- (3) I Giăng 2:1

b. Đức Thánh Linh, Rô-ma 8:26-27

2. Mục vụ cầu thay của Phao-lô

a. Cầu thay cho người Do Thái

- (1) Rô-ma 9:1 và tiếp sau
- (2) Rô-ma 10:1

b. Cầu thay cho các Hội thánh

- (1) Rô-ma 1:9
- (2) Ê-phê-sô 1:16
- (3) Phi-líp 1:3-4, 9
- (4) Cô-lô-se 1:3, 9
- (5) I Tê-sa-lô-ni-ca 1:2-3
- (6) II Tê-sa-lô-ni-ca 1:11
- (7) II Ti-mô-thê 1:3
- (8) Phi-líp 4

c. Phao-lô xin các Hội thánh cầu nguyện cho ông

- (1) Rô-ma 15:30
- (2) II Cô-rinh-tô 1:11
- (3) Ê-phê-sô 6:19
- (4) Cô-lô-se 4:3
- (5) I Tê-sa-lô-ni-ca 5:25
- (6) II Tê-sa-lô-ni-ca 3:1

3. Mục vụ cầu thay của Hội thánh:

a. Cầu thay cho nhau:

- (1) Ê-phê-sô 6:18
- (2) I Ti-mô-thê 2:1
- (3) Gia-cơ 5:16

b. Cầu nguyện cho các thành phần đặc biệt:

- (1) Cho kẻ thù, Ma-thi-ơ 5:44
- (2) Cho những người làm công việc Chúa, Hê-bơ-rơ 13:18
- (3) Cho nhà cầm quyền, I Ti-mô-thê 2:2
- (4) Cho người bệnh, Gia-cơ 5:13-16
- (5) Cho những người sa ngã, I Giăng 5:16

c. Cầu nguyện cho mọi người, I Ti-mô-thê 2:1

III. Cản trở những lời cầu nguyện được nhận:

A. Mối liên hệ của người tin Chúa với Chúa và với Đức Thánh Linh

1. Ở trong Ngài, Giăng 15:7
2. Trong danh Ngài, Giăng 14:13,14; 15:16; 16:23-24
3. Trong Đức Thánh Linh, Ê-phê-sô 6:18; Giu-đe 20
4. Theo ý chỉ của Đức Chúa Trời, Ma-thi-ơ 6:10; I Giăng 3:22; 5:14-15

B. Động cơ của người cầu nguyện

1. Không giao động, Ma-thi-ơ 21:22; Gia-cơ 1:6-7
2. Khiêm nhường và ăn năn, Lu-ca 18:9-14
3. Cầu xin sai lầm, Gia-cơ 4:3
4. Ích kỷ, Gia-cơ 4:2-3

C. Các khía cạnh khác trong đời sống người cầu nguyện

1. Trung kiên

- a. Lu-ca 18:1-8
- b. Cô-lô-se 4:2
- c. Gia-cơ 5:16

2. Cứ cầu xin

- a. Ma-thi-ơ 7:7-8
- b. Lu-ca 11:5-13
- c. Gia-cơ 1:5

3. Xích mích trong gia đình, I Phi-e-rơ 3:7

4. Được giải phóng khỏi tội lỗi biết được

- a. Thi thiên 66:18
- b. Châm ngôn 28:9
- c. Ê-sai 59:1-2
- d. Ê-sai 64:7

IV. Kết luận thần học:

- A. Quả là một đặc ân! Quả là một cơ hội! Thật là một nhiệm vụ và một trách nhiệm!
- B. Đức Chúa Giê-su là gương mẫu cho chúng ta. Chúa Thánh Linh là người hướng dẫn chúng ta. Đức Chúa Cha đang mong đợi chúng ta.
- C. Nó có thể thay đổi bạn, gia đình bạn, bạn bè của bạn và thế giới.

▣ " xin Đức Chúa Trời mở cửa cho chúng tôi (trong thế gian)" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁCH SỬ DỤNG TỪ “CÁNH CỬA” TRONG TÂN ƯỚC

Tân Ước sử dụng thuật ngữ “cánh cửa” theo vài cách như sau.

1. theo nghĩa đen

- a. cửa nhà, Ma thi ơ 6:6; Mác 1:33; 2:2; 11:7, cửa lầu trên, Giăng 20:19,26
- b. cửa Đền thờ, Công vụ 3:2; 21:30
- c. cửa nhà tù, Công vụ 5:19,23; 12:6; 16:26-27
- d. cửa mộ, Ma thi ơ 27:60; 28:2; Mác 15:46; 16:3
- e. cửa chuồng chiên, Giăng 10:1,2
- f. cửa sân trong (toà án), Giăng 18:16; Công vụ 12:13

2. theo ẩn dụ

- a. thời kế cận, Ma thi ơ 24:33; Mác 13:29; Công vụ 5:9; Gia-cơ 5:9
- b. cửa đức tin, Ma thi ơ 7:13-14; Lu ca 13:24; Khải huyền 3:20
- c. cửa hẹp, cơ hội đức tin bị mất, Ma thi ơ 25:10; Lu ca 13:25; Khải huyền 3:7
- d. cơ hội đức tin cứu chuộc, Công vụ 14:27; Khải huyền 3:7
- e. cơ hội chức vụ, 1 Cô rin tô 16:9; 2 Cô rin tô 2:12; Col. 4:3; Khải huyền 3:8
- f. khai thị, Khải huyền 4:1; 19:11

3. Danh hiệu của Chúa Giê-su (Ta là cái cửa...), Giăng 10:7,9

▣ " sự mầu nhiệm của Đấng Christ " Hãy xem ghi chú tại Cô-lô-se 2:2 và Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-phê-sô 3:3.

▣ " Chính vì sự mầu nhiệm đó mà tôi bị xiềng xích " Nếu nền học thuật hiện nay là chính xác thì Phao-lô đã bị bắt giam tại Rô-ma trong những năm đầu của thập kỷ 60 SC (Cô-lô-se 4:18). Phao-lô xuất hiện tại Rô-ma hoặc bị xét xử trước Sê-sa bởi một tai nạn! Đây là một điều đã được tiên tri trước tại sự kiện ông trở lại tin Chúa (Công Vụ 9:15-16; Phi-líp 1:13).

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): CÔ-LÔ-SE 4:5-6

⁵ Hãy cư xử một cách khôn ngoan với những người ngoại, và tận dụng thì giờ. ⁶ Lời nói của anh em phải luôn có ân hận và nêm thêm muối, để anh em biết phải đối đáp thế nào với mỗi người.

4:5-6 Hai câu Kinh Thánh này liên hệ với sự truyền giáo. Các tín đồ cần phải sống trong cách mà những người

chưa tin sẽ (1) không bị dập tắt, nhưng (2) sẽ bị thu hút. Mỗi một tín đồ cần phải là một nhân chứng qua lời nói và một đời sống chứng nhân (1 Phi-e-rơ 3:15)!

4:5

NASB	"chính anh em hãy cư xử với sự khôn ngoan "
NKJV	"hãy bước đi trong sự khôn ngoan"
NRSV	"chính anh em hãy cư xử khôn ngoan"
TEV	"Hãy khôn ngoan trong cách anh em hành động "
NJB	"Hãy hành động cách khôn ngoan"

Đây là một thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative) khác, " chính anh em hãy luôn luôn cư xử với sự khôn ngoan." Những tín đồ cần phải là những nhà truyền giáo chủ định. Sự truyền giáo chính là ý muốn của Đức Chúa Trời cho hội thánh (Ma-thi-ơ 28:19-20). Mỗi một tín đồ chính là một người phục vụ trọn thời gian của phúc âm (Ê-phê-sô 4:11-12).

NASB	"tận dụng cơ hội cách tốt nhất "
NKJV	"hãy chuộc lại thời gian "
NRSV	"hãy tận dụng tốt nhất thời gian "
TEV	"hãy sử dụng tất cả mọi cơ hội mà anh em đã có "
NJB	"hãy dùng tốt nhất thời gian trong hiện tại "

Đây là một phân tử trung cách thì hiện tại (present middle participle). Đây đã là một thuật ngữ (*exagorazō*) được sử dụng để mô tả sự cứu chuộc (Ga-la-ti 3:13; 4:5) Nó có một nghĩa rộng Cựu Ước của việc mua chuộc lại một người từ trong tình trạng nô lệ, thậm chí đôi khi nhân vật thực hiện cho một người bà con gần (*go'el*). Nó được sử dụng theo nghĩa bóng của việc tận dụng cơ hội cách tốt nhất bởi việc mua lại một thứ gì đó với một giá hời hoặc tại một thời điểm thích hợp (Ê-phê-sô 5:16).

Những tín đồ phải sống những đời sống tin kính và sử dụng sự khôn ngoan tin kính để rồi khi những cơ hội thuộc linh và truyền giáo đến họ sẽ có thể tận dụng trọn vẹn chúng!

4:6 "lời nói. . .nêm. . .thêm muối" Các tín đồ phải gìn giữ lời nói của mình (Ê-phê-sô 4:29). Họ được biết đến qua lời nói của mình (Ma-thi-ơ 15:1-20; Mác 7:2-23) và bị đoán xét bởi lời nói của mình (Ma-thi-ơ 12:33-37; Lu-ca 6:39-45). Lời nói của chúng ta và đời sống của chúng ta sẽ mở ra những cơ hội cho sự làm chứng! Sự chủ định, chứ không phải phương pháp truyền giáo nào một người lựa chọn để sử dụng mới là then chốt. Lời cầu nguyện, chứ không phải sự trình bày toàn hảo, mới là quan trọng then chốt. Sự khôn ngoan là có ích nhưng Thánh Linh mới chính là nhân tố mang tính quyết định! Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Lời Nói của Con Người trong Cô-lô-se 3:10.

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010 (NASB (UPDATED)): CÔ-LÔ-SE 4:7-9

⁷ Ty-chi-cơ sẽ nói cho anh em về mọi việc của tôi. Anh ấy là anh em quý mến, một người phục vụ trung thành, và là một đồng lao trong Chúa. ⁸ Chính vì điều này tôi phải anh ấy đến với anh em để anh em biết được tình trạng của chúng tôi, và khích lệ lòng anh em. ⁹ Cùng đi với anh ấy có Ô-nê-sim, người anh em trung thành và quý mến, là người đồng hương với anh em. Họ sẽ nói cho anh em biết mọi việc ở đây.

4:7-8 " Ty-chi-cơ " Phao-lô đề cập đến Ty-chi-cơ một vài lần (Công Vụ 20:4; Ê-phê-sô 6:21; 2 Ti-mô-thê 4:12 và Tít 3:12). Ông chính là người mang lá thư này, và cũng là người mang thư Ê-phê-sô và Phi-lê-môn. Phao-lô gửi ông đi để giải thích hoàn cảnh của ông cho những hội thánh của khu vực Tiểu Á để rồi họ có thể biết cách đề cầu nguyện cho ông tốt hơn và cùng vui mừng với ông (Cô-lô-se 4:8 và phần dẫn nhập).

4:8 " lòng " Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Cô-lô-se 2:2.

4:9 " Ô-nê-sim " Ô-nê-sim là một nô lệ bỏ trốn đã tin Chúa qua Phao-lô trong tù. Phao-lô gửi ông quay trở về với người chủ Cơ Đốc của mình, Phi-lê-môn, là người đã sống tại Cô-lô-se và đã được Phao-lô biết rất rõ (xem sách Phi-lê-môn). Trong nhiều cách khác nhau sự căng thẳng giữa nô lệ và người tự do đã là một bài thử nghiệm của tình yêu Cơ Đốc chân thật.

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): CÔ-LÔ-SE 4:10-17

¹⁰ **A-ri-tạc**, người bạn tù của tôi, gửi lời chào thăm anh em; **Mác**, anh em họ của **Ba-na-ba** cũng vậy. Về **Mác**, anh em đã nhận được những chỉ dẫn rồi, nếu **Mác** đến chỗ anh em, hãy tiếp đón anh ấy. ¹¹ **Jê-sus**, gọi là **Giúc-tu**, cũng gửi lời chào thăm anh em. Trong số những người chịu cắt bì, chỉ có những người này cùng làm việc với tôi vì vương quốc Đức Chúa Trời, và họ là niềm an ủi cho tôi. ¹² **Ê-pháp-ra**, người đồng hương với anh em, một đầy tớ của **Đấng Christ Jê-sus** chào thăm anh em; anh ấy còn vì anh em chiến đấu trong sự cầu nguyện, để anh em trở nên trọn vẹn và hoàn thành mọi ý muốn của Đức Chúa Trời. ¹³ Vì tôi làm chứng cho anh ấy rằng, anh ấy đã làm việc khó nhọc vì anh em và vì những người ở **Lao-đi-xê** và **Hi-ê-ra-pô-li**. ¹⁴ **Lu-ca**, là vị bác sĩ yêu quý, chào thăm anh em; **Đê-ma** cũng vậy. ¹⁵ Hãy chào thăm những anh em ở **Lao-đi-xê** và **Nim-pha** cùng **Hội Thánh nhóm trong nhà bà**. ¹⁶ Sau khi đã đọc thư này giữa anh em, hãy chuyển cho **Hội Thánh Lao-đi-xê** cùng đọc; đồng thời cũng hãy đọc thư của **Hội Thánh Lao-đi-xê** gửi đến nữa. ¹⁷ Sau cùng, hãy nói với **A-chíp**: “**Phải thận trọng và chu toàn chức vụ đã nhận nơi Chúa.**”

4:10-14 Ti-mô-thê và sáu người cộng sự của ông đã gửi những lời chào thăm cá nhân đến với hội thánh. Sáu trong bảy người cộng sự này được nhắc đến trong sách Phi-lê-môn. Ty-chi-cơ có lẽ là người cầm lá thư Cô-lô-se, Ê-phê-sô, và Phi-lê-môn đến với khu vực Tiểu Á.

4:10 " **A-ri-tạc** " là một Cơ Đốc Nhân người Do Thái là người mà chúng ta biết rất ít (Công Vụ 19:29; 20:4; 27:2).

☐ " **người bạn tù của tôi** " Câu này chỉ về cả theo nghĩa bóng về sự phục vụ Cơ Đốc hoặc nghĩa đen về sự bị bắt giam (Rô-ma 16:7; Phi-lê-môn 23).

☐ " **Mác, anh em họ của Ba-na-ba** " Nhà của Giảng Mác có lẽ chính là địa điểm của Bữa Tiệc của Chúa và sự hiện ra nơi Phòng Cao sau sự phục sinh của Chúa Jesus (Công Vụ 12:12). Ông chính là người viết của sách Phúc âm theo Mác và người bạn cũng như là thư ký của Phi-e-rơ (1 Phi-e-rơ 5:13). Ông đã là người gây ra sự mâu thuẫn nặng nề giữa Ba-na-ba và Phao-lô sau chuyến hành trình truyền giáo đầu tiên của họ (Công Vụ 12:25; 13:5; 15:36-39).

☐ " **nếu Mác đến chỗ anh em, hãy tiếp đón anh ấy** " Đây là một câu điều kiện bậc ba (third class conditional sentence). Phao-lô đã rất giận dữ với Giảng Mác bởi sự bỏ cuộc trong nhóm truyền giáo đầu tiên. Tuy nhiên, họ rõ ràng đã hòa giải (2 Ti-mô-thê 4:11).

4:11 " **Jê-sus, gọi là Giúc-tu** " Bản TEV chép là "Joshua (Giô-suê)." "Chúa Jesus" và "Giô-suê" đều là những từ có nguồn gốc từ hai từ trong tiếng Hê-bơ-rơ "YHWH (Giê-hô-va)" và "sự cứu rỗi" và là cùng một từ trong tiếng Hê-bơ-rơ (Ma-thi-ơ 1:21). Giúc-tu được biết bởi Đức Chúa Trời, nhưng chúng ta không biết ông là ai.

☐ " **vương quốc Đức Chúa Trời** " Đây thực sự là một cụm từ then chốt trong Những Sách Tin Lành Cộng Quan (Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-phê-sô 5:5). Những bài giảng đầu tiên và cuối cùng của Chúa Jesus và phần lớn của những ẩn dụ của Ngài, được trình bày trong chủ đề này. Nó chỉ về sự tể trị của Đức Chúa Trời trong tâm lòng của con người giờ đây. Thật ngạc nhiên khi Giảng sử dụng cụm từ này chỉ hai lần (và không có lần nào trong những ẩn dụ của Chúa Jesus). Trong Phúc Âm Giảng "sự sống đời đời" là một từ then chốt và một phép tu từ ẩn dụ.

Cụm từ liên hệ với dòng ý tưởng lai thế học (thời kỳ cuối cùng). Sự nghịch lý thần học "đã đến, nhưng chưa đến" này liên hệ với tư tưởng Do Thái về hai thời kỳ, một thời kỳ gian ác hiện tại và thời kỳ công chính sẽ đến (trong tương lai), vốn được mở ra bởi Đấng Mê-si. Người Do Thái trông đợi chỉ một lãnh đạo quân sự- được ban năng lực bởi Thánh Linh sẽ đến (giống như Những Quan Xét trong Cựu Ước). Hai lần đến của Chúa Jesus gây ra một sự chông lên nhau của hai thời kỳ này. Vương Quốc của Đức Chúa Trời đã chia đôi dòng lịch sử loài người với sự nhập thể tại Bết-lê-hem.

Tuy nhiên, Chúa Jesus đã đến, không phải như một thống soái quân đội chinh phục trong Khải Huyền 19, nhưng đến như một Tôi Tớ Chịu Khổ (Ê-sai 53) và một Đấng lãnh đạo khiêm nhường (Xa-cha-ri 9:9). Vương Quốc, vì vậy, đã được mở ra (Ma-thi-ơ 3:2; 4:17; 10:7; 11:12; 12:28; Mác 1:15; Lu-ca 9:9,11; 11:20; 21:31-32), nhưng chưa hoàn tất trọn vẹn (Ma-thi-ơ 6:10; 16:28; 26:64).

Các tín đồ sống trong sự căng thẳng giữa hai thời kỳ này. Họ có sự sống được phục sinh, nhưng họ vẫn đang chết đi về mặt cơ thể. Họ đã được tự do khỏi quyền lực của tội lỗi, nhưng họ vẫn phạm tội. Họ đang sống trong sự căng thẳng lai thế học của sự đã đến nhưng vẫn chưa đến!

☐ **" trong số những người chịu cắt bì "** Những người nam được liệt kê trong Cô-lô-se 4:7-11 toàn bộ là những tín đồ Do Thái (dựa trên tên của họ).

☐ **" họ là niềm an ủi cho tôi "** Từ này nguyên văn là "sự xoa dịu cơn đau." Từ Hy Lạp này chính là nguồn gốc từ của từ trong ngành dược tiếng Anh "paregoric (thuốc phiện (giảm đau.))"

4:12 "Ê-pháp-ra" Ông là người mở ra hội thánh tại Cô-lô-se (Cô-lô-se 1:7 và phần dẫn nhập).

☐ **" đã làm việc khó nhọc vì anh em "** Đây là một từ mạnh trong ngành thể thao vốn từ nó chúng ta có từ tiếng Anh là "'agony (sự thống khổ)." Ê-pháp-ra chính là một chiến sĩ cầu nguyện (Cô-lô-se 4:13). Lời cầu nguyện của ông cho các tín đồ rằng họ sẽ (1) đứng vững, (2) trưởng thành, và (3) được đảm bảo trong trọn vẹn ý muốn của Đức Chúa Trời.

4:13 "Lao-đi-xê và Hi-ê-ra-bô-li" Những địa điểm này là hai thành phố khác (cùng với Cô-lô-se) của vùng Lycus mà tại đó Ê-pháp-ra đã mở ra ba hội thánh.

4:14 "Lu-ca" Ông đã là một người bạn giáo sĩ đồng hành thân thiết với Phao-lô và là một bác sĩ. Ông là người ngoại và là tác giả của sách Phúc âm theo Lu-ca và sách Công Vụ.

☐ **"Đê-ma"** Sau này ông sẽ bỏ rơi Phao-lô (2 Ti-mô-thê 4:10).

4:15 "Nim-pha" Tên này có thể là tên nam hoặc nữ. Chú ý rằng hội thánh đầu tiên nhóm lại trong những nhà riêng (Rô-ma 16:5; 1 Cô-rinh-tô 16:19; Phi-lê-môn 2).

4:16 " Sau khi đã đọc thư này giữa anh em " Tất cả mọi lá thư của Phao-lô, không chỉ riêng Ê-phê-sô (một lá thư rộng rãi), được chuyển đi từ hội thánh này sang hội thánh khác và được đọc lớn lên cho cả hội chúng. Những hội thánh tin rằng Những Sứ Đồ có lời độc nhất, được mặc khải từ Đức Chúa Trời. Khao khát của họ sẽ được nghe toàn bộ những lá thư của Phao-lô được viết cho những hội thánh khác, và dựa trên những cơ hội đó, bày tỏ cách Kinh Thánh liên hệ với mọi người và trong mọi thời đại.

☐ **" hãy đọc thư (tôi) của Hội Thánh Lao-đi-xê gửi đến nữa "** Lá thư này có lẽ chính là thư "Ê-phê-sô" vốn là một lá thư rộng rãi cho cả cộng đồng. Trong bộ Kinh Điển Marcion, Ê-phê-sô được gọi với tên "lá thư gửi cho Người Lao-đi-xê." Không có bất kỳ sự trích dẫn nào của các giáo phụ đầu tiên từ một lá thư được biết đến như là thư gửi cho người Lao-đi-xê.

4:17 " A-chíp " A-chíp là mục sư của hội thánh-tư gia (Phi-lê-môn 2). Những vị trí lãnh đạo có chức năng thực hiện bởi những tín đồ địa phương được ban ân tứ, chứ không phải nghề nghiệp hay chức vụ.

BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): CÔ-LÔ-SE 4:18

¹⁸ Chính tay tôi, Phao-lô, viết lời chào thăm này. Hãy nhớ đến xiềng xích của tôi. Cầu xin ân điển ở cùng anh em.

4:18 " Chính tay tôi " Đây là cách mà Phao-lô đảm bảo về sự xác thực về tác quyền của những tác phẩm của ông (2 Tê-sa 2:2; 3:17). Câu này cũng ngụ ý rằng ông thường xuyên nhờ một người thư ký (Rô-ma 16:22), có lẽ bởi những nan đề về mắt của ông (Công Vụ 9:8-9,12,18; Ga-la-ti 4:15; 6:11), vốn tôi tin rằng nó chính là "cái gai đâm vào xác thịt" của ông.

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn

không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩa xuyên suốt qua những vấn đề chính của phần này của sách. Chúng có tính chất gợi suy nghĩ thay vì định nghĩa

1. Hãy liệt kê ba mặt của lời cầu nguyện trong Cô-lô-se 4:2-3.
2. Hãy liệt kê bốn khía cạnh của đời sống Cơ Đốc trong Cô-lô-se 4:5-6.
3. Hãy thảo luận về những cá nhân được liệt kê trong 4:7-14.

DẪN NHẬP VÀO SÁCH Ê-PHÊ-SÔ

NHỮNG THÔNGIỆP MỞ ĐẦU

- A. Những lễ thật của sách này đã tác động đến đời sống của rất nhiều thánh đồ
1. Samuel Coleridge gọi nó là " tác phẩm thánh nhất của con người "
 2. John Calvin gọi nó là sách yêu thích nhất của ông trong Kinh Thánh
 3. John Knox yêu cầu những bài giảng của Calvin về sách Ê-phê-sô được đọc trên giường bệnh của ông khi ông hấp hối chuẩn bị qua đời
- B. Sách này đã được gọi là "trang sức trên mào triều thiên," hoặc vòm đá của thần học Phao-lô. Mọi chủ đề tuyệt vời mà Phao-lô đã bắt đầu trong Ga-la-ti, phát triển trong Rô-ma, giờ đây được bày tỏ trong Ê-phê-sô trong một phương cách tổng kết lại đầy tuyệt vời.
- C. Cũng như cách Đức Chúa Trời đã sử dụng Rô-ma để thúc đẩy Cuộc Cải Chánh, Ngài cũng sẽ sử dụng Ê-phê-sô để làm cho tái hợp nhất những hội thánh đã bị phân nhỏ cũng như là Cộng Đồng Cơ Đốc. Sự hiệp một của các thánh đồ và sự tương đồng trong Đấng Christ còn vượt trội làm lu mờ đi những sự khác biệt của họ.

TÁC GIẢ

- A. Phao-lô
1. Đã đề cập, bày tỏ cách cụ thể trong Ê-phê-sô 1:1, 3:1
 2. Sự đề cập đến tình trạng tù đầy (có lẽ tại Rô-ma) trong Ê-phê-sô 3:1; 4:1; 6:20
 3. Sự nhất trí đồng lòng của truyền thống từ hội thánh
 - a. Clement of Rome, vào năm 95 SC, đã viết một lá thư gửi cho người Cô-rinh-tô và trích dẫn Ê-phê-sô 4:4-6
 - b. Ignatius (30-107 SC) đã trích từ Ê-phê-sô 1:9; 2:19; 3:4-9
 - c. Polycarp (65-15 SC 5), người môn đồ của Sứ Đồ Giảng, và là giám mục của Si-mi-ệc-nơ đã khẳng định tác quyền của Phao-lô
 - d. Irenaeus (130-200 SC) đã khẳng định tác quyền của Phao-lô
 - e. Clement of Alexandria (150-210 SC) đã khẳng định tác quyền của Phao-lô
 4. Nó cũng được liệt kê trong
 - a. Danh sách của những sách được chấp nhận bởi Marcion (là người đã đến Rô-ma vào những năm 140 SC)
 - b. Bộ Kinh Điển Muratorian (180-200 SC), một danh sách những sách Kinh Điển từ Rô-ma và đã xếp nó vào trong những tác phẩm của Phao-lô
 5. Phần kết của cả hai sách Cô-lô-se và Ê-phê-sô có 29 từ giống nhau gần như chính xác đến từng chữ trong tiếng Hy Lạp (có hai chữ được thêm vào trong Cô-lô-se.).
- B. Một tác giả khác
1. Erasmus là người đầu tiên nghi ngờ về tác quyền của Phao-lô dựa trên
 - a. Văn phong—những câu dài là một điều rất không đặc trưng của Phao-lô trong những lá thư khác
 - b. Không có những lời chào cá nhân
 - c. Những từ đặc trưng duy nhất
 2. Sự phê bình học thuật vào thế kỷ 18 bắt đầu chối bỏ tác quyền của Phao-lô
 - a. Một vài câu có vẻ như bắt đầu từ thể hệ tín đồ thứ hai, Ê-phê-sô 2:20; 3:5
 - b. Những từ thần học có vẻ được sử dụng với những định nghĩa khác (ví dụ: "sự màu nhiệm")
 - c. Sự độc nhất của một thể loại của một lá thư phổ quát
- C. Những trả lời cho những luận điểm của Erasmus
1. Văn phong khác bởi vì Phao-lô có thời gian để suy nghĩ khi viết Ê-phê-sô lúc đang bị tù.
 2. Sự thiếu vắng một lời chào thăm cá nhân được giải thích bởi thực chất Ê-phê-sô là một lá thư phổ quát (thư chung) vốn được gửi cho nhiều hội thánh trong khu vực. Một tuyến được bu chính La

Mã vốn gồm có Ê-phê-sô và Thung Lũng Sông Lycus có thể thấy trong Khải Huyền 2-3. Phao-lô đã viết một lá thư song đôi, Cô-lô-se, cho một nhóm người cụ thể của ba hội thánh vốn bao gồm những lời chào cá nhân cụ thể.

3. Số lần những từ đặc biệt của Ê-phê-sô chính xác bằng với số từ đặc biệt chỉ có trong sách Rô-ma (*hapax legomena*). Mục đích, vấn đề về chủ đề, người nhận và nguyên nhân viết sách giải thích cho việc sử dụng những từ mới.
4. Phao-lô nói về "những sứ đồ và các nhà tiên tri" trong 1 Cô-rinh-tô 12:28, vốn rất tương tự với Ê-phê-sô 2:20 và 3:5. Không ai chối bỏ tác quyền của Phao-lô trên 1 Cô-rinh-tô.

MỐI LIÊN HỆ THẦN HỌC GIỮA CÔ-LÔ-SE VÀ Ê-PHÊ-SÔ

A. Mối liên hệ lịch sử giữa Cô-lô-se và Ê-phê-sô

1. Ê-pháp-ra (Cô-lô-se 1:7; 4:12; Phi-lê-môn 23) đã trở lại tin Chúa qua chuyến hành trình truyền giáo của Phao-lô tại Ê-phê-sô (Công Vụ 19)
 - a. Ông đã đem nền tảng đức tin tươi mới của mình về lại khu vực quê hương mình, khu vực Thung Lũng Sông Lycus.
 - b. Ông đã mở ra ba hội thánh tại Hi-ê-ra-bô-li, Lao-đi-xê và Cô-lô-se.
 - c. Ê-pháp-ra đã tìm kiếm lời khuyên từ Phao-lô làm thế nào để chiến đấu chống lại sự pha trộn của những thế giới quan khác nhau bởi những tà giáo. Phao-lô đã bị tù tại Rô-ma (vào những năm đầu thập kỷ 60).
2. Các giáo sư giả đã đến và bắt đầu pha trộn phúc âm với triết học bản thể Hy Lạp
 - a. Linh và vật chất cùng tồn tại vĩnh hằng
 - b. linh (Thần) là tốt lành
 - c. vật chất (thế giới tạo vật) là xấu xa
 - d. một chuỗi của những *aeons* (các cấp bậc thiên sứ) hiện diện giữa vị Thần tối cao và một vị thần thấp kém hơn là kẻ đã dựng nên vật chất
 - e. sự cứu rỗi được dựa trên kiến thức của những mặt khẩu bí mật vốn giúp đỡ con người trong tiến trình vượt qua những *aeons* (các cấp bậc thiên sứ)

B. Mối quan hệ văn học giữa hai lá thư của Phao-lô

1. Phao-lô đã nghe về tà giáo ở giữa những hội thánh mà ông đã chưa bao giờ viếng thăm được mở ra bởi Ê-pháp-ra.
2. Phao-lô đã viết một lá thư công kích nặng nề, với những câu ngắn, đầy cảm xúc tấn công trực tiếp vào những giáo sư giả. Chủ đề trung tâm chính là địa vị Chúa muôn vật của Chúa Jesus. Lá thư này được biết với tên gọi là thư tín từ Phao-lô gửi cho người Cô-lô-se.
3. Có vẻ như, rất sớm ngay sau khi viết Cô-lô-se, với khoảng thời gian có được khi đang ở tù, ông đã phát triển những chủ đề này. Ê-phê-sô có đặc trưng của những câu dài và những ý niệm thần học đã được phát triển (Ê-phê-sô 1:3-14, 15-23; 2:1-10, 14-18, 19-22; 3:1-12, 14-19; 4:11-16; 6:13-20). Thư này lấy Cô-lô-se như là điểm khởi đầu và rút ra những luận điểm thần học. Chủ đề trung tâm của Ê-phê-sô chính là sự hiệp một của mọi sự trong Đấng Christ, vốn là một sự tương phản với tư tưởng Trí Huệ chớm nở.

C. Cấu trúc văn học và thần học liên quan

1. Sự tương đồng về cấu trúc cơ bản
 - a. Chúng có những phần mở đầu rất tương tự
 - b. Chúng có những phần tín lý đều bắt đầu trong sự liên hệ với Đấng Christ
 - c. Chúng đều có những phần thực hành khuyên răn về một lối sống Cơ Đốc sử dụng cùng những phạm trù, từ ngữ, và cụm từ
 - d. Chúng có những câu kết thúc giống nhau cách chính xác đến từng từ trong 29 từ liên tiếp trong bản tiếng Hy Lạp, với chỉ có hai từ khác được thêm vào trong Cô-lô-se.
2. Sự tương đồng về những từ ngữ hoặc những cụm từ ngắn

Ê-phê-sô 1:1c và Cô-lô-se 1:2a	"trung tín"
Ê-phê-sô 1:4 và Cô-lô-se 1:22	"thánh khiết và không chỗ trách được"
Ê-phê-sô 1:7 và Cô-lô-se 1:14	"sự cứu chuộc. . . sự tha thứ"
Ê-phê-sô 1:10 và Cô-lô-se 1:20	"mọi sự. . . trên trời. . . dưới đất"
Ê-phê-sô 1:15 và Cô-lô-se 1:3-4	"đã nghe. . . tình yêu thương dành cho mọi thánh đồ"
Ê-phê-sô 1:18 và Cô-lô-se 1:27	"sự giàu có vinh hiển "
Ê-phê-sô 1:27 và Cô-lô-se 1:18	"đầu. . . hội thánh"
Ê-phê-sô 2:1 và Cô-lô-se 1:13	"anh em đã chết"
Ê-phê-sô 2:16 và Cô-lô-se 1:20	"làm hòa thuận. . . thập tự giá"
Ê-phê-sô 3:2 và Cô-lô-se 1:25	"việc quản trị"
Ê-phê-sô 3:3 và Cô-lô-se 1:26,27	"điều mầu nhiệm"
Ê-phê-sô 4:3 và Cô-lô-se 3:14	"sự hiệp một"
Ê-phê-sô 4:15 và Cô-lô-se 2:19	"đầu" và "tăng trưởng"
Ê-phê-sô 4:24 và Cô-lô-se 3:10, 12,14	"mặc lấy. . ."
Ê-phê-sô 4:31 và Cô-lô-se 3:8	"phẫn nộ" "tức giận" "hiểm độc" "lãng mạ"
Ê-phê-sô 5:3 và Cô-lô-se 3:5	"gian dâm" "bất khiết" "tham lam"
Ê-phê-sô 5:5 và Cô-lô-se 3:5	"thờ hình tượng" (tham lam)
Ê-phê-sô 5:6 và Cô-lô-se 3:6	"sự phẫn nộ của Đức Chúa Trời"
Ê-phê-sô 5:16 và Cô-lô-se 4:5	"hãy tận dụng thời giờ"

3. Chính xác từng cụm từ hay từng câu

Ê-phê-sô 1:1a và Cô-lô-se 1:1a
Ê-phê-sô 1:1b và Cô-lô-se 1:2a
Ê-phê-sô 1:2a và Cô-lô-se 1:2b
Ê-phê-sô 1:13 và Cô-lô-se 1:5
Ê-phê-sô 2:1 và Cô-lô-se 2:13
Ê-phê-sô 2:5b và Cô-lô-se 2:13c
Ê-phê-sô 4:1b và Cô-lô-se 1:10a
Ê-phê-sô 6:21,22 và Cô-lô-se 4:7-9 (29 từ liên tục ngoại trừ từ " <i>kai syndoulos</i> " trong Cô-lô-se)

4. Những cụm từ và những câu giống nhau

Ê-phê-sô 1:21 và Cô-lô-se 1:16
Ê-phê-sô 2:1 và Cô-lô-se 1:13
Ê-phê-sô 2:16 và Cô-lô-se 1:20
Ê-phê-sô 3:7a và Cô-lô-se 1:23d, 25a
Ê-phê-sô 3:8 và Cô-lô-se 1:27
Ê-phê-sô 4:2 và Cô-lô-se 3:12
Ê-phê-sô 4:29 và Cô-lô-se 3:8; 4:6
Ê-phê-sô 5:15 và Cô-lô-se 4:5
Ê-phê-sô 5:19,20 và Cô-lô-se 3:16

5. Những khái niệm tương đồng về mặt thần học

Ê-phê-sô 1:3 và Cô-lô-se 1:3	một lời cầu nguyện tạ ơn
Ê-phê-sô 2:1,12 và Cô-lô-se 1:21	xa lạ khỏi Đức Chúa Trời
Ê-phê-sô 2:15 và Cô-lô-se 2:14	thù nghịch với luật pháp
Ê-phê-sô 4:1 và Col 1:10	bước đi cách xứng đáng
Ê-phê-sô 4:15 và Cô-lô-se 2:19	sự tăng trưởng thân thể của Christ hướng đến sự trưởng thành
Ê-phê-sô 4:19 và Cô-lô-se 3:5	sự bất khiết về mặt tình dục
Ê-phê-sô 4:22,31 và Cô-lô-se 3:8	"loại bỏ" tội lỗi
Ê-phê-sô 4:32 và Cô-lô-se 3:12-13	Sự tử tế của các Cơ Đốc Nhân với nhau
Ê-phê-sô 5:4 và Cô-lô-se 3:8	Lời nói Cơ Đốc
Ê-phê-sô 5:18 và Cô-lô-se 3:16	Đầy dẫy Thánh Linh= lời của Đấng Christ
Ê-phê-sô 5:20 và Cô-lô-se 3:17	Tạ ơn Chúa trong mọi sự

Ê-phê-sô 5:22 và Cô-lô-se 3:18	Những người vợ hãy thuận phục chồng
Ê-phê-sô 5:25 và Cô-lô-se 3:19	Những người chồng hãy yêu vợ
Ê-phê-sô 6:1 và Cô-lô-se 3:20	Con cái hãy vâng lời cha mẹ
Ê-phê-sô 6:4 và Cô-lô-se 3:21	Các bậc làm cha đừng chọc giận con cái
Ê-phê-sô 6:5 và Cô-lô-se 3:22	Tôi tớ hãy vâng phục chủ
Ê-phê-sô 6:9 và Cô-lô-se 4:1	Chủ và tôi tớ
Ê-phê-sô 6:18 và Cô-lô-se 4:2-4	Lời nhờ cậy cầu nguyện của Phao-lô

6. Những thuật ngữ và cụm từ được sử dụng cả trong hai sách Cô-lô-se và Ê-phê-sô mà không tìm thấy trong những sách khác của Phao-lô

a. "đầy đầy (đầy trọn)" (vốn là một từ Trí Huệ Giáo dùng cho các cấp bậc thiên sứ)

Ê-phê-sô 1:23	"sự đầy trọn của Đấng đở đầy mọi sự "
Ê-phê-sô 3:19	"đở đầy cho mọi sự tông sự đầy trọn của Đức Chúa Trời "
Ê-phê-sô 4:13	"đến sự đầy trọn của Đấng Christ"
Cô-lô-se 1:19	"cho tất cả mọi sự sự đầy trọn ở trong Ngài "
Cô-lô-se 2:9	"để trong Ngài mọi sự đầy trọn của Đấng Thánh ngự trong "

i. Đấng Christ là "Đầu" của hội thánh

Ê-phê-sô 4:15; 5:23 và Cô-lô-se 1:18; 2:19

j. "xa lạ"

Ê-phê-sô 2:12; 4:18 và Cô-lô-se 1:21

k. "chước (tận dụng) thì giờ "

Ê-phê-sô 5:16 và Cô-lô-se 4:5

l. "đâm rễ"

Ê-phê-sô 3:17 và Cô-lô-se 1:5

m. "lời của chân lý, tin lành "

Ê-phê-sô 1:13 và Cô-lô-se 1:5

n. "chịu đựng"

Ê-phê-sô 4:2 và Cô-lô-se 3:13

o. Những cụm từ và thuật ngữ ít dùng ("gắn chặt với nhau," "cung cấp (xếp đặt)") Ê-phê-sô 4:16 và Cô-lô-se 2:19

D. Tóm lại

- Hơn một phần ba những từ trong Cô-lô-se cũng xuất hiện trong Ê-phê-sô. Có khoảng 75 trong 155 câu trong Ê-phê-sô có một câu song hành trong Cô-lô-se. Cả hai đều công bố về tác quyền của Phao-lô trong tù.
- Cả hai đều được mang đến bởi một người bạn của Phao-lô là Ty-chi-cơ.
- Cả hai đều được gửi đến cùng một khu vực (Tiểu Á).
- Cả hai đều trình bày về cùng một chủ đề Thần Học Đấng Christ.
- Cả hai đều nhấn mạnh rằng Đấng Christ là Đầu của hội thánh.
- Cả hai đều khích lệ lối sống Cơ Đốc.

E. Những Điểm Chính về Sự Khác Biệt

- Hội Thánh luôn luôn mang tính địa phương trong Cô-lô-se nhưng lại mang tính toàn cầu trong Ê-phê-sô. Điều này có thể có nguyên nhân bởi bản chất phổ quát của thư Ê-phê-sô.
- Tà giáo, vốn là một điểm nổi bật trong lá thư Cô-lô-se, đã ẩn đi trong Ê-phê-sô. Tuy nhiên, cả hai lá thư đều sử dụng những thuật ngữ Trí Huệ Giáo ("khôn ngoan," "tri thức," "đầy trọn," "sự mầu nhiệm," "những nguyên lý cơ bản và quyền năng" và "sự quản trị").
- Sự Tái Lâm mang tính chất ngay lập tức trong Cô-lô-se nhưng bị trì hoãn trong Ê-phê-sô. Hội thánh đã và đang được kêu gọi để phục vụ trong một thế giới sa ngã (Cô-lô-se 2:7; 3:21; 4:13).
- Một vài thuật ngữ mang đặc trưng của Phao-lô được sử dụng một cách khác nhau. Một ví dụ đó chính là từ "sự mầu nhiệm." Trong Cô-lô-se sự mầu nhiệm chính là Đấng Christ (Cô-lô-se 1:26-27; 2:2; 4:3), nhưng trong Ê-phê-sô (Ê-phê-sô 1:9; 5:32) nó chính là điều được ẩn giấu trước đây của Đức Chúa Trời, nhưng giờ đây được bày tỏ, kế hoạch cho sự hiệp một của Người Ngoại và

Người Do Thái.

- e. Ê-phê-sô có một vài ngụ ý gián tiếp đến Cựu Ước (Ê-phê-sô 1:22 – Thi Thiên 8; Ê-phê-sô 2:17— Ê-sai 57:19) (Ê-phê-sô 2:20 – Thi Thiên 118:22) (Ê-phê-sô 4:8 – Thi Thiên 68:18) (Ê-phê-sô 4:26 – Thi Thiên 4:4) Ê-phê-sô 5:15 – Ê-sai 26:19, 51:17, 52:1, 60:1) (Ê-phê-sô 5:31 -- Sáng 2:24) (Ê-phê-sô 6:2-3 – Xuất 20:12) (Ê-phê-sô 6:14 – Ê-sai 11:5, 59:17) (Ê-phê-sô 6:15 – Ê-sai 52:7) nhưng chỉ có một hoặc hai lần trong Cô-lô-se, Cô-lô-se 2:3 – Ê-sai 11:2, và có lẽ là Cô-lô-se 2:22 – Ê-sai 29:13.

F. Mặc dù rất tương tự về cách dùng từ, cụm từ, và thường cả dàn ý, nhưng những lá thư cũng bao gồm những khái niệm độc nhất:

- a. Phước hạnh của ân điển từ Đức Chúa Trời Ba Ngôi, Ê-phê-sô 1:3-14
b. Phần Kinh Thánh về ân điển, Ê-phê-sô 2:1-10
c. Sự hợp nhất của Người Do Thái và Dân Ngoại trở thành một thân thể mới, Ê-phê-sô 2:11-3:13
d. Sự hiệp một và ban ân tứ của thân thể của Đấng Christ, Ê-phê-sô 4:1-16
e. "Đấng Christ và hội thánh" như khuôn mẫu cho "chồng và vợ," Ê-phê-sô 5:22-33
f. Phần Kinh Thánh về chiến trận thuộc linh, Ê-phê-sô 6:10-18
g. Phần Kinh Thánh về Thần Học Đấng Christ, Cô-lô-se 1:13-18
h. Những nghi lễ và lễ luật tôn giáo loài người, Cô-lô-se 2:16-23
i. Chủ đề về ý nghĩa của muôn vật trong Đấng Christ trong Cô-lô-se so với chủ đề về sự hiệp một của mọi sự trong Đấng Christ trong Ê-phê-sô.

G. Tóm lại, có vẻ tốt nhất khi đi theo A. T. Robertson và F. F. Bruce trong sự khẳng định rằng Phao-lô đã viết cả hai lá thư trong khoảng cách rất gần nhau và đã phát triển những ý tưởng trong Cô-lô-se trở thành một sự trình bày theo cấu trúc lễ thật, trong Ê-phê-sô.

THỜI ĐIỂM VIẾT SÁCH

- A. Thời điểm viết của lá thư này liên hệ với một trong những lần bị tù đầy của Phao-lô tại Ê-phê-sô, Phi-líp, Sê-sa-rê hoặc Rô-ma. Một lần bị tù tại Rô-ma phù hợp nhất với những sự kiện trong Công Vụ.
- B. Một khi Rô-ma được cho là địa điểm của sự tù đầy này của Phao-lô, thì một câu hỏi được dấy lên, vào thời điểm nào? Phao-lô đã bị tù vào thời điểm đầu những năm 60, vốn được chép lại trong sách Công Vụ, nhưng sau đó ông đã được thả ra và viết những thư tín Mục Vụ (1&2 Ti-mô-thê và Tít) và sau đó đã bị tái bắt giam và bị giết trước ngày 9 tháng 6 năm 68 SC, vốn là ngày mà hoàng đế Nê-rô đã tự sát.
- C. Sự phỏng đoán học thuật tốt nhất về thời điểm viết của Ê-phê-sô chính là vào lần bị tù đầu tiên của Phao-lô tại Rô-ma vào đầu những năm 60.
- D. Ty-chi-cơ, cùng với Ô-nê-sim, có lẽ đã mang lá thư gửi cho người Cô-lô-se, Ê-phê-sô và cho Phi-lê-môn đến Tiểu Á.
- E. Có lẽ trình tự của những tác phẩm của Phao-lô tương tự với F. F. Bruce và Murry Harris với một sự điều chỉnh cho phù hợp nhỏ.

	<u>Sách</u>	<u>Thời điểm viết</u>	<u>Địa điểm Viết trong Liên Hệ với Công Vụ</u>	
1	Ga-la-ti	48	An-ti-ốt xứ Sy-ri	Công Vụ 14:28; 15:2
2	1 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rinh-tô	Công Vụ 18:5
3	2 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rinh-tô	
4	1 Cô-rinh-tô	55	Ê-phê-sô	Công Vụ 19:20
5	2 Cô-rinh-tô	56	Ma-xê-đoan	Công Vụ 20:2
6	Rô-ma	57	Cô-rinh-tô	Công Vụ 20:3
7-10	Những Thư Tín Trong Tù Cô-lô-se	đầu thập kỷ 60	Rô-ma	

	Phi-lê-môn	đầu thập kỷ 60	Rô-ma	
	Ê-phê-sô	đầu 60	Rô-ma	
	Phi-líp	cuối 62-63	Rô-ma	Công Vụ 28:30-31
11-13	Chuyến Truyền Giáo Thứ Tư			Ê-phê-sô (?)
	1 Ti-mô-thê	63 (hoặc muộn	Ma-xê-đoan	
	Tít	hơn 63 nhưng		
		trước 64 SC)		
	2 Ti-mô-thê	68	Rô-ma	

ĐỌC GIẢ

- A. Nhiều thảo bản (Chester Beatty Papyri, P⁴⁶; Sinaiticus, ⱼ; Vaticanus, B; bản tiếng Hy Lạp của Origen, và bản tiếng Hy Lạp của Tertullian) đã bỏ qua "tại Ê-phê-sô" trong Ê-phê-sô 1:1. Những bản dịch RSV Williams đã bỏ qua cụm từ này.
- B. Ngữ pháp của Ê-phê-sô 1:1 có thể phù hợp với tên một địa điểm. Có lẽ, là một lá thư chung, tên của địa điểm đã được để trống để nó có thể được cung cấp khi được đọc lớn cho các hội thánh. Điều này có thể giải thích cụm từ trong Cô-lô-se 4:15-16, "lá thư từ Lao-đi-xê gửi đến," vốn có thể là sách Ê-phê-sô (Marcion gọi sách Ê-phê-sô với tên "lá thư gửi đến người Lao-đi-xê").
- C. Ê-phê-sô được viết trước tiên cho Dân Ngoại, Ê-phê-sô 2:1; 4:17, vốn là những người Phao-lô đã chưa được gặp cách cá nhân, Ê-phê-sô 1:15; 3:2. Các hội thánh tại Thung Lũng Sông Lycus (Lao-đi-xê, Hi-ê-ra-bô-li, và Cô-lô-se) đã được mở ra, không phải bởi Phao-lô, nhưng bởi Ê-pháp-ra (Cô-lô-se 1:7; 4:12; Phi-lê-môn 23).

MỤC ĐÍCH VIẾT SÁCH

- A. Chủ đề của sách được thấy trong Ê-phê-sô 1:10 và 4:1-10, vốn nhấn mạnh sự hiệp một của muôn vật trong Đấng Christ. Đấng Christ phục hồi hình ảnh của Đức Chúa Trời trong nhân loại và trong thế giới tạo vật (*kosmos*).
- B. Phần tín lý của đoạn 1-3 có thể có dàn ý như sau:
- Đặc Tính Ân Điển và Những Sự Chu Cấp của Đức Chúa Trời Ba Ngôi cho Nhân Loại Sa Ngã
 1. Bản tính của Đức Chúa Trời Ba Ngôi (Ê-phê-sô 1:3-14)
 2. Đặc tính ân điển của Đức Chúa Trời (Ê-phê-sô 2:1-10)
 3. Kế hoạch cứu chuộc đời đời của Đức Chúa Trời (Ê-phê-sô 2:11-3:13)Ê
- C. Ê-phê-sô là một trong bốn lá thư viết trong tù của Phao-lô. Những dàn ý của Ê-phê-sô và Cô-lô-se rất giống nhau. Cô-lô-se đã được viết để chiến đấu chống lại tà giáo Trứ Huệ giáo chớm nở tại khu vực Thung Lũng Sông Lycus ở Tiểu Á. Ê-phê-sô được viết như một lá thư chung cho cùng một khu vực để chuẩn bị cho những hội thánh khác về tà giáo sẽ đến. Cô-lô-se là một lá thư súc tích, tấn công mạnh mẽ trong khi Ê-phê-sô là một sự trình bày hợp lý mở rộng của cùng những lẽ thật với cách sử dụng những câu rất dài: (Ê-phê-sô 1:3-14, 15-23; 2:1-9; 3:1-7, v.v...).

DÀN Ý VẤN TẮT

- A. Sách này được phân chia một cách tự nhiên thành hai phần (cũng giống như phần lớn các tác phẩm của Phao-lô)
1. Sự hiệp một trong Đấng Christ, từ đoạn 1-3 (phần thần học)
 2. Sự hiệp một trong Hội Thánh, từ đoạn 4-6 (phần áp dụng)
- B. Dàn ý theo chủ đề được đề nghị
1. Phần mở đầu đặc trưng của Phao-lô, Ê-phê-sô 1:1-2
 2. Kế hoạch của Cha cho sự hiệp một của muôn vật trong Đấng Christ, Ê-phê-sô 1:3-3:21
 - a. Sự ngợi khen của Phao-lô dâng lên Đức Chúa Cha, Ê-phê-sô 1:3-14

- (1) Lên tình yêu của Đức Chúa Cha trước cõi thời gian
- (2) Lên tình yêu của Đức Chúa Cha trong Con Ngài vào đúng thời điểm
- (3) Lên tình yêu tiếp tục của Cha bởi Thánh Linh qua thời gian
- b. Lời cầu nguyện của Phao-lô cho các hội thánh, Ê-phê-sô 1:15-23
 - (1) Cho sự mặc khải của Cha trong Đấng Christ có thể được hiểu
 - (2) Cho quyền năng của Cha có thể hành động cách năng quyền trong các tín đồ
 - (3) Cho sự tôn cao của Cha dành cho Đấng Christ trên muôn vật
- c. Sự hiểu thấu của Phao-lô về kế hoạch của Cha dành cho toàn bộ nhân loại, Ê-phê-sô 2:1-3:13
 - (1) Nhu cầu của nhân loại sa ngã
 - (2) Sự chu cấp đầy ân điển của Cha
 - (3) Sự đáp ứng giao ước cần thiết của nhân loại
 - (4) Kế hoạch được bày tỏ trọn vẹn của Cha
- d. Lời cầu nguyện của Phao-lô dâng lên Cha cho các tín đồ, Ê-phê-sô 3:14-21
 - (1) Để nhận được năng lực từ bên trong (bởi Thánh Linh)
 - (2) Để có thể hiểu được hoàn toàn phúc âm (không phải chỉ trong những lễ thật được gợi ý) trong sự trải nghiệm và tình yêu thương
 - (3) Được đổ đầy bởi sự đầy trọn của Đức Chúa Trời (vốn chính là Đấng Christ)
 - (4) Tất cả những điều này đến từ Đức Chúa Trời là Đấng có thể làm
3. Sự khao khát của Đức Chúa Cha cho sự hiệp một của tuyền dân mới của Ngài, Ê-phê-sô 4:1-6:20
 - a. Sự hiệp một của Đức Chúa Trời Ba Ngôi được phản ánh trong sự hiệp một của con cái của Ngài, Ê-phê-sô 4:1-16
 - (1) Sự hiệp một không phải là một sự đồng nhất, nhưng là một lối sống yêu thương
 - (2) Đấng Thánh là một sự hiệp một Ba Ngôi
 - (3) Những ân tứ thuộc linh được ban cho sự tốt lành của thân thể, chứ không phải cho sự vinh dự cá nhân
 - (4) Sự hiệp một yêu cầu sự phục vụ
 - (5) Sự hiệp một ở dưới sự tân công mang tính thiên sứ
 - (6) Sự hiệp một ở trong Đấng Christ
 - b. Sự hiệp một Cơ Đốc tương phản với sự tập chú-vào-bản thân của những kẻ ngoại đạo, Ê-phê-sô 4:17-5:14
 - (1) Hãy lột bỏ những hành vi của đời sống cũ
 - (2) Hãy mặc lấy sự trở nên giống như Đấng Christ
 - c. Những phương tiện để hoàn thành và gìn giữ sự hiệp một, Ê-phê-sô 5:15-6:9
 - (1) Hãy luôn được đổ đầy Đức Thánh Linh
 - (2) Đời sống đầy dẫy Thánh Linh được mô tả
 - (a) Năm phân từ, Ê-phê-sô 5:19-21
 - (b) Ba ví dụ mang tính chất gia đình
 - i. Những người chồng-những người vợ
 - ii. Các bậc cha mẹ-con cái
 - iii. Những người chủ - tôi tớ
 - d. Sự tranh đấu cho sự hiệp một trở nên giống như Đấng Christ, Ê-phê-sô 6:10-20
 - (1) Chiến trận thuộc linh
 - (2) Những khí giới của Đức Chúa Trời
 - (3) Quyền năng của lời cầu nguyện
4. Phân kết luận kết thúc, Ê-phê-sô 6:21-24

BỐI CẢNH TRIẾT HỌC VÀ THẦN HỌC CỦA NHỮNG GIÁO SƯ GIẢ (TRÍ HUỆ GIÁO)

- A. Những nền tảng đức tin Trí Huệ Giáo trong thế kỷ thứ nhất và thứ hai:
 1. Một tư tưởng nhị nguyên bản thể (đời đời) giữa linh (thần) và vật chất (thể giới vật chất).
 2. Linh là tốt, trong khi vật chất là xấu xa.
 3. Một chuỗi những cấp bậc thiên sứ (*aeons*) giữa một Thần chí cao và một thần thấp kém hơn là kẻ đã dựng nên thể giới vật chất xấu xa.
 4. Con đường dẫn đến sự cứu chuộc
 - a. Kiến thức của mật khẩu bí mật vốn sẽ cho phép sự di chuyển xuyên qua các lãnh giới thiên sứ

- từ đất đến thiên giới
 - b. Một sự phát xạ thần thánh trong tất cả mọi người mặc dù không phải tất cả đều có thể hiểu hoặc nhận lãnh tri thức cứu rỗi
 - c. Tri thức này chỉ có thể đến với một nhóm ưu tú bằng sự mặc khải đặc biệt
5. Luân lý đạo đức (hai loại Trí Huệ Giáo)
- a. Hoàn toàn không liên hệ với đời sống thuộc linh (những người theo tư tưởng tự do phóng túng, tư tưởng chống luật pháp)
 - b. Quan trọng thiết yếu hướng đến sự cứu rỗi (những người theo tư tưởng giáo điều, luật pháp).

B. Những sự mâu thuẫn về mặt lịch sử và Kinh Thánh với Cơ Đốc Giáo

1. Tách rời nhân tính và Thần Tính của Đấng Christ (Trí Huệ Giáo cho rằng Ngài không thể (vừa) là Đức Chúa Trời và vừa là con người trọn vẹn)
2. Loại bỏ sự chết thay thế của Ngài như là con đường duy nhất dẫn đến sự cứu rỗi
3. Tri thức thay thế của con người thay cho ân điển miễn phí thiên thượng.

CHU KỲ ĐỌC THỨ NHẤT (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Vì vậy, hãy đọc cả sách trong một lần đọc. Hãy đưa ra các chủ đề trung tâm của cả sách bằng cách diễn đạt của chính bạn (chu kỳ đọc #1).

1. Chủ đề của cả sách
2. Thể loại văn học (thể loại)

CHU KỲ ĐỌC THỨ HAI (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Vì vậy, hãy đọc cả sách lần thứ hai trong một lần đọc. Hãy đưa ra dàn ý các chủ đề chính (đọc chu kỳ #2) và mô tả chủ đề trong một câu duy nhất.

1. Chủ đề của đơn vị văn học thứ nhất
2. Chủ đề của đơn vị văn học thứ hai
3. Chủ đề của đơn vị văn học thứ ba
4. Chủ đề của đơn vị văn học thứ bốn
5. v.v...

Ê-PHÊ-SÔ 1

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI*

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	JB
Lời Chào Thăm	Lời Chào Thăm	Lời Chào Thăm	Lời Chào Thăm	Người Nhận & Lời Chào Thăm
1:1-2	1:1-2	1:1-2	1:1a 1:1b 1:2	1:1-2
Những Phước Hạnh Thuộc Linh trong Đấng Christ	Sự Cứu Chuộc trong Đấng Christ	Sự Tạ Ôn và Phước Hạnh	Những Phước Hạnh Thuộc Linh trong Đấng Christ	Kế Hoạch Cứu Rỗi của Đức Chúa Trời
1:3-14	1:3-14	1:3-14	1:3-6 1:7-10 1:11-12 1:13-14	1:3-14
Lời Cầu Nguyện của Phao-lô	Lời Cầu Nguyện cho sự Khôn Ngoan Thuộc Linh		Lời Cầu Nguyện của Phao-lô	Sự Chiến Thắng và Siêu Việt của Đấng Christ
1:15-23	1:15-23	1:15-23	1:15-23	1:15-23

* Mặc dù không được thần cảm, những chỗ chia phân chia đoạn chính là chìa khóa để hiểu được và dõi theo ý định của tác giả nguyên thủy. Mỗi bản dịch hiện đại đã chia và tổng hợp lại những đoạn văn. Mỗi phân đoạn có một ý chính, lẽ thật và ý tưởng trung tâm. Mỗi bản dịch lồng ý tưởng đó theo cách riêng biệt của chính bản dịch đó. Khi bạn đọc phần Kinh Thánh, hãy tự hỏi chính mình rằng bản dịch nào phù hợp với cách hiểu của bạn về chủ đề và những chỗ chia câu.

* Chú ý rằng tất cả những thuật ngữ và chữ viết tắt đều được giải thích đầy đủ trong những tài liệu sau: Những Thuật Ngữ về Ngữ Pháp Hê-bơ-rơ và Bảng Thuật Ngữ. Trong mỗi đoạn, bạn phải đọc Kinh Thánh trước và cố gắng xác định các chủ đề (các phân đoạn). Sau đó, hãy so sánh cách hiểu của bạn với các bản dịch hiện đại. Chỉ khi chúng ta hiểu được ý định của tác giả nguyên thủy bằng cách dõi theo lập luận và cách trình bày của họ ở mức độ phân đoạn, chúng ta mới có thể hiểu được Kinh Thánh. Chỉ có một mình tác giả nguyên thủy được thần cảm—những người đọc không có bất cứ thẩm quyền nào để thay đổi hoặc bổ sung cho sứ điệp. Những người đọc Kinh Thánh có trách nhiệm phải áp dụng những lẽ thật được thần cảm đó mỗi một ngày và cả cuộc đời của họ. Chú ý rằng tất cả những thuật ngữ và chữ viết tắt đều được giải thích đầy đủ trong những tài liệu sau: Những Thuật Ngữ về Ngữ Pháp Hê-bơ-rơ và Bảng Thuật Ngữ.

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH TO Ê-PHÊ-SÔ 1:1-23

A. Cụm từ "tại Ê-phê-sô" bị ẩn đi trong những bản dịch RSV, NJB và Williams bởi vì nó vắng mặt trong một số những thảo bản tiếng Hy Lạp (P⁴⁶, κ , và B). Rõ ràng đã có một khoảng trống nơi tên một địa điểm cần phải được điền vào. Lá thư này đã là một lá thư rộng rãi cho tất cả các hội thánh tại khu vực Tiểu Á. Những lá thư gửi cho bảy hội thánh trong Khải Huyền 2-3 chỉ ra một tuyến đường bưu chính La Mã cổ xưa.

B. Ba Ngôi Đức Chúa Trời được ngợi khen trong Ê-phê-sô 1:3-14 (và cũng trong Ê-phê-sô 1:17; 2:18; 3:14-17; 4:4-6)

1. Đức Chúa Cha trong cõi đời đời, Ê-phê-sô 1:3-6 (tình yêu và mục đích của Đức Chúa Cha nơi chính mình Ngài)
2. Đức Chúa Con trong đúng thời điểm, Ê-phê-sô 1:7-12 (tình yêu và mục đích của Đức Chúa Cha trong Đấng Christ)
3. Đức Thánh Linh trong tương lai, Ê-phê-sô 1:13-14 (tình yêu và mục đích của Đức Chúa Cha trong Đức Thánh Linh)

Những câu 3-14 hình thành nên một lời cầu nguyện tuyệt đẹp của sự ngợi khen đến Ba Ngôi Đức Chúa Trời! Mỗi phần kết lại với cụm từ "để ngợi khen ân điển Ngài" (Ê-phê-sô 1:6, 12, 14). Ngay cả khi cả ba Ngôi Đức Chúa Trời Ba Ngôi đều được nhắc đến, thì chính Đức Chúa Cha chính là Đấng được nhấn mạnh (như trong Ê-phê-sô 1:15-23)! Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Ba Ngôi Đức Chúa Trời tại Ê-phê-sô 1:3.

C. Sự Tuyển Chọn là một giáo lý tuyệt diệu. Tuy nhiên, nó không phải là một sự kêu gọi đến với sự thiên vị, nhưng là một sự kêu gọi để trở nên một kênh, một công cụ hoặc phương tiện cho sự cứu chuộc của những người khác nữa! Trong Cựu Ước từ này được sử dụng trước tiên cho sự phục vụ; trong Tân Ước nó được sử dụng trước tiên cho sự cứu rỗi vốn được thiết lập trong sự phục vụ. Kinh Thánh chưa từng san bằng sự mâu thuẫn giữa sự tể trị toàn năng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người, nhưng Kinh Thánh khẳng định cả hai! Một ví dụ hay về sự căng thẳng Kinh Thánh này chính là Rô-ma 9 về sự lựa chọn toàn năng của Đức Chúa Trời và Rô-ma 10 về sự đáp ứng cần thiết của nhân loại (Ê-phê-sô 10:9,11-13).

Điểm then chốt đối với sự căng thẳng thần học này có thể được thấy trong Ê-phê-sô 1:4. Chúa Jesus chính là Đấng được lựa chọn của Đức Chúa Trời và tất cả đều là những người tiềm năng được lựa chọn trong Ngài (Karl Barth). Chúa Jesus chính là câu trả lời "có" của Đức Chúa Trời đối với nhu cầu của nhân loại sa ngã (Karl Barth).

Ê-phê-sô 1:4 cũng giúp để làm sáng tỏ vấn đề này bằng cách khẳng định rằng mục đích của sự tuyển lựa không phải là thiên đàng, nhưng là sự thánh khiết (sự trở nên giống như Đấng Christ). Chúng ta thường bị hấp dẫn bởi những lợi ích của phúc âm và chối bỏ những trách nhiệm! Sự kêu gọi của Đức Chúa Trời hướng đến những thời điểm cũng như đến cả cõi đời đời!

Những tín lý đến từ mối quan hệ với những lẽ thật khác, chứ không như là những lẽ thật riêng lẻ, không liên hệ với nhau. Một sự so sánh tương đồng hay chính là một chòm sao và một ngôi sao riêng lẻ. Đức Chúa Trời trình bày lẽ thật trong những thể loại (văn học) đồng phương, không phải tây phương. Chúng ta không được loại bỏ sự căng thẳng gây ra bởi những cặp biện chứng (nghịch lý) của những lẽ thật tín lý (ví dụ: Đức Chúa Trời là Đấng Siêu Việt với Đức Chúa Trời là Đấng nội tại; sự an ninh và sự kiên nhẫn chịu đựng; Chúa Jesus bình đẳng với Đức Chúa Cha và Chúa Jesus phụ thuộc vào Đức Chúa Cha; sự tự do của Cơ Đốc Nhân và những trách nhiệm của Cơ Đốc Nhân đối với một thành viên giao ước; v.v...).

Khái niệm thần học của "giao ước" hợp nhất sự toàn năng của Đức Chúa Trời (là Đấng luôn nắm sự khởi đầu chủ động và đặt ra những công việc phải làm) với một sự đáp ứng ăn năn, đức tin khởi đầu bắt buộc từ một cá nhân. Hãy cẩn thận cách đọc rập khuôn dò văn bản một khía cạnh của (cặp) nghịch lý và xem thường điều còn lại! Hãy cẩn thận trong việc ủng hộ chỉ duy tín lý hoặc hệ thống thần học yêu thích của bạn!

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): Ê-PHÊ-SÔ 1:1-2

¹ Phao-lô, theo ý muốn của Đức Chúa Trời được làm sứ đồ của Đấng Christ Jê-sus, kính gửi các thánh đồ tại Ê-phê-sô, là những người trung tín trong Đấng Christ Jê-sus. ² Cầu xin ân điển và bình an từ Đức Chúa Trời, Cha chúng ta, và từ Chúa là Đức Chúa Jê-sus Christ được ban cho anh em.

1:1 "Phao-lô" Tên Hy Lạp "Phao-lô" có nghĩa là "nhỏ bé." Có một vài thuyết về nguồn gốc của cái tên của ông.

1. Một biệt danh mô tả về chiều cao cơ thể của ông, truyền thống hội thánh từ thế kỷ thứ hai để lại rằng Phao-lô là người thấp lùn, mập, đầu hói, chân khập khiễng, lông mày rậm rạp và có một đôi mắt nhô ra chính là sự mô tả về ngoại hình cơ thể của Phao-lô. Mô tả này đến từ một sách không kinh điển từ thế kỷ thứ hai đến từ Tê-sa-lô-ni-ca có tên là *Paul and Thekla*.
2. Sự tự lượng giá thuộc linh của chính Phao-lô, trong những phần Kinh Thánh như 1 Cô-rinh-tô 15:9; Ê-phê-sô 3:8; 1 Ti-mô-thê 1:15, nơi ông gọi chính mình là "người nhỏ bé nhất trong các thánh đồ" (có lẽ bởi vì ông đã bắt bớ Hội Thánh, Công Vụ 9:1-2). Một vài người đã xem ý nghĩa của "sự nhỏ bé nhất" này chính là nguồn gốc của danh xưng tự lựa chọn này. Tuy nhiên, trong sách Ga-la-ti, nơi ông có một sự nhấn mạnh quan trọng vào sự độc lập và bình đẳng với Mười Hai Sứ Đồ Giê-ru-sa-lem, có vẻ lựa chọn này không chắc là đúng (1 Cô-rinh-tô 15:10; 2 Cô-rinh-tô 11:5; 12:11).
3. Theo gia đình, hầu hết những người Do Thái tản lạc (Người Do Thái sống ngoài khu vực Palestine) được đặt hai tên khi sinh ra. Tên Hê-bơ-rơ của Phao-lô chính là Sau-lơ và tên Hy Lạp của ông là Phao-lô.

▣ " **sứ đồ** " Thuật ngữ "sứ đồ" đến từ động từ Hy Lạp "sai đi" (*apostellō*). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Cô-lô-se 1:11. Chúa Jesus đã chọn mười hai môn đồ của Ngài để đứng cùng với Ngài trong một nghĩa đặc biệt và gọi họ là "Những Sứ Đồ" (Lu-ca 6:13). Thuật ngữ này thường được sử dụng cho việc Chúa Jesus đã được sai bởi Cha (Ma-thi-ơ 10:40; 15:24; Mác 9:37; Lu-ca 9:48; Giăng 4:34; 5:24,30,36,37,38; 7:29; 8:42; 10:36; 11:42; 17:3,8,18,21, 23,25;20:21). Trong những nguồn tài liệu Do Thái nó được sử dụng cho một người được sai đi như là một người đại diện chính thức của một người khác, giống với "đại sứ" (2 Cô-rinh-tô 5:20).

▣ " **của Đấng Christ** " Đây là một từ Hy Lạp tương đương với từ Hê-bơ-rơ "*Đấng Mê-si*" (Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Cô-lô-se 1:1; Đa-ni-ên 9:25-26; Giăng 1:41; 4:25), vốn có nghĩa là "một người được xúc dầu" (Ma-thi-ơ 1:16). Đây là một danh xưng hiếm trong Cựu Ước, nhưng khái niệm của một Đấng giải cứu đặc biệt, được kêu gọi và trang bị bởi YHWH, thì được lặp lại thường xuyên. Những khía cạnh hoàng gia và tế lễ có thể được nhìn thấy trong Thi Thiên 110:1,4 và Xa-cha-ri 4:11-14. Nó hàm ý "một người được kêu gọi và trang bị bởi Đức Chúa Trời cho một nhiệm vụ đặc biệt." Trong Cựu Ước, ba nhóm lãnh đạo: những thầy tế lễ, các vị vua, và những tiên tri được xúc dầu. Chúa Jesus hoàn thành cả ba chức vụ được xúc dầu này (Hê-bơ-rơ 1:2-3).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG DANH XƯNG CỰU ƯỚC DÀNH CHO ĐÁNG SẼ ĐẾN

A. Đấng Tiên Tri – Phục 18:15,18

B. Vị Vua

1. từ chi phái Giu-đa, Sáng 49:10; Thi 60:7; 108:8
2. từ nhà Đa-vít, 2 Sa-mu-ên 7 (từ dòng dõi Giê-se, Ê-sai 11:1)
3. từ những phần Kinh Thánh khác, 1 Sa-mu-ên 2:10; Thi 89:3-4; Ê-sai 9,11; Giê-rê-mi 30:8-9; Ê-xê-chi-ên 37:21-22; Xa-cha-ri 9:9-10

C. Vị Vua/Thầy Tế Lễ

1. Thi 110 (vua, câu 1-3; thầy tế lễ, câu 4)
2. Xa-cha-ri 4:14 (hai cây ô-li-ve, hai người được xúc dầu, Xô-rô-ba-bên [dòng dõi nhà Đa-vít] và Giê-hô-sua [dòng dõi của A-rôn])

D. Đấng Được Xúc Dầu (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đấng Mê-si)

1. Vị Vua được Xúc Dầu của Đức Chúa Trời, Thi 2:2; 45:7
2. Sự Hiện Diện của Thánh Linh, Ê-sai 11:2; 61:1
3. Đấng Sẻ Đến, Đa-ni-ên 9:26
4. ba vị trí lãnh đạo Cựu Ước được xúc dầu như một dấu của sự kêu gọi và ban năng lực của Đức Chúa Trời: các vua (Các Quan Xét 9:8,15; 1 Sa-mu-ên 2:10; 9:16; 24:10; 2 Sa-mu-ên

19:21; 23:1; Thi 18:50), các thầy tế lễ (Xuất 28:41; Lê-vi-ký 4:3; 6:22) và các nhà tiên tri (1 Các Vua 19:16)

E. Con của Vua

1. Thi 2:7,12
2. Vua Y-sơ-ra-ên như một biểu tượng của sự tể trị của Đức Chúa Trời (1 Sa-mu-ên 8)

F. Con (của) Người (Đa-ni-ên 7:13; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Con Người)

1. con người, Thi 8:4; Ê-xê-chi-ên 2:1
2. Đấng Thánh, Đa-ni-ên 7:13

G. Những Danh Xưng Cứu Chuộc Đặc Biệt

1. Tôi Tớ Chịu Khổ, Ê-sai 52:13-53:12
2. Đấng Chấn Chịu Khổ, Xa-cha-ri 12-14
3. Đá Góc Nhà, Thi 118: Ê-sai 8:14-15; 28:16 (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đá Góc Nhà)
4. Con Trẻ Đặc Biệt Child, Ê-sai 7:14; 9:6-7; Mi-chê 5:2
5. Chồi Nhánh, Ê-sai 4:2; 11:5; 53:2; Jer. 23:5-6; 33:15; Xa-cha-ri 3:8; 6:12 (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Chúa Jesus Người Na-xa-rét)

Tân Ước đã dùng những sự trích dẫn rải rác về sự giả cứu chuộc đặc biệt của Đức Chúa Trời và giải thích rõ cũng như phát triển chúng thành một định nghĩa về Chúa Jesus như Là Đấng Sẽ Đến Đã Được Hứa Từ Trước của Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 16:13-20; Giăng 11:25-27). Hai lần đến của Đấng Mê-si chính là phương cách để bồi đắp những chức năng và danh xưng đa dạng này sẽ được hiệp nhất (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đòi Này và Đòi Sẽ Đến).

Để xem một bài viết rất hay về sự phân biệt trong các Sách Phúc Âm giữa Con loài Người như là một hình mẫu thẩm quyền so với Tôi Tớ Chịu Khổ, hãy xem sách của George E. Ladd, *A Theology of the New Testament*, ở trang 149-158.

▣ **"Jesus"** Tên Hê-bơ-rơ/ A-ram này có nghĩa là "YHWH giải cứu" hoặc "YHWH đem sự cứu chuộc." Nó được mặc khải cho cha mẹ Ngài bởi một thiên sứ (Ma-thi-ơ 1:21). " Jesus" có nguồn gốc từ từ Hê-bơ-rơ dùng cho sự giải cứu, *hosea*, kết hợp một tiếp vĩ ngữ mở đầu của danh xưng giao ước của Đức Chúa Trời, "YHWH." Từ này chính là tên Hê-bơ-rơ Giô-suê. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Những danh xưng dùng cho Đấng Thánh tại Cô-lô-se 1:3.

▣ **" theo ý muốn của Đức Chúa Trời "** Đây là cùng một cụm từ giới thiệu được sử dụng trong Cô-lô-se 1:1; 1 Cô-rinh-tô 1:1; 2 Cô-rinh-tô 1:1; và 2 Ti-mô-thê 1:1. Phao-lô đã hoàn toàn tin chắc rằng Đức Chúa Trời đã lựa chọn ông trở thành một Sứ Đồ. Nghĩa đặc biệt này bắt đầu tại sự trở lại đạo trên đường đến Đa-mách của ông (Công Vụ 9; 22; 26). Đây chính là một phương cách thần học để khẳng định về thẩm quyền sứ đồ của ông. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-phê-sô 1:9.

▣ **" kính gửi các thánh đồ "** "các thánh đồ" (*hagioi*) liên hệ về mặt thần học với từ Cựu Ước "thánh" (*kadosh*), vốn có nghĩa là "được biệt riêng ra cho chức vụ của Đức Chúa Trời" (1 Cô-rinh-tô 1:2; 2 Cô-rinh-tô 1:1; Rô-ma 1:7; Phi-líp 1:1; Cô-lô-se 1:2). Từ này ở dạng Số Nhiều trong Tân Ước ngoại trừ một lần duy nhất trong Phi-líp (4:21), nhưng ngay cả ở đó, cũng được sử dụng trong nghĩa chỉ về tập thể. Kinh Thánh là một quyển sách dành cho tập thể. Được cứu chính là trở thành một phần của cộng đồng giao ước đức tin, gia đình các thánh đồ. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Các thánh đồ tại Cô-lô-se 1:2.

Dân sự của Đức Chúa Trời là thánh khiết bởi vì sự công chính quy ước của Chúa Jesus (Rô-ma 4; 2 Cô-rinh-tô 5:21). Nó chính là ý muốn của Đức Chúa Trời rằng họ sẽ sống những cuộc đời thánh khiết (Ê-phê-sô 1:4; 2:10; 4:1; 5:27; Cô-lô-se 1:22; 3:12; Ma-thi-ơ 5:48). Các tín đồ đều được xưng là thánh khiết (sự nên thánh về mặt địa vị) và được gọi đến một lối sống thánh khiết (sự nên thánh theo tiến trình). Sự xưng công chính và nên thánh phải được khẳng định cùng với nhau!

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ NÊN THÁNH

Kinh thánh Tân ước khẳng định rằng khi tội nhân quay lại với Chúa Giê-xu bằng sự ăn năn và đức tin, thì họ lập tức được xưng công bình và được nên thánh. Đây là vị trí mới của họ trong Đấng Christ. Sự công bình của Ngài đã được ban cho họ (Rô-ma 4). Họ được tuyên bố là công bình và thánh sạch (hành động theo luật pháp của Đức Chúa Trời).

Nhưng Tân ước cũng khuyến khích các tín nhân phải sống thánh khiết hay là phải nên thánh. Theo phương diện thần học, đây là một địa vị có được qua công tác đã hoàn tất của Chúa Giê-xu, và cũng là một sự kêu gọi trở nên giống Đấng Christ trong thái độ và hành động trong nếp sống hằng ngày. Sự cứu rỗi là một món quà miễn phí, như vậy sự nên thánh là một lối sống phải chịu mất mát nhiều điều (phải trả giá).

Đáp ứng ban đầu

Công-vụ 20:23; 26:18
 Rô-ma 15:16
 I Cô-rinh-tô 1:2-3; 6:11
 II Tê-sa-lô-ni-ca 2:13
 Hê-bơ-rơ 2:11; 10:10,14; 13:12
 I Phi-e-rơ 1:1

Tiến trình giống với Đấng Christ

Rô-ma 6:19
 II Cô-rinh-tô 7:1
 I Tê-sa-lô-ni-ca 3:13; 4:3-4,7; 5:23
 I Ti-mô-thê 2:15
 II Ti-mô-thê 2:21
 Hê-bơ-rơ 12:14
 I Phi-e-rơ 1:15-16
 Hê-bơ-rơ 12:14

NASB "là những người ở Ê-phê-sô"
 NKJV, NRSV "là những người ở Ê-phê-sô"
 TEV "là những người sống tại Ê-phê-sô"
 NJB ---(bỏ qua)---

Ở đây có một vấn đề về mặt bản thảo. Một vài bản thảo cổ Hy Lạp (P⁴⁶, κ^* , B^{*}, cũng như bản Hy Lạp được dùng bởi Origen và Tertullain) bỏ qua "tại Ê-phê-sô." Nhân vật tà giáo Marcion thời kỳ đầu gọi thư Ê-phê-sô là "Lá Thư gửi cho Người Lao-đi-xê." Cụm từ này xuất hiện trong những bản thảo ông-xi-an κ^2 , A, B², D, F, và G. Nó cũng xuất hiện trong những bản dịch Vulgate, Syriac, Coptic và Armenian.

Ngữ pháp Hy Lạp của Ê-phê-sô 1:1 có thể bao gồm tên một địa điểm. Vì vậy tên của địa điểm có lẽ đã bị bỏ qua với chủ ý bởi vì lá thư này có chức năng như một lá thư được gửi rộng rãi, mỗi hội thánh điền vào chính tên của họ khi đọc lớn trong buổi thờ phượng cộng đồng. Từ rất sớm, một người chép Kinh Thánh tại Ê-phê-sô (hội thánh lớn nhất trong khu vực) đã điền vào chỗ trống.

☐ "là những người trung tín" Tất cả những từ "đức tin," "sự tin cậy," và "tin" được dùng trong những bản dịch tiếng Anh đều có cùng một từ gốc Hy Lạp (*pistis*). Nguồn gốc khởi nguyên Cựu Ước của từ này chính là sự đáng tin cậy của Đức Chúa Trời, chứ không phải sự nhiệt thành hoặc chân thành của sự đáp ứng của con người. Những tín đồ phải đáp ứng, nhận lãnh và tin cậy nơi đặc tính đáng tin cậy và những lời hứa đời đời của Ngài. Điểm then chốt chính là mục tiêu của đức tin của chúng ta, chứ không phải là sự mạnh mẽ của đức tin đó. Cơ Đốc Giáo chính là đức tin nơi Đấng Christ, chứ không phải đức tin vào đức tin. Cơ Đốc Giáo chính là sự đáp ứng ăn năn và đức tin khởi nguyên được đi theo bởi một lối sống trung tín. Đức tin theo Kinh Thánh chính là một chuỗi của sự lựa chọn-ăn năn, đức tin vâng phục và kiên trì chịu đựng của con người.

Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đức tin, tin, tin cậy tại Cô-lô-se 1:2.

1:2 "Câu xin ân điển và bình an được ban cho anh em" Cách chào hỏi thông dụng Hy Lạp chính là từ chào hỏi (*charein*), "trở nên một sự vui mừng tốt lành." Phao-lô đã đổi theo một cách rất đặc trưng trở thành một từ có phát âm rất giống, nhưng mang tính chất Cơ Đốc, thuật ngữ, *charis*, hoặc ân điển. Nhiều người đã giả định rằng Phao-lô bởi một cách nào đó đã kết hợp cách chào hỏi Hy Lạp và cách chào hỏi Hê-bơ-rơ với từ "bình an," vốn là từ Hê-bơ-rơ *shalom*. Dù rằng đây là một thuyết khá hấp dẫn, nhưng nó có thể đọc quá nhiều vào cụm từ dẫn nhập đặc trưng của Phao-lô (Rô-ma 1:7; 1 Cô-rinh-tô 1:3; 2 Cô-rinh-tô 1:2; Phi-líp 1:2; và Phi-lê-môn 3). Về mặt thần học, ân điển của Đức Chúa Trời luôn luôn đi trước sự bình an của con người!

☐ "Cha" Từ này không được dùng trong nghĩa của thế hệ về mặt giới tính, hoặc trình tự theo thời gian, nhưng của một mối liên hệ mật thiết mang tính chất gia đình. Đức Chúa Trời chọn lựa những thuật ngữ mang tính chất gia đình để bày tỏ về chính mình Ngài cho nhân loại (ví dụ: trong Ô-sê 2-3 như một người tình đầy nhiệt huyết và chung thủy, trong Ô-sê 11 như một bậc cha mẹ yêu thương). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Cha tại Cô-lô-se 1:2.

☐ "Chúa" Cụm từ Hy Lạp "Chúa" (*kurios*) có thể được sử dụng trong nghĩa chung hoặc trong một nghĩa được phát triển mang tính chất thần học. Nó có thể có nghĩa của "ông," "ngài," "chủ," "chủ nhân," "chồng" (ví dụ, Giăng 4:11,15 và 9:36) hoặc của "Đấng Thần-Nhân trọn vẹn" (ví dụ, Giăng 4:19 và 9:38). Cách sử dụng Cựu Ước (tiếng Hê-bơ-rơ, *adon*) của từ này xuất phát từ sự ngần ngại của người Do Thái để phát âm ra danh xưng

giao ước của Đức Chúa Trời, YHWH (Xuất 3:14, Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Những Danh Xưng Dùng cho Đấng Thánh tại Cô-lô-se 1:3). Họ đều sợ hãi sẽ phá vỡ giao ước vốn chép là, "Người chớ lấy danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ra làm chơi" (Xuất 20:7; Phục Truyền 5:11). Vì vậy, họ suy nghĩ rằng nếu như họ không phát âm nó ra thì họ sẽ không thể lấy nó ra làm chơi được. Vì vậy, họ đã thay thế nó với từ Hê-bơ-rơ *adon*, vốn có cùng một nghĩa tương tự trong tiếng Hy Lạp *kurios* (Chúa). Những tác giả Tân Ước sử dụng từ này để mô tả về thần tính trọn vẹn của Đấng Christ. Cụm từ "Jesus là Chúa" là sự khẳng định công khai đức tin và hình thức tuyên xưng khởi nguyên của hội thánh đầu tiên. (Rô-ma 10:9-13; 1 Cô-rinh-tô 12:3; Phi-líp 2:11).

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): Ê-PHÊ-SÔ 1:3-14

³ Chúc tụng Đức Chúa Trời, Cha của Chúa chúng ta là Đức Chúa Jê-sus Christ, Ngài đã ban cho chúng ta trong Đấng Christ mọi phước hạnh thuộc linh ở các nơi trên trời. ⁴ Ngay cả trước khi sáng thế, Ngài đã chọn chúng ta trong Đấng Christ, để chúng ta được thánh hóa và không chỗ chê trách trước mặt Ngài. ⁵ Trong tình yêu thương, Ngài đã định sẵn cho chúng ta địa vị làm con nuôi của Ngài bởi Đức Chúa Jê-sus Christ, theo mục đích tốt đẹp của ý muốn Ngài, ⁶ để ca ngợi ân điển vinh quang mà Ngài đã ban tặng cho chúng ta trong Con yêu dấu của Ngài! ⁷ Vì trong Đấng Christ, chúng ta được cứu chuộc bởi huyết Ngài, được tha tội theo sự phong phú của ân điển Ngài, ⁸ là ân điển mà Ngài ban cho chúng ta một cách dư dật. Với tất cả sự khôn ngoan thông hiểu, ⁹ Ngài khiến chúng ta biết được sự mầu nhiệm của ý muốn Ngài, theo mục đích tốt đẹp mà Ngài đã định sẵn trong Đấng Christ, ¹⁰ để đến thời viên mãn, quy tụ muôn vật lại trong Đấng Christ, cả những vật trên trời và dưới đất. ¹¹ Cũng trong Ngài, chúng ta được chọn làm người thừa hưởng cơ nghiệp được định sẵn theo kế hoạch của Đức Chúa Trời, Đấng hoàn thành mọi sự theo mục đích Ngài muốn, ¹² để chúng ta, những người đầu tiên đặt hi vọng trong Đấng Christ, ca ngợi vinh quang của Ngài. ¹³ Trong Ngài, anh em là người đã nghe lời chân lý, là Tin Lành mà anh em được cứu rỗi. Cũng trong Ngài, anh em đã tin và được đóng ấn bằng Đức Thánh Linh như lời hứa. ¹⁴ Đấng ấy là bảo chứng của cơ nghiệp chúng ta cho đến khi những người thuộc về Ngài nhận được sự cứu chuộc, để ca ngợi vinh quang của Ngài.

1:3 Những câu 3-14 là một câu Hy Lạp dài, vốn bày tỏ đặc trưng thật sự của sách này (Ê-phê-sô 1:3-14, 15-23; 2:1-10, 14-18, 19-22; 3:1-12, 14-19; 4:11-16; 6:13-20).

☐ " **Chúc tụng Đức Chúa Trời** " Từ Hy Lạp "sự tán dương" (*eulogō*) luôn được sử dụng trong sự ngợi khen Đức Chúa Trời. Nó chính là một từ khác từ từ "được chúc phước" (*makarios*) trong bài giảng trên núi (Những Phước Lành) (Ma-thi-ơ 5:1-9, 10-11). Đức Chúa Cha đã sai Con và Thánh Linh để mang những kẻ tin vào trong mối liên hệ với chính mình Ngài và mối liên hệ lẫn nhau.

Phao-lô đã mở đầu những lá thư của ông với một lời cầu nguyện cảm tạ cho những người nhận (Ê-phê-sô 1:15-23), nhưng ở đây trong một lá thư gửi rộng rãi, ông đã chấp bút một bài ngợi khen mở rộng dành cho Đức Chúa Trời Ba Ngôi.

☐ " **Ngài đã ban cho chúng ta trong Đấng Christ mọi phước hạnh** " Đức Chúa Trời được chúc tụng ban phước cho những tín đồ! Những tín đồ nhận lãnh mọi sự thông qua Đấng Christ. Những câu 3-14 là một câu trong tiếng Hy Lạp, vốn chỉ ra công việc của Ba Ngôi, trước cả cõi thời gian, trong cõi thời gian và vượt quá cõi thời gian. Tuy nhiên, sự thúc giục của Cha được tán dương trong cả ba phần (Ê-phê-sô 1:3-6, 7-12 và 13-14).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: BA NGÔI ĐỨC CHÚA TRỜI

Đề ý đến công tác của cả Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Tertullian là người đầu tiên dùng chữ "Ba ngôi," không phải là chữ Kinh Thánh dùng, nhưng khái niệm này lan tỏa rộng khắp.

A. Các sách Phúc âm

1. Ma-thi-ơ 3:16-17; 20:19 (và những câu tương ứng)
2. Giăng 14:26

B. Công-vụ 2:32-33, 38-39

C. Phao-lô

1. Rô-ma 1:4-5; 5:1,5; 8:1-4,8-10
2. I Cô-rinh-tô 2:8-10; 12:4-6
3. II Cô-rinh-tô 1:21; 13:14

4. Ga-la-ti 4:4-6
5. Ê-phê-sô 1:3-14,17; 2:18; 3:14-17; 4:4-6
6. I Tê-sa-lô-ni-ca 1:2-5
7. II Tê-sa-lô-ni-ca 2:13
8. Tít 3:4-6

D. Phi-e-rơ trong I Phi-e-rơ 1:2

E. Giu-đe trong câu 20,21

Cựu ước cũng có hướng về điều này

A. Sử dụng số nhiều để chỉ Đức Chúa Trời

1. Danh hiệu *Elohim* là số nhiều, nhưng khi dùng cho Đức Chúa Trời nó luôn có động từ ở số ít
2. Chữ “chúng ta” trong Sáng-thế-ký 1:26-27; 3:22; 11:7
3. Chữ “Một” trong kinh *Shema* trong Phục truyền 6:4 ở số nhiều (cũng như trong Sáng-thế-ký 2:24; Ê-xê-chi-ên 37:17)

B. Thiên sử của Chúa là đại diện thấy được của thần linh

1. Sáng-thế-ký 16:7-13; 22:11-15; 31:11,13; 48:15-16
2. Xuất Ê-díp-tô ký 3:2,4; 13:21; 14:19
3. Các quan xét 2:1; 6:22-23; 13:3-22
4. Xa-cha-ri 3:1-2

C. Đức Chúa Trời và Thánh Linh riêng biệt nhau, Sáng-thế-ký 1:1-2; Thi thiên 104:30; Ê-sai 63:9-11; Ê-xê-chi-ên 37:13-14

D. Đức Giê-hô-va (YHWH) và Đấng Mét-si-a (*Adon*) riêng biệt nhau, Thi thiên 45:6-7; 110:1; Xa-cha-ri 2:8-11; 10:9-12

E. Đấng Mét-si-a và Thánh Linh phân biệt với nhau, Xa-cha-ri 12:10

F. Cả ba đều được nói đến trong Ê-sai 48:16; 61:1

Thần tánh của Chúa Jê-sus và thân vị Đức Thánh Linh đã gây vấn đề cho những người tin Chúa cách nghiêm ngặt, chỉ theo độc thần thời kỳ đầu:

1. Tertullian cho rằng Đức Chúa Con ở dưới Đức Chúa Cha
2. Origen hạ thấp bản chất thần linh của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh
3. Arius không chấp nhận thần tính của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh
4. Monarchianism tin vào sự bày tỏ lần lượt của Đức Chúa Trời

Khái niệm Ba Ngôi là một mô thức được phát triển qua lịch sử dưới sự soi sáng của dữ liệu Kinh thánh

1. Thần tính đầy đủ của Chúa Jê-sus, ngang bằng với Đức Chúa Cha, được xác nhận trong Giáo hội nghị Nicea vào năm 325.
2. Thân vị và thần tính đầy đủ của Đức Thánh Linh bằng với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con được xác nhận trong Giáo hội nghị Constantinople năm 381.
3. Giáo lý Ba Ngôi được trình bày đầy đủ trong tác phẩm *De Trinitate* của Augustine

Thật sự ở đây là một sự huyền diệu. Nhưng Tân ước dường như xác nhận một bản chất thần linh thể hiện với ba thân vị đời đời.

NASB,NKJV, "tại các nơi trên trời "
 NRSV "tại thế giới thiên đàng "
 TEV NJB "những phước hạnh thuộc linh của thiên đàng "

Tính từ số nhiều giống trung tính mang tính địa điểm (của lãnh vực) (locative (of sphere) neuter plural adjective) này "tại các nơi trên trời" (*epouranious*) đã được sử dụng chỉ trong Ê-phê-sô (Ê-phê-sô 1:20; 2:6; 3:10; 6:12). Từ trong văn mạch của tất cả những lần sử dụng của nó, nó phải có nghĩa về lãnh địa thuộc linh mà tại đó những tín đồ sống ở tại đây, bây giờ, chứ không phải cõi thiên đàng.

1:4 " Ngài đã chọn chúng ta " Đây là một thể chỉ định trung cách thì bất định (aorist middle indicative) vốn nhấn mạnh về sự lựa chọn chủ định của đối tượng. Sự tập chú vào sự lựa chọn của Đức Chúa Cha trước cả cõi thời gian. Sự lựa chọn của Đức Chúa Trời không được hiểu trong nghĩa Hội Giáo của thuyết định mệnh hoặc nghĩa Calvin cực đoan của "Đức Chúa Trời chọn một vài người và Đức Chúa Trời không chọn những người khác," nhưng trong một nghĩa giao ước. Đức Chúa Trời hứa sẽ cứu chuộc nhân loại sa ngã (Sáng 3:15). Đức Chúa Trời đã kêu gọi và lựa chọn Áp-ra-ham để Ngài lựa chọn toàn bộ nhân loại (Sáng 12:3; Xuất 19:5-6). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Kế Hoạch Cứu Chuộc Đời Đời của YHWH. Đức Chúa Trời đã kêu gọi tất cả mọi người

trong Đấng Christ (Giăng 3:16; 1 Ti-mô-thê 2:4; 2 Phi-e-rơ 3:9; 1 Giăng 2:2; 4:14. Chính Đức Chúa Trời đã tuyển chọn tất cả mọi người là những người sẽ thực hành đức tin nơi Đấng Christ. Sự lựa chọn của những tín đồ của sự tin cậy nơi Đấng Christ khẳng định, chứ không phải quyết định, sự lựa chọn của Đức Chúa Trời trên họ. Đức Chúa Trời luôn nắm phần khởi nguyên trong sự cứu chuộc (Giăng 6:44, 65). Phần Kinh Thánh này và Rô-ma 8:28-30; 9:1-33 chính là những phần Kinh Thánh Tân Ước chính yếu cho tín lý của sự tiền định được nhấn mạnh bởi Augustine và Calvin.

Đức Chúa Trời chọn lựa các tín đồ không chỉ cho sự cứu chuộc (sự xưng công chính) nhưng cũng cho sự nên thánh (Cô-lô-se 1:12)! Điều này liên hệ với

1. Địa vị của chúng ta trong Đấng Christ (2 Cô-rinh-tô 5:21)

2. Sự khao khát của Đức Chúa Trời để sản sinh ra đặc tính của chính Ngài trong những con cái của Ngài (Ê-phê-sô 2:10; Rô-ma 8:28-29; Ga-la-ti 4:19; 1 Tê-sa 4:3)

Ý định của Đức Chúa Trời cho con cái của Ngài là cả thiên đàng một ngày kia và sự trở nên giống như Đấng Christ ngay bây giờ!

Những đại từ trong phần Kinh Thánh này khá mơ hồ về nghĩa. Hầu hết chúng đều chỉ đến Đức Chúa Cha. Cả phần Kinh Thánh này đều nói về tình yêu, mục đích và kế hoạch cứu chuộc nhân loại sa ngã của Ngài. Tuy nhiên, trong văn mạch ở đây, rõ ràng những đại từ trong Ê-phê-sô 1:7, 9, 13 & 14 chỉ về Chúa Jesus.

☐ **"trong Ngài"** Đây là một khái niệm quan trọng then chốt. Những phước hạnh của Đức Chúa Cha, ân điển và sự cứu chuộc tuôn chảy chỉ qua Đấng Christ (Giăng 10:7-18; 14:6). Hãy chú ý sự lặp lại của cấu trúc ngữ pháp này (mang tính địa điểm của lãnh vực) trong Ê-phê-sô 1:3, "trong Christ"; Ê-phê-sô 1:4, "trong Ngài"; Ê-phê-sô 1:7, "trong Ngài"; Ê-phê-sô 1:9, "trong Ngài"; Ê-phê-sô 1:10, "trong Đấng Christ," "trong Ngài"; Ê-phê-sô 1:12, "trong Đấng Christ" và Ê-phê-sô 1:13, "trong Ngài" (hai lần). Những cụm từ này đều song hành với "trong Con Yêu Dấu" trong Ê-phê-sô 1:6. Chúa Jesus chính là câu trả lời "có" của Đức Chúa Trời dành cho nhân loại sa ngã (Karl Barth). Chúa Jesus chính là Đấng được lựa chọn và tất cả đều là những người được lựa chọn tiềm năng trong Ngài (Giăng 3:16). Tất cả những phước hạnh của Đức Chúa Cha tuôn chảy qua Đấng Christ.

☐ **" trước khi sáng thế "** Cụm từ này cũng được dùng trong Ma-thi-ơ 25:34; Giăng 17:24; 1 Phi-e-rơ 1:19- 20 và Khải Huyền 13:8. Nó bày tỏ về những hoạt động cứu chuộc của Đức Chúa Trời Ba Ngôi ngay cả trước Sáng 1:1. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Cách Sử Dụng Từ *Kosmos* của Phao-lô tại Cô-lô-se 1:6. Nhân loại bị giới hạn bởi định nghĩa về thời gian của họ; tất cả mọi sự đối với chúng ta đều là quá khứ, hiện tại, và tương lai, nhưng không bị giới hạn đối với Đức Chúa Trời. Lịch sử đối với Ngài đều là hiện tại mang tính chất đời đời.

☐ **" để chúng ta được thánh hóa và không chỗ chê trách trước mặt Ngài "** Mục tiêu của sự tiền định chính là sự nên thánh, chứ không phải là một đặc quyền. Sự kêu gọi của Đức Chúa Trời không phải để chọn lựa một vài người trong dòng dõi của A-đam, nhưng là tất cả! Nó là một sự kêu gọi trở nên những gì mà Đức Chúa Trời đã dự định cho nhân loại để trở thành, giống như chính Ngài, ví dụ, trở nên giống như Đấng Christ, (Rô-ma 8:28-30; 2 Cô-rinh-tô 3:18; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 4:13; 1 Tê-sa 3:13; 4:3; 5:23; 2 Tê-sa 2:13; Tít 2:14; 1 Phi-e-rơ 1:15); trong hình ảnh của Ngài (Sáng 1:26-27). Việc biến sự tiền định thành một chủ nghĩa thần học thay vì một đời sống thánh khiết thật là một bi kịch. Thường thường những nguyên tắc cơ bản thần học mang tính hệ thống của chúng ta còn nói ồn ào hơn là Lời Kinh Thánh!

Từ "không chỗ chê trách" (*amōmos*) hoặc "được giải phóng khỏi sự tì vết " được sử dụng cho

1. Chúa Jesus, (Hê-bơ-rơ 9:14; 1 Phi-e-rơ 1:19)

2. Xa-cha-ri và Ê-li-sa-bét (Lu-ca 1:6)

3. Phao-lô (Phil 3:6)

4. Tất cả mọi Cơ Đốc Nhân chân thật (Phi-líp 2:15; 1 Tê-sa 3:13; 5:23) Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Cô-lô-se 1:22.

Ý muốn không đời đời của Đức Chúa Trời cho tất cả mọi tín đồ không chỉ là thiên đàng sau này, nhưng là sự trở nên giống như Đấng Christ ngay bây giờ (Rô-ma 8:29- 30; 2 Cô-rinh-tô 3:18; Ga-la-ti 4:19; 1 Tê-sa 3:13; 4:3; 1 Phi-e-rơ 1:15). Các tín đồ cần phải phản chiếu những đặc tính của Đức Chúa Trời cho một thế giới hư mất phục vụ cho mục đích truyền giáo.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ THÁNH KHIẾT

I. Cách dùng trong Cựu ước

A. Nguồn gốc của chữ này (*kadosh*) không rõ lắm, có thể là thuộc ngôn ngữ Ca-na-an. Có thể một phần của gốc từ này (*kd*) có nghĩa là "chia ra." Đây là nguồn gốc của định nghĩa phổ thông "được biệt

riêng ra (từ văn hóa Ca-na-an, Phục truyền 7:6; 14:2, 21; 26:19) để Chúa sử dụng”

- B. Nó liên hệ đến sự tôn thờ các sự vật, nơi chôn, thời điểm và con người. Nó không được sử dụng trong Sáng-thế-ký, nhưng trở nên phổ biến trong Xuất Ê-díp-tô ký, Lê-vi-ký và Dân-số-ký.
- C. Trong các sách tiên tri (đặc biệt là Ê-sai và Ô-sê), khía cạnh cá nhân trình bày trước đó, nhưng không được nhấn mạnh, đã được đưa ra phía trước. Nó trở thành cách mô tả bản chất của Đức Chúa Trời (Ê-sai 6:3). Đức Chúa Trời thánh khiết. Danh hiệu thánh khiết đại diện cho bản chất của Ngài. Dân của Ngài, những người sẽ bày tỏ bản tính của Ngài cho một thế giới đang cần Ngài, là một dân thánh (nếu họ vâng theo giao ước trong đức tin).
1. TÍNH TỪ, BDB 872 שָׁדָק, "thánh khiết," "thánh" được dùng cho
 - a. Đức Chúa Trời, Ê-sai 5:16; 6:3 (ba lần); Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đấng Thánh
 - b. Danh Ngài, Ê-sai 40:25; 49:7; 57:15
 - c. Nơi Ngài Ngự, Ê-sai 57:15
 - d. Ngày Sa-bát của Ngài, Ê-sai 58:13
 2. ĐỘNG TỪ, BDB 872 שָׁדָק, "được biệt riêng," "được biệt riêng ra thánh"
 - a. Đặc tính của Đức Chúa Trời, Ê-sai 5:16; 29:23
 - b. Đức Chúa Trời, Ê-sai 8:13; 65:5
 - c. Các thiên sứ của Đức Chúa Trời, Ê-sai 13:3
 - d. Danh của Đức Chúa Trời, Ê-sai 29:23
 - e. Kỳ lễ, Ê-sai 30:29
 - f. Những người được biệt riêng ra thánh, Ê-sai 66:17
 3. DANH TỪ, BDB 871 שָׁדָק, "sự biệt riêng ra thánh," "sự thánh"
 - a. hạt giống thánh, Ê-sai 6:13
 - b. núi thánh, Ê-sai 11:9; 27:13; 56:7; 57:13; 65:11,25; 66:20
 - c. biệt riêng, Ê-sai 23:18
 - d. con đường thánh, Ê-sai 35:8
 - e. nơi thánh, Ê-sai 43:28; 62:9; 64:11
 - f. thành thánh, Ê-sai 48:2; 52:1
 - g. Đấng Thánh, Ê-sai 49:7 (Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đấng Thánh)
 - h. Cánh tay Thánh, Ê-sai 52:10
 - i. Ngày thánh, Ê-sai 58:13
 - j. Dân thánh, Ê-sai 62:12
 - k. Thánh Linh, 63:10,11
 - l. Ngai của Đức Chúa Trời, Ê-sai 63:15
 - m. Nơi thánh, Ê-sai 63:18
 - n. Các thành thánh, Ê-sai 64:10
- D. Lòng thương xót và tình yêu của Đức Chúa Trời không thể tách rời khỏi quan điểm thần học về sự giao ước, công bình và các bản tính quan trọng. Tại đây có sự giằng co trong Đức Chúa Trời đối với con người bất khiết, sa ngã và chống nghịch. Có một bài viết thú vị về mối liên hệ giữa một Đức Chúa Trời “đầy thương xót” và một Đức Chúa Trời “thánh khiết” của Robert B. Girdlestone, *Synonyms of the Old Testament*, trang 112-113.

II. Cách dùng trong Tân ước

- A. Các tác giả trong Tân ước là những tư tưởng gia Hê-bơ-rơ (ngoại trừ Lu-ca), nhưng bị ảnh hưởng bởi lối văn thông dụng của Hy-lạp Koine (bản LXX). Chính bản dịch Hy-lạp của Cựu ước chi phối từ ngữ của họ, chứ không phải văn chương cổ điển, tư tưởng hay tôn giáo Hy-lạp.
- B. Chúa Jêsus thánh khiết vì Ngài từ Đức Chúa Trời, giống Đức Chúa Trời và là Đức Chúa Trời (Lu-ca 1:35; 4:34; Công-vụ 3:14; 4:27,30). Ngài là Đấng công bình và thánh khiết (Công-vụ 3:14; 22:14). Chúa Jêsus thánh khiết vì Ngài không có tội (Giăng 8:46; II Cô-rinh-tô 5:21; Hê-bơ-rơ 4:15; 7:26; I Phi-e-rơ 1:19; 2:22; I Giăng 3:5).
- C. Bởi vì Đức Chúa Trời thánh khiết, con cái Ngài cũng phải thánh khiết (Lê-vi-ký 11:44-45; 19:2; 20:7, 26; Ma-thi-ơ 5:48; I Phi-e-rơ 1:16). Bởi vì Chúa Jêsus thánh khiết, những người theo Ngài cũng phải thánh khiết (Rô-ma 8:28-29; II Cô-rinh-tô 3:18; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4; I Tê-sa-lô-ni-ca 3:13; 4:3; I Phi-e-rơ 1:15). Cơ-độc nhân được cứu để phục vụ giống Đấng Christ

☐ " Trong tình yêu thương " Về mặt ngữ pháp, cụm từ này có thể đi cùng với câu 4 hoặc câu 5. Tuy nhiên, khi cụm từ này được sử dụng trong những chỗ khác trong Ê-phê-sô nó luôn luôn chỉ về tình yêu của con người đối

với Đức Chúa Trời (Ê-phê-sô 3:17; 4:2,15,16).

1:5

NASB	"Ngài tiền định chúng ta"
NKJV	"đã tiền định chúng ta "
NRSV	"Ngài đã dự định trước chúng ta"
TEV	"Đức Chúa Trời đã lựa chọn chúng ta rồi "
NJB	"đánh dấu chúng ta cho chính mình Ngài từ trước "

Đây là một phân từ chủ động thì bất định (aorist active participle). Từ Hy Lạp này là một từ ghép của "trước" (*pro*) và "đánh dấu" (*horizō*). Nó chỉ về kế hoạch cứu chuộc được tiền định của Đức Chúa Trời, Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Kế Hoạch Cứu Chuộc Đời Đời của YHWH tại Ê-phê-sô 3:6, (Lu-ca 22:22; Công Vụ 2:23, 4:28; 13:29; 17:31; Rô-ma 8:29-30). Hãy chú ý kế hoạch của Đức Chúa Trời là mang tính tập thể (Công Vụ 13:48). Chủ nghĩa cá nhân Hoa Kỳ đã biến sự nhân mạng tập thể, bao gộp này thành một sự tập chú cá nhân, cá thể, loại trừ. Đức Chúa Trời đã chọn một dân là những người lựa chọn Ngài.

Sự tiền định là một trong một vài lẽ thật liên hệ với sự cứu chuộc cho nhân loại. Nó là một bộ phận của cấu trúc thần học hay của chuỗi những lẽ thật liên hệ với nhau. Nó chưa bao giờ có mục đích để nhấn mạnh vào sự cô lập. Lẽ thật Kinh Thánh đã được trao trong một chuỗi những cặp nghịch lý, đầy căng thẳng. Chủ nghĩa hệ phái có khuynh hướng loại bỏ sự căng thẳng Kinh Thánh này bằng cách nhấn mạnh chỉ một trong những lẽ thật biện chứng này (ví dụ: thuyết tiền định và ý chí tự do của con người; sự yên ninh của tín đồ và sự kiên trì bền đỗ; nguyên tội và kỷ tội; sự không có tội lỗi và sự phạm tội lỗi giảm dần; sự nên thánh được tuyên bố ngay tức thì và sự nên thánh theo tiến trình; đức tin và việc làm; sự tự do của Cơ Đốc Nhân và trách nhiệm Cơ Đốc; sự siêu việt và nội tại).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THUYẾT TIỀN ĐỊNH (CALVINISM) VỚI Ý CHÍ TỰ DO CON NGƯỜI (ARMINIANISM)

Tít 2:11 là sự quân bình với những khúc Kinh Thánh trong Tân Ước về sự lựa chọn. Tôi nghĩ là nó có thể hữu ích về phương diện thần học khi cung cấp các ghi chú giải nghĩa của tôi ở Rô-ma 8:29 và đoạn 9, cũng như Ê-phê-sô đoạn 1.

I.Rô-ma 8:29 – Phao-lô sử dụng chữ “biết trước” (*proginōskō*) hai lần, ở đây và 11:2.

Trong câu 11:2 nó chỉ tình yêu giao ước của Đức Chúa Trời đối với dân Y-sơ-ra-ên trước khi có thời gian. Nên nhớ chữ “biết” trong tiếng Hê-bơ-rơ chỉ mối quan hệ kháng khít, cá nhân, chứ không phải chỉ là những dữ kiện về một người nào (Sáng-thế-ký 4:1; Giê-rê-mi 1:5). Ở đây nó được đặt vào một loạt các sự kiện (xem Rô-ma 8:29-30). Chữ này liên kết với sự tiền định. Tuy nhiên, cần phải nói rằng sự biết trước của Đức Chúa Trời không phải là căn bản dựa vào đó để chọn lựa vì nếu như vậy sự chọn lựa sẽ dựa vào sự đáp ứng trong tương lai của con người sa ngã, mà như vậy là căn cứ trên việc làm của con người. Chữ này cũng được tìm thấy trong Công vụ Các sứ đồ 26:5; I Phi-e-rơ 1:2,20 và II Phi-e-rơ 3:17, “biết trước” (*proginōskō*).

A. “biết trước” (*proginōskō*, "biết từ trước")

Chữ “biết trước” hay “định sẵn” đều là các từ kép với giới từ “trước” (*pro*) và vì vậy nên dịch là “biết trước,” “định sẵn trước,” hay “giới hạn trước.”

Những phân đoạn quyết định về chủ đề thuyết tiền định trong Tân ước là Rô-ma 8:28-30; Ê-phê-sô 1:3-14 và Rô-ma 9. Những khúc kinh văn này rõ ràng nhấn mạnh Đức Chúa Trời toàn quyền. Ngài cầm quyền trên mọi sự. Có một chương trình thiên thượng đã được định trước vận hành theo dòng thời gian. Tuy nhiên, chương trình này không độc đoán hay là phân biệt lựa chọn. Nó không chỉ dựa vào chủ quyền tối cao và sự biết trước của Đức Chúa Trời, nhưng nó cũng dựa vào bản chất yêu thương, thương xót, ân điển cho những người không xứng đáng của Ngài.

Chúng ta cần phải cân trọng với chủ nghĩa cá nhân tây phương (Hoa kỳ) của chúng ta hay là lòng truyền giáo nhiệt thành tô vẽ chân lý sâu nhiệm này. Chúng ta cũng phải xem chừng để không bị rơi vào thái cực mâu thuẫn về thần học trong quá khứ giữa Augustine và Pelegius hay thuyết Calvin và Arminian.

B. “tiền định” (*proorizō*, “hạn chế từ trước (chỉ một số người được cứu)”)

Sự tiền định không phải là một giáo lý để giới hạn tình thương, ân sủng và sự thương xót của Đức Chúa Trời hay là để loại trừ cá nhân hay tập thể nào đó ra khỏi Phúc âm. Nó nhằm làm cho người tin Chúa trở nên mạnh mẽ hơn bằng cách nhào nặn thể giới quan của họ. Đức Chúa Trời là cho tất cả mọi người (I Ti-mô-thê 2:4; II Phi-e-rơ 3:9). Đức Chúa Trời đang nắm quyền kiểm soát tất cả mọi sự. Ai hay là điều gì có thể tách biệt chúng ta khỏi Ngài (xem Rô-ma 8:31-39)? Đức Chúa Trời xem tất cả lịch sử đều như là hiện tại. Con người bị giới hạn bởi thời gian. Tâm nhìn và khả năng hiểu biết của chúng ta bị giới hạn. Không có sự mâu thuẫn nào giữa quyền tối thượng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người. Nó là một cấu trúc giao ước. Đây là một ví dụ khác về lẽ thật Kinh thánh trình bày trong sự căng thẳng biện chứng. Các giáo lý Kinh thánh được trình bày trong những khía cạnh khác nhau. Chúng thường thấy có vẻ như là nghịch lý. Chân lý là sự quân bình giữa những cặp có vẻ như đối nghịch này. Chúng ta không nên loại bỏ sự căng thẳng này bằng cách chọn một phía của những lẽ thật. Chúng ta không nên tách riêng ra bất cứ lẽ thật Kinh thánh nào và cô lập nó.

Có điều quan trọng cần phải bổ túc ở đây: mục đích của sự chọn lựa không phải chỉ có được lên thiên đàng sau khi chúng ta qua đời, nhưng còn phải có một đời sống giống-như-Đấng-Christ khi còn ở trần gian này (xem Rô-ma 8:29; Ê-phê-sô 1:4; 2:10). Chúng ta được chọn lựa để trở nên “thánh khiết và không chỗ trách được”. Đức Chúa Trời chọn chúng ta để biến đổi đời sống chúng ta hầu cho bởi sự biến đổi này mà những người khác nhận biết và đáp ứng bằng đức tin vào Đức Chúa Trời trong Đấng Christ. Sự tiền định không phải là một đặc ân cá nhân, nhưng là một trách nhiệm giao ước. Đây là lẽ thật chính trong phân đoạn này. Đây là mục đích của Cơ Đốc Giáo. Sự thánh khiết là điều Chúa muốn cho mọi người tin Chúa. Chúa chọn chúng ta để trở nên giống với Đấng Christ (Ê-phê-sô 1:4) chứ không phải có một địa vị đặc biệt. Hình ảnh của Đức Chúa Trời đã ban cho con người trong sự sáng tạo (Sáng-thế-ký 1:26; 5:1, 3; 9:6) sẽ được phục hồi.

- C. “phù hợp với hình ảnh của Con Ngài”. Mục đích tối hậu của Đức Chúa Trời là khôi phục lại hình ảnh (của Chúa trong con người) đã bị mất trong sự sa ngã phạm tội. Những tín hữu đã được định từ trước để trở nên giống-như-Đấng-Christ (Ê-phê-sô 1:4).

II. Rô-ma 9

- A. Chương 9 là một trong những chương trình bày mạnh mẽ nhất quyền chủ tể của Đức Chúa Trời (chương còn lại là Ê-phê-sô 1:3-14), trong khi chương 10 trình bày rõ ràng và lặp đi lặp lại về ý chí tự do của con người (“mọi người” câu 4; “kẻ nào” câu 11,13; “tất cả” câu 12 [hai lần]). Phao-lô chưa bao giờ tìm cách giải hòa mối liên hệ thần học căng thẳng này. Cả hai điểm thần học này đều đúng. Hầu hết các tín lý trong Kinh thánh đều được trình bày theo dạng từng cặp biện chứng hay nghịch nhau. Hầu hết các hệ thống thần học chỉ hợp lý cho một nửa của những lẽ thật. Cả thuyết của Augustine và Calvin đối lại với thuyết của Pelagian và Arminian đều có những yếu tố đúng và sai. Sự căng thẳng giữa các quan điểm tín lý về Kinh Thánh lại là điều tốt hơn là một hệ thống thần học tìm cách trung dẫn Kinh thánh, có tính cách giáo điều và duy lý, rồi bắt ép Kinh thánh vào một khuôn giải nghĩa đã định sẵn.

- B. Lẽ thật này cũng được thấy trong Rô-ma 8:29-30 và Ê-phê-sô 1:4, 11. Chương này diễn tả mạnh mẽ nhất tính chủ tể của Đức Chúa Trời trong cả Tân ước. Không thể chối cãi được rằng Đức Chúa Trời hoàn toàn nắm quyền điều khiển trên tạo vật và sự cứu rỗi. Lẽ thật quan trọng này không bao giờ bị thu hẹp lại hoặc bị mềm yếu. Tuy vậy, nó phải được xem xét quân bình với sự lựa chọn của Đức Chúa Trời về giao ước như một phương tiện liên hệ với con người, được dựng nên theo hình ảnh của Ngài. Chắc chắn rằng một số giao ước thời Cựu ước, như Sáng-thế-ký 15, là giao ước vô điều kiện và không liên hệ gì đến sự đáp ứng của con người, nhưng những giao ước khác có điều kiện đòi hỏi con người đáp ứng lại (như là Ê-đên, Nô-ê, Môi-se, Đa-vít).

Đức Chúa Trời có một chương trình cứu rỗi cho tạo vật của Ngài, không ai có thể chi phối được kế hoạch của Ngài. Ngài muốn con người cùng tham gia trong kế hoạch này.

Cơ hội tham gia này là sự giảng co thần học giữa quyền tối thượng (Chúa) (Rô-ma 9) và ý chí tự do của con người (Rô-ma 10).

(Chúng ta) sai lầm khi chỉ chọn một điều chính yếu của Kinh thánh mà bỏ qua điều khác. Có sự giảng co giữa các tín lý bởi vì người Đông phương trình bày lẽ thật theo cặp biện chứng hay cặp đầy căng thẳng. Các tín lý phải được xem xét trong mối liên hệ với các tín lý khác. Chân lý là

một bức tranh khảm được ghép bằng nhiều (viên đá) lẻ thật.

III. Ê-phê-sô 1

A. Sự lựa chọn là một tín lý tuyệt diệu. Tuy nhiên, nó không thúc đẩy hướng về sự thiên vị, nhưng hướng đến việc trở thành một kênh dẫn, một công cụ hay phương tiện để đem sự cứu rỗi đến cho người khác. Trong Cựu ước từ ngữ này chủ yếu được dùng để chỉ sự phục vụ; trong Tân ước nó được dùng chủ yếu cho sự cứu rỗi dẫn đến sự phục vụ. Kinh thánh chưa bao giờ hòa giải điều dường như mâu thuẫn giữa quyền tối thượng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người, nhưng nó đều khẳng định cả hai điều này. Một ví dụ rõ ràng về sự căng thẳng trong Kinh thánh là trong Rô-ma 9 về quyền lựa chọn tối thượng của Đức Chúa Trời và Rô-ma 10 về sự đáp ứng thích hợp của con người (10:11,13).

Chìa khóa giải quyết mâu thuẫn thần học này có thể được tìm thấy trong Ê-phê-sô 1:4. Chúa Giê-su là người được Đức Chúa Trời chọn và cả nhân loại đều có tiềm năng được chọn qua Ngài (Karl Barth). Chúa Giê-xu là câu trả lời “chấp nhận” của Đức Chúa Trời cho nhu cầu thiết yếu của con người sa ngã (Karl Barth). Ê-phê-sô 1:4 cũng giúp làm rõ vấn đề này bằng cách khẳng định rằng mục đích của sự tiền định không chỉ là vào thiên đàng, nhưng còn là sự thánh khiết (sự giống với Đấng Christ). Chúng ta thường bị cuốn hút bởi những ích lợi của Phúc âm mà lơ đi những trách nhiệm từ chính Phúc âm. Sự kêu gọi (lựa chọn) của Đức Chúa Trời là cho lúc (đời) này cũng như cho cõi đời đời.

Các tín lý hiện diện trong mỗi liên hệ với các lẽ thật khác, chứ không đơn độc, hay là những lẽ thật không liên hệ với nhau. Một hình ảnh khá lý thú đó là sự so sánh giữa một dây ngân hà và một vì sao. Đức Chúa Trời trình bày lẽ thật theo lối văn chương Đông phương, chứ không phải Tây phương. Chúng ta không được loại bỏ sự căng thẳng gây ra bởi những cặp tín lý biện chứng (nghịch lý) (Đức Chúa Trời siêu việt so với Đức Chúa Trời nội tại; chắc chắn được cứu rỗi ngược lại việc tiếp tục bèn đỗ; Đức Chúa Giê-xu bình đẳng với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Giê-xu vâng phục Đức Chúa Cha; Sự tự do của Cơ Đốc Nhân và trách nhiệm của Cơ Đốc Nhân đối với người dự phần trong giao ước, v.v...).

Khái niệm thần học về “sự giao ước” làm thống nhất quyền chủ tể của Đức Chúa Trời (là Đấng luôn khởi đầu và hoạch định) với sự đáp ứng bắt buộc phải có lúc ban đầu và được tiếp tục từ con người bằng đức tin và sự ăn năn. Nên cẩn thận khi dùng Kinh thánh để chứng minh chỉ một mặt của nghịch lý này mà xem thường mặt còn lại. Phải cảnh giác việc công nhận những tín lý hoặc hệ thống thần học mà bạn ưa thích.

B. “Ngài đã chọn chúng ta” trong Ê-phê-sô 1:4 là thể CHỈ ĐỊNH TRUNG CẤP THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST MIDDLE INDICATIVE), nó nhấn mạnh chủ ngữ. Điều này chú trọng vào sự lựa chọn của Đức Chúa Cha từ trước khi có thời gian. Sự lựa chọn của Đức Chúa Trời phải được hiểu theo nghĩa giao ước, chứ không theo nghĩa của thuyết định mệnh (determinism) của Hồi giáo và cũng không phải theo nghĩa của thuyết Calvin quá trớn (ultra-Calvinism) một số người được chọn và số khác bị bỏ. Đức Chúa Trời hứa sẽ cứu chuộc loài người sa ngã (Sáng-thế-ký 3:15). Đức Chúa Trời đã chọn và gọi Áp-ra-ham để chọn tất cả mọi người (xem Sáng thế Ký 12:3; Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5-6). Chính Đức Chúa Trời đã chọn tất cả mọi người đặt đức tin nơi Đấng Christ. Đức Chúa Trời luôn chủ động trong kế hoạch cứu rỗi (Giăng 6:44, 65). Khúc Kinh Thánh này và Rô-ma là nền tảng Kinh Thánh cho thuyết tiền định được Augustine và Calvin nhấn mạnh.

Chúa chọn các tín nhân không phải chỉ để cho họ nhận được sự cứu rỗi (xung công bình), nhưng cũng làm cho họ được nên thánh (xem Cô-lô-se 1:12). Điều này có thể liên quan đến (1) địa vị của chúng ta trong Đấng Christ (xem II Cô-rinh-tô 5:21) hoặc (2) Đức Chúa Trời mong muốn làm tái hiện đức tính (tốt) của Ngài trong các con cái của Ngài (xem 2:10; Rô-ma 8:28-29; Ga-la-ti 4:19). Ý chỉ của Đức Chúa Trời là ban cho con cái Ngài bản tính giống với Đấng Christ trong đời này và thiên đàng vào ngày sau.

“Trong Ngài” là một khái niệm cốt yếu của Ê-phê-sô 1:4. Các phước lành, ân sủng, và sự cứu rỗi của Đức Chúa Cha tuôn chảy qua Đức Chúa Giê-xu (xem Giăng 14:6). Nên chú ý vào sự lặp lại của hình thức ngữ pháp (TRƯỜNG SỞ CÁCH (LOCATIVE of SPHERE)) trong câu 3, “trong Đấng Christ”; câu 4, “trong Ngài”; câu 7, “trong Ngài”; câu 9, “trong Ngài”; câu 10, “trong Đấng Christ”, “trong Ngài”; câu 12, “trong Đấng Christ”, và câu 13, “trong Ngài” (hai lần). Chúa Giê-xu là câu trả lời “chấp nhận” của Đức Chúa Trời đối với loài người sa ngã (Karl Barth). Chúa

Jésus là Người Được Chọn của Đức Chúa Cha và mọi người đều có tiềm năng được lựa chọn trong Ngài. Tất cả các phước lành từ Đức Chúa Cha tuôn chảy qua Đấng Christ.

Cụm từ “trước khi lập nên thế gian” cũng được sử dụng trong Ma-thi-ơ 25:34; Giăng 17:24; I Phi-e-rơ 1:19-20 và Khải huyền 13:8. Nó cho thấy chương trình cứu rỗi của Đức Chúa Trời Ba Ngôi có từ trước khi có Sáng thế Ký 1:1. Con người bị giới hạn bởi cảm nhận của chúng ta về thời gian, đối với chúng ta mọi thứ là trong quá khứ, hiện tại và tương lai, nhưng đối với Đức Chúa Trời thì không phải như vậy.

Mục đích của sự định trước là sự nên thánh, chứ không phải là đặc ân. Đức Chúa Trời kêu gọi không chỉ một số người được lựa chọn của con cháu A-đam nhưng là tất cả.

Đó là một sự kêu gọi mà Đức Chúa Trời dự định cho nhân loại, là trở nên giống như Ngài (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 5:23; II Tê-sa-lô-ni-ca 2:13), theo hình ảnh của Ngài (xem Sáng thế Ký 1:26-27). Biến đổi sự định trước thành một nguyên tắc thần học thay vì một lối sống thánh khiết sẽ là một thảm họa. Thường thì thần học của chúng ta “nói thêm, nói nhiều” hơn bản văn Thánh Kinh.

Chữ “không chỗ trách được” (amōmos) hoặc “không tì vết” được sử dụng cho

1. Đức Chúa Giê-xu (xem Hê-bơ-rơ 9:14; I Phi-e-rơ 1:19);
2. Xa-cha-ri và Ê-li-sa-bét (xem Lu-ca 1:6),
3. Phao-lô (xem Phi-líp 3:6), và
4. tất cả các Cơ Đốc Nhân đích thực (xem Phi-líp 2:15; I Tê-sa-lô-ni-ca 3:13; 5:23). Ý chỉ không đòi hỏi của Đức Chúa Trời cho mọi Cơ Đốc Nhân không chỉ là thiên đàng trong đời sau nhưng là trở nên giống như Đấng Christ trong hiện tại (xem Rô-ma 8:29-30; Ga-la-ti 4:19; I Phi-e-rơ 1:2). Các tín hữu bày tỏ những đức tính của Đức Chúa Trời cho thế giới hư mất chính là chủ đích của truyền giảng Phúc Âm.

Về phương diện ngữ pháp, cụm từ “trong tình yêu” trong câu này có thể đi với cả câu 4 hay câu 5. Tuy nhiên, khi cụm từ này được sử dụng ở những nơi khác trong Ê-phê-sô, nó luôn luôn đề cập đến tình yêu của con người đối với Đức Chúa Trời (xem 3:17; 4:2,15,16).

- C. Trong Ê-phê-sô 1:5 cụm từ “Ngài đã định trước cho chúng ta” ở dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE PARTICIPLE). Chữ Hy Lạp này là một từ ghép của “trước” và “tách riêng ra, lựa chọn” Nó đề cập đến kế hoạch cứu rỗi mà Đức Chúa Trời đã định từ trước (xem Lu-ca 22:22; Công vụ Các sứ đồ 2:23; 4:28; 17:31; Rô-ma 8:29-30). Tiên định là một trong nhiều lẽ thật liên quan đến sự cứu rỗi nhân loại. Nó là một bộ phận trong kiểu mẫu thần học hay trong số nhiều lẽ thật có liên quan. Nó không bao giờ có ý định đặt trọng tâm vào sự tách biệt. Lẽ thật Kinh Thánh đã được trình bày trong một loạt các cặp đối nghịch đầy căng thẳng. Khuynh hướng đề cao hệ phái (Denominationalism) có xu hướng loại bỏ sự căng thẳng trong Kinh Thánh bằng cách quan trọng hóa chỉ một tín lý trong các cặp biện chứng này (sự tiên định ngược với ý chí tự do của con người, an tâm (vì chắc chắn được cứu) của tín hữu với sự bèn đỗ của các thánh đồ; tội nguyên thủy với tội phạm chủ ý; bản chất không phạm tội với càng ít phạm tội; sự xưng công bình ngay lập tức với sự thánh hóa tiệm tiến, đức tin với việc làm; sự tự do của Cơ Đốc Nhân với trách nhiệm của Cơ Đốc Nhân; siêu việt và nội tại).

Sự lựa chọn của Đức Chúa Trời không dựa trên sự biết trước về thành tích sẽ đạt được của con người, nhưng dựa trên đức tính nhân từ của Ngài (xem các câu 9 & 11). Ngài muốn tất cả sẽ được cứu (không phải chỉ là một số người đặc biệt như những người tin Trí Huệ Giáo (Gnostics) hoặc những người tin theo chủ thuyết Calvin hiện đại cực đoan (modern day ultra-Calvinists)) (xem Ê-xê-chi-ên 18:21-23,32; Giăng 3:16-17; I Ti-mô-thê 2:4; 4:10; Tít 2:11; II Phi-e-rơ 3:9). Ân sủng của Đức Chúa Trời (đức tính của Chúa) là chìa khóa thần học cho đoạn văn này (xem các câu 6a, 7c, 9b), cũng như lòng thương xót của Đức Chúa Trời là chìa khóa của phân đoạn khác về tiên định trong Rô-ma 9-11.

Hy vọng duy nhất của nhân loại sa ngã là ân sủng và lòng thương xót của Đức Chúa Trời (xem Ê-sai 53:6 và một số đoạn Kinh Thánh khác trong Cựu Ước được trích dẫn trong Rô-ma 3:9-18).

Nó thiết yếu cho việc giải thích ý nghĩa thần học của những chương đầu tiên này để công nhận rằng Phao-lô nhấn mạnh vào tiên định (trong đoạn 1), ân điển (trong chương 2), và kế hoạch cứu chuộc đời đời của Đức Chúa Trời (sự huyền nhiệm, 2:11-3:13) và những điều đó hoàn toàn không có liên quan gì với thành tích của con người. Làm điều này là để đối trọng (chống) lại sự nhấn mạnh thái quá của các giáo sư giả cậy vào thành tích và kiêu hãnh của con người.

▣ **" địa vị làm con nuôi "** Đây là ẩn dụ mang tính gia đình của Phao-lô (Rô-ma 8:15,23; 9:4; Ga-la-ti 4:5). Nó là một trong một vài ẩn dụ Phao-lô sử dụng để mô tả về sự cứu rỗi với sự nhấn mạnh về sự yên ninh. Rất khó và đắt đỏ để nhận một đứa trẻ thành con nuôi trong hệ thống luật pháp La Mã, nhưng một khi đã được thực hiện, nó rất mang tính trời buộc. Một người cha La Mã có quyền về mặt luật pháp để phế truất sự thừa kế và thậm chí giết bỏ những con cái tự nhiên, nhưng không có quyền đó trên những con cái được nhận làm con nuôi. Điều này phản ánh sự yên ninh của các tín đồ trong Đấng Christ (Ê-phê-sô 2:5,9; Giăng 6:37,39; 10:28).

NASB "theo dự định tốt lành của ý muốn Ngài "
NKJV, NRSV "theo sự vui lòng tốt lành của ý muốn Ngài "
TEV "đây chính là sự vui lòng và mục đích của Ngài "
NJB "Thật là ý định và sự vui lòng tốt lành của Ngài "

Sự lựa chọn của Đức Chúa Trời không dựa trên sự biết trước về biểu hiện của nhân loại, nhưng trên đặc tính ân điển của Ngài (Ê-phê-sô 1:7, "tùy theo sự giàu có của ân điển Ngài"; Ê-phê-sô 1:9, "tùy theo ý định tốt lành của Ngài"; Ê-phê-sô 1:11, "tùy theo mục đích của Ngài "). Ngài mong muốn rằng tất cả (không chỉ một số người đặc biệt như những người Trí Huệ giáo hoặc những người theo thuyết Calvin cực đoan hiện đại) sẽ được cứu (Ê-xê-chi-ên 18:21-23, 32; John 3:16-17; 1 Ti-mô-thê 2:4; 4:10; Tít 2:11; 2 Phi-e-rơ 3:9; 1 Giăng 2:2; 4:11). Ân điển của Đức Chúa Trời (đặc tính của Đức Chúa Trời) chính là chìa khóa thần học cho đoạn Kinh Thánh này (Ê-phê-sô 1:6a; 7c; 9b), cũng như là sự thương xót của Đức Chúa Trời chính là chìa khóa của những đoạn Kinh Thánh khác nói về sự tiền định, như Rô-ma 9-11.

Hy vọng duy nhất của nhân loại sa ngã chính là ân điển và sự thương xót của Đức Chúa Trời (Công Vụ 15:11; Rô-ma 3:24; 5:15; Ê-phê-sô 2:5,8) và đặc tính không đòi hỏi của Ngài (Thi Thiên 102:27; Ma-la-chi 3:6; Gia-cơ 1:17; 1 Giăng 1:5).

▣ **" của Ngài bởi Đức Chúa Jêsus Christ "** Cụm từ này mô tả tình yêu của Đức Chúa Cha, cũng như Giăng 3:16 (2 Cô-rinh-tô 13:14). Chúa Jesus chính là chương trình của Đức Chúa Cha để phục hồi tất cả mọi sự (Đấng Mê-si, Ê-phê-sô 1:10; 1 Cô-rinh-tô 15:25-28; Cô-lô-se 1:15-23). Chỉ có một con đường duy nhất và con đường đó chính là một người (một Đấng) (Giăng 14:6; Công Vụ 4:12; 1 Ti-mô-thê 2:5). Chủ đề của Ê-phê-sô chính là sự hiệp một của muôn vật trong Đấng Christ.

1:6 " để ca ngợi ân điển vinh quang mà Ngài " Tình yêu khởi hoạt của Đức Chúa Cha nơi Đức Chúa Jesus Christ bày tỏ về chính bản tính của Ngài (Giăng 1:14,18). Cụm từ này được lặp lại ba lần (Ê-phê-sô 1:6,12,14) và nhấn mạnh công việc của ba ngôi Đức Chúa Trời. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại 1:3.

1. Đức Chúa Cha trước cõi thời gian, Ê-phê-sô 1:3-6
2. Đức Chúa Con trong cõi thời gian, Ê-phê-sô 1:7-12
3. Đức Chúa Thánh Linh xuyên suốt qua thời gian, Ê-phê-sô 1:13-14

Tuy nhiên, trong câu dài trong tiếng Hy Lạp trong Ê-phê-sô 1:3-14, nó chính là Đức Chúa Cha Đấng đã được ngợi khen lặp đi lặp lại liên tục.

▣ **"vinh quang"** Trong Cựu Ước từ Hê-bơ-rơ phổ biến nhất dùng cho "vinh quang" (*kabod*) có nguồn gốc là một thuật ngữ thương mại (vốn liên hệ với một cặp cân), vốn có nghĩa là "trở nên nặng." Vốn sự trở nên nặng này chính là có giá trị hoặc có bản chất xứng đáng. Khái niệm của sự sáng được thêm vào từ này để bày tỏ về sự vĩ đại của Đức Chúa Trời (ví dụ, đám mây vinh hiển *Shekinah*). Chỉ duy Ngài xứng đáng và đáng kính trọng. Ngài quá đỗi xuất sắc cho nhân loại sa ngã để nhìn thấy (Sáng 16:13; 32:30; Xuất 20:19; 33:20; Các Quan Xét 6:22-23; 13:22). Đức Chúa Trời chỉ có thể được hiểu thật sự thông qua Đấng Christ (John 1:1-14; Cô-lô-se 1:15; Hê-bơ-rơ 1:3). Thuật ngữ "vinh quang" có phần mơ hồ nào đó.

1. Nó có thể song hành với "sự công chính của Đức Chúa Trời."
2. Nó có thể chỉ đến "sự thánh khiết" hoặc "sự hoàn hảo" của Đức Chúa Trời.
3. Nó có thể chỉ về hình ảnh của Đức Chúa Trời mà bởi đó nhân loại được dựng nên (Sáng 1:26-27; 5:1; 9:6), nhưng sau đó đã trở nên hư hỏng bởi sự khao khát phản nghịch cho một sự độc lập (Sáng 3:1-22).

NASB "mà Ngài đã ban tặng miễn phí cho chúng ta "
NKJV "mà bởi đó Ngài đã khiến chúng ta được chấp nhận"
NRSV "rằng Ngài đã ban tặng miễn phí trên chúng ta "
TEV "bởi món quà miễn phí mà Ngài đã ban cho chúng ta"

NJB "món quà miễn phí của Ngài cho chúng ta "

Từ Hy Lạp "ưa thích" (*charitō*) có cùng một gốc từ với "ân điển" (*charis*). Sự ân điển, thương xót của Đức Chúa Cha và tình yêu tuôn chảy (Ê-phê-sô 1:8) qua một Đấng Mê-si chịu Khổ cho một nhân loại sa ngã (Sáng 3:15; Ê-sai 53). Tình yêu của Đức Chúa Trời tuôn chảy đến với nhân loại sa ngã bởi vì Ngài là ai, chứ không phải bởi chúng ta là ai! Chìa khóa then chốt chính là đặc tính của Đức Chúa Trời, chứ không phải là biểu hiện của con người!

▣ **" trong Con yêu dấu "** Đây là một phân từ bị động thì hoàn thành (Perfect passive participle). Chúa Jesus đã chính là Con Yêu Dấu và sẽ luôn là như vậy. Danh xưng này được sử dụng trong Bản Bảy Mươi (LXX) cho Đấng Mê-si. Nó chính là sự hoán dụ cho "Giê-su-run" (Jerusalem) trong Phục Truyền 32:15; 33:5, 26; và Ê-sai 44:2. Đức Chúa Cha sử dụng danh hiệu mang tính mô tả này cho Chúa Jesus trong Ma-thi-ơ 3:17 (tại lễ báp tem của Chúa Jesus); Ma-thi-ơ 12:18 (một trích dẫn Cựu Ước, Ê-sai 42:1-3); và Ma-thi-ơ 17:5 (tại sự hóa hình của Chúa Jesus). Phao-lô dùng cùng một từ này cho Chúa Jesus trong Cô-lô-se 1:13.

1:7 " cho chúng ta " Động từ này ở thì hiện tại, trong khi những động từ xung quanh tất cả đều ở thì bất định. Chúng ta vừa mới sở hữu được tất cả những sự lợi ích mà Đức Chúa Trời đã hoàn tất trong Đấng Christ. Tuy nhiên, hãy chú ý cùng một câu tiếng Hy Lạp (Ê-phê-sô 1:14) rằng sự cứu chuộc là ở tương lai. Sự cứu chuộc bắt đầu với sự kêu gọi của Đức Chúa Trời, sự đeo đuổi của Đức Thánh Linh (Giăng 6:44,65). Nó sản sinh trong một quyết định ăn năn/ đức tin được nối theo bởi một đời sống đức tin, vâng lời, và kiên trì bền chí rằng một ngày kia sẽ được hoàn thành trọn vẹn trong một sự trở nên giống như Đấng Christ một cách trọn vẹn (1 Giăng 3:2). Sự cứu chuộc chính là một mối liên hệ cũng như là một sự tuyên bố chính thức, một người, cũng như là một thông điệp.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THÌ CỦA CÁC ĐỘNG TỪ HY LẠP DÙNG CHO SỰ CỨU RỖI

Sự cứu rỗi không phải là một sản phẩm, nhưng là một mối liên hệ. Nó chưa kết thúc cho đến khi một người đặt lòng tin cậy vào Đấng Christ; nó chỉ mới bắt đầu! Nó không phải là bảo hiểm cháy nhà, cũng không phải là vé vào thiên đàng, nhưng là một cuộc sống lớn lên càng giống với Đấng Christ càng hơn.

SỰ CỨU RỖI NHƯ MỘT HÀNH ĐỘNG HOÀN TẤT (thì QUÁ KHỨ)

- Công-vụ 15:11
- Rô-ma 8:24
- II Ti-mô-thê 1:9
- Tít 3:5
- Rô-ma 13:11 (kết hợp thì QUÁ KHỨ với thì khuynh hướng TƯƠNG LAI)

SỰ CỨU RỖI NHƯ MỘT TRẠNG THÁI HIỆN TẠI (thì HOÀN THÀNH) (PERFECT)

- Ê-phê-sô 2: 5, 8

SỰ CỨU RỖI NHƯ MỘT TIẾN TRÌNH TIẾP DIỄN (thì HIỆN TẠI)

- I Cô-rinh-tô 1:18; 15:2
- II Cô-rinh-tô 2:15
- I Phi-e-rơ 3:21

SỰ CỨU RỖI NHƯ MỘT SỰ ĐẠT ĐẾN ĐIỂM ĐỈNH TRONG TƯƠNG LAI (thì TƯƠNG LAI CỦA ĐỘNG TỪ hoặc trong ngữ cảnh)

- Rô-ma 5:9, 10; 10:9, 13
- I Cô-rinh-tô 3:15; 5:5
- Phi-líp 1:28;
- I Tê-sa-lô-ni-ca 5:8-9
- Hê-bơ-rơ 1:14; 9:28
- I Phi-e-rơ 1:5

Bởi vậy Sự cứu rỗi bắt đầu bởi quyết định đức tin (cf. John 1:12; 3:16; Rom. 10:9-13), tiếp theo là quá trình tăng trưởng nếp sống đạo. (cf. Rom. 8:29; Gal. 3:19; Eph. 1:4; 2:10), đến một ngày sẽ hoàn tất (cf. I John 3:2). Giai đoạn cuối cùng này được gọi là trở nên vinh hiển qua sự minh họa sau:

1. Vinh hiển khởi đầu / được tha thứ khỏi tội lỗi
2. Vinh hiển tiệm tiến / thánh hóa, được cứu khỏi quyền lực tội lỗi
3. Vinh hiển chung kết / được cứu khỏi sự hiện diện tội lỗi

☐ **"được cứu chuộc"** Từ này nguyên văn "được giải cứu khỏi" (Rô-ma 3:24; Cô-lô-se 1:14). Đây là một từ đồng nghĩa với thuật ngữ Cựu Ước (*gaal*) có nghĩa là "mua lại" đôi lúc với một người đại diện của một người bà con gần (*go'el*). Thuật ngữ này được sử dụng trong Cựu Ước để chỉ về việc mua lại những nô lệ và những tù nhân quân sự. Phao-lô sử dụng khái niệm tương đương trong tiếng Hy Lạp bốn lần trong Ê-phê-sô và Cô-lô-se (Ê-phê-sô 1:7, 14 và 4:30; Cô-lô-se 1:14). Nó phản ánh một người đại diện cá nhân mà bởi đó Đức Chúa Trời mang sự cứu rỗi. Nó không tập chú vào người hoặc lượng phải trả. Mác 10:45 đề cập rằng Chúa Jesus đã đến để trả giá chuộc cho nhân loại sa ngã (1 Phi-e-rơ 1:18-19). Con người đã là những nô lệ của tội lỗi (Ê-sai 53:6; một vài phần trích Cựu Ước trong Rô-ma 3:9-18; 1 Phi-e-rơ 2:24-25). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Của Chuộc/ Sự Cứu Chuộc tại Cô-lô-se 1:14.

☐ **"bởi huyết Ngài"** Huyết là một ẩn dụ chỉ về sự chết (Sáng 9:4; Lê-vi-ký 17:11, 14). Cụm từ này chỉ về sự chết thay mặt, tế lễ, thay thế của Chúa Jesus. Ngài chết trong chính chỗ của chúng ta cho tội lỗi chúng ta (Sáng 3:15; Ê-sai 53; Rô-ma 3:25; 5:9; 2 Cô-rinh-tô 5:21; Ê-phê-sô 2:13; Cô-lô-se 1:20; Hê-bơ-rơ 9:22).

Bởi vì sự xuất hiện của những giáo sư giả Hy Lạp (Trí Huệ Giáo) là những kẻ chối bỏ về nhân tính của Chúa Jesus, điều này có thể là một cách để chỉ đến việc Chúa Jesus như là một con người thật sự (huyết, thân thể, v.v...).

☐ **"được tha"** Từ này nguyên văn là "được gửi đi khỏi." Trong ngày Đại Lễ Chuộc Tội có hai con dê liên quan đến nghi lễ hàng năm này trong Lê-vi Ký 16.

1. Một con bị đuổi đi, biểu tượng cho việc mang đi khỏi tội lỗi của Y-sơ-ra-ên (khi Đức Chúa Trời tha thứ, Đức Chúa Trời quên đi, Thi Thiên 103:12; Ê-sai 1:18; 38:17; 44:22; và Mi-chê 7:18)
2. Con còn lại được dâng sinh tế tượng trưng cho sự thật rằng tội lỗi phải trả giá bằng một sinh mạng

Chúa Jesus mang tội lỗi của nhân loại đi khỏi bằng cách chết thế trong chỗ của chính họ (2 Cô-rinh-tô 5:21; Cô-lô-se 1:14) qua đó kết hợp cả hai ý nghĩa.

☐ **"tội"** Đây là một thuật ngữ Hy Lạp cho tội lỗi, (*paraptōma*), nguyên văn là "ngã về một phía." Nó liên hệ với những từ Cựu Ước dùng cho tội lỗi vốn là một sự chệch hướng khỏi tiêu chuẩn. Từ "cây sậy" là một thuật ngữ trong ngành xây dựng được dùng theo nghĩa bóng của đặc tính của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời chính là chuẩn mực duy nhất mà bởi đó toàn bộ nhân loại đã bị cong queo và hư hỏng (Ê-sai 53:6; Rô-ma 3:9-23; 11:32; Ga-la-ti 3:22).

☐ **"theo sự phong phú của ân điển Ngài"** Sự tha thứ trong Đấng Christ không thể kiếm tìm mua được (Ê-phê-sô 2:8-9; 2 Ti-mô-thê 1:9; Tít 3:5). Từ "sự phong phú (giàu có)" được sử dụng thường xuyên trong những lá thư trong tù của Phao-lô: "sự phong phú của ân điển Ngài," Ê-phê-sô 1:7; 2:7; "sự phong phú của sự vinh quang Ngài," Ê-phê-sô 1:18; 3:16; "giàu sự thương xót," Ê-phê-sô 2:4; "sự giàu có, phong phú trong Đấng Christ," Ê-phê-sô 3: 8. Trong Đấng Christ nhân loại được chuộc đã được chu cấp sự giàu có của đặc tính của Đức Chúa Trời!

1:8 "một cách dư dật" Phao-lô sử dụng từ này (*perisseuō*) lặp đi lặp lại hết lần này đến lần khác (Rô-ma 5:15; 15:13; 1 Cô-rinh-tô 15:58; 2 Cô-rinh-tô 1:5; 8:2,7; 9:8; Ê-phê-sô 1:8; Phi-líp 1:9; 4:12,18; Cô-lô-se 2:7; 1 Tê-sa 4:1). Nó mô tả ý nghĩa của Phao-lô về một lượng đầy đủ và vượt quá về sự chu cấp và ân điển của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ. Tình yêu của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ như một nguồn nước tuôn tràn hoặc một giếng nước phun trào!

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐẦY TRÀN, GIA TĂNG (*perisseuō*)

Phao-lô sử dụng thuật ngữ này một cách thường xuyên

1. đức chân thật của Đức Chúa Trời được nổi bật lên, quy vinh hiển về cho Ngài, Rô ma 3:7
2. ân sủng ... và tặng phẩm trong ân sủng của Ngài đã đòi đảo hơn biết đường nào, Rô ma 5:15
3. trần trệ hy vọng bởi quyền năng của Đức Thánh Linh, Rô ma 15:13

4. Thức ăn không làm cho chúng ta được gần với Đức Chúa Trời hơn, I Cô rin tô 8:8
5. hãy tìm kiếm (ân tứ) cho nhiều để dùng xây dựng hội thánh, I Cô rin tô 14:12
6. hãy gia tăng làm công việc Chúa luôn, I Cô rin tô 15:58
7. đau đớn ... nhiều bao nhiêu, ... càng nhận được an ủi nhiều bấy nhiêu, II Cô rin tô 1:5
8. càng được vinh hiên nhiều hơn biết đường nào, II Cô rin tô 3:9
9. sự tạ ơn Ngài nhờ thế được gia tăng nhiều hơn, II Cô rin tô 4:15
10. lòng họ vẫn đầy niềm vui, II Cô rin tô 8:2
11. Như anh chị em đã trở hơn trong mọi phương diện, ... cũng sẽ trở hơn trong việc phúc thiện II Cô rin tô 8:7
12. ban cho anh chị em mọi ân phước cách dư dật, II Cô rin tô 9:8
13. tạo cơ hội cho nhiều người tạ ơn Đức Chúa Trời, II Cô rin tô 9:12
14. tức ân sủng Ngài ban đôi dào cho chúng ta., Ê phê sô 1:8
15. tình yêu của anh chị em mỗi ngày một gia tăng, Phil. 1:9
16. anh chị em có thể hãnh diện nhiều hơn trong Đức Chúa Jesus Christ, Phil. 1:26
17. sống thỏa lòng, dù no hay đói, dù dư hay thiếu,... Tôi đã được cung cấp dư dật, Phil. 4:12,18
18. anh chị em cũng hãy đôi dào trong sự tạ ơn., Col. 2:7
19. đức tin ... cứ gia tăng, và tình yêu ... cứ đầy tràn, I Thê sa lô ni ca 3:12
20. anh chị em đã sống theo như thế ... anh chị em hãy gia tăng nhiều hơn nữa, I Thê sa lô ni ca 4:1
21. chúng tôi khuyên anh chị em hãy gia tăng hơn nữa, I Thê sa lô ni ca 4:10

Phao-lô hiểu được ân sủng của DCT avà Đấng Christ luôn đầy tràn, vì vậy tin đồ phải bước đi trong sự đầy tràn ân sủng và tình yêu trong cuộc sống hàng ngày. !

☐ " **Với tất cả sự khôn ngoan thông hiểu** " Cụm từ này chỉ về món quà của sự thông hiểu của Đức Chúa Trời (không phải là tri thức bí mật của những giáo sư giả Trí Huệ Giáo), vốn Ngài đã ban cho nhân loại sa ngã có thể hiểu thấu được những ngụ ý của phúc âm (Ê-phê-sô 1:3, 4, 5, 6, 7, 9, 10 and 18-23; Lu-ca 1:17; Cô-lô-se 1:9). Các giáo sư giả luôn nhấn mạnh về những tri thức bí mật. Sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời chính là Đấng Christ. Ngài luôn luôn sẵn sàng cho tất cả mọi người!

1:9 " sự mầu nhiệm " Phao-lô thường sử dụng từ này (Rô-ma 11:25; 16:25; 1 Cô-rinh-tô 2:7; 4:1; Ê-phê-sô 1:9; 3:3,4,9; 6:19; Cô-lô-se 1:26; 2:2; 4:3; 2 Ti-mô-thê 1:9-10). Nó có một vài nghĩa rộng khác nhau cho những khía cạnh khác nhau của chương trình cứu chuộc của Đức Chúa Trời. Trong Ê-phê-sô 2:11-3:13, nó chỉ về sự hiệp một cho tất cả mọi người, Người Do Thái và Dân Ngoại, trong Đấng Christ, đến với Đức Chúa Trời. Đây đã luôn luôn là chương trình của Đức Chúa Trời (Sáng 3:15; 12:1-3; Xuất 19:4-6; Ê-phê-sô 2:11-3:13). Đây đã luôn luôn là ngụ ý của niềm tin độc thân (một và chỉ duy nhất một Đức Chúa Trời). Lễ thật này đã luôn luôn bị che dấu trong quá khứ, nhưng giờ đây nó đã được bày tỏ trọn vẹn trong hiện tại. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-phê-sô 3:3.

☐ " **của ý muốn Ngài** " Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây: Ý Muốn của Đức Chúa Trời

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Ý MUỐN (*thelēma*) CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

PHÚC ÂM GIẢNG

- Chúa Jêsus đến để làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời (4:34; 5:30; 6:38)
- Để làm cho sống lại nơi ngày sau rốt những người mà Cha đã giao cho Con (6:39)
- Để mọi người đều tin nơi Con (6:29, 40)
- Lời cầu nguyện được nhậm liên quan đến sự làm theo ý muốn Đức Chúa Trời (9:31 và I Giảng 5:14)

TIN LÀNH CỘNG QUAN

- Làm theo ý muốn Đức Chúa Trời là điều thiết yếu (7:21)
- Làm theo ý muốn Đức Chúa Trời khiến chúng ta trở nên anh em với Chúa Jêsus (Ma-thi-ơ 12:5; Mác 3:35)
- Chúa không muốn cho một ai chết mất (Ma-thi-ơ 18:14; I Ti-mô-thê 2:4; II Phi-e-rơ 3:9)
- Đòi Gô-gô-tha là ý chỉ của Cha cho Chúa Jêsus (Ma-thi-ơ 26:42; Lu-ca 22:42)

THƯ TÍN PHAO-LÔ

- Sự trưởng thành và sự phục vụ của tất cả những người tin Chúa (Rô-ma 12:1-2)
- Người tin Chúa được giải cứu khỏi đời ác này (Ga-la-ti 1:4)
- Ý chỉ của Đức Chúa Trời là kế hoạch cứu chuộc (Ê-phê-sô 1:5, 9, 11)
- Người tin Chúa kinh nghiệm và sống cuộc sống đầy đầy Thánh Linh (Ê-phê-sô 5:17)
- Người tin Chúa tràn đầy sự hiểu biết Đức Chúa Trời (Cô-lô-se 1:9)
- Người tin Chúa được làm cho trọn vẹn và hoàn toàn (Cô-lô-se 4:12)
- Người tin Chúa được nên thánh (I Tê-sa-lô-ni-ca 4:3)
- Người tin Chúa dâng lời tạ ơn trong mọi sự (I Tê-sa-lô-ni-ca 5:18)

THƯ PHIERO

- Người tin Chúa làm điều phải (vâng phục bậc cầm quyền) và vì vậy làm câm những người ngu dại (I Phi-e-rơ 2:15)
- Người tin Chúa chịu khổ (I Phi-e-rơ 3:17; 4:19)
- Người tin Chúa không sống cuộc sống tư kỷ (I Phi-e-rơ 4:2)

THƯ GIĂNG

- Người tin Chúa còn lại đời đời (I Giăng 2:17)
- Người tin Chúa chìa khóa cho lời cầu nguyện được nhậm (I Giăng 5:14)

1:10

NASB	"quản trị"
NKJV	"sự tể trị"
NRSV	"một kế hoạch"
TEV	"kế hoạch này"
NJB	"cho Ngài để hành động trên nó"

Từ này nguyên văn là "vai trò quản gia của một gia đình" (*oikonomia*). Phao-lô sử dụng từ này trong một vài nghĩa khác nhau.

1. Một sự ủy thác nhiệm vụ Sứ Đồ để truyền bá phúc âm (1 Cô-rinh-tô 9:17; Ê-phê-sô 3:2; Cô-lô-se 1:25)
2. Một kế hoạch cứu chuộc đời đời, "sự mầu nhiệm" (Ê-phê-sô 1:9-10; 3:9, 1 Cô-rinh-tô 4:1)
3. Sự huấn luyện trong chương trình cứu chuộc và lối sống đi cùng với nó (1 Ti-mô-thê 1:4)

Câu này chính là một sự báo trước của chủ đề trung tâm của sách (sự hiệp một của tất cả mọi điều trong Đấng Christ), vốn được phát triển đầy đủ trong Ê-phê-sô 4:1-6.

▣ " **đến thời viên mãn** " Cụm từ này nhấn mạnh (giống như một lời tiên tri tiên đoán thường làm) rằng Đức Chúa Trời đang tể trị trên lịch sử. Và chỉ ngay thời điểm đúng đắn, Đức Chúa Trời sai Đấng Christ và, ngay khi thời điểm đúng, Ngài sẽ trở lại.

▣ " **quy tụ muôn vật lại trong Đấng Christ** " Trong tiếng Hy Lạp Koine (ngôn ngữ thương mại tại thế giới Địa Trung Hải từ năm 200 TC đến 200 SC, nó đã là ngôn ngữ của người phổ thông) từ ghép này có nguyên văn là "sự hiệp nhất của nhiều điều dưới một đầu." Đây là sự chỉ đến sự quan trọng đáng chú ý trong phạm vi toàn vũ trụ của công việc của Đấng Christ (cũng như có thể thấy rõ trong 1 Cô-rinh-tô 15:24-28 và Cô-lô-se 1:17-22). Đây là chủ đề trung tâm của Cô-lô-se. Đấng Christ chính là "đầu" không phải chỉ của thân thể Ngài, hội thánh, nhưng của toàn bộ tạo vật (*kosmos*).

1:11

NASB, NKJV,	
NRSV	"chúng ta đã đạt được một phần thừa kế "
TEV	"Đức Chúa Trời đã chọn chúng ta trở thành dân thuộc riêng về Ngài"
NJB	"chúng ta đã nhận lấy phần thừa kế của chúng ta"

Câu này nguyên văn là "chúng ta đã được chọn như một phần thừa kế," một thể chỉ định thụ động thì bất định (aorist passive indicative). Nguyên gốc trong Cựu Ước câu này chỉ riêng về người Lê-vi (chi phái Lê-vi đã trở thành những thầy tế lễ, những người phục vụ trong Đền Thờ, và những giáo sư dạy Luật Pháp địa phương), là những người không được thừa kế đất trong Đất Hứa (Dân Số Ký 18:20; Phục Truyền 10:9; 12:12; 14:27,29). Họ đã nhận được một vài thành phố, theo Giô-suê 20-21. Nó trở thành một sự chỉ đến lẽ thật rằng Chính Mình Đức Chúa Trời chính là phần thừa kế của tất cả mọi tín đồ và họ thuộc về Ngài (Thi Thiên 16:5; 73:26; 119:57; Ca

Thương 3:24). Nó cũng trở thành một ẩn dụ cho dân sự của Đức Chúa Trời (Phục Truyền 4:20; 7:6; 9:26,29; 14:2; 2 Sa-mu-ên 21:3; 1 Các Vua 8:51,53; 2 Các Vua 21:14; Thi Thiên 28:9; 33:12; 68:9; 78:62,71; 94:14; 106:5,40; Ê-sai 19:25; 47:6; 63:17; Giê-rê-mi 10:16; 51:19). Tân Ước thay thế những lời hứa về đất đai bằng lời hứa về việc trở nên một phần trong gia đình của Đức Chúa Trời. Những tác giả Tân Ước đã toàn cầu hóa sự phân biệt Do Thái- Dân Ngoại trở thành một khuôn mẫu tín đồ-người không tin. Điều tương tự cũng đúng với thành phố Giê-ru-sa-lem đã trở thành Giê-ru-sa-lem mới (Khải Huyền 3:12; 21:2,10), vốn là một ẩn dụ về thiên đàng, chứ không phải một địa điểm địa lý.

▣ " **được định sẵn theo kế hoạch của Đức Chúa Trời** " phân từ bị động thì bất định (aorist passive participle) này mô tả lẽ thật rằng sự tuyển chọn này tùy theo ân điển của Đức Chúa Trời chứ không phải công trạng của con người (Ê-phê-sô 2:8-9, vốn có ba sự phủ định: "và rằng nó không phải của chính anh em;" "nó chính là món quà của Đức Chúa Trời," và "không phải là kết quả của việc làm, để rồi không ai có thể khoe khoang "). Cùng một thuật ngữ này được thấy trong Rô-ma 8:28-29. Mục đích ở đây chính là sự trở nên giống như Đấng Christ. Hãy xem bài viết đầy đủ về sự tiền định tại Những Ý Tưởng theo Văn Mạch dẫn vào 1:1-23, #C và 1:4 và 1:5.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ LỰA CHỌN/TIỀN ĐỊNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CÂN BẰNG THẦN HỌC

Sự lựa chọn là một tín lý tuyệt diệu. Tuy nhiên, nó không kêu gọi hướng đến sự thiên vị, nhưng hướng đến việc làm một kênh dẫn, một công cụ hay phương tiện để đem sự cứu rỗi đến cho người khác! Trong Cựu ước từ ngữ này chủ yếu được dùng để chỉ sự phục vụ; trong Tân ước nó được dùng chủ yếu cho sự cứu rỗi dẫn đến sự phục vụ. Kinh thánh chưa bao giờ hòa giải điều dường như mâu thuẫn giữa quyền tối thượng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người, nhưng nó đều khẳng định cả hai điều này! Một ví dụ rõ ràng về sự căng thẳng trong Kinh thánh là trong Rô-ma 9 về quyền lựa chọn tối thượng của Đức Chúa Trời và Rô-ma 10 về sự đáp ứng thích hợp của con người (10:11,13).

Chìa khóa giải quyết mâu thuẫn thần học này có thể được tìm thấy trong Ê-phê-sô 1:4. Chúa Giê-xu là người được Đức Chúa Trời chọn và cả nhân loại đều có tiềm năng được chọn qua Ngài (Karl Barth). Chúa Jê-sus là câu trả lời “vâng” của Đức Chúa Trời để đáp lại nhu cầu của con người (Karl Barth). Ê-phê-sô 1:4 cũng giúp làm rõ vấn đề này bằng cách khẳng định rằng mục đích của sự tiền định không phải là thiên đàng, nhưng là sự thánh khiết (sự giống với Đấng Christ). Chúng ta thường bị cuốn hút bởi những ích lợi của Phúc âm mà lơ đi những trách nhiệm từ chính Phúc âm! Sự kêu gọi (lựa chọn) của Đức Chúa Trời là cho lúc này cũng như cho cõi đời đời!

Các tín lý hiện diện trong mỗi liên hệ với các lẽ thật khác, chứ không đơn độc, hay là những lẽ thật không liên hệ với nhau. Một hình ảnh khá lý thú đó là sự so sánh giữa một dãy ngân hà và một vì sao. Đức Chúa Trời trình bày lẽ thật theo lối văn chương Đông phương, chứ không phải Tây phương. Chúng ta không được lấy đi sự căng thẳng gây ra bởi những cặp biện chứng (nghịch lý) về lẽ thật mang tính tín lý:

1. Sự tiền định và ý chí tự do
2. Sự yên ninh của các tín đồ và nhu cầu cho sự bền đỗ
3. Nguyên tội và kỷ tội
4. Tình trạng không phạm tội (mang tính tuyệt đối) và phạm tội ít hơn
5. Sự xưng công bình khởi đầu ngay lập tức cùng với sự nên thánh và sự nên thánh theo tiến trình
6. Sự tự do Cơ Đốc và trách nhiệm Cơ Đốc
7. Sự siêu việt của Đức Chúa Trời và Sự nội tại của Đức Chúa Trời
8. Đức Chúa Trời tối cao không thể hiểu được và Đức Chúa Trời có thể hiểu được trong Kinh Thánh
9. Vương Quốc Đức Chúa Trời trong hiện tại và sự hoàn tất trọn vẹn trong tương lai
10. Sự ăn năn như một món quà của Đức Chúa Trời và sự ăn năn như một đáp ứng giao ước cần thiết của con người
11. Chúa Jesus là Đấng Thánh và Chúa Jesus là con người
12. Chúa Jesus bình đẳng với Cha và Chúa Jesus phụ thuộc vào Cha

Khái niệm thần học về “sự giao ước” làm thống nhất quyền chủ tể của Đức Chúa Trời (là Đấng luôn khởi đầu và hoạch định) với sự đáp ứng bắt buộc phải có lúc ban đầu và được tiếp tục từ con người bằng đức tin và sự ăn năn (Mác 1:15; Công-vụ 3:16, 19;20:21). Nên cẩn thận khi dùng Kinh thánh để chứng minh chỉ một mặt của nghịch lý này mà xem thường mặt còn lại! Nên cẩn thận khi bạn chỉ công nhận những tín lý hoặc hệ thống thần học mà bạn ưa thích mà thôi!

1:12 " chúng ta " Từ này chỉ về những người Do Thái tin Chúa (Rô-ma 1:16).

▣ **"vinh quang"** Hãy xem bài viết tại Ê-phê-sô 1:6

1:13 "anh em" Từ này chỉ về những Người Ngoại tin Chúa (Ê-phê-sô 2:12).

▣ **" đã nghe lời chân lý, là Tin Lành... đã tin "** Những từ này đều là những phân từ chủ động thì bất định (aorist active participle). Sự cứu rỗi là một thông điệp để tin vào và một Đấng để tin cậy. Nó liên hệ với cả một sự chấp nhận sự đúng đắn chân thật của Kinh Thánh trong tâm trí (thế giới quan) và một sự chào đón cá nhân Chúa Jesus! Phúc âm phải được nhận lãnh cách cá nhân (Giăng 1:12; 3:16,18,36; 6:40; 11:25-26; Rô-ma 10:9-13). Điều cốt yếu của phúc âm có thể được tổng hợp lại như

1. Một Đấng để chào đón/ nhận lãnh (mối liên hệ cá nhân)
2. Những lễ thật về Đấng ấy để tin cậy vào (thế giới quan)
3. Một đời sống giống như Đấng ấy để bước đi (sự trở nên giống như Đấng Christ)

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ‘LỄ THẬT’ TRONG THƯ TÍN PHAO LÔ

Khi sử dụng từ ngữ này và những từ có dạng liên hệ, Phao lô lấy từ chữ tương đương trong Cựu ước là *emet*, có nghĩa là đáng tin cậy hay thành tín. Trong các tác phẩm Do thái thời giữa hai giao ước, chữ này được dùng để diễn tả sự thật đối lập với sự giả dối. Có lẽ sự đối chiếu gần nhất là “Thánh ca Cảm tạ” trong Cuốn Biển Chết, nơi nó được dùng để chỉ các tín lý được mặc khải. Những thành viên của cộng đồng này trở thành “những người làm chứng cho lễ thật.”

Phao lô dùng chữ này để chỉ Tin lành của Chúa Jêsus Christ:

1. Rô-ma 1:18,25; 2:8,20; 3:7; 15:8
2. I Cô-rinh-tô 13:6
3. II Cô-rinh-tô 4:2; 6:7; 11:10; 13:8
4. Ga-la-ti 2:5, 14; 5:7
5. Ê-phê-sô 1:13; 6:14
6. Cô-lô-se 1:5,6
7. II Tê-sa-lô-ni-ca 2:10,12,13
8. I Ti-mô-thê 2:4; 3:15; 4:3; 6:5
9. II Ti-mô-thê 2:15, 18,25; 3:7, 8; 4:4
10. Tít 1:1,14

Phao lô cũng sử dụng từ ngữ này để chỉ những điều ông nói là thật:

1. Công-vụ 26:25
2. Rô-ma 9:1
3. II Cô-rinh-tô 7:14; 12:6
4. Ê-phê-sô 4:25
5. Phi-líp 1:18
6. I Ti-mô-thê 2:7

Ông cũng dùng để chỉ động cơ của ông trong I Cô-rinh-tô 5:8 và lối sống (cũng như cho mọi Cơ-Độc-Nhân) trong Ê-phê-sô 4:24; 5:9; Phi-líp 4:8. Có lúc ông dùng nó cho con người:

1. Đức Chúa Trời, Rô-ma 3:4 (Giăng 3:33; 17:17)
2. Chúa Jêsus, Ê-phê-sô 4:21 (giống như Giăng 14:6)
3. Những sự làm chứng của sứ đồ, Tít 1:13
4. Phao lô, II Cô-rinh-tô 6:8

Chỉ có Phao lô dùng dạng động từ (tức là *aletheuo*) trong Ga-la-ti 4:16 và Ê-phê-sô 4:15, là những câu chỉ về Tin lành. Muốn nghiên cứu thêm, xin tham khảo sách của Colin Brown (ed), *The New International Dictionary of New Testament Theology*, vol. 3, trang 784-902.

▣ **" anh em đã được đóng ấn trong Ngài "** Trong văn hóa Hy-La sự đóng ấn chính là một dấu hiệu của sự an ninh, chân thật, và sự sở hữu (Ê-phê-sô 4:30; 2 Cô-rinh-tô 1:22; 5:5; Khải Huyền 7:1-4). Sự đóng ấn này (thể chỉ

định thụ động thì bất định (aorist passive indicative)) chính là một sự song hành thần học với báp tem bởi Thánh Linh những tín đồ mới trong Đấng Christ (1 Cô-rinh-tô 12:13; có lẽ cả trong Ê-phê-sô 4:4-5).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ẮN

Ắn là cách miêu tả của người cổ về:

1. chân lý (xem Giăng 3:33)
2. quyền sở hữu (xem Giăng 6:27; 2 Ti-mô-thê 2:19; Khải Huyền 7:2-3; 9:4)
3. quyền bảo vệ (xem Sáng Thế 4:15; Ma-thi-ơ 27:66; Rô-ma 4:11; 15:28; 2 Cô-rin-tô 1:22; Ê-phê-sô 1:13; 4:30; Khải Huyền 20:3)
4. có thể là dấu hiệu về hữu thể của lời hứa của Đức Chúa Trời liên hệ tới một món quà, (xem Rô-ma 4:11 và 1 Cô-rin-tô 9:2)

Mục đích đóng ấn trong 7:2-4; 9:4 là xác nhận dân của Chúa, để cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời không tác động lên họ. Sa-tan cũng xác nhận những kẻ theo hắn, là những kẻ sẽ chịu cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Trong Khải Huyền, cơn hoạn nạn (ví dụ *thlipsis*) luôn nói về sự bất bớ của thế gian vô tín đối với tín đồ, còn cơn thịnh nộ / sự giận dữ (ví dụ *org* ' hoặc *thumos*) luôn ám chỉ sự phán xét của Đức Chúa Trời đối với người không tin, để họ ăn năn và quay lại với Đấng Christ trong đức tin. Mục đích tích cực trong sự phán xét có thể thấy trong những sự rửa sã/ những phước hạnh trong Lê-vi-Ký 26; Phục Truyền 27-28;30; Thi Thiên 1.

▣ " bằng Đức Thánh Linh như lời hứa " Việc Đức Thánh Linh đến chính là dấu chỉ của Thời Đại Mới (Giô-ên 2:28; John 14:từ câu 26 trở đi). Ngài chính là lời hứa của Đức Chúa Cha (Giăng 14:16, 26; 15:26; Công Vụ 1:4-5; 2:33). Thánh Linh sống trong các tín đồ chính là sự đảm bảo cho sự phục sinh của họ (Rô-ma 8:9-11).

1:14 " Đấng ấy là bảo chứng " Khái niệm của một vật tín chấp có tiền lệ Cựu Ước.

1. Một lời hứa để trả một món nợ (Sáng 38:17,18,20; Phục Truyền 24:10-13)
2. Một lời hứa của sự nuôi dưỡng chu cấp (1 Sa-mu-ên 17:18)
3. Một người được hứa trước (2 Các Vua 18:23; Ê-sai 36:8).

Từ Hy Lạp này chỉ về một "sự đặt cọc" hoặc tiền đặt cọc (2 Cô-rinh-tô 1:22; 5:5). Trong tiếng Hy Lạp hiện đại nó được dùng như một nhãn đính ước, vốn là lời hứa của một hôn nhân sẽ đến. Đức Thánh Linh chính là sự lời hứa đã được ứng nghiệm trọn vẹn của thời đại mới của sự công chính. Đây chính là một phần của sự căng thẳng "đã đến" nhưng "chưa đến" của Tân Ước, vốn là một sự chông lặc của hai thời đại của người Do Thái bởi hai lần đến của Đấng Christ (hãy xem bài thảo luận xuất sắc trong quyển *How to Read the Bible for All Its Worth* được viết bởi Fee and Stuart, ở trang 129-134). Đức Thánh Linh chính là sự đảm bảo được trao giờ đây cho một sự hoàn tất trọn vẹn tương lai.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NGÔI VỊ CỦA ĐỨC THÁNH LINH

Trong Cựu Ước có cụm từ "Thần Linh của Đức Chúa Trời" (*ruach*) là một linh lực thực hiện mục đích của Đức Giê-hô-va, như không có sự gợi ý Ngôi Vị. (xem Chủ Đề Đặc Biệt: Nhất Thần Luận trong Cựu Ước). Tuy nhiên, trong Tân Ước, bản tánh và ngôi vị của Đức Thánh linh được bày tỏ một cách trọn vẹn

1. Ngài có thể bị xúc phạm (một cách phạm thượng) (Xem Ma-thi-ơ. 12:31; Mác 3:29)
2. Ngài dạy (Xem Lu-ca 12:12; Giăng 14:26)
3. Ngài làm chứng (Xem Giăng 15:26)
4. Ngài hướng dẫn và cáo trách (Xem Giăng 16:7-15)
5. Ngài được gọi "Đấng" (, *hos*, Xem Ê-phê-sô. 1:14)
6. Ngài có thể bị làm phiền lòng (Xem Ê-phê-sô. 4:30)
7. Ngài có thể bị 'đập tắt' (Xem 1 Thê-sa-lô-ni-cas. 5:19)
8. Ngài có thể bị chống cự (Công Vụ 7:51)
9. Ngài biện hộ cho các thánh đồ (Giăng 14:26, 15:26; 16:7)
10. Ngài ngợi khen Đức Chúa Con (Giăng 16:14)

Những câu Kinh thánh về Ba Ngôi (Chủ Đề Đặc Biệt: Ba Ngôi) nói về Ba Cá Nhân.

1. Ma-thi-ơ. 28:19

2. Cô-rin-tô. 13:14

3. Phi-ê-rơ. 1:2

ĐứcThánh Linh liên hệ tới sự vận hành của nhân loại.

1. Công-vụ 15:28

2. Rô-ma. 8:26

3. Cô-rin-tô. 12:11

4. Ê-phê-sô. 4:30

Ngay từ đầu sách Công vụ, vai trò của ĐứcThánh Linh được nhấn mạnh. Lễ Ngũ Tuần không phải là sự bắt đầu công việc của Đức Thánh Linh, nhưng là công việc của Ngài trong một chương sách mới. Chúa Giê-su luôn có ĐứcThánh Linh. Sự báp-tem của Ngài không phải là sự bắt đầu công việc của Đức Thánh Linh, nhưng là công việc của Ngài trong một chương sách mới. ĐứcThánh Linh là Tác Nhân trong chương trình của Đức Chúa Cha nhằm hồi phục nhân loại trong hình bóng của Ngài (xem Chủ Đề Đặc Biệt: Chương Trình Cứu Chuộc Của Đức Giê-hô- va)!

☐ " **sự cứu chuộc** " Hãy xem ghi chép tại Ê-phê-sô 1:7 và Chủ Đề Đặc Biệt tại Cô-lô-se 1:14.

☐ " **những người thuộc về Ngài** " Đây có thể là một sự ngụ ý chỉ đến Xuất 19:5; Phục Truyền 7:6; 14:2. Người Do Thái đã là một của quý đặc biệt thuộc riêng về Đức Chúa Trời cho mục đích vươn đến toàn bộ thế giới (Sáng 12:3; Xuất 19:6), giờ đây đại diện của Ngài chính là hội thánh, thân thể của Đấng Christ.

☐ " **đề ca ngợi vinh quang của Ngài** " Hãy xem bài viết đầy đủ tại Ê-phê-sô 1:6.

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010 (NASB (UPDATED)): Ê-PHÊ-SÔ 1:15-23

¹⁵ Vậy nên, khi tôi nghe về đức tin của anh em trong Chúa là Đức Chúa Jê-sus, và tình yêu thương của anh em đối với tất cả thánh đồ, ¹⁶ thì tôi vì anh em, không ngừng dâng lời cảm tạ, luôn nhắc đến anh em trong khi cầu nguyện. ¹⁷ Tôi nài xin Đức Chúa Trời của Chúa chúng ta là Đức Chúa Jê-sus Christ, là Cha vinh quang, ban cho anh em linh của sự khôn ngoan và sự mặc khải, để anh em nhận biết Ngài. ¹⁸ Tôi cũng xin Ngài soi sáng con mắt của lòng anh em, để anh em biết niềm hi vọng mà Chúa đã gọi anh em đến là gì, sự phong phú của cơ nghiệp vinh quang Ngài trong các thánh đồ là thể nào, ¹⁹ và đâu là quyền năng vĩ đại không dò lường được của Ngài đối với chúng ta là những người tin, theo sự tác động của quyền năng siêu việt của Ngài. ²⁰ Đó là quyền năng Ngài đã thực hiện trong Đấng Christ khi khiến Đấng Christ từ cõi chết sống lại, và đặt ngai bên phải Ngài trong các nơi trên trời, ²¹ vượt trên tất cả mọi quyền thống trị, mọi thẩm quyền, mọi thế lực, mọi chủ quyền, và mọi danh hiệu, không chỉ trong đời này mà cả đời sắp đến nữa. ²² Ngài đã đặt vạn vật dưới chân Đấng Christ và lập Đấng Christ làm đầu mọi sự vì Hội Thánh. ²³ Hội Thánh là thân thể Ngài, là sự đầy đầy của Đấng làm viên mãn mọi sự trong mọi loài.

1:15-23 Đây là lời cầu nguyện cảm tạ và cầu thay cho những người nhận lá thư của Phao-lô (các hội thánh tại khu vực Tiểu Á). Nó là một câu dài trong nguyên văn Hy Lạp, cũng giống như Ê-phê-sô 1:3-14 (lời cầu nguyện ngợi khen dâng lên Đức Chúa Cha về món quà đầy ân điển của Ngài là Đấng Christ và Đức Thánh Linh của Phao-lô). Những câu dài này chính là văn phong của Phao-lô duy chỉ trong Ê-phê-sô (Ê-phê-sô 1:3-14,15-23; 2:1-10,14-18,19-22; 3:1-12,14-19; 4:11-16; 6:13-20).

Cũng hãy chú ý lời cầu nguyện của Phao-lô cho chính ông trong Ê-phê-sô 6:19-20! Phao-lô là một người của sự cầu nguyện và ngợi khen (3:20- 21).

1:15

NASB "đức tin. . .ở giữa anh em"

NKJV, NRSV,

TEV, NJB "đức tin anh em"

Ê-phê-sô, vốn là một bức thư gửi chung rộng rãi, bày tỏ rằng Phao-lô đang đề cập đến nhiều hội thánh, chứ không chỉ riêng hội thánh tại Ê-phê-sô. Ông đã nghe về những nan đề của các hội thánh ở tại Thung Lũng Lycus (Lycus Valley) (Lao-đi-xê, Hi-ê-ra-bô-li, và Cô-lô-se) qua Ê-pháp-ra (Cô-lô-se 1:6-8).

Thuật ngữ "đức tin" có thể chỉ về

1. (đức tin) khởi nguyên, sự tin cậy cá nhân nơi Đấng Christ (Ê-phê-sô 1:19 "đến chúng ta là những kẻ tin ")

2. đời sống Cơ Đốc trung tín tiếp diễn (theo nghĩa Cựu Ước, trong Cô-lô-se 1:9-10)
3. tín lý Cơ Đốc "đức tin," với mạo từ xác định (definite article), (Công Vụ 6:7; 13:8; 14:22; Ga-la-ti 1:23; 6:10; Giu-đe 3, 20)

Ở đây có một mạo từ và có lẽ sự lựa chọn #3 là tốt nhất.

☐ " **tình yêu thương của anh em** " Cụm từ này không có trong những thảo bản cổ Hy Lạp P⁴⁶, κ , A, hoặc B, cũng như những bản Kinh Thánh Hy Lạp được sử dụng bởi Origen, Jerome, hoặc Augustine, nhưng nó trình bày trong phần song hành Cô-lô-se (Cô-lô-se 1:4) và Phi-lê-môn 1:5. Rõ ràng đây là một sự chép thêm vào chỗ này trong Ê-phê-sô. Họ có khuynh hướng tiêu chuẩn hóa cách dùng từ của Phao-lô.

☐ " **thánh đồ** " Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Các thánh đồ tại Cô-lô-se 1:2.

1:16 Câu này bày tỏ hai khía cạnh của đời sống cầu nguyện của Phao-lô: (1) sự tạ ơn và (2) sự bền đỗ. Phao-lô liên tục cầu nguyện cho tất cả mọi hội thánh của Đấng Christ (Rô-ma 1:9; 2 Cô-rinh-tô 11:28; Phi-líp 1:3-4; Cô-lô-se 1:3,9 ; 1 Tê-sa 1:2-3; 2 Ti-mô-thê 1:3, Phi-lê-môn 4).

Đây là một sự quân bình thần học rất tốt giữa sự tin cậy nơi Đức Chúa Trời và sự cầu nguyện cầu thay. Sự công bố phúc âm và sự tăng trưởng của các hội thánh chính là ý muốn của Đức Chúa Trời. Nhưng Phao-lô cảm nhận được nhu cầu cần phải tiếp tục cầu nguyện cho họ. Bằng nhiều cách, lời cầu nguyện của các tín đồ giải phóng năng quyền của Đức Chúa Trời trong những phương tươi mới, sống động. Sự toàn năng của Đức Chúa Trời đã chọn lựa để hạn chế chính mình Ngài cho những lời cầu nguyện của dân sự Ngài (Gia-cơ 4:2)! Lời cầu nguyện cầu thay chính là một sự mầu nhiệm về năng quyền của Đức Chúa Trời liên hệ với những sự thỉnh cầu nguyện ý của những tín đồ. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt về Sự Tạ Ôn tại Cô-lô-se 4:2. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Lời Cầu Nguyện Cầu Thay tại Cô-lô-se 4:3.

1:17

NASB,NRSV,

NJB

" **Đức Chúa Jesus Christ, Đức Chúa Cha của sự vinh hiển, sẽ ban cho anh em một tinh thần của**"

NKJV

" **Đức Chúa Jesus Christ, Đức Chúa Cha của sự vinh hiển, sẽ ban cho anh em tinh thần của**"

TEV

" **Đức Chúa Jesus Christ, Cha vinh hiển, sẽ ban cho anh em Thánh Linh "**

Hãy chú ý sự nhấn mạnh vào Ba Ngôi Đức Chúa Trời được thấy trong bản dịch TEV của (1) Ê-phê-sô 1:3-14; (2) Ê-phê-sô 1:17; (3) Ê-phê-sô 2:18; (4) Ê-phê-sô 3:14-17; và (5) Ê-phê-sô 4:4-6. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Ba Ngôi Đức Chúa Trời tại Ê-phê-sô 1:3.

☐ " **Cha vinh quang** " Đây là một danh xưng Cựu Ước được dùng cho Đức Chúa Trời (Thi Thiên 24:7; 29:3; Công Vụ 7:2). Bỏ ngữ sở hữu cách (genitive modifier) (của sự vinh hiển) cũng được dùng cho Chúa Jesus trong 1 Cô-rinh-tô 2:8 và Gia-cơ 2:1. Lời cầu nguyện của Phao-lô rằng YHWH sẽ ban cho những tân tín hữu này một sự thấu hiểu trọn vẹn của sự khôn ngoan thật vốn chính là Đức Chúa Jesus Christ, chứ không phải là sự khôn ngoan tri thức giả tạo sai trật của những giáo sư giả Trí Huệ Giáo. Không hề có bất cứ sự khôn ngoan bí mật ẩn giấu của con người nào cả. Chúa Jesus chính là sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời là Đấng Ngài bày tỏ trọn vẹn! Hãy xem bài viết đầy đủ về "Sự Vinh Hiển" tại Ê-phê-sô 1:6.

☐ " **ban cho anh em linh** " Từ "linh" là không có mạo từ (anarthrous) (không có mạo từ xác định), nhưng nó thật sự phục vụ cho mục đích kép của việc chỉ đến tâm linh con người được ban năng lực bởi Đức Thánh Linh. Ê-sai 11:2 mô tả những ân tứ (món quà) của Đức Chúa Trời của Đức Thánh Linh như "một linh khôn ngoan," và "hiểu biết," "một linh khuyên dạy, tư vấn," và "sức mạnh," "một linh của sự thông biết," và "kính sợ Chúa."

Trong Tân Ước có một chuỗi những phần Kinh Thánh vốn mô tả những điều được sản sinh bởi Đức Thánh Linh trong đời sống của các tín đồ.

1. "một tâm linh của sự thánh khiết," Rô-ma 1:4
2. "một tâm linh của sự nhận làm con nuôi," Rô-ma 8:15
3. "một tâm linh của sự nhu mì," 1 Cô-rinh-tô 4:21
4. " một tâm linh của đức tin," 2 Cô-rinh-tô 4:13
5. " một tâm linh của sự khôn ngoan và mặc khải," Ê-phê-sô 1:17
6. " linh của lẽ thật," đối nghịch với " linh của sự sai trật," 1 Giăng 4:6

☐ " **của sự khôn ngoan và sự mặc khải để anh em nhận biết Ngài** " Những đại từ trong đoạn văn này chỉ về

Đức Chúa Cha, cũng như phần lớn trong Ê-phê-sô 1:3-14. Sự khôn ngoan và mặc khải này không chỉ cho một vài người, nhưng cho tất cả các tín đồ (Ê-phê-sô 4:13). Điều này được dùng để bác bỏ những sự nhấn mạnh về tri thức và độc chiếm của các giáo sư giả. Tri thức phúc âm được ban cho bởi Đức Chúa Trời và tập chú vào Chúa Jesus (Cô-lô-se 1:9). Ngài chính là lẽ thật (Giăng 8:32; 14:6)!

1:18-19 Tri thức về những sự chu cấp của Đức Chúa Cha trong Đấng Christ liên quan đến ba khía cạnh.

1. Niềm hy vọng được tiền định của các tín đồ
2. Sự thừa kế vinh hiển của các tín đồ
3. Sự hiểu biết của các tín đồ về quyền năng vĩ đại phi thường của Đức Chúa Trời được bày tỏ ra trong Đấng Christ

1:18 " soi sáng con mắt của lòng anh em " Đây là một ẩn dụ về phúc âm mang đến sự thông hiểu cho nhân loại sa ngã (Công Vụ 26:18; 2 Cô-rinh-tô 4:4-6). Điều này đã luôn là ý muốn của Đức Chúa Trời. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Heart tại Cô-lô-se 2:2.

☐ **" niềm hi vọng mà Chúa đã gọi "** Để xem một bài viết đầy đủ về "niềm hy vọng" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Cô-lô-se 1:5.

Từ " kêu gọi " (*kaleō*) được dùng trong một vài nghĩa thần học khác nhau trong Tân Ước.

1. Những tội nhân được gọi bởi Đức Chúa Trời qua Đấng Christ đến với sự cứu chuộc
2. Những tội nhân kêu cầu danh Chúa để được cứu
3. Những tín đồ được gọi để sống đời sống giống như Đấng Christ
4. Những tín đồ được gọi cho những nhiệm vụ chức vụ

Dòng chảy văn mạch này chính là #1. Để xem về "sự kêu gọi" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-phê-sô 4:1.

☐ **" sự phong phú của cơ nghiệp vinh quang "** Phao-lô thường nói về những lẽ thật phúc âm như là "sự phong phú (giàu có)" (Ê-phê-sô 1:7,18; 2:4,7; 3:8,16). Hãy xem bài viết tại Ê-phê-sô 1:7.

☐ **" cơ nghiệp "** Hãy xem bài viết đầy đủ tại Ê-phê-sô 1:11.

1:19

NASB	"sự vĩ đại phi thường "
NKJV	"sự vĩ đại vượt trội "
NRSV	"sự vĩ đại không thể nào đo lường"
TEV	"sự vĩ đại quá lớn đến đường nào"
NJB	"vĩ đại phi thường đến đường nào "

Từ *hyperballō* được sử dụng chỉ bởi Phao-lô trong Tân Ước. Nó bày tỏ cảm xúc không thể chịu đựng nổi của ông về những gì Đức Chúa Trời trong Đấng Christ đã làm cho con người phản loạn trong sự cứu chuộc (2 Cô-rinh-tô 3:10; 9:14; Ê-phê-sô 1:19; 2:7; 3:19).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁCH DÙNG TỪ GHÉP 'HUPER' CỦA PHAO LÔ

Phao lô có một ưa thích đặc biệt về việc tạo ra các từ mới khi sử dụng GIỚI TỪ *hyper* trong tiếng Hy Lạp, có nghĩa là 'vượt qua' hay 'ở trên'. Khi dùng với SỐ HỮU CÁCH (GENITIVE, ABLATIVE) nó có nghĩa là 'thay mặt.' Nó cũng có ý nghĩa "về" hay "liên hệ đến" như chữ *peri* (II Cô-rinh-tô 8:23; II Tê-sa-lô-ni-ca 2:1). Khi sử dụng với ĐỐI CÁCH (ACCUSATIVE) nó có nghĩa là 'bên trên,' 'vượt qua,' hay 'vượt quá' (xem sách của A.T. Robertson, *A Grammar of the Hy-lạp Tân Ước in the Light of Historical Research*, trang 625-633). Khi Phao lô muốn nhấn mạnh một khái niệm, ông thường sử dụng GIỚI TỪ từ trong một từ ghép. Sau đây là bảng liệt kê của những cách Phao lô sử dụng GIỚI TỪ này trong các từ ghép:

- A. Hapax legomenon (có nghĩa là "chỉ dùng một lần trong Tân ước")
 1. *Huperakmos*, một người đã qua thời kỳ sung mãn nhất của cuộc đời, I Cô-rinh-tô 7:36
 2. *Huperauxano*, gia tăng nhiều gấp bội, II Tê-sa-lô-ni-ca 1:3
 3. *Huperbaino*, đi quá hay vượt quá, I Tê-sa-lô-ni-ca 4:6
 4. *Huperkeina*, vượt quá, lần sang II Cô-rinh-tô 10:16
 5. *Huperekteina*, vượt quá, II Cô-rinh-tô 10:14
 6. *Huperentugchano*, cầu thay, Rô-ma 8:26

7. *Hupernikao*, chiến thắng dư dật, Rô-ma 8:37
 8. *Huperpleonazo*, dư dật vượt quá, I Ti-mô-thê 1:14
 9. *Huperupsoo*, tôn cao tốt bọc, Phi-líp 2:9
 10. *Huperphroneo*, có những ý tưởng cao, Rô-ma 12:3
- B. Từ chỉ dùng trong các thư tín của Phao lô.
1. *Huperairomai*, tự nâng mình lên, II Cô-rinh-tô 12:7; II Tê-sa-lô-ni-ca 2:4
 2. *Huperballontos*, vượt mức, không thể đo lường được, II Cô-rinh-tô 11:23; (chỉ có PHỐ TỬ ở đây, nhưng ở dạng ĐỘNG TỬ trong II Cô-rinh-tô 3:10; 9:14; Ê-phê-sô 1:19; 2:7; 3:19)
 3. *Huperbole*, quá mức, một số lượng bất thường, Rô-ma 7:13; I Cô-rinh-tô 12:31; II Cô-rinh-tô 1:8; 4:7,17; 12:7; Ga-la-ti 1:13
 4. *Huperekperissou*, vượt quá mọi sự đo lường, Ê-phê-sô 3:20; I Tê-sa-lô-ni-ca 3:10; 5:13
 5. *Huperlian*, ở mức độ cao nhất, tốt bọc, II Cô-rinh-tô 11:5; 12:11
 6. *Huperoche*, tuyệt vời, nổi bật xuất chúng, I Cô-rinh-tô 2:1; I Ti-mô-thê 2:2
 7. *Huperperisseuo*, đầy đầy, đầy tràn, Rô-ma 5:20 (TRUNG CÁCH (MIDDLE VOICE), được đầy tràn, đầy đầy, II Cô-rinh-tô 7:4)
- C. Từ Phao lô dùng và rất hiếm khi được các trước giả Tân ước khác dùng
1. *Huperano*, vượt xa, Ê-phê-sô 1:21; 4:10; và Hê-bơ-rơ 9:5 (dùng chỉ thăm quyền các thiên thần)
 2. *Huperecho*, tuyệt diệu, Rô-ma 13:1; Phi-líp 2:3; 3:8; 4:7; I Phi-e-rơ 2:13
 3. *Huperephanos*, kiêu căng, Rô-ma 1:30; II Ti-mô-thê 3:2 và Lu-ca 1:51; Gia-cơ 4:6; I Phi-e-rơ 5:5.

Phao lô là một người đầy nhiệt huyết; một khi điều gì hay người nào đó tốt, thì họ hay điều đó rất tốt và khi điều gì hay người nào đó xấu, thì họ hay điều đó cũng rất xấu. GIỚI TỬ này đã mở đường cho Phao lô bày tỏ những cảm xúc cực độ của mình về tội lỗi, bản ngã, Đấng Christ và Phúc âm.

☐ " **đối với chúng ta là những người tin** " Cụm từ này bày tỏ sự sai trật của tín lý "phổ thông thuyết (thuyết phổ độ)" vốn khẳng định rằng cuối cùng tất cả mọi người đều sẽ được cứu. Thuyết phổ độ này thường dựa trên việc đọc rập khuôn tách khỏi văn mạch bối cảnh (proof-texting) những đoạn Kinh Thánh riêng lẻ, cô lập như Rô-ma 5:18. Đức Chúa Trời đã chọn lựa cho phép nhân loại được dự phần (giao ước có điều kiện) trong chính sự cứu chuộc và chuyển hành hương của họ. Những Cơ Đốc Nhân cần phải ăn năn và tin nhận (Mác 1:15; Công Vụ 3:16,19; 20:21).

Sự bao gộp của phúc âm (Giăng 1:12; 3:16; 1 Ti-mô-thê 2:4-6; Tít 2:11; 1 Phi-e-rơ 3:9) là một sự tương phản với chủ nghĩa độc chiếm loại trừ của những giáo sư giả. Phúc âm là cho toàn nhân loại và nó là một sự mời gọi (1 Ti-mô-thê 2:4; Tít 2:11; 2 Phi-e-rơ 3:9) cho tất cả mọi người là những ai sẽ kêu cầu danh Chúa (Rô-ma 10:9-13).

☐ " **sự tác động của quyền năng siêu việt của Ngài** " Cụm từ này có thể là một sự ngụ ý khác chỉ đến Ê-sai 11:2 (Ê-phê-sô 1:17). Cụm từ này được hình thành từ ba từ trong tiếng Hy Lạp (*energias*, *kratos*, và *ischus*) vốn chỉ về quyền năng của Đức Chúa Trời. Một thuật ngữ thứ tư cho quyền năng (*dunamis*) được sử dụng trước đó trong câu này. Sự tập chú của sự cứu rỗi chính là những hành động đầy năng quyền của Đức Chúa Trời thông qua Đấng Christ, chứ không phải những hành động cá nhân của con người hay những ý tưởng tri thức.

1:20 Ba cụm từ tiếp đó mô tả về quyền năng mạnh mẽ, vĩ đại của Đức Chúa Cha đã thực hiện trên Chúa Jesus.

1. Nó đã "khiến Ngài sống lại từ cõi chết" Ê-phê-sô 1:20. Đây chính là dấu chỉ của sự chấp nhận của tế lễ của Ngài (I Cô-rinh-tô 15).
2. Nó "đặt Ngài ngồi bên tay Hữu Đức Chúa Trời," Ê-phê-sô 1:20. Đây là vị trí của sự tôn cao và siêu việt (Cô-lô-se 3:1). Điều này giới thiệu về chức vụ cầu thay tiếp diễn của Đấng Christ (Rô-ma 8:34; Hê-bơ-rơ 7:25; 9:24; 1 Giăng 2:1 và là sự ứng nghiệm của lời tiên tri Cựu Ước, Thi Thiên 110:1; Công Vụ 7:56).
3. Nó "khiến Ngài trở thành Đầu tối cao của hội thánh," Ê-phê-sô 1:22. Điềm này sử dụng thuật ngữ hội thánh chỉ về một dân tộc mới độc nhất của Đức Chúa Trời, vốn bao gồm tất cả những kẻ tin, cả Người Do Thái và Dân Ngoại (Ê-phê-sô 2:11-3:13; Ga-la-ti 3:27-29).

Những điều Cha đã làm cho Đấng Christ, Đấng Christ cũng đã làm cho những người theo Ngài (Ê-phê-sô 2:5-6). Cả ba thuật ngữ trong Ê-phê-sô 2:5-6 là những từ ghép với giới từ *syn* vốn có nghĩa là "gia nhập sự tham gia với."

☐ " **trong các nơi trên trời** " Tính từ số nhiều trung tính chỉ vị trí (về lãnh vực) (locative (of sphere) neuter plural

adjective) này (*epouranious*) chỉ được sử dụng duy nhất trong Ê-phê-sô (Ê-phê-sô 1:3, 20; 2:6; 3:10; 6:12). Từ văn mạch của tất cả những lần sử dụng của nó, nó phải có nghĩa về lãnh vực thuộc linh mà tại đó các tín hữu đang sống ở đây và bây giờ, chứ không phải thiên đàng sẽ sớm đến, trong tương lai.

1:21 " vượt trên tất cả mọi quyền thống trị, mọi thẩm quyền, mọi thế lực, mọi chủ quyền " Cụm từ này có thể chỉ đến cấp bậc, hoặc thứ tự của các thẩm quyền thuộc linh hoặc của các cấp bậc thiên sứ thù địch với con người (Ê-phê-sô 2:2; 3:10; 6:12; Cô-lô-se 1:16; 2:10,15; Rô-ma 8:38-39; 1 Cô-rinh-tô 15:24). Chúa Jesus là cao trọng hơn tất cả những thứ bậc thiên sứ này (Hê-bơ-rơ 1-2). Điều này bác bỏ sự nhấn mạnh của những giáo sư giả Trí Huệ giáo trên những cấp bậc thiên sứ (*aeons*). Những cấp bậc này cũng có thể chỉ đến những cấu trúc vô cảm trong thế giới của chúng ta vốn cho phép con người có thể thực hiện chức năng tách rời khỏi Đức Chúa Trời. Những ví dụ ở đây như triết học, hệ thống giáo dục, chính phủ, chăm sóc y tế, tôn giáo, v.v... (theo Hendrik Berkhof trong quyển *Christ and the Powers*, Herald Press).

Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Các Thiên Sứ trong Những Tác Phẩm của Phao-lô tại Ê-phê-sô 6:12.

Sâu hơn nữa, để xem về "vượt trên" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Các Sử Dụng Những Từ Ghép *Huper* của Phao-lô tại Ê-phê-sô 1:19. Để xem về "thẩm quyền" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: *Archē* tại Cô-lô-se 1:16.

▣ **"và mọi danh hiệu"** Cụm từ này có thể chỉ đến những mặt khải bí mật của những giáo sư giả hoặc những danh xưng được sử dụng để vượt qua những lãnh vực thiên sứ. Họ đã tin vào những tri thức bí mật của những danh xưng ma thuật để mang đến sự cứu rỗi. Phao-lô khẳng định rằng sự cứu rỗi và sự hợp nhất với Đức Chúa Trời chỉ được tìm thấy duy nhất trong danh của Chúa Jesus (Phi-líp 2:9- 11). Trong Cựu Ước tên của một người đại diện cho tính cách của người đó. Đặc tính của Cha được bày tỏ trọn vẹn qua Con (Giăng 14:8-14; 17:11).

▣ **" không chỉ trong đời này mà cả đời sắp đến nữa "** Người Do Thái tin vào hai thời đại, thời đại gian ác hiện tại và thời đại mới công chính sẽ đến qua Đấng Mê-si. Thời đại công chính mới của Đức Thánh Linh đã đến vào Lễ Ngũ Tuần (Giô-ên 2:28-32; Ma-thi-ơ 12:32, Mác 10:30; Lu-ca 16:8; 18:30; 20:34; 1 Ti-mô-thê 6:17; 2 Ti-mô-thê 4:10; Tít 2:12, Hê-bơ-rơ 6:5).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỜI NÀY VÀ ĐỜI SẮP ĐẾN

Các tiên tri Cựu ước nhìn tương lai qua sự kéo dài của hiện tại. Đối với họ, tương lai sẽ là sự phục hồi quốc gia Y-sơ-ra-ên trên phương diện địa lý. Tuy vậy, ngay cả họ đã thấy một ngày mới (Ê-sai 65:17; 66:22). Trong sự từ khước Đức Giê-hô-va một cách cố ý và liên tục của con cái Áp-ra-ham (ngay cả sau thời kỳ lưu đày), một khuynh hướng mới xuất hiện trong văn chương về thời kỳ cuối trong khoảng giữa hai giao ước (như là sách Hê-nóc, IV E-xơ-ra, II Ba-rúc). Các bài viết này bắt đầu đưa ra sự khác biệt giữa hai thời kỳ: thời kỳ gian ác đời này thống trị bởi Satan, và thời kỳ công bình sắp đến điều khiển bởi Thánh Linh và được mở màn bởi Đấng Mết-si-a (thường là một tinh binh dũng mãnh).

Trong khía cạnh thần học này (lai thế học), có một sự phát triển rõ ràng. Các nhà thần học gọi đó là "sự mặc khải tiệm tiến." (progressive revelation). Tân ước khẳng định hiện thực vũ trụ mới của hai đời này (nghĩa là thuyết nhị nguyên thuộc về thời gian) (temporal dualism):

Chúa Jê-sus	Phao-lô	Thư Hê-bơ-rơ
Ma-thi-ơ 12:32	Rô-ma 12:2	1:2
Ma-thi-ơ 13:22, 29	I Cô-rinh-tô 1:20; 2:6,8; 3:18	6:5
	II Cô-rinh-tô 4:4	11:3
	Ga-la-ti 1:4	
Mác 10:30	Ê-phê-sô 1:21; 2:1, 7; 6:12	
	I Ti-mô-thê 6:17	
Lu-ca 16:8	II Ti-mô-thê 4:10	
Lu-ca 18:30	Tít 2:12	
Lu-ca 20:34-35		

Trong thần học Tân ước hai thời kỳ này của người Do Thái trùng lấp nhau bởi vì sự tiên báo bất ngờ và bị bỏ qua trong hai lần đến của Đấng Mết-si-a. Sự nhập thể của Chúa Jê-sus đã làm trọn lời tiên tri trong Cựu ước về sự đăng quang một thời kỳ mới. Tuy nhiên, Cựu ước cũng cho thấy Ngài đến như một Quan án hay Đấng

chính phục, thế nhưng lần đầu tiên Ngài đến làm một nô lệ Chịu khổ (Ê-sai 53), khiêm nhường và nhu mì (Xa-cha-ri 9:9). Ngài sẽ đến trong quyền phép như Cựu ước đã tiên báo (Khải huyền 19). Sự làm thành hai chặng này khiến đem Vương quốc của Ngài vào trong hiện tại (được đăng quang), nhưng chưa tiến đến tương lai (chưa hoàn toàn đạt đến đỉnh). Đây là sự giằng co của Tân ước về khái niệm “đã, nhưng chưa”!

1:22 " Ngài đã đặt vạn vật (phục) dưới chân Đấng Christ " "phục" là một thuật ngữ quân sự cho một chuỗi những mạng lệnh (Thi Thiên 110:1; 8:6). Đức Chúa Cha đã ban cho Con địa vị hàng đầu trên mọi sự (Cô-lô-se 1:18-19). Vào thời điểm cuối cùng, Con sẽ trao tất cả mọi điều lại cho Cha (1 Cô-rinh-tô 15:27-28).

Sự thuận phục của Chúa Jesus với Cha không có ngụ ý, dù theo bất kỳ nghĩa nào, về sự không bình đẳng, nhưng là một sự phân chia lãnh vực, chức năng làm việc ở giữa Ba Ngôi. Hãy xem bài viết đầy đủ về "thuận phục" tại Ê-phê-sô 5:21.

▣ **" lập Đấng Christ làm đầu mọi sự "** Ẩn dụ mở rộng về Chúa Jesus như là Đầu của thân thể Ngài, hội thánh, cũng được thấy trong Ê-phê-sô và Cô-lô-se (Ê-phê-sô 4:15; 5:23; Cô-lô-se 1:18-19; 2:19). Người thuộc thế giới Địa Trung Hải cổ xưa tin rằng đầu mang lại sự sống cho thân thể.

▣ **"Hội Thánh"** Trong tiếng Hy Lạp thể tục, từ này có nghĩa là một cuộc hội họp, (Công Vụ 19:32). *Ekklesia* đã được sử dụng trong Bản Bảy Mươi (LXX) để dịch thuật ngữ Hê-bơ-rơ "hội chúng (*qahal*) Y-sơ-ra-ên" (Xuất 16:3, 12:6; Lê-vi-ký 4:13; Dân Số Ký 20:4). Đây là lần sử dụng đầu của vài lần sử dụng từ này trong Ê-phê-sô (Ê-phê-sô 1:22; 3:10,21; 5:23,24,25,27,29,32). Cả trong Ê-phê-sô (1:22-23) và Cô-lô-se (1:24) Phao-lô gọi hội thánh là thân thể của Đấng Christ.

Hội thánh đầu tiên xem chính họ là dân tộc của Đức Chúa Trời được ứng nghiệm cùng với Đức Chúa Jesus Christ, Đấng Mê-si, chính là Đầu của họ.

Một trong những mối liên hệ văn mạch không thường xuyên giữa Ê-phê-sô và Cô-lô-se chính là trong Ê-phê-sô từ này chỉ về hội thánh toàn cầu (1 Cô-rinh-tô 10:32; 12:28; 15:9; Ga-la-ti 1:13; Phi-líp 3:6), trong khi trong Cô-lô-se nó thường chỉ về hội thánh địa phương. Điều này chỉ về Ê-phê-sô như một lá thư được gửi rộng rãi.

Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Cô-lô-se 1:18.

1:23

<p>NASB, NKJV, NRSV TEV</p>	<p>"sự đầy trọn của Ngài là Đấng đổ đầy tất cả muôn vật " "Sự hoàn tất của Ngài là Đấng chính Ngài đã hoàn thiện muôn vật muôn nơi " (phần ghi chú "...là Đấng Chính Ngài đã đổ đầy trọn vẹn với sự đầy trọn của Đức Chúa Trời ")</p>
<p>NJB</p>	<p>"Sự đầy trọn của Ngài là Đấng được đổ đầy, trong muôn vật"</p>

Về ngữ pháp, đây là một phân từ trung cách thì hiện tại (present middle participle). Ở đây có một vài cách giải nghĩa có thể của cụm từ này:

1. Đấng Christ đổ đầy hội thánh
2. hội thánh đầy dẫy trong Christ (Cô-lô-se 1:24)
3. hội thánh được đổ đầy bởi số lượng những tín đồ (khía cạnh số lượng, Rô-ma 11:25)

Thuật ngữ này có ý nghĩa trong sự tấn công trực tiếp vào hệ thống thần học của những *aeons*, những sự phát xạ hoặc những cấp bậc thiên sứ, của những giáo sư giả Trí Huệ Giáo. Thuật ngữ "đầy trọn" và "đổ đầy" là những hình thái từ của thuật ngữ Hy Lạp *plērōma*, vốn sau này trong thế kỷ thứ hai đã trở nên một thuật ngữ Trí Huệ giáo cho con số toàn bộ của các cấp bậc thiên sứ (Ê-phê-sô 1:21) giữa vị thần tối cao, thánh khiết, thuộc linh và vị thần thấp hơn là kẻ đã dựng nên thế giới xấu xa. Hãy xem bài viết về Trí Huệ Giáo trong phần Dẫn Nhập vào sách Ê-phê-sô.

Đây là một định nghĩa đầy quyền năng về hội thánh. Hội thánh cần phải trở nên phản chiếu cách trọn vẹn về đầu của Hội thánh, chính là Chúa Jesus. Cũng như Chúa Jesus đã bày tỏ về Cha, thì cũng vậy, hội thánh cần phải bày tỏ về Đức Chúa Cha.

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính

yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Ai được ca ngợi trong Ê-phê-sô 1:3-14?
2. Hãy định nghĩa "Trí Huệ Giáo."
3. Sự lựa chọn (của Đức Chúa Trời) (Ê-phê-sô 1:4,5,11) liên hệ như thế nào với sự đáp ứng của con người (Ê-phê-sô 1:13)?
4. Hãy liệt kê những điều đã xảy ra trước sự sáng tạo (Ê-phê-sô 1:4; Ma-thi-ơ 25:34; Giăng 17:24; 1 Phi-e-rơ 1:20; Khải Huyền 13:8).
5. Chúng ta là sản nghiệp của Đức Chúa Trời hay Ngài là của chúng ta (Ê-phê-sô 1:11)?
6. Cụm từ được lặp đi lặp lại thường xuyên "đề ngợi khen vinh quang Ngài" chỉ đến ai?
7. Ê-phê-sô 1:20 liên hệ với Ê-phê-sô 2:5-6 như thế nào?
8. Ai hoặc điều gì được chỉ đến trong Ê-phê-sô 1:21 (các thiên sứ, các quý, những cấu trúc trong thế giới sa ngã này)?
9. Hãy mô tả về hai thời đại Do Thái.

Ê-PHÊ-SÔ 2

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Từ Sự Chết đến Sự Sống	Nhờ Ân Điển, Bởi Đức Tin	Nhờ Những Điều Lợi Trong Đấng Christ	Từ Sự Chết đến Sự Sống	Sự Cứu Rỗi trong Đấng Christ, một Món Quà Miễn Phí
2:1-10	2:1-10	2:1-10	2:1-3 2:4-10	2:1-6 2:7-10
Hiệp Một trong Đấng Christ	Được Mang Lại Gần Nhau bởi Huyết Ngải		Hiệp Một trong Đấng Christ	Sự Phục Hòa giữa Người Do Thái Và Người Ngoại và với Đức Chúa Trời
2:11-13	2:11-13 Đấng Christ Sự Hòa Bình của Chúng Ta	2:11-22	2:11-12 2:13-18	2:11-18
2:14-22	2:14-22		2:19-22	2:19-22

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH TO 2:1-22

- A. Những sự nhấn mạnh Do Thái và Trí Huệ Giáo vào sự cứu chuộc dựa trên việc làm của con người đã bị làm cho mất giá trị bởi sự nhấn mạnh của Phao-lô Phao-lô trên
1. Sự chọn lựa của Đức Chúa Trời trong Ê-phê-sô 1:3-14
 2. Sự khôn ngoan, tri thức và sự mặc khải của Đức Chúa Trời, Ê-phê-sô 1:15-23
 3. Ân điển khởi đầu của Đức Chúa Trời trong Ê-phê-sô 2:1-10

4. Sự mâu thuẫn của kế hoạch cứu chuộc của Đức Chúa Trời đã bị ẩn giấu qua nhiều thời đại (Người Do Thái và Người Ngoại giáo đây là một trong Đấng Christ) trong Ê-phê-sô 2:11-3:13
Phao-lô nhấn mạnh bốn điều mà trong đó nhân loại không có vai trò nào! Sự cứu rỗi tất cả thuộc về Đức Chúa Trời (Ê-phê-sô 1:3-14; 2:4-7), nhưng mỗi một người phải đáp ứng cách cá nhân (Ê-phê-sô 2:8-9) và sống trong sự sáng của Giao Ước Mới (Ê-phê-sô 2:10).

B. Có ba kẻ thù của nhân loại sa ngã đã được mô tả trong Ê-phê-sô 2:2-3 (Gia-cơ 4:1,4,7):

1. Hệ thống của thế giới sa ngã, Ê-phê-sô 2:2
2. Kẻ thù mang bản chất thiên sứ, Sa-tan, Ê-phê-sô 2:2
3. Bản chất sa ngã của nhân loại (bản chất A-đam), Ê-phê-sô 2:3

Những câu 1-3 chỉ ra sự tuyệt vọng và chẳng có bất cứ sự giúp đỡ nào của nhân loại trong sự tách rời khỏi và sự chống nghịch đối với Đức Chúa Trời (Rô-ma 1:18-2:16).

C. Cũng như cách Ê-phê-sô 2:1-3 mô tả tình trạng đáng thương của nhân loại, Ê-phê-sô 2:4-6 làm nổi bật sự tương phản sự giàu có của tình yêu và sự thương xót của Đức Chúa Trời cho nhân loại sa ngã. Tội lỗi của con người là tệt hại, nhưng tình yêu và sự thương xót của Đức Chúa Trời thậm chí còn vĩ đại hơn (Rô-ma 5:20)! Những gì Đức Chúa Trời đã thực hiện cho Đấng Christ (Ê-phê-sô 1:20), Đấng Christ giờ đây đã làm cho các tín đồ (Ê-phê-sô 2:5-6).

D. Có một sự căng thẳng thật sự trong Tân Ước giữa ân điển miễn phí của Đức Chúa Trời và nỗ lực của con người. Sự căng thẳng này được mô tả trong những cặp nghịch lý:

1. Thể chỉ định (một sự tuyên bố) và thể mệnh lệnh (một mạng lệnh);
2. ân điển /đức tin mang tính mục tiêu (nội dung của phúc âm) và đức tin mang tính chủ động (trải nghiệm của một người về phúc âm));
3. Đã chiến thắng trong cuộc đua (trong Đấng Christ) và giờ đây đang chạy trong cuộc đua (cho Đấng Christ).

Sự căng thẳng này được nhìn thấy rõ ràng trong Ê-phê-sô 2:8-9, vốn nhấn mạnh ân điển, trong khi Ê-phê-sô 2:10 nhấn mạnh những việc lành. Nó không phải là một sự đề xuất thần học hoặc là/hoặc nhưng là (một sự đề xuất thần học) cả/và. Tuy nhiên, ân điển luôn luôn đến trước và chính là nền tảng của một đời sống giống như Đấng Christ. Những câu 8-10 chính là sự tổng kết kinh điển của nghịch lý của phúc âm-miễn phí Cơ Đốc, nhưng nó lại đòi hỏi phải trả giá với tất cả mọi sự! Đức tin và việc làm (Gia-cơ 2:14- 26)!

E. Một chủ đề mới được giới thiệu trong Ê-phê-sô 2:11-3:13. Nó là một sự mâu thuẫn bí ẩn, đã được giấu kín ngay từ ban đầu, rằng Đức Chúa Trời khao khát sự cứu chuộc toàn bộ nhân loại, Người Do Thái (Ê-xê-chi-ên 18:23,32) và Dân Ngoại (1 Ti-mô-thê 2:4; Tít 2:11; 2 Phi-e-rơ 3:9), qua một đức tin cá nhân nơi một sự chuộc tội thay thế của Đấng Mê-si. Sự mời gọi toàn nhân loại này được tiên tri trong Sáng 3:15 và 12:3. Đây là một sự tha thứ hoàn toàn miễn phí cách triệt để (Rô-ma 5:12-21) gây sốc cho Người Do Thái và toàn bộ giới tinh hoa tôn giáo (những giáo sư giả Trí Huệ Giáo, Những người Do Thái Giáo Triệt Đê Cực Đoan) và mọi kẻ đề xuất "sự xung công chính-bởi-việc làm" hiện đại.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010 (NASB (UPDATED)): Ê-PHÊ-SÔ 2:1-10

¹ Anh em đã chết vì những vi phạm và tội lỗi của mình, ² là những gì mà anh em đã từng theo đuổi khi sống theo cách của thế gian, thuận theo kẻ cầm quyền chốn không trung, là thần hiện đang hành động trong những con cái không vâng phục. ³ Tất cả chúng ta đều ở trong số này, đã có lần sống theo những dục vọng của xác thịt, theo đuổi các đam mê của xác thịt và tâm trí. Như vậy, theo bản chất tự nhiên, chúng ta là con của sự thịnh nộ như mọi người khác. ⁴ Nhưng Đức Chúa Trời, là Đấng giàu lòng thương xót, vì yêu chúng ta bằng tình yêu cao cả, ⁵ nên ngay khi chúng ta đã chết vì những vi phạm thì Ngài khiến chúng ta cùng sống với Đấng Christ — ấy là nhờ ân điển mà anh em được cứu — ⁶ và trong Đấng Christ Jê-sus, Đức Chúa Trời đã khiến chúng ta đồng sống lại và đồng ngồi với Ngài ở các nơi trên trời, ⁷ để tỏ bày cho các đời sắp đến biết sự phong phú vô hạn của ân điển Ngài, qua sự nhân từ của Ngài đối với chúng ta trong Đấng Christ Jê-sus. ⁸ Vì nhờ ân điển, bởi đức tin mà anh em được cứu, điều này không đến từ anh em mà là tặng phẩm của Đức Chúa Trời; ⁹ cũng không do việc làm của anh em để không ai

có thể tự hào.¹⁰ Vì chúng ta là công trình của tay Ngài, được tạo dựng trong Đấng Christ Jêsus để thực hiện những việc lành mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị từ trước để chúng ta làm theo.

2:1 Hoặc là Ê-phê-sô 2:1-7 hoặc Ê-phê-sô 2:1-10 đã hình thành nên một câu trong tiếng Hy Lạp, với động từ chính nằm trong Ê-phê-sô 2:5. Nó là một luận điểm được duy trì liên tục. Sự trình bày của Phao-lô bao gồm

1. Sự tuyệt vọng, chẳng có ai giúp đỡ và sự hư mất thuộc linh của toàn bộ nhân loại, Ê-phê-sô 2:1-3
2. Ân điển không bởi công trạng của Đức Chúa Trời, Ê-phê-sô 2:4-7
3. Sự đáp ứng cần thiết của con người, đức tin và đời sống, Ê-phê-sô 2:8-10

▣ " **Anh em** " Trong Cô-lô-se và Ê-phê-sô đại từ số nhiều này luôn chỉ đến những tín đồ Người Ngoại (Ê-phê-sô 1:13; 2:12).

▣ " **đã chết** " Đây chính là một phân từ chủ động thì hiện tại (present active participle) có nghĩa là "trong tình trạng chết." Điều này chỉ đến sự chết thuộc linh (Ê-phê-sô 2:5; Rô-ma 5:12-21; Cô-lô-se 2:13). Kinh Thánh bày tỏ về ba giai đoạn của sự chết:

1. sự chết thuộc linh (Sáng 2:17; Sáng Thế Ký 3; Ê-sai 59:2; Rô-ma 7:10-11; Gia-cơ 1:15)
2. Sự chết thuộc thể (Sáng 2:16-17; 3:4-5; 5)
3. sự chết đời đời, được gọi là "sự chết thứ hai " (Khải Huyền 2:11; 20:6,14; 21:8)

▣ " **những vi phạm** " Thuật ngữ Hy Lạp này (*paraptōma*) có nghĩa là "ngã về một phía " (Ê-phê-sô 1:7). Mọi từ Hy Lạp cho "những tội lỗi" đều lên hệ với ý tưởng Hê-bơ-rơ của sự chệch hướng khỏi tiêu chuẩn về sự công chính của Đức Chúa Trời. Những từ "công chính," "công bình," và những từ có nguồn gốc từ chúng trong tiếng Hê-bơ-rơ đều đến từ một ẩn dụ về xây dựng của một cây sậy để đo lường. (Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-phê-sô 4:24). Đức Chúa Trời chính là chuẩn mực. Toàn bộ nhân loại đều đã chệch hướng khỏi chuẩn mực đó (Thi Thiên 14:1-3; 5:9; 10:7; 36:1; 53:1-4; 140:3; Ê-sai 53:6; 59:7-8; Rô-ma 3:9-23; 1 Phi-e-rơ 2:25).

▣ " **tội lỗi** " Từ Hy Lạp này (*hamartia*) có nghĩa là "thiếu đi sự đánh dấu " (Ê-phê-sô 4:26). Hai từ dùng cho tội lỗi trong câu 1 được sử dụng như những từ đồng nghĩa để bày tỏ về sự sa ngã của nhân loại, một tình trạng trở nên xa cách (Rô-ma 3:9,19,23; 11:32; Ga-la-ti 3:22).

2:2 "là những gì mà anh em đã từng theo đuổi (bước đi)" "Bước đi" là một ẩn dụ theo Kinh Thánh để chỉ về lối sống (Ê-phê-sô 2:2,10; 4:1,17; 5:2,8,15).

NASB, NKJV	"theo con đường của thế gian này"
NRSV	"đi theo con đường của thế gian này "
TEV	"đi theo con đường gian ác của thế gian này "
NJB	"sống bởi những nguyên tắc của thế gian này "

Hệ thống của thế giới sa ngã hiện nay (thời đại) được nhân hóa như một kẻ thù (Ga-la-ti 1:4). Đây chính là nỗ lực của nhân loại để đạt được mọi nhu cầu với sự tách biệt khỏi Đức Chúa Trời. Trong tác phẩm của Giảng nó được gọi là "thế gian" (1Giăng 2:2,15-17; 3:1,13,17; 4:1-17; 5:4,5,19) hoặc "Ba-by-lôn" (Khải Huyền 14:8; 16:19; 17:5; 18:2,10,21). Trong hệ thống từ vựng hiện đại của chúng ta nó được gọi là "chủ nghĩa nhân bản vô thần." Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Các sử dụng từ *Kosmos* Phao-lô tại Cô-lô-se 1:6.

NASB, NKJV	"theo hoàng tử của quyền lực chốn không trung "
NRSV	"đi theo những luật lệ của quyền lực chốn không trung "
TEV	"anh em đã vâng lời kẻ cai trị của những quyền lực thuộc linh nơi chốn không gian"
NJB	"vâng phục kẻ cai trị là kẻ cai quản không trung "

Đây là kẻ thù thứ hai của nhân loại sa ngã, Sa-tan kẻ kiêu cao. Nhân loại đã phục dưới một kẻ cám dỗ mang bản chất thiên sứ (Sáng Thế Ký 3, Gióp 1-2, Xa-cha-ri 3). Hắn được gọi là kẻ cai trị hoặc thần của thế gian (Giăng 12:31; 14:30; 16:11; 2 Cô-rinh-tô 4:4; 1 Giăng 5:19).

Trong Tân Ước, chốn không trung chính là lãnh địa của ma quỷ. Vùng không gian thấp (*aēr*) được người Hy Lạp xem như là một sự ô uế và vì vậy chính là lãnh địa của những tà linh. Một vài người xem cách sử dụng của

"không trung" như một sự chỉ đến bản chất không phải vật chất của thế giới thuộc linh. Khái niệm "sự cất lên của hội thánh" đến từ bản dịch tiếng La-tinh của 1 Tê-sa 4:17, "cất lên." Các Cơ Đốc Nhân sẽ gặp Chúa ngay giữa vương quốc của Sa-tan, "chôn không trung," để bày tỏ sự lật độ của nó!

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: HIỆN THÂN CỦA ĐIỀU ÁC

I. Đây là một chủ đề khó, vì một số lý do:

- A. Kinh thánh Cựu ước không bày tỏ một kẻ thù đầu tiên của điều thiện, nhưng là một tội tở của Đức Giê-hô-va, kẻ đã đưa ra một lựa chọn khác cho con người và tố cáo sự không công bình của họ.
- B. Khái niệm hiện thân của một kẻ thù của Đức Chúa Trời phát triển trong các văn chương xuất hiện khoảng giữa hai giao ước (không được kinh điển) dưới ảnh hưởng của tôn giáo Ba-tư (Zoroastrianism). Điều này đến lượt nó lại ảnh hưởng lớn trên Do thái giáo.
- C. Tân ước phát triển một số chủ đề Cựu ước một cách rất thẳng thắn nhưng có chọn lọc.

Nếu chúng ta tiếp cận vấn đề về điều ác từ cái nhìn của thần học Thánh kinh (theo mỗi sách hoặc trước giả hoặc thể loại được nghiên cứu và sắp xếp riêng biệt), thì sẽ thấy có rất nhiều quan điểm về điều ác.

Tuy nhiên, nếu tiếp cận nó từ các tài liệu không phải là Kinh thánh hoặc các tài liệu thêm vào Kinh thánh từ các tôn giáo của thế giới hoặc tôn giáo Đông phương, thì chúng ta sẽ thấy sự phát triển Tân ước hầu hết bị bao trùm trong thuyết nhị nguyên của Ba-tư (Persian) và thuyết thông linh (spiritism) của thế giới Hy Lạp-La mã.

Nếu chúng ta chấp nhận thẩm quyền thiêng liêng của Kinh thánh, thì sự phát triển trong Tân ước phải được xem như một sự mặc khải tiệm tiến (progressive revelation). Người Cơ đốc phải cảnh giác, không để cho những truyền thống dân gian của người Do thái hay các tác phẩm văn chương phương Tây (như Dante, Milton) định nghĩa thay cho họ các ý niệm Kinh thánh. Rõ ràng rằng có một sự huyền bí và không rõ ràng trong lãnh vực khải thị này. Chúa quyết định không bày tỏ ra mọi khía cạnh của điều ác, xuất xứ, mục đích của nó, nhưng Ngài đã bày tỏ cho chúng ta biết rằng nó đã bị đánh bại!

II. Trong Cựu ước chữ Sa-tan hay kẻ kiện cáo có lẽ liên quan đến ba nhóm riêng biệt:

- A. Những kẻ kiện cáo là con người (I Sa-mu-ên 29:4; II Sa-mu-ên 19:22; I Các vua 11:14, 23, 25; Thi thiên 109:6)
- B. Những kẻ kiện cáo là thiên sứ (Dân số ký 22:22-23; Xa-cha-ri 3:1)
- C. Những kẻ kiện cáo là ma quỷ (I Sứ ký 21:1; I Các Vua 22:21; Xa-cha-ri 13:2)

Chỉ có sau này trong thời kỳ giữa hai giao ước thì con rắn trong Sáng thế ký 3 mới được cho là Sa-tan (Sách khôn ngoan 2:23-24; II Hê-nóc 31:3), và mãi sau này điều này mới trở thành một cách giải thích của các thầy ra-bi (*Sot* 9b và *Sanh*. 29a). Các "con trai của Đức Chúa Trời" trong Sáng thế ký 6 trở thành các thiên sứ trong I Hê-nóc 54:6. Tôi đề cập đến điều này, không phải để khẳng định tính chính xác về mặt thần học của nó, nhưng chỉ để cho thấy tiến trình phát triển của nó. Khi vào trong Tân ước thì các hành động trong Cựu ước này thường được gán cho thiên thần ác, điều ác được nhân cách hóa (Sa tan) trong II Cô-rinh-tô 11:3; Khải huyền 12:9.

Nguồn gốc điều ác được nhân cách hóa thật khó, thậm chí không thể xác định rõ ràng được (tùy theo quan điểm của bạn) từ Cựu ước. Nguyên do là bởi tính độc thần rất mạnh của Y-sơ-ra-ên (I Các Vua 22:20-22; Truyền đạo 7:14; Ê-sai 45:7; A-mốt 3:6). Mọi nguyên nhân đều thuộc về Đức Giê-hô-va để chỉ sự độc nhất và cao cả nhất của Ngài (Ê-sai 43:11; 44:6, 8, 24; 45:5-6, 14, 18, 21, 22).

Một số nguồn thông tin có được thường tập trung vào (1) Gióp 1-2 ở đây Sa-tan là một trong những "con trai Đức Chúa Trời" (tức là thiên thần) hoặc là (2) Ê-sai 14; Ê-xê-chi-ên 28 là nơi các vua kiêu căng vùng Cận đông (Ba-by-lôn và Ty-rơ) được dùng để minh họa sự kiêu ngạo của Sa-tan (I Ti-mô-thê 3:6). Tôi có những cảm xúc lẩn lộn về cách tiếp cận này. Ê-xê-chi-ên dùng hình ảnh Vườn Ê-đen không những cho vua của Ty-rơ là Sa-tan (Ê-xê-chi-ên 28:12-16), nhưng ông cũng dùng hình ảnh này cho Vua của Ai-cập để chỉ cây biết điều thiện và điều ác (Ê-xê-chi-ên 31). Tuy vậy, Ê-sai 14, đặc biệt là câu 12-14, dường như mô tả sự nổi loạn của các thiên thần qua sự kiêu ngạo. Nếu Đức Chúa Trời muốn bày tỏ cho chúng ta biết bản chất và xuất xứ đặc biệt của Sa-tan qua những câu này, thì Ngài đã đặt nó ở một chỗ không rõ ràng và đề cập đến một cách rất gián tiếp. Chúng ta cần phải cảnh giác không theo xu hướng của thần học hệ thống gom góp một số câu ít ỏi, lờ mờ từ cả hai giao ước, các tác giả, sách vở, các thể loại văn chương khác nhau và kết hợp chúng lại thành những miếng xếp hình có vẻ thiêng liêng và được ráp lại không rõ ràng

III. SA-TAN TRONG TÂN ƯỚC

Học giả Alfred Edersheim (*The Life and Times of Jesus the Messiah*, tập 2, phụ lục XIII [trang 748-763] và XVI [trang 770-776]) cho rằng Do thái giáo đã bị ảnh hưởng quá mức của thuyết nhị nguyên Ba-tư và các suy đoán về ma quỷ. Các thầy ra-bi không phải là nguồn đáng tin cậy trong lãnh vực này. Chúa Jê-sus đã hoàn toàn tách xa khỏi các lời dạy của các thầy ra-bi trong các nhà hội. Tôi nghĩ rằng khái niệm trung gian và chống đối của các thiên thần theo các thầy ra-bi qua việc ban luật Môi-se trên núi Si-nai đã mở đường cho khái niệm cho rằng trong giới thiên thần có một kẻ thù của Đức Giê-hô-va và con người. Hai vị thần cao cả của thuyết nhị nguyên của người I-ran (Zoroastrian)

1. *Ahura Mazda*, sau này được gọi là *Ohrmazd*, là vị thần sáng tạo, thần tốt lành

2. *Angra Mainyu*, sau này được gọi là *Ahriman*, linh hủy diệt, thần gian ác

Họ chiến đấu để giành quyền tối cao với trái đất chính là chiến trường. Thuyết nhị nguyên được phát triển thành một thuyết nhị nguyên giới hạnh Do Thái của YHWH và Sa-tan.

Chắc chắn là có một sự mặc khải tiệm tiến trong Tân ước về sự phát triển của khái niệm điều ác, nhưng không quá chi tiết như các thầy ra-bi tuyên bố. Một ví dụ điển hình cho sự khác biệt này là "cuộc chiến trên thiên đàng." Sự sa ngã của Sa-tan cũng chỉ là một điều cần phải có theo cách lô-gích, nhưng chúng ta không có các chi tiết của sự kiện này. Ngay cả những điều được cho biết thì chỉ được thấy qua bức màn của thể loại văn chương lai thế (apocalyptic genre) (Khải huyền 12:4, 7, 12-13). Mặc dù Sa-tan bị đánh bại và bị đày xuống trần gian này, nó vẫn có chức năng như một đày tớ của Đức Giê-hô-va (Ma-thi-ơ 4:1; Lu-ca 22:31-32; I Cô-rinh-tô 5:5; I Ti-mô-thê 1:20).

Chúng ta phải ngăn chặn sự tò mò của chúng ta trong lãnh vực này. Có một quyền lực hiện thân của sự cám dỗ và gian ác, nhưng cũng có một và chỉ một Đức Chúa Trời và con người phải chịu trách nhiệm đối với những điều mình chọn lựa. Có một trận chiến thuộc linh cả trước và sau sự cứu rỗi. Sự chiến thắng chỉ có thể đến và tồn tại trong và qua Đức Chúa Trời Ba ngôi. Sự ác đã bị đánh bại và sẽ bị loại bỏ (Khải Huyền 20:10)!

NASB, NKJV "trong những con trai của sự bội nghịch "

NRSV "ở giữa những kẻ không vâng phục "

TEV "những kẻ không vâng lời Đức Chúa Trời"

NJB "trong sự bội nghịch "

Đây là một thành ngữ Hê-bơ-rơ để chỉ về sự nổi loạn và đặc tính không thay đổi (Ê-phê-sô 5:6).

2:3 "Tất cả chúng ta ... đã có lần sống " Trong Ê-phê-sô "chúng tôi (chúng ta)" chỉ về những tín đồ Do Thái, nhưng trong trường hợp này, Phao-lô và nhóm chức vụ của ông. Cụm từ cuối, cũng như mọi người khác," khiến nó có khả năng rằng cụm từ này chỉ về tất cả những người được lựa chọn trong Cựu Ước, người Do Thái. Động từ này là một thể chỉ định thụ động thì bất định (aorist passive indicative). Thể bị động (passive voice) vốn nhấn mạnh rằng nhân loại sa ngã đã bị điều khiển bởi những quyền lực gian ác từ bên ngoài, như Sa-tan hoặc các quỷ, được đề cập đến trong Ê-phê-sô 2:2 và 3:10; 6:12.

NASB, NKJV "trong những dục vọng của xác thịt chúng ta "

NRSV "trong những đam mê của xác thịt chúng ta "

TEV "theo những sự khao khát tự nhiên của chúng ta "

NJB "những đòi sống nhục dục "

Đây là kẻ thù thứ ba của nhân loại sa ngã. Mặc dù nó không được liệt kê trong cấu trúc song hành ngữ pháp ("theo...") cùng với hai kẻ thù kia trong Ê-phê-sô 2:2, nhưng nó là một sự song hành thần học. Sự sa ngã của nhân loại, bản ngã tự coi mình là trung tâm (Sáng Thế Ký 3) chính là kẻ thù tệ hại nhất (Ga-la-ti 5:19-21). Nó bề cong và điều khiển tất cả mọi điều và tất cả mọi người trở thành sự tự tập chú vào chính mình của một người (Rô-ma 7:14-25).

Phao-lô sử dụng từ "xác thịt" trong hai cách khác nhau, Chỉ có văn mạch mới có thể xác định được sự khác biệt này. Trong Ê-phê-sô 2:11,15; 5:29,31; 6:5 and 12 nó có nghĩa là "con người," không phải "bản chất tội lỗi sa ngã" như ở đây. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Xác thịt (*sarx*) trong Cô-lô-se 1:22.

NASB "nuông chiều những khát khao của thể xác và của tâm trí "

NKJV "thỏa mãn những khát khao của xác thịt và của tâm trí "

NRSV "đi theo những khát khao của xác thịt và giác quan "

TEV "và làm bất cứ điều gì thỏa mãn những ước muốn của chính cơ thể và tâm trí chúng ta "

NJB "bị cai trị hoàn toàn bởi những khát khao cơ thể và ý tưởng của chính chúng ta "

Đây là một Phân từ chủ động thì hiện tại (present active participle) vốn nhấn mạnh một hành động theo thói quen, liên tục, tiếp diễn. Cơ thể và tâm trí của con người về chính nó không phải là xấu xa, nhưng chúng ta nơi chiến trường của sự cám dỗ và tội lỗi (Ê-phê-sô 4:17-19; Rô-ma 6 và 7).

▣ " **theo bản chất tự nhiên** " Cụm từ này chỉ về sự sa ngã của nhân loại, khuynh hướng A-đam (Sáng Thế Ký 3; Thi Thiên 51:5; Gióp 14:4; Rô-ma 5:12-21; 7:14-25). Thật đáng kinh ngạc rằng những ra-bi Do Thái nói chung không nhấn mạnh về sự sa ngã của nhân loại trong Sáng Thế Ký 3. Thay vì vậy họ khẳng định rằng con người có hai sự chủ định (*yetzers*), một cái tốt, một cái xấu. Con người bị cai trị bởi những sự lựa chọn của họ. Có một câu châm ngôn ra-bi Do Thái nổi tiếng: "Tất cả mọi người đều có một con chó đen và một con chó trắng trong lòng mình. Con chó nào người đó cho nó ăn sẽ chính là con trở nên lớn nhất." Tuy nhiên, Tân Ước bày tỏ một vài nguyên do thần học cho tội lỗi của nhân loại (1) sự sa ngã của Adam; (2) sự ngu dốt, chối bỏ cố ý; và (3) những sự lựa chọn tội lỗi.

▣ " **con của sự thịnh nộ** " "Con của. . .", cũng như "các con của. . .", là một cụm từ thành ngữ Hê-bơ-rơ cho tính cách của một người. Đức Chúa Trời chống lại tội lỗi và sự nổi loạn trong sự tạo dựng của Ngài. Con thịnh nộ của Đức Chúa Trời mang cả hai tính chất tạm thời (đúng thời điểm) và lai thế học (vào thời kỳ cuối cùng).

NASB "ngay cả giống như những người còn lại "
NKJV "khiến chúng ta ngồi cùng nhau "
NRSV, "giống như tất cả mọi người khác "
TEV NJB "cũng như những kẻ còn lại của thế gian "

Cụm từ này chỉ về sự hư mất của toàn bộ loài người, cả Người Do Thái và Dân Ngoại (Rô-ma 1:18-3:21). Phao-lô sử dụng từ này "kẻ còn lại" để chỉ về người hư mất (1 Tê-sa 4:13; 5:6).

2:4 " Nhưng Đức Chúa Trời, là Đấng giàu lòng thương xót, vì yêu chúng ta bằng tình yêu cao cả " Đây thật sự là một sự chuyển đổi đầy kịch tính giữa sự tuyệt vọng, bất lực của nhân loại sa ngã trong Ê-phê-sô 2:1-3 và ân điển, sự thương xót tuyệt diệu của Đức Chúa Trời trong Ê-phê-sô 2:4-7.

Thật là một lễ thật vĩ đại! Sự nhân từ và yêu thương của Đức Chúa Trời chính là những yếu tố then chốt, là chìa khóa đến sự cứu rỗi (Ê-phê-sô 2:7). Đó chính là đặc tính đầy thương xót của Ngài (Xuất 34:6; Nê-hê-mi 9:17; Thi Thiên 86:15; 103:8; 145:8-9; Ê-phê-sô 1:7,18; 2:7; 3:8,16;), chứ không phải là biểu hiện của nhân loại, đã mở ra một con đường của sự công chính (Rom 3:21-31). Hãy xem bài viết về "Những sự giàu có (phong phú) " tại Ê-phê-sô 1:7.

Thật quan trọng đáng chú ý rằng câu này nói về ân điển của Đức Chúa Trời có bao gồm một phân từ thì hiện tại (present participle) và một thể chỉ định chủ động thì bất định (aorist active indicative). Đức Chúa Trời đã yêu chúng ta trong quá khứ (Giăng 3:16; 1 Giăng 4:9-10) và vẫn tiếp tục yêu chúng ta (1 Giăng 4:7-8, 16)!

2:5 " ngay khi chúng ta đã chết vì những vi phạm," Cụm từ này song hành với Ê-phê-sô 2:1a. Phao-lô quay lại với ý tưởng đầu tiên sau suy nghĩ được chen vào (Ê-phê-sô 2:1-3) về sự hư mất của nhân loại. Ngay giữa nhu cầu của chúng ta, Đức Chúa Trời đã hành động trong tình yêu thương (Rô-ma 5:6,8).

▣ " **khiến chúng ta cùng sống với Đấng Christ** " Cụm từ tiếng Anh phản ánh một từ Hy Lạp (*suzōpoieō*). Đây là động từ chính của câu (thể chỉ định chủ động thì bất định (aorist active indicative)) vốn bắt đầu trong Ê-phê-sô 2:1. Đây là động từ đầu tiên trong ba động từ ghép thì bất định với giới từ Hy Lạp, *syn* (compound aorist verb with the Greek preposition, *syn*), vốn có nghĩa là "dự phần tham gia với." Chúa Jesus đã sống lại từ cõi chết trong Ê-phê-sô 1:20 và các tín đồ đã được khiến sống lại đến sự sống thuộc linh qua Ngài (Cô-lô-se 2:13; 3:1). Các tín đồ giờ đây đã thực sự sống lại cùng với Đấng Christ. Chúng ta đã có đời sống phục sinh ngay bây giờ! Sự chết, kẻ thù cuối cùng, đã bị đánh bại (1 Cô-rinh-tô 15).

▣ **2:5,8 " nhờ ân điển mà anh em được cứu "** Đây là một phân từ thể bị động thì hoàn thành theo lối nói vòng (Perfect passive periphrastic participle), được lặp lại trong Ê-phê-sô 2:8 để nhấn mạnh. Điều này có nghĩa rằng các tín đồ đã được cứu trong quá khứ, bởi một đại diện từ bên ngoài, với những kết quả mãi mãi; "họ đã được cứu và tiếp tục được cứu bởi Đức Chúa Trời." Cùng một cấu trúc này được lặp lại trong Ê-phê-sô 2:8 để nhấn mạnh. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-phê-sô 1:7.

Đây là một trong những phần Kinh Thánh vốn hình thành nên nền tảng của tín lý về sự an ninh của các tín đồ (Giăng 6:37, 39; 10:28; 17:2, 24; 18:9; Rô-ma 8:31-39). Cũng giống như tất cả những tín lý theo Kinh Thánh khác, nó phải được quân bằng (được giữ trong sự căng thẳng) với những lễ thật và phần Kinh Thánh khác.

2:6 " khiến chúng ta đồng sống lại ... với Ngài " Đây là từ ghép thì bất định với *syn* (aorist compounds with

syn) thứ hai. Các tín đồ đã được sống lại cùng với Đấng Christ. Các tín đồ được chôn cùng với Ngài trong phép báp-tem (Cô-lô-se 2:12; Rô-ma 6:3-11) và được gọi sống lại cùng với Ngài bởi Đức Chúa Cha (Cô-lô-se 2:13; Rô-ma 6:4-5) là Đấng đã dấy Đức Chúa Jesus sống lại (khiến sống lại bởi Đức Thánh Linh trong Rô-ma 8:11). Những phép tu từ so sánh tương đồng đặc biệt về sự cứu chuộc. Các tín đồ dự phần về mặt thuộc linh vào tất cả những sự kiện chính trong những gì Chúa Jesus đã trải qua: sự chịu đóng đinh, sự chết, được chôn, sự phục sinh, và được tôn lên ngôi! Các tín đồ chia sẻ sự sống và sự chịu khổ cùng với Ngài; họ cũng sẽ chia sẻ vinh quang Ngài (Rô-ma 8:17)!

NASB, "khiến chúng ta ngồi cùng với Ngài "
NRSV NKJV "khiến chúng ta ngồi cùng nhau "
TEV "cùng cai trị với Ngài"
NJB "ban cho chúng ta một chỗ cùng với Ngài"

Đây là từ ghép thì bất định với *syn* (aorist compound with *syn*) thứ ba. Địa vị của chúng ta trong Ngài là một trong hiện tại, cũng như trong tương lai, sự chiến thắng (Rô-ma 8:37)! Ý tưởng về việc cùng ngồi với Ngài có nghĩa là cùng cai trị với Ngài. Chúa Jesus chính là Vua của các vua đang ngồi trên ngai của Đức Chúa Cha và các tín đồ giờ đây cùng cai trị với Ngài (Ma-thi-ơ 19:28; Rô-ma 5:17; Cô-lô-se 3:1; 2 Ti-mô-thê 2:12; Khải Huyền 2:26; 3:21).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TRỊ VỊ TRONG VƯƠNG QUỐC ĐỨC CHÚA TRỜI

Khái niệm đồng trị với Đấng Christ là một phần trong thần học về Vương Quốc Đức Chúa Trời, liên hệ đến ý tưởng từ Cựu Ước về Đức Chúa Trời là Vua thực của I-sơ-ra-en. (cf. 1 Sam. 8:7). Ngài trị vì một cách biểu tượng (1 Sam. 8:7; 10:17-19) qua bộ tộc Giu-đa (cf. Gen. 49:10) và dòng họ Giê-sê (cf. 2 Samuel 7). Chúa Giê-su ứng nghiệm các tiên tri về Đấng Christ trong Cựu Ước. Ngài khai trương Vương Quốc Đức Chúa Trời với sự nhập thể ở Bết-lê-hem. Vương Quốc Đức Chúa Trời là trọng tâm sự giảng dạy của Chúa Giê-su. Vương Quốc Đức Chúa Trời ứng nghiệm trọn vẹn trong Ngài. (cf. Matt. 10:7; 11:12; 12:28; Mark 1:15; Luke 10:9,11; 11:20; 16:16; 17:20-21).

Tuy nhiên, Vương Quốc Đức Chúa Trời còn ở trong thì tương lai (thời Tân Thế). Nước Trời được bày tỏ, nhưng chưa đến cực điểm. (cf. Matt. 6:10; 8:11; 16:28; 22:1-14; 26:29; Luke 9:27; 11:2; 13:29; 14:10-24; 22:16,18). Chúa Giê-su đến lần đầu với tư cách một đầy tớ. khiêm nhường (cf. Isa. 52:13-53:12); (cf. Zech. 9:9). Nhưng Ngài sẽ quay trở lại với tư cách một vị Vua trên các muôn vua (cf. Matt. 2:2; 21:5; 27:11-14). Khái niệm trị vì là một phần trong thần học Vương Quốc. Đức Chúa Trời đã trao Vương Quốc cho các tín đồ theo Chúa Giê-su (xem Luke 12:32).

Khái niệm đồng trị với Đấng Christ có vài khía cạnh đáng hỏi.

1. Phải chăng các câu nói về Đức Chúa Trời ban cho tín đồ Vương Quốc mang ý nghĩa đồng trị với Đấng Christ? (cf. Matt. 5:3,10; Luke 12:32)?
2. Phải chăng lời của Chúa Giê-su cho các tín đồ thế kỷ thứ nhất cũng thích hợp cho tín đồ mọi thế hệ. (cf. Matt. 19:28; Luke 22:28-30)?
3. Phải chăng Phao-lô nói tín đồ đồng trị trong đời này phản biện hay xác nhận khái niệm trên. (cf. Rom. 5:17; 1 Cor. 4:8)?
4. Sự nhậm nhục và sự tể trị liên hệ với nhau như thế nào? (cf. Rom. 8:17; 2 Tim. 2:11-12; 1 Pet. 4:13; Rev. 1:9)?
5. Một chủ đề lặp lại trong Khải Huyền là đồng trị với Đấng Christ vinh hiển. Phải chăng sự trị vì này liên hệ tới
 - a. Trần thế? , Rev. 5:10
 - b. Thiên Hỷ Niên (1000 năm)? , Rev. 20:4-6
 - c. Cõi Đồi Đồi?, Rev. 2:26; 3:21; 22:5 and Dan. 7:14,18,27

NASB,NKJV,
NRSV "tại các nơi trên trời "
TEV "tại các thế giới trên trời "
NJB "trên trời"

Tính từ chỉ vị trí (về lãnh vực) số nhiều giống trung tính (locative (of sphere) neuter plural adjective) này, "tại

các nơi trên trời," chỉ được dùng duy nhất tại đây trong Ê-phê-sô (Ê-phê-sô 1:20; 2:6; 3:10; 6:12). Từ văn mạch của tất cả các lần sử dụng của nó, nó bắt buộc phải có nghĩa về một lãnh giới thuộc linh trong đó các tín đồ đang sống tại đây và ngay bây giờ, chứ không phải là thiên đàng.

2:7 " các đời (thời đại) sắp đến " Người Do Thái tin vào hai thời đại, thời đại hiện tại gian ác (Ga-la-ti 1:4) và thời đại công chính sắp đến (Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-phê-sô 1:21). Thời Đại Mới của sự công chính này đã được mở ra bởi sự đến của Đấng Mê-si trong quyền năng của Đức Thánh Linh. Trong Ê-phê-sô 1:21 "thời đại" ở số ít, nhưng ở đây nó là số nhiều (1 Cô-rinh-tô 2:7; Hê-bơ-rơ 1:2; 11:3). Nó ngụ ý rằng (1) có ít nhất hai thời đại hoặc (2) số nhiều ở đây được dùng để làm nổi bật và tán dương thời đại sắp đến - một cách nói thành ngữ ra-bi được gọi là một "thể số nhiều của Đấng Thánh." Cách sử dụng của thể số nhiều này chính là một nghĩa bóng có thể thấy trong các phần Kinh Thánh vốn chỉ đến "những thời đại" quá khứ (Rô-ma 16:25; 1 Cô-rinh-tô 10:11; 2 Ti-mô-thê 1:9; Tít 1:2).

Một vài học giả tin rằng đơn giản đây là một sự ẩn dụ chỉ về cõi đời đời bởi vì cách của cụm từ được dùng trong Tiếng Hy Lạp Koine thể tục và một vài chỗ khác trong Tân Ước (Lu-ca 1:33, 55; Giăng 12:34; Rô-ma 9:5; Ga-la-ti 1:5; 1 Ti-mô-thê 1:17).

☐ **" để tỏ bày cho "** Đây là một thể cầu khẩn trung cách thì bất định (aorist middle subjunctive). Đức Chúa Trời đã bày tỏ cách rõ ràng đặc tính của chính Ngài (Ê-phê-sô 1:5-7). Từ này có nghĩa là "bày tỏ cách công khai " (Rô-ma 9:17,22). Sự thương xót và mục đích của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ đã được bày tỏ cách rõ ràng cho các thiên sứ bởi cách chăm sóc của Ngài đối với nhân loại hư mất (Ê-phê-sô 3:10; 1 Cô-rinh-tô 4:9).

☐ **" vô hạn (vượt trội)"** *Huperballō*. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Cách sử dụng những Từ Ghép *Huper* của Phao-lô tại Ê-phê-sô 1:19.

2:8 " Vì nhờ ân điển " Sự cứu rỗi nhờ "ân điển" của Đức Chúa Trời (Ê-phê-sô 1:3-14). Đặc tính của Đức Chúa Trời được bày tỏ qua sự thương xót của Ngài (Ê-phê-sô 2:4-6). Các tín đồ chính là những chiến lợi phẩm của tình yêu của Ngài. Ân điển được định nghĩa tốt nhất như là tình yêu không phải bởi công trạng, không xứng đáng của Đức Chúa Trời. Nó tuôn chảy từ bản tính của Đức Chúa Trời qua Đấng Christ và bất luận người được yêu có phẩm chất xứng đáng hay đáng giá hay không.

☐ **" anh em được cứu "** Đây là một phân từ thể bị động thì hoàn thành theo lối nói vòng (Perfect passive periphrastic participle) vốn là một sự lặp lại của Ê-phê-sô 2:5 (Hãy xem ghi chú ở đó). Nó nhấn mạnh rằng "các tín đồ đã và sẽ tiếp tục" được cứu bởi Đức Chúa Trời.

Trong Cựu Ước thuật ngữ "cứu" nói về "sự giải cứu thuộc thể" (Gia-cơ 5:15). Trong Tân Ước ý nghĩa này nói trong phương diện thuộc linh. Đức Chúa Trời giải cứu các tín đồ khỏi hậu quả của sự sa ngã và ban cho họ sự sống đời đời. Ngài đã phục hồi hình ảnh của Đức Chúa Trời và khiến cho con người có khả năng bước vào trong mối liên hệ với Đức Chúa Trời một lần nữa.

Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-phê-sô 1:7.

☐ **" bởi đức tin "** Đức tin nhận lãnh món quà miễn phí nơi Đức Chúa Trời trong Đấng Christ (Rô-ma 3:22,25; 4:5; 9:30; Ga-la-ti 2:16; 3:24; 1 Phi-e-rơ 1:5). Nhân loại phải đáp ứng với sự mời gọi ân điển và tha thứ nơi Đấng Christ (Giăng 1:12; 3:16- 17,36; 6:40; 11:25-26; Rô-ma 10:9-13).

Đức Chúa Trời đã giải quyết với nhân loại sa ngã bằng những phương tiện của giao ước. Ngài luôn luôn chiếm phần khởi đầu chủ động (Giăng 6:44, 65) và thiết lập ra những việc cần làm và giới hạn của chúng (Mác 1:15; Công Vụ 3:16,19; 20:21). Ngài cho phép nhân loại sa ngã được tham gia trong chính sự cứu chuộc của họ qua sự đáp ứng lại với sự mời gọi giao ước của Ngài. Sự đáp ứng bắt buộc chính là cả đức tin khởi đầu và tiếp nối liên tục. Nó bao gồm sự ăn năn, vâng phục, phục vụ, thờ phượng, và kiên trì đứng vững.

Từ "đức tin" trong Cựu Ước là một sự mở rộng ẩn dụ của một tư thế đứng vững vàng. Nó xuất hiện để biểu thị về một điều gì chắc chắn, đáng tin cậy, có thể dựa vào và luôn trung tín. Không có bất kỳ điểm nào trong những điểm được mô tả ở trên có nơi nhân loại sa ngã. Không phải bởi sự đáng tin cậy, trung tín, đáng nương tựa vào của con người nhưng là của Đức Chúa Trời. Chúng ta đã tin cậy nơi những lời hứa đáng tin cậy của Ngài, chứ không phải sự đáng tin cậy của chúng ta! Sự vâng phục giao ước tuôn chảy từ tấm lòng biết ơn! Sự tập chú luôn luôn nơi sự thành tín của Ngài, chứ không phải nơi đức tin của các tín đồ! Đức tin không thể cứu bất kỳ ai. Duy chỉ ân điển cứu rỗi, nhưng nó được nhận lãnh bởi đức tin. Sự tập chú không bao giờ nằm nơi lượng đức tin (Ma-thi-ơ 17:20), nhưng trên đối tượng của đức tin ấy (Chúa Jesus).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TIN, TIN CẬY, NIỀM TIN VÀ SỰ TRUNG TÍN TRONG CỰU ƯỚC. (אמן)

I. Lời mở đầu,

Cần phải nói rằng khái niệm thần học rất quan trọng này trong Tân Ước không được định nghĩa rõ ràng trong Cựu Ước. Nó luôn ở đó, xuất hiện trong một số đoạn Kinh thánh và nhân vật Cựu Ước pha trộn:

1. Cá nhân và cộng đồng
2. Từng trải cuộc gặp gỡ cá nhân và vâng phục giao ước

Đức tin thể hiện trong cả cuộc gặp gỡ cá nhân và cuộc sống hàng ngày. Nó dễ được mô tả qua ví dụ một nhân vật hơn là giải thích qua nghiên cứu từ vựng. Khía cạnh cá nhân được minh họa tốt nhất qua

1. Áp-ra-ham hậu tự
2. Đa-vít và Y-sơ-ra-ên

Những người này gặp gỡ Đức Chúa Trời và cuộc sống họ được thay đổi, tuy không tuyệt hảo, nhưng tiếp tục trong đức tin). Sự thử thách tiết lộ ưu điểm và yếu điểm của họ. Mỗi liên hệ mật thiết, tin cậy với Đức Chúa Trời khiến đức tin họ lớn mạnh theo thời gian. Đức tin được thử nghiệm và tinh chế trường tồn, ấy là bằng chứng về sự tận hiến và lối sống của họ.

II. Gốc chính của từ vựng

A. אמן (BDB 52)

1. Động từ: Tin

a. gốc *Qal* – Hỗ trợ, nuôi dưỡng (ví dụ., II Các vua. 10:1,5; Ê-xơ-tê 2:7, sử dụng ngoài thần học)

b. gốc *Niphal* – làm chắc chắn, thiết lập, khẳng định, trở nên thành tín, đang tin cậy

(1) về con người, Ê-sai 8:2; 53:1; Giê-rê-mi 40:14

(2) về sự việc, Ê-sai 22:23

(3) về Đức Chúa Trời, Phục. 7:9; Ê-sai 49:7; Giê-rê-mi. 42:5

c. gốc *Hiphil*. – đứng vững, tin, tin cậy

(1) Áp-ra-ham tin Đức Chúa Trời, Sáng. 15:6

(2) Y-sơ-ra-ên ở Ai-cập tin, Xuất 4:31; 14:31 (từ dạng phủ định trong Phục-truyền. 1:32)

(3) Y-sơ-ra-ên tin Giê-hô-va phán qua Mô-sê, Xuất. 19:9; Thi 106:12,24

(4) A-cha không tin Đức Chúa Trời, Isa 7:9

(5) bất cứ ai tin Ngài, Ê-sai 28:16

(6) Tin sự thật về Đức Chúa Trời, Ê-sai 43:10-12

2. Danh từ (giống đực) – sự thành tín (ví dụ., Phục-truyền. 32:20; Ê-sai 25:1; 26:2)

3. Trạng từ – thực vậy, quả thực, tôi đồng ý, chắc là như vậy (xem. Phục-truyền. 27:15-26; I Các Vua. 1:36; I Sứ Ký 16:36; Ê-sai 65:16; Giê-rê-mi 11:5; 28:6). Tương tự chữ “Amen” trong Tân Ước và Cựu Ước

B. אמת (BDB 54) danh từ giống cái, sự chắc chắn, thành tín, lẽ thật

1. Về con người, Ê-sai 10:20; 42:3; 48:1

2. Về Đức Chúa Trời, Xuất 34:6; Thi Thiên 117:2; Ê-sai 38:18,19; 61:8

3. Về lẽ thật, Phục-truyền. 32:4; I Các Vua 22:16; Thi 33:4; 98:3; 100:5; 119:30; Giê 9:5; Xa-cha-ri 8:16

C. אמונה (BDB 53), sự chắc chắn, sự bền đỗ, chất lượng

1. về bàn tay, Xuất 17:12

2. về thời gian, Ê-sai 33:6

3. về con người, Giê-rê-mi 5:3; 7:28; 9:2

4. về Đức Chúa Trời, Thi 40:11; 88:11; 89:1,2,5,8; 119:138

III. Phao-lô sử dụng khái niệm này từ Cựu Ước

A. Phao-lô dựa vào sự hiểu biết mới của ông về Giê-hô-va và Cựu Ước khi gặp Chúa Giê-su trên đường đi Đa-mách (xem. Công vụ 9; 22; 26).

B. Ông tìm được chỗ dựa trong Cựu Ước cho sự hiểu biết mới về hai phân đoạn quang trọng của Cựu Ước, trong đó gốc אמן được sử dụng.

1. Sáng thế. 15:6 – Áp-ra-ham gặp Đức Chúa Trời do Ngài chủ động (Sáng thế 12) kết cục đem lại một cuộc sống vâng phục trong đức tin (Sáng thế 12-22). Phao-lô gọi nhớ trường hợp này trong Rô-ma 4 and Ga-la-ti 3.
2. Ê-sai 28:16 – Những ai tin (ví dụ., tảng đá góc mà Đức Chúa Trời đã thử nghiệm và đặt để sẽ không bao giờ
 - a. Rô-ma. 9:33, “bị hổ thẹn hoặc thất vọng”
 - b. Rô-ma. 10:11, cũng giống như trên
3. Ha-ba-cúc. 2:4 – tNhững ai biết Đức Chúa Trời thành tín, phải sống một cuộc đời thành tín (xem. Giê-rê-mi. 7:28). Phao-sử dụng câu này trong Ro-ma 1:17 and Ga-la-ti. 3:11 (xem ghi chú Hê-bơ-rơ 10:38).

IV. Phi-e-rơ sử dụng khái niệm này từ Cựu Ước

A. Phi-e-rơ kết hợp

1. Ê-sai 8:14 – I Phi-e-rơ 2:8 (khối vấp phạm)
2. Ê-sai 28:16 – I Phi-e-rơ 2:6 (tảng đá góc)
3. Ps. 118:22 – I Phi-e-rơ 2:7 (Tảng đá bị chối từ)

B. Ông sử dụng ngôn ngữ độc đáo mô tả Y-sơ-ra-ên, “Một chủng tộc tuyển chọn, một vương đấng tư tế, Một dân tộc thánh khiết, một gia sản công dân của Đức Chúa Trời”

1. Phục-truyền. 10:15; Ê-sai 43:21
2. Ê-sai 61:6; 66:21
3. Xuất. 19:6; Phục-truyền. 7:6

Và bây giờ ông cũng sử dụng khái niệm này khi đức tin Hội thánh trong Đấng Christ

V. Giảng sử dụng khái niệm này từ Cựu Ước

A. trong Tân Ước

Từ gốc (*pisteuō*) trong tiếng Hy-lạp. dịch ra là tin, đức tin hoặc tin cậy. Ví dụ danh từ không được sử dụng, nhưng động từ được sử dụng nhiều lần trong Phúc Âm Giảng. Ông không an tâm vì thực chất của sự hứa nguyện đối với Chúa Giê-xu Na-xa-rét, Đấng Mê-si trong vòng đám đông. Ví dụ khác về đức tin hời hợt bên ngoài có trong Giảng 8:31-59 and Công vụ 8:13, 18-24. Đức tin theo nghĩa Kinh thánh sâu nhiệm hơn là sự hưởng ứng ban đầu. Nó phải trưởng thành trong quá trình môn-đồ-hóa (xem. Ma-thi-ơ 13:20-22,31-32).

B. Sử dụng với giới từ (PREPOSITIONS)

1. *eis* có nghĩa “vào.” Cấu trúc độc đáo này nhấn mạnh việc tín đồ đặt đức tin và lòng tin cậy vào Chúa Giê-su
 - a. Vào danh Ngài (Giăng 1:12; 2:23; 3:18; I Giăng 5:13)
 - b. Vào Ngài (Giăng 2:11; 3:15,18; 4:39; 6:40; 7:5,31,39,48; 8:30; 9:36; 10:42; 11:45, 48; 12:37,42; Ma-thi-ơ 18:6; Công vụ 10:43; Phi-líp. 1:29; I Phi-e-rơ 1:8)
 - c. Vào Ta (Giăng 6:35; 7:38; 11:25,26; 12:44,46; 14:1,12; 16:9; 17:20)
 - d. Vào Đức Chúa Con (Giăng 3:36; 9:35; I Giăng 5:10)
 - e. Vào Chúa Giê-su (Giăng 12:11; Công vụ 19:4; Ga-la-ti 2:16)
 - f. Vào Ánh Sáng (Giăng 12:36)
 - g. vào Đức Chúa Trời (Giăng 14:1)
2. *en* có nghĩa “ở trong” Giăng 3:15; Mác 1:15; Công vụ 5:14
3. *epi* có nghĩa “trong”, “hoặc trên,” as in Matt. 27:42; Công vụ 9:42; 11:17; 16:31; 22:19; Rô-ma. 4:5,24; 9:33; 10:11; I Tim.1:16; I Phi-e-rơ 2:6
4. DATIVE CASE không giới từ trong Ga-la-ti 3:6; Công vụ 18:8; 27:25; I Giăng 3:23; 5:10 (chỉ có tin, chứ không tin vào)
5. *hoti*, có nghĩa “ tin rằng”, về nội dung điều đáng tin:
 - a. Chúa Giê-su Đấng Thánh của Đức Chúa Trời (Giăng 6:69)
 - b. Chúa Giê-su Đấng Phán: Ta Là (Giăng 8:24)
 - c. Chúa Giê-su trong Cha and the Cha trong Con (Giăng 10:38)
 - d. Chúa Giê-su Đấng Mê-si (Giăng 11:27; 20:31)
 - e. Chúa Giê-su Con Đức Chúa Trời (Giăng 11:27; 20:31)
 - f. Chúa Giê-su được phái bởi Cha (Giăng 11:42; 17:8,21)

- g. Chúa Giê-su là một với Cha (Giăng 14:10-11)
- h. Chúa Giê-su đến từ Cha (Giăng 16:27,30)
- i. Chúa Giê-su xác nhận tên mình như tên của Cha theo giao ước, "Ta Là" (Giăng 8:24; 13:19)
- j. Chúng ta sẽ sống cùng Ngài (Rô-ma. 6:8)
- k. Chúa Giê-su chết và sống lại (I Tê-sa 4:14)

VI. Kết luận

A. Đức tin theo Thánh Kinh là sự hưởng ứng của con người đối với lời phán và lời hứa Thần Linh. Đức Chúa Trời luôn khởi xướng, (ví dụ., Giăng 6:44,65), nhưng con người phải đáp lại trong cuộc hội thoại thuộc linh này

1. Tin cậy
2. Vâng phục trong giao ước

B. Đức tin theo kinh thánh là

1. mối liên hệ cá nhân (Đức tin khởi đầu)
2. Khẳng định chân lý theo Kinh Thánh, tin vào mặc khải của Đức Chúa Trời.
3. Vâng phục thích hợp trong cuộc sống hàng ngày

Đức tin theo Kinh thánh không phải là về đi Thiên Đàng, hay tài khoản bảo hiểm, Nó là mối liên hệ mật thiết. Đây là mục đích của công cuộc sáng tạo, và con người được sáng tạo trong hình ảnh Đức Chúa Trời(xem. Sáng 1:26-27). Trong ý nghĩa "mật thiết" Đức Chúa Trời mong cầu mối liên hệ chứ không phải mức độ hiểu biết thuộc linh. Mối liên hệ với Đức Chúa Trời thánh khiết đòi hỏi con cái Ngài cũng phải ánh tít cách gia truyền (ví dụ., đòi hỏi thánh khiết như Ngài, xem. Lê-vi Ký 19:2; Matt. 5:48; I Phi-e-rơ 1:15-16). Sự Sa Ngã (xem. Sáng thế 3) ảnh hưởng khả năng đáp ứng của chúng ta, Chính vì vậy mà Đức Chúa Trời đã chủ động trợ giúp chúng ta, ban cho chúng ta tâm lòng và tâm linh mới qua sự ăn năn và đức tin. Nhờ đó chúng ta có thể thông công và vâng phục Ngài. Cả ba điều trên "liên hệ, chân lý và vâng phục" đều quan trọng, đều phải được duy trì. Trong ngôn ngữ Kinh thánh, mục đích tối hậu là biết và phản chiếu tít cách của Đức Chúa Trời trong cuộc sống chúng ta. Mục đích của đức tin không phải là thiên Đàng trong một ngày nào đó, nhưng trở nên giống-Chúa hàng ngày

C. Sự trung tín của con người là kết quả (theo Tân Ước), chứ không phải là cơ sở (theo Cựu Ước) cho mối liên hệ với Đức Chúa Trời, Con người đặt đức tin vào sự thành tín, tin cậy vào sự đáng tin cậy của Ngài. Trọng tâm của quan điểm Tân Ước là con người phải bắt đầu đáp ứng và tiếp tục trong ân điển và sự thương xót của Đức Chúa Trời, thể hiện trong Đấng Christ. Ngài đã yêu thương, sai phái, cung ứng. Chúng ta phải đáp lại trong đức tin và sự trung tín (xem. Ê-phê-sô. 2:8-9 và 10)!

Đức Chúa Trời thành tín mong cầu những người trung tín bày tỏ Ngài cho thế gian bắt tin, và giúp họ tìm được niềm tin cá nhân nơi Ngài

▣ **"điều này"** Đây là một đại từ biểu thị(*touto*) (demonstrative pronoun (*touto*)) Hy Lạp, vốn mang tính trung tính về giống. Những danh từ gần nhất, "ân điển" và "đức tin," đều ở giống cái về giống (về ngữ pháp). Vì vậy, từ này chắc chắn phải chỉ về toàn bộ tiến trình của sự cứu chuộc của chúng ta trong công việc được hoàn tất của Đấng Christ.

Có một khả năng khác dựa trên một cấu trúc ngữ pháp tương tự trong Phi-líp 1:28. Nếu ở đây chính là trường hợp đó thì cụm từ trạng ngữ (bổ nghĩa cho động từ) này liên hệ đến đức tin, vốn cũng là một món quà của ân điển của Đức Chúa Trời! Đây chính là sự mầu nhiệm bí ẩn của Đức Chúa Trời về sự tể trị toàn năng và ý chí tự do của nhân loại.

▣ **" không đến từ anh em "** Đây là cụm từ đầu trong ba cụm từ vốn bày tỏ rõ ràng sự cứu chuộc không dựa trên biểu hiện của con người: (1) "chẳng bởi chính anh em" Ê-phê-sô 2:8; (2) "sự ban cho (món quà) của Đức Chúa Trời" Ê-phê-sô 2:8; và (3) "chẳng phải là kết quả của việc làm " Ê-phê-sô 2:9.

▣ **" tặng phẩm của Đức Chúa Trời "** Đây chính là cốt lõi của tình yêu-ân điển mà không có bất cứ điều kiện ràng buộc nào (Rô-ma 3:24; 6:23). Cặp nghịch lý về sự cứu rỗi vốn cả là một món quà miễn phí và một sự đáp ứng giao ước bắt buộc thật khó khăn để nắm bắt. Nhưng cả hai điều đều đúng! Sự cứu rỗi thực sự là một sự ban cho nhưng không (một món quà miễn phí), nhưng nó cũng phải được trả giá bởi tất cả mọi điều. Gần như tất cả những tín lý theo Kinh Thánh đều được trình bày theo những cặp lẽ thật đầy căng thẳng (sự yên ninh và kiên

nhấn đứng vững trong sự khó khăn, đức tin và việc làm, sự tể trị toàn năng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người, sự tiền định và sự đáp ứng của con người và sự siêu việt và nội tại (của Đức Chúa Trời)).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: BẢNG CHỨNG TRONG TÂN ƯỚC VỀ SỰ CỨU CHUỘC CỦA MỘT NGƯỜI

Nó được dựa trên Giao Ước Mới (Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-38) trong Chúa Jesus

1. Bản tính của Đức Chúa Cha (Giăng 3:16), công tác của Đức Chúa Con (II Cô-rinh-tô 5:21), và mục vụ của Đức Thánh Linh (Rô-ma 8:14-16), không phải trên những cách phô diễn của con người, không phải tiền công cho sự vâng lời, không phải chỉ là một tín điều.
2. Nó là một món quà (Rô-ma 3:24; 6:23; Ê-phê-sô 2:5, 8-9).
3. Nó là một cuộc sống mới, một thế giới quan mới (Gia-cơ và I Giăng)
4. Nó là tri thức (Phúc âm), thông công (đức tin nơi và với Chúa Jê-sus), và một lối sống mới (giống với Đấng Christ được sự hướng dẫn của Thánh Linh), cả ba chứ không chỉ bởi một điều nào riêng biệt.
5. Hãy xem những sự thử thách của sự cứu rỗi thật tại Những Ý Tưởng theo Văn Mạch dẫn nhập vào I Giăng 2:3-27, phần C. trực tuyến.

2:9 " không do việc làm," Sự cứu chuộc không phải dựa trên công trạng (Rô-ma 3:20, 27-28; 9:11, 16; Ga-la-ti 2:16; Phi-lê-môn 3:9; 2 Ti-mô-thê 1:9; Tít 3:5). Điều này tương phản đối đầu trực diện với những kẻ giáo sư giả.

☐ **" để không ai có thể tự hào "** Sự cứu chuộc bởi ân điển của Đức Chúa Trời, chứ không phải bởi nỗ lực riêng của con người, bởi đó không có bất cứ cơ hội nào cho sự tự tôn cao của con người (Rô-ma 3:27; 4:2). Nếu các tín đồ khoe khoang, hãy để họ khoe khoang trong Đấng Christ (I Cô-rinh-tô 1:31, vốn là một phần trích từ Giê-rê-mi 9:23-24).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ KHOE MÌNH

Những từ ngữ này *kauchaomai*, *kauchema*, và *kauchesis* được Phao lô dùng khoảng 35 lần và chỉ 2 lần trong các sách Tân ước còn lại (đều trong Gia-cơ). Nó được sử dụng chủ yếu trong I và II Cô-rinh-tô.

Có hai lẽ thật chính liên quan đến sự khoe mình.

- A. Không xác thịt nào khoe mình trước mặt Đức Chúa Trời (I Cô-rinh-tô 1:29; Ê-phê-sô 2:9)
- B. Người tin Chúa nên khoe mình trong Chúa (I Cô-rinh-tô 1:31; II Cô-rinh-tô 10:17, chỉ về Giê-rê-mi 9:23-24)

Vì vậy, có những sự khoe mình chính đáng và không chính đáng (ví dụ như kiêu căng)

A. Chính đáng:

1. Về sự hy vọng vinh quang (Rô-ma 4:2)
2. Trong Đức Chúa Trời qua Chúa Jê-sus (Rô-ma 5:11)
3. Về thập tự của Đấng Christ (chủ đề chính của Phao lô, I Cô-rinh-tô 1:17-18; Ga-la-ti 6:14)
4. Phao lô khoe mình về:
 - a. Mục vụ không đòi hỏi lương hưởng của ông (I Cô-rinh-tô 9:15,16; II Cô-rinh-tô 10:12)
 - b. Thâm quyền của ông từ Đấng Christ (II Cô-rinh-tô 10:8:12)
 - c. Ông không huênh hoang về công việc của những người khác (như một số người ở Cô-rinh-tô, II Cô-rinh-tô 10:15)
 - d. Di sản về chủng tộc (như một số ở Cô-rinh-tô, II Cô-rinh-tô 11:17; 12:1,5,6).
 - e. Các Hội thánh của ông
 - (a) Cô-rinh-tô (II Cô-rinh-tô 7:4,14:8:24; 9:2; 11:10)
 - (b) Tê-sa-lô-ni-ca (II Tê-sa-lô-ni-ca 1:4)
 - (c) Niềm tin nơi sự an ủi và giải cứu của Đức Chúa Trời (II Cô-rinh-tô 1:12)

B. Không chính đáng:

1. Liên quan đến di sản Do thái (Rô-ma 2:17,23; 3:27; Ga-la-ti 6:13)
2. Một số người ở Hội thánh Cô-rinh-tô khoe khoang:
 - a. Về con người (I Cô-rinh-tô 3:21)
 - b. Về sự khôn ngoan (I Cô-rinh-tô 4:7)

2:10 " chúng ta là công trình của tay Ngài," Từ tiếng Anh "poem (thơ ca)" đến từ thuật ngữ trong tiếng Hy Lạp này (*poiēma*). Từ này chỉ được sử dụng đúng hai lần trong Tân Ước, ở đây và trong Rô-ma 1:20. Đây là địa vị của các tín đồ trong ân điển. is the believers' position in grace. Họ chính là kết quả một cách nghịch lý biện chứng đã được hoàn tất nhưng vẫn còn đang ở trong tiến trình!

▣ **" được tạo dựng trong Đấng Christ Jêsus "** Đây là một phân từ bị động thì bất định (aorist passive participle). Thánh Linh hình thành nên các tín đồ thông qua chức vụ của Đấng Christ bởi ý muốn của Đức Chúa Cha (Ê-phê-sô 1:3-14). Hành động này chính là một sự sáng tạo thuộc linh mới được mô tả bởi cùng những thuật ngữ được sử dụng trong sự sáng tạo khởi thủy trong Sáng Thế Ký (Sáng 3:9; Cô-lô-se 1:16).

▣ **" để thực hiện những việc lành "** Lối sống của các tín đồ sau khi họ gặp Đấng Christ chính là bằng chứng của sự cứu rỗi của họ (Gia-cơ and 1 Giăng). Họ được cứu chuộc nhờ ân điển bởi đức tin đến với việc làm! Họ được cứu để phục vụ! Đức tin mà không có việc làm là đức tin chết, cũng như việc làm cũng chết nếu không có đức tin (Ma-thi-ơ 7:21-23 và Gia-cơ 2:14-26). Sự cứu chuộc chính là cánh cổng và một con đường/ một lối đi. Mục tiêu của sự lựa chọn của Đức Chúa Cha chính là các tín đồ sẽ trở nên "thánh khiết và không chỗ trách được" (Ê-phê-sô 1:4).

Phao-lô đã thường xuyên bị công kích bởi thông điệp phúc âm miễn phí cách triệt để của ông bởi vì nó có vẻ như đã khích lệ một đời sống không kính sợ Chúa. Một phúc âm bề ngoài như không kết nối với sự bày tỏ đạo đức chắc chắn dẫn đến sự lạm dụng. Phúc âm của Phao-lô là món quà miễn phí trong ân điển của Đức Chúa Trời, nhưng nó cũng đòi hỏi một sự đáp ứng thích đáng, không chỉ trong sự ăn năn khởi đầu, nhưng sự ăn năn tiếp tục và liên tục. Đời sống tin kính chính là kết quả, chứ không phải một đời sống vô luân. Những việc lành không phải là cơ cấu của sự cứu chuộc, nhưng là kết quả. Nghịch lý này của một sự cứu rỗi hoàn toàn miễn phí và một sự đáp ứng phải trả giá bằng tất cả thật khó để trình bày, nhưng cả hai đều phải được giữ trong một sự quân bình đầy căng thẳng mâu thuẫn.

Chủ nghĩa cá nhân Hoa Kỳ đã bóp méo phúc âm. Con người không được cứu bởi vì Đức Chúa Trời đã quá yêu mến (từng người trọng số) họ theo tính chất từng cá nhân, nhưng bởi vì Đức Chúa Trời yêu mến nhân loại sa ngã, nhân loại vốn được dựng nên theo hình ảnh của Ngài. Ngài đã cứu chuộc và biến đổi những cá nhân để rồi có thể vươn đến những cá nhân khác. Sự tập chú cuối cùng của tình yêu chính trước tiên là tập thể, (Giăng 3:16), nhưng nó được nhận lãnh theo tính chất từng cá nhân (Giăng 1:12; Rô-ma 10:9-13; 1 Cô-rinh-tô 15:1).

▣ **" mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị từ trước "** Thuật ngữ đầy mạnh mẽ này (*pro + hetoimos*, " chuẩn bị trước ") liên hệ với khái niệm thần học của sự tiền định (Ê-phê-sô 1:4-5,11) và chỉ được dùng duy nhất ở đây và trong Rô-ma 9:23. Đức Chúa Trời chọn một dân tộc cho Ngài để phân chiểu đặc tính của Ngài. Qua Đấng Christ, Đức Chúa Cha đã phục hồi hình ảnh của Ngài trong nhân loại sa ngã (Sáng 1:26-27).

BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): Ê-PHÊ-SÔ 2:11-22

¹¹ Vậy hãy nhớ lại rằng trước kia anh em là dân ngoại theo phần xác, bị những kẻ tự xưng là người được cắt bì trong thân xác, bởi tay con người, gọi anh em là kẻ không cắt bì. ¹² Cũng hãy nhớ lúc ấy, ở trần gian này, anh em không có Đấng Christ, không có quyền công dân Y-sơ-ra-ên, xa lạ đối với giao ước của lời hứa, không có hi vọng, không có Đức Chúa Trời. ¹³ Nhưng trong Đấng Christ Jêsus, anh em là người trước kia xa cách, bây giờ đã được gần gũi nhờ huyết của Đấng Christ. ¹⁴ Vì Ngài là sự bình an của chúng ta, Ngài đã kết hợp cả hai nhóm thành một, phá đổ bức tường ngăn cách vốn gây thù địch. ¹⁵ Qua thân xác mình, Ngài đã hủy bỏ luật pháp với các điều răn và quy tắc, để từ hai nhóm, Ngài tạo dựng thành một nhân loại mới trong chính Ngài, như vậy sự bình an được thực hiện; ¹⁶ và qua thập tự giá, Ngài hòa giải cả hai cho Đức Chúa Trời trong một thân thể; bằng cách đó, sự thù địch bị tiêu diệt. ¹⁷ Vậy, Ngài đã đến rao giảng bình an cho anh em là những người ở xa, và bình an cho những người ở gần. ¹⁸ Vì nhờ Ngài mà cả hai nhóm chúng ta đều có thể đến với Đức Chúa Cha trong một Thánh Linh. ¹⁹ Như vậy, anh em không còn là người xa lạ hoặc là người tạm trú nữa, nhưng là người đồng hương với các thánh đồ và là thành viên trong gia đình của Đức Chúa Trời; ²⁰ anh em được xây dựng trên nền của các sứ đồ và các nhà tiên tri mà chính Đấng Christ Jêsus là đá góc nhà. ²¹ Trong Ngài, cả ngôi nhà được kết hợp với nhau và trở thành một đền thờ thánh trong Chúa. ²² Trong Ngài, anh em cũng được xây

2:11 " Vậ " Từ này có thể chỉ về (1) Ê-phê-sô 2:1-10, hoặc (2) Ê-phê-sô 1:3-2:10. Phao-lô thường sử dụng từ này để bắt đầu một đơn vị văn học mới bằng cách xây dựng trên những lễ thật được kết hợp của những đơn vị (văn học) trước đó (Rô-ma 5:1; 8:1, 12:1).

Đây là lễ thật chính thứ ba của phần tín lý của Phao-lô (Ê-phê-sô 1-3). Điều đầu tiên chính là sự lựa chọn đời đời của Đức Chúa Trời dựa trên đặc tính ân điển của Ngài, điều thứ hai chính là sự vô vọng của nhân loại sa ngã, đã được cứu bởi những hành động ân điển qua Đấng Christ vốn phải được tiếp nhận và sống bày tỏ ra bởi đức tin. Và giờ đây, điều thứ ba, ý muốn của Đức Chúa Trời sẽ luôn luôn là sự cứu chuộc cho toàn bộ tất cả mọi người (Sáng 3:15; 12:3; Xuất 19:5), cả người Do Thái và Dân Ngoại (Ê-phê-sô 2:11-3:13). Không có sự khôn ngoan con người (ví dụ, Trí Huệ Giáo) nào có thể hiểu được những lễ thật được mặc khải này.

☐ **" hãy nhớ lại "** Đây là một thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative). Những Người Ngoại nhận được mạng lệnh phải tiếp tục nhớ về sự xa cách khỏi Đức Chúa Trời trước kia của họ Đức Chúa Trời, Ê-phê-sô 2:11-12.

☐ **" rằng trước kia anh em là dân ngoại theo phần xác "** Từ này nguyên văn là "các dân tộc" (*ethnos*). Nó chỉ về tất cả các dân tộc vốn không phải từ dòng dõi của Gia-cốp. Trong Cựu Ước thuật ngữ "các dân tộc" (*go'im*) đã là một cách đề cập hạ thấp chỉ đến tất cả các dân tộc không phải là người Do Thái.

☐ **" gọi anh em là kẻ không cắt bì "** Ngay cả trong Cựu Ước, nghi lễ của dấu hiệu bên ngoài của một đức tin bên trong (Lê-vi-ký 26:41-42; Phục Truyền 10:16; Giê-rê-mi 4:4). Những "Người Cuồng Do Thái (dạy phép cắt bì và tuân theo luật pháp để được cứu)" trong sách Ga-la-ti đã công bố rằng điều này vẫn còn là ý muốn của Đức Chúa Trời và nó là không thể thiếu được để nhận được sự cứu rỗi (Công Vụ 15:từ câu 1; Ga-la-ti 2:11-12). Đây có lẽ là một từ của sự mỉa mai, chế nhạo. Hãy cẩn thận đừng nhầm lẫn giữa biểu tượng với sự thật thuộc linh mà nó bày tỏ (Công Vụ 2:38 là một ví dụ khác).

2:12

NASB	"chia cắt khỏi Đấng Christ"
NKJV, NRSV	"mà không có Đấng Christ"
TEV	"ngăn cách khỏi Christ"
NJB	"anh em không có Đấng Christ"

Cụm từ này nguyên văn là "trên những nền tảng riêng biệt với nhau." Những cụm từ kế tiếp này, cũng như trong Ê-phê-sô 2:1-3, bày tỏ sự vô vọng và tuyệt vọng của Dân Ngoại không có Đấng Christ.

NASB, NJB	"bị loại từ"
NKJV, NRSV	"là người xa lạ"
TEV	"những dân ngoại bang"

Đây là một phân từ bị động thì hoàn thành (Perfect passive participle) có nghĩa là "đã bị và tiếp tục bị loại bỏ." Trong Cựu Ước từ này chỉ về những cư dân không có quyền công dân với những quyền bị giới hạn (người ngoại kiều). Dân Ngoại đã và tiếp tục bị chia cắt, xa cách với Giao Ước của YHWH.

☐ **" toàn thể cộng đồng chung (quyền công dân) của Y-so-ra-ên "** Từ này nguyên văn là "quyền công dân" (*politeia*). Từ này chính là gốc từ của từ tiếng Anh "politics (chính trị)." Nó chỉ về những dòng dõi được lựa chọn của Áp-ra-ham. Những quyền lợi của họ được liệt kê trong Rô-ma 9:4- 5.

☐ **" đối với giao ước của lời hứa, "** Tân Ước có thể đề cập đến Cựu Ước như một giao ước duy nhất hay là một vài những giao ước khác nhau. Sự căng thẳng thần học này có thể được xem như là một giao ước đức tin được bày tỏ trong (1) những điều kiện được đòi hỏi khác biệt hoặc (2) được ban cho những người khác nhau. Đức Chúa Trời đối chất với những cá nhân Cựu Ước trong những cách khác nhau. Lời Ngài cho A-đam nói về những việc đã xảy ra trong vườn Ê-đen, đối với Nô-ê là về con tàu, với Áp-ra-ham về một người con trai và một địa điểm để sinh sống, với Môi-se về việc dẫn dắt dân sự, v.v... Nhưng đối với tất cả nó liên hệ với việc vâng phục theo lời của Đức Chúa Trời! Một vài nhóm (những nhà thần học theo trường phái phân kỳ (dispensationalists)) tập chú vào sự khác biệt. Những nhóm khác (những nhà thần học theo trường phái Can-vin (Calvinists)) tập chú vào khía cạnh hiệp nhất đức tin. Phao-lô tập chú trên giao ước của Áp-ra-ham (Rô-ma 4) như một nền tảng kiểu mẫu cho

mọi mối liên hệ đức tin.

Giao Ước Mới giống với những giao ước cũ trong sự đòi hỏi sự vâng phục và đức tin cá nhân nơi sự bày tỏ của Đức Chúa Trời. Nó khác với việc làm thế nào để trở nên công chính với Đức Chúa Trời (Giê-rê-mi 31:31-34). Giao ước Môi-se tập chú vào sự vâng phục và biểu hiện của con người, trong khi Tân Ước tập chú vào phương cách của Đức Chúa Trời để hiệp nhất Người Do Thái và Dân Ngoại bởi đức tin trong Đấng Christ (Ê-phê-sô 2:11-3:13).

Giao Ước Mới, cũng như giao ước cũ, đều là không có điều kiện (lời hứa của ân điển và sự tha thứ của Đức Chúa Trời) và có điều kiện (sự đáp ứng của con người). Nó bày tỏ cả hai về sự tể trị toàn năng của Đức Chúa Trời (sự tiền định) và những sự lựa chọn miễn phí của nhân loại (đức tin, sự ăn năn, sự vâng phục, và kiên trì đứng vững).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: GIAO ƯỚC

Thuật ngữ Cựu Ước *berith* (BDB 136, KB 157), "giao ước", trong tiếng Hê-bơ-rơ, không phải để định nghĩa. Không có một ĐỘNG TỪ tương ứng trong tiếng Hê-bơ-rơ. Toàn bộ các nỗ lực nhằm truy tìm định nghĩa bằng từ nguyên của nó đều không mấy thuyết phục. Tuy nhiên, trọng tâm hiển nhiên của nó đã buộc các học giả phải xem xét cách sử dụng chữ này để cố gắng tìm ra ý nghĩa hiện có của nó.

Giao ước là phương tiện qua đó Đức Chúa Trời làm việc với tạo vật của Ngài là con người. Khái niệm giao ước, hiệp ước, hay sự thỏa thuận rất quan trọng để giúp hiểu được mặc khải của Kinh thánh. Tính căng thẳng giữa sự chủ tể của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người được thấy rõ ràng trong khái niệm giao ước. Các giao ước được lập dựa trên bản tính, hành động và mục đích của Đức Chúa Trời.

1. Chính tạo vật (Sáng-thế-ký 1-2)
2. Sự kêu gọi Áp-ra-ham (Sáng-thế-ký 12)
3. Giao ước với Áp-ra-ham (Sáng-thế-ký 15)

4. Sự bảo tồn và lời hứa đối với Nô-ê (Sáng-thế-ký 6-9) Tuy nhiên, chính bản chất của giao ước đòi hỏi một sự đáp ứng

1. Bằng đức tin, A-đam phải vâng lời Đức Chúa Trời không ăn cây ở giữa vườn Ê-đen (Sáng-thế-ký 2)
2. Bởi đức tin, Áp-ra-ham phải lìa gia đình theo Chúa và tin vào một hậu tự trong tương lai (Sáng-thế-ký 12, 15)
3. Bởi đức tin, Nô-ê đóng một chiếc tàu lớn cách xa biển và tụ tập thú vật lại (Sáng-thế-ký 6-9)
4. Bởi đức tin, Môi-se đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ê-díp-tô và nhận lãnh những chỉ thị cụ thể về cách tổ chức cuộc sống xã hội và tôn giáo với lời hứa lành và dữ cặp theo (Phục truyền 27-28)

Cũng sự căng thẳng này trong mối liên hệ của Đức Chúa Trời với con người được đề cập đến trong "giao ước mới." Sự gay cấn này được thấy rõ ràng khi so sánh Ê-xê-chi-ên 18 với Ê-xê-chi-ên 36:27-37. Giao ước dựa vào hành động yêu thương của Đức Chúa Trời hay dựa vào sự đáp ứng bắt buộc từ con người? Đây là vấn đề gay gắt giữa Giao ước cũ và mới. Mục tiêu của cả hai giao ước này đều giống nhau:

1. phục hồi lại mối thông công bị cắt đứt trong Sáng-thế-ký 3
2. thiết lập một dân tộc công bình phản ánh bản tính của Đức Chúa Trời.

Giao ước mới trong Giê-rê-mi 31:31-34 giải quyết tình trạng căng thẳng này bằng cách cắt đi việc làm của con người như một phương tiện để được chấp nhận. Luật pháp của Đức Chúa Trời trở thành một sự mong muốn từ bên trong chứ không phải là công việc làm bên ngoài. Mục tiêu của một dân tin kính, công bình vẫn giữ nguyên, nhưng phương pháp thì thay đổi. Con người sa ngã đã tự chứng minh họ không đủ tốt để phản ánh ảnh tượng của Đức Chúa Trời (Rô-ma 3:9-18). Vấn đề không phải ở tại giao ước, nhưng tại tội lỗi và sự yếu đuối của con người (Rô-ma 7; Ga-la-ti 3).

Cũng tình trạng căng thẳng này giữa giao ước có điều kiện và không điều kiện của Cựu ước vẫn giữ nguyên trong Tân ước. Sự cứu rỗi hoàn toàn miễn phí bởi công tác đã hoàn tất của Chúa Jêsus Christ, nhưng nó đòi hỏi sự ăn năn và đức tin (lúc ban đầu và tiếp tục sau đó, hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Tin trong Tân Ước). Chúa Jesus gọi mối liên hệ tươi mới của Ngài với các tín đồ là "một giao ước mới" (Ma 26:28; Mác 14:24; Lu-ca 22:20; 1 Cô-rinh-tô 11:25). Nó là cả một lời tuyên bố chính thức hợp pháp (mang tính chất pháp lý) và một lời kêu gọi để trở nên giống như Đấng Christ (Ma-thi-ơ 5:48; Rô-ma 8:29-30; 2 Cô-rinh-tô 3:18; 7:1; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4; 4:13; 1 Tê-sa 3:13; 4:3,7; 5:23; 1 Phi-e-rơ 1:15), một thông điệp bày tỏ sự chấp nhận (Rô-ma 4) và một sự kêu gọi mang tính chất mạng lệnh hướng đến sự thánh khiết (Ma-thi-ơ 5:48)! Các tín đồ không được cứu bởi công việc, nhưng được cứu để sống vâng lời (Ê-phê-sô 2:8-10). Lối sống thánh khiết là bằng chứng của sự cứu rỗi, chứ không phải là phương tiện để được cứu. (Gia-cơ và 1 Giăng). Tuy nhiên, sự

sống đời đời có những đặc điểm có thể quan sát được! Sự căng thẳng này có thể được thấy rất rõ trong những sự cảnh báo trong Tân Ước (Hãy xem Chủ Đề Đặc biệt: Sự Bội Đạo).

☐ " ở trần gian này... không có hi vọng, không có Đức Chúa Trời " Nếu có một Đức Chúa Trời Đấng Tạo Hóa thật sự và Y-sơ-ra-ên chính là dân tộc được lựa chọn của Ngài, thì Dân Ngoại đã bị loại bỏ không còn bất cứ niềm hy vọng nào, sẽ bị hư mất trong sự thờ hình tượng và những đức tin ngoại giáo (1 Tê-sa 4:13 và Rô-ma 1:18-2:16).

2:13 " Nhưng ... bây giờ" Đây là một sự tương phản đối nghịch giữa quá khứ tuyệt vọng của Dân Ngoại, Ê-phê-sô 2:11-12, và niềm hy vọng tuyệt vời của họ nơi phúc âm, Ê-phê-sô 2:13-22.

☐ " anh em là người trước kia xa cách, bây giờ đã được gần gũi " Cùng một ý tưởng này được lặp lại trong Ê-phê-sô 2:17, nơi Ê-sai 57:19 được trích dẫn. Trong Ê-sai từ này chỉ về những Người Do Thái đi lưu đày nhưng ở đây nó chỉ về Dân Ngoại. Đây là một ví dụ của cách sử dụng điển hình luận của Phao-lô trên những phần Kinh Thánh Cựu Ước. Những Sứ Đồ Tân Ước đã toàn cầu hóa niềm hy vọng Cựu Ước. Cũng như những người Do Thái lưu đày đã phải xa cách với Đức Chúa Trời, thì cũng vậy, những Người Ngoại cũng đã bị trở nên xa lạ khỏi Đức Chúa Trời.

☐ " nhờ huyết của Đấng Christ." Cụm từ này chỉ về sự chuộc tội thay cho, thể chỗ của Đấng Christ (Ê-phê-sô 1:7; Rô-ma 3:25; 5:6-10; 2 Cô-rinh-tô 5:21; Cô-lô-se 1:20; Hê-bơ-rơ 9:14,28; 1 Phi-e-rơ 1:19; Khải Huyền 1:5). Gia đình của Đức Chúa Trời không còn mang tính sắc tộc, nhưng là một gia đình thuộc linh (Rô-ma 2:28-29; 4:16-25).

Dòng huyết của Đấng Christ chính là một ân dụ sinh tể (Lê-vi Ký 1-2) cho sự chết của Đấng Mê-si (TEV). Giảng Báp-tít đã nói về Chúa Jesus, "Kìa, Chiên Con của Đức Chúa Trời, Đấng cất tội lỗi của cả thế gian đi (Giăng 1:29). Chúa Jesus đã đến để phó sinh mạng mình (Sáng 3:15; Ê-sai 53; Mác 10:45).

Đây cũng là một cách để khẳng định nhân tính thật của Chúa Jesus, (Ê-phê-sô 2:15) vốn những Giáo Sư Giả đã chối bỏ.

2:14 Câu này có ba thể động từ. Thể động từ thứ nhất là một thể chỉ định thì hiện tại (present indicative). Chúa Jesus tiếp tục chính là sự hòa bình của chúng ta và sẽ chu cấp sự hòa bình cho chúng ta. Thể động từ thứ hai và thứ ba chính là những phân từ chủ động thì bất định (aorist active participle) ("khiến cả hai trở nên một " và "phá vỡ rào cản ngăn cách giữa"); tất cả đều cần thiết để có thể hiệp nhất Người Do Thái và Dân Ngoại thành một đối tượng duy nhất (hội thánh).

Sự hòa thuận giữa Người Do Thái và Dân Ngoại chính là sự tập chú của đơn vị văn học này, Ê-phê-sô 2:11-3:13. Đây chính là sự mâu nhiệm bí ẩn của phúc âm đã được giấu kín qua các thời đại trong quá khứ. Thuật ngữ " hòa bình" chỉ về

1. Sự hòa bình giữa Đức Chúa Trời và nhân loại (Giăng 14:27; 16:33; Rô-ma 5:1-11; Phi-líp 4:7,9)

2. Sự hòa thuận giữa Người Do Thái và Dân Ngoại, Ê-phê-sô 2:14, 15, 17 (Ga-la-ti 3:28; Cô-lô-se 3:11)

Hãy xem bài viết tại Ê-phê-sô 2:15.

☐ " Ngài là sự bình an của chúng ta," "Chính Ngài" (*autos*) được nhấn mạnh (Ê-phê-sô 2:15). Thuật ngữ "sự bình an" có nghĩa chỉ về "sự phục hồi những gì đã bị đổ vỡ " (sự phục hòa). Chúa Jesus, Đấng Mê-si được gọi là Vương Tử Hòa Bình (Ê-sai 9:6 and Xa-cha-ri 6:12-13). Sự bình an của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ có một vài khía cạnh. Hãy xem bài viết tại Ê-phê-sô 2:15 và Những Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Hòa Bình và Cơ Đốc Nhân và Sự Hòa Bình tại Cô-lô-se 1:20.

NASB "Đấng đã khiến cả hai nhóm trở nên một "

NKJV "Đấng đã khiến trở nên một "

NRSV "Ngài đã khiến cả hai nhóm trở nên một "

TEV "bằng cách khiến Người Do Thái và Dân Ngoại trở nên một"

NJB "đã khiến hai trở nên một "

Các tín đồ không còn là Người Do Thái hay Dân Ngoại, nhưng giờ đây họ là Cơ Đốc Nhân (Ê-phê-sô 1:15; 2:15; 4:4; Ga-la-ti 3:28; Cô-lô-se 3:11). Đây chính là điều mâu nhiệm bí mật của Đức Chúa Trời được mặc khải trong Ê-phê-sô. Đây đã luôn là kế hoạch của Đức Chúa Trời (Sáng 3:15). Đức Chúa Trời đã chọn Áp-ra-ham để chọn một dân tộc, để chọn một thế giới (Sáng 12:3; Xuất 19:5-6). Điều này hiệp nhất chủ đề của Cựu Ước và Tân

Ước (Hai phần của Kinh Thánh). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Kỳ Thị Chung Tộc tại Cô-lô-se 3:11.

NASB	"rào cản của những bức tường ngăn cách,"
NKJV	"bức tường ở giữa của sự chia rẽ "
NRSV	"bức tường chia rẽ"
TEV	"bức tường thực hiện sự chia rẽ "
NJB	"rào cản được sử dụng để chia tách họ ra "

Cụm từ này nguyên văn là "bức tường ở giữa những phần khác nhau." Đây là một từ hiếm. Trong văn mạch nó rõ ràng chỉ đến luật Môi-se (câu 15). Một vài nhà giải Kinh đã cho rằng đây chính là một sự ngụ ý chỉ đến bức tường trong Đền Thờ Hê-rốt ở giữa sân của Người Ngoại và sân của Phụ Nữ vốn chia tách kẻ thờ phượng Người Do Thái và Dân Ngoại. Cùng một sự biểu tượng hóa tương tự trong việc loại bỏ sự ngăn cách cũng được thấy khi bức màn trong Đền Thờ đã bị xé đôi từ trên xuống dưới trong sự chết của Chúa Jesus (Ma-thi-ơ 27:51). Sự hiệp một giờ đây đã khả thi. Sự hiệp một giờ đây chính là ý muốn của Đức Chúa Trời (Ê-phê-sô 1:10; Ê-phê-sô 4:1-10).

Trong Trí Huệ Giáo từ này chỉ về sự ngăn cách giữa thiên đàng và đất vốn được ám chỉ trong Ê-phê-sô 4:8-10.

2:15

NASB	"bãi bỏ"
NKJV	"bị bãi bỏ"
NRSV	"đã bị bãi bỏ "
TEV	"đã bãi bỏ"
NJB	"tiêu diệt"

Từ "bãi bỏ" là một từ yêu thích của Phao-lô (Rô-ma 3:31; 6:6; Cô-lô-se 2:14). Nó nguyên văn có nghĩa là "làm cho trống rỗng và vô hiệu" hoặc "khiến nó trở nên vô hiệu." Đây là một phân từ chủ động thì bất định (aorist active participle). Chúa Jesus đã loại bỏ hoàn toàn án tử hình của Luật Pháp Cựu Ước (Ê-phê-sô 2:16; Cô-lô-se 2:14; Hê-bơ-rơ 8:13).

Điều này có nghĩa ngụ ý chỉ đến Cựu Ước không phải là một sự thân cảm và mặc khải quan trọng cho các tín đồ tân ước (Ma-thi-ơ 5:17-19). Nó không có nghĩa rằng Luật Pháp không phải là những công cụ cứu chuộc (Công Vụ 15; Rô-ma 4; Ga-la-ti 3; Hê-bơ-rơ). Giao Ước Mới (Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-36) dựa trên một tấm lòng tươi mới và tâm linh tươi mới. Luật Pháp thực hiện chức năng của sự nên thánh, chứ không phải sự Xung Công Chính. Những người Do Thái tin kính và Người Ngoại tin kính giờ đây có cùng một chỗ đứng trước mặt Đức Chúa Trời trong sự công chính được quy cho trong Đấng Christ.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ LÀM RA HU' KHÔNG VÀ TRỐNG RỖNG (*katargeō*)

Chữ "*katargeō*" là một trong những chữ Phao lô rất thích dùng. Ông dùng ít nhất là 25 lần nhưng nó có một tầm ý nghĩa rất rộng.

A. Từ gốc của nó từ chữ *argos* có nghĩa là:

1. Không hoạt động
2. Vô hiệu
3. Không được sử dụng
4. Vô dụng
5. Không hoạt động

B. Từ ghép với chữ *kata* được dùng để diễn tả:

1. Tình trạng không hoạt động
2. Sự vô dụng
3. Điều gì đó bị hủy bỏ
4. Điều gì đó bị bỏ đi
5. Điều gì đó hoàn toàn không chạy được

C. Nó được dùng một lần trong Lu-ca để chỉ một cái cây không kết quả, vì vậy vô dụng (Lu-ca 13:7)

D. Phao lô dùng với nghĩa bóng trong hai cách chủ yếu sau:

1. Chúa khiến có những điều không hiệu quả (inoperative) gây thù hằn với con người
 - a. Bản chất tội lỗi của con người - Rô-ma 6:6
 - b. Luật Môi se và lời hứa của Chúa về "hột giống" - Rô-ma 4:14; Ga-la-ti 3:17; 5:4,11; Ê-phê-sô 2:15
 - c. Các thể lực thần linh - I Cô-rinh-tô 15:24
 - d. "Kẻ nghịch cùng luật pháp" - II Tê-sa-lô-ni-ca 2:8
 - e. Sự chết thuộc thể - I Cô-rinh-tô 15:26; II Ti-mô-thê 1:16 (Hê-bơ-rơ 2:14)
2. Chúa thay cái cũ (luật pháp, thời kỳ) bằng cái mới
 - a. Những điều liên hệ đến luật Môi se - Rô-ma 3:3,31; 4:14; II Cô-rinh-tô 3:7,11,13,14
 - b. Hình bóng về hôn nhân dùng trong Luật pháp - Rô-ma 7:2,6
 - c. Những điều thuộc về đời này - I Cô-rinh-tô 13:8, 10,11
 - d. Thân thể này - I Cô-rinh-tô 6:13
 - e. Những người lãnh đạo đời này- I Cô-rinh-tô 1:28; 2:6

Từ ngữ này được dịch nhiều cách khác nhau nhưng ý nghĩa chính của nó là làm cho điều gì đó trở nên vô dụng, vô nghĩa, trống rỗng, không hoạt động được, mất quyền lực, nhưng không có nghĩa là không tồn tại, bị hủy diệt, hay tiêu hủy.

NASB, NKJV "trong xác thịt của Ngài "

NRSV(2:14) "xác thịt"

TEV(2:14) "trong thân thể của chính Ngài"

NJB(2:14) "trong chính mình Ngài"

Điều này nhấn mạnh về nhân tính của Chúa Jesus (Cô-lô-se 1:22) cũng như chức vụ nhập thể của Ngài (Ê-phê-sô 4:8-10). Các Giáo Sư Giả đã chối bỏ cả hai bởi vì tư tưởng nhị nguyên bản thể luận (ontological dualism) giữa tâm linh, vốn họ xem là tốt lành, với vật chất, vốn họ xem là xấu xa. Hãy xem phần Dẫn Nhập vào sách Ê-phê-sô "Nền tảng Triết Học Và Thần Học của Những Giáo Sư Giả [Trí Huệ Giáo];(Ga-la-ti 4:4; Cô-lô-se 1:22).

▣ " **gây thù địch** " Cấu trúc quân binh đã đặt ngang hàng "sự thù địch" (Ê-phê-sô 2:16) với " luật pháp với các điều răn và quy tắc." Cựu Ước phán "hãy làm và sống," nhưng nhân loại sa ngã không có khả năng để vâng giữ Luật Môi-se. Một khi đã bị phá vỡ, luật pháp Cựu Ước sẽ trở nên một sự rửa sả (Ga-la-ti 3:10); "những linh hồn phạm tội chắc chắn sẽ chết " (Ê-xê-chi-ên 18:4,20). Giao Ước Mới đã loại bỏ sự thù địch bằng cách đem lại cho nhân loại một tấm lòng tươi mới, một tâm trí tươi mới và một tâm linh tươi mới (Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:26-27). Sự thi hành trở thành kết quả, chứ không phải là mục đích. Sự cứu chuộc là một món quà được ban cho, chứ không phải là một phần thưởng cho một công việc được hoàn tất.

NASB "Luật pháp của các điều răn nằm trong các sắc lệnh,"

NKJV "luật pháp của các mạng lệnh được tiếp tục trong các sắc lệnh"

NRSV "luật pháp với những mạng lệnh và sắc lệnh của nó"

TEV "Luật Do Thái, với những mạng lệnh và quy định của nó"

NJB "những quy định và sắc lệnh của Luật Pháp "

Câu này chỉ về cách của sự cứu chuộc vốn đã được cho là chỉ được tìm thấy duy nhất qua việc thi hành Luật Pháp của Môi-se (Rô-ma 9:30-32; Ga-la-ti 2:15-21).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: LUẬT PHÁP MÔI-SE VÀ CƠ ĐỐC NHÂN

Luật pháp chính là Lời Kinh Thánh được thần cảm và mang tính chất đời đời (Ma-thi-ơ 5:17-19).

- A. Luật pháp chính là một phương cách cứu rỗi đã không còn hiệu lực và tiếp tục không còn hiệu lực, nhưng nhân loại phải nhìn thấy rằng những nỗ lực của họ chỉ là vô ích, không hiệu quả (Ma-thi-ơ 5:20,48; Rô-ma 7:7-12; Ga-la-ti 3:từ câu 1 trở đi; Gia-cơ 2:10).
- B. Phúc âm của Đấng Christ là cách duy nhất đến với Đức Chúa Trời (Giăng 14:6; Rô-ma 3:21; Ga-la-ti 2:15-21; Hê-bơ-rơ 8:12).
- C. Cựu Ước vẫn có ích cho các tín đồ như là ý muốn của Đức Chúa Trời cho con người trong xã hội (ví dụ. "Mười Điều Răn"), nhưng không như một phương cách cứu rỗi (nó thực hiện chức năng nên thánh chứ không phải xung công bình). Phân nghi lễ tôn giáo của Y-sơ-ra-ên (hệ thống sinh tế, những ngày lễ thánh,

những luật lệ tôn giáo và dân sự) đã trôi qua nhưng Đức Chúa Trời vẫn phán qua Cựu Ước. Những quy định được đưa ra trong Công Vụ 15:20 chỉ đến duy nhất những vấn đề về mối quan hệ, chứ không phải đến sự cứu rỗi.

D. Những phần Kinh Thánh về Cựu Ước và mối quan hệ của nó với tín đồ Tân Ước là

1. Giáo Hội Nghị Giê-ru-sa-lem trong Công Vụ 15
2. sự tóm lược thần học về thông điệp phúc âm trong Ga-la-ti 3
3. Sự so sánh Giao Ước Môi-se (Cựu Ước) với Giao Ước Mới của Chúa Jesus (Tân Ước) chính là sách Hê-bơ-rơ. Nó sử dụng một vài phạm trù để minh họa sự ưu việt của Tân Ước.
4. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Cách Nhìn của Phao-lô về Luật Môi-se

▣ **" Ngài tạo dựng ...trong chính Ngài "** Đại từ "chính Ngài" mang tính chất nhấn mạnh. Mục đích đòi hỏi của việc hiệp nhất toàn bộ nhân loại trong sự cứu chuộc của Đức Chúa Trời (Sáng 3:15) và mối quan hệ đã được hoàn thành chỉ riêng qua sự thi thành của một cá nhân, Đấng Mê-si, chứ không phải Luật Môi-se.

▣ **" thành một nhân loại mới,"** Từ Hy Lạp này có nghĩa là "mới" về loại, chứ không phải về thời gian. Dân sự của Đức Chúa Trời là Người Do Thái, cũng không phải Dân Ngoại, nhưng là các Cơ Đốc Nhân! Hội Thánh là một thực thể hoàn toàn mới, trong, qua và cho Đấng Christ (Rô-ma 11:36; Cô-lô-se 1:16; Hê-bơ-rơ 2:10).

▣ **" sự bình an được thực hiện "** Đây là một từ yêu thích của Phao-lô. Nó được sử dụng mười một lần trong Rô-ma và bảy lần trong Ê-phê-sô (Ê-phê-sô 1:2; 2:14,15,17; 4:3; 6:15,23). Ông đã dùng nó trong ba cách:

1. Sự hòa bình giữa Đức Chúa Trời và nhân loại, Cô-lô-se 1:20
2. Sự hòa thuận thuận phục với Đức Chúa Trời qua Đấng Christ, Giăng 14:27; 16:33; Phi-líp 4:7
3. Sự hòa thuận (hòa bình) giữa các dân tộc, Ê-phê-sô 2:11-3:13.

Đây là một phân từ bị động thì hiện tại (Present passive participle). Đấng Christ tiếp tục làm cho hòa thuận những con cái sa ngã của A-đam là những kẻ sẽ đáp ứng với sự ăn năn và đức tin. Sự hòa thuận của Đấng Christ không phải đến một cách tự động tất yếu (thể cầu khẩn thì bất định (aorist subjunctive) trong Ê-phê-sô 2:16) nhưng nó sẵn sàng cho tất cả mọi người (Rô-ma 5:12-21).

2:16 " hòa giải " Từ Hy Lạp có nghĩa là chuyển tiếp một ai đó từ một tình trạng để trở nên một tình trạng khác. Nó ngụ ý về một sự thay đổi giữa những vị trí trái ngược nhau (Rô-ma 5:10-11; Cô-lô-se 1:20,22; 2 Cô-rinh-tô 5:18,21). Trong một nghĩa, sự giải hòa chính là sự loại bỏ sự rửa sả trong Sáng Thế Ký 3. Đức Chúa Trời và nhân loại đã được phục hồi trở lại với một mối thông công mật thiết ngay cả trong đời này, trong hệ thống thế giới sa ngã này. Sự phục hòa với Đức Chúa Trời bày tỏ chính nó trong một mối liên hệ tươi mới với những người khác và cuối cùng là với thiên nhiên (Ê-sai 11:6-9; 65:25; Rô-ma 8:18-23; Khải Huyền 22:3). Sự hiệp nhất của Người Do Thái và Dân Ngoại qua Đấng Christ (Ê-phê-sô 1:7) là một ví dụ tuyệt đẹp của công việc của sự hiệp nhất của Đức Chúa Trời trong thế giới của chúng ta.

▣ **" trong một thân thể "** Ẩn dụ của sự hiệp một được sử dụng trong một vài cách khác nhau trong những tác phẩm của Phao-lô.

1. Cơ thể xác thịt của Đấng Christ (Cô-lô-se 1:22) hoặc thân thể của Đấng Christ, hội thánh (Cô-lô-se 1:23; Ê-phê-sô 4:12; 5:23,30).
2. Nhân loại tươi mới của cả Người Do Thái và Dân Ngoại (Ê-phê-sô 2:16)
3. Một cách chỉ đến sự hiệp một và sự đa dạng của những ân tứ thuộc linh (1 Cô-rinh-tô 12:12-13,27) Trong một nghĩa tất cả các nghĩa trên đều liên quan đến #1.

▣ **" qua thập tự giá "** Các lãnh đạo Do Thái giải thích rằng thập tự giá của Đấng Christ là một sự rửa sả (Phục Truyền 21:23). Đức Chúa Trời sử dụng nó như một phương tiện của sự cứu chuộc (Ê-sai 53). Chúa Jesus đã trở nên "sự rửa sả" cho chúng ta (Ga-la-ti 3:13)! Nó trở nên cỗ xe chiến thắng của Ngài (Cô-lô-se 2:14-15), để ban sự chiến thắng cho các tín đồ trên (1) sự rửa sả Cựu Ước; (2) những quyền lực gian ác; và (3) sự thù nghịch giữa Người Do Thái và Dân Ngoại.

NASB	"bởi nó đã khiến chết đi sự thù nghịch"
NKJV	"qua đó khiến chết đi sự thù nghịch "
NRSV	"qua đó khiến chết đi sự thù địch qua nó"
TEV	"Đấng Christ đã tiêu diệt sự thù nghịch "

NJB "trong chính mình Ngài Ngài đã giết chết sự thù địch "

Những bản dịch tiếng Anh đưa ra cụm từ này có thể hiểu được trong hai cách. Điều này xảy ra bởi đại từ số ít có thể là một tân ngữ gián tiếp (tặng cách) giống đực (dative masculine) (TEV, NJB) hoặc một tân ngữ gián tiếp giống trung tính (dative neuter) (NASB, NRSV). Trong văn mạch cả hai đều có khả năng. Sự nhấn mạnh của văn mạch rộng hơn nơi công việc cứu chuộc được hoàn tất nơi Đấng Christ.

2:17 Đây là một sự ngụ ý chỉ đến Ê-sai 57:19 và có khả năng cả 52:7. Phao-lô, bằng một sự giải nghĩa điển hình luận, đã áp dụng những phần Kinh Thánh Cựu Ước chỉ về người Do Thái bị lưu đày cho Người Ngoại. Ngay cả những ra-bi Do Thái, khi quay lại với Ê-sai 56:6, cũng sử dụng cụm từ này để chỉ về những tân tín hữu người Ngoại mới gia nhập vào Do Thái Giáo.

2:18 Công việc của Ba Ngôi Đức Chúa Trời đã được đề cập một cách rõ ràng trong sách này (Ê-phê-sô 1:3-14,17; 2:18; 4:4-6). Mặc dù từ "ba ngôi" không phải là một từ có trong Kinh Thánh, nhưng khái niệm này thì có trong Kinh Thánh một cách chắc chắn (Ma-thi-ơ 3:16-17; 28:19; Giăng 14:26; Công Vụ 2:33-34,38-39; Rô-ma 1:4-5; 5:1,5; 8:9-10; 1 Cô-rinh-tô 12:4-6; 2 Cô-rinh-tô 1:21-22; 13:14; Ga-la-ti 4:4-6; Ê-phê-sô 1:3-14; 2:18; 3:14-17; 4:4-6; 1 Tê-sa 1:2-5; 2 Tê-sa 2:13; Tít 3:4-6; 1 Phi-e-rơ 1:2; Giu-đe 20-21). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-phê-sô 1:3.

▣ **" cả hai nhóm chúng ta đều có thể đến "** Đây là một thể chỉ định chủ động thì hiện tại (present active indicative) có nghĩa là "chúng ta sẽ tiếp tục có thể tiến vào." Đây là khái niệm chỉ về việc Chúa Jesus chính mình Ngài đã mang các tín đồ vào trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời và ban cho họ một sự giới thiệu về chính mình họ cách cá nhân (Rô-ma 5:2; nó cũng được dùng trong nghĩa của sự yên ninh trong Hê-bơ-rơ 4:16; 10:19,35).

▣ **" trong một Thánh Linh "** Điều này cũng được nhấn mạnh trong Ê-phê-sô 4:4. Các giáo sư giả đã gây ra một sự chia rẽ, nhưng Đức Thánh Linh đã mang lại sự hiệp một (trong sự đa dạng) (chứ không phải sự giống nhau đồng nhất)!

2:19 Dân Ngoại vốn đã bị xa cách, ghẻ lạnh (Ê-phê-sô 2:11-12) và giờ đây đã được bao gộp một cách trọn vẹn. Điều này được đề cập rõ ràng bởi cách sử dụng của bốn ẩn dụ Kinh Thánh phổ biến.

1. Các công dân đồng hương (thành phố)
2. Các thánh đồ (dân tộc thánh được biệt riêng ra cho Đức Chúa Trời)
3. Gia đình của Đức Chúa Trời (các thành viên trong gia đình)
4. Một căn nhà thuộc linh (đền thờ, Ê-phê-sô 2:20-22a)

▣ **" các thánh đồ "** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Cô-lô-se 1:2.

2:20 " được xây dựng trên " Đây là một phân từ bị động thì bất định (aorist passive participle). Nền tảng (Ê-phê-sô 2:12) của đức tin của chúng ta đã được lập nền cách trọn vẹn, cuối cùng và hoàn tất bởi Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Tin lành của Đức Chúa Trời được rao giảng bởi các Sứ Đồ và các tiên tri (Ê-phê-sô 3:5).

▣ **" nền của các sứ đồ và các nhà tiên tri "** Chúa Jesus đã lập nền của (1 Cô-rinh-tô 3:11). Chúa Jesus chính là đền thờ mới (Giăng 2:19-22). Cựu Ước tiên tri về Vương Quốc sẽ đến của Đức Chúa Trời, về đời sống được hướng dẫn bởi Đức Thánh Linh của Chúa Jesus, về sự chết và sự sống lại sẽ hoàn thành nó, và các Sứ Đồ đã rao giảng hiện thực của nó. Câu hỏi duy nhất chính là, cụm từ "các nhà tiên tri" chỉ về ai? Có phải các tiên tri Cựu Ước hoặc các tiên tri Tân Ước (Ê-phê-sô 3:5; 4:1)? Thứ tự của các từ được dùng ngụ ý về các tiên tri Tân Ước (Ê-phê-sô 2:3:5; 4:11), nhưng những sự ngụ ý Cựu Ước chỉ về Đấng Mê-si như là "đá góc nhà" ngụ ý chỉ về lời tiên tri Cựu Ước.

Lý do của sự phân biệt giữa các tiên tri Tân Ước và Cựu Ước chính là thông điệp của sự mặc khải. Các tiên tri Cựu Ước viết Kinh Thánh. Họ là công cụ của sự tự bày tỏ được thần cảm của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, việc nói tiên tri là một món quà tiếp tục được ban cho trong Tân Ước (1 Cô-rinh-tô 12:28; Ê-phê-sô 4:11). Như vậy, Kinh Thánh có còn tiếp tục được viết? Chắc chắn phải có một sự phân biệt được đặt ra giữa sự thần cảm (Các Sứ Đồ và các tiên tri Cựu Ước) và sự soi sáng cũng như sự ban cho những ân tứ thuộc linh (những tín đồ Tân Ước được ban cho các ân tứ).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TIÊN TRI TRONG TÂN ƯỚC

- I. Nó không giống như nói tiên tri trong Cựu ước, theo như ý nghĩa của các thầy rabi về những mặc khải được linh cảm từ Đức Giê-hô-va (Công-vụ 3:18, 21; Rô-ma 16:26). Chỉ có những tiên tri mới viết được Kinh thánh.
 - A. Môi-se được kêu gọi làm tiên tri (Phục truyền 18:15-21)
 - B. Các sách lịch sử (Giô-suê đến Các Vua [trừ sách Ru-tơ]) được gọi là “các tiên tri đời trước” (Công-vụ 3:24).
 - C. Tiên tri thay thế vai trò của thầy tế lễ tối cao như một nguồn thông tin từ Đức Chúa Trời (Ê-sai-Ma-la- chi).
 - D. Phần thứ hai của Kinh sách Hê-bơ-rơ gọi là “Các tiên tri” (Ma-thi-ơ 5:17; 22:40; Lu-ca 16:16; 24:25, 27; Rô-ma 3:21).
- II. Trong Tân ước khái niệm này được sử dụng trong nhiều cách khác nhau
 - A. Chỉ các tiên tri Cựu ước và sứ điệp được linh cảm của họ (Ma-thi-ơ 2:23; 5:12; 11:13; 13:14; Rô-ma 1:2)
 - B. Chỉ một sứ điệp cho một cá nhân hơn là một nhóm người (các tiên tri Cựu ước thường nói tiên tri về Y-sơ-ra-ên)
 - C. Chỉ Giăng Báp-tít (Ma-thi-ơ 11:9; 14:5; 21:26; Lu-ca 1:76) và Chúa Giê-xu như là những người công bố Nước Trời (Ma-thi-ơ 13:57; 21:11, 46; Lu-ca 4:24; 7:16; 13:33; 24:19). Chúa Giê-xu cũng tuyên bố Ngài lớn hơn các tiên tri (Ma-thi-ơ 11:9; 12:41; Lu-ca 7:26).
 - D. Chỉ các tiên tri khác trong Tân ước
 1. Thời thơ ấu của Đức Chúa Giê-xu được ghi lại trong Phúc âm Lu-ca (tức là các kỷ niệm, những điều Ma-ri ghi nhớ)
 - a. Ê-li-sa-bét (Lu-ca 1:41-42)
 - b. Xa-cha-ri (Lu-ca 1:67-79)
 - c. Si-mê-ôn (Lu-ca 2:25-35)
 - d. An-ne (Lu-ca 2:36)
 2. Các lời tiên đoán mĩa mai (Cai-phe, Giăng 11:51)
 - E. Chỉ người công bố Phúc âm (danh sách các ân tứ công bố Phúc âm trong I Cô-rinh-tô 12:28-29; Ê-phê-sô 4:11)
 - F. Chỉ một ân tứ đang vận hành trong Hội thánh (Ma-thi-ơ 23:34; Công-vụ 13:1; 15:32; Rô-ma 12:6; I Cô-rinh-tô 12:10, 28-29; 13:2; Ê-phê-sô 4:11). Có khi điều này chỉ các phụ nữ (Lu-ca 2:36; Công-vụ 2:17; 21:9; I Cô-rinh-tô 11:4-5).
 - G. Chỉ sách về thời kỳ cuối cùng, sách Khải huyền (Khải huyền 1:3; 22:7, 10, 18, 19).
- III. Các tiên tri thời Tân ước
 - A. Họ không rao truyền những mặc khải được linh cảm như cách các tiên tri thời Cựu ước (tức là Kinh thánh). Điều này khả thi là vì cách dùng cụm từ “đức tin này” (có nghĩa là một Phúc âm đã hoàn tất, trọn vẹn) trong Công-vụ 6:7; 13:8; 14:22; Ga-la-ti 1:23; 3:23; 6:10; Phi-líp 1:27; Giu-đe 3, 20.

Điều này được thấy rõ ràng qua cụm từ dùng trong Giu-đe 3, “đạo[đức tin] đã truyền cho anh em một lần đủ cả.” Chữ đạo “một lần đủ cả” chỉ các lẽ thật, giáo lý, khái niệm, các lời dạy về thế giới quan Cơ-Độc-Giáo. Sự nhấn mạnh đưa ra một lần là nền tảng Kinh thánh giới hạn sự linh cảm cho các sách Tân ước và không công nhận tính mặc khải của các sách khác hoặc các sách viết sau đó. Mặc dù có nhiều chỗ mơ hồ, không rõ ràng, nửa trắng nửa đen trong Tân ước, nhưng người tin Chúa bởi đức tin công nhận rằng mọi điều “cần” cho đức tin và cho sự thực hành lối sống đạo đều có trong Tân ước với một sự rõ ràng có thể hiểu được. Khái niệm này được xếp trong cái gọi là “tam giác mặc khải”

 1. Đức Chúa Trời mặc khải chính Ngài qua không gian và thời gian của lịch sử (SỰ MẶC KHẢI)
 2. Ngài chọn một số trước già là con người để ghi lại và giải thích những công việc của Ngài (SỰ LINH CẢM)
 3. Ngài ban Thánh Linh để mở lòng và trí của con người để hiểu Kinh thánh, mặc dầu không

phải một cách hoàn toàn, nhưng một cách vừa đủ để dẫn đến sự cứu rỗi và một nếp sống Cơ-đốc hiệu quả (SỰ SOI SÁNG)

Điều muốn nói ở đây là sự linh cảm chỉ giới hạn cho các trước giả viết Kinh thánh mà thôi. Không có một cuốn sách nào, một khái tượng hay một mặc khải nào khác có thẩm quyền trên những điều đã viết bởi các trước giả này. Kinh điển Kinh thánh đã được đóng lại. Chúng ta có toàn bộ lẽ thật chúng ta cần để có thể đáp ứng với Đức Chúa Trời một cách thích hợp.

Lẽ thật này được thấy rõ ràng nhất trong sự thống nhất giữa các trước giả Kinh thánh so với sự không đồng ý của những người tin Chúa chân thành và tin kính. Không một tác giả hay diễn giả hiện đại nào có một mức độ lãnh đạo thiêng liêng giống như các trước giả Kinh thánh.

B. Về nhiều mặt các tiên tri Tân ước giống với các tiên tri Cựu ước:

1. Tiên đoán các sự kiện trong tương lai (Phao-lô, Công-vụ 27:22; A-ga-bút, Công-vụ 11:27-28; 21:10-11; một số tiên tri không được nêu tên, Công-vụ 20:23)
2. Công bố sự đoán xét (Phao-lô, Công-vụ 13:11; 28:25-28)
3. Các hành động tượng trưng mô tả cách ẩn tượng một sự kiện (A-ga-bút, Công-vụ 21:11)

C. Có một số lần họ công bố lẽ thật Phúc âm qua sự tiên đoán (Công-vụ 11:27-28; 20:23; 21:10-11), nhưng đây không phải là trọng tâm chính. Nói tiên tri trong I Cô-rinh-tô chủ yếu là truyền bá Phúc âm (14:24, 39).

D. Họ là công cụ của Thánh Linh để bày tỏ những ứng dụng hiện tại và thực tế về lẽ thật Đức Chúa Trời cho từng trường hợp, văn hóa, hay thời đại khác nhau (I Cô-rinh-tô 14:3).

E. Họ tích cực trong các Hội thánh đầu tiên thời Phao-lô (I Cô-rinh-tô 11:4-5; 12:28, 29; 13:29; 14:1, 3, 4, 5, 6, 22, 24, 29, 31, 32, 37, 39; Ê-phê-sô 2:20; 3:5; 4:11; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:20) và được nhắc đến trong tập *Didache* (viết vào cuối thế kỷ thứ nhất hay thế kỷ thứ hai, ngày tháng không rõ) và trong phái Montanism ở thế kỷ thứ hai và thứ ba trong vùng bắc Phi.

IV. Có phải các ân tứ thời Tân ước đã chấm dứt?

A. Câu hỏi này thật khó trả lời. Nó giúp làm sáng tỏ vấn đề bằng cách định nghĩa mục đích các ân tứ. Chúng được dùng để xác nhận sự giảng dạy ban đầu về Phúc âm hay chúng là những phương cách vẫn tiếp diễn để Hội thánh phục vụ chính mình và cho một thế giới hư mất?

B. Chúng ta nhìn xem lịch sử của Hội thánh hay chỉ xem xét Tân ước để trả lời câu hỏi này? Không có một dấu hiệu nào trong Tân ước cho thấy rằng các ân tứ thuộc linh chỉ có tính cách tạm thời. Những người tìm cách dùng I Cô-rinh-tô 13:8-13 để nói đến vấn đề này đã lạm dụng ý định có thẩm quyền của đoạn này, là đoạn xác định rằng mọi sự sẽ qua đi chỉ trừ tình yêu thương.

C. Tôi rất muốn nói rằng bởi vì Tân ước là thẩm quyền, không phải lịch sử Hội thánh, cho nên người tin Chúa phải xác định rằng các ân tứ này vẫn tiếp diễn. Tuy nhiên, tôi tin rằng văn hóa cũng ảnh hưởng đến cách diễn giải. Một số đoạn rất hiển nhiên không còn áp dụng cho ngày nay (ví dụ cái hôn thánh, đàn bà mang khăn trùm đầu, Hội thánh nhóm tại nhà, câuv...). Vậy thì, nếu văn hóa ảnh hưởng đến các đoạn Kinh thánh, thì tại sao lịch sử Hội thánh lại không làm được điều này?

D. Nói cho cùng, đây là câu hỏi không thể trả lời một cách dứt khoát được. Một số thì ủng hộ “sự chấm dứt”, trong khi một số khác ủng hộ sự “không ngưng nghỉ.” Trong lãnh vực này, cũng như trong một số vấn đề giải nghĩa khác, tâm lòng của người tin Chúa là chìa khóa. Tân ước có tính mơ hồ và thuộc về văn hóa. Điều khó là làm sao để biết được đoạn Kinh văn nào bị ảnh hưởng bởi lịch sử, văn hóa và đoạn nào mang tính vĩnh viễn (xem sách của Fee và Stuart *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 14-19; 69-77). Tại đây vấn đề về tự do và trách nhiệm, được nói đến trong Rô-ma 14:1-15:13 và I Cô-rinh-tô 8-10, đóng vai trò quan trọng. Cách chúng ta trả lời cho câu hỏi này có tính quan trọng trong hai cách:

1. Mỗi tín hữu phải bước đi bằng đức tin trong ánh sáng (sự soi dẫn) mà họ có. Đức Chúa Trời nhìn xem tâm lòng và động cơ của chúng ta.
2. Mỗi tín hữu cũng phải cho phép các tín hữu khác bước đi trong sự hiểu biết đức tin của họ. Nên có một sự chấp nhận nhau trong khuôn khổ Kinh thánh. Đức Chúa Trời muốn chúng ta yêu thương nhau như Ngài đã yêu.

E. Để kết lại vấn đề, Cơ-Đốc-Giáo là cuộc sống của đức tin và tình yêu chứ không phải là một thần học hoàn hảo. Mọi liên hệ với Ngài, điều sẽ ảnh hưởng đến mối liên hệ của chúng ta với

người khác, là điều quan trọng hơn là những thông tin không còn nghi vấn hay sự hoàn hảo về tín lý.

▣ **"đá góc nhà"** Đây là một ẩn dụ Cựu Ước nói về Đấng Mê-si (Ê-sai 28:16; Thi Thiên 118:22; 1 Phi-e-rơ 2:4-8). Trong Cựu Ước, sự vững vàng, sức mạnh và sự kiên định của Đức Chúa Trời thường được minh họa bằng hình ảnh "Vàng Đá" như là một danh hiệu (Phục Truyền 32:4, 15, 18, 30; Thi Thiên 18:2, 31, 46; 28:1; 31:3; 42:9; 71:3; 78:15).

Ẩn dụ về việc Chúa Jesus chính là một vàng đá.

1. Một viên đá bị bỏ - Thi Thiên 118:22
2. Một viên đá xây - Thi Thiên 118:22; Ê-sai 28:16
3. Một viên đá gây vấp chân - Ê-sai 8:14-15
4. Một tảng đá chinh phục và chiến thắng (vương quốc) – Đa-ni-ên 2:45
5. Chúa Jesus đã sử dụng những phần Kinh Thánh này để mô tả về chính mình Ngài (Ma-thi-ơ 21:42; Mác 12:10; Lu-ca 20:17) Ngày chính là nhân tố xây dựng quan trọng then chốt là người đã bị chối bỏ trong tinh thần giáo điều, luật pháp cũng như nghi lễ Cựu Ước (Ê-sai 8:14).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: VIÊN ĐÁ GÓC NHÀ

I. Các cách dùng trong Cựu ước

- A. Khái niệm một viên đá như một vật thể cứng lâu bền dùng làm nền móng vững chắc được dùng để mô tả Đức Giê-hô-va (Thi thiên 18:1).
- B. Sau đó nó phát triển thành một danh hiệu của Đấng Mê-ti-si-a (Sáng-thế-ký 49:24; Thi thiên 118:22; Ê-sai 28:16).
- C. Nó trở thành biểu tượng của sự đoán xét từ Đức Giê-hô-va bởi Đấng Mê-ti-si-a (Ê-sai 8:14; Đa-ni-ên 2:34-35, 44-45).
- D. Chữ này phát triển thành một hình ảnh về xây dựng
 1. Đá làm nền, được đặt đầu tiên, là đá vững chắc định các góc cạnh còn lại cho một căn nhà, được gọi là "viên đá góc nhà."
 2. Nó cũng có thể chỉ viên đá cuối cùng được đặt xuống, là viên đá làm cho các bức tường kết chặt lại với nhau (Xa-cha-ri 4:7; Ê-phê-sô 2:20, 21), gọi là 'đá đầu' từ chữ *rush* trong tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là 'cái đầu'
 3. Nó cũng có thể chỉ 'đá chìa khóa,' là viên đá đặt chính giữa vòm cửa để giữ trọng lượng của Toàn bộ bức tường.

II. Các cách dùng trong Tân ước

- A. Chúa Jêsus trích dẫn Thi thiên 118 một vài lần để chỉ về chính Ngài (Ma-thi-ơ 21:41-46; Mác 12:10-11; Lu-ca 20:17)
- B. Phao-lô dùng Thi thiên 118 để liên hệ đến việc Đức Giê-hô-va từ chối dân Y-sơ-ra-ên nổi loạn và bất trung (Rô-ma 9:33)
- C. Phao-lô dùng khái niệm 'đá đầu' trong Ê-phê-sô 2:20-22 để chỉ Đấng Christ
- D. Phi-e-rơ dùng khái niệm này về Chúa Jêsus trong I Phi-e-rơ 2:1-10. Chúa Jêsus là viên đá góc nhà và người tin Chúa là những đá sống (tức là người tin Chúa là các đền thờ, I Cô-rinh- tô 6:19), dựng trên Ngài (Chúa Jêsus là đền thờ mới, Mác 14:58; Ma-thi-ơ 12:6; Giăng 2:19- 20).

Khi người Do Thái bác bỏ Chúa Jêsus là Đấng Mê-ti-si-a thì họ cũng từ chối nền tảng hy vọng của họ.

III. Những tuyên bố thần học

- A. Đức Giê-hô-va cho phép Đa-vít/Sa-lô-môn xây cất đền thờ. Ngài bảo họ rằng nếu họ giữ giao ước, Ngài sẽ ban phước và ở cùng họ, nhưng nếu họ không làm như vậy, đền thờ này sẽ bị hoang tàn (I Các Vua 9:1-9)!
- B. Do thái giáo của các thầy ra-bi chú trọng đến hình thức và lễ nghi mà bỏ qua khía cạnh cá nhân của đức tin (đây không phải là câu tuyên bố gom đũa cả nắm; vì có những thầy ra-bi yêu mến Chúa). Đức Chúa Trời tìm kiếm một mối quan hệ cá nhân, tin kính hằng ngày với những người được dựng nên trong ảnh tượng của Ngài (Sáng-thế-ký 1:26-27). Lu-ca 20:17- 18 chứa đựng những lời đoán xét khiếp sợ.

- C. Chúa dùng khái niệm đền thờ để chỉ thân thể vật chất của Ngài. Điều này tiếp nối và mở rộng khái niệm đức tin cá nhân nơi Chúa Jê-sus, là Đấng Mết-si-a, chìa khóa dẫn đến mối liên hệ với Đức Giê-hô-va.
- D. Sự cứu rỗi nhằm phục hồi ảnh tượng Đức Chúa Trời nơi con người để mỗi tương giao với Đức Chúa Trời có thể thực hiện được. Mục đích của Cơ đốc giáo bây giờ là trở nên giống với Đấng Christ. Người tin Chúa phải trở nên đá sống xây theo khuôn mẫu của Đấng Christ (đền thờ mới).
- E. Chúa Jê-sus là nền tảng đức tin của chúng ta và là đá đầu của đức tin chúng ta (tức là An-pha và Ô-mê-ga). Nhưng Ngài cũng là đá gây vấp ngã và ngăn trở. Hụt mất Ngài là hụt mất tất cả. Không có một lập trường trung dung ở đây!

2:21-22 Ý tưởng tập thể hay đoàn thể về dân sự của Đức Chúa Trời có thể được nhìn thấy trong Ê-phê-sô 2:19 (hai lần), 21 và 22 đã được bày tỏ trong từ số nhiều "các thánh đồ." Được cứu để trở thành một bộ phận của một gia đình, của một căn nhà, của một thân thể, và một đền thờ (Ê-phê-sô 1:23; 4:16; Cô-lô-se 2:19).

Ý tưởng của hội thánh như một đền thờ được bày tỏ trong 1 Cô-rinh-tô 3:16-17. Đây là một sự nhấn mạnh vào bản chất tập thể của hội thánh. Khía cạnh cá nhân đã được mô tả trong 1 Cô-rinh-tô 6:16. Cả hai đều đúng! Chúa Jesus chính là đền thờ mới, Giăng 2:19-22.

Những động từ trong Ê-phê-sô 2:21-22 cũng có một sự tập chú tập thể. Chúng có một từ ghép *syn* có nghĩa "tham gia với." Cả hai đều là những thể bị động thì hiện tại (present passive). Đức Chúa Trời đang tiếp tục xây dựng/ gia thêm vào hội thánh của Ngài.

Có một nan đề về thảo bản Hy Lạp liên quan với cụm từ "cả ngôi nhà." Những thảo bản Ông-xi-an cổ ^{*}, B, D, F và G không có mạo từ, trong khi bản ^c, A, C, và P có mạo từ. Câu hỏi là, có phải Phao-lô đang chỉ đến một căn nhà lớn (theo những bản dịch NASB, NKJV, NRSV, NIV, TEV, REB) hay một vài những căn nhà nhỏ (theo những bản dịch ASV, NJB, Phillips) được hiệp một trong nhiều cách? Theo The United Bible Society Ấn bản thứ tư, tiếng Hy Lạp đánh giá một điểm "B" cho cấu trúc không có mạo từ, vốn chỉ ra rằng họ "gần như chắc chắn rằng nó chỉ đến một ngôi nhà. Ngôi nhà này vẫn chưa kết thúc. Nó vẫn đang trong tiến trình tăng trưởng. Ấn dụ về hình ảnh ngôi nhà ngụ ý chỉ đến đền thờ thuộc linh (dân sự của Đức Chúa Trời).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: GÂY DỰNG

Chữ *oikodomeō* và các dạng khác của nó thường được Phao-lô sử dụng. Nó có nghĩa là "xây một ngôi nhà" theo nghĩa đen (Ma-thi-ơ 7:24), nhưng dần dần nó được sử dụng theo nghĩa bóng để chỉ:

1. Thân thể Đấng Christ, Hội thánh của Ngài, I Cô-rinh-tô 3:9; Ê-phê-sô 2:21; 4:16
2. Gây dựng
 - a. Các anh em yêu đuối, Rô-ma 15:1
 - b. Người lân cận, Rô-ma 15:2
 - c. Lẫn nhau, Ê-phê-sô 4:29; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:11
 - d. Các thánh đồ trong chức vụ, Ê-phê-sô 4:11
3. Chúng ta gây dựng bằng cách
 - a. Yêu thương, I Cô-rinh-tô 8:1; Ê-phê-sô 4:16
 - b. Tự giới hạn sự tự do của mình, I Cô-rinh-tô 10:23-24
 - c. Tránh những suy đoán mông lung (speculations), I Ti-mô-thê 1:4
 - d. Giới hạn những người chia xẻ trong các buổi nhóm thờ phượng (người hát, người dạy, các tiên tri, những người nói tiếng lạ và người thông giải), I Cô-rinh-tô 14:3-4, 12
4. Mọi sự nên có mục đích gây dựng
 - a. Thảm quyền của Phao-lô, II Cô-rinh-tô 10:8; 12:19; 13:10
 - b. Các câu đúc kết trong Rô-ma 14:19 và I Cô-rinh-tô 14:26

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Có phải toàn bộ nhân loại thật sự đang xa cách khỏi Đức Chúa Trời?
2. Có phải con người đang có một vai trò rất quan trọng trong chính sự cứu rỗi của họ?
3. Tại sao sự hiệp một giữa Người Do Thái và Dân Ngoại lại thật sự quan trọng đến như vậy?
4. Tại sao Chúa Jesus đã khiến cho Luật Pháp trở nên "trống rỗng và vô hiệu"?
5. Có phải Luật pháp của Đức Chúa Trời là đời đời? Các Cơ Đốc Nhân liên hệ với Luật pháp Môi-se và toàn bộ Cựu Ước như thế nào?
6. Tại sao Phao-lô lại nhấn mạnh ẩn dụ về căn nhà trong Ê-phê-sô 2:19-23?

Ê-PHÊ-SÔ 3

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Chức Vụ của Phao-lô dành cho Người Ngoại	Sự Mầu Nhiệm Được Bày Tỏ	Lời Cầu Nguyện cho Sự Khôn Ngoan	Chức Vụ của Phao-lô cho Người Ngoại	Phao-lô, Tôi Tớ của Sự Mầu Nhiệm
3:1-13	3:1-7	3:1-6	3:1-6	3:1-13
	Mục Đích của Sự Mầu Nhiệm	3:7-13	3:7-13	
	3:8-13			
Biết Rõ Tình Yêu của Đấng Christ	Nhận Thức Rõ Sự Mầu Nhiệm		Tình Yêu của Đấng Christ	Lời Cầu Nguyện của
3:14-19	3:14-21	3:14-19	3:14-19	3:14-19
3:20-21		3:20-21	3:20-21	3:20-21

CHU KỶ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa đề dõ theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH TO 3:1-21

A. Xem xét về (những) mục đích thần học của lá thư được gửi một cách rộng rãi của Phao-lô được biết đến với tên Ê-phê-sô, rất rõ ràng ba lẽ thật chính yếu trong phần tín lý liên hệ với những giáo sư giả Trí Huệ giáo (Hãy xem phần Dẫn Nhập.)

1. Ê-phê-sô 1 ngợi khen Đức Chúa Cha về tình yêu "trước cả cõi thời gian (trước khi sáng thế)" của Ngài được bày tỏ trong sự chuộc tội thay thế của Đấng Christ và sự hiện diện tiếp diễn của Đức Thánh Linh.
2. Ê-phê-sô 2:1-10 bày tỏ về tình yêu và sự thương xót vĩ đại của Cha cho nhân loại sa ngã, bất lực.
3. Ê-phê-sô 2:11-3:13 bày tỏ kế hoạch đời đời của Đức Chúa Trời để bao gộp toàn bộ nhân loại trong một sự cứu rỗi được ban cho miễn phí thông qua Đấng Christ (Sáng 3:15), Người Do Thái và Hy Lạp, người nam và người nữ, nô lệ và người tự do.

Vì mục đích đó, Ê-phê-sô 2:11-3:13 bày tỏ kế hoạch cứu chuộc đời đời cho toàn nhân loại của Đức Chúa Trời (Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Kế hoạch Cứu Chuộc Đời Đời của YHWH); Ê-phê-sô 2:1-10 bày tỏ về tấm lòng yêu thương của Đức Chúa Trời và Ê-phê-sô 1:3-14 bày tỏ về mục đích đời đời Đức

Chúa Trời, sự trở nên giống như Đấng Christ. Đức Chúa Trời đã nhận thức trọn vẹn về sự bội nghịch của nhân loại và lập ra những kế hoạch để xử lý với nan đề ấy, ngay cả trước cả sự sáng thế (Ê-phê-sô 1:4).

- B. Ê-phê-sô 2:11-22 và 3:2-13 chỉ rõ một trong những định nghĩa về sự mầu nhiệm của Đức Chúa Trời được nhìn thấy trong những tác phẩm của Phao-lô. Người Do Thái và Dân Ngoại hiệp một với nhau trong một thân thể hoàn toàn mới, Hội Thánh của Đức Chúa Jesus Đấng Christ. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-phê-sô 3:3
- C. Phao-lô bắt đầu một lời cầu nguyện ngợi khen trong Ê-phê-sô 3:1, nhưng đồng thời đưa ra một điểm liên quan đến chức vụ của ông hướng đến Người Ngoại và quay trở lại với lời cầu nguyện của ông trong những câu 14-21.
- D. Lời cầu nguyện bắt đầu trong câu 1 và kết thúc ở Ê-phê-sô 3:14-21 chia nó thành ba mệnh đề (Hãy xem bài viết đầy đủ tại Ê-phê-sô 3:16-19)
1. Các tín đồ nhận được sức mạnh từ chính bên trong, Ê-phê-sô 3:16-17a
 - a. Bởi năng quyền của Đức Thánh Linh
 - b. Bởi sự ngự trong lòng của Đấng Christ
 2. Các thánh đồ có thể thấu hiểu cách hoàn toàn lẽ thật và sự mầu nhiệm của phúc âm, Ê-phê-sô 3:17b-19a
 - a. Nắm giữ chặt để có thể bám vào
 - b. Biết bởi kinh nghiệm
 3. Các tín đồ được đổ đầy với sự đầy trọn (*plērōma*) của Đức Chúa Trời, Ê-phê-sô 3:19b

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍCH 2010 (NASB (UPDATED)): Ê-PHÊ-SÔ 3:1-13

¹ Bởi lý do đó mà tôi, Phao-lô, làm tù nhân của Đấng Christ Jêsus, vì có anh em là những người ngoại. ² Chắc hẳn anh em đã nghe rằng việc quản trị ân điển của Đức Chúa Trời đã ủy thác cho tôi để lo cho anh em, ³ và Ngài đã mặc khải cho tôi biết lẽ mầu nhiệm như thế nào, như tôi đã viết vắn tắt cho anh em. ⁴ Khi đọc đến điều đó, anh em có thể nhận thức được sự hiểu biết của tôi về mầu nhiệm của Đấng Christ, ⁵ là điều chưa từng tiết lộ cho con cái loài người trong các thế hệ trước, nhưng bây giờ được Thánh Linh bày tỏ cho các sứ đồ thánh và các nhà tiên tri của Ngài. ⁶ Sự mầu nhiệm đó là: Nhờ Tin Lành, dân ngoại được trở nên những người thừa kế, những chi thể của cùng một thân, và những người cùng chia sẻ lời hứa trong Đấng Christ Jêsus. ⁷ Tôi được trở nên người phục vụ Tin Lành bởi quà tặng ân điển của Đức Chúa Trời ban cho tôi qua sự vận hành của quyền năng Ngài. ⁸ Dù tôi là người hèn mọn nhất trong tất cả các thánh đồ, ân điển ấy cũng được ban cho tôi để rao giảng cho dân ngoại sự phong phú vô hạn của Đấng Christ, ⁹ và bày tỏ cho mọi người thấy kế hoạch mầu nhiệm đã được giữ kín qua các thời đại trong Đức Chúa Trời, Đấng tạo dựng muôn vật. ¹⁰ Bây giờ, qua Hội Thánh, sự khôn ngoan vô hạn của Đức Chúa Trời được bày tỏ cho những kẻ thống lĩnh, những quyền lực trong các nơi trên trời, ¹¹ theo mục đích đời đời mà Ngài đã hoàn tất trong Đấng Christ Jêsus, Chúa chúng ta. ¹² Trong Ngài và nhờ đức tin nơi Ngài, chúng ta dạn dĩ và tự tin mà đến gần Đức Chúa Trời. ¹³ Cho nên, tôi xin anh em chớ ngã lòng vì những hoạn nạn tôi đang chịu vì anh em; đó chính là vinh quang của anh em.

3:1 " Bởi lý do đó " Ê-phê-sô 3:2-13 là một sự tiếp nối thần học với Ê-phê-sô 2:11-22. Phao-lô lặp lại cụm từ này trong Ê-phê-sô 3:14, nơi ông quay lại với lời cầu nguyện của mình với Đức Chúa Trời. (Sau phần xen vào trong 2:2-13 nói về sự kêu gọi và chức vụ của ông hướng đến Người Ngoại).

☐ " tù nhân của Đấng Christ Jêsus, vì có anh em là những người ngoại " Khi Phao-lô viết sách này, ông đang bị tù đầy tại Rô-ma bởi một cuộc rối loạn tại Giê-ru-sa-lem (Công Vụ 21:27-22:22). Cuộc rối loạn xảy ra khi Người Do Thái cáo buộc Phao-lô đã mang Trô-phim, một người Ê-phê-sô mới trở lại với Chúa, vào trong Đền Thờ. Người Do Thái biết ông là một Người Ngoại và đã trở nên cực kỳ giận dữ (Ê-phê-sô 2:14). Phao-lô cảm nhận được kêu gọi đặc biệt dành cho Dân Ngoại (Ê-phê-sô 3:2,8; Công Vụ 9:15; 22:21; 26:16,18; Rô-ma 11:13; 15:16; Ga-la-ti 1:16; 2:9; 1 Ti-mô-thê 2:7; 2 Ti-mô-thê 4:17).

3:2 "nếu" Đây là một câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence) vốn được xem là đúng từ quan điểm của tác giả hoặc nó phục vụ cho những mục đích văn học của ông. Những câu từ câu 2-7 hình thành nên một câu duy nhất trong tiếng Hy Lạp. Những tín đồ đã nghe về chức vụ và sự kêu gọi của Phao-lô. Phao-lô không

phải là người đã mở ra tất cả những hội thánh tại Tiều Á.

▣ **"việc quản trị ân điển của Đức Chúa Trời đã ủy thác cho tôi để lo cho anh em "** Phao-lô cảm biết rằng ông đã được tin cậy phó thác ân điển (Ê-phê-sô 3:9; 1 Cô-rinh-tô 4:1-2; 9:17; Ga-la-ti 2:7; Cô-lô-se 1:25; 1 Tê-sa 2:4; 1 Ti-mô-thê 1:11; 1 Phi-e-rơ 4:10). Ân điển của Đức Chúa Trời đến với Phao-lô như một món quà, những câu 7-8, và cũng là một sự quản trị, Ê-phê-sô 3:2. Đây là một khía cạnh song hành của giao ước của Đức Chúa Trời.

Thực chất, tất cả các tín đồ đều được ban cho món quà ấy bởi Đức Thánh Linh (1 Cô-rinh-tô 12:7,11; Ê-phê-sô 4:7) và cũng được công bố là những người quản trị của Đại Mạng Lệnh (Ma-thi-ơ 28:19-20). Đây không phải là Đại Lựa Chọn! Nó liên hệ với cả hai mặt, sự truyền giáo được định trước và sự trưởng thành trở nên giống như Đấng Christ. Không thể trở thành một kẻ quản trị tốt lành và trung tín mà không thấu hiểu về nhiệm vụ được giao!

3:3 " (bởi sự) mặc khải " Điều này chỉ đến

1. Những trải nghiệm trên đường đến thành Đa-mách (Công Vụ 9:3-8; 22:6-11; 26:12-18)
2. Những sự dạy dỗ của A-na-nia tại thành Đa-mách (Công Vụ 9:10-19; 22:12-16)
3. Khải tượng tại Giê-ru-sa-lem (Công Vụ 22:17)
4. Sự huấn luyện Phao-lô bởi chính sự hiện đến của Chúa Jesus Đấng được tôn cao tại A-ra-bi-a (Ga-la-ti 1:12, 17-18)

▣ **" lẽ màu nhiệm "** Phao-lô sử dụng từ "màu nhiệm (điều bí ẩn)" hơn hai mươi lần trong một vài ý nghĩa khác nhau. Thường nó liên hệ với vấn đề tại sao và như thế nào của sự hiệp nhất của những Người Do Thái và Dân Ngoại tin Chúa vào trong một cộng đồng mới, hội thánh (Ê-phê-sô 2:11-3:13; Cô-lô-se 1:26-27).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHƯƠNG TRÌNH CỨU CHUỘC CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI, "ĐIỀU HUYỀN NHIỆM"

I. Trong Cựu Ước

tiếng A-ra-mic (BDB 1112, KB 1980), *raz*, có nghĩa "che dấu," "giữ bí mật." Được sử dụng vài lần trong Daniel (Đa-ni-ên 2:18,19,27,28,29,30,47; 4:9). Nó trở nên chủ đề trọng tâm trong văn chương Khải thị và cuộn Biển Chết. Đức Chúa Trời mặc khải ý tưởng của Ngài cho các tiên tri. (Sáng 18:17; Giê-rê-mi 23:18; Đa-ni-ên 9:22; Amos 3:7).

Trong vòng cộng đồng được ghi nhận trong Cuộn Biển Chết, Đức Chúa Trời mặc khải qua trung gian (1) các tiên tri Cựu Ước, (*raz*), đồng thời (2) qua sự giải kinh (*pesher*) của "giảng viên công chính". Khuôn mẫu hai phần "tiên tri - giải kinh" này thường được thấy trong văn chương Khải thị. "

II. Trong Phúc Âm Đồng Quan, thuật ngữ điều huyền nhiệm ám chỉ tri thức thuộc linh tiếp nhận bởi giáo huấn và ngụ ngôn của Chúa Giê-su.

1. Mác 4:11
2. Ma-thi-ơ 13:11
3. Lu-ca 8:10

III. Phao-lô sử dụng sự huyền nhiệm theo vài cách như sau:

1. Sự cứng lòng một phần của I-sơ-ra-en để dân ngoại được tham gia Nước Trời. Sự tham gia của dân ngoại là cơ chế khích lệ I-sơ-ra-en tiếp nhận Chúa Giê-su là Đấng Christ được tiên tri. (cf. Rom. 11:25-32).
2. Phúc Âm được truyền giảng tới các dân tộc để họ biết mình được tiếp nhận trong Đấng Christ và bởi Đấng Christ. (cf. Rom. 16:25-27; Col. 2:2).
3. Nói về thân thể mới của tín đồ tại thời điểm Tái Lâm. (cf. 1 Cor. 15:5-57; 1 Thess. 4:13-18).
4. Sự tổng kết và chung kết mọi sự trong Đấng Christ. (cf. Eph. 1:8-11).
5. Dân ngoại và I-sơ-ra-en đều chung gia sản của Cha. (cf. Eph. 2:11-3:13).
6. mối liên hệ giữa Đấng Christ và Hội Thánh được miêu tả như tình vợ chồng. (cf. Eph. 5:22-33).

7. Dân ngoại tham gia dân tuyển theo giao ước mới, đồng thời sự ngự trị bởi Thánh Linh khiến tín đồ trở nên trưởng thành, hình ảnh Đức Chúa Trời được hồi phục trong họ. (cf. Gen. 1:26-27; 5:1; 6:5,11-13; 8:21; 9:6; Col. 1:26-28).
8. Nói về Kẻ Nghịch Đấng Christ trong thời Tận Thế. (cf. 2 Thess. 2:1-11).

IV. Sự huyền nhiệm trong lời thánh ca, hoặc tín điều của một Hội Thánh nguyên thủy 1 Tim. 3:16.

V. Trong Khải Huyền của Giăng, với các biểu tượng Khải thị.

1. Khải 1:20
2. Khải 10:7
3. Khải 17:5,6

VI. Những huyền nhiệm con người không thể tự khám phá, nhưng được mặc khải bởi Đức Chúa Trời.

VII. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Chương trình Cứu chuộc đời đời của Đức Giê-hô-va.

NASB	" như tôi đã viết vắn tắt trước "
NKJV	"(như tôi đã viết trước trong vài lời)"
NRSV	" như tôi đã viết phía trên trong vài lời "
TEV	"(Tôi đã viết vắn tắt về điều này. . .)"
NJB	" tôi đã giải bày về có cách rất ngắn gọn "

Nhà cải chánh vĩ đại, John Calvin, cho rằng cụm từ này chỉ về một điều gì đó mà Phao-lô đã viết trong lá thư trước đó, nhưng nó có thể là tốt hơn khi hiểu trong cách chỉ đến một phần trước đó trong sách Ê-phê-sô, có lẽ là 2:11-22. Cách sử dụng rất phổ biến của thì bất định được gọi là thì bất định văn phong thư từ.

3:4 " Khi đọc đến điều đó " Câu này chỉ về việc đọc một cách công khai những lá thư của Phao-lô trong các hội thánh (Cô-lô-se 4:16; 1 Tê-sa 5:27; Khải Huyền 1:3). Hãy nhớ rằng Ê-phê-sô chính là một lá thư chung được gửi đến nhiều hội thánh.

3:5

NASB	" trong nhiều thế hệ khác "
NKJV	" trong nhiều đời (thời đại) khác "
NRSV	" trong những thế hệ trước "
TEV	" trong nhiều giai đoạn trong quá khứ "
NJB	" Trong nhiều thế hệ quá khứ "

Đức Chúa Trời giờ đây đã bày tỏ rõ ràng kế hoạch xa xưa của Ngài về sự cứu chuộc dành cho toàn bộ nhân loại (1 Cô-rinh-tô 2:6-9; Cô-lô-se 1:26a), Người Do Thái và Dân Ngoại, người giàu và người nghèo, người nô lệ và tự do, nam và nữ (1 Cô-rinh-tô 12:13; Ga-la-ti 3:28).

☐ "**chưa từng tiết lộ. . . nhưng bây giờ được ...bày tỏ "** Đây là hai động từ thể bị động, vốn chỉ về những hành động của Đức Chúa Trời trong sự bày tỏ của lẽ thật vĩ đại này trước cả cõi thời gian (1:3-6), trong đúng thời điểm (1:7-12), và xuyên suốt trong cõi thời gian (1:13-14). Các tín đồ Tân Ước biết nhiều hơn về Đức Chúa Trời, kế hoạch của Ngài và về Đấng Mê-si của Ngài nhiều hơn bất kỳ người nào trong Cựu Ước!

☐ "**cho các sứ đồ thánh và các nhà tiên tri của Ngài "** Cụm từ này cũng được thấy trong Ê-phê-sô 2:20; 4:11. Họ là "thánh" bởi vì họ đã được biệt riêng ra cho một nhiệm vụ đặc biệt. Điều này chỉ về những tiên tri Tân Ước (Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-phê-sô 2:20, Ê-phê-sô 4:11; Công Vụ 11:27; 13:1; 15:32; 21:9,10; 1 Cô-rinh-tô 12:28; 14:1-40). Cả hai nhóm, Các Sứ Đồ và những nhà tiên tri (cũng với những nhà truyền giáo và mục sư/giáo sư, Ê-phê-sô 4:11), công bố về sự mầu nhiệm vừa mới được mặc khải của phúc âm, rằng những Người Do Thái và Người Ngoại tin kính giờ đây đã hình thành nên một thân thể mới, hội thánh.

3:6

NASB	" Dân Ngoại là những người đồng-kế-tự và đồng-thành-viên của thân thể, và đồng-thành-viên của lời hứa "
NKJV	" Dân Ngoại phải là những người đồng kế tự, của cùng một thân thể, và những kẻ dự phần của lời hứa của Ngài "

NRSV	"Dân Ngoại đã trở nên những kẻ đồng kẻ tự, những thành viên của cùng một thân thể, và những người cùng chia sẻ trong lời hứa"
TEV	"Dân Ngoại có một phần chia cùng với Người Do Thái trong những phước hạnh của Đức Chúa Trời; họ là thành viên của cùng một thân thể, và chia sẻ trong lời hứa "
NJB	"những người ngoại đạo giờ đây chia sẻ cùng một phần thừa kế, rằng họ là những bộ phận của cùng một thân thể, và rằng cùng một lời hứa đã được lập với họ "

Thật là một sự mặc khải sùng sốt của một sự mâu nhiệm xa xưa của chương trình cứu chuộc của Đức Chúa Trời. Trong Đấng Christ không còn Người Do Thái hay Dân Ngoại (Rô-ma 2:28-29; 3:22; 10:12; 1 Cô-rinh-tô 12:13; Ga-la-ti 3:7-9, 28-29; Cô-lô-se 3:11). Cùng một từ này, "kẻ-đồng-kẻ-tự," cũng được sử dụng trong Rô-ma 8:17; Hê-bơ-rơ 11:9 và 1 Phi-e-rơ 3:7.

Có ba từ ghép *syn* ở đây: (1) "những kẻ-đồng-kẻ-tự"; (2) "những người đồng-thành-viên của một thân thể"; và (3) "những kẻ đồng-dự-phần của lời hứa." Phao-lô sử dụng những từ ghép *syn* này thường để bày tỏ về đời sống mới của các tín đồ trong Đấng Christ. Điều này rất giống với ba từ ghép *syn* trong Ê-phê-sô 2:5-6.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: KẾ HOẠCH CỨU CHUỘC ĐỜI ĐỜI CỦA YHWH (ĐỨC GIÊ-HÔ-VA)

Tôi phải thừa nhận với bạn đọc rằng tôi thiên lệch tại điểm này. Thần học hệ thống của tôi không phải là Người theo thuyết Calvin hay thuyết Giai Đoạn Thân Thị (Dispensationalism), nhưng là tư tưởng truyền giáo theo Đại Mạng Lệnh (Ma-thi-ơ 28:18-20; Lu-ca 24:46-47; Công Vụ 1:8). Tôi tin rằng Đức Chúa Trời đã có một kế hoạch vĩnh cửu để cứu chuộc tất cả nhân loại (ví dụ, Sáng thế Ký 3:15; 12:3; Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5-6; Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 18; 36:22-39; Công vụ Các sứ đồ 2:23; 3:18; 4:28; 13:29; Rô-ma 3:9-18, 19-20, 21-32), tất cả những người được tạo ra theo hình ảnh của Ngài (xem Sáng thế Ký 1:26-27). Những giao ước đều hiệp nhất trong Đấng Christ (xem Ga-la-ti 3:28-29; Cô-lô-se 3:11). Đức Chúa Giê-xu là sự mâu nhiệm của Đức Chúa Trời, đã bị che dấu nhưng bây giờ được giải bày (xem Ê-phê-sô 2:11-3:13)!

Quan điểm có trước này tác động tất cả mọi sự giải nghĩa Kinh Thánh của tôi. Tôi đọc tất cả các bản văn đều thông qua quan điểm này. Chắc chắn đó là một sự thiên lệch (tất cả các nhà giải kinh đều có), nhưng nó là một tiền giả định được lấy ra từ Kinh Thánh.

Tiêu điểm của Sáng Thế Ký 1 – là Đức Chúa Trời tạo dựng một vị trí mà ở đó, Ngài và tạo vật cao cấp nhất là con người có được một thông công Sáng 1:26,27; 3:8). Tạo Hóa vật thể là sân khấu cho mục đích tương giao tâm linh.

1. Thánh Augustine miêu tả trong con người có một lỗ hổng chỉ có thể khóa lấp bởi Đức Chúa Trời.
2. Nhà văn Lewis gọi Trái Đất là hành tinh được “thiên tạo”, tức được chuẩn bị một cách đặc biệt cho con người bởi Đức Chúa Trời.

Có nhiều gợi ý trong Cựu Ước về mục đích này của Đức Chúa Trời:

1. Sáng Thế Ký 3:15 chứa đựng lời hứa đầu tiên của Đức Chúa Trời không để con người mãi mãi trong vũng bùn tội lỗi bạo loạn nhơ nhớp. Lời hứa này không liên hệ tới Y-sơ-ra-ên, vì khi đó chưa có Y-sơ-ra-ên, chưa có dân tuyển cho đến Áp-ra-ham trong chương 12.
2. Sáng Thế Ký 12:1-3 chứa đựng sự kêu gọi Áp-ra-ham bởi Đức Chúa Trời, từ ông sẽ có dân tuyển. tuy nhiên, khi gọi Áp-ra-ham, con mắt của Đức Chúa Trời hướng về cả thế gian. Sáng 12:3!
3. Xuất Hành 20 (Phục Truyền 5) Đức Giê-hô-va ban Luật Pháp cho Mô-sê và dân tuyển. Trong Xuất 19:5-6, Đức Giê-hô-va mặc khải mối liên hệ đặc biệt của dân tuyển đối với Chúa, nhưng dân tuyển cũng như Áp-ra-ham, được chọn lựa để làm phước cho thế gian. (Xuất 19:5, "Cả thế gian thuộc về Ta"). Y-sơ-ra-ên trở nên phương tiện để thế gian biết đến và yêu mến Đức Chúa Trời. Thảm hại thay họ thất bại trong sứ mạng này. (Ê-xê-chi-ên 36:22-38).
4. Trong 1 Các Vua 8 vua So-lo-môn cầu nguyện chúc phước cho Đền Thờ, để tất cả các dân có thể đến thờ lạy Đức Chúa Trời. (1 Các Vua 8:43,60).
5. Trong Thi Thiêng – 22:27-28; 66:4; 86:9 (Khải Huyền 15:4)
6. Qua tất cả các tiên tri Đức Giê-hô-va tiếp tục bày tỏ chương trình cứu chuộc của Ngài.
 - a. Ê-sai – 2:2-4; 12:4-5; 25:6-9; 42:6,10-12; 45:22; 49:5-6; 51:4-5; 56:6-8; 60:1-3; 66:18,23
 - b. Giê-rê-mi – 3:17; 4:2; 16:19
 - c. Mi-chê 4:1-3
 - d. Malachi 1:11

Sự nhấn mạnh tính đại chúng được thấy trong Giao ước mới (Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-

38), hướng về sự thương xót của Chúa thay vì công đức của con người. Xuất hiện các thuật ngữ mới như: “trái tim mới”, “tâm trí mới”, “tâm linh mới”. Sự vâng lời là điều trọng yếu, với các bằng chứng nội tâm hơn là thể hiện bên ngoài. (Rô-ma 3:21-31).

Cựu Ước xác nhận chương trình cứu rỗi đại chúng qua một vài cách sau đây:

1. Đại Mạng Lệnh Truyền Giáo – Ma-thi-ơ 28:18-20; Lu-ca 24:46-47; Công Vụ 1:8
2. Chương Trình Đòi Đòi (Tiền định) – Lu-ca 22:22; Công Vụ 2:23; 3:18; 4:28; 13:29
3. Ước nguyện mọi người được cứu. – Giăng 3:16; 4:42; Công Vụ 10:34-35; 1 Tim. 2:4-6; Tít 2:11; 2 Phi-e-rơ 3:9; 1 Giăng 2:2; 4:14
4. Đấng Christ hiệp nhất Cựu Ước và Tân Ước. Ga-la-ti 3:28-29; Ê-phê-sô 2:11-3:13; Cô-lô-se 3:11. Tất cả sự chia cắt giữa con người đều bị dỡ bỏ. Chúa Giê-su là “điều huyền nhiệm của Đức Chúa Trời nay được bày tỏ” (Ê-phê-sô 2:11-3:13). Tân Ước tập trung vào Chúa Giê-su, thay vì vào Y-sơ-ra-ên. Tính trọng tâm của Phúc Âm vượt qua mọi biên giới địa dư và ngôn ngữ. Chúa Giê-su là sự mặc khải tối hậu. (Ma-thi-ơ 5:17-48). Tôi hy vọng độc giả có thời gian đọc Chủ Đề Đặc Biệt: Vì sao hứa ngôn trong Tân Ước có vẻ khác với hứa ngôn trong Cựu Ước. Bạn có thể xem trực tuyến tại www.freebiblecommentary.org

3:7 Câu này chỉ về sự cứu rỗi khởi nguyên của Phao-lô, nhưng trong văn mạch có vẻ nó chỉ đến sự ban cho đặc biệt của nhiệm vụ sứ đồ cho dân ngoại của ông từ Đức Chúa Trời (Ê-phê-sô 3:2; 6:20; Rô-ma 12:3; 15:15-16; 1 Cô-rinh-tô 3:10; 15:10; Ga-la-ti 2:9; Cô-lô-se 1:25).

▣ " người phục vụ " Chúng ta có từ tiếng Anh "deacon (chấp sự)" từ chính động từ Hy Lạp chung này (*diakoneō*, Ma-thi-ơ 8:15 hoặc *diakonia*, Ê-phê-sô 4:12).

▣ " qua sự vận hành của quyền năng Ngài " Sự cứu rỗi và chức vụ hiệu quả thuộc về Đức Chúa Trời, chứ không phải Phao-lô (Ê-phê-sô 1:19; Cô-lô-se 1:29).

3:8-12 Đây là cùng một câu Hy Lạp. Những câu dài này chính là đặc điểm của sách Ê-phê-sô.

3:8 " Dù tôi là người hèn mọn nhất trong tất cả các thánh đồ " Câu này nguyên văn là "kẻ nhỏ bé nhất," vốn là một sự so sánh của một sự so sánh nhất (về ngữ pháp) (1 Cô-rinh-tô 15:9; 1 Ti-mô-thê 1:15). Phao-lô đã trở nên khiêm nhường bởi cuộc đời và sự tự-xưng-công-chính tôn giáo, và sự bắt bớ đầy hung bạo trước đó của ông. Ông cũng trở nên kinh ngạc bởi tình yêu Đức Chúa Trời cho một kẻ bắt bớ hội thánh Ngài như ông. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Các thánh đồ tại Cô-lô-se 1:2.

NASB "không thể dò được"
NKJV "không thể tìm được"
NRSV "không có giới hạn"
TEV, NJB "vô hạn"

Thật là một từ đầy quyền năng để mô tả về sự giàu có phong phú của Đức Chúa Trời nơi Đấng Christ (Rô-ma 11:33 và bản dịch Bảy Mươi của sách Gióp 5:9; 9:10). Nhân loại không thể nào khám phá về Đức Chúa Trời, nhưng Đức Chúa Trời đã lựa chọn để bày tỏ chính mình Ngài.

▣ " sự phong phú (giàu có) vô hạn của Đấng Christ " "Sự giàu có" là một trong những từ được yêu thích của Phao-lô (Ê-phê-sô 1:7,18; 2:4,7; 3:8,16). Trong đoạn 1 ông nói về những sự giàu có của Đức Chúa Cha. Ở đây Phao-lô chuyển chúng sang cho Đức Chúa Con! Các tác giả tân ước thường ngụ ý chỉ đến thần tánh của Chúa Jesus qua việc chuyển những danh xưng và chức việc của YHWH (ĐỨC GIÊ-HÔ-VA) cho Ngài (để xem một ví dụ hãy xem "Đức Chúa Trời, là Cứu Chúa chúng ta" và "Đức Chúa Jesus Christ, Cứu Chúa chúng ta" trong Tít 1:3 và 1:4; 2:10 và 2:13; 3:4 và 3:6).

3:9

NASB "mang ra ánh sáng "
NKJV "khiến tất cả mọi người đều thấy "
NRSV "khiến cho mọi người thấy"
TEV "khiến mọi con người đều thấy"

NJB "giải bày"

Câu này nguyên văn là "đem ra ánh sáng" (Ê-phê-sô 1:18; Công Vụ 26:18; 2 Cô-rinh-tô 4:6; 1 Phi-e-rơ 2:9). Chỉ duy Đức Thánh Linh mới có thể mang sự mặc khải này đến với tâm lòng tâm tởi (Giăng 1:4-5; 6:44, 65). Chúng ta có từ tiếng Anh "photo (ảnh)" từ chính từ Hy Lạp này.

NASB	"việc quản trị sự mưu nhiệm "
NKJV	"mối liên hệ của sự mưu nhiệm "
NRSV	"kế hoạch của sự mưu nhiệm"
TEV	"chương trình bí mật của Đức Chúa Trời đã được đưa vào thực thi"
NJB	"sự mưu nhiệm được thực thi như thế nào "

Cụm từ này nguyên văn là "sự quản trị của một gia đình (*oikonomia*).". Đây là một từ yêu thích của Phao-lô để chỉ về kế hoạch đời đời của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ cho toàn bộ con cái của Adam (Ê-phê-sô 1:10; 3:2,9; Cô-lô-se 1:25).

Có một vấn đề bản thảo Hy Lạp liên hệ với từ "sự quản trị" và "sự liên hệ." "Sự quản trị được thấy trong" bản thảo P⁴⁶, mọi bản thảo ông-xi-an, phần lớn những bản thảo chữ viết thường, mọi bản cổ xưa, và mọi phần trích của các giáo phụ, vì vậy "sự quản trị" chính là từ gốc. Hãy xem về sự thảo luận về vấn đề phê bình văn mạch trong Phụ Lục Hai. Đề xem về "sự mưu nhiệm" hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-phê-sô 3:3.

▣ " Đức Chúa Trời, Đấng tạo dựng muôn vật " Câu này bác bỏ thuyết nhị nguyên Trí Huệ Giáo giữa vật chất và tâm linh (Ê-phê-sô 2:10). Trong phần Kinh Thánh song hành trong Cô-lô-se, Chúa Jesus được nhận diện như là Đấng Đại Diện Thực Thi của Đức Chúa Cha trong sự sáng tạo (Giăng 1:3,10; Rô-ma 11:36; 1 Cô-rinh-tô 8:6; Cô-lô-se 1:15-16; Hê-bơ-rơ 1:2-3; 2:10).

3:10

NASB, NKJV	"sự khôn ngoan nhiều mặt của Đức Chúa Trời"
NRSV	"sự khôn ngoan Đức Chúa Trời trong sự giàu có đa dạng của nó"
TEV	"Sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời, trong tất cả những mặt khác nhau của nó "
NJB	"thấu hiểu sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời thực sự như thế nào"

Đây là một từ ghép nhấn mạnh sự khôn ngoan "đầy-màu-sắc" của Đức Chúa Trời. Trong 1 Phi-e-rơ 1:6 nó chỉ đến những sự chịu khổ trong nhiều mặt và trong 1 Phi-e-rơ 4:10 nó chỉ đến ân điển trong nhiều mặt của Đức Chúa Trời. Lễ thật nhiều khía cạnh vĩ đại của Đức Chúa Trời có thể thấy cách tốt nhất trong bài tán dương của Phao-lô trong Rô-ma 11:33-36 và Ê-phê-sô 3:18-21.

▣ " Hội Thánh " *Ekklesia* được dùng trong bản Bảy Mươi (LXX) để dịch từ Hê-bơ-rơ "hội chúng (*qahal*) Y-sơ-ra-ên" (Xuất 12:6; 16:3; Dân Số Ký 20:4; Lê-vi Ký 4:13). Đây là một trong một vài lần sử dụng từ này trong Ê-phê-sô (Ê-phê-sô 1:22; 3:10, 21; 5:23, 24, 25, 27, 29, 32). Phao-lô gọi là hội thánh thân thể của Đấng Christ trong cả Ê-phê-sô 1:22-23 và Cô-lô-se 1:24. Hội thánh đầu tiên xem chính họ là dân sự Cựu Ước thật của Đức Chúa Trời với Đức Chúa Jesus Christ, Đấng Mê-si chính là Đầu.

Một trong những mối quan hệ không thường xuyên giữa Ê-phê-sô và Cô-lô-se rằng trong Ê-phê-sô chính từ này chỉ về hội thánh toàn cầu (Ma-thi-ơ 16:18; Ga-la-ti 1:13), trong khi trong Cô-lô-se nó thường chỉ về hội thánh địa phương (1 Cô-rinh-tô 10:32; 12:28; 15:9; Ga-la-ti 1:12; Phi-líp 3:6). Từ này chỉ về Ê-phê-sô như một lá thư chung được gửi rộng rãi cho nhiều hội thánh.

Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Cô-lô-se 1:18.

▣ " được bày tỏ " Các thiên sứ mong mỗi được biết kế hoạch của Đức Chúa Trời (1 Phi-e-rơ 1:12). Đức Chúa Trời sử dụng tình yêu của Ngài dành cho Hội Thánh để bày tỏ Chính Ngài cho nhân loại và cho các thiên sứ (Ê-phê-sô 2:7; 1 Cô-rinh-tô 4:9).

▣ " những kẻ thống lĩnh, những quyền lực " Cụm từ này chỉ về các cấp bậc thẩm quyền thiên sứ, cả tốt và xấu (Rô-ma 8:38-39; 1 Cô-rinh-tô 2:8; Ê-phê-sô 1:21; 6:12; Cô-lô-se 1:16; 2:10, 15, 20). Đây là một khía cạnh thần học chính yếu của Trí Huệ Giáo. Đối với họ, sự cứu rỗi chính là sự tìm được những kiến thức bí mật rằng một người có thể vượt qua những cấp bậc thiên sứ để vươn đến với Đức Chúa Trời chí cao, tốt lành.

Một danh sách những thuật ngữ được sử dụng trong Tân Ước dành cho những cấp bậc thiên sứ có thể được xem trong quyển sách của George E. Ladd *A Theology of the New Testament*, ở trang 401. Những trật tự và những cấp bậc của những ngôi vị thiên sứ không được định nghĩa và thảo luận chi tiết ở bất kỳ nơi nào trong Tân Ước.

Hãy cẩn thận về sự tò mò và những hệ thống thần học nỗ lực để đưa ra câu trả lời mang tính chất định nghĩa mà vốn Tân Ước đã để một sự mơ hồ không rõ nghĩa!

Một ví dụ hay chính là sự thận trọng liên hệ với những cấp bậc thiên sứ. Trong một vài phần Kinh Thánh, họ không phải là xấu xa nhưng có khả năng là những kết cấu của thế giới sa ngã này vốn khiến cho con người có khả năng sống tách rời khỏi Đức Chúa Trời. Một sách hay về thuyết này là quyển *Christ and the Powers* của Hendrik Berkhoff, Herald Press. Hãy xem những Chủ Đề Đặc Biệt: Các Thiên Sứ trong Những Sách của Phao-lô tại Ê-phê-sô 6:12 và *Archē* tại Cô-lô-se 1:16.

▣ " **trong các nơi trên trời** " Tính từ chỉ địa điểm (lãnh vực) số nhiều thuộc giống trung tính (locative (of sphere) neuter plural adjective) này (*epouranious*) "trong các nơi trên trời" chỉ được sử dụng duy nhất trong sách Ê-phê-sô (Ê-phê-sô 1:20; 2:6; 3:10; 6:12). Trong văn mạch của tất cả những lần sử dụng của nó, nó chắc chắn phải chỉ đến lãnh giới thuộc linh nơi mà các tín đồ sống ở đây và bây giờ, chứ không phải trong cõi thiên đàng.

3:11 " mục đích đời đời " Cụm từ này nguyên văn là "mục đích của những thời đại " (Ê-phê-sô 1:9-10). Từ này được dùng trong Tiếng Hy Lạp Cổ Điển để chỉ đến việc thiết lập ra một kế hoạch. Đức Chúa Trời không bị bất ngờ bao giờ và Ngài không có kế hoạch B (Lu-ca 22:22; Công Vụ 2:23; 3:18; 4:28; Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Kế hoạch Cứu Chuộc Đời Đời của YHWH)!

Kế hoạch cứu chuộc đời đời của Đức Chúa Trời là gì? Điều này được làm rõ trong Sáng Thế Ký 1-3. Đức Chúa Trời đã dựng nên nhân loại cho mối tương giao (Sáng 1:26-27; 3:8); mối tương giao ấy đã bị gãy đổ bởi sự bội nghịch của con người (Sáng 3). Sự phục hồi hình ảnh và mối liên hệ giữa của Đức Chúa Trời và con người (Người Do Thái và Dân Ngoại) chính là mục tiêu của những hành động của Đức Chúa Trời trong Kinh Thánh. Mục tiêu này đã được đáp ứng qua công việc của Đấng Christ (Sáng 3:15) và Chức vụ của Đức Thánh Linh (Giăng 16:8-14).

3:12

NASB, NKJV,	
NRSV	"sự mạnh dạn"
TEV	"sự tự do"
NJB	"mạnh dạn"

Từ này được dùng cho sự tự do trong lời nói, nhưng nó trở thành nghĩa của sự tự tin trong việc tiếp cận một ai đó với thẩm quyền (Ê-phê-sô 4:16; 10:19,35; 1 Giăng 2:28; 3:21). Trong Đấng Christ, các tín đồ có sự can đảm!

NASB	"có thể tiếp cận cách tự tin "
NKJV	"tiến đến trong sự tự tin "
NRSV	"tự tin"
TEV	"với tất cả sự tự tin"
NJB	"với sự tự tin trọn vẹn "

Từ này được dùng trong bản Bảy Mươi (LXX) như một lời giới thiệu nhân vật chỉ về hoàng gia. Ý tưởng này được nhấn mạnh trong Ê-phê-sô 2 và Rô-ma 5:2. Các tín đồ tiến đến với Đức Chúa Cha qua duy chỉ mình Đấng Christ mà thôi (1 Phi-e-rơ 3:18). Ngài là Đấng Trung Bảo duy nhất của họ (1 Ti-mô-thê 2:5). Trong Đấng Christ, các tín đồ có được sự tiến đến đầy tự tin!

Phong Trào Cải Chánh nhấn mạnh vào "chức vụ tế lễ của tín đồ" là một sự phản ứng lại với cách tiếp cận với thẩm quyền của Hội Thánh Công Giáo. Tuy nhiên, theo Kinh Thánh mà nói, sự tập chú chưa bao giờ nơi "tín đồ," nhưng là "những tín đồ." Cơ Đốc Giáo Phương Tây đã phóng đại ý tưởng về cá nhân trở thành sự ngăn cản về một thân thể cộng đồng. Các Cơ Đốc Nhân là những thầy tế lễ trong một nghĩa truyền giáo và cộng đồng, chứ không phải một địa vị đặc quyền mang tính chất cá nhân. Đúng là con người trở nên những tín đồ mang tính chất cá nhân, nhưng Đức Tin Cơ Đốc là một trải nghiệm tập thể

▣ " **nhờ đức tin nơi Ngài** " Chúa Jesus chính là nguồn dẫn của Đức Chúa Trời cho mọi ơn phước thuộc linh (Ê-phê-sô 1:4, 7, 9, 10 (hai lần), Ê-phê-sô 1:12, 13 (hai lần)).

Cụm từ này nguyên văn là "sự thành tín của Ngài" (Ga-la-ti 2:16; 3:22). Nếu nó là một sở hữu cách tân ngữ (objective genitive), các tín đồ tin cậy trong Đấng Christ. Ngài là Đấng đáng tin cậy! Nếu nó là sở hữu cách chủ ngữ (subjective genitive), nó chỉ về "sự thành tín" của Đấng Christ (theo nghĩa Cựu Ước của từ này). Sự thành tín trong việc hoàn tất Luật Pháp (cuộc đời của Ngài) và phó chính mình Ngài trở thành của lễ (chuộc tội) cho tội lỗi (sự chết của Ngài).

3:13 " tôi xin anh em chớ ngã lòng " Đây là thể chỉ định trung cách thì hiện tại present middle indicative, có

nghĩa "anh em, chính anh em, hãy tiếp tục dùng ngã lòng." Về mặt cấu trúc ngữ pháp, câu này có thể chỉ đến Phao-lô hoặc chỉ đến hội thánh Ê-phê-sô. Hầu hết các nhà giải kinh đều đồng ý rằng nó chỉ đến các hội thánh mà Phao-lô đang gửi lá thư rộng rãi này cho họ. Phao-lô sử dụng cụm từ này thường xuyên (2 Cô-rinh-tô 4:16; Ga-la-ti 6:9; 2 Tê-sa 3:13).

▣ " vì những hoạn nạn tôi đang chịu vì anh em " Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ HOẠN NẠN

Cần có một sự phân biệt về thần học giữa cách Phao-lô dùng từ ngữ này (*thlipsis*) và cách của Giảng:

- A. Cách sử dụng của Phao-lô (cũng phản ánh cách của Chúa Jê-sus):
1. Các nan đề, sự chịu khổ, điều ác có mặt trong thế giới sa ngã:
 - a. Ma-thi-ơ 13:21
 - b. Rô-ma 5:3
 - c. I Cô-rinh-tô 7:28
 - d. II Cô-rinh-tô 7:4
 - e. Ê-phê-sô 3:13
 2. Các nan đề, sự chịu khổ, điều ác gây ra bởi những người không tin Chúa:
 - a. Rô-ma 5:3; 8:35; 12:12
 - b. II Cô-rinh-tô 1:4,8; 6:4; 7:4; 8:2,13
 - c. Ê-phê-sô 3:13
 - d. Phi-líp 4:14
 - e. I Tê-sa-lô-ni-ca 1:6
 - f. II Tê-sa-lô-ni-ca 1:4
 3. Các nan đề, sự chịu khổ, điều ác trong thời kỳ cuối cùng
 - a. Ma-thi-ơ 24:21,29
 - b. Mác 13:19,24
 - c. II Tê-sa-lô-ni-ca 1:6
- B. Cách sử dụng của Giảng:
1. Giảng có một sự phân biệt rõ ràng giữa *thlipsis* và *orge* hay *thumos* (con thịnh nộ) trong Khải huyền. *Thlipsis* là điều những người không tin Chúa gây cho các tín nhân và *orge* là điều Chúa làm đối với những người không tin Ngài.
 - a. *Thlipsis*, Khải huyền 1:9; 2:9-10, 22; 7:14
 - b. *Orge*- Khải huyền 6:16-17; 11:18; 16:19; 19:15
 - c. *Thumos*- Khải huyền 12:12; 14:8, 10,19; 15:2,7; 16:1; 18:3
 2. Giảng cũng dùng từ ngữ này trong Phúc âm Giảng để phản ánh các vấn nạn người tin Chúa gặp phải trong mỗi thời kỳ- Giảng 16:33.

▣ " đó chính là vinh quang của anh em " Chính xác những sự chịu khổ của Phao-lô (Ê-phê-sô 3:1) cho sự vinh quang của các hội thánh Người Ngoại này như thế nào chưa được bày tỏ. Có lẽ chúng chỉ đến sự cứu rỗi và nhiệm vụ trong chức vụ của ông trong Công Vụ 9:15-16 (Công Vụ 20:23). Phao-lô đã hoàn tất chức vụ của ông giữa vòng Người Ngoại, vì vậy, những sự chịu khổ của ông đã mở cánh cửa cho sự cứu rỗi của họ. Hãy xem bài viết đầy đủ về "vinh quang (sự vinh hiển)" tại Ê-phê-sô 1:6.

BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): Ê-PHÊ-SÔ 3:14-19

¹⁴ Vì lý do này, tôi quỳ gối trước mặt Cha; ¹⁵ nhờ Ngài mà mọi gia đình trên trời, dưới đất được đặt tên. ¹⁶ Tôi cầu xin Ngài, tùy sự phong phú của vinh quang Ngài, ban cho anh em năng lực bởi Thánh Linh Ngài, để con người bên trong của anh em trở nên mạnh mẽ; ¹⁷ và bởi đức tin, Đấng Christ ngự trong lòng anh em. Tôi cũng cầu nguyện để anh em đậm rễ và vững lập trong tình yêu thương; ¹⁸ để cùng với tất cả các thánh đồ, anh em có thể thấu hiểu chiều rộng, chiều dài, chiều cao, chiều sâu của tình yêu ấy, ¹⁹ và biết được tình yêu thương của Đấng Christ, là tình yêu vượt quá mọi sự hiểu biết, để anh em được tràn đầy mọi sự sung mãn của Đức Chúa Trời.

3:14 " Vì lý do này " Phao-lô quay trở lại với mục tiêu ban đầu của ông (Ê-phê-sô 3:1, sự cầu nguyện của ông):

Hãy chú ý phần tín lý bắt đầu với một lời cầu nguyện đến Đức Chúa Trời Ba Ngôi (Ê-phê-sô 1:3-14) và kết thúc với một lời cầu nguyện.

▣ " **tôi quỳ gối** " Tư thế đứng, chứ không phải quỳ, mới là tư thế thông thường cho sự cầu nguyện Do Thái. Câu này bày tỏ sự nhấn mạnh tăng cường của Phao-lô (Ma-thi-ơ 6:5; Mác 11:25; Lu-ca 18:11, 12; 22:41; Công Vụ 7:60; Phi-líp 2:10).

3:14-15 " Cha . . gia đình " Đây là một sự chơi chữ trên danh xưng Hy Lạp và *patria*. Hãy chú ý sự nhấn mạnh trên từ Cha, cũng như trong Ê-phê-sô 1:3-14. Đức Chúa Trời Đấng Tạo Hóa chính là hình mẫu cho tất cả mọi thực thể sống và đơn vị xã hội của chúng (các sắc tộc/ dân tộc).

3:14-17 " Cha . . Thánh Linh . . Đấng Christ " Hãy chú ý công việc của Ba Ngôi Đức Chúa Trời như trong Ê-phê-sô 1:3-14. Đúng là từ "Ba Ngôi" không được sử dụng trong Tân Ước. Tuy nhiên, có vô số những đoạn Kinh Thánh mà tại đó các thân vị Đấng Thánh được đề cập trong một văn mạch hiệp nhất (Ma-thi-ơ 3:16-17; 28:19; Giăng 14:26; Công Vụ 2:33-34,38-39; Rô-ma 1:4-5; 5:15; 8:9-10; 1 Cô-rinh-tô 12:4-6; 2 Cô-rinh-tô 1:21-22; 13:14; Ga-la-ti 4:4-6; Ê-phê-sô 1:3-14, 17; 2:18; 3:14-17; 4:4-6; 2 Tê-sa 2:13; Tít 3:4-6; 1 Phi-e-rơ 1:2; Giu-đe 1:20-21). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Ba Ngôi Đức Chúa Trời.

Bản dịch KJV thêm vào "Cha Đức Chúa Jesus Christ chúng ta," nhưng cụm từ này không có trong những bản thảo cổ Hy Lạp P⁴⁶, \aleph , A, B, C, cũng như những bản Kinh Thánh tiếng Hy Lạp được dùng bởi Jerome và Augustine. Sự thêm vào này xảy ra trong những bản thảo ông-xi-an \aleph^C , D, G, K, và những bản Kinh Thánh tiếng Hy Lạp được dùng bởi Chrysostom.

Khái niệm của ba ngôi thánh với một bản thể thánh (đức tin độc thần) thật khó để hiểu. Nhưng nếu như Chúa Jesus là Đấng Thánh và Đức Thánh Linh là một thân vị, thì các tín đồ Kinh Thánh bị buộc để khẳng định một sự hiệp một ba ngôi. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt Ba Ngôi Đức Chúa Trời tại Ê-phê-sô 1:3.

3:15 " trên trời, dưới đất " Cụm từ này chỉ về các tín đồ còn sống và đã qua đời (Phi-líp 2:10).

3:16-19 Lời cầu nguyện của Phao-lô có thể được chia dàn ý qua việc sử dụng hai chức năng ngữ pháp.

1. Ba mệnh đề mục đích (*hina*)

- a. Ê-phê-sô 3:16, Đức Chúa Trời sẽ ban cho (thể cầu khẩn thì bất định (aorist subjunctive))
- b. Ê-phê-sô 3:18, Đức Chúa Trời sẽ khiến cho họ có khả năng cách trọn vẹn (thể cầu khẩn thì bất định (aorist subjunctive))
- c. Ê-phê-sô 3:19b, Đức Chúa Trời sẽ đổ đầy (thể cầu khẩn thì bất định (aorist subjunctive))

2. Bốn nguyên mẫu thì bất định (aorist infinitive)

- a. Ê-phê-sô 3:16, "anh em trở nên mạnh mẽ "
- b. Ê-phê-sô 3:17, "Đấng Christ ngự trong lòng anh em "
- c. Ê-phê-sô 3:18, "anh em thấu hiểu"
- d. Ê-phê-sô 3:19, "anh em biết "

Đoạn văn này phản ánh lời cầu nguyện của Phao-lô cho các tín đồ trong tất cả các hội thánh rằng họ sẽ được vãng vàng và lập nên bởi quyền năng của Đức Chúa Trời qua những hành động của Đấng Christ và sự ban cho quyền năng của Đức Thánh Linh để chống lại (1) những giáo sư giả (2) và sự bắt bớ của một thế giới sa ngã.

3:16 " tùy sự phong phú của vinh quang Ngài " "Những sự giàu có (phong phú)" là một trong những thuật ngữ yêu thích của Phao-lô để mô tả về ân điển của Đức Chúa Trời nơi Đấng Christ (Ê-phê-sô 1:7,18; 2:4,7; 3:8,16). Bản tính của Đức Chúa Trời chính là chìa khóa then chốt của quyền năng và những sự chu cấp của Đức Chúa Trời.

▣ " **con người bên trong** " Sự tăng trưởng thuộc linh là từ bên trong, nhưng nó được thúc đẩy bởi những áp lực bên ngoài. Phao-lô thường sử dụng những sự tương phản giữa con người bên trong và con người bên ngoài. Con người bên trong chính là khía cạnh thuộc linh, trong khi con người bên ngoài chính là khía cạnh cơ thể vật lý. Con người bên trong chính là phần đã sẵn sàng hoàn tất cho Thời Đại Mới, vương quốc của Đức Chúa Trời, nhưng con người bên ngoài vẫn đang chết đi và gặp khó khăn với thời đại cũ, với bản chất sa ngã, và với hệ thống thế giới sa ngã (Ê-phê-sô 2:1-3).

3:17 " bởi đức tin, Đấng Christ ngự trong lòng anh em " Đây là một nguyên mẫu chủ động thì bất định (aorist active infinitive) vốn chỉ về một hành động đặc biệt của đức tin. Có một sự tuôn chảy trong Tân Ước giữa sự ngự

trong lòng của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh. Vai trò của Đức Thánh Linh (Giăng 14-16) chính là

1. Bày tỏ nhu cầu cho Chúa Jesus (tội lỗi của con người)
2. bày tỏ Chúa Jesus (phúc âm)
3. kéo đến với Chúa Jesus
4. báp-tem vào trong Chúa Jesus (1 Cô-rinh-tô 12:13)

5. hình thành nên Chúa Jesus trong các tín đồ (sự trở nên giống như Đấng Christ), Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Tâm Lòng tại Cô-lô-se 2:2 Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Chúa Jesus và Đức Thánh Linh tại Cô-lô-se 1:26.

▣ " **đâm rẽ** " Đây là một phân từ bị động thì hoàn thành (Perfect passive participle) vốn có thể được dịch là "đã và sẽ tiếp tục đâm rẽ bởi Đức Chúa Trời." Phao-lô sử dụng ẩn dụ nông nghiệp này chỉ ở đây và trong Cô-lô-se 2:7. Hai phân từ bị động thì hoàn thành (Perfect passive participle) này là một cách bày tỏ sự tự tin của ông nơi các tín đồ và các hội thánh ấy.

▣ " **vững lập** " Đây là phân từ bị động thì hoàn thành (Perfect passive participle) thứ hai. Đây là một ẩn dụ trong ngành xây dựng. Cùng một sự pha trộn những ẩn dụ nông nghiệp và xây dựng được tìm thấy trong Ê-phê-sô 2:20-22 và 1 Cô-rinh-tô 3:9.

3:18-19 " thấu hiểu. . . biết được " Cả hai đều là những nguyên mẫu thì bất định (aorist infinitive) (có bốn nguyên mẫu thì bất định (aorist infinitive) trong bài cầu nguyện này, Ê-phê-sô 3:16-19). Sự nhấn mạnh vào sự nhận biết chống lại những tuyên bố tri thức độc chiếm của những giáo sư giả Trí Huệ Giáo. Nó có thể chỉ đến sự mầu nhiệm vừa mới được bày tỏ của Đức Chúa Trời, sự hiệp nhất của Người Do Thái và Dân Ngoại trong Đấng Christ (Ê-phê-sô 3:9).

3:18 " có thể " Đây là mệnh đề mục đích (purpose clause) thứ hai. Phao-lô đang cầu nguyện rằng mọi tín đồ sẽ được khiến trở nên mạnh mẽ và ban cho khả năng có thể thấu hiểu phúc âm ("thấu hiểu" và "biết được").

▣ " **cùng với tất cả các thánh đồ** " Thuật ngữ này luôn ở số nhiều, ngoại trừ trong Phi-líp 4:21, vốn cũng có một văn mạch chỉ về tập thể. Trở nên một Cơ Đốc Nhân chính là việc ở trong cộng đồng. Cũng hãy chú ý rằng ý muốn của Đức Chúa Trời chính là sự trưởng thành của tất cả tín đồ (Ê-phê-sô 4:13). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Các thánh đồ tại Cô-lô-se 1:2.

3:19 " vượt quá " Tình yêu của Đấng Christ là vĩ đại hơn sự hiểu biết của con người! *Huperballō*. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Cách Sử Dụng Những Từ Ghép *Huper* của Phao-lô tại Ê-phê-sô 1:19. Từ này được sử dụng trong Ê-phê-sô 1:19; 2:7; và 3:19. Một từ ghép *huper* khác được sử dụng trong Ê-phê-sô 3:20 (*huperekperissou*), vốn cũng được dùng trong 1 Tê-sa 3:10 và 5:13.

▣ " **được tràn đầy mọi sự sung mãn của Đức Chúa Trời** " Đây là lần sử dụng thứ ba mệnh đề mục đích (purpose clause) trong lời cầu nguyện này. Điều này không chỉ về sự ngự trong của Đấng Christ hoặc Đức Thánh Linh, Ê-phê-sô 3:17, nhưng là một cách chơi chữ với những sự dạy dỗ của Trí Huệ Giáo, là những người nhấn mạnh sự đầy trọn (*plērōma*) như một tri thức đặc biệt vốn khiến cho một người có khả năng vượt qua những lãnh vực thiên sứ (*aeons*) để đến với thiên đàng. Đấng Christ chính là "sự đầy trọn của Đức Chúa Trời" (Ê-phê-sô 1:23; Cô-lô-se 2:9).

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): Ê-PHÊ-SÔ 3:20-21

²⁰ Đức Chúa Trời là Đấng hành động trong chúng ta bằng quyền năng Ngài, có thể làm trở hơn bội phần mọi điều chúng ta cầu xin hoặc suy tưởng. ²¹ Nguyện Ngài được tôn vinh trong Hội Thánh và trong Đấng Christ Jêsus trải qua mọi thế hệ, cho đến đời đời vô cùng! A-men.

3:20 " Đức Chúa Trời là Đấng ...có thể làm " Câu này bắt đầu một bài tán dương kỳ diệu vốn kết thúc phần tín lý của lá thư được gửi rộng rãi cho các hội thánh này. Đây là một danh xưng kỳ diệu của Đức Chúa Trời được sử dụng ba lần trong Tân Ước (Rô-ma 16:25; Giu-đe 24). Mỗi phần Kinh Thánh này nói về một khía cạnh khác nhau của những hành động của Đức Chúa Trời.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ NGỢI KHEN, CẦU NGUYỆN VÀ CẢM TẠ ĐỨC CHÚA TRỜI CỦA PHAO-LÔ

Phao-lô là người hay ngợi khen. Ông biết rõ Cựu ước. Mỗi phần trong bốn phần đầu của sách Thi-thiên đều kết thúc với bài chúc tụng Chúa (Thi-thiên 41:13; 72:19; 89:52; 106:48). Ông ngợi khen và chúc tụng Đức Chúa Trời qua nhiều cách khác nhau.

1. Những đoạn mở đầu của các lá thư
 - a. Lời chúc phước và chào thăm ban đầu (Rô-ma 1:7; I Cô-rinh-tô 1:3; II Cô-rinh-tô 1:2)
 - b. Những lời chúc phước mở đầu (*eulogetos*, II Cô-rinh-tô 1:3-4; Ê-phê-sô 1:3-4)
2. Những tiếng khen ngợi chọt bật lên
 - a. Rô-ma 1:25; 9:5
 - b. II Cô-rinh-tô 11:31
3. Những lời chúc tán Chúa (thể hiện qua cách dùng chữ (1) *doxa* (vinh hiển) và (2) “đời đời”)
 - a. Rô-ma 11:36; 16:25
 - b. Ê-phê-sô 3:20-21
 - c. Phi-líp 4:20
 - d. I Ti-mô-thê 1:17
 - e. II Ti-mô-thê 4:18
4. Cảm tạ (*eucharisteo*)
 - a. Mở đầu các lá thư (Rô-ma 1:8; I Cô-rinh-tô 1:4; II Cô-rinh-tô 1:11; Ê-phê-sô 1:16; Phi-líp 1:3; Cô-lô-se 1:3,12; I Tê-sa-lô-ni-ca 1:2; II Tê-sa-lô-ni-ca 1:3; Phi-lê-môn 4; I Ti-mô-thê 1:12; II Ti-mô-thê 1:3)
 - b. Kêu gọi dâng lời cảm tạ (Ê-phê-sô 5:4,20; Phi-líp 4:6; Cô-lô-se 3:15,17; 4:2; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:18)
5. Những lời bật lên sự cảm tạ
 - a. Rô-ma 6:17; 7:25
 - b. I Cô-rinh-tô 15:57
 - c. II Cô-rinh-tô 2:14; 8:16; 9:15
 - d. I Tê-sa-lô-ni-ca 2:13
 - e. II Tê-sa-lô-ni-ca 2:13
6. Các lời chúc phước kết thúc
 - a. Rô-ma 16:20,24 (?)
 - b. I Cô-rinh-tô 16:24
 - c. II Cô-rinh-tô 13:14
 - d. Ga-la-ti 6:18
 - e. Ê-phê-sô 6:24

Phao-lô biết Đức Chúa Trời Ba Ngôi cả về phương diện thần học và thực nghiệm. Trong các thư tín của ông, ông bắt đầu với những lời cầu nguyện và ngợi khen. Ngay giữa những lời trình bày Phúc âm, ông tự dung thốt lên những tiếng cảm tạ và ngợi khen. Ở cuối những lá thư, ông cũng luôn nhớ cầu nguyện, cảm tạ, và ngợi khen Đức Chúa Trời. Các thư tín Phao-lô đượm nhuần những lời cầu nguyện, cảm tạ và ngợi khen. Ông nhận biết Đức Chúa Trời, chính mình, và Phúc âm.

NASB, NKJV	"phong phú quá đôi"
NRSV	"phong phú vượt trội"
TEV	"nhiều quá đôi"
NJB	"nhiều hơn vô hạn"

Đây là một từ ghép so sánh nhất đặc trưng của Phao-lô có nghĩa là, "phong phú, vượt trội quá đôi" (I Tê-sa 3:10; 5:13). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Cách Sử Dụng Những Từ Ghép *Huper* của Phao-lô trong Ê-phê-sô 1:19. Nó là một cấu trúc ngữ pháp không tốt, nhưng là một nền tảng thần học vĩ đại, tuyệt vời!

▣ "**Đấng hành động trong chúng ta bằng quyền năng Ngài,**" Đây là một sự chỉ đến sự ngự trong của Đấng Christ qua Đức Thánh Linh (Ê-phê-sô 3:7, 16-17; Ga-la-ti 2:20; Cô-lô-se 1:27). Sự ngự trong vĩnh viễn của Đức Thánh Linh trong mỗi và mọi tín đồ này chính là sự khác nhau giữa Cựu Ước và Tân Ước, "tâm lòng mới", "tâm trí mới," và "tâm linh mới" (Ê-xê-chi-ên 36:26-27).

3:21 " được tôn vinh trong Hội Thánh và trong Đấng Christ Jêsus " Đây là chỗ được tôn cao của Cô Dâu và Thân Thể của Đức Chúa Jesus, Hội Thánh (Ê-phê-sô 1:23), dân sự được chuộc mua bởi huyết Ngài, được đổ đầy

bởi Thánh Linh! Thuật ngữ "hội thánh" được hình thành từ hai từ Hy Lạp, "ra khỏi" và "gọi." Nó được sử dụng trong văn hóa Hy-La cho những buổi họp của thành phố (Công Vụ 19:32). Trong đời sống của người Do Thái, từ này được sử dụng để dịch khái niệm rất quan trọng về mặt thần học "hội chúng Y-sơ-ra-ên" hay *qahal* (Xuất 12:6; 16:3; Lê-vi Ký 4:13; Dân Số Ký 14:5; 20:6; Phục Truyền 5:22; 9:10; 10:4; 18:16). Những tín đồ đầu tiên xem chính mình như là "dân sự của Đức Chúa Trời" thật sự và tiếp diễn (Ga-la-ti 6:16; 1 Phi-e-rơ 2:5-9; Khải Huyền 1:6).

▣ " cho đến đời đời vô cùng " Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỜI ĐỜI (THÀNH NGỮ HY LẠP)

Một thành ngữ Hy-lạp phổ biến là "cho đến đời đời" (cf. Luke 1:33; Rom. 1:25; 11:36; 16:27; Gal. 1:5; 1 Tim. 1:17), có thể tương đương với thuật ngữ tiếng Hê-bơ-rơ 'olam. Than khảo Robert B. Girdlestone, *Synonyms of the Old Testament*, pp. 319-321, và Chủ đề đặc biệt Đời Đời [Forever ('Olam)].

Một thành ngữ "đến bao giờ" "mãi mãi" (cf. Matt. 21:19; Mark 11:14; Luke 1:55; John 6:58; 8:35; 12:34; 13:8; 14:16; 2 Cor. 9:9) và "qua mọi thế hệ đến vô cùng" (cf. Eph. 3:21). Không có sự khác biệt giữa các thuật ngữ này, dù số nhiều hay số ít dùng cho "đời đời". Thuật ngữ "các đời" có thể ở SỐ NHIỀU với một nghĩa bóng của cấu trúc ngữ pháp của các Ra-bi, được gọi là "SỐ NHIỀU CỦA SỰ VĨ ĐẠI", hoặc cũng có thể liên hệ tới khái niệm của một vài thời đại trong nghĩa Do Thái của "thời đại của sự gian ác" "thời đại của sự cộng chính (xem chủ đề đặc biệt "Kỷ Nguyên Hiện Tại và Kỷ Nguyên Sẽ Đến".

▣ " A-men " Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHỮ 'AMEN'

I. CỤU ƯỚC

A. Chữ "Amen" lấy từ chữ Hê-bơ-rơ có nghĩa là lẽ thật (*emeth*) hay tính chân thật (*emun, emunah*), và đức tin hay sự thành tín.

1. "lẽ thật" (*emeth*, BDB 49)
2. "sự chân thật" (*emun, emunah*, BDB 53)
3. "đức tin" hoặc "sự trung tín"
4. "tin cậy" (*dmn*, BDB 52)

B. Gốc của chữ này lấy từ hình ảnh của một người có thể đứng vững chắc. Đối lập với nó là một người không vững vàng, bị trượt ngã (Phục truyền 28:64-67; 38:16; Thi thiên 40:2; 73:18; Giê-rê-mi 23:12) hay là vấp ngã (Thi thiên 73:2). Từ cách dùng theo nghĩa đen này, từ ngữ này đã phát triển mở rộng theo cách trừu tượng hơn với ý nghĩa thành tín, trung thành, đáng tin cậy (Sáng thế ký 15:16; Ha-ba-cúc 2:4).

C. Các cách dùng đặc biệt khác:

1. Một cột trụ, II Các Vua 18:16 (I Ti-mô-thê 3:15)
2. Sự xác nhận, Xuất Ê-díp-tô ký 17:12
3. Sự vững chãi, Xuất Ê-díp-tô ký 17:12
4. Sự vững bền, Ê-sai 33:6; 34:5-7
5. Sự thật, I Các Vua 10:6; 17:24; 22:16; Châm ngôn 12:22
6. Sự vững vàng, II Sử ký 20:20; Ê-sai 7:9
7. Tin cậy (luật pháp) Thi thiên 119:43, 142, 151, 168

D. Trong Cựu ước, hai từ ngữ Hê-bơ-rơ khác được dùng để chỉ một đức tin sống động:

1. *Bathach*, tin cậy
2. *Yra*, kính sợ, kính trọng, thờ phượng (Sáng thế ký 22:12)

E. Từ ý nghĩa tin cậy hay đáng tin đã phát triển cách dùng trong nghi lễ chỉ sự xác tín một lời nói thật hay đáng tin của một người (Phục truyền 27:15-26; Nê-hê-mi 8:6; Thi thiên 41:13; 70:19; 89:52; 106:48).

F. Chìa khóa thần học để hiểu ý nghĩa từ ngữ này không nằm ở sự trung thành của con người mà là ở sự thành tín của Đức Chúa Trời (Xuất 34:6; Phục truyền 32:4; Thi thiên 108:4; 115:1; 117:2; 138:2). Niềm hy vọng duy nhất của con người sa ngã là sự trung thành trong giao ước thành tín thương xót của Đức Giê-hô-va và lời hứa của Ngài. Những người nhận biết Đức Giê-hô-va sẽ trở nên giống Ngài (Ha-ba-cúc 2:4). Kinh thánh là lịch sử và là quyển sách ghi lại thể nào Chúa phục hồi lại ảnh tượng của Ngài nơi con người (Sáng thế ký 1:26-27). Sự cứu rỗi phục hồi khả năng kết nối mối tương giao mật thiết với Đức Chúa Trời nơi con người. Đó là lý do tại sao chúng ta được tạo dựng nên.

II. TÂN ƯỚC

- A. Cách sử dụng chữ ‘amen’ như là lời kết xác tín sự đáng tin cậy của một câu nói trong nghi lễ là cách dùng thông thường trong Tân ước (I Cô-rinh-tô 14:16; II Cô-rinh-tô 1:20; Khải huyền 1:7; 5:14; 7:12).
- B. Cách sử dụng từ ngữ này để kết thúc lời cầu nguyện là cách dùng thông thường trong Tân ước (Rô-ma 1:25; 9:5; 11:36; 16:27; Ga-la-ti 1:5; 6:18; Ê-phê-sô 3:21; Phi-líp 4:20; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:18; I Ti-mô-thê 1:17; 6:16; II Ti-mô-thê 4:18).
- C. Chúa Jê-sus là người duy nhất sử dụng từ ngữ này (thường là lặp lại) để mở đầu một câu nói quan trọng (Lu-ca 4:24; 12:37; 18:17, 29; 21:32; 23:43).
- D. Từ ngữ này được dùng làm danh hiệu cho Chúa Jê-sus trong Khải huyền 3:14 (Có thể là danh hiệu Đức Giê-hô-va trong Ê-sai 65:16).
- E. Khái niệm sự thành tín hay đức tin, sự đáng tin cậy hay tin cậy được diễn tả qua từ ngữ Hy-lạp *pistos* hay *pistis*, là chữ được dịch sang tiếng Anh là tin cậy, đức tin, tin tưởng (trust, faith, believe).

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Phao-lô đã được học về thần học của chính ông như thế nào?
2. Tại sao Phao-lô gọi chính mình là "người nhỏ bé (hèn mọn) nhất trong các thánh đồ"?
3. Tại sao sự mâu nhiệm của Đức Chúa Trời lại bị ẩn giấu qua các thời kỳ quá khứ?
4. Mục đích của hội thánh đối với lãnh địa thiên sứ là gì?
5. Hãy liệt kê ba điều mà Phao-lô đã cầu xin Đức Chúa Trời ban cho các thánh đồ trong Ê-phê-sô 3:16-19.
6. Các Cơ Đốc Nhân được ngự trong lòng có nghĩa là gì?

Ê-PHÊ-SÔ 4

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự Hiệp Một của Thân Thể	Bước Đi Trong Sự Hiệp Một	Một Sự Thịnh Cầu để Giữ sự Hiệp Một của Đức Tin	Sự Hiệp Một của Thân Thể	Một Sự Kêu Gọi Hiệp Một
4:1-8	4:1-6 Spiritual Gifts 4:7-16	4:1-16	4:1-6 4:7-16	4:1-6 4:7-16
4:9-16				
Đời Sống Cũ và Mới	Con Người Mới	Một Lời Thịnh Cầu Để Bỏ Đi Sự Bước Đi Ngoại Đạo (4:17-5:20)	Đời Sống Mới Trong Đấng Christ	Đời Sống Mới Trong Đấng Christ
4:17-24	4:17-24	4:17-24	4:17-19 4:20-24	4:17-24
Những Nguyên Tắc cho Đời Sống Mới	Đừng Làm Buồn Lòng Đức Thánh Linh			
4:25-5:5	4:25-32	4:25-5:2	4:25-32	4:25-5:20

CHU KỶ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa đề dõ theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH 4:1-32

A. Đoạn 4 bắt đầu phần thực hành của lá thư ("bước đi," Ê-phê-sô 4:1, 17; 5:2,15). Tín lý phải ảnh hưởng trên đời sống. Lễ thật mang tính chất liên hệ! Sự cứu rỗi không phải là một sản phẩm, một chính sách bảo hiểm cháy nổ, hay một vé đi thiên đàng, nhưng là một mối quan hệ ăn năn/ đức tin liên tục với Đấng Christ vốn sẽ sản sinh sự trở nên giống như Đấng Christ.

B. Những câu 1-6 tập chú vào chủ đề của sự hiệp một của toàn bộ sách (Ê-phê-sô 1:10). Sự hiệp một của

các tín đồ dựa trên sự hiệp một của Đức Chúa Trời Ba Ngôi. Mỗi liên hệ cộng đồng của phúc âm thách thức tư tưởng độc chiếm của các giáo sư giả và của Người Do Thái. Những phẩm chất thuộc linh dẫn đến sự hiệp một được đề cập đến trong những câu 2-3. Sự hiệp một chính là trách nhiệm của tất cả mọi tín đồ. Sự hiệp một chính là lời cầu nguyện của Chúa Jesus (Giăng 17:11,21-22; cũng hãy chú ý Ê-phê-sô 4:23).

- C. Sự hiệp một phải được đeo đuổi một cách chủ tâm và liên tục bởi vì những sự ban cho ân tứ rất đa dạng của dân sự của Đức Chúa Trời. Mỗi một tín đồ đã được ban cho một món quà chức vụ hiệu quả tại sự cứu rỗi (1 Cô-rinh-tô 12:7,10). Thực chất rằng các tín đồ đã được ban cho những chức vụ của Chúa Jesus, chứ không phải là sự ban cho cá biệt mà cá nhân sở hữu, chính là điều then chốt, chìa khóa dẫn đến sự hiệp một trong hội thánh. Các tín đồ là một thân thể và phải thực hiện vai trò của họ cùng với nhau.
- D. Hội thánh hiện đại phương tây cần một cách vô cùng cấp thiết lẽ thật trong Ê-phê-sô 4:11-12. Những lãnh đạo của hội thánh chính là những món quà cho thân thể của Đấng Christ (hội thánh), được ban cho để giúp đỡ và khích lệ toàn bộ thân thể để thực hiện chức năng trong chức vụ. Chức vụ chính là nhiệm vụ của toàn bộ các tín đồ. Không có bất kỳ danh mục "giáo chức không ở trong hội thánh" nào trong Tân Ước. Nếu bạn là một Cơ Đốc Nhân, bạn là một người trong chức vụ được kêu gọi, ban cho ân tứ, trọn thời gian. Không phải tất cả đều được kêu gọi chuyên nghiệp, nhưng tất cả đều được kêu gọi để phục vụ! Nhiệm vụ của các lãnh đạo hội thánh (Ê-phê-sô 4:11) chính là huấn luyện dân sự của Đức Chúa Trời để làm công việc của chức vụ, vốn để truyền giảng cho người hư mất và giúp đỡ cho những người được cứu trở nên trưởng thành (Ê-phê-sô 4:12; Ma-thi-ơ 28:19-20).
- E. Ê-phê-sô 4:17-5:20 mô tả những tội lỗi những người ngoại đạo (Ê-phê-sô 4:17) hoặc những sự dạy dỗ của những giáo sư giả Trí Huệ Giáo Chống Lại Luật Pháp (Tự Do Phóng Túng). Đời sống của các tín đồ quan trọng then chốt đến nhường nào! Không có quả, cũng không hề có gốc rễ (Ma-thi-ơ 6; 7:15-23)! Sự sống đời đời có những đặc tính có thể quan sát được! Những cuộc đời đã được thay đổi và vẫn đang được thay đổi chính là bằng chứng cho sự cứu rỗi của họ (Gia-cơ; 1 Giăng).

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): Ê-PHÊ-SÔ 4:1-6

¹ Vậy, là một tù nhân trong Chúa, tôi nài khuyên anh em hãy sống một đời sống xứng đáng với sự kêu gọi mà Chúa đã kêu gọi anh em. ² Phải hết sức khiêm nhu, mềm mại và nhẫn nhục, hãy chịu đựng lẫn nhau trong tình yêu thương. ³ Cố gắng duy trì sự hiệp nhất của Thánh Linh bằng sợi dây hòa bình. ⁴ Chỉ có một thân thể, một Thánh Linh, cũng như anh em đã được kêu gọi đến cùng một hi vọng; ⁵ chỉ có một Chúa, một đức tin, một báp-têm; ⁶ chỉ có một Đức Chúa Trời, Cha của mọi người, Ngài ở trên mọi người, giữa mọi người và trong mọi người.

4:1 " một tù nhân của Chúa (trong Chúa) " Nguyên văn của cụm từ này là "trong Chúa." Đây là một lá thư trong tù của Phao-lô, có lẽ được viết tại Rô-ma vào đầu thập niên 60. Nó khác với 3:1, vốn chép là "tù nhân của Đấng Christ Jêsus." Phao-lô nhìn các tín đồ như một sự hoàn thiện trọn vẹn bởi Đấng Christ. Họ sống và hành động và có bản chất của mình ở trong Ngài (Gióp 12:10; Đa-ni-ên 5:23; Công Vụ 17:28).

☐ **" sống một đời sống xứng đáng (bước đi một cách xứng đáng) "** Câu này bắt đầu một phần thực hành của lá thư. Sự hiệp một được gìn giữ bởi những hành động tập chú chú ý của một đời sống trở nên giống như Đấng Christ (Ê-phê-sô 2:2, 10; 4:1,17; 5:2, 15; Cô-lô-se 1:10; 2:6). Đức Tin Cơ Đốc chính là một quyết định khởi đầu được đi theo bởi lối sống môn đồ hóa (một cánh cửa và một con đường, Ma-thi-ơ 7:13-14). Điều này dựa theo cùng một ý tưởng như sự định danh từ đầu tiên của hội thánh, "Đạo (con đường)" (Công Vụ 9:2; 19:9, 23; 22:4; 24:14, 22). Thuật ngữ "xứng đáng" được mô tả một cách tuyệt đẹp trong 1 Giăng 2:6.

Hãy chú ý rằng chúng ta bước đi một cách xứng đáng bởi vì sự kêu gọi của chúng ta, chứ không phải để nhận lấy sự kêu gọi ấy. Trật tự này dựa theo Ê-phê-sô 2:8-9, 10. Chúng ta làm điều lành bởi vì chúng ta được cứu bởi ân điển nhờ đức tin. Những việc lành và sự bước đi xứng đáng chỉ có thể thực hiện được bởi vì chúng ta đã được cứu rỗi và được Đức Thánh Linh ngự trong lòng chúng ta! Chúng là kết quả, không phải là phương tiện (Ê-phê-sô 2:8-9).

Sự cứu rỗi chính là cánh cửa được tiếp nối bởi một con đường! Nó là một món quà miễn phí được tiếp nối bởi một lối sống "phải trả giá bằng tất cả những gì chúng ta có".

▣ " **sự kêu gọi mà Chúa đã kêu gọi anh em** " Đây là một thể chỉ định thụ động thì bất định (aorist passive indicative). Sự kêu gọi luôn luôn đến từ Đức Chúa Trời (Giăng 6:44, 65). Từ "kêu gọi" về mặt từ nguyên liên hệ với thuật ngữ "hội thánh" trong Ê-phê-sô 3:21. Có một sự chơi chữ rõ ràng trên từ này (Ê-phê-sô 4:1 [hai lần] và 4 [hai lần]).

Các tín đồ được kêu gọi đến sự thánh khiết (Ê-phê-sô 1:4). Đây là một sự quân bình thần học cho tín lý sự tuyển chọn; nhân loại phải nhận được sự kêu gọi khởi đầu của Đức Chúa Trời (Ê-phê-sô 1:13). Đức Chúa Trời toàn năng đã lựa chọn để nhận lấy nhân loại sa ngã thông qua việc làm của Đấng Christ và sự đáp ứng ăn năn đức tin của họ (Mác 1:15; Công Vụ 3:16,19; 20:21). Sự kêu gọi toàn năng và sự đáp ứng cần thiết là hai cột trụ song hành thần học của cả những giao ước trong Cựu Ước và Tân Ước, nhưng trụ cột thứ ba chính là đời sống tin kính và giống Chúa. Đức Chúa Trời muốn một dân sẽ phản chiếu đặc tính của Ngài (những kẻ thánh, 1 Phi-e-rơ 1:13-25).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐƯỢC KÊU GỌI

Đức Chúa Trời luôn chủ động kêu gọi, lựa chọn và nài mời những người tin đến với Ngài (xem Giăng 6:44, 65; 15:16; I Cô-rinh-tô 1:12; Ê-phê-sô 1:4-5, 11). Từ ngữ "kêu gọi" được sử dụng trong một số ý nghĩa thần học sau:

- A. Trong Cựu Ước "kêu gọi bởi tên" luôn luôn trong một văn mạch của sự thờ phượng (Sáng 4:26; 12:8; 21:33; 26:25; Xuất 34:5).
- B. Tội nhân được kêu gọi đến sự cứu rỗi bởi ân điển của Đức Chúa Trời qua công tác đã được hoàn tất của Chúa Giê-xu và sự thuyết phục của Đức Thánh Linh (chữ *klētos*, xem Rôma 1:6-7; 9:24, vốn cũng có ý nghĩa thần học giống với I Cô-rinh-tô 1:1-2 và II Ti-mô-thê 1:9; II Phi-e-rơ 1:10).
- C. Tội nhân kêu cầu đến danh của Đức Chúa Trời để được cứu (chữ *epikaleō*, xem Công vụ 2:21; 22:16; Rôma 10:9-13). Từ ngữ này là thành ngữ trong cách thờ phượng Do Thái.
- D. Những tín đồ kêu cầu Danh Ngài trong những thời điểm khó khăn và khủng hoảng (Công Vụ 7:59).
- E. Những tín nhân được kêu gọi để sống giống Đấng Christ (chữ *klesis*, xem I Cô-rinh-tô 1:26; 7:20; Ê-phê-sô 4:1; Phi-líp 3:14; II Tê-sa-lô-ni-ca 1:11; II Ti-mô-thê 1:9)
- F. Những tín nhân được kêu gọi vào các công tác phục vụ Chúa (xem Công vụ 13:2; I Cô-rinh-tô 12:4-7; Ê-phê-sô 4:1).

4:2

- NASB, NRSV** "mọi sự khiêm nhường "
NKJV "mọi sự hạ mình "
TEV "hãy khiêm nhường"
NJB "hoàn toàn không còn tập chú vào bản thân "

Từ này bắt đầu một danh sách của những đức hạnh Cơ Đốc vốn sinh ra sự hiệp một. "Sự khiêm nhường" chính là đức hạnh Cơ Đốc độc nhất vốn không được bao gồm trong danh sách những đức hạnh của người Hy Lạp (Stoics). Cả Môi-se (Dân Số Ký 12:3) và Chúa Jesus (Ma-thi-ơ 11:29) đều được mô tả bởi thuật ngữ này. Phao-lô sử dụng nó một vài lần (Phi-líp 2:3; Cô-lô-se 2:18, 23; 3:12).

▣ " **khiêm nhu** " Từ này chỉ về "sức mạnh bên trong " giống như một con vật đã được thuần hóa. Bản KJV dịch nó là "nhu mì (meekness)." Những động vật hoang dã đã được thuần hóa để phục vụ cho con người. Các tín đồ cũng được "thuần hóa" để phục vụ lẫn nhau, không phải để cạnh tranh lẫn nhau. Sự tập chú ở đây là tập thể, cộng đồng, chứ không phải là cá nhân. Đức Chúa Trời không muốn bẻ gãy tinh thần của con người (Thi Thiên 139, Ngài đã dựng nên chúng), nhưng dẫn dắt năng lực của họ cho những mục đích của Ngài. Đây là một trong những ẩn dụ yêu thích của Phao-lô cho đời sống của người Cơ Đốc Nhân (1 Cô-rinh-tô 4:21; 2 Cô-rinh-tô 10:1; Ga-la-ti 5:23; 6:1; Cô-lô-se 3:12; 1 Ti-mô-thê 6:11; 2 Ti-mô-thê 2:25; Tít 3:2).

▣ " **nhẫn nhục** " Từ này là một từ yêu thích khác của Phao-lô (Rô-ma 2:4; 9:22; 2 Cô-rinh-tô 6:6; Ga-la-ti 5:22; Cô-lô-se 1:11; 3:12; 1 Ti-mô-thê 1:16; 2 Ti-mô-thê 3:10; 4:2). Các tín đồ kiên nhẫn với nhau bởi vì Đức Chúa Trời kiên nhẫn với họ. Cả sự khiêm nhu và kiên nhẫn đều là những bông trái của Đức Thánh Linh (Ga-la-ti 5:22-23).

▣ " **hãy chịu đựng lẫn nhau trong tình yêu thương** " Đây là một phân từ trung cách thì hiện tại (present middle participle). Chịu đựng là một từ khác mà Phao-lô thường xuyên sử dụng, mười hai lần trong những sách được

viết bởi ông. Cũng như cách Đức Chúa Trời đã kiên nhẫn chịu đựng những người chưa tin (Rô-ma 2:4; 9:22) các tín đồ nên tiếp tục xử lý với những lỗi lầm và điểm yếu (1 Ti-mô-thê 1:6) của những tín đồ khác trong cùng một cách đây ân điển như vậy. Các tín đồ cần phải đặt những người mà bởi họ Đấng Christ đã chết thế cho họ trước chính mình (Rô-ma 14:1-15:13; Ga-la-ti 5:22; Phi-líp 2:3; 4:5; Cô-lô-se 3:12-13). Sự tự bỏ chính mình thúc đẩy, khiến chúng ta trở nên giống như Chúa Jesus (1 Giăng 3:16), và là bằng chứng của sự đảo ngược của những khuynh hướng của sự sa ngã.

4:3

NASB	"chuyên cần gìn giữ "
NKJV	"cố gắng giữ "
NRSV	"cố gắng hết sức để gìn giữ "
TEV	"cố gắng hết khả năng để gìn giữ "
NJB	"làm hết sức mình để bảo tồn "

Đây là một phân từ chủ động thì hiện tại (present active participle) với một (động từ) nguyên mẫu chủ động thì hiện tại (present active infinitive). Bản New English Bible dịch cụm từ này là "không bỏ qua bất cứ một sự cố gắng nào." Sự hiệp một chính là một chủ đề quán xuyên được lặp lại thường xuyên trong toàn bộ cả lá thư, rất giống như thư Phi-líp. Sự hiệp một là ý muốn của Đức Chúa Trời dành cho hội thánh của Ngài (Giăng 17:11,21,23), nhưng nó phải là một sự đeo đuổi quyết liệt, liên tục, chủ tâm và cá nhân!

▣ " **sự hiệp nhất** " Hãy nhớ, mục tiêu là sự hiệp một, chứ không phải là sự đồng nhất! Phần Kinh Thánh này nhấn mạnh về sự hiệp nhất để bác bỏ sự nhấn mạnh Trứ Huệ Giáo trên (1) nhiều sự phát tỏa (emanations) (nhiều cấp bậc thiên sứ phát xuất tỏa ra từ thần linh chí cao) và (2) tư tưởng độc chiếm nhờ tri thức. Các tín đồ cần phải cảm nhận được nhu cầu của một sức khỏe mạnh mẽ của Thân Thể của Đấng Christ (hội thánh) và nhận lấy trách nhiệm cách cá nhân để gìn giữ, chăm sóc cho nó! Đây thật là một lẽ thật cần thiết trong thời đại của chúng ta của những đặc quyền và quyền lợi cá nhân cũng như những sự lựa chọn cá nhân!

▣ " **sợi dây hòa bình** " Các tín đồ có trách nhiệm cách cá nhân cho một sức khỏe và sinh lực bền bỉ chung của cả thân thể của Đấng Christ (hội thánh, Cô-lô-se 3:14-15 và 1 Cô-rinh-tô 12:7). Điều này có nghĩa chỉ trực tiếp đến anh em! Chỉ duy nhất sự thuận phục đang vận hành cho sự tốt lành cho toàn bộ cơ thể mới có thể duy trì sự bình an (Ê-phê-sô 5:21). Hãy xem ghi chú tại Ê-phê-sô 2:15.

4:4 " **một thân thể** " Phao-lô sử dụng ẩn dụ này thường xuyên trong Ê-phê-sô (Ê-phê-sô 2:16; 3:6; 4:4; cả trong Cô-lô-se 1:18). Cụm từ này chỉ đến hội thánh toàn cầu bởi vì bản chất được gửi rộng rãi của lá thư này (được gửi đến cho nhiều hội thánh khác nhau).

Hầu hết sử dụng thuật ngữ "hội thánh" trong Tân Ước chỉ đến những cộng đoàn hội chúng địa phương. Hội thánh toàn cầu được nhắc đến trong Ma-thi-ơ 16:18 và Ê-phê-sô. Sự nhấn mạnh ở trên sự hiệp một và hiệp nhất của toàn bộ dân sự và các hội thánh của Đức Chúa Trời.

▣ " **một Thánh Linh** " Từ này chỉ đến Đức Thánh Linh. Không có Đức Thánh Linh thì không thể nào biết được Đức Chúa Trời, cũng không thể đến với Đấng Christ cũng như sống một đời sống Cơ Đốc Nhân trong sự hiệp một (Giăng 16:8-15). Hãy xem ghi chú tại Ê-phê-sô 3:17. Những người Trứ Huệ Giáo khẳng định có một vài (loại) "linh" (*aeons*) (những cấp bậc bản chất thiên sứ).

Thuật ngữ "Ba Ngôi" không phải là một từ Kinh Thánh, nhưng khái niệm thì chắc chắn là khái niệm Kinh Thánh. Nó được bày tỏ trong nhiều đoạn Kinh Thánh (Ma-thi-ơ 3:16-17; 28:19; Giăng 14:26; Công Vụ 2:33-34,38-39; Rô-ma 1:4-5; 5:15; 8:9-10; 1 Cô-rinh-tô 12:4-6; 2 Cô-rinh-tô 1:21-22; 13:14; Ga-la-ti 4:4-6; Ê-phê-sô 1:3-14,17; 2:18; 3:14-17; 4:4-6; 2 Tê-sa 2:13; Tít 3:4-6; 1 Phi-e-rơ 1:2; Giu-đe 20-21) Nếu Chúa Jesus là Đấng Thánh và Thánh Linh là một thân vị, thì tư tưởng độc thần của Do Thái Giáo (Phục Truyền 6:4-6 nhưng cũng cần phải chú ý Ê-sai 63:9-10) phải được tái giải nghĩa trong sự sáng của một bản thể thánh nhưng ba sự bày tỏ mang tính chất thân vị, cùng hiện diện, cùng phụ thuộc nhau đời đời. Đây là một sự dạy dỗ từ Kinh Thánh mang tính chất bí ẩn màu nhiệm ở đây nhưng đồng thời cũng rất rõ ràng! Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-phê-sô 1:3.

▣ " **một hi vọng** " Phao-lô sử dụng từ này thường xuyên trong một vài nghĩa khác nhau nhưng có liên hệ với nhau. Thường nó liên hệ với sự hoàn tất trọn vẹn đức tin của tín đồ. Sự hoàn tất trọn vẹn là chắc chắn, nhưng yếu tố thời điểm là ở tương lai và chưa được biết. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Hy Vọng trong Cô-lô-se 1:5.

4:5 " **một Chúa** " Danh xưng này có cả hai, một bối cảnh Cựu Ước dùng cho YHWH (Xuất 3:14, Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Những Danh Xưng dùng cho Đấng Thánh tại Cô-lô-se 1:3), và một sự sử dụng Tân Ước liên hệ với

thần tính của Đức Chúa Jesus (Rô-ma 10:9; 1 Cô-rinh-tô 12:3; Phi-líp 2:9-11). Chỉ có một cách duy nhất để trở nên công chính với Đức Chúa Trời-đức tin nơi Đấng Christ (Giăng 1:9-18, 3:16; 10:7-18; 14:6; 20:31).

▣ " **một đức tin** " Cụm từ này chỉ về tín lý (Ga-la-ti 1:23; 3:23, 25; Phi-líp 1:27; Jude 3, 20), vốn phù hợp với văn mạch rộng hơn của sách Ê-phê-sô và Cô-lô-se, hoặc sự tin cậy cá nhân, vốn phù hợp với văn mạch ngay chỗ này nhất (Ga-la-ti 2:16; 3:6-9).

▣ " **một báp-têm** " Bởi vì Ba Ngôi Đức Chúa Trời được đề cập trong phần trước của văn mạch phần Kinh Thánh này, điều này có lẽ chỉ đến phép báp-têm bằng nước, vốn chính là một sự tuyên xưng đức tin công khai của hội thánh đầu tiên (Ma-thi-ơ 28:19; Rô-ma 10:9-13). Nó biểu tượng hóa sự chết đi với đời sống cũ và sự bắt đầu của một đời sống mới trong Đấng Christ (Rô-ma 6:4; Cô-lô-se 2:12).

Tuy nhiên, nó có thể chỉ đến sự báp tem bởi Đức Thánh Linh (Công Vụ 2:38; 1 Cô-rinh-tô 12:13). Ngay cả khi Thánh Linh được đề cập đến trong Ê-phê-sô 4:4, hai sự kiện khởi đầu này, một bên trong (báp-têm Thánh Linh) và một bên ngoài (báp-têm bằng nước), được liên hệ rất gần gũi với nhau trong Tân Ước.

4:6 " một Đức Chúa Trời, Cha của mọi người " Điều này có phần gây ngạc nhiên khi gọi Đức Chúa Trời là Cha (Ma-la-chi 2:10). Trong một nghĩa rất quan trọng toàn bộ nhân loại đều liên hệ với Đức Chúa Trời. Họ đã được dựng nên bởi Ngài, trong hình ảnh của Ngài và giống như Ngài (Sáng 1:26-27). Nhưng trong văn mạch này, sự tập chú không phải là sự sáng tạo, nhưng là sự tái sáng tạo, sự sinh ra lần thứ hai, sự cứu chuộc bởi những sự nỗ lực của Đức Chúa Trời Ba Ngôi (Ê-phê-sô 1:3-14). Toàn bộ nhân loại đều không đúng đắn với Đức Chúa Trời bởi những phương tiện của sự sáng tạo, nhưng chỉ bởi một sự ăn năn và đức tin cách cá nhân vào nơi công việc hoàn tất của Đấng Christ (Mác 1:15; Công Vụ 3:16, 19; 20:21).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THUYẾT ĐỘC THẦN

Con người đã luôn cảm thấy thực tế rằng có điều gì đó hơn chỉ là vật chất (bị ảnh hưởng bởi những điều vượt quá kiểm soát của họ, ví dụ như, bão tố, nguyệt thực và nhật thực, thời tiết, những điều xảy ra, cái chết, v.v...). Những nhà nhân loại học cho chúng ta biết rằng họ tìm kiếm những điều nơi huyết mọ những người nguyên thủy vốn có vẻ như để chuẩn bị cho đời sau, vốn được họ xem là một sự nối tiếp của đời này.

Văn hóa viết đầu tiên chính là Sumer (phía Nam Lưu Vực các dòng sông Tigris và Euphrates), bắt đầu vào khoảng 10,000 - 8,000 b.c. Họ viết những bài thơ để bày tỏ quan điểm của họ về các thần và sự tương tác của các vị thần ấy. Một lần nữa, rất giống với loài người với toàn bộ những sự yếu đuối của họ. Truyền thống của họ tồn tại trong dạng truyền miệng rất lâu trước khi chúng được viết xuống.

Đã có một sự phát triển thần học từ

1. Niềm tin bá vật giáo sang
2. Tôn giáo đa thần sang
3. Một thần tối cao (hoặc niềm tin nhị nguyên)

Khái niệm " Đức Tin Độc Thần " (duy nhất một và chỉ một Đức Chúa Trời có thần vị, và đạo đức mà không có nữ thần là vợ) chứ không chỉ là một vị "thần tối cao" của tôn giáo đa thần hoặc vị thần Tốt Lành của Nhị Nguyên Luận vùng Ba-Tur (Bái Hòa Giáo). Ngoài ra chỉ có một bất thường hiếm có và ngăn ngại về thuyết Độc Thần ở Ai cập (Amenhotep IV, cũng được gọi là Akhenaten, 1367-1350 hoặc 1386-1361 B.C., là kẻ thờ phượng Aten, thần mặt trời, như là vị thần duy nhất). Hãy xem sách của J. Assmann, *The Mind of Egypt*, ở trang 216-217.

Khái niệm này được thấy trong vài câu Cựu-ước.

1. "Không có ai như Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của chúng ta." Xuất Ê-gíp-tô Ký. 8:10; 9:14; Phục-truyền. 33:26; 1 Các vua. 8:23
2. "Không có ai ngoài Ngài" Phục-truyền. 4:35,39; 32:39; 1 Sa-mu-en. 2:2; 2 Sa-mu-en. 22:32; Ê-sai. 45:21; 44:6,8; 45:6,21
3. "Đức Giê-hô-va là một" Phục-truyền. 6:4; Rô-ma. 3:30; 1 Cô-rin-tô. 8:4,6; 1 Tim. 2:5; Gia-cơ 2:19
4. "Không một ai như Ngài," 2 Sa-mu-en. 7:22; Giê-rê-mi. 10:6
5. "Ngài duy nhất là Đức Chúa Trời," Thi-thiên. 86:10; Ê-sai. 37:16
6. "Trước Ta không có thần nào được tạo và sau Ta không có thần nào nữa. Ê-sai. 43:10
7. "không có một ai ngoài Ta... không có một ai" Ê-sai. 45:5,6,22
8. "Ngài là nguồn cội của muôn vật," Ê-sai 45:7 (A-môt 3:6)
9. "Không ai khác, Ta là Đức Giê-hô-va, ngoài Ta không một ai là Đức Chúa Trời," Ê-sai. 45:14,18
10. "Không có ai trừ Ta" Ê-sai. 45:21

11. "Không ai khác... không một ai như Ta." Ê-sai. 46:9

Khái niệm thuyết Độc Thần được phát triển theo thời gian: Ban đầu được gọi là Thuyết Độc thần thực tế: Tuy có nhiều vị thần, nhưng Đức Giê-hô-va duy nhất là Đức Chúa Trời cho chúng tôi. Xem Xuất Ê-gíp-tô Ký. 15:11; 20:2-5; Phục-truyền. 5:7; 6:4,14; 10:17; 32:12; 1 Các vua. 8:23; Thi-thiên. 83:18; 86:8; 136:1-9).

Những câu Kinh thánh đầu tiên gợi ý về Nhất Thần (Thuyết Độc Thần theo triết học) là Xuất Ê-gíp-tô Ký. 8:10; 9:14; Phục-truyền. 4:35,39; 33:26). Tuyên bố trọn vẹn về Thuyết Độc Thần được thấy trong Ê-sai 43-46 (Xem 43:11; 44:6,8; 45:7,14,18,22; 46:5,9).

The first texts that begin to denote a singularity (philosophical monotheism) are early (cf. Exod. 8:10; 9:14; 20:2-3; Deut. 4:35,39; 33:26). The full and complete claims are found in Isaiah 43-46 (cf. 43:10-11; 44:6,8; 45:7,14,18,22; 46:5,9).

Tân Ước làm mất đi giá trị của các thần trong các dân tộc khác như là

1. Chỉ những vật được tạo dựng bởi con Người creations – Phục 4:28; 2 Các Vua 19:18; Thi 115:4-8; 135:15-18; Ê-sai 2:8; 17:8; 37:19; 40:19; 41:7,24,29; 44:10,12; 46:6-7; Giê-rê-mi 10:3-5; Khải 9:10
2. Các quỷ – Phục 32:17; Thi 106:37; Ê-sai 8:19; 19:3c; 1 Cô-rinh-tô 10:20; Khải 9:20
3. Hư không, trống rỗng – Phục 32:21; 2 Các Vua 17:15; Ps. 31:6; Ê-sai 2:18; 41:29; Giê-rê-mi 2:5; 10:8; 14:22; Giê-rê-mi. 2:5; 8:19
4. Không có thần nào khác – Phục 32:21; 2 Sử Ký 13:9; Ê-sai 37:19; Giê-rê-mi 2:11; 5:7; 1 Cô-rinh-tô 8:4-5; 10:20; Khải 9:20

Tân-ước phản ánh Phục-truyền 6:4 trong Rô-ma. 3:30; 1 Cô-rin-tô. 8:4,6; Ê-phê-sô. 4:6; 1 Tim. 2:5; và Gia-cơ 2:19. Chúa Giê-su ấn chứng mạng lệnh đầu tiên trong Ma-thi-ơ. 22:36-37; Mác 12:29-30; Lu-ca 10:27. Cả Cựu-ước và Tân-ước khẳng định các thực tại thuộc linh khác như thiên sứ, ma quỷ, như chỉ nói về một Đấng Tạo Hóa và Cứu Rỗi, (Giê-hô-va Đức Chúa Trời) (YHWH, Sáng-thế-Ký. 1:1).

Thuyết Độc Thần theo Kinh Thánh có những đặc trưng như sau.

1. Đức Chúa Trời có một và độc đáo (Bản thể học được giả thiết, nhưng không được định nghĩa rõ ràng)
2. Đức Chúa Trời mang tính cá nhân (các thể) (Xem Sáng-thế-Ký. 1:26-27; 3:8)
3. Đức Chúa Trời có đạo đức (Xem Xuất Ê-gíp-tô Ký. 34:6; Nê-hê-mi 9:17; Thi-thiên. 103:8-10)
4. Đức Chúa Trời tạo dựng con người theo hình ảnh Ngài (Sáng-thế-Ký. 1:26-27) với mục đích tương giao (giống mục 2). Ngài là Đức Chúa Trời đố kỵ (Xem Xuất Ê-gíp-tô Ký. 20:5-6)

Từ trong Tân-ước được thấy:

1. Đức Chúa Trời có ba Ngôi Đấng Đấng một cách cá nhân (xem Chủ Đề Đặc Biệt: Ba Ngôi ở câu 8:1)
2. Đức Chúa Trời được mặc khải một cách trọn vẹn và tuyệt hảo qua Chúa Giê-su (Xem Giăng 1:1-14; Cô-lô-sê. 1:15-19; Hê-bơ-rơ. 1:2-3)
3. Đức Chúa Trời có chương trình cứu rỗi cho nhân loại sa ngã qua sự hy sinh chuộc tội của Chúa Giê-su (Ê-sai 53; Mác 10:45; 2 Cô-rin-tô. 5:21; Phi-líp. 2:6-11; Hê-bơ-rơ)

▣ " Ngài ở trên mọi người, giữa mọi người và trong mọi người " Tân Ước nhấn mạnh về bản chất tối cao của Cha (1 Cô-rinh-tô 3:23; 15:28). Văn mạch này là một ví dụ về việc Kinh Thánh đã kết hợp những hành động cứu chuộc của Ba Ngôi Đức Chúa Trời như thế nào. Ở đây, sự ngự trong của Đức Chúa Cha (Giăng 14:23) được nhấn mạnh. Trong Ma-thi-ơ 28:20 và Cô-lô-sê 1:27 Con ngự trong được nhấn mạnh. Tuy nhiên, ấy chính là Đức Thánh Linh là Đấng thường được trao nhiệm vụ (Giăng 14:17; Rô-ma 8:9). Khái niệm này mô tả về thẩm quyền ưu tiên một của Cha (Ê-phê-sô 1:3-14; Rô-ma 11:36). Trong Cô-lô-sê 1:16 cùng một từ này được áp dụng cho Con. Có một sự tuôn chảy và bình đẳng lưu thông giữa các ngôi của Ba Ngôi Đức Chúa Trời trong những hành động vốn mang lại sự cứu chuộc cho nhân loại.

Thuật ngữ "mọi (tất cả)" (*pas*) được lặp lại vài lần phục vụ cho sự nhấn mạnh. Về mặt cấu trúc ngữ pháp, từ này có thể mang tính trung tính (về giống), chỉ về toàn bộ cõi tạo vật, hoặc giống đực, chỉ về thân thể của Đấng Christ (hội thánh) cả về mặt tập thể hội chúng và cá nhân.

BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐÍNH 2010 (NASB (UPDATED)): Ê-PHÊ-SÔ 4:7-16

⁷ Nhưng ân điển đã được ban cho mỗi người chúng ta theo mức độ ban phát của Đấng Christ. ⁸ Vì vậy, có lời đã chép: "Ngài đã lên nơi cao, dẫn theo muôn vàn kẻ bị tù đầy, Và ban các ân tứ cho loài người." ⁹ Khi nói "Ngài đã lên" thì có nghĩa gì, nếu không phải là Ngài đã xuống trong các vùng thấp hơn ở dưới đất sao? ¹⁰ Đấng đã xuống tức là Đấng đã lên trên tất cả các tầng trời để làm đầy đầy mọi sự. ¹¹ Chính Ngài đã ban cho một số người làm sứ đồ, một số người làm nhà tiên tri, một số người khác làm nhà truyền giảng Tin Lành, một số người khác nữa làm mục sư và giáo sư, ¹² để các thánh đồ được trang bị cho công tác phục vụ và xây dựng thân thể Đấng Christ, ¹³ cho đến khi tất cả chúng ta đều đạt

đến sự hiệp nhất trong đức tin và trong sự hiểu biết Con Đức Chúa Trời, để trở nên người trưởng thành, đạt đến tầm vóc đầy tròn của Đấng Christ. ¹⁴ Như vậy, chúng ta sẽ không còn là trẻ con, bị dôi dấp và cuốn theo luồng gió học thuyết, bởi sự xảo quyệt của con người và những mảnh khoe lừa dối của họ. ¹⁵ Nhưng Ngài muốn chúng ta nói ra sự thật trong tình yêu thương, để chúng ta được tăng trưởng trong mọi phương diện hướng đến Đấng Christ, là đầu; ¹⁶ nhờ Ngài mà cả thân thể kết hợp và gắn chặt với nhau bởi những dây liên kết hỗ trợ. Khi mỗi phần hoạt động một cách thích hợp thì thân thể được tăng trưởng, và tự gây dựng trong tình yêu thương.

4:7 " ân điển đã được ban cho mỗi người chúng ta " Hãy chú ý sự chuyển giao giữa khía cạnh tập thể của hội thánh với khía cạnh cá nhân. Mỗi tín đồ đều có một ân tứ thuộc linh, được ban cho tại sự cứu rỗi bởi Đức Thánh Linh với mục đích tốt lành chung (1 Cô-rinh-tô 12:7, 11). Tân Ước liệt kê các ân tứ (1 Cô-rinh-tô 12:1-13, 28-29; Rô-ma 12:3-8; Ê-phê-sô 4:11) một cách đại diện, không phải hoàn toàn triệt để. Điều này có thể thấy từ việc thực chất việc liệt kê các ân tứ này và thứ tự mà chúng được liệt kê là khác nhau.

Các tín đồ thường phản tác dụng nếu chúng

1. khoe khoang về các ân tứ (sự ban cho) của họ
2. so sánh một ân tứ (sự ban cho) với một ân tứ khác khác
3. định nghĩa những đặc điểm chính xác của mỗi ân tứ

Tân Ước không dựa trên những điều này. Thực tế rằng, gia đình của những người phục vụ được kêu gọi, được trang bị với những sự ban cho (ân tứ), một vương quốc của những thầy tế lễ, mới là điểm (quan trọng mà Tân Ước tập chú vào) (1 Phi-e-rơ 2:5,9; Khải Huyền 1:6). Các tín đồ được gọi để phục vụ, chứ không phải cho đặc quyền!

▣ **" theo mức độ ban phát của Đấng Christ "** Chúa Jesus chính là món quà của Đức Chúa Trời ban cho nhân loại sa ngã. Nhân cách của Ngài ("những sự ban cho (ân tứ) của Đức Thánh Linh," 1 Cô-rinh-tô 12) và chức vụ của Ngài ("bông trái của Đức Thánh Linh," Ga-la-ti 5:22-23) được phân chia giữa vòng dân sự Ngài để đảm bảo chắc chắn sự đầy mạnh của phúc âm ở giữa sự hiệp một và hợp tác với nhau trong Đức Thánh Linh.

4:8 Đây là một phần trích từ Thi Thiên 68:18, vốn nguyên gốc chỉ đến YHWH (Đức Giê-hô-va). Cụm từ "ban những sự ban cho (ân tứ) được thấy trong những bản dịch Aramaic Targum, the Peshitta (Syriac), và Chaldee, trong khi "nhận những lễ vật từ con người" được thấy trong bản Masoretic Text (tiếng Hê-bơ-ơ) và Bản Bảy Mươi (bản dịch tiếng Hy Lạp). Phao-lô rõ ràng đã chọn lấy một bản dịch Cựu Ước vốn phản ánh những mục đích thần học của ông. Đức Chúa Trời trong Đấng Christ đã ban những sự ban cho cho dân sự của Ngài. Ngài đã trang bị những sự ban cho cho họ để phục vụ, chứ không phải một vị trí đặc quyền (Ma-thi-ơ 20:25-28; 23:1-12).

▣ **" dẫn theo muôn vàn kẻ bị tù đày "** Phần Kinh Thánh song hành trong Cô-lô-se (2:15) ngụ ý rằng câu này chỉ về một cuộc diễu hành chiến thắng quân sự La Mã, trong đó những lực lượng đã bị đánh bại được trưng ra. Ở đây nó chỉ đến chiến thắng của Đấng Christ trên những lực lượng thuộc linh thù nghịch của chốn không trung (có lẽ lên hệ đến khái niệm Trí Huệ giáo *aeons*).

4:9 Câu này chỉ về (1) Sự Nhập Thể (Phi-líp 2:6-11) hoặc (2) Chúa Jesus xuống Hades (Âm phủ) (Công Vụ 2:31; Rô-ma 10:6-7; hoặc có lẽ 1 Phi-e-rơ 3:18-20; 4:6; vốn được phản ánh trong những bài tín điều từ thời kỳ đầu của Hội Thánh "xuống âm phủ").

4:10 " trên tất cả các tầng trời " Đây làm một sự tương phản song hành với "những phần thấp của đất." Chúa Jesus rời bỏ thiên đàng để trở nên một con người. Ngài đã trở lại với thiên đàng tối cao như Đấng Cứu Thế chiến thắng. Chú ý thể số nhiều, "các tầng trời" (2 Cô-rinh-tô 12:2). Các ra-bi đã tranh luận rằng có ba hoặc bảy tầng trời (thiên đàng). Nó chỉ về sự hiện diện của Đức Chúa Trời hoặc nơi ngai vàng như trong Khải Huyền 4-5.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC TẦNG TRỜI

Trong Cựu Ước, từ Thiên Đàng thường có số nhiều (ví dụ., *shamayim*, BDB 1029). Từ Hê-bơ-ơ có nghĩa: "trên cao". Đức Chúa Trời ngự ở trên cao. Khái niệm này chỉ về sự thánh khiết và siêu việt của Chúa .

Sáng thế 1:1 Trời đất" thể số nhiều, Đức Chúa Trời tạo dựng (1) Bầu trời trên mặt đất, hoặc (2) đây là cách ám chỉ tất cả những gì thuộc linh và thuộc thể. Khi hiểu một cách cơ bản dựa theo các văn tự khác, not có thêm ý nghĩa các mức độ khác nhau của các bậc Thiên Đàng: Các tầng trời thái cổ Thi-thiên

68:33 hoặc trời và các tầng trời cao nhất (Phục Truyền) 10:4, I Sứ-ký. 8:27; Nê-hê-mi 9:6; Thi-thiên. 148:4). Các thầy dạy luật phỏng đoán

1. Có 2 thiên đàng (ví dụ., R. Judah, Hagigah 12b)
2. Có 3 thiên đàng (Test. Levi 2-3; Ascen. of Ê-sai 6-7; Midrash Tehillim on Thi Thiên 114:1)
3. có 5 thiên đàng (III Baruch)
4. Có bảy thiên đàng (R. Si-monb. Lakish; II Enoch 8; Ascen. of Ê-sai 9:7)
5. Có mười thiên đàng (II Enoch 20:3b; 22:1)

Tất cả đều muốn giới thiệu Đức Chúa Trời khác biệt khỏi tạo hóa thuộc thể và sự siêu việt của Ngài. Thường các thầy Do-thái giáo chấp nhận 7 thiên đàng. A. Cohen, *Everyman's Talmud* (p. 30), nói đây là sự kết nối với các vàng thiên văn, nhưng tôi nghĩ rằng con số bảy tương trưng cho sự trọn vẹn, (ví dụ bảy ngày tạo hóa kết thúc bởi sự nghỉ ngơi của Đức Chúa Trời trong Sáng thế).

Phao-lô, in II Cô-rin. 12:2, nhắc đến thiên đàng thứ ba, (tiếng Hy-lạp *ouranos*) như một cách mô tả Đức Chúa Trời hiện diện một cách huy. Phao-lô có cuộc gặp gỡ một cách cá nhân với Đức Chúa Trời!

▣ " **để làm đầy đầy mọi sự** " Chúa Jesus đến để ứng nghiệm kế hoạch đời đời của Đức Chúa Trời của sự hiệp nhất và cứu chuộc toàn bộ nhân loại cũng như là sự sáng tạo thuộc thể (vật chất) của Đức Chúa Trời (Rô-ma 8:19-21). Từ này "đầy" (*plēroō*, Ê-phê-sô 1:23; 3:19; 4:10; 5:18) đã là một từ đặc biệt được sử dụng bởi các giáo sư giả để mô tả về các cấp bậc thiên sứ (*aeons*). Sự cứu rỗi không phải là kiến thức con người nhưng là một đức tin ăn năn vào nơi công tác đã được hoàn thành của Đấng Christ – sự nhập thể, cuộc đời, những sự dạy dỗ, sự đóng đinh, sự sống lại, thăng thiên, cầu thay và sự trở lại đã được hứa của Ngài.

4:11

NASB	"Ngài đã ban"
NKJV	"Ngài, chính Minh Ngài đã ban "
NRSV	"những sự ban cho Ngài đã ban"
TEV	"Ấy chính là Ngài Đấng đã ban những sự ban cho cho con người,"
NJB	"và đối với một số người, sự ban cho của Ngài là "

Đấng Christ Chính Minh Ngài, hoặc hơn nữa là Ba Ngôi Đức Chúa Trời (Ê-phê-sô 4:4-6; 1 Cô-rinh-tô 12:4-6), đã ban những ân tứ thuộc linh cho dân sự của Ngài/ của Ba Ngôi Đức Chúa Trời.

Các tín đồ đều là những người phục vụ được trang bị những sự ban cho. Một số người là lãnh đạo, nhưng tất cả đều là những người phục vụ. Chúng ta được cứu để phục vụ.

Có vài danh sách những ân tứ thuộc linh trong những tác phẩm của Phao-lô (1 Cô-rinh-tô 12: 8-10, 28-30; Rô-ma 12:6-8; Ê-phê-sô 4:11). Những danh sách này không đồng nhất với nhau. Điều này ngụ ý rằng danh sách này không triệt để, nhưng mang tính đại diện. Đối với Phao-lô, những ân tứ chính là những khía cạnh của chức vụ của Chúa Jesus đã được trao cho thân thể của Ngài (hội thánh) để tiếp nối chức vụ của Ngài. Tân Ước không bao giờ đưa ra một danh sách mang tính chất định nghĩa của những món quà hoặc một hướng dẫn cho các tín đồ để họ biết về những ân tứ họ được trao cho. Sự tập chú ở đây không phải là nhận diện những ân tứ, nhưng là khía cạnh đa dạng khác nhau của chức vụ. Một trong những sự hướng dẫn thực hành tốt nhất để biết được về ân tứ thuộc linh của một người được thấy trong quyển sách của IVP có tên là "Affirming the Will of God" được viết bởi Paul Little.

Cùng những sự hướng dẫn để nhận biết được ý muốn của Đức Chúa Trời được áp dụng cho việc khám phá ra ân tứ thuộc linh của một người.

▣ " **sứ đồ** " Đây là sự sử dụng tiếp nối của thuật ngữ trước đó "Nhóm Mười Hai (Sứ Đồ)" (Công Vụ 14:4, 14, Ba-na-ba; Rô-ma 16:7, An-trô-ni-cơ và Giu-ni-a; 1 Cô-rinh-tô 4:6, 9; 12:28-29; 15:7, A-bô-lô; Phi-líp 2:25, Êp-ba-phô-đích; 1 Tê-sa 2:6, Sin-vanh và Ti-mô-thê). Nhiệm vụ chính xác của họ là không rõ ràng, nhưng nó liên hệ đến sự truyền rao phúc âm và sự lãnh đạo (với tinh thần) tôi tớ trên hội thánh. Thậm chí có khả năng rằng Rô-ma 16:7 (KJV "Giu-ni-a") chỉ về một nữ sứ đồ!

▣ " **nhà tiên tri** " Chức năng chính xác của những tín đồ được trang bị những ân tứ (sự ban cho) này cũng không rõ ràng (Công Vụ 11:28; 21:9-11; 15:32). Họ không giống với những tiên tri Cựu Ước là những người đã viết Cựu Ước. Các tiên tri Tân Ước áp dụng Kinh Thánh cho những bối cảnh mới và khác biệt. Họ được liên kết với các sứ đồ, các nhà truyền giáo, mục sư, giáo sư bởi vì tất cả họ đều công bố phúc âm, nhưng với những sự nhấn mạnh khác nhau. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-phê-sô 2:20.

▣ " **nhà truyền giảng Tin Lành** " Thật đáng ngạc nhiên, trong ánh sáng của Ma-thi-ơ 28:19-20, ân tứ này được đề cập duy nhất ba lần trong Tân Ước. Nhiệm vụ của họ trong hội thánh đầu tiên, cũng giống như hai chức vụ đầu, là không rõ ràng (Công Vụ 21:8; 2 Ti-mô-thê 4:5), nhưng một lần nữa rõ ràng liên quan đến việc công bố phúc âm và sự lãnh đạo tôi tớ. Có khả năng rằng ba (chức vụ) lãnh đạo được ban cho ân tứ đầu tiên này đã có những công tác lưu động hoặc vùng miền địa phương.

▣ " **mục sư và giáo sư** " Danh xưng "trưởng lão" (*presbuteroi*), "giám mục" (*episkopoi*), và "mục sư" (*poimenas*) tất cả đều chỉ về một chức năng và chức vụ sau này (Công Vụ 20:17, 28; và Tít 1:5-7). Thuật ngữ "trưởng lão" có một nền tảng Cựu Ước, trong khi từ "giám mục" hoặc "người coi sóc" có một bối cảnh thể chế-thành phố Hy Lạp. Cấu trúc Hy Lạp (một liên từ (conjunction) [*de*] và một mạo từ (article) [*tous*]) liên hệ hai danh xưng này với nhau như một chức năng duy nhất, một người được ban ân tứ để công bố và bày tỏ phúc âm trong một bối cảnh địa phương.

Thật thú vị rằng trong Rô-ma 12:7 và 12:28 các giáo sư được liệt kê như một ân tứ riêng biệt và các mục sư không hề được nhắc đến một chút nào (ngoại trừ khi nó là "ai gánh việc khuyên bảo" trong Rô-ma 12:8). Có quá nhiều điều mà chúng ta là những người hiện đại không biết về hội thánh đầu tiên.

4:12

NASB	"Cho việc trang bị cho các thánh đồ cho công việc của sự phục vụ"
NKJV	"Cho việc trang bị cho các các thánh đồ cho công việc của sự phục vụ"
NRSV	" để trang bị cho các thánh đồ cho công việc của sự phục vụ "
TEV	"Ngài đã làm để chuẩn bị cho toàn bộ dân sự của Đức Chúa Trời cho công việc của sự phục vụ của Cơ Đốc Nhân"
NJB	"để rằng các thánh đồ cùng với nhau có thể gây dựng sự hiệp một trong công việc phục vụ"

Các on lãnh đạo là những ân tứ của Đức Chúa Trời được ban cho để huấn luyện Thân Thể của Đấng Christ cho công việc của chức vụ! Hội thánh cần phải tái nhận lãnh quyền năng, sự ban cho ân tứ và sự giao nhiệm vụ theo Kinh Thánh của tất cả các thành viên của hội thánh (những giáo chức- người bình thường, người già-trẻ, nam-nữ, Giô-ên 2:28 được trích lại trong bài giảng vào Lễ Ngũ Tuần trong Công Vụ 2). Tất cả mọi Cơ Đốc Nhân đều là những người phục vụ trọn-thời-gian, được-kêu-gọi-bởi-Đức Chúa Trời, và được-trang-bị-ân-tứ-bởi-Đức Chúa Trời.

Từ "trang bị" có nghĩa là gây ra một điều gì đó để sẵn sàng cho những mục đích được giao. Nó được sử dụng cho:

1. những chi (chân tay) đã bị gãy đã được chữa lành và khiến trở nên hữu dụng một lần nữa
2. những lưới đánh cá đã bị xé rách được sửa chữa và bởi đó có thể bắt cá.
3. Những con tàu được căng thừng và buồm và giương buồm ra khơi
4. Những con gà đã đủ lớn để có thể mang ra chợ bán

Cũng hãy chú ý mục đích này không chỉ của những tín đồ trưởng thành, nhưng là tất cả (mọi tín đồ (Ê-phê-sô 4:13). Để xem về "các thánh đồ" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Cô-lô-se 1:2.

Những ân tứ được ban cho mọi tín đồ phục vụ cho mục đích tốt lành chung (1 Cô-rinh-tô 12:7,11). Mọi tín đồ đều là những người phục vụ được kêu gọi, trang bị các ân tứ, trọn thời gian của Đấng Christ. Không phải tất cả đều là những người hầu việc Chúa "chuyên biệt", nhưng tất cả đều là những người phục vụ (hầu việc-tôi tớ). Hội thánh hiện đại trở nên khập khiễng (què quặt) bởi (1) một tinh thần chức sắc/ người thường và (2) tư tưởng của sự cứu rỗi như một sản phẩm thay vì một tiến trình có tính chất liên hệ của sự hầu việc/ phục vụ!!!

▣ " (và để) **xây dựng thân thể Đấng Christ** " Phao-lô pha trộn ẩn dụ về xây dựng của ông (Ê-phê-sô 2:20-27) với ẩn dụ về cơ thể của (Ê-phê-sô 1:23; 4:12; 5:30). Các tín đồ được trang bị ban cho các ân tứ để phục vụ cho lợi ích chung, không phải cho sự tán dương cá nhân (1 Cô-rinh-tô 12:7). Sự tập chú không phải trên cá nhân nhưng trên thân thể (hội chúng) (Ê-phê-sô 4:4-6). Các ân tứ thuộc linh chính là những chiếc khăn tôi tớ, chứ không phải những quân hàm, phù hiệu công trạng! Các tín đồ là những chú ong thợ! Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự soi sáng tại Ê-phê-sô 2:21.

4:13 " cho đến khi tất cả chúng ta đều đạt đến " Đây là một thể giả định chủ động thì bất định (aorist active subjunctive) vốn chỉ về một khía cạnh của việc có thể xảy ra hoặc không xảy ra. Nó nguyên văn có nghĩa là "đến đích." Hãy chú ý rằng "tất cả" nói về một trách nhiệm tập thể (hội chúng). Chú ý ba khía cạnh của sự trưởng thành được liệt kê: (1) sự hiệp một của đức tin; (2) sự nhận biết Con của Đức Chúa Trời; bước vào trong một (3) sự trưởng thành trở nên giống như Đấng Christ. Cũng, hãy chú ý mục tiêu không phải là một vài người trưởng

thành, nhưng là tất cả!

▣ " **sự hiểu biết** " Đây là một từ ghép Hy Lạp (*epiginōskō*), vốn ngụ ý về một tri thức được trải nghiệm hoàn toàn. Đây là một sự chối bỏ rõ ràng những sự nhấn mạnh của các giáo sư giả Trí Huệ Giáo về một tri thức bí mật, độc chiếm. Sự nhận biết của các tín đồ là toàn vẹn trong Đấng Christ. Đây có thể là một cách chơi chữ trong khái niệm Hê-bơ-rơ của từ "biết" như một mối quan hệ cá nhân (Sáng 4:1; Jer. 1:5; Phi-líp 3:8,10) với khái niệm Hy Lạp được biết như một thông tin mang tính nhận thức. Cả hai đều cần cho một đức tin Cơ Đốc trưởng thành.

▣ " **người trưởng thành** " Cụm từ này tương phản với "trẻ con" trong câu 14. Gốc từ tiếng Hy Lạp (*telos*) có nghĩa là "trọn vẹn, hoàn tất," "được trang bị hoàn chỉnh," chứ không phải là tình trạng không tội lỗi hoặc hoàn hảo (KJV).

4:14 " Như vậy, chúng ta sẽ không còn là trẻ con " Câu này ngụ ý rằng nhiều tín đồ đã được cứu nhưng vẫn chưa trưởng thành (1 Cô-rinh-tô 3:1-3; Hê-bơ-rơ 5:11-14). Họ vẫn chưa cảm nhận được sự đau phục cần thiết và sự tận hiến được yêu cầu để trở nên những người tôi tớ phục vụ. Các tín đồ phải chết đi với chính mình và sống với Đức Chúa Trời (Rô-ma 6:1-14; 2 Cô-rinh-tô 5:14-15; Ga-la-ti 2:20; 1 Giăng 3:16).

NASB	"bị những cơn sóng xô dạt đây đó, và cuốn đi bởi mọi làn gió đạo lý, bởi sự lừa lọc của con người, bởi sự xảo quyệt của những mưu toan dối trá "
NKJV	"bị xô dạt tới lui và cuốn đi khắp nơi với những làn gió đạo, bởi sự gian trá của con người, trong sự mưu mô xảo quyệt mà dựa vào đó họ lừa dối "
NRSV	"bị xô dạt tới lui thổi đi bởi mọi làn gió đạo, bởi sự lừa dối của con người, bởi sự xảo trá của họ trong mưu toan dối trá của họ "
TEV	"bị cuốn đi bởi những làn sóng và thổi đi bởi mọi làn gió cuốn của sự dạy dỗ của những người dối trá, là những kẻ đã dẫn dắt những kẻ khác vào trong sự sai lầm bởi những sự dối gạt mà họ đã sáng tạo ra "
NJB	"hoặc bị xô dạt hướng này hướng khác và bị mang đi bởi những làn gió đạo, tại sự thương xót cho mọi trò đùa của những kẻ lừa dối và sự xảo quyệt của họ trong việc thực hiện sự dối gạt "

Câu này rõ ràng chỉ đến các giáo sư giả, những kẻ cố vẻ như là một sự kết hợp giữa những nhà triết học Hy Lạp và những người theo chủ nghĩa luật pháp Do Thái. Cụm từ này chỉ cả về sự lừa dối của con người (những giáo sư giả) và sự lừa dối thiên sứ (sự xảo quyệt trong mưu toan dối trá của họ). Đằng sau những điều này, các giáo sư giả đã bố trí những hoạt động của các cấp bậc thiên sứ sa ngã (Ê-phê-sô 6:10-12; 1 Cô-rinh-tô 10:20; Daniel 10). Dân sự của Đức Chúa Trời bị dối gạt, thao túng và lừa dối bởi vì họ chưa trưởng thành trong Đấng Christ. Đây là một trận chiến thuộc linh ngay cả sau khi chúng ta quay trở lại với Đạo. Mục đích của Cơ Đốc Nhân không chỉ là thiên đàng khi họ qua đời nhưng còn là sự trở nên giống như Đấng Christ và chức vụ giờ đây (Ê-phê-sô 4:15; Rô-ma 8:28-30; Ga-la-ti 4:19)!

4:15 Các tín đồ không chỉ cần phải chia sẻ lẽ thật bằng lời nói, nhưng còn phải sống và dạy lẽ thật trong tình yêu thương (Ê-xơ-ra 7:10). Mục đích chính là sự hiệp một (Ê-phê-sô 4:2-3)! Điều này thật khác biệt đến nhường nào so với sự rối loạn và tranh cạnh của những giáo sư giả.

4:16 Phao-lô sử dụng ẩn dụ của cơ thể người để nhấn mạnh về sự hiệp một trong tình yêu thương, ở giữa sự khác biệt đa dạng. Sự không hiệp một mở ra cánh cửa cho Sa-tan, các thiên sứ (sa ngã) của hắn, và những giáo sư giả (Cô-lô-se 2:8). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Xây Dựng (Lấn Nhau) tại Ê-phê-sô 2:21.

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): Ê-PHÊ-SÔ 4:17-24

¹⁷ Vậy, trong Chúa, tôi nói và khuyên nài anh em đừng tiếp tục sống như người ngoại nữa, vì họ sống theo ý tưởng hư không của mình. ¹⁸ Tâm trí họ tối tăm, xa lạ với sự sống của Đức Chúa Trời vì sự ngu muội ngự trị trong họ, và lòng họ chai cứng. ¹⁹ Họ đã mất cả ý thức, buông mình trong truy lạc, tham muốn làm mọi thứ ô ứ. ²⁰ Nhưng đó không phải là những gì anh em học từ Đấng Christ. ²¹ Vì anh em đã nghe về Ngài và được dạy dỗ trong Ngài đúng như chân lý trong Đức Chúa Jêsus. ²² Vậy, anh em hãy lột bỏ người cũ thuộc về lối sống ngày trước, vốn bị hư hỏng bởi những ham muốn dối trá; ²³ nhờ Thánh Linh đổi mới tâm trí anh em, ²⁴ và mặc lấy người mới, là người đã được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời trong chân lý công chính và thánh khiết.

4:17

NASB	"Điều này tôi nói, và xác quyết cùng nhau với Chúa"
NKJV	"Chính điều này tôi nói, bởi vậy, và xác quyết trong Chúa "
NRSV	"Chính giờ đây, tôi xác quyết và khuyên nài điều này trong Chúa"
TEV	"Trong danh Chúa, khi đó, tôi nói điều này và cảnh báo anh em "
NJB	"Đặc biệt, tôi muốn thúc giục anh em trong danh Chúa "

Câu này công bố một sự cùng-khăng-định với Chúa bày tỏ thẩm quyền sứ đồ và sự nhận biết về những sự dạy dỗ của Chúa Jesus của Phao-lô.

▣ " **đừng tiếp tục sống (bước đi)**" Trong Ê-phê-sô 4:17-19 có một chuỗi những đặc tính của đời sống ngoại đạo. Những tân tín đồ này đã từng sống một đời sống như vậy (Ê-phê-sô 4:28). Phao-lô liệt kê ra những đặc điểm của nhân loại sa ngã một vài lần trong những lá thư của mình (Rô-ma 1:29-31; 1 Cô-rinh-tô 5:11; 6:9; 2 Cô-rinh-tô 12:20; Ga-la-ti 5:19-21; Ê-phê-sô 4:19,31; 5:3-4; Cô-lô-se 3:5-9). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Cô-lô-se 3:5.

Làm thế nào để sinh ra sự thánh khiết chính là sự mâu thuẫn chính giữa Phao-lô và những người theo chủ nghĩa luật pháp Do Thái. Cả Phao-lô và những người Chủ Nghĩa Do Thái Nhiệt Thành đều muốn một lối sống công chính trong những người tin Chúa. Phao-lô đã nhận biết quá khứ tội lỗi ngoại giáo của những người tin Chúa, nhưng ông cũng tin rằng ân điển được ban cho nhưng không, và sự ngự đến trong lòng của Thánh Linh, và một sự nhận biết phúc âm được tăng trưởng sẽ sản sinh ra những gì mà chủ nghĩa luật pháp không thể. Việc thực hiện Giao Ước Cũ đã bị thay thế bởi tâm lòng và tâm trí mới của Giao Ước Mới (Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-32).

NASB, NKJV,	
NRSV	"trong sự phù phiếm của tâm trí họ,"
TEV	"những ý tưởng họ là vô giá trị "
NJB	"những đời sống tâm-trí-trống-rỗng "

Từ này "vô ích," "trống rỗng," "không mục đích" (Rô-ma 1:21). Những câu 17-19 chỉ về (1) những mưu tính của những giáo sư giả hoặc (2) những đời sống trước kia của các tín đồ trong đức tin ngoại giáo của họ trước kia.

4:18 " Tâm trí họ tối tăm " Đây là một phân từ bị động thì hoàn thành (Perfect passive participle). Tình trạng hiện tại của sự mù lòa thuộc linh của họ (cũng như của chúng ta) chính là một hậu quả của (1) sự cám dỗ siêu nhiên; (2) sự ảnh hưởng của tà giáo; và (3) sự lựa chọn cá nhân.

▣ " **xa lạ với sự sống của Đức Chúa Trời "** Đây là một phân từ bị động thì hoàn thành (Perfect passive participle) khác. Nó chỉ về một sự chia cắt khỏi giao ước Cựu Ước của Đức Chúa Trời cùng với những lời hứa của Ngài (Ê-phê-sô 2:12).

▣ " **vì sự ngu muội ngự trị trong họ "** Câu này chỉ về một sự ngu muội cố ý (Rô-ma 1:18- 3:20).

▣ " **và lòng họ chai cứng "** Đây là những hậu quả kèm theo của sự sa ngã (Sáng 3; John 3:17-25). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Tâm lòng tại Cô-lô-se 2:2.

4:19

NASB	"đã trở nên chai cứng "
NKJV	"những sự cảm biết trong quá khứ "
NRSV	"đã mất đi tất cả mọi sự nhạy cảm "
TEV	"đã mất đi cảm giác xấu hổ "
NJB	"khả năng cảm nhận điều đúng và điều sai đã bị mờ đục đi"

Đây là một phân từ chủ động thì hoàn thành (perfect active participle) khác. Nhân loại sa ngã đã trở nên mất đi sự nhạy bén và vẫn ngoan cố (trong sự mất đi sự nhạy bén đó) hoặc họ đã làm cứng cõi chính mình vượt quá (khả năng) cảm nhận đối với cả sự mặc khải qua thiên nhiên (Thi Thiên 19:1-6; Rô-ma 1:18-2:16) và sự mặc khải đặc biệt của Kinh Thánh và Đức Chúa Con, lời Chúa được viết xuống (Thi Thiên 19:7-12) và Ngôi Lời hằng sống (Giăng 1:1-14).

NASB	"đã phó họ cho lạc thú tình dục"
------	----------------------------------

NKJV "đã phó họ cho tình dục dâm loạn "
NRSV "đã bỏ rơi họ cho sự nhục dục dâm loạn "
TEV "đã phó chính họ cho sự đồi bại "
NJB "đã bỏ rơi chính họ cho tình dục"

Từ này có nguyên văn có nghĩa là "sự xấu hổ công khai" (Rô-ma 1:24, 26, 28). Nhân loại sa ngã toàn bộ đã bị bỏ rơi trong sự xiềng xích về mặt thuộc linh và xã hội. Những giáo sư giả này thậm chí còn gây kinh ngạc cho cả những người ngoại đạo khác.

NASB "cho sự thực hành mọi thứ bất khiết với sự tham muốn "
NKJV "để hoạt động với mọi sự không tinh sạch cùng với sự tham muốn "
NRSV "tham muốn thực hành mọi sự bất khiết "
TEV "và mọi thể loại của những điều không đứng đắn mà không bị kiềm chế "
NJB "hồi hải đeo đuổi một cuộc chạy trong sự lệch lạc trong mọi mặt"

Câu này có nghĩa là nhiều và càng nhiều hơn nữa với bất kỳ giá nào (Cô-lô-se 3:5). Nhân loại sa ngã đã đánh mất ý nghĩa của sự tốt lành về mặt tập thể (toàn bộ cộng đồng). Con người sống chỉ cho chính mình, cho giây phút ngắn ngủi hiện tại. Đây chính là sự rùa sá của Sự Sa Ngã trong Sáng Thế Ký 3. Nó được bày tỏ thật quá rõ ràng trong xã hội hiện đại phương tây!

4:20 " Nhưng đó không phải là những gì anh em học từ Đấng Christ " Đây là một sự tương phản mạnh mẽ giữa những kẻ rao giảng (Tin Lành) của Đấng Christ và những giáo sư giả. Câu 17 ngụ ý chỉ về một sự tương phản giữa đời sống trước kia của họ trong một đức tin ngoại giáo và đời sống mới của họ trong Đấng Christ.

4:21 "vì (nếu)" Đây là một câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence) vốn được giả định là đúng từ góc nhìn của tác giả hoặc để phục vụ cho những mục đích văn học của ông . Những tín đồ đã nghe về lẽ thật.

☐ **"Đức Chúa Jesus"** Đây là một cách dùng hiếm danh "Chúa Jesus" bằng cách dùng đích danh, trong những sách của Phao-lô. Nó có thể liên hệ với những sự dạy dỗ tà giáo liên hệ với con người Chúa Jesus (nhân tính của Ngài) đối nghịch với Linh của Đấng Christ (thần tính của Ngài). Trong Trί Huệ Giáo Chúa Jesus không thể hoàn toàn là Đức Chúa Trời và hoàn toàn là con người bởi vì "linh" (Đức Chúa Trời) là tốt lành, nhưng vật chất (nhân tính) là xấu xa. Họ khẳng định thần tính của Ngài nhưng chối bỏ nhân tính của Ngài (1 Giăng 4:1-6). Thật thú vị khi nhìn thấy xã hội hiện đại lại đảo ngược sự dạy dỗ tà giáo này.

4:22 " lột bỏ (đặt sang một bên)" Có ba mệnh đề nguyên mẫu thì bất định (aorist infinitive clause) trong Ê-phê-sô 4:22, 23 và 24. Việc ăn mặc được sử dụng như một ẩn dụ để mô tả về những đặc tính thuộc linh (Gióp 29:14; Thi Thiên 109:29; và Ê-sai 61:10). Điều này cũng là một sự nhấn mạnh trên nhu cầu cần thiết cho một sự ăn năn và một đời sống được kết quả biến đổi (Mác 1:15; Công Vụ 3:16,19; 20:21).

NASB "lối sống trước kia của anh em "
NKJV "tư cách trước kia của anh em"
NRSV "cách sống trước kia của anh em "
TEV "vốn đã khiến anh em từng sống trước kia "
NJB "hãy từ bỏ cách sống cũ trước kia của anh em "

Bản KJV dịch là "sự trao đổi (trò chuyện)", vốn có nghĩa là "lối sống" vào thời điểm năm 1611 SC khi mà bản dịch này được thực hiện. Điều này chỉ ra cách rõ ràng nhu cầu cần phải cập nhập những bản dịch! Không có bản dịch nào được thần cảm. Mục đích của chúng là truyền thông phúc âm cho một hoặc nhiều hơn một thế hệ. Chỉ có thông điệp nguyên thủy được ban cho bởi chính Đức Chúa Trời mới được thần cảm.

☐ **" người cũ "** Từ này chỉ về những đặc điểm và thiên hướng của nhân loại sa ngã trong A-đam (Rô-ma 6:6; Cô-lô-se 3:9). Nó chính là sự ưu tiên chính mình, độc lập khỏi Đức Chúa Trời, nhiều và nhiều hơn nữa cho tôi bằng bất cứ giá nào!

4:23 " nhờ Thánh Linh đổi mới tâm trí anh em," Đây là một nguyên mẫu thể bị động thì hiện tại (present passive infinitive). Các tín đồ tiếp tục được dựng nên mới trong suy nghĩ của họ bằng cách cho phép Đức Thánh Linh phát triển tâm trí của Đấng Christ trong họ (Rô-ma 12:2; Tít 3:5). Đây là một khía cạnh của "giao ước mới" từ Giê-rê-mi 31:31-34 (Ê-xê-chi-ên 36:22-38).

4:24 " mặc lấy " Đây là một nguyên mẫu trung cách thì bất định (aorist middle infinitive). Đây là một ẩn dụ về ăn mặc vốn nhấn mạnh về quyết định tiếp tục ở trong Đấng Christ (Rô-ma 13:14; Ga-la-ti 3:27; Cô-lô-se 3:8,10,12,14; Gia-cơ 1:21; 1 Phi-e-rơ 2:1). Từ chỉ về việc mặc lấy Đấng Christ có thể được kết nối với lễ báp-tem trong hội thánh đầu tiên, khi những người mới tin Chúa, mặc vào một bộ y phục trắng, tinh sạch sau lễ báp-tem. Nó chỉ về một sự lựa chọn nguyện ý!

▣ **" người mới "** Đây là một ẩn dụ cho một đời sống mới trong Đấng Christ. Phi-e-rơ gọi nó là "tham dự vào bản chất (của Đấng) thánh" trong 2 Phi-e-rơ 1:4. Đây là một sự tương phản nghịch lại với bản chất sa ngã mang tính chất của A-đam trong Ê-phê-sô 4:22.

▣ **" theo hình ảnh của Đức Chúa Trời "** Các tín đồ cần phải có những đặc tính gia đình của Đức Chúa Trời (Rô-ma 8:28-29; Ga-la-ti 4:19). Kinh Thánh nhấn mạnh địa vị của chúng ta trong Đấng Christ và cả nhu cầu của chúng ta cho một tiến trình trở nên giống như Đấng Christ. Sự cứu rỗi là miễn phí, nhưng sự trưởng thành phải trả giá bằng tất cả những gì chúng ta có! Cơ Đốc Giáo chính là cả sự chết và sự sống, một điểm và một tiến trình, một món quà được ban tặng và một phần thưởng! Nghịch lý này thật khó cho người hiện đại có thể nắm bắt được. Họ có khuynh hướng nhấn mạnh một khía cạnh này hoặc khía cạnh khác (của nghịch lý). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây.

▣ **" trong chân lý công chính "** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CÔNG BÌNH

"Sự công bình" là một chủ đề hết sức quan trọng mà mỗi người học Kinh thánh phải đích thân nghiên cứu sâu rộng khái niệm này.

Trong Cựu ước bản tính của Đức Chúa Trời được mô tả là "công minh" hay "công bình." Từ ngữ từ tiếng Mê-sô-bô-ta-mi này bắt nguồn từ một cây sậy dọc theo sông được dùng như một công cụ trong xây dựng để định đường thẳng theo chiều ngang của các bức tường hoặc các hàng rào. Chúa dùng từ ngữ này để chỉ cách hình bóng về bản tính của Ngài. Ngài là cây thước thẳng mà tất cả mọi sự đều phải căn cứ vào đó để đo. Khái niệm này khẳng định sự công bình của Đức Chúa Trời cũng như quyền đoán xét của Ngài.

Con người được dựng nên theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời (Sáng thế ký 1:26-27; 5:1, 3; 9:6). Con người được dựng nên để thông công với Đức Chúa Trời. Tất cả mọi tạo vật là cơ sở hay nền tảng cho sự tương giao giữa con người và Đức Chúa Trời. Ngài muốn tạo vật tối cao nhất của Ngài là con người biết Ngài, yêu mến Ngài, phục vụ Ngài và trở nên giống như Ngài! Sự trung thành của con người đã được thử nghiệm (Sáng thế ký 3) và cặp vợ chồng đầu tiên đã thất bại tại cuộc thử nghiệm này. Kết quả là mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và con người đã bị gián đoạn (Sáng 3; Rô-ma 5:12-21).

Đức Chúa Trời hứa sẽ hàn gắn và phục hồi lại mối liên hệ này (Sáng 3:15). Ngài thực hiện điều này bằng chính ý định của Ngài và qua chính Con của Ngài. Con người không thể phục hồi lại sự rạn nứt này (Rô-ma 1:18-3:20).

Sau sự sa ngã của loài người, thì bước đầu tiên mà Đức Chúa Trời hướng đến sự phục hồi mối liên hệ là khái niệm giao ước dựa trên sự mời gọi của Ngài và sự đáp ứng bằng sự ăn năn, tin cậy, và vâng lời của con người. Bởi sự sa ngã, con người không có khả năng làm được điều đúng (Rô-ma 3:21-31; Ga-la-ti 3). Chính Chúa đã phải đích thân khởi xướng việc phục hồi những con người vốn đã không giữ được giao ước. Ngài làm điều này bằng cách:

1. Tuyên bố con người tội lỗi là công bình qua công tác của Đấng Christ (sự công bình theo pháp lý)
2. Ban tặng không sự công bình cho con người qua công tác của Đấng Christ (sự công bình được ban cho)
3. Ban Đức Thánh Linh ngự vào con người để tạo nên sự công bình (công bình về mặt đạo đức) nơi con người.
4. Phục hồi mối liên hệ ở vườn Ê-đen bằng cách phục hồi ảnh tượng của Đức Chúa Trời trong những tín nhân (Sáng-thế-ký 1:26-27) (sự công bình trong mối liên hệ).

Tuy vậy, Chúa đòi hỏi một sự đáp ứng theo giao ước. Chúa ban (cho không) và cung cấp, nhưng con người phải đáp ứng và liên tục đáp ứng qua:

1. Sự ăn năn
2. Đức tin
3. Lối sống vâng phục
4. Sự bền đỗ

Vì vậy, sự công bình là một hành động hỗ tương trong giao ước giữa Chúa và tạo vật cao quý nhất của Ngài. Nó dựa vào bản tính của Đức Chúa Trời, công tác cứu chuộc của Đấng Christ, và sự vừa giúp của Đức Thánh Linh, mà mỗi cá nhân phải đích thân và liên tục đáp ứng lại một cách thích đáng. Khái niệm này được gọi là “xung công bình bởi đức tin.” Khái niệm này được bày tỏ trong các sách Phúc âm, nhưng những chữ này không có trong các sách Phúc âm. Phao lô là người đầu tiên định nghĩa từ ngữ này và sử dụng tiếng Hy Lạp “sự công bình” trong nhiều dạng khác nhau hơn 100 lần.

Phao lô, vốn là một Ra-bi Do thái, sử dụng từ *dikaiousune* từ ý nghĩa của tiếng Hê-bơ-ơ *SDQ* lấy từ bản Bảy Mươi, chứ không phải từ văn chương Hy Lạp. Trong các tác phẩm Hy Lạp, chữ này chỉ một ai đó làm theo mong đợi của các Thần thánh hay của một xã hội. Trong ý nghĩa tiếng Hê-bơ-ơ nó luôn được dùng trong các từ ngữ thuộc về giao ước. Đức Giê-hô-va là một Đức Chúa Trời công bình và thánh thiện. Ngài muốn dân của Ngài bày tỏ các đức tính của Ngài. Những con người được mua chuộc là những tạo vật mới. Sự mới mẻ này phải có kết quả là một cách sống thánh thiện (khía cạnh của sự xung công bình mà Công giáo La-mã chú trọng). Vì Y-sơ-ra-ên theo chế độ thần quyền nên không có ấn định ranh giới rõ ràng giữa thế tục (các tiêu chuẩn xã hội) và thánh khiết (ý chỉ Đức Chúa Trời). Tiếng Hê-bơ-ơ và tiếng Hy-lạp diễn đạt được sự phân biệt này và tiếng Anh dịch là “công minh” (justice) (liên hệ đến xã hội) và “công bình” (righteousness) (liên hệ đến tôn giáo).

Phúc âm (Tin lành) của Chúa Jê-sus là: Con người sa ngã đã được phục hồi mối tương giao với Đức Chúa Trời. Quan điểm có vẻ nghịch lý của Phao lô là: Qua Đấng Christ, Đức Chúa Trời tha bổng cho người có tội. Điều này được hoàn tất qua tình yêu thương, sự thương xót, và ân điển của Đức Chúa Trời; qua đời sống của Đức Chúa Con, sự chết và sống lại của Ngài; và Đức Thánh Linh thuyết phục, đưa dẫn con người đến với Phúc âm. Sự xung công bình là một hành động ban cho như không của Đức Chúa Trời, nhưng nó phải đem lại sự tin kính (lập trường của Augustine bao gồm quan điểm của những nhà Cải chánh chú trọng vào sự ban cho như không và sự nhân mạnh vào một đời sống yêu thương và trung tín được thay đổi của Công giáo La-mã). Đối với người Cải chánh, từ ngữ “sự công bình của Đức Chúa Trời” là một **SỞ HỮU CÁCH KHÁCH QUAN** (OBJECTIVE GENITIVE) (tức là hành động làm cho con người tội lỗi được Chúa chấp nhận [sự nên thánh theo địa vị]), trong khi đối với người Công giáo nó là một **SỞ HỮU CÁCH CHỦ QUAN** (SUBJECTIVE GENITIVE), tức là nói đến tiến trình trở nên càng giống Chúa hơn (sự nên thánh theo kinh nghiệm tiệm tiến). Trong thực tế, nó là cả hai.

Theo tôi, cả Kinh thánh từ Sáng thế ký 4 đến Khải huyền 20, kỹ thuật về việc Đức Chúa Trời phục hồi lại mối liên hệ tại Ê-đê-n. Kinh thánh bắt đầu bằng mối tương giao giữa Đức Chúa Trời và con người trên đất này (Sáng thế ký 1-2) và kết thúc cũng với bối cảnh đó (Khải huyền 21-22). Ảnh tượng và mục đích của Đức Chúa Trời sẽ được phục hồi!

Để dẫn chứng tài liệu về đề tài mới vừa đề cập, xin lưu ý đến những phân đoạn Kinh thánh Tân ước được chọn lọc sau đây minh họa nhóm từ tiếng Hy Lạp.

1. Đức Chúa Trời công bình (thường gặp theo Đức Chúa Trời là Quan án)
 - a. Rô-ma 3:26
 - b. II Tê-sa-lô-ni-ca 1:5-6
 - c. II Ti-mô-thê 4:8
 - d. Khải huyền 16:5
2. Đức Chúa Jê-sus công bình
 - a. Công-vụ 3:14; 7:52; 22:14 (danh hiệu Mết-si-a)
 - b. Ma-thi-ơ 27:19
 - c. I Giăng 2:1, 29; 3:7
3. Ý chỉ của Đức Chúa Trời cho tạo vật của Ngài là công bình
 - a. Lê-vi-ký 19:2
 - b. Ma-thi-ơ 5:48 (5:17-20)
4. Cách Chúa cung ứng và chu cấp sự công bình
 - a. Rô-ma 3:21-31
 - b. Rô-ma 4
 - c. Rô-ma 5:6-11
 - d. Ga-la-ti 3:6-14
5. Được Chúa ban cho
 - a. Rô-ma 3:24; 6:23
 - b. I Cô-rinh-tô 1:30
 - c. Ê-phê-sô 2:8-9

6. Nhận bởi đức tin
 - a. Rô-ma 1:17; 3:22,26; 4:3,5,13; 9:30;10:4,6,10
 - b. I Cô-rinh-tô 5:21
7. Qua công tác của Đức Chúa Con
 - a. Rô-ma 5:21-31
 - b. II Cô-rinh-tô 5:21
 - c. Phi-líp 2:6-11
8. Ý chỉ của Chúa là những người theo Ngài phải trở nên công bình
 - a. Ma-thi-ơ 5:3-48; 7:24-27
 - b. Rô-ma 2:13; 5:1-5; 6:1-23
 - c. II Cô-rinh-tô 6:14
 - d. I Ti-mô-thê 6:11
 - e. II Ti-mô-thê 2:22; 3:16
 - f. I Giăng 3:7
 - g. I Phi-e-rơ 2:24
9. Đức Chúa Trời sẽ phán xét thế gian bằng sự công bình
 - a. Công-vụ 17:31
 - b. II Ti-mô-thê 4:8

Sự công bình là đặc tính của Đức Chúa Trời, ban cho như không cho con người tội lỗi qua Đấng Christ. Nó là:

1. Một sắc lệnh (pháp lệnh)
2. Một quà tặng từ Đức Chúa Trời
3. Một hành động của Đấng Christ
4. Một đời sống để sống

Nhưng nó cũng là một tiến trình trở nên công bình, một điều phải được theo đuổi cách mãnh liệt và đều đặn; nó sẽ đi đến tột đỉnh ở lần đến thứ hai của Chúa. Mọi tương giao với Chúa được phục hồi ở sự cứu rỗi, nhưng cứ phát triển càng hơn cho đến khi mặt gặp mặt với Chúa nơi Thiên đàng hoặc khi qua đời!

Sau đây là một trích dẫn tốt từ tự điển *Dictionary of Paul and His Letters* của nhà xuất bản IVP:

"So với Lu-thơ, Can-vin nhấn mạnh nhiều hơn về khía cạnh liên hệ trong khái niệm công bình. Lu-thơ coi sự công bình là sự tha thứ bản thể tội lỗi chúng ta, còn Can-vin coi là sự ban cho chúng ta bản thể công bình của Đức Chúa Trời. (p. 834).

Đối với tôi, mỗi tương giao của một tín nhân đối với Đức Chúa Trời có ba phương diện:

1. Phúc Âm là Nhân Vật (Đông Giáo hội và trọng điểm của Calvin)
2. Phúc Âm là Chân Lý (trọng điểm của Luther và Augustine)
3. Phúc Âm là một đời sống được biến đổi (trọng điểm của Công giáo)

Tất cả những điều này đều đúng và phải được cân nhắc chung với nhau để có được một đức giáo lành mạnh, đúng đắn, và đúng Kinh thánh. Nếu một ai đó nhấn mạnh quá mức hay xem nhẹ điểm nào tất cả, họ sẽ gặp nan đề. Tóm lại:

Chúng ta phải mời Chúa Jêsus vào lòng!

Chúng ta phải tin Phúc Âm !

Chúng ta phải theo đuổi sự trở nên giống Đấng Christ!

BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐÍNH 2010 (NASB (UPDATED)): Ê-PHÊ-SÔ 4:25-32

²⁵ Như vậy, mỗi người trong anh em hãy loại bỏ sự giả dối, "Hãy nói thật với người lân cận," vì chúng ta đều là chi thể của nhau. ²⁶ Khi anh em nóng giận thì đừng phạm tội; đừng căm giận cho đến lúc mặt trời lặn, ²⁷ đừng tạo một cơ hội nào cho ma quỷ. ²⁸ Kẻ quen trộm cắp, đừng trộm cắp nữa; nhưng thà chịu khó, tự tay mình làm việc lương thiện để có thể giúp đỡ người thiếu thốn thì hơn. ²⁹ Chớ có một lời độc ác nào ra từ miệng anh em, nhưng khi đáng nói, hãy nói những lời tốt đẹp, có tính xây dựng để đem ơn phước đến cho người nghe. ³⁰ Anh em chớ làm buồn Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời; vì trong Ngài, anh em được ấn chứng cho đến ngày cứu chuộc. ³¹ Hãy loại bỏ khỏi anh em những sự cay đắng, phẫn nộ, tức giận, la lối, lăng mạ, cùng mọi điều hiểm độc. ³² Hãy cư xử với nhau cách nhân từ và dịu dàng, tha thứ nhau như Đức Chúa Trời đã tha thứ anh em trong Đấng Christ vậy.

4:25 " loại bỏ " Đây là một phân từ trung cách thì bắt định được dùng như một thể mệnh lệnh (aorist middle participle used as an imperative). Nó tiếp nối ẩn dụ về ăn mặc (Ê-phê-sô 4:24). Người tín đồ cần một quyết định khởi đầu được nối theo bởi những quyết định lặp đi lặp lại (hàng ngày, hay thậm chí hàng giờ) để sống một đời sống thánh khiết. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Những Đức Hạnh và Những Đức Tính Xấu Xa Gian Ác trong Tân Ước tại Cô-lô-se 3:5.

▣ " **sự giả dối** " Từ này chỉ về

1. Sự dối trá
2. "lời nói dối " của kẻ chẳng tin như cách nó được dùng trong 1 Giăng 2:22
3. Thông điệp của những giáo sư giả

▣ " **Hãy nói thật với người lân cận,**" Đây là một phần trích từ Xa-cha-ri 8:16. Hãy chú ý những phần trích Cựu Ước của Phao-lô như một sự khích lệ cho những tín đồ của giao ước mới (Ê-phê-sô 4:26). Cựu Ước không phải là một phương tiện của sự cứu chuộc, nhưng nó vẫn là sự mặc khải đã được mặc khải và có thẩm quyền của Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 5:17-19). Cựu Ước vẫn thực hiện chức năng trong tiến trình nên thánh, chỉ không (hành động) trong sự xung công chính. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Truth at Ê-phê-sô 1:13.

▣ " **vì chúng ta đều là chi thể của nhau** " "thân thể" là một trong những ẩn dụ của Phao-lô dùng cho hội thánh (1 Cô-rinh-tô 12:12-30). Các tín đồ được ban cho các ân tứ phục vụ cho sự tốt lành chung (cho cả thân thể) (1 Cô-rinh-tô 12:7). Các tín đồ sống cho gia đình của họ. Họ không thể sống như những cá nhân cô lập.

4:26 " khi...nóng giận thì đừng phạm tội " Đây là một thể mệnh lệnh trung cách (trung gian) thì hiện tại (present middle (deponent) imperative). Đây là một phần trích từ Thi Thiên 4:4. Có một vài lĩnh vực trong đời sống nơi sự nóng giận là không phù hợp, nhưng nó cần phải được xử lý cách hoàn toàn (Chúa Jesus đã dẹp sạch đền thờ, Giăng 2:13-17).

Câu này bắt đầu với một chuỗi của những thể mệnh lệnh thì hiện tại (present imperative) với tiểu từ phủ định (negative particle) vốn thường có nghĩa chấm dứt một hành động đã ở trong tiến trình (Ê-phê-sô 4:26, 27, 28, 29, and 30).

▣ " **đừng căm giận cho đến lúc mặt trời lặn** " Đây đã là một sự ngụ ý chỉ đến Phục Truyền 24:15. Ngày của người Do Thái bắt đầu từ lúc mặt trời lặn (Sáng 1:5). Sự giận dữ là một cảm xúc đầy mạnh mẽ cần phải được xử lý một cách nhanh chóng. Điều này có thể chỉ đến thời gian theo nghĩa bóng hoặc nghĩa đen để ngủ vốn cho phép cơn giận sẽ trở thành một thể lực trong tiềm thức.

4:27

NASB	"đừng trao cho ma quỷ một cơ hội "
NKJV	"cũng đừng trao chỗ cho ma quỷ "
NRSV	"đừng chuẩn bị chỗ cho ma quỷ "
TEV	"đừng trao cho Ma Quỷ cơ hội "
NJB	"hoặc giả anh em sẽ trao cho ma quỷ một chỗ đặt chân "

Đây là một thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative) với một tiểu từ phủ định (negative particle) vốn thường ngụ ý về việc chấm dứt một hành động đang ở trong tiến trình. Sự giận dữ không tin kính chính là một sự cởi mở cho một sự tấn công thuộc linh; ngay cả sự giận dữ tin kính (Giăng 2:13-17; Ma-thi-ơ 21:12-13) cũng phải được xử lý cách nhanh chóng (Ê-phê-sô 6:10-18).

Từ "ma quỷ" là một từ ghép Hy Lạp (*diabolos*) vốn có nghĩa là "ném qua" (Công Vụ 13:10; Ê-phê-sô 4:27; 6:11; 1 Ti-mô-thê 3:6,7; 2 Ti-mô-thê 2:26). Nó là một cách ẩn dụ để chỉ về Sa-tan kẻ kiêu căng. Phao-lô đề cập đến Sa-tan trong một vài đoạn Kinh Thánh (Công Vụ 26:18; Rô-ma 10:20; 1 Cô-rinh-tô 5:5; 7:5; 2 Cô-rinh-tô 2:11; 11:14; 12:7; 1 Tê-sa 2:18; 2 Tê-sa 2:9; 1 Ti-mô-thê 1:20; 5:15). Sa-tan hiển nhiên là một thực thể thiên sứ là kẻ vốn đã chống nghịch với Đức Chúa Trời (Sáng 3; Giăng 1-2; Xa-cha-ri 3). Đây chính là một điểm khó trong Kinh Thánh khi nói về Sa-tan bởi vì

1. Kinh Thánh không bao giờ bày tỏ mang tính định nghĩa về nguồn gốc hoặc mục đích của điều ác
2. Những phần Kinh Thánh vốn thường được xem như có khả năng liên quan với sự nổi loạn của Sa-tan được dẫn một cách cụ thể đến sự định tội của những kẻ cai trị trên đất (Vua Ba-by-lôn, Ê-sai 14 và Vua Ty-rơ, Ê-xê-chi-ên 28) chứ không phải Sa-tan (Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Thân Vị của Điều Ác tại Ê-phê-sô 2:2)

Thật rõ ràng rằng từ một vài những phân đoạn Tân Ước rằng có một sự xung đột, tranh chiến trong lĩnh vực thuộc linh (Ma-thi-ơ 4:10; 12:26; 16:23; Giăng 13:27; 14:30; 16:11; Công Vụ 5:3; 2 Cô-rinh-tô 4:4; Ê-phê-sô 2:2; 1 Giăng 5:19; Khải Huyền 2:9,13,24; 3:9; 12:9; 20:2,7). Ở đâu, khi nào, và như thế nào vẫn là những sự bí ẩn. Các tín đồ có một kẻ thù mang bản chất thiên sứ (Ê-phê-sô 2:2)!

Mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và Sa-tan đã phát triển từ một mối quan hệ trở thành một mối quan hệ tranh chiến, đối kháng. Sa-tan không phải là điều ác được dựng nên. Công việc phản nghịch của hắn trong Sáng Thế Ký 3, Gióp 1-2 và Xa-cha-ri 3 đã nằm trong ý định của Đức Chúa Trời (theo A. B. Davidson trong *An Old Testament Theology*, ở trang 300-306, về sự phát triển của điều ác trong Kinh Thánh). Nó cung cấp một bài thử thách cho sự trung thành và đáng tin cậy của loài người. Con người đã thất bại!

4:28 " Kẻ quen trộm cắp, đừng trộm cắp nữa " Đời sống mới trong Đấng Christ đã có một tiềm năng và mục đích để biến đổi một cách triệt để và vĩnh viễn những hành động và tính cách của một người. Sự biến đổi này là một bằng chứng cho sự cứu chuộc và là một sự làm chứng cho người hư mất.

▣ **" tự tay mình làm việc "** Đây là một thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative). Do Thái Giáo đã đặt việc lao động bằng chính tay mình trong một vị trí được đánh giá rất cao; thì cũng vậy, Cơ Đốc Giáo thời kỳ đầu tiên cũng tin như vậy (1 Tê-sa 4:11; 2 Tê-sa 3:10-12).

▣ **" để có thể giúp đỡ người thiếu thốn thì hơn "** Sự lao động không chỉ là ý muốn của Đức Chúa Trời cho nhân loại (A-đam đã làm việc trong vườn Ê-đen trước khi tội lỗi bước vào), nhưng là một cách để chia sẻ với những người đang thiếu thốn. Các tín đồ là những người quản trị của sự thịnh vượng được ban cho bởi Đức Chúa Trời (Phục Truyền 8:11-20), chứ không phải là những chủ nhân (của sự thịnh vượng đó). Sự ban cho của chúng ta chính là thước đo chính xác của sức khỏe thuộc linh của chúng ta (2 Cô-rinh-tô 8-9).

Chủ Đề Đặc Biệt: SỰ GIÀU CÓ

- I. Quan điểm tổng thể từ Cựu Ước.
 - A. Đức Chúa Trời làm chủ tất cả:
 1. Sáng Thế 1-2
 2. Sử Ký 29:11
 3. Thi Thiên 24:1; 50:12; 89:11
 4. Ê-sai 66:2
 - B. Con người chỉ là quản gia tài sản vì mục đích, chương trình của Đức Chúa Trời:
 1. Phục Truyền 8:11-20
 2. Lê-vi ký 19:9-18
 3. Gióp 31:16-33
 4. Ê-sai 58:6-10
 - C. Tài sản là một phần của sự thờ phượng.
 1. hai loại "phần mười"
 - a. Dân Số 18:21-29; Phục Truyền 12:6-7; 14:22-27
 - b. Phục Truyền 14:28-29; 26:12-15
 2. Châm Ngôn 3:9
 - D. Tài sản là món quà của Đức Chúa Trời cho sự vâng phục giao ước.
 1. Phục Truyền 27-28
 2. Châm Ngôn 3:10; 8:20-21; 10:22; 15:6
 - E. Cảnh cáo việc gia tăng tài sản của mình bởi sự thiệt thòi của người khác.
 1. Châm Ngôn 21:6
 2. Giê-rê-mi 5:26-29
 3. Ô-sê 12:6-8
 4. Mi-chê 6:9-12
 - F. Tài sản không phải là tội lỗi, nếu như nó không phải là sự tối ưu.
 1. Thi Thiên 52:7; 62:10; 73:3-9
 2. Châm Ngôn 11:28; 23:4-5; 27:24; 28:20-22
 3. Gióp 31:24-28

II. Quan điểm đặc biệt trong Châm ngôn.

A. Tài sản trong khía cạnh sự cố gắng cá nhân

1. lười nhác bị phê phán – Châm Ngôn 6:6-11; 10:4-5,26; 12:24,27; 13:4; 15:19; 18:9; 19:15,24; 20:4, 13; 21:25; 22:13; 24:30-34; 26:13-16
2. siêng năng được khích lệ. Châm Ngôn 12:11,14; 13:11

B. Sự nghèo khó và giàu có được dùng để mô tả công chính và gian ác. Châm Ngôn 10:1 và các câu tiếp; 11:27-28; 13:7; 15:16-17; 28:6,19-20

C. Sự khôn ngoan (biết Chúa và biết đường lối của Ngài) tốt hơn sự giàu có. Châm Ngôn 3:13-15; 8:9-11,18-21; 13:18

D. Cảnh cáo và khích lệ

1. cảnh cáo

- a. cẩn thận khi cho hàng xóm vay mượn. – Châm Ngôn 6:1-5; 11:15; 17:18; 20:16; 22:26-27; 27:13
- b. cẩn thận khi làm giàu một cách bất chính. – Châm Ngôn 1:19; 10:2,15; 11:1; 13:11; 16:11; 20:10,23; 21:6; 22:16,22; 28:8
- c. cẩn thận đừng vay mượn – Châm Ngôn 22:7
- d. Ý thức được sự mỏng manh của tài sản – Châm Ngôn 23:4-5
- e. tài sản không giúp gì trong ngày phán xét. – Châm Ngôn 11:4
- f. người giàu có nhiều “anh chị em” – Châm Ngôn 14:20; 19:4

2. khích lệ

- a. sự rộng rãi được khích lệ – Châm Ngôn 11:24-26; 14:31; 17:5; 19:17; 22:9,22-23; 23:10-11; 28:27
- b. công nghĩa tốt hơn tài sản – Châm Ngôn 16:8; 28:6,8,20-22
- c. nên cầu nguyện cho nhu cầu, không cho sự dư dật. Châm Ngôn 30:7-9
- d. ban cho người nghèo tức là cho Chúa mượn. – Châm Ngôn 14:31

III. Quan điểm trong Tân Ước:

A. Chúa Giê-su

1. Sự giàu có là nguồn cám dỗ khi đặt lòng tin cậy vào bản thân và con người hơn vào Đức Chúa Trời và tài nguyên của Ngài.

- a. Ma-thi-ơ 6:24; 13:22; 19:23
- b. Mác 10:23-31
- c. Lu-ca 12:15-21,33-34
- d. Khải Huyền 3:17-19

2. Đức Chúa Trời sẽ cung ứng mọi nhu cầu cho chúng ta.

- a. Ma-thi-ơ 6:19-34
- b. Lu-ca 12:29-32

3. Gieo - gặt là nguyên tắc thuộc thể và thuộc linh.

- a. Mác 4:24
- b. Lu-ca 6:36-38
- c. Ma-thi-ơ 6:14; 18:35

4. lòng ăn năn ảnh hưởng tới sự giàu có

- a. Lu-ca 19:2-10
- b. Lê-vi ký 5:16

5. bóc lột người khác bị lên án.

- a. Ma-thi-ơ 23:25
- b. Mác 12:38-40

6. Sự phán xét cuối cùng liên hệ tới cách sử dụng tài sản - Ma-thi-ơ 25:31-46

B. Phao-lô

1. quan điểm thuộc thể giống như quan điểm Châm Ngôn (công việc)

- a. Ê-phê-sô 4:28
- b. Tê-sa-lô-ni-ca 4:11-12
- c. Tê-sa-lô-ni-ca 3:8,11-12
- d. Ti-mô-thê 5:8

2. quan điểm thuộc linh giống quan điểm của Chúa Giê-su.

- a. Ti-mô-thê 6:6-10 (sự thỏa lòng)

- b. Phi-líp 4:11-12 (sự thỏa lòng)
- c. Hê-bơ-rơ 13:5 (sự thỏa lòng)
- d. Ti-mô-thê 6:17-19 (rộng lòng, tin cậy Đức Chúa Trời)
- e. 1 Cô-rin-tô 7:30-31 (không gắn bó)

Kết luận.

- A. Không có một hệ thống thần học chuyên về sự giàu có.
- B. Không có các phân đoạn dứt khoát về sự giàu có, chúng ta cần phải tham khảo các phân đoạn khác và cẩn thận đừng áp đặt quan điểm riêng của mình vào một câu cá biệt.
- C. Châm ngôn được viết bởi nhà Khôn Ngoan (sages), có quan điểm khác biệt so với các thể loại văn chương Kinh Thánh khác. Châm ngôn có áp dụng thực tế và cho cá nhân. Châm ngôn phải được quân bình với các phân đoạn Kinh Thánh khác, (xem Giê-rê-mi 18:18).
- D. Nhu cầu chúng ta ngày nay cần phải đem so sánh với ánh sáng Thánh Kinh về tài sản. Thường chúng ta áp dụng các nguyên tắc tư bản và cộng sản. Câu trả lời cho câu hỏi "vì sao và cách nào" giúp một cá nhân thành công quan trọng hơn "bao nhiêu" tiền bạc người đó có.
- E. Sự thu thập tài sản phải liên hệ với sự quản trị tin kính và thờ phượng, (xem 2 Cô-rin-tô 8-9).

4:29

NASB	"Đừng để bất cứ lời không lành mạnh nào ra từ miệng anh em "
NKJV	"Đừng để bất cứ lời nói băng hoại nào ra từ miệng anh em"
NRSV	"Đừng để bất cứ lời nói gian ác nào ra từ miệng anh em "
TEV	"Đừng sử dụng những lời gây hại khi nói chuyện "
NJB	"Hãy canh giữ chống lại những thô tục"

Từ này theo nghĩa đen được sử dụng cho một thứ thổi rửa hoặc một hành động đổ nát (Ma-thi-ơ 7:17-18; 12:37; Lu-ca 6:43). Nó trở nên được sử dụng theo nghĩa bóng cho một điều "băng hoại," "độc hại," "bẩn thỉu," hoặc "không trong sạch." Trong văn mạch nó chỉ về những sự dạy dỗ và lối sống của những giáo sư giả (Cô-lô-se 3:8). Nó không phải, theo văn mạch này, chỉ về những trò đùa, cợt nhả thô lỗ (Ê-phê-sô 5:4; Cô-lô-se 4:6). Chúa Jesus dạy rằng lời nói làm bộc lộ ra tâm lòng (Mác 7:15; 18-23). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Lời nói của con người tại Cô-lô-se 3:8.

☐ **" nhưng khi đáng nói, hãy nói những lời tốt đẹp, có tính xây dựng "** Một bằng chứng của những ân tứ thuộc linh được ban cho bởi Đức Chúa Trời chính là chúng sẽ gây dựng cả thân thể (Rô-ma 14:13-23; 1 Cô-rinh-tô 14:4,5,12,17,26). Các tín đồ cần phải sống, ban ra, và phục vụ cho mục đích tốt lành cho thân thể (hội thánh, 1 Cô-rinh-tô 12:7), không phải cho chính họ (Ê-phê-sô 4:3). Một lần nữa khía cạnh tập thể của đức tin theo Kinh Thánh được nhấn mạnh trên cả sự tự do cá nhân (Rô-ma 14:1-15:13). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự gây dựng tại Ê-phê-sô 2:21.

☐ **" để đem ơn phước (ân điển) đến cho người nghe "** Trong văn mạch này nó không thể có ý nghĩa là "ân điển," như trong sự cứu rỗi, nhưng là sự tốt lành hoặc sự quý mến dành cho những tín đồ khác, đặc biệt những người đang bị cám dỗ và thử thách bởi (1) các giáo sư giả (2 Phi-e-rơ 2:1-21) hoặc (2) sự lôi kéo của một lối sống ngoại giáo trước kia của một người (2 Phi-e-rơ 2:22).

4:30 " chớ làm buồn Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời " Đây là một thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative) với tiểu từ phủ định vốn thường có nghĩa chấm dứt một hành động trong tiến trình. Câu này bày tỏ một lẽ thật rằng Đức Thánh Linh là một thân vị. Nó cũng bày tỏ rằng những hành động của tín đồ gây sự đau đớn cho Đức Thánh Linh (1 Tê-sa 5:19). Nó cũng có thể là một sự ngụ ý chỉ đến Ê-sai 63:10. Mục tiêu của Đức Thánh Linh cho mọi tín đồ chính là sự trở nên giống như Đấng Christ (Ê-phê-sô 1:4; 2:10; 4:13; Rô-ma 8:28-29; Ga-la-ti 4:19). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Thân vị của Đức Thánh Linh tại Ê-phê-sô 1:14.

☐ **" vì trong Ngài, anh em được ân chứng "** Đây là một thể chỉ định thụ động thì bất định (aorist passive indicative). Sự ân chứng này được thực hiện bởi Đức Thánh Linh ở tại sự cứu rỗi (Ê-phê-sô 1:13-14; Khải Huyền 7:2-4). Sự ân chứng chính là một hành động văn hóa của sự sở hữu, an ninh, và sự chân thật. Các tín đồ thuộc về Đấng Christ! Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự ân chứng tại Ê-phê-sô 1:13.

☐ **" cho đến ngày cứu chuộc "** Cụm từ này chỉ về Sự Tái Lâm, Ngày Phục Sinh (tất cả người chết sống lại), hoặc Ngày Phán Xét, tùy thuộc vào mối liên hệ của một người với Đấng Christ. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt:

Chuộc Mua/Cứu Chuộc tại Cô-lô-se 1:14. Để xem một bài thảo luận hay về câu này hãy xem sách của Gordon Fee, *To What End Exegesis?* ở trang 262-275.

4:31 " những sự cay đắng " Cụm từ này chỉ về một tình trạng được ấn định của sự thù địch mà không có bất cứ cơ hội nào để hòa giải.

▣ " **phẫn nộ** " Từ này (*thumos*) chỉ về một sự giận dữ hoặc phẫn nộ bùng cháy nhanh chóng (2 Cô-rinh-tô 12:20; Ga-la-ti 5:20; Cô-lô-se 3:8).

▣ " **tức giận** " Từ này (*orgē*) chỉ về một sự oán giận bùng cháy một cách từ từ hoặc kiên định (2 Cô-rinh-tô 12:20; Ga-la-ti 5:20; Cô-lô-se 3:8).

▣ " **la lối** " Từ này chỉ về một sự la ó (Ma-thi-ơ 25:6; Công Vụ 23:9). Trong văn mạch này nó có thể chỉ về những sự đe dọa ồn ào hoặc những cáo buộc về những hành động sai trật bởi những giáo sư giả và những người đi theo chúng.

▣ " **lãng mạ, cùng mọi điều hiểm độc** " Cụm từ này có thể chỉ đến những kỹ xảo của những giáo sư giả. Trong danh sách này chỉ ra những nan đề bị gây ra bởi (1) những giáo sư giả hoặc (2) những tính cách gây ra sự chia rẽ. Cùng những tội lỗi này cũng được liệt kê trong Cô-lô-se 3:8.

▣ " **Hãy loại bỏ khỏi** " Đây là một thể mệnh lệnh bị động thì bất định (aorist passive imperative). Các tín đồ phải cho phép Đức Thánh Linh loại bỏ những tính cách của bản chất xưa cũ, sa ngã, mang bản chất của A-đam một lần và cho tất cả. Cũng như sự cứu rỗi liên quan đến một sự lựa chọn cá nhân mang tính quyết định, thì đời với đời sống Cơ Đốc cũng như vậy.

4:32 " Hãy cư xử với nhau cách nhân từ và dịu dàng, tha thứ nhau " Câu này tương phản với Ê-phê-sô 4:31. Nó chính là một thể mệnh lệnh trung cách (trung gian) thì hiện tại (present middle (deponent) imperative). Có những mạng lệnh tiếp diễn tích cực (positive continuing commands) (Cô-lô-se 3:12-13) rằng

1. Hãy làm vui lòng Đức Thánh Linh
2. Hãy gây dựng mối quan hệ với các thánh đồ
3. Hãy thu hút người hư mất

▣ " **như Đức Chúa Trời đã tha thứ anh em trong Đấng Christ vậy** " Đây chính là động cơ căn bản của những hành động của tín đồ, những hành động của Đấng Christ hướng về họ (Ma-thi-ơ 6:12, 14-15; 18:21-35; Phi-líp 2:1-11; 1 Giăng 3:16).

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Hãy liệt kê ra những đặc tính của "những đời sống xứng đáng." Đời sống của bạn đang như thế nào khi được so sánh với chúng?
2. Tại sao sự hiệp một lại rất quan trọng?
3. Phao-lô nhấn mạnh điều gì trong những câu 4-6?
4. Có phải mọi Cơ Đốc Nhân đều có ân tứ thuộc linh? Khi nào họ được nhận lãnh chúng? Ai đã ban chúng? Với mục đích gì?
5. Mục đích của hội thánh là gì?
6. Hãy liệt kê ra hoàn cảnh cực kỳ khó khăn của người ngoại (Ê-phê-sô 4:17-19).
7. Hãy liệt kê ra những điều Cơ Đốc Nhân cần làm (Ê-phê-sô 4:22-24).
8. Hãy liệt kê ra bốn thói hư, tật xấu của các Cơ Đốc Nhân được liệt kê trong Ê-phê-sô 4:25-31.

Ê-PHÊ-SÔ 5

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Những Nguyên Tắc dành cho Đời Sống Mới	Hãy Bước Đi Trong Sự Yêu Thương	Một Sự Thịnh Cầu Hãy Bỏ Đi Những Cách Sống Ngoại Đạo	Sống Trong Sự Sáng	Đời Sống Mới Trong Đấng Christ
		(4:17-5:20)		(4:17-5:20)
4:25-5:5		4:25-5:2		4:25-5:20
	5:1-7		5:1-2	
		5:3-5	5:3-5	
Hãy Bước Đi Như Con Của Sự Sáng	Hãy Bước Đi Trong Sự Sáng			
5:6-14		5:6-14	5:6-14	
	5:8-14			
	Hãy Bước Đi Trong Sự Khôn Ngoan			
5:15-20	5:15-21	5:15-20	5:15-17	
			5:18-20	
Những Người Vợ và Những Người Chồng	Hôn Nhân và Hội Thánh	Gia Đình Cơ Đốc	Những Người Vợ và Những Người Chồng	Những Nguyên Tắc Đạo Đức của Gia Đình
5:21-32		(5:21-6:9)	5:21	(5:21-6:9)
	5:22-33	5:22-24	5:22-24	5:21-6:4
		5:25-6:3	5:25-33	

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH TO Ê-PHÊ-SÔ 5:1-6:9

- A. Ê-phê-sô 5:1-14 là một sự mở rộng của Ê-phê-sô 4:17-32. Nó xử lý với đời sống Cơ Đốc Nhân và bày tỏ những gì các Cơ Đốc Nhân nên và không nên làm.
- B. Ê-phê-sô 5:3-5 chuyển từ một tình yêu hy sinh chính mình của Đấng Christ trong câu 2 sang một tình yêu thể gian, tập chú vào chính mình của nhân loại sa ngã (Ê-phê-sô 4:25-32).
- C. Ê-phê-sô 5:8-18 làm nổi bật lên sự tương phản giữa các giáo sư giả và những tín đồ thật
1. Tội tăm, Ê-phê-sô 5:8 ánh sáng, Ê-phê-sô 5:8
 2. Những hành vi không kết quả của sự tội tăm, Ê-phê-sô 5:11 bông trái của sự sáng, Ê-phê-sô 5:9
 3. Hồ then. . . trong bí mật, Ê-phê-sô 5:12 bộc lộ chúng, Ê-phê-sô 5:11,13
 4. Những kẻ không khôn ngoan, Ê-phê-sô 5:15 khôn ngoan, Ê-phê-sô 5:15
 5. Ngu xuẩn, Ê-phê-sô 5:17 hiểu biết ý muốn của Đức Chúa Trời, Ê-phê-sô 5:17
 6. Đồ đầy với rượu, Ê-phê-sô 5:18 được đổ đầy bởi Đức Thánh Linh, Ê-phê-sô 5:18
- D. Thể mệnh lệnh bị động thì hiện tại (present passive imperative) trong Ê-phê-sô 5:18, "được đổ đầy bởi Đức Thánh Linh," được định nghĩa bởi năm phân từ thì hiện tại (present participles) (Ê-phê-sô 5:19-21). Đây là một đoạn mang tính chất định nghĩa về sự đầy đầy Đức Thánh Linh trong Tân Ước.
- E. Phao-lô minh họa đời sống được đổ đầy bởi Đức Thánh Linh qua việc sử dụng một gia đình Cơ Đốc như một ví dụ. Ông viết về
1. Những người chồng và những người vợ, Ê-phê-sô 5:22-31
 2. Những bậc cha mẹ và con cái, Ê-phê-sô 6:1-4
 3. Chủ và những nô lệ trong gia đình, Ê-phê-sô 6:5-9

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): Ê-PHÊ-SÔ 5:1-2

¹ **Vậy, anh em hãy trở nên những người bắt chước Đức Chúa Trời như các con yêu dấu của Ngài. ² Hãy bước đi trong tình yêu thương như Đấng Christ đã yêu thương chúng ta, xả thân Ngài vì chúng ta như một lễ vật và sinh tế tỏa ngát hương thơm dâng lên Đức Chúa Trời.**

5:1 "hãy trở nên những người bắt chước Đức Chúa Trời," Đây là một thể mệnh lệnh trung cách (trung gian) thì hiện tại (present middle (deponent) imperative). Từ tiếng Anh "mimic (bắt chước, nhại)" xuất phát từ gốc từ Hy Lạp này. Trong Ê-phê-sô 4:32 và 5:2 một người bắt chước theo Đức Chúa Trời được định nghĩa như là một người (1) tha thứ và (2) bước đi trong tình yêu thương và sự không còn tập chú vào chính mình giống như Chúa Jesus. Những hành động này thiết lập và duy trì sự hiệp một (Ê-phê-sô 4:2-3). Các tín đồ phải nỗ lực cho sự tốt lành chung, chứ không phải cho những quyền lợi, đặc quyền hoặc sự tự do cá nhân (Ê-phê-sô 4:3).

☐ **" như các con yêu dấu "** Các tín đồ được kêu gọi bởi cùng một danh xưng đáng chú ý về mặt thần học giống như Chúa Jesus (Ê-phê-sô 1:6). Các tín đồ được yêu thương bởi vì Ngài được yêu thương. Họ cần phản ánh những đặc điểm gia đình của Cha. Chúa Jesus và Đức Thánh Linh đã phục hồi hình ảnh của Đức Chúa Trời trong nhân loại đã bị làm hư hỏng trong sự sa ngã trong Sáng Thế Ký 3.

5:2 "Hãy bước đi" Đây là một thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative), vốn là một hình ảnh ẩn dụ kinh thánh của đời sống (Ê-phê-sô 4:1, 17; 5:2,15). Cơ Đốc Giáo là một quyết định khởi đầu được đi theo bởi một đời sống môn đồ hóa. Nó là một thời điểm về thời gian, một tiến trình xuyên thời gian, và một sự tốt vượt thời gian! Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Những Thì của Động Từ Hy Lạp Dùng cho Sự Cứu Rỗi tại Ê-phê-sô 1:7.

☐ **" như Đấng Christ đã yêu thương anh em (chúng ta) "** Những thảo bản Hy Lạp cổ khác biệt nhau giữa "chúng ta" và "anh em." "Chúng ta" có trong các bản P⁴⁶, \aleph^a , D, G, và K; "anh em" có trong \aleph , A, và B. "anh em" có vẻ tốt nhất theo văn mạch. Chúa Jesus chính là gương mẫu của chúng ta(1 Giăng 4:11).

☐ **" xả thân Ngài vì chúng ta như một lễ vật và sinh tế ... dâng lên Đức Chúa Trời "** Câu này chỉ về sự chuộc tội thay, thể của Đấng Christ (Ê-sai 53; Mác 10:45; Rô-ma 5:8; 8:32; 2 Cô-rinh-tô 5:21; Phi-líp 2:6-11; 1 Tê-sa 5:9). Giới từ Hy Lạp *hyper* với sở hữu cách (ngôn ngữ học) (genitive (ablative)) gần như đồng nghĩa với giới từ

"anti" vốn có nghĩa "thay vì." Bằng chứng về bản thảo cho "anh em" thay vì "chúng ta" trong cụm từ này thật trội hơn hẳn: "anh em" nằm trong bản P⁴⁶, P⁴⁹, 8, A, D; "chúng ta" chỉ ở trong bản B.

▣ **" như một...tỏa ngát hương thơm "** Đây là một hình ảnh ẩn dụ về sinh tế Cựu Ước dùng cho sự chấp nhận một của lễ bởi Đức Chúa Trời (Sáng 8:21; Xuất 29:18; Lê-vi Ký 1:9, 13; Ê-xê-chi-ên 20:41; 2 Cô-rinh-tô 2:14; Phi-líp 4:18). Cũng như một của lễ được thiêu đốt nó sẽ sinh ra khói bốc lên cao. Nó được cất đi khỏi thế giới hữu hình này vào thế giới vô hình, từ lãnh địa vật chất này vào lãnh địa của Đức Chúa Trời.

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): Ê-PHÊ-SÔ 5:3-5

³ Còn sự gian dâm và mọi điều bất khiết, hoặc tham lam, thì không được nói đến giữa anh em; như vậy mới xứng đáng là các thánh đồ. ⁴ Đừng nói những lời tục tĩu, nhảm nhí, thô bỉ, là những điều không thích hợp; tốt hơn nên dâng lời cảm tạ Chúa. ⁵ Anh em phải biết rõ rằng kẻ gian dâm, bất khiết, hay tham lam — tham lam là thờ thần tượng — không một ai được thừa hưởng cơ nghiệp trong vương quốc của Đấng Christ và của Đức Chúa Trời.

5:3 " sự gian dâm " Đây là thuật ngữ Hy Lạp (*porneia*), mà từ nó chúng ta có từ tiếng Anh "khiêu dâm (pornography)." Trong Tân Ước nó nói về việc vượt quá những sự hưởng dẫn về mặt tình dục được chấp nhận. Nó có thể chỉ về

1. Sự đồi bại tình dục (Ma-thi-ơ 21:31-32; Mác 7:21; Công Vụ 15:20, 29)
2. Tội tà dâm (Ma-thi-ơ 5:32; 19:9)
3. Loạn luân (1 Cô-rinh-tô 5:1)
4. Sự dâm dục (Rô-ma 1:29)

Trong Cựu Ước có một sự phân biệt đáng chú ý giữa những thuật ngữ "tà dâm," nơi mà một phía đã lập gia đình, và "gian dâm" vốn chỉ về những hoạt động tình dục trước hôn nhân. Sự phân biệt này bị mất trong bản Kinh Thánh Tân Ước tiếng Hy Lạp nơi nó chỉ đến những hoạt động tình dục không phù hợp trong mọi cách (ngoại-hôn-nhân, trước-hôn-nhân, tình dục đồng tính, hoặc tình dục đôi trụ).

▣ **" mọi điều bất khiết "** Đây là thuật ngữ Hy Lạp "tinh sạch" cùng với tiểu từ phủ định alpha (alpha privative) vốn phủ định từ mà nó là tiếp vĩ ngữ. Ba từ này trong Ê-phê-sô 5:3, "vô luân, bất khiết và tham muốn," tất cả đều liên hệ với (1) những hành vi của các giáo sư giả (2 Ti-mô-thê 3:6), và/hoặc (2) văn hóa ngoại giáo mà xuất phát từ đó những tín đồ trở lại đạo xuất thân, nơi những hoạt động tình dục thường được kết nối với sự thờ phượng ngoại giáo.

▣ **" tham lam "** Từ này truyền tải ý tưởng của "nhiều và càng nhiều hơn nữa cho tôi với bất kỳ giá nào." Bởi vì nó nằm trong một danh sách của những tội lỗi về mặt tình dục, nên có lẽ nó liên hệ đến tình trạng lạm dụng tình dục tập chú vào chính mình (Cô-lô-se 3:5).

▣ **" không được nói đến giữa anh em "** Đây là một thể mệnh lệnh bị động thì hiện tại (present passive imperative) với tiểu từ phủ định (negative particle) vốn thường có nghĩa chấm dứt một hành động trong tiến trình. Những tội lỗi này đã xảy ra trong hội thánh. Các tín đồ cần phải canh giữ nghịch lại những tội lỗi, và những sự thù ghét/ nghi ngờ về tội lỗi (1 Tê-sa 5:22). Chúng ta cần phải là khuôn mẫu cho phúc âm cũng như cách chúng ta nói về phúc âm.

▣ **" như vậy mới (được phong phú) xứng đáng là các thánh đồ "** Cụm từ này song hành với "điều không phù hợp" trong Ê-phê-sô 5:4. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Các thánh đồ tại Cô-lô-se 1:2.

5:4 Các tín đồ cần phải cẩn thận về lời nói của họ. Nó bộc lộ rằng họ thật sự là ai (Mác 7:15, 18-23; Cô-lô-se 3:18; Ê-phê-sô 4:19; Gia-cơ 3:1-12). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Cô-lô-se 3:8. Đây là nhóm tội lỗi thứ hai được đề cập trong đoạn 5. Cả hai nhóm đều có ba yếu tố. Điều này tương tự với 4:17-32.

▣ **" tốt hơn nên dâng lời cảm tạ "** Những tín đồ thật được bày tỏ bởi tấm lòng biết ơn của họ vốn là điều không liên hệ với hoàn cảnh (Ê-phê-sô 5:20; Cô-lô-se 3:17; 1 Tê-sa 5:18). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự tạ ơn tại Cô-lô-se 4:2.

5:5 " Anh em phải biết rõ " Cụm từ này rất mang tính nhấn mạnh. Nó có hai thể trong những động từ Hy Lạp "biết": (1) thể chỉ định chủ động thì hoàn thành (perfect active indicative) hoặc thể mệnh lệnh của từ *oida* và (2)

Thể phân từ chủ động thì hiện tại (present active participle) của từ *gnōskō*. Các giáo sư giả công bố rằng họ có một kiến thức trọn vẹn, bí mật về Đức Chúa Trời, nhưng các tín đồ phải hiểu rằng lối sống của một người bộc lộ ra sự hiểu biết và khôn ngoan thật (Ma-thi-ơ 7).

▣ " **rằng kẻ gian dâm, bất khiết, hay tham lam,**" Tất cả mọi thuật ngữ này được lặp lại từ thuật ngữ trong Ê-phê-sô 5:3 "gian dâm" (*porneia*). Đây là thể giống đực của từ trong Ê-phê-sô 5:3, Nó có lẽ là một sự chỉ đến sự mai dâm nam, quan hệ tình dục giữa nam giới với nhau (kê dâm), hoặc những hành vi tình dục của những giáo sư giả.

▣ " **là (một kẻ) thờ thần tượng** " Phần song hành nằm trong Cô-lô-se 3:5. Một lời tuyên bố tương tự được thấy trong 1 Giăng 5:21. Khi tình dục trở thành tiêu điểm, sự tập chú trong đời sống của chúng ta, nó trở thành Đức Chúa Trời của chúng ta! Khi tiền bạc trở nên tiêu điểm trong đời sống của chúng ta, nó cũng trở nên sự thờ hình tượng (Ma-thi-ơ 6:24). Một vài nhà giải kinh xem cụm từ này như một sự chỉ đến mọi tội lỗi được đề cập đến trong văn mạch (Ê-phê-sô 5:3-5).

▣ " **được thừa hưởng cơ nghiệp** " Những lối sống của tín đồ bày tỏ cha của họ là ai, Đức Chúa Trời hoặc ma quỷ (Ma-thi-ơ 7; 1 Giăng 3:6, 9).

▣ " **trong vương quốc của Đấng Christ và của Đức Chúa Trời** " Cấu trúc ngữ pháp và mạo từ sở hữu cách liên hệ Đấng Christ và Đức Chúa Trời như là một (Lu-ca 22:29; Cô-lô-se 1:13). Đây là một cách mà những tác giả Tân Ước khẳng định Thần Tính của Đấng Christ.

"Vương quốc" là một chủ đề quán xuyên và trung tâm trong những sự dạy dỗ của Chúa Jesus. Nó chỉ đến sự tể trị của Đức Chúa Trời trong tâm lòng của con người giờ đây vốn sẽ được hoàn thành trọn vẹn trên toàn bộ trái đất vào một ngày kia (Ma-thi-ơ 6:10). Một ngày đó toàn bộ loài người và thiên sứ sẽ nhận biết Đấng Christ là Chúa (Phi-líp 2:10-11), nhưng chỉ những người đã ăn năn và tin nhận phúc âm sẽ trở nên một phần của Vương quốc đời đời của Ngài (Đa-ni-ên 7:13; 1 Cô-rinh-tô 15:27-28).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NƯỚC ĐỨC CHÚA TRỜI

Trong Cựu ước người ta cho rằng Đức Giê-hô-va là Vua của Y-sơ-ra-ên (I Sa-mu-ên 8:7; Thi-thiên 10:16; 24:7-9; 29:10; 44:4; 89: 18; 95:3; Ê-sai 43:15; 4:4, 6) và Đấng Mết-si-a là vị Vua lý tưởng (Thi-thiên 2:6). Qua sự giáng sinh của Chúa Jê-sus tại Bết-lê-hem, vương quốc Đức Chúa Trời đã bước vào lịch sử nhân loại đem theo quyền năng và sự cứu rỗi (Giao ước mới, Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:27-36).

1. Giảng Báp-tít công bố nước Đức Chúa Trời đã đến gần (Ma-thi-ơ 3:2; Mác 1:15).
2. Chúa Jê-sus dạy rõ ràng rằng nước Trời ở trong Ngài và trong lời dạy của Ngài (Ma-thi-ơ 4:17, 23; 9:35; 10:7; 11:11-12; 12:28; 16:19; Mác 12:34; Lu-ca 10:9, 11; 11:20; 12:31-32; 16:16; 17:21). Tuy nhiên, nước Trời cũng ở trong tương lai (Ma-thi-ơ 16:28; 24:14; 26:29; Mác 9:1; Lu-ca 21:31; 22:16, 18).

Trong các sách Tin lành cộng quan Mác và Lu-ca, chúng ta thấy cụm từ "nước Đức Chúa Trời." Chủ đề thường xuyên này trong các lời dạy của Chúa Jê-sus bao gồm sự cai trị trong hiện tại của Đức Chúa Trời trong tâm lòng của con người mà trong một ngày nào đó sẽ hoàn tất trên cả trái đất. Điều này thể hiện trong lời cầu nguyện của Chúa Jê-sus trong Ma-thi-ơ 6:10. Vì viết cho người Do thái, Ma-thi-ơ muốn dùng cụm từ không đụng đến tên của Đức Chúa Trời (cho nên ông viết là 'Nước Trời,' trong khi Mác và Lu-ca viết cho người ngoại, thì dùng cách chỉ định phổ biến cho danh xưng của thần thánh).

Đây là cụm từ chìa khóa quan trọng trong các Phúc âm Cộng quan. Bài giảng đầu tiên và bài giảng cuối của Chúa Jê-sus, và hầu hết các ẩn dụ của Ngài, đều xoay quanh chủ đề này. Nó chỉ quyền cai trị của Đức Chúa Trời trong tâm lòng con người ngay bây giờ! Điều ngạc nhiên là Giảng chỉ dùng cụm từ này hai lần mà thôi (trong các ẩn dụ của Chúa Jê-sus thì không hề có cụm từ này). Trong Phúc âm Giảng "sự sống đời đời" là từ chìa khóa và là hình ảnh chính.

Sự căng thẳng liên quan đến chủ đề này xảy ra bởi hai lần đến của Đấng Christ. Cựu ước chỉ chú trọng đến một lần đến của Đấng Mết-si-a của Đức Chúa Trời-lần đến trong huy hoàng kèm theo sự phán xét và binh đao - nhưng Tân ước cho biết Chúa Jê-sus đến lần đầu làm một Đầy tớ chịu khổ theo Ê-sai 53 và một vị Vua khiêm nhường theo Xa-cha-ri 9:9. Hai thời kỳ của người Do thái, thời kỳ gian ác và thời kỳ công bình, trùng lặp nhau. Chúa Jê-sus đang trị vì trong tâm lòng những người tin Chúa, nhưng một ngày nào đó sẽ cai trị toàn cả cõi sáng tạo. Ngài sẽ đến như Cựu ước đã tiên đoán! Những người tin Chúa sống trong tình trạng "đã rồi" nhưng "chưa" của vương quốc Đức Chúa Trời (xem Gordon D. Fee và Douglas Stuart *How to Read the Bible for All Its*

BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): Ê-PHÊ-SÔ 5:6-14

⁶ **Đừng để ai lấy những lời rỗng tuếch lừa dối anh em; chính vì những điều này mà con thịnh nộ của Đức Chúa Trời đổ xuống dòng dõi không vâng phục.** ⁷ Vì vậy, đừng thông đồng với họ. ⁸ Trước kia anh em là bóng tối, nhưng bây giờ trong Chúa, anh em là ánh sáng. Hãy bước đi như các con của ánh sáng; ⁹ vì trái của ánh sáng là mọi điều nhân từ, công chính và chân thật. ¹⁰ Hãy xét xem điều gì đẹp lòng Chúa. ¹¹ **Đừng tham dự vào những công việc vô ích của sự tối tăm; tốt hơn, nên quở trách chúng;** ¹² vì dù chỉ nói đến những gì họ làm một cách lén lút cũng đã xấu hổ rồi. ¹³ Nhưng tất cả những gì được phơi bày dưới ánh sáng đều được sáng tỏ; vì bất cứ điều gì đã được sáng tỏ đều là ánh sáng. ¹⁴ Vì thế, có lời phán rằng: "Hỡi người đang ngủ, hãy thức dậy, Hãy vùng dậy từ giữa những người chết, Thì Đấng Christ sẽ chiếu sáng ngươi."

5:6 " Đừng để ai ...lừa dối anh em " Đây là một thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative) với tiêu từ phủ định (negative particle) vốn thường có nghĩa chấm dứt một hành động trong tiến trình. Câu này chỉ về thông điệp và lối sống của những giáo sư giả, vốn đã là một sự pha trộn của Trí Huệ Giáo tự do, phóng túng và những kẻ theo chủ nghĩa giáo điều luật pháp Do Thái (vốn có vẻ như không thể tương thích). Có quá nhiều điều mà chúng ta là những người hiện đại không biết về những tà giáo trong thời kỳ thế kỷ thứ nhất.

☐ **" lấy những lời rỗng tuếch "** Cụm từ này chỉ về sự tự do phóng túng hoặc sự dạy dỗ Trí Huệ giáo rằng những tội lỗi không ảnh hưởng đến đời sống thuộc linh. Đối với họ sự cứu rỗi được tìm thấy trong những tri thức bí mật của những cấp bậc thiên sứ. Họ hoàn toàn phân biệt sự xung công chính khỏi sự nên thánh. Tà giáo này vẫn còn sống và phát triển tốt hiện nay!

☐ **" con thịnh nộ của Đức Chúa Trời đổ xuống "** Đây là một Thì hiện tại. Nó chỉ cả về (1) sự đoán phạt đương thời (Giăng 3:36; Rô-ma 1:18-32; 2:8-9; 9:22; Cô-lô-se 3:6 1 Tê-sa 2:16); và/hoặc (2) sự đoán phạt lai thế học tương lai (Ma-thi-ơ 25:từ câu 31; Rô-ma 5:9; 1 Tê-sa 1:10; 5:9). Con thịnh nộ của Đức Chúa Trời như một sự bày tỏ của Ngài cũng như tình yêu của Đức Chúa Trời.

Trong khi đang trong chủ đề về sự thịnh nộ của Đức Chúa Trời, hãy để tôi làm rõ về cách hiểu của tôi về những sự ngụ ý của nó.

Đầu tiên nó là một bi kịch thần học khi nhấn mạnh qua mức hoặc xem nhẹ quá mức lẽ thật này. Đây không phải là một thể giới mà Đức Chúa Trời đã dự định để nó sẽ trở thành! Toàn bộ loài người sẽ phải giải trình với Đức Chúa Trời về việc họ đã sống đời sống của họ như thế nào (Ga-la-ti 6:7; 2 Cô-rinh-tô 5:10).

Tuy nhiên, rất quan trọng cần phải nhận ra góc nhìn theo Kinh Thánh về tín lý này. Phục Truyền 5:9 trong sự so sánh với 5:10 và 7:9 đã thiết lập nên một khung. Cũng như cách sự đoán phạt đã vươn đến ba, bốn đời, thì tình yêu và sự thành tín của Đức Chúa Trời tuôn chảy đến ngàn đời. Trong Ê-sai 28:21 sự đoán phạt được gọi là một công việc khác thường của (Ca Thương 3:32-33; Thi Thiên 103:8-14). Sự đoán phạt là cần thiết trong một vũ trụ luân lý, nhưng nó không làm vui lòng Đức Chúa Trời. Địa ngục là một vết thương hở chảy máu trong trái tim của Đức Chúa Trời vốn không bao giờ được chữa lành. Ngài yêu thương toàn bộ nhân loại đã được dựng nên theo hình ảnh của Ngài (Sáng 1:26-27; 5:1; 9:6). Ngài muốn chuộc lại toàn bộ nhân loại và Ngài đã hứa sẽ làm điều đó cho toàn bộ những ai ăn năn và tin nhận Con Ngài (Sáng 3:15; Ê-xê-chi-ên 18:23,32; 1 Ti-mô-thê 2:4; 2 Phi-e-rơ 3:9).

☐ **" dòng dõi (những con cái) không vâng phục "** Đây là một thành ngữ Hê-bơ-rơ (Ê-phê-sô 2:2; Cô-lô-se 3:6). Sự vâng phục theo giao ước là một đặc tính của con cái Đức Chúa Trời. Sự không vâng phục chính là đặc tính của những kẻ đi theo Sa-tan.

5:7 " đừng thông đồng với họ " Từ này nguyên văn là "những người cùng nắm giữ." Nó là một thể mệnh lệnh thì hiện tại (present imperative) với tiêu từ phủ định (negative particle) vốn thường có nghĩa chấm dứt một hành động đang trong tiến trình. Phao-lô sử dụng một từ ghép với *syn* ở đây cũng như ông đã dùng trong Ê-phê-sô 2:5-6 và 3:6. Cùng một cụm từ này được lặp lại trong câu 11. Các tín đồ không chỉ phải chạy trốn khỏi sự vướng mắc vào trong tội lỗi hay thậm chí về bề ngoài của tội lỗi, mà họ còn phải cẩn thận trong việc chọn bạn và những người cùng đồng công, hợp tác với họ. Những người bạn thân chúng ta chọn, cũng như những lời chúng ta nói, bày tỏ, bộc lộ tâm lòng của chúng ta.

5:8-9 "bóng tối. . . sự sáng" Câu này rất giống với tư tưởng nhị nguyên của Giăng (Ê-phê-sô 1:4-5,7-8; 3:19; 8:12; 9:5; 12:46). Những từ tương phản nhau chính là những biểu tượng toàn cầu dùng cho điều thiện và điều ác vốn là một tư tưởng Hy Lạp từ trước và trở nên phổ biến trong văn học của Những Cuộn Biển Chết, vốn là một cộng đồng Do Thái vùng sa mạc cô lập.

Động từ chủ động thì chưa hoàn thành (The imperfect active verb) trong cụm từ thứ nhất mô tả đời sống trước kia của họ như một sự phạm tội tiếp diễn (Sáng 6:5, 11-12; 8:21; Thi Thiên 14:3; 58:3; Jer. 12:9).

5:8 "nhưng bây giờ trong Chúa, anh em là ánh sáng" Thật là một sự tương phản mạnh mẽ (Ma-thi-ơ 5:19; Giăng 8:12).

▣ **"Hãy bước đi như các con của ánh sáng"** Đây là một thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative) khác (Giăng 3:19-21; 1 Giăng 1:7). Lời nói, lối sống, và những sự ưu tiên của các tín hữu bày tỏ ra họ là ai!

▣ **"các con của"** Đây là một thành ngữ Do Thái dùng cho "đặc tính," cũng như là "những con trai của" trong Ê-phê-sô 5:6. Sự trở lại tin Chúa được minh chứng bằng một đời sống được thay đổi. Điều này được bày tỏ ra trong Ê-phê-sô 5:9. Không có trái, thì không có rễ (Ma-thi-ơ 5-7; Gia-cơ, và 1 Giăng).

5:9 "trái của ánh sáng" Bản KJV chép là "trái của Đức Thánh Linh," vốn có trong những thảo bản cổ Hy Lạp P⁴⁶, D^c, và I. Tuy nhiên, bản P⁴⁹, 8, A, B, D, G, P và văn mạch ngay chỗ này (Ê-phê-sô 5:8), đòi hỏi "bông trái của sự sáng." Ngay cả bản NKJV cũng dùng nó. Bản KJV theo dòng Tây Phương của những bản thảo Hy Lạp vốn được đồng hóa với cách dùng từ từ Ga-la-ti 5:22.

▣ **"công chính"** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-phê-sô 4:24.

5:10

NASB	"cố gắng học"
NKJV	"chứng tỏ"
NRSV	"cố gắng để tìm ra"
TEV	"nỗ lực để học"
NJB	"cố gắng khám phá"

Từ Hy Lạp (*dokimazō*) "chứng tỏ" (Rô-ma 12:2; 2 Cô-rinh-tô 8:8,22; 13:5; Ga-la-ti 6:4; 1 Tê-sa 5:21; 1 Ti-mô-thê 8:10; Hê-bơ-rơ 3:9) hoặc "cố gắng" (1 Cô-rinh-tô 3:13; 1 Tê-sa 2:4; 1 Phi-e-rơ 1:7; 1 Giăng 4:1) có một nghĩa rộng của "thử thách với một góc nhìn hướng về sự chấp thuận." Đây là một thuật ngữ ngành luyện kim được sử dụng cho việc kiểm tra những đồng tiền về sự chân thật của nó. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Phi-líp 2:22.

5:11 "Đừng tham dự vào" Từ này nguyên văn là "những-người-cùng-thờ-phượng." Nó là một từ ghép *syn* khác. Nó là một thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative) đi cùng với tiêu từ phủ định (negative particle) vốn thường có nghĩa chấm dứt một hành động đã ở trong tiến trình. Nó chỉ về

1. Những mối quan hệ xã hội mật thiết
2. Những bối cảnh thờ phượng ngoại giáo
3. Những cuộc gặp của những giáo sư giả (Ê-phê-sô 5:12)

▣ **"phơi bày (chúng)"** Đây là một thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative) khác. Làm thế nào để các tín đồ làm bộc lộ điều ác? Bởi vì Ê-phê-sô 5:12 cụm từ này có vẻ như có ý nghĩa "làm bộc lộ bởi chính lối sống tin kính (giống như Đức Chúa Trời) của chúng ta" hoặc bởi sự công bố phức âm. Sự sáng không thể cùng tồn tại trong môi liên hệ với sự tối tăm (Giăng 3:17-19).

5:14 "Hỡi người đang ngủ, hãy thức dậy, ... Đấng Christ sẽ chiếu sáng nơi" Đây là một sự trích dẫn không chặt chẽ từ Ê-sai 29:19 hoặc có thể là 51:17; 52:1; 60:1 hoặc là một bài thánh ca Cơ Đốc cổ xưa (Phi-líp 2:6-11; 1 Ti-mô-thê 3:16; 2 Ti-mô-thê 2:11-13). Nó nằm trong một dạng thơ có vần điệu. Phao-lô thường sử dụng những chất liệu mang tính chất lời thơ, bài hát từ

1. Cựu Ước (từ một vài bản dịch khác nhau)
2. Những bài thánh ca Cơ Đốc
3. Những bài tin điều Cơ Đốc
4. Thậm chí cả những tác giả ngoại đạo

☐ " **người đang ngủ. . .chết**" Câu này chỉ về sự mù lòa thuộc linh, và sự chết thuộc linh của những người hư mất (Ê-phê-sô 2:1; 2 Cô-rinh-tô 4:4).

☐ " **Đấng Christ sẽ chiếu sáng người** " Chúa Jesus được mô tả ở đây như sao mai vinh hiển (Ê-sai 9:1-2; 59:8; 60:1; Lu-ca 1:78-79), trái ngược với Lucifer, (Ê-sai 14:12). Ánh sáng chính là một biểu tượng cổ xưa của sự chữa lành, sức khỏe, lẽ thật, tri thức và sự tốt lành (Ma-la-chi 4:2).

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010 (NASB (UPDATED)): Ê-PHÊ-SÔ 5:15-21

¹⁵ **Vậy, hãy xem xét cẩn thận về cách sống của anh em, đừng sống như người đại dột, nhưng sống như người khôn ngoan.** ¹⁶ **Hãy tận dụng thì giờ, vì những ngày là xấu.** ¹⁷ **Vì vậy, đừng trở nên như người đại dột, nhưng phải hiểu rõ thế nào là ý muốn của Chúa.** ¹⁸ **Đừng say rượu, vì rượu dẫn đến buồn tuồng, nhưng phải đầy dẫy Thánh Linh.** ¹⁹ **Hãy dùng thi thiên, thánh ca, và những linh khúc mà đối đáp với nhau; hãy hết lòng ca hát, chúc tụng Chúa.** ²⁰ **Trong mọi việc, hãy luôn nhân danh Chúa chúng ta là Đức Chúa Jêsus Đấng Christ mà dâng lời cảm tạ Đức Chúa Trời, là Cha.** ²¹ **Vì kính sợ Đấng Christ, hãy thuận phục nhau.**

5:15 " hãy xem xét cẩn thận về cách sống (bước đi) của anh em " Đây là một thể chỉ định chủ động thì hiện tại (present active indicative), chứ không phải một thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative) khác. Nó là một tuyên bố của một sự kiện, chứ không phải là một mệnh lệnh. "Bước đi" là một ẩn dụ theo Kinh Thánh cho lối sống (Ê-phê-sô 4:1,17; 5:2).

☐ " **đừng sống như người đại dột, nhưng sống như người khôn ngoan** " Sự khôn ngoan được bày tỏ trong lối sống tin kính (giống Chúa) (Cô-lô-se 4:5), chứ không phải trong tri thức của những giáo sư giả hoặc sự tự do phóng túng không tin kính.

5:16 " Hãy tận dụng thì giờ " Đây là một Phân từ trung cách thì hiện tại (present middle participle). Nó là một thuật ngữ thương mại vốn có nghĩa "mua đứt một thứ gì hoàn toàn" vào một thời điểm hoặc giá cả tốt. Các tín đồ được lợi ích từ mọi cơ hội thuộc linh (Cô-lô-se 4:2-6; 1 Phi-e-rơ 3:15) bởi vì chúng ta biết rằng đêm đang đến khi không ai có thể làm việc. Có một cánh cửa mở rộng vào đúng thời điểm cho phúc âm. Chúng ta phải nắm bắt giây phút ấy!

5:17 " đừng trở nên như người đại dột " Đây là một thể mệnh lệnh trung cách (trung gian) thì hiện tại (present middle (deponent) imperative) đi với tiểu từ phủ định (negative particle) vốn thường có nghĩa chấm dứt một thành động trong tiến trình. Họ đã trở nên đại dột..

☐ " **ý muốn của Chúa** " Không có mạo từ (article) đi cùng với "ý muốn." Vì vậy, đây là một ý của Đức Chúa Trời. Ý muốn của Đức Chúa Trời chính là chúng ta tin cậy nơi Đấng Christ (Giảng 6:29,40), sau đó là một vài "ý muốn" dành cho các tín đồ. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Ý Muốn của Đức Chúa Trời tại Ê-phê-sô 1:9.

5:18 " Đừng say rượu " Đây là một thể mệnh lệnh bị động thì hiện tại (present passive imperative) đi cùng với tiểu từ phủ định (negative particle) vốn thường có nghĩa chấm dứt một hành động trong tiến trình(Châm 23:30-31). Rượu và ma túy thường được sử dụng để xúc tiến cho những trải nghiệm tôn giáo. Chúng cũng là những ví dụ cho một điều gì đó kiểm soát và khắc họa, mô tả đời sống của một con người nhưng phải được lặp đi lặp lại cách chủ ý cho tác dụng của nó (sự nghiện ngập). Cũng như rượu được sử dụng lặp đi lặp lại cho tác dụng của nó, thì cũng vậy, "sự đổ đầy" Đức Thánh Linh cũng được lặp đi lặp lại cho sự tác động. Là những tín đồ nguyện ý nhận lấy Đấng Christ cho sự cứu chuộc, họ phải nguyện ý và liên tục (thể bị động thì hiện tại (present passive)) mở rộng chính mình cho sự hướng dẫn và kiểm soát (hàng ngày) của Đức Thánh Linh.

☐ " **phải đầy dẫy Thánh Linh** " Đây là một thể mệnh lệnh bị động thì hiện tại (present passive imperative) có nghĩa "anh em bắt buộc phải tiếp tục được đổ đầy bởi Đức Thánh Linh" hoặc "luôn đầy dẫy Đức Thánh Linh." Đây là một mạng lệnh, không phải là một sự lựa chọn! Nó là một tình trạng bình thường cho mọi tín đồ, không có ngoại lệ. Cụm từ này ngụ ý rằng những tín đồ cần phải sẵn sàng, nhạy bén, và vâng phục với sự uốn nắn của Đức Thánh Linh của Đấng Christ trong đời sống hằng ngày của họ (Rô-ma 8:28-29; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4; 2:10; 4:13; Cô-lô-se 1:28). Các tín đồ không thể đổ đầy chính mình, nhưng phải cho phép Đức Thánh Linh có sự tự do và tác động. Về bề ngoài của con người không phải là chìa khóa của một đời sống hiệu quả nhưng là Đức

Thánh Linh (Ga-la-ti 3:1-3). Tuy nhiên, các tín đồ cần phải nguyện ý mở rộng chính mình cho sự lãnh đạo và kiểm soát của Đức Thánh Linh trên một nền tảng căn bản.

Thuật ngữ "đổ đầy" được sử dụng thường xuyên trong Tân Ước cho một điều mà nó thúc đẩy và khắc họa đời sống của một người. Các tín đồ có một sự lựa chọn về điều gì sẽ đổ đầy đời sống của họ. Trong Công Vụ được "đổ đầy" bởi Thánh Linh thường đi cùng với sự rao giảng tin lành. Phi-e-ro được "đổ đầy" một vài lần trong Công Vụ 2:4; 4:8,31. Đổ đầy là một nhu cầu và trải nghiệm tiếp diễn.

Cấu trúc song hành (Cô-lô-se & Ê-phê-sô đều dựa trên gần như cùng một dàn ý) trong Cô-lô-se 3:16 được thay đổi từ "luôn được đổ đầy bởi Thánh Linh" trở thành "hãy để lời của Đấng Christ ở trong anh em cách phong phú." Chúng đều chỉ đến một sự thuận phục nguyện ý hằng ngày với Đức Thánh Linh sẽ sản sinh ra sự trở nên giống như Đấng Christ, đặc biệt như cách nó liên hệ với sự xử lý con người. Chúa Jesus đã chết cho loài người. Con người là sự ưu tiên; con người là đời đời.

5:19 " đối đáp. . .ca hát . . .chúc tụng (sáng tác giai điệu)" Đây chính là ba trong bốn phân từ chủ động thì hiện tại (present active participle) vốn mô tả một đời sống được đổ đầy bởi Đức Thánh Linh. Ba phân từ đầu tiên phải liên hệ với sự ca hát hoặc trích dẫn những Thi Thiên. Thánh Linh đã đặt một bài hát trong tâm lòng của những tín đồ cho Đức Chúa Trời (Cô-lô-se 3:16). Sự ngợi khen được dâng lên cho Đức Chúa Trời Đấng đã đột phá!

Câu này rất có ích trong việc giải quyết những sự khác biệt về lựa chọn âm nhạc trong hội thánh. Hãy chú ý sự đa dạng về những yếu tố âm nhạc được liệt kê. Âm nhạc trong sự thờ phượng là một nhân tố về sự cảm nhận cá nhân, chứ không phải một hình thức (âm nhạc) đúng đắn ngược lại với một hình thức (âm nhạc) không phù hợp. Điều quan trọng chính là thái độ của tâm lòng, chứ không phải nơi tai nghe. Thần học mô tả một sự tập chú, còn hình thái âm nhạc luôn luôn nằm thứ hai. Chúng ta có dám thay đổi đặt hội thánh của Đức Chúa Trời lên trên những sự lựa chọn cá nhân của chúng ta! Sự thờ phượng quan trọng ở tâm lòng, chứ không phải giai điệu! Hãy vui lòng đọc Rô-ma 14:1-15:13 một lần nữa và thêm nhiều lần nữa.

▣ "lòng" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Cô-lô-se 2:2.

5:20 "luôn...dâng lời cảm tạ " Đây là phân từ chủ động thì hiện tại (present active participle) thứ tư. Sự tạ ơn chính là một bằng chứng khác cho một đời sống đầy dẫy Thánh Linh (Ê-phê-sô 5:4; Phi-líp 4:6; 1 Tê-sa 5:18). Nó chính là thể giới quan theo Kinh Thánh bởi đó các tín đồ có thể dâng lời tạ ơn trong "mọi sự" (Rô-ma 8:29-30). Những tín đồ đầy dẫy Thánh Linh biết rằng Đức Chúa Trời đứng về phía họ và hoàn cảnh không phải là cội nguồn của sự vui mừng và bình an. Một quyển sách đã rất giúp ích cho cuộc đời tôi trong lãnh vực này chính là cuốn *The Christian's Secret of a Happy Life* của Hannah Whithall Smith! Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Ngợi Khen, Cầu Nguyện và Tạ Ơn của Phao-lô tại Ê-phê-sô 3:20.

5:21

NASB, NRSV	"hãy đầu phục "
NKJV	"thuận phục"
TEV	"đầu phục chính mình "
NJB	"mở đường"

Đây là một thể trung cách thì hiện tại (present middle) hoặc phân từ thể bị động (passive participle) (hãy xem 5:22). Nó hình thành nên một sự chuyển tiếp từ Ê-phê-sô 5:1-20 sang 22-31 và văn mạch tiếp tục xuyên suốt qua 6:9. Năm phân từ này định nghĩa nó có nghĩa là gì khi được đầy dẫy Thánh Linh. Phần Kinh Thánh song hành trong Cô-lô-se 3:16 bày tỏ rằng nó chỉ đến sự trở nên giống như Đấng Christ hằng ngày.

Trong thời đại của chúng ta "sự đầu phục" trở nên một thuật ngữ mang tính giới tính, tiêu cực. Nguyên gốc nó là một từ trong quân đội vốn liên hệ với sự đầu phục đặt nền tảng trên một chuỗi những mạng lệnh. Nhưng trong Tân Ước nó thường được sử dụng cho thái độ của Chúa Jesus đối với cha mẹ trên đất (Lu-ca 2:51) và đối với Cha Thiên Thượng của Ngài (1 Cô-rinh-tô 15:28). Phao-lô rất yêu thích từ này và sử dụng nó 23 lần. Câu 21 là một nguyên tắc thuộc linh toàn cầu của sự thuận phục lẫn nhau giữa những tín đồ trong sự liên hệ với đời sống đầy dẫy Thánh Linh. Sự thuận phục chống lại tâm trí theo văn hóa, tây phương, tập chú vào cá nhân của chúng ta. Sự ích kỷ và thống trị thật mang nặng màu sắc văn hóa, nhưng không thích hợp theo Kinh Thánh (Rô-ma 12:10; Ga-la-ti 5:13; Phi-líp 2:3; 1 Giăng 4:11)!

Động từ này nhấn mạnh sự đầu phục qua lại về phần mình của mọi tín đồ. Nó không phải là một sự hướng dẫn cho một nhóm. Nó cần được tái khẳng định trong văn mạch này (Ê-phê-sô 5:22-31) giải quyết với những mối quan hệ trong gia đình giữa những người chồng Cơ Đốc Nhân và những người vợ Cơ Đốc Nhân, chứ không phải là người nam và người nữ nói chung. Phụ nữ không thua kém về mặt thuộc linh trong bất kỳ nghĩa nào (Công Vụ

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ ĐẦU PHỤC (*HUPOTASSŌ*)

Bản LXX dùng chữ này để dịch 10 chữ Hê-bơ-rơ khác nhau. Nghĩa căn bản trong Cựu ước là “ra lệnh” hay là “quyền ra lệnh.” Điều này được thấy trong bản LXX.

1. Đức Chúa Trời ra lệnh (Lê-vi-ký 10:1; Giô-na 2:1; 4:6-8)
2. Môi-se ra lệnh (Xuất Ê-díp-tô ký 36:6; Phục truyền 27:1)
3. Các vua ra lệnh (II Sứ ký 31:13)

Trong Tân ước ý nghĩa này cũng được duy trì trong Công-vụ 10:48, nói đến các sứ đồ truyền lệnh. Tuy nhiên, một số ý nghĩa mới cũng được phát triển trong Tân ước.

1. Khía cạnh tình nguyện được phát triển (thường ở thể TRUNG CÁCH)
2. Hành động tự giới hạn mình được thấy trong Chúa Giê-xu khi Ngài đầu phục
 - a. Đức Chúa Cha to the Father (cf. 1 Cô-rinh-tô 15:25)
 - b. Cha mẹ trên đất của Ngài (Lu-ca 2:51)
3. Người tin Chúa thuận theo những khía cạnh văn hóa để Phúc âm khỏi bị phản tác dụng
 - a. Toàn thể người tin Chúa (Ê-phê-sô 5:21)
 - b. Những người vợ tin Chúa (Cô-lô-se 3:18; Ê-phê-sô 5:22-24; Tít 2:5; I Phi-e-rơ 3:1)
 - c. Người tin Chúa đối với chính quyền người ngoại (Rô-ma 13:1-7; I Phi-e-rơ 2:13)

Người tin Chúa hành động bởi động cơ yêu thương, đối với Đức Chúa Trời, với Đấng Christ, vì nước Đức Chúa Trời, vì sự tốt lành của người khác.

Giống như chữ *agapao* Hội thánh làm cho từ ngữ này mang một ý nghĩa mới dựa vào nhu cầu của vương quốc Đức Chúa Trời và nhu cầu của người khác. Chữ này khoác lên một vẻ cao trọng mới của sự không ích kỷ, không dựa vào mạng lệnh, nhưng dựa vào một mối liên hệ mới với một Đức Chúa Trời đã ban cho chính Ngài và Đấng Mết-si-a. Người tin Chúa vâng lời và đầu phục vì lợi ích của toàn thể và vì ơn phước cho cả gia đình Đức Chúa Trời.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: PHỤ NỮ TRONG KINH THÁNH

I. Cựu ước

- A. Xét về mặt văn hóa, phụ nữ được xem như các vật sở hữu
 1. Nằm trong danh sách những vật sở hữu (Xuất Ê-díp-tô ký 20:17)
 2. Luật đối đãi với các nữ nô lệ (Xuất Ê-díp-tô ký 21:7-11)
 3. Lời thề hứa của các phụ nữ có thể bị hủy bỏ bởi một người đàn ông có trách nhiệm về mặt xã hội (Dân số ký 30)
 4. Phụ nữ như các chiến lợi phẩm trong chiến tranh (Phục truyền luật lệ ký 20:10-14; 21:10-14)
- B. Xét trên thực tế, có một sự hỗ tương giữa nam và nữ
 1. Người nam và người nữ được dựng nên theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời (Sáng thế ký 1:26-27)
 2. Tôn trọng cha mẹ (Xuất Ê-díp-tô ký 20:12 [Phục truyền luật lệ ký 5:16])
 3. Kính sợ mẹ cha (Lê-vi-ký 19:3; 20:9)
 4. Cả nam và nữ đều có thể làm người Na-xi-rê (Dân số ký 6:1-2)
 5. Người con gái cũng có quyền hưởng tài sản (Dân số ký 27:1-11)
 6. Cả hai đều thuộc về dân giao ước (Phục truyền luật lệ ký 29:10-12)
 7. Giữ những sự dạy dỗ của cha và của mẹ (Châm Ngôn 1:8; 6:20)
 8. Các con trai và con gái của Hê-man (gia đình Lê-vi) hướng dẫn âm nhạc trong Đền Thờ (I Sứ Ký 25:5-6)
 9. Các con trai và con gái sẽ nói tiên tri trong thời đại mới (Giô-ên 2:28-29)
- C. Phụ nữ ở địa vị lãnh đạo:
 1. Mi-ri-am, chị của Môi-se, được gọi là nữ tiên tri (Xuất Ê-díp-tô ký 15:20-21)
 2. Những phụ nữ được Chúa ban cho tài đàn các vật liệu dùng trong đền tạm (Xuất Ê-díp-tô ký 35:25-26)

3. Đê-bô-ra, một phụ nữ, cũng là một tiên tri (Các quan xét 4:4), là người lãnh đạo tất cả các chi phái (Các quan xét 4:4-5; 5:7)
4. Nữ tiên tri Hun-đa, là người vua Giô-si-a chỉ định để đọc và giải nghĩa “Sách Luật pháp” vừa được tìm thấy (II Các Vua 22:14; II Sử ký 34:22-27)
5. Hoàng hậu Ê-xơ-tê, một người nữ yêu mến Chúa, đã cứu dân tộc Do thái ở Ba-tư.

II. Tân ước

- A. Về mặt văn hóa phụ nữ trong Do thái giáo và trong thế giới Hy-la đều là các công dân hạng hai, chỉ có một ít quyền lợi và đặc ân (ngoại trừ Ma-xê-đoan)
- B. Các phụ nữ ở vai trò lãnh đạo:
 1. Ê-li-sa-bét và Ma-ri là những phụ nữ kính sợ Chúa, để cho Chúa sử dụng đời sống mình (Lu-ca 1-2)
 2. An-ne, một người yêu mến Chúa, phục vụ Chúa tại đền thờ (Lu-ca 2:36)
 3. Ly-đi, một tín hữu và là lãnh đạo một hội thánh tư gia (Công vụ 16:14, 40)
 4. Bốn con gái của Phi-líp là các nữ tiên tri (Công vụ 21:8-9)
 5. Phê-bê, nữ chấp sự trong hội thánh tại Xyn-chi-cơ (Rô-ma 16:1)
 6. Bê-rít-sin, anh chị em đồng làm việc với Phao-lô và là người dạy đạo cho A-bô-lô (Công vụ 18:26; Rô-ma 16:3)
 7. Ma-ri, Tri-phe-nơ, Tri-phô-sơ, Bết-si-đơ, Giu-li, chị của Nê-rê và một số các phụ nữ khác cùng làm việc với Phao-lô (Rô-ma 16:6-16)
 8. Giu-ni-a, có lẽ là nữ sứ đồ (Rô-ma 16:7)
 9. Ê-yô-đi và Syn-ti-cơ, anh chị em đồng lao với Phao-lô (Phi-líp 4:2-3)

III. Làm thế nào để tín hữu ngày nay có sự quân bình khi xem xét các trường hợp khác biệt trong Kinh thánh?

- A. Làm thế nào phân biệt được các lẽ thật thuộc về lịch sử hay thuộc về văn hóa là điều chỉ áp dụng trong bối cảnh nguyên thủy mà thôi, với các lẽ thật trường tồn là điều thích hợp cho tất cả các hội thánh, mọi tín hữu ở mọi thời đại?
 1. Chúng ta phải xem xét một cách rất nghiêm túc ý định nguyên thủy của các trước giả đã được Đức Chúa Trời hà hơi. Kinh thánh là Lời Đức Chúa Trời và là nguồn thông tin duy nhất hướng dẫn đức tin và lối sống của chúng ta.
 2. Chúng ta cũng phải cân nhắc các điều kiện lịch sử hiển nhiên trong các bản văn được hà hơi
 - a. Nền văn hóa (truyền thống và nghi lễ của I-so-ra-en)
 - b. Do-thái giáo thế kỷ thứ nhất.
 - c. Những tuyên bố rõ ràng mang tính chất điều kiện lịch sử của Phao-lô trong 1 Cô-rinh-tô
 - (1) Hệ thống luật pháp của người La-mã ngoại giáo (I Cô-rinh-tô 6)
 - (2) Duy trì nô lệ (I Cô-rinh-tô 7:20-24)
 - (3) Sống độc thân (I Cô-rinh-tô 7:1-35)
 - (4) Trinh nữ (I Cô-rinh-tô 7:36-38)
 - (5) Thức ăn tế thần (I Cô-rinh-tô 10:23-33)
 - (6) Các hành vi không xứng đáng trong Lễ tiệc thánh (I Cô-rinh-tô 11)
 3. Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài một cách rõ ràng cho một văn hóa nhất định trong một thời đại nhất định. Chúng ta phải xem xét nghiêm túc sự mặc khải này, nhưng không nhất thiết phải cân nhắc mọi khía cạnh lịch sử mà nó chứa đựng. Lời của Đức Chúa Trời được viết ra bằng chữ của con người, đề cập đến một văn hóa nhất định trong một thời điểm nhất định.
- B. Sự giải nghĩa Kinh thánh phải nhắm vào ý định của tác giả nguyên thủy. Họ truyền đạt điều gì cho những người thời đó? Đây là nền tảng quan trọng để có được một sự giải nghĩa đúng đắn. Nhưng chúng ta cũng phải áp dụng nó cho thời nay. Đây là vấn nạn về chủ đề phụ nữ trong vai trò lãnh đạo (Vấn nạn giải kinh có lẽ là sự định nghĩa từ ngữ. Có phải các mục vụ nhiều hơn các mục sư lãnh đạo hay không? Nữ chấp sự và nữ tiên tri có được xem là các lãnh đạo hay không?) Điều khá rõ ràng là trong I Cô-rinh-tô 14:34-35, I Ti-mô-thê 2:9-15, Phao-lô khẳng định phụ nữ không nên hướng dẫn trong sự thờ phượng công cộng! Nhưng tôi sẽ áp dụng điều này ngày nay ra sao? Tôi không muốn văn hóa thời Phao-lô cũng như văn hóa của tôi thời nay làm im bật lời của Chúa và ý muốn của Ngài. Có lẽ thời Phao-lô bị quá giới hạn, nhưng thời của tôi cũng có lẽ quá cởi mở. Tôi thấy không an tâm khi cho rằng lời lẽ và sự dạy dỗ của Phao-lô là những lẽ thật có điều kiện, chỉ cho thế kỷ thứ nhất và

chỉ dành cho những trường hợp địa phương mà thôi. Tôi là ai mà dám lấy suy nghĩ riêng của mình hay là văn hóa của mình để bác bỏ một trước giả được linh cảm?

Tuy nhiên, tôi phải làm thế nào khi Kinh thánh liệt kê những trường hợp phụ nữ lãnh đạo (ngay cả trong các thư tín của Phao-lô, xem Rô-ma 16)? Một ví dụ điển hình là trường hợp Phao-lô bàn về sự thờ phượng công cộng trong I Cô-rinh-tô 11-14. Trong câu 1:5, dường như Phao-lô cho phép phụ nữ giảng và cầu nguyện nơi công cộng khi họ trùm khăn trên đầu, tuy nhiên trong các câu 14:34-35 ông muốn họ phải yên lặng! Kinh thánh có nói đến các nữ chấp sự (Rô-ma 16:1) và nữ tiên tri (Công vụ 21:9). Chính sự đa dạng này cho tôi sự tự do để cho rằng những lời bàn của Phao-lô (liên quan đến những cấm cản đối với phụ nữ) chỉ giới hạn cho những người ở thế kỷ đầu tiên tại Cô-rinh-tô và Ê-phê-sô. Ở cả hai hội thánh này, có một số vấn đề xảy ra đối với các phụ nữ mới được ban cho quyền tự do (xem sách của Bruce Winter, *After Paul Left Corinth*), là điều có lẽ đã gây khó khăn cho hội thánh khi đi ra làm chứng về Chúa cho xã hội bên ngoài. Quyền tự do của họ đã bị hạn chế bớt để Phúc âm trở nên hiệu quả hơn.

Thời đại của tôi thì khác hẳn thời Phao-lô. Trong thời nay, nếu những phụ nữ nói năng lưu loát, đã được huấn luyện không được cho phép để đi ra chia sẻ Phúc âm, hoặc không cho cơ hội lãnh đạo, thì Phúc âm có lẽ đã bị hạn chế! Mục tiêu tối hậu của sự thờ phượng công cộng là gì? Không phải để truyền giảng và đạo tạo môn đệ hay sao? Đức Chúa Trời có được tôn cao và hài lòng đối với những nữ lãnh đạo hay không? Cả Kinh thánh dường như trả lời rằng, "Vâng, có"!

Tôi muốn nhường cho Phao-lô; thần học của tôi chủ yếu là lấy từ Phao-lô. Tôi không muốn bị ảnh hưởng thái quá hay bị điều khiển bởi chủ nghĩa quyền phụ nữ hiện đại! Tuy nhiên, tôi cảm thấy hội thánh đã phản ứng quá chậm trước những lẽ thật Kinh thánh hiển nhiên này, như vấn đề không đúng đắn của chế độ nô lệ, tề phân biệt chủng tộc, thái độ tin theo mù quáng không biết gì đến người khác và sự chủ nghĩa phân biệt giới tính. Hội thánh cũng đã phản ứng quá chậm trước sự lạm dụng phụ nữ của thế giới hiện đại ngày nay. Đức Chúa Trời trong Đấng Christ đã giải phóng nô lệ và phụ nữ. Tôi không dám để một bản văn bị ràng buộc bởi văn hóa xiềng xích họ lại một lần nữa.

Một điểm nữa: là một nhà giải kinh, tôi biết Cô-rinh-tô là một hội thánh rất tề. Các ân tứ được đánh giá cao và khoe khoang. Một số phụ nữ có lẽ bị rơi vào điều này. Tôi cũng tin rằng hội thánh ở Ê-phê-sô đã bị ảnh hưởng của các giáo sư giả, những người lợi dụng phụ nữ và dùng họ như những phát ngôn nhân thay thế mục sư trong các hội thánh tư gia ở Ê-phê-sô.

C. Các sách đề nghị để nghiên cứu thêm

1. *How to Read the Bible for All Its Worth* của Gordon Fee và Doug Stuart (trang 61-77)
2. *Gospel and Spirit: Issues in Old Testament Hermeneutics* của Gordon Fee
3. *Hard Sayings of the Bible* của Walter C. Kaiser, Peter H. Davids, F.F. Bruce và Manfred T. Branch (trang 613-616; 665-667).

5:21 "với nhau" Sự thuận phục lẫn nhau là một nguyên tắc toàn cầu vốn liên hệ với mọi tín đồ, nhưng nó chỉ có thể được hoàn thành thông qua sự thuận phục, để Đức Thánh Linh kiểm soát (chết đi đời sống tập chú vào bản thân). Nó chính là một bằng chứng cho sự đảo ngược của Sự Sa Ngã.

NASB, NKJV "trong sự kính sợ Đấng Christ"

NRSV "xuất phát từ sự tôn kính Đấng Christ"

TEV "bởi vì sự tôn kính dành cho Đấng Christ của anh em"

NJB "trong sự thuận phục Đấng Christ"

"Sự kính sợ" là một khái niệm Cựu Ước của một sự kính sợ tôn kính. Sự thánh khiết và độc nhất của YHWH, hoặc thậm chí cả sự hiện diện của linh giới (các thiên sứ), gây ra một phản ứng mạnh mẽ trong nhân loại sa ngã!

Những mối liên hệ giữa các cá nhân với nhau của các tín đồ bị tác động bởi đức tin của họ nơi Đấng Christ. Sự tôn kính Ngài mang lại sự tôn trọng đối với mọi người là những người đã được Ngài ban mạng sống Ngài (Rô-ma 14:1; 15:13). Các tín đồ bày tỏ tình yêu của họ dành cho Đấng Christ qua cách họ yêu mến lẫn nhau (1 Giăng 4:20).

BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): Ê-PHÊ-SÔ 5:22-24

²² Hỡi người làm vợ, hãy thuận phục chồng như thuận phục Chúa. ²³ Vì chồng là đầu vợ, cũng như Đấng Christ là đầu Hội Thánh, Hội Thánh là thân thể Ngài và chính Ngài là Cứu Chúa của Hội Thánh.

²⁴ Vậy nên, như Hội Thánh thuận phục Đấng Christ thế nào thì vợ cũng phải thuận phục chồng trong

5:22 "Hỡi người làm vợ, hãy thuận phục" Không có động từ trong bản tiếng Hy Lạp của Ê-phê-sô 5:22. Nó được chuẩn bị từ Ê-phê-sô 5:21 (vốn là một trong năm phân từ thì hiện tại (present participles) mô tả về đời sống đầy dẫy Đức Thánh Linh). Trong văn mạch này, nó không phải là một mạng lệnh, nhưng là một thể trung cách thì hiện tại (present middle) hoặc một phân từ thể bị động (passive participle). Mạng lệnh duy nhất hướng đến những người chồng trong Ê-phê-sô 5:25 (thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative))! Những người chồng cần phải hành động trong một tình yêu hy sinh, tự-bỏ-chính-mình hướng về vợ của họ, là những người tình nguyện đầu phục.

Tuy nhiên có một số phân đoạn song hành vốn nhấn mạnh sự thuận phục của những người vợ hướng về chồng:

1. Một thể mệnh lệnh bị động thì hiện tại (present passive imperative) trong Cô-lô-se 3:18
2. Một phân từ bị động thì hiện tại (Present passive participle) trong Tít 2:5 được dùng như một thể mệnh lệnh (imperative)
3. Một phân từ bị động thì hiện tại (Present passive participle) khác trong 1 Phi-e-rơ 3:5 được dùng như một thể mệnh lệnh (imperative)

Những phân đoạn song hành ép buộc những nhà giải kinh phải nhận phân từ trong Ê-phê-sô 5:21 như một phân từ bị động thì hiện tại (Present passive participle) được dùng như một thể mệnh lệnh (imperative) (1 Phi-e-rơ 3:1). Cũng vẫn rất quan trọng rằng thể của nó là bị động. Những người vợ phải cho phép Đức Thánh Linh thực hiện vai trò này trong đời sống của họ.

Trong cả hai tài liệu *Analytical Greek New Testament* của Barbara và Timothy Friberg và *An Analysis of the Greek New Testament* của Max Zerwick và Mary Grosvenor đều gọi động từ này là một thể bị động, nhưng những tài liệu *The Analytical Greek Lexicon Revised*, được hiệu đính bởi Harold K. Moulton; *Word Pictures In the New Testament* của A.T. Robertson; và "Ephesians" trong *The Anchor Bible Commentary* của Markus Barth gọi nó là một thể trung cách. Tiếng Hy Lạp Koine là một tiến trình của việc sáp nhập hai thể này thành một.

Phao-lô minh họa một đời sống đầy dẫy Thánh Linh bằng việc sử dụng ba nhóm thành viên của bối cảnh gia đình Hy-La là những người không có quyền lợi-những người vợ, con cái, và nô lệ. Ông bày tỏ cách mà Thánh Linh biến đổi những mối liên hệ theo văn hóa trở nên những mối liên hệ thuộc linh, những quyền lợi trở nên trách nhiệm.

▣ Nếu phân từ ở thể trung cách thì nó nhấn mạnh sự tham dự một cách tình nguyện của người vợ trong sự thuận phục trong hôn nhân cho lợi ích vốn đến từ một mối quan hệ hôn nhân bình an, yêu thương với một người phối ngẫu tin kính. Nếu phân từ ở thể bị động nó bày tỏ rằng người vợ cần phải cho phép Thánh Linh thực hiện công việc của Ngài trong tâm lòng của mình (Ê-phê-sô 5:18) vốn ảnh hưởng trên cả người chồng và con cái, cũng như là những nô lệ gia nhân.

▣ "**như thuận phục Chúa**" Một điều nên so sánh với Cô-lô-se 3:18, "trong Chúa." Đây không phải là người chồng có thẩm quyền cao nhất, nhưng rằng những người vợ cần phải tôn trọng những người chồng của mình bởi vì mối quan hệ của chính họ hướng về Đấng Christ. Chúa Jesus đã thiết lập nên tặng cho cả sự thuận phục thẩm quyền (luôn là ý muốn của Cha) và sự thực hành thẩm quyền (trên hội thánh, Ê-phê-sô 5:25).

5:23 "chồng là đầu ...cũng như Đấng Christ là Đầu" Đấng Christ được mô tả như người chồng và hội thánh là cô dâu (Khải Huyền 19:7; 21:2,9). Người chồng cần hành động trong địa vị lãnh đạo được-Đức-Chúa-Trời-trao-cho cũng như Đấng Christ đã thực hiện. Ngài đã phó chính mình Ngài cho hội thánh. Nó không phải là vấn đề quyền lực, kiểm soát, nhưng là vấn đề phó-chính-mình.

Cương vị đứng đầu của phái nam là một vấn đề rất gây tranh cãi trong xã hội tây phương hiện đại của chúng ta. Điều này có một vài lý do:

1. Chúng ta không hiểu về sự lãnh đạo tột
2. Chúng ta không giống với xã hội thời các tổ phụ bởi vì chủ nghĩa bình đẳng hiện đại của chúng ta nhấn mạnh trên giá trị của cá nhân
3. Chúng ta bối rối bởi cách nhấn mạnh nghịch lý của Kinh Thánh về vai trò đứng đầu của nam giới trong một vài phân đoạn và sự bình đẳng trong những phân đoạn khác

Theo ý kiến của tôi, câu trả lời dựa trên gương mẫu được thiết lập bởi sự làm đầu thật của Chúa Jesus trong mối quan hệ với hội thánh và vai trò tột tột thật (sự thuận phục) với Đức Chúa Cha. Sự thuận phục này không thể trong bất kỳ cách nào bày tỏ sự bất bình đẳng, nhưng là một sự thiết lập theo chức năng quản trị. Vai trò làm đầu đề cập về một loại của sự lãnh đạo vốn phục vụ những nhu cầu của những người khác trong một cách ban-cho-

chính-mình. Xã hội hiện đại của chúng ta chối bỏ thẩm quyền, nhưng tìm kiếm quyền lực!

Cá nhân tôi có thể chấp nhận vai trò làm đầu của người nam như là một hậu quả của sự sa ngã (Sáng 3:16; 1 Ti-mô-thê 2:12-14). Tôi có thể xác nhận nó như là một khái niệm theo Kinh Thánh trong sự soi sáng của sự lãnh đạo trên hội thánh của Chúa Jesus (Ê-phê-sô 5:22-33). Nhưng điều tôi cảm thấy khó chấp nhận chính là một lệnh mang tính gia trưởng (những xã hội nam giới cai trị) như một kế hoạch được bày tỏ bởi Đức Chúa Trời cho mọi thời đại và xã hội (Rô-ma 3:27; 1 Cô-rinh-tô 12:7, 13; Ga-la-ti 3:28-29; Cô-lô-se 3:11). Chẳng phải rằng sự đồng công cùng nhau đã quá rõ ràng trong Sáng 1:27; 2:18 vốn đã bị đánh mất trong sự nổi loạn của A-đam và Ê-va (Sáng 3:16), đã quay lại trong sự cứu rỗi? Có phải sự rửa sả của tội lỗi và sự phụ thuộc đều đã được giải quyết ở trong sự cứu chuộc của Chúa Jesus? Cũng như thời đại mới đã đột phá trong đời sống của các tín hữu giờ đây, thì cũng vậy sự phục hồi của một mối liên hệ trọn vẹn cùng với Đức Chúa Trời như trong vườn Ê-đen cũng bắt đầu giờ đây?

Tôi cũng muốn đưa ra một luận điểm giải kinh. Là một nhà giải kinh về những gì tôi tin về sự khải-tỏ-cá-nhân của một Đức Chúa Trời chân thật và Đấng Christ của Ngài, tôi ngạc nhiên bởi khía cạnh văn hóa của Kinh Thánh. Chúng ta nhìn thấy nó rất rõ ràng trong Tân Ước (sự cắt bì, những luật lệ về thức ăn, những luật lệ về bệnh phung, v.v...). Nhưng nó còn khó khăn hơn rất nhiều cho chúng ta là những Cơ Đốc Nhân hiện đại để nhìn thấy nó trong Tân Ước. Tôi chắc chắn điều này (1) bởi vì tình yêu và sự tôn trọng của chúng ta dành cho Kinh Thánh và (2) khuynh hướng của chúng ta hướng về tư tưởng giải nghĩa theo từng chữ theo nghĩa đen mang tính chất định hướng (propositional literalism).

Có hai vấn đề vốn nổi trội với tôi vốn có những khía cạnh văn hóa rõ ràng (1) những xã hội nam giới thống trị (chế độ gia trưởng) và (2) nô lệ. Tân Ước chưa bao giờ nỗ lực để đề cập đến sự không công bằng của những cột trụ văn hóa của thế giới cổ xưa. Có lẽ bởi vì sẽ có nghĩa là một sự hủy diệt của Cơ Đốc Giáo. Nhưng phúc âm xuyên suốt theo thời gian thì bãi bỏ cả hai! Lẽ thật của Đức Chúa Trời không bao giờ thay đổi nhưng các xã hội thì thay đổi. Nó thật sự là một sai lầm chết người cho chúng ta khi chúng ta nỗ lực để biến văn hóa Hy-La thế kỷ thứ nhất vào trong ý muốn của Đức Chúa Trời cho tất cả mọi người và đương nhiên một phạm trù tương đồng cho văn hóa Do Thái. Đối với mỗi nền văn hóa trên, Đức Chúa Trời đã khải tỏ chính mình Ngài trong những cách đầy quyền năng và vĩnh cửu. Chức năng thật sự chính là làm thế nào để nhận lấy những sự tuyệt đối đời đời từ trong lớp vỏ văn hóa của nó. Một quyển sách hay vốn thảo luận về chính vấn đề này là quyển sách của Fee và Stuart, *How to Read the Bible For All Its Worth*.

Một cách để cố gắng xác định ra điều nào là vĩnh cửu và, vì thế, bắt buộc tất cả mọi tín đồ trên mọi thời đại và điều nào là mang tính văn hóa hoặc lựa chọn cá nhân rằng Kinh Thánh (Cựu và Tân Ước) đã ban một thông điệp đồng nhất hoặc nó ghi nhận một sự đa dạng những ý kiến khác nhau (theo quyển sách của Fee and Stuart, *How to read The Bible for All Its Worth*).

Một sự sợ hãi của chính tôi rằng tôi đã cho phép những sự dạy dỗ, huấn luyện mang tính chất hệ phái, tính cách, văn hóa, và những sự lựa chọn cá nhân đã làm im lặng hoặc giảm nhẹ một lẽ thật được mặc khải! Thẩm quyền tối cao của tôi chính là Đức Chúa Trời và sự mặc khải của Ngài (qua Con Ngài và trong phần được chép lại, Kinh Thánh). Nhưng tôi nhận ra rằng Ngài đã mặc khải chính mình Ngài trong một giai đoạn đặc biệt của lịch sử, cho một nền văn hóa đặc biệt và mọi điều trong nền văn hóa đó không phải là ý muốn của Ngài. Dầu vậy, Đức Chúa Trời đã phán với mọi người trong nền văn hóa đó trong những thuật ngữ và phạm trù mà họ có thể hiểu được. Kinh Thánh khi đó là một tài liệu mang tính chất lịch sử. Tôi không dám chối bỏ khía cạnh siêu nhiên và khía cạnh văn hóa của Kinh Thánh.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐẦU (KEPHALĒ)

Có nhiều cuộc tranh luận gay gắt về ý nghĩa “cái đầu” (*kephalē*). Nó có thể là:

1. Theo ngôn ngữ Cựu Ước Hê-bơ-rơ, *rosh*, nghĩa là
 - a. cái đầu
 - b. lãnh đạo
 - c. khởi đầu
 - d. tổng số

(theo *Dictionary of Cựu Ước Theology và Exegesis*, vol. 3, trang 1015-1020)

2. Theo bản Bảy Mươi thuật ngữ *rosh* được dịch ra tiếng Hy-lạp là
 - a. *arc* (Ban đầu, theo Thi Thiên 137:6)
 - b. *prōtotokos* (đầu tiên, theo I Sứ ký 5:12)
 - c. *kephalē* (cái đầu)

(1) cái đầu người

- (2) cái đầu con vật
- (3) đỉnh núi
- (4) đỉnh tháp (theo Ma thi ơ 21:42)

3. Trong Tân Ước *kephalē*

- a. cái đầu người (theo I Cô rin tô 11:4,5,7)
- b. cái đầu con vật
- c. thổ ngữ nói về con người
- d. khởi đầu, nguồn gốc (theo I Cô rin tô 11:3)
- e. tông (theo Rô ma 13:9)
- f. lãnh đạo
- g. chồng (theo Ê phê sô 5:23)

(theo *Dictionary of New Testament Theology*, vol. 2, trang 156-163)

5:24 " Vậ y nê n, n hữ h ội Th ánh thu ậ n p hứ c " Hình thái của động từ này hoặc là thể bị động thì hiện tại (present passive) hoặc Thể chỉ định trung cách thì hiện tại (present middle indicative) (hãy xem phần bài viết tại đoạn văn thứ tư tại Ê-phê-sô 5:22). Cũng như những người vợ cần phải thuận phục chồng mình với mục đích cho (1) lợi ích tốt nhất cho chính bà (thể trung cách (middle voice)) hoặc (2) bởi vì bà được khiến cho có khả năng bởi Thánh Linh của Đức Chúa Trời (thể bị động (passive voice)), thì cũng vậy, hội thánh phải thuận phục Đấng Christ.

▣ **"hội thánh"** Hãy xem những bài viết tại Ê-phê-sô 3:10 và Chủ Đề Đặc Biệt tại Cô-lô-se 1:18.

▣ **"trong mọi sự "** Đấng Christ, chứ không phải những người chồng, phải là thẩm quyền cao nhất (Ma-thi-ơ 10:34-39). Câu này không trói buộc một người vợ tin kính với một người chồng bạo hành cũng như nó không cho phép những hành động hoặc hành vi xấu xa được yêu cầu bởi một người chồng độc đoán.

BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): Ê-PHÊ-SÔ 5:25-6:3

²⁵ Hỡi người làm chồng, hãy yêu vợ mình như Đấng Christ đã yêu Hội Thánh, xả thân vì Hội Thánh ²⁶ để thánh hóa Hội Thánh sau khi dùng nước và lời Ngài thanh tẩy Hội Thánh, ²⁷ nhằm trình diện trước mặt Ngài một Hội Thánh vinh hiển, không vết, không nhăn, không gì giống như vậy, nhưng thánh sạch và toàn hảo. ²⁸ Cũng vậy, chồng phải yêu vợ như chính thân mình. Ai yêu vợ là yêu chính mình. ²⁹ Vì không hề có người nào ghét chính thân mình, nhưng nuôi nấng, chăm sóc nó như Đấng Christ đối với Hội Thánh, ³⁰ vì chúng ta là các chi thể của thân Ngài. ³¹ Chính vì lý do này, "người nam sẽ lia cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai trở nên một thịt." ³² Sự mầu nhiệm này thật cao sâu, tôi muốn nói đến Đấng Christ và Hội Thánh. ³³ Thế thì mỗi người trong anh em phải yêu vợ mình như chính mình, còn vợ thì phải kính trọng chồng. ¹ Hỡi những người làm con, hãy vâng lời cha mẹ mình trong Chúa, vì đây là điều phải lẽ. ² "Hãy hiếu kính cha mẹ người" — ấy là điều răn thứ nhất, có kèm theo lời hứa — ³ "để người được phước và được sống lâu trên đất."

5:25 " H ỡi n gườ i làm ch ồng, h ấ y yêu v ợ m ình " Đây là một thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative) vốn là thể mệnh lệnh (imperative) duy nhất trong cả đoạn văn. Người chồng nên thiết lập nên một bầu không khí thuộc linh trong gia đình bằng cách tiếp tục yêu vợ mình cũng như cách Đấng Christ đã yêu hội thánh. Đây là một lời khẳng định tích cực triệt để trong thời kỳ ấy, nhưng trong thời đại của chúng ta cả đoạn văn này dường như mang tính tiêu cực bởi nó phản ánh một khái niệm thần học của vai trò làm đầu của người nam trong gia đình (Sáng 3:16; 1 Cô-rinh-tô 11:3; 2 Ti-mô-thê 2:13). Tuy nhiên, những người chồng Cơ Đốc Nhân chính là những người lãnh đạo tồi, không phải những ông chủ.

▣ **" xả thân (phó sự sống Ngài) vì Hội Thánh "** Giới từ *huper* có nghĩa là "thay mặt cho." Điều này chỉ về sự chuộc tội thay, thế cho của Đấng Christ. Nó cũng là một loại tình yêu phó-chính-mình được yêu cầu dành cho những người chồng.

5:26 " đ ể (Ng ài có th ể) th ánh h óa H ội Th ánh " Những động từ chính trong Ê-phê-sô 5:26,27 đều là những thể cầu khẩn (giả định) chủ động thì bất định (aorist active subjunctives) (Giăng 17:17-19; Tít 2:14; Hê-bơ-ro 10:10,14,29; 13:12). Từ thánh hóa có nguồn gốc từ gốc từ "thánh." Mục đích của sự xưng công chính chính là sự nên thánh (Ê-phê-sô 1:4; Rô-ma 8:29-20). Thể cầu khẩn (giả định) thêm vào một sự lưu ý trong trường hợp có

thể xảy ra. Cũng giống như hội thánh bắt buộc phải hợp tác, thì cũng vậy, đối với người vợ.

- NASB** "đã được rửa chính mình bà bởi sự rửa bằng nước cùng với lời."
NKJV "rửa nó với sự rửa bằng nước bởi lời "
NRSV "bởi sự rửa bà với sự rửa của nước bởi lời "
TEV "bởi lời Ngài, sau khi khiến nó trở nên tinh sạch bằng sự rửa trong nước "
NJB "Ngài đã khiến bà được sạch bởi sự rửa bà trong nước với một khuôn mẫu của những lời"

Đây có lẽ là một ẩn dụ Cựu Ước cho sự tẩy rửa (Giăng 15:3; Tít 3:5). Nó có thể chỉ về

1. Nghi lễ báp-tem (Ma-thi-ơ 28:19-20; Công Vụ 2:38; Tít 3:5)
2. Sự tuyên xưng công khai đức tin tại lễ báp-tem (Công Vụ 22:16; 1 Cô-rinh-tô 6:11)
3. Một sự tiếp tục của hình ảnh hôn nhân, một nghi lễ nhúng mình xuống nước của cô dâu trước nghi lễ, một biểu tượng văn hóa của sự tinh sạch

"Lời" có lẽ chỉ đến Kinh Thánh, nhưng về những lời của người hướng dẫn lễ báp-tem hoặc của một sự tuyên xưng đức tin của người chịu báp-tem.

5:27 "nhằm trình diện trước mặt Ngài một Hội Thánh " Đây là một thể giả định (câu khẩn) chủ động thì bất định (aorist active subjunctive) khác, vốn được trình bày như một yếu tố có thể xảy ra. Điều này có vẻ như chỉ đến Bữa Tiệc Cưới Chiên Con, (Khải Huyền 19:6-9). Cũng như tình yêu mang tính cách mạng của Chúa Jesus cho hội thánh, thì cũng vậy, tình yêu của một người chồng đối với vợ mình cần phải làm bền vững và đem phước hạnh cho gia đình Cơ Đốc.

▣ " **vết** " Từ này nguyên văn là là "không có sự tinh sạch."

▣ " **nhấn** " Nguyên văn từ này có nghĩa là "không có dấu hiệu tuổi tác."

▣ " **thánh sạch** " Từ này có nguồn gốc từ cùng một gốc từ với "thánh hóa" trong Ê-phê-sô 5:26 (Ê-phê-sô 1:4). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Thánh khiết tại Ê-phê-sô 1:4.

▣ " **toàn hảo (không chỗ trách được)** " Đây là một thuật ngữ tế lễ Cựu Ước (1 Phi-e-rơ 1:19). Cùng một khái niệm này được đề cập như ý muốn của Đức Chúa Trời dành cho hội thánh trong Ê-phê-sô 1:4. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Không Chỗ Trách Được tại Cô-lô-se 1:22.

Tầm quan trọng lũy tiến của tất cả những từ này chính là Đức Chúa Trời khao khát sự thánh khiết trọn vẹn của dân sự Ngài (Ê-phê-sô 1:4). Mục đích của Cơ Đốc Giáo chính là sự trở nên giống như Đấng Christ (Rô-ma 8:28-29; Ga-la-ti 4:14). Hình ảnh của Đức Chúa Trời trong con người được phục hồi!

5:28 " như chính thân mình " Khi một người chồng Cơ Đốc yêu người vợ Cơ Đốc của họ, họ yêu chính bản thân mình bởi vì trong Đấng Christ họ chính là "một thịt" (Sáng 2:24). Cũng như Hội Thánh chính là sự mở rộng của Đấng Christ, những người chồng và những người mở chính là sự mở rộng lẫn nhau.

5:29 " nuôi nấng " Đây là một ẩn dụ của loài chim vốn có nghĩa "cho ăn để trưởng thành." Nó được sử dụng cho sự nuôi dạy con cái trong 6:4.

▣ " **chăm sóc** " Đây là một ẩn dụ của loài chim khác, "làm ấm." Hai từ này nên đem lại sự tác động, khích lệ mọi hành động của người chồng Cơ Đốc trưởng thành hướng đến người vợ của mình. Những người chồng là những người quản gia của những ân tứ, sự ban cho của những người vợ (và con cái của họ) cũng như của chính họ! Người lãnh đạo thuộc linh của gia đình cần phải tìm kiếm sự trưởng thành của mỗi một thành viên trong gia đình trong Đấng Christ.

5:30 " chúng ta là các chi thể của thân Ngài " Hội thánh như là thân thể chính là một trong những ẩn dụ mang tính tập thể của Phao-lô vốn nhấn mạnh sự hiệp một ở giữa sự đa dạng (1 Cô-rinh-tô 12:12-27).

5:31 Đây là một phần trích trong Bản Bảy Mươi (LXX) của Sáng Thế Ký 2:24. Cũng như một gia đình Cơ Đốc chính là một đơn vị hữu cơ, thì hội thánh và Đấng Christ cũng vậy. Gia đình là một đơn vị không thể chia cắt, cũng giống như hội thánh và Chúa của họ (Giăng 17:11,21-22) là một cơ thể (1 Cô-rinh-tô 12). Lễ thật này chối bỏ sự độc chiếm của những giáo sư giả trong ngày đó và trong mọi thời đại.

5:32 "sự màu nhiệm" Bản Latin Vulgate chép là "lễ thánh (bí tích)," nhưng đây là một sự thêm vào văn bản

theo quan điểm tin vào quyền năng của các nghi lễ thánh Công Giáo La Mã (sacramentalism). Phao-lô sử dụng từ "sự mầu nhiệm" một vài lần có lẽ bởi vì nó là một từ yêu thích của những giáo sư giả Trí Huệ Giáo. Phao-lô sử dụng nó trong một vài cách. Ở đây nó lên hệ với một sự so sánh ẩn dụ giữa những người chồng và vợ/ Đấng Christ và hội thánh. Để xem bài thảo luận đầy đủ hãy xem 1:9 và 3:3.

5:33 " yêu. . . kính trọng " Đây là một thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative) và thể giả định (câu khẩn) trung cách thì hiện tại (present middle (deponent) subjunctive). Chồng nhận được mạng lệnh phải tiếp tục yêu vợ mình như chính bản thân (một thịt, Ê-phê-sô 5:31) và vợ được kêu gọi hãy phó thác và tôn trọng chồng mình, vốn sẽ làm nổi bật và vững mạnh những trói buộc của tình yêu thương giữa họ với nhau. Đây chính là lời tuyên xưng tóm lại của toàn bộ đoạn Kinh Thánh này (Ê-phê-sô 5:21-33).

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Tại sao lại rất quan trọng rằng các tín đồ cần phải sống những đòi sống tin kính (trở nên giống như Đức Chúa Trời)?
2. Tại sao những tội lỗi về mặt tình dục lại được nhấn mạnh trong văn mạch này?
3. Các Cơ Đốc Nhân có thể sa ngã khỏi ân điển bởi những cách sống của họ hay không? (Ê-phê-sô 5:5)
4. "Được đổ đầy bởi Đức Thánh Linh" bao gồm những điều gì?
5. Tại sao 5:22-6:9 được xem là tích cực triệt để trong những ngày ấy nhưng lại trở nên quá tiêu cực trong thời đại của chúng ta?
6. Có phải 5:22-33 dạy rằng phụ nữ cần phải thuận phục nam giới?
7. Tại sao Phao-lô so sánh gia đình Cơ Đốc Nhân với Đấng Christ và hội thánh?

Ê-PHÊ-SÔ 6

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Con Cái và Cha Mẹ	Con Cái và Cha Mẹ	Gia Đình Cơ Đốc Nhân	Con Cái và Cha Mẹ	Đạo Đức Gia Đình
		(5:21-6:9)		(5:21-6:9)
6:1-4	6:1-4	6:1-3 6:4	6:1-3 6:4	6:1-4
Nô Lệ và Chủ	Tôi Tớ và Chủ		Nô Lệ và Chủ	
6:5-9	6:5-9	6:5-8 6:9	6:5-8 6:9	6:5-9
Trận Chiến Chống Lại Điều Ác	Áo Giáp Toàn Vẹn của Đức Chúa Trời	Áo Giáp từ Đức Chúa Trời và Trận Chiến của Cơ Đốc Nhân	Áo Giáp Toàn Vẹn của Đức Chúa Trời	Trận Chiến Thuộc Linh
6:10-20	6:10-20	6:10-17 6:18-20	6:10-13 6:14-20	6:10-13 6:14-17 6:18-20
Những Lời Chào Thăm Cuối Cùng	Một Lời Chào trong Ân Điển	Những Vấn Đề Cá Nhân và Lời Chào	Armor	Những Tin Tức Cá Nhân và Lời Chào Sau
6:21-22	6:21-24	6:21-22	6:21-22	6:21-22
6:23-24		6:23-24	6:23-24	6:23-24

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH TO 6:1-9

A. Đơn vị văn học bắt đầu từ Ê-phê-sô 5:22 khi Phao-lô sử dụng gia đình Cơ Đốc như một hình mẫu cho một đời sống đầy dẫy Thánh Linh (Ê-phê-sô 5:18) tác động lên đời sống hàng ngày.

B. Những ví dụ trong gia đình của Phao-lô được đề cập trong ba cặp đối tượng:

1. Những người vợ và chồng
2. Con cái và các bậc cha mẹ
3. Những gia nô và chủ

C. Phao-lô nhắc đến những người không có bất cứ quyền lực hoặc quyền lợi nào theo văn hóa (những người vợ, con cái hoặc nô lệ), nhưng ông cũng đề cập đến những người đang nắm quyền lực (chồng, cha mẹ, chủ nô).

D. Ví dụ về gia đình được xử lý chỉ riêng trong một gia đình Cơ Đốc. Quyền lực của sự tôn trọng lẫn nhau và tình yêu đã thiết lập nên nền tảng. Nội dung này không đề cập đến vấn đề của chỉ một phía trong ba cặp đối tượng Cơ Đốc Nhân. Những hành động của các tín đồ đối với nhau được định hình bởi mối liên hệ với Đấng Christ và không bởi giá trị hoặc biểu hiện của phía còn lại.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): Ê-PHÊ-SÔ 6:1-3

¹ Hỡi những người làm con, hãy vâng lời cha mẹ mình trong Chúa, vì đây là điều phải lẽ. ² “Hãy hiếu kính cha mẹ người” — ấy là điều răn thứ nhất, có kèm theo lời hứa — ³ “để người được phước và được sống lâu trên đất.”

6:1 "con" Không rõ độ tuổi nào được đề cập đến ở đây. Trong cuộc sống của người Do Thái một cậu bé trở nên một người đàn ông, chịu trách nhiệm trước Luật Pháp và có thể lập gia đình, vào độ tuổi 13 (*bar mitzvah*); một cô bé trở nên một người phụ nữ vào độ tuổi 12 (*bath mitzvah*). Trong văn hóa La Mã một cậu bé trở thành một người đàn ông vào độ tuổi 14, và trong văn hóa Hy Lạp, vào độ tuổi 18.

▣ **"vâng lời"** Đây là một thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (*present active imperative*) vốn là một từ ghép Hy Lạp có nguồn gốc từ từ "nghe" và "dưới." Phần Kinh Thánh song hành trong Cô-lô-se thêm vào "trong mọi sự." Sự vâng phục này là bắt buộc cho một khoảng thời gian được ấn định (thời thơ ấu). Ngay cả mạng lệnh này cũng cần phải được cân bằng với Ma-thi-ơ 10:34-39. Thâm quyền cao nhất không phải nơi cha mẹ, nhưng là Đức Chúa Trời.

▣ **"trong Chúa"** Cụm từ này vắng mặt trong những thảo bản cổ tiếng Hy Lạp ông-xi-an B, D⁴, F và G, nhưng lại hiện diện trong các bản P⁴⁶, κ , A, và D¹ cũng như những bản dịch Vulgate, Peshitta, Coptic và Armenian. Sự bao gồm của nó khiến định rõ ràng văn mạch ở đây chính là gia đình Cơ Đốc. Văn mạch hàm ý cả về những con cái Cơ Đốc và những bậc cha mẹ Cơ Đốc.

▣ **"vì đây là điều phải lẽ"** Kinh Thánh rõ ràng bày tỏ về mối liên hệ được-ban-cho-bởi-Đức-Chúa-Trời giữa cha mẹ và con cái (Cô-lô-se 3:20; Pro. 6:20; 23:27). Những gia đình khỏe mạnh tạo nên những cộng đồng vững mạnh.

6:2 "hiếu kính (tôn trọng)" Đây là một thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (*present active imperative*). Nó là một phần trích từ Mười Điều Răn (Xuất 20:12; Phục Truyền 5:16). "Tôn trọng (hiếu kính)" là một thuật ngữ vốn có nghĩa "trao cho dựa theo sức nặng." Nó phản ánh khái niệm Cựu Ước mà trong khái niệm ấy thứ gì "nặng" là có giá trị. Cha mẹ cần phải được tôn trọng (hiếu kính) và trân trọng bởi con cái Cơ Đốc. Không có bậc cha mẹ hoàn hảo (cũng như không có con cái hoàn hảo).

▣ **"cha mẹ"** Từ này chỉ ra rằng cả cha và mẹ đều xứng đáng được tôn cao và tôn trọng.

▣ **"(ấy là điều răn thứ nhất, có kèm theo lời hứa)"** Trích dẫn trong Ê-phê-sô 6:3 được dùng trong Phục Truyền một vài văn mạch khác (Ê-phê-sô 4:40; 5:16,33; 30:17-18). Đây không chỉ là một lời hứa cá nhân về sự trường thọ, nhưng là một lời hứa mang tính văn hóa về một xã hội bền vững. Hãy chú ý rằng Phao-lô, qua sự trích dẫn Mười Điều Răn, đã chỉ ra rằng Luật Pháp (Sáng Thế Ký-Pục Truyền) vẫn còn có hiệu lực vưon xa đến sự hướng dẫn được khải tỏ dành cho Cơ Đốc Nhân (Ê-phê-sô 4:25,26; Rô-ma 10:4; 13:9-10; Ga-la-ti 2:15-21) nhưng không dành cho sự cứu rỗi (Ga-la-ti 3).

6:3 " trên đất " Phao-lô đã làm cho phù hợp phần trích Cựu Ước từ "trên đất mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đã ban cho người" (Xuất 20:12; Phục Truyền 5:16) và biến nó thành một nguyên tắc chung. Các tác giả Tân Ước thường lấy những lời hứa Cựu Ước dành cho Y-sơ-ra-ên và khiến chúng trở nên những lẽ thật toàn cầu.

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): Ê-PHÊ-SÔ 6:4

⁴ Hỡi những người làm cha, đừng làm cho con cái mình tức giận, nhưng hãy nuôi nấng chúng trong kỷ luật và sự khuyên dạy của Chúa.

6:4

NASB, NKJV,

NRSV

" người làm cha "

TEV, NJB

" các bậc cha mẹ "

Bản Kinh Thánh tiếng Hy Lạp chép là "những người làm cha." Những bản Kinh Thánh sống động hiện đại tương đồng trong tiếng Anh (TEV and NJB) đã mở rộng ý nghĩa bởi Ê-phê-sô 6:2, nơi cả cha và mẹ đều được đề cập đến. Tuy nhiên, trong văn mạch lớn hơn của Ê-phê-sô 5:21-6:9, Phao-lô đề cập đầu tiên đến ba nhóm người vốn không có những quyền lợi trong xã hội-những người vợ, con cái, nô lệ-và từ đó đề cập đến những người có mọi quyền lợi-những người chồng-cha, và chủ. Có một trách nhiệm thuộc linh dành cho mọi thành viên trong một gia đình Cơ Đốc.

▣ **" đừng làm ...tức giận "** Đây là một thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative) với tiểu từ phủ định (negative particle) vốn thường có nghĩa chấm dứt một hành động đã ở trong tiến trình (Cô-lô-se 3:21). Giống với 5:25, đây là một sự quân bình cần thiết, trong xã hội Hy-La, và chúng ta. Những người cha không phải là những thẩm quyền cao nhất, nhưng là những người quản trị Cơ Đốc trên gia đình của họ.

Những người cha Cơ Đốc phải hiểu vai trò quản trị của họ trên đời sống của con cái mình. Những người cha không phải để dạy những điều ưa thích của cá nhân, nhưng là những lẽ thật thuộc linh. Mục tiêu không phải là thẩm quyền cha mẹ, nhưng chuyển giao thẩm quyền của Đức Chúa Trời cho con cái. Vẫn luôn luôn có kẽ hở giữa các thế hệ, nhưng không bao giờ có kẽ hở về thẩm quyền thiên thượng. Con cái không buộc phải phản ánh những thói quen sự lựa chọn, và lối sống của cha mẹ để làm vui lòng Đức Chúa Trời. Chúng ta cần phải thận trọng trong những khao khát uốn nắn con cái chúng ta vào trong một sự hiểu biết theo văn hóa hiện tại của chúng ta hoặc phản chiếu những sự yêu thích lựa chọn cá nhân của chúng ta.

Là một mục sư địa phương ở gần một trường học lớn của bang, tôi chú ý rằng nhiều trong số những người trẻ phóng đảng bậc nhất xuất thân từ những gia đình Cơ Đốc Bảo Thủ vốn không cho phép họ có bất cứ sự lựa chọn cá nhân hoặc sự tự do nào. Các con cái Cơ Đốc cần phải phát triển đời sống của chúng dựa trên sự cáo trách, cảm động và đức tin cá nhân, chứ không phải là những hướng dẫn thứ cấp từ cha mẹ.

▣ **" nuôi nấng chúng "** Đây là một thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative) vốn có nguồn gốc từ cùng một gốc từ, "nuôi dưỡng hướng đến sự trưởng thành," cũng như trong Ê-phê-sô 5:29. Cũng như sự trách nhiệm của người chồng để tiếp tục giúp đỡ vợ mình tăng trưởng hướng đến sự trưởng thành và đầy ơn (ân tứ), ông cũng cần phải giúp đỡ con cái mình vươn đến sự trưởng thành thuộc linh trọn vẹn và đầy ơn của chúng (Ê-phê-sô 4:7).

NASB, NRSV **"trong sự kỷ luật và hướng dẫn của Chúa "**

NKJV **"trong sự rèn tập và khuyên răn của Chúa "**

TEV **"sự kỷ luật và hướng dẫn Cơ Đốc "**

NJB **"sửa dạy chúng và hướng dẫn chúng cũng như Chúa đã làm "**

Từ đầu tiên có nguồn gốc từ từ gốc Hy Lạp dùng cho "con" và chỉ về sự dạy dỗ của cha mẹ trên con cái (Hê-bơ-rơ 12:5,7,8,11) và cho sự dạy dỗ của Chúa trên các tín đồ (Ti-mô-thê 3:16).

Từ thứ hai trong nghĩa chung chỉ về sự cảnh báo, sửa dạy, hoặc khuyên răn (1 Cô-rinh-tô 10:11; Tít 3:10). Sự dạy dỗ con cái trong đức tin chính là sự nhấn mạnh chính yếu của Do Thái Giáo (Phục Truyền 4:9; 6:7-9, 20-25; 11:18-21; 32:46). Sự huấn luyện của cha mẹ nhìn nhận được sự cần thiết của sự chuyển giao đức tin cá nhân và những lẽ thật theo Kinh Thánh của Đức Chúa Trời, chứ không phải là những lựa chọn ưa thích cá nhân, hoặc những ý kiến mang tính chất văn hóa, cho thế hệ tiếp theo.

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): Ê-PHÊ-SÔ 6:5-8

⁵ Hỡi những người nô lệ, hãy run sợ, lấy lòng thành thật vâng phục người chủ trần gian, như vâng phục Đấng Christ, ⁶ không phải chỉ vâng phục trước mặt, như những kẻ muốn được lòng người, mà như những

nô lệ của Đấng Christ, hết lòng thực hiện ý muốn Đức Chúa Trời.⁷ Hãy phục vụ với nhiệt tâm như phục vụ Chúa, chứ không phải phục vụ người ta,⁸ vì biết rằng bất luận nô lệ hay tự do, mỗi người sẽ nhận được phần thưởng từ Chúa, tùy việc tốt mình đã làm.

6:5 " những người nô lệ " Đây là ví dụ thứ ba của Phao-lô để chỉ ra về sự đầy dẫy Thánh Linh đã làm nên một sự đổi mới khác biệt trong đời sống hằng ngày như thế nào (Cô-lô-se 3:22). "Nô lệ" (*douloi*) chỉ về những gia nhân trong gia đình.

☐ **" vâng phục "** Đây là một Thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative). Có một phần Kinh Thánh song hành rất tuyệt vời trong 1 Phi-e-rơ 2:18-21. Có một sự song hành rõ ràng giữa những người vợ, con cái và tôi tớ, ngoại trừ việc những người vợ không được lệnh phải vâng phục như con cái (trong một khoảng thời gian) và nô lệ.

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: PHAO LÔ KHUYẾN VỀ NÔ LỆ

1. Hãy thỏa lòng, nhưng nếu có cơ hội được tự do, hãy nắm lấy (I Cô rin tô 7:21-24)
2. Trong Christ không có nô lệ hay tự do (Ga-la-ti 3:28; Col. 3:11; cf. I Cô rin tô 12:13)
3. Làm việc như đang phục vụ Chúa, Ngài sẽ trả công (Ê-phê-sô 6:5-9; Col. 3:22-25; cf. I Phi ê rơ 2:18-20)
4. Trong Christ nô lệ trở nên anh em (I Tim. 6:2; Philemon vv. 16-17)
5. nô lệ sống tin kính đem lại vinh hiển cho DCT (I Tim. 6:1; Títíc 2:9).

Phao-lô khuyến chủ nô lệ:

Nô lệ và chủ nô lệ Cơ Đốc đều có chung một Chúa nên họ phải tôn trọng lẫn nhau. (Ê-phê-sô 6:9; Cô-lô-se 4:1).

Chế độ nô lệ là một trong những yếu tố văn hóa (cũng giống như văn hóa Phụ Hệ) rằng nó đã là một cột trụ của thế giới trong thế kỷ thứ nhất. Tân Ước không thách thức cả hai khía cạnh này. Tuy nhiên, những lẽ thật của phúc âm, theo thời gian đã thay đổi đầy hiệu quả những yếu tố văn hóa này.

☐ **" người chủ trần gian "** Ở đây từ Hy Lạp xác thịt (*sarx*) được sử dụng trong nghĩa của vật chất, chứ không phải điều ác. Lẽ thật chung liên hệ đến cả những người chủ Cơ Đốc và người chủ không tin (cả những người chủ từ tể và những người chủ không từ tể). Chú ý cụm từ "trong Chúa" không được thấy ở đây như trong hai ví dụ trước đó trong gia đình (Ê-phê-sô 5:21 và 6:1).

Văn hóa tây phương hiện đại không có nô lệ, nhưng lẽ thật thuộc linh chắc chắn áp dụng cho những người tuyền dụng Cơ Đốc và những người làm thuê Cơ Đốc.

☐ **" run sợ "** Đây là một ẩn dụ của sự tôn trọng (1 Cô-rinh-tô 2:3; 2 Cô-rinh-tô 7:15; Phi-líp 2:12).

☐ **" lấy lòng thành thật "** Đây là một ẩn dụ có nguồn gốc từ thuật ngữ "độc thân." Nó được sử dụng trong hai cách trong Tân Ước (1) sự chân thành (I Cô-lô-se 1:12; 11:3; Cô-lô-se 3:22) hoặc (2) rộng rãi, phóng khoáng (Rô-ma 12:8; 2 Cô-rinh-tô 8:2; 9:11,13). Trong văn mạch này thì nó rõ ràng là #1. Động cơ của một tín đồ phải luôn luôn là chìa khóa dẫn đến một hành động đúng đắn, thích đáng, chứ không phải là để được quan sát (Ê-phê-sô 6:6-7). Các tín đồ sống bày tỏ đời sống của họ trong mọi lĩnh vực như là hướng về Chúa (Cô-lô-se 3:22-25 và Rô-ma 14:7-9)! Họ được ban động cơ không phải bởi giá trị hoặc phần thưởng của một người khác, nhưng bởi việc họ là ai trong Đấng Christ.

Những người chồng Cơ Đốc Nhân yêu vợ mình không phải bởi vì những người vợ là hoàn hảo hoặc xứng đáng nhưng bởi vì họ là những Cơ Đốc Nhân. Điều này đúng với mọi mối quan hệ lẫn nhau của con người. Các tín đồ yêu mến Đức Chúa Trời qua việc yêu những người khác được dựng nên trong hình ảnh của Ngài, và những người mà Ngài đã chết vì họ (1 Giăng 2:9,11; 4:20). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Tâm lòng tại Cô-lô-se 2:2.

☐ **" như vâng phục Đấng Christ "** Những tín đồ hành động hướng về nhau bởi vì mối quan hệ của họ với Đấng Christ, chứ không phải bởi vì những gì người khác xứng đáng (Ê-phê-sô 5:22; Rô-ma 14:7-9). Điều này là đúng với những người chồng và vợ, những bậc cha mẹ và con cái, những người chủ và tôi tớ. Những tín đồ khiến con người được đặt ưu tiên bởi vì hình ảnh và tình yêu của Đức Chúa Trời dành cho họ, chứ không phải bởi vì công trạng cá nhân của họ.

6:8 " biết rằng... tùy việc tốt " Văn mạch này không phải là một bối cảnh thờ phượng nhưng là những mối liên hệ hằng ngày của các tín đồ với những người khác, những Cơ Đốc đồng đức tin và những người chưa tin. Đức

Chúa Trời rất quan tâm về mọi hành động của chúng ta. Không có bất kỳ điều gì là thể tục, tất cả đều là thánh!

Câu 8a là một câu điều kiện bậc ba (third class conditional sentence) có nghĩa về một hành động có tiềm năng trong tương lai. Các tín đồ được trông đợi thực hiện những việc (tốt) lành (Ê-phê-sô 1:4; 2:10; 4:17-5:14). Các tín đồ không được xung công chính với Đức Chúa Trời bởi những việc lành nhưng họ được cứu chuộc để bước vào những việc lành.

▣ " **sẽ nhận được phần thưởng từ Chúa** " Đức Chúa Trời đang quan sát đời sống của những tín đồ và họ sẽ giải trình (2 Cô-rinh-tô 5:10). Kinh Thánh cũng nói về những phần thưởng (Ma-thi-ơ 5:12,46; 6:1-2; 10:41-42; Lu-ca 6:23, 35; 1 Cô-rinh-tô 3:8,14; 9:17-18; 2 Giăng 8; Khải Huyền 11:18; 14:13; 22:12) và những mảo triệu thiên (1 Cô-rinh-tô 9:25; 2 Ti-mô-thê 4:8; Gia-cơ 1:23; 1 Phi-e-rơ 5:4; Khải Huyền 2:10). Phao-lô đã đưa ra một nguyên tắc chung tương tự với Ga-la-ti 6:7-9.

BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): Ê-PHÊ-SÔ 6:9

⁹ Hỡi người làm chủ, hãy đối xử với các nô lệ của mình cùng một cách ấy; đừng đe dọa họ, vì biết rằng cả họ lẫn anh em đều có cùng một Chủ ở trên trời, và Ngài không thiên vị ai hết.

6:9 " người làm chủ " câu này vẫn có cùng văn mạch với 5:22-6:9, vốn là một ví dụ mang tính chất gia đình của Phao-lô của một cuộc đời "đầy đầy Thánh Linh" qua hành động. Trong câu này những người chủ ở đây rõ ràng chỉ về các tín đồ, trong khi trong Ê-phê-sô 6:5 họ có thể cả là tín đồ hoặc kẻ không tin.

▣ " **cùng một cách ấy** " Đây là một thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative). Câu này một lần nữa rõ ràng là một sự quân bình cần thiết đối với những người chủ nô lệ, cũng như 5:29 đối với những người chồng và 6:4 đối với các bậc cha mẹ. Mỗi nhóm cần phải bày tỏ ra sự tin kính (trở nên giống với Đức Chúa Trời, đầy đầy Thánh Linh), chứ không phải những đặc quyền ưu tiên theo xã hội. Nguyên tắc vàng của Chúa Jesus (Ma-thi-ơ 7:12) được áp dụng nơi đây.

▣ " **đừng đe dọa họ (nữa)** " Đây là một phân từ chủ động thì hiện tại (present active participle) được sử dụng như một thể mệnh lệnh. Từ này nguyên văn có nghĩa là "tháo lỏng."

▣ " **Ngài không thiên vị ai hết** " Từ "thiên vị" là một từ ghép từ "mặt" và "nhấc lên." Nó chỉ về một quan án Cựu Ước hành xử công bằng mà không nhấc mặt của người bị cáo buộc lên để xem rằng ông có nhận ra anh ta/cô ta hay không. Đức Chúa Trời không thiên vị con người (Phục Truyền 10:17; Công Vụ 10:34; Rô-ma 2:11; Ga-la-ti 2:6; Cô-lô-se 3:25; 1 Phi-e-rơ 1:17). Tất cả sự phân biệt trần gian đều bị xóa nhòa trong Đấng Christ (Rô-ma 3:22; Ga-la-ti 3:26,28; Cô-lô-se 3:11). Hãy xem Chủ Đê Đặc Biệt: Sự kỳ thị, phân biệt tại Cô-lô-se 3:11.

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Tại sao phần Kinh Thánh này lại quá gây sùng sốt trong thời của Phao-lô?
2. Phần Kinh Thánh này nhấn mạnh những quyền lợi hay trách nhiệm?
3. Phần Kinh Thánh này nói gì về phụ nữ? Phần Kinh Thánh này có nên được sử dụng như là một hướng dẫn cho thời đại của chúng ta hay không?
4. Ê-phê-sô 6:21 liên hệ với 5:22-6:9 như thế nào?
5. Con cái có nên luôn luôn vâng phục cha mẹ hay không? Hãy định nghĩa "con cái."
6. Mọi quan hệ nô lệ/ chủ có thể tương tự với chủ lao động/ người làm thuê hay không?
7. Những người vợ và con cái liên hệ với những nô lệ như thế nào?

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH TRONG 6:10-24

- A. Đòi sống Cơ Đốc là một cuộc chiến thuộc linh. Những nan đề, khổ đau, và sự bất bớ không phải là bất thường, nhưng bình thường, cho các Cơ Đốc Nhân trong một thế giới sa ngã (Rô-ma 5:3-4; 8:17-18; 1 Phi-e-rơ 1:6-9; 2:11; 4:12-17; 5:10).
- B. Cuộc chiến thuộc linh có thể liên hệ về mặt văn mạch với thể mệnh lệnh bị động thì hiện tại (present passive imperative), "hãy được đầy đầy Thánh Linh," trong Ê-phê-sô 5:18 và thể mệnh lệnh bị động thì hiện tại (present passive) (hoặc trung cách (middle), hãy xem ghi chú tại Ê-phê-sô 5:22) "phải (được khiến) mạnh mẽ trong Chúa," 6:10. Cũng như sự đồ đầy được liên hệ với sự trở nên giống như Đấng Christ (Christlikeness) hằng ngày (Cô-lô-se 3:16) thì cũng vậy đối với cuộc chiến thuộc linh. Con người là sự ưu tiên với Đức Chúa Trời. Chiến trường ở đây chính là những mối liên hệ lẫn nhau trong một nền tảng mỗi ngày. Duy chỉ con người là vĩnh cửu. Mặc dù những thể bị động nói về quyền năng của Đức Chúa Trời, Cơ Đốc Nhân phải cho phép Thánh Linh làm việc trên đời sống của họ. Giao ước liên hệ cả hai phía, hai sự lựa chọn.
- C. Chúng ta phải cẩn thận về hai cực đoan: (1) Sa-tan gây ra tất cả mọi sự và (2) không có bất kỳ thân vị của điều ác (ma quỷ) nào. Tôi cho rằng bởi niềm tin độc thần Cựu Ước rằng Sa-tan là một hữu thể được tạo dựng và một hữu thể bị kiểm soát (1 Các Vua 22:19-23; Gióp 1-2; Xa-cha-ri 3:1-5). Hắn không phải là kẻ toàn tại (có mặt ở khắp mọi nơi) cũng như không phải là kẻ toàn tri (biết hết tất cả mọi sự). Sa-tan đã được nhắc đến trước đó trong lá thư này trong Ê-phê-sô 2:2 và 4:14,27! Hắn chỉ là một trong ba kẻ thù mà các Cơ Đốc Nhân phải đối mặt hàng ngày, thế gian, Sa-tan (và những kẻ thuộc về nó), và xác thịt (Ê-phê-sô 2:2-3; Gia-cơ 4).
- D. Đức Chúa Trời chu cấp áo giáp và những vũ khí thuộc linh, nhưng các tín đồ cần phải (1) nhận ra cuộc chiến thuộc linh hàng ngày và (2) khiến cho chính mình sẵn sàng, bởi đức tin, tận dụng những sự chu cấp của Đức Chúa Trời và từ đó (3) đứng vững (Ê-phê-sô 6:11,13,14).
Sự trưởng thành thuộc linh không tự động xảy ra, cũng như nó không dựa trên việc sống lâu, chỉ số IQ (sự thông minh), hoặc đầy ân tứ.
- E. Những câu 21-22 gần như giống hệt với Cô-lô-se 4:7-8. Đây là một bằng chứng thêm nữa của mối liên hệ mật thiết giữa hai sách. Tuy nhiên, thật thú vị rằng toàn bộ sự thảo luận về trận chiến thuộc linh lại thiếu vắng trong Cô-lô-se. Mỗi sách đều có tính đặc trưng duy nhất của nó.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): Ê-PHÊ-SÔ 6:10-17

¹⁰ Cuối cùng, anh em phải mạnh mẽ trong Chúa và nhờ sức toàn năng của Ngài. ¹¹ Hãy trang bị mọi khí giới của Đức Chúa Trời để anh em có thể đứng vững chống lại các mưu kế của ma quỷ. ¹² Vì chúng ta chiến đấu, không phải chống lại thịt và máu, nhưng chống lại các quyền thống trị, các thế lực, các kẻ nắm quyền bá chủ thế giới mờ tối này, và các thần dữ ở các nơi trên trời. ¹³ Vì vậy, hãy trang bị mọi khí giới của Đức Chúa Trời, để trong ngày tai họa, anh em có thể chống cự lại; và khi chiến thắng mọi sự rồi, anh em được đứng vững vàng. ¹⁴ Vậy, hãy đứng vững, đeo thắt lưng bằng chân lý, mặc áo giáp công chính, ¹⁵ mang giày bằng sự sẵn sàng của Tin Lành bình an, ¹⁶ luôn luôn dùng đức tin làm thuẫn; nhờ đó anh em có thể dập tắt được mọi tên lửa của ma quỷ. ¹⁷ Hãy đội mũ của sự cứu rỗi và cầm gươm của Thánh Linh, là lời Đức Chúa Trời.

6:10 " cuối cùng " Nguyên văn cụm từ này "về phần còn lại." Đây là một điểm đặc trưng của cách dùng từ của Phao-lô ngụ ý rằng ông sắp kết lại bức thư của mình (2 Cô-rinh-tô 13:11; Phi-líp 3:1; 4:8; 1 Tê-sa 4:1; 2 Tê-sa 3:1). Nó thường đánh dấu một sự chuyển tiếp đến một điểm mới.

☐ **" phải mạnh mẽ trong Chúa "** Đây hoặc là thể mệnh lệnh bị động thì hiện tại (present passive imperative), "(được khiến) trở nên mạnh mẽ," hoặc một thể mệnh lệnh trung cách thì hiện tại (present middle imperative), "hãy mạnh mẽ." Hình thái ngữ pháp thì giống nhau, duy chỉ chức năng là khác nhau. Thần học rất rõ ràng: các tín đồ phải tiếp tục cho phép Thánh Linh làm cho họ trở nên mạnh mẽ cho một trận chiến thuộc linh đang diễn ra (Ê-phê-sô 3:20; 1 Cô-rinh-tô 16:13). Nghịch lý giữa thể bị động (Quyền năng của Đức Chúa Trời tuôn chảy qua các tín đồ) và thể trung cách (các tín đồ liên hệ một cách chủ động trong việc sống cho Đấng Christ) chính là một sự căng thẳng biện chứng được tìm thấy xuyên suốt qua cả Kinh Thánh. Căn bản nó chính là sự căng thẳng của

một mối quan hệ giao ước (Phi-líp 2:12-13). Đức Chúa Trời luôn nắm phần khởi đầu, luôn luôn thiết lập ra những việc phải làm, nhưng Ngài cũng lựa chọn rằng con người phải đáp ứng (bắt đầu và tiếp tục). Đôi khi Kinh Thánh nhấn mạnh sự đáp ứng của con người (Ê-xê-chi-ên 18:31, "Hãy làm cho mình tấm lòng mới và tâm linh mới ") và đôi lúc nhấn mạnh vào sự chu cấp của Đức Chúa Trời's provision (Ê-xê-chi-ên 36:26-27, "Ta sẽ ban lòng mới cho các ngươi và đặt một tâm linh mới trong các ngươi.") Cả hai đều đúng!

Bốn từ Hy Lạp (*dunamis* = quyền năng; *energeia* = năng lực; *kratos* = sức lực và *ischus* = sức mạnh) đều được sử dụng trong 1:10 để bày tỏ về quyền năng Đức Chúa Trời trong Đấng Christ. Ở đây, ba trong bốn từ này được sử dụng.

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: HÃY MẠNH MẼ

Thuật ngữ (*krataiō*) là động từ thụ động được dùng vài lần trong Tân Ước

1. Chúa Giê-su trưởng thành trong hình thể con người, Lu ca 1:80; 2:40
2. Tín đồ trở nên mạnh mẽ bởi Chúa Thánh Linh, Ê-phê-sô 6:16
3. Tín đồ vững tin trong bối cảnh nan đề của Hội Thánh Cô-rin-tô I Cô-rin-tô 16:13.

▣ " nhờ sức toàn năng của Ngài " YHWH đã thường được mô tả trong Cựu Ước như là một chiến binh mặc áo giáp (Ê-sai 42:13; 49:24-25; 52:10 và đặc biệt 59:16-17). Nó chính là giáp của Ngài, không phải của chúng ta. Chiến thắng của chúng ta ở trong Ngài (Phi-líp 2:13), nhưng chúng ta cần phải hợp tác (Phi-líp 2:12).

6:11 " trang bị mọi khí giới của Đức Chúa Trời " Đây là một thể mệnh lệnh trung cách thì bất định (aorist middle imperative) vốn chuyển tải một nghĩa của sự khẩn cấp (Ê-phê-sô 6:13). Đây chính là một hành động mang tính quyết định của ý muốn của tín đồ. Đức Chúa Trời đã chu cấp những trang bị thuộc linh cần thiết của chúng ta, nhưng chúng ta phải nhận ra nhu cầu và chuẩn bị sẵn sàng chính chúng ta cho sự chu cấp của Đức Chúa Trời và áp dụng chúng vào trong đời sống hàng ngày của chúng ta (1 Tê-sa 5:8). Sự xung công bình (Rô-ma 4; 6) không cung cấp một sự giải cứu khỏi một trận chiến thuộc linh và sự cám dỗ (Rô-ma 7). Sự hiện diện của "con người mới" không có hàm ý của sự loại bỏ trọn vẹn của "con người cũ." Thường trận chiến được tăng cường. Nếu Sa-tan không thể giữ chúng ta khỏi sự cứu chuộc, hắn sẽ cố gắng để giữ chúng ta trong sự bại trận và im lặng thuộc linh!

▣ " để anh em có thể đứng vững " Đây là một (động từ) nguyên mẫu thụ động thì hiện tại (present passive infinitive) được theo sau bởi một nguyên mẫu chủ động thì bất định (aorist active infinitive), vốn chỉ về cuộc chiến hàng ngày, không phải là một "trận chiến" quyết định hoặc sự cám dỗ (điều này tương tự với sự cám dỗ đối với Chúa Jesus trong Lu-ca 4:13, nơi Sa-tan đã lia khỏi cho đến một thời điểm thuận tiện khác). Từ "đứng" là một thuật ngữ trong quân sự cho việc giữ một vị trí của một người. Nó được lặp lại trong Ê-phê-sô 6:13 và 14. Nó là mục đích then chốt của áo giáp của người tín đồ.

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỨNG VỮNG (*HISTĒMI*)

Từ ngữ phổ biến này được dùng diễn tả một số ý nghĩa thần học trong Tân Ước

1. Thiết lập
 - a. Luật Cựu ước, Rô-ma 3:31
 - b. Sự công bình của một người, Rô-ma 10:3
 - c. Giao ước mới, Hê-bơ-rơ 10:9
 - d. Một mệnh lệnh, II Cô-rinh-tô 13:1
 - e. Lễ thật Đức Chúa Trời, II Ti-mô-thê 2:19
2. Chống lại về phương diện thuộc linh
 - a. Ma quỷ, Ê-phê-sô 6:11
 - b. Ngày phán xét, Khải huyền 6:17
3. Chống cự bằng cách đứng trụ vào lập trường của mình
 - a. Hình bóng dùng trong quân sự, Ê-phê-sô 6:14
 - b. Hình bóng dùng trong dân sự, Rô-ma 14:4
4. Một vị trí trong lễ thật, Giăng 8:44
5. Một vị trí trong ân điển

- a. Rô-ma 5:2
- b. I Cô-rinh-tô 15:1
- c. I Phi-e-rơ 5:12
- 6. Một vị trí trong đức tin
 - a. Rô-ma 11:20
 - b. I Cô-rinh-tô 7:37
 - c. I Cô-rinh-tô 15:1
 - d. II Cô-rinh-tô 1:24
- 7. Một vị trí khoe khoang, I Cô-rinh-tô 10:12

Từ ngữ này diễn tả ân điển của giao ước và ơn thương xót của một Đức Chúa Trời tối cao và các tín nhân cần đáp ứng lại điều này và bám vào nó bằng đức tin! Cả hai điều này đều là các lẽ thật Kinh thánh. Hai điều này phải đi chung với nhau!

NASB "chống lại những âm mưu của ma quỷ "
NKJV, NRSV "chống lại những mưu chước của ma quỷ"
TEV "chống lại những sự lừa dối của ma quỷ"
NJB "những mưu mẹo của ma quỷ "

Các Cơ Đốc Nhân bị tấn công bởi một kẻ cám dỗ mang bản chất thiên sứ, Sa-tan (Ê-phê-sô 2:2; 4:14,27; 2 Cô-rinh-tô 2:11; 1 Phi-e-rơ 5:8-9).

Sa-tan sử dụng nhiều mưu chước (*methodia*).

1. Sự không hiệp một
2. Tội lỗi cá nhân
3. Những giáo sư giả
4. Sự nản lòng
5. Sự thờ ơ
6. Sự đau khổ

Đây chỉ là một vài điều mà độc giả của lá thư này đang phải đối diện. Tuy nhiên, các tín đồ không thể quy tất cả tội lỗi và nan đề cho sự cám dỗ hoặc tấn công mang bản chất thiên sứ này. Nhân loại sa ngã, ngay cả nhân loại sa ngã đã được chuộc, đối diện với (1) một bản chất tội lỗi tiếp diễn; (2) một hệ thống thế giới sa ngã; và (3) một sự tấn công mang tính chất thiên sứ và ma quỷ (Ê-phê-sô 2:2-3; Gia-cơ. 4:1,4,7). Trận chiến bắt đầu trong tâm trí nhưng dịch chuyển nhanh chóng sang những hành động tội lỗi. Để xem Chủ Đề Đặc Biệt: Thân Vị của Điều Ác hãy xem 2:2.

Hãy chú ý số lần từ "ngịch lại, chống lại" xuất hiện trong văn mạch này (một lần trong câu 11 và bốn lần trong Ê-phê-sô 6:12).

Tập hợp của điều ác đã bị phá vỡ bởi tập hợp của bộ giáp của Đức Chúa Trời!

6:12

NASB, NRSV "trận chiến của chúng ta không phải là"
NKJV "chúng ta không vật lộn"
TEV "chúng ta không chiến đấu chống lại "
NJB "chúng ta không chiến đấu "

Đây là một động từ thì hiện tại vốn ngụ ý về một trận chiến tiếp diễn, không phải là một sự-cám-dỗ-một-lần. Đây cũng không phải là một ẩn dụ quân sự hoặc thể thao. Nó nguyên văn chỉ về một trận chiến tay với tay. Cuộc sống của Cơ Đốc Nhân thì khắc nghiệt. Đời sống Cơ Đốc Nhân chính là một món quà siêu nhiên được bày tỏ trong đời sống bởi sự ăn năn và đức tin, cũng như (nó được bày tỏ trong) sự cứu chuộc.

☐ " **chống lại thịt và máu** " Trật tự sắp xếp của các từ theo nguyên văn là "huyết và thịt." Chú ý trật tự bất thường của những từ này. Nó được thấy duy nhất chỉ ở đây và Hê-bơ-rơ 2:14. Nguyên nhân là không rõ, nhưng nó có thể liên quan đến sự gièm pha, coi khinh vật chất (nhân tính của Chúa Jesus) của những giáo sư giả Trí Huệ Giáo. Các tín đồ cần phải nhớ rằng nan đề thuộc linh chính là tội lỗi, điều ác, và Sa-tan, chứ không phải sự tranh đấu giữa những người khác nhau!

☐ " **chống lại các quyền thống trị, các thế lực** " Những thuật ngữ này có thể được sử dụng cho những thẩm quyền con người như trong Rô-ma 13:1-7, nhưng ở đây trong văn mạch này đòi hỏi thẩm quyền của những cấp bậc thiên sứ (*aeons*) (Rô-ma 8:38-39; I Cô-rinh-tô 2:8; Cô-lô-se 1:16; 2:10,15; Ê-phê-sô 1:21; 3:10; 1 Phi-e-rơ

3:22). Đây là một phần của thế giới quan của những giáo sư giả Trí Huệ Giáo. Những cấp bậc thiên sứ (*aeons*) có thể là

1. Điều ác, vốn là, những thiên sứ sa ngã dưới sự kiểm soát của Sa-tan, ma quỷ

2. Những cấp bậc thiên sứ được gọi là *stoichea* những kẻ không nhất thiết là gian ác (Ga-la-ti 4:3,9; Cô-lô-se 2:8) Để xem một bài thảo luận đầy đủ về chủ đề này hãy xem quyển sách của Hendrik Berkhof, *Christ and the Powers* (Herald Press).

Để xem về "những quyền thống trị" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: *Archē* tại Cô-lô-se 1:16.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC THIÊN SỨ TRONG GIÁO HUẤN CỦA PHAO-LÔ

Các thầy rabi cho rằng các thiên sứ ganh tị vì Chúa yêu thương và để ý đến con người, cho nên họ hiềm thù con người. Các giáo sư giả thuộc Trí huệ giáo khẳng định rằng sự cứu rỗi chỉ có được qua những mật khẩu bí mật trong thế giới thiên thần đầy thù hận (xem Cô-lô-se và Ê-phê-sô).

Giáo sư George Eldon Ladd trong cuốn *A Theology of the New Testament* trình bày một tóm tắt rất tốt về những từ ngữ Phao-lô dùng để chỉ các thiên thần:

"Phao-lô không chỉ nói đến các thiên thần tốt và xấu, đến Satan và các quỷ; nhưng ông cũng dùng một nhóm từ khác để chỉ thứ bậc của các thiên thần. Các thuật ngữ được liệt kê như sau:

'Cai trị' [*arche*], I Cô-rinh-tô 15:24; Ê-phê-sô 1:21; Cô-lô-se 2:10

'Những người cai trị' [*archai*; RSV, "các chủ quyền"], Ê-phê-sô 3:10; 6:12; Cô-lô-se 1:16; 2:15; Rô-ma 8:38

'Thẩm quyền' [*exousia*], I Cô-rinh-tô 15:24; Ê-phê-sô 1:21; Cô-lô-se 2:10

'Các thẩm quyền' [*exousiai*; RSV, "các thẩm quyền"], Ê-phê-sô 3:10; 6:12; Cô-lô-se 1:16; 2:15

'Quyền lực' [*dynamis*], I Cô-rinh-tô 15:24; Ê-phê-sô 1:21

'Các quyền lực' [*dynameis*], Rô-ma 8:38

'Các ngôi' [*thronoi*], Cô-lô-se 1:16

'Chủ quyền' [*kyriotes*; RSV, "chủ quyền"], Ê-phê-sô 1:21

'Các chủ quyền' [*kyriotetes*], Cô-lô-se 1:16

'Những kẻ cai trị thuộc sự mờ tối trong thế giới,' Ê-phê-sô 6:12

'Các thần dữ ở các miền trên trời,' Ê-phê-sô 6:12

'Quyền của sự tối tăm,' Cô-lô-se 1:13

'Mọi danh vang ra,' Ê-phê-sô 1:21

'Mọi hữu thể trên trời, dưới đất, bên dưới đất,' Phi-líp 2:10" (p. 401).

Không có một thông tin trực tiếp nào từ Kinh thánh về sự liên hệ giữa các thiên thần sa ngã trong Cựu ước và các quỷ trong Tân ước. Nhiều người cho rằng chúng là một. Trong văn chương ngày tận thế của người Do Thái, các quỷ sứ là các thần của Nephilim trong Sáng-thế-ký 6, là những người nửa người nửa thiên thần. Thân thể của chúng đã bị hủy diệt trong cơn nước lụt, vì vậy, chúng tìm kiếm chỗ để nhập vào! Đây chỉ là phỏng đoán mà thôi. Kinh thánh không trả lời tất cả các câu hỏi của chúng ta về những xuất xứ này; mục đích của nó là sự cứu chuộc con người, chứ không phải là sự tò mò của họ!

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC THIÊN SỨ VÀ CÁC QUỶ

A. Con người trong thời cổ đại tin theo thuyết vật linh. Họ gán ghép nhân tính và những đặc điểm giống người vào những sức mạnh thiên nhiên, các vật thể thiên nhiên. Sự sống được giải thích qua những tương tác giữa những thể linh này với con người.

B. Sự nhân cách hoá này phát triển thành đa thần giáo. Thông thường tà linh (*genii*) được xem là những thần linh cấp thấp hay là nửa thần nửa người (thiện hoặc ác) tác động đến đời sống cá nhân con người.

1. Mê-sô-pô-ta-mi, hỗn loạn và xung đột

2. Ai-cập, thứ tự và vận hành

3. Ca-na-an, xem *Archaeology và the Religion of I-sơ-ra-en* của W. F. Albright, Fifth Edition, trang 67-92

C. Cựu ước không chú tâm hay khai triển chủ đề những thần linh cấp thấp, thiên thần hay là tà linh bởi vì đặc tính độc thân nghiêm ngặt (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 8:10; 9:14; 15:11; Phục-truyền Luật-lệ Ký 4:35,39; 6:4; 33:26; Thi-thiên 35:10; 71:19; 86:6; Ê-sai 46:9; Giê-rê-mi 10:6-7; Mi-chê 7:18). Cựu ước có đề cập đến những thần hư không của những ngoại giáo (*Shedim*, xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:17; Thi-thiên 106:37) và cho biết tên của một số.

1. *Se'im* (thần rừng hay là những quỷ có lông, tóc xem Lê-vi Ký 17:7; II Sứ-ký 11:15)
2. *Lilith* (giống cái, quỷ cám dỗ, xem Ê-sai 34:14)
3. *Mavet* (chữ “sự chết” trong tiếng Do thái cũng dùng cho các tà linh trong âm phủ của người Cana-an, *Mot*, xem Ê-sai 28:15,18; Giê-rê-mi 9:21; có thể Phục-truyền Luật-lệ Ký 28:22)
4. *Resheph* (tai vạ, xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 33:29; Thi-thiên 78:48; Ha-ba-cúc 3:5)
5. *Dever* (bệnh dịch, xem Thi-thiên 91:5-6; Ha-ba-cúc 3:5)
6. *Az'azel* (không rõ ý nghĩa của tên này, nhưng có lẽ là một quỷ sa mạc hay là một địa danh, xem Lê-vi Ký 16:8,10,26)

(Những ví dụ này lấy từ *Encyclopaedia Judaica*, vol. 5, trang 1523.)

Tuy nhiên, không có thuyết nhị nguyên hay những thiên thần độc lập với Đức Giê-hô-va trong Cựu ước. Sa-tan là một đầy tớ của Đức Giê-hô-va (xem Gióp 1-3; Xa-cha-ri 3), chứ không phải là kẻ thù (xem A. B. Davidson, *A Theology of the Old Testament*, trang 300-306).

D. Sự phát triển của Do-Thái-Giáo trong thời kỳ lưu đày tại Ba-by-lôn (năm 586-538 trước Chúa), thần học của nó bị ảnh hưởng bởi thuyết nhị nguyên được nhân cách hoá của Ba-tư từ Bái-hoà giáo, một thần cao cấp thiện lành gọi là *Mazda* hay là *Ormazd* và một thần đối nghịch độc ác gọi là *Ahriman*. Sự ảnh hưởng này khiến Do-Thái-Giáo sau thời kỳ lưu đày trở thành một dạng nhị nguyên thuyết được nhân cách hóa, một bên là Đức Giê-hô-va và các thiên thần của Ngài và phía đối địch là Sa-tan và những tà linh của nó.

Thần học nhân cách hóa ma quỷ của Do-Thái-Giáo được giải thích và tường trình chi tiết trong *The Life và Times of Chúa Giê-su the Messiah*, vol. 2, của Alfred Edersheim phần Phụ lục XIII (trang 749-863) và XVI (trang 770-776). Do-Thái-Giáo nhân cách hoá ma quỷ theo ba cách.

1. Sa-tan hay là Sammael
2. Xu hướng tội lỗi (*yetzer hara*) bên trong con người
3. Thần Chết

Edersheim trình bày ba phương cách này bằng

1. Kẻ kiện cáo;
2. Kẻ cám dỗ; và
3. Kẻ trừng phạt (vol. 2, trang 756).

Có sự khác biệt thần học rõ rệt trong cách trình bày và giải thích về ma quỷ giữa Do-Thái-Giáo sau thời kỳ lưu đày và trong Tân ước.

E. Trong Tân ước, đặc biệt trong các sách Phúc âm, khẳng định sự hiện hữu và chống nghịch của những tà linh với con người và Đức Giê-hô-va (trong Do-Thái-Giáo, Sa-tan là kẻ thù với con người, nhưng với Đức Chúa Trời thì không). Chúng chống nghịch với ý định, sự cai trị và vương quốc của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Giê-su đã đương đầu và đuổi những tà ma này cũng gọi là (1) những uế linh, xem Lu-ca 4:36; 6:18, hay là (2) tà linh, xem Lu-ca 7:21; 8:2 khỏi con người. Đức Chúa Giê-su phân biệt rõ ràng giữa những bệnh tật (thể chất, tâm trí) và những người bị quỷ ám. Chúa Giê-su bày tỏ quyền năng và sự nhận biết thiêng liêng của Ngài bằng việc nhận diện và đuổi những quỷ này. Các quỷ này cũng thường nhận biết Ngài và cố gắng tôn xưng Ngài, nhưng Đức Chúa Giê-su khước từ sự xác nhận của chúng, ra lệnh cho chúng im lặng và đuổi chúng.

Trong những thư tín của các Sứ đồ trong Tân ước, có sự “thiếu hụt nghiêm trọng” thông tin đề cập đến chủ đề này. Sự đuổi quỷ không bao giờ được đề cập như là một ân tứ thuộc linh cũng như không có phương pháp hay là cách thức nào được để lại cho những thế hệ tín hữu, mục sư về sau.

F. Ma quỷ có thật; ma quỷ có nhân cách; ma quỷ hiện diện. Cả nguồn gốc hay là chủ đích của ma quỷ không được bày tỏ. Kinh thánh khẳng định sự thực hữu của ma quỷ và chống đối mạnh mẽ ảnh hưởng của nó. Không hề có sự nhị nguyên tột cùng giữa Đức Chúa Trời và Sa-tan. Đức Chúa Trời hoàn toàn

kiểm soát mọi sự, ma quỷ đã bị đánh bại, bị đoán xét và sẽ bị xô đuổi khỏi công trình sáng tạo.

G. Dân sự của Đức Chúa Trời phải chống cự với ma quỷ (xem Gia-cơ 4:7). Họ không thể bị nó kiểm soát (xem I Giăng 5:18), dù cho họ có thể bị cám dỗ và lời làm chứng cũng như ảnh hưởng của họ bị tổn hại (xem Ê-phê-sô 6:10-18). Ma quỷ là một phần được Kinh thánh tiết lộ trong thế giới quan của Cơ-Độc-Nhân. Những Cơ-Độc-Nhân hiện đại (nhóm Tân phái) không có quyền để định nghĩa lại về ma quỷ (như những cố gắng loại bỏ tính huyền thoại của Rudolf Baltmann); loại bỏ nhân cách khỏi ma quỷ (những cấu trúc xã hội của Phao-lô Tillich), hay là cố gắng giải thích ma quỷ hoàn toàn theo phương diện tâm lý (như Sigmund Freud). Ảnh hưởng của chúng lại tràn lan khắp nơi, nhưng đã bị đánh bại. Các tín đồ cần phải bước đi trong sự đắc thắng của Đấng Christ!

NASB "chống lại những thế lực-thể gian của sự tối tăm này"
NKJV "chống lại những kẻ thống trị của sự tối tăm của thời đại này "
NRSV "chống lại những quyền lực vũ trụ của sự tối tăm hiện nay " "chống lại những quyền
TEV lực vũ trụ của thời đại tối tăm này "
NJB "quân đội thuộc linh của điều ác trong các tầng trời "

Đây là một từ Hy Lạp *kosmocrator* trong thể số nhiều của nó. Từ này được sử dụng trong Tiếng Hy Lạp Cổ Điển và những tác phẩm của những ra-bi Do Thái để mô tả về một kẻ có khuynh hướng kiểm soát thế giới. Từ này có vẻ nói về Sa-tan (Giăng 12:31; 14:30; 2 Cô-rinh-tô 4:4; Ê-phê-sô 2:2) và ma quỷ (1 Cô-rinh-tô 2:6,8 15:24; Ê-phê-sô 3:10; 6:12; Cô-lô-se 2:15).

☐ " các thần dữ " Cụm từ này được sử dụng trong thời đại của Phao-lô bởi những nhà chiêm tinh là những người tin rằng có những thiên sứ hoặc các thần ở đằng sau những thiên thể trên bầu trời (Rô-ma 8:39) rằng chúng ảnh hưởng đến đời sống con người (hoàng đạo). Tất cả những điều này bắt đầu bởi những nhà chiêm tinh người Ba-by-lôn. Nó vẫn còn và mạnh mẽ ngày nay (đoán số tử vi).

NASB,NKJV,
NRSV "trong các nơi trên trời "
TEV "trong thế giới trên trời"
NJB "trong các tầng trời"

Tính từ cách vị trí (của lãnh giới) giống trung số nhiều (locative (of sphere) neuter plural adjective) "trong các nơi trên trời " được sử dụng chỉ duy nhất trong Ê-phê-sô (Ê-phê-sô 1:20; 2:6; 3:10; 6:12). Từ văn mạch của mọi cách sử dụng của nó (đặc biệt 3:10 and 6:12), nó phải có nghĩa chỉ về lãnh giới thuộc linh mà trong nó những tín đồ đang sống ở đây và giờ đây, chứ không phải nơi thiên đường.

6:13 " (anh em phải) hãy trang bị mọi khí giới của Đức Chúa Trời " Đây là một thể mệnh lệnh chủ động thì bất định (aorist active imperative) vốn chỉ về sự cần thiết của một hành động chủ định (câu 11). Nó là một thuật ngữ quân sự khác. Nó có lẽ là một sự ngụ ý chỉ đến YHWH như một chiến binh từ Ê-sai 59:17. Bộ giáp được đề cập đến trong một trật tự mà trong trật tự ấy nó sẽ được mặc vào bởi một người lính (hãy nhớ rằng Phao-lô đã viết lá thư tù này từ trong ngục bị xích lại bởi hai người lính La Mã).

Hãy chú ý rằng bộ giáp đầy đủ chính là bộ giáp của Đức Chúa Trời! Ngài chu cấp, nhưng những tín đồ cần nhận ra trận chiến và những phương tiện của sự chu cấp đầy đủ của Đức Chúa Trời.

☐ " anh em có thể chống cự lại " Đây là một thể giả định (câu khẩn) bị động thì bất định (aorist passive (deponent) subjunctive) với một nguyên mẫu chủ động thì bất định (aorist active infinitive). Đây chính là một trận chiến thuộc linh trước và sau khi trở lại tin Chúa. Một vài tín đồ không biết rằng có một trận chiến thuộc linh tiếp diễn, họ không mặc lấy áo giáp của Đức Chúa Trời và họ không chống cự. Thuật ngữ này tương tự với Gia-cơ 4:7 và 1 Phi-e-rơ 5:9. Các Cơ Đốc Nhân có thể thua cuộc hoặc bị tổn hại đến sự bình an, đảm bảo chắc chắn và chức vụ được ban ơn qua (1) sự chối bỏ; (2) xao nhãng; và/hoặc (3) tội lỗi (1 Cô-rinh-tô 9:27; 15:2; Ga-la-ti 2:2; 3:4; Phi-líp 2:16; 1 Ti-mô-thê 1:19). Điều này không chỉ về thiên đàng hay địa ngục, nhưng là chức vụ hiệu quả của vương quốc!

☐ " trong ngày tai họa " Đây là một thành ngữ Cựu Ước vốn có thể chỉ đến (1) một ngày của sự cám dỗ; (2)

toàn bộ thời đại gian ác mà chúng ta sống trong nó; hoặc (3) một ngày của tai họa (Thi Thiên 49:từ câu 5).

▣ " **khi chiến thắng (hoàn tất) mọi sự rồi** " Từ này có nghĩa rộng của một người đã thực hiện tất cả mọi việc được yêu cầu. Phao-lô sử dụng từ này hơn mười tám lần trong những lá thư của ông. Trong lãnh giới thuộc linh (1) sự chuẩn bị; (2) sự kiên định (vững vàng); và (3) sự hiểu biết là quan trọng thiết yếu!

▣ " **hãy đứng vững** " Đây là một nguyên mẫu chủ động thì bất định (aorist active infinitive) có nghĩa là "đứng chắc chắn." Cùng một từ này được sử dụng trong Ê-phê-sô 6:11 (nguyên mẫu bị động thì hiện tại (present passive infinitive)) và câu 14 (thể mệnh lệnh chủ động thì bất định (aorist active imperative)). Các tín đồ được yêu cầu và khích lệ phải chống cự, vượt qua, và đứng vững chống lại những mưu chước của ma quỷ (Ê-phê-sô 4:14). Điều này được thực hiện bởi những phương cách của

1. Sự hiểu biết về phúc âm của các tín đồ (mũ của sự cứu chuộc và gươm của Thánh Linh, Ê-phê-sô 6:17)
2. Vị trí của tín đồ trong Đấng Christ
3. Sự đầu phục của tín đồ với Thánh Linh ngự trong lòng
4. Những công cụ của bộ giáp được chu cấp bởi Đức Chúa Trời
5. Những sự lựa chọn và những hành động mang tính chủ định của tín đồ
6. Sự cầu nguyện (Ê-phê-sô 6:18)

Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đứng tại Ê-phê-sô 6:11.

6:14 Ba trong bốn phân từ sau đây được lấy từ trong những phần Kinh Thánh trong Ê-sai. Chúng liên hệ về mặt ngữ pháp với thể mệnh lệnh chủ động thì bất định (aorist active imperative) này, "đứng" trong Ê-phê-sô 6:13 (cấu trúc này giống với 5:18, thể mệnh lệnh được theo sau bởi năm phân từ, 5:19-21).

1. "**đeo**" phân từ trung cách thì bất định (aorist middle participle) (Ê-phê-sô 6:14). Đây là một phần trích trong Ê-sai 11:5 nơi nó được sử dụng cho Đấng Mê-si.
2. "**mặc**" phân từ trung cách thì bất định (aorist middle participle) (Ê-phê-sô 6:14). Đây là một phần trích từ trong Ê-sai 59:17, nơi nó được dùng cho Đức Chúa Trời như một chiến sĩ chiến đấu cho Y-sơ-ra-ên tội lỗi (Ê-phê-sô 59:12).
3. "**mang**" phân từ trung cách thì bất định (aorist middle participle) (Ê-phê-sô 6:15). Đây là một phần trích từ Ê-sai 52:7, nơi Chúa đến với dân sự của Ngài như một Vị Vua mang theo tin mừng (Ê-phê-sô 61:1).
4. "**nhận lấy (dùng)**" phân từ chủ động thì bất định (aorist active participle) (Ê-phê-sô 6:16, Ê-phê-sô 6:13). Điều này được ngụ ý trong Ê-sai 59:17. Những sự chu cấp của Đức Chúa Trời cần phải được sử dụng đầy đủ trong đời sống hàng ngày.

▣ " **chân lý** " Từ này không phải là một mạo từ trong tiếng Hy Lạp, vì vậy nó có thể được dịch trong nghĩa Cụm Ước của "sự chân thật" hoặc "đáng tin cậy." Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-phê-sô 1:13.

▣ " **áo giáp (miếng che ngực)**" Đây là một trong những mảnh của bộ giáp được liệt kê trong Ê-sai 59:17, cũng như một phần của nó là mũ giáp trong Ê-phê-sô 6:17.

▣ "**(của sự) công chính** " Từ này chỉ đến sự công chính của Đấng Christ (2 Cô-rinh-tô 5:21). Tuy vậy, cũng giống như sự căng thẳng biện chứng liên hệ đến sự làm cho mạnh mẽ trong Ê-phê-sô 6:10, nó cả là sự công chính được quy quy cho của Đấng Christ (sự xưng công chính theo vị trí và sự nên thánh) và sự trở nên giống như Đấng Christ theo tiến trình của những người đi theo Ngài (sự nên thánh theo tiến trình) vốn mang chiến thắng trong những cuộc chiến thuộc linh hàng ngày. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-phê-sô 4:24.

6:15 " **mang giày bằng sự sẵn sàng của Tin Lành bình an** " Câu này hoặc là chỉ về (1) sự sẵn sàng (Ê-sai 52:7) hoặc (2) một nền tảng chắc chắn (theo bản dịch NEB). Các tín đồ cần phải chuẩn bị cho một trận chiến thuộc linh vốn sẽ chắc chắn đến.

6:16 "**thêm vào đó**" Bản KJV dịch từ này là "trên hết mọi điều," nhưng nó có nghĩa là sự thêm vào bộ giáp chiến trận quân sự được đề cập ở phía trên.

▣ " **thuần** " Từ này có liên hệ với từ Hy Lạp dùng cho "cửa." Nó chỉ về một cái thuần lớn toàn cơ thể 1.2m x 0.6m. Nó cũng được làm bằng gỗ với lớp phủ da bọc phía ngoài bằng kim loại. Nó được nhúng trong nước trước trận chiến để có thể dập tắt những mũi tên được châm lửa. Nó là một biểu tượng của sự bảo vệ trọn vẹn.

▣ " **mọi tên lửa** " Từ này chỉ về những mũi tên được nhúng trong dầu hắc ín và đốt cháy. Những tên lửa này là hình bóng của những cuộc tấn công thuộc linh.

▣ " **ma quỷ (kẻ gian ác)** " Có một sự mơ hồ về nghĩa rằng phải chăng nó chỉ về điều ác nói chung (giống trung) hoặc nói cụ thể về Sa-tan (giống đực). Cùng một sự mơ hồ về nghĩa có thể được nhìn thấy trong Ma-thi-ơ 5:37; 6:13; 13:38; Giăng 17:15; 2 Tê-sa 3:3; 1 Giăng 2:13-14. Hình thái từ trong Tiếng Hy Lạp là giống nhau (vì thế, giới tính (giống) chỉ có thể được xác định từ văn mạch). Trong Ma-thi-ơ 13:19; 1 Giăng 5:18-19 nó rõ ràng chỉ về Sa-tan (Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-phê-sô 2:2).

6:17 " đội mũ của sự cứu rỗi " Đây là một thể mệnh lệnh trung cách (trung gian) thì bắt định (aorist middle (deponent) imperative). Nó là biểu tượng của sự hiểu biết về phúc âm của các tín đồ và hy vọng của họ nơi Đấng Christ (1 Tê-sa 5:8).

▣ " **cảm gương của Thánh Linh, là lời Đức Chúa Trời** " Phao-lô định nghĩa cụ thể những vũ khí tấn công của các tín đồ (sự hiểu biết Kinh Thánh và Lời cầu nguyện, Ê-phê-sô 6:18). Đây là một sự ngụ ý chỉ đến một ẩn dụ Cựu Ước dùng cho việc Đức Chúa Trời phán cùng với dân sự của Ngài (Ê-sai 49:2; Ô-sê 6:5). Sự mặc khải của Đức Chúa Trời (cả Lời hằng sống, Đức Chúa Jesus Christ, và lời được chép xuống, Kinh Thánh) được mô tả trong cùng những thuật ngữ trong Hê-bơ-rơ 4:12. Mặc dù một gốc từ Hy Lạp khác cho "lời" (*rhēma* so với *logos*) được sử dụng trong tiếng Hê-bơ-rơ, từ "gương" vẫn giống nhau (một vũ khí của người La Mã hình lưỡi nhỏ).

Thật nguy hiểm khi vẽ ra một cách quá sắc sảo sự khác biệt giữa những khái niệm song hành trong tiếng Hy Lạp Koine (nó là một ngôn ngữ của ngành thương mại và nhưng sự phân biệt của tiếng Hy Lạp Cổ Điển đã bị xóa nhòa) như giữa "*rhēma*" và "*logos*." Điều này có thể chỉ đến cách sử dụng Lời Kinh Thánh trong lúc bị cám dỗ, giống như Chúa Jesus đã làm trong in Ma-thi-ơ 4:từ câu 1 trở đi. Sự hiểu biết của các thánh đồ về phúc âm sẽ bảo vệ họ trong những trận chiến thuộc linh hằng ngày. Đây là lý do tại sao việc ghi nhớ Lời Kinh Thánh và việc học Kinh Thánh cá nhân lại vô cùng giá trị (Thi Thiên 19:7-11; 119:105; Châm Ngôn 6:23). Đây là vũ khí tấn công duy nhất được liệt kê ở giữa bộ giáp trụ (mặc dù tôi nghĩ rằng trong Ê-phê-sô 6:18 là một điều khác). Nó dùng với mục đích bảo vệ. Cũng như Ê-phê-sô 6:18-20 nó có thể được sử dụng cho sự tấn tới của Vương Quốc!

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010 (NASB (UPDATED)): Ê-PHÊ-SÔ 6:18-20

¹⁸ **Hãy thường xuyên dùng mọi lời khẩn nguyện, nài xin, mà cầu nguyện trong Thánh Linh. Để đạt mục tiêu này, hãy kiên trì, tỉnh thức, và cầu nguyện cho tất cả các thánh đồ.** ¹⁹ **Cũng xin cầu nguyện cho tôi, để khi tôi mở miệng, Chúa cho tôi sứ điệp, và tôi dạn dĩ công bố sự mầu nhiệm của Tin Lành;** ²⁰ **vì Tin Lành ấy, tôi là sứ giả trong xiềng xích. Xin hãy cầu nguyện để tôi có thể dạn dĩ công bố Tin Lành ấy như tôi phải nói.**

6:18 " thường xuyên (trong mọi lúc) dùng mọi lời khẩn nguyện, nài xin, mà cầu nguyện " Hãy chú ý số lần của thuật ngữ bao gộp "mọi" được sử dụng trong Ê-phê-sô 6:18. Lời cầu nguyện là một vũ khí đầy quyền lực khác trong trận chiến thuộc linh chính là đời sống hàng ngày của người Cơ Đốc Nhân trong thời đại sa ngã này. Phao-lô đã yêu cầu cầu nguyện cho chính ông trong Ê-phê-sô 6:19 (Cô-lô-se 4:3-4; 1 Tê-sa 5:17). Ông không yêu cầu cho những vấn đề cá nhân nhưng cho sự rõ ràng và dạn dĩ trong việc công bố phúc âm (Cô-lô-se 4:3-4). Thật thú vị để thấy rằng Phao-lô không thảo luận về trận chiến thuộc linh trong Cô-lô-se nhưng ông đã nhấn mạnh nhu cầu cho sự cầu nguyện (Cô-lô-se 4:2).

▣ " **trong Thánh Linh** " Thuật ngữ "linh" không có mạo từ (cách dùng không có mạo từ theo ngữ pháp Hy Lạp). Điều này có thể được hiểu trong nhiều cách. Nó có thể chỉ về

1. Thánh Linh cầu nguyện cho các tín đồ (Rô-ma 8:26-27)
2. Các Cơ Đốc Nhân cầu nguyện trong năng quyền thuộc linh (Giu-đe 1:20)
3. Song hành với Giăng 4:23 "trong tâm linh và lẽ thật "
4. "linh" như một sự phân biệt với "tâm trí" (1 Cô-rinh-tô 14:14-15)

Nói về hiệu quả, một lời cầu nguyện nhiệt thành là không thể nếu thiếu đi sự ảnh hưởng của Thánh Linh!

Chú ý những khía cạnh của sự-cầu-nguyện-được-dẫn-dắt-bởi-linh:

1. ở mọi lúc
2. trong Thánh Linh
3. hãy tỉnh thức với sự kiên trì

4. cầu nguyện cho mọi thánh đồ

▣ " **cho tất cả các thánh đồ** " Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Các thánh đồ tại Cô-lô-se 1:2.

6:19 " xin cầu nguyện cho tôi " Phao-lô thỉnh cầu cho sự cầu nguyện, không phải cho cá nhân chính ông, nhưng cho năng quyền để bày tỏ phúc âm rõ ràng cũng như khi ông trình bày xuyên suốt những phiên tòa trước các bậc cầm quyền La Mã (Cô-lô-se 4:3; 1 Tê-sa 5:25; 2 Tê-sa 3:1):

1. "sự bày tỏ được ban cho tôi " (Ê-phê-sô 6:19)
2. " dạn dĩ công bố sự màu nhiệm của Tin Lành;" (Ê-phê-sô 6:19 "freedom of speech," Ê-phê-sô 3:12; Hê-bơ-rơ 4:16; 10:19,35).
3. " tôi có thể dạn dĩ công bố Tin Lành ấy như tôi phải nói " (Ê-phê-sô 6:20; Cô-lô-se 4:4).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: LỜI CẦU NGUYỆN HIỆU QUẢ

A. Liên hệ tới sự tương giao cá nhân với Ba Ngôi Đức Trời.

1. Liên hệ tới ý chỉ Đức Chúa Cha
 - a. Ma-thi-ơ 6:10
 - b. 1 Giăng 3:22
 - c. 1 Giăng 5:14-15
2. Ở mãi trong Chúa Giê-su
 - a. Giăng 15:7
3. Cầu nguyện trong Danh Chúa Giê-su
 - a. Giăng 14:13,14
 - b. Giăng 15:16
 - c. Giăng 16:23-24
4. Cầu nguyện trong Đức Thánh Linh
 - a. Ê-phê-sô 6:18
 - b. Giu-đê 1:20

B. Liên hệ tới động cơ cá nhân

1. không lường lự.
 - a. Ma-thi-ơ 21:22
 - b. Gia-cơ 1:6-7
2. Cầu nguyện sai: Gia-cơ 4:3
3. Cầu nguyện ích kỷ: Gia-cơ 4:2-3

C. Liên hệ đến sự quyết định cá nhân

1. Bền đỗ
 - a. Lu-ca 18:1-8
 - b. Cô-lô-sê 4:2
 - c. Gia-cơ 5:16
2. sự bất hòa trong gia đình:
 - a. 1 Phi-e-rơ 3:7
3. Tội lỗi
 - a. Thi-thiên 66:18
 - b. Ê-sai 59:1-2
 - c. Ê-sai 64:7

Tất cả lời cầu nguyện đều được trả lời (không, có, hoặc hãy chờ), nhưng không phải tất cả lời cầu nguyện đều linh nghiệm. Điều cuối cùng Đức Chúa Trời có thể làm là trả lời sự cầu xin không thích đáng.

▣ " **dạn dĩ** " Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Dạn Dĩ (*Parrhēsia*) tại Cô-lô-se 2:15.

▣ " **sự màu nhiệm của Tin Lành** " Phao-lô sử dụng thuật ngữ này trong vài cách khác nhau để mô tả về kế hoạch cứu chuộc của Đức Chúa Trời. Ở đây nó chỉ đến những Người Do Thái và Người Ngoại tin kính trở nên một thân thể trong Đấng Christ. Khái niệm này đã được giải thích cách rõ ràng trong Ê-phê-sô 2:11-3:13. Thuật

ngữ xuất hiện trong Ê-phê-sô 1:9; 3:3,4,9; 5:32. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-phê-sô 3:3.

6:20 " tôi là sứ giả trong xiềng xích " Phao-lô đã hiểu về chức vụ sứ đồ dành cho Người Ngoại của ông như là chức vụ quản trị (1 Cô-rinh-tô 4:1; 9:17; Tít 1:7) và đại sứ (2 Cô-rinh-tô 5:20). Ông đã ở trong tù để rao giảng phúc âm cho những bậc cầm quyền La Mã tại Rô-ma, cũng như ông đã làm đối với các bậc cầm quyền tại Giu-đê (Công Vụ 9:15).

BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐÍNH 2010 (NASB (UPDATED)): Ê-PHÊ-SÔ 6:21-22

²¹ Để anh em cũng biết được hiện tại tôi ra sao và đang làm gì thì Ty-chi-co, người anh em yêu dấu và người phục vụ trung thành trong Chúa, sẽ thuật mọi sự cho anh em. ²² Tôi phải anh ấy đến với anh em nhằm mục đích để anh em biết tình cảnh của chúng tôi ra sao, và để khích lệ lòng anh em.

6:21 " Ty-chi-co, người anh em yêu dấu và người phục vụ trung thành trong Chúa " Ông được nhắc đến trong Công Vụ 20:4; Cô-lô-se 4:7; Tít 3:12; 2 Ti-mô-thê 4:12. Ông đã là người mang lá thư. Cũng vậy, ông có lẽ đã mang những lá thư Cô-lô-se và Phi-lê-môn đến khu vực Tiểu Á và đã đồng hành cùng với Ô-nê-sim. Có lẽ ông cũng đã mang lá thư Ê-phê-sô cho tất cả các hội thánh Tiểu Á. Ông cũng đã có trách nhiệm như là một người thư ký của Phao-lô, giống như Tệt-tiu trong Rô-ma 16:22.

6:21-22 Những câu này là giống nhau trong tiếng Hy Lạp với Cô-lô-se 4:7-8, ngoại trừ Cô-lô-se thêm vào "bạn tôi tớ cùng làm việc," vốn chỉ ra rằng Phao-lô có lẽ đã viết hai sách này gần như cùng thời điểm.

6:22 Phao-lô muốn các hội thánh biết về hoàn cảnh của ông để rồi họ có thể cầu nguyện cho ông và không phải lo lắng cho ông. Ông cảm thấy mình đã ở trong chương trình của Đức Chúa Trời dành cho cuộc đời và chức vụ của ông (Công Vụ 9:15).

☐ " **lòng** " Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Cô-lô-se 2:2.

☐ Một sự tự hỏi rằng phải chăng Phao-lô đã không chấp bút câu này cũng như 6:23-24.

BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐÍNH 2010 (NASB (UPDATED)): Ê-PHÊ-SÔ 6:23-24

²³ Cầu xin sự bình an, tình yêu thương và đức tin từ Đức Chúa Trời là Cha, và từ Chúa là Đức Chúa Jê-sus Đấng Christ ở với anh em. ²⁴ Cầu xin ân điển ở với tất cả những người yêu mến Chúa chúng ta là Đức Chúa Jê-sus Đấng Christ bằng tình yêu bất diệt.

6:23-24 Cùng những chủ đề này đã mở ra lá thư này! Phao-lô thường chấp bút những ý tưởng kết thúc của ông để chứng minh là xác thực những bức thư của ông.

6:24

NASB	"với một tình yêu không thể hư hoại "
NKJV	"trong sự chân thành "
NRSV	"một tình yêu không hề chết "
TEV	" với một tình yêu không hề chết "
NJB	"sự sống đời đời "

Từ này thường có nghĩa là "không thể hư hoại" (1 Cô-rinh-tô 9:25; 15:52; 1 Ti-mô-thê 1:17). Nó có nghĩa rộng của một điều gì đó không dời đổi và vĩnh cửu. Đây là một sự khích lệ trong ánh sáng của sự bối rối và xung đột bị gây nên bởi những giáo sư giả và một trận chiến thuộc linh mang tính cá nhân.

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính

yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Có phải rằng đang có một thế lực hữu thể của điều ác trong thế giới của chúng ta?
2. Trách nhiệm của chúng ta là gì trong trận chiến thuộc linh?
3. Tại sao Phao-lô sử dụng chiến trận như một sự mô tả về đời sống Cơ Đốc?
4. Phao-lô thỉnh cầu điều gì cho chính ông?

DẪN NHẬP VÀO SÁCH PHI-LÊ-MÔN

NHỮNG THÔNGIỆP MỞ ĐẦU

- A. Sách này có lẽ là một ví dụ của một lá thư riêng, rất phổ biến trong thế giới Hy-La (Hy Lạp-La Mã) vào thế kỷ thứ nhất. Nó có lẽ vừa vụn trong một trang giấy làm từ thân cây sậy (3 Giăng). Không chắc nó được gửi đến ai trước nhất.
1. Phi-lê-môn
 2. Áp-bi và A-chíp (Cô-lô-se 4:17)
 3. Hoặc trong một nghĩa nào đó, cho toàn bộ hội thánh tư gia này
- B. Lá thư này cung cấp một cánh cửa nhìn vào
1. những phương cách mục vụ của Sứ Đồ Phao-lô
 2. những hội thánh tư gia trong thế kỷ thứ nhất (Rô-ma 16:5; 1 Cô-rinh-tô 10:19; Cô-lô-se 4:15)
- C. Cơ Đốc Giáo đã là một sự thay đổi triệt để môi trường xã hội của thế giới Địa Trung Hải. Những rào cản xã hội đối với phúc âm đã ngã xuống (1 Cô-rinh-tô 12:13; Ga-la-ti 3:28; Cô-lô-se 3:11).

TÁC GIẢ

- A. Tính chất cá nhân của lá thư đã thuyết phục hầu hết độc giả (ngoại trừ một người, F.C. Baur) rằng tác giả của sách chính là Phao-lô, vị Sứ Đồ.
- B. Phi-lê-môn và Cô-lô-se có mối liên hệ mật thiết
1. Có cùng nguồn gốc
 2. Có cùng những người gửi lời chào
 3. Có phần kết giống nhau
 4. Ty-chi-cơ là người đã chuyển lá thư Cô-lô-se và đi cùng với Ô-nê-sim (Cô-lô-se 4:7,9). Nếu Phi-lê-môn được viết bởi Phao-lô, thì chắc chắn Cô-lô-se cũng vậy (vốn đã bị nghi ngờ bởi một vài học giả hiện đại).
- C. Nó được liệt kê trong số những lá thư được viết bởi Phao-lô bởi cả nhân vật tà giáo Marcion (là người đã đến Rô-ma vào những năm 140 SC) và bởi danh sách những sách kinh điển, bộ Kinh Điển Muratorian Fragment (được ghi lại tại Rô-ma trong khoảng những năm 180-200 SC).

THỜI ĐIỂM VIẾT SÁCH

- A. Thời điểm viết của lá thư này liên hệ với một trong những lần bị tù đày của Phao-lô (tại Ê-phê-sô, Phi-líp, Sê-sa-rê, hoặc Rô-ma). Một lần bị tù ở Rô-ma có vẻ phù hợp nhất với những sự kiện trong Công Vụ.
- B. Một khi Rô-ma được cho là địa điểm của sự tù đày, thì một câu hỏi được đẩy lên-vào thời điểm nào? Phao-lô đã bị tù vào những năm đầu của thập kỷ 60 và điều này đã được chép lại trong sách Công Vụ. Tuy nhiên, ông đã được thả ra và viết những thư tín Chấn bầy (1 & 2 Ti-mô-thê và Tít) và sau đó đã bị tái bắt giam và bị giết trước ngày 9 tháng 6 năm 68 SC (ngày hoàng đế Nê-rô tự sát). Sự phỏng đoán học thuật tốt nhất cho thời điểm viết sách Cô-lô-se, Ê-phê-sô và Phi-lê-môn chính là lần bị tù thứ nhất của Phao-lô, vào những năm đầu của thập niên 60. Phi-líp có lẽ đã được viết gần về giữa những năm 60.
- C. Ty-chi-cơ, cùng với Ô-nê-sim, có lẽ đã mang những lá thư gửi cho người Cô-lô-se, Ê-phê-sô, và Phi-lê-môn đến Tiểu Á. Sau đó, có lẽ một vài năm sau, Ép-ba-phô-đích, đã hồi phục từ sự bệnh tật thân thể, đã mang lá thư gửi cho người Phi-líp về hội thánh nhà của ông.
- D. Có lẽ trình tự của những tác phẩm của Phao-lô tương tự với F. F. Bruce và Murry Harris với một sự điều chỉnh cho phù hợp nhỏ.

	<u>Sách</u>	<u>Thời điểm viết</u>	<u>Địa điểm Viết Liên Hệ với Sách Công Vụ</u>	
1	Ga-la-ti	48	An-ti-ốt xứ Sy-ri	Công Vụ 14:28; 15:2
2	1 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rinh-tô	Công Vụ 18:5
3	2 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rinh-tô	
4	1 Cô-rinh-tô	55	Ê-phê-sô	Công Vụ 19:20
5	2 Cô-rinh-tô	56	Ma-xê-đoan	Công Vụ 20:2
6	Rô-ma	57	Cô-rinh-tô	Công Vụ 20:3 7-10
7-8	Những Thư Tín Trong Tù			
	Cô-lô-se	đầu thập kỷ 60	Rô-ma	
	Phi-lê-môn	đầu thập kỷ 60	Rô-ma	
	Ê-phê-sô	đầu 60	Rô-ma	
	Phi-líp	cuối 62-63	Rô-ma	Công Vụ 28:30-31
11-13	Chuyển Truyền Giáo Thứ Tư			Ê-phê-sô (?)
	1 Ti-mô-thê	63 (hoặc muộn hơn 63 nhưng trước 64 SC)	Ma-xê-đoan	
	Tít	hơn 63 nhưng trước 64 SC)		
	2 Ti-mô-thê	68	Rô-ma	

BỐI CẢNH CỦA LÁ THƯ (những người được đề cập đến trong Phi-lê-môn)

- A. Phi-lê-môn có lẽ là người chủ nô lệ của Ô-nê-sim. Ông sống tại thành Cô-lô-se. Ông có lẽ là một người trở lại tin Chúa bởi Phao-lô, có lẽ trong thời gian Phao-lô đã thi hành chức vụ tại Ê-phê-sô.
- B. Ô-nê-sim là một nô lệ bỏ trốn của Phi-lê-môn. Ông cũng là một người trở lại tin Chúa bởi Phao-lô, là người đang ở tù tại Rô-ma (61-63 SC). Không chắc rằng Phao-lô và Ô-nê-sim đã gặp nhau như thế nào. Có thể
1. Cả hai đều bị bắt giam
 2. Ô-nê-sim được gửi đi như một người giúp đỡ đến cho Phao-lô
 3. Ô-nê-sim tìm cầu sự khuyên dạy của Phao-lô sau khi thay đổi suy nghĩ của mình về việc bỏ trốn
- C. Ê-pháp-ra đã là một tín đồ từ Tiểu Á và là người đã thành lập nên những Hội Thánh tại Thung Lũng Sông Lycus (Cô-lô-se, Lao-đi-xê và Hi-ê-ra-bô-li). Ông đã đem những lời của Phao-lô trong tù về tà giáo tại Cô-lô-se và sự trung tín của Phi-lê-môn.
- D. Ty-chi-cơ đã là người đưa ba lá thư của Phao-lô đến khu vực này: Cô-lô-se, Ê-phê-sô, và Phi-lê-môn (Cô-lô-se 4:7-9; Ê-phê-sô 6:21-22). Ô-nê-sim cũng đã trở lại cùng với ông để đối diện với người chủ của mình (Phi-lê-môn 1:11). Phi-lê-môn là một trong hai lá thư riêng còn được gìn giữ trong Tân Ước (cùng với 3 Giăng).
- Khoảng năm mươi năm sau (năm 110 SC) Ignatius, trên đường đến Rô-ma để tuận đạo, đã viết một lá thư ("gửi đến Ê-phê-sô" 1:3) cho giám mục của Ê-phê-sô có tên là Ô-nê-sim! Rất có thể đây chính là người nô lệ đã trở lại tin Chúa ấy!

MỤC ĐÍCH CỦA LÁ THƯ

- A. Nó đã bày tỏ cách Phao-lô sử dụng thẩm quyền sứ đồ của ông cũng như những sự khích lệ chặn bầy.
- B. Nó bày tỏ cách Cơ Đốc Giáo hình thành nên những anh chị em (trong Chúa) từ những nô lệ và chủ nô lệ, từ những người giàu có và nghèo khổ! Lễ thật này, theo thời gian, đã thay đổi triệt để Đế Chế La Mã.
- C. Nó bày tỏ niềm tin của Phao-lô rằng ông sẽ được thả khỏi tù ngục La Mã và quay trở lại Tiểu Á.

CHU KỲ ĐỌC THỨ NHẤT (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Vì vậy, hãy đọc cả sách trong một lần đọc. Hãy đưa ra các chủ đề trung tâm của cả sách bằng cách diễn đạt của chính bạn (chu kỳ đọc #1).

1. Chủ đề của cả sách
2. Thể loại văn học (thể loại)

CHU KỲ ĐỌC THỨ HAI (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Vì vậy, hãy đọc cả sách lần thứ hai trong một lần đọc. Hãy đưa ra dàn ý các chủ đề chính (đọc chu kỳ #2) và mô tả chủ đề trong một câu duy nhất.

1. Chủ đề của đơn vị văn học thứ nhất
2. Chủ đề của đơn vị văn học thứ hai
3. Chủ đề của đơn vị văn học thứ ba
4. Chủ đề của đơn vị văn học thứ bốn
5. v.v...

PHI-LÊ-MÔN

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI*

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Lời Chào Gửi đến Phi-lê-môn, Phi-lê-môn 1:1-3	Lời Chào Thăm	Lời Chào Thăm	Lời Chào Thăm	Người Nhận
	câu 1a câu 1b câu 2 câu 3	câu 1a câu 1b-2 câu 3	câu 1a câu 1b-2 câu 3	câu 1-3
Tình Yêu và Đức Tin của Phi-lê-môn câu 4-7	Tình Yêu và Đức Tin của Phi-lê-môn câu 4-7	Thanksgiving câu 4-7	Tình Yêu và Đức Tin của Phi-lê-môn câu 4-7	Lời Tạ Ôn và Cầu Nguyện câu 4-7
Lời Thỉnh Cầu của Phao-lô cho Ô-nê-sim câu 8-16	Lời Khẩn Xin cho Ô-nê-sim câu 8-16	Lời Khẩn Xin của Phao-lô cho Ô-nê-sim câu 8-16	Một Thỉnh Cầu cho Ô-nê-sim câu 8-11 câu 12-14 câu 15-16	Lời Thỉnh Cầu về Ô-nê-sim Phi-lê-môn 1:8-21
	Được Khích Lệ bởi sự Vâng Phục của Phi-lê-môn câu 17-22			
		Những Niềm Hy Vọng và Lời Chào Kết Thúc câu 22		Một Yêu Cầu Cá Nhân, những Sự Cầu Chúc Tốt Lành câu 22
Lời Chào Sau Cùng câu 23-25	Lời Tạm Biệt câu 23-25		Những Lời Chào Sau Cùng câu 25	
		câu 23-24 câu 25		câu 23-23 câu 25

*Mặc dù không được thần cảm, những chỗ chia phân chia đoạn chính là chìa khóa để hiểu được và đối theo ý định của tác giả nguyên thủy. Mỗi bản dịch hiện đại đã chia và tổng hợp lại những chỗ chia phân đoạn. Mỗi phân đoạn có một ý chính, lẽ thật và ý tưởng trung tâm. Mỗi bản dịch lồng ý tưởng đó theo cách riêng biệt của chính bản dịch đó. Khi bạn đọc phần Kinh Thánh, hãy tự hỏi chính mình rằng bản dịch nào phù hợp với cách hiểu của bạn về chủ đề và những chỗ chia câu.

*Trong mỗi đoạn, bạn phải đọc Kinh Thánh trước và cố gắng xác định các chủ đề (các phân đoạn). Sau đó, hãy so sánh cách hiểu của bạn với các bản dịch hiện đại. Chỉ khi chúng ta hiểu được ý định của tác giả nguyên thủy bằng cách đối theo lập luận và cách trình bày của họ ở mức độ phân đoạn, chúng ta mới có thể hiểu được Kinh Thánh. Chỉ có một mình tác giả nguyên thủy được thần cảm—những người đọc không có bất cứ thẩm quyền nào để thay đổi hoặc bổ sung cho sứ điệp. Những người đọc Kinh Thánh có trách nhiệm phải áp dụng những lẽ thật được thần cảm đó mỗi một ngày và cả cuộc đời của họ.

Chú ý rằng tất cả những thuật ngữ và chữ viết tắt đều được giải thích đầy đủ trong những tài liệu sau: Những Thuật Ngữ về Ngữ Pháp Hê-bơ-rơ và Bảng Thuật Ngữ.

CHU KỶ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa đề dõng theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): PHI-LÊ-MÔN 1:1a

1a Phao-lô, người tù của Đấng Christ Jê-sus, và Ti-mô-thê, người anh em

Phi-lê-môn 1:1 "Phao-lô" Tên Hy Lạp *Paulos* có nghĩa là "nhỏ." Một vài thuyết đã được phát triển về nguồn gốc của tên Hy Lạp của ông.

1. Một biệt danh mô tả về chiều cao cơ thể của ông, từ lời truyền khẩu lại trong Hội thánh từ thế kỷ thứ hai rằng Phao-lô là một người thấp, đầu hói, chân khập khiễng, lông mày rậm rạp, có đôi mắt lồi ra, vốn xuất phát từ một sách không kinh điển từ Tê-sa-lô-ni-ca có tên là *Paul and Thekla*, có khả năng là nguồn gốc của tên ông
2. Sự định giá thuộc linh cá nhân của Phao-lô, ông thường gọi chính mình là "người nhỏ bé nhất trong các thánh đồ" bởi vì ông đã bắt bớ Hội Thánh như được chép lại trong Công Vụ 9:1-2 (1 Cô-rinh-tô 15:9; Ê-phê-sô 3:8; 1 Ti-mô-thê 1:15)
3. Hầu hết người Do Thái của sự tản lạc (Người Do Thái sống bên ngoài khu vực Palestine) đã đều được đặt hai tên; một tên Hê-bơ-ơ (Sau-lô) và một tên Hy Lạp (Phao-lô)

☐ **"một người tù"** Tân Ước đề cập cách đặc biệt rằng Phao-lô đã ở tù ba lần: (1) tại Sê-sa-rê; (2) tại thành Phi-líp; và (3) tại Rô-ma (với một sự ngụ ý rằng có thể có một lần bị tù tại Ê-phê-sô, 1 Cô-rinh-tô 15:32; 2 Cô-rinh-tô 1:8). Thư này có vẻ được viết trong lần bị tù tại Rô-ma trong giai đoạn đầu những năm 60.

Bởi bản chất chần bầy đầy yêu thương của lá thư ngắn này, nhiều nhà giải kinh đã cho rằng Phao-lô đã lựa chọn danh hiệu này thay vì sự khẳng định mở đầu thông thường của ông về chức vụ sứ đồ của mình.

☐ **"Đấng Christ Jesus"** Sự đa dạng của những danh hiệu cho Chúa Jesus được sử dụng trong lá thư ngắn này thật kỳ diệu. Hãy chú ý: Đấng Christ Jesus; Phi-lê-môn 1:1; Đức Chúa Jesus Christ, Phi-lê-môn 1:3; Đức Chúa Jesus, Phi-lê-môn 1:5; Đấng Christ, Phi-lê-môn 1:8; Đấng Christ Jesus, Phi-lê-môn 1:9; Chúa, và Đấng Christ, Phi-lê-môn 1:20; Đấng Christ Jesus, Phi-lê-môn 1:23; và Đức Chúa Jesus Christ, Phi-lê-môn 1:25.

"Đấng Christ" chính là từ Hy Lạp tương đương với thuật ngữ Hê-bơ-ơ "*Đấng Mê-si*," vốn có nghĩa là "người được xúc dầu" (Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Cô-lô-se 1:1). Nó ngụ ý "một người được chọn và trang bị bởi Đức Chúa Trời cho một nhiệm vụ đặc biệt." Trong ba nhóm lãnh đạo Cựu Ước được xúc dầu: những thầy tế lễ, các vua và những thầy tế lễ. Chúa Jesus đã ứng nghiệm cả ba nhóm chức vụ được xúc dầu này (Hê-bơ-ơ 1:2-3).

"Chúa Jesus" có nghĩa là "YHWH giải cứu" hoặc "sự giải cứu thuộc về YHWH" (Ma-thi-ơ 1:21). Nó chính là tên Cựu Ước "Giô-suê." "Jesus" có nguồn gốc từ từ Hê-bơ-ơ dùng cho sự giải cứu, "*hosea*," được thêm hậu tố danh xưng giao ước danh của Đức Chúa Trời, "YHWH" (Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Cô-lô-se 1:3).

☐ **"Ti-mô-thê"** Tên của ông có nghĩa là "được tôn quý bởi Đức Chúa Trời" người "người tôn quý Đức Chúa Trời." Ông trở lại tin Chúa qua sự làm chứng của Phao-lô trong chuyến hành trình truyền giáo thứ nhất đến Đet-bơ/ Lít-tơ (Công Vụ 26:1). Phao-lô đã mời ông tham gia nhóm truyền giáo thứ hai, có lẽ để thế cho Giảng Mác (Công Vụ 15:36-41). Ông có một người mẹ Do Thái và một người cha Hy Lạp (Công Vụ 16:1; 2 Ti-mô-thê 1:5). Phao-lô đã cắt bì cho ông để tạo điều kiện thuận lợi cho công việc của ông giữa những người Do Thái (Công Vụ. 16:3). Ông trở nên người đại diện trung tín, người môn đồ và người giải quyết những rắc rối của Phao-lô (Công Vụ 16:1-17:14; 18:5-19:22; 20:4; Rô-ma 16:21; 1 Cô-rinh-tô 4:17; 16:10; 2 Cô-rinh-tô 1:1, 19; Phi-líp 1:2; 2:19; Ga-la-ti 1:1; Phi-lê-môn 1:4; và hai sách 1 Ti-mô-thê và 2 Ti-mô-thê).

Ông được nhắc đến cùng với Phao-lô trong một vài lá thư (1 Cô-rinh-tô 4:12; 16:10; 2 Cô-rinh-tô 1:1; Phi-líp

1:1; Cô-lô-se 1:1; 1 Tê-sa 1:1; 2 Tê-sa 1:1; 1 Ti-mô-thê 1:2; 2 Ti-mô-thê 1:2). Điều này không có ngụ ý về sự đồng tác giả, nhưng sự hiện diện và chào thăm của Ti-mô-thê. Ti-mô-thê có vai trò như người thư ký, hoặc người ghi chép của Phao-lô, cũng giống như Si-la, Tệt-tiu, và Ty-chi-cơ đã làm.

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): PHI-LÊ-MÔN 1:1b-3

^{1b} kính gửi Phi-lê-môn, người rất quý mến và là bạn đồng lao của chúng tôi, ² đồng kính gửi Áp-bi, người chị em của chúng tôi, A-chíp, người bạn cùng chiến đấu, và Hội Thánh tại nhà anh ấy: ³ Cầu xin Đức Chúa Trời, Cha chúng ta, và Chúa là Đức Chúa Jêsus Christ ban ân điển và bình an cho anh em.

☐ "**Phi-lê-môn**" một thành viên tích cực của hội thánh tại Cô-lô-se. Nhân vật này được nhắc đến duy nhất trong lá thư này. Có vẻ rằng hội thánh địa phương tại Cô-lô-se nhóm lại tại nhà ông. Những đánh giá của Phao-lô về ông ngụ ý rằng ông đã biết người này cách cá nhân. Ê-pháp-ra, chứ không phải Phao-lô, đã mở ra hội thánh tại Cô-lô-se (Cô-lô-se 1:6-7), vì vậy, Phao-lô phải gặp ông sớm hơn, có lẽ tại Ê-phê-sô (Phi-lê-môn 1:10, 19). Tuy nhiên, có khả năng rất ít rằng Phao-lô không biết ông cách cá nhân (Phi-lê-môn 1:5) và rằng Ê-pháp-ra đã cung cấp thông tin cho ông về chức vụ của người này.

Phi-lê-môn 1:2 "Áp-bi" Đây có khả năng là vợ của Phi-lê-môn, bởi vì tên của bà xuất hiện thứ hai.

☐ "**A-chíp**" Một vài người suy nghĩ rằng người này chính là con của Phi-lê-môn, nhưng ông có thể là mục sư của hội thánh đang nhóm lại trong nhà Phi-lê-môn (Cô-lô-se 4:17) hoặc một người khác mà chúng ta không biết. E. J. Goodspeed và J. Knox cho rằng A-chíp là chủ của Ô-nê-sim, và rằng Phi-lê-môn chính là người mục sư tại địa phương được nhắc đến để giúp khích lệ A-chíp cần phải có sự thương xót trên người nô lệ bỏ trốn của ông.

☐ "**người bạn cùng chiến đấu**" Phao-lô nhìn toàn cảnh cuộc đời Cơ Đốc Nhân như một cuộc chiến quân sự (Ê-phê-sô 6:10-18). Ông sử dụng sự đặc tả này một vài lần (Phi-líp 2:25; 2 Ti-mô-thê 3:2).

☐ "**hội thánh**" *Ekklesia* tạo thành từ hai từ Hy Lạp, "ra khỏi" (*ek*) và "kêu gọi" (*kalaō*). Nó được sử dụng trong tiếng Hy Lạp Koine (200 TC- 200 SC) để mô tả về bất kỳ hình thức hội họp nào, ví dụ như một cuộc họp của khu phố (Công Vụ 19:32). Hội Thánh chọn từ này bởi vì nó được dùng trong Bản Bảy Mươi, bản dịch tiếng Hy Lạp của Cựu Ước, được thực hiện vào khoảng năm 250 TC, cho thư viện tại Alexandria, Ai Cập. Từ này đã dịch từ tiếng Hê-bơ-rơ vốn được dùng trong cụm từ giao ước " hội chúng Y-sơ-ra-ên" (Dân Số Ký 20:4). Tác giả Tân Ước khẳng định rằng họ chính là "những người được kêu gọi thánh" là những người trở nên Dân Sự của Đức Chúa Trời trong thời đại của họ. Họ không nhìn thấy bất kỳ sự ngăn cách triệt để nào giữa Dân Sự Cựu Ước của Đức Chúa Trời và chính họ, Dân Sự Tân Ước của Đức Chúa Trời. Các Cơ Đốc Nhân khẳng định rằng Hội Thánh của Đức Chúa Jêsus Christ, chứ không phải Do Thái Giáo hiện đại, chính là những người giải nghĩa và sự ứng nghiệm chân chính của Lời Kinh Thánh Cựu Ước. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Hội Thánh tại Cô-lô-se 1:18.

☐ "**(nhóm) tại nhà anh ấy**" Đã không có bất kỳ công trình xây dựng nhà thờ nào cho đến tận thế kỷ thứ ba (Công Vụ 2:40; 5:42; 20:20; Rô-ma 16:5; 1 Cô-rinh-tô 16:19; Cô-lô-se 4:15). Những "hội thánh tư gia" đã theo trình tự Do Thái của những nhà hội địa phương (đọc Kinh Thánh, cầu nguyện, những bài hát, v.v...). Lời Kinh Thánh Hy Lạp mơ hồ về nghĩa ở chỗ ai trong hai người được đề cập đến trong Phi-lê-môn 1:1-2 chính là người sở hữu ngôi nhà nơi hội thánh gặp tại đó.

Phi-lê-môn 1:3 "Cha" Từ này không được dùng trong nghĩa của thế hệ về mặt sinh lý hoặc trình tự theo thời gian, nhưng là một mối quan hệ gia đình mật thiết. Đức Chúa Trời đã chọn những thuật ngữ mang tính chất gia đình để mặc khải về Chính Ngài với nhân loại sa ngã (Ô-sê 2-3 như một người tình đầy nhiệt huyết, chung thủy, (trong khi) Ô-sê 11 như một bậc cha mẹ yêu thương). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Cha tại Cô-lô-se 1:2.

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): PHI-LÊ-MÔN 1:4-7

⁴ Tôi luôn cảm tạ Đức Chúa Trời tôi, mỗi khi nhắc đến anh trong lời cầu nguyện, ⁵ vì tôi được nghe về đức tin của anh nơi Chúa là Đức Chúa Jêsus, và lòng yêu thương của anh đối với tất cả các thánh đồ. ⁶ Tôi cầu nguyện rằng sự chia sẻ đức tin của anh sẽ nâng cao sự hiểu biết về mọi điều tốt đẹp mà chúng ta có được trong Đấng Christ. ⁷ Thừa anh, tình yêu thương của anh đã đem lại niềm vui và sự an ủi sâu

Phi-lê-môn 1:4 " Tôi luôn cảm tạ Đức Chúa Trời tôi " Theo truyền thống tại thế giới Hy-La một lá thư bắt đầu với một hình thức chuẩn mực: (1) đến từ ai; (2) gửi đến ai; và (3) một lời cầu chúc hoặc tạ ơn. Phao-lô đi theo trình tự này (sự tạ ơn về những độc giả, Rô-ma 1:8; 1 Cô-rinh-tô 1:4; Phi-líp 1:3; Cô-lô-se 1:3; 1 Tê-sa 1:2; 2 Tê-sa 1:3; những sự chúc phước từ Đức Chúa Trời, 2 Cô-rinh-tô 1:3; Ê-phê-sô 1:3; sự tạ ơn hướng về Đức Chúa Trời, 1 Ti-mô-thê 1:12; 2 Ti-mô-thê 1:3). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Ngợi Khen, Cầu Nguyện và Tạ Ôn Dâng Lên cho Đức Chúa Trời trong Ê-phê-sô 3:20

▣ "**nhắc đến anh trong lời cầu nguyện**" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Lời Cầu Nguyện Cầu Thay tại Cô-lô-se 4:3.

Phi-lê-môn 1:5 " tôi được nghe về ... lòng yêu thương " Phao-lô đã không mở ra hội thánh tại Cô-lô-se. Có vẻ như Ê-pháp-ra là người đã chia sẻ cho ông thông tin về những tà giáo đang phát triển tại Cô-lô-se (Cô-lô-se 1:4) và chức vụ của Phi-lê-môn dành cho các thánh đồ (Phi-lê-môn 1:7).

▣ "**đức tin**" (Cô-lô-se 1:4). Thuật ngữ Hy Lạp này (*pistis*) được dịch sang tiếng Anh trong ba cách: "đức tin (faith)," "tin (believe)," và "tin cậy (trust)." Từ trong tiếng Hy Lạp có ba nghĩa rộng phân biệt.

1. Bối cảnh Cựu Ước của nó có nghĩa "sự trung tín" hoặc "đáng tin cậy," vì vậy, nó được sử dụng cho sự tin cậy của các tín đồ nơi sự đáng tin cậy của Đức Chúa Trời
2. Nó được dùng trong Tân Ước cho sự chấp nhận hoặc nhận lãnh sự mời gọi ban cho miễn phí sự tha thứ trong Đấng Christ
3. Nó được dùng trong nghĩa tập thể của tín lý Cơ Đốc hoặc lẽ thật về Chúa Jesus (Công Vụ 6:7 và Giu-đe 1:3, 20)

Trong vài chỗ trong Kinh Thánh, thật khó để xác định nó có ý nghĩa nào (2 Tê-sa 3:3). Hãy xem những Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Tin Tân Ước tại Cô-lô-se 1:2 và Đức Tin Cựu Ước tại Ê-phê-sô 2:8.

▣ "**đối với tất cả các thánh đồ**" Từ này nguyên văn là "những kẻ thánh," những người được biệt riêng cách chuyên biệt cho công việc của Đức Chúa Trời. Đây không phải là một sự chỉ đến một đời sống không có tội lỗi, nhưng chỉ về vị trí pháp lý (luật pháp) trong Đấng Christ. Từ này luôn ở số nhiều ngoại trừ Phi-líp 4:21, nhưng ngay cả ở đó nó cũng được dùng cho tập thể Y-sơ-ra-ên trong vai trò một tuyến dân thánh (Xuất 13:5; 19:5-6; Phục Truyền 7:6; 1 Phi-e-rơ 2:9; và Khải Huyền 1:6).

Dù thuật ngữ "các thánh đồ" liên hệ với vị trí (chỗ đứng) của các tín đồ trong Đấng Christ, nó không phải là một sự ngẫu nhiên rằng gốc từ của nó là "thánh." Các tín đồ được kêu gọi không chỉ cho sự cứu rỗi nhưng còn cho một sự nên thánh theo tiến trình (Ga-la-ti 2:15-18,19- 20). Các tín đồ đã được tiên định cho "sự thánh khiết" (Ma-thi-ơ 5:48; Rô-ma 8:28-29; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4), chứ không phải thiên đàng; cho sự phục vụ, chứ không phải là đặc quyền ưu tiên. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Các Thánh Đồ tại Cô-lô-se 1:2.

Phi-lê-môn 1:6

NASB	"rằng mối liên hệ của đức tin anh (em) "
NKJV, NRSV	"rằng sự chia sẻ về đức tin anh (em) "
TEV	"rằng mối liên hệ của chúng tôi với anh như những tín đồ "
NJB	"rằng mối liên hệ của anh trong đức tin "

Câu này có thể được dịch ra trong vài nghĩa.

1. Mối liên hệ của các tín đồ với nhau (2 Cô-rinh-tô 8:4; Phi-líp 2:1-5)
2. Sự chia sẻ phúc âm với những người không tin (Phi-líp 1:5)
3. Sự chia sẻ những việc lành với những người khác

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: *KOINŌNIA* (SỰ THÔNG CÔNG)

Thuật ngữ sự thông công (*koinōnia*) có ý nghĩa là

1. Mối liên hệ gần gũi với một cá nhân:
 - a. Với Con Đức Chúa Trời (theo 1 Cô-rin-tô 1:9; 1 Giăng 1:6)

- b. Với Đức Thánh linh (theo 2 Cô-rin-tô 13:14; Phi-líp 2:1)
 - c. Với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con (theo 1 Giăng 1:3)
 - d. Với anh chị em trong giao ước đức tin. (theo Công-vụ 2:42; 2 Cô-rin-tô 8:23; Ga-la-ti 2:9; Phi-lê-môn câu 17; 1 Giăng 1:3,7)
 - e. Tuyệt giao với sự xấu xa / Kẻ Ác (theo 2 Cô-rin-tô 6:14)
2. Liên hệ gần gũi với những điều hoặc những nhóm:
 - a. Với Phúc Âm (theo Phi-líp 1:5; Phi-lê-môn câu 6)
 - b. Với huyết của Đấng Christ. (theo 1 Cô-rin-tô 10:16)
 - c. Tuyệt giao với sự tội tăm (theo 2 Cô-rin-tô 6:14)
 - d. Liên hệ với sự chịu đựng (theo 2 Cô-rin-tô 1:7; Phi-líp 3:10; 4:14; 1 Phi-ê-rơ 4:13)
 3. Món quà hoặc sự đóng góp rời rộng (lạc quyền cứu trợ), (theo Rô-ma. 12:13; 15:26; 2 Cô-rin-tô 8:4; 9:13; Phi-líp 4:15; Hê-bơ-rơ 13:16)
 4. Món quà của Đức Chúa Trời qua ân điển của Đấng Christ: hồi phục loài người trong mỗi thông công cùng Ngài và con cái Ngài.

Điều này khẳng định mỗi thông công chiều ngang (con người với con người), được đem lại bởi mỗi thông công chiều dọc (con người với Đấng Tạo Hóa. Nó nhấn mạnh nhu cầu thông công trong cộng đồng Tín Đồ và kết quả trong niềm vui khi có sự thông công. (tức là Hê-bơ-rơ 10:25).

NASB	"qua tri thức về mọi việc lành "
NKJV	"bởi sự nhận biết về mọi việc lành "
NRSV	"khi anh em thấu hiểu về mọi điều lành mà chúng tôi có thể làm "
TEV	"sẽ mang về một sự hiểu biết sâu nhiệm hơn về mọi phước lành "
NJB	"có thể đến với sự bày tỏ trong sự hiểu biết trọn vẹn về mọi điều lành "

Có vài câu hỏi liên quan đến việc giải nghĩa cụm từ này:

1. Sự nhận biết này chỉ đến ai -Phi-lê-môn, hội thánh trong nhà ông, Ô-nê-sim, hoặc Phao-lô
2. Sự nhận biết này (*epignōskō*, Phi-líp 1:10; Cô-lô-se 1:9; 3:10) chỉ về điều gì-sự tha thứ, chế độ nô lệ, thẩm quyền sứ đồ hay là về phúc âm?

Trong những tác phẩm được viết của Phao-lô sự khôn ngoan và tri thức không hề được phân biệt khỏi một cuộc sống đạo đức, nhưng hình thành nên một thể thống nhất (Phi-líp 1:9; Cô-lô-se 1:9-10).

NASB	"vốn ở trong anh (em) vì có Đấng Christ"
NKJV	"vốn ở trong anh (em) trong Đấng Christ Jesus"
NRSV	"rằng chúng ta có thể làm cho Đấng Christ"
TEV	"vốn chúng ta đã có trong đời sống chúng ta trong sự hiệp nhất với Đấng Christ"
NJB	"chúng ta có thể làm cho Đấng Christ"

Có hai lựa chọn rõ ràng trong việc giải nghĩa trong những bản dịch này: (1) những điều chúng ta đã làm trong vai trò tín đồ cho Đấng Christ hoặc (2) những điều chúng ta có trong vai trò những tín đồ trong Đấng Christ.

Phi-lê-môn 1:7 " tình yêu thương " Phao-lô dùng thuật ngữ này (*agapē*) ba lần trong sách nhỏ này. Ông đã nghe về tình yêu và đức tin của họ hướng về Chúa Jesus và những người đi theo Ngài (Phi-lê-môn 1:5); ông đã nhận được rất nhiều sự vui mừng và an ủi nơi tình yêu của họ (Phi-lê-môn 1:7); và ông đã nài xin rằng tình-yêu-được-cảm-động-bởi-Đức-Chúa-Trời này để thúc đẩy Phi-lê-môn (Phi-lê-môn 1:9).

☐ **" lòng "** Từ này nguyên văn được dùng cho "ruột (lòng)" (*splagchna*, Công Vụ 1:18). Điều này có lẽ liên hệ với của tế lễ Cựu Ước của những bộ phận cụ thể trong cơ thể sinh tế nơi bàn thờ (Xuất 29:13; Lê-vi Ký 3:3-4,10, 15; 4:8-9; 7:3-4; 8:16, 25; 9:10,16). Những người cổ đại định vị cảm xúc nằm ở phần phủ tạng hoặc bụng dưới (Ê-sai 63:15; Giê-rê-mi 4:19). Đối với Phao-lô, nó liên hệ với tình yêu Cơ Đốc (2:1; 2 Cô-rinh-tô 6:12; 7:15; Phi-líp 1:8, 21; Cô-lô-se 3:12; Phi-lê-môn 1:7,12,20).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC THÁNH ĐỒ

Thuật ngữ *Hagios* tiếng Hy-lạp tương tự như thuật ngữ *Kadosh* tiếng Hê-bơ-rơ, (noun, BDB 871; verb, BDB 872, KB 1066-1067; xem Chủ Đề Đặc Biệt: Thánh khiết.), mang ý nghĩa một vật, mộ thứ, một

người được biệt riêng để phục vụ Đức Chúa Trời. Tiếng Anh là “sacred” và tiếng Việt là “thánh”. I-so-ra-en là dân tộc thánh của Đức Giê-hô-va. (theo 1 Phi ê rơ 2:9, dẫn chứng từ Xuất Hành 19:6). Bản thân Đức Giê-hô-va cũng được biệt thánh, tách biệt khỏi nhân loại bởi bản thể thần linh, vĩnh cửu, vô tạo và bản tính thánh khiết của Ngài. Ngài là tiêu chuẩn của mọi tiêu chuẩn, nhờ Ngài mà mọi sự được đong lường và phán xét. Đức Chúa Trời siêu phàm, thiêng liêng.

Đức Chúa Trời tạo dựng con người với mục đích thông công. Nhưng tội lỗi trở nên hàng rào ngăn cách giữa Đấng Thánh và phàm nhân. Đức Chúa Trời chọn sự phục hồi tạo hóa, bởi vậy Ngài gọi con dân của Ngài nên thánh. (theo Lê vi ký 11:44; 19:2; 20:7,26; 21:8). Bằng mối liên hệ bởi đức tin với Đức Giê-hô-va, dân tuyền thuộc linh trở nên thánh khiết qua giao ước và qua nếp sống. (xem Chủ Đề Đặc Biệt: sự Nên Thánh Sanctification, theo Ma thi ơ 5:48; Ê phê sô 4:1,17; 5:2-3,15; 1 Phi ê rơ 1:15).

Nếp sống thánh khiết có thể thực hiện bởi tín đồ được tha thứ (1) qua sự sống Chúa Giê-su và (2) công tác Đức Thánh Linh trong tâm lòng và tâm trí. Điều này có vẻ là một nghịch lý:

1. Trở nên thánh khiết bởi sự công chính của Đấng Christ.(tức là Rô ma 4)
2. Được gọi là thánh khiết bởi sự hiện diện của Đức Thánh Linh, Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Nên Thánh.

Tín đồ trở nên thánh đồ bởi

1. Ý chỉ của Đấng Thánh (Đức Chúa Cha theo Giăng 6:29,40; 1 Phi ê rơ 1:15-16),
2. Công tác của Chúa Giê-su theo 2 Cô rin tô 5:21; 1 Phi ê rơ 1:18-21),
3. Sự ngự trị trong lòng của Đức Thánh Linh, (theo Rô ma 8:9-11,27)

Tân Ước luôn nói về thánh đồ trong số nhiều. (trừ một trường hợp trong Phi-líp 4:21). Được cứu là được tham gia vào gia đình thuộc linh, trở nên chi thể của thân thể, một khối của tòa nhà. Đức tin theo Kinh Thánh bắt đầu bởi cá nhân, nhưng phát triển trong cộng đồng. Mỗi chúng ta đều có ân tứ, 1 Cô rin tô 12:1, để xây dựng Hội Thánh lành mạnh, trưởng thành, là thân thể Đấng Christ, theo 1 Cô rin tô 12:7. Chúng ta được cứu để phục vụ. Thánh khiết là thuộc tính của gia đình thiên thượng.

Thánh đồ là danh hiệu nói về bản chất của tín đồ, (theo Công vụ 9:13,32,41; 26:10; Rô ma 1:7; 1 Cô rin tô 1:2; 2 Cô rin tô 1:1; Ê phê sô 1:1; Phi-líp 1:1; Col. 1:2), đồng thời là cách bày tỏ việc họ được biệt riêng để phục vụ người khác, (theo Rô ma 12:13; 16:2; Ê phê sô 1:15; Col. 1:4; 1 Tim. 5:10; Hê-bơ-rơ 6:10). Phao-lô tiếp nhận quà tặng từ tín đồ ngoại bang cho hội thánh mẹ ở Giê-ru-sa-lem (theo Rô ma 15:25-26; 1 Cô rin tô 16:1; 2 Cô rin tô 8:4; 9:1).

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): PHI-LÊ-MÔN 1:8-16

⁸ Cho nên, dù trong Đấng Christ, tôi có quyền truyền cho anh điều phải làm, ⁹ nhưng vì tình yêu thương, tôi muốn nài xin anh thì hơn. Tôi, Phao-lô, đã già rồi và hiện nay đang bị tù vì Đấng Christ Jêsus, ¹⁰ nài xin anh giúp Ô-nê-sim, người con mà tôi đã sinh ra trong vòng xiềng xích. ¹¹ Trước kia, người này không ích lợi gì cho anh, nhưng bây giờ thì ích lợi cho cả anh và tôi. ¹² Tôi gửi người này về cho anh như gửi chính tâm lòng của tôi vậy. ¹³ Tôi muốn giữ người này lại với tôi, để thay anh chăm lo cho tôi trong lúc tôi vì Tin Lành mà chịu xiềng xích. ¹⁴ Nhưng tôi không muốn làm điều gì khi chưa được anh đồng ý, để việc lành anh làm không bởi ép buộc mà do tự nguyện. ¹⁵ Có lẽ vì điều này mà Ô-nê-sim đã xa anh một thời gian, để anh có thể nhận lại người này mãi mãi, ¹⁶ không phải như một nô lệ nữa, nhưng hơn hẳn một nô lệ, là một anh em quý mến. Đối với tôi, người này đặc biệt quý mến, nhưng đối với anh, lại càng quý mến hơn, cả về phần xác lẫn phần trong Chúa.

Phi-lê-môn 1:8

NASB	"để chỉ thị cho anh phải làm những gì thích đáng "
NKJV	"để ra lệnh cho anh những gì phù hợp "
NRSV TEV	"để ra lệnh cho anh cần phải thực hiện trách nhiệm của mình "
NJB	"để chỉ thị cho anh phải làm những gì cần phải làm "
	"để cho anh biết trách nhiệm của anh là gì "

Câu này phản ánh về thẩm quyền sứ đồ của Phao-lô. Tuy nhiên, Phao-lô vẫn ưu tiên dùng sự khích lệ và khéo léo (Phi-lê-môn 1:9,10,17,20).

Phi-lê-môn 1:9

NASB, NKJV	"Phao-lô người có tuổi rồi"
NRSV	"Tôi, Phao-lô, làm điều này như một kẻ già cả rồi"
TEV	"đại sứ "
NJB	"Tôi là, Phao-lô, một kẻ già cả "

Đây không phải là một vấn đề về bản thảo Hy Lạp, bởi vì mọi bản thảo Hy Lạp đều chép là "người đã có tuổi" (*presbutēs*). Các học giả đã chỉ ra rằng trong tiếng Hy Lạp Koine từ "người có tuổi" và "đại sứ" (*presbeutēs*) có thể đã được đọc giống nhau hoặc ít nhất thường dễ lẫn lộn (MSS của bản LXX; 2 Sử Ký 32:31). Những bản dịch Tiếng Anh TEV, RSV, và NEB dịch là "đại sứ," trong khi bản NJB và NIV dịch là "một người có tuổi."

Phao-lô liệt kê ra một vài lý do tại sao Phi-lê-môn phải tôn trọng yêu cầu này của ông.

1. Thảm quyền sứ đồ của Phao-lô (Phi-lê-môn 1:8)
2. Tuổi tác của Phao-lô (Phi-lê-môn 1:9)
3. Sự tù đày của Phao-lô (Phi-lê-môn 1:9)
4. Chức vụ của Phao-lô trong cuộc đời Ô-nê-sim (Phi-lê-môn 1:10)
5. Chức vụ có thể có của Ô-nê-sim dành cho Phao-lô (Phi-lê-môn 1:11,13)
6. Tình yêu của Phao-lô dành cho ông (Phi-lê-môn 1:12)
7. Ô-nê-sim giờ đây đã được biến đổi từ một người nô lệ thành một anh em trong Đấng Christ (Phi-lê-môn 1:15-16)
8. Thái độ của Phi-lê-môn dành cho Phao-lô (Phi-lê-môn 1:17)
9. Sự cứu rỗi của Phi-lê-môn với sự làm chứng của Phao-lô (Phi-lê-môn 1:19)
10. Chức vụ của Phi-lê-môn cho Phao-lô (Phi-lê-môn 1:20)

☐ " đang bị tù (một kẻ tù) vì Đấng Christ Jê-sus " Hãy xem bài viết tại Phi-lê-môn 1:1.

Phi-lê-môn 1:10 " người con mà tôi " Các ra-bi Do Thái sử dụng cụm từ này để chỉ về những học viên của họ, nhưng trong văn mạch này nó chỉ đến sự cứu rỗi của Ô-nê-sim qua sự làm chứng của Phao-lô (1 Cô-rinh-tô 4:14-15; 2 Cô-rinh-tô 6:13; 12:14; Ga-la-ti 4:19, 1 Tê-sa 2:11; 1 Ti-mô-thê 1:2; 2 Ti-mô-thê 1:2; 2:1; và Tít 1:4).

☐ " trong vòng xiềng xích " Cụm từ này nguyên văn là "trong sự xiềng xích của tôi." Không rõ rằng Ô-nê-sim đã gặp Phao-lô trong tù cụ thể như thế nào:

1. Ô-nê-sim đã bị tù đày cùng với Phao-lô
2. Ô-nê-sim đã được sai phái như một người có trách nhiệm giúp đỡ với Phao-lô trong tù
3. Ông đến với Phao-lô bởi ông biết rằng Phi-lê-môn là một người bạn của ông

Phi-lê-môn 1:10-11 "Ô-nê-sim" Tên này có nghĩa là "có ích" hoặc "có lợi" (Phi-lê-môn 1:20). Phao-lô sử dụng cách chơi chữ này để thỉnh cầu Phi-lê-môn. Người nô lệ trở lại tin Chúa vốn trước kia vô dụng (*achrēstos*), nhưng giờ đây "ích lợi" (*euchrētos* 2 Ti-mô-thê 4:11) với cả Phao-lô và Phi-lê-môn.

Bản dịch của F. F. Bruce ở phần này trong quyển *Paul: Apostle of the Heart Set Free*, rất có ích trong việc nhìn ra được cách chơi chữ này:

"Tên của ông là Ô-nê-sim-người ích lợi bởi tên riêng và ích lợi bởi chính bản chất (con người ông). Tôi biết rằng những ngày trước anh biết rằng người khá vô dụng, nhưng giờ đây, tôi đảm bảo với anh rằng người đã học được để trở nên chân chính với chính tên của mình-có ích lợi cho anh, và ích lợi cho tôi " (ở trang 393).

Phi-lê-môn 1:12 " Tôi gửi người này về cho anh " Cụm từ này có một nghĩa rộng theo luật pháp của "sự đề cập đến trường hợp của người với anh." Điều này chỉ ra rằng những tín đồ phải chịu những hậu quả của những hành động của họ ngay cả khi họ phạm chúng trước sự cứu rỗi. Nó cũng khẳng định những quyền lợi theo luật pháp của người chủ nô lệ (Phi-lê-môn 1:14,18).

☐ " như gửi chính tấm lòng của tôi vậy " Đây thật sự là một thông điệp mạnh mẽ! Phao-lô cảm nhận thật sâu nhiệm cho những tín đồ Chúa trao cho ông. Điều này chắc chắn bày tỏ tấm lòng chân bày của Phao-lô, cũng như bày tỏ về sự cách đối xử dịu dàng nhưng chắc chắn của ông dành cho Phi-lê-môn.

Phi-lê-môn 1:13 Phao-lô có vẻ như là một người tự chủ về mặt tài chính. Ông thường từ chối sự giúp đỡ từ những

người ông giảng dạy bởi những giáo sư giả cáo buộc ông lợi dụng tài chính. Nhưng khi thời gian trôi qua ông đã có thể nhận sự giúp đỡ từ một số hội thánh mà ông chăm sóc. Sự giúp đỡ này qua hai cách cụ thể.

1. Hội thánh Phi-líp (Phi-líp 1:5,7; 4:15) và có lẽ là cả hội thánh Tê-sa-lô-ni-ca (2 Cô-rinh-tô 11:9) đã gửi tiền để giúp đỡ ông trang trải những chi phí trong tù
2. Hội thánh Phi-líp đã gửi một người đại diện, Ép-ba-phô-đích, để giúp đỡ Phao-lô, (Phi-líp 2:25) Trong một nghĩa tương tự, Phao-lô xem Ô-nê-sim như một tặng phẩm đến từ Phi-lê-môn và hội thánh Cô-lô-se.

Phi-lê-môn 1:14 Đức Chúa Trời nhìn vào tấm lòng, động cơ trước nhất (1 Sa-mu-ên 16:7; 1 Các Vua 8:39; 1 Sử Ký 28:9; Giê-rê-mi 17:10; Lu-ca 16:15; Công Vụ 1:24). Phao-lô muốn Phi-lê-môn được phước cho thể hệ của ông và tình yêu dành cho Đấng Christ (2 Cô-rinh-tô 8-9), chứ ông phải chi vì sự vâng phục đối với mạng lệnh của Phao-lô (Phi-lê-môn 1:8).

Phi-lê-môn 1:15 " Có lẽ vì điều này mà Ô-nê-sim đã xa anh một thời gian " Đây là một động từ thể bị động (passive voice verb). Cụm từ này có thể được hiểu theo hai nghĩa: (1) trong nghĩa của kế hoạch được tiên định của Đức Chúa Trời (phần kinh chú bên lề của bản NASB có phần Kinh Thánh song hành trong Sáng Thế Ký 45:5,8) hoặc (2) Đức Chúa Trời sử dụng hành vi không thích đáng của Ô-nê-sim như một cơ hội cho sự cứu rỗi của chính ông và cho sự hậu việc của Phi-lê-môn dành cho Đấng Christ và tình bạn với Phao-lô (Phi-lê-môn 1:16).

Phi-lê-môn 1:16 " không phải như một nô lệ nữa. . . một anh em quý mến " Cơ Đốc Giáo không công kích chế độ nô lệ một cách công khai (Ê-phê-sô 6:5-9), nhưng đồng thời cũng tiêu diệt nó thông qua cách nhìn vào phẩm hạnh và giá trị của con người (Ga-la-ti 3:28; Cô-lô-se 3:11). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Lời Khuyên Răn của Phao-lô dành cho Những Nô Lệ trong Ê-phê-sô 6:5.

NASB,

NKJV, NRSV "cả trong xác thịt và trong Chúa "

TEV "cả như một người nô lệ và cũng như một người am em trong Chúa "

NJB "cả trong phương diện tự nhiên và trong Chúa "

Cụm từ này đề cập đến mối lợi của sự quay trở về của Ô-nê-sim trên hai phương diện, một tự nhiên (mặt xác thịt) và một siêu nhiên (thuộc linh). Phi-lê-môn sẽ ích lợi như một con người xác thịt và một Cơ Đốc Nhân.

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010 (NASB (UPDATED)): PHI-LÊ-MÔN 1:17-20

¹⁷ Vậy, nếu anh xem tôi là bạn đồng lao, xin hãy tiếp nhận người này như chính mình tôi vậy. ¹⁸ Nếu người này có làm thiệt hại anh, hoặc mắc nợ điều gì thì anh cứ tính cho tôi. ¹⁹ Tôi, Phao-lô, chính tay tôi viết điều này, tôi sẽ hoàn trả cho anh. Còn chuyện anh nợ tôi về chính bản thân mình thì không nhắc đến. ²⁰ Phải, thưa anh, xin anh cho tôi có được niềm vui này trong Chúa, và làm tươi tỉnh tâm hồn tôi trong Đấng Christ.

Phi-lê-môn 1:17-18 "nếu" Có hai câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence) vốn được giả định là đúng từ quan điểm của tác giả hoặc những mục đích văn học của ông. Phi-lê-môn là bạn của Phao-lô và Ô-nê-sim đã làm điều sai trật với ông (Phi-lê-môn 1:18).

☐ " **bạn đồng lao** " Đây chính là từ *koinōnos*, vốn là một thể của thuật ngữ *koinōnia* "chia sẻ chung với," "kết hợp với" hoặc "cùng hợp tác với." Phao-lô đã sử dụng nó để chỉ về một sự đóng góp tài chính (Phi-líp 4:15). Vì vậy nó có thể là một cách chơi chữ liên hệ với tình bạn của Phao-lô (Phi-lê-môn 1:19) và vụ việc của Ô-nê-sim (Phi-lê-môn 1:17).

☐ " **tiếp nhận người này như chính mình tôi** " Thông điệp của Phao-lô có thể có nguồn gốc từ trong những lời của Chúa Jesus trong Ma-thi-ơ 25:44- 45 hoặc trải nghiệm của Phao-lô với Chúa Jesus trên đường đi Đa-mách (Công Vụ 9:4). Qua sự bắt bớ các Cơ Đốc Nhân , Phao-lô đã bắt bớ chính Đấng Christ. Qua sự chấp nhận Ô-nê-sim, Phi-lê-môn đã chấp nhận chính Phao-lô. Tình yêu thật là một sự hiệp nhất và tương hỗ tuyệt vời. Chúng ta bày tỏ tình yêu cho Đức Chúa Trời bằng cách chúng ta yêu mến lẫn nhau như thế nào (1 Giăng 2:9,11; 4:20).

Phi-lê-môn 1:18 Ngụ ý của cấu trúc ngữ pháp trong câu 18 chính là Ô-nê-sim đã trộm cắp của Phi-lê-môn (câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence), và rằng Ô-nê-sim đã nợ Phi-lê-môn (thể chỉ định chủ động

thì hiện tại (present active indicative), và rằng Phao-lô đã thỉnh cầu Phi-lê-môn hãy gán món nợ này trên chính trách nhiệm của Phao-lô (thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative)).

Phi-lê-môn 1:19 "tôi, Phao-lô, chính tay tôi viết điều này" Có vẻ rằng Phao-lô đã sử dụng những thư ký để viết cho mình (Tết-tiu trong Rô-ma 16:22), có lẽ bởi vì những vấn đề về mắt của chính ông (Ga-la-ti 4:15; 6:11), có khả năng đã bị gây ra qua trải nghiệm trở lại tin Chúa của ông (Công Vụ 9:8,18; 22:11; 26:13). Tuy nhiên, đã có những lá thư giả mạo tuyên bố được viết bởi Phao-lô vốn được lưu truyền trong hội thánh (2 Tê-sa 3:17). Vì vậy, Phao-lô đã chính tay chấp bút và tự chính mình viết một vài câu cuối (1 Cô-rinh-tô 16:21; Ga-la-ti 6:11; Cô-lô-se 4:18; 2 Tê-sa 3:17; Phi-lê-môn 1:19).

☐ " **anh nợ tôi về chính bản thân mình** " Câu này ngụ ý mạnh mẽ rằng chính Phao-lô đã hướng dẫn Phi-lê-môn bước vào đức tin nơi Đấng Christ. (Việc đó xảy ra) ở đâu và khi nào là không biết rõ, bởi Phao-lô không mở ra hội thánh tại Cô-lô-se. Sự suy đoán có khả năng nhất chính là Phi-lê-môn, cũng như Ê-pháp-ra, đã được cứu trong khoảng thời gian hai năm phục hưng tại Ê-phê-sô của Phao-lô (Công Vụ 19:10,20).

Phi-lê-môn 1:20 Câu này tương tự với Rô-ma 1:12. Cách chúng ta sống như những Cơ Đốc Nhân khích lệ và làm tươi mới đức tin của những tín đồ khác.

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): PHI-LÊ-MÔN 1:21

²¹ **Tôi viết cho anh với niềm tin tưởng là anh sẽ ưng thuận, và biết rằng anh sẽ làm quá điều tôi yêu cầu.**

Phi-lê-môn 1:21 Đây là một cách khéo léo của Phao-lô bày tỏ về sự tin quyết rằng Phi-lê-môn sẽ chấp thuận.

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): PHI-LÊ-MÔN 1:22

²² **Nhân thể, hãy chuẩn bị cho tôi một chỗ trọ, vì tôi hi vọng nhờ lời cầu nguyện của anh em, tôi sẽ được trở về với anh em.**

Phi-lê-môn 1:22 " chuẩn bị cho tôi một chỗ trọ " Phao-lô đang trông đợi được phóng thích (Phi-líp 1:25; 2:24). Những Lá Thư Mục Vụ (1, 2 Ti-mô-thê và Tít) đã ghi lại về chuyến hành trình truyền giáo thứ tư này, trong khi Công Vụ kết thúc khi Phao-lô vẫn ở trong ngục ngay sau chuyến hành trình truyền giáo thứ ba của ông.

Thật ngạc nhiên rằng Phi-lê-môn được xem là cùng nhóm với Cô-lô-se và Ê-phê-sô, đã xuất hiện trong giai đoạn sớm của thời gian tù đầy của Phao-lô. Trong những sách này, Phao-lô không chắc về kết quả cuối cùng của phiên tòa của chính ông. Trong sách Phi-líp, vốn được viết vào giai đoạn gần cuối của sự tù đầy của Phao-lô, ông vẫn trông đợi được thả ra. Vì vậy, bình luận này trong Phi-lê-môn 1:22 có thể là (1) một cách nhắc Phi-lê-môn rằng ông sẽ phải gặp mặt Phao-lô cách cá nhân- có lẽ sẽ sớm thôi- về yêu cầu hãy tha thứ và chấp nhận lại Ô-nê-sim hoặc (2) một thành ngữ chỉ về sự tiếp khách.

☐ " **nhờ lời cầu nguyện của anh em** " Phao-lô tin vào quyền năng của sự cầu nguyện (Ê-phê-sô 6:18-19). Ông cũng thực hành những gì ông đã rao giảng (hãy chú ý những thuật ngữ Hy Lạp khác được sử dụng: *deomai*, 2 Cô-rinh-tô 5:20; 8:4; 1 Tê-sa 3:10; *proseuchomai*, Công Vụ 16:25; 20:36; 21:5; 22:17; 28:8; Phi-líp 1:9; Cô-lô-se 1:3,9; 4:3; 1 Tê-sa 5:17,25; 2 Tê-sa 1:11; 3:1; 1 Ti-mô-thê 2:8; *proseuchē*, Công Vụ 16:13,16; Rô-ma 1:9; 12:12; 15:30; 1 Cô-rinh-tô 7:5; Ê-phê-sô 1:16; Phi-líp 4:6; Cô-lô-se 4:2,12; 1 Tê-sa 1:2; 1 Ti-mô-thê 2:1; 5:5; Phi-lê-môn 4,22).

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): PHI-LÊ-MÔN 1:23-24

²³ **Ê-pháp-ra, người bạn tù của tôi trong Đấng Christ Jê-sus, chào thăm anh; ²⁴ Mác, A-ri-tạc, Đê-ma và Lu-ca, những bạn đồng lao của tôi cũng vậy.**

Phi-lê-môn 1:23-25 Phần Kinh Thánh này rất giống với Cô-lô-se. Những sách này (Phi-lê-môn và Cô-lô-se) được thiết lập trên cùng một bối cảnh lịch sử.

Phi-lê-môn 1:23 "Ê-pháp-ra" Ông là người mở ra ba hội thánh (Cô-lô-se, Hi-ê-ra-bô-li, và Lao-đi-xê) nằm ở khu vực Thung Lũng Sông Lycus (Lycus River Valley (Cô-lô-se 4:12-13; Phi-lê-môn 1:23)). Ông có lẽ đã trở lại tin Chúa trong giai đoạn phục hưng tại Ê-phê-sô của Phao-lô (Công Vụ 19:10). Tên của ông là thể rút ngắn

của Ép-ba-phô-đích, vốn về mặt từ nguyên học liên hệ với nữ thần Aphrodite. Một người nam khác cũng có tên này được đề cập đến trong Phi-líp 2:25; 4:18. Tuy nhiên, người này là một khác từ một khu vực địa lý khác.

Phi-lê-môn 1:24 "Mác" Ông cũng được biết đến với tên Giăng Mác. Nhà của ông có khả năng chính là địa điểm của Bữa Tiệc Ly Cuối Cùng của Chúa và những sự hiện ra tại Phòng Cao (Công Vụ 12:12). Ông chính là anh em họ của Ba-na-ba. Ông chính là người viết ra sách Phúc Âm Mác và cũng là thư ký của Phi-e-rơ (1 Phi-e-rơ 5:13). Ông đã gây là một sự mâu thuẫn lớn giữa Ba-na-ba và Phao-lô (Công Vụ 12:25; 13:5; 15:36-39). Tuy nhiên sau này, Phao-lô đã tha thứ và khẳng định ông (2 Ti-mô-thê 4:11).

☐ **"Đê-ma"** Đê-ma đã là một người bạn tâm tình và đồng lao của Phao-lô. Ông đã được đề cập cùng với Ê-pháp-ra, Lu-ca, A-ri-tạt, và Mác trong Cô-lô-se 4:10-12. 2 Ti-mô-thê 4:9 đã liệt kê hai người cũng là những bạn cùng làm việc này. Lu-ca và Mác. Kinh thánh cho biết rằng "Đê-ma, ham mê đời này, đã bỏ ta rồi." Phao-lô đã có nhiều người giúp đỡ. Một vài người trong số họ, như Lu-ca, đã luôn luôn trung tín. Một vài người khác, như Giăng Mác, một lần đã không trung tín nhưng sau đó đã quay tại với chức vụ. Đê-ma có lẽ đã bỏ việc phục vụ Phao-lô cho một sự căm dỗ hoặc cơ hội. Không có ngụ ý rằng ông đã rời bỏ Đấng Christ.

☐ **"Lu-ca"** Ông đã là người bạn đồng hành, đồng lao, và người bác sĩ trung tín của Phao-lô (Cô-lô-se 4:14; 2 Ti-mô-thê 4:11). Ông đã ở cùng Phao-lô giữa rất nhiều điểm dừng chân giảng tin lành trong Công Vụ. Điều này được khẳng định bởi những phần Kinh Thánh dùng từ "chúng tôi" trong Công Vụ (Công Vụ 16:11,16; 20:6,7,13; 21:1,5, 7,10,12,15,17,25; 27:1,18,26,27). Lu-ca có thể là "Người Macedonia" trong Công Vụ 16:9.

BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐÍCH 2010 (NASB (UPDATED)): PHI-LÊ-MÔN 1:25
²⁵ **Cầu xin ân điển của Chúa là Đức Chúa Jêsus Christ ở với tâm linh anh em!**

Phi-lê-môn 1:25 Đây là một ví dụ của một sự cầu nguyện chúc phước điển hình của Phao-lô. Chú ý rằng cụm từ "ở với tâm linh anh em" là một ví dụ tốt của một chữ "s" viết thường (trong chữ spirit (tâm linh)) vốn được sử dụng chỉ về tâm linh của loài người (hoặc chỉ về chính bản thân mình, Công Vụ 7:59; 2 Ti-mô-thê 4:22) chứ không phải là Đức Thánh Linh (Ga-la-ti 6:18; Phi-líp 4:23). Tuy nhiên trong nhiều trường hợp khác trong Tân Ước, nó chỉ về tâm linh của con người được thêm sức bởi Thánh Linh. Đây có lẽ là sự ngụ ý trong trường hợp này.

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Hội thánh đầu tiên nhóm lại ở đâu?
2. Lá thư này được gửi đến ai?
3. Lá thư này đã bày tỏ về những kỹ năng chần bầy của Phao-lô như thế nào?
4. Sách này liên hệ về vấn đề nô lệ như thế nào?
5. Tại sao Phi-lê-môn 1:22 lại thật đáng kinh ngạc?
6. Tại sao từ "tâm linh" lại được viết thường?

DẪN NHẬP VÀO SÁCH PHI-LÍP

NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý DẪN NHẬP

- A. Đây là một trong những lá thư thân mật nhất của Phao-lô. Với hội thánh này ông không cảm thấy cần phải khẳng định về thẩm quyền Sứ Đồ của mình. Tình yêu thương tuôn chảy của ông dành cho họ là rõ ràng hiển nhiên. Ông thậm chí cho phép họ gửi tiền cho ông (Phi-líp 1:5,7; 4:15), vốn là một điều rất bất thường đối với ông.
- B. Phao-lô đã bị tù, mặc dù ông sử dụng từ vui mừng (danh từ và động từ) hơn mười sáu lần. Sự bình an và hy vọng của đã không dựa trên những chi tiết hoàn cảnh.
- C. Có một chi tiết về sự rao giảng tà giáo đã được trình bày trong hội thánh (Phi-líp 3:2, 18-19). Những kẻ rao giảng tà giáo này có vẻ tương tự với những kẻ tại các hội thánh xứ Ga-la-ti, là những người được gọi là những người Cuồng Do Thái. Họ khẳng định rằng một người phải trở nên một người Do Thái trước khi có thể trở nên một Cơ Đốc Nhân.
- D. Lá thư này bao gồm một thí dụ của một bài thánh ca, tín điều hoặc một bài thơ nghi lễ tôn giáo Cơ Đốc thời kỳ hội thánh đầu tiên (Phi-líp 2:6- 11). Nó là một trong những phần Kinh Thánh tinh khiết nhất về Thần Học Đấng Christ trong toàn bộ Tân Ước (Giăng 1:1-14; Cô-lô-se 1:13-20; Hê-bơ-rơ 1:2-3). Phao-lô dùng nó như một trong những ví dụ về sự khiêm nhường Đấng Christ để có thể noi gương theo bởi mọi tín đồ (Phi-líp 2:1-5), chứ không phải trước tiên theo ý nghĩa tín lý.
- E. Trong một sách gồm có 104 câu, tên hoặc danh hiệu của Chúa Jesus đã xuất hiện đến 51 lần. Rất rõ ràng ai chính là trung tâm của tâm lòng, tâm trí, và thần học của Phao-lô.

THÀNH PHI-LÍP VÀ XỨ MA-XÊ-ĐOAN

A. Thành Phi-líp

- 1. Vào năm 356 TC nó đã bị xâm chiếm và mở rộng bởi Vua Philip I của xứ Macedon, cha của Alexander Đại Đế. Nguồn gốc của thành Thracian này có tên là *Krenides* (các dòng suối). Thành phố này rất quan trọng bởi vì những mỏ quặng vàng của khu vực.
- 2. Trong trận chiến Pydna vào năm 168 TC cả khu vực trở thành một Tỉnh La Mã và sau này trở thành một trong bốn Tỉnh của Xứ Ma-xê-đoan.
- 3. Vào năm 42 TC, Brutus và Cassius (là những người đã ủng hộ cho một thể chế chính phủ Cộng Hòa) đã chiến đấu chống lại Antony và Octavian (là những người ủng hộ cho một thể chế chính phủ Đế Chế) gần thành Phi-líp, trên sự cải cách chính phủ tại Rô-ma. Sau trận chiến, Antony đã bỏ nhiệm một Cựu chiến binh chiến thắng của ông ở tại đây.
- 4. Vào năm 31 TC, sau trận chiến Actium mà trong trận chiến này Octavian đã đánh bại Antony, những người ủng hộ Antony tại Rô-ma đã bị loại bỏ và đem đi lưu đày tại đây.
- 5. Vào năm 31 TC, thành Phi-líp trở thành một Thuộc Địa La Mã (Công Vụ 16:12). Dân thành được công bố là những công dân La Mã. Tiếng La-tinh được nói và thành phố trở thành một Tiểu La Mã. Nó tọa lạc trên Con Đường Ignatian, là con đường chính từ đông sang tây của Đế Chế La Mã. Những đặc quyền đặc biệt họ được thừa hưởng với vai trò là công dân La Mã là:
 - a. Không đóng thuế bầu cử và thuế đất
 - b. Quyền được mua và bán bất động sản
 - c. Tất cả mọi sự bảo vệ và quyền lợi của luật pháp La Mã
 - d. Những lãnh đạo chính quyền địa phương đặc biệt (những pháp quan và vệ quan)

B. Phúc âm đến với thành Phi-líp

- 1. Trong chuyến hành trình truyền giáo thứ hai của Phao-lô ông muốn quay lại phía bắc để vào vùng trung tâm phía bắc Tiểu Á (Thổ Nhĩ Kỳ hiện đại, xứ By-thi-ni theo Kinh Thánh). Thay vì vậy, trong một khải tượng ông nhìn thấy một người nam (có lẽ là Lu-ca) Ma-xê-đoan (phía bắc Hy Lạp) kêu xin ông hãy đến để giúp đỡ họ (Công Vụ 16:6-10). Bởi khải tượng này, Đức Thánh Linh đã dẫn dắt

Phao-lô đến với Châu Âu.

2. Phao-lô đã đồng hành cùng với những người hỗ trợ ông

a. Si-la (Sin-vanh)

- (1) Si-la là một lãnh đạo từ hội thánh Giê-ru-sa-lem và là một tiên tri là người đã thay thế cho Ba-na-ba như là một người đồng lao trong chức vụ truyền giáo của Phao-lô (Công Vụ 15:15:22,32; 36-41).
- (2) Si-la và Phao-lô đều đã bị tù tại Phi-líp (Công Vụ 16:16-26).
- (3) Phao-lô luôn gọi ông là Sin-vanh (2 Cô-rinh-tô 1:19; 1 Tê-sa 1:1; 2 Tê-sa 1:1).
- (4) Có khả năng rằng sau này Si-la đã trở thành một người bạn đồng lao cùng với Phi-e-rơ, cũng như là Giảng Mác (1 Phi-e-rơ 5:12).

b. Ti-mô-thê

- (1) Ông là một người trở lại tin Chúa trong chuyến hành trình truyền giáo thứ nhất của Phao-lô (Công Vụ 16:1-2; 2 Ti-mô-thê 1:5; 3:15)
- (2) Bà nội và mẹ của ông là người Do Thái, nhưng cha của ông là người Hy Lạp (Công Vụ 16:1; 2 Ti-mô-thê 1:5).
- (3) Bởi vì ông là người được làm chứng tốt ở giữa những anh em (Công Vụ 16:2) và Phao-lô đã nhìn thấy những ân tứ trong chức vụ nơi ông (1 Ti-mô-thê 4:14; 2 Ti-mô-thê 1:6), Phao-lô đã chọn ông như một người hỗ trợ ông để thay cho Giảng Mác (Công Vụ 13:13).
- (4) Phao-lô đã cắt bì cho Ti-mô-thê để ông có thể được chấp nhận bởi người Do Thái (Công Vụ 16:3).
- (5) Ti-mô-thê trở thành đại diện sứ đồ đáng tin cậy của Phao-lô (Phi-líp 2:19-22; 1 Cô-rinh-tô 4:17; 3:2,6; 2 Cô-rinh-tô 1:1,19).

c. Lu-ca

- (1) Ông là một người ẩn danh, nhưng có lẽ, là tác giả của sách Phúc Âm theo Lu-ca và sách Công Vụ cũng được viết bởi Lu-ca.
- (2) Ông có vẻ là một bác sĩ Người Ngoại (Cô-lô-se 4:14). Một vài người cho rằng thuật ngữ "thầy thuốc" có nghĩa là "người có học vấn cao." Nó rõ ràng đúng rằng ông là một người am hiểu trong nhiều lĩnh vực chuyên môn khác bên cạnh lĩnh vực y dược, ví dụ như là hàng hải. Tuy nhiên, Chúa Jesus đã sử dụng cùng một từ Hy Lạp cho "thầy thuốc" (Ma-thi-ơ 9:12; Mark 2:17; 5:26; Lu-ca 4:23; 5:31)
- (3) Ông đã là người bạn đường của Phao-lô (Công Vụ 16:10-17; 20:5-15; 21:1-18; 27:1-28:16; Cô-lô-se 4:14; 2 Ti-mô-thê 4:11; Phi-lê-môn 1:24).
- (4) Thật thú vị rằng chính những phần "chúng tôi" trong Công Vụ bắt đầu và kết thúc tại Phi-líp. Trong quyển *Paul, Apostle of the Heart Set Free*, (ở trang 219), của F. F. Bruce đã cho rằng Lu-ca sống tại Phi-líp để giúp đỡ những tín đồ mới trở lại tin Chúa này và thu gom sự trợ giúp của quỹ cứu trợ của những Người Ngoại cho hội thánh tại Giê-ru-sa-lem.
- (5) Lu-ca có lẽ đã, trong một nghĩa, là bác sĩ cá nhân của Phao-lô. Phao-lô đã gặp một vài vấn đề về sức khỏe bởi sự kiện ông trở lại tin Chúa (Công Vụ 9:3,9), bởi chức vụ của ông (2 Cô-rinh-tô 4:7- 12; 6:4-10; 11:23-29) và tình trạng đặc biệt trong sự yếu đuối thân thể của ông (2 Cô-rinh-tô 12:1-10).

3. Phao-lô đã quay lại Phi-líp trong chuyến hành trình truyền giáo thứ ba của ông (Công Vụ 20:1-3,6). Ông đã sai Si-la và Ti-mô-thê đi trước đó (Công Vụ 19:19-24; Phi-líp 2:19-24).

C. Phi-líp là một Thuộc Địa La Mã (Công Vụ 16:12)

1. Phao-lô dùng địa vị của thành phố này như một thuộc địa La Mã trong cách dùng từ của ông

- a. "lính canh công đường (chôn công đường)," Phi-líp 1:13
- b. "công dân," 3:20 (Công Vụ 16:22-34, 35-40)
- c. "người nhà Sê-sa," Phi-líp 4:22

2. Thành phố này có nhiều người định cư bởi những binh lính La Mã về hưu hoặc bị lưu đày. Trong nhiều nghĩa khác nhau nó đã là "một tiểu La Mã." Những khuynh hướng La Mã có thể được nhìn thấy trên các đường phố Phi-líp (Công Vụ 26:21).

3. Cả Phao-lô (Công Vụ 22:25; 26:32) và Si-la (Công Vụ 16:37) đều là những công dân La Mã, vốn cho phép họ có những quyền lợi hợp pháp và chỗ đứng trong xã hội.

D. Tỉnh Ma-xê-đoan

1. Phụ nữ có nhiều sự tự do xã hội và cơ hội kinh tế tại Ma-xê-đoan hơn bất kỳ nơi nào khác trên toàn bộ Đế Chế La Mã.
2. Điều này được minh họa bởi
 - a. Sự xuất hiện của những phụ nữ thờ phượng bên bờ sông ngoại thành Phi-líp (Công Vụ 16:13)
 - b. Người nữ thương gia Ly-đi (Công Vụ 16:14)
 - c. Những người nữ đồng công trong phúc âm (Phi-líp 4:2-3)
 - d. Một vài người nữ lãnh đạo được đề cập đến tại Tê-sa-lô-ni-ca (cũng như tại Ma-xê-đoan, Công Vụ 17:4).

TÁC GIẢ

- A. Lá thư mang tính cách cá nhân cao độ này luôn được quy là của Phao-lô. Đại từ ngôi thứ nhất "tôi" và "của tôi" xuất hiện 51 lần.
- B. Nó được trích và ngụ ý nhắc đến bởi những tác giả trong thời kỳ hội thánh đầu tiên (để xem về một danh sách đầy đủ của những trích dẫn hãy xem quyển sách của H. C. G. Moule, *Studies in Philippians*, ở trang 20-21, được xuất bản bởi Kregel):
 1. Clement of Rome trong tài liệu *I Clement*, được viết gửi cho hội thánh Cô-rinh-tô vào khoảng năm 95 SC
 2. Ignatius, trong *Letters of Ignatius*, vào khoảng năm 110 SC
 3. Polycarp, người bạn đồng hành của Sứ Đồ Giảng, trong *Letter to the Philippians*, vào khoảng năm 110 SC
 4. Một phần dẫn nhập của một người Marcionite (một người tin theo theo tà giáo Marcion) cho lá thư của Phao-lô gửi cho người Phi-líp vào khoảng năm 170 SC
 5. Irenaeus, vào khoảng năm 180 SC
 6. Clement of Alexandria, vào khoảng năm 190 SC
 7. Tertullian of Carthage, vào khoảng năm 210 SC
- C. Dù Ti-mô-thê được nhắc đến cùng với Phao-lô trong Phi-líp 1:1, ông đã là một người đồng công, chứ không phải là đồng tác giả (mặc dù ông cũng đã đóng vai trò như một người ghi chép cho Phao-lô hết lần này đến lần khác).

THỜI ĐIỂM VIẾT SÁCH

- A. Thời điểm viết sách này còn tùy thuộc vào nơi mà Phao-lô đã bị tù (2 Cô-rinh-tô 11:23)
 1. Thành Phi-líp, Công Vụ 16:23-40
 2. Ê-phê-sô, 1 Cô-rinh-tô 15:32; 2 Cô-rinh-tô 1:8
 3. Giê-ru-sa-lem/Sê-sa-rê, Công Vụ 21:32-33:30
 4. Rô-ma, Công Vụ 28:30 (được đề cập đến trong Phần Dẫn Nhập Marcionite vào sách Phi-líp)
- B. Hầu hết các học giả đều tin rằng một lần bị tù tại La Mã phù hợp với bối cảnh cuộc đời và chức vụ của Phao-lô nhất. Nếu như vậy, thì một thời điểm vào những năm đầu của thập kỷ 60 có vẻ phù hợp nhất.
- C. Sách này được biết đến như là một trong những "thư tín trong tù" của Phao-lô (Cô-lô-se, Ê-phê-sô, Phi-lê-môn, và Phi-líp). Từ trong những sự suy xét bên trong rằng Cô-lô-se, Ê-phê-sô, và Phi-lê-môn đã được viết trong sự tù đầy tại Rô-ma của Phao-lô và được mang cùng nhau đến Tiểu Á bởi Ty-chi-cơ (Cô-lô-se 4:7; Ê-phê-sô 6:21). Phi-líp có một sắc thái khác. Phao-lô có vẻ rất tự tin rằng ông sẽ được phóng thích khỏi ngục sớm (Phi-líp 1:17-26) và ông sẽ sớm đến thăm họ (2:24).

Cấu trúc này cũng cung cấp một khoảng thời gian để: (1) Sự ảnh hưởng của Phao-lô giờ đây đã vươn đến những lính canh (Phi-líp 1:13; Công Vụ 28:16) và tôi tớ của Hoàng đế (Phi-líp 4:22) và (2) một vài chuyến đi giữa Phao-lô và những sứ giả từ hội thánh tại Phi-líp.

(NHỮNG) MỤC ĐÍCH CỦA LÁ THƯ

- A. Để bày tỏ sự biết ơn của Phao-lô dành cho hội thánh đầy yêu thương này đã giúp đỡ tài chính cho ông

nhiều lần và thậm chí còn gửi đến một người giúp đỡ ông, Ép-ba-phô-đích (Phi-líp 1:3-11; 2:19-30; 4:10-20). Lá thư này cũng được viết để giải thích cho sự trở lại quê hương sớm của Ép-ba-phô-đích trong khi Phao-lô vẫn còn đang bị tù đầy.

B. Để khích lệ người Phi-líp về những hoàn cảnh của ông phải đối diện. Phúc âm đã thực sự tiến triển trong chốn ngục tù. Phao-lô bị tù đầy, nhưng phúc âm thì không bị xiềng xích!

C. Để khích lệ người Phi-líp ở giữa những sự dạy dỗ tà giáo vốn rất giống với những kẻ Cuồng Do Thái trong sách Ga-la-ti. Những tà giáo này đã đòi hỏi những người mới trở lại tin Chúa trở nên người Do Thái trước rồi sau đó mới có thể trở thành Cơ Đốc Nhân (Công Vụ 15).

Tuy nhiên, bởi vì danh sách của những tội lỗi trong Phi-líp 3:19 phù hợp với những giáo sư giả Hy Lạp (Trí Huệ Giáo) hơn là Do Thái, sự nhận diện danh tính của những tà giáo này là không rõ. Có khả năng rằng một số tín đồ đã quay trở lại với lối sống ngoại giáo xưa cũ của họ.

D. Để khích lệ các tín đồ người Phi-líp để vui mừng giữa sự bắt bớ từ cả trong lẫn ngoài. Sự vui mừng của Phao-lô đã không phụ thuộc nơi hoàn cảnh nhưng vào nơi đức tin của ông nơi Đấng Christ.

Niềm vui ở giữa những nan đề này không phải là một sự buông xuôi triết học Stoic, nhưng là một thể giới quan Cơ Đốc và một trận chiến liên tục. Phao-lô đã dùng những ẩn dụ từ nhiều lĩnh vực của đời sống để bày tỏ về sự tranh đấu của đời sống Cơ Đốc.

1. trong thể thao (Phi-líp 3:12,14; 4:3)
2. trong quân sự (Phi-líp 1:7,12,15,16,17,22,28,30);
3. trong thương trường (Phi-líp 3:7,8; 4:15,17,18)

DÀN Ý THEO VĂN MẠCH

A. Thật khó để đưa ra dàn ý của Phi-líp bởi vì nó quá riêng tư và mang tính chất rằng Phao-lô đang nói chuyện với những người bạn và những người đồng lao đáng tin cậy trong Đấng Christ. Tâm lòng ông tuôn chảy trước khi tâm trí ông có thể sắp xếp những ý tưởng. Trong một cách trong suốt kỳ diễu sách này bộc lộ ra tâm lòng của vị Sứ Đồ vĩ đại cho Dân Ngoại này. Phao-lô cảm thấy "vui mừng" trong Đấng Christ, trong bất kỳ và trong mọi hoàn cảnh và trong mọi chức vụ cho phúc âm!

B. Các Đơn Vị Văn Học

1. Một phần dẫn nhập đặc trưng của Phao-lô, Phi-líp 1:1-2

a. Lời chào thăm

- (1) Từ Phao-lô (và Ti-mô-thê) Phi-líp 1:1
- (2) Đến với các thánh đồ tại Phi-líp (bao gồm những giám mục và chấp sự), Phi-líp 1:1
- (3) Lời cầu nguyện đặc trưng của Phao-lô, Phi-líp 1:2

b. Lời cầu nguyện, Phi-líp 1:3-11:

- (1) Cho những người bạn đồng công trong phúc âm từ ban đầu, Phi-líp 1:5
- (2) Những người đã hỗ trợ cho chức vụ của Phao-lô, Phi-líp 1:7
- (3) Sự nhờ cậy được cầu nguyện của Phao-lô cho:
 - (a) Một tình yêu dư dật, Phi-líp 1:9
 - (b) Một sự thông biết dư dật, Phi-líp 1:9
 - (c) Một sự quan tâm vượt trội, Phi-líp 1:9
 - (d) Một sự thánh khiết vượt trội, Phi-líp 1:10

2. Sự quan tâm của Phao-lô dành cho họ trên sự quan tâm của họ dành cho ông, nơi chốn ngục tù, Phi-líp 1:12-26

a. Đức Chúa Trời đã dùng thời gian nơi tù đầy của ông để lan truyền phúc âm

- (1) Cho những người lính canh Công Đường (của Hoàng Đế), Phi-líp 1:13
- (2) Cho những người nhà khác của Sê-sa, Phi-líp 1:13; 4:22
- (3) Sự tù đầy của Phao-lô sẽ mang sự can đảm cho những người rao giảng khác, Phi-líp 1:14-18

b. Sự tự tin của Phao-lô rằng ông sẽ được thả bởi vì

- (1) Những lời cầu nguyện của họ, Phi-líp 1:19
- (2) Đức Thánh Linh, Phi-líp 1:19

c. Sự tự tin của Phao-lô dù được thả hay sẽ phải đối diện cái chết, Phi-líp 1:20-26

3. Sự khích lệ của Phao-lô, Phi-líp 1:27-2:18
 - a. Kêu gọi hướng đến sự hiệp một trở nên giống như Đấng Christ giữa sự bất bớ, Phi-líp 1:27-30
 - b. Đời sống không còn tập chú vào chính mình giống như Đấng Christ, Phi-líp 2:1-4.
 - c. Đấng Christ chính là tấm gương của chúng ta, Phi-líp 2:5-11
 - d. Trong sự soi sáng của tấm gương của Đấng Christ để sống một đời sống hòa bình và hiệp một, Phi-líp 2:12-18
4. Những kế hoạch của Phao-lô liên quan đến hội thánh Phi-líp, Phi-líp 2:19-30
 - a. Gửi Ti-mô-thê, Phi-líp 2:19-24
 - b. Gửi Ép-ba-phô-đích trở về, Phi-líp 2:25-30
5. Đứng vững trong trận chiến chống lại những giáo sư giả, Phi-líp 1:27; 4:1
 - a. Loài chó, những kẻ cắt bì giả tạo, những kẻ Cuồng Do Thái (Công Vụ 15, Ga-la-ti), Phi-líp 3:1-4
 - b. Di sản Do Thái của Phao-lô
 - (1) Trong sự lộ ra của những giáo sư giả, Phi-líp 3:5-6
 - (2) Trong sự sáng của Đấng Christ, Phi-líp 3:7-16
 - c. Phao-lô than khóc cho họ, Phi-líp 3:17-21
6. Phao-lô lặp lại những sự khuyên răn của ông
 - a. Sự hiệp một, Phi-líp 4:1-3
 - b. Những đặc tính trở nên giống như Đấng Christ, Phi-líp 4:4-9
7. Phao-lô lặp lại tấm lòng biết ơn của ông đối với sự giúp đỡ của người Phi-líp
 - a. Về món quà gần đó của họ, Phi-líp 4:10-14
 - b. Về những món quà trước đó của họ, Phi-líp 4:15-20 (1:5)
8. Một phần kết điển hình của Phao-lô, Phi-líp 4:21-23

CHU KỲ ĐỌC THỨ NHẤT (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Vì vậy, hãy đọc cả sách trong một lần đọc. Hãy đưa ra các chủ đề trung tâm của cả sách bằng cách diễn đạt của chính bạn (chu kỳ đọc #1).

1. Chủ đề của cả sách
2. Thể loại văn học (thể loại)

CHU KỲ ĐỌC THỨ HAI (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Vì vậy, hãy đọc cả sách lần thứ hai trong một lần đọc. Hãy đưa ra dàn ý các chủ đề chính (đọc chu kỳ #2) và mô tả chủ đề trong một câu duy nhất.

1. Chủ đề của đơn vị văn học thứ nhất
2. Chủ đề của đơn vị văn học thứ hai
3. Chủ đề của đơn vị văn học thứ ba
4. Chủ đề của đơn vị văn học thứ bốn
5. v.v...

PHI-LÍP 1

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI*

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV ⁴	NJB
Lời Chào Thăm	Lời Chào	Lời Chào Thăm	Lời Chào	Người Nhận
1:1-2	1:1-2	1:1a 1:1b 1:2	1:1a 1:1b 1:2	1:1-2
Lời Cầu Nguyện của Phao-lô dành cho người Phi-líp	Sự Tạ Ôn và Cầu Nguyện	Sự Tạ Ôn	Lời Cầu Nguyện của Phao-lô dành cho Độc Giả	Lời Cầu Nguyện và Tạ Ôn
1:3-11	1:3-11	1:3-8 1:9-11	1:3-8 1:9-11	1:3-11
Tôi Sống vì Đấng Christ	Đấng Christ được Rao Giảng	Hoàn Cảnh Hiện Tại của Phao-lô	Sống vì Đấng Christ	Hoàn Cảnh Riêng của Phao-lô
1:12-14	1:12-18	1:12-14	1:12-14	1:12-26
1:15-26		1:15-18a 1:18b-26	1:15-17 1:18-26	
	Sống vì Đấng Christ			
	1:19-26			
	Đấu Tranh và Chịu Khổ cho Đấng Christ			Chiến Đấu cho Đức Tin
1:27-30	1:27-30	1:27-30	1:27-30	1:27-30

* Mặc dù không được thần cảm, những chỗ chia phân chia đoạn chính là chìa khóa để hiểu được và đối theo ý định của tác giả nguyên thủy. Mỗi bản dịch hiện đại đã chia và tổng hợp lại những chỗ chia phân đoạn. Mỗi phân đoạn có một ý chính, lẽ thật và ý tưởng trung tâm. Mỗi bản dịch lồng ý tưởng đó theo cách riêng biệt của chính bản dịch đó. Khi bạn đọc phần Kinh Thánh, hãy tự hỏi chính mình rằng bản dịch nào phù hợp với cách hiểu của bạn về chủ đề và những chỗ chia câu.

*Trong mỗi đoạn, bạn phải đọc Kinh Thánh trước và cố gắng xác định các chủ đề (các phân đoạn). Sau đó, hãy so sánh cách hiểu của bạn với các bản dịch hiện đại. Chỉ khi chúng ta hiểu được ý định của tác giả nguyên thủy bằng cách đối theo lập luận và cách trình bày của họ ở mức độ phân đoạn, chúng ta mới có thể hiểu được Kinh Thánh. Chỉ có một mình tác giả nguyên thủy được thần cảm—những người đọc không có bất cứ thẩm quyền nào để thay đổi hoặc bổ sung cho sứ điệp. Những người đọc Kinh Thánh có trách nhiệm phải áp dụng những lẽ thật được thần cảm đó mỗi một ngày và cả cuộc đời của họ.

Chú ý rằng tất cả những thuật ngữ và chữ viết tắt đều được giải thích đầy đủ trong những tài liệu sau: Những Thuật Ngữ về Ngữ Pháp Hê-bơ-rơ và Bảng Thuật Ngữ.

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần

giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để đổi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

A. Phi-líp 1:1-2 hình thành một phần giới thiệu tổng quát vào cả lá thư. Phần giới thiệu mang đặc trưng của Phao-lô ngoại trừ một chi tiết là trong phần này không có phần nhấn mạnh vào chức vụ sứ đồ của ông. Hội thánh này và Phao-lô đã có một mối quan hệ hết sức tuyệt vời. Ông không cần gọi lên thẩm quyền sứ đồ của mình. Hội thánh rõ ràng đã gửi sự hỗ trợ tài chính cho Phao-lô hết lần này đến lần khác (Phi-líp 1:5,7; 4:15). Một hội thánh duy nhất còn lại mà chúng ta biết rằng ông chấp nhận sự giúp đỡ chính là Tê-sa-lô-ni-ca (2 Cô-rinh-tô 11:9).

B. Những lá thư Hy Lạp điển hình của thế kỷ thứ nhất mở đầu với một lời cầu nguyện tạ ơn. Phi-líp 1:3-8 chính là lời cầu nguyện tạ ơn của Phao-lô cho hội thánh Phi-líp. Chúng hợp nên những lễ thật chính của Cơ Đốc Giáo và thiết lập nghị trình của lá thư.

C. Sách này có một số lượng bất thường của những từ ghép với *syn* ("sun" trong tiếng Hy Lạp) vốn có nghĩa là "dự phần tham gia với":

1. Phi-líp 1:7; 4:14 *syn* + mối tương giao (*koinōnia*, cùng một gốc từ, Phi-líp 1:5; 2:1; 3:10; 4:14,16)
2. Phi-líp 1:27 *syn* + tranh đấu (*athleō* trong Phi-líp 4:3 một tên riêng)
3. Phi-líp 2:2 *syn* + tâm hồn (*psuchē*, cùng một nghĩa trong Phi-líp 1:27)
4. Phi-líp 2:17-18 *syn* + vui mừng (*chairō*)
5. Phi-líp 2:25; 4:3 *syn* + người làm việc (*ergon*, Rô-ma 16:3,9,21; 2 Cô-rinh-tô 1:24)
6. Phi-líp 2:25 *syn* + người chiến đấu (*stratiōtē*, Phi-lê-môn 1:2)
7. Phi-líp 3:10 *syn* + hình dáng (*morphē*)
8. Phi-líp 3:17 *syn* + người bắt chước (*animeomai*, cùng một gốc từ với 1 Cô-rinh-tô 4:16)

D. Phi-líp 1:9-11 chính là lời cầu nguyện của Phao-lô cho sự tăng trưởng và trưởng thành thuộc linh của hội thánh. Những câu Kinh Thánh này tập chú vào lối sống trở nên giống như Đấng Christ, trong khi những câu 3-8 tập chú vào địa vị của họ trong Đấng Christ vốn kết hợp hai khía cạnh của sự cứu rỗi: địa vị của chúng ta trong Đấng Christ (sự xưng công chính về mặt luật pháp và sự nên thánh mang tính chất địa vị) và sự sở hữu một vị trí trong sự trở nên Đấng Christ (sự nên thánh theo tiến trình).

E. Có một vài gợi ý rằng Phao-lô đang trông chờ được thả ra tù trong ngục được chép trong Phi-líp 1:17-26:

1. Từ "giải cứu" trong Phi-líp 1:19
2. câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence) trong Phi-líp 1:22
3. Lời tuyên bố của Phao-lô trong Phi-líp 1:25
4. Cách dùng từ khá mơ hồ về nghĩa của Phi-líp 1:26

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): PHI-LÍP 1:1-2

¹ Phao-lô và Ti-mô-thê, đầy tớ của Đấng Christ Jêsus, kính gửi toàn thể thánh đồ trong Đấng Christ Jêsus tại thành Phi-líp cùng quý giám mục và chấp sự. ² Cầu xin Đức Chúa Trời, Cha chúng ta, và Chúa là Đức Chúa Jêsus Christ ban ân điển và bình an cho anh em.

1:1 "Phao-lô" Tên Hy Lạp "Phao-lô" có nghĩa là "nhỏ bé." Có một vài thuyết về nguồn gốc tên của ông.

1. Một biệt danh mô tả về chiều cao cơ thể của ông, theo một lời truyền khẩu từ thế kỷ thứ hai rằng Phao-lô là một người, mập mạp, đầu hói, chân khập khiễng, đôi lông mày rậm rạp và có đôi mắt lồi ra có lẽ chính là một sự mô tả về ngoại hình của Phao-lô. Điều này đến từ một quyển sách không kinh điển vào thế kỷ thứ hai đến từ Tê-sa-lon-ni-ca có tên là *Phao-lô and Thekla*.
2. Sự lượng giá thuộc linh cá nhân của Phao-lô, những câu Kinh Thánh như 1 Cô-rinh-tô 15:9; Ê-phê-sô 3:8; 1 Ti-mô-thê 1:15, nơi ông gọi chính mình là "kẻ hèn kém nhất giữa các thánh đồ" (có lẽ bởi vì ông đã bắt bớ Hội thánh, theo Công Vụ 9:1-2). Một vài người xem nghĩa của chữ "người hèn kém nhất" cũng như nguồn gốc của danh hiệu tự lựa chọn này. Tuy nhiên, trong sách như Ga-la-ti, nơi ông đã có một sự nhấn mạnh chính yếu vào sự độc lập và bình đẳng với Mười Hai Sứ Đồ Giê-ru-sa-lem, trường hợp này khó có khả năng (2 Cô-rinh-tô 11:5; 12:11; 15:10).
3. Về mặt dòng dõi gia đình, hầu hết người Do Thái tản lạc (Người Do Thái sống ngoài khu vực Palestine) được đặt hai tên khi sinh ra. Tên Hê-bơ-rơ của Phao-lô là Sau-lơ và tên Hy Lạp của ông là Phao-lô.

▣ **"Ti-mô-thê"** Tên của ông có nghĩa là "được Đức Chúa Trời tôn cao" hoặc "người tôn kính Đức Chúa Trời." Ông trở lại tin Chúa trong chuyến hành trình truyền giáo thứ nhất của Phao-lô đến Đet-bơ/Lít-tơ (Công Vụ 16:1). Phao-lô đã mời ông tham gia vào nhóm truyền giáo trong chuyến hành trình truyền giáo thứ hai, có lẽ để thay thế cho Giăng Mác. Ông có mẹ là người Do Thái (Công Vụ 16:1; 2 Ti-mô-thê 1:5) và cha người Hy Lạp (Công Vụ 16:1). Phao-lô đã cắt bì cho ông với mục đích giúp cho chức vụ của ông giữa những người Do Thái (Công Vụ 16:3). Ông đã trở thành người đại diện sứ đồ và người giải quyết những nan đề trung thành của Phao-lô (Công Vụ 16:1-17:14; 18:5-19:22; 20:4; Rô-ma 16:21; 1 Cô-rinh-tô 4:17; 16:10; 2 Cô-rinh-tô 1:1,19; Phi-líp 1:1; 2:19; Ga-la-ti 1:1; Phi-lê-môn 1:4 và hai sách, 1 Ti-mô-thê và 2 Ti-mô-thê. Phao-lô đã sai ông cách đặc biệt đến thành Phi-líp để chăm sóc cho hội thánh (Công Vụ 19:22; Phi-líp 2:19-24).

▣ **"đầy tớ"** Từ này chỉ về

1. Một danh xưng được tôn cao Cựu Ước trong mối liên hệ với YHWH (dành cho Môi-se, Xuất 14:31; Giô-suê, Các Quan Xét 2:8; các tiên tri, Ê-xơ-ra 9:11; Giê-rê-mi 7:25; các tiên tri, Đa-ni-ên 9:6; A-mốt 3:7; và Đa-vít, Thi Thiên 78:70)
2. Một sự nhấn mạnh rằng Chúa Jesus chính là Chúa (*kurios*) và các tín đồ chính là những tôi tớ của Ngài (*doulos*)

▣ **" kính gửi toàn thể thánh đồ "** Câu này nguyên văn có nghĩa đen là "những kẻ thánh" (*hagioi*), những người được biệt riêng cách đặc biệt cho sự phục vụ Đức Chúa Trời. Đây không chỉ đến một đời sống không có tội lỗi, nhưng là một địa vị pháp lý (theo luật pháp) trong Đấng Christ. Nó luôn ở thể số nhiều ngoại trừ trong Phi-líp 4:21, nhưng ngay cả ở đó nó được sử dụng trong văn mạch dành cho tập thể. Được cứu rỗi chính là thuộc về một bộ phận của gia đình.

Thuật ngữ này phản ánh cách sử dụng Cựu Ước cho tập thể Y-sơ-ra-ên như là một tuyển dân thánh (Xuất 13:5; 19:5-6; Phục Truyền 7:6; 1 Phi-e-rơ 2:9; and Khải Huyền 1:6).

Mặc dù thuật ngữ "các thánh" liên hệ với chỗ đứng của các tín đồ trong Đấng Christ, nó không phải ngẫu nhiên rằng từ gốc của nó là "thánh khiết" (*hagios*). Các tín đồ được kêu gọi không chỉ cho sự cứu rỗi, nhưng còn cho một tiến trình nên thánh theo thời gian. Các tín đồ được tiền định cho sự "thánh khiết" (*hagiasmos*, Ê-phê-sô 1:4), chứ không chỉ là thiên đàng; được tiền định cho sự phục vụ, chứ không phải là địa vị ưu tiên. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Các thánh đồ tại Cô-lô-se 1:2.

▣ **" trong Đấng Christ Jêsus "** Đây là một cách vị trí (của lãnh địa) (*locative (of sphere)*). Đây là một cách mô tả yêu thích của Phao-lô cho các tín đồ. Nó bày tỏ bầu không khí hoặc môi trường cần thiết mà trong nó Các Cơ Đốc Nhân sống (Công Vụ 17:28). Về mặt thần học nó song hành với khái niệm của Giăng "ở trong Ngài" (Giăng 15).

Cấu trúc này thường liên hệ với một mối liên hệ mật thiết với Đấng Christ. Nó chỉ đến địa vị thần học của các tín đồ, và trải nghiệm đầu phục của người tín đồ (Rô-ma 3:24; 4:17; 8:39; 15:17; 1 Cô-rinh-tô 1:2; Ga-la-ti 2:17; Ê-phê-sô 1:4,7; Phi-líp 1:13; 2:1,5; 4:7,13). Trong một vài phần Kinh Thánh "trong Đấng Christ" chúng gần như đồng nghĩa với "trong hội thánh" (Rô-ma 12:5; 1 Cô-rinh-tô 4:15; Ga-la-ti 1:22; 3:28; Ê-phê-sô 3:6; Cô-lô-se 1:2). Để minh họa cách sử dụng từ này của Phao-lô hãy chú ý Ê-phê-sô 1:3-14: (1) trong Đấng Christ, Phi-líp 1:3,10,12; (2) trong Ngài, Phi-líp 1:4,7,10,13 [hai lần]; (3) trong Đấng Được Yêu Thương Phi-líp 1:6.

▣ " **tại thành Phi-líp** " Đây là một thuộc địa của người La Mã (hãy xem phần dẫn nhập).

NASB "các linh mục"
NKJV, "các giám mục"
NRSV TEV "những lãnh đạo hội thánh"
NJB "những trưởng lão chủ tọa"

Các danh hiệu (1) "mục sư (pastor)," (2) "trưởng lão (elder)," (3) "giám mục (bishop)," hoặc (4) "giám mục (overseer)" đều chỉ đến cùng một chức năng trong hội thánh địa phương (Công Vụ 20:17, 28 và Tít 1:5,7). Thuật ngữ "các giám mục" (*episkopoi*) có một bối cảnh của một thành phố tự trị, trong khi "các trưởng lão" (*presbuteroi*) có một bối cảnh Do Thái. Cũng có khả năng rằng "giám mục" cũng có một bối cảnh Do Thái từ cách sử dụng của Cuộn Biển Chết (Dead Sea Scroll) của từ *mebaqqerim* (1QS 6:11,20). Cũng hãy chú ý thể số nhiều (Công Vụ 20:17; Ê-phê-sô 4:21). Thành Phi-líp có một hội thánh với nhiều lãnh đạo.

Khuyh hướng thực hiện một sự phân biệt mang tính chất quản trị (chính thể xã hội) giữa những từ trên đã gây ra những sự khác biệt bản thảo trong Phi-líp 1:1; Các bản MSS B³, D^C và K thay "với (*syn*) các giám mục (*episcopois*)" thành "các đồng giám mục" (*synepiscopois*).

NASB, NKJV,
NRSV, NJB "chấp sự"
TEV "những người giúp đỡ"

Đây là một thuật ngữ Hy Lạp dùng cho những gia nhân (*diakonoi*). Nguồn gốc từ nguyên học của nó là "khiến cho bụi bay lên khi dọn dẹp." Nó chính là từ chung được dùng cho chức vụ bởi Chúa Jesus trong Mác 10:43-45, và cho Các Sứ Đồ trong Công Vụ 1:17 và mọi ân tứ thuộc linh trong 1 Cô-rinh-tô 12:5. Phần Kinh Thánh này ủng hộ hai chức năng lãnh đạo tại hội thánh địa phương, mặc dù những người phụ nữ lớn tuổi cũng được đề cập trong 1 Ti-mô-thê 3:11. Những thuật ngữ này là những chức năng theo nguyên gốc nhưng đã biến thành những danh xưng và chức vụ rất nhanh chóng (theo các tài liệu: I Clement 42 và Ignatius' *Letter to Tralles*, 3:1 và *Letter to Smyrna*, 8:1). Ignatius từ Antioch (vào thời gian đầu thế kỷ thứ hai) bắt đầu truyền thống Công giáo sử dụng từ "Giám Mục (Bishop) (giám mục(overseer))" như một người cao hơn những lãnh đạo địa phương khác.

Tân Ước phản ánh ba loại chính thể hội thánh:

1. Hệ thống giám mục quản lý nhà thờ (episcopal system) (các sứ đồ)
2. Hệ thống trưởng lão (presbyterian system) (các trưởng lão)
3. Kiểu mẫu hội chúng (congregational model)

Cả ba đều được nhìn thấy trong Giáo Hội Nghị Giê-ru-sa-lem trong Công Vụ 15. Hình thức thì không quan trọng then chốt bằng tính chất thuộc linh của các lãnh đạo (1 Ti-mô-thê 3:1-13)! Sự đạt được và duy trì quyền lực có khuyh hướng làm băng hoại tất cả mọi điều mà nó chạm đến

1:2 " ân điển " Từ Hy Lạp (*charis*) này tương tự với từ Hy Lạp thông thường "những sự chào hỏi" mở đầu (*charein*, Gia-cơ 1:1). Phao-lô đã thực hiện mở đầu lá thư Hy Lạp truyền thống trong một cách độc nhất Cơ Đốc. Sự vắng mặt của bất kỳ sự chỉ đến thâm quyền sứ đồ của Phao-lô là rất đáng chú ý (Rô-ma; 1 và 2 Cô-rinh-tô; Ga-la-ti; Ê-phê-sô; Cô-lô-se; 1 và 2 Ti-mô-thê và Tít). Phao-lô đã có một mối quan hệ tuyệt vời với hội thánh địa phương này.

▣ " **và bình an** " Từ này có thể phản ánh từ Hê-bơ-rơ *Shalom*. Phao-lô có thể đã kết hợp một sự chào hỏi Hy Lạp và Hê-bơ-rơ như một cách ghi nhận hai nhóm người trong hội thánh.

Một vài người khẳng định rằng có một sự quan trọng then chốt về thần học trong cách sử dụng của Phao-lô từ ân điển đi trước sự bình an. Điều này chắc chắn đúng, nhưng nó không phải là một tuyên bố thần học nhưng là một sự chào thăm mở đầu. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Cô-lô-se 1:20.

▣ "(từ) **Đức Chúa Trời, Cha chúng ta** " Chúa Jesus đã dạy các tín đồ kêu cầu YHWH với danh xưng gia đình đầy mật thiết, Cha (Ma-thi-ơ 6:9). Điều này hoàn toàn thay đổi cách nhìn vào Đấng Thánh (theo Ô-sê 11). Khái niệm về "Đức Chúa Trời" mang đến những nghĩa rộng về sự siêu việt (Transcendence) trong khi "Cha" thêm vào một sự lưu ý về sự nội tại (immanence), ngay cả là sự mật thiết trong gia đình! Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Cô-lô-se 1:2.

▣ " **Chúa là Đức Chúa Jê-sus Christ** " Đây là một sự định danh đầy đủ nhấn mạnh về thần tính của Chúa Jesus (Chúa, giống như YHWH), và nhân tính (tên con người của Ngài), và danh hiệu (Đấng Mê-si, Đấng được xức

dầu). Sự định danh đầy đủ được liên kết về mặt ngữ pháp với "Đức Chúa Trời Cha chúng ta" với chỉ một giới từ cho cả hai. Đây là một cách mà những tác giả Tân Ước khẳng định về thần tính và sự bình đẳng của Chúa Jesus. Chỉ có duy nhất một bản chất (essence) Đấng Thánh, nhưng có ba sự biểu hiện bản thể (personal manifestation). Hãy xem ghi chú đầy đủ tại Cô-lô-se 1:1 và Ê-phê-sô 1:1-2.

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): PHI-LÍP 1:3-11

³ Mỗi khi nhớ đến anh em thì tôi cảm tạ Đức Chúa Trời tôi. ⁴ Trong mỗi lời cầu nguyện cho tất cả anh em, tôi luôn cầu nguyện với niềm vui mừng, ⁵ vì từ ngày đầu cho đến bây giờ, anh em đã cộng tác với tôi trong việc rao truyền Tin Lành. ⁶ Tôi tin chắc rằng Đấng đã bắt đầu làm việc lành trong anh em sẽ làm trọn việc ấy cho đến ngày của Đấng Christ Jêsus.

⁷ Tôi nghĩ đến tất cả anh em như thể là phải, vì anh em ở trong lòng tôi. Dù khi bị xiềng xích, hoặc lúc bệnh vực và biện minh cho Tin Lành, tất cả anh em đều dự phần ân điển đã ban cho tôi. ⁸ Vì Đức Chúa Trời làm chứng cho tôi rằng tôi thương mến tất cả anh em bằng tình yêu thương của Đấng Christ Jêsus. ⁹ Điều tôi cầu xin, ấy là tình yêu thương của anh em ngày càng gia tăng, cùng với sự hiểu biết và mọi nhận thức sâu sắc, ¹⁰ giúp anh em phân biệt điều gì là tốt nhất, để trong ngày của Đấng Christ anh em được tinh sạch, không chỗ chê trách, ¹¹ được đầy trái công chính bởi Đức Chúa Jêsus Christ để tôn vinh và ca ngợi Đức Chúa Trời.

1:3 "mỗi khi nhớ đến anh em thì tôi cảm tạ Đức Chúa Trời tôi," Từ "ghi nhớ" có thể chỉ đến (1) những món quà tài chính gửi đến Phao-lô; giới từ Hy Lạp "epi" có thể biểu thị nguyện nhân sự tạ ơn (trong bản dịch James Moffatt's và trong Phi-líp 1:5, 7) hoặc (2) cách nhấn mạnh mở đầu bình thương của Phao-lô về sự "nhớ đến," cũng như trong Rô-ma 1:8-9; Ê-phê-sô 1:16; 1 Tê-sa 3:6; Phi-lê-môn 1:4.

1:4 "luôn cầu nguyện với niềm vui mừng" Niềm vui mừng là một sự nhấn mạnh thường xuyên trong sách này (*chara*, Phi-líp 1:4, 25; 2:2, 29; 4:1); "vui mừng" (*chairō*, Phi-líp 1:18; 2:17, 18, 28; 3:1; 4:4 [hai lần], 10); "vui mừng với" (*sunchairō*, Phi-líp 2:17, 18). Chủ đề này thậm chí còn đáng chú ý hơn trong ánh sáng của hoàn cảnh tù đầy và đối diện với viễn cảnh cái chết của Phao-lô.

▣ **" cho tất cả anh em "** Các từ "tất cả," "luôn luôn," và "mọi" chính là đặc điểm của sách Phi-líp (Phi-líp 1:3,4,7,8,25; 2:17; 4:4,5,6,8,13,21). Chúng có thể liên hệ về mặt lịch sử và thần học với sự chia rẽ bị gây nên bởi những giáo sư giả Hy Lạp hoặc những người Do Thái theo chủ nghĩa độc chiếm.

1:5

- | | |
|------|---|
| NASB | "sự tham gia của anh em trong phúc âm " |
| NKJV | "mối liên hệ của anh em trong phúc âm " |
| NRSV | "sự chia sẻ của anh em trong phúc âm " |
| TEV | "con đường mà anh em đã giúp đỡ tôi trong công việc của phúc âm " |
| NJB | "sự dự phần của anh em trong phúc âm " |

Từ khóa (*koinōnia*) có nghĩa là

1. "tham gia dự phần trong"
2. "có mối liên hệ trong " (Phi-líp 4:15)
3. một thành ngữ chỉ về sự ban ra tiền bạc (Phi-líp 4:15; Rô-ma 12:13; 15:26; 2 Cô-rinh-tô 9:13; Ga-la-ti 6:6; 1 Ti-mô-thê 6:18), vì vậy, nó có thể chỉ về món quà tài chính của hội thánh gửi cho Phao-lô (Phi-líp 1:7; 4:10,14-18)

Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Phi-líp 2:1.

▣ **" từ ngày đầu cho đến bây giờ "** Câu này liên hệ đến Công Vụ 16:12-40. Cụm từ này có khuynh hướng định nghĩa cụm từ trước đó như một sự chỉ đến sự tham dự vào phúc âm hơn là chỉ một món quà tài chính.

1:6 " Tôi tin chắc " Đây là một phân từ chủ động thì hoàn thành (perfect active participle) từ gốc từ "thuyết phục," có nghĩa là "Tôi đã và sẽ tiếp tục chắc chắn."

▣ **" Đấng đã bắt đầu làm việc lành trong anh em "** Đây là một phân từ trung cách (trung gian) thì bất định (aorist middle (deponent) participle). Đức Chúa Trời (*Theos*) không có trong văn mạch nhưng từ Ngài được giả định (Rô-ma 8:11; Ga-la-ti 1:6, 15 và 1 Tê-sa 5:24). Thể trung cách (middle voice) nhấn mạnh sự dự phần của

chủ thể trong hành động của động từ. Tuy nhiên, thể của nó là trung cách, vốn có nghĩa rằng thuật ngữ ngày không có một thể chủ động trong thời của Phao-lô, vì vậy, thể trung cách có thể có chức năng như một thể bị động. Phải có một sự quân bình thần học giữa tình yêu khởi đầu của Đức Chúa Trời và một sự đáp ứng đức tin khởi đầu và liên tục của con người. Nó có thể chỉ đến

1. Sự bắt đầu của hội thánh
2. Sự bắt đầu tham dự trong phúc âm
3. Sự bắt đầu của sự cứu rỗi cá nhân của họ

NASB "sẽ khiến nó trở nên hoàn hảo"
NKJV "sẽ hoàn tất nó "
NRSV "sẽ mang nó đến sự trọn vẹn "
TEV "sẽ mang nó cho đến khi nó hoàn tất "
NJB "sẽ tiếp tục hoàn tất nó "

Đây là một Thể chỉ định chủ động thì tương lai (Future active indicative), vốn có thể chỉ đến tính chắc chắn của một sự kiện. Các tín đồ đang sống trong sự xung đột giữa sự "đã đến" và "chưa đến" của Vương Quốc Đức Chúa Trời. Những lợi ích trọn vẹn và hoàn tất của vương quốc nằm ở tương lai, trong khi quyền công dân và địa vị đang ở hiện tại. Các tín đồ sống trong sự chồng lấp lên nhau của hai thời đại (theo người) Do Thái. Thời đại mới đã đến (tại Bết-lê-hem và Lễ Ngũ Tuần) nhưng thời đại cũ vẫn còn tồn tại (bản chất sa ngã cả trong thể giới tạo vật và trong nhân loại sa ngã).

▣ " ngày của Đấng Christ Jêsus " Việc nhắc đến Sự Tái Lâm là một yếu tố rất phổ biến trong những lời mở đầu những lá thư của Phao-lô (1 Cô-rinh-tô 1:7,8; 2 Cô-rinh-tô 1:10; Cô-lô-se 1:5; 1 Tê-sa 1:10 và 2 Tê-sa 1:từ câu 4 trở đi). Sự kiện lai thể học này cũng xuất hiện trong Phi-líp 1:6,10; và cả trong 2:16.

Sự nhấn mạnh lai thể học của một ngày tái lâm đặc biệt khi nhân loại sẽ gặp Chúa Jesus (trong vai trò của Đấng Cứu Rỗi hay Đấng Phán Xét) xảy ra qua một vài sự định danh trong những tác phẩm của Phao-lô:

1. "ngày của Đức Chúa Jesus Christ chúng ta" (1 Cô-rinh-tô 1:8)
2. "ngày của Chúa" (1 Cô-rinh-tô 5:5; 1 Tê-sa 5:2; 2 Tê-sa 2:2)
3. "Ngày của Đức Chúa Jesus" (1 Cô-rinh-tô 5:5; 2 Cô-rinh-tô 1:14)
4. "Ngày của Đức Chúa Jesus Christ" (Phi-líp 1:6)
5. "ngày của Đấng Christ" (Phil 1:10; 2:16)
6. "ngày của Ngài (Con Người)" (Lu-ca 17:24)
7. "ngày Con Người sẽ hiện đến " (Lu-ca 17:30)
8. "sự hiện đến của Đức Chúa Jesus Christ" (1 Cô-rinh-tô 1:7)
9. "khi Đức Chúa Jesus sẽ hiện ra trên không trung " (2 Tê-sa 1:7)
10. "trong sự xuất hiện của Đức Chúa Jesus khi Ngài đến" (1 Tê-sa 2:19)

Trong Cựu Ước, các tác giả nhìn thấy hai thời kỳ, một thời kỳ gian ác và một thời kỳ sẽ đến của sự công chính, thời đại của Thánh Linh (Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-phê-sô 1:21). Đức Chúa Trời sẽ can thiệp vào lịch sử qua Đấng Mê-si của Ngài để thiết lập nên thời đại mới này. Sự kiện này được biết như là ngày của Chúa. Chú ý rằng các tác giả Tân Ước đã gán sự kiện này cho Đấng Christ. Sự đến của Ngài lần thứ nhất, Sự Nhập Thể, đã được báo trước nhiều lần trong nhiều phần Kinh Thánh Cựu Ước. Người Do Thái không trông đợi một Đấng Thần Nhân, nhưng là một sự can thiệp của Đấng Thánh. Hai lần đến của Đấng Mê-si, một lần trong vai trò của Tôi Tớ Chịu Khổ và Đấng Cứu Rỗi, và một lần trong vai trò của Đấng Đoán Xét và Chúa, là không hiển nhiên đối với dân sự Cựu Ước.

▣ " Đấng đã bắt đầu ... sẽ làm trọn việc ấy " Cả hai thuật ngữ "bắt đầu" và "làm trọn" đều là những thuật ngữ chuyên dụng dùng cho sự bắt đầu và kết thúc của một lần dâng sinh tế (Rô-ma 12:1-2).

1:7

NASB, NKJV "Tôi đặt anh em trong tấm lòng tôi"
NRSV "Anh em đặt tôi trong tấm lòng anh em "
TEV "anh em luôn luôn ở trong lòng tôi "
NJB "anh em có một chỗ trong tấm lòng tôi "

Cụm từ Hy Lạp không rõ nghĩa. Nó có thể chỉ đến tình yêu của Phao-lô dành cho họ (NASB, NKJV, TEV, NKJV) hoặc tình yêu của họ dành cho Phao-lô (NRSV). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Tấm lòng tại Cô-lô-se 2:2

NASB, NKJV,

NRSV

TEV

NJB

"sự bảo vệ và khẳng định phúc âm "

"bảo vệ cho phúc âm và thiết lập phúc âm một cách vững vàng "

"bảo vệ và thiết lập phúc âm "

Có những thuật ngữ chuyên dụng cho một sự "bảo vệ về mặt luật pháp." Từ đầu tiên là *apologia* (Công Vụ 22:1; 25:16; 2 Ti-mô-thê 4:16), từ thứ hai là *bebaiōsis*, (trong Hê-bơ-rơ 6:16 và theo quyển sách được viết bởi James Moulton và George Milligan, *The Vocabulary of the Greek Testament Illustrated from the Papyri and Other Non-literary Sources*, ở trang 108, vốn giải thích rằng nó được sử dụng cho "sự bảo vệ hợp pháp"). Điều này có thể chỉ đến sự xuất hiện của Phao-lô trước (1) Nê-rô hoặc những lãnh đạo trong chính quyền hoặc (2) sự rao giảng phúc âm của ông.

▣ **" tất cả anh em đều dự phần ân điển đã ban cho tôi "** Đây là một từ ghép với "syn" và "koinonia." Nó chỉ ra những cảm xúc của Phao-lô của sự hiệp một với những thánh đồ ấy. Sách này có một số lần bất thường của những từ ghép với "syn," vốn có nghĩa là "dự phần tham gia với":

1. Phi-líp 1:7; 4:14 *syn* + thông công (*koinonia*)
2. Phi-líp 1:27 *syn* + dự phần
3. Phi-líp 2:2 *syn* + tâm hoặc trí
4. Phi-líp 2:17-18 *syn* + vui mừng
5. Phi-líp 2:25; 4:3 *syn* + người làm việc
6. Phi-líp 2:25 *syn* + người chiến đấu
7. Phi-líp 3:10 *syn* + hình dáng
8. Phi-líp 3:17 *syn* + người bắt chước
9. Phi-líp 4:3 *syn* + người lao động (hoặc đây là tên riêng)

Các hình thái khác biệt của từ được dùng cho "mối tương giao với" (*koinōnia*) cũng xuất hiện khá thường xuyên (Phi-líp 1:5,7; 2:1; 3:10; 4:14,16). Phao-lô cảm thấy là một với hội thánh trong tâm hồn và chức vụ.

1:8 " Vì Đức Chúa Trời làm chứng cho tôi " Phao-lô đang thực hiện một lời thề. Đây là một cách nói phổ biến để nhấn mạnh sự trung thực của ông (Rô-ma 1:9; 2 Cô-rinh-tô 1:23; 1 Tê-sa 2:5, 10).

▣ **" tôi thương mến tất cả anh em "** Phao-lô sử dụng từ này để mô tả sự mong mỏi mạnh mẽ của ông được đến cùng với những người bạn này (Phi-líp 4:1; Rô-ma 1:11; 1 Tê-sa 3:6; 2 Ti-mô-thê 1:4).

▣ **" bằng tình yêu thương của Đấng Christ Jêsus "** Bản dịch KJV dịch cụm từ này là "bằng tấm lòng (ruột) của Đấng Christ." Đây có lẽ liên hệ với của sinh tể Cựu Ước của những bộ phận nội tạng phía dưới (vốn những dân Ca-na-an ăn) tại bàn dâng sinh tể nơi Đền Tạm. (Xuất 29:13; Lê-vi Ký 3:3-4,10, 15; 4:8-9; 7:3-4; 8:16, 25; 9:10,16). Người cổ đại đặt những cảm xúc nơi ruột hay phần nội tạng phía dưới (Ê-sai 63:15; Jer. 4:19). Đối với Phao-lô nó liên hệ với tình yêu thương (Phi-líp 2:1; 2 Cô-rinh-tô 6:12; 7:15; Phi-líp 1:8,21; Cô-lô-se 3:12; Phi-lê-môn 7,12,20).

1:9-11 Đây là một lời cầu nguyện của Phao-lô thay mặt cho hội thánh. Những câu Kinh Thánh này tập chú vào một đời sống giống như Đấng Christ của các thánh đồ, trong khi Phi-líp 1:3-8 tập chú vào địa vị của họ nơi Đấng Christ. Điều này đã kết hợp hai khía cạnh của sự cứu rỗi: địa vị của chúng ta trong Đấng Christ (sự xưng công chính về mặt pháp lý và sự nên thánh mang tính chất địa vị) và sự sở hữu trên vị trí đó trong sự trở nên giống như Đấng Christ (sự nên thánh theo tiến trình). Phi-líp 1:9-11 là một câu trong tiếng Hy Lạp.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ BỀN ĐỒ

Các tín lý Kinh Thánh liên quan đến đời sống Cơ đốc nhân rất khó giải thích vì chúng được trình bày trong những cặp biện chứng rất Đông phương. Những cặp này dường như mâu thuẫn nhau, nhưng chúng đều có nền tảng Kinh Thánh. Những Cơ đốc nhân phương Tây thường có khuynh hướng chọn một lẽ thật và bỏ qua hoặc không xem trọng lẽ thật đối lại. Tôi minh họa như sau:

1. Sự cứu rỗi là một quyết định ban đầu tin cậy nơi Đấng Christ, hay là một cam kết trọn đời làm môn đồ của Ngài?

2. Có phải sự cứu rỗi là một sự lựa chọn bởi ân điển từ một Đức Chúa Trời chí cao, hay là đáp ứng tin cậy và ăn năn của con người trước một món quà thiên thượng?
3. Sự cứu rỗi, một khi đã nhận được, thì không thể mất được, hay là phải có sự chuyên cần liên tục? Vấn đề về sự kiên trì đã gây nhiều tranh cãi trong lịch sử hội thánh. Vấn đề khởi sự từ những phân đoạn rõ ràng mâu thuẫn với nhau trong Tân ước:

1. Các phân đoạn về sự chắc chắn
 - a. Câu nói của Đức Chúa Giê-xu (Giăng 6:37; 10:28-29)
 - b. Câu nói của Phao-lô (Rô-ma 8:35-39; Ê-phê-sô 1:13; 2:5,8-9; Phi-líp 1:6; 2:13; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:3; II Ti-mô-thê 1:12; 4:18)
 - c. Câu nói của Phi-e-rơ (I Phi-e-rơ 1:4-5)
2. Các phân đoạn về sự cần thiết phải kiên trì
 - a. Câu nói của Đức Chúa Giê-xu (Ma-thi-ơ 10:22; 13:1-9, 24-30; 24:13; Mác 13:13; Giăng 8:31; 15:4-10; Khải huyền 2:7,17,20; 3:5,12,21)
 - b. Câu nói của Phao-lô (Rô-ma 11:22; I Cô-rinh-tô 15:2; II Cô-rinh-tô 13:5; Ga-la-ti 1:6; 3:4; 5:4; 6:9; Phi-líp 2:12; 3:18-20; Cô-lô-se 1:23)
 - c. Câu nói của tác giả thư Hê-bơ-rơ (2:1; 3:6,14; 4:14; 6:11)
 - d. Câu nói của Giăng (I Giăng 2:6; II Giăng 9)
 - e. Câu nói của Đức Chúa Cha (Khải huyền 21:7)

Sự cứu rỗi theo Kinh Thánh xuất phát từ tình yêu, sự thương xót, và ân điển của Đức Chúa Trời Ba Ngôi chí cao. Không một ai có thể được cứu mà không nhờ vào sự khởi đầu của Đức Thánh Linh (Giăng 6:44,64). Trời đến trước và lập kế hoạch, nhưng đòi hỏi người đáp ứng bằng đức tin và ăn năn, từ lúc ban đầu và tiếp tục về sau. Chúa làm việc với con người trong mối liên hệ giao ước. Vì vậy có cả đặc ân và trách nhiệm.

Sự cứu rỗi được ban cho tất cả mọi người. Sự chết của Đức Chúa Giê-xu đã giải quyết vấn đề tội lỗi của muôn vật bị sa ngã. Đức Chúa Trời đã ban cho một con đường và Ngài muốn mọi người được dựng nên theo ảnh tượng của Ngài đáp ứng lại tình yêu và sự ban tặng của Ngài trong Đức Chúa Giê-xu.

Nếu bạn muốn đọc thêm về chủ đề này theo quan điểm không theo phái Calvin, thì bạn có thể xem:

1. Dale Moody, *The Word of Truth*, Eerdmans, 1981 (trang 348-365)
2. Howard Marshall, *Kept by the Power of God*, Bethany Fellowship, 1969
3. Robert Shank, *Life in the Son*, Westcott, 1961

Kinh Thánh cho thấy hai vấn đề trong lãnh vực này (1) tin vào sự cứu rỗi chắc chắn được xem như giấy phép để sống cuộc đời không kết quả, ích kỷ và (2) khích lệ những người đang tranh đấu với tội lỗi cá nhân và trong mục vụ. Vấn đề ở đây là những nhóm sai lầm đã đi theo sự điệp sai lầm và xây dựng hệ thống thần học trên một số phân đoạn Kinh Thánh giới hạn. Một số Cơ đốc nhân thật sự cần sự điệp về sự cứu rỗi chắc chắn, trong khi một số khác thì cần được cảnh cáo nghiêm minh. Bạn ở trong nhóm nào

Có một sự tranh luận lịch sử giữa Augustine và Pelagius, giữa Calvin và Arminius (semi-Pelagian), xung quanh vấn đề cứu rỗi. Nếu một người đã được cứu, người ấy có phải bền đỗ trong đức tin và ra bông kết trái hay không?

Nhóm Can-vin khẳng định Đức Chúa Trời tể trị và có quyền gìn giữ, dựa theo các câu (Giăng 10:27-30; Rô-ma 8:31-39; 1 Giăng 5:13,18; 1 Phi-e-rơ 1:3-5). Họ chỉ ra tính động từ thụ động thì hoàn thành của câu Ê-phê-sô 2:5,8.

Nhóm A-mi-ni-an (Arminians) dựa vào các câu "nắm chặt", "nắm tới", "tiếp tục" (Ma-thi-ơ 10:22; 24:9-13; Mác 13:13; Giăng 15:4-6; 1 Cô-rinh-tô 15:2; Ga-la-ti 6:9; Khải Huyền 2:7,11,17,26; 3:5,12,21; 21:7). Bản thân tôi không tin các câu trong Hê-bơ-rơ 6 và 10 nên ứng dụng ở đây, nhưng nhiều người thuộc nhóm này sử dụng để cảnh báo sự bội đạo. Các ngụ ngôn trong Ma-thi-ơ 13 and Mác 4, Giăng 8:31-59... nói về sự cứng lòng không tin. Về ngữ pháp, khi nhóm Can-vin dùng tính động từ thụ động thì hoàn thành, nhóm A-mi-ni-an dùng thì hiện tại trong các câu. 1 Cô-rinh-tô 1:18; 15:2; 2 Cô-rinh-tô 2:15,

Đây là những ví dụ về các thần học hệ thống hạn chế thông diễn Kinh Thánh một cách phù hợp,

(giải kinh theo ngữ cảnh và bối cảnh) Họ định kiến một số nguyên tắc từ trước rồi tìm các câu Kinh Thánh phù hợp để ghép vô. Hãy cẩn thận với bất cứ một khuôn khổ thần học nào. Khuôn khổ thần học được đến bởi Lô-gíc tây phương, chứ không từ khai thị Kinh Thánh xuất phát từ đông phương, trình bày chân lý bằng nghịch lý. Tân Ước cho tín đồ cả sự đảm bảo cứu rỗi và đòi hỏi phải bền đỗ và nếp sống tin kính. Cơ đốc giáo được bắt đầu bởi ăn năn và đức tin, tiếp tục bởi ăn năn và đức tin. Sự cứu rỗi không phải là sản phẩm của hãng bảo hiểm, nhưng là mối liên hệ. Nó được miêu tả trong Tân Ước qua các câu sau đây.:

- Thì quá khứ (hành động đã kết thúc trong quá khứ), Công Vụ 15:11; Rô-ma 8:24; 2 Ti-mô-thê 1:9; Tít 3:5
- Thì hoàn thành (hành động đã kết thúc với kết quả đang tiếp diễn), Ê-phê-sô 2:5,8
- Thì hiện tại: (hành động vẫn đang tiến hành), 1 Cô-rin-tô 1:18; 15:2; 2 Cô-rin-tô 2:15
- Thì tương lai (hành động trong tương lai, hoặc sẽ xảy ra một cách chắc chắn), Rô-ma 5:8,10; 10:9; 1 Cô-rin-tô 3:15; Phi-líp 1:28; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:8-9; Hê-bơ-rơ 1:14; 9:28

1:9 " tình yêu thương của anh em ngày càng gia tăng " Đây là một Thê câu khẩn (giả định) chủ động thì hiện tại (present active subjunctive) vốn nhấn mạnh lời cầu nguyện của ông rằng tình yêu của họ sẽ tiếp tục tăng trưởng (1 Tê-sa 3:12). Tình yêu chính là bằng chứng và dấu hiệu của một tín đồ thật (1 Cô-rinh-tô 13; 1 Giăng 4:7-20). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đầy Dẫy (*Perisseuō*) tại Ê-phê-sô 1:8.

NASB	"kiến thức chân thật và mọi sự phân biệt "
NKJV	"kiến thức và mọi sự phân biệt "
NRSV	"kiến thức và sự thấu hiểu trọn vẹn "
TEV	"kiến thức chân thật và sự đoán xét trọn vẹn "
NJB	"kiến thức và sự hiểu biết trọn vẹn"

Tất cả những yêu cầu này liên quan đến sự thấu hiểu thuộc linh trọn vẹn vốn dẫn đến sự trở nên giống như Đấng Christ (Cô-lô-se 1:9). Từ đầu tiên, *epignōksō*, được dùng trong Tân Ước cho kiến thức cần thiết cho sự cứu rỗi của cả một thông điệp chân thật được tin cậy và một Đấng được chào đón). Từ thứ hai (*aisthēsis*) mang khuynh hướng thực tế hơn và những sự lựa chọn về lối sống được nhấn mạnh (Phi-líp 2:15). Sự trưởng thành của Cơ Đốc Nhân liên quan đến cả ba yếu tố:

1. Sửa lại giáo lý (1 Giăng 4:1-6)
2. Mối quan hệ cá nhân (Giăng 1:12; 3:16)
3. Lối sống tin kính (trở nên giống với Đức Chúa Trời) (1 Giăng 1:7; 2:6)

Nó cũng yêu cầu sự kiên trì (Ma-thi-ơ 10:22; 24:11-13; Ga-la-ti 6:9; Khải Huyền 2:7, 11, 17, 26; 3:5, 12, 21; 21:7).

1:10 " giúp anh em phân biệt điều gì " Đây là một từ trong ngành luyện kim (*dokimazaō*). Nó được sử dụng cho sự thử nghiệm tính chân thật của những đồng tiền hoặc những kim loại quý. Nó trở thành nghĩa rộng của "sự thử nghiệm với viễn cảnh hướng đến sự chấp thuận" (Rô-ma 2:18; 1 Cô-rinh-tô 16:3; 1 Tê-sa 2:4). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Những Thuật Ngữ Hy Lạp Được Dùng cho Sự Thử Nghiệm và Những Nghĩa Rộng của Chúng tại Phi-líp 2:22.

NASB, NKJV	"những điều xuất sắc "
NRSV, TEV	"những gì tốt nhất "
NJB	"sự nhận định chân chính "

Nghĩa đen của cụm từ này là "những điều thực sự được tính đến." Cùng một cụm từ này xuất hiện trong Rô-ma 2:18.

NASB,	"chân thật"
NKJV NRSV	"tinh sạch"
TEV	"tự do khỏi sự không tinh sạch "
NJB	"vô tội"

Đây là một từ ghép từ "ánh nắng" (*eilē*) và "phân xử" (*krinō*). Nó nguyên văn có nghĩa "được thẩm định dưới

ánh sáng." Nó trở thành một sự mở rộng theo nghĩa bóng của sự không pha tạp và, vì vậy, (1) sự chân thật (1 Cô-rinh-tô 5:8; 2 Cô-rinh-tô 2:17; 2 Phi-e-rơ 3:1) hoặc (2) "tinh sạch về mặt đạo đức" (2 Cô-rinh-tô 1:12).

NASB, NRSV "không thể trách được"
NKJV "không có bất cứ sự vi phạm nào"
TEV "tự do khỏi ... sự khiển trách"
NJB "tự do khỏi bất cứ sự truy cứu tội lỗi"

Cụm từ này nguyên văn là, "không có sự vi phạm nào" hoặc "không gây cho người khác vấp ngã" (giống với 2 Cô-rinh-tô 8:16). Từ này có nghĩa là một đời sống không bị định tội (Công Vụ 24:16; 1 Cô-rinh-tô 10:32).

Khái niệm của sự trách tội chỉ đến sự phạm tội Cựu Ước (Sáng 44:10; Giô-suê 2:17; Các Quan Xét 15:3). Sự vô tội này được nhắc đến một vài lần trong sách Phi-líp (Phi-líp 2:15; 3:6). Các tín đồ phải chịu trách nhiệm cho những anh em của họ trong Đấng Christ cũng như chịu trách nhiệm là một chứng nhân tích cực (qua lối sống và lời nói) cho những người không tin (1 Ti-mô-thê 3:2,7).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: KHÔNG THỂ CHÊ TRÁCH, VÔ TỘI, KHÔNG MẶC CẢM TỘI LỖI, KHÔNG THỂ SỈ NHỤC

A. Lời mở đầu

1. Theo thần học, đây là tình trạng ban đầu của nhân loại. (tức là Sáng Thế Ký 1, the Garden of Eden).
2. Tội lỗi và phản loạn làm tiêu hao mối liên hệ tuyệt hảo ban đầu (tức là Sáng Thế Ký 3).
3. Con người, cả nam và nữ, đều mong ước được hồi phục mối liên hệ với Đức Chúa Trời, bởi họ được tạo dựng trong hình ảnh của Ngài. (tức là Sáng Thế Ký 1:26-27).
4. Đức Chúa Trời đối phó với nhân loại tội lỗi qua:
 - a. các lãnh đạo trung tín (tức là Abraham, Moses, Isaiah)
 - b. hệ thống dâng tế (tức là Leviticus 1-7)
 - c. tấm gương tin kính (tức là Noah, Gióp)
5. Đức Chúa Trời cung ứng Đấng Mê-si-a một cách tối hậu:
 - a. là sự mặc khải trọn vẹn về Ngài (xem Giăng 1:1-14; Col. 1:13-17; Hê-bơ-rơ 1:2-3)
 - b. một sự chết thay tuyệt hảo cho tội lỗi. (xem Mác 10:45; 2 Cô-rinh-tô 5:21)
6. Cơ-độc nhân được trở nên không thể chê trách.
 - a. về pháp lý nhận được sự công chính của Đấng Christ, (xem Rô-ma 4:3,6,8,11,22,23,24; Gia-cơ 2:23)
 - b. thánh hóa một cách tiệm tiến qua công tác của Đức Thánh Linh. (Giăng 16:8-11)
 - c. mục tiêu của Cơ-độc nhân là trở nên giống Đấng Christ, (xem Rô-ma 8:28-30; 2 Cô-rinh-tô 3:18; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4; 4:13; 1 Thê-sa-lô-ni-ca 3:13; 4:3; 5:23; 2 Thê-sa-lô-ni-ca 2:13; Tít 2:14; 1 Phi-líp 1:15)), trong thực tế chính là sự hồi phục hình ảnh Đức Chúa Trời trong con người, đã mất bởi tội lỗi Adam và Ê-va.
7. Thiên đàng là sự hồi phục tuyệt hảo của mối liên hệ ban đầu ở vườn Ê-đen. Thiên đàng là Giê-ru-sa-lem mới giáng trần từ Đức Chúa Trời (xem Khải huyền 21:2) tới một Trần thế đã được thanh tẩy, (xem 2 Phi-líp 3:10) Kinh Thánh bắt đầu và kết thúc bởi những chủ đề tương tự.
 - d. sự tương giao mật thiết với Đức Chúa Trời.
 - e. trong bối cảnh vườn (Sáng Thế Ký 1-2 và Revelation 21-22)
 - f. với các tuyên bố tiến tri, với sự hiện diện của thú vật, (xem Ê-sai 11:6-9)

B. Cựu Ước

1. Có rất nhiều thuật ngữ Hê-bơ-rơ về khái niệm tuyệt hảo, vô nhục, vô tội... khó có thể liệt kê và miêu tả hết các ý nghĩa liên hệ.
2. Các thuật ngữ chính mang khái niệm tuyệt hảo, vô nhục, vô tội (theo ông Robert B. Girdlestone, Synonyms of the Old Testament, trang. 94-99) là
 - a. *shalom* (BDB1022, KB 1532)
 - b. *thamam* (BDB1070, KB 1743)
 - c. *calah* (BDB478, KB 476)

3. Bản Bảy Mươi (The Septuagint tức Kinh Thánh cho Hội Thánh nguyên thủy, Cựu Ước dịch ra tiếng Hy-lạp), dịch các từ thuật này giống như trong Tân Ước, xem phần C. dưới đây. .
 4. Các thuật ngữ chìa khóa liên hệ tới hệ thống dâng tế là:
 - a. *amōmos* (BDB 1071, xem Xuất Hành 29:1; Lê vi ký 1:3,10; 3:1,6; Dân số ký 6:14)
 - b. *amiantos* và *aspilus* cũng có ý nghĩa thờ phượng
- C. Tân Ước
1. Hệ thống pháp lý
 - a. hệ thống pháp lý Hê-bơ-rơ với ý nghĩa thờ phượng được dịch bởi thuật ngữ *amōmos* (BDB 1071, xem Ê phê sô 5:27; Phi-líp 2:15; 1 Phi ê rơ 1:19)
 - b. Hệ thống pháp lý Hy-lạp (xem 1 Cô rin tô 1:8; Col. 1:22)
 2. Đấng Christ vô nhiễm, vô tội, không thể cáo trách (*amōmos*, xem Hê-bơ-rơ 9:14; 1 Phi ê rơ 1:19)
 3. Môn đồ Chúa Giê-su phải noi gương Ngài (*amōmos*, xem Ê phê sô 1:4; 5:27; Phi-líp 2:15; Col. 1:22; 2 Phi ê rơ 3:14; Giu đê 1:24; Khải huyền 14:5)
 4. Khái niệm này cũng áp dụng cho các lãnh đạo Hội Thánh.
 - a. *aneglētos*, "không bị tố cáo" (xem 1 Tim. 3:10; Tích 1:6-7)
 - b. *anepileptos*, "không thể bị phê phán" hoặc "không chỗ để lời phê phán bấu víu" (xem 1 Tim. 3:2; 5:7; 6:14; Tích 2:8)
 5. Khái niệm "không ô uế" (*amiantos*) được dùng cho
 - a. Đấng Christ (xem Hê-bơ-rơ 7:26)
 - b. gia sản Cơ-độc nhân (xem 1 Phi ê rơ 1:4)
 6. Khái niệm "toàn vẹn" hoặc "lành mạnh" (*holoklēria*) (xem Công vụ 3:16; 1 Thê sa lô ni ca 5:23; Gia- cơ 1:4)
 7. Khái niệm "không lỗi lầm," "vô tội không chỗ trách" *amemptos* (xem Lu ca 1:6; Phi-líp 2:15; 3:6; 1 Thê sa lô ni ca 2:10; 3:13; 5:23)
 8. Khái niệm không điều nào đáng trách *amōmētos* (xem 2 Phi ê rơ 3:14)
 9. Khái niệm không tì vết, không khiếm khuyết cũng được dùng trong các câu trên đây và 1 Tim. 6:14; Gia-cơ 1:27; 1 Phi ê rơ 1:19; 2 Phi ê rơ 3:14)
- D. Nhiều từ vựng Hê-bơ-rơ và Hy-lạp về khái niệm này cho thấy tầm quan trọng của nó. Đức Chúa Trời cung cấp nhu cầu công chính cho chúng ta qua Đấng Christ và kêu gọi chúng ta trở nên giống Ngài.

Về pháp lý tín đồ đã được tuyên bố là người "công chính, công nghĩa, vô tội" bởi công việc của Đấng Christ. Tiếp đó họ phải hành động theo phẩm chất họ nhận được: "Hãy bước đi trong ánh sáng vì Ngài là Ánh Sáng". (xem 1 Giăng 1:7). "Hãy bước đi xứng đáng với sự kêu gọi" (xem Ê phê sô 4:1,17; 5:2,15). Chúa Giê-su đã hội phục hình ảnh Đức Chúa Trời trong con người, sự thông công thực có thể bắt đầu. Xin nhớ rằng Đức Chúa Trời muốn con dân Ngài phản chiếu thuộc tính Ngài, tương tự như Con Ngài, trong con mắt của thế gian. Chúng ta được kêu gọi tới sự thánh khiết không nhượng bộ. (xem Ma thi ơ 5:20,48; Ê phê sô 1:4; 1 Phi ê rơ 1:13-16). Sự thánh khiết của Đức Chúa Trời trong chúng ta không phải chỉ được công bố về pháp lý, nhưng phải trở nên bản ngã của chúng ta.

☐ " trong ngày của Đấng Christ " Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Những Thuật Ngữ Tân Ước được dùng cho Sự Tái lâm tại Cô-lô-se 3:4.

1:11 " được đầy " Đây là một Phân từ bị động thì hoàn thành (Perfect passive participle). Khái niệm của "đầy" được liên hệ với quyền năng của Đức Chúa Trời, Đức Thánh Linh (Ê-phê-sô 5:18). Ngài đã sản sinh ra sự trở nên giống như Đấng Christ trong những kẻ tin và hợp tác với Ngài, vốn là mục đích của sự cứu rỗi (Rô-ma 8:28-29; 2 Cô-rinh-tô 3:18; Ga-la-ti 4:19).

NASB	"bông trái của sự công chính"
NKJV	"những bông trái của sự công chính"
NRSV	"mùa thu hoạch của sự công chính"

TEV "Những phẩm chất tốt lành chân thật"
NJB "Những bông trái của sự chính trực"

Hãy chú ý thuật ngữ "trái" là ở thể số ít, cũng giống như nó xuất hiện trong Ga-la-ti 5:22, nơi mà trái của Thánh Linh là sự yêu thương. Ở đây nó là sự công chính. Thuật ngữ "công chính" trong những sách của Phao-lô thường chỉ về chỗ đứng pháp lý của tín đồ (sự xưng công chính mang tính chất địa vị và sự nên thánh, Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Nên Thánh tại Ê-phê-sô 1:1) trước Đức Chúa Trời (Rô-ma 4-8). Tuy vậy, ở đây nó ngụ ý đến việc làm thực tế bên ngoài của một sự cứu rỗi bên trong (sự nên thánh theo tiến trình, Phi-líp 1:10; Gia-cơ 3:18). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Công Chính tại Ê-phê-sô 4:24.

☐ " để tôn vinh và ca ngợi Đức Chúa Trời " (Ma-thi-ơ 5:16; Ê-phê-sô 1:6, 12, 14). Đòi sống các tín đồ cần mang lại sự tôn vinh lên Đức Chúa Trời! Sự xưng công chính phải sản sinh ra sự nên thánh. Không có trái, không có rễ! Đấng Christ đồng thời thực hiện sự cứu rỗi chúng ta và phục hồi hình ảnh của Đức Chúa Trời trong nhân loại sa ngã. Các tín đồ cần phải phô bày những đặc tính mang tính chất gia đình của Đức Chúa Trời! Hãy xem bài viết về "Sự Vinh Hiển" tại Ê-phê-sô 1:6.

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): PHI-LÍP 1:12-18

¹² Thưa anh em, tôi muốn anh em biết rằng những điều xảy đến cho tôi đã thật sự giúp ích cho sự tiến triển của Tin Lành, ¹³ đến nỗi tất cả lính canh trong dinh tổng đốc và mọi người khác đều biết tôi vì Đấng Christ mà bị xiềng xích; ¹⁴ phần đông anh em nhân việc tôi bị xiềng xích lại càng vững tin hơn trong Chúa, và mạnh dạn rao truyền lời Chúa không chút sợ hãi.

¹⁵ Thật, có vài người rao giảng Đấng Christ vì danh tị và tranh cạnh, nhưng cũng có những người vì ý tốt mà rao giảng. ¹⁶ Những người này rao giảng vì lòng yêu thương, biết rằng tôi được chỉ định để bênh vực Tin Lành; ¹⁷ còn những người kia rao giảng Đấng Christ vì ích kỷ, không thành thật và tưởng rằng như thế sẽ gây đau khổ thêm cho sự xiềng xích của tôi. ¹⁸ Nhưng có hề gì! Dù thế nào đi nữa, hoặc giả vờ hay thành thật thì Đấng Christ vẫn được rao giảng. Đó là điều tôi vui mừng, và sẽ còn vui mừng nữa!

1:12 " tôi muốn anh em biết rằng " Câu này ngụ ý rằng hội thánh đã hỏi Phao-lô một số câu hỏi (giống như tại Cô-rinh-tô, 1 Cô-rinh-tô 7:1,25; 8:1; 12:1; 16:1) qua Ép-ba-phô-đích là người đã mang sự dâng hiến tài chính cho ông trong thời gian ông ở tù (Phi-líp 2:25).

☐ " những điều xảy đến cho tôi " Câu này chỉ về sự bắt giam, tù đầy và (những) lần ra tòa của Phao-lô. A-ga-bút, nhà tiên tri, đã tiên tri về sự bắt bớ và tù đầy của Phao-lô trong Công Vụ 21:từ câu 10 trở đi. Thực ra việc Phao-lô đã chia sẻ trước những vị vua Ngoại đã được bày tỏ với A-na-nia trong Công Vụ 9:15. Đức Chúa Trời đã hoàn tất mục đích được đề cập của Ngài cho chức vụ của Phao-lô, nhưng trong một cách mà Phao-lô có lẽ đã không nhìn thấy. Cùng một lẽ thật này chính là bằng chứng trong đời sống của những tín hữu. Chúng không bị kiểm soát bởi sự may mắn, cơ hội, hoặc là vận mệnh. Đức Chúa Trời sử dụng cả những điều dường như không xứng đáng hoặc tiêu cực trong một cách tuyệt diệu cho sự cao trọng và vinh hiển Ngài (Phi-líp 1:20; Rô-ma 8:28-29).

☐ " đã thật sự giúp ích cho sự tiến triển của Tin Lành " Thuật ngữ "tiến triển" được sử dụng một lần nữa trong Phi-líp 1:25 và trong 1 Ti-mô-thê 4:15. Nó có hai bối cảnh từ nguyên học có thể liên quan đến cách sử dụng từ này của Phao-lô:

1. Nó là một từ trong quân đội được dùng cho sự tiến quân của một đạo quân xuyên qua một địa hình khác nghiệt qua việc dùng những đội trinh sát đi trước loại bỏ những chướng ngại
2. Nó được sử dụng bởi những triết gia Hy Lạp (Stoics) như một khẩu hiệu cho những con đường khó khăn dẫn đến sự khôn ngoan. Thật thú vị để ghi nhận rằng tiến trình này đã được chỉ rõ
 1. trong Phi-líp 1:13 chính là phúc âm được lan rộng qua những Lính Canh Thuộc Hoàng Đế và chính hoàng cung La Mã
 2. trong Phi-líp 1:14 rằng những người rao giảng Cơ Đốc tại Rô-ma đã lấy can đảm từ thái độ và những hành động của Phao-lô để rao giảng phúc âm trong khi chính Phao-lô đang bị tù đầy

NASB "những lính canh phán đường"
NKJV "lính canh hoàng cung"
NRSV "lính canh thuộc hoàng đế"
TEV "toàn bộ lính canh hoàng cung "

NJB "phán đường"

Những bản dịch KJV, NKJV, và TEV chép là "hoàng cung," vốn rất có khả năng bởi vì đây là cách từ này được dùng trong Công Vụ 23:35.

Trong văn mạch này nó chỉ đến thân thể của những binh lính, chứ không phải một tòa nhà, "và tất cả những người còn lại," vốn có lẽ chỉ đến con người. Sự xác định chính xác những người này là không rõ ràng, nhưng có lẽ họ là những gia nhân trong hoàng cung, những cố vấn pháp luật, hoặc những quan chức trong tòa án là những người liên quan đến (những) phiên tòa pháp lý của Phao-lô.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: LÍNH CANH CÔNG ĐƯỜNG

Nguyên gốc của từ, "công đường," chỉ về một trại của một tướng La Mã ("*praetor*"), nhưng sau thời kỳ chinh phục La Mã, nó trở thành cách sử dụng cho một nghĩa quân trị để chỉ về tổng hành dinh hoặc cư trú của sự quản trị chính trị/ quân sự (Ma-thi-ơ 27:27; Giăng 18:28,33; 19:9; Công Vụ 23:35; Phi-líp 1:13).

Tuy nhiên, trong thế giới La Mã thế kỷ thứ nhất nó đã được sử dụng cho những viên quan là những người đã hình thành nên những người Lính Canh Hoàng Đế đặc biệt. Nhóm ưu tú của những binh lính này đã được bắt đầu bởi hoàng đế Augustus (27 TC) nhưng cuối cùng đã được tập trung lại tại Rô-ma bởi hoàng đế Ti-be-ri-us. Họ

1. có cùng một cấp bậc, những đội trưởng
2. được trả lương gấp đôi
3. có những quyền lợi ưu tiên đặc biệt (ví dụ, được về hưu sau 16 năm thay vì 25 năm)
4. trở nên rất quyền lực bởi những sự lựa chọn của họ cho Hoàng Đế luôn luôn được tôn trọng

Cho đến tận thời của hoàng đế Constantine thì nhóm người ưu tú, đầy quyền lực về chính trị này cuối cùng mới được giải tán

1:14 Cụm từ Hy Lạp "trong Chúa" có thể đi cùng với "những anh em" hoặc với từ "can đảm hơn" mô tả về nền tảng của sự tự tin của những người rao giảng tin lành khác khi nhìn thấy cách mà Phao-lô đã đối diện với sự tù đày. Thật quan trọng cần chú ý rằng hành vi, thái độ, và những hành động của một người xuyên suốt qua nhiều lần trước áp lực và khó khăn thường chính là nguồn gốc của sự khích lệ đến với những Cơ Đốc Nhân khác (Gióp, Giê-rê-mi, Phao-lô).

▣ " **rao truyền lời Chúa không chút sợ hãi** " Cụm từ "lời của Đức Chúa Trời" có một vài khác biệt về mặt bản thảo Hy Lạp. Những bản thảo Hy Lạp ông-xi-an cô, 8, A, B, và P có một cụm từ sở hữu cách "lời của Đức Chúa Trời." Tuy nhiên, trong bản P⁴⁶, D^C, và K, cụm từ sở hữu cách này đã bị bỏ qua. UBS⁴ cho sự bỏ qua này một đánh giá điểm "B" (gần như chắc chắn). Đúng như phần lớn những sự khác biệt bản thảo khác, chúng ảnh hưởng đến nghĩa của phần Kinh Thánh rất ít.

1:15 Sự xác định những người rao giảng Cơ Đốc ghen tị này (Phi-líp 1:15,17,18) đã gây nên một sự tranh luận lớn giữa những nhà giải kinh. Có vẻ rõ ràng từ Phi-líp 1:11-18 rằng họ là những người thực sự rao giảng về Chúa Jesus, nhưng với những mục đích yếu kém, không trực tiếp dẫn đến Chúa Jesus và thông điệp phúc âm nhưng lại cách cụ thể dẫn đến Phao-lô. Một vài người đã khẳng định rằng đây là những lãnh đạo Cơ Đốc đã có địa vị (Người Do Thái và Người Ngoại) vốn đã bị che khuất bởi sự xuất hiện đầy thông thái và thuộc linh của Phao-lô khi ông đến Rô-ma. Có lẽ họ đã là những người theo chủ nghĩa Do Thái nhiệt thành giống như tại khu vực Ga-la-ti nhưng thuộc một dòng ít quyền lực hơn. Tuy nhiên, bởi vì những lời đầy sắc bén của Phao-lô trong sách Ga-la-ti (3:từ câu 2trở đi), nó không chắc rằng những lời này chỉ đến những giáo sư giả. Ở đây, đơn giản rằng họ là những người rao giảng với những động cơ nghèo nàn. Câu này rất giống với thời đại-đầy ghen tỵ, cạnh tranh của chúng ta, và tinh thần bè phái thường bày tỏ về hội thánh của Đức Chúa Jesus Christ, thay vì tình yêu thương và sự chấp nhận vốn được yêu cầu trong 1 Cô-rinh-tô 13; Rô-ma 14; Ga-la-ti 5:26.

1:16

NASB, NKJV "Tôi đã được bổ nhiệm"
NRSV "Tôi đã được đặt ở đây để"
TEV "Đức Chúa Trời đã trao cho tôi công việc của "
NJB "Tôi vẫn đứng vững"

Từ "bổ nhiệm" (*keimai*) là một từ quân sự được dùng cho một người lính trong phiên canh gác. Nó được sử dụng theo nghĩa bóng cho một người được chỉ định cho một nhiệm vụ (Lu-ca 2:34). Sự tù đày và ra tòa của Phao-

lô không phải là một tai nạn, nhưng là một kế hoạch được xác định từ trước của Đức Chúa Trời (Công Vụ 9:15). Đòi sống của Chúa Jesus cũng được "bổ nhiệm" (Lu-ca 22:22; Công Vụ 2:23; 3:18; 4:28). Thật ích lợi để nhìn đòi sống chúng ta trong cùng một thế-giới-quan-thần-học này!

▣ " **để bênh vực Tin Lành** " Cùng một thuật ngữ Hy Lạp (*apologia*) được sử dụng trong Phi-líp 1:7. Từ nó chúng ta có từ tiếng Anh "biện giải (apology)" vốn có nghĩa là "một sự biện hộ pháp lý." Cụm từ này sẽ ngụ ý về những phiên tòa hành chính (Công Vụ 22:1) nhưng cũng chỉ đến những bài giảng trong nhà hội Do Thái của ông.

1:16-17 Thật thú vị khi biết rằng trong bản Textus Receptus những cụm từ trong Phi-líp 1:16 và 17 bị đảo ngược trong một nỗ lực phù hợp với trình tự trong câu 15. Sự khác biệt về mặt bản thảo Hy Lạp (cũng giống như rất nhiều sự khác biệt khác) không ảnh hưởng đến nghĩa của phần Kinh Thánh.

1:17 "(tham vọng) ích kỷ " Từ này nguyên gốc có nghĩa "quay len để thuê mướn," nhưng trở thành cách sử dụng trong nghĩa của một sự kiêu ngạo quý tộc chống lại những người phải làm việc để sống. Nó trở thành một cách sử dụng theo nghĩa bóng cho những tham vọng ích kỷ. Sự vĩ đại của tâm lòng của Phao-lô có thể nhìn thấy được (Phi-líp 1:18) trong thực tế rằng ông đã vui mừng rằng Đấng Christ đã được rao giảng ngay cả khi người rao giảng có những mục đích tồi. Quyền năng vốn ở trong Lời, chứ không phải nơi người công bố!

1:18 Phao-lô đã hiểu thông điệp của phúc âm đã thế chỗ cho sự ganh đua cá nhân. Câu này có một thông điệp khủng khiếp đối với những sự chia rẽ có thể tìm thấy cho hội thánh ngày nay và cách các tín đồ liên hệ với các hội thánh này về mặt cá nhân và thần học (Rô-ma 14 và 1 Cô-rinh-tô 8-10).

▣ " **thành thật** " Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Lẽ Thật trong Những Tác Phẩm của Phao-lô tại Ê-phê-sô 1:13.

BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): PHI-LÍP 1:19-26

¹⁹ Vì tôi biết rằng nhờ sự cầu nguyện của anh em và nhờ Thánh Linh của Đức Chúa Jê-sus Christ giúp đỡ, thì điều này sẽ đem lại sự cứu rỗi cho tôi. ²⁰ Điều tôi mong mỏi và hi vọng là sẽ không bị hổ thẹn về điều gì cả, nhưng thừa lòng can đảm, để bây giờ cũng như trong mọi lúc, dù sống hay chết, thì Đấng Christ vẫn được tôn vinh trong đời sống tôi. ²¹ Vì đối với tôi, sống là Đấng Christ, còn chết là ích lợi. ²² Nhưng nếu tôi còn sống trong thân xác mà công việc tôi vẫn kết quả thì tôi không biết phải chọn điều nào. ²³ Tôi bị giằng co giữa hai đảng: Tôi muốn ra đi và về ở với Đấng Christ là điều tốt hơn rất nhiều. ²⁴ Nhưng tôi còn ở lại trong thân xác, ấy là điều cần thiết hơn cho anh em. ²⁵ Tin chắc điều này, tôi biết rằng tôi sẽ còn ở lại và tiếp tục ở với tất cả anh em để giúp anh em tăng trưởng và vui mừng trong đức tin. ²⁶ Như thế khi tôi trở lại thăm, anh em sẽ có nhiều lý do để hãnh diện về tôi trong Đấng Christ Jê-sus.

1:19 " sự cứu rỗi cho tôi " Nguyên văn từ này (*sōtēria*) có nghĩa là "sự giải cứu." Phao-lô thường dùng nó để nói về sự cứu rỗi thuộc linh trong Đấng Christ. (Một vài ví dụ: Rô-ma 1:16; 11:14; 1 Cô-rinh-tô 1:21; 7:6; 1 Ti-mô-thê 4:16; 2 Ti-mô-thê 2:10; 3:15; 4:18; Tít 3:5.) Tuy nhiên, ở đây nó được dùng trong nghĩa Cựu Ước về một sự giải cứu thuộc thể (2 Ti-mô-thê 4:18; Gia-cơ 5:15). Nó thường được dùng trong những văn mạch liên quan đến những phiên tòa (Mác 13:11; Lu-ca 12:11-12). Cũng có khả năng rằng đây là một sự ngụ ý chỉ đến Gióp 13:16 trong bản Bảy Mươi (LXX), trong nó Gióp cuối cùng được sự minh chứng vô tội cuối cùng bởi Đức Chúa Trời (Gióp 42).

Phao-lô cảm nhận rằng ông sẽ được thả ra (the câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence) trong Phi-líp 1:22). Có vẻ rằng Cô-lô-se và Ê-phê-sô được viết trong thời gian sớm của sự tù đày của Phao-lô và sách Phi-líp hướng về giai đoạn cuối. Phao-lô đã được thả ra và đã tiến hành cuộc hành trình truyền giáo thứ tư vốn được nhắc đến trong những thư tín chẵn bày (1 Ti-mô-thê, Tít và 2 Ti-mô-thê) và sau đó có vẻ ông đã bị bắt lại và chém đầu trước khi sự tự sát của Nê-rô xảy ra vào năm 68 SC.

Sự tự tin của Phao-lô được đặt trên hai yếu tố: (1) sự cầu nguyện của Các Cơ Đốc Nhân tại thành Phi-líp và (2) quyền năng của Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Thật thú vị để chú ý rằng Phao-lô đã thường xuyên yêu cầu các hội thánh cầu nguyện cho ông như thế nào (Rô-ma 15:30; 2 Cô-rinh-tô 1:11; Ê-phê-sô 6:18-19; Cô-lô-se 4:3; 1 Tê-sa 5:25). Có một bí ẩn liên quan đến lời cầu nguyện cầu thay; Đức Chúa Trời đã giới hạn chính mình Ngài trong sự cầu nguyện của các con cái Ngài (Ma-thi-ơ 7:7-11; 18:19; 21:22; Lu-ca 11:9-13; Giảng 14:13-14; 15:7,16; 16:23-24; 1 Giảng 3:22; 5:14-15). Bằng cách nào đó, sự cầu nguyện kiên trì, chân thành đã khai phóng năng quyền của Thánh Linh trong một cách không phổ biến nhất; "chúng ta không có bởi vì chúng ta không cầu xin" (Gia-cơ 4:2).

NASB	"sự chu cấp"
NKJV	"cung cấp"
NRSV, TEV	"giúp đỡ"
NJB	"hỗ trợ"

Thuật ngữ này nguyên văn được dùng cho một người bảo trợ giàu có đang trang bị cho một dàn hợp xướng. Nó trở thành cách dùng theo nghĩa bóng cho một sự chu cấp hoàn toàn đầy đủ và dư dật.

☐ " **nhờ Thánh Linh của Đức Chúa Jêsus Christ** " Thánh Linh được mô tả khá thường xuyên trong những thuật ngữ của mối liên hệ của Ngài với Chúa Jesus (Rô-ma 8:9; 1 Cô-rinh-tô 15:45; 2 Cô-rinh-tô 3:18; Ga-la-ti 4:6; và 1 Phi-e-rơ 1:11). Danh hiệu của G. Campbell Morgan dành cho Thánh Linh là "Chúa Jesus Khác"! Điều này hoàn toàn nằm trong cùng một dòng với mục đích của Thánh Linh được thấy trong Giăng 16:7-15. Chức vụ khởi nguyên của Thánh Linh chính là đem con người vào chỗ của sự cáo trách, để bày tỏ cho họ phúc âm được tìm thấy trong con người và công việc của Đức Chúa Jesus Christ, để báp-tem họ vào trong Đấng Christ, và từ đó hình thành nên Đấng Christ trong họ.

Phao-lô kết nối Chúa Jesus và Thánh Linh chính là để chỉ ra rằng Thời Đại Mới đã đến. Nó chính là "thời đại của Đức Thánh Linh." Thánh Linh đã mang đến Thời Đại của sự công chính. Tuy vậy Thời Đại Mới cũng mang thuộc tính của Đấng Mê-si. Hãy xem những Chủ Đề Đặc Biệt: Chúa Jesus và Đức Thánh Linh tại Cô-lô-se 1:26 và Thân Vị của Đức Thánh Linh tại Ê-phê-sô 1:14.

1:20 " Điều tôi mong mỏi và hy vọng (khẩn thiết)" Từ này đã được đặt dấu ấn bởi Phao-lô. Nó cũng được dùng trong Rô-ma 8:19. Nó là một ẩn dụ chỉ về một người có cổ vượn dài trông ngóng đầy mong mỏi cho một điều gì đó hoặc một ai đó.

NASB	"rằng tôi sẽ không bị rơi vào sự hổ thẹn trong bất cứ điều gì "
NKJV	"rằng không có bất cứ điều gì trong đó tôi sẽ bị hổ thẹn"
NRSV	"rằng tôi sẽ không bị đặt vào sự hổ thẹn trong bất kỳ cách nào"
TEV	"rằng tôi sẽ không thất bại trong nhiệm vụ của mình "
NJB	"rằng tôi sẽ không bao giờ phải xưng nhận bị đánh bại "

Câu này chỉ về sự cảm nhận về trách nhiệm trong nhiệm vụ được bổ nhiệm của ông nhưng đồng thời nhận ra những khó khăn và những sự cảm dỗ (1 Cô-rinh-tô 4:1-29; 9:27).

NASB, NKJV,	
NRSV	"với tất cả sự mạnh dạn "
TEV	"đầy lòng can đảm"
NJB	"trọn vẹn không hề sợ hãi "

Từ Hy Lạp này có nghĩa căn bản của "sự can đảm để nói" (1) trong sự hiện diện của một thân vị cao hơn (Đức Chúa Trời, một quan án, một vị vua, v.v...) hoặc (2) trong những hoàn cảnh căng thẳng (Công Vụ 4:13,29,31; Ê-phê-sô 3:12; 1 Ti-mô-thê 3:13; Hê-bơ-rơ 10:9; 1 Giăng 4:17). Đây là một lời cầu nguyện thường xuyên của Phao-lô (Ê-phê-sô 6:19; Cô-lô-se 4:3). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Can Đảm (*Parrhesia*) tại Cô-lô-se 2:15.

NASB	"Đấng Christ, ngay cả giờ đây cũng như luôn luôn, sẽ được tôn cao trong thân thể tôi"
NKJV	"luôn luôn, cũng như ngay bây giờ, Đấng Christ sẽ được tán dương trong thân thể tôi"
NRSV	" Đấng Christ sẽ được tôn cao giờ đây cũng như luôn luôn trong thân thể tôi "
TEV	"với trọn cả con người tôi, tôi sẽ đem sự tôn cao cho Đấng Christ"
NJB	"để rời giờ đây, và luôn luôn, Đấng Christ sẽ được tôn vinh trong thân thể tôi "

Đây là một động từ thể bị động thì tương lai (future passive verb) vốn bày tỏ rằng Phao-lô không phải là nhân vật hoặc yếu tố chính trong sự tôn cao Đức Chúa Trời, nhưng rằng Đấng Christ sẽ được tôn cao qua Phao-lô qua phương tiện của những lời cầu nguyện của các anh em và qua quyền năng của Đức Thánh Linh (Phi-líp 1:19). Thật đáng chú ý rằng Phao-lô kết thúc cụm từ này với thuật ngữ Hy Lạp cho "thân thể." Các tín đồ sẽ tôn vinh Đức Chúa Trời với cơ thể của họ (1 Cô-rinh-tô 6:20) hoặc họ sẽ không hề tôn cao Ngài một chút nào cả! Đối với người Hy Lạp cơ thể là xấu xa! Đối với Phao-lô nó là một sự trung lập về mặt đạo đức nhưng đồng thời nó đã và đang là một chiến trường của sự cảm dỗ và cũng là nơi chốn cho sự tôn cao và tôn vinh Đấng Christ.

☐ " **dù sống hay chết** " Các tín đồ có mục đích tôn cao Đấng Christ, một vài người bởi sự chết của họ và một

số khác bởi đời sống trung tín của họ (Rô-ma 14:8; 2 Cô-rinh-tô 5:1-10; 1 Tê-sa 5:20; Khải Huyền 13:14).

1:21 " Vì đối với tôi, sống là Đấng Christ, còn chết là ích lợi " "Sống" là một nguyên mẫu chủ động thì hiện tại (present active infinitive), trong khi "chết" là một nguyên mẫu chủ động thì bất định (aorist active infinitive). Điều này có nghĩa rằng hành động tiếp tục sống là Đấng Christ (Rô-ma 12:1-2). Đây là một cụm từ khó để hiểu, nhưng khi chúng ta nhìn vào những tác phẩm khác của Phao-lô, chúng ta thấy nó có ý nghĩa rằng các tín đồ cần phải chết đi đối với tội lỗi, chết đi với chính mình, và chết đi đối với luật pháp, nhưng sống đến trong Đức Chúa Trời cho sự phục vụ (Rô-ma 6:1-11; Cô-lô-se 3:4; Ga-la-ti 2:20; 5:24; 6:14). Tuy nhiên, trong văn mạch này, nó phải chỉ đến sự chết về mặt thân thể. Phao-lô đang ở trong sự thử thách cho chính sự sống của mình, mặc dầu đời sống của ông vốn dĩ đã bị cắt đi, cắt đi bởi Đấng Christ!

▣ **" chết là ích lợi "** Đối với Phao-lô, sự chết có nghĩa là mối tương giao trọn vẹn cùng với Đức Chúa Trời (Phi-líp 1:23). Điều này không có nghĩa rằng Phao-lô hoàn toàn không quan tâm gì đến sự chết. Ông đã thảo luận về những sự sợ hãi và dè dặt của mình trong 2 Cô-rinh-tô 5:1-10.

Luôn có một nhân tố về sự sợ hãi cái chết đối với tất cả chúng ta, nhưng phúc âm đã khiến cho các tín đồ có thể mạnh dạn đối mặt với cái chết về mặt thân thể và đối diện với một Đức Chúa Trời thánh khiết. Chúng ta phải hiểu, nhưng, tuy vậy, từ "ích lợi" ở đây không có nghĩa là sự ích lợi cá nhân cho Phao-lô nhưng ích lợi cho phúc âm (Phi-líp 1:12).

1:22 "nếu" This is a câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence).

▣ **" trong thân xác "** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Cô-lô-se 1:22.

▣ **" mà công việc tôi vẫn kết quả "** Câu này được giải nghĩa theo hai cách: (1) một vài người xem nó như là sự kết quả và tột bậc của công việc của ông vốn dĩ bắt đầu (2) một số người khác xem nó như là sự khao khát của ông cho một công việc mới. Có nhiều bằng chứng từ hội thánh đầu tiên rằng Phao-lô đã được thả khỏi ngục và có một vài tháng trong hoạt động truyền giáo trước khi ông lại bị bắt và chêm đầu vào năm 68 SC, vốn cũng là năm mà sau đó Nê-rô đã tự sát.

Bằng chứng cho thả ra của Phao-lô được liệt kê dưới đây:

1. cách sử dụng từ "giải thoát" trong Phi-líp 1:19
2. câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence) trong Phi-líp 1:22
3. Các Thư Tín Mục Vụ không hợp về trình tự thời gian với sách Công Vụ
4. Giáo phụ Clement (Clement of Rome), trong lá thư đầu tiên của ông gửi cho người Cô-rinh-tô (95 SC), đặc biệt trong đoạn 5, đã đề cập rằng Phao-lô đã được thả khỏi ngục và đi đến những vùng biên ải của phương tây
5. Được trình bày trong phần giới thiệu về những lá thư của Phao-lô trong Kinh Điển Muratorian (Muratorian Fragment)
6. Được trình bày trong tác phẩm của Eusebius' *Ecclesiastical Histories*, 2:22
7. Được trình bày trong những bài giảng của Chrysostom, vốn nhắc đến những hoạt động sau đó của ông

▣ **" tôi không biết phải chọn điều nào "** Từ này thường có nghĩa là "công bố." Phao-lô thực sự không có sự lựa chọn liên quan đến sự sống hoặc chết của ông, nhưng ông khẳng định rằng Đức Chúa Trời có. Tuy nhiên, ông gặp khó khăn trong tâm trí giữa hai lựa chọn: (1) một điều sẽ có ích lợi cho chính ông, một cái chết tuận đạo hoặc (2) ông được thả ra sẽ có ích lợi cho hội thánh bởi vì ông sẽ có nhiều thời gian hơn để giảng, dạy, và khích lệ.

1:23 " Tôi bị giằng co giữa hai đảng (huớng)" Thuật ngữ *sunechō* có nghĩa là "bị ép chặt hoặc giữ với nhau" (Lu-ca 12:50; 19:43) và nó chỉ ra sự khó khăn cá nhân đây căng thẳng mà Phao-lô cảm thấy liên quan đến những lựa chọn chức vụ của ông.

▣ **" Tôi muốn ra đi "** Thuật ngữ "khao khát (muốn)" là một từ Hy Lạp rất mạnh thường được dịch là "thèm khát (tham muốn)," nhưng ở đây nó được dùng trong một nghĩa tích cực cho một sự khao khát mãnh liệt.

Từ "ra đi" là một từ Hy Lạp rất thú vị vốn chỉ đến một con tàu được tháo khỏi nơi neo đậu của nó hoặc cho một nơi đóng trại quân đội được hạ xuống và di chuyển (2 Ti-mô-thê 4:6). Bởi cách sử dụng từ này của Phao-lô trong 2 Cô-rinh-tô 5:1,11, có lẽ nó chỉ đến sự chết thuộc thể của ông.

▣ **" và về ở với Đấng Christ "** Người Pha-ri-si luôn trông đợi về một sự phục sinh lúc tận thế (Gióp 14:14-15; 19:25-27; Đa-ni-ên 12:2). Đây là một bằng chứng từ nhiều phần Kinh Thánh trong Tân Ước vốn chỉ đến Sự Tái

Lâm, sự Phán Xét và sự sống nối tiếp từ đó. Tuy vậy, trong phần Kinh Thánh này, một ý tưởng được thêm vào khái niệm truyền thống Do Thái về *Hades*: khi các tín đồ qua đời, họ không bước vào trong một trạng thái ngủ không nhận thức hoặc giáng xuống một nơi chốn cầm giữ bán-nhận-thức, nhưng được hiện diện cùng với Chúa (Mác 12:26-27; Lu-ca 16:19-31; 23:43; 2 Cô-rinh-tô 5:8). Có nhiều sự mơ hồ giải kinh trong lãnh vực này. Kinh Thánh có vẻ dạy dỗ về một tình trạng nhận thức trung gian, không có thân thể (1 Cô-rinh-tô 15:51-52; 1 Tê-sa 4:13, 17; Khải Huyền 6:9; 20:4). Tại cái chết các tín đồ sẽ ở cùng với Chúa nhưng trong một mối liên hệ bị giới hạn và mối tương giao này sẽ không được hoàn tất trọn vẹn cho đến Ngày Sống Lại (1 Giăng 3:2).

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NGƯỜI CHẾT Ở ĐÂU?

I. Cựu Ước

- A. Cả nhân loại đến *She'ol* (không rõ từ nguyên), là một cách đề cập đến cái chết hay là phần mộ thường xuất hiện trong thể loại văn chương khôn ngoan và sách Ê-sai. Theo Cựu Ước, nó là sự hiện hữu không cảm xúc, mờ ảo nhưng có nhận thức (xem Gióp 10:21-22; 38:17; Thi-thiên 107:10,14).
- B. Đặc tính của *She'ol*
1. liên hệ với sự phán xét (bằng lửa) của Đức Chúa Trời, Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:22
 2. một ngục tối với có các cổng (cửa), Gióp 38:17; Thi 9:13; 107:18
 3. Một nơi không có sự trở về, Gióp 7:9 (một danh hiệu Akkadian cho sự chết)
 4. Một vùng/lãnh địa của sự tối tăm, Gióp 10:21-22; 17:13; 18:18
 5. Một nơi yên lặng, Thi 28:1; 31:17; 94:17; 115:17; Ê-sai 47:5
 6. gắn liền với hình phạt trước Ngày Đoán Xét, Thi-thiên 18:4-5
 7. liên kết với chữ *Abaddon* (sự huỷ diệt), nhưng cũng mở rộng chỉ về Đức Chúa Trời, xem Gióp 26:6; Thi-thiên 139:8; A-môt 9
 8. liên hệ với khái niệm "hồ" (mồ mả), Thi-thiên 16:10; Ê-sai 14:15; Ê-xê-chi-ên 31:15-17
 9. kẻ ác xuống thẳng đến *She'ol* đang khi còn sống, Dân-số Ký 16:30,33; Thi-thiên 55:15
 10. thường được mô tả như là một con thú có mõm lớn, Dân-số Ký 16:30; Ê-sai 5:14; 14:9; Ha-ba-cúc 2:5
 11. những người ở đó được gọi là *Repha'im* ("những linh của kẻ chết"), Gióp 26:5; Châm 2:18; 21:16; 26:14, Ê-sai 14:9-11)
 12. tuy nhiên, YHWH thậm chí vẫn hiện diện tại đó, Gióp 26:6; Thi 139:8; Châm 15:11

II. Tân Ước

- A. Chữ *She'ol* trong tiếng Do thái được dịch sang tiếng Hy Lạp là *Hades* (thế giới vô hình)
- B. Đặc tính của *Hades*
1. đề cập đến cái chết, Ma-thi-ơ 16:18
 2. liên kết với sự chết, Khải-huyền 1:18; 6:8; 20:13-14
 3. thường trình bày tương tự như nơi của sự hình phạt đời đời (*Gehenna*), Ma-thi-ơ 11:23 (trích dẫn Cựu Ước); Lu-ca 10:15; 16:23-24
 4. thường trình bày tương tự như phần mộ, Lu-ca 16:23
- C. Sự phân biệt khá dễ theo các tu sĩ Do-Thái-Giáo
1. Nơi dành cho người công chính gọi là thiên đàng (thật ra là một tên gọi khác chỉ thiên đàng, xem II Cô-rinh-tô 12:4; Khải-huyền 2:7), Lu-ca 23:43
 2. Phần dành cho người độc ác gọi là *Tartarus*, II Phi-e-rơ 2:4, là nơi giam giữ những ác thần (xem Sáng-thể Ký 6; I Hê-nóc)
- D. *Gehenna*
1. Phản ảnh cụm từ trong Cựu Ước "thung lũng của các con trai Hinnom," (phía nam của Giê-ru-sa-lem). Đó là nơi các trẻ em bị cúng tế cho thần lửa của người Phoenician, *Molech* (xem II Các Vua 16:3; 21:6; II Sử ký 28:3; 33:6), tập tục này bị nghiêm cấm trong Lê-vi Ký 18:21; 20:2-5
 2. Giê-rê-mi đổi địa điểm này từ nơi thờ phượng ngoại giáo thành nơi cho sự phán xét của Đức Giê-hô-va (xem Giê-rê-mi 7:32; 19:6-7). Nó trở thành nơi của sự phán xét đời đời trong I Hê-nóc 90:26-27 và Sib. 1:103.
 3. Người Do thái trong thời của Đức Chúa Giê-xu kinh hãi bởi tập tục dâng hiến trẻ em để thờ phượng thần ngoại bang của tổ phụ họ đã biến nơi đây thành bãi rác cho Giê-ru-sa-lem. Nhiều hình ảnh ẩn dụ về sự phán xét đời đời của Đức Chúa Giê-xu xuất phát từ bãi rác này (lửa, khói, sâu bọ, mùi

hôi, xem Mác 9:44,46). Chữ *Gehenna* chỉ được dùng bởi Đức Chúa Giê-xu (ngoại trừ trong Gia-cơ 3:6).

4. Cách sử dụng chữ *Gehenna* của Đức Chúa Giê-xu

- a. lửa, Ma-thi-ơ 5:22; 18:9; Mác 9:43
- b. vĩnh viễn, Mác 9:48 (Ma-thi-ơ 25:46)
- c. nơi huỷ diệt (cả linh hồn và thể xác), Ma-thi-ơ 10:28
- d. tương đương với *She'ol*, Ma-thi-ơ 5:29-30; 18:9
- e. đặc tính của kẻ ác là “con địa ngục” Ma-thi-ơ 23:15
- f. kết án, Ma-thi-ơ 23:33; Lu-ca 12:5
- g. khái niệm *Gehenna* tương đương với sự chết thứ hai (xem Khải-huyền 2:11; 20:6,14) hoặc là hồ lửa (xem Ma-thi-ơ 13:42,50; Khải-huyền 19:20; 20:10,14-15; 21:8). Có thể rằng hồ lửa là nơi giam giữ đời đời cho con người (theo chữ *She'ol*) và các ác thần (theo chữ *Tartarus*, II Phi-e-rơ 2:4; Giu-đe 6 hay là địa ngục, xem Lu-ca 8:31; Khải-huyền 9:1-10; 20:1,3).
- h. Nơi này không dành cho con người nhưng cho Sa-tan và những quỷ sứ của nó, Ma-thi-ơ 25:41

E. Bởi sự chông chéo ý nghĩa của ba chữ *She'ol*, *Hades*, và *Gehenna* có lẽ

1. trong nguyên thủy cả nhân loại sẽ đến *She'ol/Hades*
2. trải nghiệm của họ nơi đó (tốt hay xấu) càng tăng thêm sau ngày phán xét, nhưng chỗ dành cho kẻ ác vẫn là một (đây là lý do bản Kinh thánh KJV dịch chữ *hades* (phần mộ) giống như chữ *gehenna* (địa ngục)).
3. chỉ trong bản văn Tân Ước mới nhắc đến sự đau đớn trước ngày phán xét trong Lu-ca 16:19-31 (câu chuyện La-xa-rơ và người giàu có). *She'ol* được mô tả là nơi của sự hình phạt ngay hiện tại (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:22; Thi-thiên 18:1-5). Tuy nhiên, chúng ta không thể xây dựng giáo lý chỉ dựa vào câu chuyện này.

III. Nơi ở trung chuyển giữa cái chết và sự phục sinh

A. Tân Ước không dạy về “sự bất diệt của linh hồn”, là một trong vài quan điểm cổ xưa về đời sau.

1. linh hồn con người đã hiện hữu trước đời sống thể chất của họ
2. linh hồn con người tồn tại trước và sau cái chết thuộc thể
3. thông thường thân thể bị xem như ngục tù giam giữ linh hồn và cái chết được xem như là sự phóng thích linh hồn trở về trạng thái trước đó.

B. Tân Ước gợi ý cách gián tiếp về giai đoạn lia khỏi thân xác giữa cái chết và sự phục sinh

1. Đức Chúa Giê-xu nói về sự phân chia giữa thân xác và linh hồn, Ma-thi-ơ 10:28
2. Áp-ra-ham có thể có thân thể hiện thời, Mác 12:26-27; Lu-ca 16:23
3. Môi-se and Ê-li có thân thể trong Sự Hóa Hình, Ma-thi-ơ 17
4. Phao-lô quả quyết rằng trong sự đến lần thứ hai, các linh hồn ở với Đấng Christ sẽ được nhận lấy một thân thể mới trước nhất, II Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18
5. Phao-lô khẳng định rằng những tín hữu sẽ nhận lãnh thân thể thiêng liêng mới trong Ngày Phục Sinh, I Cô-rinh-tô 15:23,52
6. Phao-lô khẳng định rằng những tín hữu sẽ không đến *Hades*, nhưng khi chết ở với Đức Chúa Giê-xu, II Cô-rinh-tô 5:6,8; Phi-líp 1:23. Đức Chúa Giê-xu đã đắc thắng sự chết và đem những người công chính lên thiên đàng với Ngài, I Phi-e-rơ 3:18-22.

IV. Thiên đàng

A. Chữ này được sử dụng trong Kinh thánh với ba ý nghĩa.

1. khoảng không phía trên trái đất, Sáng-thế Ký 1:1,8; Ê-sai 42:5; 45:18
2. các tầng trời, Sáng-thế Ký 1:14; Phục-truyền Luật-lệ Ký 10:14; Thi-thiên 148:4; Hê-bơ-rơ 4:14; 7:26
3. ngôi của Đức Chúa Trời, Phục-truyền Luật-lệ Ký 10:14; I Các Vua 8:27; Thi-thiên 148:4; Ê-phê-sô 4:10; Hê-bơ-rơ 9:24 (tầng trời thứ ba, II Cô-rinh-tô 12:2)

B. Kinh thánh không tiết lộ nhiều đời sau. Có lẽ bởi vì nhân loại đã sa ngã không thể nào hay không có khả năng để hiểu (xem I Cô-rinh-tô 2:9).

C. Thiên đàng là khái niệm cả về nơi chốn (xem Giảng 14:2-3) và là thân vị (xem II Cô-rinh-tô 5:6,8). Thiên đàng có thể là Vườn Ê-đen được phục hồi (Sáng-thế Ký 1-2; Khải-huyền 21-22). Trái đất sẽ được tẩy sạch và phục hồi (xem Công-vụ 3:21; Rô-ma 8:21; II Phi-e-rơ 3:10). Hình ảnh của Đức Chúa Trời (Sáng-thế Ký 1:26-27) đã được khôi phục trong Đấng Christ. Giờ đây, mỗi tương giao gần gũi trong vườn Ê-đen có thể tái lập.

Tuy nhiên, đây có thể là hình ảnh ẩn dụ (thiên đàng như là thành phố lớn theo hình khối vĩ đại theo

Khải-huyền 21:9-27). I Cô-rinh-tô 15 mô tả sự khác biệt giữa hình thể vật chất và thể chất tâm linh giống như là so sánh giữa hạt giống với cây lớn đã trưởng thành. Một lần nữa I Cô-rinh-tô 2:9 (một trích dẫn từ Ê-sai 64:4 và 65:17) là nguồn hy vọng và lời hứa to lớn. Tôi biết rằng khi chúng ta xem thấy Ngài thì chúng ta được giống như Ngài (xem I Giăng 3:2).

V. Những nguồn tài liệu hữu ích

A. William Hendriksen, *The Bible On the Life Hereafter*

B. Maurice Rawlings, *Beyond Death's Door*

☐ " là điều tốt hơn rất nhiều " Đây là một chuỗi của ba so sánh vốn chỉ ra sự hồ hởi của Phao-lô về suy nghĩ được ở cùng với Chúa Jesus.

1:25 Câu này ngụ ý rằng Phao-lô kỳ vọng mình sẽ được phóng thích.

☐ " để giúp anh em tăng trưởng và vui mừng trong đức tin " Phi-líp 1:25-26 hình thành nên một câu trong tiếng Hy Lạp. Nếu điều này là đúng thì từ " (tiến trình) tăng trưởng" (1 Ti-mô-thê 4:15) ngụ ý một chuyến đi khó khăn, khi đó từ "vui mừng" trở nên rất quan trọng, qua đó bày tỏ về đặc điểm của sách này, được liên hệ với sự khó khăn của đời sống Cơ Đốc. Từ những phần Kinh Thánh Tân Ước khác, nó trở nên thật rõ ràng rằng một đặc điểm độc nhất chỉ có nơi người Cơ Đốc Nhân chính là sự vui mừng ở giữa những nan đề thuộc thể cùng với sự bất bớ (Ma-thi-ơ 5:10-12; Rô-ma 5:3; 8:18; 1 Tê-sa 5:16; Gia-cơ 1:2-4; 1 Phi-e-rơ 4:12-16).

1:26

NASB	"sự tự tin đầy tự hào của anh em về tôi có thể đầy dẫy trong Đấng Christ Jesus"
NKJV	"sự vui mừng cho tôi có thể càng dư dật trong Đức Chúa Jesus Christ"
NRSV	"rằng tôi sẽ chia sẻ dư dật trong sự khoe mình nơi Đấng Christ Jesus"
TEV	"khi tôi ở với anh em một lần nữa, anh em sẽ càng có thêm lý do để tự hào về tôi trong đời sống anh em trong sự hiệp nhất với Đấng Christ Jesus"
NJB	"để rằng sự trở lại của tôi để ở giữa anh em có thể tấn tới khiến ngập tràn sự tự hào của anh em nơi Đức Chúa Jesus Christ về chính tôi"

Cụm từ này có hai tân ngữ thích hợp: (1) Đấng Christ hoặc (2) Phao-lô. Có phải họ vui mừng trong Đấng Christ và phúc âm hay là vui mừng về sự quay lại và chức vụ của Phao-lô ở giữa họ? Văn mạch có vẻ nghiêng về lựa chọn sau. Chức vụ của Phao-lô sẽ tôn vinh Đấng Christ. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đầy dẫy (*Perisseuō*) ở Ê-phê-sô 1:8.

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN cho 1:1-26

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Những giám mục và chấp sự là ai? Những trách nhiệm của họ là gì?
2. Tại sao hội thánh đầu tiên lại quá đặc biệt đến như vậy đối với Phao-lô?
3. Tại sao câu 6 lại quá đáng chú ý? Nó liên hệ với câu 5 và câu 10 như thế nào?
4. Lệt kê ra những điều Phao-lô cầu nguyện cho hội thánh này.
5. Sự tù đầy của Phao-lô có thể ảnh hưởng sâu rộng đến phúc âm như thế nào?
6. Sự nhận diện của những người rao giảng Cơ Đốc vốn là những người rao giảng từ động cơ ghen tị, tranh cạnh và bè đảng là gì?
7. Tại sao câu 18 lại quá quan trọng trong cách chúng ta ứng xử với tinh thần hệ phái ngày hôm nay?
8. Tại sao Đức Thánh Linh lại được gọi là Thánh Linh của Đức Chúa Jesus Christ? Điều quan trọng của sự thay đổi qua lại giữa hai cách đề cập này là gì?
9. Phao-lô có ý gì qua câu "sự sống là Đấng Christ và chết đi là ích lợi"? Điều này có áp dụng vào thế giới

- quan Cơ Đốc hàng ngày của bạn hay không?
10. Điều gì xảy ra đối với Cơ Đốc Nhân khi họ qua đời?
11. Những nan đề và niềm vui liên hệ với trải nghiệm của Cơ Đốc Nhân như thế nào?

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): PHI-LÍP 1:27-30

²⁷ Điều cốt yếu là anh em phải sống xứng đáng với Tin Lành của Đấng Christ, để khi đến thăm anh em hay lúc vắng mặt, tôi đều nghe rằng anh em vẫn đứng vững, đồng tâm chí, đồng lòng cùng chiến đấu vì đức tin của Tin Lành, ²⁸ và không hề sợ hãi bất cứ điều gì từ những kẻ chống đối. Đó là bằng chứng cho thấy họ sẽ bị hủy diệt, còn anh em thì được cứu rỗi; và điều này đến từ Đức Chúa Trời. ²⁹ Vì qua Đấng Christ, anh em đã được ban ơn không phải chỉ để tin Ngài mà thôi, nhưng còn được chịu khổ vì Ngài nữa, ³⁰ bởi anh em đang tham gia cùng một trận chiến mà anh em đã thấy nơi tôi, và hiện nay vẫn còn nghe nơi tôi.

1:27 " phải sống xứng đáng với Tin Lành " Phi-líp 1:27-30 hình thành nên một câu được mở rộng trong bản Kinh Thánh tiếng Hy Lạp. Đây là một câu nói dài trong phần Kinh Thánh tiếng Hy Lạp. Đây là một thể mệnh lệnh trung cách (trung gian) thì hiện tại (present middle (deponent) imperative) từ gốc từ tiếng Hy Lạp dùng cho từ thành phố (*polis* Phi-líp 3:20; Công Vụ 23:1; Ê-phê-sô 2:19). Nó có thể dịch là "anh em phải tiếp tục sống như là những công dân (của thành phố) " (Phi-líp 3:20). Điều này được phản ánh trong một vài bản dịch tiếng Anh:

1. *The Berkeley Version of the New Testament* (Gerrit Verkuyl)
2. *The New Testament: An American Translation* (Edgar J. Goodspeed)
3. *The Emphasized New Testament: A New Translation* (J. B. Rotherham)

Điều này có thể phản ánh bối cảnh lịch sử của thành Phi-líp như một thuộc địa La Mã. Nó cũng ngụ ý thần học rằng các tín đồ là những công dân của hai thế giới và đều có những nghĩa vụ đối với cả hai. Ấn dụ phổ biến của Phao-lô cho đời sống của Cơ Đốc Nhân là từ "bước đi." Các Cơ Đốc Nhân đầu tiên được gọi là "Con Đường (Đạo)" (Công Vụ 9:2; 18:25-26; 19:9,23; 22:4; 24:14,22). Các tín đồ cần phải sống những đời sống xứng đáng (Ê-phê-sô 4:1, 17; 5:2, 15; Cô-lô-se 1:10; 1 Tê-sa 2:12).

▣ **" để khi đến thăm anh em hay lúc vắng mặt "** Cùng một lẽ thật về nhu cầu về sự kiên định trong đời sống Cơ Đốc của chúng ta có thể được tìm thấy trong Phi-líp 2:12 và trong Ê-phê-sô 6:6 cũng như cách Phao-lô khuyên răn các nô lệ Cơ Đốc cần phải chăm chỉ dù cho họ có đang bị giám sát bởi chủ của họ hay không. Đức Chúa Trời luôn luôn hiện hữu!

▣ **" rằng anh em vẫn đứng vững "** This is a thể chỉ định chủ động thì hiện tại (present active indicative). Phao-lô thường dùng cụm từ "đứng vững" với một trong hai nghĩa: (1) địa vị của chúng ta trong Đấng Christ (Rô-ma 5:2; 1 Cô-rinh-tô 15:1) hoặc (2) nhu cầu của chúng ta cần phải duy trì sự trở nên giống như Đấng Christ (Phi-líp 4:1; 1 Cô-rinh-tô 15:1; 16:13; Ga-la-ti 5:1; Ê-phê-sô 6:11,13,14; 1 Tê-sa 3:8; 2 Tê-sa 2:15). Đây là một lời kêu gọi đến sự hiệp một trong hội thánh (Công Vụ 4:32; Ê-phê-sô 4:1-6).

Ý tưởng của "một tâm linh" đã gây tranh luận rất lớn. Nó có thể chỉ đến tâm linh của con người đã được cứu chuộc, hoặc chỉ đến Đức Thánh Linh. Trong văn mạch này, cũng như trong Phi-líp 2:1, kết hợp cả hai khía cạnh. Hãy chú ý các tín đồ cần phải đứng vững trong một tâm linh, trong một tâm trí (*psuchē*). Sự hiệp một là quan trọng then chốt (Ê-phê-sô 4:1-6).

▣ **" cùng chiến đấu "** Đây là một phân từ chủ động thì hiện tại (present active participle). Từ ghép *syn* này là (1) một thuật ngữ thể thao dùng cho sự tham gia nhóm thi đấu thể thao Hy Lạp hoặc (2) một thuật ngữ quân đội. Chúng ta có từ "thể thao (athlete)" từ thuật ngữ Hy Lạp này (Phi-líp 4:3; 2 Ti-mô-thê 2:5). Đời sống Cơ Đốc là một trận chiến thuộc linh được thảo luận trong Ê-phê-sô 4:14; 6:10-20.

Hãy chú ý bản dịch NJB "chiến trận, như một nhóm với một mục đích duy nhất, cho đức tin."

▣ **" vì đức tin của Tin Lành "** Mạo từ bất định (definite article) hiện diện biến nó thành "đức tin." Văn mạch đòi hỏi nó được sử dụng trong nghĩa của những lẽ thật Cơ Đốc (Ê-phê-sô 4:5; 1 Ti-mô-thê 4:20; 2 Ti-mô-thê 1:14 và Giu-đe 3, 20).

Các tín đồ hỏi nhiều câu hỏi mà Kinh Thánh không đề cập (tiền trình chính xác của sự sáng tạo, nguồn gốc của Sa-tan, nguồn gốc của các thiên sứ, bản chất chính xác của thiên đàng và địa ngục, v.v...). Mọi điều cần thiết

cho sự cứu rỗi và hữu ích cho đời sống Cơ Đốc Nhân đều đã được bày tỏ. Sự ham biết thánh không đòi hỏi nhiều hơn những gì đã được ban cho (sự mặc khải).

1:28 " không hề sợ hãi bất cứ điều gì từ những kẻ chống đối " Đây là một phân từ bị động thì hiện tại (Present passive participle) vốn được sử dụng để mô tả một sự bỏ chạy tán loạn của những loài vật (Công Vụ 18:9,10; 1 Cô-rinh-tô 2:3). Những kẻ chống đối có thể là

1. Những người Do Thái địa phương, mặc dù không có nhà hội nào được nhắc đến tại thành Phi-líp
2. Những kẻ chống đối người Do Thái vắng lai, cũng như trong Công Vụ 17:13, hoặc những người giống với những người cuồng Do Thái trong các hội thánh thuộc vùng Ga-la-ti (Phi-líp 3:2-6)
3. Những người ngoại ở địa phương (Công Vụ 16:16-21)
4. Những thẩm quyền hành chính địa phương (Công Vụ 16:21-40)

▣ **"đó là bằng chứng cho thấy họ sẽ bị hủy diệt"** Từ Hy Lạp này, "dấu hiệu," có nghĩa là bằng chứng dựa trên chứng cứ (Rô-ma 3:25,26; 2 Cô-rinh-tô 8:24). "Sự hủy diệt" là một ẩn dụ quân sự vốn có nghĩa là "trút ra," "san bằng," hoặc "tiêu diệt." Lời chứng và đời sống không hề e sợ của Các Cơ Đốc Nhân chính là những chứng nhân cho sự đoán xét của những kẻ chống đối và sự cứu rỗi cho những tín đồ.

▣ **" còn anh em "** Từ "anh em" trong cả Phi-líp 1:28 và 29 đều mang tính nhấn mạnh. Thật là một sự tương phản hiện diện giữa những tín đồ và những người không tin.

▣ **" được cứu rỗi "** Từ này thật không rõ nghĩa, cũng giống như trong Phi-líp 1:19. Nó có thể được sử dụng (1) trong nghĩa cứu rỗi đầy đủ của nó hoặc (2) trong nghĩa Cứu Ước của nó của một sự giải cứu thuộc thể (Gia-cơ 5:15). Trong văn mạch của những giáo sư giả và sự bắt bớ từ bên ngoài, thật khó để lựa chọn giữa hai lựa chọn này.

▣ **" và điều này (cũng vậy) đến từ Đức Chúa Trời "** Những thuật ngữ "dấu hiệu" và "sự cứu rỗi" trong Phi-líp 1:28 đều ở giống cái trong khi từ "điều này" thì ở giống trung. Vì vậy, từ "điều này có thể chỉ đến sự can đảm mà Đức Chúa Trời đã ban cho các tín đồ để đối diện với những kẻ chống đối. Đây là một cấu trúc tương tự với Ê-phê-sô 2:8,9 nơi mà "điều này" không chỉ đến "ân điển" hoặc "đức tin," vốn cũng ở giống cái, nhưng toàn bộ cả tiến trình của sự cứu rỗi.

1:29 " anh em đã được ban ơn " Đây là một thể chỉ định thụ động thì bất định (aorist passive indicative) từ gốc *charis* (Phi-líp 2:9; Rô-ma 8:32). Những sự ban cho đầy ân điển của Đức Chúa Trời chính là chìa khóa cho cả sự cứu rỗi và đời sống Cơ Đốc (Phi-líp 1:28).

▣ **" không phải chỉ để tin Ngài mà thôi, nhưng còn được chịu khổ vì Ngài nữa "** Có hai động từ nguyên mẫu thì hiện tại (present infinitive) vốn chỉ rõ những gì Đức Chúa Trời đã ban cho các tín đồ trong Đấng Christ. Một động từ liên hệ với đức tin tiếp diễn và động từ còn lại liên hệ với sự trưởng thành tiếp diễn. Thật khó cho các tín đồ trong nền văn hóa phương tây hiện đại để có thể thảo luận về sự chịu khổ. Trong Tân Ước nó là một điều bình thường của đời sống Cơ Đốc (Công Vụ 14:22; Rô-ma 8:17; 1 Tê-sa 3:3; 2 Ti-mô-thê 3:12; 1 Phi-e-rơ 3:14; 4:12-16). Một suy xét ngắn gọn về những mục đích của sự chịu khổ có thể là

1. nó đã một điều lợi ích cho Đấng Christ (Hê-bơ-rơ 2:10; 5:8), vì thế,
2. nó sẽ mang lại lợi ích cho các tín đồ (Phi-líp 2:10; Rô-ma 5:3; Gia-cơ 1:2-4; 1 Phi-e-rơ 1:6,7), và
3. nó sẽ mang lại sự đảm bảo đầy vui mừng về địa vị của các tín đồ trong Đấng Christ (Ma-thi-ơ 5:10-12; Công Vụ 5:41; Gia-cơ 1:2; 1 Phi-e-rơ 3:14; và 4:12-16)

1:30 " tham gia cùng một trận chiến " Các tín đồ tại Phi-líp đang chịu đựng sự bắt bớ. Từ "vật lộn (tranh chiến)," được sử dụng khá thường xuyên bởi Phao-lô, vốn là một ẩn dụ cả về thể thao và quân sự. Chúng ta có từ tiếng Anh "thống khổ" từ từ Hy Lạp này.

▣ **" mà anh em đã thấy nơi tôi "** Chúng ta biết được một vài điều về sự chịu khổ của Phao-lô tại thành Phi-líp từ Công Vụ 16:22-24 và 1 Tê-sa 2:2. Phao-lô đã đem lại một tấm gương Cơ Đốc cho họ và cho chúng ta.

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN cho Phi-líp 1:27-30

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần

giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Phao-lô đòi hỏi các tín đồ phải làm gì trong Phi-líp 1:27?
2. Ai là những người chống trả được đề cập đến trong Phi-líp 1:28?
3. Sự chịu khổ và bất bớ đem lại lợi ích cho các tín đồ như thế nào?

PHI-LÍP 2

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự Khiêm Nhường của Cơ Đốc Nhân và Sự Khiêm Nhường của Đấng Christ	Hiệp Một qua Sự Khiêm Nhường	Sự Khiêm Nhường và Tấm Gương của Đấng Christ	Sự Khiêm Nhường và Vĩ Đại của Đấng Christ	Đứng Vững trong Sự Hiệp Một và Khiêm Nhường
2:1-11	2:1-4 Đấng Christ Hạ Mình Xuống và Được Tôn Cao 2:5-11	2:1-11	2:1-11	2:1-11
Chiếu Sáng như Ánh Sáng của Thế Gian	Những Người Mang Ánh Sáng		Chiếu Sáng như Ánh Sáng trong Thế Gian	Chức Vụ cho Sự Cứu Rỗi
2:12-18	2:12-18	2:12-13 2:14-18	2:12-13 2:14-16 2:17-18	2:12-18
Ti-mô-thê và Ép-ba-phô-đích	Ti-mô-thê được Khen Ngợi	Ti-mô-thê và Ép-ba-phô-đích	Ti-mô-thê và Ép-ba-phô-đích	Chức vụ của Ti-mô-thê và Ép-ba-phô-đích
2:19-24	2:19-24 Ép-ba-phô-đích Được Khen Ngợi	2:19-24	2:19-24	2:19-3:1a
2:25-30	2:25-30	2:25-3:1a	2:25-30	

CHU KỶ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa đề dõ theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH TRONG 2:1-11

A. Văn mạch này rõ ràng liên hệ với một trong những chủ đề của sách "một sự kêu gọi hiệp một giữa các

Cơ Đốc Nhân tại Phi-líp" (Phi-líp 1:27; 2:1-4; 4:2-3,5,7,9 và Ê-phê-sô 4:1-6).

- B. Có rất nhiều sự thảo luận giữa các nhà giải kinh về việc bài thánh ca tuyệt vời dâng lên Đấng Christ này (Phi-líp 2:6-11) có vai trò như thế nào về mặt đạo đức hay cho sự cứu rỗi.
1. Nó thực hiện vai trò như một tấm gương cho các tín đồ để sống đời sống ban cho, không tập chú vào bản thân (Phi-líp 2:1-5).
 2. Nó cũng giải thích về sự sỉ nhục và được tôn cao của Đấng Mê-si đã có từ trước, nhập thể.
 3. Trong nhiều cách khác nhau nó thực hiện chức năng trong cả hai lĩnh vực.
- C. 2:6-11 có vẻ như là một bài thánh ca trong hội thánh Cơ Đốc đầu tiên
1. Hình thái mang tính chất chuẩn mực, thơ ca, và trữ tình
 2. Nó bao gồm một vài thuật ngữ hiếm Hy Lạp không được sử dụng bởi Phao-lô
 3. Nó thiếu đi một vài yếu tố thần học đặc trưng của Phao-lô liên hệ đến Đấng Christ
 4. Phao-lô trích dẫn những bài thánh ca, bài thơ thánh, và những cấu trúc mang tính chất tế lễ trong 1 Ti-mô-thê 3:16 và 2 Ti-mô-thê 2:11-13
 5. Để xem về những ý kiến khác hãy xem tài liệu của Gordon Fee, *To What End Exegesis?* ở trang 1731-189
- D. Cấu trúc của bài thánh ca dâng lên Đấng Christ đã có nhiều sự tranh luận. Nó có vẻ được chia thành hai sự nhấn mạnh ngang nhau.
1. Con người và công việc của Chúa Jesus
 - a. Đã có từ trước, Phi-líp 2:6
 - b. Sự nhập thể, Phi-líp 2:7
 - c. Sự chết thay thế, Phi-líp 2:8
 2. Sự đáp ứng của Đức Chúa Cha
 - a. Thâm quyền Chúa tể trị trên toàn vũ trụ, Phi-líp 2:9
 - b. Sự xưng nhận trên toàn vũ trụ, Phi-líp 2:10
 - c. Danh xưng tối cao (Chúa), Phi-líp 2:11
- E. Một dàn ý ngắn gọn của bài thánh ca vĩ đại dâng lên Đấng Christ
1. Những câu 6-8
 - a. Sự hạ mình, chịu sỉ nhục của Đấng Christ
 - b. Bối cảnh Cựu Ước trong Sáng Thế Ký 3 (kiểu hình học Adam/Đấng Christ)
 - c. Tập chú nơi những hành động của Chúa Jesus
 2. những câu 9-11
 - a. Sự tôn cao Đấng Christ
 - b. Bối cảnh Cựu Ước trong Ê-sai 52:13-53:12 (Tôi Tớ Chịu Khổ)
 - c. Tập chú vào những hành động của Đức Chúa Cha
 3. Các Bản Kinh Thánh trong phần thơ ca trong những cách khác nhau so với văn xuôi là điểm quan trọng then chốt trong việc xem xét về cấu trúc chuẩn mực và sự song hành (của phần thơ) (NRSV, TEV, NJB)
- F. Những lẽ thật nền tảng được tìm thấy trong bài thánh ca Thần Học Đấng Christ này
1. Chúa Jesus thật sự là Đức Chúa Trời (về bản tính, *morphē*)
 2. Chúa Jesus thật sự là con người (về hình thể, *schēma*)
 3. Chúa Jesus thật sự tìm kiếm điều tốt nhất cho chính chúng ta, chứ không phải cho chính Ngài, và vì vậy các Cơ Đốc Nhân cũng phải làm như vậy
 4. Chúa Jesus chính là đối tượng chân thật của sự thờ phượng bởi ý muốn của Cha
- G. Bài thánh ca không mang đặc trưng Phao-lô
1. Nó bỏ qua sự phục sinh vốn là một sự nhấn mạnh chính và thường xuyên của Phao-lô
 2. Nó bỏ qua sự nhấn mạnh thường xuyên của Phao-lô trên mối liên hệ của Chúa Jesus đối với Hội Thánh
 3. Nó sử dụng một vài thuật ngữ không được sử dụng bởi Phao-lô ở bất cứ nơi nào khác
 4. Phao-lô đã có trích dẫn những bài thánh ca của hội thánh đầu tiên, những bài thơ giáo lý, hoặc những

nghi thức tế lễ trong 1 Ti-mô-thê 3:16; 2 Ti-mô-thê 2:11-13 và có lẽ cả trong Cô-lô-se 1:15-20; 1 Ti-mô-thê 1:17; 6:15-16

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): PHI-LÍP 2:1-11

¹ Vậy, nếu trong Đấng Christ có sự khích lệ nào, nếu trong tình yêu thương có sự an ủi nào, nếu trong Thánh Linh có sự thông công nào, nếu có lòng yêu thương và cảm thông ² thì anh em hãy hiệp ý với nhau, đồng tình yêu thương, đồng tâm trí, đồng tư tưởng mà làm cho tôi vui mừng trọn vẹn. ³ Đừng làm điều gì vì lòng ích kỷ, hoặc vì hư vinh, nhưng hãy khiêm nhường, xem người khác đáng tôn trọng hơn mình. ⁴ Mỗi người trong anh em đừng chỉ quan tâm đến lợi ích riêng của mình, nhưng phải quan tâm đến lợi ích của người khác nữa. ⁵ Hãy có đồng một tâm trí như Đấng Christ Jê-sus đã có,

⁶ Ngài vốn có hình của Đức Chúa Trời,
Nhưng không xem sự bình đẳng với Đức Chúa Trời

Là điều nên nắm giữ;

⁷ Ngài đã từ bỏ chính mình,
Mang lấy hình đầy tớ,
Và trở nên giống như loài người.

⁸ Ngài đã hiện ra như một người,
Tự hạ mình xuống, vâng phục cho đến chết,
Thậm chí chết trên cây thập tự.

⁹ Chính vì thế mà Đức Chúa Trời đã tôn Ngài lên rất cao,
Và ban cho Ngài danh trên hết mọi danh,

¹⁰ Để khi nghe đến danh Đức Chúa Jê-sus,
Mọi đầu gối trên trời, dưới đất, bên dưới đất
Đều phải quỳ xuống,

¹¹ Và mọi lưỡi đều phải xưng nhận
Đức Chúa Jê-sus Christ là Chúa,
Mà tôn vinh Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha.

2:1 " nếu " Đây là câu đầu tiên trong chuỗi của bốn câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence) vốn giả định là đúng từ quan điểm của tác giả hoặc phục vụ cho mục đích văn học của ông. Những câu 1-4 là một câu trong tiếng Hy Lạp.

▣ **" trong Đấng Christ có sự khích lệ nào "** Từ này có thể được dịch trong một vài cách: "khuyến khích" "thỉnh cầu," "yên ủi," "khích lệ" hoặc "khuyến răn." Cụm từ này tương tự với phần thảo luận của Phao-lô về những thái độ vốn mang lại và duy trì sự hiệp một trong thân thể địa phương của Đấng Christ trong Ê-phê-sô 4:2-3.

"Trong Đấng Christ" (một cách vị trí về lãnh vực) chính là một cách phổ biến nhất của Phao-lô để nhận diện các tín đồ. Còn về đời sống, sự sống thật, sự sống xung mãn, các tín đồ cần phải ở trong sự hiệp nhất sống còn với Đấng Christ bởi đức tin (Giăng 15).

▣ **" tình yêu thương có sự an ủi nào "** Tình yêu luôn luôn là gốc rễ và bông trái cho đời sống Cơ Đốc (Giăng 13:34- 35; 15:12,17; 1 Cô-rinh-tô 13; Ga-la-ti 5:22; 1 Giăng 3:11,27; 4:7-21). Chúa Jesus đã sống một đời sống yêu thương, dạy về sự thương thương và đưa ra mạng lệnh yêu thương cho những kẻ đi theo Ngài.

▣ **" trong Thánh Linh (linh) có sự thông công nào "** Đây là thuật ngữ Hy Lạp *koinōnia*, vốn có nghĩa là "dự phần tham gia với" (2 Cô-rinh-tô 13:14). Một lần nữa, câu hỏi là, "Điều này chỉ đến tâm linh loài người vừa mới được cứu chuộc của các tín đồ đã được ban năng lực bởi Đức Thánh Linh," hoặc "Thánh Linh được ban cho họ"? Không có bất cứ bài viết nào về thuật ngữ "linh." Có lẽ đây là một sự mơ hồ cố ý. Nó có thể chỉ đến cả hai về mặt thần học.

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ THÔNG CÔNG (*KOINŌNIA*)

Thuật ngữ sự thông công (*koinōnia*) có ý nghĩa là

1. mối liên hệ gắn gũi với một cá nhân:

a. Với Con Đức Chúa Trời (1 Cô-rinh-tô 1:9; 1 Giăng 1:6)

- b. Với Đức Thánh linh (2 Cô-rin-tô 13:14; Phi-líp 2:1)
 - c. Với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con (1 Giăng 1:3)
 - d. Với anh chị em trong giao ước đức tin. (Công-vụ 2:42; 2 Cô-rin-tô 8:23; Ga-la-ti 2:9; Phi-lê-môn v. 17; 1 Giăng 1:3,7)
 - e. tuyệt giao với sự xấu xa / Kẻ Ác (2 Cô-rin-tô 6:14)
2. Liên hệ gần gũi với những điều hoặc những nhóm:
- a. Với Phúc Âm (Phi-líp 1:5; Phi-lê-môn v. 6)
 - b. Với huyết của Đấng Christ. (1 Cô-rin-tô 10:16)
 - c. tuyệt giao với sự tối tăm (2 Cô-rin-tô 6:14)
 - d. liên hệ với sự chịu đựng (2 Cô-rin-tô 1:7; Phi-líp 3:10; 4:14; 1 Phi-ê-rơ 4:13)
3. món quà hoặc sự đóng góp rời rộng. (Rô-ma. 12:13; 15:26; 2 Cô-rin-tô 8:4; 9:13; Phi-líp 4:15; Hê-bơ-rơ 13:16)
4. món quà của Đức Chúa Trời qua ân điển của Đấng Christ. hồi phục loài người trong mỗi thông công cùng Ngài và con cái Ngài.

Điều này khẳng định mỗi thông công chiều ngang (con người với con người) được đem lại bởi mỗi thông công chiều dọc (con người với Đấng Tạo Hóa. Nó nhấn mạnh nhu cầu thông công trong cộng đồng Tín Đồ và kết quả trong niềm vui khi có sự thông công. (Hê-bơ-rơ 10:25).

☐ " **lòng yêu thương** " Từ này nguyên văn là "ruột (lòng)" vốn cũng được sử dụng trong Phi-líp 1:8. Người cổ đại tin rằng phần nội tạng phía dưới (bụng) chính là chỗ của những cảm xúc. Cả hai từ này đều được sử dụng trong Cô-lô-se 3:12.

☐ " **cảm thông (động lòng thương cảm)**" Phao-lô sử dụng từ này bốn lần: (1) để mô tả về đặc tính của Đức Chúa Trời (Rô-ma 12:1; 2 Cô-rinh-tô 1:3) và (2) để bày tỏ các Cơ Đốc Nhân đối xử với nhau như thế nào (Phi-líp 2:11; Cô-lô-se 3:12). Đức Chúa Trời khao khát để sản sinh ra đặc tính (hình ảnh) của Ngài trong con cái của Ngài. Sự phục hồi hình ảnh của Đức Chúa Trời đã bị mất trong Sự Sa Ngã chính là mục đích của sự đến của Đức Chúa Jesus.

2:2 " làm cho tôi vui mừng trọn vẹn " Đây là một thể mệnh lệnh chủ động thì bất định (aorist active imperative) và chỉ ra Phao-lô đã cảm thấy như thế nào về những tín đồ này ngay cả khi ông đang ở thật xa trong chốn ngục tù. Những hành động và sự lựa chọn của họ đã gây ra sự vui mừng hoặc đau đớn cho Phao-lô.

☐ " **đồng tâm trí** " Đây là một thể cầu khẩn (giả định) chủ động thì hiện tại (present active subjunctive) vốn được xác định bởi bốn phân từ thì hiện tại (present participle) (có lẽ được sử dụng như những thể mệnh lệnh (imperative)) bắt đầu trong Phi-líp 2:2 và tiếp tục đến Phi-líp 2:4. Chúng bắt đầu giải quyết một câu hỏi thực tế rất khó về sự duy trì sự hiệp một trong mối tương giao Cơ Đốc (Rô-ma 14:1- 15:13; 1 Cô-rinh-tô 8:1-13; 10:23-33). Những sự hướng dẫn của Phao-lô là quan trọng then chốt, không chỉ đối với thành Phi-líp tại thế kỷ thứ nhất, nhưng với Hội Thánh của tất cả mọi thời đại. Bốn phân từ đó chính là

1. Gìn giữ đồng một tình yêu
2. Hiệp nhất trong tinh thần và tập chú vào cùng một mục đích
3. Xem người khác như quan trọng hơn mình
4. Hãy tìm kiếm lợi ích cho những người khác

Hãy chú ý tôn giáo chủ nghĩa cá nhân. Cơ Đốc Giáo là một trải nghiệm gia đình.

Phao-lô thường sử dụng từ "nghĩ" (*phroneō*), trong sách Phi-líp nó trở thành một chủ đề nữa (Phi-líp 1:7; 2:2 [hai lần]; 2:5; 3:15 [hai lần]; 3:19; 4:2; và 4:10).

2:3 " Đừng làm điều gì vì lòng ích kỷ, hoặc vì hư vinh " Câu này có thể mô tả về tình huống trong hội thánh Phi-líp đã bị gây ra bởi các giáo sư giả và sự bắt bớ (Phi-líp 1:15,17; Ga-la-ti 5:26). Không có động từ, nhưng luồng ý tưởng của câu này chính là thể mệnh lệnh. Sự lặp lại của "nghĩ" (*phroneō*) trong văn mạch này có thể ngụ ý rằng động từ này được giả định ở đây.

☐ " **nhưng hãy (với một tâm trí) khiêm nhường** " Sự khiêm nhường không phải là một đức hạnh được tìm kiếm trong thế giới Hy-La, nhưng Đấng Christ đã khiến nó trở thành một khía cạnh đặc trưng của đời sống chính mình Ngài và kêu gọi những người đi theo Ngài hãy bắt chước nó trong đời sống Cơ Đốc của họ (Phi-líp 2:8;

Ma-thi-ơ 11:29; 1 Phi-e-rơ 5:5,6). Nó đối nghịch về văn mạch với "sự ích kỷ và hư vinh."

▣ " **xem người khác đáng tôn trọng hơn mình** " Đây là một Phân từ trung cách (trung gian) thì hiện tại (Present middle (deponent) participle). Điều này đi ngược lại toàn bộ những khuynh hướng mang tính con người và bản chất của chúng ta, nhưng nó chính là ý muốn của Đức Chúa Trời (Rô-ma 12:10; 1 Cô-rinh-tô 10:24, 33; Ga-la-ti 6:2; Ê-phê-sô 5:2). Đề xem về "tôn trọng hơn" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Cách Sử Dụng Những Từ Ghép *Huper* của Phao-lô tại Ê-phê-sô 1:19.

2:4 " đừng chỉ quan tâm đến lợi ích riêng của mình " Đây là một phân từ chủ động thì hiện tại (present active participle) đi cùng với tiểu từ phủ định (negative particle) (được sử dụng như một thể mệnh lệnh (imperative)) vốn thường có nghĩa chấm dứt một hành động đang trong tiến trình. Nó có nghĩa " nhìn cách chú ý vào một điều gì " (2 Cô-rinh-tô 4:18). Từ "lợi" có thể chỉ về (1) sự vật; (2) những sự ban cho thuộc linh; hoặc (3) công việc. Từ khóa ở đây chính là từ "chỉ." Không phải các tín đồ không được lấy phần lợi ích trong những công việc làm ăn của họ (1 Ti-mô-thê 5:8), nhưng họ không được đặt mình ở vị trí ưu tiên trong sự ngăn chặn, loại trừ những người khác, và đặc biệt với những tín hữu khác. Sự quân bình có thể được thấy trong Ga-la-ti 6:1-2. Các tín đồ cần phải giữ một sự canh giữ nghiêm ngặt, nhạy bén trên chính mình họ để rồi họ có thể canh giữ những người khác.

2:5 " Hãy có đồng một tâm trí (hãy có cùng thái độ này trong chính anh em) " Đây là một thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative). Các tín đồ nhận được mạng lệnh cần phải tiếp tục suy nghĩ (*phroneō*) giống như Đấng Christ. Mục tiêu của Cơ Đốc Giáo chính là sự trở nên giống như Đấng Christ trong suy nghĩ và hành động (Cô-lô-se 3:16). Đây là sự bắt đầu của một phần trích của Phao-lô trong một bài thánh ca Hội thánh Cơ Đốc đầu tiên. Có một vài thuật ngữ trong phần thơ ca này không thể tìm thấy được ở bất kỳ chỗ nào khác trong những tác phẩm của Phao-lô. Những ví dụ khác về việc Phao-lô trích dẫn loại tài liệu này chính là Ê-phê-sô 5:14; 1 Ti-mô-thê 3:16; 2 Ti-mô-thê 2:11-13 và có lẽ cả Cô-lô-se 1:15-20; 1 Ti-mô-thê 1:17; 6:15-16.

Các Cơ Đốc Nhân được khuyên răn cần phải bước theo tấm gương của Đấng Christ trong hai cách: (1) Ngài đã rời bỏ sự hiện hữu từ trước, vinh quang thiên thượng của Ngài để trở nên một con người, không phải cho chính mình Ngài, nhưng cho những người khác và (2) Ngài đã sẵn lòng chịu chết, không phải bởi vì tội lỗi của chính mình Ngài, nhưng cho (tội lỗi của) những kẻ khác. Những kẻ bước theo Đấng Christ cần phải tranh đấu cho những đặc tính tự bỏ chính mình, tự hạ mình này (1 Giăng 3:16). Chúng ta là những người canh giữ anh em mình bởi vì anh em chúng ta chính là hình ảnh và sự giống với Đức Chúa Trời!

2:6 " Ngài vốn có hình của Đức Chúa Trời (Ngài dù như đã từng hiện hữu) " Nguyên văn câu này là "thân vị trong hình dáng của Đức Chúa Trời." Đây là một trong hai thì hiện tại (present tense) (ở đây là một phân từ(participle)) ở trong một chuỗi của những động từ thì bất định (aorist tense verb) và những phân từ (participle). Nó nhấn mạnh sự hiện hữu từ trước của Jesus người Na-xa-rét (Giăng 1:1; 8:57-58; 17:5,24; 2 Cô-rinh-tô 8:9; Cô-lô-se 1:17; Hê-bơ-rơ 10:5-7). Sự hiện hữu từ trước của Chúa Jesus là một bằng chứng khác của thần tính của Ngài. Chúa Jesus đã không trở thành một thân vị hiện hữu tại Bết-lê-hem. Không hề có một thời điểm nào mà Chúa Jesus không hiện hữu và không mang thần tánh.

▣ " **có hình (bản tính) của Đức Chúa Trời** " Đây là một từ Hy Lạp *morphē* vốn được sử dụng trong một vài nghĩa.

1. Một nghĩa về bản chất theo triết học Aristotle
2. Nghĩa về bản chất tự nhiên của một điều gì đó hoặc bản chất cốt lõi không thay đổi của một thứ gì đó (đây là cách mà các giáo phụ Hội Thánh đầu tiên đã giải nghĩa nó)
3. Hình thái bên ngoài của một điều gì đó, cũng như trong Bản Bảy Mươi (LXX). Điều này không có nghĩa rằng YHWH cũng có một cơ thể thuộc thể, nhưng rằng những đặc tính và thuộc tính-bản chất cốt lõi riêng của Đức Chúa Cha-chính là những bằng chứng trong Đức Chúa Con.

Một cách nữa để khẳng định thần tính trọn vẹn của Đấng Christ. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Tin Độc Thần tại Ê-phê-sô 4:6.

▣ " **không xem sự bình đẳng với Đức Chúa Trời** " Nguyên văn câu này là "nghĩ rằng nó không phải là sự trộm cướp để bình đẳng với Đức Chúa Trời." Đây là một động từ thì hiện tại khác (ở đây là một nguyên mẫu). Từ Hy Lạp "bình đẳng" trở thành trong tiếng Anh là "isometric (đo bằng nhau)." Nó là một cách khẳng định rằng Chúa Jesus chính là Đức Chúa Trời trọn vẹn (Giăng 1:1; Tít 2:13).

NASB	"một điều để nắm giữ"
NKJV	"cướp giật"
NRSV	"một điều có thể lợi dụng "
TEV	" bởi sức mạnh "
NJB	"một điều gì để nắm giữ "

Từ Hy Lạp hiếm, *harpagmos*, nguyên văn có nghĩa là "hành động nắm lấy một điều gì" hoặc "đeo đuổi theo một giải thưởng" (*harpagma*). Tuy nhiên, nó có thể được dùng trong một nghĩa bị động (kết thúc với từ Hy Lạp *mos*) có nghĩa là "là thứ bị nắm giữ hoặc nắm chặt vào nó." Một nghĩa có khả năng thứ ba chính là "một thứ gì đó mà một ai đó có nhưng không sử dụng nó cho lợi ích cá nhân." Nghĩa này được phản ánh trong bản dịch Phillip's translation của sách Phi-líp 2:7: "tước bỏ khỏi chính mình Ngài mọi mối lợi."

Chúa Jesus đã sở hữu sự bình đẳng với Đức Chúa Trời. Nguyên cốt thần học cho sự mơ hồ về nghĩa của cụm từ này chính là kiểu hình học A-đam/Đấng Christ, nơi A-đam đã cố gắng để chiếm hữu (nắm giữ) sự bình đẳng với Đức Chúa Trời bởi việc ăn trái cấm (Sáng Thế Ký 3). Chúa Jesus, A-đam thứ hai (Rom 5:từ câu 12), được đi theo bởi kế hoạch của Đức Chúa Trời trong sự vâng phục cách hoàn hảo nơi mà sự đau khổ được nói sau bởi tôn cao (Ê-sai 53).

2:7

NASB, NRSV,

NJB

NKJV

TEV

"khiến chính Ngài trở nên trống trải"

"khiến chính mình Ngài không có bất kỳ danh tiếng nào "

"bởi chính ý chí tự do của Ngài, Ngài đã từ bỏ hết những gì Ngài đã có "

Đại từ này mang tính nhấn mạnh. Đây chính là sự lựa chọn riêng của Chúa Jesus! Có một vài thuyết về điều này có nghĩa gì khi nói về việc làm rỗng chính mình Ngài (2 Cô-rinh-tô 8:9).

1. Phao-lô sử dụng từ này một vài lần (Rô-ma 4:14; 1 Cô-rinh-tô 1:17; 9:15; 2 Cô-rinh-tô 9:3). Có vẻ Chúa Jesus đã lựa chọn sống như một con người. Ngài đã tự nguyện rời bỏ vinh quang thiên thượng của Ngài và chấp nhận sự giới hạn của thân xác thuộc thế. Chắc chắn Ngài vẫn có một sự sáng suốt và quyền năng thuộc linh hơn nhân loại sa ngã bình thường. Ngài đã là tất cả những gì con người đã được định trước để trở thành. Ngài chính là A-đam thứ hai và nhiều hơn nữa.
2. Chúa Jesus đã không trở nên kém hơn Đức Chúa Trời trong sự Nhập Thể của Ngài, nhưng Ngài có vẻ như đã thêm nhân tính vào trong thần tính của Ngài. Ngài đã từ bỏ sự vinh quang bề ngoài của Đấng Thánh và nắm lấy hình dáng bề ngoài của một người. Điều này bao gồm sự thêm vào, chứ không phải sự loại trừ. Xuyên suốt chức vụ trên đất của Chúa Jesus, Ngài đã được đổ đầy và ban năng lực bởi Thánh Linh, nhưng đồng thời Ngài cũng là Đức Chúa Trời trọn vẹn và con người trọn vẹn (chịu cám dỗ, Ma-thi-ơ 4; bị thử thách, Giăng 4; sợ hãi ở tại Ghết-sê-ma-nê, Mác 14:32-42). Ngài đã thực sự biết và bày tỏ về Đức Chúa Cha (Giăng 1:18). Ngài đã là một người thật sự với loài người chúng ta (Giăng 1:4).
3. Có khả năng rằng sự làm trống rỗng này là một cách ngụ ý chỉ đến Ê-sai 53:1-3. Nếu vậy, nó liên hệ không với nhân tính của Ngài (Phi-líp 2:7-8a) nhưng với sự chịu đóng đinh của Ngài (Phi-líp 2:8b) trong vai trò là tôi tớ của YHWH (Mác 10:45- 15:53).

☐ " mang lấy hình đầy tớ " Đây là một sự song hành văn học chính xác với cụm từ "bản tính của Đức Chúa Trời" (Phi-líp 2:6). Từ "tôi tớ" (*doulos*) ở đây có thể được sử dụng trong nghĩa của Tôi Tớ Chịu Khổ trong Ê-sai 42:1-9; 49:1-7; 50:4-11; 52:13-53:12. Chúa Jesus đã rời bỏ vinh quang thiên đàng của Ngài để đến với một máng cỏ (2 Cô-rinh-tô 8:9). Đây cũng là một bối cảnh của Phi-líp 2:9-11. Câu này nhấn mạnh về sự Nhập Thể của Chúa Jesus (phân từ thì bất định), chứ không phải sự chịu đóng đinh của Ngài, vốn được nhắc đến trong Phi-líp 2:8.

Chúa Jesus đã bày tỏ rõ ràng sự lãnh đạo thật, quyền năng thật của một tâm lòng tôi tớ. Để hướng dẫn, một người phải phục vụ (Mác 10:42-45; Ma-thi-ơ 20:25-28). Sự khiêm nhường của Ngài chính là một dấu hiệu của sức mạnh thật. Tình yêu ban cho chính mình của Ngài là một dấu hiệu thật của thần thánh.

☐ " và trở nên giống như loài người " Những bản dịch RSV & NRSV dịch từ này là "một con người được sinh ra." Đây là sự nhấn mạnh thứ hai của bài thánh ca Hội Thánh đầu tiên này: nhân tánh trọn vẹn của Đấng Christ. Điều này được viết để bác bỏ những giáo sư giả Trí Huệ, là những người nắm chặt một thuyết nhị nguyên đời đời (bản thể) giữa linh và vật chất. Bản chất song hành của Chúa Jesus chính là một vấn đề thần học Tân Ước (1 Giăng 4:1-6). Cách sử dụng thuật ngữ Cựu Ước "Con Người" của Chúa Jesus chỉ theo hướng này. Trong Thi Thiên 8:4 và Ê-xê-chi-ên 2:1 từ này có một ý nghĩa Do Thái bình thường của một con người. Chúa Jesus sử dụng

cụm từ này cho chính Ngài. Nó không được sử dụng rộng rãi bởi các ra-bi Do Thái và không có bất cứ nghĩa rộng quân sự, dân tộc, hoặc riêng biệt nào.

Bắt đầu của Phi-líp 2:8 nhấn mạnh cùng một lẽ thật thần học với sự phân biệt rằng mặc dù Chúa Jesus là con người trọn vẹn, nhưng Ngài đã không hợp tác với bản chất sa ngã của nhân loại (Rô-ma 8:3; 1 Cô-rinh-tô 5:21; Hê-bơ-rơ 4:15; 7:26; 1 Phi-e-rơ 2:22; 1 Giăng 3:5).

2:8 "hiện ra như một người" Có một sự bối rối giữa các bản dịch trong việc phải chăng cụm từ này nên đi cùng với câu 7 hay câu 8. Đây là một thuật ngữ Hy Lạp "*schēma*," vốn thường tương phản với "*morphē*." Trong triết học Hy Lạp *morphē* có nghĩa là "hình thái bên trong của một điều gì đó vốn thật sự phản ánh bản chất cốt lõi của nó," trong khi "*schēma*" có nghĩa là "hình dáng thay đổi bên ngoài của một điều gì đó vốn không trọn vẹn bày tỏ về bản chất cốt lõi bên trong của nó" (1 Cô-rinh-tô 7:31). Chúa Jesus giống như chúng ta đến tận cùng ngoại trừ bản chất tội lỗi của nhân loại sa ngã.

▣ **"(Ngài đã) tự hạ mình xuống, vâng phục cho đến chết"** Câu này có thể là một sự ngụ ý chỉ đến cách dịch của Bản Bảy Mươi (LXX) của Ê-sai 53:8. Chúa Jesus đã vâng theo chương trình cứu chuộc của Đức Chúa Cha (Lu-ca 22:22; Công Vụ 2:23; 3:18; 4:28) thậm chí ngay cả trong sự thống khổ thể xác và sự chết (thể chỉ định chủ động thì bất định (aorist active indicative) và phân từ thì bất định (aorist participle)).

▣ **"Thậm chí chết trên cây thập tự"** Thập tự là một chương ngại gây vấp ngã đối với Người Do Thái (1 Cô-rinh-tô 1:23). Họ đã không trông đợi một Đấng Mê-si chịu khổ, nhưng một Đấng Mê-si chinh phục. Nhưng bởi vì Phục Truyền 21:23, vốn ngụ ý rằng nếu một ai bị phơi bày ra công khai sau khi chết, thì nó là một dấu hiệu của một sự rửa sả bởi Đức Chúa Trời. Người Do Thái không thể nhìn thấy làm thế nào Đấng Mê-si lại có thể bị rửa sả bởi Đức Chúa Trời, nhưng chính đây là lẽ thật trong Ga-la-ti 3:13, rằng Ngài đã trở nên sự rửa sả cho chúng ta. Khái niệm của một Đấng Mê-si chịu khổ (Sáng 3:15; Thi Thiên 22) thật đáng ghê sợ đối với họ. Nhưng đây chính là cách mà YHWH đã giải quyết với nan đề tội lỗi của con người, sự chuộc tội thay, thể chỗ của Đấng Christ (Ê-sai 52:13- 53:12; Mác 10:45; Giăng 1:29; 1 Phi-e-rơ 1:19). Thập tự giá chính là lẽ thật trung tâm của Tân Ước nơi mà tình yêu và sự công chính của Đức Chúa Trời đã gặp gỡ và hòa nhập với nhau.

2:9

NASB, NKJV,

NRSV

"vì vậy"

TEV

"Bởi lý do này "

NJB

"và bởi điều này "

Tân Ước giới thiệu Chúa Jesus trong hai cách: (1) Đấng Thánh trọn vẹn hiện hữu từ trước (Giăng 1:1-3,14; 8:57-58; Cô-lô-se 1:17) và (2) Đấng Thánh được tôn cao bởi vì đời sống vâng phục, thánh khiết trên đất của Ngài (Rô-ma 1:4; Phi-líp 2:9). Trong hội thánh đầu tiên, điều này dẫn đến mâu thuẫn giữa những nhà thần học chính thống và những nhà thần học chủ trương thuyết nhận làm con (adoptionist theologians). Tuy nhiên, cũng như thường lệ, cả hai đều có một khía cạnh của lẽ thật. Chúa Jesus thực sự là ai đã được ân chứng bởi những gì Ngài làm! Không phải có hai Thần Học Đấng Christ, nhưng có hai cách nhìn của cùng một lẽ thật. Đáp ứng của chúng ta không nên cố gắng để quyết định cái nào là đúng, nhưng là dâng lời tạ ơn dâng lên Đức Chúa Trời vì Đấng Christ trước sự hiện hữu của thời gian, trong thời gian, và vượt quá thời gian!

▣ **"Đức Chúa Trời đã tôn Ngài lên rất cao"** Đây là một sự ngụ ý chỉ đến bản dịch Bảy Mươi (Septuagint (LXX)) của Ê-sai 52:13. Hình thái tăng cường của từ *hyperupsoō* được thấy duy nhất ở đây trong Tân Ước và hiếm khi trong được thấy trong tiếng Hy Lạp thể tục. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Cách Sử Dụng Những Từ Ghép của Phao-lô trong Ê-phê-sô 1:19. Đây không phải là thuyết thần học Đấng Christ nhận làm con, vốn khẳng định rằng Chúa Jesus được ban thưởng với thần tánh. Chúa Jesus đã được phục hồi sự vinh hiển thiên thượng hiện hữu từ trước (Ê-phê-sô 4:10). Trong Phúc Âm của Giăng, sự chết của Chúa Jesus được nhắc đến như là sự tán dương vinh hiển của Ngài (Phi-líp 7:39; 12:16,23; 13:31-32; 16:14; 17:1). Vị tột đỉnh khiêm nhường giờ đây đã là Vua trên Muôn Vua!

▣ **"ban cho Ngài danh trên hết mọi danh"** Danh xưng được tôn cao đặc biệt của Ngài là "Chúa" (Phi-líp 2:11). Động từ (*echarisato*) trong Phi-líp 2:9 có nghĩa là "được ban cho cách ân điển" cũng như trong Phi-líp 1:29. Thuật ngữ "Chúa" là một sự ngụ ý chỉ đến danh xưng giao ước Cựu Ước dành cho Đức Chúa Trời, YHWH (Xuất 3:14; 6:3), vốn người Do Thái đã rất sợ hãi để đọc đến nỗi họ đã thay bằng cách đọc thay thế danh xưng *Adon*, vốn có nghĩa là Chúa, chủ nhân, chồng. Chúa Jesus, Đấng đã đến trong hình dáng của một tôi tớ, đã quay trở lại với địa vị Chúa toàn cả vũ trụ của Ngài (Giăng 17:5; Cô-lô-se 1:15-20). "Jesus là Chúa" đã là một sự tuyên

xung đức tin cá nhân, công khai đối với Hội Thánh đầu tiên (Rô-ma 10:9; 1 Cô-rinh-tô 8:6; 12:3). Jesus người Na-xa-rét đã được trao cho danh xưng tối cao của Đấng Thánh (Ê-phê-sô 1:21 và Hê-bơ-rơ 1:4). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Những Danh Xưng Dùng Cho Đấng Thánh tại Cô-lô-se 1:3.

2:10 " Mọi đầu gối trên trời, dưới đất, bên dưới đất đều phải quỳ xuống " Một ngày kia mọi người đều sẽ xưng nhận rằng Chúa Jesus là Chúa. Câu hỏi duy nhất là liệu họ sẽ thực hiện điều đó kịp thời bởi đức tin, và bởi đó trở nên một bộ phận của gia đình của Đức Chúa Trời, hay là thực hiện nó vào Ngài của Chúa và sẽ bị đoán xét bởi Ngài (Ma-thi-ơ 25:31-48; Khải Huyền 20:11-15).

Những cụm từ song hành trong câu này chỉ đến các thiên sứ, cả tự do và bị xiềng xích, và con người, cả còn sống và đã chết.

Tất cả những tạo vật có ý thức đều xưng nhận về thẩm quyền Đấng Chủ Tể (Chúa) của Chúa Jesus, nhưng duy chỉ con người mới có thể được cứu chuộc. Những câu 10-11 có vẻ như một sự ngụ ý chỉ đến Ê-sai 45:23, vốn được trích dẫn trong Rô-ma 14:11. Trong văn mạch nguyên gốc của nó, nó chính là sự thờ phượng YHWH rằng giờ đây đã được chuyển giao cho Đấng Mê-si (Giăng 5:23). Sự chuyển giao những danh xưng và chức năng giữa YHWH và Chúa Jesus là một cách khác mà các tác giả Tân Ước khẳng định về thần tính của Chúa Jesus. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Các thiên sứ trong những tác phẩm của Phao-lô trong Ê-phê-sô 6:12.

2:11 " (và) mọi lưỡi đều phải xưng nhận " Đây là một thể câu khẩn (thể giả định) trung cách thì bất định (aorist middle subjunctive)(được dùng như thì tương lai, một vài bản MSS dùng thì tương lai, ví dụ: A, C, D, F, G) của từ *exomologeō* vốn nhìn nhận một sự kiện rằng sự xưng nhận bằng lời của địa vị chủ tể (Chúa) của Đấng Christ chính là một lời tuyên bố đức tin thời kỳ đầu tiên (nghỉ lễ thánh đầu tiên). Phao-lô sử dụng từ này cũng như cách ông sử dụng một vài phần trích Cựu Ước khác từ trong bản Bảy Mươi (Phi-líp 2:11 và Rô-ma 14:11 từ trong Ê-sai 45:23 và Rô-ma 15:9 trong Thi Thiên 18:49. Cũng như từ có liên quan *homologeō* trong Rô-ma 10:13 từ Giô-ên 2:37).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ XUNG NHẬN, XUNG TỘI

- A. Có hai dạng cùng một gốc từ tiếng Hy Lạp dùng cho ý nghĩa xưng tội hay tuyên xưng, *homolegeo* và *exomologeō*. Từ ghép lấy từ gốc từ *homo*, nghĩa là giống nhau; *lego*, nghĩa là nói; và *ex*, có nghĩa là ra từ. Ý nghĩa căn bản là nói cùng một sự việc, hay là đồng ý. Chữ *ex* diễn tả thêm ý nghĩa về sự tuyên xưng công khai
- B. Những chữ tiếng Anh dịch từ nhóm chữ này gồm có:
 1. Ngợi khen (praise)
 2. Đồng ý
 3. Tuyên bố (declare)
 4. Tuyên xưng (profess)
 5. Xung tội
- C. Nhóm từ này có hai cách sử dụng dường như trái hẳn nhau:
 1. Ngợi khen (Đức Chúa Trời)
 2. Nhận tội
Điều này có thể phát triển từ sự nhìn nhận của con người về bản tính thánh khiết của Đức Chúa Trời và tình trạng tội lỗi của họ. Nhìn nhận một sự thật tức là nhìn nhận cả hai điểm trên.
- D. Tân Ước có các cách dùng liên quan đến nhóm từ này như sau:
 1. Hứa (Ma-thi-ơ 14:7; Công-vụ 7:17)
 2. Đồng ý hay đồng thuận về điều gì (Giăng 1:20; Tê-sa-lô-ni-ca 22:6; Công-vụ 24: 14; Hê-bơ-rơ 11:13)
 3. Ngợi khen (Ma-thi-ơ 11:25; Tê-sa-lô-ni-ca 10:21; Rô-ma 14:11; 15:9)
 4. Đồng ý
 - a. Với một người nào (Ma-thi-ơ 10:32; Tê-sa-lô-ni-ca 12:8; Giăng 9:22; 12:42; Rô-ma 10:9; Phi-líp 2:11; Khải huyền 3:5)
 - b. Về một lẽ thật nào (Công-vụ 23:8; II Cô-rinh-tô 11:13; I Giăng 4:2)
 5. Tuyên bố công khai (ý nghĩa về luật pháp phát triển thành một sự xác nhận mang tính tôn giáo, Công-vụ 24:14; I Ti-mô-thê 6:13)
 - a. Không có sự nhận tội (I Ti-mô-thê 6:12; Hê-bơ-rơ 10:23)

☐ " **tôn vinh Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha** " Sự thờ phượng Chúa Jesus chính là một mục đích của Đức Chúa Cha khi sai Ngài. Cụm từ "để tôn vinh Đức Chúa Trời" liên hệ đến với lối sống của các tín đồ trong Phi-líp 1:11 và ở đây trong Phi-líp 2:11 và sự cứu rỗi của họ, đã được mang đến qua công việc của Đấng Christ. Cùng một cụm từ chìa khóa này được dùng ba lần trong lời cầu nguyện ngợi khen của Phao-lô lên Đức Chúa Trời ba ngôi trong Ê-phê-sô 1:3-14. Cuối cùng, Chúa Jesus sẽ chuyển tất cả mọi quyền lực, thẩm quyền, và sự ngợi khen lên Đức Chúa Cha là Đấng nó thuộc về (1 Cô-rinh-tô 15:27-28). Hãy xem bài viết đầy đủ về "vinh hiển" tại Ê-phê-sô 1:6.

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH TRONG 2:12-30

- A. Phi-líp 2:12-18, cũng như Phi-líp 2:1-11, liên hệ với đời sống Cơ Đốc.
- B. Phi-líp 2:19-30 liên hệ với những người trợ giúp cho Phao-lô, Ti-mô-thê và Ép-ba-phô-đích và sự xuất hiện của họ đến thành Phi-líp.
1. Ti-mô-thê, Phi-líp 2:19-24
 2. Ép-ba-phô-đích, Phi-líp 2:25-30

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỊNH 2010 (NASB (UPDATED)): PHI-LÍP 2:12-13

¹² **Vậy, thưa anh em yêu dấu của tôi, như anh em vẫn luôn vâng phục, không chỉ khi tôi có mặt, mà cả bây giờ, lúc tôi vắng mặt, lại càng vâng phục hơn nữa; hãy lấy lòng sợ sệt run rẩy mà hoàn tất sự cứu rỗi của chính mình.** ¹³ **Vì Đức Chúa Trời là Đấng đang hành động trong anh em, để anh em vừa muốn vừa làm theo ý tốt của Ngài.**

2:12-13 Đây là một câu trong tiếng Hy Lạp.

2:12 " Vậy, thưa " Từ này rõ ràng kết nối với phần thảo luận trước đó về sự khiêm nhường và thuận phục của Đấng Christ. Trong ánh sáng của tấm gương cao nhất của Đấng Christ trong Phi-líp 2:6-11, những tín đồ đã nhận được sự thánh cầu hãy sống (1) khiêm nhường, quan tâm, chăm sóc, Phi-líp 2:1-5, và (2) giống như Đấng Christ, Phi-líp 2:14-18.

☐ " **thưa anh em yêu dấu của tôi** " Phao-lô yêu quý hội thánh này trong một cách đặc biệt (Phi-líp 4:15-16). Phao-lô dùng cụm từ này thường xuyên để mô tả về những người trở lại tin Chúa qua chức vụ của anh (Rô-ma 11:2:19; 16:8,9,12; 1 Cô-rinh-tô 4:14,17; 10:14; 15:58; 2 Cô-rinh-tô 7:1; 12:19; Ê-phê-sô 6:21; Phi-líp 4:1 [hai lần]; Cô-lô-se 4:7,9,14; 1 Ti-mô-thê 6:2; 2 Ti-mô-thê 1:2; Phi-lê-môn 1:1,2,16).

NASB, NKJV

NRSV,

TEV

NJB

"cũng như anh em đã luôn luôn vâng phục "

"cũng như anh em đã luôn luôn vâng phục tôi "

"anh em đã đang luôn luôn vâng phục "

Phần Kinh Thánh không đề cập đến đối tượng họ vâng phục là ai. Có thể là (1) Đức Chúa Cha/Con/Thánh Linh; (2) đức tin Cơ Đốc; hoặc (3) Phao-lô. Sự vâng phục của Đấng Christ, được nhắc đến trong Phi-líp 2:8, được đưa ra như một tấm gương cho người Phi-líp để bước theo (Lu-ca 6:46). Cụm từ này có thể chỉ đến sự vâng phục của hội thánh đối với những sự dạy dỗ của Phao-lô (Phi-líp 2:12b). Đức tin Cơ Đốc là một tiên trình vốn liên quan đến sự ăn năn, đức tin, sự vâng phục, phục vụ, và kiên trì!

☐ " **không chỉ khi tôi có mặt, mà cả bây giờ, lúc tôi vắng mặt, lại càng hơn nữa**" Đức tin Cơ Đốc chính là những gì chúng ta là, chứ không phải những gì chúng ta làm! Các tín đồ bắt buộc không được thực hiện những hành động để được nhìn thấy (Phi-líp 1:27; Ê-phê-sô 6:6; Cô-lô-se 3:22).

☐ " **hoàn tất sự cứu rỗi của chính mình** " Động từ này là một thuật ngữ toán học được dùng như một vấn đề được mang đến kết luận của nó. Hình thái của nó là thể mệnh lệnh trung cách (trung gian) thì hiện tại số nhiều (present middle (deponent) imperative plural).

Những câu 12-13 chính là sự tập chú của nhiều sự thảo luận thần học liên hệ với sự toàn năng của Đức Chúa Trời, vốn được nhấn mạnh trong Phi-líp 2:13 (Phi-líp 1:6), và ý chí tự do của những con người vốn được gọi trong Phi-líp 2:12. Từ "cứu rỗi" trong Phi-líp 2:12

1. Chỉ đến mỗi trong giao thuộc linh của một tín đồ với Đấng Christ. Phao-lô không chỉ đề cập đến việc trở nên một Cơ Đốc Nhân trong Phi-líp 2:9-10. Đây là một ví dụ khác nữa về sự căng thẳng giữa sự toàn năng và ý chí tự do, cả việc khởi đầu và tiếp tục (Phi-líp 2:16)
2. Không chỉ đến sự cứu rỗi thuộc linh đời đời, nhưng cả đến
 - a. Khái niệm Cựu Ước "sự giải cứu thuộc thể"
 - b. "toàn bộ," cũng như nó đã được chỉ đến trong Phi-líp 1:19

Khía cạnh này của sự cứu rỗi như một "sự toàn bộ" có thể được thấy trong Công Vụ 4:10; 14:9; 27:34. Ân điển khởi đầu của Đức Chúa Trời và một đáp ứng đức tin được yêu cầu của một con người ăn năn được thấy rõ trong Ê-phê-sô 2:8-9. Rõ ràng, các tín đồ không được cố gắng làm việc để nhận được sự cứu rỗi, nhưng sau khi họ được cứu, họ sẽ hợp tác với Đức Thánh Linh để sống trong sự trưởng thành giống như Đấng Christ (Phi-líp 2:14-17; Ê-phê-sô 2:10; 5:18). Sự cứu rỗi là tất cả mọi điều của Đức Chúa Trời và nó là miễn phí trọn vẹn nhưng nó yêu cầu một sự đáp ứng đức tin chủ động, trả giá, ăn năn và tiếp diễn (Ma-thi-ơ 13:44-46).

Văn mạch này tranh chiến lại một sự giải nghĩa trên quan điểm chủ nghĩa cá nhân bởi vì "của anh em" trong Phi-líp 2:12, "anh em" in Phi-líp 2:13, và mọi động từ đều ở số nhiều, đều chỉ đến toàn bộ hội thánh Phi-líp, chứ không phải sự cứu rỗi thuộc linh cá nhân. Nếu nó đã chỉ đến sự cứu rỗi thuộc linh, nó mang tính đoàn thể (Phi-líp 1:28) và tiếp diễn (1 Cô-rinh-tô 1:18; 15:2; 2 Cô-rinh-tô 2:15). Luồng ý tưởng nhấn mạnh của đoạn Kinh Thánh đã khích lệ họ hãy tin cậy nơi sự hiện diện và mục đích của Đức Chúa Trời cho hội thánh tại Phi-líp (Ga-la-ti 3:4; 1 Cô-rinh-tô 15:2).

▣ " **lấy lòng sợ sệt run rẩy** " Đây là một thành ngữ Cựu Ước của sự tôn kính và kính sợ hướng về Đức Chúa Trời (Thi Thiên 2:11; 119:120). Nó được dùng một vài lần trong những tác phẩm của Phao-lô (1 Cô-rinh-tô 2:3; 2 Cô-rinh-tô 7:15; Ê-phê-sô 6:5). Các tín đồ cần nhớ sự Thánh Khiết siêu việt của Đức Chúa Trời!

2:13 " Vì Đức Chúa Trời là Đấng đang hành động trong anh em " "Đức Chúa Trời" được đặt ở vị trí đầu tiên trong câu để nhấn mạnh. Từ "hành động" chính là một phân từ chủ động thì hiện tại (present active participle) vốn chỉ về "sự tiếp tục một hành động hiệu quả" (Ga-la-ti 5:6). Đây là một từ ghép khác từ Phi-líp 2:12 nhưng có cùng một gốc từ. Cụm từ "trong anh em" ở số nhiều và có thể có nghĩa "ở giữa anh em," vốn tập chú vào những hành động của Đức Chúa Trời trong đời sống của Hội Thánh (Cô-lô-se 1:27).

NASB	" để sẵn lòng và để làm việc cho sự đẹp lòng tốt lành của Ngài "
NKJV	" để sẵn lòng và để hành động cho sự đẹp lòng tốt lành của Ngài "
NRSV	" để sẵn lòng và để làm việc cho sự đẹp lòng tốt lành của Ngài "
TEV	" để khiến anh em sẵn lòng và có khả năng vâng phục theo mục đích của chính Ngài "
NJB	" cho chính mục đích rộng rãi của Ngài, ban cho anh em ý định và năng lực để hành động "

Những thái độ và hành động được sản sinh bởi Đức Thánh Linh. Phân từ chủ động thì hiện tại (present active participle) trong Phi-líp 2:13a được lặp lại như một động từ nguyên mẫu chủ động thì hiện tại (present active infinitive) trong Phi-líp 2:13b. Đây là một nghịch lý của một Đức Chúa Trời toàn năng và một Đức Chúa Trời-thiết lập-giao ước. Sự cứu rỗi là một món quà-miễn phí và nó là một sự kết ước-trả giá bằng-mọi điều! Phao-lô là một ví dụ rất tốt cho ân điển không xứng đáng của Đức Chúa Trời (1 Cô-rinh-tô 15:10). Trong văn mạch này (Ga-la-ti 3:4; 1 Cô-rinh-tô 15:2) ý muốn của Đức Chúa Trời chính là một hội thánh hiệp một, yêu thương, làm chứng và hiệu quả.

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): PHI-LÍP 2:14-18

¹⁴ **Hãy làm mọi việc không một tiếng cằn nhằn hay lưỡng lự, ¹⁵ để anh em trở nên không chỗ trách được và thanh sạch, là con cái toàn hảo của Đức Chúa Trời giữa một thế hệ xảo quyệt và sa đọa; giữa thế hệ đó, anh em hãy chiếu rạng như ánh sáng trong thế gian; ¹⁶ hãy giữ vững lời hằng sống, để trong ngày của Đấng Christ tôi có thể tự hào rằng mình đã không chạy vô ích và khó nhọc uống công. ¹⁷ Cho dù tôi có phải bị đổ ra như làm lễ quán rưới trên sinh tế và lễ vật của đức tin anh em thì tôi cũng thỏa lòng và cùng vui với tất cả anh em. ¹⁸ Anh em cũng vậy, hãy vui mừng và cùng vui với tôi.**

2:14-16 Những câu này là một câu trong tiếng Hy Lạp.

2:14 " Hãy làm mọi việc không một tiếng cần nhằn hay lưỡng lự " Rõ ràng có một sự không hiệp một trong hội chúng tại Phi-líp. Nguồn gốc có thể bởi

1. Những lãnh đạo Cơ Đốc là những người ghen tỵ (Phi-líp 1:14-17)
2. Hai người phụ nữ này đang mâu thuẫn cùng với nhau (Phi-líp 4:2-3)
3. Những giáo sư giả (Phi-líp 3:từ câu 2 trở đi)

không rõ ràng. Phần Kinh Thánh không chỉ rõ hoặc là Phao-lô, hoặc các Cơ Đốc Nhân, hoặc những người không tin là đối tượng của sự lầm bầm.

2:15

NASB "rằng anh em có thể chứng minh chính mình trở nên "
NKJV "rằng anh em có thể trở thành"
NRSV, TEV "để anh em có thể trở thành "
NJB "để anh em có thể vững vàng "

Đây là một thể câu khẩn (giả định) trung cách thì bất định (aorist middle (deponent) subjunctive). Cũng như cách mà các tín đồ chọn để được cứu, thì họ cũng phải chọn để sống cho Đấng Christ! Tân Ước là một giao ước mới. Tín đồ những quyền và những trách nhiệm!

▣ **" không chỗ trách được "** Cụm từ này nguyên văn là "mà không có khiếm khuyết" (Phi-líp 3:6). Nguyên gốc trong Cựu Ước nó chỉ đến những con vật sinh tể nhưng sau đó nó trở thành cách sử dụng theo nghĩa bóng dùng cho con người (Nô-ê, Sáng 6:9,17 và Gióp, Gióp 1:1). Nó được áp dụng cho Chúa Jesus trong Hê-bơ-rơ 9:14 và 1 Phi-e-rơ 1:19. Đây đã là một cách chỉ đến đời sống giống như Đấng Christ. Đây là ý muốn của Đức Chúa Trời cho dân sự của Ngài (Lê-vi Ký 19:2; Phục Truyền 18:13; Ma-thi-ơ 5:48; 1 Phi-e-rơ 1:16). Đức Chúa Trời muốn phản chiếu chính mình Ngài trong các tín hữu ("con cái của Đức Chúa Trời," Ê-phê-sô 1:4, 6:27; Cô-lô-se 1:22; Giu-đe 24) và bởi vậy đem thể giới hư mất đất với Ngài (Phi-líp 2:15). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Không Chỗ Trách Được tại Cô-lô-se 1:22.

▣ **" thanh sạch (không vết) "** Đây là một thuật ngữ từ trong ngành sản xuất rượu cho "rượu không bị pha trộn." Nó được dùng trong Tân Ước theo nghĩa bóng cho sự không tinh sạch về mặt đạo đức (Ma-thi-ơ 10:16; Rô-ma 16:19).

▣ **" toàn hảo (vượt trên sự quả trách) "** Từ này được dùng trong bản Bảy Mươi (LXX) cho những con vật sinh tể. Từ này thường được sử dụng theo nghĩa bóng trong Tân Ước để chỉ về sự chánh trực về mặt đạo đức (Ê-phê-sô 1:4; Cô-lô-se 1:22; Jude 24; Khải Huyền 14:5,6). Từ này không có ngụ ý về tình trạng không tội lỗi, nhưng chỉ về sự trưởng thành.

▣ **" giữa một thể hệ xảo quyệt và sa đọa "** Trong Phục Truyền 32:5 cụm từ này chỉ về Y-sơ-ra-ên, nhưng trong văn mạch nó chỉ về thể giới không tin kính. Đây là một ví dụ khác về sự toàn cầu hóa những phần Kinh Thánh Cựu Ước của các tác giả Tân Ước để phù hợp với toàn bộ nhân loại. Gốc rễ của những thuật ngữ "cọng vẹo (gian xảo)" và "ngoan cố" liên hệ với khái niệm Cựu Ước về sự công chính của Đức Chúa Trời vốn được mô tả như một "cây sậy đo lường" (một mép cây hoặc một thước đo thẳng). Bất kỳ sự chệch hướng nào khỏi tiêu chuẩn của Ngài được mô tả trong những thuật ngữ "cọng vẹo" hoặc "bị bẻ cong." Những thuật ngữ này được dịch thành "tội lỗi," "sự vi phạm," hoặc "phạm lỗi" trong Tiếng Anh. Chú ý rằng văn mạch này trong Hội Thánh được gọi là sự sáng trong thể gian tối tăm này.

NASB "anh em xuất hiện như những sự sáng trong thể gian "
NKJV "anh em chiếu sáng như những sự sáng trong thể gian "
NRSV "anh em chiếu sáng như những vì sao trong thể gian "
TEV "Anh em phải chiếu sáng giữa họ như những ngôi sao chiếu sáng bầu trời "
NJB "chiếu sáng giữa họ như những vì sao sáng trong thể giới này "

Hãy chú ý những thể số nhiều chỉ ra một văn mạch tập thể. Điều này không chỉ đến những cá nhân, như trong Đa-ni-ên 12, nhưng đến những hội thánh như một tổng thể (Phi-líp 2:12). Đã có hai cách hiểu có thể của từ này:

1. Như cách nó liên hệ với Đa-ni-ên 12:3, những tín đồ được mô tả như những vàng sáng hoặc những ngôi sao chiếu sáng trên bầu trời
2. Những người mang ánh sáng (Phúc âm Phi-líp 2:16) cho thể gian (*kosmos*).

Trong Ma-thi-ơ 5:14-16 các tín đồ là những người mang sự sáng, với Chúa Jesus chính là gương mẫu của chúng

ta (Giăng 8:12; Ê-phê-sô 5:14).

2:16

NASB, NKJV,
NRSV "nắm chặt lời của sự sống "
TEV "để anh em bày tỏ cho họ sự đẹp của sự sống "
NJB "Mời gọi họ Lời của sự sống "

Đây là một phân từ thì hiện tại (present tense participle) vốn có thể giải nghĩa trong hai cách: (1) "nắm chặt," chỉ về những tín đồ như những nhân chứng. Cả hai đều phù hợp với văn mạch này (Phi-líp 2:12).

▣ " **trong ngày của Đấng Christ** " Điều này chỉ về Sự Tái Lâm của Đấng Christ. Một cụm từ tương tự được sử dụng trong Phi-líp 1:6,10. Thường trong Tân Ước Sự Tái Lâm được dùng một sự thúc đẩy cho đời sống Cơ Đốc hiện tại. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Phi-líp 1:10.

▣ " **tôi có thể tự hào rằng mình đã (được vinh quang)** " Sự không tin kính (không giống như Đức Chúa Trời) của các Cơ Đốc Nhân Phi-líp (các hội thánh) chính là bằng chứng của chức vụ sứ đồ của Phao-lô (Phi-líp 4:1; 1 Tê-sa 2:19-20).

▣ " **mình đã không chạy vô ích và khó nhọc uổng công** " Câu này nguyên văn là "rằng Tôi đã không chạy vô ích cũng như làm việc không kết quả " (với mục đích của thiết lập những hội thánh phúc âm hiệu quả, tăng trưởng nhân cấp). Có hai động từ thì bất định (aorist tense verb). Từ đầu tiên, "chạy," đã được sử dụng trong những mảnh giấy cói Ai Cập chỉ về nước chảy mà không có mục đích nào cả. Trong văn mạch, "vô ích" phải chỉ đến sự trưởng thành trở nên giống như Đấng Christ của họ (chứ không phải sự cứu rỗi của họ) cũng như họ chiếu ra ánh sáng cho Đấng Christ! Phao-lô thường giải thích sự lo lắng của ông về tình trạng trưởng thành và đứng vững của những hội thánh mới bằng cách sử dụng những ẩn dụ giống như thể này (Ga-la-ti 2:2; 4:11; 1 Tê-sa 2:1; 3:3,5). Phao-lô thường nói về chức vụ của mình như một cuộc thi đấu thể thao (1 Cô-rinh-tô 9:24-27; 1 Ti-mô-thê 6:12; 2 Ti-mô-thê 4:7).

2:17,18 Những câu này chỉ về bốn thuật ngữ vốn thường được dịch là "vui mừng." Điều này chỉ về ngay cả trong viễn cảnh của cái chết (hình phạt tử hình của Người La Mã khi đang bị tù đầy), Phao-lô vẫn vui mừng được phục vụ cho Đấng Christ và cho họ (những hội thánh mà ông đã thành lập). Ông cũng khuyên răn họ làm cùng một điều. Các tín đồ cần phải phó mạng sống họ vì những người khác cũng giống như Đấng Christ đã phó chính mạng sống Ngài vì họ (Phi-líp 2:5-11; 2 Cô-rinh-tô 5:13-14; Ga-la-ti 2:20; 1 Giăng 3:16).

2:17 "nếu" Đây là một câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence) vốn được giả định là đúng từ góc nhìn của tác giả hoặc để phục vụ cho những mục đích văn học của ông . Đây không thể xem như sự trông mong của Phao-lô cho án tử hình. Trong cùng sách ông bày tỏ hy vọng và sự trông đợi được thả khỏi tù (Phi-líp 1:25; 2:24).

NASB, NKJV "Tôi đang bị đổ ra như một của lễ quán "
NRSV "Tôi đang bị đổ ra như một lễ rượu"
TEV "huyết của sự sống tôi đang bị đổ ra như một của lễ "
NJB "huyết tôi đã bị đổ ra như một của lễ rượu "

Đây là một thể chỉ định bị động thì hiện tại (present passive indicative). Phao-lô xem chính mình ông như một của lễ cho đức tin của người Phi-líp (và Người Ngoại, Rô-ma 15:16). Phao-lô chỉ về chức vụ của ông như một của lễ trong một vài lần (Rô-ma 15:16; 2 Ti-mô-thê 4:6). Thuật ngữ Hy Lạp này phản ánh một thuật ngữ Cựu Ước cho một của lễ rượu (Xuất 29:38-41; Dân Số Ký 15:3- 10).

▣ " **trên sinh tế và lễ vật của đức tin anh em** " Phao-lô nhìn thấy đời sống và chức vụ của ông như một của sinh tế cho Đức Chúa Trời (Rô-ma 12:1-2). Ông đã hiến dâng Người Ngoại cho Đức Chúa Trời (Rô-ma 15:16). Chúa Jesus chính là một của sinh tế cho toàn thể nhân loại (Ê-sai 53; Mác 10:45; 2 Cô-rinh-tô 5:21; Ê-phê-sô 5:2). Các tín đồ cần bắt chước Chúa Jesus và Phao-lô (4:19).

Từ Hy Lạp được dịch là "chức vụ" (*leitourgia*) xuất phát được từ trong tiếng Anh như "nghỉ thức tế lễ." Nó được dùng trong bản Bảy Mươi (LXX) cho một sự cung cấp tế lễ một của lễ. Đây có thể là một sự ngụ ý khác cho sự tự hy sinh chính mình của Phao-lô cho phúc âm.

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): PHI-LÍP 2:19-3:1

¹⁹ Nhờ Chúa là Đức Chúa Jêsus, tôi mong sớm phải Ti-mô-thê đến với anh em, để chính tôi cũng được khích lệ khi biết tin tức về anh em. ²⁰ Vì không có ai đồng tâm tình với tôi để thật sự lo lắng cho anh em như Ti-mô-thê. ²¹ Ai nấy chỉ quan tâm đến lợi ích riêng của mình chứ không quan tâm đến lợi ích của Đức Chúa Jêsus Christ. ²² Nhưng anh em đã biết phẩm chất của Ti-mô-thê, anh ấy đã cùng tôi phục vụ Tin Lành như con với cha vậy. ²³ Vì thế, tôi hi vọng sẽ phải Ti-mô-thê đi, ngay khi tôi biết được tình trạng của tôi thế nào. ²⁴ Nhưng trong Chúa, tôi tin rằng chính tôi cũng sẽ sớm đến nữa. ²⁵ Tôi nghĩ cần gửi Êp-pa-phô-đích về với anh em. Anh ấy là một anh em, một đồng lao và một chiến hữu của tôi, cũng là sứ giả và người phục vụ mà anh em gửi đến để lo cho nhu cầu của tôi. ²⁶ Vì anh ấy rất mong gặp lại tất cả anh em, và lo lắng vì anh em đã nghe tin anh ấy lâm bệnh. ²⁷ Thật, anh ấy đã mắc bệnh gần chết, nhưng Đức Chúa Trời đã đoái thương anh, không phải chỉ đoái thương anh ấy thôi, mà còn cả tôi nữa, để tôi khỏi bị đau buồn chông chất. ²⁸ Vì vậy, tôi vội gửi anh ấy về, để anh em được vui mừng khi gặp lại anh ấy, còn tôi cũng bớt lo lắng. ²⁹ Thế thì, anh em hãy vui mừng trong Chúa mà tiếp đón anh ấy, và hãy kính trọng những người như vậy; ³⁰ bởi anh ấy đã vì công việc của Đấng Christ mà suýt chết, liều mạng sống mình để chu toàn những việc mà anh em không thể giúp tôi được. ^{3:1} Cuối cùng, thưa anh em của tôi, hãy vui mừng trong Chúa! Tôi không ngại mà nhắc lại những điều này với anh em, vì đó là sự an toàn cho anh em.

2:19 " Nhờ Chúa là Đức Chúa Jêsus, tôi mong sớm phải " Phao-lô biết đời sống và những kế hoạch của ông không thuộc chính mình, nhưng dưới sự tề trị của ý muốn Đức Chúa Trời (Phi-líp 2:24; 1 Cô-rinh-tô 4:19; Gia-cơ 4:13-17).

☐ " để chính tôi cũng được khích lệ " Đây là một thể cầu khẩn chủ động thì hiện tại (present active subjunctive). Thuật ngữ này được dùng trong nghĩa của một "lời chào tạm biệt" và "chúc may mắn" vốn được tìm thấy trong nhiều hăm mộ cổ xưa. Đây là lần duy nhất nó được sử dụng trong Tân Ước và có vẻ nó được dùng trong nghĩa "được cổ vũ" (NRSV).

2:20

NASB	"gần gũi về thuộc linh"
NKJV	"đồng một tâm trí"
NRSV	"giống như anh ấy"
TEV	"là người chia sẻ những cảm nhận của tôi "
NJB	"chăm sóc tận tình cho sự khỏe mạnh tốt đẹp của anh em "

Từ này nguyên văn là "đồng một linh" (*isopsuchos*) Điều này ngụ ý rằng Ti-mô-thê có cùng một tình yêu thương cho hội thánh Phi-líp cũng giống như Phao-lô đã yêu. Một từ ghép tương tự "đồng một tâm trí" (*sumpsuchos*) được sử dụng trong Phi-líp 2:2.

NASB, NRSV	"người tận tâm (thật sự) quan tâm đến sự khỏe mạnh tốt lành của anh em "
NKJV	"người tận tâm chăm sóc cho tình trạng của anh em "
TEV	"người thật sự chăm sóc cho anh em"
NJB	"chăm sóc tận tâm cho sự tốt lành của anh em"

Nguyên văn từ này có nghĩa là "được sanh ra cách hợp pháp," nhưng nó trở thành cách sử dụng theo nghĩa bóng cho "chân thật." Từ "quan tâm" xuất hiện trong Phi-líp 4:6 và có nghĩa là "lo lắng" và có một nghĩa rộng mang tính tiêu cực. Trong câu này nó có một nghĩa rộng tích cực.

2:21 Không rõ trong câu này Phao-lô chỉ đến ai, nhưng rõ ràng ông có ý nói đến những người cộng tác với ông trong chức vụ. Có lẽ câu này liên quan đến những người rao giảng cách ghen tỵ trong hội thánh (Phi-líp 1:14-17). Những người khác xem nó trong góc độ liên hệ với những giáo sư giả của đoạn 3. Tuy nhiên, điều này có vẻ bất thường bởi vì Phao-lô sẽ không liên hệ họ như là "những người rao giảng cho Đấng Christ" (Phi-líp 1:15). Một ví dụ tiêu biểu của loại người lẫn lộn những ưu tiên mà Phao-lô đang nhắc đến ở đây có thể thấy trong Ê-ma (2 Ti-mô-thê 4:10). Quyền lợi bản thân, đã, và đang là một nan đề thường xuyên (1 Cô-rinh-tô 10:24; 13:5; Phi-líp 2:4).

2:22 "phẩm chất (đã được chứng minh của anh ấy) " Từ này được dùng trong việc kiểm tra những đồng xu hoặc kim loại quý để chứng tỏ sự chân thật của chúng. Ti-mô-thê đã ở cùng với Phao-lô tại thành Phi-líp như đã

được ghi chép lại trong Công Vụ 16 và 20. Ti-mô-thê đã trở nên thật thân thuộc với họ thánh này và ông yêu mến họ hết mực.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHỮ “THỬ NGHIỆM” TRONG TIẾNG HY LẠP VÀ NHỮNG CHỮ CÓ NGHĨA TƯƠNG TỰ

Có hai thuật ngữ Hy-lạp với ý nghĩa thử nghiệm con người hoặc dụng ý .

1. *Dokimazō, Dokimion, Dokimasia*

Thuật ngữ dùng trong việc tôi luyện kim loại, một ẩn dụ về xác định tính thực chất của một chất liệu qua lửa. (xem chủ đề đặc biệt ‘Lửa’. Lửa bày tỏ kim loại thực và đốt cháy chất dơ. Một quá trình vật lý hùng mạng được dùng bởi Đức Chúa Trời và Sa-tan và con người để thử thách. Thuật ngữ này được dùng với ý nghĩa tích cực, tìm kiếm điều tốt và sự chấp nhận. (Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Chúa thử thách con người trong Cựu-ước.

Thuật ngữ này được sử dụng trong Tân-ước:

- a. thử bò – Lu-ca 14:19
- b. thử bản thân chúng ta – 1 Cô-rin-tô 11:28
- c. thử niềm tin chúng ta – Gia-cơ. 1:3
- d. thử Đức Chúa Trời – Hê-bơ-rơ 3:9

Kết quả thử nghiệm theo thuật ngữ này thường là tốt (theo Rô-ma. 2:18; 14:22; 16:10; 2 Cô-rin-tô 10:18; 13:3,7; Phi-líp 2:27; 1 Phi-ê-rơ 1:7), vì vậy thuật ngữ này bao gồm ý tưởng một người được thử nghiệm và chấp nhận.

- a. là người thành tín, đáng tin
- b. là người thiện
- c. là người thực
- d. là người đáng tôn trọng
- e. là người đáng giá

2. *Peirazō, Peirasmus*

Thuật ngữ này mang ý nghĩa thử nghiệm để tìm ra điều xấu và không đáng chấp nhận. Nó được dùng ngay cả đối với Chúa Giê-su khi bị thử thách trong đồng vắng.

- a. bao gồm sự cố gắng cài bẫy Chúa Giê-su (theo Ma-thi-ơ. 4:1; 16:1; 19:3; 22:18, 35; Mác 1:13; Lu-ca 4:2; Hê-bơ-rơ 2:18).
- b. Danh hiệu (*peirazōn* có gốc từ thuật ngữ này là ‘kẻ cám dỗ’ kẻ thử thách’ được gán cho Sa-tan , Ma-thi-ơ. 4:3; 1 Thê sa lô ni ca 3:5
- c. Cách sử dụng:
 - (1) Chúa Giê-su cảnh cáo việc thử nghiệm Đức Chúa Trời (theo Ma-thi-ơ. 4:7; Lu-ca 4:12, [or Christ theo 1 Cor 10:9]).
 - (2) Nó cũng mang ý nghĩa thử làm một việc khi việc đó đã từng thất bại (theo Hê-bơ-rơ 11:29).
 - (3) Nó cũng đồng thời mang ý nghĩa ‘cám dỗ’ và ‘thử thách’ Tín Đồ, (theo 1 Cô-rin-tô 7:5; 10:9, 13; Ga-la-ti 6:1; 1 Thê sa lô ni ca 3:5; Hê-bơ-rơ 2:18; Gia-cơ. 1:2, 13, 14; 1 Phi-ê-rơ 4:12; 2 Pet 2:9).

☐ " **như con với cha vậy (phục vụ cha mình vậy)** " Đây là cách mà Phao-lô chỉ đến một người trợ giúp tốt lành, trung thành, và trung tín (Tít 1:4). Tuy nhiên, trong trường hợp của Ti-mô-thê, nó cũng có nghĩa là một người trở lại tin Chúa (1 Ti-mô-thê 1:2; 2 Ti-mô-thê 1:2).

2:23 " ngay khi tôi biết được tình trạng của tôi thế nào " Phao-lô đã trông đợi những sự tuyên bố liên quan đến tình trạng pháp lý trường hợp của ông đến sớm, nhưng ông vẫn không chắc rằng mình sẽ bị xử tử hoặc có thể quay lại và viếng thăm họ. Thứ tự của những lá thư trong tù của Phao-lô có vẻ như thế này: (1) Cô-lô-se, Ê-phê-sô, và Phi-lê-môn được viết sớm trong tiến trình xét xử và (2) Phi-líp về cuối hướng về sự phán quyết của vụ xét xử.

2:24 "Tôi tin" Đây là một thể chỉ định chủ động thì hoàn thành (perfect active indicative) được dùng trong nghĩa của "được đảm bảo chắc chắn hoặc tự tin" (2 Cô-rinh-tô 2:3; Hê-bơ-rơ 13:18). Sự tự tin của Phao-lô được đặt ở nơi Chúa (Phi-líp 2:24), nơi Đức Thánh Linh (1:19b), và nơi những lời cầu nguyện của họ (1:19a). Phao-lô đã có

thêm tự tin vào sự phóng thích công khỏi tù trong sách này hơn là trong sách Cô-lô-se hoặc Ê-phê-sô.

2:25 " Tôi nghĩ " Đây là những thì bất định theo văn phong thư từ (epistolary aorists). Phao-lô đã viết như thể là ông đã hoàn tất nó.

▣ **"cần"** Đây là một từ Hy Lạp rất mạnh mẽ (Công Vụ 1:24; 13:46; 2 Cô-rinh-tô 9:5; Hê-bơ-rơ 8:3). Nó được đặt ở vị trí đầu tiên trong câu đề nhân mạnh.

▣ **" Ép-pa-phô-đích "** Tên của ông liên quan đến một nữ thần, Aphrodite. Ông không phải là cùng một người với người có tên là Ê-pháp-ra là người được nhắc đến trong Cô-lô-se 1:7; 4:12; Phi-lê-môn 23, mặc dù Ê-pháp-ra là một cách viết gọn của Ép-ba-phô-đích.

▣ **" một anh em, một đồng lao và một chiến hữu của tôi "** Phao-lô nhìn người đàn ông này như một người bạn đồng lao mật thiết. Có vẻ như ông đã được gửi đến bởi người Phi-líp để mang món quà tài chính đến cho Phao-lô nơi ngục tù và ở lại để giúp đỡ ông. Trong khi ở tại đó, ông bị bệnh nặng cận kề cái chết (Phi-líp 2:27). Phao-lô đã gửi ông về với hội thánh nhà của mình và bày tỏ tấm lòng biết ơn của mình đến họ vì đã gửi ông. Phao-lô không muốn hội thánh giận dữ với ông bởi vì ông đã quay trở về quá sớm.

▣ **" cũng là sứ giả và người phục vụ mà anh em gửi đến để lo cho nhu cầu của tôi "** "Sứ giả" chính là thuật ngữ "sứ đồ" vốn có nghĩa "một người được sai đi." Ở đây, nó được dùng trong một nghĩa không mang hàm ý thần học (Phi-líp 4:18; 2 Cô-rinh-tô 8:23). Hãy nhớ văn mạch quyết định nghĩa của từ, chứ không phải là văn tự/từ điển.

2:26 " vì anh ấy rất mong gặp lại tất cả anh em " Đây là một từ mạnh mẽ được dùng bày tỏ sự mong mỏi của Phao-lô được gặp hội thánh này cũng như trong Phi-líp 1:8 và 4:1. Ép-ba-phô-đích đã rất nhớ nhà cũng như ông đã bị bệnh rất bệnh nặng về mặt thuộc thể.

NASB,	
NKJV, NRSV	"sầu muộn"
TEV	"đã rất buồn phiền"
NJB	"đã lo phiền"

Từ này có thể có nghĩa là "nhớ nhà" từ trong một lần sử dụng được thấy trong một mảnh giấy cói trong tiếng Hy Lạp Koine được thấy ở Ai Cập. Ở đây nó được mô tả sự thông khổ tinh thần của ông về sự tường thuật về sự bệnh tật thuộc thể của ông đã vuron đến hội thánh Phi-líp." Cùng một thuật ngữ được dùng cho sự đau đớn, thống khổ của Chúa Jesus tại vườn Ghết-sê-ma-nê (Ma-thi-ơ 26:37; Mác 14:33).

2:27 " anh ấy đã mắc bệnh gần chết " Có vẻ Phao-lô đã không thể chữa cho ông (Phi-líp 2:30). Thật khó để xác định khi nào và như thế nào các Sứ Đồ đã sử dụng ân tứ chữa lành như thế nào và tại sao họ không có khả năng thực hiện điều đó trong nhiều trường hợp (2 Cô-rinh-tô 12; 2 Ti-mô-thê 4:20). Sự chữa lành không phải là tự động. Nhiều người giảng dạy hiện đại đã công bố rằng Đức Chúa Trời khao khát tất cả đều được chữa lành liệu có thật sự tin rằng chính Sứ Đồ Phao-lô đã không đủ đức tin trong trường hợp này? Đức tin không phải là chìa khóa mở ra sự chữa lành thần thánh, nhưng là ý muốn và kế hoạch của Đức Chúa Trời để một người được chữa lành.

Phao-lô muốn người Phi-líp biết rằng Ép-ba-phô-đích đã thực sự bị bệnh rất nghiêm trọng. Có lẽ rằng một vài người trong hội thánh Phi-líp đã trở nên bực bội khi ông quay về nhà quá sớm (Phi-líp 2:28-30).

2:30 " liệu mạng sống mình " Đây là một phân từ trung cách thì bất định (aorist middle participle) vốn nguyên văn là "đánh cược." Nó phải chỉ đến sự bệnh tật của ông. Phao-lô dùng từ Hy Lạp "linh hồn" (*psychē*) để chỉ về đời sống của Ép-ba-phô-đích. Kinh Thánh không đi theo khái niệm Hy Lạp rằng con người có "một linh hồn bất diệt" nhưng khái niệm của người Do Thái rằng con người là một "linh hồn sống" (Sáng 2:7). Thân thể thuộc thể chính là giới hạn bên ngoài của sự tồn tại trên mặt đất này của chúng ta. Con người liên hệ với hành tinh này cũng giống như loài vật, nhưng đồng thời, họ cũng liên hệ với Đức Chúa Trời. Con người, tuy nhiên, là một sự hiệp một, chứ không phải là một sự phân rẽ, chia hai, chia ba (1 Tê-sa 5:23; Hê-bơ-rơ 4:12). Sự bất hòa này được bàn bạc trong Tân Ước trong những cách trái ngược nhau:

1. Người cũ – người mới
2. Bên ngoài – bên trong
3. Thời đại cũ – thời đại mới

4. Xác thịt–thánh linh
5. Đời sống phục sinh–ngày phục sinh

Hãy cẩn thận một nền tảng thần học kiểu dò -văn bản vốn lấy một hoặc hai câu Kinh Thánh ra khỏi văn mạch của nó và khẳng định rằng chúng là "chìa khóa" để giải nghĩa phần còn lại của Kinh Thánh. Nếu chìa khóa giải nghĩa Kinh Thánh chính là một nhân loại chia thành ba (cơ thể, hồn, linh) thì chỗ nào dạy rõ ràng từ Chúa Jesus và Phao-lô? Bất kỳ ai cũng có thể lấy một câu Kinh Thánh được cô lập và công bố rằng nó là chìa khóa. Điều này ngụ ý rằng lẽ thật của Đức Chúa Trời không được viết cách rõ ràng cho một người bình thường, nhưng chỉ cho một nhóm ưu tú với những kiến thức bí mật về câu Kinh Thánh hoặc quan điểm "chìa khóa" này (Trí Huệ Giáo). Cách tiếp cận này với sự giải kinh chính là một thảm họa dành cho Cơ Đốc Giáo hiện đại.

NASB	"để hoàn tất những gì còn thiếu trong sự phục vụ của anh em cho tôi"
NKJV	"để chu cấp những gì còn thiếu trong sự phục vụ của anh em cho tôi"
NRSV	"để thực hiện nên những sự phục vụ mà anh em không thể đem lại cho tôi "
TEV	"với mục đích để đem lại cho tôi sự giúp đỡ mà chính anh em không thể đem lại"
NJB	"để thực hiện trách nhiệm với tôi và anh em không thể tự chính mình thực hiện "

Trong tiếng Anh câu này có vẻ một cách nào đó tiêu cực, tuy vậy, nó là một thành ngữ Hy Lạp bày tỏ sự không có cơ hội nhưng với một sự mong mỏi tích cực (Phi-líp 4:10; Rô-ma 1:10).

3:1 "cuối cùng" Từ này nguyên văn là "về những điều còn lại" (*loipon*). Phao-lô thường sử dụng từ này để chuyển sang một chủ đề mới, thường vào phần cuối một lá thư (2 Cô-rinh-tô 13:11; Ê-phê-sô 6:10; 1 Tê-sa 4:8; 2 Tê-sa 3:1).

Có một khuynh hướng mới trong việc giải nghĩa Tân Ước được gọi là "song hành giao thoa (chiasm)" vốn tìm cách phân biệt một loại dàn ý đối nghịch nhau (ví dụ: A, B, C, B, A). Cấu trúc của sự song hành này được biết từ Cựu Ước và nhiều người khẳng định rằng nó cũng phổ biến trong cách suy nghĩ Hy Lạp. Thường phần kết thúc của Phao-lô có vẻ để giới thiệu về lẽ thật trung tâm của cấu trúc song hành này.

☐ **" hãy vui mừng trong Chúa "** Đây là một chủ đề thường xuyên. Vui mừng trong sự hoạn nạn, vui mừng trong sự cứu rỗi, vui mừng trong Ngài!

☐ **" Tôi không ngại mà nhắc lại những điều này với anh em, vì đó là sự an toàn cho anh em."** Những lẽ thật chính yếu cần phải được lặp đi lặp lại hoặc nhấn mạnh, tác động và duy trì. Phao-lô phải nói những điều này với họ qua những lời từ miệng mình ở tại thành Phi-líp và có lẽ đã viết cho họ trong những lá thư trước đó.

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Hãy giải thích ý nghĩa của Phi-líp 2:12-13 (cả theo văn mạch và thần học).
2. Tại sao các Cơ Đốc Nhân Phi-líp lại phàn nàn và tranh cãi (Phi-líp 2:14)?
3. Tại sao những người đồng công với Phao-lô lại được xem như những người hỗn tạp về quyền lợi (Phi-líp 2:21)?
4. Tại sao Phao-lô không thể chữa lành cho Êp-ba-phô-đích?

PHI-LÍP 3

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự Công Chính Thật	Tất cả vì Đấng Christ	Một Sự Cảnh Báo	Sự Công Chính Thật	Đạo Thật về Sự Cứu Rỗi Của Các Cơ Đốc Nhân
3:1-11	3:1-11	3:1b 3:2-4a 3:4b-6 3:7-11	3:1-11	3:1b-16
Tiến về Đích	Tiến về Đích	Sự Tuyên Xung và Khuyến Dạy	Chạy Hướng về Đích	
3:12-16	3:12-16	3:12-16	3:12-14 3:15-16	
	Quyền Công Dân của Chúng Ta Nơi Thiên Đàng			
3:17-4:1	3:17-4:1	3:17-4:1	3:17-21	3:17-4:1

CHU KỶ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): PHI-LÍP 3:1

¹ **Cuối cùng, thưa anh em của tôi, hãy vui mừng trong Chúa! Tôi không ngại mà nhắc lại những điều này với anh em, vì đó là sự an toàn cho anh em.**

3:1 " Cuối cùng " Từ này nguyên văn là "về phần còn lại" (*loipon*). Phao-lô thường dùng từ này để chuyển sang một chủ đề mới, thường vào cuối của lá thư (2 Cô-rinh-tô 13:11; Ê-phê-sô 6:10; 1 Tê-sa 4:8; 2 Tê-sa 3:1).

☐ **" hãy vui mừng trong Chúa "** Đây là một chủ đề thường xuyên. Vui mừng trong sự chịu khổ, vui mừng trong Ngài!

☐ " Tôi không ngại mà nhắc lại những điều này với anh em, vì đó là sự an toàn cho anh em " Những lễ thật chính yếu cần phải được lập đi lập lại để nhấn mạnh, tác động và duy trì. Phao-lô đã phải nói những điều này với họ bằng miệng khi ông ở tại Phi-líp và có lẽ cũng đã viết cho họ trong một lá thư trước đó.

BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐÌNH 2010 (NASB (UPDATED)): PHI-LÍP 3:2-6

² Hãy coi chừng loài chó, hãy coi chừng những kẻ làm công gian ác, hãy coi chừng những kẻ chịu cắt bì giả! ³ Vì chúng ta là những người được cắt bì thật, những người phục vụ Đức Chúa Trời bởi Thánh Linh, hãnh diện trong Đấng Christ Jê-sus, và không để lòng tin cậy vào xác thịt.

⁴ Dù bản thân tôi có lý do để tin cậy xác thịt. Nếu có ai nghĩ rằng mình có lý do để tin cậy vào xác thịt thì tôi lại càng có lý do hơn: ⁵ Tôi được cắt bì ngày thứ tám, thuộc dòng dõi Y-sơ-ra-ên, bộ tộc Bên-gia-min, là người Hê-bơ-rơ, con của người Hê-bơ-rơ; về luật pháp, tôi là một người Pha-ri-si; ⁶ về lòng sốt sắng, tôi là kẻ bắt bớ Hội Thánh; về sự công chính theo luật pháp thì tôi không chỗ trách được.

3:2 " Hãy coi chừng loài chó " Đây là một thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative) của "canh giữ cho" (*blepō*), được lập đi lập lại ba lần để nhấn mạnh. Các ra-bi gọi Người Ngoại là "những con chó." Phao-lô đã đổi cụm từ này để chỉ về những giáo sư giả. Thuật ngữ "những con chó" trong Cựu Ước chỉ về (1) những kẻ mại dâm nam (Phục Truyền 23:18) hoặc (2) những kẻ xấu (Thi Thiên 22:16,20). Về mặt văn hóa, thành ngữ này chỉ về những con chó hoang dã hung dữ ngoài đường phố. Những giáo sư giả giống như những con chó độc dữ và ngẫu nhiên các tín đồ (Ma-thi-ơ 7:6; Ga-la-ti 5:15; Khải Huyền 22:15).

NASB	"sự cắt bì giả "
NKJV	"sự cắt bỏ"
NRSV	"những người cắt xẻo cơ thể "
TEV	"những kẻ khăng khăng về việc cắt xẻo cơ thể "
NJB	"những sự cắt xẻo cơ thể "

Đây là một sự chỉ đến sự khăng khăng cố chấp của những người theo chủ nghĩa Do Thái quá khích nhấn mạnh vào sự cắt bì (Công Vụ 15:1,5; Ga-la-ti 5:2-3, 12). Họ cơ bản dạy rằng một người cơ bản phải trở nên người Do Thái trước khi anh ấy trở thành một Cơ Đốc Nhân. Trở nên một người Do Thái mới trở lại đạo liên quan đến việc được cắt bì, tự báp-tem chính mình và dâng một của lễ nơi đền thờ. Sự cắt bì trở thành một ẩn dụ cho việc gánh lấy "sự hy sinh" của Luật Môi-se.

3:3

NASB, NKJV	
NRSV	"sự cắt bì thật "
TEV	" sự cắt bì thật "
NJB	"dân chân thật của sự cắt bì "

Sự cắt bì thuộc linh/ đức tin này được mô tả trong Rô-ma 2:28-29 và Ga-la-ti 3:29. Hội thánh trong nhiều cách khác nhau chính là dân Y-sơ-ra-ên thuộc linh (Ga-la-ti 6:16). Trong Cựu Ước, sự cắt bì chính là dấu hiệu của Giao Ước Áp-ra-ham (Sáng 17:11,14,23-25). Nó liên hệ với một thái độ thích đáng, chứ không chỉ những nghi lễ thuộc thể (Lê-vi Ký 26:41; Phục Truyền 10:16; và Giê-rê-mi 4:4). Sự cắt bì thuộc linh chân thật được mô tả bởi ba phân từ chủ động thì hiện tại (present active participle):

1. Những kẻ thờ phượng trong hoặc bởi Thánh Linh của Đức Chúa Trời
2. Những kẻ thờ phượng trong Đấng Christ
3. Những kẻ không đặt sự tin cậy vào xác thịt

NASB	"vinh hiển trong Đấng Christ Jesus"
NKJV	"vui mừng trong Đấng Christ Jesus"
NRSV	"và khoe mình trong Đấng Christ Jesus"
TEV	"vui mừng trong đời sống chúng ta trong sự hiệp nhất với Đấng Christ Jesus"
NJB	"và đặt Đấng Christ Jesus trở nên sự khoe mình của chúng ta"

Phao-lô thường sử dụng từ này (Rô-ma 2:23; 3:27; 4:2; 5:2,3,11; 11:18; 15:17; 1 Cô-rinh-tô 1:31; 3:21; 4:7; 5:6;

7:14; 8:24; 9:2,4,11, 15,16; 10:8,13,15,16; 11:10,12; 2 Cô-rinh-tô 1:14; 5:12; 7:4; 10:17; 11:17,18,30; 12:1,5,6,9,11; Ga-la-ti 6:4,13,14; Ê-phê-sô 2:9; Phi-líp 1:26; 2:16; 3:3; 2 Tê-sa 1:4). Nó được dịch theo văn mạch là "vui mừng," khoe mình," "sự tự hào đầy tự tin," hoặc "tôn cao."

NASB "không đặt sự tự tin nơi xác thịt "
NKJV, "không tự tin trong xác thịt chút nào "
NRSV TEV "chúng ta không đặt bất kỳ sự tin cậy nào nơi những nghi lễ bên ngoài "
NJB "không nương dựa trên những năng lực thuộc thể"

Từ này ngụ ý một sự khoe mình đầy tự tin vào một điều gì đó hoặc một ai đó. Cụm từ này ở trong sự tương phản với cụm từ trước đó. Mỗi liên hệ giữa Phao-lô với Đấng Christ và sự nhận biết về phúc âm của ông đã đem lại cho ông sự tự tin.

Điều này có thể chỉ đến sự tự hào Do Thái về nguồn gốc từ Áp-ra-ham (Phi-líp 3:4-5; Ma-thi-ơ 3:9; Giăng 8:33,37,39).

Nó chắc chắn chỉ đến những nghi lễ Do Thái giống như sự cắt bì (Công Vụ 15 và Ga-la-ti).

3:4 " Nếu " Đây là một câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence) vốn được giả định là đúng từ góc nhìn của tác giả hoặc để phục vụ cho những mục đích văn học của ông .

☐ " **tôi lại càng có lý do hơn "** Phao-lô miễn cưỡng so sánh về những chứng thực Do Thái của ông với những người theo chủ nghĩa Do Thái cực đoan. Họ không có bất kỳ sự ưu việt dòng tộc hoặc tôn giáo nào hơn ông (Phi-líp 3:5-6; 2 Cô-rinh-tô 11:22). Phao-lô biện hộ cho chính mình bởi vì qua việc tấn công cá nhân ông, thì họ đang cố gắng để bác bỏ phúc âm.

3:5 "cắt bì vào ngày thứ tám " Người Do Thái cắt bì vào ngày thứ tám sau khi sinh (Sáng 17:9-14; Lê-vi Ký 12:3). Flavius Josephus cho chúng ta biết rằng người Ả-rập cắt bì vào độ tuổi 13, khi làm theo Sáng 17:23-27.

☐ " **thuộc dòng dõi Y-sơ-ra-ên "** Để xem một danh sách về những đặc quyền của người Do Thái, hãy xem Rô-ma 9:4-5, 11:1.

☐ " **bộ tộc Bên-gia-min "** Đây là bộ tộc của vị vua đầu tiên trên Y-sơ-ra-ên, Sau-lơ. Họ cũng là một bộ phận của vương quốc phía nam, Giu-đa, sau khi các bộ tộc phân đôi vào năm 922 TC.

☐ " **người Hê-bơ-rơ, con của người Hê-bơ-rơ "** Thành ngữ này chỉ về cả (1) một dòng dõi thuần chủng hoặc (2) nói ngôn ngữ Hê-bơ-rơ (tiếng A-ram).

3:6 " về luật pháp, tôi là một người Pha-ri-si " Đây là một nhóm tôn giáo bảo thủ rất phổ biến giữa vòng Do Thái Giáo vốn phát triển trong suốt thời kỳ Mạc-ca-bê (Giăng 3:1). Họ khao khát giữ luật Môi-se đến từng mọi chi tiết (Công Vụ 26:4-5). Họ đã có những quy định chi tiết cho mỗi một lĩnh vực của cuộc sống vốn đã được phát triển theo thời gian trong những sự thảo luận giữa hai trường phái ra-bi (đạy luật) Do Thái (Shammai và Hillel). Những lời truyền khẩu của họ sau này được soạn thành điều lệ trong những bộ Kinh Talmud Ba-by-lôn và Palestine. Nicodemus và Giô-sép người A-ri-ma-thê là những trường hợp tiêu biểu tích cực về lòng nhiệt thành và sốt sắng của họ.

CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG NGƯỜI PHA-RI-SI

I. Từ gốc này có một trong những nguồn gốc có khả năng sau đây:

- A. "trở nên phân rẽ ra." Nhóm này phát triển trong thời kỳ Mạc-ca-bê (đây là quan điểm được chấp nhận rộng rãi nhất), và phân biệt họ với quần chúng với mục đích giữ những lời truyền khẩu về Luật Môi-se (*Hasidim*).
- B. "phân chia." Đây là một nghĩa khác của từ gốc tiếng Hê-bơ-rơ (BDB 827, BDB 831 I, KB 976); cả hai đều có nghĩa là "phân chia." Một vài học giả cho rằng nó có nghĩa là một người giải nghĩa (Nê-hê-mi 8:8; 2 Ti-mô-thê 2:15).
- C. "Người Ba Tư." Đây là một nghĩa khác của cùng một từ gốc tiếng A-ram (BDB 828, KB 970). Một vài giáo lý của người Pha-ri-si rất giống với thuyết nhị nguyên của Bái Hỏa Giáo Ba Tư (Persian Zoroastrian dualism) (Hãy xem Chú Đề Đặc Biệt: Thân Vị của Điều Ác).

II. Có một vài thuyết về những người đã hình thành nên Những Người Pha-ri-si.

- A. Một giáo phái thần học nhánh của Do Thái Giáo thời kỳ sớm (theo Josephus)
 - B. Một nhóm chính trị xuất phát từ giai đoạn Hasmonean và Herodian)
 - C. Một nhóm những nhà giải nghĩa Kinh Môi-se giúp cho quần chúng phổ thông có thể hiểu được Giao Ước Môi-se và những lời truyền khẩu xung quanh nó
 - D. Một phong trào được lập nên của những thầy thông giáo, giống như Ê-xơ-ra và Nhà Hội Vĩ Đại (Great Synagogue), trong sự cạnh tranh với vai trò của lãnh đạo bởi thầy tế lễ trong đền thờ Họ được hình thành từ sự mâu thuẫn với
 1. Những lãnh chúa cai trị mà không có nguồn gốc Do Thái (Đặc biệt là Antiochus IV)
 2. Tầng lớp quý tộc và những người thế tục
 3. Những người kết ước để sống một đời sống theo giao ước và những người Do Thái bình thường tại khu vực Palestine
- III. Những thông tin của chúng ta về họ đến từ
- A. Josephus, vốn cũng là một người Pha-ri-si
 1. *Antiquities of the Jews*
 2. *Wars of the Jews*
 - B. Tân Ước
 - C. Những nguồn tài liệu Do Thái Giáo sau này
- IV. Những giáo lý quan trọng chính yếu của họ là.
- A. Tin vào một Đấng Mê-si sẽ đến, vốn được ảnh hưởng bởi những tác phẩm văn học lai thế học trong thời kỳ chuyển giao giữa Cựu Ước và Tân Ước như I Enoch.
 - B. Tin rằng Đức Chúa Trời vẫn hành động trong đời sống hàng ngày. Điều này mâu thuẫn trực diện với những người Sa-đu-sê (Công Vụ 23:8). Nhiều tín lý của Người Pha-ri-si chính là sự đối nghịch thần học với giáo lý của Những Người Sa-đu-sê.
 - C. Một niềm tin vào một cuộc sống mang khuynh hướng cơ thể xác thịt sau khi chết, vốn liên hệ đến phần thưởng và sự hình phạt (Đa-ni-ên 12:2).
 - D. Niềm tin vào thẩm quyền của Cựu Ước cũng như là Những Lời Truyền Khẩu (Kinh Talmud). Họ ý thức về việc vâng phục những mạng lệnh Cựu Ước của Đức Chúa Trời trong cách họ giải nghĩa và áp dụng trong những trường phái học giả ra-bi Do Thái ((Shammai, trường phái bảo thủ và Hillel, trường phái tự do). Những sự giải nghĩa ra-bi dựa trên những cuộc đối thoại giữa những ra-bi thuộc hai luồng triết lý khác nhau, một bảo thủ và một tự do. Những cuộc thảo luận truyền miệng này về ý nghĩa của Kinh Thánh cuối cùng đã được chép xuống trong hai hình thức khác nhau: Bản Kinh Talmud Ba-by-lôn và Bản Kinh chưa hoàn chỉnh Palestinian Talmud. Họ tin vào Môi-se đã nhận được những lời truyền khẩu này tại Ngọn Si-nai. Sự bắt đầu lịch sử của những cuộc thảo luận này bắt đầu với Ê-xơ-ra và những người nam của "Nhà Hội Vĩ Đại (Great Synagogue)" (sau này được gọi là Tòa Công Luận).
 - E. Niềm tin vào một thuyết về thiên sứ được phát triển cao độ. Điều này liên quan đến cả những bản thể thuộc linh tốt lành và xấu xa. Niềm tin này được phát triển từ thuyết nhị nguyên và văn học trong Do Thái trong thời kỳ chuyển giao giữa Cựu Ước và Tân Ước.
 - F. Niềm tin vào sự toàn năng của Đức Chúa Trời, nhưng cũng tin vào sự thực hành ý chí tự do của con người (*yetzers*).
- V. Những ưu điểm của phong trào Pha-ri-si.
- A. Họ yêu quý, tôn trọng và tin cậy sự mặc khải của Đức Chúa Trời (tất cả chúng, bao gồm Các Sách Luật Pháp, Các Sách Tiên Tri, Các Tác Phẩm Truyền Thống Viết, và Truyền Miệng (Những Lời Truyền Khẩu)).
 - B. Họ kết ước trở nên nhữn người bước đi trung tín theo (đời sống và đức tin hàng ngày) sự mặc khải của Đức Chúa Trời. Họ đã muốn là "những người Y-sơ-ra-ên công chính" để ứng nghiệm những lời hứa tiên tri của một thời đại mới thịnh vượng.
 - C. Họ biện hộ cho một xã hội Do Thái công bằng, vốn bao gồm mọi tầng lớp dân chúng. Trong một nghĩa, họ chối bỏ vai trò lãnh đạo và thần học thầy tế lễ (Những Người Sa-đu-sê) (Công Vụ 23:8).
 - D. Họ đã thúc đẩy một bộ phận nhân loại cho Giao Ước Môi-se. Họ đã khẳng định đầy đủ sự toàn năng của Đức Chúa Trời, nhưng vẫn nắm giữ nhu cầu thực hành của ý chí tự do của con người (ví dụ, hai *yetzers*).
 - E. Những sự đề cập trong Tân Ước dành cho Những Người Pha-ri-si đáng được kính trọng (ví dụ, Ni-cô-đem, và Giô-sép người A-ri-ma-thê).
- VI. Họ là nhóm người Do Thái Giáo duy nhất còn sống sót sau sự hủy diệt thành Giê-ru-sa-lem và đền thờ bởi người La Mã vào năm 70 SC. Họ đã trở thành Do Thái Giáo hiện đại.

▣ " về lòng sốt sắng " Sự nhiệt thành không đương nhiên (chắc chắn) đến từ Đức Chúa Trời (Rô-ma 10:2).

▣ " kẻ bất bớ Hội Thánh " Sau-lơ có vẻ đã bỏ tù và thậm chí đã giết những tín đồ (Công Vụ 8:3; 9:1,13,21; 1 Cô-rinh-tô 15:9; Ga-la-ti 1:13-14,23; 1 Ti-mô-thê 1:13). Đây rõ ràng là một sự chi đến hội thánh phổ thông (Ma-thi-ơ 16:18; Ê-phê-sô 1:22; 3:10,21; 5:23-32). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Hội Thánh (*Ekklesia*) tại Cô-lô-se 1:18.

▣ " về sự công chính theo luật pháp thì tôi không chỗ trách được " Phao-lô đã nói về sự hiểu biết Luật Pháp Môi-se và sự giải nghĩa của luật ấy (Kinh Talmud) tiền Cơ Đốc của ông (Mác 10:20). Nếu những giáo sư giả này muốn vui mừng, phần khởi về đặc tính Do Thái của họ, thì Phao-lô cũng có thể làm như vậy (2 Cô-rinh-tô 11:16-23). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-phê-sô 4:24.

Từ "không chỗ trách được" nguyên văn được sử dụng trong những sự dâng sinh tế những sinh vật trong Cựu Ước (Phi-líp 2:15). Nó không có nghĩa là "không có tội lỗi" (Sáng 6:9,17; Gióp 1:1), nhưng nói về một người đã đáp ứng những gì người đó có thể hiểu được trong ý muốn của Đức Chúa Trời.

Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Không chỗ trách được tại Cô-lô-se 1:22.

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010 (NASB (UPDATED)): PHI-LÍP 3:7-11

⁷ Nhưng vì có Đấng Christ, tôi xem những lợi lộc mình có như là lỗ. ⁸ Hơn thế, tôi cũng xem tất cả mọi sự như là lỗ, vì sự nhận biết Đấng Christ Jê-sus, Chúa tôi, là quý hơn hết. Vì Ngài, tôi đành chịu lỗ tất cả, và xem những điều đó như rác rưởi, để được Đấng Christ, ⁹ và được ở trong Ngài. Được vậy không phải nhờ sự công chính của tôi dựa trên luật pháp mà nhờ đức tin nơi Đấng Christ, là sự công chính đến từ Đức Chúa Trời dựa trên đức tin, ¹⁰ để tôi được biết Ngài, quyền năng phục sinh của Ngài, được chia sẻ sự thương khó của Ngài, và trở nên giống như Ngài trong sự chết của Ngài; ¹¹ hi vọng rằng tôi có thể đạt được sự sống lại từ cõi chết.

3:7 " tôi xem những lợi lộc mình có như là lỗ " Đây là một thể chỉ định trung cách (trung gian) thì hoàn thành (perfect middle (deponent) indicative). Phao-lô đã nhìn thấy những luật lẽ và nghi lễ vô ích như là một phương cách để đạt đến tình trạng công chính thật (Cô-lô-se 2:16- 23). Đây là một sự dịch chuyển thần học chính từ những sự huấn luyện tôn giáo và đời sống trước kia vốn đã xảy ra trong sự trở lại tin Chúa trên đường đến Đamách của ông (Công Vụ 9:1-22; 23:3-16, 26:9-18).

3:8-11 Những câu Kinh Thánh này là một câu trong tiếng Hy Lạp.

3:8 " tôi cũng xem " Đây là một thể chỉ định trung cách (trung gian) thì hiện tại (present middle (deponent) indicative). Thuật ngữ này được sử dụng ba lần trong Phi-líp 3:7, 8. Đây là một thuật ngữ thương mại cho "thiệt hại." Tất cả những gì Phao-lô đặt sự tin cậy trước đây cho sự công chính (dòng dõi và biểu hiện tôn giáo của ông), giờ đây ông xem nó như là "lỗ."

NASB, NRSV	"trong cách nhìn về giá trị vượt trội của sự nhận biết Đấng Christ Jesus là Chúa tôi"
NKJV	"cho sự nhận biết toàn hảo về Đấng Christ Jesus Chúa tôi "
TEV	"vì có điều giá trị hơn rất nhiều, tri thức về Đấng Christ Jesus Chúa tôi"
NJB	"bởi vì mỗi lợi tối cao của sự nhận biết Đấng Christ Jesus Chúa tôi"

Chìa khóa cho Cơ Đốc Giáo là mối quan hệ cá nhân với Chúa Jesus. Trong tiếng Hê-bơ-rơ "nhận biết" ngụ ý về một mối quan hệ cá nhân mật thiết, chứ không phải những sự kiện về một ai đó hoặc một điều gì đó (Sáng 4:1; Giê-rê-mi 1:5).

Phúc âm là (1) một Đấng để chào đón; (2) một nội dung để tin cậy; và (3) một đời sống để bước đi! Để xem về "giá trị vượt trội" (*huperechō*) Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Cách sử dụng của Phao-lô về những từ ghép *Huper* tại Ê-phê-sô 1:19. Cùng một từ được sử dụng trong Phi-líp 2:3; 3:8; và 4:7.

▣ " tôi đành chịu lỗ tất cả " Đây là một thể chỉ định thụ động thì bất định (aorist passive indicative). Câu này có thể chỉ đến gia đình, phần thừa kế, công trạng tôn giáo và/hoặc sự huấn luyện luật lệ Do Thái Giáo (ra-bi) của

ông. Mọi việc mà trước kia ông đã xem là có giá trị đột nhiên mất đi toàn bộ giá trị của nó! Tất cả đã thay đổi trên con đường đến Đa-mách (Công Vụ 9; 22:3-16; 26:9-18).

NASB, NKJV "xem chúng như rác"
NRSV "nhìn chúng như rác"
TEV "tôi xem nó toàn bộ chỉ như rác"
NJB "và nhìn trên chúng như rác bần"

Từ này nguyên văn là từ dùng cho "phân" hoặc có lẽ là một từ rút gọn phổ biến của cụm từ "bị quăng cho những con chó" (Phi-líp 3:2). Theo nghĩa bóng nó có nghĩa "không có giá trị gì."

☐ "**để được Đấng Christ**" Đây là một thể cầu khẩn (giả định) chủ động thì bất định (aorist active subjunctive). Phao-lô sử dụng thuật ngữ thương mại này theo nghĩa bóng, "đạt được" hoặc "chiếm được" Đấng Christ hoặc phúc âm như trong Phi-líp 1:21; 3:7,8; và 1 Cô-rinh-tô 9:19-22 [năm lần]. Trong Tít 1:11 ông dùng nó trong nghĩa đen.

3:9 "và được ở trong Ngài" Đây là một thể cầu khẩn thụ động thì bất định (aorist passive subjunctive). Nó bày tỏ sự cầu nguyện sâu sắc nhất của. "Trong Ngài" hoặc "in Đấng Christ" đã là cấu trúc ngữ pháp yêu thích của Phao-lô dùng cho các tín đồ (để xem về những trường hợp tiêu biểu hãy xem Ê-phê-sô 1:3, 4, 6, 7, 9, 10 [ba lần], 12, 13 [hai lần]).

☐ "**không phải nhờ sự công chính của tôi dựa trên luật pháp**" Đây là một vấn đề then chốt (Rô-ma 3:9-18,21-31). Làm thế nào để một con người trở nên công chính với Đức Chúa Trời? Biểu hiện (của họ) hay ân điển? Điều này đã được trả lời một lần và đủ cả cho Phao-lô trên con đường đến Đa-mách (Công Vụ 9; 22:3-16; 26:9-18). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-phê-sô 4:24.

☐ "**mà nhờ đức tin nơi Đấng Christ**" Đức tin chính là cách các cá nhân nhận lãnh món quà ân điển của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ (Rô-ma 3:24; 6:23; Ê-phê-sô 2:8-9). Đức tin và sự ăn năn là hai khía cạnh cần thiết của sự đáp ứng của con người đối với giao ước mới (Mác 1:15; Công Vụ 3:16,19; 20:21).

☐ "**sự công chính đến từ Đức Chúa Trời dựa trên đức tin**" Sự công chính là một món quà đến từ Đức Chúa Trời (*dōrea*, Rô-ma 5:15; 2 Cô-rinh-tô 9:15; Ê-phê-sô 3:7; *dōreōma*, Rô-ma 5:16; *dōron*, Ê-phê-sô 2:8; *charisma*, Rô-ma 6:23). Ngài luôn nắm sự chủ động khởi nguyên (Giăng 6:44,65). Đức Chúa Trời khao khát rằng tất cả mọi người đều được cứu (Ê-xê-chi-ên 18:23,32; 1 Ti-mô-thê 2:4; 2 Phi-e-rơ 3:9); Ngài đã chu cấp một con đường cho toàn bộ nhân loại đều được cứu! Họ phải đáp ứng và tiếp tục đáp ứng với sự mời gọi của Đức Chúa Trời bởi

1. Sự ăn năn
2. Đức tin
3. Sự vâng phục
4. Sự phục vụ
5. Sự kiên trì

Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-phê-sô 4:24.

3:10 "quyền năng phục sinh của Ngài" Cụm từ này bắt buộc phải chỉ đến đời sống mới của tín đồ trong Đấng Christ. Chuỗi của những cụm từ trong Phi-líp 3:10 có thể phản ánh những sự chịu khổ của Phao-lô cho phúc âm (2 Cô-rinh-tô 4:7-12,16; 6:4-10; 11:23-28) vốn bao gồm sự tù đày trong hiện tại của ông.

Những người khác xem tất cả những cụm từ trong Phi-líp 3:10 như những khía cạnh của sự hiệp nhất ẩn giấu với Đấng Christ hoặc sự trưởng thành giống như Đấng Christ của họ. Cũng như Chúa Jesus đã trở nên toàn hảo bởi những điều Ngài đã phải chịu khổ (Ê-bơ-rơ 5:8) thì cũng vậy các tín đồ cũng trưởng thành qua sự chịu khổ (Rô-ma 5:1-5).

☐ "**chia sẻ sự thương khó của Ngài**" Sự chịu khổ là một chủ đề rất phổ biến về trải nghiệm Cơ Đốc của những thế kỷ đầu tiên cũng như trong nhiều xã hội trên thế giới ngày nay (Rô-ma 8:17; 1 Tê-sa 3:3; 2 Ti-mô-thê 3:12; 1 Phi-e-rơ 3:14; 4:12-19). Cũng như những tín đồ đã chia sẻ trong sự đấng táng của Chúa Jesus, họ cũng chia sẻ trong chức vụ của Ngài (Ma-thi-ơ 10:24; Lu-ca 6:40; Giăng 13:14-16; 15:20; 17:18; 20:21; 2 Ti-mô-thê 3:12). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: *Koinōnia* tại Phi-líp 2:1.

▣ " **trở nên giống như Ngài trong sự chết của Ngài** " Đây là một phân từ bị động thì hiện tại (Present passive participle). Các tín đồ phải chết đi đối với tội lỗi và với cái tôi của mình và sống đối với Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 16:24-26; Rô-ma 6:1-11; Ga-la-ti 2:20; Cô-lô-se 3:3). Sự sống thật được tiếp nối theo sự chết với đời sống cũ!

3:11 Đây là một câu điều kiện bậc ba (third class conditional sentence) vốn có nghĩa một hành động có khả năng trong tương lai. Câu 11 phải được giải nghĩa trong ánh sáng của câu 10. Cụm từ này không mô tả về sự cứu rỗi, nhưng về sự khiêm nhường!

▣ " **tôi có thể đạt được** " Ở đây một lần nữa chính là khuôn mẫu biện chứng hoặc nghịch lý của thần học Phao-lô. Phao-lô vốn đã biết rằng ông là một Cơ Đốc Nhân và rằng cũng như Đấng Christ đã được khiến sống lại bởi Thánh Linh thì cũng vậy ông cũng được đẩy lên (Rô-ma 8:9-11).

Tuy nhiên, Phao-lô xem sự cứu rỗi không chỉ là một sự kiện hoàn tất trong quá khứ (Công Vụ 15:11; Rô-ma 8:24; 2 Ti-mô-thê 1:9; Tít 3:5), nhưng cũng là một tiến trình tiếp diễn (1 Cô-rinh-tô 1:18; 15:2; 2 Cô-rinh-tô 2:15) và cuối cùng trong một sự hoàn thành trọn vẹn (Rô-ma 5:9,10; 10:9; 1 Cô-rinh-tô 3:15; Phi-líp 1:28; 1 Tê-sa 5:8-9; Hê-bơ-rơ 1:14; 9:28). Cơ Đốc Giáo dựa trên đặc tính và món quà của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ và một đời sống mãnh liệt, trung kiên, đầy sinh lực của một chức vụ đầy lòng biết ơn dâng lên Đức Chúa Trời (Ê-phê-sô 2:8-9 và 10). Theo quyển *A Theology of the New Testament*, được viết bởi George E. Ladd, ở trang 521-522, có một phần bình luận hay về chủ đề này.

▣ " **sự sống lại** " Đây là một từ ghép không phổ biến. Nó chỉ được thấy duy nhất ở đây trong Tân Ước. Nó nguyên văn là "ra khỏi *sự chết* vào trong *sự sống* phục sinh." Phao-lô đã thảo luận về mối liên hệ mật thiết giữa chính ông và Đấng Christ phục sinh. Ông trông mong ngày lai thể khi mà ông cũng sẽ được kinh nghiệm sự phục sinh thân thể cũng như ông đã được trải nghiệm sự phục sinh thuộc linh (Rô-ma 6:4-11; 2 Cô-rinh-tô 5:17; 1 Giăng 3:2). Đây là một bộ phận của sự mâu thuẫn "đã đến nhưng chưa đến" của Vương Quốc Đức Chúa Trời, sự chồng lấn của hai thời đại Do Thái.

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): PHI-LÍP 3:12-16

¹² Ấy không phải là tôi đã đoạt giải, hoặc đã trở nên toàn hảo rồi đâu, nhưng tôi đang theo đuổi để đoạt cho được, vì chính tôi đã được Đấng Christ đoạt lấy rồi. ¹³ Thừa anh em, tôi không nghĩ rằng mình đã đoạt được rồi; ¹⁴ nhưng tôi cứ làm một điều: quên đi những gì ở đằng sau, vươn tới những gì ở đằng trước, tôi nhắm mục đích mà theo đuổi để đoạt giải về sự kêu gọi trên cao của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ Jêsus. ¹⁵ Vậy, tất cả những người trưởng thành phải có ý nghĩ này, còn nếu anh em nghĩ điều gì khác thì Đức Chúa Trời cũng sẽ bày tỏ cho anh em. ¹⁶ Tuy nhiên, chúng ta đạt đến mức độ nào thì cứ bước đi như vậy.

3:12 " Ấy không phải là tôi đã đoạt giải " Phao-lô đã sống trong sự căng thẳng của Vương Quốc Đức Chúa Trời hiện tại nhưng chưa được hoàn tất trọn vẹn. Ông đã nhận biết Đấng Christ, ông đã biết rằng ông đã ở trong Đấng Christ, ông biết rằng ông đã được chấp nhận bởi Đấng Christ nhưng ông đang khó khăn tranh đấu với đời sống giống như Đấng Christ (Rô-ma 7). Phao-lô đã đến nhưng chưa đến trọn vẹn; ông đã hoàn thành nhưng chưa hoàn thành trọn vẹn.

Một vài bản thảo Hy Lạp, P⁴⁶, D*, và G, thêm vào "hoặc đã công chính." Sự thêm vào này cũng được thấy trong những bản Kinh Thánh tiếng Hy Lạp được sử dụng bởi Irenaeus and Ambrosiaster. Tuy nhiên, phần Kinh Thánh ngắn hơn được ủng hộ bởi MSS P⁶¹, 8, A, B, D^C, K, và P cũng như những bản dịch cổ, bản Vulgate, Syrian, và Coptic.

NASB, TEV	"hoặc đã trở nên trọn vẹn "
NKJV	"hoặc tôi đã trọn vẹn "
NRSV	"hoặc đã vươn đến mục đích "
NJB	"cũng chưa đạt đến mục đích của tôi "

Đây là một thể chỉ định thụ động thì hoàn thành (perfect passive indicative) với ngụ ý rằng một điều gì đó đã xảy ra trong quá khứ đã trở nên một tình trạng chắc chắn và đã được hoàn thành bởi Đức Chúa Trời. Chính từ này có nghĩa là

1. Được phát triển trọn vẹn

2. Được trang bị cách trọn vẹn
3. Hoàn tất
4. Trưởng thành
5. Đầy đủ

Nó không có nghĩa rộng trong tiếng anh của sự hoàn hảo hoặc không có tội lỗi.

▣ " **tôi đang theo đuổi** " Đây là một thể chỉ định chủ động thì hiện tại (present active indicative). Từ này nguyên gốc là một thuật ngữ săn bắn có nghĩa là "đuổi theo một con thú." Nó trở thành cách sử dụng theo nghĩa bóng cho một cuộc chạy đua. Phao-lô không đeo đuổi theo sự cứu rỗi (Rô-ma 9:30) nhưng một sự trưởng thành, một sự trở nên giống như Đấng Christ (Rô-ma 6:4-9).

NASB	" để rằng tôi có thể nắm chặt lấy điều mà bởi điều đó tôi đã được nắm chặt bởi Đấng Christ Jesus "
NKJV	" để tôi có thể nắm chặt lấy điều mà bởi điều đó Đấng Christ Jesus đã nắm chặt tôi "
NRSV	" Để khiến điều đó thuộc về tôi, bởi vì Đấng Christ Jesus đã khiến tôi thuộc riêng về Ngài "
TEV	" để chiếm được giải mà bởi đó Đấng Christ Jesus đã chiếm được tôi cho chính Ngài "
NJB	" trong sự nỗ lực để nắm được giải mà bởi đó Đấng Christ Jesus đã nắm chặt tôi "

Phần này bắt đầu với một câu điều kiện bậc ba (third class conditional sentence) (dùng *ei* thay vì *ean*) vốn có nghĩa là một hành động tương lai có khả năng (Phi-líp 3:11). Nó có thể chỉ đến (1) sự cứu rỗi (Phi-líp 3:9); (2) sự trở nên giống như Đấng Christ (Phi-líp 3:10); hoặc (3) sự phục sinh (Phi-líp 3:11).

Đây là một từ Hy Lạp mạnh mẽ. Phao-lô đã "được chộp lấy" bởi Đấng Christ trên đường đến Đa-mách (Công Vụ 9:1-22; 22:3-16; 26:9-18). Đấng mà những người đi theo Ngài đang bị ông bắt bớ giờ đây đã đối mặt với ông trong vai trò là Chúa phục sinh. Trái nghiệm thần học và cá nhân đã được hòa nhập! Phao-lô giờ đây đã được tìm kiếm để trở nên giống như những người và giống như Ngài là những kẻ ông đã từng tấn công họ.

3:13 " tôi không nghĩ rằng mình đã đoạt được rồi " Đây là một nguyên mẫu chủ động thì hoàn thành (perfect active infinitive). Từ này được dùng ba lần trong Phi-líp 3:12-13. Phao-lô tranh đấu để trưởng thành trong Đấng Christ nhưng ông biết rằng ông vấp ngã kém thiếu trong sự trưởng thành giống như Đấng Christ (Rô-ma 7). Nhưng một lẽ thật vĩ đại của phúc âm rằng trong ông (và tất cả mọi tín đồ) đã hoàn tất (được xưng công chính và thánh hóa, Rô-ma 8:29-30).

Những thuật ngữ "xem," "quy," hoặc "coi là" (Rom 4:3; 6:11; 1 Cô-rinh-tô 13:5) tất cả chỉ về một sự khẳng định về tâm trí nơi mà những sự hiểu biết phúc âm và những sự lựa chọn được sống trong ánh sáng của chính lẽ thật và thế giới quan tươi mới của phúc âm của con người sa ngã trong Đấng Christ!

Có những sự khác biệt về mặt bản thảo trong câu này với từ "chưa" và "không." Những bản Kinh Thánh cổ được chia thành hai giữa hai lựa chọn này. Sự giải thích tốt nhất có thể chính là nhưng nhà chép Kinh đã đổi từ "không" của Phao-lô thành "vẫn chưa" bởi vì họ có lẽ đã suy nghĩ rằng ông đã quá khiêm nhường. Giống như phần lớn những sự khác biệt bản thảo khác, điều này ảnh hưởng đến sự giải nghĩa rất ít.

▣ " **quên đi những gì ở đằng sau** " Đây là một Phân từ trung cách (trung gian) thì hiện tại (Present middle (deponent) participle). Phao-lô đã bắt đầu quá thuộc linh. Ông đã bỏ lại quá khứ Do Thái Giáo của ông. Tuy nhiên, bởi vì nó là thì hiện tại, cụm từ này có thể bao gồm cả công việc Sứ Đồ hoặc sự tu dạy hiện tại của ông. Chỗ đứng thuộc linh của ông trước Đức Chúa Trời không dựa trên sự biểu hiện của con người, dù là quá khứ hay hiện tại!

▣ " **vươn tới những gì ở đằng trước** " Đây là một Phân từ trung cách (trung gian) thì hiện tại (Present middle (deponent) participle). Đây là từ đầu trong một chuỗi của những thuật ngữ về thể thao. Nó có nghĩa là "một người chạy vươn đến với mục đích." Nó là một từ ghép được tăng cường với hai giới từ, *epi* và *ek*. Phao-lô đã sống quyết liệt một đời sống của sự biết ơn. Sau khi được cứu, mức độ quyết liệt tăng cường của ông vẫn duy trì ở mức mãnh liệt nhưng động cơ đã được thay đổi triệt để từ nỗ lực-bản thân sang sự phục vụ phúc âm.

3:14 Đây là một chuỗi của những ẩn dụ thể thao. Chúng chỉ cho ta nỗ lực đầy cố gắng cho đời sống Cơ Đốc (1 Cô-rinh-tô 9:24,27; Hê-bơ-rơ 12:1).

▣ " **theo đuổi... sự kêu gọi... của Đức Chúa Trời** " Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Được kêu gọi tại Ê-phê-sô 4:1.

3:15 " tất cả những người trưởng thành " Đây là cùng một từ "hoàn hảo" cũng như trong Phi-líp 3:12 nhưng Phao-lô đang sử dụng nó trong hai nghĩa khác nhau. Các Cơ Đốc Nhân có thể trở nên trưởng thành mà không (cần) có tình trạng không tội lỗi (1 Cô-rinh-tô 2:6; 14:20; Ê-phê-sô 4:13; Hê-bơ-rơ 5:14; 6:1).

▣ **" phải có ý nghĩ (thái độ) này "** Phao-lô thường chỉ đến những tiến trình tâm trí. Phao-lô dùng vài từ Hy Lạp cho việc biện giải và suy nghĩ. Đây là một thể cầu khẩn (giả định) chủ động thì hiện tại (present active subjunctive) của từ "*phroneō*" (Phi-líp 1:7; 3:15,19); "*ginosko*" (Phi-líp 1:12); "*psuchē*" (Phi-líp 1:27); "*noēma*" (Phi-líp 4:7); "*logizomai*" (Phi-líp 4:9); "*manthano*" (Phi-líp 4:9, 11). Các tín đồ cần phải thờ phượng Đức Chúa Trời với tâm trí của họ (Phục Truyền 6:23, được trích trong Ma-thi-ơ 22:36-38; Mác 12:29-34; Lu-ca 10:27-28). Cơ Đốc Giáo chân chính không thể chống-trí tuệ. Tuy nhiên, chúng ta không được tin cậy nơi sự biện giải con người sa ngã của chúng ta, nhưng phải tin cậy nơi sự bày tỏ của chính mình Đức Chúa Trời (Kinh Thánh).

▣ **"nếu"** Đây là một câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence), vốn được cho là đúng từ quan điểm của tác giả hoặc để phục vụ cho những mục đích thần học của ông. Có những người trong mối quan hệ là người đã có một "thái độ khác."

▣ **" Đức Chúa Trời cũng sẽ bày tỏ cho anh em "** Đây là một sự bất đồng ý kiến giữa các tín đồ về nhiều khía cạnh của đức tin. Phao-lô cảm thấy tự tin rằng giao ước mới vốn liên quan đến sự ngự trong lòng của Thánh Linh, một tâm lòng tươi mới, và một tâm trí tươi mới vốn cuối cùng sẽ bày tỏ và hình thành trong mọi tín đồ (Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:26-27; Giăng 6:45; Ê-phê-sô 1:17; 1 Tê-sa 4:9; 1 Giăng 2:27).

Trong văn mạch cụm từ này bày tỏ quan điểm của Phao-lô về thẩm quyền của thông điệp của ông. Ông cảm biết được rằng mình được dẫn dắt bởi Thánh Linh (1 Cô-rinh-tô 2:10; 7:10-12; 11:23; 14:37-38; 2 Cô-rinh-tô 10:8; 12:1; Ga-la-ti 1:12,16; 2:2; 2 Tê-sa 3:14). Đây là một cách khác để phản ánh sự cảm biết về thẩm quyền sứ đồ của ông.

Cây cũng có thể được giải nghĩa trong hai cách: (1) Đức Chúa Trời sẽ bày tỏ về lẽ thật của Ngài cho những tín đồ vẫn sai sót hoặc (2) Đức Chúa Trời sẽ bày tỏ cho các tín đồ là những người vẫn sai sót trong tín lý và hành động của họ. Trong văn mạch lựa chọn #2 có vẻ tốt nhất.

3:16

NASB	"tuy vậy, chúng ta hãy giữ vững tiếp tục sống bởi cùng một tiêu chuẩn mà bởi nó chúng ta đã đạt được"
NKJV	"tuy vậy, về mức độ mà chúng ta đã đạt được, chúng ta hãy bước đi trong cùng những quy tắc ấy, chúng ta hãy có đồng một tư tưởng "
NRSV	"Chúng ta hãy chỉ nắm chặt lấy những gì chúng ta đã đạt được "
TEV	"Tuy rằng nó có khả năng như vậy, chúng ta hãy tiến lên theo cùng những quy tắc mà chúng ta đã đi theo cho đến bây giờ "
NJB	" trong lúc ấy, chúng ta hãy tiến lên từ điểm mà chúng ta đã đạt được "

Câu này là sự khuyên răn của Phao-lô hãy tiếp tục sống như những Cơ Đốc Nhân (Ê-phê-sô 4:1,17; 5:2,15). Các tín đồ được xưng công chính và thánh hóa bởi món quà của Đức Chúa Trời qua đức tin nơi Đấng Christ, nhưng họ phải tiếp tục cố gắng hướng về sự trưởng thành giống như Đấng Christ (2 Cô-rinh-tô 3:18).

Đây là một chuỗi những sự thêm vào câu Kinh Thánh trong những bản thảo tiếng Hy Lạp. Bản ngắn nhất (NASB và NRSV) được thấy trong những bản thảo tiếng Hy Lạp P¹⁶, P⁴⁶, ^{8*}, A, B. UBS⁴ đánh giá cách viết ngắn hơn này một điểm "A" (chắc chắn). Bản Textus Receptus thêm vào "chúng ta hãy có cùng một tư tưởng" (NKJV) vốn cũng được thấy trong các bản thảo MSS ^{8c}, K, và P. Có một vài sự thêm vào vốn có vẻ như là khuynh hướng bổ sung và thêm vào trong câu này.

BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): PHI-LÍP 3:17-4:1

¹⁷ Thừa anh em, hãy cùng nhau bắt chước tôi, và hãy chú tâm đến những người sống theo mẫu mực mà anh em thấy trong chúng tôi. ¹⁸ Vì tôi đã thường nói điều này với anh em, bây giờ tôi lại khóc mà nói nữa: Có nhiều người đã sống như kẻ thù của thập tự giá Đấng Christ. ¹⁹ Kết cuộc của họ là hư mất. Họ lấy bụng mình làm chúa mình, lấy xấu hổ làm vinh quang, và chỉ nghĩ đến những việc thế gian. ²⁰ Nhưng chúng ta là công dân trên trời; từ nơi ấy, chúng ta trông đợi Chúa và Cứu Chúa là Đức Chúa Jêsus Christ. ²¹ Ngài sẽ biến hóa thân thể thấp hèn của chúng ta trở nên giống như thân thể vinh quang của Ngài, dùng

quyền năng khiến muôn vật quy phục Ngài. ^{4:1} Vậy, thưa anh em yêu dấu của tôi, là những người thân mến và thương nhớ, là niềm vui và mào triều thiên của tôi, hãy cứ đứng vững trong Chúa!

3:17 " hãy cùng nhau bắt chước tôi " Câu này có hai thể mệnh lệnh thì hiện tại (present imperative). Phao-lô đang khích lệ họ đi theo ông cũng như ông đã đi theo Đấng Christ (Phi-líp 4:9; 1 Cô-rinh-tô 4:16; 11:1; 1 Tê-sa 1:6; 2 Tê-sa 3:7,9). Cụm từ này liên kết với Phi-líp 3:15-16 về mặt lô-gic. Hãy chú ý cách tấm gương của Phao-lô đã được mở rộng để bao gộp nhóm truyền giáo của ông và có lẽ cả Ép-ba-phô-đích ("tôi"- "chúng tôi").

☐ " **mẫu mực** " Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây.

SPECIAL TOPIC: FORM (TUPOS)

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: HÌNH THÁI (TUPOS)

Từ *tupos* có một trường nghĩa rộng

1. Sách của Moulton và Milligan, *The Vocabulary of the Greek New Testament*, trang 645 chép như sau:
 - a. Mẫu
 - b. Kế hoạch
 - c. Dạng hay cách viết
 - d. Chiều chỉ
 - e. Câu hay quyết định
 - f. Mẫu thân thể con người dưng làm tế lễ cho thần chữa lành
 - g. Động từ dùng với ý nghĩa củng cố các điều răn trong luật pháp
2. Sách của Louw và Nida, *Greek-English Lexicon*, vol. 2, trang 249 cho biết:
 - a. Vết sẹo (Giăng 20:25)
 - b. Ảnh tượng (Công-vụ 7:43)
 - c. Mẫu (Hê-bơ-rơ 8:5)
 - d. Ví dụ (I Cô-rinh-tô 10:6; Phi-líp 3:17)
 - e. Nguyên mẫu (Rô-ma 5:14)
 - f. Loại (Công-vụ. 23:25)
 - g. Nội dung (Công-vụ. 23:25)
3. Sách của H.K. Moulton, *The Analytical Greek Lexicon Revised*, trang 411 chép như sau:
 - a. Một tiếng còi thổi, một ấn tượng, một dấu ấn (Giăng 20:25)
 - b. Sự phát họa
 - c. Một ảnh tượng (Công-vụ 7:43)
 - d. Một phương thức (Rô-ma 6:17)
 - e. Một dạng thức (Công-vụ. 23:25)
 - f. Một hình ảnh, một bản đối chiếu (I Cô-rinh-tô 10:6)
 - g. Một hình ảnh, một thể loại được mong đợi (Rô-ma 5:14; I Cô-rinh-tô 10:11)
 - h. Một dạng mẫu (Công-vụ. 7:44; Hê-bơ-rơ 8:5)
 - i. Một mẫu đạo đức (Phi-líp 3:17; I Tê-sa-lô-ni-ca 1:7; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:9; I Ti-mô-thê 4:12; I Phi-e-rơ 5:3)

Hãy nhớ rằng, những từ vựng không định nghĩa ý nghĩa; chỉ có cách sử dụng những từ vựng trong câu/ đoạn văn mới định nghĩa ý nghĩa (văn mạch). Hãy cẩn thận trong việc quy một định nghĩa đã được xác định cho một từ và sử dụng nó trong mọi nơi mà từ đó xuất hiện trong Kinh Thánh, Văn Mạch, văn mạch, và chỉ có văn mạch mới có thể xác định ý nghĩa!

3:18 " tôi đã thường nói điều này với anh em... Có nhiều người đã sống " Đã có, và đang có những giáo sư giả trong hội thánh. Trong sách này họ có thể cả là những người cuồng Do Thái (Phi-líp 3:2-16), giống như trong sách Ga-la-ti và Công Vụ 15, hoặc là những người Trí Huệ Giáo (1 Giăng 2:18,22; 4:1-6). Cách duy nhất để bảo vệ một người khỏi sai lầm chính là nhận biết, bám chặt lấy và sống trong lẽ thật! Những giáo sư giả là những người rất sắc bén, hợp lí, ăn nói rất lưu loát và thu hút. Tin cậy Con; bước theo Lời (Kinh Thánh); nhường (quyền tể trị) cho Thánh Linh!

☐ " **tôi lại khóc** " Đây là một từ dùng cho sự than khóc cay đắng (Ma-thi-ơ 2:18; 26:75; Mác 5:38-39; Giăng 11:31; Gia-cơ 4:9; 5:1). Phao-lô không bao giờ vui mừng trên những người khác khi họ là những người đang sai

phạm về mặt đạo đức hoặc thần học.

▣ " **như kẻ thù của thập tự giá Đấng Christ** " Không rõ về danh tính của những người được xác định là "những kẻ thù của thập tự giá" là ai. Cụm từ được dùng bởi Phao-lô quá nặng nề nên dường như chúng đề chỉ về những giáo sư giả không tin của Phi-líp 3:2-16. Những tội lỗi được liệt kê trong Phi-líp 3:19 không tương thích với những người Do Thái luật pháp, nhưng là những giáo sư giả Hy Lạp chống lại luân thường đạo lý hoặc cũng có thể là những Cơ Đốc Nhân đã tin Chúa giờ đây lại quay trở lại với những lối sống xưa cũ ngoại giáo trước kia (Cô-lô-se 2:16-23; 2 Phi-e-rơ 2:20-22). Văn mạch phù hợp với trường hợp sau hơn. Nhưng, nếu như vậy, sự so sánh trong Phi-líp 3:20 sẽ ngụ ý rằng Phao-lô cho rằng họ đã chưa thực sự được cứu (Ma-thi-ơ 7:13; 1 Giăng 2:19; 2 Phi-e-rơ 2:1-22; Khải Huyền 2:4-5; 10-11; 16-17; 25-26; 3:2,5,11,21).

Hãy cẩn thận về thần học hệ thống của anh em (mang tính hệ phái, trải nghiệm hoặc văn hóa) sẽ không giải nghĩa phần Kinh Thánh này. Văn mạch và ý định nguyên gốc của tác giả phải là tiêu chuẩn chính yếu. Tân Ước không phải là một sự trình bày hệ thống của lẽ thật nhưng là một thể loại (văn học) đong phượng, nghịch lý (biện chứng). Tân Ước thường trình bày về lẽ thật dường như trong những cặp mâu thuẫn nhau (nghịch lý). Đời sống Cơ Đốc chính là một đời sống đầy dẫy những sự mâu thuẫn về sự đảm bảo và hy vọng cũng như là trách nhiệm và sự cảnh báo! Sự Cứu rỗi không phải là một sản phẩm nhưng là một cuộc sống mới!

3:19

NASB,

NKJV, NRSV "những kẻ có kết thúc là sự hủy diệt "

TEV "họ sẽ đi đến kết thúc trong địa ngục "

NJB "họ được định trước để hư mất "

Đây là những người rất sùng tín, chân thành, am hiểu. Phao-lô dùng từ *apōleia* để mô tả về sự đoán phạt cuối cùng của Đức Chúa Trời (Phi-líp 1:28; Rô-ma 9:22; 2 Tê-sa 2:3; 1 Ti-mô-thê 6:9). Tuy nhiên, trong những Phúc Âm cần phải thừa nhận rằng nó được sử dụng trong nghĩa của "phí hoại" (Ma-thi-ơ 26:8; Mác 14:4). Vì vậy, thật ra không thể hiểu được đối tượng Phao-lô đang chỉ đến ở đây là ai (những tín đồ hoặc những kẻ không tin).

NASB "những người có Đức Chúa Trời chính là sự thèm muốn của họ"

NKJV, NRSV "những người có Đức Chúa Trời chính là bụng của họ "

TEV "bởi vì Đức Chúa Trời của họ chính là những ham muốn xác thịt của họ "

NJB " Đức Chúa Trời của họ chính là bụng của họ "

Câu này chỉ ra khuynh hướng của họ hướng về (1) những hành vi chống lại luân thường đạo lý hoặc (2) chủ nghĩa vật chất và thói ham muốn nhục dục. Đây có vẻ giống với những giáo sư giả Hy Lạp (Rô-ma 16:17-18) hơn những người theo chủ nghĩa luật pháp Do Thái (Phi-líp 3:2-6). TEV có thể đã bắt được nghĩa bóng, "bởi vì Đức Chúa Trời của họ chính là những ham muốn xác thịt của họ."

▣ " **lấy xấu hổ làm vinh quang** " Câu này chỉ về

1. Những người Cuồng Do Thái nhấn mạnh vào sự cất bì hoặc sự tự cao Do Thái
2. Những sự nhấn mạnh Trí Huệ Giáo vào tri thức
3. Lối sống vô luân của những người theo chủ nghĩa Tự Do Phóng Túng

Những giáo sư giả lấy làm tự hào về chính những điều mà lẽ ra họ cần phải xấu hổ! Những giáo sư giả của Tân Ước thường được đặc tả bởi sự bóc lột, lạm dụng tài chính và/hoặc tình dục.

▣ " **chỉ nghĩ đến những việc thế gian** " Điều này chỉ về nguồn gốc của nhiều tín ngưỡng của con người (Ê-sai 29:13; Cô-lô-se 2:16-23; 3:1-2).

3:20

NASB, NKJV "Bởi vì quyền công dân của chúng ta nơi thiên đàng "

NRSV "nhưng quyền công dân của chúng ta ở nơi thiên đàng "

TEV "chúng ta, tuy vậy, là những công dân thiên đàng "

NJB "nhưng quê hương của chúng ta ở nơi thiên đàng "

Câu này tương phản với Phi-líp 3:18-19. Đại từ nhân xưng "chúng ta" mang tính nhấn mạnh. "Thiên đàng" ở số nhiều (2 Cô-rinh-tô 12:2; Ê-phê-sô 4:10; Hê-bơ-rơ 4:14; 7:26) đi theo cách sử dụng Hê-bơ-rơ (*shamayim*). Có lẽ Phao-lô đang sử dụng tình trạng thành phố thuộc địa Rô-ma này như một minh họa (Phi-líp 1:27).

▣ " **chúng ta trông đợi Chúa và Cứu Chúa là Đức Chúa Jêsus Christ** " Phao-lô thường dùng từ "trông đợi khẩn thiết" trong sự liên hệ với Sự Tái Lâm (Rô-ma 8:19,23,25; 1 Cô-rinh-tô 1:7; Ga-la-ti 5:5; Hê-bơ-rơ 9:28). Các tín đồ mong mỏi Sự Tái Lâm chính là một bằng chứng của mối quan hệ của họ với Đấng Christ và một động lực cho đời sống (trở nên) giống như Đấng Christ (Rô-ma 8:19, 23; 1 Cô-rinh-tô 1:7).

Sự nhấn mạnh của Phao-lô vào sự trở lại của Chúa là một chủ đề thường xuyên, nhưng sự hiểu biết về yếu tố thời gian là không được biết. Có vài phần Kinh Thánh mà trong đó chính Phao-lô đã thêm mình vào trong nhóm những người sẽ còn sống khi Chúa Tái Lâm (1 Cô-rinh-tô 15:51-52; 2 Cô-rinh-tô 5; Phi-líp 3:20; 1 Tê-sa 4:15,17). Tuy nhiên, có những phần Kinh Thánh khác nơi ông khẳng định về một sự trở lại (của Chúa Jesus) trong tương lai vượt quá khoảng thời gian sống của chính ông (1 Cô-rinh-tô 6:14; 2 Cô-rinh-tô 4:14 và đặc biệt là 2 Tê-sa). Có lẽ rằng "chúng ta" của nhóm những câu Kinh Thánh đầu là theo cách nói trong văn học, hoặc rằng những cách nhìn của Phao-lô về chủ đề này đã được phát triển. Rất khó để giả định rằng một tác giả được thần cảm lại "phát triển" thần học của ông. Một cách tiếp cận tốt hơn chính là xác nhận một mô hình biện chứng. Phao-lô, cũng giống như tất cả những tác giả Tân Ước khác, khẳng định về sự chắc chắn và "sớm" của Sự Tái Lâm. Các tín đồ cần phải sống trong ánh sáng của sự trở lại vào bất kỳ-giây phút-nào của Chúa!

Tuy nhiên, Chúa Jesus (Ma-thi-ơ 24) và Phao-lô (2 Tê-sa 2) đã nói về những sự kiện lịch sử bắt buộc phải xảy ra trước khi Chúa Tái Lâm. Cả hai đều bằng nhiều cách đều chính xác! Sự trở lại của Chúa Jesus chính là một niềm hy vọng thúc đẩy của mọi thế hệ tín đồ nhưng là hiện thực của chỉ một thế hệ!

Có một trong hai lần Phao-lô gọi Chúa Jesus là "Đấng Cứu Thế" (Ê-phê-sô 5:23) trước những Lá Thư Mục Vụ (1 Ti-mô-thê, 2 Ti-mô-thê, Tít), trong đó ông sử dụng danh xưng này mười lần. Từ này trở thành một danh xưng cho Hoàng Đế La Mã. Trong Tít có một sự song hành trong cách sử dụng từ này giữa Đức Chúa Cha và Chúa Jesus, Đức Chúa Con (Phi-líp 1:3 và 1:4; 2:10 và 2:13; 3:4 và 3:6). Các Cơ Đốc Nhân đầu tiên đã sẵn sàng để đối diện với cái chết hơn là từ bỏ thừa nhận danh hiệu này cho Hoàng Đế. Cả hai từ "Cứu Chúa" và "Chúa" đều là những danh hiệu Hoàng Đế La Mã đã được sử dụng bởi Các Cơ Đốc Nhân chỉ dành riêng cho Chúa Jesus.

3:21 " Ngài sẽ biến hóa thân thể thấp hèn của chúng ta trở nên giống như thân thể vinh quang của Ngài " Phao-lô đặt một sự nhấn mạnh tích cực trên tình trạng hiện hữu thân thể của các tín đồ (2 Cô-rinh-tô 5:1-10), cả ở đây và nơi thiên đàng. Điều này chỉ đến về mặt thần học trong sự làm vinh hiển (Rô-ma 8:30; 1 Giăng 3:2), khi sự cứu rỗi sẽ được hoàn thành và nhận ra một cách trọn vẹn. Thân thể bằng bụi đất của chúng ta (Thi Thiên 103:14) sẽ được thay đổi và tái dựng (1 Tê-sa 4:13-18) thành một cơ thể thuộc linh cũng giống như Chúa Jesus (1 Cô-rinh-tô 15:45; 1 Giăng 3:2).

▣ " **dùng quyền năng khiến muôn vật quy phục Ngài** " Đấng Christ phục sinh là Chúa của muôn loài (1 Cô-rinh-tô 15:24- 28; Cô-lô-se 1:20).

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Ai là người mà Phao-lô chỉ đến trong Phi-líp 3:2?
2. Tại sao Phao-lô lại từ bỏ những công trạng, và phẩm hạnh Do Thái của mình?
3. Về thực tế, Phi-líp 3:10 liên hệ như thế nào với các tín đồ?
4. Các giáo sư giả này có được cứu hay không?

PHI-LÍP 4

NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Những Sự Răn Dạy	Hãy Hiệp Một, Vui Mừng và Ở Trong Sự Cầu Nguyện	Những Yêu Cầu Cuối Cùng	Những Hướng Dẫn	Những Lời Khuyên Cuối
(3:17-4:1)	(3:17-4:1)	(3:17-4:1)	4:1	(3:17-4:1)
4:2-7	4:2-7	4:2-3 4:4-7	4:2-3 4:4 4:5-7	4:2-3 4:4-9
4:8-9	4:8-9	4:8-9	4:8-9	
Sự Ghi Nhận về Những Hỗ Trợ của Người Phi-líp	Sự Rộng Rãi của Người Phi-líp		Cảm Ôn những Món Quà	Lời Cảm Ôn cho Những Sự Giúp Đỡ Đã Nhận
4:10-14	4:10-20	4:10-14	4:10-13 4:14-20	4:10-20
4:15-20		4:15-20		
Những Lời Chào Cuối Cùng	Lời Chào Thăm và Chúc Phước		Những Lời Chào Thăm Cuối Cùng	Lời Chào Thăm và Cầu Chúc
4:21-23	4:21-23	4:21-22 4:23	4:21-22 4:23	4:21-22 4:23

CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): PHI-LÍP 4:1

¹ **Vậy, thưa anh em yêu dấu của tôi, là những người thân mến và thương nhớ, là niềm vui và mầu nhiệm thiên của tôi, hãy cứ đứng vững trong Chúa!**

4:1 " anh em yêu dấu của tôi " Phao-lô kết hợp hai thuật ngữ Tân Ước điển hình cho các tín đồ " (người) yêu dấu [hai lần] và "anh em." Lòng yêu thương triu mến bày tỏ tình yêu to lớn của ông cho hội thánh này cũng như được thấy trong cụm từ tiếp theo và phần Kinh Thánh song hành trong Phi-líp 1:8.

☐ **" là những người thân mến và thương nhớ "** Cùng một từ đầy mạnh mẽ (*epipatheō*) này được dùng trong Phi-líp 1:8; 2:26; 2 Cô-rinh-tô 9:14.

☐ **" là niềm vui và mào triều thiên của tôi "** Từ "mào triều thiên" (*stephanos*) có nghĩa là một mào miện dành cho người chiến thắng trong một cuộc thi đấu thể thao. Cùng một tình cảm chứa chan này có thể được thấy trong những bình luận của Phao-lô dành cho một hội thánh thuộc vùng Ma-xê-đoan khác (1 Tê-sa 2:19-20; 3:9). Hội thánh này chính là bằng chứng của chức vụ sứ đồ hiệu quả của Phao-lô (1 Cô-rinh-tô 9:2; 1 Tê-sa 2:19).

☐ **" hãy cứ đứng vững "** Đây là một Thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (*present active imperative*). Ấn dụ quân sự chỉ về khả năng của người Cơ Đốc Nhân để có thể đứng vững trong sự trung tín ở giữa những nan đề (Phi-líp 1:27; 1 Cô-rinh-tô 16:13; Ê-phê-sô 6:11-14). Nó cũng liên hệ với sự kiên trì chịu đựng (Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Phi-líp 1:9-11), vốn chỉ có thể có khả năng thực hiện được "ở trong Chúa" (Ga-la-ti 6:9; Khải Huyền 2:7,11,17,26; 3:5,12,21).

Đây là một nghịch lý (biện chứng) Kinh Thánh khác trong mối liên hệ giữa sự toàn năng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người (so sánh Ê-xê-chi-ên 18:31 với Ê-xê-chi-ên 36:26-27). Trong câu Kinh Thánh này, các tín đồ được ra lệnh hãy "đứng vững," trong khi trong Giu-đe 1:24, chính Đức Chúa Trời là Đấng giữ họ đứng vững. Bằng một cách nào đó, cả hai đều là lẽ thật.

BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): PHI-LÍP 4:2-3

² Tôi khuyên Ê-vô-đi và khuyên Sin-ty-cơ nên hiệp ý trong Chúa. ³ Tôi cũng xin anh, người bạn đồng lao chân thành, hãy giúp những phụ nữ này; họ đã sát cánh với tôi chiến đấu vì Tin Lành, cùng với Co-lê-măn và các bạn đồng lao khác của tôi; tên của họ đã được ghi vào sách sự sống rồi.

4:2 " Ê-vô-đi...Sin-ty-cơ " Có vẻ như, ngay giữa một hội thánh đầy yêu thương này vẫn có một sự mâu thuẫn từ bên trong. Điều này không chỉ về sự căng thẳng (nghịch lý) tín lý, vốn được đề cập đến trong đoạn 3, nhưng chỉ đến sự căng thẳng, mâu thuẫn trong mối quan hệ trong một vài cách nào đó. Tên đầu tiên này có nghĩa là "một chuyên hành trình dư dật hoặc thành công." Tên thứ hai có nghĩa là "sự quen biết đầy thân mật" hoặc "chức may mắn." Những tên riêng của họ không phù hợp với những hành động đang diễn ra của họ. Tại Ma-xê-đoan, phụ nữ có nhiều sự tự do hơn bất kỳ nơi nào khác trong thế giới La Mã cổ đại (Công Vụ 16:12-15). Đôi lúc, sự tự do biến thành một sự lựa chọn cá nhân hoặc thậm chí một đặc quyền.

☐ **" nên hiệp ý trong Chúa "** Chìa khóa của sự hòa hợp trong mối liên hệ với Đấng Christ vốn biến đổi cách triết để mối liên hệ của họ với những anh chị em giao ước của họ. Tình yêu của các tín đồ dành cho Đức Chúa Trời có thể được nhìn thấy rõ ràng trong tình yêu của họ cho nhau (Ê-phê-sô 4:1-6; 2:1-5; 1 Giăng 4:20-21).

4:3

NASB, NKJV	"đồng chí thật "
NRSV	"bầu bạn trung thành "
TEV	"người cùng đi trung tín "
NJB	"cộng sự"

Từ này thường được dịch nguyên văn là "bạn cùng chia sẻ ách" (theo Arndt và Gingrich, *A Greek-English Lexicon of the New Testament*, trang 783). Tuy nhiên, nó là một danh từ số ít giống đực, trong một danh sách của nhiều tên khác, thì có thể chính nó đã là một tên thích hợp, *Syzygus* (theo NJB và theo Moulton và Milligan, *The Vocabulary of the Greek Testament*, trang 607), vốn có thể là một cách chơi chữ với ý nghĩa của tên này.

Có lẽ rằng đây là một cách nói của Phao-lô để chỉ đến Lu-ca. Phần "chúng tôi" trong Công Vụ bắt đầu và kết thúc tại Phi-líp. Lu-ca có lẽ đã ở đó để giúp đỡ những người mới trở lại tin Chúa và thu thập những sự quyên góp cho hội thánh tại Giê-ru-sa-lem.

☐ **" giúp những phụ nữ này "** Đây là một thể mệnh lệnh trung cách thì hiện tại (*present middle imperative*) vốn có nghĩa đen "nắm chặt với." Phao-lô đã khuyên dạy một trong những thành viên của hội thánh Phi-líp hãy giúp

đỡ hai người phụ nữ này vượt qua những sự khác biệt của họ trong Chúa (Ga-la-ti 6:1-4).

NASB	"người chia sẻ những khó khăn của tôi gây ra bởi phúc âm "
NKJV	"đồng lao cùng với tôi"
NRSV	"tranh chiến bên cạnh tôi "
TEV	"đã làm việc vất vả cùng với tôi "
NJB	"đã nỗ lực rất đáng kể"

Thuật ngữ này chỉ được sử dụng ở đây và ở trong Phi-líp 1:27. Đây là một thuật ngữ trong quân đội hoặc thể thao cho "một trận chiến cam go." Nó là nghĩa bóng được sử dụng cho sự tăng cường của công việc phúc âm. Những người phụ nữ này đã giúp đỡ Phao-lô trong công việc sứ mạng giao giảng phúc âm của ông (Công Vụ 15:36-41). Cách họ giải quyết những khó khăn ấy như những Cơ Đốc Nhân chính là vấn đề, và là sự làm chứng!

☐ **" Co-lê-măn "** Đây là một tên phổ biến trong thế giới La Mã. Người này được đề cập không ở bất cứ chỗ nào khác trong Tân Ước. Tuy vậy, Origen từ Alexandria, Eusebius, và Jerome tin rằng nó chỉ đến (giáo phụ) Clement từ Rome là người đã viết một lá thư cho hội thánh Cô-rinh-tô ở một thời điểm nào đó gần cuối thế kỷ thứ nhất (95 SC). Tuy nhiên, cách định danh này có vẻ khá suy đoán.

☐ **" và các bạn đồng lao khác của tôi "** Phao-lô đã sẵn sàng sử dụng nhiều người giúp đỡ trong công việc phúc âm của mình. Ông không có bất kỳ sự khoe khoang, biểu diễn nào; ông có lẽ đã ủy quyền trách nhiệm cho những người nam và người nữ khác. Thật thú vị để nhìn nhận cách tên những người trong Rô-ma 16 xuất hiện nhiều như thế nào như những người giúp đỡ của Phao-lô.

☐ **" tên của họ đã được ghi vào sách sự sống rồi "** Đây có thể chỉ đến sự ghi danh dân sự giao ước trong Cựu Ước (Đa-ni-ên 7:10; 12:1) vốn là một ẩn dụ của sự ghi nhớ của Đức Chúa Trời. Có hai quyển sách được nhắc đến trong Đa-ni-ên 7:10 và trong Khải Huyền 20:12-15: (1) quyển sách của sự ghi nhớ và (2) quyển sách sự sống. Quyển sách của sự ghi nhớ bao gồm những cái tên và những hành vi của cả những người đã được chuộc và người hư mất (Thi Thiên 58:6; 139:16; Ê-sai 65:6; Ma-la-chi 3:16). Quyển sách sự sống bao gồm những cái tên của những người được chuộc và có thể thấy trong Xuất 32:32; Thi Thiên 69:28; Ê-sai 4:3; Đa-ni-ên 12:1; Lu-ca 10:20; Phi-líp 4:3; Hê-bơ-rơ 12:23; Khải Huyền 3:5; 13:8; 17:8; 20:12,15; 21:27. Đức Chúa Trời biết những kẻ thuộc về Ngài. Ngài sẽ ban thưởng cho những kẻ theo Ngài và đoán phạt những kẻ ác (Ma-thi-ơ 25:31-46; Khải Huyền 20:11-15). Trong thế giới Hy-La từ này chỉ đến sự ghi danh chính thức của một thành phố; nếu như vậy, nó có thể là một cách chơi chữ khác trên tình trạng chính thức của thành phố này như một thuộc địa La Mã (Phi-líp 1:27; 3:20).

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010 (NASB (UPDATED)): PHI-LÍP 4:4-7

⁴ Hãy vui mừng trong Chúa luôn luôn, tôi lại còn nói nữa: Hãy vui mừng đi! ⁵ Hãy cho mọi người biết tính nhu mì của anh em. Chúa đã gần rồi! ⁶ Đừng lo lắng gì cả, nhưng trong mọi sự hãy dùng lời cầu nguyện, nài xin cùng sự tạ ơn mà trình dâng những nhu cầu của mình cho Đức Chúa Trời. ⁷ Sự bình an của Đức Chúa Trời, vượt trên mọi sự hiểu biết, sẽ gìn giữ lòng và trí anh em trong Đấng Christ Jêsus.

4:4 Có hai thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative) hình thành nên từ "vui mừng" trong Phi-líp 4:4. Từ này có thể được dịch là một sự tạm biệt, nhưng trong văn mạch này nó phải được dịch là "vui mừng" (1 Tê-sa 5:16). Đây là một chủ đề chính trong Phi-líp. Chú ý số lần của những từ "tất cả" và "mọi" được sử dụng trong Phi-líp 4:4-13 cũng như trong Phi-líp 1:1-8. Sự vui mừng bắt buộc không được liên hệ với hoàn cảnh. Chia khóa chính là mối tương giao của các tín đồ với Đấng Christ ("trong Chúa").

4:5

NASB	"tâm linh dịu dàng "
NKJV, NRSV	"sự dịu dàng"
TEV	"một thái độ hòa nhã "
NJB	"một ý thức tốt lành "

Sự kêu gọi cho một lối sống Cơ Đốc bắt đầu từ Phi-líp 3:1, nhưng phần thảo luận về những giáo sư giả đã thu hút tâm trí của Phao-lô cho đến chỗ này nơi ông lại tái bắt đầu nhân mạnh. Cách dịch tốt nhất của chính từ này "tử tế," "dịu dàng," hoặc "nuông nhện" (1 Ti-mô-thê 3:3; Tít 3:2; Gia-cơ 3:17; 1 Phi-e-ro 2:18).

▣ " **Hãy cho mọi người biết** " Câu này được dịch trong hai cách:

1. Các tín đồ cần phải có sự hòa nhã hướng về những tín đồ khác để rồi những người ở bên ngoài hội thánh có thể để ý thấy và được thu hút đến với Đấng Christ (Ma-thi-ơ 5:16)
2. Sự hòa nhã này có thể được áp dụng cho mọi người, bất chấp mối quan hệ của họ với Đấng Christ, như một chứng nhân cho quyền năng của Ngài trong đời sống của những người ngoại đạo đã trở lại tin Chúa này và như một sự ngăn chặn sự chỉ trích không công bằng bởi những người không tin (Rô-ma 12:17; 14:18; 2 Cô-rinh-tô 8:21; 1 Phi-e-rơ 2:12,15; 3:16)

NASB, NRSV,

NJB "Chúa đã ở gần "

NKJV "Chúa đã ở ngay trong tầm tay"

TEV "Chúa đang đến "

Từ "gần" được sử dụng chỉ về thời gian (Ma-thi-ơ 24:32,33). Sự Tái Lâm là một chủ đề thường xuyên trong Phi-líp. Từ này có một ý nghĩa rất tương tự với từ A-ram *maranatha* (1 Cô-rinh-tô 16:22; Khải Huyền 22:10). Sự trông đợi bất kỳ-giây phút-nào của Sự Tái Lâm đã và đang là một sự khích lệ cho đời sống Cơ Đốc (Rô-ma 13:12; Gia-cơ 5:8-9).

Cũng có khả năng rằng đây chính là từ chỉ về giây phút hiện diện của Chúa với các tín đồ (theo Ma-thi-ơ 28:20; Rô-ma 10:8 và theo F. F. Bruce's *Answers to Questions*, trang 201).

CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: *MARANATHA*

Đây là câu trong tiếng A-ra-mít, là câu hát thần học khẳng định (1) Thần Vị của Chúa Giê-su (Thi Thiên 110) hoặc (2) sự Tái Lâm của Chúa Giê-su, (Công vụ 3:19-21). Ý nghĩa tùy thuộc vào kết cấu từ ngữ, (để ý vị trí gạch nối):

1. "Chúa chúng ta, xin hãy đến" (*marana-tha*) là ý nghĩa của Khải Huyền 22:20 mà các dịch giả cho là tương đồng với câu 1 Cô-rinh-tô 16:22. Nếu vậy, đây là lời cầu nguyện cho sự Tái Lâm của Chúa Giê-su.
2. "Chúa chúng ta đã và đang đến" (*maran-atha*) thể hoàn thành trong tiếng A-ra-mít. Đây là cách dịch mà giám mục Kít-sô-tôm (Chrysostom), (a.d. 345-407) lựa chọn, nói về sự Nhập Thể và Tái Lâm của Chúa Giê-su.
3. "Chúa chúng ta đang đến", có thể đây là thể "tiên tri hoàn thành" trong tiếng Hê-bơ-rơ, được dùng để khích lệ sự phục vụ của Cơ-đốc nhân. Chúa Tái lâm luôn luôn là động cơ cho tín đồ trong mọi thế kỷ.
4. Tài liệu Didache (được viết giữa thế kỷ thứ nhất và thứ hai) 10:6, dùng câu này trong lời cầu nguyện Tiệc Thánh, nhấn mạnh sự hiện diện của Chúa hôm nay và trong thời tận thế.

4:6 " Đừng lo lắng gì cả " Đây là một thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative). Hội thánh tại Phi-líp đang ở trong một tình hình căng thẳng rất nghiêm trọng, cả từ bên ngoài và bên trong. Sự lo lắng không phải là một đặc tính phù hợp cho đời sống Cơ Đốc (Ma-thi-ơ 6:25-34 và 1 Phi-e-rơ 5:7). Không có bất kỳ điều gì có thể làm cho các tín đồ lo lắng ngoại trừ về sự đứng vững trong Chúa của họ và sự phục vụ Ngài. Kẻ thù to lớn của sự bình an chính là lo lắng.

▣ " **nhưng trong mọi sự hãy dùng lời cầu nguyện, nài xin cùng sự tạ ơn** " Đây chính là câu trả lời chìa khóa của sự lo lắng: lời cầu nguyện, cho người khác và cho chính chúng ta, cùng với sự tạ ơn. Thật thú vị về trong cách Phao-lô thường xuyên sử dụng từ "tạ ơn" trong sự kết hợp với từ cầu nguyện (Ê-phê-sô 5:20; Cô-lô-se 4:2; 1 Tê-sa 5:17-18; 1 Ti-mô-thê 2:1). Có một sự tương phản rõ ràng giữa " không có gì (lo lắng)" và "trong tất cả mọi điều (cầu nguyện)". Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Ngợi Khen, Cầu Nguyện, và Tạ Ôn của Phao-lô tại Ê-phê-sô 3:20.

▣ " **trình dâng những nhu cầu của mình cho Đức Chúa Trời** " Đây là một thể mệnh lệnh bị động thì hiện tại (present passive imperative). Có một vài phần Kinh Thánh trong Tân Ước vốn nhấn mạnh rằng các tín đồ cần phải kiên định trong sự cầu nguyện (Ma-thi-ơ 7:7-11; Lu-ca 18:2-8). Có lẽ, sự tạ ơn và kiên định là hai yếu tố còn thiếu trong một nền tảng thần học thích đáng của sự cầu nguyện. Đức Chúa Trời biết những gì cần nhưng Ngài khao khát mối tương giao và tin cậy liên quan đến trong sự cầu nguyện. Đức Chúa Trời đã giới hạn chính mình Ngài trong nhiều lĩnh vực liên quan đến sự cầu nguyện của những con cái của Ngài; "Chúng ta đã không

nhận được vì chúng ta đã không xin" (Gia-cơ 4:2).

4:7 " Sự bình an của Đức Chúa Trời " Thật thú vị rằng trong văn mạch của sự bình an của Đức Chúa Trời được đề cập đến trong Phi-líp 4:7 và Đức Chúa Trời chính là Đấng đã ban nó (sự bình an) được đề cập đến trong Phi-líp 4:9. Sự nhấn mạnh đầu tiên về những gì mà Đức Chúa Trời ban và sự nhấn mạnh thứ hai là đặc tính của Ngài. Sự bình an được sử dụng trong vài nghĩa khác nhau trong Tân Ước:

1. nó có thể là một danh hiệu (Ê-sai 9:6; Rô-ma 15:33; 16:20; 2 Cô-rinh-tô 13:11; Phi-líp 4:9; 1 Tê-sa 5:23; 2 Tê-sa 3:16)
2. Nó có thể chỉ đến sự bình an của phúc âm như một nghĩa khách quan (Giăng 14:27; 16:33; Cô-lô-se 1:20)
3. Nó có thể chỉ đến sự bình an của phúc âm trong một nghĩa chủ quan (Ê-phê-sô 2:14-17; Cô-lô-se 3:15) Đôi khi lựa chọn 2 và 3 được kết hợp như trong Rô-ma 5:1. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Bình An trong Cô-lô-se 1:20.

▣ **" vượt trên mọi sự hiểu biết "** Đây là một phân từ chủ động thì hiện tại (present active participle). Nó đã được dịch trong hai cách: (1) Sự bình an của Đức Chúa Trời là vĩ đại hơn sự biện giải của con người hoặc (2) Sự bình an của Đức Chúa Trời vượt quá sự biện giải của con người. Phần Kinh Thánh song hành trong Ê-phê-sô 3:20 rất có ích. Phương cách của Đức Chúa Trời vượt quá đường lối của chúng ta (Ê-sai 55:8-9). Một ví dụ về sự bình an này vượt quá mọi khả năng thấu hiểu của con người được tìm thấy trong cuộc đời của Phao-lô trong chính đoạn này (Phi-líp 4:11-13). Sự bình an của Đức Chúa Trời bắt buộc không được kết nối với những hoàn cảnh và phải khóa chặt cách yên ninh vào thân vị và công việc của Đấng Christ. Để xem về "sự vượt trội" (*huperechō*) Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Cách sử dụng những từ ghép *Huper* của Phao-lô tại Ê-phê-sô 1:19.

▣ **" sẽ gìn giữ lòng và trí anh em "** Những hành động bình an của Đức Chúa Trời như một chiến binh bảo vệ các tín đồ. Cùng một lẽ thật đẹp đẽ này của sự bảo vệ những con cái Ngài của Đức Chúa Trời có thể thấy được trong 1 Phi-e-rơ 1:4, 5. Hai thuật ngữ Hy Lạp "tâm lòng" (*kardia*) và "tâm trí" (*nous*) là từ đồng nghĩa khi nói về toàn bộ con người (cảm xúc và suy nghĩ). Phao-lô nhấn mạnh về suy nghĩ Cơ Đốc xuyên suốt lá thư này. Hãy xem ghi chú tại Phi-líp 3:15. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Tâm Lòng tại Cô-lô-se 2:2.

▣ **" trong Đấng Christ Jê-sus "** Ngài chính là chìa khóa của thần học của Phao-lô. Tất cả mọi lợi ích và phước hạnh của Đức Chúa Trời tuôn chảy đến với nhân loại sa ngã qua đời sống, những sự dạy dỗ, sự chết, sự sống lại, Sự Tái Lâm và sự hiệp nhất cá nhân với Đức Chúa Jesus Christ. Các tín đồ cần phải hiệp một trong sự sống còn với Ngài. Đây là một Đây là một sự đồng nghĩa về mặt thần học với khái niệm của Giăng "ở trong ta" của Giăng 15.

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): PHI-LÍP 4:8-9

⁸ Cuối cùng, thừa anh em, hễ điều gì chân thật, điều gì đáng trọng, điều gì công chính, điều gì thanh sạch, điều gì đáng yêu chuộng, điều gì đáng biểu dương; nói chung là điều gì đức hạnh, đáng khen ngợi thì anh em phải nghĩ đến. ⁹ Những gì anh em đã học, đã nhận, đã nghe và đã thấy trong tôi, hãy làm đi, thì Đức Chúa Trời của sự bình an sẽ ở với anh em.

4:8-9 Phần này tiếp tục sự nhấn mạnh trên những suy nghĩ trong cuộc sống của tín đồ. Các ra-bi Do Thái xem tâm trí như một thâm cò của linh hồn. Những gì chúng ta suy nghĩ trở nên con người của chúng ta. Những câu Kinh Thánh này rất cần thiết trong đời sống của hội thánh phương tây hiện đại trong một ngày mà điều ác được chấp nhận về mặt xã hội. Phao-lô liệt kê cùng một danh sách những đức hạnh của Stoics.

Phao-lô đã bày tỏ ra triết học Hy Lạp của một công dân Tạt-sơ. Ông thậm chí trích dẫn một vài ngài bút Hy Lạp khác (Công Vụ 17:28; 1 Cô-rinh-tô 15:37 và Tít 1:12). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Những Thói Hư Tật Xấu và Những Đức Hạnh trong Tân Ước tại Cô-lô-se 3:5.

4:8 " Cuối cùng " Hãy xem ghi chú tại Phi-líp 3:1.

▣ **" chân thật "** Đây là lẽ thật trong sự tương phản với sự sai trật, tuy nhiên, nó không phải là một lẽ thật học thuật, nhưng hơn là về một lối sống của một đời sống tin kính, giống như Đức Chúa Trời. Chính từ này được dùng cho Đức Chúa Trời trong Rô-ma 3:4.

▣ **" đáng trọng "** Từ này nguyên văn có nghĩa là "có phẩm cách." Từ này thường được dịch là "trang nghiêm" và được sử dụng cho những lãnh đạo hội thánh trong 1 Ti-mô-thê 3:8,11 và Tít 2:2. Nó về nó được sử dụng trong

nghĩa của "phẩm giá" với "sự thu hút" hướng về những người được cứu và người hư mất.

▣ " **công chính** " Từ này chỉ về một người được uốn nắn theo tiêu chuẩn của đặc tính của Đức Chúa Trời, vì vậy trở thành một người chánh trực về mặt đạo đức. Trong Cựu Ước, thuật ngữ Hê-bơ-rơ dùng cho "chánh trực (đúng)" đến từ từ từ dùng cho "cây sậy đo" và chỉ về bản tính của Đức Chúa Trời như là tiêu chuẩn mà bởi đó toàn bộ con người sẽ bị đoán xét. Điều này không có thể là con người có thể đúng đắn (chánh trực) cách hoàn hảo với Đức Chúa Trời bởi nỗ lực riêng của họ, nhưng rằng Đức Chúa Trời sẽ quy sự công chính của Đấng Christ cho những kẻ tin nơi Ngài bởi đức tin. Một khi được ban, cho, đặc tính của Đức Chúa Trời sẽ biến đổi người nhận!

▣ " **thanh sạch** " Điều này được sử dụng trong nghĩa của sự tinh sạch về mặt đạo đức (1 Giăng 3:3).

▣ " **đáng yêu chuộng** " Từ này được sử dụng chỉ duy nhất ở đây trong Tân Ước. Nó có vẻ có nghĩa là "hài lòng." "đáng yêu," "hợp ý," hoặc "dễ chịu." Đây là một cách gọi khác dùng cho những tín đồ để sống những đời sống thu hút.

NASB	"của tiếng tốt "
NKJV	"đáng khen ngợi"
NRSV	"đáng tuyên dương"
TEV	"xứng đáng được khen ngợi "
NJB	"đáng ngưỡng mộ"

Từ này được sử dụng chỉ duy nhất ở đây trong Tân Ước. Nó chỉ về một điều "đáng được khen ngợi" hoặc "quyên rũ."

▣ " **điều gì đức hạnh** " Hình thái ngữ pháp của bốn yếu tố trong Phi-líp 4:8 đã thay đổi sau yếu tố thứ sáu và trở thành một câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence) vốn được giả định là đúng. Từ "xuất sắc" được sử dụng duy nhất ở đây trong những tác phẩm của Phao-lô và chỉ ba lần trong những tác phẩm của Phi-e-rơ (1 Phi-e-rơ 2:9; 2 Phi-e-rơ 1:3, 5). Nó chỉ về việc thực hiện một điều gì đó cách tốt đẹp cùng với uy tín kèm theo của nó. Nó là một từ phổ biến giữa những nhà triết học đạo đức Hy Lạp (Stoics). Nó được dùng để bày tỏ về sự tốt lành trong sự bày tỏ thực tế đầy đủ nhất của nó.

▣ " **đáng biểu dương** " Từ này có nghĩa là "điều được chấp thuận cả bởi Đức Chúa Trời và người ta" (Phi-líp 1:11). Nó chỉ về sự chấp thuận về mặt xã hội đối với một văn hóa với mục đích thu hút con người đến với Đức Chúa Trời (1 Ti-mô-thê 3:2,7,10; 5:7; 6:14).

NASB	"sống trên những điều đó "
NKJV	"suy gẫm trên những điều ấy "
NRSV	"Nghĩ về những điều ấy "
TEV	"đổ đầy tâm trí anh em với những điều ấy"
NJB	"hãy để tâm trí anh em được đổ đầy với "

Đây là một thể mệnh lệnh trung cách thì hiện tại (present middle imperative). Đây là một thuật ngữ thương mại (*logizomai*) ngụ ý một tiến trình tính toán hoặc suy nghĩ điều gì được tiếp tục và đặt ưu tiên. Sống trên những dideuef này để rồi chúng có thể uốn nắn những suy nghĩ và đời sống của bạn (hãy xem ghi chú tại Phi-líp 3:15). Đức Chúa Trời sẽ thực hiện phần của Ngài trong đời sống của những tín đồ qua ân điển, nhưng họ phải tham gia bằng cách loại bỏ những thứ mà họ biết rằng nó sẽ cuốn tâm lòng của họ khỏi Chúa (1 Tê-sa 5:21-22).

4:9 " Những gì anh em đã học, đã nhận, đã nghe và đã thấy " Cả bốn động từ này đều là những thể chỉ định chủ động thì bất định (aorist active indicative). Những từ này liên hệ với những hành động của Phao-lô ở tại Phi-líp, nếu các tín đồ cần phải phản chiếu về Chúa là ai và thu hút người khác đến với Ngài, thì cả nội dung thần học của các tín đồ và đời sống của họ (Ê-xơ-ra 7:10) đều quan trọng thiết yếu.

Thật thú vị rằng từ thứ hai "đã nhận" (*paralambanō*) trở thành một từ chính thức cho "nhận một truyền thống" và được sử dụng bởi nghĩa này bởi Phao-lô trong 1 Cô-rinh-tô 11:23; 15:3.

▣ " **thấy** " Sự nhấn mạnh này bắt đầu từ Phi-líp 3:17. Cũng như Phao-lô đã bước đi theo Đấng Christ, các tín đồ cũng cần phải bước theo Ngài.

☐ " **hãy làm đi** " Đây là một thể mệnh lệnh chủ động thì hiện tại (present active imperative), "hãy tiếp tục thực hành những điều này!" Đừng chỉ là những kẻ nghe, nhưng hãy là những người thi hành (Lu-ca 11:28; Gia-cơ 1:22). Nó rất giống với khái niệm Hê-bơ-rơ, *Shema* (Phục Truyền 5:1; 6:4; 9:1; 20:3; 27:9-10), vốn có nghĩa là "lắng nghe để rồi làm như vậy." Cơ Đốc Giáo không được biến thành một bài giáo điều ngăn cách khỏi đời sống tin kính giống như Đức Chúa Trời hàng ngày.

☐ " **Đức Chúa Trời của sự bình an** " Cũng như câu 7 đã nhấn mạnh sự bình an mà Đức Chúa Trời đã ban và câu này nhấn mạnh vào bản chất của Đấng đã ban nó. Sự nhấn mạnh về một Đức Chúa Trời Đấng ban bình an có thể thấy trong Rô-ma 15:33; 16:20; 2 Cô-rinh-tô 13:11; 1 Tê-sa 5:23; Hê-bơ-rơ 13:20. Chúa Jesus cũng được gọi là Chúa bình an trong 2 Tê-sa 3:16.

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): PHI-LÍP 4:10-14

¹⁰ Tôi hiện rất vui mừng trong Chúa, vì cuối cùng, anh em lại quan tâm đến tôi. Thật ra anh em vẫn quan tâm nhưng không có dịp bày tỏ. ¹¹ Tôi nói vậy không phải do thiếu thốn đâu, vì tôi đã học sống thỏa lòng trong mọi cảnh ngộ. ¹² Tôi biết thế nào là thiếu thốn, thế nào là dư dật. Trong mọi nơi, mọi tình huống tôi đã học bí quyết để sống, dù no hay đói, dù dư hay thiếu. ¹³ Tôi làm được mọi sự nhờ Đấng ban năng lực cho tôi. ¹⁴ Tuy nhiên, anh em góp phần giúp tôi trong cơn hoạn nạn là làm điều tốt đẹp.

4:10 " Tôi hiện rất vui mừng " Phao-lô rất cảm kích, khen ngợi sự giúp đỡ của hội thánh này (tiền bạc, sự quan tâm, cầu nguyện, và gửi Ép-ba-phô-đích).

NASB, NRSV "rằng giờ đây cuối cùng anh em đã làm sống lại sự lo lắng của anh em cho tôi "
NKJV "rằng giờ đây vào thời điểm cuối cùng sự chăm sóc của anh em dành cho tôi đã bùng lên một lần nữa"
TEV "sau một khoảng thời gian dài anh em lại một lần nữa có cơ hội bày tỏ rằng anh em chăm sóc cho tôi "
NJB "giờ đây cuối cùng sự quan tâm của anh em cho tôi đã trở hoa một lần nữa"

Với cảm nhận đầu tiên điều này có vẻ là một thông điệp tiêu cực trong tiếng Anh. Nó có vẻ tương tự với cụm từ được thấy trong Rô-ma 1:10. Thuật ngữ "làm sống lại" có nghĩa là "lại trở hoa một lần nữa." Phao-lô đơn giản chỉ đề cập rằng họ đã khao khát được giúp đỡ ông mà không có cơ hội (thì chưa hoàn thành (imperfect tense) của cả hai động từ và nguyên mẫu trong Phi-líp 4:10b). Đây có lẽ chỉ đến một món quà tài chính (Phi-líp 4:14). Để xem một bài viết hay, hãy xem quyển của Gordon Fee, *To What End Exegesis?* ở trang 282-289.

4:11 " tôi đã học sống thỏa lòng trong mọi cảnh ngộ " Đây làm một thì bất định (aorist tense) dùng một thuật ngữ của Stoic (*autarkēs*). Những nhà triết học sử dụng từ được dịch là "thỏa lòng" như một mục đích của triết học của họ, vốn là một sự không thiết tha xa cách khỏi những hoạt động của cuộc sống, "một sự tự-cảm thấy đủ." Phao-lô không nói rằng ông đã tự mình có đủ, nhưng ông đã có đầy đủ trong Chúa Jesus ("trong Chúa," Phi-líp 4:10). Sự bình an của Đức Chúa Trời không kết nối với những hoàn cảnh, nhưng với con người và thần học của Đấng Christ. Sự thỏa lòng này chính là cả thế giới quan Cơ Đốc và mối quan hệ cùng với Đấng Cứu Rỗi. Khái niệm thần học của sự thỏa lòng của Cơ Đốc Nhân cũng được thấy trong 2 Cô-rinh-tô 9:8; 1 Ti-mô-thê 6:6,8; Hê-bơ-rơ 13:5.

4:12 Câu này có ba động từ thì hoàn thành (perfect tense verb) và sáu nguyên mẫu thì hiện tại (present infinitive). Đây là một sự khẳng định đẹp đẽ, đầy khéo léo của sự tin cậy của Phao-lô nơi sự chu cấp từng giây phút của Đức Chúa Trời "trong Đấng Christ." Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Giàu Có trong Ê-phê-sô 4:28.

☐ " **Tôi biết thế nào là thiếu thốn, thế nào là dư dật** " Hai lần "Tôi biết" là những thể chỉ định chủ động thì hoàn thành (perfect active indicative). Phao-lô biết về sự thiếu thốn, và dư dật! Từ đầu tiên được dịch là "khiêm tốn" trong Phi-líp 2:8, nơi nó được sử dụng cho Chúa Jesus. Ở đây nó có nghĩa là "ít hơn những gì cần thiết cho đời sống hàng ngày."

Từ thứ hai có nghĩa là "nhiều hơn những gì cần thiết cho cuộc sống hàng ngày." Có hai nguy hiểm đối diện với những tín đồ trong lối sống Cơ Đốc của họ: sự nghèo thiếu và giàu có (Pro. 30:7-9). Mỗi nguy hiểm với sự nghèo thiếu của một người có thể trở thành sự nản lòng với Đức Chúa Trời và (mỗi nguy hiểm) với sự giàu có sẽ trở thành sự tự đầy đủ xa cách khỏi Đức Chúa Trời.

☐ " **dur dật. .đảm bảo**" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Dur dật tại Ê-phê-sô 1:8.

NASB, NRSV
TEV "Tôi đã học điều bí mật "
NKJV "Tôi đã học"
NJB "Tôi đã huấn luyện bí mật"

Câu này nguyên văn là "tôi đã khởi sự." Đây là một thể chỉ định thụ động thì hoàn thành (perfect passive indicative). Từ này được sử dụng duy nhất ở đây trong Tân Ước. Nó được sử dụng trong những tôn giáo bí ẩn cho một người đã khởi đầu gia nhập vào giáo phái của họ. Phao-lô đã khẳng định rằng ông đã học được bằng trải nghiệm và thần học rằng bí mật thật sự của sự hạnh phúc được tìm thấy trong Đấng Christ, chứ không phải nơi hoàn cảnh (theo *The Christian's Secret of a Happy Life* được viết bởi Hannah Whithall Smith).

4:13 Thuật ngữ "Đấng Christ" được tìm thấy trong bản King James Version không xuất hiện trong câu này trong những thảo bản Hy Lạp cổ nhất (Σ*, A, B, hoặc D*). Tuy nhiên, từ "Ngài" chắc chắn chỉ về Chúa Jesus. Đây là mặt khác của lẽ thật được thấy trong Giăng 15:5. Lẽ thật theo Kinh Thánh thường được trình bày trong những cặp được đồ đây sự mâu thuẫn (căng thẳng). Thường một mặt nhấn mạnh về sự liên quan đến của Đức Chúa Trời, và mặt kia, từ phía con người. Phương pháp trình bày lẽ thật phương đông này rất khó cho người phương tây có thể nắm bắt. Nhiều sự căng thẳng giữa các hệ phái đã hiểu nhầm về thể loại trình bày biện chứng của lẽ thật này. Tập chú vào một khía cạnh này hoặc khía cạnh kia chính là đã đánh mất điểm quan trọng! Những phần Kinh Thánh bị bóc tách thành bằng chứng đã phát triển thành một hệ thống thần học về mặt thực tế chỉ là "những nửa sự thật"!

☐ "**ban năng lực**" Đây là một Phân từ chủ động thì hiện tại (present active participle), "Đấng tiếp tục thêm năng lực" (Ê-phê-sô 3:16; Cô-lô-se 1:11; 1 Ti-mô-thê 1:12; 2 Ti-mô-thê 4:17). Các tín đồ cần được thêm sức bởi Đấng Christ. Họ cũng cần trở nên mạnh mẽ (1 Cô-rinh-tô 16:13 Ê-phê-sô 6:10; 2 Ti-mô-thê 2:1). Đây là một sự căng thẳng nghịch lý thường xuyên được thấy trong Kinh Thánh. Cơ Đốc Giáo là một giao ước; Đức Chúa Trời khởi hoạt nó và đặt ra những điều kiện và những đặc quyền, nhưng con người cũng phải đáp ứng, vâng lời và tiếp tục! Các tín đồ ở dưới những áp lực bên trong và bên ngoài từ những giáo sư giả và những kẻ bắt bớ! Như cách Phao-lô đã thỏa lòng ở trong mọi hoàn cảnh, thì họ (các tín đồ) cũng phải như vậy (và chúng ta, cũng phải như vậy).

4:14 Những tín đồ chia sẻ với Phao-lô trong sự lan truyền của phúc âm (Phi-líp 1:5) và sự bắt bớ mà nó mang lại. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Hoạn Nạn tại Ê-phê-sô 3:13.

BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): PHI-LÍP 4:15-20

¹⁵ Hỡi người thành Phi-líp, chính anh em biết rằng trong giai đoạn đầu của Tin Lành, lúc tôi rời Ma-xê-đô-ni-a, ngoài anh em ra, không một Hội Thánh nào dự phần vào việc chi thu của tôi. ¹⁶ Vì ngay tại Tê-sa-lô-ni-ca, anh em đã một hai lần gửi cho tôi những thứ cần dùng. ¹⁷ Ấy không phải tôi cầu mong quà biếu, nhưng cầu mong kết quả thêm vào thành tích của anh em. ¹⁸ Tôi đã có đầy đủ và đang dư dật. Tôi đã nhận đầy đủ quà tặng của anh em từ Ép-pa-phô-đích như một lễ vật tỏa hương thơm, một sinh tế được Đức Chúa Trời vui nhận và đẹp lòng. ¹⁹ Đức Chúa Trời tôi sẽ cung ứng mọi nhu cầu của anh em theo sự giàu có vinh quang của Ngài trong Đấng Christ Jê-sus. ²⁰ Cầu xin vinh quang thuộc về Đức Chúa Trời, là Cha chúng ta đời đời vô cùng! A-men.

4:15,16 Điều này có thể hiểu trong cách tương phản với 2 Cô-rinh-tô 11:8-9, vốn ngụ ý rằng những hội thánh khác ở Ma-xê-đoan cũng giúp đỡ Phao-lô. Tuy nhiên, yếu tố thời gian là rất quan trọng. Phao-lô đang nói rằng vào thời điểm cụ thể này, không có hội thánh nào bên cạnh hội thánh tại Phi-líp đã giúp đỡ ông. Phao-lô rất ngần ngại chấp nhận những sự hỗ trợ, đóng góp tài chính (theo 1 Cô-rinh-tô 9:4-18; 2 Cô-rinh-tô 11:7-10; 12:13-18; 1 Tê-sa 2:5-9; và 2 Tê-sa 3:7-9).

4:15 " **chính anh em biết rằng** " Đây là một từ nhấn mạnh "anh em" và một thể chỉ định chủ động thì hoàn

thành (perfect active indicative). Phao-lô chia sẻ chính mình ông với hội thánh này và họ đã đền đáp lại.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: HỘI THÁNH (*ekklesia*)

Thuật ngữ Hy-lạp *ekklesia*, là từ kép, được hợp lại từ 2 thành phần, , "ra khỏi" và "kêu gọi." Trong bối cảnh xã hội, có nghĩa là gọi công dân ra khỏi nhà để đi họp, xem Công vụ 19:32,39,41) và bởi Bản Bảy Mươi Septuagint dùng thuật ngữ 'tập họp của dân Do-thái, từ thuật này mang ý nghĩa tôn giáo. Hội thánh sơ khởi tiếp tục thờ phượng Đức Chúa Trời với tư cách dân tuyển trong Cựu-ước. Họ coi mình là những người I-sơ-ra-en mới, (theo Rô ma 2:28-29; Ga la ti 3:29; 6:16; 1 Phi ê rơ 2:5,9; Khải huyền 1:6), là sự ứng nghiệm về sứ mạng truyền giáo thế giới, (theo Sáng Thế Ký 3:15; 12:3; Xuất Hành 19:5-6; Ma thi ơ 28:18-20; Lu ca 24:47; Công vụ 1:8; Xem chủ đề đặc biệt, Đức Giê-hô-va với chương trình cứu rỗi đời đời).

Thuật ngữ này có vài ý nghĩa trong Công Vụ và Phúc Âm:

6. Họp mặt thành phố, Công vụ 19:32,39,41
7. Con dân của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ nói chung, Ma thi ơ 16:18 và Ephesians
8. Hội thánh địa phương bao gồm Tín Đồ Đấng Christ, Ma thi ơ 18:17; Công vụ 5:11 (hội thánh tại Giê- ru-sa-lem); Công vụ 13:1; Rô ma 16:5; 1 Cor. 16:19; Col. 4:15; Phi-lê-môn câu 2
9. Dân I-sơ-ra-en nói chung, Công vụ 7:38, trong bài giảng của Ê-tiên
10. Dân của Chúa tại một vùng Công vụ 8:3; Ga la ti 1:2 (Giu-đê, Pa-lét-stin)

Hội thánh là một nhóm người hiệp lại, chứ không phải là một tòa nhà. Hội Thánh không có một tòa nhà qua hàng trăm năm, Gia cơ là cuốn sớm nhất trong Tân Ước, nói về Hội Thánh với thuật ngữ "*synagōgē*" (nhà hội). Thuật ngữ này được dùng duy nhất trong Gia-cơ (theo Gia-cơ 2:2; 5:14)

NASB, NKJV,

NRSV "chia sẻ với tôi trong việc ban cho và nhận lãnh "

TEV "chia sẻ với tôi những lợi ích và mất mát của tội "

NJB "đứng cùng với tôi trong việc tiêu dùng và thu nhập "

Có một chuỗi những thuật ngữ thương mại trong Phi-líp 4:15-18 vốn có thể được xác nhận và định nghĩa từ trong những tài liệu tiếng Hy Lạp Koine bằng giấy cội được tìm thấy tại Ai Cập và trên những mảnh gốm khảo cổ (những bình gốm vỡ được sử dụng như chất liệu để viết trên nó). Từ đầu tiên là một thuật ngữ ngân hàng cho việc mở một tài khoản).

Phao-lô chính xác đã cần trọng về những nan đề có thể gây ra bởi tiền bạc. Là một ra-bi Do Thái, ông đã không được cho phép nhận tiền bạc cho những sự dạy dỗ của mình. Những sự cáo buộc sai trật bởi những bè cánh tại Cô-rinh-tô lại càng nhấn mạnh thêm sự cần thiết đối với ông trong việc từ chối những sự giúp đỡ tiền bạc từ các hội thánh. Phao-lô đã phải cảm thấy rất thoải mái với hội thánh này.

4:17 " tôi cầu mong ... cầu mong " Đây là một từ Hy Lạp rất mạnh mẽ được sử dụng hai lần để bày tỏ những cảm xúc không rõ của Phao-lô về sự biết ơn của ông cho món quà mặc dù ông không chủ động tìm kiếm sự giúp đỡ của họ cách chủ động. Ông nhận ra rằng họ sẽ nhận lãnh một phước hạnh từ Đức Chúa Trời cho sự quản trị và sự rộng rãi trong phúc âm. Đây là điều ông vui mừng.

▣ **" kết quả thêm vào thành tích của anh em "** Đây là một ẩn dụ thương mại khác vốn chỉ về khoản lợi tích lũy và được chuyển vào trong một tài khoản khác. Chia sẻ phúc âm sẽ tạo ra những phước hạnh phúc âm (Phi-líp 4:19).

4:18 " Tôi đã nhận đầy đủ quà tặng của anh em," Đây là một từ thương mại khác dùng cho một biên nhận của một sự thanh toán đầy đủ. Phao-lô cảm thấy là hội thánh đã thực hiện tất cả mọi điều được kỳ vọng và còn vượt xa nữa. (Cách dùng từ "có rất nhiều" hoặc "dư dật" và thể chỉ định bị động thì hoàn thành (perfect passive indicative) "được chu cấp dư dật").

▣ **" Ép-ba-phô-dích "** Ông là người đại diện của hội thánh Phi-líp được gửi đến để chuyển sự trợ giúp tài chính và ở lại để giúp đỡ cho Phao-lô (Phi-líp 2:25-30).

▣ **" một lễ vật tỏa hương thơm, một sinh tế được Đức Chúa Trời vui nhận và đẹp lòng "** Từ này có nguồn gốc từ một ẩn dụ Cựu Ước cho một sinh tế được chấp nhận trên bàn thờ của những của tế lễ thiêu (Sáng 8:21; Xuất 29:18,25,41; Lê-vi Ký 1:9,13; Ê-xê-chi-ên 20:41). Cùng một loại ẩn dụ này được sử dụng bởi Phao-lô trong 2 Cô-rinh-tô 2:15 và Ê-phê-sô 5:2.

Sự giúp đỡ được trao cho Phao-lô như một sứ giả của phúc âm trong một sự thật rằng họ đang dâng hiến cho Đức Chúa Trời và sẽ được trả và ban phước bởi Ngài!

4:19 " Đức Chúa Trời tôi sẽ cung ứng mọi nhu cầu của anh em " Đây không phải là một chi phiếu trắng từ Đức Chúa Trời! "Những nhu cầu" cần phải được định nghĩa. Từ này cần phải được xem sự soi sáng của những nguyên tắc thuộc linh về dâng hiến và ban cho được thấy trong 2 Cô-rinh-tô 8 và 9, đặc biệt trong 9:6-15. Đây không phải là một lời hứa có thể được tách ra khỏi văn mạch và áp dụng cho những mong muốn của con người. Trong văn mạch này, nó liên hệ với sự chu cấp của Phao-lô cho chức vụ. Đức Chúa Trời sẽ luôn luôn chu cấp cho những người ban cho rộng rãi với càng nhiều hơn nữa để ban cho. Điều này không có nghĩa rằng họ sẽ có nhiều hơn nữa cho để sử dụng cá nhân, nhưng càng nhiều hơn nữa để ban ra cho những nguyên có phúc âm!

▣ **" theo sự giàu có vinh quang của Ngài trong Đấng Christ Jêsus "** Cần phải nhớ rằng cả đoạn này được thúc đẩy, khích lệ bởi chức vụ của Đấng Christ và nó được hoàn tất trong đời sống Cơ Đốc bởi sự giúp đỡ của Chúa, "trong Chúa," (Phi-líp 4:1,2, và câu 4). Mọi phước hạnh của Đức Chúa Trời đến qua Đấng Christ.

4:20 " thuộc về Đức Chúa Trời, là Cha chúng ta đời đời " Câu này rất giống lời cầu nguyện kết thúc của Phao-lô trong những sách khác. Từ "đời đời và mãi mãi" nguyên văn là "đến các thời kỳ của các thời kỳ," vốn là một thành ngữ Hy Lạp của "mãi mãi." Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Ngợi Khen, Cầu Nguyện, và Tạ Ôn của Phao-lô tại Ê-phê-sô 3:20.

Sự mô tả về Đức Chúa Trời là Cha là một trong những lẽ thật vĩ đại nhất của Kinh Thánh (Ô-sê 11). Những ẩn dụ về gia đình được sử dụng cho Đức Chúa Trời (Cha, Con) giúp con người hiểu được bản tính và đặc tính Ngài. Đức Chúa Trời đã khiến chính Ngài trở nên phù hợp với sự hiểu biết của con người bằng cách sử dụng những danh xưng của con người, những ẩn dụ tương đồng, và sự phủ định. Để xem bài viết đầy đủ về "sự vinh hiển" hãy xem Ê-phê-sô 1:6.

▣ **"A-men"** là một từ Hê-bơ-rơ dùng cho "đức tin" hoặc "sự thành tín" (Ha-ba-cúc 2:4). Nguyên gốc từ này được sử dụng để mô tả về một tư thế đứng vững vàng, chắc chắn. Nó trở nên một cách sử dụng theo nghĩa bóng cho một ai đó trung tín, chắc chắn, vững vàng, có thể nương dựa được, đáng tin cậy. Sau đó nó trở thành cách sử dụng phổ biến trong nghĩa của một sự khẳng định của một tuyên bố đáng tin cậy. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Ê-phê-sô 3:20.

BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010 (NASB (UPDATED)): PHI-LÍP 4:21-23

²¹ **Hãy chào tất cả các thánh đồ trong Đấng Christ Jêsus. Các anh em ở với tôi chào anh em.** ²² **Tất cả các thánh đồ chào anh em, đặc biệt là những người thuộc nhà Sê-sa.** ²³ **Cầu xin ân điển của Chúa là Đức Chúa Jêsus Christ ở với tâm linh anh em!**

4:21-23 Có khả năng rằng phần này được viết bởi chính tay Phao-lô vốn đã trở nên một cách để xác nhận tính chính xác của những lá thư của ông (1 Cô-rinh-tô 16:21; Ga-la-ti 6:11; Cô-lô-se 4:18; 2 Tê-sa 3:17; Phi-lê-môn 1:19). Đây cũng là một cách phổ biến trong những mảnh giấy cói tiếng Hy Lạp Koine được tìm thấy ở Ai Cập. Hầu hết những lá thư của Phao-lô được chấp bút bởi một người ghi chép (Rô-ma 16:22).

4:21 " chào tất cả các thánh đồ " Cụm từ này là lần duy nhất sử dụng từ "thánh đồ" trong thể số ít (tất cả các thánh đồ (thể số ít trong bản tiếng Anh)) trong toàn bộ Tân Ước. Nó được đi theo trong Phi-líp 4:22 trong thể số nhiều. Ngay cả trong Phi-líp 4:21 cũng được sử dụng trong một nghĩa của tập thể. Được cứu khiến một người trở thành một phần của một gia đình, một thân thể, một cánh đồng, một căn nhà, một dân tộc! Không thể nào có khả năng trở nên một "chiến binh cô đơn" thuộc linh được. Phúc âm được nhận lãnh cách cá nhân nhưng kết quả trong một mối tương giao tập thể.

Hãy cẩn thận về sự nhân mạnh quá mức hiện đại phương tây về những sự tự do hoặc những đặc quyền cá nhân. Cơ Đốc Giáo là một trải nghiệm tập thể. Ngay cả những khẩu hiệu của Nhà Cải Chánh nổi tiếng (Luther) như "Chức Tế Lễ của Tín Đồ" đều không chính xác theo Kinh Thánh. Dân sự Tân Ước của Đức Chúa Trời được mô tả bởi những cụm từ tế lễ Cựu Ước (1 Phi-e-rơ 2:5,9; Khải Huyền 1:60. Nhưng cần chú ý rằng chúng đều ở thể số nhiều, "một vương quốc của những thầy tế lễ."

Hãy nhớ rằng các tín đồ được ban cho một cách cá nhân tại sự cứu rỗi cho lợi ích chung (1 Cô-rinh-tô 12:7). Chúng ta được cứu để phục vụ. Văn hóa tùy thuộc vào hoàn cảnh hiện đại của chúng ta đã thay đổi sự tập chú theo Kinh Thánh thành "có điều gì trong đó cho tôi?" vì vậy biến sự cứu rỗi thành một tấm vé đi thiên đàng thay

vì một cuộc đời của chức vụ. Các tín đồ không được cứu để rồi họ có thể sử dụng sự tự do hoặc hiện thực hóa những tiềm năng của họ, nhưng họ được cứu khỏi tội lỗi để phục vụ Đức Chúa Trời (Rô-ma 6). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Các Thánh Đồ tại Cô-lô-se 1:2.

4:22 " đặc biệt là những người thuộc nhà Sê-sa " Đây rõ ràng liên hệ với những tội tở, nô lệ, và những viên quan nhỏ tại Rô-ma trong những công việc chính phủ (Phi-líp 1:13). Phúc âm của Phao-lô thậm chí đã xâm nhập vào những nhân viên của chính Hoàng Đế và một ngày kia sẽ gây cho cả hệ thống ngoại giáo này sụp đổ.

4:23

NASB, NRSV,

NJB

NKJV, TEV

"ở cùng với tâm linh anh em "

"ở cùng với tất cả anh em"

Câu này chỉ về bản thân con người. Trong Tân Ước, thường rất khó thể phân biệt rằng tác giả đang chỉ đến Thánh Linh (với từ viết hoa "L" (Linh)) hoặc là tâm linh con người vốn được thúc đẩy bởi Thánh Linh (với một từ viết thường "l"(linh)). Trong văn mạch nó rõ ràng là một từ viết thường "l."

Có một sự khác biệt thảo bản cổ trong sự kết thúc lá thư của Phao-lô (Ga-la-ti 6:18 và Phi-lê-môn 25). Một vài bản Kinh Thánh tiếng Hy Lạp, ^{NC}, K, và bản Textus Receptus (NKJV), chép là "với tất cả anh em," vốn là cách Phao-lô kết thúc trong 1 Cô-rinh-tô 16:24; 2 Cô-rinh-tô 13:13; 2 Tê-sa 3:18 và Tít 3:15. Đa phần những thảo bản cổ tiếng Hy Lạp bằng giấy cói và những thảo bản theo lối chữ nêm ông-xi-an đều chép là "với tâm linh anh em."

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Cụm từ khóa của đoạn này là gì?
2. "Đứng vững" có ý nghĩa như thế nào?
3. Những nguyên tắc để giải quyết sự không hiệp một trong một hội thánh địa phương là gì?
4. Hãy liệt kê những khía cạnh của sự cầu nguyện mà Phao-lô đề cập đến trong những câu 4-7.
5. Hãy mô tả bằng chính cách diễn đạt của bạn tầm quan trọng của hai câu 8 và 9 trong thời đại của chúng ta.
6. Câu 10 có phải là một lời tuyên bố tiêu cực bởi Phao-lô để quở trách người Phi-líp đã không giúp đỡ ông hay không?
7. Bí mật thật sự của sự hạnh phúc được mô tả trong những câu 11-13 là gì?
8. Hãy liệt kê và giải thích ba thuật ngữ thương mại được thấy trong những câu 15, 17 và 18.
9. Hãy giải thích văn mạch ảnh hưởng đến sự giải nghĩa thích hợp câu 19a.

MỘT SỐ ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN VỀ CẤU TRÚC NGỮ PHÁP TIẾNG HY LẠP

Tiếng Hy-lạp Koine, thường được gọi là tiếng Hy-lạp của văn hóa Hy Lạp cổ, là một ngôn ngữ thông dụng của thế giới vùng Địa trung hải bắt đầu từ sự chinh phục của Alexander Đại đế (336-323 TCN) và kéo dài trong khoảng 800 năm (300 TCN-500 SCN). Không phải nó chỉ là một thứ tiếng đơn giản, cổ điển, nhưng trong nhiều phương diện nó là một dạng mới hơn của tiếng Hy-lạp và đã trở thành ngôn ngữ thứ hai của vùng Cận đông cổ (Ancient Near East) và thế giới vùng Địa trung hải.

Tiếng Hy-lạp trong Tân ước rất đặc biệt xét về một số mặt bởi vì những người sử dụng nó, trừ Lu-ca và tác giả sách Hê-bơ-rơ, có lẽ hầu hết sử dụng tiếng A-ram là chính. Vì vậy, lối viết của họ bị ảnh hưởng bởi các thành ngữ và cấu trúc của tiếng A-ram. Thêm vào đó, họ đọc và trích từ bản LXX (bản dịch Kinh thánh Cựu ước bằng tiếng Hy-lạp), là bản được viết bằng Koine. Nhưng bản LXX cũng được viết bởi các học giả Do thái là những người mà ngôn ngữ mẹ đẻ của họ không phải là tiếng Hy-lạp.

Điều này là một sự nhắc nhở cho chúng ta rằng chúng ta không nên thúc ép Tân ước vào một cấu trúc ngữ pháp quá chặt chẽ. Nó rất đặc biệt nhưng cũng có nhiều điểm tương đồng với (1) bản LXX; (2) các tài liệu văn chương của người Do thái như Josephus chẳng hạn; và (3) các bản chỉ thảo được tìm thấy ở Ai-cập.. Vậy thì chúng ta sẽ tiếp cận như thế nào với vấn đề phân tích ngữ pháp trong Tân ước?

Các đặc điểm ngữ pháp của tiếng Hy-lạp Koine và tiếng Hy-lạp Koine trong Tân ước rất ‘lông’ (hay thay đổi). Xét về một số mặt đây là thời điểm đơn giản hóa văn phạm. Ngữ cảnh sẽ là người hướng dẫn chính của chúng ta. Từ ngữ chỉ có ý nghĩa trong một ngữ cảnh rộng lớn hơn, vì vậy, các cấu trúc ngữ pháp chỉ có thể được hiểu dưới ánh sáng của (1) tính cách của một tác giả cụ thể; và (2) một ngữ cảnh cụ thể. Khó mà có được một định nghĩa cuối cùng về các dạng thức hay cấu trúc tiếng Hy-lạp.

Tiếng Hy-lạp Koine chủ yếu là ngôn ngữ theo động từ (verbal language). Thông thường chìa khóa để giải nghĩa là các loại hay dạng của các động từ này. Trong hầu hết các vé câu chính, động từ luôn xuất hiện trước, để cho thấy sự quan trọng của nó. Khi phân tích động từ tiếng Hy-lạp, có ba điều cần phải chú ý: (1) sự nhấn mạnh cơ bản về các thì, dạng (thụ động, chủ động...) và lối (mood) (hình thái học (accidence hoặc morphology); (2) nghĩa căn bản của một động từ cụ thể (từ điển học); và (3) tính trôi chảy của ngữ cảnh (cú pháp) (syntax).

I. THÌ (TENSE)

- A. Thì bao gồm mối liên hệ của các động từ với một hành động đã hoàn tất hoặc chưa hoàn tất. Nó cũng thường được gọi là “hoàn thành” hay “chưa hoàn thành.”
1. Các thì hoàn thành tập trung vào sự xảy ra của một động từ. Không có một thông tin nào được cung cấp thêm ngoài việc biết rằng hành động đó đã xảy ra! Việc nó bắt đầu ra sau, có đang tiếp diễn hay đạt đến đỉnh điểm hay chưa thì không được nói đến.
 2. Các thì chưa hoàn thành tập trung vào một tiến trình đang diễn ra của một hành động. Nó được mô tả qua các hành động liên tiếp, hành động trong một khoảng thời gian, hành động tiếp diễn...
- B. Thì có thể được phân chia bởi cách người viết nhận thấy hành động diễn tiến ra sao
1. Đã xảy ra= QUÁ KHỨ (AORIST)
 2. Đã xảy ra và kết quả kéo đến hiện tại= HOÀN THÀNH (PERFECT)
 3. Đang xảy ra trong quá khứ và kết quả còn ảnh hưởng trong quá khứ, không phải trong hiện tại= HỒN HOÀN THÀNH (PLUPERFECT)
 4. Đang diễn ra= HIỆN TẠI (PRESENT)
 5. Đang diễn ra trong quá khứ= CHƯA HOÀN THÀNH (IMPERFECT)
 6. Sẽ diễn ra= TƯƠNG LAI (FUTURE)

Một ví dụ rõ ràng cho thấy các thì của động từ giúp cho việc giải nghĩa Kinh thánh là ví dụ về chữ “cứu.”

Nó được dùng với nhiều thì khác nhau để cho thấy cả tiến trình và điểm đỉnh của nó:

1. QUÁ KHỨ- ‘đã cứu’ (Rô-ma 8:24)
2. HOÀN THÀNH- ‘đã được cứu và kết quả còn trong hiện tại (Ê-phê-sô 2:5, 8)
3. HIỆN TẠI- “được cứu” (I Cô-rinh-tô 1:18; 15:2)
4. TƯƠNG LAI- ‘sẽ được cứu’ (Rô-ma 5:9, 10; 10:9)

C. Khi tập trung nghiên cứu các thì của động từ, người giải nghĩa tìm xem lý do gì khiến các trước giả nguyên thủy chọn diễn tả ý tưởng của mình qua thì của động từ đó. Thì tiêu chuẩn ‘không màu mè’ là thì QUÁ KHỨ. Đây là một dạng động từ thông thường “không cụ thể,” “không định lần ranh,” hoặc “không dễ ngã ngũ.” Khía cạnh của thì quá khứ chỉ có trong LỐI CHỈ ĐỊNH (INDICATIVE MOOD). Nếu một thì nào khác được dùng đến, thì có một điều gì đó cụ thể hơn được nhấn mạnh. Nhưng đó là gì?

1. THÌ HOÀN THÀNH (PERFECT TENSE) Thì này diễn tả một hành động đã hoàn tất và kết quả vẫn còn lại trong hiện tại. Nói nôm na, nó là sự kết hợp của THÌ QUÁ KHỨ và THÌ HIỆN TẠI. Thông thường trọng tâm của nó xoay vào các kết quả hiện có hoặc là sự hoàn tất của hành động. Ví dụ: Ê-phê- sô 2:5 và 8, “các người đã và vẫn tiếp tục được cứu.”
2. HƠN HOÀN THÀNH (PLUPERFECT) Thì này giống như thì HOÀN THÀNH nhưng kết quả theo sau đã chấm dứt. Ví dụ: “Phi-e-rơ đang đứng trước cửa ở bên ngoài” (Giăng 18:16).
3. HIỆN TẠI (PRESENT) Điều này diễn tả một hành động chưa hoàn tất. Sự tập trung thông thường là vào sự tiếp diễn của một sự kiện. Ví dụ: “Ai cứ ở trong Ngài thì không tiếp tục phạm tội,” “những người sanh bởi Đức Chúa Trời thì không tiếp tục phạm tội” (I Giăng 3:6 & 9).
4. CHƯA HOÀN THÀNH (IMPERFECT TENSE) Trong thì này mối liên hệ với THÌ HIỆN TẠI cũng gần giống với mối liên hệ giữa thì HOÀN THÀNH và HƠN HOÀN THÀNH (PLUPERFECT). THÌ CHƯA HOÀN THÀNH nói đến một hành động chưa hoàn thành đang diễn ra nhưng đã chấm dứt hoặc sự bắt đầu của một hành động trong quá khứ. Ví dụ: “Cả Giê-ru-sa-lem vẫn tiếp tục đi đến với Ngài” hay là “cả Giê-ru-sa-lem đã bắt đầu đi đến với Ngài” (Ma-thi-ơ 3:5).
5. TƯƠNG LAI (FUTURE) Điều này nói đến một hành động thường được hoạch định trong một thời điểm trong tương lai. Nó tập trung vào triển vọng có thể xảy ra của hành động hơn là sự xảy ra thật sự. Nó cũng thường chỉ sự chắc chắn của một sự kiện. Ví dụ: “Phước cho... họ sẽ...” (Ma-thi-ơ 5:4-9)

II. DẠNG (VOICE)

A. Dạng mô tả mối liên hệ giữa hành động của động từ và chủ thể của nó.

B. DẠNG CHỦ ĐỘNG (ACTIVE VOICE) là cách dùng thông thường, không nhấn mạnh để xác định một chủ thể nào đó đang làm một hành động nào đó.

C. DẠNG THỤ ĐỘNG (PASSIVE VOICE) có nghĩa là chủ từ nhận hành động của động từ sinh ra bởi một tác nhân khác ở bên ngoài. Tác nhân bên ngoài tạo ra hành động đó được chỉ định bằng các giới từ và trường hợp sau đây trong tiếng Hy-lạp của Tân ước:

1. Tác nhân trực tiếp có ngôi thứ (personal direct agent) sử dụng từ *hupo* với công cụ cách (ABLATIVE CASE) (Ma-thi-ơ 1:22; Công vụ 22:30).
2. Tác nhân trung gian có ngôi thứ (personal intermediate agent) sử dụng từ *dia* với công cụ cách (ABLATIVE CASE) (Matt 1:22)
3. Tác nhân không ngôi thứ (impersonal agent) thường dùng với từ *en* với công cụ cách (INSTRUMENTAL CASE).
4. Tác nhân có khi thuộc nhân cách hóa, có khi không và được dùng bởi chỉ công cụ cách (INSTRUMENTAL CASE).

D. DẠNG TRUNG CÁCH (MIDDLE VOICE) nghĩa là chủ từ làm ra hành động của động từ và cũng đồng thời trực tiếp tham gia vào hành động đó. Nó cũng thường được gọi là dạng lợi ích cá nhân nâng cao

(heightened personal interest). Cấu trúc nào nhấn mạnh chủ từ của một vế câu hay của cả câu trong một cách nào đó. Cấu trúc này không có trong tiếng Anh. Nó có một tầm ý nghĩa và cách dịch khá rộng trong tiếng Hy-lạp. Một vài ví dụ của nó được liệt kê như sau:

1. TỰ THÂN (REFLEXIVE)- hành động trực tiếp của chủ từ lên chính nó. Ví dụ: “tù treo cổ hấn” (Ma-thi-ơ 27:5)
2. NHẤN MẠNH (INTENSIVE)- chủ từ làm ra hành động cho chính nó. Ví dụ: “Chính quỷ Satan mạo làm thiên sứ sáng láng” (II Cô-rinh-tô 11:14).
3. QUA LẠI (RECIPROCAL) – sự tương giao qua lại giữa hai chủ từ. Ví dụ “họ bàn với nhau” (Ma-thi-ơ 26:4).

III. LỐI (MOOD)

- A. Có bốn lối trong tiếng Hy Lạp Koine. Chúng cho thấy mối liên hệ giữa động từ và hiện thực, ít nhất là trong đầu của người viết. Các lối này được chia ra làm hai loại khá rộng: loại chỉ hiện thực (CHỈ ĐỊNH) (INDICATIVE) và loại chỉ điều có thể sẽ xảy ra (potentiality) (BÀN THÁI CÁCH, MỆNH LỆNH VÀ MONG MỎI) (SUBJUNCTIVE, IMPERATIVE, OPTATIVE).
- B. LỐI CHỈ ĐỊNH (INDICATIVE MOOD) là lối thông thường diễn tả hành động đã diễn ra hoặc đang diễn ra, ít ra là trong trí của người viết. Nó là lối duy nhất trong tiếng Hy-lạp diễn tả một thời gian xác định và ngay cả ở đây khía cạnh này chỉ là thứ yếu.
- C. LỐI BÀN THÁI (SUBJUNCTIVE MOOD) diễn tả hành động có thể có trong tương lai. Điều gì đó đã không xảy ra nhưng nó có cơ hội xảy ra. Nó có nhiều điểm chung với LỐI CHỈ ĐỊNH TƯƠNG LAI (FUTURE INDICATIVE). Điều khác nhau là LỐI BÀN THÁI diễn tả sự nghi ngờ ở một mức độ nào đó. Trong tiếng Anh, điều này thường được diễn tả qua các từ ngữ như “could,” “would,” “may,” hay “might.”
- D. LỐI MONG MỎI (OPTATIVE MOOD) diễn tả một sự mong ước trên lý thuyết có thể xảy ra. Nó được xếp xa hơn một bước so với LỐI BÀN THÁI. LỐI MONG MỎI bày tỏ sự có thể xảy ra trong một số điều kiện nào đó. LỐI MONG MỎI rất hiếm trong Tân Ước. Cách nó thường được dùng là trong câu nói nổi tiếng của Phao-lô, “Chẳng hề như vậy” (KJV, “Lạy Trời đừng có chuyện như vậy”), được sử dụng 15 lần (Rô-ma 3:4, 6, 31; 6:2, 15; 7:7, 13; 9:14; 11:1, 11; I Cô-rinh-tô 6:15; Ga-la-ti 2:17; 3:21; 6:14). Các ví dụ khác được ghi lại trong I Tê-sa-lô-ni-ca 1:38; 20:16, Công vụ 8:20 và I Thess 3:11.
- E. LỐI MỆNH LỆNH (IMPERATIVE MOOD) nhấn mạnh một mệnh lệnh có thể xảy ra, nhưng nhấn mạnh đến ý định của người nói. Nó chỉ khẳng định sự xảy ra một cách tự nguyện trong điều kiện có một sự lựa chọn khác. Có một cách sử dụng đặc biệt của LỐI MỆNH LỆNH trong các lời cầu nguyện và trong các lời cầu xin ở ngôi thứ ba. Những loại mệnh lệnh như vậy chỉ có ở thì HIỆN TẠI và thì QUÁ KHỨ trong Tân Ước.
- F. Một số sách ngữ pháp xếp loại ĐỘNG TÍNH TỪ (PARTICIPLES) vào một loại khác của lối trong động từ. Nó rất thông dụng trong tiếng Hy-lạp của Tân Ước, thường là một động tính từ. Nó được dịch cùng với động từ chính mà nó liên hệ đến. Có một phạm vi rộng các cách dịch những động tính từ này. Tốt nhất là nên tham khảo nhiều bản dịch khác nhau. Cuốn *The Bible in Twenty Six Translations* xuất bản bởi nhà sách Baker là một công cụ rất hữu ích.
- G. CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST ACTIVE INDICATIVE) là một cách rất thông thường và “chưa được định lần ranh” để ghi lại một điều xảy ra. Các thì, dạng và lối khác cũng có một số ý nghĩa quan trọng nhất định mà trước giả nguyên thủy muốn dùng để chuyên tải ý tưởng của mình.

IV. Đối với những người chưa quen với tiếng Hy-lạp, những công cụ học tập sau đây sẽ cung cấp một số thông tin cần thiết:

- A. Friberg, Barbara và Ti-mô-thê. *Analytical Greek New Testament*. Grand Rapids: Baker, 1988.
- B. Marshall, Alfred. *Interlinear Hy-lạp-English Tân Ước*. Grand Rapids: Zondervan, 1976.
- C. Mounce, William D. *The Analytical Lexicon to the Greek New Testament*. Grand Rapids: Zondervan, 1993.
- D. Summer, Ray. *Essentials of Tân Ước Hy-lạp*. Nashville: Broadman, 1950.

E. Các môn học hàm thụ có tín chỉ có ở Viện Thánh Kinh Moody, Moody Bible Institute ở Chicago, Illinois.

V. DANH TỪ (NOUNS)

- A. Xét về mặt cú pháp, các danh từ được xếp theo các cách (cases). Cách là biến dạng của danh từ để cho biết liên hệ của nó đối với động từ và các phần khác trong câu. Trong tiếng Hy-lạp Koine các chức năng của cách (cases) được diễn tả qua các giới từ. Bởi vì các dạng của cách (case form) có thể xác định một số liên hệ khác nhau, nên các giới từ phát triển thêm để cho thấy sự tách biệt rõ ràng hơn đối với các chức năng này.
- B. Các cách trong tiếng Hy-lạp được phân theo 8 loại sau đây:
1. DANH CÁCH (NOMINATIVE CASE) được dùng để gọi tên và thông thường nó là chủ ngữ của một câu hay một vế câu. Nó cũng được dùng cho các danh từ và tính từ vị ngữ với các động từ nối “là” hay “trở thành.”
 2. SỞ HỮU CÁCH (GENITIVE CASE) được dùng để mô tả và thường gán cho một tính chất hay giá trị cho từ nó liên hệ đến. Nó trả lời câu hỏi, “Loại gì?” Nó thường được diễn tả bởi cách dùng chữ “of” trong tiếng Anh.
 3. CÔNG CỤ CÁCH (ABLATIVE CASE) có cùng cách chia giống như SỞ HỮU CÁCH, nhưng nó được dùng để chỉ sự phân cách. Nó thường chỉ sự phân cách trong một thời điểm, không gian, nguồn gốc, hay mức độ. Trong tiếng Anh, nó thường được sử dụng bằng chữ “from”
 4. TẶNG CÁCH (DATIVE CASE) dùng để diễn tả sở thích cá nhân. Nó có thể chỉ một khía cạnh tích cực hay tiêu cực. Thông thường đó là một bổ ngữ gián tiếp. Trong tiếng Anh, nó được diễn tả qua từ “to.”
 5. VỊ TRÍ CÁCH (LOCATIVE CASE) có cùng cách chia từ như TẶNG CÁCH, nhưng nó diễn tả vị trí trong không gian, thời gian hay những giới hạn lô-gích. Trong tiếng Anh, nó được diễn tả qua những từ “in, on, at, among, during, by, upon, beside.”
 6. CÔNG CỤ CÁCH (INSTRUMENTAL CASE) có cách chia từ giống với TẶNG CÁCH và VỊ TRÍ CÁCH. Nó diễn tả phương tiện hay sự liên hệ. Trong tiếng Anh, nó được diễn tả qua các giới từ “by” “with.”
 7. ĐỐI CÁCH (ACCUSATIVE CASE) dùng để diễn tả sự chấm dứt của một hành động. Nó diễn tả sự giới hạn. Sự sử dụng chủ yếu của nó là bổ ngữ trực tiếp (direct object). Nó trả lời câu hỏi, “Xa bao nhiêu?” hay là “Cho đến mức nào?”
 8. XUNG HỒ CÁCH (VOCATIVE CASE) được dùng để xưng hô trực tiếp.

VI. CÁC LIÊN TỪ VÀ TỪ NỐI (CONJUNCTIONS, CONNECTORS)

- A. Tiếng Hy-lạp là một ngôn ngữ rất chính xác vì nó có rất nhiều từ nối. Chúng nối kết các ý tưởng (vế câu, câu và đoạn). Nó xuất hiện rất thường đến nỗi sự vắng mặt của nó gây ảnh hưởng trong vấn đề giải kinh. Thật ra, các liên từ và từ nối này cho thấy hướng đi trong ý tưởng của các trước giả. Chúng rất hệ trọng trong việc quyết định điều các trước giả này thực sự muốn nói.
- B. Sau đây là danh sách của một số liên từ và từ nối và ý nghĩa của chúng (thông tin này được góp nhặt từ sách của H.E. Dana và Julius K. Mantey *A Manual Grammar of the Greek New Testament*).
1. Từ nối chỉ thời gian
 - a. *epei, epeidē, hopote, hōs, hote, hotan* (bàn thái cách)- “khi”
 - b. *heōs* - “trong khi”
 - c. *hotan, epan* (bàn thái cách)- “bất cứ khi nào”
 - d. *heōs, achri, mechri* (bàn thái cách)- “cho đến khi”
 - e. *priv* (nguyên mẫu)- “trước”
 - f. *hōs* - “từ khi” “khi”
 2. Từ nối chỉ sự lô-gích
 - a. Chỉ mục đích
 - (1) *hina, hopōs, hōs* (bàn thái cách)- “để mà”

- (2) *hōste* (nguyên mẫu đối cách)- “để”
 (3) *pros* (nguyên mẫu đối cách), *eis* (nguyên mẫu đối cách)- “để”
- b. Chỉ kết quả (có một sự liên hệ mật thiết giữa dạng ngữ pháp thuộc mục đích và kết quả)
 (1) *hōste* (nguyên mẫu, đây là dạng thông dụng nhất)- “để mà”
 (2) *hiva* (bàn thái)- “để mà”
 (3) *ara*- “thì”
- c. Chỉ hệ quả hay lý do
 (1) *gar* (nguyên nhân/hệ quả hay lý luận/kết luận)- “bởi vì”
 (2) *dioti, hotiy*- “bởi vì”
 (3) *epei, epeidē, hōs* - “vì”
 (4) *dia* (với đối cách) và (nguyên mẫu)- “bởi vì”
- d. Hàm ý, ám chỉ
 (1) *ara, poinun, hōste* - “vì vậy”
 (2) *dio* (liên từ ám chỉ mạnh nhất)- “vì điều này,” “vì vậy”
 (3) *oun*- “vì vậy” “kết quả là”
 (4) *toinoun*- “do vậy”
- e. Tương phản
 (1) *alla* (dạng tương phản mạnh)- “nhưng,” “trừ ra”
 (2) *de*- “nhưng” “tuy nhiên,” “nhưng” “mặt khác”
 (3) *kai*- “nhưng”
 (4) *mentoi, oun*- “tuy nhiên”
 (5) *plēn* - “tuy nhiên” (hầu hết là trong sách Lu-ca)
 (6) *oun*- “tuy nhiên”
- f. So sánh
 (1) *hōs, kathōs* (giới thiệu các vế câu so sánh)
 (2) *kata* (trong các từ kép, *katho, kathoti, kathōsper, kathaper*)
 (3) *hosos* (trong thư Hê-bơ-rơ)
 (4) *ē* - “hơn”
- g. Tiếp diễn
 (1) *de*- ‘và’ “bây giờ”
 (2) *kai*- ‘và’
 (3) *tei*- ‘và’
 (4) *hina, oun*- ‘rằng’
 (5) *oun*- ‘sau đó’ (trong sách Giăng)
3. Các cách nhấn mạnh
 a. *alla*- “chắc chắn,” “vâng” “thật ra”
 b. *ara*- “thực sự” “chắc vậy” “thật vậy”
 c. *gar*- “nhưng thật ra” “chắc vậy” “thực sự”
 d. *de*- “thực sự”
 e. *ean*- “ngay cả”
 f. *kai*- “ngay cả,” “thực sự,” “thật ra”
 g. *mentoi*- “thực sự”
 h. *Oun*- “thật sự”

VII. CÂU ĐIỀU KIỆN

- A. CÂU ĐIỀU KIỆN là câu chứa đựng một hay nhiều vế câu chỉ điều kiện. Cấu trúc ngữ pháp này giúp cho việc giải nghĩa bởi vì nó cung cấp các điều kiện, lý do, hoặc các nguyên nhân tại sao hành động của động từ chính xảy ra hay không xảy ra. Có 4 loại câu điều kiện. Chúng giao động từ một trường hợp vốn cho là thật từ quan điểm của người viết hay để đạt mục đích của người viết đến trường hợp chỉ là sự mong ước.
- B. CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT diễn tả hành động hay trạng thái cho là thật từ quan điểm của người viết hay để đạt mục đích của người viết cho dù nó được diễn tả bằng chữ “nếu.” Trong một số trường hợp, nó có thể được dịch là “vì” (Ma-thi-ơ 4:3; Rô-ma 8:31). Tuy nhiên, nó không có nghĩa là tất cả các BẬC MỘT đều là thật trong thực tế. Thông thường nó được dùng để chứng minh một điểm nào đó

trong một cuộc tranh luận hay để chỉ ra một sai lầm (Ma-thi-ơ 12:27).

- C. **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC HAI** thường gọi là “đổi ngược sự kiện.” Nó nói đến một điều gì đó không có thật trong thực tế để chứng minh một điều gì đó. Ví dụ:
1. “Nếu hấn thật là một tiên tri, nhưng thật ra hấn không phải, hấn sẽ biết người phụ nữ đó là ai và như thế nào và là người đã nắm lấy hấn, nhưng hấn không biết” (Lu-ca 7:39)
 2. “Nếu các người thật sự tin Môi-se, là điều các người không có, người sẽ tin Ta, là điều các người không làm (Giăng 5:46).
 3. “Nếu tôi tìm cách để làm đẹp lòng con người, là điều tôi không làm, tôi sẽ không phải là nô lệ của Đấng Christ, là điều tôi đang làm” (Ga-la-ti 1:10).
- D. **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BA** nói đến các hành động có thể xảy ra trong tương lai. Nó cho rằng các hành động này có thể xảy ra. Nó thường ám chỉ một sự dự phòng. Hành động trong động từ chính thường liên hệ đến hành động trong về câutho bậc này. Ví dụ: I Giăng 1:6-10; 2:4, 6, 9, 15, 20, 21, 24, 29; 3:21; 4:20; 5:14, 16.
- E. **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN** diễn tả bậc xa nhất của trường hợp có thể xảy ra. Nó rất hiếm trong Tân ước. Thật sự, không có một **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN** hoàn chỉnh mà cả hai phần thỏa mãn định nghĩa này. Một ví dụ về một phần của **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN** là về câumở đầu trong I Phi-e-rơ 3:14. Một ví dụ khác về **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN** là về câukết thúc trong Công vụ 8:31.

VIII. LỜI NGĂN CẤM (PROHIBITIONS)

- A. **CÂUMỆNH LỆNH HIỆN TẠI** với **TIỀN TỐ ‘ME’** thường khi (không phải mọi lúc) nhấn mạnh sự ngưng một hành động đang diễn ra. Một số ví dụ như “ngưng chất chứa của cải người ở dưới đất..” (Ma-thi-ơ 6:19); “ngừng lo lắng về cuộc sống...” (Ma-thi-ơ 6:25); “ngưng giao cho tội lỗi các chi thể như là đồ dùng cho sự gian ác...” (Rô-ma 6:13); “người phải ngưng làm buồn Thánh Linh của Đức Chúa Trời...” (Ê-phê-sô 4:30); và “ngưng say rượu...” (5:18).
- B. **LỜI BÀN THÁI QUÁ KHỨ** với **TIỀN TỐ ‘ME’** nhấn mạnh “đừng nghĩ đến chuyện bắt đầu một hành động” Một vài ví dụ “Đừng ngay cả bắt đầu suy nghĩ...” (Ma-thi-ơ 5:17); “đừng bao giờ bắt đầu lo lắng...” (Ma-thi-ơ 6:31); “đừng bao giờ hổ thẹn...” (II Ti-mô-thê 1:8).
- C. **PHỦ ĐỊNH KÉP (DOUBLE NEGATIVE)** đi chung với **LỜI BÀN THÁI** mang tính phủ định tuyệt đối. “Không bao giờ, thật không bao giờ” hay là “không có trong bất cứ hoàn cảnh nào.” Một vài ví dụ như: “sẽ không có bao giờ nếm sự chết” (Giăng 8:51); “ta sẽ không bao giờ...” (I Cô-rinh-tô 8:13).

IX. MẠO TỪ

- A. Trong tiếng Hy-lạp Koine, mạo từ xác định “the” giống với tiếng Anh. Chức năng chủ yếu của nó là “một con trỏ,” một cách để gây sự chú ý về một từ, một tên, hay một cụm từ. Cách dùng của nó thay đổi theo các trước giả trong Tân ước. Mạo từ xác định cũng có các chức năng sau:
1. Một dụng cụ làm tương phản giống như một đại từ chỉ định (demonstrative pronoun);
 2. Một dấu hiệu chỉ một chủ đề hay một người đã được đề cập đến ở phần trước;
 3. Một cách để xác định chủ từ trong một câu với một động từ nói. Ví dụ: “Đức Chúa Trời là thần” Giăng 4:24; “Đức Chúa Trời là sự sáng” I Giăng 1:5; “Đức Chúa Trời là tình yêu thương” 4:8, 16.
- B. Tiếng Hy-lạp Koine không có một mạo từ bất định như “a” “an” trong tiếng Anh. Sự vắng mặt của một mạo từ xác định có thể có ý:
1. Tập trung vào bản chất hay giá trị của một điều gì đó
 2. Tập trung vào phân loại của một điều gì đó
- C. Các trước giả Tân ước sử dụng mạo từ rất khác nhau.

X. CÁCH NHẤN MẠNH TRONG TIẾNG HY LẠP CỦA TÂN ƯỚC

A. Kỹ thuật bày tỏ sự nhấn mạnh thay đổi theo các trước giả trong Tân ước. Các trước giả sử dụng có vẻ nhất quán và nghiêm chỉnh nhất là Lu-ca và trước giả sách Hê-bơ-rơ.

B. Chúng tôi đã nói ở phần trước rằng LỜI CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST ACTIVE INDICATIVE) là lời tiêu chuẩn, không bị gò bó để nhấn mạnh, nhưng bất cứ một thì nào, dạng nào, lối nào cũng có một tầm quan trọng của nó khi giải nghĩa. Điều này có nghĩa là LỜI CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ vẫn thường được dùng đến trong một ý nghĩa ngữ pháp quan trọng. Ví dụ: Rô-ma 6:10 (hai lần).

C. Thứ tự từ trong tiếng Hy-lạp Koine

1. Tiếng Hy-lạp Koine là một ngôn ngữ biến cách (inflected language) có nghĩa là nó không phụ thuộc vào thứ tự từ như trong tiếng Anh. Vì vậy, trước giả có thể thay đổi các thứ tự thông thường của nó để cho thấy:

- Điều trước giả muốn nhấn mạnh
- Điều trước giả nghĩ sẽ đem đến sự ngạc nhiên cho độc giả
- Điều trước giả thật sự cảm nhận sâu xa

2. Các trật tự từ tiêu chuẩn trong tiếng Hy-lạp vẫn là vấn đề chưa ngã ngũ. Tuy vậy, một thứ tự tạm gọi là thông thường sẽ là:

a. Đối với động từ liên kết:

- (1) Động từ
- (2) Chủ từ
- (3) Bổ ngữ (complement)

b. Đối với ngoại động từ:

- (1) Động từ
- (2) Chủ từ
- (3) Bổ ngữ (object)
- (4) Bổ ngữ gián tiếp (indirect object)
- (5) Cụm giới từ (prepositional phrase)

c. Đối với các cụm danh từ:

- (1) Danh từ
- (2) Từ bổ nghĩa (modifier)
- (3) Cụm giới từ

3. Thứ tự từ có thể mang ý nghĩa giải kinh vô cùng quan trọng. Ví dụ:

- “tay hữu họ trao tôi và Ba-na-ba của sự thông công” (Ga-la-ti 2:9) Cụm từ “tay hữu của sự thông công” được tách ra và đặt phía trước để nhấn mạnh sự quan trọng của nó.
- “với Đấng Christ” (Ga-la-ti 2:20), được đặt trước. Sự chết của Ngài là trọng tâm.
- “Tùng hồi từng lúc trong nhiều cách” (Hê-bơ-rơ 1:1) được đặt trước. Cách Đức Chúa Trời tự mặc khải chính Ngài là điều quan trọng hơn, đối lại với sự kiện mặc khải ở đây.

D. Sự nhấn mạnh ở các mức độ khác nhau được biểu hiện qua:

- Sự lặp lại đại từ vốn đã có sẵn trong dạng động từ được chia. Ví dụ, “Ta, chính ta, sẽ chắc chắn ở cùng các ngươi...” (Ma-thi-ơ 28:20).
- Sự vắng mặt các liên từ vốn thường được mong đợi, hoặc các từ nối giữa các từ, cụm từ, vế câu hay câu. Điều này gọi là sự bỏ liên từ (asyndeton) (“không bị ràng buộc”). Các từ nối thường được mong đợi phải có mặt, vì vậy nếu chúng vắng mặt sẽ tạo sự chú ý. Ví dụ:
 - Các phước lành, Ma-thi-ơ 5:3 và tiếp sau (nhấn mạnh danh sách này)
 - Giăng 14:1 (chủ đề mới)
 - Rô-ma 9:1 (phần mới)
 - II Cô-rinh-tô 12:20 (nhấn mạnh danh sách này)
- Sự lặp đi lặp lại các từ hay cụm từ trong một số ngữ cảnh nào đó. Ví dụ: “ngợi khen sự vinh hiển Ngài” (Ê-phê-sô 1:6, 12, 14). Cụm từ này được dùng để chỉ công tác của mỗi thân vị trong Ba ngôi.
- Cách sử dụng một thành ngữ hay một từ (một âm), cách chơi chữ giữa các từ.
 - Cách nói trại- thay thế từ cho những chủ đề cấm kỵ như “ngủ” để chỉ sự chết (Giăng 11:11-14) hay

- “chân” để chỉ bộ phận sinh dục nam (Ru-tơ 3:7-8; I Sa-mu-ên 24:3).
- b. Lối nói vòng- thay thế chữ dùng cho danh của Chúa như “nước Trời” (Ma-thi-ơ 3:21) hoặc “tiếng từ trời” (Ma-thi-ơ 3:17).
 - c. Các hình thái Tân Ước từ:
 - (1) Sự nói thái quá (Ma-thi-ơ 3:9; 5:29-30; 19:24).
 - (2) Các câu nói gây đụng chạm (Ma-thi-ơ 3:5; Công vụ 2:36).
 - (3) Nhân cách hóa (I Cô-rinh-tô 15:55)
 - (4) Mía mai (Ga-la-ti 5:12)
 - (5) Đoạn văn thơ (Phi-líp 2:6-11)
 - (6) Chơi âm của các từ
 - i. “Hội thánh”
 - (a) “Hội thánh” (Ê-phê-sô 3:21)
 - (b) “kêu gọi” (Ê-phê-sô 4:1, 4)
 - (c) “được gọi” (Ê-phê-sô 4:1, 4)
 - ii. “tự do”
 - (a) “Người nữ tự do” (Ga-la-ti 4:31)
 - (b) “Sự tự do” (Ga-la-ti 5:1)
 - (c) “tự do” (Ga-la-ti 5:1)
 - d. Các thành ngữ- thường mang tính văn hóa và ngôn ngữ đặc trưng:
 - (1) Đây là cách nói bóng của từ “thức ăn” (Giăng 4:31-34)
 - (2) Đây là cách nói bóng của từ “đền thờ” (Giăng 2:19, Ma-thi-ơ 26:61).
 - (3) Đây là thành ngữ Hê-bơ-rơ chỉ sự thương xót, ‘ghen ghét’ (Sáng thế ký 29:31; Phục truyền luật lệ ký 21:15; Lu-ca 14:36; Giăng 12:25; Rô-ma 9:13).
 - (4) “Tất cả” và “một số.” So sánh Ê-sai 53:6 (“tất cả”) với 53:11 và 12 (“một số”). Những chữ này đều đồng nghĩa như trong Rô-ma 5:18 và 19 cho thấy.
 5. Cách dùng một cụm từ đầy đủ các yếu tố ngữ học thay vì chỉ dùng một từ. Ví dụ: “Đức Chúa Jê-sus Christ”
 6. Cách dùng đặc biệt của chữ *autos*
 - a. Khi đi với một mạo từ (ở vị trí thêm giá trị (attributive position)), thì nó được dịch là “giống.”
 - b. Khi không kèm theo một mạo từ (ở vị trí bổ ngữ (predicate position)), nó được dịch như là một đại từ phản tính nhấn mạnh- “chính anh ta,” “cô ta,” “chính nó.”
- E. Những người không đọc được Hy-lạp có thể xác định được những lỗi nhấn mạnh qua các cách sau:
1. Sử dụng các từ điển phân tích hoặc các bản Anh/Hy Lạp đối chiếu.
 2. Các bản dịch Anh ngữ đối chiếu, đặc biệt là từ các quan điểm dịch khác nhau. Ví dụ: so sánh bản dịch theo “từng chữ” (KJV, NKJV, ASV, NASB, RSV, NRSV) với cách dịch “thoát theo lối tương đương” (Williams, NIV, NEB, REB, JB, NJB, TEV). Một cuốn sách hữu ích ở đây là *The Bible in Twenty-Six Translations* xuất bản bởi nhà xuất bản Baker.
 3. Sử dụng cuốn *The Emphasized Bible* của Joseph Bryant Rotherham (Kregel, 1994).
 4. Sử dụng bản dịch theo nghĩa đen
 - a. *The American Standard Version* năm 1901
 - b. *Young’s Literal Translation of the Bible* của Robert Young (Guardian Press, 1976).

Việc nghiên cứu ngữ pháp là một vấn đề rất tỉ mỉ, công phu, nhưng cần thiết để có thể giải nghĩa một cách hợp lý. Các định nghĩa, lời bình và các thí dụ ngắn ngủi này nhằm mục đích khuyến khích và trang bị cho độc giả không quen với tiếng Hy-lạp có thể tận dụng các chú thích ngữ pháp có trong tập sách này. Chắc chắn rằng những định nghĩa này rất đơn sơ. Đừng nên sử dụng chúng một cách cứng nhắc, giáo điều, nhưng chỉ là các viên đá bước tiếp đến một sự hiểu biết rõ hơn về các cú pháp Tân ước. Mong ước rằng các định nghĩa này cũng giúp độc giả hiểu được các lời giải thích trong các sách trợ giúp cho việc nghiên cứu chẳng hạn như các sách giải kinh chuyên môn về Tân ước.

Chúng ta phải xác định sự giải thích của chúng ta dựa trên những thông tin có được trong bản văn. Ngữ pháp là một trong những công cụ hữu hiệu nhất; các công cụ khác như bối cảnh lịch sử, ngữ cảnh, cách sử dụng từ và các đoạn văn đối xứng nhau.

PHÊ BÌNH VĂN BẢN

Chủ đề này được bàn đến với mục tiêu giúp giải thích các chú thích về văn bản có trong tập sách này. Dàn ý sau đây sẽ được dùng đến:

- I. Các nguồn văn bản của Kinh thánh tiếng Anh
 - A. Cựu ước
 - B. Tân ước
- II. Giải thích ngắn về vấn đề và lý thuyết của “hạ phê bình” cũng gọi là “phê bình văn bản”
- III. Tư liệu đề nghị để đọc thêm

I. Các nguồn văn bản của Kinh thánh tiếng Anh:

A. Cựu ước

1. Bản Masoretic (MT)- Bản phụ âm Hê-bơ-rơ được bắt đầu bởi Rabi Aquiba vào năm 100 SCN. Các dấu nguyên âm, dấu nhấn, chú thích bên lề, chấm phẩy được bắt đầu thêm vào từ thứ kỷ thứ 6 SCN và hoàn tất vào thế kỷ thứ chín. Nó được thực hiện bởi một dòng các học giả Do thái gọi là Masorettes. Dạng văn bản họ sử dụng cũng giống với các bản trong Mishna, Talmud, Targums, Peshitta và Vulgate.
2. Bản LXX- Truyền thống cho rằng bản LXX được thực hiện bởi 70 học giả Do thái trong 70 ngày cho thư viện Alexandria dưới sự bảo trợ của vua Ptolemy II (năm 285-246 TCN). Người ta cho rằng bản dịch này được thực hiện bởi yêu cầu của một lãnh đạo Do thái sống ở Alexandria. Truyền thống này dựa vào “Lá thư của Aristeas.” Bản LXX thường dựa vào một truyền thống Hê-bơ-rơ khác với bản của Rabi Aquiba (MT).
3. Cuộn biển chết (DSS)- Cuộn biển chết được viết trong thời kỳ của đế quốc La mã trước Công nguyên (200 TCN-70 SCN) bởi một nhóm Do thái phân lập gọi là “Essenes.” Các bản tiếng Hê-bơ-rơ được tìm thấy ở nhiều nơi xung quanh khu vực Biển chết, cho thấy một trường phái văn bản có khác với cả hai trường phái MT và LXX.
4. Một vài ví dụ cụ thể cho thấy cách đối chiếu các bản văn giúp các nhà giải kinh hiểu hơn về Cựu ước
 - a. Bản LXX đã giúp các nhà dịch thuật và học giả hiểu thêm bản MT
 - (1) Ê-sai 52:14 của bản LXX, “khi nhiều người sẽ ngạc nhiên về người.”
 - (2) Ê-sai 52:14 của bản MT, “như nhiều người đã kinh ngạc về người”
 - (3) Trong Ê-sai 52:15 sự phân biệt đại từ được xác định trong bản LXX:
 - i. Bản LXX, “cũng vậy nhiều nước sẽ ngạc nhiên về người”
 - ii. Bản MT, “và người sẽ vậy rửa trên các nước”
 - b. Bản Cuộc biển chết (DSS) giúp các nhà dịch thuật và học giả hiểu thêm bản MT
 - (1) Ê-sai 21:8 của bản DSS, “người tiên tri la lên, tôi đứng trên một cái tháp canh...”
 - (2) Ê-sai 21:8 của bản MT, “và tôi la lên một con sư tử! Chúa tôi, tôi vẫn luôn đứng nơi tháp canh ngày này...”
 - c. Cả hai bản LXX và DSS giúp làm rõ ý nghĩa câu Ê-sai 53:11
 - (1) Bản LXX và DSS, “sau sự khốn khổ của linh hồn mình, người sẽ thấy ánh sáng, người sẽ được thỏa mãn”
 - (2) MT, “người sẽ thấy...sự khốn khổ của linh hồn mình, Người sẽ thỏa mãn”

B. Tân ước

1. Có khoảng hơn 5.300 bản thảo của toàn bộ hay một phần Tân ước tiếng Hy-lạp còn lại ngày nay. Khoảng 85 bản được viết trên giấy papyrus và 268 bản viết bằng chữ viết hoa (uncials). Sau đó khoảng thế kỷ thứ 9 SCN, bản viết chữ nhỏ phát triển (minuscule). Các bản Hy-lạp ở dạng viết có khoảng 2.700 bản. Chúng ta cũng có khoảng 2.100 bản liệt kê các đoạn Kinh thánh dùng trong thờ phượng mà chúng ta gọi là những bài giảng theo năm (lectionaries).
2. Khoảng 85 bản tiếng Hy-lạp chứa một số phần của Tân ước viết trên giấy papyrus được lưu giữ trong các viện bảo tàng. Một số mang năm tuổi từ thế kỷ thứ hai SCN, nhưng hầu hết đều từ thế kỷ thứ ba hay thứ tư SCN. Không có một bản nào trong các bản này chứa đựng toàn bộ Tân ước. Không phải bởi vì chúng là những bản cổ nhất thì đương nhiên chúng sẽ có ít dị bản. Nhiều bản trong số này được sao chép rất hồi hải để dùng trong nội bộ. Người ta đã không thật sự cẩn thận trong quá trình sao chép. Vì vậy, nó có nhiều điểm khác nhau (variants).

3. Bản Codex Sinaiticus, được gọi theo chữ Hê-bơ-rơ \aleph (*aleph*) hay là (01), được tìm thấy tại Tân Ước viện thánh Catherine trên núi Si-na-i bởi Tischendorf. Nó có năm tuổi từ thế kỷ thứ 4 SCN và chứa đựng cả Cựu ước của bản LXX và Tân ước tiếng Hy-lạp. Nó thuộc về dạng “văn bản Alexandrian.”
4. Bản Codex Alexandrinus, cũng được biết với tên gọi “A” hay là (02), là bản tiếng Hy-lạp ở thế kỷ thứ 5 được tìm thấy ở Alexandria, Ai cập.
5. Bản Codex Vaticanus, cũng gọi là “B” hay (03), được tìm thấy trong thư viện Vatican ở Roma và có năm tuổi từ giữa thế kỷ thứ 4 SCN. Nó chứa cả bản LXX Cựu ước và Tân ước tiếng Hy-lạp. Nó thuộc về dạng “văn bản Alexandrian.”
6. Bản Codex Ephraemi, cũng gọi là “C” hay (04), một bản bằng tiếng Hy-lạp ở thế kỷ thứ 5 và đã bị hủy đi một phần.
7. Bản Codex Bezae, cũng gọi là “D” hay là (05), là bản tiếng Hy-lạp ở thế kỷ thứ 5 hay 6. Nó là đại diện chính của cái gọi là “Bản Tây phương.” Nó chứa đựng nhiều phần thêm vào và là nhân chứng Hy-lạp chính cho bản dịch King Gia-cơ.
8. Các bản Tân ước có thể được nhóm thành 3 hoặc 4 gia đình có chung một số đặc tính:
 - a. Bản Alexandria từ Ai cập
 - (1) P⁷⁵, P⁶⁶ (khoảng năm 200 SCN), ghi lại các sách Phúc âm
 - (2) P⁴⁶ (khoảng năm 225 SCN), ghi lại các lá thư của Phao-lô
 - (3) Bản P⁷² (khoảng năm 225-250 SCN), ghi lại Phi-e-rơ và Giu-đê
 - (4) Bản Codex B, hay là Vaticanus (khoảng năm 325 SCN) bao gồm trọn Cựu ước và Tân ước
 - (5) Các câu trích của Origen từ loại văn bản này
 - (6) Các văn bản khác có loại văn bản a, C, L, W, 33
 - b. Bản Tây phương từ Bắc Phi
 - (1) Những phần trích từ những giáo phụ Bắc Phi, Tertullian, Cyprian, và bản dịch Old Latin (Tiếng La-tinh Cổ) translation
 - (2) Những phần trích bởi Irenaeus
 - (3) Những phần trích từ bản dịch Tatian và Old Syriac
 - (4) Bản Codex D "Bezae" đi theo thể loại văn bản này
 - c. Bản Đông Byzantine từ Constatinople
 - (1) Loại văn bản này được phản ánh trên 80% của 5,300 MSS
 - (2) Được trích bởi những giáo phụ tại Antioch Syria, Cappadoceans, Chrysostom, và Therodoret
 - (3) Bản Codex A, chỉ trong Các Sách Phúc Âm
 - (4) Bản Codex E (thế kỷ thứ 8) cho toàn bộ Tân Ước
 - d. Loại thứ tư “Caesarean” từ Palestine
 - (1) Chỉ được thấy chủ yếu trong sách Mác
 - (2) Các bằng chứng cho nó là bản P⁴⁵ và W

II. Các vấn đề và lý thuyết của “hạ phê bình” hay “phê bình bản văn”

A. Các dị bản xảy ra như thế nào

1. Do sơ suất, tình cờ (phần lớn các trường hợp)
 - a. Trượt mắt khi chép tay dẫn đến việc nhìn chữ giống nhau nằm ở sau đó và do vậy bỏ mất những chữ nằm giữa hai chữ giống nhau này (homoioteleuton)
 - (1) Trượt mắt khiến bỏ mất một chữ đôi hay cụm từ đôi (haplography)
 - (2) Trượt đi trong trí khiến lặp lại một cụm từ hay một hàng trong bản Hy-lạp (dittography)
 - b. Nghe trượt khi chép xuống bởi một người đọc làm cho viết sai chữ (itacism). Thường thì chữ viết sai hàm ý hay viết một chữ Hy-lạp khác có cùng âm
 - c. Các bản tiếng Hy-lạp cổ nhất không có chia theo chương hay câu, ít hoặc không có các dấu chấm câu và không có khoảng cách giữa các chữ. Rất có thể có trường hợp các ký tự được tách ra ở những chỗ khác nhau dẫn đến việc tạo ra những chữ khác nhau.
2. Do chủ ý
 - a. Thay đổi để cải tiến dạng ngữ pháp của bản văn được sao chép
 - b. Thay đổi để làm cho bản văn đó hài hòa với các bản Kinh thánh khác (sự hài hòa đối xứng)
 - c. Thay đổi bằng cách kết hợp hai hay nhiều dị bản khác ghép lại thành một bản dài hơn (conflation)
 - d. Thay đổi để chỉnh lại một vấn đề được nhận ra trong bản văn (I Cô-rinh-tô 11:27 và I Giăng 5:7-8)

- e. Một vài thông tin thêm vào liên quan đến bối cảnh lịch sử hay cách giải kinh đúng dẫn cho bản văn được ghi ở ngoài lề bởi người sao chép trước nhưng lại được chép vào ngay bản văn bởi người sao chép sau đó (Giăng 5:4)
- B. Các điểm căn bản của phê bình bản văn (bảng hướng dẫn theo lô-gích để giúp xác định đâu là bản văn nguyên thủy khi vấn đề dị bản xuất hiện
1. Bản văn vụng về, ngượng ngịu, rất rối nhất hay bất thường nhất về mặt ngữ pháp có thể là bản nguyên thủy
 2. Bản ngắn nhất có thể là bản nguyên thủy
 3. Bản cổ hơn có trọng lượng hơn bởi vì nó gần với bản nguyên thủy hơn về mặt lịch sử, mọi điều khác đều như nhau
 4. Các bản phân tán khắp nơi về mặt địa lý thường có một bản nguyên thủy
 5. Các bản có tính giáo lý yếu hơn, đặc biệt là những bản liên hệ đến các cuộc bàn luận về các chủ đề thần học chính trong thời gian có sự thay đổi trong các bản văn, ví dụ như giáo lý Ba Ngôi trong I Giăng 5:7-8, là bản được chuộng hơn.
 6. Bản giải thích được rõ nhất nguồn gốc của các dị bản khác
 7. Có hai câu trích giúp cho thấy sự quân bình trong vấn đề dị bản gây khó khăn này
 - a. J. Harold Greenlee trong cuốn *Introduction to Tân Ước Textual Criticism* cho biết, “Không có một giáo lý Cơ-đốc nào treo trên một bản văn gây tranh cãi; và các học trò của Tân ước phải xem chừng việc mình muốn bản văn của mình chính thông hơn hay có tính giáo lý mạnh mẽ hơn là bản nguyên thủy được linh cảm” (trang 68).
 - b. W.A. Criswell nói với Greg Garrison trong tờ *The Birmingham News* rằng ông không tin mọi chữ trong Kinh thánh đều được linh cảm, “ít ra là không phải mọi chữ đã được đưa ra cho công chúng hiện đại ngày nay bởi các nhà dịch thuật hàng thế kỷ trước.” Criswell nói tiếp, “Tôi cũng là một tín đồ của việc phê bình bản văn. Do đó, tôi nghĩ phần nửa cuối của chương 16 trong sách Mác là tà giáo; nó không được linh cảm, nó chỉ là sự bịa đặt... Khi ta so sánh các bản khác cổ hơn, không có cái gọi là phần kết luận của sách Mác. Một ai đó đã thêm vào...”
- Ông tổ của trường phái cho rằng Kinh thánh không sai thuộc giáo hội Báp-tít nam phương này cũng tuyên bố rằng “sự tự thêm ý” có trong Giăng 5, chuyện Chúa Giêsu ở ao Bê-tết-đa. Và ông cũng nói về hai ghi chép khác nhau về sự tự tử của Giu-đa (Ma-thi-ơ 27 và Công vụ 1): “Đó chỉ là các quan điểm khác nhau về sự tử tử,” Criswell nói, “nếu nó ở trong Kinh thánh, nó phải có lời giải thích cho điều này. Và cả hai sự tường thuật về sự chết của Giu-đa đều có trong Kinh thánh.” Criswell thêm, “Phê bình văn bản tự nó là một khoa học tuyệt vời. Nó không phải là chóng qua, nó không phải là vô lý. Nó năng động và quan trọng...”

III. Các vấn đề về bản văn

A. Các sách đề nghị để đọc thêm

1. *Biblical Criticism: Historical, Literacy và Textual*, của R.H. Harrison
2. *The Text of the Tân Ước : Its Transmission, Corruption và Restoration*, của Bruce M. Metzger
3. *Introduction to Tân Ước Textual Criticism* của J. H. Greenlee

TỪ ĐIỂN THUẬT NGỮ

Thuyết nhận làm con nuôi (Adoptionism) Đây là một trong những quan điểm ban đầu về sự liên hệ của Chúa Jê-sus và thần tính. Về căn bản, nó khẳng định rằng Chúa Jê-sus là một con người bình thường trong mọi cách và được nhận làm con nuôi trong một ý nghĩa đặc biệt bởi Đức Chúa Trời qua phép báp-têm của Ngài (Ma-thi-ơ 3:17; Mác 1:11) hoặc qua sự sống lại của Ngài (Rô-ma 1:4). Chúa Jê-sus đã sống một cuộc sống rất gương mẫu đến nỗi Đức Chúa Trời, trong một lúc nào đó, (qua phép báp-têm, hay qua sự sống lại) đã nhận Jê-sus làm “con” của Ngài (Rô-ma 1:4; Phi-líp 2:9). Đây là quan điểm thiểu số trong thế kỷ thứ 8 và ở thời kỳ Hội thánh đầu tiên. Thay vì là Đức Chúa Trời trở thành người (sự nhập thể) nó đổi ngược lại thành người trở thành Trời!

Thật khó mà diễn tả được thế nào Chúa Jê-sus, Đức Chúa Con, đấng thần linh đã có từ trước, được tưởng thưởng và tôn cao vì đã sống đời sống gương mẫu. Nếu Ngài đã là Đức Chúa Trời, thì làm sao Ngài lại được ban thưởng? Nếu Ngài đã có sự vinh quang thiêng liêng hiện hữu từ trước, thì tại sao Ngài lại được tôn cao thêm nữa? Mặc dù thật khó để hiểu được điều này, Đức Chúa Cha làm thế nào đó đã tôn vinh Chúa Jê-sus trong một ý nghĩa đặc biệt vì sự làm thành hoàn toàn ý chỉ của Đức Chúa Cha.

Trường phái Alexandrian Phương pháp giải nghĩa Kinh thánh này được phát triển từ Alexandria, Ai cập vào thế kỷ thứ hai SCN. Nó sử dụng các nguyên tắc giải kinh căn bản của Philo, là một học trò của Plato. Nó được gọi là phương pháp ngụ ngôn (allegorical method). Nó có ảnh hưởng lớn trong giáo hội cho tới thời Cải chánh. Những người ủng hộ hùng hồn nhất là Origen và Augustine. Xin xem sách của Moises Silva, *Has the Church Misread the Bible?* (Academic, 1987).

Bản Alexandrinus Bản văn tiếng Hy-lạp ở thế kỷ thứ 5 từ Alexandria, Ai cập, bao gồm Cựu ước, Ngũ kinh và phần lớn Tân ước. Nó là một trong những nhân chứng chính của chúng ta cho toàn bộ Tân ước tiếng Hy-lạp (trừ một số phần trong Ma-thi-ơ, Giăng và II Cô-rinh-tô). Một khi bản văn này, được gọi là “A,” và bản văn “B,” tức là bản Vaticanus trùng hợp với nhau, thì phần được xem xét đó được kể là nguyên thủy theo hầu hết các học giả trong hầu hết các trường hợp.

Ngụ ngôn (Allegory) Đây là phương pháp giải nghĩa Kinh thánh xuất phát từ Do thái giáo thuộc Alexandria. Nó được phổ biến bởi Philo từ Alexandria. Trọng tâm của nó là muốn làm cho Kinh thánh trở nên hợp thời với văn hóa và hệ thống triết lý của người đọc bằng cách bỏ qua các bối cảnh lịch sử hoặc/và các bối cảnh ngữ văn nguyên thủy. Nó tìm kiếm ý nghĩa thiêng liêng kín đáo đằng sau mỗi bản văn của Kinh thánh. Cần phải nhìn nhận rằng Chúa Jê-sus trong Ma-thi-ơ 13 và Pha-ô-lô trong Ga-la-ti 4 đã dùng ẩn dụ để truyền đạt lẽ thật. Tuy nhiên, đây là một dạng hình bóng học (typology), chứ không phải thuần ngụ ngôn.

Tự điển phân tích (Analytical lexicon) Đây là một công cụ nghiên cứu cho phép chúng ta xác định mọi dạng chữ của tiếng Hy-lạp trong Tân ước. Đây là một tập tài liệu tổng hợp theo thứ tự chữ cái tiếng Hy-lạp, theo dạng và cung cấp các định nghĩa căn bản. Khi kết hợp nó với các bản dịch đối chiếu, những người không quen với tiếng Hy-lạp có thể phân tích các điểm ngữ pháp và cú pháp của Tân ước.

Tính tương đương của Kinh thánh (Analogy of Scripture) Đây là cụm từ dùng để diễn tả quan điểm cho rằng cả Kinh thánh đều được linh cảm bởi Đức Chúa Trời và vì vậy nó không mâu thuẫn với nhau nhưng bổ sung cho nhau. Sự xác nhận có tính chất giả định trước như vậy là nền tảng để sử dụng các phân đoạn tương đương với nhau khi giải nghĩa một bản văn.

Tính không rõ ràng (Ambiguity) Điều này chỉ sự không rõ ràng đến từ một văn bản khi nó có thể có hai hay nhiều ý nghĩa hoặc khi có hai hay nhiều điều được đề cập đến trong một lúc. Có thể Giăng đã sử dụng phương pháp mơ hồ có chủ đích (lời hai ý (double entendres)).

Hình nhân (Anthropomorphic) Nghĩa là “có đặc tính liên hệ đến con người,” thuật ngữ này được dùng để diễn tả ngôn ngữ của chúng ta về Đức Chúa Trời. Nó xuất phát từ chữ Hy-lạp có nghĩa là người. Nó có nghĩa rằng

chúng ta nói về Chúa như thể Ngài là con người. Đức Chúa Trời được mô tả qua các từ ngữ vật chất, xã hội và tâm lý liên hệ đến con người (Sáng thế ký 3:8; I Các Vua 22:19-23). Dĩ nhiên, đây chỉ là sự so sánh. Tuy vậy, không có một phân loại nào khác ngoài phân loại của con người để chúng ta có thể dùng. Do đó, hiểu biết của chúng ta về Đức Chúa Trời, mặc dù đúng, nhưng vẫn có giới hạn.

Trường phái An-ti-ốt (Antiochian School) Phương pháp giải nghĩa Kinh thánh này được phát triển ở An-ti-ốt, Sy-ri-a vào thế kỷ thứ 3 SCN như là một phản ứng đối lại với phương pháp ngụ ngôn của trường phái Alexandria ở Ai cập. Chủ yếu của nó là tập trung vào ý nghĩa lịch sử của Kinh thánh. Nó giải thích Kinh thánh như một tác phẩm văn chương bình thường của con người. Trường phái này dần dần rơi vào sự tranh cãi về vấn đề có phải Đấng Christ có hai bản chất (Nestorianism) hay chỉ có một (vừa hoàn toàn con người, vừa hoàn toàn Trời). Nó bị gán cho là tà giáo bởi Giáo hội Công giáo La mã và phải dời đi đến Persia nhưng nó đã không có một ảnh hưởng quan trọng nào. Các nguyên tắc giải kinh căn bản của nó sau đó trở thành nguyên tắc giải nghĩa của các nhà cải chánh Tin lành cổ điển (Luther và Calvin).

Phép đối chọi (Antithetical) Đây là một trong ba từ ngữ dùng mô tả mối liên hệ giữa các hàng trong văn thư Hê-bơ-rơ. Nó liên hệ đến các hàng thư có ý nghĩa đối chọi nhau (Châm-ngôn 10:1; 15:1).

Văn chương Khải thị (Apocalyptic literature) Đây là một thể loại có lẽ thuần khiết, hoặc phần lớn là Do thái. Đây là loại văn bí ẩn dùng trong những lúc bị xâm lăng hay chiếm đóng bởi các cường quyền ngoại bang. Nó cho rằng một Đức Chúa Trời cá nhân, hay giải cứu đã tạo dựng nên thế giới và điều khiển các hoạt động trên thế giới và rằng Y-sơ-ra-ên là dân tộc được Ngài quan tâm và chăm sóc đặc biệt. Loại văn chương này hứa hẹn chiến thắng cuối cùng từ sự giúp đỡ đặc biệt của Chúa.

Nó có đầy những từ hình bóng và giàu tương tượng diễn tả qua các từ ngữ bí ẩn. Nó thường diễn tả lẽ thật qua các màu sắc, con số, khái tượng, sự hiện thấy, gặp gỡ thiên thần, các chữ mang mã số và thường mang tính nhị nguyên giữa thiện và ác.

Một vài ví dụ về dạng văn chương này là (1) trong Cựu ước, sách Ê-xê-chi-ên (chương 36-48), Đa-ni-ên (chương 7-12), Xa-cha-ri; và (2) trong Tân ước, Ma-thi-ơ 24; Mác 13; II Tê-sa-lô-ni-ca 2 và Khải huyền.

Người biện giải (Apologist, apologetics) Chữ này xuất phát từ gốc từ Hy-lạp “sự biện hộ pháp lý.” Đây là một nhánh trong thần học nhằm đưa ra các bằng chứng và các cuộc bàn luận theo lý lẽ cho ủng hộ cho đức tin Cơ-đốc.

Tiên nghiệm (A priori) Chữ này hầu như đồng nghĩa với từ “phỏng định trước.” Nó bao gồm sự lý giải từ các định nghĩa, nguyên tắc, hay quan điểm đã được chấp nhận trước đó là đúng. Chính điều đó là điều được chấp nhận mà không cần phải xem xét hay phân tích.

Thuyết Arianism Arius là một giáo phụ ở Alexandria, Ai cập vào thế kỷ thứ 3 và đầu 4. Ông cho rằng Chúa Jê-sus đã có từ trước nhưng không phải là thần (không cùng bản chất với Đức Chúa Cha), có lẽ là dựa theo Châm-ngôn 8:22-31. Một giám mục ở Alexandria đã thách thức quan điểm này và đã mở màn cuộc tranh cãi (năm 318 SCN) kéo dài nhiều năm. Thuyết Arianism trở thành tín điều chính thức của Đông giáo hội. Hội đồng Nicaea năm 325 SCN đã lên án Arius và khẳng định sự đồng đẳng và đồng bản chất thần tính của Đức Chúa Con.

Aristotle Ông là một trong các triết gia Hy Lạp cổ, học trò của Plato và là thầy của Alexander đại đế. Ảnh hưởng của ông, ngay cả ngày nay, thâm nhập vào nhiều lãnh vực học thuật hiện đại. Lý do là vì ông đã nhấn mạnh tri thức thông qua quan sát và phân loại. Đây là một trong những điểm mấu chốt của phương pháp khoa học.

Bản viết tay (Autograph) Đây là chữ dùng cho các bản viết tay nguyên thủy của Kinh thánh. Những bản viết tay nguyên thủy này đã bị mất hoàn toàn. Chỉ còn lại những bản sao chép mà thôi. Đây là nguồn gốc của nhiều dị bản trong các bản văn tiếng Hy-lạp và Hê-bơ-rơ và các ấn bản cổ khác.

Bản Bezae Đây là bản văn bằng tiếng Hy-lạp và Latin vào thế kỷ thứ 6 SCN. Nó được gọi là bản “D.” Nó chứa đựng các sách Phúc âm, Công vụ và một số thư tín. Đặc điểm của nó là có rất nhiều phần được người sao chép thêm vào. Nó hình thành nền tảng cho bản “Textus Receptus,” bản văn Hy-lạp tiêu chuẩn truyền thống đăng sau bản King Gia-cơ.

Thành kiến Đây là từ dùng để diễn tả một thành kiến mạnh mẽ về một đối tượng hay một quan điểm. Nó là quan điểm cho rằng sự không thiên vị không thể có được về một đối tượng cụ thể hay một quan điểm. Đây là luận điểm thiên vị.

Thẩm quyền Kinh thánh Chữ này được dùng trong một ý nghĩa rất chuyên biệt. Nó được định nghĩa là sự nhận biết điều tác giả nguyên thủy muốn nói cho thời của họ và áp dụng lẽ thật đó trong thời của chúng ta ngày nay. Thẩm quyền Kinh thánh thường được định nghĩa là việc xem chính Kinh thánh là sự hướng dẫn có thẩm quyền duy nhất của chúng ta. Tuy nhiên, nhận thấy được những sự giải nghĩa sai lầm hiện tại, tôi đã giới hạn khái niệm này trong khuôn khổ Kinh thánh khi được giải nghĩa bởi các nguyên tắc chính của phương pháp lịch sử-ngữ pháp.

Qui điển Đây là từ dùng để diễn tả các bản văn mà người ta tin rằng đã được linh cảm cách đặc biệt. Nó được dùng chỉ cả Cựu và Tân ước.

Trọng tâm Đấng Christ (Christocentric) Đây là từ dùng để diễn tả tính trung tâm của Chúa Jê-sus. Tôi dùng nó liên kết với khái niệm Jê-sus là Chúa trong toàn bộ Kinh thánh. Cựu ước chỉ về Ngài và Ngài là sự THÌ HOÀN THÀNH và mục tiêu của Cựu ước (Ma-thi-ơ 5:17-48).

Giải kinh Đây là tập sách nghiên cứu chuyên môn. Nó cung cấp các thông tin căn bản về một sách trong Kinh thánh. Sau đó nó cố gắng giải thích ý nghĩa của từng phần trong sách đó. Một số tập trung vào phần ứng dụng, số khác để ý đến bản văn trong cách chuyên môn hơn. Những cuốn sách này rất ích lợi, nhưng chỉ nên dùng sau khi chúng ta đã sơ bộ nghiên cứu riêng về điều mình muốn tìm hiểu. Không bao giờ nên chấp nhận sự giải nghĩa của các nhà giải kinh mà không thắc mắc hay chất vấn điều gì. Đối chiếu các bản giải kinh từ các lập trường thần học khác nhau cũng có nhiều lúc đem lại lợi ích.

Thánh kinh phù dẫn (Concordance) Đây là một công cụ nghiên cứu học Kinh thánh. Nó liệt kê mọi lần xuất hiện của mỗi chữ trong Cựu và Tân ước. Nó giúp ích như sau: (1) xác định các chữ Hy-lạp hay Hê-bơ-ơ-rơ đằng sau một từ ngữ tiếng Anh cụ thể; (2) so sánh các bản văn nơi những chữ Hy-lạp và Hê-bơ-ơ-rơ giống nhau được sử dụng; (3) chỉ cho thấy những chỗ hai chữ Hê-bơ-ơ-rơ hay Hy-lạp khác nhau được dịch bằng chỉ một từ trong tiếng Anh; (4) cho biết số lần sử dụng của một số từ trong một số sách hay tác giả; (5) giúp tìm một đoạn văn trong Kinh thánh (xem Walter Clark *How to Use Tân Ước Grek Study Aids*, trang 54-55).

Cuộn Biển Chết (Dead Sea Scrolls) Chữ này chỉ một loạt các bản viết cổ bằng tiếng Hê-bơ-ơ-rơ và Aram được tìm thấy nơi khu vực gần Biển Chết vào năm 1947. Chúng là các thư viện tôn giáo của một phái thuộc Do thái giáo vào thế kỷ thứ nhất. Sức ép của sự chiếm đóng từ người La mã và các cuộc chiến quá khích của những năm 60 đã khiến họ phải giấu đi các cuộn giấy da này được hàn kín trong các chai sành sứ để ở trong các hang động hay lỗ. Chúng giúp chúng ta hiểu hơn về bối cảnh lịch sử của thế kỷ thứ 1 vùng Palestine và cũng đã xác nhận bản Masoretic Text là rất chính xác, ít ra là từ thời kỳ rất sớm của thời đại trước Công nguyên.

Chúng được viết tắt với chữ “DSS.”

Suy diễn (Deductive) Phương pháp lý luận này đi từ các nguyên tắc chung đến những áp dụng cụ thể bằng cách lý luận. Nó đối lại với phương pháp suy luận quy nạp, là phương pháp khoa học đi từ những cái cụ thể được quan sát đến những kết luận chung tổng quát (những lý thuyết).

Biện chứng (Dialectical) Đây là phương pháp lý luận qua đó điều được xem dường như mâu thuẫn hay nghịch

lý

được giữ chung lại với nhau trong một tình trạng căng thẳng, tìm kiếm một câu trả lời thống nhất bao gồm cả hai phía của một nghịch lý. Rất nhiều giáo lý Kinh thánh là những cặp biện chứng như, Tiền định - Ý chí tự do; sự cứu rỗi chắc chắn- sự kiên trì trong đức tin; đức tin- việc làm; quyết định- tiến trình môn đồ hóa; sự tự do của Cơ-độc nhân- trách nhiệm của Cơ-độc nhân.

Dân lưu đày (Diaspora) Đây là thuật ngữ Hy-lạp dùng bởi những người Do thái ở Palestine để chỉ những người Do thái khác đang sống ngoài biên giới địa lý của Đất hứa.

Lỗi dịch thoát tương đương (Dynamic equivalent) Đây là một lý thuyết dịch Kinh thánh. Việc dịch Kinh thánh có thể được xem xét trên một dãy đánh giá từ quan điểm ‘dịch từng chữ’, tức là mỗi chữ tiếng Hy-lạp hay Hê- bơ-rơ đều phải có một chữ tiếng Anh tương đương, đến quan điểm “dịch ý” tức là chỉ dịch ý tưởng mà không chú trọng nhiều đến từ ngữ hoặc cụm từ nguyên gốc. Ở giữa hai lý thuyết này là quan điểm dịch “thoát tương đương” là nỗ lực xem xét bản nguyên gốc một cách nghiêm túc, nhưng dịch bằng các dạng và thành ngữ của ngữ pháp hiện đại. Phần bàn luận rất tốt về lý thuyết các bản dịch được tìm thấy trong sách của Fee và Stuart *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 35 và sách của Robert Bratcher *Introduction to the TEC&U*

Chiết trung (Eclectic) Chữ này được dùng chung với vấn đề phê bình bản văn. Nó chỉ thói quen chọn các bản văn từ các bản Hy-lạp khác nhau để đi đến một bản được xem là gần với nguyên bản nhất. Nó gạt bỏ quan điểm cho rằng bất cứ một họ văn bản Hy-lạp nào đều thu nhận được bản gốc.

Đọc (ý mình) vào bản văn (Eisegesis) Đây là sự đối lập của việc giải thích Kinh thánh (exegesis). Nếu việc giải nghĩa Kinh thánh (exegesis) là “dẫn ra” từ ý tưởng nguyên thủy của trước giả, thì thuật ngữ ‘eisegesis’ hàm ý “đem vào” trong bản văn một ý tưởng hay ý kiến lạ từ bên ngoài.

Từ nguyên học (Etymology) Đây là một khía cạnh của việc nghiên cứu từ ngữ nhằm tìm hiểu chắc chắn ý nghĩa nguyên gốc của một từ ngữ. Từ ý nghĩa gốc này, một số cách sử dụng chuyên biệt sẽ được dễ dàng phát hiện ra. Trong sự giải nghĩa, từ nguyên học không phải là trọng tâm chính, nhưng là ý nghĩa và việc sử dụng từ ngữ này đương thời.

Giải nghĩa (Exegesis) Đây là từ ngữ chuyên môn dành cho việc giải nghĩa một đoạn văn cụ thể. Nó có nghĩa là “dẫn ra” (từ bản văn), hàm ý rằng mục đích của chúng ta là nhằm hiểu được ý định của tác giả nguyên thủy trong ánh sáng của bối cảnh lịch sử, bối cảnh ngữ văn, cú pháp và ý nghĩa từ ngữ đương thời của nó.

Thể loại văn chương (Genre) Đây là một thuật ngữ tiếng Pháp chỉ các thể loại văn chương khác nhau. Điểm chủ yếu của từ này là sự phân chia các dạng văn chương thành các loại khác nhau là những loại có cùng đặc điểm với nhau: tường thuật lịch sử, văn thơ, châm ngôn, khái thị và hành pháp.

Trí huệ giáo (Gnosticism) Hầu hết những điều chúng ta biết được về tà giáo này là từ các bài viết của trí huệ giáo ở thế kỷ thứ 2. Tuy nhiên, các ý tưởng phi thai của nó đã có từ thế kỷ thứ 1 và trước đó nữa.

Một vài điểm căn bản của Trí huệ giáo theo nhóm Valentian và Cerinthian là (1) vật chất và thần linh cùng hiện hữu đời đời (thuyết nhị nguyên về bản chất); (2) có các vật phát ra (emanations) giữa Đức Chúa Trời và vật chất (*eons* hay các cấp bậc thiên thần). Bậc cuối cùng và thấp nhất là Đức Giê-hô-va của Cựu ước, đáng đã dựng nên vũ trụ (*kosmos*); (3) Jê-sus cũng là một vật phát ra giống như Giê-hô-va nhưng ở đẳng cấp cao hơn, gần với Đức Chúa Trời thật hơn. Một số đặt Ngài ở vị trí cao nhất nhưng vẫn thấp hơn Đức Chúa Trời và dĩ nhiên không phải là Đấng nhập thể (Giăng 1:14). Bởi vì vật chất là ác, Jê-sus không thể có thân thể con người mà vẫn là thần. Ngài là một con ma thần (I Giăng 1:1-3; 4:1-6); và (4) sự cứu rỗi nhận được từ đức tin nơi Chúa Jê-sus cộng với tri thức đặc biệt, là điều chỉ có một số người đặc biệt biết mà thôi. Cần có tri thức (mã số) để bước vào chốn thiên đàng. Sự tôn cao luật pháp Do thái cũng là một điều được đòi hỏi để có thể đến được Đức Chúa Trời.

Những giáo sư giả trí huệ giáo cổ xúy hai hệ thống luân lý đối ngược nhau: (1) đối với một số người, lối sống không liên quan gì đến sự cứu rỗi. Đối với họ, sự cứu rỗi và sự thiêng liêng được gói gọn trong một tri thức đặc biệt (các mã số) để đi đến cõi thiên thần (*eons*); hay là (2) đối với một số khác, lối sống hết sức quan trọng để có sự cứu rỗi. Họ nhấn mạnh lối sống khắc kỷ như là một bằng chứng cho sự thiêng liêng thật.

Khoa giải thích bản văn (Hermeneutics) Đây là từ ngữ chuyên môn chỉ các nguyên tắc hướng dẫn việc giải kinh. Nó vừa là những chỉ dẫn cụ thể vừa là một nghệ thuật. Giải thích bản văn Kinh thánh thường được chia ra làm hai loại: các nguyên tắc chung và các nguyên tắc đặc biệt. Những điều này liên quan đến các loại văn chương có trong Kinh thánh. Mỗi thể loại có những hướng dẫn đặc biệt riêng cho nó nhưng cũng có một số giả định và tiến trình giải thích tương tự nhau.

Thượng phê bình (Higher criticism) Đây là trình tự giải nghĩa Kinh thánh tập trung vào bối cảnh lịch sử và cấu trúc văn chương của một sách cụ thể trong Kinh thánh.

Thành ngữ Chữ này được dùng để chỉ các cụm từ được tìm thấy trong các văn hóa khác nhau có ý nghĩa riêng biệt không gắn với một ý nghĩa thông thường khi đứng riêng lẻ. Các ví dụ hiện đại như: “Cái đó hay đến sợ” (that was awfully good), hay là “mày hại tao rồi” (you just kill me). Kinh thánh cũng có những câu, cụm từ tương tự như vậy.

Sự soi sáng (Illumination) Đây là chữ dùng để chỉ khái niệm cho rằng Đức Chúa Trời đã phán với con người. Khái niệm đầy đủ của nó thường được thể hiện qua 3 từ ngữ: (1) mặc khải- Đức Chúa Trời đã hành động trong lịch sử con người; (2) sự linh cảm- Ngài đã ban sự giải nghĩa thích hợp về những hành động và ý nghĩa của nó cho một số người được chọn để ghi lại cho con người; và (3) soi sáng- Ngài đã ban Thánh Linh để giúp con người hiểu sự tự bày tỏ của Ngài.

Quy nạp (Inductive) Đây là phương pháp lý luận đi từ cái cụ thể đến cái toàn thể. Đây là phương pháp thực nghiệm của khoa học hiện đại. Đây là phương pháp của Aristotle.

Đối chiếu (Interlinear) Đây là một công cụ nghiên cứu cho phép những người không đọc được ngôn ngữ Kinh thánh có thể phân tích ý nghĩa và cấu trúc của nó. Nó đặt bản dịch Anh ngữ vào cấp độ ‘từng chữ’ ngay bên dưới ngôn ngữ Kinh thánh. Công cụ này, cộng với một ‘từ điển phân tích,’ sẽ giúp cung cấp các dạng từ và định nghĩa căn bản của tiếng Hy-lạp và Hê-bơ-rơ.

Sự linh cảm (Inspiration) Đây là khái niệm cho rằng Đức Chúa Trời đã phán với con người bằng cách hướng dẫn các trước giả Kinh thánh ghi lại một cách rõ ràng và chính xác sự mặc khải của Ngài. Khái niệm đầy đủ của nó thường được thể hiện qua 3 từ ngữ: (1) mặc khải- Đức Chúa Trời đã hành động trong lịch sử con người; (2) sự linh cảm- Ngài đã ban sự giải nghĩa thích hợp về những hành động và ý nghĩa của nó cho một số người được chọn để ghi lại cho con người; và (3) soi sáng- Ngài đã ban Thánh Linh để giúp con người hiểu sự tự bày tỏ của Ngài.

Ngôn ngữ mô tả (Language of description) Điều này được dùng chung với các thành ngữ trong Cựu ước. Nó mô tả thế giới chúng ta bằng những điều đụng đến năm giác quan. Nó không phải là sự mô tả có tính chất khoa học và nó cũng không có mục đích làm như vậy.

Sự tôn sùng luật pháp (Legalism) Đặc điểm của thái độ này là việc chú trọng quá mức đến luật lệ, nghi lễ. Nó có chiều hướng dựa vào sự giữ luật pháp của con người như một phương tiện để Chúa chấp nhận. Nó nghiêng về việc hạ thấp mối liên hệ và nâng cao sự phô diễn, cả hai đều là những khía cạnh quan trọng trong mối liên hệ giao ước giữa một Đức Chúa Trời thánh khiết và con người tội lỗi.

Theo nghĩa đen (literal) Đây là một tên khác để chỉ phương pháp giải nghĩa theo lịch sử và tập trung vào bản văn từ An-ti-ốt. Nó có nghĩa là sự giải nghĩa bao gồm cả những ý nghĩa hiển nhiên và thông thường của ngôn

ngữ loài người, mặc dù có vẫn nhận biết sự có mặt của ngôn ngữ hình bóng.

Thể loại văn chương Đề cập đến các dạng khác nhau mà sự truyền thông nơi con người có thể có, như là thơ hay tường thuật lịch sử. Mỗi loại văn chương có một trình tự giải nghĩa riêng biệt cộng với các nguyên tắc chung áp dụng cho toàn bộ văn chương viết.

Đơn vị ngữ văn (literary unit) Điều này chỉ các phân chia theo ý tưởng chính trong một sách trong Kinh thánh. Nó có thể là một vài câu, đoạn văn hay chương sách. Đây là một đơn vị độc lập có một chủ đề trọng tâm.

Hạ phê bình Xin xem “Phê bình bản văn”

Bản văn (Manuscript) Chữ này chỉ các bản sao chép khác nhau của Tân ước tiếng Hy-lạp. Thông thường chúng được phân chia thành các loại khác nhau theo (1) chất liệu dùng để viết (giấy chỉ thảo, giấy da); hay (2) dạng chữ viết (hoàn toàn viết hoa hay chữ nhỏ). Nó được viết tắt là ‘MS’ số ít và ‘MSS’ số nhiều.

Masoretic Text Bản Masoretic là bản Cựu ước bằng tiếng Hê-bơ-rơ ở thế kỷ thứ 9 được thực hiện bởi nhiều thế hệ học giả Do thái, trong đó chứa đựng các dấu nguyên âm và chú thích về văn bản. Nó tạo thành bản văn căn bản cho Kinh thánh Cựu ước của chúng ta ngày nay. Bản văn của nó xét về lịch sử đã được công nhận bởi các bản văn tiếng Hê-bơ-rơ khác, đặc biệt là sách Ê-sai, được phát hiện trong Cuộn Biển chết. Nó được viết tắt là “MT.”

Phép hoán dụ (Metonymy) Đây là hình thức Tân Ước từ trong đó tên của một điều gì đó được dùng để đại diện một điều khác có liên hệ. Ví dụ, “nồi nước đang sôi” thì thật ra có nghĩa là “nước trong nồi đang sôi.”

Các mảnh Muratorian (Muratorian fragments) Đây là danh sách các sách qui điển của Tân ước. Nó được viết tại Rô-ma trước năm 200 SCN. Nó cũng liệt kê 27 sách như trong Tân ước của người Tin lành. Nó rõ ràng cho thấy các Hội thánh địa phương ở khắp nơi trong đế quốc La mã ‘trên thực tế’ đã định ra qui điển Thánh kinh trước khi các giáo hội nghị chính họp lại vào thế kỷ thứ 4.

Sự mặc khải tự nhiên (Natural revelation) Đây là một cách Đức Chúa Trời tự mặc khải chính Ngài cho con người. Nó bao gồm các trật tự thiên nhiên (Rô-ma 1:19-20) và sự nhận biết luân lý từ lương tâm (Rô-ma 2:14-15). Nó cũng được nói đến trong Thi-thiên 19:1-6 và Rô-ma 1-2. Nó khác với khải thị đặc biệt, là điều Đức Chúa Trời đã tự bày tỏ cách đặc biệt qua Kinh thánh và cao nhất là qua Chúa Jê-sus ở Na-xa-rét.

Phân loại thần học này được nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại bởi phong trào “trái đất cũ” giữa vòng các nhà khoa học Cơ-đốc (bài viết của Hugh Ross). Họ dùng phân loại này để xác định rằng mọi lẽ thật đều là lẽ thật của Đức Chúa Trời. Thiên nhiên là cánh cửa mở rộng để đi đến hiểu biết về Đức Chúa Trời; nó khác với mặc khải đặc biệt (Kinh thánh). Nó cho phép khoa học hiện đại có sự tự do để nghiên cứu trật tự tự nhiên. Theo ý tôi, nó là một cơ hội tuyệt vời để làm chứng cho thế giới phương Tây với khoa học hiện đại.

Nestorianism Nestorius là người sáng lập trường phái Constantinople vào thế kỷ thứ 5. Ông được đào luyện ở An-ti-ốt, Sy-ri-a và nhìn nhận Chúa Jê-sus có hai bản chất, một bản chất hoàn toàn người và một bản chất hoàn toàn Trời. Quan điểm này đi lạc ra khỏi quan điểm chính thống một bản chất từ trường phái Alexandria. Vấn đề chính của Nestorius là danh hiệu ‘mẹ Đức Chúa Trời’ dành cho Ma-ri. Nestorius bị phản đối bởi Cyril từ Alexandria và hàm ý rằng từ chính trường đào luyện An-ti-ốt của ông. An-ti-ốt là trung tâm chính của trường phái xét theo lịch sử-ngữ pháp của văn bản khi giải thích, trong khi Alexandria là trung tâm chính của trường phái giải nghĩa ẩn dụ 4 lần. Nestorius cuối cùng bị rút khỏi chức vụ và bị đày.

Tác giả nguyên thủy Điều này chỉ các trước giả thật sự đã viết Kinh thánh.

Giấy chỉ thảo papyrus Đây là một chất liệu dùng để viết lên trên từ Ai-cập. Nó được làm từ những cây sậy bên sông. Nó là chất liệu mà các bản sao cũ Tân ước cũ nhất được viết lên.

Các đoạn đối chiếu Chúng thuộc về khái niệm cho rằng cả Kinh thánh đều được Đức Chúa Trời ban cho và vì vậy chính nó là người giải nghĩa tốt nhất và là người quân bình các lẽ thật nghịch lý trong Kinh thánh. Điều này cũng giúp ích khi chúng ta muốn giải nghĩa một đoạn không rõ ràng. Chúng cũng giúp chúng ta tìm một đoạn nói rõ ràng nhất về một chủ đề nào đó cũng như các khía cạnh khác của Kinh thánh về chủ đề đó.

Diễn ý Đây là một lý thuyết dịch Kinh thánh. Việc dịch Kinh thánh có thể được xem xét trên một dãy đánh giá từ quan điểm ‘dịch từng chữ’, tức là mỗi chữ tiếng Hy-lạp hay Hê-bơ-rơ đều phải có một chữ tiếng Anh tương đương, đến quan điểm “dịch ý” tức là chỉ dịch ý tưởng mà không chú trọng nhiều đến từ ngữ hoặc cụm từ nguyên gốc. Ở giữa hai lý thuyết này là quan điểm dịch “thoát tương đương” là nỗ lực xem xét bản nguyên gốc một cách nghiêm túc, nhưng dịch bằng các dạng và thành ngữ của ngữ pháp hiện đại. Phần bàn luận rất tốt về lý thuyết các bản dịch được tìm thấy trong sách của Fee và Stuart *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 35.

Đoạn văn Đây là một đơn vị ngữ văn giải nghĩa cơ bản trong văn xuôi. Nó bao gồm một ý tưởng chính và sự phát triển của ý đó. Nếu chúng ta giữ lấy điểm chính của nó thì chúng ta sẽ không tập trung vào những điểm phụ và đánh mất đi ý định của tác giả nguyên thủy.

Chủ nghĩa địa phương hẹp hòi (parochialism) Điều này chỉ các thành kiến bị khóa trong các bối cảnh thần học/văn hóa địa phương. Nó không nhận ra tính xuyên văn hóa của các lẽ thật Kinh thánh và sự ứng dụng của nó.

Nghịch lý Nó chỉ những lẽ thật dường như đối lập nhau, nhưng cả hai đều đúng, mặc dù có sự căng thẳng với nhau. Chúng hình thành lẽ thật bằng việc trình bày nó từ hai phía đối nghịch nhau. Nhiều lẽ thật Kinh thánh được trình bày theo cặp nghịch lý (biện chứng). Các lẽ thật Kinh thánh không phải là những ngôi sao đơn chiếc, nhưng là một chùm các ngôi sao làm thành các mô hình khác nhau.

Plato ông là một trong các triết gia của Hy-lạp cổ đại. Triết lý của ông ảnh hưởng rất lớn lên Hội thánh đầu tiên qua các học giả ở Alexandria, Ai-cập và sau này là Augustine. Ông cho rằng mọi vật trên thế gian này là ảo ảnh và chỉ là bản sao của một nguyên mẫu thuộc linh (spiritual archetype). Các thần học gia sau này đã đặt “dạng thức/ý tưởng” của Plato ngang hàng với phương diện thuộc linh.

Giả định trước Điều này chỉ sự hiểu biết vốn có của chúng ta về một vấn đề. Thông thường chúng ta hình thành ý kiến và phán quyết về một số vấn đề trước khi chúng ta tiếp cận Kinh thánh. Giả định trước này gọi là thành kiến, một luận điểm tiên nghiệm, một giả định hay một nhận biết có từ trước.

Lấy Kinh thánh chứng minh (Proof-texting) Đây là cách giải thích Kinh thánh bằng việc trưng dẫn một câu mà không quan tâm đến bối cảnh gần và xa trong một đơn vị ngữ văn. Điều này tách rời các câu Kinh thánh khỏi ý định của tác giả nguyên thủy và thường là nỗ lực chứng minh một ý kiến cá nhân trong khi muốn khẳng định thẩm quyền Kinh thánh.

Do thái giáo theo các Rabi Đây là giai đoạn cuộc sống của những người Do thái sau thời kỳ lưu đày ở Ba-by-lôn (586-538 TCN). Khi ảnh hưởng của các thầy tế lễ và đền thờ bị lấy đi, các nhà hội địa phương trở thành trung tâm cuộc sống của người Do thái. Những trung tâm địa phương mang tính văn hóa, giao lưu, thờ phượng và học Kinh thánh của Do thái này trở thành điểm tập trung của cuộc sống tôn giáo của quốc gia. Trong thời Chúa Giê-sus “tôn giáo của các thầy dạy luật này” tương đương với tôn giáo của các thầy tế lễ. Khi Giê-ru-salem thất thủ vào năm 70 SCN, các thầy dạy luật, áp đảo bởi những người Pha-ri-si, đã điều khiển đời sống tôn giáo của người Do thái. Đặc điểm của nó là sự giải nghĩa Torah một cách thực dụng, trọng luật pháp như đã được giải thích trong truyền thống truyền miệng (bản Talmud).

Khải thị Đây là chữ dùng để chỉ khái niệm cho rằng Đức Chúa Trời đã phán với con người. Khái niệm đầy đủ

của nó thường được thể hiện qua 3 từ ngữ: (1) mặc khải- Đức Chúa Trời đã hành động trong lịch sử con người; (2) sự linh cảm- Ngài đã ban sự giải nghĩa thích hợp về những hành động và ý nghĩa của nó cho một số người được chọn để ghi lại cho con người; và (3) soi sáng- Ngài đã ban Thánh Linh để giúp con người hiểu sự tự bày tỏ của Ngài.

Ngữ nghĩa học Điều này chỉ toàn bộ phạm vi ý nghĩa liên hệ đến một từ. Chủ yếu nó là những ý nghĩa của một từ trong các ngữ cảnh khác nhau.

Bản Bảy Mươi (LXX) Đây là tên của bản dịch tiếng Hy-lạp Kinh thánh Cựu ước. Truyền thuyết cho rằng nó được viết trong 70 ngày bởi 70 học giả người Do thái cho thư viện Alexandria, Ai-cập. Thời điểm theo truyền thuyết là khoảng năm 250 TCN (trên thực tế có thể phải mất khoảng hơn 100 năm để hoàn tất). Bản dịch này là quan trọng bởi vì (1) nó cung cấp cho chúng ta một bản văn cổ để so sánh với bản Masoretic Text; (2) nó cho chúng ta biết về các cách giải nghĩa của người Do thái vào thế kỷ thứ 2 và 3 TCN; (3) nó cho chúng ta biết sự hiểu biết về Đấng Mết-si-a của người Do thái trước khi họ từ chối Chúa Jêsus. Nó được viết tắt là “LXX.”

Bản Sinaiticus Đây là bản văn Hy-lạp ở thế kỷ thứ 4 SCN. Nó được tìm thấy bởi một học giả người Đức tên là Tischendorf, tại Tân Ước viện thánh Catherine ở Jebel Musa, theo truyền thuyết là núi Si-nai. Bản văn này được gọi theo ký tự đầu tiên của tiếng Hê-bơ-rơ gọi là “*aleph*” (a). Nó chứa đựng cả Cựu và toàn bộ Tân ước. Nó là một trong những bản văn bằng chữ viết hoa (uncial) cổ nhất của chúng ta.

Thiêng liêng hóa (Spiritualizing) Đây là thuật ngữ đồng nghĩa với việc ngụ ngôn hóa trong ý nghĩa là nó lấy đi bối cảnh ngữ văn và bối cảnh lịch sử khỏi đoạn văn và giải nghĩa trên cơ sở của những tiêu chuẩn khác.

Đồng nghĩa Chữ này chỉ những từ ngữ có ý nghĩa rất sát hoặc tương tự (mặc dù trên thực tế không có hai chữ nào lại có một sự trùng lặp hoàn toàn về mặt ngữ nghĩa). Chúng rất gần nhau đến nỗi chúng có thể thay thế cho nhau trong một câu mà không làm mất đi ý nghĩa của nó. Nó cũng được dùng để chỉ một trong 3 dạng của hình thức văn thơ song song trong tiếng Hê-bơ-rơ. Trong ý nghĩa này, nó chỉ hai hai dòng thơ diễn tả cùng một lẽ thật (Thi-thiên 103:3).

Cú pháp Đây là thuật ngữ Hy-lạp dùng để chỉ cấu trúc của một câu. Nó liên hệ đến cách các phần của một câu ghép lại với nhau để tạo nên một ý tưởng hoàn chỉnh.

Thần học hệ thống Đây là một giai đoạn giải nghĩa tìm cách liên hệ các lẽ thật Kinh thánh lại với nhau một cách thống nhất và hợp lý. Nó là một sự trình bày lô-gích, hơn là chỉ mang tính lịch sử, về thần học Cơ-đốc theo từng phân loại (Đức Chúa Trời, con người, tội lỗi, sự cứu rỗi, câuv...).

Bản Talmud Đây là tên gọi cho bản luật lệ của Truyền thống truyền miệng Do thái (Jewish Oral Tradition) . Người Do thái tin rằng Chúa đã ban những điều này cho Môi-se trên núi Si-nai qua cách truyền miệng. Trên thực tế, nó dường như là một tuyển tập các tri thức khôn ngoan của những thầy dạy luật Do thái qua nhiều thế hệ. Có hai ấn bản Talmud: bản Babylonian và một bản ngắn hơn, chưa hoàn tất là bản Palestinian.

Phê bình văn bản (Textual criticism) Đây là phương pháp nghiên cứu các bản văn Kinh thánh. Phương pháp phê bình văn bản là cần thiết bởi vì không có một bản nguyên thủy nào hiện hữu và các bản sao thì khác nhau. Nó nỗ lực giải thích những sự khác nhau này để đi đến càng gần với bản viết tay nguyên thủy của Cựu và Tân ước hơn. Nó cũng được gọi là “hạ phê bình.”

Bản chuẩn Textus Receptus Từ ngữ này xuất hiện trong ấn bản Kinh thánh Tân ước bằng tiếng Hy-lạp của Elzevir vào năm 1633 SCN. Về cơ bản nó là một dạng Tân ước Hy-lạp được thực hiện từ một số bản Hy-lạp sau này, bản Latin của Erasmus (1510-1535), Stephanus (1546-1559) và Elzevir (1624-1678). Trong cuốn *An Introduction to the Textual Criticism of the Tân Ước* trang 27, A.T. Robertson nói rằng, “bản Byzantine

thực ra là bản Textus Receptus.” Bản Byzantine là bản có ít giá trị nhất trong ba họ các bản tiếng Hy-lạp (Western, Alexandria và Byzantine). Nó chứa đựng sự kết tụ của những sai sót qua nhiều thế kỷ chép tay. Tuy nhiên, A. T. Robertson cũng nói rằng, “bản Textus Receptus đã bảo tồn cho chúng ta một bản văn khá chính xác.” (trang 21). Bản Hy-lạp này (đặc biệt là ấn bản thứ ba của Erasmus năm 1522) hình thành nên phần cơ bản của bản King Gia-cơ năm 1611.

Torah Đây là chữ Hê-bơ-rơ có nghĩa là “dạy.” Nó dần dần trở nên tên chính thức để chỉ các sách của Môi-se (từ Sáng thế ký đến Phục truyền luật lệ ký). Đối với người Do thái, đây là phần Kinh thánh Hê-bơ-rơ có thẩm quyền nhất.

Hình bóng học Đây là một cách giải nghĩa mang tính chuyên biệt. Thông thường nó bao gồm lễ thật Tân ước được tìm thấy trong các đoạn văn Cựu ước qua các hình tượng ẩn dụ. Cách giải nghĩa này là yếu tố chính của trường phái Alexandria. Bởi vì có người lạm dụng hình thức giải nghĩa này, chúng ta phải giới hạn sự sử dụng của nó trong các ví dụ cụ thể có trong Tân ước.

Bản Vaticanus Đây là bản Hy-lạp ở thế kỷ thứ 4 SCN. Nó được tìm thấy trong thư viện của Vatican. Theo nguyên gốc, nó chứa đựng toàn bộ Cựu ước, Ngũ kinh và Tân ước. Tuy nhiên, một vài phần đã bị mất (Sáng thế ký, Thi-thiên, Hê-bơ-rơ, thư tín mục vụ, Phi-lê-môn và Khải huyền). Nó là một bản văn rất có ích giúp cho việc xác định từ ngữ có trong bản viết tay nguyên thủy. Nó được đặt tên là “B.”

Bản Vulgate Đây là tên của bản dịch Kinh thánh bằng tiếng Latin của Jerome. Nó trở thành bản dịch căn bản hay “thông dụng” cho Giáo hội Công giáo La mã. Nó được thực hiện vào khoảng năm 380 SCN.

Văn chương khôn ngoan Đây là một thể loại văn chương thông dụng trong vùng Cận đông cổ (và thế giới hiện đại). Nó là một nỗ lực khuyên dạy thế hệ mới bằng những hướng dẫn để sống thành công qua văn thơ, châm ngôn, các bài viết. Nó viết cho một cá nhân hơn là cho cả một tập thể xã hội. Nó không dùng lịch sử để ám chỉ, nhưng dựa trên kinh nghiệm cuộc sống và quan sát thực tế. Trong Kinh thánh, sách Gióp và Nhã ca công nhận sự hiện diện và thờ phượng Đức Giê-hô-va, nhưng quan điểm tôn giáo này không phải lúc nào cũng hiện rõ trong các kinh nghiệm của con người.

Là một thể loại văn chương, nó chuyển tải các lễ thật. Tuy nhiên, thể loại này không thể được sử dụng trong mọi trường hợp. Những câu vấn này là các câu nói bao quát không phải lúc nào cũng áp dụng được cho mọi trường hợp cá nhân của mỗi người.

Những nhà hiền triết này đã dám đặt ra những câu hỏi khó về cuộc sống. Thông thường họ thách thức các quan điểm tôn giáo truyền thống (sách Gióp và Truyền đạo). Chúng tạo một sự cân bằng và căng thẳng cho những câu trả lời quá hời hợt về các thảm trạng của cuộc sống.

Thế giới hình (world picture) và thế giới quan (worldview) Đây là hai từ ngữ đi chung với nhau. Chúng là những khái niệm triết học liên quan đến sự tạo hóa. Chữ “thế giới hình” chỉ “cách thức” của tạo hóa trong khi chữ “thế giới quan” chỉ “Chủ thể là ai.” Đây là những từ cần thiết để giải nghĩa Sáng thế ký 1-2 là những đoạn đề cập chủ yếu đến Chủ thể, chứ không phải là cách thức, của tạo hóa.

Đức Giê-hô-va **Đức Giê-hô-va** Đây là tên giao ước của Đức Chúa Trời trong Cựu ước. Nó được định nghĩa trong Xuất Ê-díp-tô ký 3:14. Đây là DẠNG NGUYÊN NHÂN (CAUSATIVE) của từ ngữ “thì, là” trong tiếng Hê-bơ-rơ. Người Do thái sợ phát âm ra chữ này, vì họ có thể bị rơi vào trường hợp lấy danh Chúa làm chơi; vì vậy, họ thể chữ này bằng một chữ Hê-bơ-rơ khác “Adonai,” nghĩa là “Chúa.” Đây là cách tên giao ước này được dịch ra trong tiếng Anh.

LẬP TRƯỜNG VỀ TÍN LÝ

Tôi thực sự không chú tâm lắm đến các tuyên bố về đức tin hay tín lý. Tôi thà xác nhận chính Kinh thánh. Tuy nhiên, tôi nhận thấy rằng một bản tuyên bố về đức tin sẽ cung cấp cho những người không quen biết tôi có một điều gì đó để đánh giá quan điểm về tín lý của tôi. Trong thời đại ngày nay khi có rất nhiều sai lầm và lừa gạt về các vấn đề thần học, tôi đưa ra bản tóm tắt ngắn gọn sau đây để bày tỏ quan điểm thần học của tôi.

1. Kinh thánh, cả Cựu và Tân ước, đều được linh cảm, là lời vô ngộ, có thẩm quyền, là lời hằng sống của Đức Chúa Trời. Nó là sự tự mặc khải của Đức Chúa Trời được con người ghi lại dưới một sự hướng dẫn siêu nhiên. Nó là nguồn duy nhất trình bày lẽ thật rõ ràng về Đức Chúa Trời và mục đích của Ngài. Nó cũng là nguồn duy nhất về đức tin và sự thực hành cho Hội thánh của Ngài.

2. Chỉ có một Đức Chúa Trời đời đời, là đáng tạo hóa và là đáng cứu rỗi. Ngài là đáng tạo ra mọi điều, thấy được và không thấy được. Ngài bày tỏ chính Ngài là một đáng yêu thương và đầy sự quan tâm nhưng Ngài cũng công bằng và công chính. Ngài bày tỏ chính Ngài qua ba thân vị khác nhau: Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh; hoàn toàn riêng biệt nhưng có cùng chung bản chất.

3. Đức Chúa Trời đang tích cực điều khiển thế giới của Ngài. Có một chương trình đời đời cho tạo vật của Ngài là chương trình không thể thay đổi và một chương trình tập trung vào mỗi cá nhân, là chương trình cho con người có sự tự do trong ý chí. Không việc gì xảy ra mà Ngài không biết hay không có phép của Ngài, nhưng Ngài cũng cho phép sự lựa chọn cá nhân trong vòng con người và các thiên thần. Chúa Jêsus là Người Được Chọn của Đức Chúa Cha và mọi người đều có khả năng được lựa chọn trong Ngài. Sự biết trước của Đức Chúa Trời về những sự kiện xảy ra không hề làm giảm đi giá trị của con người như là một tấm giấy đã được viết sẵn lên. Mỗi chúng ta đều phải chịu trách nhiệm về những tư tưởng và hành động của mình.

4. Con người, mặc dù được tạo dựng theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời và được tự do khỏi tội lỗi, đã chọn chống nghịch lại Đức Chúa Trời. Mặc dù bị cám dỗ bởi một tác nhân siêu nhiên, A-đam và Ê-va vẫn phải chịu trách nhiệm về tính tự kỷ có chủ ý của chính họ. Sự chống nghịch của họ đã ảnh hưởng đến con người và tạo vật. Chúng ta thay đều cần sự thương xót và ân điển của Đức Chúa Trời bởi điều kiện chung của chúng ta trong A-đam và bởi sự tự ý chống nghịch của mỗi cá nhân.

5. Đức Chúa Trời đã cung cấp một phương tiện để tha tội và phục hồi sự sa ngã của con người. Chúa Jêsus Christ, Con độc sanh của Đức Chúa Trời, đã trở thành người, sống một cuộc sống vô tội và bởi sự chết thể của Ngài, đã trả án phạt về tội lỗi của con người. Ngài là con đường duy nhất để đem đến sự phục hòa và mối tương giao với Đức Chúa Trời. Không có một phương tiện cứu rỗi nào khác ngoại trừ đức tin nơi công tác đã hoàn tất của Ngài.

6. Mỗi người trong chúng ta phải nhận món quà tha thứ và phục hồi của Đức Chúa Trời trong Chúa Jêsus một cách cá nhân. Điều này được thực hiện qua sự tự nguyện đặt niềm tin nơi lời hứa của Đức Chúa Trời qua Chúa Jêsus và chủ động từ bỏ tội lỗi biết được.

7. Tất cả chúng ta đều được tha tội và phục hồi dựa vào sự tin cậy của chúng ta nơi Đấng Christ và sự ăn năn tội lỗi của mình. Tuy nhiên, bằng chứng về mối liên hệ mới này phải được thấy qua một cuộc sống được thay đổi và đem đến sự thay đổi. Mục đích của Đức Chúa Trời cho con người không phải chỉ là thiên đàng trong một ngày nào đó, nhưng là sự giống với Đấng Christ ngay bây giờ. Những người thật sự được cứu, mặc dù thỉnh thoảng có phạm tội, sẽ tiếp tục sống trong đức tin và sự ăn năn suốt cuộc đời họ.

8. Đức Thánh Linh là “một Jêsus khác.” Ngài hiện diện trong thế giới này để dẫn đưa những người hư mất về với Đấng Christ và bồi đắp sự giống với Đấng Christ càng hơn trong đời sống của những người được cứu. Các ân tứ của Thánh Linh được ban cho ngay trong thời điểm nhận sự cứu rỗi. Chúng là đời sống và mục vụ của Chúa Jêsus phân chia ra giữa vòng thân thể Ngài, tức là Hội thánh. Các ân tứ này về cơ bản là những thái độ và động cơ của Chúa Jêsus cần được thúc đẩy bởi các bông trái Thánh Linh. Thánh Linh đang hoạt động trong thời đại ngày nay cũng như Ngài đã hoạt động trong thời của Kinh thánh.

9. Đức Chúa Cha đã khiến Chúa Jêsus Christ là đáng đã sống lại, làm quan án trên mọi sự. Ngài sẽ trở lại trái đất này để phán xét mọi người. Những ai đã tin cậy nơi Chúa Jêsus và tên của họ đã được ghi vào sách sự sống của Chiên Con sẽ nhận lấy một thân thể vinh hiển đời đời khi Ngài trở lại. Họ sẽ được ở với Ngài luôn luôn. Tuy nhiên, những ai đã khước từ lẽ thật của Đức Chúa Trời sẽ bị phân cách khỏi niềm vui tương giao với Ba Ngôi Đức Chúa Trời đời đời. Họ sẽ bị rửa sạch cùng với ma quỷ và các thuộc hạ của nó.

Rõ ràng đây không phải là một bản tuyên bố hoàn toàn đầy đủ tuyệt đối nhưng tôi hy vọng nó sẽ cho anh chị em biết hương vị thần học từ chính tấm lòng của tôi. Tôi thích câu nói này:

“Trong cốt lõi- là sự hợp nhất, Trong những vấn đề ngoài lề- là sự tự do, Trong mọi điều- là tình yêu thương.”